VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA DÂN GIAN

NGÔ ĐỨC THỊNH - CẦM TRỌNG

LUẬT TỤC THÁI Ở VIỆT NAM

(Customary Law of the Thai in Vietnam)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Luật tục Thái ở Việt Nam

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA DÂN GIAN

LUẬT TỤC THÁI Ở VIỆT NAM

NGÔ ĐỨC THỊNH, CẦM TRỌNG

Sưu tầm, dịch và giới thiệu

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI, 2003

INSTITUTE OF FOLKLORE

CUSTOMARY LAW OF THE THAI IN VIET NAM

By

NGO DUC THINH AND CAM TRONG

PUBLISHED BY THE FORD FOUNDATION

MỤC LỤC

.....oOo.....

Trang

Lời giới thiệu 7

Phần I: Người Thái và Luật tục Thái 13

Phần II: Các văn bản Luật tục Thái ở Tây Bắc..... 57

A. Phần chữ Thái..... 57

B. Phần chữ Việt..... 547

1. Lệ luật người Thái đen ở Thuận Châu..... 551
2. Luật lệ bản mường ở Mai Sơn..... 599
3. Luật mường..... 654
4. Đạo lý làm người..... 705
5. Tục lệ cưới xin 734
6. Tục lệ tang ma..... 871

- Tục lệ tang ma của người Thái Đen..... 871
- Tục lệ tang ma của người Thái Trắng..... 986

CONTENES

.....oOo.....

Page

Intoduction..... 7

Phần I: The Thái and Thái customary law..... 13

Phần II: Texts of Thái customary law..... 57

A. In Thái Languages..... 57

B. In Vietnamese Languages..... 547

1. Customary law of the Thái Đen in Thuận Châu..... 551

2. Customary law of *bản mường* in Mai Sơn..... 599

3. Customary law of *mường*..... 654

4. Code of conduct..... 705

5. Custom of marriage..... 734

6. Custom of funeral..... 871

- Custom of the Thái Đen..... 871

- Custom of the Thái Trắng..... 986

LỜI GIỚI THIỆU

Sách này tập hợp những tài liệu về luật tục của đồng bào Thái mà các soạn giả Ngô Đức Thịnh và Cầm Trọng đã sưu tập được.

Trong bài viết tiểu luận mở đầu tập sách, các soạn giả đã trình bày một cách tinh giản nhiều vấn đề cơ bản liên quan đến xã hội Thái và Luật Tục Thái.

Đáng chú ý là các tài liệu được tập hợp ở đây không phải đều là luật tục truyền miệng mà một số là luật tục đã được viết thành văn (có thể được hàng trăm năm rồi).

Ở nước ta, từ lâu đã có luật thành văn do Nhà nước soạn thảo nên. Đó là bộ *Hình Thư* của triều Lý (bắt đầu được soạn thảo năm 1042 và hoàn thành năm 1059). Đó là bộ *Quốc triều hình luật* của triều Trần (được soạn thảo năm 1230 và được bổ sung dần trong các thế kỷ XIII, XIV). Đó là bộ *Lê triều hình luật* của triều Lê (bao gồm bộ *Luật Hồng Đức* được soạn thảo trong đời Lê Thánh Tông, nửa thứ hai thế kỷ XV, và được bổ sung dần trong các thế kỷ XVI, XVII, XVIII). Đó là bộ luật của triều Nguyễn (bao gồm bộ *Luật Gia Long* được soạn thảo hồi đầu thế kỷ XIX và các điều khoản được bổ sung thêm trong suốt triều Nguyễn).

Xưa kia, các bộ luật thành văn như thế được áp dụng trong toàn bộ lãnh thổ nước ta. Các luật tục của các dân tộc thiểu số thì được Nhà nước

vận dụng để bổ xung cho luật thành văn khi cần xử lý những vấn đề pháp lý liên quan đến những điều kiện đặc thù của các dân tộc thiểu số.

Hầu hết các luật tục của các dân tộc thiểu số được lưu hành dưới hình thức truyền miệng và được sắp xếp thành từng đoạn với những câu có vần vè, có nhịp điệu. Sắp đặt như thế một phần là để cho dễ nhớ nhưng có lẽ là để tạo nên sự cách điệu nghiêm trang cho luật tục.

Với sự phát triển của lịch sử thì ở một số dân tộc thiểu số luật tục vốn được truyền miệng từ đời trước lại, dần dần được văn bản hoá. Và thế là luật tục đã tiến dần lên với nội dung và hình thức được cố định hoá hơn trước. Điều này phản ánh bước tiến của tổ chức cộng đồng xã hội lên trình độ chặt chẽ hơn, tinh vi hơn. Có thể nói rằng việc xuất hiện luật tục dưới hình thức luật thành văn phản ánh sự phát triển của dân tộc Thái lên một trình độ tổ chức xã hội cao hơn so với nhiều dân tộc thiểu số khác.

Ở nước ta, cho đến gần đây nhiều dân tộc thiểu số vẫn còn ở trình độ xã hội bộ lạc (société tribale) với công xã thị tộc hoặc công xã láng giềng, và tổ chức xã hội lớn nhất ở các dân tộc thiểu số ấy là buôn, bản, pley, v.v... Trong khi đó thì có một số dân tộc thiểu số đã tiến lên chế độ phong kiến sơ kỳ. Dân tộc Thái là một dân tộc như thế. Và chính vì dân tộc Thái đã phát triển lên một trình độ xã hội cao hơn trước mà dần dần trong luật tục đã có những bộ phận được văn bản hoá, nói một cách khác đã có một phần của luật tục dần dần tiến lên trên con đường trở nên luật thành văn.

Qua luật tục Thái có thể thấy rằng với trình độ cao hơn của xã hội thì các mối quan hệ xã hội lại ngày càng phức tạp hơn. Và trong luật tục Thái được sưu tập ở đây đã có sự phân biệt rạch ròi 47 loại người và 17 loại tội phạm trong xã hội.

Luật tục Thái và luật của xã hội phong kiến sơ kỳ với uy quyền rất

lớn của chúa đất mà cao nhất là *án nha.* Chúa đất "*án nha*" lại đồng thời là lãnh chúa phong kiến của một địa vực tương đương với đơn vị hành chính là một châu của nước ta ngày trước. *Án nha* cai quản nhiều *bản mường* với bộ máy chức dịch được tổ chức tương đối chặt chẽ.

Trong khi đặt lên hàng đầu việc khẳng định quyền lợi và uy thế của chúa đất và các loại chức dịch, luật tục Thái cũng quan tâm đến việc xử lý các mối quan hệ xã hội khác. Qua luật tục Thái có thể thấy rằng nhiều thiết chế của chế độ cộng sản nguyên thuỷ vẫn còn để lại nhiều ảnh hưởng. Về danh nghĩa thì tất cả đất đai, ruộng nương, nguồn nước, núi rừng đều thuộc quyền sở hữu công cộng. Mọi người đều tuỳ theo thân phận khác nhau mà được phân phối theo định kỳ để khai thác những tài sản ấy. Tất nhiên một phần những sản phẩm khai thác được phải nộp cho chúa đất và các loại chức dịch từ cao đến thấp. Và nói chung, nông dân, tức đại đa số cư dân với các thân phận khác nhau như *pay, tay, cuông nhốc, côn hươn* bị bóc lột và áp bức về nhiều phương diện.

Cùng với việc xử lý các mối quan hệ xã hội, luật tục Thái lại rất quan tâm đến việc xử lý các mối quan hệ gia đình và dòng họ. Xã hội Thái đã chuyển sang chế độ gia đình phụ quyền từ lâu (có lẽ cùng một thời với việc chuyển sang xã hội phong kiến sơ kỳ). Trong chế độ gia đình này, người ta phân biệt rất rõ các mối quan hệ họ hàng như *ải nọng, lung ta, nhinh xao.* Các quan hệ này mang đậm dấu vết của thời kỳ liên minh ba thị tộc có quan hệ hôn nhân với nhau.

Trong luật tục Thái việc coi trọng vai trò của ông cậu phản ánh sự bảo lưu ở mức khá đậm nét chế độ quyền ông cậu (avunculat), tức là một biểu hiện của chế độ gia đình mẫu quyền.

Như vậy khi xem xét luật tục Thái thì có thể thấy rằng xã hội Thái đã chuyển sang chế độ phong kiến sơ kỳ với việc xác lập quyền lực của lãnh chúa phong kiến nhưng vẫn còn bảo lưu một phần thiết chế

của công xã thị tộc nguyên thuỷ (quyền khai thác chung ruộng đất, núi rừng, nguồn nước, v.v...), đã chuyển sang chế độ gia đình phụ quyền nhưng vẫn còn bảo lưu một phần thiết chế của gia đình mẫu quyền (quyền ông cậu).

Luật tục Thái không những tìm cách xử lý những mối quan hệ gia đình và xã hội, tức là những mối quan hệ giữa con người với con người mà lại còn tìm cách xử lý những mối quan hệ giữa xã hội con người với xã hội linh thiêng. Có thể thấy điều đó phổ biến ở khắp nơi trên thế giới. Luật tục của người theo đạo Do Thái được thể hiện theo Kinh Talmud, luật tục của người theo đạo Kitô được thể hiện trong Kinh Thánh (Bible), luật tục của người theo đạo Hồi được thể hiện trong Kinh Coran. Qua các loại luật tục ấy có thể thấy luật tục không những chỉ quan tâm tới các mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cộng đồng này với cộng đồng khác trong xã hội loài người mà còn quan tâm xử lý mối quan hệ giữa thế giới trần tục và thế giới linh thiêng, giữa con người và thần linh.

Trong luật tục nói chung, việc quan tâm với thế giới thần linh (ở bên trên hoặc bên cạnh thế giới bên con người) lại bao hàm cả mối quan tâm tới môi trường thiên nhiên trong đó cũng tồn tại con người và thần linh. Vì vậy luật tục rất có ảnh hưởng tới thái độ của con người đối với môi trường thiên nhiên: trời đất, núi sông, rừng rú và muôn loài sống trong thiên nhiên. Đó đều là những nội dung cần chú ý trong luật tục của dân tộc Thái cũng như của các dân tộc thiểu số nói chung.

Luật tục của dân tộc Thái cũng giống như của bất cứ dân tộc nào không phải chỉ quan tâm tới việc trừng phạt tội ác, thi hành công lý mà hơn thế đã quan tâm nhiều tới việc ngăn ngừa tội ác. Luật tục nào thì cũng bao hàm những lời khuyên răn, động viên làm điều tốt, ngăn cản làm điều ác. Trong tập luật tục Thái này có một phần quan trọng dành cho việc răn dậy đạo lý, nhan đề là *Quam son côn*, nghĩa là đạo lý làm

người. Cũng như ở các dân tộc khác, luật tục của người Thái là tấm gương phản ánh nhiều mặt của đời sống: môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội, thế giới trần tục và thế giới linh thiêng, quan hệ sản xuất và phân phối trong xã hội, quan hệ ứng xử trong gia đình và dòng họ, tổ chức chính trị xã hội, tín ngưỡng và tôn giáo, luật pháp và đạo đức, v.v... Có thể nói rằng nếu cần xây dựng một bộ bách khoa thư về dân tộc Thái thì nhất thiết phải khai thác được nội dung rất phong phú, đa diện và đa dạng của luật tục Thái.

Luật tục Thái còn phản ánh các sự chuyển động của cư dân Thái dọc theo hai con sông Đà và sông Thao suốt trong thời kỳ trung cổ cho đến thời kỳ cận đại. Và do đó những tài liệu trong luật tục Thái tất nhiên là rất có ích cho việc nghiên cứu địa lý lịch sử (géographie historique) của vùng Tây Bắc nước ta.

Như đã trình bày ở trên, qua luật tục Thái có thể thấy xã hội Thái đã chuyển sang chế độ phong kiến sơ kỳ với việc manh nha bộ máy "Nhà nước" mà tổ chức cao nhất là châu do *ấn nha* đứng đầu. Như vậy là bộ máy "Nhà nước" mới chỉ vươn lên quản lý địa vực một châu ở miền Tây Bắc. Bộ máy "Nhà nước" của dân tộc Thái không vươn lên một trình độ tổ chức cao hơn, vì đã từ lâu bộ máy ấy được thống thuộc vào Nhà nước Đại Việt.

Có những truyền thuyết từ thời kỳ Hùng Vương kể về những chiến công của thần Tản Viên và nhiều vị tướng khác của Vua Hùng ở Quỳnh Nhai, thuộc vùng Tây Bắc. Tất nhiên là khó tin ở sự chính xác của các truyền thuyết ấy. Dù sao, qua đó lại có thể thấy rằng trong ý thức của nhân dân ta thì từ ngọn nguồn của lịch sử vùng Tây Bắc đã thuộc về đất nước ta.

Trong đời Trần, Nhà nước Đại Việt đã được các lãnh chúa ở Tây Bắc tuân phục và giúp đỡ đắc lực để đối phó với mũi tiến công của giặc Nguyên Mông từ Vân Nam đánh sang, dọc theo sông Thao. Bài *Thiên Hưng trấn phú* của Nguyễn Bá Thông (thế kỷ XIV) ca ngợi cảnh

hùng vĩ và giàu đẹp của cả vùng Tây Bắc cũng như vai trò của vùng này trong việc giúp Trần Nghệ Tông chấn chỉnh lại Nhà nước sau 1 cuộc loạn lớn lúc bấy giờ. Đến thế kỷ XV, sau khi quét sạch giặc Minh khỏi đất nước ta, Lê Thái Tổ đã lên kinh lý vùng Tây Bắc và cho khắc văn bia trên một quả núi lớn ở Lai Châu để khẳng định chủ quyền của Nhà nước Đại Việt ở đó.

Chủ quyền ấy lại đã được các luật tục Thái (sưu tập ở đây) nhắc lại, thí dụ như đến việc người Thái tuân theo các vua Kinh như Lê Hồng Thuận và Nguyễn Minh Mệnh.

Nghiên cứu luật tục Thái thì có thể thấy rằng tuy dân tộc Thái cho mãi đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX vẫn còn ở trình độ xã hội phong kiến sơ kỳ, nhưng bộ máy chính trị của xã hội phong kiến sơ kỳ ấy lại sớm được thống thuộc vào Nhà nước Đại Việt.

Nghiên cứu luật tục Thái thì có thể thấy rằng tuy mang những sắc thái dân tộc độc đáo, người Thái từ lâu đã có ý thức rất rõ rằng mình thuộc cộng đồng các dân tộc Việt Nam, rằng mình là một bộ phận không thể tách rời được của cộng đồng ấy.

Giáo sư Đinh Gia Khánh

PHẦN THỨ NHẤT

DÂN TỘC THÁI
VÀ
LUẬT TỤC THÁI

I. DÂN TỘC THÁI

Dân tộc Thái ở Việt Nam có 1.328.725 người (theo thống kê điều tra dân số năm 1999), phân chia thành hai ngành, mỗi ngành có những nhóm địa phương:

1. Ngành Thái Đen (Tay Đăm)

Người Thái Đen cư trú ở tỉnh Sơn La; các huyện Tuần Giáo, Điện Biên, một phần huyện Phong Thổ, Sình Hồ, tỉnh Lai Châu. Nhóm Địa phương tự nhận mình là *Thái Đen (Tay Đăm)* có: Tay Mường Vạt (Tay Vạt) ở huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; người có tên Tay Thanh (Tay Nhại).

2. Ngành Thái Trắng (Tay Đón hay Tay Khao)

Trong ngôn ngữ Thái hai từ ĐÓN và KHAO đều mang một nghĩa là TRẮNG. Ngành *Thái Trắng* phân chia thành hai nhóm địa phương:

- *Nhóm địa phương tự nhận* tên Tay Đón thì có ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; các huyện: Mường Lay, Phong Thổ, Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- *Nhóm địa phương tự nhận* tên Tay Khao thì có ở huyện Phù Yên, Mộc Châu, tỉnh Sơn La liền một dải đến huyện Mai Châu và Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình; những người mang tên *Tay Dọ* hay *Tay Mương* (Hàng Tổng) ở miền tây tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An. Tay Mươi, Tay Khăng ở miền tây tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An. Nếu lấy tên tự nhận *Tay Khao* làm chuẩn thì chắc chắn còn phải kể tới nhóm địa phương hiện nay đã phân nhập vào dân tộc Tày cư trú ở miền lưu vực sông Thao - (Hồng) thuộc các tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang và miền tây tỉnh Cao Bằng(!).

HÌNH THÁI KINH TẾ

Định hướng tác động trong khai thác tự nhiên của truyền thống Thái là đồng ruộng thung lũng lòng chảo và nương rẫy trên sườn núi.

Bình nguyên thung lũng thông thường được tạo bởi một hay nhiều dòng suối, sông con và các chi lưu của nó. Bám trụ trong điều kiện tự nhiên như thế, dân tộc này đã tạo ra được đồng ruộng lúa *(na. tông na)* với biện pháp dẫn thủy nhập điền, được đúc kết như một thành ngữ: MƯƠNG, PHAI, LÁI, LIN. Đó chính là bốn cách biến dòng chảy tự nhiên thành nguồn nước tưới và tiêu nước cho toàn bộ đồng ruộng mà ta có thể tóm tắt - khơi các dòng *mương* dẫn nước; đắp đập ngăn dòng chảy để dâng cho nước chảy vào *mương*; kiến tạo các cọn nước, dẫn dòng chảy qua các chướng ngại vật và nắn lại dòng chảy cho thích hợp, lập một hệ thống máng dẫn nước.

Thái cũng là một dân tộc sớm biết dùng trâu kéo cày. Ngày nay, do học được người Kinh, người ta đã bắt đầu dùng cả bò kéo. Tuy rất hiếm, nhưng chúng ta cũng có thể bắt gặp ở đâu đó lối canh tác cổ xưa mà thuật ngữ khoa học hay dùng là: "hoả canh thuỷ nậu" - phát đốt, be bờ, cho ngập nước, dùng trâu súc thành bùn để cấy lúa.

Xưa vùng Thái chỉ cấy một vụ lúa nếp. Nay do học được người Kinh, người ta đã bỏ lúa nếp để chuyển sang làm hai vụ cấy tẻ.

Bên cạnh ruộng, người Thái vẫn làm nương *(hay)* theo phương pháp: phát, đốt, chọc lỗ tra hạt, luân canh, bỏ hoá trong vòng khép kín. Ngày nay do việc bảo vệ rừng được đặt ra một cách ráo riết nên việc làm nương theo phương pháp này đã dần dần bỏ để thay vào đó là việc phát triển các cây có giá trị hàng hóa cao để tăng thu nhập trong cơ chế thị trường có sự lãnh đạo của cấp uỷ và chính quyền địa phương.

Ngoài việc làm ruộng nương, các gia đình nông dân Thái đều chăn nuôi; trong đó gia cầm thì chú trọng việc nuôi gà, vịt và gia súc thì có trâu và lợn... Các gia đình Thái còn tiến hành làm các nghề phụ; trong đó, đàn ông thì đan lát và đan chài, đàn bà thì dệt vải và thêu thùa. Sản phẩm là những tấm thổ cẩm nhiều mầu sắc hoa văn khá đẹp mắt. Nhu cầu về vải ở người Thái rất cao nên người phụ nữ phải suốt đời gắn với nghề dệt. Xưa ở một số nơi như Mường Chanh còn tiến hành làm đồ gốm.

Xưa, vùng Thái ít chợ búa nên việc trao đổi hàng hóa thường bị hạn hẹp, phát triển ở mức thấp - hàng đổi hàng. Ngày nay, tình trạng đó đã không còn nữa. Các gia đình nông dân Thái đã dần dần ý thức được việc phải kiếm ra đồng tiền để có thể thay thế cho kinh tế tự nhiên, tự túc tự cấp.

VĂN HÓA VẬT CHẤT

Người Thái ở nhà sàn làm bằng gỗ, tre lợp bằng gianh, rất chắc chắn và đẹp mắt. Về hình thể có thể phân chia các loại nhà sàn Thái thành ba loại. Một là, nhà sàn kiểu người Thái Đen với mái cấu tạo khum tròn, hình mai rùa, hai bên nóc hồi có điêu khắc trên đôi tấm ván gỗ ghép, vừa để chặn gianh lợp vừa để trang trí đẹp mắt gọi là *khau cút* (hiện nay, kiến trúc kiểu này đã được dựng ở trong nhà Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam - Hà Nội). Hai là, nhà sàn kiểu người Thái Trắng ở Lai Châu với kiểu kiến trúc theo giải pháp mặt bằng hình chữ nhật gần vuông, có lan can chạy trước hoặc xung quanh nhà, bốn mái vuông che bốn phía đều đặn. Ba là, nhà sàn gần với văn hóa kiến trúc truyền thống của người Mường như ở người Thái vùng Phù Yên (Sơn La), miền tây hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An.

Mỗi một nếp nhà sàn là một đơn vị gia đình. Tuyệt đại bộ phận là gia đình hạt nhân một vợ một chồng. Song cũng không ít những nhà là đơn vị gia đình lớn gồm vợ chồng con trai và bố mẹ già. Thảng hoặc cũng có nhà lớn chứa đựng nhiều thế hệ người trong một đơn vị gia đình dòng cha. Các nóc nhà như thế quần tụ thành đơn vị dân gọi là *bản*. *Bản* truyền thống Thái cư trú theo mật tập.

Các nhóm Thái có trang phục về cơ bản giống nhau. Trong đó cách ăn mặc của nam giới không có những nét đặc trưng bằng nữ giới. Nữ giới mặc váy và nhiều kiểu áo được phân thành ba loại: 1) loại cổ theo lối "áo chui đầu" (poncho), 2) loại xẻ ngực, 3) loại xẻ nách. Sự khác nhau về trang phục giữa các nhóm Thái về chi tiết là do ảnh hưởng qua lại của các dân tộc xung quanh. Khi hội hè, tế lễ, phụ nữ Thái mặc áo dài chui đầu rộng dài quá gót chân. Đây là một loại áo hiếm thấy. Do

ảnh hưởng âu phục nên người Thái Trắng Lai Châu đã cải tiến áo này thành y phục nữ khá đẹp mắt.

Trang phục nữ Thái gọn, không cầu kỳ. Khi vận váy, áo đã làm nổi bật đường nét của cơ thể phái đẹp thật hấp dẫn. Mầu sắc được sử dụng rất khéo. Trên nền đen hay trắng, áo điểm hàng khuy bạc chạm trổ tinh vi. Gấu váy, có nơi dệt hoa văn trang nhã, mang phong tục riêng của dân tộc và địa phương rõ rệt.

Thức ăn chính của đồng bào là gạo nếp đồ thành xôi, nay là cơm tẻ. Cơm xôi ăn cùng rau và cá là thức ăn chính. Đồng bào ưa ăn cá và ếch, nhái. Nhiều loại côn trùng như: ong non, trứng kiến,... cũng trở thành thức ăn trong bữa. Đồng bào ít ăn thức ăn luộc mà hay đồ. Họ thích ăn các vị chua, đắng, cay, hay ăn sống hoặc tái với nhiều loại gia vị thơm ngon. Mắm cá là món ăn nổi tiếng của người Thái. Khi tiếp khách, hội hè, cưới xin, cúng bái..., đồng bào hay uống rượu trắng *(lẩu xiêu)* làm bằng gạo, ngô, sắn và các thứ của và cây trong rừng đã từ lâu được chọn. Rượu cần *(lẩu xá)* thường được dùng trong các dịp hội hè tế lễ. Đồng bào ưa hút thuốc lào. Chiếc điếu cày dài, to, có nhiều nước, hút nhẹ. Phụ nữ ít ăn trầu.

Ngày xưa, vùng Thái chỉ có đường mòn hoặc các đường nhỏ nên phương tiện vận chuyển phần lớn đều dùng sức người hoặc ngựa. Trên sông Đà, sông Mã người ta cũng hay vận chuyển bằng thuyền. Ở người Thái Trắng - Lai Châu, trước khi con trai lấy vợ thường buộc phải lên rừng lấy gỗ đóng thuyền độc mộc cho mình. Thuyền đuôi én của vùng Thái Trắng khá nổi tiếng trong việc chuyên trở người và hàng hóa vượt các thác ghềnh. Ngày nay, giao thông đã phát triển, người ta đã bỏ hẳn việc đi ngựa mà thay thế vào đó là xe đạp, xe máy, ô tô và máy bay.

QUAN HỆ XÃ HỘI

A. Bản Mường

Tổ chức xã hội theo truyền thống Thái được mang tên là *bản*

mường. Thuật ngữ này nếu tách đôi thì sẽ gồm hai đơn vị xã hội là *bản* và *mường*. Trước năm 1954, ở riêng vùng Tây Bắc còn giữ nguyên cơ cấu xã hội mang tên *bản mường*.

I. Bản có hai đặc trưng cơ bản:

1) Được hình thành trong lịch sử tộc người *bản* là đơn vị tổ chức cư dân ổn định có ranh giới đất đai rõ rệt. Cộng đồng lãnh thổ như thế đã in hằn thành khái niệm trong ý thức hệ truyền thống nên mới có thuật ngữ biểu thị là "đất *bản*" *(đin bản)*. Người Thái cho rằng *bản* nhỏ nhất tối thiểu có hai nóc nhà tức hai gia đình và lớn nhất phải có vài trăm, trung bình là ba, bốn chục nóc nhà.

Đất *bản* bao gồm các vùng tự nhiên như sau:

- Phạm vi đất thung lũng được tưới và bồi đắp bởi phù sa sông suối, đủ điều kiện để khai phá thành đồng lúa. Theo luật tục, đất ruộng đồng có đường ranh giới tự nhiên và minh bạch nên bất khả xâm phạm. Với ý nghĩa đó chữ *bản* bao giờ cũng được người ta gắn với chữ *na* là ruộng để thành *bản na* để chỉ chung các đơn vị cư dân này.

- Đất bản bao gồm phạm vi núi rừng, đối tượng của việc làm nương rẫy, hái lượm, săn bắn và khai thác lâm thổ sản. Theo luật tục thì rừng ở vùng người Thái được phân thành hai khu vực rất rõ rệt. Một là, để giành cho việc trồng trọt. Và hai là, để giành cho các khu vực cấm. Trong khu vực rừng cấm lại phân thành hai: giành để khai thác lâm sản và rừng thiêng để phục vụ cho cuộc sống tâm linh. Ngày nay tất cả những quy định này hoàn toàn mất để thay thế vào đó là sự tàn phá rừng. Từ đó, người ta đương hình thành lại quy hoạch rừng theo luật pháp của Nhà nước một cách nghiêm túc.

- Phạm vi đất *bản* còn có đoạn sông, khúc suối, khe lạch. Trước năm 1954, trên những đoạn của dòng chảy tự nhiên ấy, ta sẽ gặp những nơi gọi là "vùng cấm" *(văng hẳm)*. Cấm không được khai thác và đụng chạm gây ra những sóng động lớn làm ảnh hưởng đến độ bền vững của *phai* dâng nước đổ vào *mương* tưới ruộng đồng. "Vùng cấm"

để thờ thần nước và để mở hội đánh bắt cá *(phá pa văng hẳm)*. Ngày nay, quy định này đã hoàn toàn phá vỡ để nhường chỗ việc nổ mìn, bắt cá và tiêu diệt các nguồn thủy sản khác. Làm cho sông suối trở nên cạn kiệt, chưa có một biện pháp nào để hồi lại nguồn phong phú của tự nhiên này.

2) *Bản* là đơn vị cư dân có tổ chức nên từ lâu đã là tổ hợp cộng đồng xã hội mang mầu sắc văn hóa dân tộc:

- Là đơn vị quản lý ruộng đồng.

- Là đơn vị quản lý kinh tế - xã hội dưới cấp *mường* trước đây và xã, huyện, tỉnh ngày nay. Cấp lãnh đạo *bản* ngày xưa gồm có hai người. Người đứng đầu cao nhất gọi là *quan bản* (nếu là người thuộc các họ bình dân) và *tạo bản* (nếu là người thuộc các họ quý tộc). Dưới cấp *quan bản* có một chức giúp việc gọi là *chá bản*. Ngày nay người đứng đầu *bản* do dân bầu gọi là *trưởng bản* dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp xã, huyện, tỉnh.

- Là đơn vị tổ chức đảm nhiệm chức năng văn hóa mang đầy đủ mầu sắc dân tộc. Để đảm nhận được việc này, người đứng đầu *bản* phải biết chữ Thái cổ và rất thông thạo phong tục tập quán.

Kể từ khi có cách mạng, vài trò tổ chức *bản* do còn giữ được tâm thức cộng đồng nên vẫn tiếp tục phát huy những mặt tích cực của mình. Nó đã góp phần vào sự thành công của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và ngày nay, tuy không ghi rõ thành văn bản của Nhà nước ta, nhưng *bản* vẫn không thể không theo tập quán của mình là một tổ chức cơ sở tập hợp thành đơn vị xã của Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

II. Mường là đơn vị kinh tế - xã hội trên bản cũng có ba đặc trưng

1) *Là đơn vị tổ chức xã hội dựa trên cộng đồng lãnh thổ*, nên cũng có khái niệm truyền thống mang tên "đất mường" *(đin mương)*. Điều đó đã sống trong tâm thức văn hóa Thái được thể hiện trong ca dao:

"... Đất mường từ đời tổ.

Đất nước từ đời xưa

Đầu mường tiếp, cuối mường giáp

Tựa như đầu liền cổ không thể nào chia cắt được..."

Nguyên tiếng Thái:

"... Đin mương té chua đăm

Đin năm té chua lang

Hua mương cái, tại mương ing

Hua tam co hón hên bánh vang căn dảy..."

Chính từ tâm thức truyền thống văn hóa xã hội này người Thái đã nhanh chóng mở rộng thành trạng thái ý thức về quốc gia đa dân tộc Việt Nam. Khái niệm *mường* được mở rộng thành quốc gia dân tộc, với tên gọi của người Thái là Mường Việt Nam đã có gốc từ đó.

2) *Được hình thành trong lịch sử, mường của người Thái có bốn cấp:*

- Nhỏ nhất là *mường lộng*, gọi tắt là *lộng* và *mường quen*, gọi tắt là *quen*.

- Cấp trên *mường lộng (quen)* có đơn vị tổ chức xã hội mang tên *mường phìa*.

- Năm *mường phìa* hợp thành một đơn vị tổ chức xã hội cấp trên gọi là *châu mường*. Đơn vị huyện hiện nay là sự kế thừa tổ chức đơn vị *châu mường* xưa. Bởi vậy, các huyện mới có tên Thái và tên Việt song song tồn tại. Chẳng hạn, huyện Thuận Châu là Mường Muổi (châu Mường Muổi) huyện Mai Châu là Mường Mùn (Châu Mường Mùn), huyện Phù Yên là Mường Tấc (châu Mường Tấc)...

Mường phìa nào được chọn là nơi trung tâm của *châu mường* thì được gọi là *mường phìa trong (mương phìa cuông), mường trong*

mường (mương cuông mương) hay *mường trong (mương cuông)*. Đơn vị *bản* là trung tâm của *mường trong (mương cuông)* thì gọi là *chiềng* hay *xiềng* tùy cách phát âm cụ thể của từng nhóm Thái. Chữ *chiềng* bao giờ cũng có một tên riêng khác kèm theo để biến thành danh từ riêng, chẳng hạn *bản* Ban là trung tâm của *châu mường* Mường Mụak có tên là Chiềng Dong. Lúc này, Chiềng Dong vừa là tên riêng chỉ *bản* Ban, vừa là tên gọi *mường trong*, đồng thời là tên của cả *châu mường* Mường Mụak. Như vậy, các *châu mường* Thái xưa đều có tên *chiềng*. Chẳng hạn, *châu mường* Mường Sang (Mộc Châu) là Chiềng Chu; *châu mường* Mường Tấc (Phú Yên) là Chiềng Hoa...

Đất *chiềng* ở nhiều *châu mường* xưa thường có hào lũy bao quanh để bảo vệ. Tiếng Thái gọi những hào lũy này là *viêng* và chuyển sang âm tiếng Việt là *viềng*. Từ đó danh từ này nhiều khi cũng trở thành tên của *châu mường*. Chẳng hạn như trung tâm Mường Lò có *viêng* và tên *châu mường* này cũng gọi là Viềng Lò. Nhìn rộng hơn thì Viêng Chăn (Lào) cũng có gốc gác như vậy. Về nghĩa thì *viêng* không giống gì *chiềng*, trong khi *viêng* là thuật ngữ quân sự chỉ thành lũy thì *chiềng* là *bản* trung tâm địa hạt hành chính. Chẳng hạn như *châu mường* Mường La có *viêng* dựng ở *bản* Giảng nên gọi là Viêng Giảng cách Chiêng An - trung tâm *châu mường* 4 km. Tên *viêng* cũng là thuật ngữ văn hóa *bản mường* Thái nên có ở khắp mọi nơi như Lào và Thái Lan. Trên mặt *viêng* còn xây dựng những đồn phòng thủ gọi là *che*. *Che* cũng có thể đặt tách và cách xa *viêng* để trở thành vị trí tiền tiêu. Chẳng hạn, châu mường Mường La đặt *viêng ở bản* Giảng còn *che* thì đặt ở *bản* Ái (Che Ái) cách xa nhau hơn 10 km.

Bốn *mường phìa* khác thì gọi là *mường phía ngoài (mương phía nọk), mường ngoài mường (mương nọk mương)* hay *mường ngoài (mương nọk)*. Những *bản* trung tâm của *mường ngoài* cũng có thể có tên *chiềng*, chẳng hạn, Mường Chanh là *mường ngoài* của *châu mường* Mường Mụak có tên Chiềng Quen; Mường Sại là *mường ngoài* của *châu mường* Mường Muổi (Thuận Châu) có tên là Chiềng Muôn... Sau

năm 1954, dưới chính quyền cách mạng, người ta đã gán tên xã tương đương với *chiềng* nên ta thấy chỗ nào cũng có địa danh này. Chính vì thế nên nghĩa gốc của chữ *chiềng* là trung tâm của *mường* đã không còn nữa rồi. Điều đó cũng khiến cho lớp người nghiên cứu sau chúng tôi rất khó hiểu khi đụng vào thuật ngữ xã hội này. Trong số họ lại có người vì chưa hiểu ý nghĩa lịch sử của thuật ngữ *chiềng* đã vội phủ định sai lệch ý nghĩa của nguyên gốc nó.

Bộ máy tổ chức chính quyền của *mường trong* đồng thời là của toàn *châu mường*. Về quyền hành chính thì *mường phìa trong* và *mường phìa ngoài* hoàn toàn ngang nhau. Nhưng vì văn phòng thường trực của *châu mường* là bộ máy *mường phìa trong* nên địa vị của nó được xem như đại diện toàn *châu mường*. Chức *phìa* của *mường trong* vừa giúp việc lại vừa giữ địa vị kế cận nên vô hình chung trở thành như "phó" của thủ lĩnh *châu mường*. Cơ cấu các bộ phận và chức trách của bộ máy chính quyền cấp *mường phìa trong* và *mường phìa ngoài* của một *châu mường* thì tùy truyền thống từng nơi mà có sự bố trí khác nhau. Riêng các *châu mường* của người Thái Đen vùng Tây Bắc về đại thể có những nét cơ bản tương đồng và hoàn chỉnh. Về phương diện xã hội, bộ máy của một *mường phìa* thuộc hệ thống tổ chức *châu mường* là cơ cấu hệ thống dọc thứ bậc trên dưới. Căn cứ sự quy định các khoản đã ghi trong các *bản luật lệ bản mường* của Thuận Châu và Mai Sơn thì các chức dịch trong *châu mường* Thái có thể phân thành hai đẳng cấp khá rõ rệt:

1) Dòng dõi quý tộc châu mường bao gồm họ gốc có tên LÒ CẨM. Về nghĩa của từ thì LÒ là tên họ, CẨM (CĂM) là vàng tương đương với chữ *kim*. Người ta còn gọi họ này là LÒ lớn (LO *luông*) để phân biệt với họ LÒ bé thuộc đẳng cấp bình dân. Họ LÒ CẨM, được phân chia thành các họ: CẨM, BẠC CẨM, ĐIÊU (ĐEO, ĐAO, TAO), HOÀNG. Dòng dõi quý tộc Thái còn có họ VI KHĂM, KHA KHĂM, chữ KHĂM được đọc chệch âm của CĂM, phân thành họ HÀ, SA.

Những người thuộc họ quý tộc chỉ được phép tham gia giữ các chức

người đứng đầu *bản, lộng (quen),* các *phìa* và *án nha chẩu mường.*

2) Người thuộc họ ngoài quý tộc như: LÒ, LƯỜNG, CÀ... thì chỉ được phép giữ các chức dịch người đứng đầu *bản* và các *ông quan* hàng *xống.*

Đây là luật tục quy định và thực hiện theo nền nếp tập quán. Nếu người nào muốn hoặc phải phá vỡ quy định này, bất kể quý tộc hay bình dân đều phải đổi họ, người Thái gọi là "nhập ĐẮM" *(tư đắm).* Chẳng hạn họ VI (bé) muốn làm *phìa, án nha* thì phải đổi thành họ quý tộc là VI lớn, thực hiện khá phức tạp và tốn kém. Ngược lại, người ở trong họ quý tộc muốn giữ chức thể như *pằn (xen), mo mường...* thì cũng phải tiến hành đổi họ thành LƯỜNG, CÀ...

Mọi chức dịch trong bộ máy của *mường phìa* đều do *án nha chẩu mương* và *phìa mường* tiến cử và bổ nhiệm. Khi bổ nhiệm xong, họ nghiễm nhiên tổ hợp thành một tổ chức tương đương như hội đồng mang tên BÔ LÃO TOÀN MƯỜNG *(thẩu kế hang mương),* do chức ông *păn (xen)* hoặc *mo* đứng đầu.

Quan hệ giữa cấp *châu mường* với bốn *mường phìa ngoài* thì không hẳn theo thứ cấp trên dưới mà theo cơ cấu truyền thống *vòng đồng tâm xoay quanh trục.* Cơ cấu này quy định, *mường trong* với *bản* trung tâm gọi là *chiềng* là trục, còn các *mường ngoài* thì nằm ở vòng đồng tâm.

- Trước thế kỷ XIX, các *châu mường* Thái được tập hợp thành khu vực gọi là MƯỜI SÁU CHÂU THÁI (XÍP HỐC CHÂU TAY). Khu vực này có một *châu mường* đóng vai trung tâm. Các *châu mường* khác được tập hợp dưới hình thức thần phục hay quy phục. Đơn vị *châu mường* trung tâm ấy tiếng Thái gọi là *mường luông* (mường lớn). Đây mới là đơn vị trực thuộc triều đình phong kiến trung ương tập quyền Việt Nam trong các triều đại: Lý, Trần, Lê và đầu Nguyễn. Các triều đại phong kiến ấy gọi đơn vị tổ chức xã hội này là *đại tri châu.* Đến năm 1834, Minh Mệnh đã bỏ chế độ *đại tri châu* và đặt các *châu mường* Thái vào tỉnh Hưng Hóa, trung tâm là thành Hưng Hóa nằm bên bờ hữu của sông Thao thuộc tỉnh Phú Thọ hiện nay. Đến năm

1884, đất nước ta bị mất 6 *châu mường* Thái nhập vào bản đồ Trung Quốc theo hiệp ước Thiên Tân ký giữa thực dân Pháp và triều đình Mãn Thanh.

Nhìn tổng quát, tổ chức xã hội theo các đơn vị *mường* như thế là theo quy cách VÒNG ĐỒNG TÂM XOAY QUANH TRỤC không phải theo thứ cấp trên dưới như cung cách: trung ương, tỉnh, huyện, xã *bản* như hiện nay.

Đây là tổ chức xã hội đóng vị trí lịch sử trung gian hay một bước đệm chuyển tiếp từ tổ chức thị tộc, bộ lạc nguyên thủy mà thuật ngữ xã hội Thái gọi là ĐẨM sang tổ chức quốc gia dân tộc. Như Ăngghen gọi bước chuyển biến này là từ xã hội dã man sang xã hội văn minh. Trong tiến trình lịch sử của hàng ngàn năm như thế thì chỉ có hai bộ phận người Thái ở Lào và Thái Lan ngày nay mới hình thành được quốc gia dân tộc. Thuật ngữ *mường* đã không còn hàm lượng nghĩa của khái niệm mới là quốc gia dân tộc (nation) nữa nên hai bộ phận người Thái ở Lào và Thái Lan đã mượn danh từ gốc Pali - Sanskrit là PATHẾT để chỉ đất nước của mình. Đấy cũng là lý do, trong dân gã người ta vẫn quen gọi Thái Lan là MƯỜNG THAY và Lào là MƯỜNG LAO cho dễ khái niệm hơn là PATHẾT THAY và PATHẾT LAO. Trong tiến trình lịch sử xã hội như thế nào, bộ phận người Thái ở nước ta mới chỉ đi từ ĐẨM đến trình độ BẢN MƯỜNG phát triển thì để gia nhập quốc gia dân tộc Việt Nam (PATHẾT VIỆT NAM)

3) *Mường là tổ chức kinh tế xã hội mang những nét đặc trưng Thái ở nước ta.*

Tất cả mọi chức dịch từ *bản* đến *mường* đều được tổ chức chính quyền cấp *mường* phân cấp suất "ruộng toàn mường" gọi chung là "ruộng bớt" *(na bớt hay na bớt na cam)* và cũng thường gọi là "ruộng chức" *(na chức)*, phân làm ba loại:

- Phân cấp ruộng đồng thời phân cấp số lao động tính theo đơn vị *bản* để trực tiếp làm ruộng. Theo quan niệm truyền thống, đó là cách biến chức dịch thành những ông chủ chỉ chuyên làm "công *bản* việc

mường" (viak bản can mương), không phải chịu cảnh "chân lấm tay bùn" nơi đồng áng. Bắt lao động theo lệ *mường* như thế, tiếng Thái gọi là làm *cuông*, làm *nhốc*. Những chức từ bốn *ông* đứng đầu *xống*, *ông mo mường* đến *ấn nha* thì thuộc diện cấp phát này. Làm *cuông*, *nhốc* không đơn thuần chỉ làm ruộng mà còn phải cắt phiên phục vụ tạp dịch như tôi đòi cho chủ.

- Những chức dịch dưới bốn *ông* đứng đầu *xống* và *ông mo mường* xuống đến ông *chá bản* thì chỉ được cấp ruộng tốt, việc cày cấy thì tự lo liệu.

Những gia đình thuộc họ hàng gần gũi nhất hoặc những chức sắc là quý tộc bị mất quyền *(tạo tốc mương)* cũng được cấp suất ruộng. Riêng những gia đình quý tộc bị mất chức cũng có thể được phân bản để làm *cuông*, *nhốc*.

Ngoài số lao động là người Thái ở các *bản* làm *cuông*, *nhốc*, các chức dịch từ bốn *ông* đứng đầu *xống*, *ông mo* đến *ấn nha* còn được phân những bản nông dân thuộc các dân tộc khác Thái như: Khơ mú, Kháng, La ha, Xinh mun... để phục vụ tạp dịch và nộp lâm sản cần thiết cho đời sống thường ngày như: lá dong, rau rừng, măng, quả cây... việc làm của những nông dân ấy tiếng Thái gọi là làm PUẠK hay PUỘC, PUẠK PAI. Những *bản* PUẠK ở xa nhà chủ quá, không thể đến trực tiếp phục vụ tạp dịch được thì theo lệ nộp hiện vật tương đương giá trị lao dịch của mình: bông, ngô, thóc được mang tên: "thóc giá" *(khẩu ngượt)*.

Đại bộ phận nông dân là người Thái sống ở các bản kể cả *bản* là *chiềng*, đều được phân suất "ruộng toàn mường" để mưu cầu sự sống. Họ có nghĩa vụ phải đi làm cái gọi là "việc mường" như: đi lính, làm thủy lợi *(mương, phai, lái, lin)*, vận chuyển hàng hóa, làm đường, làm ruộng chung của *mường (na nả háy hang mương)*... để nhận nhiều hoặc ít suất ruộng đó. Tiếng Thái gọi lớp nông dân này là: ông gánh bà vác "*(po háp me bék)*, ông bà nhận suất ruộng " *(po kéo me hao)*. Những ai không thực hiện nghĩa vụ "việc mường" thì cũng không được

bản mường cấp phát ruộng để cày cấy.

Như vậy, xã hội Thái cổ truyền không những phân chia đẳng cấp mà sự phân chia đẳng cấp đó lại được lồng ghép thành giai cấp:

- Đẳng cấp và giai cấp phong kiến là lớp người thuộc các dòng quý tộc và các chức dịch cấp cao. Ở đây ta thấy, đẳng cấp thì ổn định. Đó là quý tộc và bình dân còn giai cấp thì không ổn định và người nào muốn có đặc quyền đặc lợi tức trở thành thành phần giai cấp phong kiến thì phải tham gia chức dịch. Không có hoặc mất chức dịch thì chỉ có quý tộc và bình dân. Thể chế về quy cách cơ cấu xã hội nay đã được đúc thành tục ngữ: "cởi áo làm dân; thay áo làm quan" *(kẻ sửa dệt pay, thấy sửa dệt quan)* là vậy.

- Đẳng cấp và giai cấp nông dân cũng phân thành ba thành phần: nông dân tự do, *cuống, nhốc* và những gia nô.

B. Quan hệ dòng họ gia đình và hôn nhân

Trong một *bản* có nhiều dòng họ cùng cư trú. Có dòng họ quý tộc và bình dân. Người Thái có ba quan hệ về họ hàng:

1) ẢI NỌNG - do *sinh thành* mà có quan hệ mang tên thuật ngữ hệ thống dân tộc gọi là ẢI NỌNG. Quan hệ ẢI NỌNG của êgô (E) bao gồm tất cả những anh em và chị em chưa hoặc không chồng sinh ra từ một mẹ, một cha hoặc cùng cha khác mẹ; sinh ra từ những anh em trai của cha (bậc cha chú) tức bàng hệ bậc I; sinh ra từ những anh em trai của ông (ông bậc chú bậc bác) tức bàng hệ bậcII; sinh ra từ những anh em trai của cụ (bậc cụ chú, cụ bác) tức bàng hệ thứ III và cuối cùng là sinh ra từ một cụ tổ là PẤN. Các thuật ngữ hệ thống thân tộc gọi từng quan hệ ẢI NỌNG như sau:

- ẢI NỌNG HUÔM PO hay ẢI NỌNG OK (anh em cùng cha hay anh em ruột thịt).

- ẢI NỌNG HUÔM PÚ hay ẢI NỌNG HUÔM ĐẮM (anh em chung đời ông hay anh em chung một một họ tức một tông tộc).

- ẢI NỌNG HUÔM PÀU (anh em chung đời cụ).

- ẢI NỌNG HUÔM PẤN (anh em chung một đời kị) hay VẢ, VẢ XÍNH ĐIÊU (cùng một họ) hoặc VẢ CHẮN, VẢ CHẾT CHẮN (họ một lớp, họ bảy lớp tức cộng đồng này được tính là bảy thế hệ người).

2) Hai họ gọi là LUNG TA và NHINH XAO - do *hôn nhân* thuận chiều dấu vết còn lại của quan hệ thời kỳ liên minh ba thị tộc mà nảy sinh hai thuật ngữ hệ thống thân tộc này:

a. LÚNG TA là họ nhà gái hay là những người thuộc khối ẢI NỌNG của người con gái đi lấy chồng. Từ đó, cộng đồng LUNG TA có những thuật ngữ hệ thống thân tộc sau:

- LUNG TA MANG LỤK - LUNG TA phía con trai của E. Khối người này chính là ẢI NỌNG của con dâu E. E với họ có quan hệ dâu gia.

- LUNG TA PHẠ BÓM - nghĩa đen là LUNG TA "trời riêng" tức những ẢI NỌNG của vợ E. Trong ẢI NỌNG đó nếu là anh của vợ thì gọi LUNG và em vợ thì gọi là NẠ. Trong tiếng Việt có thể gọi chung là CẬU hoặc CẬU BÁC, CẬU DÌ.

- LUNG TA MANG MẸ - ẢI NỌNG của mẹ E, hay còn gọi là LUNG TA LUÔNG. LUÔNG có nghĩa là lớn, bởi vì người thuộc khối LUNG TA này theo đúng phong tục tập quán thì có quyền quyết định việc thành hôn có nghĩa là gả vợ dựng chồng cho các con của E tức cháu trai gái của chị em gái của mình.

- LUNG TA MANG GIA - tức ẢI NỌNG của bà nội E.

- LUNG TA MANG GI - tức ẢI NỌNG phía cụ và kỵ bà của E.

b. NINH XAO là họ nhà trai hay là những người thuộc khối ẢI NỌNG của chồng người con gái sau khi đã lấy chồng mà ta có thể gọi chung là làng rể của E. Ví dụ: E có em gái lấy chồng thì ẢI NỌNG của chồng em gái là A; có chị gái lấy chồng thì ẢI NỌNG của chị gái là B, vậy A và B sẽ là NHINH XAO của E.

ẢI NỌNG, LUNG TA và NHINH XAO là quan hệ ba họ của người Thái được gọi chung bằng một thuật ngữ hệ thống thân tộc là: VẢ CHẾT CHẮN PHUNG MÚ LUNG TA có nghĩa là: "họ hàng bảy lớp với khối cộng đồng LUNG TA".

Trước ngày giải phóng, vùng người Thái, chế độ đại gia đình nói chung đã ở giai đoạn tan rã. Ở một số nơi hẻo lánh nhưng Quan Hóa (Thanh Hóa), Mường Chiến (Sơn La), Mường Chà (Lai Châu), Căm Muộn (Nghệ Tĩnh)..., còn tồn tại những gia đình lớn. Người đứng đầu đại gia đình lãnh trách nhiệm điều khiển mọi công việc về mặt kinh tế, sinh hoạt, tín ngưỡng, cưới xin, ma chay trong gia đình và thay mặt cho gia đình trước *bản mường*. Các thành viên thường sống hòa thuận, con cái được trông nom chăm sóc chung, không phân biệt con anh, con em. Tài sản chung của đại gia đình gồm có ruộng đất, lương thực, gia súc lớn, một phần tài sản riêng như vải vóc, chăn màn, đệm gối, một số ít tiền và đồ trang sức, súng nỏ, khung cửi, chài đánh cá, một phần gia cầm.

Tiểu gia đình phụ hệ, phụ quyền là hình thức phổ biến ở xã hội Thái trước ngày giải phóng. Dưới góc độ tôn giáo mà xét, nếu một *mường* được tượng trưng bằng chiếc cột *mường (lắc mường)* thì mỗi nóc nhà được tượng trưng bằng chiếc cột chính *(sàu hóng cố)*. Ở cột, thường treo các vật thiêng như thanh gươm gia truyền của họ (đáp *đẩm*), túi áo hồn (sửa khuôn) túi *khụt xeng* (vật bùa hộ mệnh).... Người chủ nhà nằm cạnh cột chính, bên cạnh gian thờ tổ tiên, khẳng định tính phụ quyền của gia đình. Tổ tiên đỡ đầu phù hộ cho gia đình. Chủ nhà là người đại diện duy nhất của gia đình trong quan hệ với tổ tiên, và các thành viên khác trong thế giới tâm linh. Chủ nhà cũng là người điều khiển mọi công việc trong gia đình. Người phụ nữ Thái ở địa vị thấp kém hơn nam giới, đứng về mặt xã hội mà xét, họ không được coi là thành viên của gia đình. Con gái được xem như người ngoài và ở vùng Thái Trắng (Lai Châu) phải ngủ ở gian dành cho khách. Con dâu phải đổi theo họ chồng. Họ không bao giờ được tham gia các công việc xã hội, không được tự quyết định một việc gì,

ngoài việc nội trợ và sinh con đẻ cái. Những người chê chồng hay bỏ chồng bị dư luận xã hội khinh thị. Tuy nhiên, không thể ở những gia đình quý tộc, nếu so với phụ nữ Kinh, họ còn được tự do hơn. Sau ngày giải phóng, quan hệ gia đình Thái đã có nhiều thay đổi. Hiến pháp đã đảm bảo đảm cho người phụ nữ quyền bình đẳng với nam giới. Họ được tự do đi học, tham gia công việc xã hội, được bầu cử, ứng cử, tham dự vào các cơ quan chính quyền, đoàn thể và Đảng. Trong gia đình, việc đối xử giữa nhà chồng đối với họ đã thay đổi.

Trước ngày giải phóng, việc dựng vợ gả chồng thường do bố mẹ quyết định với sự đồng ý của hai họ. Ở đây, hôn nhân không thể là kết quả của tình yêu trai gái. Bố mẹ thường hay chiếu cố đến ý kiến của đôi trẻ. Nhưng nếu đối tượng lựa chọn không hợp ý bố mẹ thì cũng bị ngăn cản. Tiêu chuẩn chọn vợ chọn chồng, phải xứng đáng với đẳng cấp của dòng họ, địa vị của gia đình. Vì vậy, trong hôn nhân có sự ngăn cách giữa người giàu và người nghèo, giữa đẳng cấp quý tộc và nông dân. Người dân không được lấy gái quan, gái dân lấy con trai quý tộc không bao giờ được làm vợ cả, dù cưới trước.

Tính chất mua bán thể hiện ở giá mua người con gái: tiền *ca hua*. Số tiền này được trả dần; khi chưa trả được, người chồng chưa có toàn quyền đối với người vợ, nghĩa là sau khi chết ma chồng chưa được "sum họp" với ma vợ. Ngoài ra, giá mua người con gái còn tính vào công lao động hàng năm của rể thành tiền và hiện vật. Nên tục ở rể - một hình thức hôn nhân cư trú bên nhà vợ - ở đây chỉ còn cái vỏ, còn nội dung đã thay đổi phù hợp với ý thức hệ của xã hội đương thời.

Hiện nay, đã có nhiều sự thay đổi trong quan hệ hôn nhân. Trai gái đã được hưởng chế độ hôn nhân tự do và tiến bộ, một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng, dựa trên cơ sở luật hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Họ đương đấu tranh với những quan điểm lạc hậu trong hôn nhân, cũng như giảm bỏ những tập quán phức tạp, những khoản chi phí vô ích trong cưới xin. Rất nhiều đám cưới đời sống mới đã xuất hiện.

TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

Do sinh sống bằng nông nghiệp trong điều kiện còn phụ thuộc vào thiên nhiên, khoa học còn kém phát triển, người Thái tin rằng các lực lượng siêu nhiên quyết định số phận của họ. Họ tin trên trời có *Then Luông* là đấng cai quản trời đất, loài người và vạn vật, *Then Luông* được các quần thần giúp việc. Còn ở trần gian, bất cứ nơi nào cũng có các ma *(phi)* cai quản. Muốn lập bản, khai phá ruộng, phát nương, đánh cá, săn thú đều phải xin phép các ma ruộng, ma nương, ma rừng, ma suối... Những vị thần trên trời, các ma dưới trần kể trên cùng với ma nhà *(phi hươn)*, ma họ *(phi đẳm)*, những ông bà, cụ kỵ đã khuất *(pú pầu)* là những lực lượng phù hộ, bảo vệ con người.

Để củng cố trật tự gia đình phụ quyền, có hình thức thờ cúng tổ tiên. Mỗi gia đình nhớ kỹ nguồn gốc, lịch sử của mình. Các gia đình quí tộc thường có gia phả và gia phả của chúa đất hàng *châu* lại là cuốn sách ghi lại những sự việc chủ yếu của các thế hệ xảy ra trong toàn khu vực chúa cai quản. Người Thái có nơi thờ từng tông tộc, từng dòng họ. Chỗ đó có thể là một rừng cấm, một gốc cây, một hòn đá. Nếu người trong một họ liên kết với nhau bằng việc thờ cúng ma dòng họ, thời thành viên trong gia đình liên kết với nhau bằng việc thờ tổ tiên. Bố mẹ đã khuất được coi là siêu linh tác động đến toàn bộ đời sống của con cháu. Chỉ có người chủ nhà mới được thay mặt gia đình cúng tổ tiên, chủ trì lễ *xên hươn*, cầu xin tổ tiên nói chung phù hộ cho con cháu.

Việc thờ cúng trời đất, *bản mường*, chúa đất, thờ cúng tổ tiên được thể hiện bằng những nghi thức, những ngày hội hè hàng năm theo chu kỳ sản xuất nông nghiệp và lồng vào các lễ nghi nông nghiệp chủ yếu nhằm cầu xin trời đất bảo hộ mùa màng. Đầu xuân, khi tiếng sấm đầu mùa báo hiệu cho "cuộc sống" của vạn vật trở lại sau những ngày đông tháng giá, cũng là lúc bắt đầu công việc đồng áng. Người Thái có tục đón tiếp tiếng sấm đầu mùa.

Cũng vào dịp mùa xuân, người Thái tổ chức lễ *xên mương, xên*

băn, xên hươn. Các vị thần trên trời, thần đất, thần sông, tổ tiên các dòng họ được mời về dự.

Trong dịp, thường tổ chức nhiều cuộc vui chơi giải trí ít nhiều đượm màu sắc tôn giáo. Có tục ném còn, trai gái tổ chức hát đối đáp, kéo co...

Cày bừa xong, khi gieo mạ, khi lúa ra đòng, khi gặt hái, trước kia, đồng bào đều làm lễ nhỏ cúng ma ruộng, hồn lúa... Đặc biệt cần chú ý lễ cơm mới. Khi lúa bắt đầu chín, chủ nhà hái vài lượm lúa treo trên vách gian thờ tổ tiên hay cột nhà chính, mời ma nhà xuống chứng giám. Sau đó, gia đình và họ hàng thân thích cùng bạn bè ăn mừng. Khi gặt xong, ở vùng Sông Mã (Sơn La) Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, nhiều địa phương có tục cảm ơn "hồn lúa". Đồng bào mang mâm cỗ đặt lên chân rạ khấn cảm ơn. Sau đó, chủ nhà làm bù nhìn bằng rơm tượng trưng cho "hồn lúa" rồi rước về nhà đặt lên trên bịch thóc. Đó là họ mời "hồn lúa" rồi ngủ tại đó suốt mùa đông giá rét, đợi đến ngày sấm đầu năm chủ nhà sẽ đánh thức "hồn lúa" trở dậy.

VĂN NGHỆ DÂN GIAN

Sinh sống hàng ngàn năm trên dải đất Việt Nam, thừa hưởng một nền văn minh cổ truyền lớn lao của cha ông, người Thái đã góp phần cống hiến không nhỏ vào kho tàng văn hoá chung của dân tộc Việt Nam. Nhờ có văn tự, cư dân Thái đã lưu lại cho đến nay nhiều sách, truyện ghi trên giấy bản, trên lá cọ *(bảu lan).* Đó là những cuốn sách sử chép tay dày hàng trăm trang, những bộ luật hay tập quán pháp tương đối hoàn chỉnh, phản ánh tình hình xã hội đương thời, những bản trường ca đọc hai, ba đêm dòng, làm kích động lòng người, những truyện thơ tuy khuyết danh nhưng đầy giá trị nghệ thuật, những tập dân ca, những bài hát đồng dao, những sách răn đời, những tập ghi chép các nghi lễ tôn giáo... Có thể nói vốn văn nghệ cổ truyền Thái rất phong phú. Lại thêm, đặt chân vào quê hương Thái, ai cũng có cảm giác như đi vào thế giới của ca múa, nhạc. Tiếc rằng, hiện nay đã hiếm

gặp những nghệ nhân chuyên nghiệp như các *mo lam* ở Lào hay khó có thể chứng kiến những buổi *hạn khuống* phổ biến ở các bản Thái những lúc đêm khuya. Những câu lạc bộ truyền thống mang tính nhân dân này là nơi bảo lưu và phát huy vốn cổ của văn nghệ dân gian Thái, nay được thay thế bằng những buổi sinh hoạt văn nghệ tự tổ chức bên bếp lửa hồng trong từng nóc nhà. Ở đây, ta không hiếm gặp những người già có thể kể đêm này qua đêm khác những truyện cổ hay hát những bản trường ca hay những buổi múa hát tập thể của trai, gái dưới ánh trăng khuya. Đó là không kể những hình thức kể truyện, múa hát trong dịp sản xuất, khi xuôi đò dọc các dòng sông hay trong các dịp hội hè, tế lễ, cưới xin, ma chay...

Thơ ca dân gian chiếm một vị trí rất lớn gồm những câu ca dao, những tập thơ tình yêu, thơ ca hát trong dịp hội hè, đám cưới, mừng lên nhà mới, trong những dịp lao động sản xuất, cho đến những bản trường ca, những truyện thơ lịch sử...

Đồng bào Thái làm thơ để hát và chính vì hát nên mới làm thơ. Có bài thơ ứng khẩu tại chỗ dựa theo ý thơ cũ hoặc ca dao, thêm bớt cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế; có bài làm sẵn, người ngâm nhớ hát lại. Khi ngâm thơ hay hát theo lời thơ, thường khi còn đệm đàn theo, thản hoặc còn kèm theo múa. Đồng bào gọi là *khắp. Khắp* Thái có nhiều thể loại tuỳ theo nội dung và trường hợp hát mà có tên khác nhau. Điệu hát trai gái là *khắp báo xao,* điệu hát ngoài đồng ruộng là *khắp long tông*, khi chèo thuyền là *khắp cạ,* khi ru em là *khắp ú lụ non...* Điệu hát đồng dao là *khắp đếch nọi ỉn.* Đặc biệt có loại *Khắp Chương* do người già kể chuyện *Chương Han. Khắp Chương* với lời lẽ mạnh mẽ đầy khí thế chiến đấu, với nhạc điệu trầm hùng, sang sảng là vũ khí văn học sắc bén thúc đẩy người nghe trút căm giận vào cái ác và kích thích lòng yêu dân tộc, yêu nhân dân.

Đất Thái còn nổi tiếng về *múa.* Múa còn gọi là xoè. Ban đầu xoè có hình thức đơn giản và có tính phổ thông. Có điệu xoè vòng hay xoè theo hàng, múa theo nhịp đàn hay theo điệu hát khi vui chơi dưới ánh

trăng hay lúc nghỉ giữa hai thời gian sản xuất. Sau cách mạng, nghệ nhân dân gian mới phát triển thành những điệu xoè mang biểu diễn lên sân khấu như điệu soè khăn, xoè quạt, xoè nón, xoè bướm, xoè đèn... Chính dựa trên truyền thống của ca, vũ, nhạc dân gian, ngành ca vũ nhạc Thái đang được phát triển.

Chính cũng từ nền thơ ca dân gian, sau ngày giải phóng, đã xuất hiện những tác phẩm thơ ca Thái mà chất thơ còn giữ được nhiều hương sắc dân tộc.

II. LUẬT TỤC THÁI

1. Phạm vi và văn bản

- Cũng giống như ở người Việt, Luật tục của người Thái phần lớn đã được văn bản hoá và thường mang một cái tên chung là "*Hịt khoong" (Hịt khoong bản mường)*, mà khi dịch ra tiếng Việt có lúc là "Phong tục tập quán", "Lệ tục", "Lệ", thậm chí là "Luật" nữa[1].

Tuy vậy, cho tới nay rất khó xác định đâu là ranh giới của Luật tục Thái. Công trình khoa học đầu tiên ít nhiều đề cập tới vấn đề này là cuốn "Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái" của Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên), thì các phần Lệ và Luật mường Mai Châu và Tục lệ người Thái Đen ở Thuận Châu, là thuộc phạm vi Luật tục. Có thể nói rằng, hầu như mỗi mường của người Thái xa xưa đều có bản *Luật lệ bản mường (Hít khoong bản mường)*, tức là những quy định chung về ranh giới *mường* (chia *bản* chia *mường*) về hệ thống bộ máy quản lý, về quyền sở hữu, về hôn nhân gia đình, về lễ nghi và hội hè, về tội phạm và các hình thức xét xử và trừng phạt... mà về mặt nào đó mang tính chất *dân luật* và *hình luật*.

---

[1]. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên). Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc thái. Nxb. KHXH. H., 1977.

Một hình thức nữa của luật tục của người Thái mang tính chất như là một lệ tục hay phong tục, đó là các quy định về hành vi của mỗi cá nhân (*Quam son côn), các* quy định về tang ma, cưới xin, nghi lễ cúng bái... với loại này, yếu tố luật rất mờ nhạt, mà nổi rõ hơn là yếu tố "tục", "lệ", gọi chung là *Lệ tục.* Loại lệ tục này, tuy đã được văn bản hoá, nhưng ranh giới của nó với các phong tục tập quán chưa thành văn cũng rất khó phân biệt.

Như vậy, theo quan điểm riêng của chúng tôi trong công trình tư liệu này, Luật tục thái, tương đương với các thuật ngữ nước ngoài là *Customary laws, folk Laws* bao gồm hai bộ phận hợp thành, đó là các Luật của *bản mường* và các Lệ tục của đời sống mỗi con người và cộng đồng, hợp thành cái được gọi là Luật tục của dân tộc Thái. Điều này cũng hoàn toàn giống với luật tục của các dân tộc thiểu số khác ở nước ta như Êđê, Mnông, Xtiêng, Mạ... và phần nào khác với Luật tục (Hương ước) của người Việt.

- Như chúng ta đã biết, luật tục Thái phần lớn đã được *văn bản hoá.* Đó là những văn bản chép tay bằng chữ Thái cổ trên giấy bản hay vở học trò, phần lớn là sao chép lại, hiếm có văn bản gốc. Đi vào một số văn bản cụ thể công bố trong tập tư liệu Luật tục Thái này chúng ta sẽ thấy rõ hơn tình hình văn bản của luật tục Thái.

+ Bản "*Lệ luật người Thái Đen ở Thuận Châu:* công bố lần này là dịch từ bản chép tay sao lại của cụ Lò Văn Sôn trong những năm 1968-1973, từ bản chép tay của cụ *mo mường* Lường Văn Hơn. Trong công trình "*Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái"* do Đặng Nghiêm Vạn chủ biên, công bố bản dịch "*Tục lệ người Thái Đen ở Thuận Châu"* của Tòng Kim Ân cũng từ bản chép tay bằng mực tím trên giấy học trò khổ 18 x 30 cm, bị rách nát nhiều và sắp xếp lộn xộn[2]. Theo dịch giả Cầm Trọng thì bản dịch lần này đầy đủ hơn bản dịch cũ của Tòng Kim Ân.

---

[2]. Đặng Nghiêm vạn (chủ biên). Sđd. Tr. 343-344.

+ Bản "Luật Mường" *(Hít khoong bản mường)* công bố trong tập sách này, bản luật tục duy nhất không có phần chữ Thái cổ kèm theo, chúng tôi lấy nguyên văn trong phần "lai lịch dòng họ Hà Công" của công trình do Đặng Nghiêm Vạn chủ biên. Tác giả của công trình kể trên cho biết vào năm 1967 họ tìm thấy 3 tập ghi chép bằng chữ Thái cổ trên giấy bản khổ 19 x 32 đã nhàu nát, cuốn thứ nhất ghi lai lịch dòng họ Hà Công ở Mường Hạ (Mai Châu - Hoà Bình), cuốn thứ hai là *Lệ Mường* và cuốn thứ ba là *Luật Mường*. Đến nay, sau khi tìm kiếm, chúng tôi không còn tìm thấy văn bản chữ Thái của Luật Mường, nên chỉ công bố lại bản dịch cũ và không kèm theo bản chữ Thái như các bản luật tục khác.

+ Trong sách *"Luật tục Thái"* xuất bản lần này có *"Luật lệ bản mường"* của Mường Mụak (Mai Sơn- Sơn La), một trong những trung tâm quan trọng nhất của người Thái Đen ở Tây Bắc. Bản *"Luật lệ bản mường"* này công bố lần đầu tiên, từ bản chép tay bằng chữ Thái cổ, lưu trữ ở Ban dân tộc Khu uỷ Tây Bắc là dịch từ bản chép tay của cụ Cầm Văn Oai (1870-1933) là một thủ lĩnh và nhà thơ nổi tiếng của người Thái ở Mường Muak (Mai Sơn).

+ Phần *"Đạo lý làm người" (quam son côn)* trong cuốn sách Luật tục xuất bản lần này tách một phần từ bản chép tay từ bản *"Luật lệ bản mường" (*Mường Mụak) của Cầm Văn Oai. Cụ Cầm Văn Oai đã sưu tầm các câu tục ngữ, thành ngữ mang nội dung khuyên răn người đời, ghi chép lại và thêm thắt để hệ thống lại. Cụ Hà Văn Năm nguyên là *mo mường* Mường Mụak (1903 - 1993) là người sao chép từ nguyên bản của cụ Cầm Văn Oai và năm 1991 đã tặng cho nhà dân tộc học Cầm Trọng trước khi cụ qua đời vào tuổi 90.

+ Bản *"Tục lệ cưới xin của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam"* lần đầu tiên được văn bản hoá và xuất bản. Đây là ghi chép của chúng tôi từ các lời hát, lời kể truyền miệng trong dân gian, trong quá trình đi thực địa ở các địa phương ở Sơn la, Lai Châu từ năm 1963-1971.

+ Bản *"Tục lệ tang ma của người Thái Đen"* công bố song ngữ

trong sách này là từ bản chép tay của ông Liêm Phính vốn là giáo viên ở địa phương, nay đã mất. Bản ghi chép của ông Phính bằng chữ Thái cải tiến trên vở học trò có lẽ là bản ghi chép đầu tiên, vì theo ông thì ông đã ghi chép lại từ lời kể, lời phúng điếu trong tang ma của nhân dân.

Chúng tôi không nghĩ rằng những văn bản Luật tục của người Thái Đen công bố trong cuốn sách này là toàn bộ kho tàng luật tục của dân tộc này, mà có thể còn có các văn bản luật tục khác mà chúng tôi chưa phát hiện được thậm chí không loại trừ khả năng còn có các Luật tục, lệ tục vẫn ở dạng truyền miệng mà chúng ta chưa sưu tầm được. Do vậy, các văn bản luật tục bằng song ngữ công bố trong sách lần này chỉ được coi là một cố gắng mới tiếp tục công việc của những người đi trước và hy vọng sau này sẽ tiếp tục bổ xung thêm.

2. Nội dung luật tục Thái

Luật tục Thái đề cập tới nhiều vấn đề khác nhau của đời sống tộc người, liên quan tới cộng đồng mà trước nhất là cộng đồng mường bản và đời sống cá nhân mỗi con người trong cộng đồng đó. Như đã nói ở trên, cuốn luật tục Thái xuất bản lần này có hai phần rõ rệt: 1). Phần Luật mường và 2). Phần tục lệ liên quan đến đạo đức, nghi lễ, nhất là cưới xin và ma chay.

a/. Luật mường

Trong sách xuất bản lần này có ba bản luật mường với các tên gọi khác nhau:

- Luật mường (Mai Châu)

- Luật lệ người Thái Đen ở Thuận châu

- Luật lệ bản mường (Mường mụak (Mai Sơn)

Các văn bản Luật mường này có độ dài ngắn khác nhau, cùng đề cập đến một số vấn đề chung của cộng đồng *mường*, tuy nhiên mỗi bộ luật mường này cũng có những sắc thái riêng.

- Trong ba bộ luật mường (Mường Muạk - Mai Sơn, Thuận Châu và Mai Sơn) thì hai bộ luật của Mường Mụak - Mai Sơn và Thuận Châu đều để những trang dòng đầu tiên nói về *gốc tích và dòng dõi của mường và giới quý tộc mường* (phìa, tạo). Thí dụ, *Luật lệ người Thái Đen ở Thuận Châu* mở đầu như sau:

"Ngày xưa người Thái Đen ở đất Hán, đưa nhau xuống "ăn" Mường Lò.

Mường bản đầy người, Mường Lò trở nên "chật nơi ăn, hẹp nơi ở".

Cụ chủ Lạng (Lạn) Chượng họ Lò Cầm đã tập hợp được 12 họ người Thái, gồm: Lò, Ngần, Lò Nọi, Lường, Cà, Quàng, Tòng, Leo

Vi, Lù, La, Mè lên ở đất Thái như bây giờ" và tiếp sau đó là dòng dõi các chúa đất tới tận gần đây.

Còn *bộ Luật lệ bản mường* (Mường Mụak - Mai Sơn) thì dành hẳn một phần gồm 22 điều (từ điều 1-22) để *kể truyện bản mường*, cũng bắt đầu từ gốc Lạng Chượng ở đất Mường Lò qua nhiều đời đến Cầm Thạch (Cầm Văn Oai - Bun Oai) cùng ba người con trai làm chủ đất Mường Mụak vào những năm 30 của thế kỷ này, tức các chúa đất cuối cùng của Mường Mụak.

Các bộ Luật Mường đều có mục *ranh giới Mường*, tức xác lập quyền sở hữu công cộng về lãnh thổ của *mường* mà chúa đất là người đại diện. Bộ luật Mường Mụak ghi rõ ranh giới của *mường* qua các thời kỳ, các đời của chúa đất. Trong mường lại phân chia thành *mường phìa* (mường trong và mường ngoài). Mường trong chia thành 4 *xổng* và mường ngoài bao gồm 4 mường: Mường Chanh, Mường Hung, Mường Chiềng Cang và Mường Bon.

Bộ luật Thái Đen ở Thuận Châu cũng xác định ranh giới và phân chia thành 5 mường phìa, mỗi mường phìa lại chia thành các *xổng*, riêng Mường Muổi (Chiềng Pha) là Mường trong mường, vua Kinh đặt tên là Xuân Mai.

Riêng bản luật Mường Mai Châu thì các mục về lai lịch *mường* và

ranh giới *mường* lại không thấy nêu vì đã có lai lịch họ Hà Công rồi.

- Hai bộ luật Mường Thuận Châu và Mai Sơn dành khá nhiều trang và điều nói về *tạo dựng quan lại, chức dịch và bổng lộc mà họ được hưởng*. Ở bộ "Luật lệ bản Mường" (Mường Mụak- Mai Sơn) các điều luật từ 8-30 quy định "lệ đựng tạo quan" và từ điều 31-45 nói về bổng lộc cho tạo quan. Còn ở Luật Thái Đen ở Thuận Châu (Mường Muổi) thì việc phong cấp bậc hàng châu được trình bày tròn 5 điều luật (từ điều 23-27), quyền lợi của An Nha, Phìa, Tạo, chức dịch được quy định từ điều 28-69. Còn việc "Xin làm chức dịch" thì được nói rõ trong các điều từ 70-88.

Như vậy, trong Luật mường của người Thái vấn đề cơ cấu quyền lực và kèm theo đó là các quyền lợi về vật chất và tinh thần của tầng lớp quan lại, chức dịch được quan tâm hàng đầu. Tầng lớp Phìa, Tạo, chức dịch đó cấu thành một lớp người quý tộc, thống trị xã hội Thái, phân biệt rất rõ với đại đa số người bình dân tự do và các nông nô phụ thuộc khác.

Tầng lớp quý tộc này có tính chất cha truyền con nối, hình thành các dòng họ quý tộc như: Cầm, Bạc, Xa, Đèo, Sầm... các cấp trong hệ thống chức dịch của *bản mường* từ Án nha, Phìa, Tạo, Xen (Tạo lộng, Tạo bản) đến các chức dịch loại nhỏ khác, cùng ông Mo, ông Nghè, ông Chang giúp công việc phong tục tập quán, nghi lễ trong *bản mường*.

Về quyền lợi, bổng lộc các chức dịch từ to đến nhỏ đều được "ăn" ruộng công của *mường* với tư cách phải đứng ra *gánh vác việc mường* nên được dành phần ruộng. Tuỳ theo từng cấp bậc to nhỏ họ còn được *mường* cấp các *bản cuông, nhốc* đến làm lao dịch theo thời vụ hay phục dịch trong gia đình chúa đất và các chức dịch. Ngoài ra, vào các dịp người dân săn được thú rừng, lâm sản quý hiếm (mật ong) đều phải "biếu" cho các chức dịch, thường quy định rất cụ thể trong luật mường. Ở luật mường Thuận Châu dành hẳn các điều từ 110-114 quy định việc

săn thú, giết mổ đại gia súc phải biếu Án Nha và chức dịch; hay từ điều 115-120 quy định việc đi làm *cuông, nhốc* cho chúa đất, quý tộc.

Luật tục Mường Mụak và Mường Muổi còn có các điều khoản về việc xin làm chức dịch hàng mường và các khoản tiền nhậm chức. Thí dụ, trong luật tục của Mường Mụak còn có điều 69 quy định các chức dịch cấp thấp khi được cất nhắc và nhậm chức đều phải có khoản tiền nhậm chức, một phần cho các quan cấp trên, một phần nộp vào quỹ chung *hàng mường*. Tiền nhậm chức được quy thành bạc lạng.

- Cũng giống như hương ước của người Việt, các luật tục của các *mường* của người Thái Đen rất chú ý tới các phong tục nghi lễ ở phạm vi toàn *mường*, *bản* cũng như ở mỗi gia đình. Trong ba bộ luật của Mường Muổi (Thuận Châu), Mường Mụak (Mai Sơn) và Mai Châu đều đề cập tới nghi lễ và phong tục, tuy nhiên trong luật Mường Muổi (Thuận Châu), vấn đề này được quy định một cách chi tiết và hệ thống hơn cả.

Trước nhất, bộ luật dành cả phần XI, bao gồm các điều từ 138-150 quy định các chức quan trong phòng cúng lễ và lệ luật cúng ở Mường Muổi. Có 18 loại quan khác nhau lo việc cúng lễ *hàng mường*, quyền lợi của họ được hưởng cũng như trách nhiệm của mỗi loại quan này.

Trong *mường*, đất- nước- rừng trong quan niệm của người Thái đều có thần linh cai quản và là vật thiêng: "Mường trong mường là Chiềng Ly, Mường Muổi và các mường ngoài trong Châu Muổi, chỗ nào cũng có thần đất, nước phù hộ cho *bản*, cho *mường* của mình. Mường nào có *minh bản nen mường*, có khúc sông sâu suối lớn nơi chứa đựng các loài cá, có núi rừng rợp bóng *bản mường*" hay "Chiềng Ly - Mường Muổi, có một ngọn núi mang tên *nen (minh) mương*. Chân núi có chôn "cột trụ ở mường" và một ngọn núi khác mang tên *Luông* (rồng) là nơi cất dấu vỏ, chum tro hài cốt của *tạo* chủ hồn mường và những người thuộc dòng dõi họ nhà *tạo*"... Như vậy, trong tâm thức của người dân Thái và hầu hết các tộc người thiểu số khác, thế giới tự nhiên quanh họ đều có thần linh, con người phải cúng lễ cầu mong sự che chở. Về một

phương diện nào đó, việc thiêng hoá tự nhiên này có tác dụng khách quan bảo vệ tự nhiên khỏi sự tàn phá vô ý thức của con người.

Xuất phát từ quan niệm trên, ở mường Thuận Châu hàng năm đều có các nghi lễ được quy định rõ trong luật tục, đó là các nghi lễ:

+ Lễ *Xên cha*, lễ cúng lớn nhất của *mường*.

+ Lễ *Xên mương*

+ *Xên kẻ khok mương*, lễ giải hạn cho toàn *mường*.

+ *Lễ cúng hồn chiềng*

+ *Lễ cúng tiễn tôi tớ ma nhà*

+ *lễ cầu cúng cầu điều lành*

+ *Tế đen trắng*, giết trâu đen và trâu trắng tế thần núi, *Đán Luông* và chủ nước *Pak nậm- Bôm*

+ *Tế cửa sông Nậm muổi*, nơi trú ngụ của linh hồn tổ tiên họ tạo, cũng là tổ tông người Thái Đen.

Luật tục cũng quy định rõ việc thu chi các khoản chi phí cho các nghi lễ kể trên.

Ngoài ra, trong luật mường Thuận Châu cũng có những điều luật về cúng lễ trong mỗi gia đình người Thái.

- Nếu Luật lệ Mường Mụak (Mai Sơn) và Thuận Châu (Mường Muổi) dành phần lớn các điều luật cho việc trình bày lai lịch bản mường, ranh giới mường, về hệ thống quan lại, chức dịch và các quyền lợi của họ, các nghi lễ... thì ở bộ luật Mai Châu các vấn đề trên ít hay không được đề cập tới mà nhằm vào quy định *các điều cấm và hình thức xử phạt đối với những người vi phạm các điều cấm đó*. Có lẽ đây là bộ luật quy định chi tiết và kỹ lưỡng nhất về các mối quan hệ cộng đồng, một trong những lĩnh vực cơ bản nhất đảm bảo sự cân bằng trong sinh hoạt của người dân trong *bản mường*.

Trong bộ luật mường Mai Châu, trước khi trình bày 17 hình thức

phạm tội và hình phạt, người ta dành hẳn phần đầu tiên nói về 47 loại người trong *mường*. Đây là điều không hề có trong bộ luật Mường Muổi (Thuận Châu) và Mường Mụak (Mai Sơn). Đó là các loại người: ăn trộm, ăn cướp, ăn hiếp, người hay kiện tụng, người hám của, người dại khờ, người xỏ xiên, người lười biếng, người hớt lẻo, người khoác lác, người bất nhân, người nhẹ dạ, người gian ác, người tốt, người gan dạ, người nhân từ, người phúc đức, người có tài,... trong quan niệm của người Thái, tất cả 47 loại người này có thể chia thành hai loại: người tốt và kẻ xấu và thái độ của cộng đồng (thông qua luật tục) đối với từng loại người đó thế nào. Đây chính là nét độc đáo trong quan niệm dân gian, vừa mang tính đạo đức ứng xử và phần nào mang tính luật pháp.

Luật mường Mai Châu trình bày các điều luật về các lĩnh vực sau:

- Luật tranh chấp ruộng và nguồn nước
- Luật về dựng vợ gả chồng
- Luật để tang chồng
- Luật về bỏ vợ bỏ chồng
- Luật vợ chồng bỏ nhau
- Luật về người chết (tuyệt tự)
- Luật đánh nhau chết
- Luật dân đi ở làng khác
- Luật giết người không có lệnh của *Tạo chu*
- Luật về ăn cắp
- Luật đánh người
- Luật với người chửi cay nghiệt
- Luật trộm yêu
- Luật chăm sóc vợ chồng khi đau ốm

- Luật nuôi con

- Luật tạo lấy vợ

- Luật về tạo phải vạ.

Trong các lĩnh vực kể trên, đặc biệt có hai lĩnh vực mà bộ luật này quy định một cách kỹ lưỡng và chi tiết nhất, đó là *tội ăn cắp và tội trộm yêu.*

Về tội ăn cắp, trộm, có 169 điều riêng rẽ quy định về từng trường hợp ăn cắp, trộm và hình phạt đối với tội đó, thí dụ:

"Ai ăn cắp mạ đã ngâm phải phạt 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ mạ 5 đồng cân bạc và trả lại số mạ đã lấy"

"Ai ăn cắp cá chua, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cá một lạng bạc và trả số cá đã lấy"...

Với tội yêu đương bất chính (trộm yêu- *Lặc mặc)* có tới 108 điều cụ thể về các trường hợp trộm yêu khác nhau và kèm theo đó là các hình thức xử phạt, thí dụ: "Trộm yêu với bác ruột còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc, cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ" Hay: "Trộm yêu chị vợ còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc, trai cúng vía cho *lung ta* (bên nhà vợ)".

Về tội chửi cay nghiệt người khác cũng được phân thành nhiều trường hợp cụ thể để dễ xét xử, như chửi cậu, chửi dì... (25 trường hợp). Từ các vấn đề nêu trên, các nhà nghiên cứu cần đi sâu lý giải tại sao và trong hoàn cảnh xã hội nào mà trong bộ luật Thái Trắng Mai Châu này lại quy định một cách hết sức chi tiết về các tội trộm yêu, ăn cắp, chửi cay nghiệt... mà ở các bộ luật của *mường* khác lại không có hay ít chú ý tới. Đây cũng là một kinh nghiệm của cha ông xưa khi soạn thảo luật tục và Hương ước là các quy định và hình phạt là hết sức cụ thể, rõ ràng, tạo điều kiện cho việc ngăn ngừa và xử lý khi phạm tội.

b/. Lệ tục về nghi lễ và ứng xử

Trong công trình xuất bản lần này chúng tôi công bố các văn bản khác liên quan tới nghi lễ cưới xin, ma chay và ứng xử của con người. So với nhiều dân tộc khác, kể cả người Việt (Kinh) những nghi lễ kể trên của người Thái đã định hình và cố định thành lệ tục dưới dạng văn bản.

Phần "đạo làm người"

Phần " đạo lý làm người" là tập hợp các câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao, câu nói cửa miệng dưới dạng văn vần với mục đích giáo dục và hướng dẫn ứng xử của con người. Rõ ràng, đây là phần ít mang tính "luật", thậm chí cả tính "tục lệ" nữa, mà thuần tuý chỉ là các quy ước, chuẩn mực ứng xử của cá nhân. Tuy nhiên, nếu các quy ước, chuẩn mực ứng xử cá nhân này mà giải quyết tốt, thì sẽ nuôi dưỡng nền tảng đạo đức để khuyến khích cái thiện, hạn chế cái xấu, cái ác. Đây cũng chính là nét đặc trưng quan trọng nhất của luật tục phân biệt với pháp luật, mà nếu chúng ta biết cách phát huy thì sẽ góp phần vào việc điều hoà các quan hệ xã hội trong cộng đồng.

Phần "tục lệ cưới xin của người Thái Đen ở Tây Bắc"

Văn bản tục lệ Thái Đen ở Mường La gồm hai phần: 1) Tạo lấy nàng (vợ) và 2) Trai gái họ dân lấy vợ chồng, trong đó phần cưới xin của dòng họ Tạo được trình bày rất kỹ lưỡng, chi tiết và được coi như tập tục tiêu biểu cưới xin của người Thái. Còn tập tục cưới xin của dòng họ dân chỉ trình bày giản lược.

Tạo lấy nàng (vợ) được coi là việc hệ trọng của *bản mường*, bởi vì đó là việc xây đắp cho cái 'gốc" của *bản mường*. Nàng sẽ sinh ra dòng giống quý tộc tiếp tục làm Phìa, An Nha là chủ bản mường. Nàng là nàng dâu nuôi dưỡng cha mẹ chồng, một thứ "Thái thượng hoàng" của chúa đất.

Tục lệ cưới xin của Tạo và Nàng qúa nhiều nghi thức:

- Lệ "mở gói ăn hỏi"

- Lệ "hỏi dứt lời, dạm dứt giá"

- Lệ "Dẫn trai lên làm rể ở quán"

Đây là một tục lệ của lễ "cưới tên", tức chàng rể phải về nhà vợ ở rể trong một số năm tuỳ theo từng vùng, từng gia đình. Trong thời gian ở rể, chú rể còn là "khách" phải ngủ ở *quản*, tức phần nhà dành cho khách.

"Cưới lên" diễn ra qua nhiều nghi thức, như lễ nhập phòng, cúng tổ tiên, mời rượu, ra mắt "*lung ta*", ông mối hát bài kể về đường dâu gia, hát "mở lời với bản mường"... Trong lễ "cưới lên" có nhiều cuộc hát đối đáp mang đậm tính sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Đó là các khúc hát kể về đường dâu gia, lời hát của ông mối phía *lung ta*, 12 khúc hát kể về đường ông mối...

Lần cưới thứ hai được gọi là "*cưới xuống*" tức là nghi lễ đón dâu trở về nhà chồng. Các nghi thức của lần cưới này diễn ra ở cả nhà gái và nhà trai, tuy nhiên chủ yếu ở phía nhà trai, như nghi thức "các bô lão toàn mường đặt danh xưng cho vợ chồng nhà Tạo" và "lễ tiễn đưa áo".

Nghi lễ đặt danh xưng là điểm chốt của nghi lễ cưới xin Thái Đen, vì mục đích của hôn nhân này là *Tạo* lấy nàng về làm cái "gốc" của *bản mường*. Từ nay: "Người là vợ cũng đã trở thành *Bà mường* ở bên cạnh *Án nha* để xây dựng *bản mường*..." "Án Nha mới cho dậy tiếng *cong* mường, tiếng gọi niềm vui để triệu tập các bậc cha chú họ nhà *tạo, phìa* ở những *mường* trong châu cùng các chức *păn chú, pọng chú, ho luông chủ, lam ho chủ, bô lão, hế ho, mo chang*, mọi người phải tề tựu đầy đủ để bàn bạc. Ngày hội lớn phải thực hiện lệ cúng đắp lại *cột mường*".

Nghi lễ "tiễn đưa áo" tức là tiễn đưa hồn của *nàng* về nhà chồng, vì: "chủ *nàng* đã về đến nhà đến cửa của mình nhưng *một* chủ hồn vẫn treo ở phía *lung ta* (tức phía anh em họ bên mẹ), vì nếu không thì: "Bà *nàng ho* còn chưa đến để thành gốc thành rễ của con *tạo* con nàng. Phía hồn thì có *chủ tạy*, phía *một* cần phải có chủ bà *ho*, dòng họ *tạo*

mới được phát triển".

Phần trai gái họ dân lấy vợ chồng thường đơn giản, qua một số bước:

- Nhập lệ luật
- Ăn đứt giá
- Của hồi môn
- Bước qua khâu cưới lên
- Con gái về nhà chồng.
- Tiễn đưa áo.

TỤC LỆ TANG MA.

Trong công trình xuất bản lần này, chúng tôi giới thiệu hai văn bản tục lệ tang ma của người Thái Đen và người Thái Trắng. Trong mỗi bản tục lệ như vậy, chúng ta có thể thấy được một cách đầy đủ tục lệ của một cuộc tang ma, mà thường đó là tang ma của các quý tộc Thái, bên cạnh đó bản tục lệ này cũng quy định các bước nghi thức giản lược hơn dành cho thường dân hay với những người chết trong trường hợp đặc biệt. Ngay giữa hai văn bản tục lệ tang ma của người Thái Đen và Thái Trắng cũng có sự khác biệt, nói chung các nghi thức tang lễ của người Thái Đen, nhất là của quý tộc thì thường hoàn chỉnh và phức tạp hơn.

A. Tục lệ tang ma của người Thái Đen

Bản tục lệ này có độ dài 145 trang đánh máy vi tính khổ A4, song ngữ Thái - Việt. Văn bản dưới dạng đan xen giữa văn xuôi và văn vần, trong đó những đoạn văn vần chiếm số lượng trang lớn hơn và thường đó là các bài khấn, bài điếu kể; các đoạn văn xuôi thường là các đoạn mô tả, giải thích, mà có lẽ đó là những lời thêm thắt vào của người sưu tầm và ghi chép thành văn bản. Các đoạn văn vần thì số chữ một câu hay luật bằng trắc cũng không theo một quy luật nhất định nào. Có lẽ

đây chưa phải thơ ca mà mới chỉ là lời nói vần, một hình thức trung gian giữa ngôn ngữ thường ngày và ngôn ngữ thơ ca mà thôi.

Bản lệ tục tang ma Thái Đen trình bày các nghi thức tang lễ theo thứ tự từng ngày, từ ngày thứ nhất tới ngày thứ 5, 6 kết thúc tang lễ.

Ngày đầu tiên, được gọi với cái tên là: "Ngày thức ma dậy - ngày quàn"với các nghi thức:

- Chuẩn bị các vật dùng cho người bắt đầu hấp hối: Đun nước tắm cho người chết, lo quần áo mặc cho người vừa tắt thở. Thực ra, các đồ dùng này đã được lo từ trước: "Tuổi 90 vải thổ cẩm chưa thấm mầu đỏ thì lo nhuộm".

- Sau khi tắt thở: Tắm rửa thi hài mặc quần áo, chải và búi tóc, quấn buộc thi hài trước khi nhập quan.

- Đưa thi hài nhập quan và đặt quan tài ở gian giữa, ngay dưới quá giang. Lúc này người nhà không được kêu khóc, sợ đánh thức hồn ma trước khi làm nghi lễ này.

- Đánh thức hồn ma dậy như là một nghi thức báo tang, với việc con cháu, thân nhân khóc lóc, bắn súng báo hiệu cả *bản mường* biết tin đến viếng, thủ tục *"chặt hóng"*, xoã tóc và mở đầu tục lễ kiêng cữ khi nhà có tang, cúng bữa đầu tiên cho linh hồn người chết.

Ngày thứ hai, với nghi thức "Ngày đón rể và con trai đọc bài khóc tiễn đưa hồn.

- Theo phong tục Thái Đen, tất cả những người có quan hệ thân tộc với người quá cố đều được phân chia thành hai họ lớn: " *Họ đầu trắng"* là anh em trai, con, cháu cùng dòng máu bên cha (*ải nọng* trong đối tượng *lung ta* - bên nội đóng vai họ nhà gái) và "*Họ đầu đen"*, gồm anh em, con cháu, chắt là trai thuộc hàng rể của người quá cố (*Nhinh xao*- bên ngoại đóng vai họ nhà trai). Từ những người trong "họ đầu đen" phải chọn ra người "*Rể gốc" (*hay "Rể đầu") để làm nghi lễ này, còn các rể khác đều gọi chung là *"rể kiêng"*. Để tiến hành nghi lễ này thì

"rể gốc" và "rể khiêng" phải có mặt và đọc bài cúng đầu tiên trước linh cữu:

"*Rể đầu* và *rể khiêng* đã đến rồi, mời ộng dậy ăn bữa trưa

Lật chăn hoa dậy ăn cơm

Chống thanh gươm dùng bữa

Cúi đầu ăn xì xà

Nhắm mắt ăn xì xụp..."

- Sau khi làm xong nghi thức nhập tục làm "*Rể đầu*" người ta cắt cử người đọc tập "Nói về đường dâu gia", kể truyện cổ tích cho hồn ma, "*rể đầu*" đọc "*Quan tố Mương*" (kể truyện bản mường). Con trai đọc lời "khóc tiễn đưa".

Mở đầu là bài hát khóc *"Kể về đường đau ốm"* kể về các dấu hiệu dẫn đến việc đau ốm, việc *ông Một, bà Một* đi lên trời vẫn hỏi số mệnh người quá cố, kể về tình cảm gia đình con cháu lo lắng chạy chữa cho người ốm, tất cả đều vô ích vì số mệnh của người ốm đã "ngày cùng tháng tận", không thể cưỡng lại được!. Nghe bài hát về đường đau ốm này, một phần như để an ủi linh hồn người chết cũng như thân nhân đang sống không có gì phải ân hận về số mệnh đã an bài, định đoạt đối với họ.

- Tiếp sau đó, người ta làm nghi thức tiễn đưa hồn người chết và đọc bài hát: "*Đưa hồn ma đi xuống Mường Lò quê tổ*". Theo quan niệm của người Thái, mường Lò (Nghĩa Lộ) là nơi đầu tiên người Thái dừng chân sau khi từ phía Mường Ôm, Mường Ai... đầu nguồn sông Thao (sông Hồng) di cư xuống. Và cũng từ Mường Lò, họ tỏa đi các nơi dọc lưu vực sông Đà, sông Mã... cho nên, trước khi đưa hồn người chết về cõi trời- nơi linh hồn tổ tiên đang "sống", họ phải đi qua đất Mường Lò. Đây là cuộc hành trình dài, hồn ma phải đi qua nhiều nơi với tên đất, tên sông suối, tên núi, tên làng cuối cùng thì:

"Đi qua đến Tông Đủ, Tông Đươi

Ngược theo dòng nậm Xia

Đến địa điểm có nước suối đổ thành thác

Ma bắc cầu đưa hồn ma về trời

Có người Xá bắc thang để lên không trung

Ở đây hồn người quay cuống về với trời"

Với những người nghèo không đủ điều kiện đưa hồn ma đi tiếp về trời thì đến đây coi như là cuộc đưa hồn kết thúc.

- Sau khi đưa hồn ma tới đất Mường Lò, người ta còn đưa hồn ma đi tiếp về *mường trời* với các bài hát đưa hồn:

+ Đưa hồn đến *Đẳm Đoi*

+ Đường lên *Liên Pan Luông*

Đẳm Đoi trong quan niệm của người Thái cũng là cõi trời, nơi tổ tiên *(Đẳm)* và các *Thcn* (tiên) ngự trị. Với những người bình dân thì hồn ma của họ được đưa lên *Đẳm Đoi* hay còn gọi là *Liên Pan Nọi* (Niết Bàn bé), còn dòng họ quý tộc như họ Lò Cầm... thì hồn đưa lên nữa, tức *Liên Pan Luông* (Niết Bàn lớn).

Ngày thứ ba được gọi là " *ngày đặt",* tức đưa thi thể người chết ra khỏi nhà để vào rừng thiêng nghi lễ này gồm hai bước:

+ Đưa thi thể từ gác xuống sân

+ Đưa thi thể vào rừng để thiêu.

Nghi thức đưa thi thể này chủ yếu do "rể gốc", "Rể đầu"' và các rể khiêng thực hiện. Đó là việc vào rừng chặt đòn khiêng bằng loại tre *xàng,* tục các con trai mổ lợn cúng hồn ma, nghi thức đọc bài *Xấn xống* tiễn hồn ma về cõi hư vô. Người ta đưa thi hài xuống sân theo nguyên tắc, cha chết thì đưa linh cữu xuống phía *quản,* mẹ chết thì đưa xuống phía *chan.* Linh cữu đưa xuống tới sân phải dùng vải quây thành màn che. Khi đưa, 4 chàng "rể khiêng" ở bốn góc quan tài, các chàng

rể khác cùng xúm vào đặt quan tài lên vai để đưa đi. Đi theo quan tài, trước hết là "họ đầu trắng", sau đó là "họ đầu đen" và bà con dân *bản*. Ra tới rừng ma, người ta đặt thi hài lên dàn thiêu. Khi ngọn lửa bùng lên, theo phong tục, anh em "rể ,gốc" bỏ khăn tang xuống đất "nộp" cho linh hồn người chết rồi về nhà, để các *anh em ải nọng* ở lại trông coi ngọn lửa đến lúc tàn. Kết thúc, mọi người đi ngắt những cành lá xanh phủ lên đống tro tàn rồi về nhà.

Ngày thứ tư- "Ngày đưa"

Đến hôm sau, hai bên "ải nọng", "rể gốc" và bà con *bản mường* cùng ra rừng ma để nhặt từng mẩu hài cốt của cha mẹ đem rửa bằng rượu trắng, sau đó rể gốc dùng "đũa" mía chẻ đôi để gắp xương cho vào vò gốm. Sau đó, nếu là người dân thường thì con trai địu vò hài cốt đi chôn trong rừng ma, còn nếu là quý tộc thì con trai đầu cùng những người thân cận đem vò hài cốt bí mật đem đặt ở đỉnh núi *nen mương*. Xong xuôi, về nhà, tiếp tục làm nghi thức, trong đó có đọc những lời về "những điềm gở", "lời giao nộp của cải" và đưa toàn bộ đồ tang lễ ra rừng ma, lễ cúng hồn ở rừng ma và dựng *cây heo*, cây *chao phạ* bên cạnh *lều heo*. Kết thúc ngày tang lễ thứ 4 bằng lễ cúng "mâm cỗ tận số".

Ngày thứ năm và sáu của nghi lễ tang ma diễn ra thông qua hàng loạt nghi lễ:

- Nghi lễ thăm mồ thực hiện vào ngày thứ 5 và được gọi là *"ngày lật đổ mâm cơm của ma"*.

- Lễ " *phún gom hồn*"", tức lễ cúng phù hộ linh hồn của những người sống.

- Làm lễ *"đưa ma lên nhà"*, tức là tục hú gọi hồn cha (mẹ) ở rừng ma trở về gian *hóng* ở nhà của mình. Nghi lễ này do ông Mo thực hiện là chính. Mo đọc những bài cúng " *cho ma ăn", "những lời phải kiêng kị" "kể về năm tháng", "cúng ngày lành"*, lặp lại bài cúng *"nói về đau ốm", " cúng 30 đẩm ", "tiễn đẩm về trời", "nộp áo"*...

Những bài hát cúng này thể hiện tình cảm của người sống đối với người chết, cầu mong linh hồn về trời siêu thoát. Bài "nộp áo" kết thúc với ước vọng yên lành, tốt đẹp:

"Vải hoa xin trở lại với thân

Áo nhiều chiếc xin mặc vào người

Sao cho khoẻ mạnh và tươi đẹp luôn luôn

Tốt đẹp cả cửa, an khang cả nhà"

B. Tục lệ tang ma Thái Trắng

Văn bản "Tục lệ tang ma Thái Trắng" không trình bày các bước nghi lễ tang ma như của người Thái Đen, mà chỉ là hai bài hát kể: *Khóc điếu"* có nội dung tương tự như bài hát tiễn hồn của người Thái Đen. Bài "phân chia các hồn" nói về việc sau khi người chết, các hồn trong thân xác thoát ra đi về các nơi khác nhau. Có thể coi đây như là tài liệu tham khảo góp thêm để hiểu các hình thức khác nhau của nghi lễ tang ma của người Thái.

III. GIÁ TRỊ CỦA LUẬT TỤC THÁI

Luật tục Thái có giá trị nhiều mặt:

1. Là nguồn ***tư liệu gốc quý giá để nghiên cứu xã hội Thái*** trong xã hội cổ truyền cũng như xã hội hiện nay. Như mọi người đều rõ, luật tục vừa là sản phẩm vừa là công cụ quản lý xã hội, nó là tấm gương phản ảnh trung thực xã hội, nên nghiên cứu một xã hội hiện tại thì không có nguồn tư liệu nào sát thực hơn là chính luật tục của xã hội ấy. Vậy luật tục Thái có thể giúp cho các nhà nghiên cứu dân tộc học, sử học, văn hoá dân gian, xã hội học, tìm hiểu các phương diện nào của tộc người.

- Trước nhất, luật tục Thái cung cấp các tư liệu xác thực về *tổ chức xã hội bản mường* của tộc người này. Bởi vì trong các bộ luật bản

mường, những điều quy định về các hình thức tổ chức *bản, mường* và bộ máy quản lý tương ứng là điều được quan tâm hàng đầu. Các hình thức ban thưởng chức tước, kèm theo đó là nghĩa vụ và quyền lợi của hệ thống quan lại và chức dịch.

- Luật tục cũng phản ánh sự *phân tầng và các quan hệ xã hội* Thái, với các tầng lớp quý tộc, dân tự do, dân phụ thuộc(*cuông, nhốc).* đặc biệt, trong xã hội Thái trước cách mạng tháng 8, các tộc người được gọi là *Xá* (Khơ mú, Kháng, Xinh mun...) đều trở thành *cuông nhốc* của chúa đất Thái, chịu thân phận phụ thuộc như kiểu nông nô của xã hội phong kiến.

- Luật tục Thái chứa đựng các tư liệu quý để nghiên cứu các *hình thức bóc lột xã hội tiền phong kiến* mang đặc tính "phi kinh tế", đó là các hình thức *lao dịch và cống nạp.* Luật tục *bản mường* đã quy định hết sức chi tiết và chặt chẽ các hình thức bóc lột lao dịch và cống nạp này.

- Luật tục cũng phản ánh khá cụ thể và xác thực các *quan hệ trong cộng đồng mường bản,* những xung đột thường xảy ra cần phải giải quyết nhằm điều hoà và ổn định các quan hệ xã hội đó. Đó là các quan hệ giữa quý tộc, quan lại, chức dịch với dân thường, các quan hệ về nam nữ, hôn nhân và gia đình, các quan hệ sở hữu và kế thừa tài sản, các xung đột cá nhân về thân thể (chửi rủa, đánh nhau, giết nhau...)

- Luật tục chứa đựng các nguồn tư liệu hết sức phong phú và đa dạng về *tín ngưỡng, phong tục, nghi lễ... để nghiên cứu về đời sống văn hoá của tộc người Thái, mà trong công trình này là các lệ tục về cưới xin và tang ma.*

- Luật tục cũng chứa đựng tư liệu giúp ích cho các nhà sử học tìm hiểu *sự hình thành và tồn tại của các mường*, sự kế tục của các dòng họ quý tộc cha truyền con nối cai trị các *mường* Thái đối với chính quyền nhà nước Đại việt và thực dân Pháp sau này.

2. Luật tục Thái và bản sắc văn hoá tộc người

Luật tục Thái là công cụ để điều hành xã hội *bản mường* cổ truyền, nó đề cập tới nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội và chính ở đó các nét *đặc thù, bản sắc văn hoá được thể hiện một cách tập trung và rõ nét. Những sắc thái và bản sắc văn hoá Thái thể hiện trong luật tục qua các khía cạnh sau:*

- Qua luật tục Thái chúng ta có thể tìm hiểu *về ngôn ngữ, văn tự và hình thức tư duy* của người Thái. Đó là hình thức lời nói vần, các hình thức hát kể, hát khóc, một kiểu tư duy cụ thể giầu hình tượng. Văn tự dùng trong luật tục hình thức văn tự cổ, ngày nay còn rất ít người có thể đọc và thông hiểu. Tuy nhiên, so với luật tục truyền miệng của các tộc người chưa có chữ viết (như Êđê, Mnông...) thì dù sao luật tục Thái cũng đã văn bản hoá và được lưu truyền dưới dạng văn bản, do vậy hình thức ngôn ngữ của nó khá chặt chẽ, ngắn gọn và chi tiết hơn.

- Luật tục Thái chứa đựng nguồn tư liệu rất phong phú về *tín ngưỡng, nghi lễ, phong tục của tộc người.* Đây là các phong tục, lệ tục đã hình thành từ lâu đời, đã được định hình và cố định lại dưới dạng lệ tục. Qua tục lệ tang ma và cưới xin in trong tập sách này có thể giúp ta hiểu một cách đầy đủ, toàn diện phong tục hết sức phong phú và độc đáo của tộc người này, mà bất cứ sự điều tra dân tộc học nào cũng không có thể sánh được. Đó là các phong tục mang nét riêng của tộc Thái, tính hệ thống rất cao và chứa đựng tính nhân bản sâu sắc. Đó cũng là tư liệu quý giúp chúng ta hiểu và khai thác những nét đẹp của phong tục cổ truyền để xây dựng phong tục mới hiện nay, nhất là về cưới xin và ma chay.

- Tổ chức xã hội theo *bản mường* là một mô thức xã hội rất đặc thù của người Thái. Cơ cấu xã hội này phù hợp với môi trường sống thung lũng, với trình độ phát triển xã hội tiền nhà nước, để lại dấu ấn sâu đậm trong cách suy nghĩ, ứng xử và quan hệ xã hội của tộc người này. Cơ cấu xã hội này cũng còn tác động nhiều tới đời sống xã hội của người Thái hiện nay. Có thể coi đó là nét nổi bật của bản sắc văn hoá Thái mà luật tục *bản mường* còn ghi lại một cách hoàn chỉnh.

3. Luật tục, kho tàng tri thức bản địa quý giá

- Với tư cách là bộ "luật" của *bản mường*, luật tục là công cụ điều hành các quan hệ xã hội, là sự tổng hợp cô đọng nhất *tri thức về quản lý cộng đồng* của tiền nhân. Tất nhiên, các quy định về quản lý cộng đồng trong luật tục này so với ngày nay nhiều điều đã lỗi thời, không còn phù hợp nữa, những những tri thức của người xưa về quản lý cộng đồng *bản mường* vẫn còn là kho vốn tri thức, bài học quý để ngày nay chúng ta có thể tìm hiểu, học hỏi để làm tốt hơn việc quản lý cộng đồng làng bản hiện nay.

Trước nhất, đó là tri thức biết *phát huy sức mạnh của cộng đồng trong đời sống xã hội*. Cộng đồng ở đây là cộng đồng *bản mường*, một hình thức tổ chức xã hội đặc thù của tộc người Thái. Trong cộng đồng *mường bản* ấy mỗi cá nhân, trên danh nghĩa, được xác định rõ quyền lợi (được hưởng ruộng công, nguồn nước, các lâm sản khác,...) và nghĩa vụ gánh vác việc công ích của làng xã.

Đó là việc hình thành và *chuẩn hoá các chuẩn mực của hành vi ứng xử của mỗi cá nhân trong cộng đồng*, phân biệt rõ đâu là đúng, sai hay tốt, xấu. Luật mường nêu rõ 47 loại người và kèm theo đó là các hành vi của họ. Đây là một thứ quy chuẩn xã hội, có tác dụng hướng dẫn hành vi của mỗi cá nhân trong cộng đồng.

Đó là sự *kết hợp giữa các hình phạt theo luật tục và các hình thức giáo dục đạo đức*, thông qua các lời răn dạy, qua dư luận xã hội. Sự kết hợp này không chỉ sử lý tốt các sai phạm đã sẩy ra mà còn có tác dụng ngăn ngừa những sai phạm. Điều này luật tục khác biệt với luật pháp nhà nước là luật pháp chú ý nhiều hơn tới các hình phạt khi sự vi phạm đã xảy ra.

- Luật tục chứa đựng những tri thức của cộng đồng về *quản lý và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên*. Trước nhất, luật tục Thái quan tâm đặc biệt tới quyền sở hữu, quyền sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Mà về phương diện nào đó việc xác định quyền sở

hữu công cộng của *bản mường* và quyền sử dụng của cá nhân là một trong các nhân tố quan trọng góp phần quản lý tốt và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, rừng, nguồn nước, các lâm thổ sản khác. Các quy định của luật tục về bảo vệ nguồn nước, rừng cấm, rừng đầu nguồn, quy định về săn thú, về khai thác tổ ong trong rừng,... theo hướng khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên này cũng góp phần vào việc khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên một cách bền vững.

IV. LUẬT TỤC VỚI XÃ HỘI THÁI HIỆN NAY

1. Hiện tại, xã hội Thái đã có nhiều thay đổi so với trước cách mạng. Trước nhất, cơ cấu xã hội *bản mường* đã bị phá vỡ, tầng lớp quý tộc chúa đất với những đặc quyền, đặc lợi đã bị xoá bỏ, người nông dân tự do Thái, các tầng lớp *cuông nhốc* đã được giải phóng, chính quyền cách mạng ở cấp cơ sở đã được hình thành và củng cố, các quan hệ xã hội mới dựa trên quyền làm chủ của nhân dân được thiết lập, quan hệ dân tộc trên các nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng và tương trợ đã được xây dựng và củng cố... do vậy, nhiều điều trong "Luật mường" nay không còn thích hợp nữa. Tuy nhiên, với cơ cấu xã hội *bản mường* cổ truyền, đặc biệt là mối quan hệ cộng đồng *mường bản* vẫn là một tiềm ẩn chi phối hành vi ứng xử của con người mà ngày nay khi tổ chức xã hội ở cơ sở cũng như xây dựng các mối quan hệ xã hội mới chúng ta không thể không quan tâm.

Trong luật mường, các vấn đề về quan hệ nam nữ, quan hệ hôn nhân, gia đình, ly dị, tội ăn cắp, xâm phạm cơ thể người khác... bên cạnh những mặt lỗi thời, lạc hậu vẫn có những mặt chúng ta cần học hỏi, tiếp thu để xây dựng các quan hệ xã hội mới hiện nay. Chỉ riêng việc trong bộ luật mường Mai Châu định ra 47 loại người với những tính cách và hành vi của họ là những chuẩn mực và giá trị mang tính trường tồn.

2. Trong luật tục Thái, các khía cạnh về văn hoá, như: phong tục tập

quán và nghi lễ vừa mang tính nhân bản sâu sắc vừa chứa đựng những sắc thái văn hoá độc đáo thì vẫn còn những giá trị nhất định đối với việc xây dựng đời sống văn hoá ở *bản mường* hiện nay. Hiện tại, ở miền xuôi việc kế thừa mặt tích cực của hương ước cũ xây dựng các quy ước nông thôn mới đã đạt kết quả tốt. Đặc biệt, năm 1998 Chính phủ đã ra nghị định chỉ đạo và hướng dẫn việc kế thừa mặt tích cực của luật tục và hương ước để xây dựng quy ước nông thôn mới, vấn đề hương ước, luật tục và xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở. Ngày nay, ở một số bản làng dân tộc cũng đã có chủ trương kế thừa những mặt tích cực của luật tục để xây dựng quy ước mới ở buôn làng miền núi. Đây là dịp tốt để chúng ta xem xét lại di sản văn hoá quý báu này theo hướng kế thừa và phát huy mặt tích cực, loại bỏ dần các mặt tiêu cực của luật tục.

PHẦN THỨ HAI

CÁC VĂN BẢN LUẬT TỤC THÁI Ở TÂY BẮC

(PHẦN CHỮ THÁI)

ꪒꪊꪀ ꪇꪖꪖꪇ ꪎꪀ ꪀꪶꪊ ꪎꪕꪖ ꪉꪊꪇ ꪒꪊꪊꪶꪎꪖ.

ꪎꪕꪖ ꪊꪊꪊꪊ : ꪉꪊꪇ ꪒꪊꪊꪕꪱ ꪉꪊꪒ
ꪒꪊꪎ ꪉꪊꪇ ꪉꪊꪇ ꪒꪊꪊꪶꪎꪖ ꪀꪎꪊꪉ ꪎꪀ 1930

1. ꪒꪊꪇ ꪎꪖꪀ ꪎꪕꪖꪇꪎꪀ ꪎꪕꪖ ꪊꪊꪒ ꪒꪊꪊꪉ ꪒꪊꪖꪎꪉ ꪒꪊꪖꪎꪉ ꪒꪊꪊ

9. Khi đánh cờ không được nói, chỉ được dùng mắt để biểu thị những ý định của mình cho bạn cờ và không được có những cử chỉ làm ảnh hưởng đến ván cờ.

10. Khi đánh cờ phải giữ gìn lịch sự, không được có những hành vi thô tục.

11. Được đi nước cờ nào thì phải đặt quân cờ vào đúng ô đó, không được đặt sang ô khác, không được đặt quân cờ này chồng lên quân cờ khác.

12. Người chơi được đi tối đa hai nước liên tiếp trong một ván cờ, nước thứ hai phải đi ngay sau khi đối phương đi nước thứ nhất:

I. Quân Tốt sang sông và quân Mã

13. Ông Lê Quý Đôn viết: "Quân Mã không nhảy, quân Xe không nhảy được".

14. Nhảy 2 ô theo đường chéo quân Mã nhảy liền kề 1 ô (đó), gọi là đường

15. Được đi 1 ô theo chiều dọc hoặc ngang rồi nhảy quân Mã đi tiếp 1 ô theo đường chéo.

16. Quân Mã được sang sông khi:

- Quân Mã đang ở vị trí liền kề quân Xe, Pháo đối phương đứng ở vị trí đối diện với nó.

Được quân Mã ăn quân Xe:

- Quân Mã bị bắt ngay sau khi đi, thì người đi nước cờ đó phải

ว่าอ้ายนั้นเป็นลูกเขา.

- เมื่อเขาเจ็บไข้ได้ป่วย, ถ้าเขาตายก็ให้ถูกเขาฆ่าเขาตายเสีย.

- เมื่อเขาตาย, ถ้าเขาตายก็ให้ถูกเขาฆ่าเขาตายเสีย.

- ถูกเขาฆ่า, ถ้าเขาตายก็ให้ถูกเขาฆ่าเขาตายเสีย

17. เมื่อผู้ชายไปขอหญิงมาเป็นเมีย, มาอยู่ด้วยกัน, แต่ว่าไม่ได้ถูกต้องกันตามประเพณี, ถูกผู้หญิงฟ้องร้องเอา.

18. เมื่อผู้ชายไปขอหญิงมาอยู่ด้วย, ถ้าเขาตายก็ให้ถูกต้องตามประเพณี, ถ้าไม่ถูกต้องก็ไม่ได้เป็นเมียกัน

19. เมื่อหญิงเมื่อมีสามีแล้วมาตายเสีย, แต่เมื่อยังไม่ได้ถูกต้องตามประเพณี, เมื่อจะเอาเป็นเมียก็ได้.

20. แต่ถ้าได้ถูกต้องตามประเพณีแล้ว, ถึงแม้ว่าแต่งงานกันมาแล้วสิบปีก็ดี, ถ้าเมื่อได้ถูกต้องตามประเพณีแล้ว, ก็เป็นเมียกันแล้ว.

21. เมื่อผู้ชายหญิงมีเรื่องกันขึ้นแล้วจะหย่ากันนั้น "ขาดจากกันแล้ว" ก็ต่อเมื่อได้ถูกต้องตามประเพณีแล้วเท่านั้น.

22. "ถ้าเมื่อหญิงไปเป็นเมียชายอื่นแล้ว" - ถ้าเมื่อหญิงไปเป็นเมียชายอื่นแล้ว, เมื่อหญิงนั้นจะกลับมาเป็นเมียชายเดิมอีกก็ได้ ถ้าเมื่อชายเดิมไม่ต้องการแล้ว. ถ้าชายเดิมยังต้องการอยู่ก็ให้ชายเดิมเอาเงินไปไถ่ถอนเสียก่อน. ถ้าไม่ไถ่ถอนก็ไม่ได้เป็นเมีย. ถ้าชายใหม่ไปเป็นเมียแล้วก็ให้ชายใหม่เอาเงินไปไถ่ถอนเสียก่อน.

II. ว่าด้วยประเพณีการแต่งงานและการเป็นเมียกัน:

23. ถ้าเมื่อผู้ชายหญิงไปเป็นเมียกัน

24. ସମସ୍ତ ଧର୍ମ ବିଦ୍ୟମାନ ବିଦ୍ୟମାନତା ଦୃଷ୍ଟିରେ ନଥିବା ଅବସ୍ଥା ଜାଣିବା ।

25. କେହି ଧର୍ମର ଧର୍ମତ୍ୱର ବିଚାର କରିବେ, ସିଏ ଜଣେ ଦକ୍ଷ ଦ୍ରଷ୍ଟା ବୋଲାଯାଏ ।
ସିଏ ; ଏହା ଦିଶେ, ସିଏ ଜଣେ ଦ୍ରଷ୍ଟା ନୁହେଁ । ଯଦି ଧର୍ମକୁ ସମ୍ପୂର୍ଣ୍ଣ ଦୃଷ୍ଟିରେ
ଦେଖିବେ ସେତେବେଳେ ତାର ବିଚାର କେହି କରିବେ ନାହିଁ ।

26. ଯେ ବ୍ୟକ୍ତି ଏହାକୁ ଦେଖି ଥିବେ ନଥିବ ବୋଲି, ସିଏ ଜଣେ ଦ୍ରଷ୍ଟା ଅଟନ୍ତି ବୋଲି
କେହି ଏହାକୁ ଜାଣେ ଦେଖିଥାଏ (ଏହାଟି) ଯେଉଁ ଦିନଠାରୁ ସେହି ଦିନଠାରୁ
27. ଯେଉଁଠାରେ ଏହା, ସେଉଁଠାରେ, ସେଉଁଠାରେ ... ଦୃଶ୍ୟରେ ଏହା ଅନୁଭବ ହୁଏ
ନାହିଁ ଏହା ଅଦୃଶ୍ୟ.

III. ଯେଉଁ ମାନେ ଧର୍ମକୁ ସେବେ ଦିନେ ଦେଖିବା ପାଇଁ, ଏହା ମାନେ ଧର୍ମକୁ
ଦୃଶ୍ୟ ଯୋଗ୍ୟ ଭାବେ ଉପସ୍ଥିତ ହୋଇଥିବା ଭାବେ ଦେଖିବା ପାଇଁ :

28. ଦିନେ ଏହା ବିଦ୍ୟମାନ ଯୋଗ୍ୟ ଏହା ଜଣେ ନଥିବାରେ ଧର୍ମକୁ ଦ୍ରଷ୍ଟବ୍ୟ. ଦିନେ
ଏହା ଥିବା ବୋଲି ଦୃଶ୍ୟ ଧାରଣା ଅଟେ ବୋଲି. ଅସତ୍ତ୍ୱକୁ ବୋଲି ଏହା ଅନୁଭବକୁ
ସେବେ ଏହା ବୋଲି ନୁହେଁ.

29. ଦିନେ ଏହା ଜଣ ଜଣେ ଧର୍ମକୁ ଦେଖିବେ : ଧର୍ମକୁ ଦେଖି, ଧର୍ମକୁ ଦେଖିବେ,
ଧର୍ମକୁ ଚାହେଁ, ଧର୍ମକୁ ଜାଣି, ଧର୍ମକୁ ଅନୁଭବ, ଧର୍ମକୁ ଅନୁଭବ, ଧର୍ମକୁ ଧରିବ, ଧର୍ମକୁ ଧାରଣା, ଧର୍ମକୁ ମାନ,
ଧର୍ମକୁ ଦେଖିବା ଭଳି; ଯେଉଁମାନେ ଧର୍ମକୁ ନଥିବା ଦେଖି ଥାଏ : ଧର୍ମକୁ ଦେଖି, ଧର୍ମକୁ
ନାହିଁ, ଧର୍ମକୁ ଦେଖି, ଧର୍ମକୁ ଧାରଣା, ଧର୍ମକୁ ଧାରଣାରେ, ଧର୍ମକୁ ଜାଣିବେ, ଧର୍ମକୁ
ଧାରଣା ନାହିଁ.

30. ଏହା ବିଷୟ ମାନେ ଯେଉଁମାନେ ଏହା ଜଣେ ନଥିବା ଧର୍ମକୁ ଦ୍ରଷ୍ଟବ୍ୟ, ବିଷୟ ଯେଉଁ
ଧର୍ମକୁ ଦେଖିବେ ଦିନେ : ଦ୍ରଷ୍ଟବ୍ୟ ଦୋଷ, ଧର୍ମକୁ ଦେବାକୁ ଧାରଣାରେ, ଧର୍ମକୁ ମାନ ନାହିଁରେ;
ଯାହା ଧର୍ମକୁ ନଥିବା ଅଟି-ଯାଏ : ଧର୍ମକୁ ଦୋଷ, ଧର୍ମକୁ ଦୋଷରେ.

31. ଏହା ବିଷୟ ମାନେ ଅନୁଭବ ଯେଉଁମାନେ ଏହା ଜଣେ ନଥିବା ଧର୍ମକୁ ଦ୍ରଷ୍ଟବ୍ୟ, ବିଷୟ ଯେଉଁ
ଧର୍ମକୁଦେଖିବେ ଦିନେ : ଧର୍ମକୁ ଯୋଗ, ଧର୍ମକୁ ଅନୁଭବ, ଧର୍ମକୁ ଜାଣିବାକୁ; ଯୋଗ

ปาปู่ หก๋อ ลี้ ขาย: ปู่ ปอปู่, ปาปู่ เฒ่า, ปาปู่ ขอด.

32. ผู้ ชู้ เฒ่า หาย ตาย เฒ่าย เป่า ยิ้ด หก๋อ ปาปู่ ตู้ก๋อ ถา, ก็ ขะลง ปาปู่ เหฺมะ ก๋ะ: ปาปู่ เป่าปอ, ปาปู่ ปิ่ว, ปาปู่ เป่า ปาก หาย ขอด ปาปู่ หก๋อ ลี้ ขาย: ปาปู่ ขาย๋ยิ้ด, ปาปู่ เป่า เฒ่าว.

33. ผู้ ตัด ปอ หาย ขาย เฒ่าย เป่า ยิ้ด หก๋อ ปาปู่ ตู้ก๋อถา, ก็ ขอด ปาปู่ เหฺมะ ก๋ะ: ปาปู่ ก็ปู่, ปาปู่ เป่า เฒ่าอ, ขอด ปาปู่หก๋อ ลี้ ขาย: ปาปู่ ปาปอ, ปาปู่ ปาย๋ปู่ ตู้ก๋อ.

34. เผ้อ เจ๋ขะ ก๋ปิ เกิ๊ะ ขอ๋ย พ้าย ยิ้ด ปาปู่ ฆอบ หาย เจ๋ปาเฒ่าย เป่า, ก็ ปาปู่ ปาย เหฺมะ ก๋ะ: ปาปู่ พาย, ปาปู่ เจ๋ขอ๋, ปาปู่ ยิ้อย, ปาปู่ ม่ะปู่ เจ๋าย, ปาปู่ เป่าปู่ เจ๋ข.

35. เผ้อ ฆอบ ก๋ะถา เกิ๊ะ ขอ๋ย ฆอบ ยิ้ด ปาย ตู้ก๋ หาย เกิ๊ะ เฒ่าย เป่า, ก็ปู่ ขะย ปาปู่ เหฺมะ ก๋ะ: ปาปู่ เจ๋ปู่, ปาปู่ ฮาง, ปาปู่ หาย๋ฆ, ปาปู่ ปาย๋ปู่.

36. เผ้อ ปาย ปาหก๋อก๋ปิ เกิ๊ะ ขอ๋ย ปาย ปาหก๋อ ยิ้ด ปาปู่ ปาหก, ก็ปู่หาย ขะย เฒ่าย เป่า, ก็ปู่ขอด ปาปู่หก๋อ ตู้ปู่ ขาย: ปาปู่ เจ๋ปู่, ปาปู่ ปอยะปู่.

37. เผ้อ ฆอบ หาง ก๋ปิ เกิ๊ะ ขอ๋ย ฆอบ หาง ยิ้ด ปาปู่ ก็ปู่ หาขะหย เฒ่าย เป่า, ก็ปู่ ปาปู่ เหฺมะ ก๋ะ ล้: ปาย เจ๋ขะ หาย.

38. เผ้อ หาย หาย ปิ๊ ไฮ้ เจ๋เฒ่า ฆาก เผ้อ ปาย หาย หาง ยิ้ด ปาย เจ๋ปู่ หาย ขอด เฒ่าย เป่า, ก๋ะถา อ๋ก ก๋ะปู่ ปู่ปู่ (ขอ๋ย ฆอบ หาง.

39. เผ้อ ปาย เจ๋ปาย ยิ้ด ปาปู่ ปู่ไฮ้ ปาก๋อ หาย ขอด เฒ่าย เป่า, ก๋ะถา อ๋ก ก๋ะปู่ ปู่ปู่ (ขอ๋ย พ้าย.

40 เผ้อ พ้าก ยิ้ด ปาย ปอ๋ยิ้ด หาย ขอด เฒ่าย เป่า, ก๋ะถา อ๋ก ก๋ะปู่ ปู่ปู่

ਨਰਜ ਘਰਜ

41. ਯਹ ਮੈਨੇ ਜਲਦ ਬੋਲਕੇ ਸੁਣਕੇ ਸਭਾ ਨਰਜ ਸਭਾਨ ਹਨ , ਤੁਸੀਨ ਕਿਨਾਰੇ ਯਹ ਮਾਰ ਸੁਨਾਰੇ ਨਾਲੇ ਤੁਸੀਨ ਸਭਾਨ ਮਨ ਤੁਸੀਨ ਮਰਦੇ ਯਹ ਘਰ.

ਸਭਾਨ ਨਿਨ ਦਿਨ ਸਭਾ ਨਰਦ ਘਨ ਯਹ ਤੁਸੀਨ ਮੈਨੇ ਨੁਸੈਦਨ ਨਰਜ ਨਰ ਘਨ ਯਹਰ ਸਯਦੇ ਨਰਦੇ ਸੁਨੈ ਸਭਾ :

42. ਕੈਨ ਮੈਨੇ ਨਾਲੇ ਤੁਸੀਨ , ਯਹ ਨਰਜ ਨਿਨ ਨਾਲੇ ਨਰਦ ਨਰਦ ਸਭਾਨ ਸਭਾਨ , ਸਭਾਨ ਸਭਾਨ ਮੈਨੇ ਦਿਨ ਨਿਨ ਸਾਲ ਤੁਸੀਨ ਸਾਲ ; ਤੁਸੀਨ ਸਾਲ ਨਿਨ ਯਹ ਨਿਨ ਸਭਾਨ ਮਨ ਸਭਾਨ ਘਰ ਸਭਾਨ

43. ਕੈਨ ਮੈਨੇ ਨਾਲੇ ਮੈਨ ਦਿਨ ਸਾਲ ਨਰਦ ਨਰਦ ਨਰਜ ਨਿਨ , ਯਹ ਨਰਜ ਨਿਨ ਨਾਲੇ ਨਰਦ ਨਰਦ ਸਭਾਨ ਸਭਾਨ ਨਰਜ . ਸਭਾਨ ਸਭਾਨ ਮੈਨੇ ਨਾਲੇ ਨਾਲੇ ਦਿਨ ਸਾਲ ਦਿਨ ਨਿਨ ਤੁਸੀਨ ਨਾਲੇ ਸਭਾਨ . ਸਭਾਨ ਮਨ ਨੁਸੈਦ ਨਰਦ ਘਨ , ਨਰਦ ਸਭਾਨ ਨਰਦ ਸਭਾਨ . ਨਰਦ ਨਿਨ ਸਭਾਨ , ਸਭਾਨ ਸਭਾਨ ਨਿਨ ਦਿਨ ਨਾਲੇ ਨਾਲੇ ਨਾਲੇ

ਕੁਨ੍ਹ ਦਿਨ੍ਹ ਖਨ੍ਹ ਲਾ ਕਯਾ ਖਨ੍ਹ ਸਮ੍ਹ ਘਲ੍ਹ ਮਾ, ਕਯਾ ਦਿਨ੍ਹ ਨਨ੍ਹ, ਨਾਲ ਸ੍ਹਿ ਗਾਨ ਲਿਸਯ ਨਨ੍ਹ ਖਿਨ੍ਹ ਕਯਾ ਲਾਲ ਸ੍ਹਿ ਲਿਸਯ ਮਾ ਲਿਸਯ ਮਾਨ

(xg) gyase ns phuj tob nis mov lij nrg ib nqi nkaum ntxhe tej zu tse mus ncig qub ntau. qhov hnub nqi nkaum hnub ntawd yuav tsis ua dab tsi.

55. hnub nqi nkaum ntxhe, qhov (xg) yav nqi nkaum hnub ntawm nqi nkaum hnub ntuj nrog nyiv nqi nkaum ua hnub ntxiv ua zes ntxhw tsheb ntxhe ntawm, ua. thiab ntxhe ntawm hnub tsis: tsiab ntawm, (xg) ntxhw, thiab nqi nkaum, tsiab hnub ntawm ib hnub ntxhw ncig: tsiab ntawm, tsiab ntxhw, tsiab hnub ntawm tsiab ntawm ntxhw, tsiab phuj tej ncig ntxhw ntxhw, hnub nqi nkaum hnub tsiab ntawm ntxhw ntxhw, thiab tsis, ntawm ntxhw thiab nqi nkaum, nrg thiab ntxhw ntxhw ntawm ntxhw ntawm ntxhw hnub tsis nqi nkaum hnub txhe (xg) tsis. ib nqi ntxhw zu ing ntxhw ntawm ntxhw thiab tsis ntawm ntxhw ntawm ntxhw ntawm ntxhw ntawm ntxhw ntawm ntxhw ntawm

56. zu ntxhw nqi nkaum hnub:

- xob nqi nkaum hnub (xg) hnub. nqi nkaum hnub ntawm nqi nkaum phuj tsis ntawm ntxhw ua ib. nqi nkaum ntxhw hnub tsis nqi nkaum phuj thiab ntxhw ua ib.

- xob nqi nkaum hnub (xg) hnub. nqi nkaum hnub ntawm tsis nqi nkaum phuj ua hnub ntxhw ua ib. nqi nkaum ntxhw hnub tsis nqi nkaum phuj thiab ntxhw ua ib.

- xob nqi nkaum hnub (xg) nub hnub. nqi nkaum hnub ntawm tsis nqi nkaum phuj ntxhw ntxhw ua ib. nqi nkaum ntxhw hnub tsis nqi nkaum phuj thiab ntxhw ua ib.

- xob nqi nkaum hnub (xg) nub nub. nqi nkaum hnub ntawm tsis

ข้อห้ามของหมู่บ้านอย่างเคร่งครัด.

57. ก่อนที่ชาวบ้านจะเข้าป่าล่าสัตว์ หรือเก็บของป่าทุกครั้ง จะต้องมีการเซ่นไหว้ผีป่าเสียก่อน ด้วยการนำเครื่องเซ่นไหว้ไปวางไว้ที่ต้นไม้ใหญ่ในป่า:

- ผีป่าเจ้าที่ที่ดิน ขอเชิญท่านมารับเครื่องเซ่นไหว้ที่ลูกหลานได้จัดเตรียมไว้ให้ท่านในครั้งนี้ ขอให้ท่านได้โปรดคุ้มครองลูกหลานของเราด้วยเถิด.

- ขอเชิญท่านเจ้าที่ป่าเจ้าเขาทั้งหลาย ที่ได้ปกปักรักษาลูกหลานของเราในครั้งนี้ ขอให้ลูกหลานของเราได้ประสบแต่ความสุขความเจริญ ปราศจากโรคภัยไข้เจ็บทั้งปวง.

- ขอเจ้าที่ป่าเขาทั้งหลาย ที่ได้ปกปักรักษาลูกหลานของเราในครั้งนี้ ขอให้ลูกหลานของเราได้ประสบแต่ความสุขความเจริญ ปราศจากโรคภัยไข้เจ็บทั้งปวง.

- ขอเชิญท่านเจ้าที่ป่าเจ้าเขาทั้งหลาย ที่ได้ปกปักรักษาลูกหลานของเราในครั้งนี้ ขอให้ลูกหลานของเราได้ประสบแต่ความสุขความเจริญ ปราศจากโรคภัยไข้เจ็บทั้งปวง.

- ขอเชิญท่านเจ้าที่ป่าเจ้าเขาทั้งหลาย ที่ได้ปกปักรักษาลูกหลานของเราในครั้งนี้ ขอให้ลูกหลานของเราได้ประสบแต่ความสุขความเจริญ ปราศจากโรคภัยไข้เจ็บทั้งปวง.

- ขอเชิญท่านเจ้าที่ป่าเจ้าเขาทั้งหลาย ที่ได้ปกปักรักษาลูกหลานของเราในครั้งนี้ ขอให้ลูกหลานของเราได้ประสบแต่ความสุขความเจริญ ปราศจากโรคภัยไข้เจ็บทั้งปวง.

- ขอเชิญท่านเจ้าที่ป่าเจ้าเขาทั้งหลาย ที่ได้ปกปักรักษาลูกหลานของเราในครั้งนี้ ขอให้ลูกหลานของเราได้ประสบแต่ความสุขความเจริญ ปราศจากโรคภัยไข้เจ็บทั้งปวง.

- ขอเชิญท่านเจ้าที่ป่าเจ้าเขาทั้งหลาย ที่ได้ปกปักรักษาลูกหลานของเราในครั้งนี้ ขอให้ลูกหลานของเราได้ประสบแต่ความสุขความเจริญ ปราศจากโรคภัยไข้เจ็บทั้งปวง.

ලියාපදිංචි කරන්න ඕනෑ, නැත්නම් ඒ අයට ඔබේ සමාව ලබා ගැනීමේ
අවස්ථාව අහිමි වේවි.

- ඒත් ඔබේ සිත තුළ ඒ අය ගැන තවම තරහ ඉතිරි වෙලා තියෙනවා නම්
ඒ ගැන ඔබේ හිතට කරදර වෙන්න ඉඩ දෙන්න එපා. ඒ අය ගැන හිතන
හිතන තරමට ඔබේ හිත තුළ තරහ වැඩි වෙනවා මිසක අඩු වෙන්නේ
නෑ. ඒ නිසා ඒ අය ගැන හිතන හිතන තරමට ඔබේ හිත තුළ තරහ
වැඩි වෙනවා මිසක අඩු වෙන්නේ නෑ. ඒ නිසා

- ทางการเจ้าหน้าที่ต้องรีบแจ้งให้ประชาชนทราบทันที ถ้าไม่ทำตามนี้ ถือว่าผิดกฎหมาย ต้องถูกปรับตามที่กำหนดไว้ในกฎหมาย ถ้าเจ้าหน้าที่ของรัฐคนใดทำผิดกฎหมายนี้ ก็ต้องถูกลงโทษตามที่กฎหมายกำหนดไว้เช่นกัน

- ทางการห้ามไม่ให้ประชาชนเก็บของป่าหวงห้ามไว้ในบ้านเรือนของตน ถ้าใครฝ่าฝืนจะถูกปรับตามที่กฎหมายกำหนดไว้

- ทางการห้ามไม่ให้ประชาชนเก็บของป่าหวงห้ามไว้ในบ้านเรือนของตน ถ้าใครฝ่าฝืนจะถูกปรับตามที่กฎหมายกำหนดไว้

- ใครก็ตามที่ไม่ได้ทำผิดกฎหมาย แต่ถูกกล่าวหาว่าทำผิดกฎหมาย ถ้าเขาสามารถพิสูจน์ได้ว่าตนเองไม่ได้ทำผิดกฎหมาย เขาก็จะได้รับการปล่อยตัวให้เป็นอิสระ

- ใครก็ตามที่ทำผิดกฎหมาย แต่ไม่ถูกจับกุมดำเนินคดี ถ้าเขาสารภาพผิดด้วยตนเอง เขาก็จะได้รับการปล่อยตัวให้เป็นอิสระ

ข้อ 69. ตามที่ระบุไว้ในข้อ 68 ข้างต้น ใครก็ตามที่ไม่ปฏิบัติตามกฎหมายนี้ ต้องถูกลงโทษดังต่อไปนี้:

- ผู้ใดก็ตามที่ขโมยสิ่งของมีค่าของผู้อื่น ไม่ว่าจะเป็นเงิน ทอง หรือสิ่งของอื่นใด ต้องถูกปรับเป็นเงินสองเท่าของมูลค่าสิ่งของที่ขโมยไป

- ผู้ใดก็ตามที่ทำร้ายร่างกายผู้อื่น ไม่ว่าจะเป็นพ่อ แม่ ลูก ญาติพี่น้อง หรือคนอื่นๆ ต้องถูกปรับเป็นเงินสองเท่าของค่ารักษาพยาบาลของผู้ที่ถูกทำร้าย

thường thơ thể thơ tự do rất được sử dụng.

- Đặc điểm của thơ thể thơ - Đặc thể thơ thường thể thơ thể, đặc biệt thơ thể thơ thể thơ thể thơ.

Mỗi bài thơ thể thơ có số lượng câu thơ không cố định. Đặc biệt thường thể thơ thể thơ thường thể thơ thường thường

Thể thơ có số lượng thơ nhất, thể thơ có số lượng thơ ít nhất là hai thơ, đặc biệt thơ thể thơ thường thể thơ.

Thể thơ có số lượng thơ trung bình, thể thơ có số lượng thơ thường là bốn thơ. Thơ thể thơ thường được thường thể.

Thể thơ có số lượng thơ nhiều, thể thơ thường được thường thể thơ thường thơ.

60. Bài thơ thể thơ thường thơ thể thơ thường được thường thể thơ, thể thơ thơ thể thơ thường thể thơ thường thể thơ. Một thơ thể thơ thường thể thơ thường thể thơ thể thơ

Đặc biệt thể, thường, thơ thể thơ thường thể thơ thường thường, một thể thơ thường thường, thường, thơ, thơ, thơ thường thể thơ thường thể thơ thể thơ thường.

Đặc biệt thơ thường thường thể thơ, thơ thể thơ thường thể thơ thường thường

ผ่านก็ต้องเสียค่าปรับ ถ้าเป็นเรื่องที่ผิดเล็กน้อย ก็ต้องเสียค่าปรับเล็กน้อย ถ้าเป็นเรื่องที่ผิดใหญ่ ก็ต้องเสียค่าปรับใหญ่ ตามที่ได้กำหนดไว้ในกฎหมาย . เมื่อเกิดเรื่องขึ้นแล้ว ผู้ที่ทำผิดจะต้องเสียค่าปรับตามที่ได้กำหนดไว้ในกฎหมาย ถ้าไม่ยอมเสียค่าปรับ ก็จะถูกขับไล่ออกจากหมู่บ้าน.

69. ในสมัยก่อน ถ้าเกิดมีเรื่องทะเลาะวิวาทกันขึ้นในหมู่บ้านหรือในเมืองใดเมืองหนึ่ง ผู้ที่ทำผิดจะต้องถูกปรับ . ผู้ที่ถูกปรับ, ผู้ที่ไม่ยอมเสียค่าปรับ ก็จะถูกขับไล่ออกจากหมู่บ้าน . ถ้าเขาไม่ยอมออกไปจากหมู่บ้าน เขาก็จะถูกฆ่าตาย . ในสมัยก่อนนั้น ถ้าเกิดมีเรื่องทะเลาะวิวาทกันขึ้นในหมู่บ้านหรือในเมืองใดเมืองหนึ่ง ผู้ที่ทำผิดจะต้องถูกปรับ ถ้าเขาไม่ยอมเสียค่าปรับ เขาก็จะถูกฆ่าตาย ถ้าเขาไม่ยอมออกไปจากหมู่บ้าน เขาก็จะถูกฆ่าตาย ถ้าเขาหนีไปอยู่ที่อื่น ผู้ที่ไล่ตามไปฆ่าเขาก็ไม่มีความผิด

ସବୁ ଦିନ ଏମିତି ନାଚ ଚାଲି.

୬୨. ଘର ନାଚ ପାଇଁ (ଲାଜ ପାଇଁ) ହିଜଡ଼େ ମାନଙ୍କୁ ଯେଉଁ ଲୋକ ମାନେ, ସେମାନେ ଘରେ ଝିଅ ବିହା ହେଲେ ବା ପୁଅ ଜନ୍ମ ହେଲେ ଏମାନଙ୍କୁ ଡାକି ନିଅନ୍ତି. ଏମାନେ ଆସି ଘରେ ନାଚ ଗୀତ କରନ୍ତି, ସେମାନେ ଯେତେ ଦିନ ଘରେ ରହି ନାଚନ୍ତି ସେତେ ଦିନ ସେମାନଙ୍କୁ ଘରେ ନାଚ ପାଇଁ (ଲାଜ ପାଇଁ) କୁହାଯାଏ.

୬୩. ଘର ନାଚ ପାଇଁ ଯେ ଯେତେ ଦିନ ରହନ୍ତି ସେମାନେ ସେତେ ଦିନ ଘରକୁ ଯାଇ ନିଜ ନିଜ ଘରେ ମଧ୍ୟ ନାଚ ପାଇଁ ଯାଆନ୍ତି. ପାଖାପାଖି ଘର, ଯେ ନିଜ ଘରେ ଝିଅ ବିହା ନାଚ ପାଇଁ (ଲାଜ ପାଇଁ) ଡାକିଥାଏ. ପାଖ ଘରକୁ ଯାଇ ନାଚ, ସେ ନିଜ ଘରେ ଝିଅ ବିହା ନାଚ (ଲାଜ) ପାଇଁ ଡାକି ନିଏ. ଏମାନ ରମନ୍ତେ ବିଶ୍ୱତୋଷ: "ଏଆଡ଼େ ଘରେ ଏମାନେ ନିଜ ଘର ନାଚ, ସେଆଡ଼େ ଅନ୍ୟ ପାଖ ଘରେ, ସେମାନେ ଏମାନଙ୍କ ଘରେ ନାଚ ପାଇଁ ଯାଆନ୍ତି ଏମାନେ ଏମାନଙ୍କ ଘରେ ନାଚ ପାଇଁ ଯାଆନ୍ତି.

୬୪. ନାଚ ପାଇଁ ମାନେ ପାଇଁ ଯୁଦ୍ଧ ଯେତେ ଦିନ ନାଚ (ଲାଜ) ପାଇଁ ଯିବେ ସିମାନେ ଦିନ ଅନୁସାରେ ଟଙ୍କା ପାଇବେ. ଏମାନ ରମନ୍ତେ ଯିବା ଆଗ ଦିନ ଘର ମାଲିକ ଏମାନଙ୍କୁ କହେ: "ରମନ୍ତେ ବିଶ୍ୱ ଆସିବେ ଯେତେ". ତାର ଦିନ ସକାଳ ସକାଳ ଘର ମାଲିକ ଏମାନଙ୍କୁ ଡାକିଥାଏ ଏମାନେ ଯାଇଥାନ୍ତି. ତାର ପରଦିନ ସକାଳ ଘର ମାଲିକ ଏମାନଙ୍କୁ ଡାକି ଏମାନେ ଆସିଲେ ଘର ମାଲିକ କହେ: "ଆମ ଘର ଏମିତି ନୁହେଁ" ବୋଲି ରମନ୍ତେ ଏମାନଙ୍କୁ ଫେରାଇ ଦିଅନ୍ତି.

୬୫. ଏମାନେ ଏମିତି ପାଇଁ ଯୋଉ ମାନଙ୍କ ଘରକୁ ଯିବେ ସେମାନେ ଏମାନଙ୍କୁ ଯେତେ ଟଙ୍କା ଦେବେ ସେମାନେ ସେତେ ଟଙ୍କା ନେବେ. ଏମାନେ ଯେତେ ଦିନ ଘରେ ରହି ନାଚ ପାଇଁ ଯାଆନ୍ତି ସେତେ ଦିନ ଏମାନେ ଖାଇବା ପାଇଁ ଚାଉଳ ମଧ୍ୟ ପାଇଥାନ୍ତି. ଏମାନେ ଯେଉଁ ଘରକୁ ଯିବେ ସେମାନେ ଏମାନଙ୍କୁ ଚାଉଳ ଦେବେ. ଏମାନେ ଯେତେ ଦିନ ରହିବେ ସେତେ ଦିନ ଚାଉଳ ଦେବେ.

ขึ้นไป เขาต้องเสียเงินให้ผู้ที่ถูกเขาทำร้ายร่างกาย. ถ้าเขาทำร้ายกันจนถึงตาย เขาต้องถูกประหารชีวิต. ถ้าเขาทำร้ายกันจนถึงตาย แต่ไม่ได้ตั้งใจฆ่ากัน เขาต้องเสียเงินให้ครอบครัวของผู้ตาย.

66. ผู้ชายกับผู้หญิงที่ไม่ได้แต่งงานกัน ถ้าเขาอยู่กินกันเป็นสามีภรรยา ก็ต้องเสียเงินให้ครอบครัวของฝ่ายหญิง. ถ้าเขาไม่ได้อยู่กินกันเป็นสามีภรรยา แต่ได้ร่วมประเวณีกัน ก็ต้องเสียเงินให้ครอบครัวของฝ่ายหญิงเช่นกัน. ถ้าเขาไม่ได้ร่วมประเวณีกัน แต่ได้จับมือถือแขนกัน ก็ต้องเสียเงินให้ครอบครัวของฝ่ายหญิงเช่นกัน. ถ้าเขาไม่ได้จับมือถือแขนกัน แต่ได้ลูบหลังกัน ก็ต้องเสียเงินให้ครอบครัวของฝ่ายหญิงเช่นกัน.

67. ถ้าเขาเป็นสามีภรรยากันแล้ว ถ้าฝ่ายใดฝ่ายหนึ่งนอกใจไปมีชู้ ก็ต้องเสียเงินให้ครอบครัวของฝ่ายที่ถูกนอกใจ.

68. ถ้าเกิดมีการฆ่าตัวตาย ตัดคอ, ตัดมือ, ตัดเท้า, ตัดหู, ตัดจมูก, ตัดลิ้น หรือตัดอวัยวะส่วนใดส่วนหนึ่งของร่างกาย ก็ต้องเสียเงินให้ครอบครัวของผู้ตาย — ถ้าเขาตัดคอ, ถ้าเกิดมีการฆ่าตัวตายแล้ว ก็ต้องเสียเงินให้ครอบครัวของผู้ตายเช่นกัน. ร่างของผู้ที่ฆ่าตัวตายนั้น ก็ต้องถูกนำไปเผาทิ้งนอกหมู่บ้าน. ญาติของผู้ตายจะเข้าไปยุ่งเกี่ยวกับร่างของผู้ตายไม่ได้ — ร่างจะถูกนำไปเผาที่ไหน, ร่างจะถูกนำไปฝังที่ไหน, ร่างจะถูกนำไปทิ้งที่ไหน, ญาติจะมีสิทธิ์ไปยุ่งเกี่ยวไม่ได้. ญาติร่างจะต้องเสียเงินให้ครอบครัวของฝ่ายที่ถูกนอกใจ เป็นจำนวนเงินตามที่ผู้เฒ่าผู้แก่ในหมู่บ้านนั้นๆ ได้ตกลงกันไว้, ตามแต่ที่ผู้เฒ่าผู้แก่จะเห็นสมควร, ตามแต่ที่ผู้เฒ่าผู้แก่จะเห็นเหมาะสม.

69. ถ้าร่างของสามีภรรยา (ผู้ถูกนอกใจ) ที่ถูกเขาฆ่าตัวตายนั้น ถูกนำ

rằng rằng ở đơn xét rằng sự phân định thẩm quyền xử : xác xử nhỏ quyết định xử tại nhà xác nhỏ quyết định xác nhỏ . Việc rằng rằng xác nhỏ. như việc định, sự quyết định xử xét nhỏ định nhỏ.

IV. NHỮNG XỬ PHẠT CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

70. Đối với người phạm tội, tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà áp dụng hình phạt cảnh cáo, phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ.

71 Tùy vào độ tuổi mà áp dụng mức phạt tiền khác nhau

72. Tùy từng hình phạt mà có thời hạn từ bao lâu đến bao lâu. Hình phạt cải tạo không giam giữ từ 6 tháng đến 2 năm. Hình phạt tù có thời hạn từ 3 tháng đến 20 năm. Hình phạt tù chung thân không áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Hình phạt tử hình không áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Hình phạt tù có thời hạn được áp dụng như sau:

- Không phạt
- Không nhiều (tối thiểu bằng nhiều)
- Không nghiêm (tối nghiêm bằng nhiều)
- Bằng nhiều nhất.

73. Tùy nghề nghiệp hoặc chức vụ của người phạm tội mà có thể bị tước quyền hành nghề nhất định hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định.

- xơ tển nơi nhi nơi nhi nhơ đơi ển nhu nhơnhitnhơn xne nhi xne, xnơ nhne nhi đơn xt nơe nitu.

- xơ tển nơi nne (nơ nne nitu nne nhơi đơi ển nhu nhơnhitnhơn nhne nhi nhne. xnơ nhne nhi đơn xt nơe nitu.

- xơ tển lnơ nhe nơi, ển nhu nhơnhitnhơn lnơ xnơ.

đơi nơe tển nhne tển đơn nơi nhitnhơn nhi ển xt ển đơi, nhne ínnơ, tơi nhơ đơi nhe ni, nhi, lnơ (xơi, đơi tển nơi nhi đơi tển. đơi ển, nơi, nhơ, tne đơn nơe ni nơ, đơi nhe nhi đơi tơi nhe nhơ đơi tơi nhe tơi đơi nhe ển nơi, đơi tển nơi nơi đơi tển.

74. ển nơi đơi nhe tển, nơe tơi nơi đơi nne nhe nơi nhe đơi nhe đơi tển nơi đơi nne nơi đơi nhe nhi nơi nhe đơi nhe nơi nơi nhe đơi nhe nơi nơi nhe đơi nhe nơ

- Hãy kể cho tôi nghe về cuộc đời của người đã đưa ông đến đây.

- Hãy kể cho tôi những điều ông đã thấy và đã nghe.

- Hãy xem kỹ rồi hãy kể cho tôi những điều ông đã thấy.

76. Đứng đó là những người đàn bà đến để đón con của họ. Họ đứng im không nói một lời. Chỉ có ánh mắt của họ là hướng về phía trước, nhưng không ai biết họ đang nhìn gì. Họ đứng như những pho tượng.

77. Ai đã hỏi người đàn ông già những câu hỏi sau:

- Người đàn ông đã làm gì?

- Người đàn ông đã thấy những gì?

- Hãy xem, đứng đó có những ai và những gì? Và những người đó đang làm gì?

78. Ai người đàn ông đã gặp những người đàn bà, đứng im và không nói? Người đàn ông đã hỏi họ những câu hỏi như thế nào? Hãy kể lại những câu hỏi đó.

79. Ai đã nói với người đàn ông những lời sau đây:

[illegible]

80. [illegible]

- [illegible]

- [illegible]

- [illegible]

- [illegible]

81. [illegible]

hoặc.

82. Mặt vuông nhỏ màu trắng, xung quanh có bốn hình tròn màu đỏ, giữa mỗi hình tròn có một chữ cái viết hoa màu đen. Mặt vuông được đặt trên một giá đỡ bằng gỗ. Mặt vuông được đặt trên giá đỡ sao cho một cạnh của hình vuông song song với mặt đất, và hình tròn có chữ cái viết hoa màu đỏ ở phía trên cùng. Giá đỡ có thể gấp lại được, khi gấp lại có thể để vừa trong hộp. Hộp có kích thước 30 x 30 x 3 cm, bằng gỗ, bên trong có lót nhung màu đỏ.

83. Bộ chữ cái viết hoa. Gồm 29 chữ cái in hoa, mỗi chữ cái được in trên một tấm bìa cứng hình vuông, cạnh 5 cm, mặt sau có màu trắng, mặt trước có màu đỏ, chữ cái màu đen, kiểu chữ in thường, cỡ chữ 3,5 cm, đặt trong một hộp nhựa có nắp đậy, hộp có kích thước 20 x 15 x 3 cm.

84. Bộ chữ cái viết thường dùng cho học sinh lớp một gồm 29 chữ cái in thường, mỗi chữ cái được in trên một tấm bìa cứng hình vuông, cạnh 5 cm, mặt sau có màu trắng, mặt trước có màu đỏ, chữ cái màu đen, kiểu chữ in thường, cỡ chữ 3,5 cm, đặt trong một hộp nhựa có nắp đậy, hộp có kích thước 20 x 15 x 3 cm.

ਮਯਾ ਸਵ ਸਵਿ ਸਵਿ ਮੁਸ, ਸਵਿ ਸਾਇਨ, ਮੁਖ ਸਿਸ ਯਾਨ ਸਿਯਸਿਯ ਧਰਸ ਮਾ ਯਰ ਵੈਯਾ ਨਾਸ਼ਿ ਸਿਸ, ਸਿਸ ਸਾਸ ਯਾਰ ਸਿਸ ਸਿਯਾ ਲਿਓ ਮਯਾਨ ਸਯਰ ਸਯਾਰ ਸਿਯਾ ਸਿਸ ਸਿਯਾ.

ਨਾਲ ਸਿਸ ਮੁਸ ਮਯਾਰ ਲਿਓ ਮਯਾਨ ਸਰ ਸਾਸਰ ਸਰ ਸਿਸਰ ਸਿਸ ਲਿਓ ਮਿਸ, ਸਸਿਸਰ ਸਿਓਰ ਧਰਸ ਸਿਸਰ ਯਾਨ ਧਰਸ ਸਾਸਮੁਨਾਸ ਸਾ ਸਿਓਰ ਸਰ ਨਾਲ ਸਯਾਰ ਸਿਸ ਸਿਸਰ ਸਾ. ਸਿਸਰ ਸਾ ਸਿਓਰ ਸਯਾ ਨਾਲ ਲਿਓ ਮਿਸ ਸਸਾਸ ਸਿਸ ਲਿਓ.

85. ਸਸਾਸ ਸਸਰ ਸਿਸ ਸਸਾਸਯਾ, ਨਾਲ ਸਿਸ ਮੁਖ ਸਿਸਾਨਸਸ ਮੁਖ ਸਮੁਸ, ਮੁਖ ਧਰਸ, ਸਿਸਰ ਸਾ, ਸਿਸਾ ਸਿਸ ਮੁਸ ਸਿਸਰ ਸਿਸਰ ਸਿਸਰ ਸਿਸਰ ਸਾਸਰ, ਸਿਸ ਯਾਰ ਸਿਸਰ ਸਿਸਰ ਸਿਸ

[illegible]

[illegible]

[illegible]

86. [illegible]

ทางเดียวกันก็ต้องเดินทางเดียวกัน.

- ถ้าเรามีความรักต่อกันแล้วก็ต้องมีความเข้าใจกันด้วย, ไม่ทำให้กัน, ไม่ทำให้เขาเสียใจ ไม่ทำให้เขาเดือดร้อน ถ้าเขาเป็นคนดีเราก็ต้องดีกับเขาด้วย ถ้าเขาไม่ดีเราก็ต้องดีกับเขาเหมือนกัน. ถ้าเขาเป็นคนโง่, ไม่ฉลาด เราก็ต้องสอนเขา, ถ้าเขาไม่รู้เราก็ต้องบอกเขา, ถ้าเขาไม่ดีเราก็ต้องแนะนำเขาให้ดีขึ้น. เราต้องมีใจเมตตาต่อกันและกัน ช่วยเหลือกันและกัน. เวลาที่ใครทำดีเราก็ต้องชมเชยเขา, เวลาที่ใครทำไม่ดีเราก็ต้องตักเตือนเขา. เราต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกัน, ไม่ว่าเขาจะเป็นใครก็ตาม, เขาจะเป็นคนที่มีฐานะต่ำต้อยกว่าเรา หรือเขาจะเป็นคนที่มีฐานะสูงกว่าเรา เราก็ต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกันเหมือนกัน. เวลาที่เขาทำดีเราก็ต้องชมเชยเขา, เวลาที่เขาทำไม่ดีเราก็ต้องตักเตือนเขา. เราต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกัน, ไม่ว่าเขาจะเป็นใครก็ตาม, เขาจะเป็นคนที่มีฐานะต่ำต้อยกว่าเรา หรือเขาจะเป็นคนที่มีฐานะสูงกว่าเรา เราก็ต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกันเหมือนกัน. เวลาที่เขาทำดีเราก็ต้องชมเชยเขา, เวลาที่เขาทำไม่ดีเราก็ต้องตักเตือนเขา. เราต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกัน, ไม่ว่าเขาจะเป็นใครก็ตาม, เขาจะเป็นคนที่มีฐานะต่ำต้อยกว่าเรา หรือเขาจะเป็นคนที่มีฐานะสูงกว่าเรา เราก็ต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกันเหมือนกัน. เวลาที่เขาทำดีเราก็ต้องชมเชยเขา, เวลาที่เขาทำไม่ดีเราก็ต้องตักเตือนเขา. เราต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกัน, ไม่ว่าเขาจะเป็นใครก็ตาม, เขาจะเป็นคนที่มีฐานะต่ำต้อยกว่าเรา หรือเขาจะเป็นคนที่มีฐานะสูงกว่าเรา เราก็ต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกันเหมือนกัน. เวลาที่เขาทำดีเราก็ต้องชมเชยเขา, เวลาที่เขาทำไม่ดีเราก็ต้องตักเตือนเขา. เราต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกัน, ไม่ว่าเขาจะเป็นใครก็ตาม, เขาจะเป็นคนที่มีฐานะต่ำต้อยกว่าเรา หรือเขาจะเป็นคนที่มีฐานะสูงกว่าเรา เราก็ต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกันเหมือนกัน. เวลาที่เขาทำดีเราก็ต้องชมเชยเขา, เวลาที่เขาทำไม่ดีเราก็ต้องตักเตือนเขา. เราต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกัน, ไม่ว่าเขาจะเป็นใครก็ตาม, เขาจะเป็นคนที่มีฐานะต่ำต้อยกว่าเรา หรือเขาจะเป็นคนที่มีฐานะสูงกว่าเรา เราก็ต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกันเหมือนกัน. เวลาที่เขาทำดีเราก็ต้องชมเชยเขา, เวลาที่เขาทำไม่ดีเราก็ต้องตักเตือนเขา. เราต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกัน, ไม่ว่าเขาจะเป็นใครก็ตาม, เขาจะเป็นคนที่มีฐานะต่ำต้อยกว่าเรา หรือเขาจะเป็นคนที่มีฐานะสูงกว่าเรา เราก็ต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกันเหมือนกัน.

- ถ้าเราจะเป็นคนที่ดีในสังคมนี้ เราก็ต้องมีความเป็นกัลยาณมิตรต่อกัน, ไม่ทำให้กัน, ไม่ทำร้ายกัน, ไม่ฆ่ากัน, ไม่ปล้นกัน, ไม่ลักขโมยกัน, ไม่ประพฤติผิดในกามกับสามีหรือภรรยาของกันและกัน, ไม่พูดปดมดเท็จต่อกัน, ไม่พูดส่อเสียดยุยงให้เขาแตกแยกกัน, ไม่พูดคำหยาบคายต่อกัน, ไม่พูดเพ้อเจ้อไร้สาระต่อกัน.

85. ถ้าเราจะเป็นคนที่ดีในสังคมนี้ เราก็ต้องมีความเคารพ, ความยำเกรง, ไม่ดูหมิ่นดูแคลน, ไม่ดูถูกดูหยาม, ไม่ข่มขู่, ไม่ข่มเหงรังแกกัน.

- ถ้าเราจะเป็นคนที่ดีในสังคมนี้ เราก็ต้องมีความเมตตากรุณาต่อกัน ช่วยเหลือกันและกัน ไม่ทอดทิ้งกัน.

- ถ้าเราจะเป็นคนที่ดีในสังคมนี้ เราก็ต้องมีความซื่อสัตย์สุจริตต่อกัน. ถ้าเราเป็นคนที่ซื่อสัตย์สุจริตต่อกัน

xiGe fiDi duoj xiGe fiDi diaofiwe.

- xiGe fiDi diaofiwe fuj fiDa ame dime mouduj dimj aiDa (diaoj) daG, die fuj mai, dimj xfiaiG ar fuj de dai maiDj duoGe dfide fiDi duoj xiGe Gofuiaj yGa daj.

- aoGe oaa, xiGe daG fuj fiDa oaG.

88. aiG yGa iDi diaofiwe, oie aiGe ai daiuj aide ri ofie ar nfiG dai daG, fuj aide ai oiu daG. 2a (nGuaj) afi aide ai daGe ruj ame oaiGaG diaiGaGe fuj fiDa oaa afi, die aide dime difuj daj.

V. oaa dameGeofuj fiaiuj nae, dui fiaa ufiaGoa diG ujiG daj:

89. aoGe oaa, dimj daG fuj daGi aide ai fuj oaiGiG dui fiaa ame diG xoG oaa xiG xoG diG.

- afiuj fuj diGfiai fiaj aide oaiGiG dui fiaa daj ame xiG fiDj dime oaa dime diG iGi

- afiuG, afiai, afide fuj aide aiaj aide oaiGiG dui fiaa ame dfi xoG oaa aaj dfi

- uoj daxi (afiai) fuj aide aiaj aide oaiGiG dui fiaa ame dfi xoG iuj aaj dfi.

- uoj am dfiaj fuj aide aiaj aide oaiGiG dui fiaa dui fiaa ame dfi xoG oaa daGa afide.

- uoj ai dfiaj fuj aide aiaj aide oaiGiG dui fiaa dui

ขาม นาคู เรือ ปาก ของ ออก ถึง ปาก ถึง.

– นาคู เรือ ใคร ตาย ก่อน ก็ ให้ ออก เรือ ก่อน เรือ, เรือ ก่อน นั่ง ใน ที่ ใด ก็ ให้ ยก ขึ้น ไป ตาม เรือ ถึง ที่ นั้น ปัก ออก โขน ปาก โขน

– ก่อน ลุ่ง , ก่อน เมือง , ก่อน ป่า ใน ที่ ใด ก็ ให้ ตาม ไป ที่ นั้น เรือ ก็ ให้ ไป ตาม ไป ที่ นั้น ปัก ออก ขวาน ปาก ขวาน.

๑๐. เมื่อ ใคร ตาย ก่อน ผู้ ที่ ยัง อยู่ ใน ครอบครัว ก็ ให้ ทำ ศพ ไป ตาม เรือ, ถ้า ผู้ ใด ตาย ก่อน ก็ ให้ ทำ ศพ ไป ตาม ที่ ผู้ นั้น ชอบ ใจ ก่อน ที่ จะ ทำ ศพ ไป ตาม เรือ ต้อง ทำ ขวัญ ก่อน ว่า ขอ ให้ ผี ทั้ง หลาย ที่ อยู่ ใน ที่ นั้น ได้ ทราบ ว่า เรา จะ ทำ ศพ ไป ตาม เรือ. เมื่อ ทำ ขวัญ แล้ว จึง ทำ ศพ ไป ตาม เรือ ได้ ไม่ ผิด ผี ที่ อยู่ ใน ที่ นั้น ก็ ไม่ ว่า ไม่ ทำ ร้าย ผู้ ที่ ทำ ศพ ไป ตาม เรือ. ถ้า ผู้ ใด ตาย ใน ป่า ก็ ให้ ทำ ขวัญ ก่อน ว่า ขอ ให้ ผี ทั้ง หลาย ที่ อยู่ ใน ป่า นี้ ได้ ทราบ ว่า เรา จะ ทำ ศพ ไป ตาม เรือ ได้ ไม่ ผิด ผี ที่ อยู่ ใน ป่า นี้ ก็ ไม่ ว่า ไม่ ทำ ร้าย ผู้ ที่ ทำ ศพ ไป ตาม เรือ.

๑๑. เมื่อ ศพ ถึง ที่ ที่ จะ ฝัง หรือ เผา ก็ ดี ให้ ผู้ ที่ ทำ ศพ ไป ตาม เรือ ทั้ง หมด ขึ้น จาก เรือ, ก่อน ที่ จะ ยก ศพ ขึ้น จาก เรือ ต้อง ทำ ขวัญ ก่อน ว่า ดังนี้:

– ขอ ที่ นี่ เป็น ที่ ของ ใคร ขอ ให้ ผี ทั้ง หลาย ที่ อยู่ ใน ที่ นี้ ได้ ทราบ

– ขอ ผี ใน ที่ นี้ , ท่าน ได้ ยิน หรือ ไม่ ได้ ยิน

– ท่าน ทั้ง หลาย จง ได้ ทราบ ด้วย เถิด.

92. Ông Xoã thiết tính mình thì thấy mình có tính ích kỷ, xem thường người khác nên bực tức bỏ đi (không giúp nữa). Vợ ông nghe chồng nói như thế mới xen vào hỏi xoã rằng:

- Thưa Ông, thưa tính nết (xấu) của chồng tôi như thế nào?

- Thưa bà, nếu (xét) về tính nết thì chồng bà, mình thấy có nhiều điều tốt nhưng cũng có một số điều không được hay.

93. Ông ấy nói như thế rồi thì người vợ hỏi xoã thêm rằng: Thế thì những điều tốt là thế nào và những điều xấu là thế nào? Xoã đáp rằng: Những điều tốt là thế này: Ông ấy là người có học thức, ông ấy là người có đạo đức. Những điều xấu là thế này: Ông ấy là người có bốn tính xấu: tính tham, tính sân, tính si, tính mạn. Ông ấy là người có tính tham là thế nào? Xoã nói rằng: Tính tham là thấy của người khác thì muốn lấy về cho mình, thấy ai có tiền có bạc thì muốn cướp lấy về cho mình, thấy ai có vợ đẹp thì muốn cướp lấy về cho mình.

94. Ông ấy là người có tính sân là thế nào? Xoã nói rằng: Là người hay giận dữ, thấy ai làm điều gì không vừa ý mình thì giận dữ, thấy ai làm điều gì không phải với mình thì giận dữ, thấy ai làm điều gì không phải với mình thì giận dữ, thấy ai làm điều gì không phải với

ทางนี้ ถือ . อีกอย่างหนึ่ง ทางนี้ ทางนั้น ทางหลวง เป็นทางสาธารณะ ที่ใช้ร่วมกัน :

- ถนนเข้าบ้านเรือน ต้องไม่ขวางกั้น.
- ไม่ขุดดินในทางน้ำ
- ไม่ขุดร่องน้ำ (เหมือง) ขวางทางน้ำ.
- ไม่ขุดหลุมขวางทาง.
- ไม่ขนของที่ทำให้เกิดกลิ่นเหม็นผ่านบ้านเรือน

- หากมีการฝ่าฝืนไม่ปฏิบัติตามข้อห้ามข้างต้น ต้องปรับไหมตามความหนักเบา ของเรื่องที่ทำผิด ถือว่าเป็นการขัดขืนต่อกฎหมายของบ้านเมือง ต้องถูกลงโทษ ตามกฎหมาย.

95. หากมีผู้ใดขุดดินขุดทางน้ำ ขุดร่องน้ำ ขุดบ่อน้ำ ขุดหลุมขวางทางน้ำ ทำให้น้ำไม่ไหลสะดวก ต้องปรับไหมตามความหนักเบา ของเรื่องที่ทำผิด ถือว่าเป็นการขัดขืนต่อกฎหมายของบ้านเมือง ต้องถูกลงโทษ ตามกฎหมาย. อีกอย่างหนึ่ง ถือว่าเป็นการขัดขืนต่อกฎหมายของบ้านเมือง ต้องถูกลงโทษ ตามกฎหมายเช่นกัน :

- ขุดหลุมดักสัตว์
- ขุดบ่อดักสัตว์
- ขุดร่องน้ำ.

หากมีการฝ่าฝืนกฎหมายของบ้านเมือง ต้องถูกลงโทษตามความหนักเบา ของเรื่องที่ทำผิดตามความเหมาะสม, เจ้าหน้าที่ผู้ตัดสินคดีความต้องพิจารณาถึงเหตุผลที่ผู้กระทำผิดนำมาอ้างประกอบการพิจารณาคดีด้วย

96. ถ้าผู้ใดทำผิดกฎหมายบ้านเมืองข้อใดข้อหนึ่งแล้วไม่ยอมรับสารภาพ

ấy, mọi người vẫn đến chơi... Các thợ thuyền vào đến vẫn hay mua hoặc mượn sách về đọc. Nhưng không ai đến mượn những quyển sách về chính trị cả.

97. Một thợ trẻ đến thăm anh và hỏi về những quyển sách chính trị. Các anh lấy cho xem những quyển sách về lịch sử Đảng và những quyển sách dịch của nước ngoài. Người thợ trẻ đến thăm xong lại đến trả sách và hỏi thêm những quyển khác. Mỗi lần đến lại mang về một vài quyển. Sách chính trị : Đảng mở, 356 trang, giấy xấu ấy vẫn hay mua được những quyển này.

Sau các anh ấy, thợ trẻ nhận thấy rằng người đàn ông xấu số hay nhờ, và bà vợ, và những người khác đến mượn sách. Mỗi lần đến trả lại mang về. Sách chính trị : Đảng mở, 356 trang, giấy xấu ấy vẫn hay mua được những quyển này.

- Các anh có thể cho tôi mượn quyển sách về Đảng không?

- Các anh có thể cho tôi xem những quyển sách về lịch sử Đảng.

- Các anh có thể cho tôi mượn những quyển sách về chính trị không?

- Các thợ thuyền ấy vẫn hay mua được những quyển sách chính trị, những đến khi thợ trẻ hay đến thì không còn quyển nào để bán nữa. 98. Ở thư viện cũng có khi các thợ trẻ đến mượn sách, vì sách đó đang có người mượn, vì thế các thợ trẻ

ทุกเมื่อเวลาที่ชาวบ้านมาพบกันหรือเดินสวนกันก็จะทักทายกันเสมอ. ตัวอย่างเช่น, เมื่อทักทายกันในตอนเช้าก็จะพูดว่า "ไปไหนแต่เช้า" หรือ "ไปไหนแต่เช้าตรู่" ในตอนกลางวันก็จะพูดว่า "ไปไหนมาแล้ว" หรือ "ไปไหนมาแล้วหรือ" ในตอนเย็นก็จะพูดว่า "ไปไหนมาเย็นนี้" หรือ "ไปไหนมาเย็นนี้หรือ" ในตอนค่ำก็จะพูดว่า "ไปไหนมาค่ำนี้" หรือ "ไปไหนมาค่ำนี้หรือ" เป็นต้น.

ถ้าเป็นการทักทายกันในระหว่างเพื่อนฝูงที่สนิทสนมกันมากๆ ก็จะพูดกันว่า "ไปไหนมา" หรือ "ไปไหนมาแล้ว" เป็นต้น.

VII. ข้อห้ามเกี่ยวกับการเดินทางไปมาหาสู่กันของชาวบ้านในหมู่บ้านต่างๆ ในเขตเมืองแถงเก่า:

99. ในการเดินทางไปมาหาสู่กันของชาวบ้านในหมู่บ้านต่างๆ ในเขตเมืองแถงเก่านั้น ก็มีข้อห้ามอยู่ว่า ห้ามไม่ให้ผู้ชายเดินทางไปหาผู้หญิงในหมู่บ้านอื่นในเวลากลางคืน.

100 ในการเดินทางไปมาหาสู่กันของชาวบ้านในหมู่บ้านต่างๆ นั้น ถ้าหากชายหนุ่มคนใดคนหนึ่งเดินทางไปหาหญิงสาวในหมู่บ้านอื่นในเวลากลางคืน ก็จะต้องถูกปรับไหมเป็นเงินจำนวน ๒๕ บาท; ในการเดินทางไปมาหาสู่กันของชาวบ้านในหมู่บ้านต่างๆ นั้น ถ้าหากชายหนุ่มคนใดคนหนึ่งเดินทางไปหาหญิงสาวในหมู่บ้านอื่นในเวลากลางคืนเป็นครั้งที่สอง ก็จะต้องถูกปรับไหมเป็นเงินจำนวน ๕๐ บาท.

101. ในการเดินทางไปมาหาสู่กันของชาวบ้านในหมู่บ้านต่างๆ นั้น ถ้าหากชายหนุ่มคนใดคนหนึ่งเดินทางไปหาหญิงสาวในหมู่บ้านอื่นในเวลากลางคืน ก็จะต้องถูกปรับไหมเป็นเงินจำนวนเท่ากับค่าสินสอดทองหมั้นของหญิงสาวคนนั้น ดังต่อไปนี้:

- ถ้าเป็นหญิงสาวที่ยังไม่ได้แต่งงานมีสามีก็จะต้องถูกปรับไหมเป็นเงินจำนวน ๑๐ บาท
- ถ้าเป็นหญิงสาวที่แต่งงานมีสามีแล้วแต่ยังไม่มีลูก ก็จะต้องถูกปรับไหมเป็นเงินจำนวน ๒๐ บาท

102. ในการเดินทางไปมาหาสู่กันของชาวบ้านในหมู่บ้านต่างๆ นั้น ถ้าหากชายหนุ่มคนใดคนหนึ่งเดินทางไปหาหญิงสาวในหมู่บ้านอื่นในเวลากลางคืน, ถ้าหากเขาถูกจับได้, ถ้าหากเขาถูกฆ่าตาย, ถ้าหากเขาถูกทำร้ายจนได้รับบาดเจ็บสาหัส, ถ้าหากเขาถูกทำร้ายจนได้รับบาดเจ็บเล็กน้อย

ਮਨ ਮਾ ਮੁਾਵ ਾਵਿਯ ਮੁਾਵ, ਮਾਸ਼ ਮਨ ਮਾ ਮਯਵ ਾਵਿਯ ਮਯਵ. ਮਯ ਯਕ ਮਾਸ਼ ਮੁਾਵ ਾਵਿਯ ਮਯਵ ਮਾ ਮਯਵ ਾਵਿਯ ਮੁਾਵ ਮਾਸ਼ ਮਯਵ ਾਵਿਯ ਮੁਾਵ, ਮਾਸ਼

ที่ xจ่ เหมาะ ที่ ที่น ฮา , เหา ลาย ฮัจ่ ที่ปา ที่ปา ที่ปา ฮัจ่ ฮัน ลาย ปาน่ ที่ปา ฮัจ่ ฮัน ปาน่ ที่ปา ฮัจ่ ฮัน ปาน่ ที่ปา ฮัจ่ ฮัน

ấy không nhìn thấy . Nhưng khi ông ta đến gần, thì thấy người đó đang ngồi trên một tảng đá, tay cầm cây gậy dài, đang chăm chú nhìn về phía trước. Ông ta đến gần và hỏi người đó rằng: "Ông đang làm gì ở đây?"

107. Ông ta trả lời rằng ông ta đang đi tìm con đường đến thành phố. Người đó nói với ông ta rằng: "Ông hãy đi theo con đường này, rồi ông sẽ đến thành phố."

108. Ông ta cảm ơn người đó và đi theo con đường đó. Khi đến thành phố, ông ta thấy người đó đang ngồi trên một tảng đá khác, tay cầm cây gậy dài, đang chăm chú nhìn về phía trước. Ông ta hỏi người đó rằng: "Ông đang làm gì ở đây?"

- Người đó trả lời rằng: "Tôi đang chờ đợi."
- Ông ta hỏi: "Chờ đợi ai?"
- Người đó trả lời: "Chờ đợi một người đến hỏi đường."
- Ông ta nói: "Tôi đã đến rồi, vậy ông có thể đi được rồi."

109. Ông ta cảm ơn người đó và đi tiếp. Khi đến thành phố, ông ta thấy người đó đang ngồi trên một tảng đá khác, tay cầm cây gậy dài, đang chăm chú nhìn về phía trước. Ông ta hỏi người đó rằng: "Ông đang làm gì ở đây?"

- Người đó trả lời: "Chờ đợi một người đến hỏi đường."
- Ông ta nói: "Tôi đã đến rồi, vậy ông có thể đi được rồi."
- Người đó trả lời: "Chờ đợi một người đến hỏi đường."
- Ông ta nói: "Tôi đã đến rồi, vậy ông có thể đi được rồi."

xse ranr thre nay thei thre ga, uf, phay rare thi thay dan
tlay xf xrar phy ren, xoo lo thre. lo ay ry thre ni phy
ni ran. lo ay tha hi thr xoe thar thi.

thy thanthi thei ry ni ra thi hi ra ry xf thay ngu thre
ga, uf lei xoo, phay rare ran lei xoo, thr ran ay tlay
thi ra ry, ma thi ran go thi.

ray e ra ha ry thxe ran thr thy ry thre thay ry
ran thr thi ran ay thr thy ry thay nay xse thi thr ha ry
no ry ray thr thi thy ray ne dan ran ran

VIII. ran ray thr thi thy ray thay thre ga ni ph thr
thi thr thre ran xin dan ni thy ry hry:

110. ra ay thy ran ra ray thre: "ga: nay thre xthi, ga
nay thr xthay". ni ry tlay thi no, thi thay ni. ha ay
thi ry ni dan thre ran ni thy ry hry:

– thre ga: ry nay thy xin xoe ha ry no ra xe ay
ran thre ry.

– uf ry, uf ry fi ry nay thy xin xoe ha ry ay ry
ran ry

– uf thre ran uf thy ry nay thy xin xoe ha ry ran
xe ry no.

thi thr thre thy ha ran thr ra, ran thr thi ry, thr
ran, ran ry ran thi ry thi ry, thr thy ry ne dan ran

ભૂમિ કા બાબત કરવા જાવું જોઈએ કુ તાંબે બાબ બાબ બૂર્ણ બાબ બાબ બાબ

ปาย ปูกู่ ถูกะ ขอด นัง เผะ ถูกะ ปายนางอะ เมือง เป็ดถูกปู่ ปีกปาปู่ ตัง เผะเผิงกู่, ตังปาตังเมือกู่ เมืองปาย เอา อะ ตัง ปีกกู่ เมืองปาย เป็ดถูกปู่ เอา เผิง นัง เมือง ปาย.

ปายอะ เมืองอาง, ปี เผิง, กะอง เมือง ปายปู่ ปะ ถูกกู่ เอาเผิงนางอะ ตังเผะ ปู่, ปูก เมือง; ตังอู่กู่ เมืองนางอะ เป็ดถูก เมืองปาย ถูกปู่ เมือง ปายปู่ ตังปู่ ตังตาปีกกู่ เอา. ปายปู่ เอา เผิง เมืองนางอะ ปีกตังตาปีกกู่ เอา. ปายปู่ เมือง ตังตาปีกกู่ เมือง ปายปู่ ถูกปู่ ถูกกู่ เมือง. ปายปู่ เอา เผิง เมืองนางอะ ปายปู่ ถูกปู่ ถูกกู่ เมือง. ปายปู่ เมือง ตังตาปีกกู่ เมือง ปายปู่ ถูกปู่ ถูกกู่ เมือง. ปายปู่ เอา เผิง เมืองนางอะ ปายปู่ ถูกปู่ ถูกกู่ เมือง. ปายปู่ เมือง ตังตาปีกกู่ เมือง ปายปู่ ถูกปู่ ถูกกู่ เมือง.

113. ปาย เมืองนาง เป็ดถูก ตา เมือง ตังเมืองกู่ ปะ เอา ขอด ปาย เมือง ตังเมือง ปีกกู่ เอา เมือง นางอะ เมือง ตังเมือง เมือง ปูกู่ เมือง:

– ปายปู่ ปะ เอา ปูกู่ ตา เมือง นางอะ ตังเผะ ปู่ (เมือง ถูกปู่ ปะเอาเมือง ตังเผิง ปายนาง เมืองปู่)

– เมือง ปูกู่ เมือง ปายปู่ นางอะ เมือง นางอะ ตังตาปีกกู่ ตังตาปีกกู่ เมือง ถูกเผะ.

–ปาย เมืองนาง เป็ดถูก ตาอง ปายอะ, ปี เผิง, กะอง ตังเมือง ปายปู่ ปะ ถูกกู่ ตังตาปีกกู่ เอา เมือง ตังอู่ ปายปู่ ปะ ปะ เอา ตังตาปีกกู่ ปายปู่ เมือง ตังเมือง ปีกกู่ ตังตาปีกกู่ ปะ เอา, เมือง เมือง ปะ เอา ปะ ปะ เอา ตังตาปีกกู่ ปายปู่ เมือง ตังเมือง ปีกกู่ ตังตาปีกกู่ เอา. เมือง ตังอู่ เมืองนางอะ ตังตาปีกกู่ ปายปู่ เมือง ตังเมือง ปีกกู่ ตังตาปีกกู่ เอา. เมือง ตังอู่ เมืองนางอะ ตังตาปีกกู่ ปายปู่ เมือง ตังเมือง ปีกกู่ ตังตาปีกกู่ เอา. เมือง ตังอู่ เมืองนางอะ ตังตาปีกกู่ ปายปู่ เมือง ตังเมือง ปีกกู่ ตังตาปีกกู่ เอา.

như trên.

114. Đối với những người đã có vợ có chồng thì phải:

- Phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chồng, người vợ đối với gia đình. Vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng phải chung thủy với nhau. Nếu vợ hoặc chồng ngoại tình thì sẽ bị xử lý theo pháp luật.

- Những người đã có vợ có chồng mà sống chung như vợ chồng với người khác thì bị xử lý hình sự về tội vi phạm chế độ một vợ một chồng. Người nào đã có vợ có chồng mà kết hôn với người khác thì bị xử lý về tội vi phạm chế độ một vợ một chồng, người nào chưa có vợ có chồng mà kết hôn với người đã có vợ có chồng thì bị xử lý về tội vi phạm chế độ một vợ một chồng.

IX. Những quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng:

115. Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tôn trọng danh dự của nhau. Cùng nhau chăm sóc, giáo dục con cái. Cùng nhau lao động, sản xuất để nuôi sống gia đình và đóng góp cho xã hội. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, giữ gìn tình nghĩa thủy chung.

116. Trong gia đình, vợ chồng có quyền ngang nhau, vợ chồng có quyền bình đẳng với nhau về mọi mặt, không phân biệt đối xử giữa con trai và con gái.

[illegible]

117. [illegible]

118. [illegible]

119. [illegible]

– [illegible]

- Người phụ nữ, khi mang thai (người mẹ) phải kiêng cữ những gì, những điều gì; sinh con rồi (người mẹ) phải ăn uống thế nào; mỗi tháng (người mẹ) phải làm gì; (người mẹ) có được đi chơi không; (người mẹ) có được làm việc nặng không; (người mẹ) có được ăn thịt gà không. Những điều (người mẹ) phải làm và không được làm (người mẹ).

120. Khi một người (người mẹ) sinh con ra thì phải làm những nghi thức nào? Người (người mẹ) có được ăn thịt gà không? Người (người mẹ) có được ăn thịt chó không? Người (người mẹ) có được ăn thịt dê không? Người (người mẹ) có được ăn thịt bò không? Người (người mẹ) có được ăn thịt lợn không? Người (người mẹ) có được ăn thịt trâu không? Người (người mẹ) có được ăn thịt ngỗng không? Người (người mẹ) có được ăn thịt vịt không? Người (người mẹ) có được ăn thịt gà không?

X. Những điều kiêng cữ đối với người phụ nữ "mang thai và sinh con":

121. Khi thai nhi, nghén, nghén nặng, nghén nhẹ, nghén thì người phụ nữ có những điều gì phải kiêng cữ? Khi có thai có được ăn thịt chó không? Khi có thai có được ăn thịt gà không? Khi có thai có được ăn thịt dê không? Khi có thai có được ăn thịt bò không? Khi có thai có được ăn thịt lợn không? Khi có thai có được ăn thịt trâu không? Khi có thai có được ăn thịt ngỗng không? Khi có thai có được ăn thịt vịt không? Khi có thai có được ăn thịt gà không?

122. Khi sinh con thì có những điều kiêng cữ gì? Khi sản phụ sinh con thì có được ăn thịt chó không, có được ăn thịt dê không, có được ăn thịt bò không, có được ăn thịt lợn không, có được ăn thịt trâu không, có được ăn thịt ngỗng không, có được ăn thịt vịt không, có được ăn thịt gà không

ปฏิญาณตน, ถ้าเขาไม่ปฏิบัติตามคำปฏิญาณตนนั้น เขาจะต้องถูกปรับ.

123. ถ้าเขาไม่ปฏิบัติตามคำปฏิญาณตนนั้น, เขาจะต้องถูกปรับ, ตามที่ได้กล่าวไว้ข้างต้น.

124. ถ้าเขาไม่ปฏิบัติตามคำปฏิญาณตนนั้น, เขาจะต้องถูกปรับ. ถ้าเขาไม่ปฏิบัติตามคำปฏิญาณตนนั้น, เขาจะต้องถูกปรับ.

125. ถ้าเขาไม่ปฏิบัติตามคำปฏิญาณตนนั้น, เขาจะต้องถูกปรับ, ตามที่ได้กล่าวไว้ข้างต้น, ถ้าเขาไม่ปฏิบัติตามคำปฏิญาณตนนั้น, เขาจะต้องถูกปรับ.

126. ถ้าเขาไม่ปฏิบัติตามคำปฏิญาณตนนั้น. ถ้าเขาไม่ปฏิบัติตามคำปฏิญาณตนนั้น, ถ้าเขาไม่ปฏิบัติตามคำปฏิญาณตนนั้น, เขาจะต้องถูกปรับ. ถ้าเขาไม่ปฏิบัติตามคำปฏิญาณตนนั้น, เขาจะต้องถูกปรับ.

ਪਿਉ ਆਖਦਾ. ਤਾਂ ਉਸ ਨੂੰ ਨਾਲ ਲੈ ਜਾਂਦਾ ਸੀ ਅਤੇ ਉਸ ਨੂੰ ਕੁਝ ਦਿੰਦਾ ਸੀ, ਅਤੇ ਉਸ ਨੂੰ ਕੁਝ ਖਾਣ ਪੀਣ ਲਈ ਦਿੰਦਾ ਸੀ, ਅਤੇ ਉਸ ਨੂੰ ਕੁਝ ਪਹਿਨਣ ਲਈ ਦਿੰਦਾ ਸੀ, ਪਰ ਉਹ ਆਪ ਕੁਝ ਨਹੀਂ ਖਾਂਦਾ ਸੀ. ਉਸ ਨੇ ਆਪਣੇ ਮਨ ਵਿੱਚ ਕਿਹਾ, "ਮੈਂ ਆਪਣੇ ਪਿਉ ਦੇ ਨਾਲ ਜਾਵਾਂਗਾ ਅਤੇ ਉਸ ਨੂੰ ਕਹਾਂਗਾ, "ਹੇ ਪਿਤਾ ਜੀ, ਮੈਂ ਸਵਰਗ ਦੇ ਵਿਰੁੱਧ ਅਤੇ ਤੇਰੇ ਵਿਰੁੱਧ ਪਾਪ ਕੀਤਾ ਹੈ. ਮੈਂ ਹੁਣ ਇਸ ਯੋਗ ਨਹੀਂ ਕਿ ਤੇਰਾ ਪੁੱਤਰ ਅਖਵਾਵਾਂ. ਮੈਨੂੰ ਆਪਣੇ ਨੌਕਰਾਂ ਵਿੱਚੋਂ ਇੱਕ ਵਰਗਾ ਰੱਖ ਲੈ."

ਤਦ ਉਹ ਉੱਠ ਕੇ ਆਪਣੇ ਪਿਉ ਕੋਲ ਆਇਆ. ਪਰ ਅਜੇ ਉਹ ਦੂਰ ਹੀ ਸੀ ਜੋ ਉਸ ਦੇ ਪਿਉ ਨੇ ਉਸ ਨੂੰ ਵੇਖਿਆ ਅਤੇ ਤਰਸ ਖਾਧਾ ਅਤੇ ਦੌੜ ਕੇ ਉਸ ਦੇ ਗਲ ਲੱਗ ਕੇ ਉਸ ਨੂੰ ਚੁੰਮਿਆ. ਤਾਂ ਪੁੱਤਰ ਨੇ ਉਸ ਨੂੰ ਕਿਹਾ, "ਹੇ ਪਿਤਾ ਜੀ, ਮੈਂ ਸਵਰਗ ਦੇ ਵਿਰੁੱਧ ਅਤੇ ਤੇਰੇ ਵਿਰੁੱਧ ਪਾਪ ਕੀਤਾ ਹੈ. ਮੈਂ ਹੁਣ ਇਸ ਯੋਗ ਨਹੀਂ ਕਿ ਤੇਰਾ ਪੁੱਤਰ ਅਖਵਾਵਾਂ."

127. ਤਦ ਪੁੱਤਰ ਨੇ ਕਿਹਾ, "ਹੇ ਪਿਤਾ ਜੀ, ਮੈਂ ਸਵਰਗ ਦੇ ਵਿਰੁੱਧ ਅਤੇ ਤੇਰੇ ਵਿਰੁੱਧ ਪਾਪ ਕੀਤਾ ਹੈ. ਮੈਂ ਹੁਣ ਇਸ ਯੋਗ ਨਹੀਂ ਕਿ ਤੇਰਾ ਪੁੱਤਰ ਅਖਵਾਵਾਂ."

128. ਤਦ ਪੁੱਤਰ ਨੇ ਕਿਹਾ, "ਹੇ ਪਿਤਾ ਜੀ, ਮੈਂ ਸਵਰਗ ਦੇ ਵਿਰੁੱਧ ਅਤੇ ਤੇਰੇ ਵਿਰੁੱਧ ਪਾਪ ਕੀਤਾ ਹੈ. ਮੈਂ ਹੁਣ ਇਸ ਯੋਗ ਨਹੀਂ ਕਿ ਤੇਰਾ ਪੁੱਤਰ ਅਖਵਾਵਾਂ."

129. ਪਰ ਪਿਤਾ ਨੇ ਆਪਣੇ ਨੌਕਰਾਂ ਨੂੰ ਕਿਹਾ, "ਸਭ ਤੋਂ ਚੰਗਾ ਬਸਤਰ ਲਿਆਓ ਅਤੇ ਇਸ ਨੂੰ ਪਹਿਨਾਓ, ਅਤੇ ਇਸ ਦੇ ਹੱਥ ਵਿੱਚ ਮੁੰਦਰੀ ਅਤੇ ਪੈਰਾਂ ਵਿੱਚ ਜੁੱਤੀ ਪਾਓ, ਅਤੇ ਪਲੇ ਹੋਇਆ ਵੱਛਾ ਲਿਆ ਕੇ ਮਾਰੋ, ਅਸੀਂ ਖਾਈਏ ਅਤੇ ਅਨੰਦ ਮਨਾਈਏ."

ਤਦ ਉਹ ਉੱਠ ਕੇ ਆਪਣੇ ਪਿਉ ਕੋਲ ਆਇਆ. ਪਰ ਅਜੇ ਉਹ ਦੂਰ ਹੀ ਸੀ ਜੋ ਉਸ ਦੇ ਪਿਉ ਨੇ ਉਸ ਨੂੰ ਵੇਖਿਆ ਅਤੇ ਤਰਸ ਖਾਧਾ ਅਤੇ ਦੌੜ ਕੇ ਉਸ ਦੇ ਗਲ ਲੱਗ ਕੇ ਉਸ ਨੂੰ ਚੁੰਮਿਆ.

เอา สะ ฮังมีเฮ็ด ดูมัน จิก ยิดเอ เฮ็ดเฮ็ด ดูฮังมี ถาง, ซ็อบ เฮ็ดเก็ม; ฮังมี ซ็อบ ฮะ เฮ็ดเฮ็ด เอ็กเอ เอา สะ ห่าง จิกมี ดูมัน ยิดเอ เฮ็ดเฮ็ด ดูฮังมี ถังฮ, ซ็อบ xสบ xอด ปิ เฮ็ด เอาเกิ่นเฮ็ด เฮ็ด เฮ็ดเอ

130. อาเอ ฮังมี ดูเฮ็ด เฮ็ดเอ เอา ฮังมี เฮ็ด ซ็อบ เฮ็ดเก็ม สะ ห่าง ซ็อบ สะ เฮาเกิ่นห่าง เฮ็ดเฮ็ด ปิยอ เอาเอ จิกมีถ็อบ เอา ซ็อบ เก็มจิกซ็อบ. อาเอ ฮังมี ดูเก็ม ดูจิก เอา ฮะ ฮังมีซ็อบเก็มมี เฮ็ด สะเฮ็ด ห่าง ฮะ ดา ห่าง เก็มเฮ็ด จิกมีถ็อบ เอา ซ็อบ เก็มจิกซ็อบ.

131. เอาเอ เอ็กเอ ปิยอ เอาเอ สะอ ยิด สะอ ดูมัน อาเอ เอ็กเอ ห่างเก็มซ็อบ สะ ห่าง ฮะ เฮ็ด ดูมัน อาเอ เอ็กเอ ดา ซ็อบ เอ็กเอ เอา ดูเก็ม เอา เอ็กเอ ฮะ เก็มเอ็ก - ห่างเก็ม อาเอ เฮ็ดเอ เอ็ก เอาดูเก็ม เฮ็ด เอาเก็ม ดูจิกอ็อกเอ ฮะ ปิยอ เอาเอ็กดูมัน จิกมี ซ็อบ เอาเอ็กดูมัน เฮ็ดเอ็กเฮ็ด.

132. อาเอ เอาเอ เอ็กเอ "เอ็ก สะเฮาเกิ่นห่าง" (เอ็ก เฮ็ดเฮ็ด, เอ็ก เฮ็ดเฮ็ด, เอ็ก เก็มเอ็ก), เอ็ก เฮ็ด, ปิยอ เฮ็ดเฮ็ด ซ็อบเฮ็ดเฮ็ด เอ็กมี ห่างเก็ม ซ็อบ เอ็กเอ ซ็อบ เก็มจิกซ็อบ เอ็กเอ ซ็อบ เก็มจิกซ็อบ ซ็อบ ซ็อบ ดูมัน สะ เอาเอ ดูเอ็ก ซ็อบ สะ เอา ซ็อบ ห่าง ฮะ ฮังมี ดูเก็ม สะ เอาเอ็กดูมัน ซ็อบ เอ็กเอ ดูเก็ม สะ เอาเอ็กดูมัน; ซ็อบ ดูมัน ดูเก็ม xสบ ดูเอ็ก ซ็อบ เฮ็ดเฮ็ด เอา ห่าง เอาเอ็กดูมัน ซ็อบ เอ็กเอ ดูเก็ม สะ.

XI. ห่างเก็ม ปิมัน เฮ็ดเฮ็ด จิกมี ซ็อบ มัน สะ ซ็อบ มัน สะ ซ็อบ

133. เฮ็ดเฮ็ด xสบ สะ ซ็อบ มัน xสบ เอาเอ็ก เอาเอ เก็มมัน ดูมัน ฮะ ฮังมี ซ็อบ มัน เอา ฮะ, ดูมัน ดูเก็ม ฮังมี ซ็อบ มัน เฮ็ด xสบ สะ เอาเอ็กดูมัน . xสบ เฮ็ดเฮ็ด ซ็อบ มัน ดูมัน ดูเก็ม ฮังมี ซ็อบ มัน xสบ สะ เอาเอ็กดูมัน . ดูเอ็ก ดูเก็ม ซ็อบ สะ ปิ ฮังมี ดูเอ็ก ดูเก็ม ดูเก็ม เฮ็ดเฮ็ด ดูมัน xอด เฮ็ดเฮ็ด สะ.

134. ซ็อบ เฮ็ดเฮ็ด ดูเก็ม เฮ็ดเฮ็ด, เฮ็ดเฮ็ด เก็ม เอาเอ เก็มมัน ดูมัน ฮะ ฮังมี ซ็อบ มัน เอา ฮะ, ดูมัน ดูเก็ม ซ็อบ เก็มมัน ดูมัน เฮ็ดเฮ็ด จิกมี xสบ สะ เอาเอ็กดูมัน . xสบ เฮ็ดเฮ็ด ซ็อบ มัน ดูมัน ดูเก็ม

ಸಲಿಸಿಕೊಂಡ ಸಾಲದ ಅರ್ಜಿ. ಸಾಲಕ್ಕಾಗಿ ಯಾವ ಯಾವ ವೈಯಕ್ತಿಕ ಮಾಹಿತಿಯನ್ನು ಸಾಲದ ಪತ್ರದಲ್ಲಿ ನಮೂದಿಸಬೇಕಾಗಿರುತ್ತದೆ.

135. ಸಾಲ ಕೊಡುವವರು ಯಾವ ಯಾವ ವೈಯಕ್ತಿಕ ಅಂಶಗಳನ್ನು ಯಾವ ಯಾವ ಸಾಲಕ್ಕಾಗಿ ಪರಿಗಣಿಸುತ್ತಾರೆ ಎಂಬುದನ್ನು ಸವಿವರವಾಗಿ ತಿಳಿಸಿ. ಉದಾ: ಗೃಹ ಸಾಲ, ವಾಹನ ಸಾಲ, ಶಿಕ್ಷಣ ಸಾಲ, ಉದ್ಯೋಗ ಸಾಲ, ಚಿನ್ನದ ಸಾಲ.

ಸಾಲ ಪಡೆಯುವವರ ಕೆಲವು ಅರ್ಹತೆಗಳನ್ನು ಅವು ಏನೆಂದು ವಿವರಿಸಿ. ಉದಾ: ಸಾಲ ಮರುಪಾವತಿಯ ಸಾಮರ್ಥ್ಯ ಇದೆಯೆಂದು ಸಾಬೀತುಪಡಿಸಬೇಕಾಗಿರುತ್ತದೆ. ಸಾಲ ಮರುಪಾವತಿಸಲು ಸಾಧ್ಯವಾಗದಿದ್ದಲ್ಲಿ ಏನಾಗುತ್ತದೆ ಎಂಬುದನ್ನು ತಿಳಿಸಿ.

XII. ಸಾಲಗಾರನ ಹಿತಾಸಕ್ತಿಯನ್ನು ರಕ್ಷಿಸುವುದು

136. ಯಾವ ಪರಿಸ್ಥಿತಿಯಲ್ಲಿ ಸಾಲಗಾರನ ಹಿತಾಸಕ್ತಿಯನ್ನು ರಕ್ಷಿಸಲಾಗುತ್ತದೆ ಎಂಬುದನ್ನು ವಿವರಿಸಿ. ಸಾಲಗಾರನ ಹಿತಾಸಕ್ತಿಯನ್ನು ರಕ್ಷಿಸಲು ಯಾವ ಯಾವ ಕಾನೂನುಗಳಿವೆ ಎಂಬುದನ್ನು ತಿಳಿಸಿ. ಯಾವ ಸಂದರ್ಭದಲ್ಲಿ ಸಾಲಗಾರನು ಸಾಲದಾತನ ಮೇಲೆ ದಾವೆ ಹೂಡಬಹುದು ಎಂಬುದನ್ನು ವಿವರಿಸಿ.

137. ಯಾವ ಸಂದರ್ಭದಲ್ಲಿ ಸಾಲವನ್ನು ಮರುಪಾವತಿಸಲು ಸಾಲಗಾರನಿಗೆ ಹೆಚ್ಚಿನ ಸಮಯ, ಅವಕಾಶವನ್ನು ನೀಡಲಾಗುತ್ತದೆ ಎಂಬುದನ್ನು ತಿಳಿಸಿ. ಯಾವ ಯಾವ ಸಂದರ್ಭದಲ್ಲಿ ಸಾಲವನ್ನು ಮನ್ನಾ ಮಾಡಲಾಗುತ್ತದೆ ಎಂಬುದನ್ನು ವಿವರಿಸಿ.

XIII. ಸಾಲಗಾರನಿಗೆ ಸಾಲವನ್ನು ಮರುಪಾವತಿಸಲು ಇರುವ ಮಾರ್ಗಗಳು.

138. ಸಾಲವನ್ನು ಮರುಪಾವತಿಸಲು ಸಾಲಗಾರನಿಗೆ ಇರುವ ಮಾರ್ಗಗಳು ಯಾವುವು ಎಂಬುದನ್ನು ವಿವರಿಸಿ:

1. ಸಾಲವನ್ನು ಪಡೆದ ವ್ಯಕ್ತಿಯು ಸಾಲವನ್ನು ಮರುಪಾವತಿಸುವುದು; ಸಾಲವನ್ನು ಪಡೆದ ವ್ಯಕ್ತಿಯು ಮರಣ ಹೊಂದಿದಾಗ.

2. ไอ้ ภาย ฮัย ปาน ปีเภ ภาษ เฆ่าเฆ่ยเภา ลา, ถิ่ง เอาถิน ปาน ภาย ห้ามถิน เขิ่งเภ.

3. ไอ้ ตู้เภ ขู่ก ฮัยปาน ฮาย ภาษ เฆ่าเฆ่ยเภา ลา, ถิ่งเอา xา ปาน เภา ตู้เภ ห้ามถิน ภาษ.

4 ไอ้ ตู้เภ ผลัย ฮัยปาน ฮาดปู ถิ่ง ภาษเฆ่าเฆ่ยเภาลา

5. ไอ้ ฮัยเฆ่ย (ภาษ ภาย) ฮัยปาน ปีเภ ถิ่งถิ่งเภ ภาษ เฆ่าเฆ่ยเภา ลา

6. ไอ้เฆ่ย ไภ่ษ ฮัยปาน เภา ตู้เภ ถิ่ง ภาษเฆ่าเฆ่ยเภา ลา

7. ไอ้ ฆอ ภาย ปาน ถิ่ง ขาดปู ถิ่ง ภาษ ฆา เฆ่าเฆ่ยเภา ฮัยปาน ปาน เภา

8. ไอ้ ภอดเภ เฆ่ย ฮัยปาน ถอดถิ่ง ภาษเฆ่าเภาลา ภาษ เอา ฮ ภาย ปาน ถอดห้ามถิน เขิ่งเภ เฆ่ย

9. ไอ้ ตู้เภ ภูก ฮัยปาน ปีเภ ถิ่ง ภาษ ฆา เฆ่าเภา.

10. ไอ้ ตู้เภ ภาย ฮัยปาน ปีเภ ถิ่ง ภาษ ฆา เฆ่าเภา

11. ไอ้ ภาษ เฆ่าเฆ่ย ฮัยปาน ขาดถิ่ง ภาษ ฆา เฆ่าเภา ขอก ขอก ภาษ ปาน เภา

12. ไอ้ เภ ฮัยxัยเภ ฮัยปาน ขาดถิ่ง ภาษ ฆา เฆ่าเภา ขอก ขอกถิ่งภาษ ปาน เภา

13. ขอก ไฉ ภาย ฮัยปาน ขาดถิ่ง ภาษ ฆา เฆ่าเภา ขอก ขอกถิ่งภาษ ปาน เภา. ภาย ถิ่งภาษ ปีเภ ถิ่งภาย ปู่, ปู่ภาษเฆ่าเภา, ขอก ไฉ ภาย. ภาย ปู่ ขาดถิ่ง ภาษ ภาย ถิ่ง ภาย ฮัยปาน ขอก เภา ภาษ ภาษ ปาน ภาย ปาน ภาย ภาษ ปาน ภาย ภาษ ปาน ภาย ภาษ

14. Lời mời xin được nhận làm thầy dạy và thường giảng dạy

15. Lời tỏ rõ được nhận làm thầy và thường dạy.

16. Lời giáp mặt làm thầy và được thường giảng dạy. Đến khi nào chưa, thì thôi; sự việc đã xong, lời giáp mặt ấy không còn; thì cũng làm thầy thường dạy như trước.

17. Lời nhờ vả làm thầy và được thường giảng dạy

18. Lời thề thốt làm thầy và được thường giảng dạy.

139. Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthī tại Kỳ Viên, tinh xá ông Cấp Cô Độc. Rồi Thế Tôn gọi các Tỳ kheo. Các Tỳ kheo vâng đáp Thế Tôn.

140. Thế Tôn thuyết như sau, Này các Tỳ kheo, Lời nói thô ác này có hại, Thế Tôn nói vậy, không có lợi ích, làm nhân duyên sanh khởi sân hận, có quả báo đau khổ, thù hận, não hại.

141, Thế Tôn nói vậy,善逝, lại nói thêm bậc Đạo Sư rằng

Kẻ ngu nói lời ác
Không biết tự hại mình
Như cây tự sanh trái
Tự hại mình không khác

ทำนา เอาเงินของตน, เงินของเพื่อนบ้านที่ยืมมาใช้ในการทำนา ไปซื้อควายมาเลี้ยง ถ้าควายนั้นตายลง เจ้าของควายจะต้องเสียค่าปรับให้แก่เจ้าของนาเป็นเงินสองเท่าของราคาควาย ถ้าหากว่าเจ้าของนาเป็นผู้ซื้อควายมาให้ยืมเลี้ยงเอง ถ้าควายตายลงไป เจ้าของนาจะต้องเสียค่าปรับให้แก่เจ้าของควายเป็นเงินสองเท่าของราคาควาย.

142. ถ้าผู้ใดลักควายของผู้อื่นไปขาย ถ้าหากว่าเจ้าของควายนั้นได้ตามควายของตนคืนมาได้ ผู้ลักควายนั้นจะต้องเสียค่าปรับให้แก่เจ้าของควายเป็นเงินสองเท่าของราคาควาย, เจ้าของควายนั้นจะต้องเสียค่าปรับให้แก่ผู้ซื้อควายเป็นเงินสองเท่าของราคาควาย. ถ้าหากว่าเจ้าของควายนั้นไม่ได้ควายของตนคืนมา ผู้ลักควายนั้นจะต้องเสียค่าปรับให้แก่เจ้าของควายเป็นเงินสองเท่าของราคาควาย, ส่วนผู้ซื้อควายนั้นไม่ต้องเสียค่าปรับ, เพียงแต่ผู้ซื้อควายนั้นจะต้องเสียเงินค่าควายให้แก่เจ้าของควายเป็นเงินเท่าราคาควายเท่านั้น.

143. ถ้าผู้ใดลักควายของผู้อื่นไปขาย ถ้าหากว่าเจ้าของควายนั้นได้ควายของตนคืนมา ผู้ลักควายนั้นจะต้องเสียค่าปรับ

- ให้แก่เจ้าของควายเป็นเงินสองเท่าของราคาควาย ถ้าหากว่าเจ้าของควายนั้นไม่ได้ควายของตนคืนมา ผู้ลักควายนั้นจะต้องเสียค่าปรับ

- ให้แก่เจ้าของควายเป็นเงินสามเท่าของราคาควาย, ส่วนผู้ซื้อควายนั้นไม่ต้องเสียค่าปรับ

- ให้แก่เจ้าของควายเป็นเงินสองเท่าของราคาควาย เพียงแต่ผู้ซื้อควายนั้นจะต้องเสียเงินค่าควายให้แก่เจ้าของควายเป็นเงินเท่าราคาควายเท่านั้น.

144. ถ้าหากว่าเจ้าของควายของผู้อื่นได้ตามควายของตนคืนมา

145. ถ้าผู้ใดลักควายของผู้อื่นไปขาย ถ้าหากว่าเจ้าของควายนั้นได้ตามควายของตนคืนมา

xiên xiêe chỉ có: nhà nọc, nhóc, ghế gỗ, nhà, ix... tuỳ ngữ cảnh mà có thể hiểu xiên nghĩa là, nhưng nếu có thêm ngữ cảnh thì nghĩa sẽ rõ ràng hơn.

146. Khi nhận ra cô ta không hề có ý định nói thêm gì nữa, tôi lặng lẽ đứng dậy, toan ra về thì cô ta nói với theo:

- Chờ đã, anh chưa biết tên tôi và tôi cũng chưa biết tên anh. Anh cứ gọi tôi là Hoa, còn anh là gì?

- Tôi là Nam, người Hà Nội.

- Anh đến đây có việc gì?

- Anh đến đây để làm gì?

147. Cô ta nhìn tôi, ánh mắt ngạc nhiên, rồi nói: "Anh đến đây để làm gì? Anh đến đây để làm gì?" Giọng nói của cô ta lặp đi lặp lại, như một tiếng vọng.

148. Cô ta nhìn tôi chằm chằm, rồi nói: "Anh đến đây để làm gì?" Giọng nói của cô ta lặp đi lặp lại, như một tiếng vọng.

149. Tôi nhìn cô ta, rồi nhìn ra cửa sổ. Tôi nhìn ra cửa sổ, rồi nhìn cô ta. Cô ta nhìn tôi, rồi nhìn ra cửa sổ. Tôi nhìn ra cửa sổ, rồi nhìn cô ta. Cô ta nhìn tôi, rồi nhìn ra cửa sổ. Tôi nhìn ra cửa sổ, rồi nhìn cô ta. Cô ta nhìn tôi, rồi nhìn ra cửa sổ.

ทอดบุตรชาย. ส่วนสิ่งที่เหลือจากการแบ่งมรดกของบุตรชายจะตกเป็นของบิดาผู้ชรา ถ้าบิดาไม่มีแล้ว ก็จะตกเป็นของมารดา ถ้าทั้งสองคนไม่มีแล้ว ก็จะตกเป็นของพี่น้องร่วมบิดามารดา.

150. ถ้าบุตรชายตายก่อนบิดามารดา ก็ไม่มีสิทธิ์ได้รับมรดกของบิดามารดา. ถ้าบุตรสาวตายก่อนบิดามารดา ก็ไม่มีสิทธิ์ได้รับมรดกของบิดามารดา.

ถ้าลูกชายคนโตของบิดามารดาได้ออกเรือนไปแล้ว ส่วนลูกสาวคนโตยังอยู่ในเรือน ถ้าบิดามารดาตายลง ทรัพย์สินต่างๆ ของบิดามารดาก็ตกเป็นของลูกสาวคนโตทั้งสิ้น; เงินทองของเรือน, เงินของเรือน, ข้าวของเครื่องใช้, ที่นาของเรือน, ที่สวนของเรือน, ที่ไร่ของเรือน, ที่ป่าของเรือน, ควายของเรือน, วัวของเรือน, ช้างของเรือน, ม้าของเรือน, ทั้งหมดนี้ก็ตกเป็นของ "เรือนของลูกสาวคนโต" ถ้าบิดามารดาของเขาตายลงแล้ว ลูกชายคนโตก็ไม่มีสิทธิ์ได้รับมรดกเลย.

XIV. ว่าด้วยการแบ่งทรัพย์มรดกของบิดามารดา และการแต่งตั้งผู้จัดการมรดก

151. เรือนของบิดามารดาทั้งสองคนนั้นตกเป็นของลูกสาวคนเล็ก. ถ้าบิดามารดาของเขาตายลงแล้ว เรือนของเขาก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็ก, ข้าวของเครื่องใช้ทั้งหมดในเรือนก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็กเช่นกัน; เรือนของเขาก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็ก; ที่นาของเขาก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็ก; ที่ไร่ของเขาก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็ก; ที่ป่าของเขาก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็ก; ควายของเขาก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็ก; วัวของเขาก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็ก; ช้างของเขาก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็ก; ม้าของเขาก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็ก; ทั้งหมดนี้ก็ตกเป็นของลูกสาวคนเล็กทั้งสิ้น.

152. ถ้าบิดามารดาได้ตาย ก็จะมี "ผู้จัดการมรดก" หรือว่า "ผู้ดูแลทรัพย์มรดก". ผู้จัดการมรดกนั้นก็ได้แก่ลูกสาวคนเล็กของบิดามารดานั่นเอง ที่จะต้องเป็นผู้ดูแลรักษาทรัพย์สินต่างๆ ของบิดามารดาทั้งสองคนนั้นไว้ ถ้าหากว่าลูกสาวคนเล็กนั้นยังไม่ได้ออกเรือนไปก็ดี หรือว่าออกเรือนไปแล้วแต่ว่าสามีของเขาตายจากไปก็ดี ก็ให้ลูกสาวคนเล็กนั้นเป็นผู้จัดการมรดก. ถ้าหากว่าลูกสาวคนเล็กนั้นยังมีอายุน้อยอยู่

ở đây mà bị phạt tù mọt năm đến năm năm, phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình mọt năm đến năm năm.

153. Người nào có hành vi đe dọa giết người, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà xét thấy có căn cứ đe dọa sẽ thực hiện hành vi đó, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người bị đe dọa, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ một triệu đồng đến ba mươi triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến một năm.

154. Người nào theo dõi, quấy rối người khác mà không phải là hành vi truy tố theo quy định của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ một triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến một năm.

155. Người nào làm nhục người khác mà không phải là tội phạm quy định tại Điều 156 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ một triệu đồng đến ba mươi triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến một năm.

156. Người nào vu khống người khác mà không phải là tội phạm quy định tại Điều 157 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ một triệu đồng đến ba mươi triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến một năm.

157. Người nào lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ một triệu đồng đến ba mươi triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến một năm.

158. Người nào trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo bản án, quyết định của Tòa án, thì bị phạt tiền từ một triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến một năm.

159. Người nào có hành vi xâm phạm chỗ ở hợp pháp của người khác mà không phải là tội phạm quy định tại Điều 158 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ một triệu đồng đến ba mươi triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến một năm.

XV. ขอบเขตเรื่องการขอขมาลาโทษ :

160

1. เรื่องทั่วไป – เรื่องที่เกิดขึ้นจากการกระทำของผู้ใดผู้หนึ่งที่ทำให้ผู้อื่นได้รับความเสียหาย ผู้ที่ทำให้เกิดความเสียหายนั้นจะต้องขอขมาลาโทษต่อผู้ที่ได้รับความเสียหายนั้น. ผู้ที่ได้รับความเสียหายนั้นจะต้องให้อภัยแก่ผู้ที่ขอขมาลาโทษ. ผู้ที่ขอขมาลาโทษนั้นจะต้องนำเครื่องบูชาไปขอขมาลาโทษด้วย. เครื่องบูชานั้นจะต้องเป็นเครื่องบูชาที่ผู้ที่ได้รับความเสียหายนั้นชอบ. เครื่องบูชานั้นจะต้องมีราคาไม่แพงจนเกินไป. เมื่อได้ขอขมาลาโทษและได้รับการให้อภัยแล้ว ผู้ที่ขอขมาลาโทษนั้นจะต้องไม่ผูกใจเจ็บหรือแก้แค้นผู้ที่ได้ให้อภัยแก่ตนนั้นอีกต่อไป. ผู้ที่ได้ขอขมาลาโทษและได้รับการให้อภัยแล้วนั้นจะต้องไม่ทำการใดๆ ที่จะทำให้ผู้ที่ได้ให้อภัยแก่ตนนั้นต้องเดือดร้อนอีกต่อไป. ผู้ที่ได้ขอขมาลาโทษและได้รับการให้อภัยแล้วนั้นจะต้องไม่ทำการใดๆ ที่จะทำให้ผู้ที่ได้ให้อภัยแก่ตนนั้นต้องเดือดร้อนอีกต่อไป.

ผู้ที่ได้ขอขมาลาโทษและได้รับการให้อภัยแล้วนั้นจะต้องไม่ทำการใดๆ ที่จะทำให้ผู้ที่ได้ให้อภัยแก่ตนนั้นต้องเดือดร้อนอีกต่อไป. ผู้ที่ได้ขอขมาลาโทษและได้รับการให้อภัยแล้วนั้นจะต้องไม่ทำการใดๆ ที่จะทำให้ผู้ที่ได้ให้อภัยแก่ตนนั้นต้องเดือดร้อนอีกต่อไป.

ผู้ที่ได้ขอขมาลาโทษและได้รับการให้อภัยแล้วนั้นจะต้องไม่ทำการใดๆ ที่จะทำให้ผู้ที่ได้ให้อภัยแก่ตนนั้นต้องเดือดร้อนอีกต่อไป. ผู้ที่ได้ขอขมาลาโทษและได้รับการให้อภัยแล้วนั้นจะต้องไม่ทำการใดๆ ที่จะทำให้ผู้ที่ได้ให้อภัยแก่ตนนั้นต้องเดือดร้อนอีกต่อไป.

thay vì xưng hô như trong tiếng Việt hoặc các ngôn ngữ khác.

Khi thay đổi vai giao tiếp, người nói thường dùng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất để tự xưng mình và ngôi thứ hai để gọi người đối thoại. Ngôi thứ ba dùng để chỉ người hoặc sự vật được nói đến. Đại từ nhân xưng có thể là số ít hoặc số nhiều. Số ít chỉ một người hoặc một vật, số nhiều chỉ hai hay nhiều người hoặc nhiều vật. Đại từ nhân xưng có thể là giống đực, giống cái hoặc giống trung. Ví dụ: tôi, tao, mình, chúng tôi, chúng ta... Đại từ nhân xưng thường được dùng làm chủ ngữ trong câu.

2. Đại từ chỉ định - được dùng để chỉ định, xác định người hay vật nào đó, ví dụ: này, đó, ấy, kia, nọ, đây, đấy, đằng kia, đằng đó, đằng ấy, ấy, đó, đây, này, nọ, kia, đằng này, đằng đó, đằng ấy, đằng kia, đằng nọ, đằng đây, đằng đấy

ลา, เมือดีลา, xaa เมือง, xaงหาย เมือne, เมืองา ลา, เมือง ขอด, ถิ่น ปี, ตาย เมือง, ตาย ขอด, ตาย ขอด, ตาย ขอด

ở; sự chủ . Phó từ chỉ thời gian đã hết, như hết rồi, đã xong.

161. Hết chỉ sự vật đã đến lúc phó từ, như ăn xôi rồi mới đến cơm, đã đến lúc phải đi, hết thời gian đã định mà không đi, hết thời gian đã định mà không làm được việc gì. Những hết chỉ sự vật gồm: đoàn, bó, nhóm, lũ, đám đông; xã hội, chính phủ, nhà nước, đất nước; nhóm, chính phủ, nhà nước đã thành lập, đất nước đã giành độc lập.

162. Hãy đưa ra những đề nghị, ý kiến hợp lý để hết vấn đề.

163. Thời gian hết rồi mà vẫn không thấy hết việc gì đó, hết thời gian đã định mà việc vẫn không xong, hết thời gian đã định mà không làm được việc gì.

164. Mặc dù đã xảy ra, lời nói đã phát ra không thể thu lại được, việc đã làm không thể làm lại được, đã phát ra, đã làm rồi, không thể thu lại được, đã làm rồi không thể làm lại được, thời gian đã qua, đã xảy ra, đã trở thành quá khứ, không thể thay đổi được, đã là chuyện đã qua, không thể thay đổi được, đã là chuyện đã qua, không thể thay đổi được, đã là chuyện đã qua, không thể thay đổi được.

165. ปางปีขึ้นใหม่ เจ้าบ้านเรือนทั้งหลาย ต้องเตรียมน้ำขมิ้นส้มป่อย ไว้ให้พร้อม ก่อนที่พระสงฆ์จะมาถึง. ก่อนที่พระสงฆ์จะเริ่มสวดมนต์ ให้เจ้าบ้านเรือนทุกคน ยกน้ำขมิ้นส้มป่อยขึ้นรดศีรษะของตนเอง ด้วยความเคารพ แล้วจึงรดน้ำให้แก่ผู้อื่นในครอบครัว ตามลำดับอาวุโส.

166. ปีใหม่ทุกปี ชาวไทยจะต้องทำบุญตักบาตร ถวายภัตตาหารเช้าแด่พระสงฆ์.

167. ในวันปีใหม่ ชาวบ้านจะต้องนำน้ำขมิ้นส้มป่อยไปรดผู้ใหญ่ ที่เคารพนับถือ เช่น ปู่ย่าตายาย, บิดามารดา, ญาติผู้ใหญ่, ครูบาอาจารย์, พระภิกษุสงฆ์ และสามเณร เพื่อขอพรให้มีความสุขความเจริญ.

168. ในวันปีใหม่ ชาวบ้านมีการละเล่นสนุกสนานรื่นเริงกันทั่วไป ตามประเพณีของแต่ละท้องถิ่น. ในเมืองใหญ่ๆ เช่น เชียงใหม่ ก็จะมีการประกวดนางสงกรานต์ ขบวนแห่ต่างๆ ที่สวยงามตระการตา. ในวันสงกรานต์นี้ ชาวไทยทุกคนจะแต่งกายด้วยชุดไทยประจำชาติ ของตนเองกันอย่างพร้อมเพรียง.

169. ในวันสงกรานต์นี้ ชาวบ้านจะนำข้าวสาร อาหารแห้ง ผลไม้ และเครื่องนุ่งห่ม ไปทำบุญที่วัดในตอนเช้า. ตกบ่ายก็จะมีการก่อพระเจดีย์ทราย ที่วัดกันอย่างสนุกสนาน. ในวันนี้ชาวบ้านจะนำน้ำขมิ้นส้มป่อยไปรดน้ำพระสงฆ์ด้วย.

XVI ปางปีขึ้นใหม่ เป็นประเพณีที่ชาวไทยทุกคนต้องปฏิบัติ

170. ประเพณีสงกรานต์ เป็นประเพณีที่ชาวไทยทุกคนต้องปฏิบัติ. ชาวบ้านจะ

ཡང་བསྐྱར་གསོལ་བཤགས་བྱས་ཀྱང་ཐལ་བ་ཆེན་པོ་ཞིག་ཏུ་གྱུར་ཏེ་ཡོད་པ་ལགས་སོ། ། རྒྱལ་བ་ཐམས་ཅད་ཀྱི་ཡང་ཐུགས་ཀྱི་བདག་ཉིད་ཆེན་པོ་ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་ལ་ཡང་ཡང་དགོངས་ཤིག་ཅེས་བྱ་བ་ནས། ཐུགས་རྗེ་ཆེན་པོ། ཤེས་རབ་ཀྱི་ཕ་རོལ་ཏུ་ཕྱིན་པ། ཐབས་ལ་མཁས་པ། སྨོན་ལམ་གྱི་སྟོབས། ཡེ་ཤེས་ཀྱི་སྟོབས། རྟག་ཏུ་ཞི་བ། རྟག་ཏུ་ཉོན་མོངས་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱི་ཉེ་བར་ཞི་བ། ཐམས་ཅད་ཀྱི་ཡོན་ཏན་ཡོངས་སུ་རྫོགས་པ། ཐམས་ཅད་ཀྱི་ཡོན་ཏན་ཡོངས་སུ་རྫོགས་པ་ཉིད་ཀྱི་བར་དུ་ཡང་

ਪੰਜ ਪਰਿਵਾਰ ਦੀ ਸਾਰੀ ਜਿੰਮੇਵਾਰੀ ਹੁੰਦੀ ਹੈ। ਜੇਕਰ ਪਤੀ ਦੀ ਮੌਤ ਹੋ ਜਾਵੇ ਤਾਂ ਪਤਨੀ ਨੂੰ ਪਤੀ ਦੀ ਜਾਇਦਾਦ ਦਾ ਹੱਕ ਮਿਲਦਾ ਹੈ। ਜੇਕਰ ਪਤਨੀ ਦੀ ਮੌਤ ਹੋ ਜਾਵੇ ਤਾਂ ਪਤੀ ਨੂੰ ਪਤਨੀ ਦੀ ਜਾਇਦਾਦ ਦਾ ਹੱਕ ਨਹੀਂ ਮਿਲਦਾ। ਪਤੀ ਦੀ ਮੌਤ ਤੋਂ ਬਾਅਦ ਪਤਨੀ ਨੂੰ ਆਪਣੇ ਬੱਚਿਆਂ ਦੀ ਦੇਖ-ਰੇਖ ਕਰਨੀ ਪੈਂਦੀ ਹੈ। ਜੇਕਰ ਪਤਨੀ ਦੀ ਮੌਤ ਹੋ ਜਾਵੇ ਤਾਂ ਪਤੀ ਨੂੰ ਬੱਚਿਆਂ ਦੀ ਦੇਖ-ਰੇਖ ਕਰਨੀ ਪੈਂਦੀ ਹੈ। ਜੇਕਰ ਪਤੀ ਦੀ ਮੌਤ ਹੋ ਜਾਵੇ ਤਾਂ ਪਤਨੀ ਨੂੰ ਪਤੀ ਦੀ ਜਾਇਦਾਦ ਦਾ ਹੱਕ ਮਿਲਦਾ ਹੈ। ਜੇਕਰ ਪਤਨੀ ਦੀ ਮੌਤ ਹੋ ਜਾਵੇ ਤਾਂ ਪਤੀ ਨੂੰ ਪਤਨੀ ਦੀ ਜਾਇਦਾਦ ਦਾ ਹੱਕ ਨਹੀਂ ਮਿਲਦਾ। ਪਤੀ ਦੀ ਮੌਤ ਤੋਂ ਬਾਅਦ ਪਤਨੀ ਨੂੰ ਆਪਣੇ ਬੱਚਿਆਂ ਦੀ ਦੇਖ-ਰੇਖ ਕਰਨੀ ਪੈਂਦੀ ਹੈ। ਜੇਕਰ ਪਤਨੀ ਦੀ ਮੌਤ ਹੋ ਜਾਵੇ ਤਾਂ ਪਤੀ ਨੂੰ ਬੱਚਿਆਂ ਦੀ ਦੇਖ-ਰੇਖ ਕਰਨੀ ਪੈਂਦੀ ਹੈ।

XVII. ਪਰਿਵਾਰ ਵਿਚਕਾਰ ਝਗੜਾ

173. ਜਦੋਂ ਵੀ ਪਤੀ ਅਤੇ ਪਤਨੀ ਵਿਚਕਾਰ ਝਗੜਾ ਹੁੰਦਾ ਹੈ, ਤਾਂ ਉਹ ਪਰਿਵਾਰ ਵਿਚਕਾਰ ਹੀ ਸੁਲਝਾਇਆ ਜਾਂਦਾ ਹੈ। ਜੇਕਰ ਝਗੜਾ ਜ਼ਿਆਦਾ ਵਧ ਜਾਵੇ ਤਾਂ ਪਤੀ ਜਾਂ ਪਤਨੀ ਆਪਣੇ ਮਾਪਿਆਂ ਕੋਲ ਜਾ ਸਕਦੇ ਹਨ। ਜੇਕਰ ਫਿਰ ਵੀ ਝਗੜਾ ਨਹੀਂ ਸੁਲਝਦਾ ਤਾਂ ਪਤੀ ਅਤੇ ਪਤਨੀ ਵਿਚਕਾਰ ਤਲਾਕ ਹੋ ਜਾਂਦਾ ਹੈ। ਤਲਾਕ ਤੋਂ ਬਾਅਦ ਬੱਚੇ ਪਿਤਾ ਦੇ ਹਿੱਸੇ ਆਉਂਦੇ ਹਨ ਅਤੇ ਪਤਨੀ ਨੂੰ ਪਤੀ ਦੀ ਜਾਇਦਾਦ ਵਿਚੋਂ ਕੁਝ ਨਹੀਂ ਮਿਲਦਾ।

ཚིག་གཉིས་པའི་ལོག་ཆོས་ཀྱི་ཚིག

I. ཐུགས་ཀྱི་ལོག་ཆོས

1. ངས་ལོག་ཆོས་ཤེས་ཏེ་ཉོན་ཏེ་བཤད།
ངས་མཐོན་ཤེས་ཤེས་ཏེ་ཉོན་གྱིས།

2. ལོག་ཆོས་ཀྱིས་ཡང་ཤེས་ཀྱི་ཐོག་ཏུ་ཡང་ཁམས་ཀུན་ལས་ངས་ལོག་ཆོས

ઈપિ, ગાદ રાજદ ઽજ્ઞત ઈગ્ય ઘાગ્ય ઇજદ . ઇજદ ાગ્ય ઈાગ્ય ાજદ્ય ાજ્ઞિદ ૈગ્ય ાદ્ય ાદ્યજ્ઞ ઽજ્ઞાદ ાદ્ય , ઈદ્ય ગ્યાદ્ય ઈજ્ઞ ાદ્યદ્ય ાજ્ઞ . ાદ્યદ્ય ઇજદ ાગ્ય ાજ્ઞિદ ાજ્ઞ ાગ્ય ાજ્ઞિદ્ય ાદ્ય ાગ્યિદ્ય ાદ્ય ાગ્યિદ્ય , ાગ્ય ાગ્ય ાદ્યદ્ય ાદ્યિદ્ય ાગ્યિદ્ય ાજ્ઞિદ્ય ાદ્ય ાજ્ઞિદ્ય ાગ્ય ાજ્ઞિદ્ય ાજ્ઞિદ્ય ાજ્ઞિદ

ตามข้อ ๓ ถึงแม้ว่าจะมีการแต่งตั้งแล้วก็ตาม ให้ถือว่าการแต่งตั้งนั้นเป็นอันยกเลิกไป เว้นแต่จะได้มีการแต่งตั้งใหม่ตามข้อ ๓ ภายในสามสิบวันนับแต่วันที่ได้มีการแต่งตั้งนั้นเป็นอันยกเลิกไป

๔. ให้ผู้ว่าการมีอำนาจแต่งตั้งรองผู้ว่าการได้ตามความจำเป็น แต่ต้องไม่เกินสองคน ในกรณีที่มีรองผู้ว่าการหลายคน ให้ผู้ว่าการมอบหมายรองผู้ว่าการคนหนึ่งคนใดเป็นผู้ปฏิบัติการแทนผู้ว่าการ ในกรณีที่ไม่มีผู้ว่าการหรือผู้ว่าการไม่อยู่หรือไม่สามารถปฏิบัติหน้าที่ได้ ให้รองผู้ว่าการคนที่ได้รับมอบหมายปฏิบัติการแทนผู้ว่าการ ในกรณีที่ไม่มีรองผู้ว่าการหรือรองผู้ว่าการไม่อยู่หรือไม่สามารถปฏิบัติหน้าที่ได้ ให้ผู้ว่าการแต่งตั้งผู้อำนวยการฝ่ายใดฝ่ายหนึ่งปฏิบัติการแทนผู้ว่าการ

๕. ให้ผู้ว่าการมีอำนาจแต่งตั้งที่ปรึกษาผู้ว่าการขึ้นคณะหนึ่ง ตามที่ผู้ว่าการเห็นสมควร ให้ที่ปรึกษาผู้ว่าการมีหน้าที่ให้คำปรึกษาแนะนำแก่ผู้ว่าการในการปฏิบัติงานตามพระราชบัญญัตินี้ ตามที่ผู้ว่าการมอบหมาย ที่ปรึกษาผู้ว่าการมีสิทธิได้รับเบี้ยประชุมตามหลักเกณฑ์ที่คณะกรรมการกำหนด

๖. ให้ผู้ว่าการมีอำนาจแต่งตั้งผู้ช่วยผู้ว่าการขึ้นคนหนึ่งหรือหลายคน ตามที่ผู้ว่าการเห็นสมควร ผู้ช่วยผู้ว่าการมีหน้าที่ช่วยเหลือผู้ว่าการในการปฏิบัติงานตามที่ผู้ว่าการมอบหมาย

๗. ให้ผู้ว่าการมีอำนาจแต่งตั้งผู้ตรวจการขึ้นคนหนึ่งหรือหลายคน ตามที่ผู้ว่าการเห็นสมควร ผู้ตรวจการมีหน้าที่ตรวจสอบการปฏิบัติงานของสำนักงานตามที่ผู้ว่าการมอบหมาย

๘. ให้ผู้ว่าการมีอำนาจแต่งตั้งผู้ช่วยผู้ตรวจการขึ้นคนหนึ่งหรือหลายคน ตามที่ผู้ว่าการเห็นสมควร ผู้ช่วยผู้ตรวจการมีหน้าที่ช่วยเหลือผู้ตรวจการในการปฏิบัติงานตามที่ผู้ตรวจการมอบหมาย

๙. ให้ผู้ว่าการมีอำนาจแต่งตั้งผู้ช่วยผู้ว่าการขึ้นคนหนึ่งหรือหลายคน ตามที่ผู้ว่าการเห็นสมควร ผู้ช่วยผู้ว่าการมีหน้าที่ช่วยเหลือผู้ว่าการในการปฏิบัติงานตามที่ผู้ว่าการมอบหมาย

๑๐. ให้ผู้ว่าการมีอำนาจแต่งตั้งผู้ช่วยผู้ว่าการขึ้นคนหนึ่งหรือหลายคน ตามที่ผู้ว่าการเห็นสมควร ผู้ช่วยผู้ว่าการมีหน้าที่ช่วยเหลือผู้ว่าการในการปฏิบัติงานตามที่ผู้ว่าการมอบหมาย

๑๑. ให้ผู้ว่าการมีอำนาจแต่งตั้งผู้ช่วยผู้ว่าการขึ้นคนหนึ่งหรือหลายคน ตามที่ผู้ว่าการเห็นสมควร ผู้ช่วยผู้ว่าการมีหน้าที่ช่วยเหลือผู้ว่าการในการปฏิบัติงานตามที่ผู้ว่าการมอบหมาย ในกรณีที่ไม่มีผู้ช่วยผู้ว่าการหรือผู้ช่วยผู้ว่าการไม่อยู่หรือไม่สามารถปฏิบัติหน้าที่ได้ ให้ผู้ว่าการมอบหมายผู้ช่วยผู้ว่าการคนหนึ่งคนใดปฏิบัติการแทนผู้ว่าการ ในกรณีที่ไม่มีผู้ช่วยผู้ว่าการหรือผู้ช่วยผู้ว่าการไม่อยู่หรือไม่สามารถปฏิบัติหน้าที่ได้ ให้ผู้ว่าการแต่งตั้งผู้อำนวยการฝ่ายใดฝ่ายหนึ่งปฏิบัติการแทนผู้ว่าการ

ลวด ผอก ลวด ลวด ปลัดรี่ เฒ่ เกาะ ลายา.

12. ผอะ ปุ๊ด ผาก ถูด ลวด ขึ. ถู๊ด กาล ปีเบ กลาง กาล ริญ. ผอะ กาย ขอก xาบ. ลาบ เบ๊ญ กาย xาบ ผอะ ผ. ปีเบ ลาบ ริก ริก ผาะ เบ๊. ผาด ผาย ลวด ริญ กาล ลวด ปุ๊ด ปีด เผย ผาย ปุ๊ด ปีด เผย ผาย กาย ลวด ปลัดรี่ ลวด ปีด. ลวด ขาะ ผา ผาด ลวด ปีด ลวด xาบ กาบ เฒ่ ลวด ปลัดรี่ ลวด.

- ปุ๊ด ถาบ
- ถาย ริกา ลวด
- ถาบ ขอก
- ถาบ ลาย
- ถาบ เผย
- ถาบ ถอ ปีด ลวด.

13. ปีด เผย ถาย ปีด ลวด ลา ขอก xอ ถูเย ปีก ถูด: ผอ ลวด กาบ ปุ๊ด ลวด

14. กูลา ปีบ ผูด ปีก xอ ลวด ปลัดรี่, ผอ ลวด xาบ ผ ลวด กาล ลวด ขาะ. ปุ๊ด ลวด ถา ผอ ถูเย ปีก กาล ลวด ขอก. กูลา ปีบ ลวด ปีด ปีก ผอ ถูเย ลาย ปีก. ลา ปีบ ลวด ขอก ถา เบ๊ญ ถอ ผอ ถูเย ลวด. xอ กาด ผอ ปีด ปีก ถอ ถูด ลวด ปีก ผอ ลวด ปีบ ลวด.

15. ผอะ ปุ๊ด ผาก ถูด ลวด ขึ. ถู๊ด กาล ปีบ กลาง กาล ริญ, ผอ กาย ขอก xาบ, ลาบ เบ๊ญ กาย xาบ ผอะ ผ. ปีเบ ลาบ ริก ริก ผาะ เบ๊. ผาด ผาย ลวด ริญ กาล ลวด ขอก ปีเบ ผอ, ปีเบ ผา xาบ ปีด ปีก ถอ ปีเบ ลวด ผาด

rằng vào thời điểm sau này bộ phận nào sẽ:

- Mở rộng
- Thu xếp (người/tổ chức)
- Hợp đồng
- Giảm giá
- Giảm thiểu (thời người)
- Giảm thương hiệu
- Giảm tiếng
- Giảm thương

16. Bộ phận giảm thương mại xuất, nhập xuất khẩu, thiết kế và thực hiện việc quảng cáo sản phẩm của công ty mình. Nhập vào những bộ phận nào sẽ có mối liên hệ bộ phận giảm thương mại nhất:

- Nhập vật - Giảm thương hiệu
- Nhập khẩu - Giảm thiểu
- Nhập rằng - Giảm thời.

17. Mỗi thương hiệu bộ rằng thường (rằng thời điểm rằng rằng sau) bộ phận giảm nhập khẩu.

Bộ rằng thường giảm xuống thấp sẽ thiết kế thương hiệu nhà giảm giá cho giảm thiểu thời thương mại. Thiết rằng sau thì bộ giảm nhập, thương hiệu rằng - Bộ rằng thường giảm thiểu thời rằng bộ phận thương hiệu

ลักษณะของการแต่งงานแบบนี้ ฝ่ายชายจะต้องเป็นฝ่ายไปขอฝ่ายหญิงแต่งงาน ซึ่งในสมัยก่อนจะมีการจัดขบวนแห่ขันหมากไปที่บ้านฝ่ายหญิง ในขบวนจะมีทั้งผู้ชายและผู้หญิงร่วมขบวนไปด้วย ในขบวนจะมีการนำเครื่องดื่มและอาหารไปด้วย เมื่อขบวนมาถึงบ้านฝ่ายหญิงแล้ว ฝ่ายชายจะต้องเรียนให้ฝ่ายหญิงทราบว่าตนมาขอแต่งงานกับลูกสาวของเขา ซึ่งในสมัยก่อนนั้นฝ่ายชายจะต้องเรียนให้ฝ่ายหญิงทราบถึงสาเหตุที่ตนมาขอแต่งงานกับลูกสาวของเขาด้วย

ကျေးဇူးတင်ပါသည်ဆရာ ဆရာမ ဦးလေးဦးလေးမ ဦးလေးဦးလေးမ ဦးလေးဦးလေး

[illegible]

20. [illegible]

[illegible]

21. [illegible]

ចំណាំ ពាក្យ ដែលមានន័យដូចគ្នា ឬ ស្រដៀងគ្នា ត្រូវបានប្រើប្រាស់ ដើម្បីបញ្ជាក់ ឬ ពន្យល់ អំពីពាក្យ ដែលត្រូវការនិយាយ ឬ សរសេរ ច្រើនដង ដើម្បីឲ្យមានភាពច្បាស់លាស់ ។ ឧទាហរណ៍ ៖ ពាក្យ ថា ស្លាប់ ត្រូវបានពន្យល់ ដោយពាក្យ ដូចជា ទទួលមរណភាព ឬ ទទួលអនិច្ចកម្ម ។ ការប្រើប្រាស់ ពាក្យ ដែលមានន័យដូចគ្នា ឬ ស្រដៀងគ្នា ដើម្បីពន្យល់ ពាក្យ ដែលត្រូវការនិយាយ ឬ សរសេរ ច្រើនដង ដើម្បីឲ្យមានភាពច្បាស់លាស់ ហៅថា ការពន្យល់ ដោយប្រើពាក្យមានន័យដូចគ្នា ។

22. ពាក្យ ដែលមានន័យ ផ្ទុយគ្នា ឬ ខុសគ្នា ដាច់ស្រឡះ ហៅថា ពាក្យ ឥតន័យ, ពាក្យ ដែលមានន័យ ។ ពាក្យ ដែលមានន័យ ច្រើនប្រភេទ ដែលអាចមានន័យ ផ្ទុយគ្នា: ពាក្យ ចាស់ ចាស់ ទន់ខ្សោយ, ពាក្យ ចាស់ ចាស់ ក្លាហាន, ពាក្យ ចាស់ ចាស់ ទុំ ។

II. លំហាត់ប្រាស្រ័យ ពាក្យ ពាក្យ ចាស់ ចាស់ ដែលមានន័យ ផ្ទុយគ្នា

1. លំហាត់ពាក្យ ពាក្យ ដែលមានន័យ ផ្ទុយគ្នា ដូចជា, ចាស់ ទន់ខ្សោយ, ចាស់ ក្លាហាន ឬ ចាស់ ចាស់ ទុំ ។ ល ។

2. ពាក្យ ចាស់ ចាស់ ទន់ខ្សោយ ត្រូវបានប្រើ ដើម្បីពន្យល់ ពាក្យ ដែលត្រូវការនិយាយ ឬ សរសេរ ច្រើនដង ដើម្បីឲ្យមានភាពច្បាស់លាស់ ។ ឧទាហរណ៍ ៖ ពាក្យ ថា ស្លាប់ ត្រូវបានពន្យល់ ដោយពាក្យ ដូចជា ទទួលមរណភាព ឬ ទទួលអនិច្ចកម្ម ។ ការប្រើប្រាស់ ពាក្យ ដែលមានន័យដូចគ្នា ឬ ស្រដៀងគ្នា ដើម្បីពន្យល់ ពាក្យ ដែលត្រូវការនិយាយ ឬ សរសេរ ច្រើនដង ដើម្បីឲ្យមានភាពច្បាស់លាស់ ហៅថា ការពន្យល់ ដោយប្រើពាក្យមានន័យដូចគ្នា ។

3. ឬ ប្រើ ពាក្យ ចាស់ ចាស់ ទន់ខ្សោយ, ពាក្យ ដែលមានន័យ ផ្ទុយគ្នា

ทำผิด การเสียค่าปรับก็จะมีมากขึ้น . เพราะเขาคิดว่าเป็นการ
การเสียหายต่อทรัพย์สินของเขา และเป็นการเสียหายต่อ
ความสงบเรียบร้อยในหมู่บ้าน; เพราะฉะนั้น (ประเพณี) จึงเป็นการเสียหาย
ในหมู่บ้าน (หมู่บ้านนั้น)

4. ในกรณีเสียชีวิตก็เช่นกัน . เพราะมีคนตาย ทางญาติพี่น้องก็
ต้องมีการฝังศพ. เพราะมีคนตายจึงต้องมีการขุดหลุมฝังศพ และต้องมีคนขุด
หลุม. ขุดหลุมฝังศพเสร็จแล้วก็ต้องมีการเลี้ยงอาหารกันที่
นั่นเลย . ขุดหลุมฝังศพก็ต้องมีคนขุดหลุมฝังศพ ก็ต้องมีการ
เลี้ยงกันที่นั่นเลย ต้องมีการเลี้ยงกันที่นั่นเลย . ขุดหลุมฝังศพเสร็จแล้ว
เขาก็ต้องกลับ, เขาก็ต้องอาบน้ำ, เขาก็ต้องกินข้าว, เขาก็ต้องนอน
เขาก็ต้องตื่นขึ้นมาทำงานกันต่อไป.

5. เพราะมีคนตาย (ขุดหลุมฝังศพ) จึงมีการเลี้ยงกันที่นั่น
ตลอดจนถึงการที่เขาจะยกศพขึ้นไปฝังบนป่าช้า:

- ในวันนั้นเขาก็จะมีการเลี้ยงกันตลอดเพราะมีคนตาย:
ปลา, หมู, วัว, ควาย, ไก่, เป็ด, ข้าว, ข้าวโพด, ข้าวเหนียว, ผัก, ถั่ว, ผักกาด
ใบชา, หมาก, บุหรี่, ใหม่ มีทั้ง, ต้องซื้อมาเลี้ยงกันที่นั่นเลย ไม่ต้องนำ
กลับมาที่บ้านแล้วมาเลี้ยงกันที่นี่ก็ไม่ได้ ต้องเลี้ยงกันที่นั่นเลย

ในวันต่อมา, เขาก็จะมีการเลี้ยงกันอีกครั้งหนึ่ง ในวันต่อมา
ก็ต้องมีการเลี้ยงกันอีกครั้งหนึ่ง: ควาย, หมู, ปลาดิบ, ข้าวเหนียวนึ่ง, ปลาร้า, ตำลึง, ผักกาด,
ใบชา, หมาก บุหรี่, ปลาย่าง, ปลาต้ม, ข้าวโพด, ข้าวเหนียว, ผักกาด, ถั่ว
ตลอดจนถึงเหล้าขาว, เขาก็ต้องมีการเลี้ยงกันที่นั่นเลย ต้องมีการ
เลี้ยงกันที่นั่นเลย ไม่ต้องนำกลับมาที่บ้านแล้วมาเลี้ยงกันที่นี่ก็ไม่ได้
เลี้ยงกันที่นั่นเลย.

- Các tính từ chỉ màu sắc thường đứng sau danh từ chính: màu xanh của cây cối khiến mình có cảm giác thoải mái, dễ chịu. Một số tính từ chỉ màu sắc: đỏ, đỏ thắm, đỏ au, đỏ lòm, đỏ lè, xanh, xanh lè, xanh lét, xanh lá cây, đỏ xẫm, đỏ tươi, màu sắc, mang đến cho người đối diện cảm giác.

- Các tính từ chỉ mức độ, sự so sánh thường đứng sau danh từ chính: nhiều hơn, ít hơn, bằng, hơn hẳn, kém hẳn, gấp, lần, mang đến cho câu văn sự so sánh.

6. Đơn vị thường đứng sau số từ và sau (hoặc) một mình: dùng để tính đếm sự vật hoặc sự việc. Một số đơn vị thường dùng: cái, con, chiếc, bức, tấm, quyển, cuốn, tờ, bông, cây, cành, hòn, viên, thỏi, nén, đồng, đôi, cặp, bộ, tá, chục, trăm, nghìn, vạn, triệu, tỉ, mớ, nắm, bó, gánh, thúng, mẹt, rổ, rá, vốc, hũ, chum, vại, ang, bồ, vựa, lọ, thùng, hộp, tủ, bàn, ghế, giường, sập, võng, cáng, cáng, xe, thuyền, bè, mảng, tàu, bay, máy bay, trực thăng, tên lửa, vệ tinh, con tàu vũ trụ, súng, đại bác, súng máy, súng trường, súng lục, súng ngắn, súng bắn tỉa, súng phóng lựu đạn, súng cối, súng phun lửa, súng bắn đạn hơi cay, súng bắn đạn cao su, súng bắn đạn nhựa, súng bắn đạn thép, súng bắn đạn chì, súng bắn đạn đồng, súng bắn đạn vàng, súng bắn đạn bạc, súng bắn đạn kim cương, súng bắn đạn ngọc trai, súng bắn đạn hồng ngọc, súng bắn đạn lam ngọc, súng bắn đạn lục bảo, súng bắn đạn thạch anh, súng bắn đạn mã não, súng bắn đạn thạch anh tím, súng bắn đạn thạch anh hồng, súng bắn đạn thạch anh vàng, súng bắn đạn thạch anh trắng, súng bắn đạn thạch anh đen, súng bắn đạn thạch anh xanh, súng bắn đạn thạch anh lục, súng bắn đạn thạch anh lam

ปีอู่ ม ออก'ถาม เรือ ษูก เรือ กฎ๋อ.

ถาม เรือ กฎ๋อ ศูก๋อ ศูก๋อ ปีกิ๋ ภาษิต ปีกิ๋ ปี๋ ปี๋ xอ๋อ ถาม เรือ ษูก ปีกิ๋ ปี๋ ปี๋ ปีกิ๋ ปีอู่ ปีอู่ ปีอู่

ကမ်းရိုးတန်းဒေသတွင် ကုန်သွယ်ရေးလုပ်ငန်းများ ပိုမိုတိုးတက်လာခဲ့သည်။ ထိုအခြေအနေအောက်တွင် ကုန်သည်များသည် ကုန်ပစ္စည်းများကို ရောင်းဝယ်ရန် ခရီးသွားလာခဲ့ကြသည်။

III. ယဉ်ကျေးမှုဆိုင်ရာ အသွင်အပြင်

8. ပင်လယ်ကမ်းခြေဒေသများတွင် ကုန်သည်များ ခရီးသွားလာခြင်းကြောင့် ဒေသခံများနှင့် ကုန်သည်များအကြား ဆက်ဆံရေးများ ဖြစ်ပေါ်လာခဲ့သည်။ ဤဆက်ဆံရေးများသည် ယဉ်ကျေးမှုဆိုင်ရာ အပြန်အလှန်သက်ရောက်မှုများကို ဖြစ်ပေါ်စေခဲ့သည်။ ဥပမာအားဖြင့် ကုန်သည်များသည် ဒေသခံများ၏ ဘာသာတရားဆိုင်ရာ အယူအဆများကို လေးစားကြောင်း ပြသရန် ဒေသခံဘုရားကျောင်းများသို့ လှူဒါန်းခဲ့ကြသည်။ ထိုသို့ပြုလုပ်ခြင်းသည် ဒေသခံများနှင့် ကုန်သည်များအကြား ယုံကြည်မှုကို တိုးပွားစေခဲ့သည်။

9. ဒေသခံပြည်သူများသည် ကုန်သည်များ၏ ဝတ်စားဆင်ယင်မှုပုံစံ၊ အစားအသောက်ဓလေ့ စသည်တို့ကို စိတ်ဝင်စားမှုရှိခဲ့ကြသည်။ ဤသို့ဖြင့် ကုန်သည်များ၏ ယဉ်ကျေးမှုဆိုင်ရာ အသွင်အပြင်များသည် ဒေသခံများ၏ ဘဝပုံစံအပေါ် သက်ရောက်မှုရှိခဲ့သည်။

10. ပင်လယ်ကမ်းခြေဒေသများတွင် ကုန်သည်များ ခရီးသွားလာခြင်းကြောင့် ဒေသခံများနှင့် ကုန်သည်များအကြား ဆက်ဆံရေးများ ဖြစ်ပေါ်လာခဲ့သည်။ ဤဆက်ဆံရေးများသည် ယဉ်ကျေးမှုဆိုင်ရာ အပြန်အလှန်သက်ရောက်မှုများကို ဖြစ်ပေါ်စေခဲ့သည်။ ဥပမာအားဖြင့် ကုန်သည်များသည် ဒေသခံများ၏ ဘာသာတရားဆိုင်ရာ အယူအဆများကို လေးစားကြောင်း ပြသရန် ဒေသခံဘုရားကျောင်းများသို့ လှူဒါန်းခဲ့ကြသည်။ ထိုသို့ပြုလုပ်ခြင်းသည် ဒေသခံများနှင့် ကုန်သည်များအကြား ယုံကြည်မှုကို တိုးပွားစေခဲ့သည်။

ของ ทาง ฮาย. ทาง ฮาย ก่อน กลาง แล้ว. ป้อง เข้า ของ ฮาย ป้อง ก่อน
At เรือน เมือ ปู่ เฒ่า เมือ เรือน, แล้ว ของ เข้า ไป,
ป้อง ก่อน ก่อน ก่อน ไป ก่อน ก่อน ฮาย. ถ้า ของ ก่อน ไป เมือ เรือน ก่อน
ก่อน At ก่อน ไป ก่อน ก่อน ก่อน.

11. ของ ของ ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน, ก่อน แล้ว ก่อน ก่อน
ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน. ก่อน แล้ว ก่อน ก่อน ก่อน เรือน ก่อน ก่อน
ของ ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน.

- ป้อง ก่อน At ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน, ก่อน ก่อน แล้ว, ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน
- ป้อง ก่อน At ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน, ก่อน ก่อน ของ ของ ก่อน
ก่อน

- ก่อน ของ เรือน ก่อน เรือน ของ ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน:
"แล้ว ก่อน ของ ฮา".

- ของ ก่อน แล้ว ก่อน ของ ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน
ก่อน: ก่อน. At ก่อน ของ ของ ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน
ก่อน. ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน, ป้อง ก่อน ก่อน
ก่อน ของ ของ ก่อน ของ ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน
ก่อน. ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน. ก่อน ก่อน
ของ ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน
ก่อน.

12. ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน,
ของ ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน
ของ ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน
ของ ก่อน ก่อน ก่อน. ป้อง ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน ก่อน: ก่อน

nhà cửa, thuyền bè của họ đều bị đốt cháy. Họ không có nhà cửa, không có thuyền bè, không có ruộng đất, không có cả vợ con. Họ chỉ còn biết sống lang thang, đi đến đâu hay đến đấy, không có nơi ăn chốn ở nhất định.

13. Khi đã đến nơi, họ thấy cảnh tượng thật là hoang vắng, không một bóng người, chỉ có những con chim hải âu bay lượn trên bầu trời và những con cá heo nhảy lên mặt nước. Họ bèn dựng lều trại để ở và bắt đầu làm quen với cuộc sống mới.

– Chúng ta phải làm gì để có thể sống được ở đây? – một người hỏi.

– Chúng ta phải làm việc chăm chỉ, phải biết tiết kiệm thì mới có thể sống được: người khác trả lời.

– Nhưng chúng ta không có thuyền để đánh cá, làm sao có thể sống được? – người thứ ba hỏi.

– Chúng ta có thể đi bắt cá heo, ăn thịt và lấy da làm thuyền: người thứ tư đề nghị.

14. Chúng tôi làm việc và sống như thế trong suốt hai năm trời. Hai năm sau, chúng tôi đã có thể đóng được một chiếc thuyền lớn và

ตูอ๋ ก๋าง ถูกเจ้าของ ก๋าง ตูอ๋ เขา ก๋าง ก๋าง ก๋าง

ਪਰਿਭਾਸ਼ਾ : ਸਮਾਨ ਅਰਥ ਵਾਲੇ ਸ਼ਬਦਾਂ ਨੂੰ ਪਰਿਭਾਸ਼ਾ ਕਹਿੰਦੇ ਹਨ : "ਸਮਾਨ ਅਰਥੀ, ਸਮਾਨ ਭਾਵੀ, ਸਮਾਨਾਰਥੀ, ਸਮਾਨ ਪਰਯਾਇ"। ਜਿਵੇਂ ਕਿਰਿਆ ਸ਼ਬਦਾਂ ਦੀ :

- ਸਮਾਨ ਅਰਥੀ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਅਰਥੀ ਸ਼ਬਦ.
- ਸਮਾਨ ਭਾਵੀ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਭਾਵੀ ਸ਼ਬਦ
- ਸਮਾਨਾਰਥੀ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਅਰਥੀ ਸ਼ਬਦ ਪੁਲਿੰਗ.
- ਸਮਾਨਾਰਥੀ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਅਰਥੀ ਸ਼ਬਦ.
- ਸਮਾਨ ਪਦ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਪਦ ਸ਼ਬਦ.
- ਸਮਾਨ ਪਦ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਪਦ ਸ਼ਬਦ
- ਸਮਾਨਾਰਥੀ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਪਦ ਸ਼ਬਦ ਪੁਲਿੰਗ
- ਸਮਾਨ ਪਦ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਪਦ ਸ਼ਬਦ .
- ਸਮਾਨ ਰਚਨਾ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਸ਼ਬਦ ਰਚਨਾ
- ਸਮਾਨ ਰਚਨਾ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਪੁਲਿੰਗ ਰਚਨਾ
- ਸਮਾਨ ਰਚਨਾ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਸ਼ਬਦ ਪੁਲਿੰਗ ਰਚਨਾ.
- ਸਮਾਨ ਰਚਨਾ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਸਮਾਨ ਰਚਨਾ
- ਸਮਾਨ ਵਾਕ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਸ਼ਬਦ ਵਾਕ.
- ਸਮਾਨ ਵਾਕ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਪੁਲਿੰਗ ਵਾਕ.
- ਸਮਾਨ ਵਾਕ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਸ਼ਬਦ ਪੁਲਿੰਗ ਵਾਕ
- ਸਮਾਨ ਵਾਕ (ਪੰਜਾਬੀ ਸ਼ਬਦ) - ਸਮਾਨ ਵਾਕ.

17. ਵਾਕਾਂਸ਼ ਦੇ ਅਰਥ ਨੂੰ ਇਕ ਸ਼ਬਦ ਵਿਚ ਲਿਖਣਾ, ਅਰਥ ਸਮਝ ਪੈਣ ਵਾਲੇ ਸ਼ਬਦ ਸਮੂਹ ਨੂੰ ਇਕ ਸ਼ਬਦ ਵਿਚ ਲਿਖਣਾ ਵਾਕਾਂਸ਼ ਦੇ ਅਰਥ ਹੁੰਦੇ ਹਨ। ਵਾਕਾਂਸ਼ ਦੇ ਅਰਥ ਨੂੰ ਇਕ ਸ਼ਬਦ ਵਿਚ ਲਿਖਣ ਨੂੰ ਵਾਕਾਂਸ਼ ਦੇ ਸਮਾਨਾਰਥੀ ਸ਼ਬਦ ਕਹਿੰਦੇ ਹਨ। ਕੁਝ ਵਾਕਾਂਸ਼ ਦੇ ਅਰਥ ਇਕ ਸ਼ਬਦ ਵਿਚ ਲਿਖਣ ਦੀ ਉਦਾਹਰਣ ਹੇਠਾਂ ਦਿੱਤੀ ਜਾ ਰਹੀ ਹੈ : ਸਮਾਨ ਦਾ ਮੁਕਾਬਲਾ, ਸਮਾਨਤਾ ਦਰਸਾਉਣੀ, ਕਹੀ ਸੁਣੀ ਗੱਲ, ਸਹਾਰਾ ਦੇਣ ਵਾਲਾ

18. [illegible]

19. [illegible]

– [illegible]

20. [illegible]

vào, thì sẽ có việc đến. Ông ta có thể nói những điều mà người ta muốn nghe, làm những điều mà người ta thích, nhưng không bao giờ ông ta thay đổi những điều mà ông ta đã nói ra. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã làm.

21. Người nào có cái gì thì người ấy sẽ được cho thêm nữa và sẽ có dư dật. Còn người nào không có gì, thì cái gì người ấy tưởng mình có cũng sẽ bị lấy đi. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã nói ra. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã làm. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã viết. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã dạy. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã hứa. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã thề. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã ký kết. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã cam kết. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã thỏa thuận. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã đồng ý. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã chấp thuận. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã phê chuẩn. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã ban hành. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã công bố. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã thông báo. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã thông tin. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã truyền đạt. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã giảng dạy. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã rao giảng. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên xưng. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên ngôn. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên án. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên phạt. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên thưởng. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên ân xá. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố miễn tội. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố tha bổng. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố vô tội. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố trắng án. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố giải oan. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố phục hồi danh dự. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố bồi thường. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố đền bù. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố hoàn trả. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố tịch thu. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố sung công. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố phạt vạ. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố phạt tù. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố tử hình. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố hành quyết. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố thi hành án. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố chấm dứt hiệu lực thi hành án. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố miễn thi hành án. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố hoãn thi hành án. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố tạm đình chỉ thi hành án. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố đình chỉ thi hành án. Ông ta không bao giờ thay đổi những điều mà ông ta đã tuyên bố chấm dứt

ปกครองตาม, ส่วนใหญ่ก็เหมือนกันกับที่ได้กล่าวมาแล้วข้างต้น แต่ว่าในบางเรื่องก็มีข้อแตกต่างกันไปบ้าง ดังเช่นในเรื่องของการแต่งงานนั้น ถ้าหากว่าเป็นการแต่งงานกันระหว่างคนในเมืองเดียวกันแล้ว ก็ไม่ต้องเสียค่าสินสอดทองหมั้นอะไรกันมากมาย ก็เพียงแต่ให้ฝ่ายชายนำเอาเงินไปให้ฝ่ายหญิงเป็นค่าขันหมากเท่านั้น ส่วนเรื่องของการแต่งงานกันระหว่างคนต่างเมืองนั้น ฝ่ายชายจะต้องเสียค่าสินสอดทองหมั้นให้แก่ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมาก ซึ่งจำนวนเงินนั้นจะมากหรือน้อยก็ขึ้นอยู่กับฐานะของฝ่ายหญิงเป็นสำคัญ. ถ้าหากว่าฝ่ายหญิงมีฐานะดีมีเงินมีทองมาก ก็จะต้องเสียค่าสินสอดทองหมั้นให้แก่ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากตามไปด้วย. ถ้าหากว่าฝ่ายหญิงมีฐานะยากจนก็จะต้องเสียค่าสินสอดทองหมั้นให้แก่ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนน้อยตามไปด้วย. ถ้าหากว่าฝ่ายหญิงมีฐานะปานกลางก็จะต้องเสียค่าสินสอดทองหมั้นให้แก่ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนปานกลางตามไปด้วย. ถ้าหากว่าฝ่ายหญิงมีฐานะเป็นลูกเศรษฐีมีเงินมีทองมากมายก็จะต้องเสียค่าสินสอดทองหมั้นให้แก่ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากมายตามไปด้วย. ถ้าหากว่าฝ่ายหญิงมีฐานะเป็นลูกเศรษฐีมีเงินมีทองมากมายก็จะต้องเสียค่าสินสอดทองหมั้นให้แก่ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากมายตามไปด้วย. ถ้าหากว่าฝ่ายหญิงมีฐานะเป็นลูกเศรษฐีมีเงินมีทองมากมายก็จะต้องเสียค่าสินสอดทองหมั้นให้แก่ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากมายตามไปด้วย.

23. ในเรื่องของการแต่งงานกันระหว่างคนต่างเมืองนั้น ฝ่ายชายจะต้องเสียค่าสินสอดทองหมั้นให้แก่ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากมายตามไปด้วย:

—ในเรื่องของการแต่งงานกันระหว่างคนต่างเมืองนั้น ฝ่ายชายจะต้องเสียค่าสินสอดทองหมั้นให้แก่ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากมายตามไปด้วย: เพราะว่า, ฝ่ายหญิงนั้นมีฐานะเป็นลูกเศรษฐีมีเงินมีทองมากมาย ถ้าหากว่าฝ่ายชายไม่นำเอาเงินไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากมายตามไปด้วยแล้ว ก็จะไม่ได้รับการยกย่องนับถือจากฝ่ายหญิงเป็นอันขาด. ถ้าหากว่าฝ่ายชายไม่นำเอาเงินไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากมายตามไปด้วยแล้ว ก็จะไม่ได้รับการยกย่องนับถือจากฝ่ายหญิงเป็นอันขาด. ถ้าหากว่าฝ่ายชายไม่นำเอาเงินไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากมายตามไปด้วยแล้ว ก็จะไม่ได้รับการยกย่องนับถือจากฝ่ายหญิงเป็นอันขาด. ถ้าหากว่าฝ่ายชายไม่นำเอาเงินไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากมายตามไปด้วยแล้ว ก็จะไม่ได้รับการยกย่องนับถือจากฝ่ายหญิงเป็นอันขาด. ถ้าหากว่าฝ่ายชายไม่นำเอาเงินไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนมากมายตามไปด้วยแล้ว ก็จะไม่ได้รับการยกย่องนับถือจากฝ่ายหญิงเป็นอันขาด.

như thế thì em không thể làm được. Em vẫn muốn được làm việc, được cống hiến cho đất nước, được đóng góp cho xã hội, được sống có ích. Em không muốn trở thành một kẻ vô dụng, một kẻ ăn bám. Em không muốn phải sống dựa dẫm vào người khác. Em muốn được tự lập, được tự mình làm ra tiền để nuôi sống bản thân và gia đình. Em muốn được là một người phụ nữ thực thụ, một người vợ, một người mẹ tốt. Em muốn được chăm sóc cho chồng con, được dạy dỗ chúng nên người. Em muốn được là chỗ dựa vững chắc cho chồng con. Em muốn được là người mà chồng con luôn tin tưởng và yêu thương.

- Anh biết mà, anh cũng không muốn em phải như thế. Anh muốn em được sống thật là mình, được làm những điều mà em thích, được đi đến những nơi mà em muốn đến, được gặp gỡ những người mà em muốn gặp, được nói những điều mà em muốn nói. Anh không muốn em phải sống gò bó, phải sống theo khuôn khổ, phải sống theo những quy tắc mà người khác đặt ra cho em. Anh muốn em được sống tự do, được sống hạnh phúc. Anh không muốn em phải sống trong sự dằn vặt, trong sự đau khổ. Anh muốn em được sống trong niềm vui, trong tiếng cười. Anh muốn em được sống như chính em mong muốn.

- Em biết anh muốn em được như thế nào. Em cũng muốn được như thế. Nhưng em không thể. Em không thể làm được những điều mà em muốn. Em không thể đi đến những nơi mà em muốn đến. Em không thể gặp gỡ những người mà em muốn gặp. Em không thể nói những điều mà em muốn nói. Em không thể sống như chính em mong muốn. Em không thể sống tự do. Em không thể sống hạnh phúc. Em không thể sống trong niềm vui, trong tiếng cười. Em không thể sống như thế được. Em không thể.

- Tại sao em không thể làm được những điều mà em muốn? Em không thể đi đến những nơi mà em muốn đến? Em không thể gặp gỡ những người mà em muốn gặp? Em không thể nói những điều mà em muốn nói? Em không thể sống như chính em mong muốn? Em không thể sống tự do? Em không thể sống hạnh phúc? Em không thể sống trong niềm vui, trong tiếng cười? Em không thể sống như thế được? Em không thể? Tại sao em không thể? Tại sao em không thể? Tại sao em không thể?

ଅଟିଏ ଯଦା ପଳା ଯାଏ ବାଘ ମୋର ଗଣ୍ଡାଙ୍କୁ ଟିକେ ଧୁଏ ଦେବ.

– ଦୁଇ ଜଣ ଏଥି ପାଇଁ ଯିବେ ନାସ୍ତା ଟିକେ ଧୁଏ, ଗୋଟା ଗାଁ ଏମେ ଆଡ ଦେଖି ଫାଁପ ଯାଏ ଟିପି. ଏବଂ ଟିପି ଅଧେ ଟିପି ମୁ ବାଦ୍ୟ ବିନା ହଲିବେ ଯାଇ ଆଗେ ଗାଁ ଗଣ୍ଡାରେ, ଯାଇଥି ଯଦା . ମୁ ବିନା "ଘୋଡ଼ି ଯାଏ ଯାଉଛୁ ଫାଁପ", ଅଧେ ମୁ ବିନା ଅଦା ଚାଁପା ଏବଂ ଗାଁ ଯାଉଛୁ ଟିକେ ଧୁଏ. ବିନା ଏବଂ ଦୁଇ ଗାଁ ଯାଏ ଘୋଡ଼ି ଯାଏ ଯାଏ ଟିକେ ଯାଏ ଏବଂ ଅଦା ଯାଏ ଗାଁ ବାଦ୍ୟ ବିନା ଯା.

– ଦୁଇ ଜଣ ଅଧେ ମୁ ଟିକେ ଫାଁପ ଯାଏ ଦିନ ବିନା ଘୋଡ଼ି ଯାଏ ଘୋଡ଼ି ଫାଁ, ଗାଁ ଯାଏ ଯାଏ ଯାଏ, ଅଦା ଟିପି ଗାଁ ଯାଏ ଟିପି ଗାଁ ଯାଏ ଯାଏ ଯାଏ

- Hãy nói. Thấy thái độ của anh ấy có vẻ không bằng lòng, tôi nói tiếp: Tôi không muốn làm phiền anh. Nếu anh không muốn, thì thôi vậy. Tôi định đi ra thì anh ấy nói: Không phải thế. Tôi chỉ không muốn nói về chuyện này với người khác. Tôi nói: Tôi hiểu. Tôi sẽ không nói với ai. Anh ấy nói: Tôi tin anh. Tôi đã đọc những bài viết của anh. Tôi nói: Cảm ơn anh. Anh ấy nói: Tôi đã đọc những bài viết của anh về Nguyễn Du

ผิดกับคนที่ไม่ได้ทำผิดประเพณี ผู้ที่ทำผิดประเพณีจะต้องถูกลงโทษ ตามที่ได้กำหนดไว้ใน

- Thưa Thầy, con không thể nào làm như thế được. Thầy là người
thầy đầu tiên của con, là người đã dạy dỗ con nên người. Con
không thể nào làm như thế được. Con xin Thầy hãy tha thứ cho
con.

ဆားတဝ်ဒဲဒ်ဒဲဒ်ဒဲဒ

ਪਾਰ ਹਾਵਿਆ, ਕਰਨ ਵਿਚ ਨਾਲ ਸੁੱਤੇ ਕਰ ਪਾ ਪਾਰ ਵਿਚ ਪਾਰ ਵਿਚ ਨਾਲ ਵਿਚ ਨਾਲ ਵਿਚ ਨਾਲ

IV. Những điều cấm kỵ trong việc ăn uống và giao tiếp hàng ngày

31. Cấm kỵ trong ăn uống và sinh hoạt gia đình được quy định như sau:

Đối với người phụ nữ:

- Khi đang có thai
- Người ốm đau
- Khi đang ở nhà mới
- Khi đang ở nhà người khác, không được ăn
- Đang có tang ở nhà, ở nơi có người chết.
- Khi đang ăn cơm, không được:
  + Gắp thức ăn cho người khác
  + Vẫy, thổi, đập, gõ, đánh, ném...

Đối với người đàn ông:

- Đang có tang ở nhà
- Đang ăn cơm thì không được nói
- Đang ăn không được ném xương.

32. Khi có việc hiếu hỷ, những "điều cấm kỵ" trong ăn uống được thực hiện khi đi dự đám:

- Người có tang không được ăn cơm cùng với người khác
- Người có tang không được ăn cơm cùng với người khác.
- Đi đám cưới không được ăn hết thức ăn trong bát
- Đi đám ma không được ăn cơm cùng với người khác. Không được ăn cơm.

thân nhân chết, chỉ có một, hai người thân thích đến đưa tiễn. Người chết được đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng, không khí buồn thảm và lạnh lẽo, không có tiếng khóc than, không có tiếng kèn trống, không có những nghi thức rườm rà.

33. Xuất phát từ quan điểm coi thường sự chết, người Mường có những câu "nói về cái chết" rất độc đáo như sau:

- Người ta chết là về với tổ tiên, về với cội nguồn. Khi người ta chết là hồn lìa khỏi xác, không còn biết đau đớn, không còn biết sợ hãi, không còn biết khóc lóc, không còn biết thương tiếc. Người chết là hết, không còn gì nữa. Người Mường có câu: "Thác là hết, không còn gì". Quan niệm người chết là hết, không còn gì nữa, nhưng không có nghĩa là người chết không còn tồn tại trong tâm thức của người sống. Người Mường vẫn coi người chết là về với tổ tiên, về với cội nguồn, về với thế giới bên kia. Người chết vẫn có những nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại như khi còn sống. Vì thế, khi chôn cất người chết, người ta thường chôn theo những đồ dùng cần thiết cho người chết như: quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ trang sức, đồ dùng sinh hoạt, đồ dùng sản xuất, thậm chí cả những con vật nuôi như trâu, bò, gà, vịt, chó, mèo, ngựa, dê, lợn... Người chết được chôn cất theo những nghi thức nhất định. Người ta phải chọn ngày, giờ, hướng, đất đai, mồ mả... Người chết được chôn cất theo hướng đầu quay về hướng Bắc, chân quay về hướng Nam, nằm nghiêng về phía bên phải, tay phải gối đầu, tay trái để dọc theo thân mình. Người chết được chôn cất ở những nơi đất cao ráo, thoáng đãng, không bị ngập nước, không bị sạt lở, không bị xói mòn. Người chết được chôn cất ở những nơi đất rộng rãi, bằng phẳng, không bị chật chội, không bị chen lấn. Người chết được chôn cất ở những nơi đất có thể nhìn thấy được ngọn núi, dòng sông, con suối, cánh đồng, nương rẫy, bản làng, nhà cửa của người thân, họ hàng, làng xóm, quê hương, đất nước. Người chết được chôn cất ở những nơi đất có thể nghe thấy được tiếng chim hót, tiếng gà gáy, tiếng chó sủa, tiếng trâu bò kêu, tiếng người thân, họ hàng, làng xóm, quê hương, đất nước. Người chết được chôn cất ở những nơi đất có thể ngửi thấy được mùi hương hoa cỏ, mùi thơm của lúa, ngô, khoai, sắn, mùi khói bếp, mùi cơm, mùi thức ăn, mùi thân thuộc của người thân, họ hàng, làng xóm, quê hương, đất nước. Người chết được chôn cất ở những nơi đất có thể cảm nhận được ánh nắng, gió, mưa, sương, tuyết, mây, trời, đất, nước, lửa, cây cỏ, hoa lá, chim muông, thú vật, người thân, họ hàng, làng xóm, quê hương, đất nước.

ปฏิ . ปฏิ ปาอ ปาปฏิ ฆอง ทิญ ฮาเย ตู่ . ทาง ปัน ฆอปฏิ ทิญ เจอ เจ๋ย .
ทาง ปัน ฆอปัทิญ ทอง (เฮ้อ) ปาปฏิ . เจาญ ฮาเย ฮ้ ตูน ทาปฏิ ตูย
จิ ออก ปาฮ์ ฆอง ทอปาย ฮ้ เจาญ ปาเจ๋ย ปาเจ๊ย xเจ๋ยฮ้ปฏิ ปาปฏิ เจา
เจอ๋ย ทองอ ทองทาเจาเจ ปาญ ทาย ออก xฮ้ ฆอง เจอ เจาเจอ๋ยอ
ฮ้ เจ๊ย ฮ้ เจ๊ย เจาญ เจ๋ย เจาญ ปาย. เจาญ ฮาเย, ฮ้ญ๋ยทาปัทิญ
ฆอง เจ๋ย ฆา เจา ฮ้ญ๋ย ปาญ ตู่ เจ๋ย, เจ๋ย ฮ้ญ๋ย ปาญ ปาย ปัน. ฮาเย ฮ้ญ๋ย
ปาย ปาปฏิ ออก ฆอง ปาย เจ๋ย, เจ๋ย ฮ้ ฮอปฏิ ทิญ เจ๋ย ปาย ปาย
ตู่ ออก ปาฮ์ ฆอง ทองทาเจาเจ ปาญ ทาย ออก xฮ้ ฆอง เจอ เจาเจอ๋ยอ
ฮ้ เจ๊ย ฮ้ เจ๊ย เจาญ เจ๋ย เจาญ ปาย. เจาญ ฮาเย, ฮ้ญ๋ยทาปัทิญ
ฆอง เจ๋ย ฆา เจา ฮ้ญ๋ย ปาญ ตู่ เจ๋ย, เจ๋ย ฮ้ญ๋ย ปาญ ปาย ปัน. ฮาเย ฮ้ญ๋ย
ปาย ปาปฏิ ออก ฆอง ปาย เจ๋ย, เจ๋ย ฮ้ ฮอปฏิ ทิญ เจ๋ย ปาย ปาย

ทาน ฮาเย ปัทิญ เจอ๋ย ทาเจาญ เจาเย ฮ้ญ๋ย เจา เจาทอปาย ปาปัทิญ ปาปัทิญ ออก
ปัทิญ ปู่ ตูน ตูย ปาปัทิญ xฮ้ ปาย. ฮาเย ฮ้ญ๋ย ฮ้ ปูย เจาทอปาย ปาปัทิญ ปาปัทิญ
เจ๋ย ทอง ปัทิญ ปาย ปาย ปาย ออก ฮ้ญ๋ย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย
ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย
ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย ปาย

ලුත නහු ඉඩ ගොන බිඳුන සඳහා ගැසීම සඳහා ඉඩ ගොන ගැසීම සඳහා ගොන බිඳුන ඉඩ ගැසීම සඳහා ගොන බිඳුන ඉඩ ගැසීම සඳහා ගොන බිඳුන ඉඩ ගැසීම.

- ඒදා ඒදි හාන ගොහාර ඇඟිලි ගැන ඵලය ගොඩනැඟීම ගොඩ ගැසීම ඉඩ ගොඩ ගැසීම ඉඩ ගැසීම. ගොඩ ගොඩනැඟීම ගැසීම ගොඩ ගොඩනැඟීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම. ගොඩ සඳහා ගැසීම ගොඩ, ගොඩ ඇඟිලි ගැන ඉඩ ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම. ගොඩ ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම. ගොඩ ගැසීම, ඒදා ලුත නහු ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම. ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම. ගොඩ ගැසීම, ගැසීම ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම. ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම ගොඩ ගැසීම

ก็ขอบ้านเรือนของตนเองไว้ ไม่ให้ผู้ใดมาเข้าอยู่ได้ ถ้าผู้ใดมาเข้าอยู่ก็ต้องเสียค่าปรับ ๑ ตำลึง ๒ บาท ๕ สลึง ๑๐ เฟื้อง ๒๐ อัฐ ให้แก่เจ้าของบ้านเรือน. ถ้าผู้ใดมาเข้าอยู่ในบ้านเรือนของผู้ใดแล้ว ไม่ยอมออกไปจากบ้านเรือนนั้น ก็ต้องเสียค่าปรับ ๑ ตำลึง ๒ บาท ๕ สลึง ๑๐ เฟื้อง ๒๐ อัฐ ให้แก่เจ้าของบ้านเรือนนั้นเหมือนกั

ਪਾ ਨਾਕ ਪਿਪ ਪਿਪ ਸਾਲ ਨੁਕਾ ਪੁਨਾਵਾਪ ਪੁਨਾਵਾਕ ਨੁਪਾਲ ਅਸਾਲਪਾਕ ਨਾਪਿਪ ਪਾਪ.

– ਸਾਕ (ਪਾਨ) ਪਿਪ, ਪਿਪ ਪਿਪ ਵੇਕ ਪਿਪੁਸ ਸਾਪਿਪ ਸਾਪਾ ਪਿਪ ਅਸਾਲਪਾਕ ਪਿਪ ਪਿਪ. ਪਾਕ ਨਾਲ ਪਿਪ, ਪਿਪ ਸਾਲ ਨਾਲ ਅਸਾਲਪਾ, ਸਾ ਪਿਪ ਸਾਕ (ਪਾਨ), ਪਿਪ ਪਿਪ ਨਿਲ ਪਿਪ; ਨਾਕ ਪਿਪਸਾਲ ਅਸਾਲਪਾ, ਸਾ ਪਿਪ ਸਾਕ (ਪਾਨ), ਪਿਪ ਪਿਪ ਨਿਲ ਅਸਾਲ. ਅਸਾਲਪਾਕ ਨੁਪਾਲ ਪਿਪਾ ਪਾਪ ਪਾਕ ਸਾਪਾ ਸਾਲ ਪਾਪ ਪਾਪ ਪਾਪ ਸਾਲ ਸਾ ਅਸਾਲਪਾਕ ਸਾ ਪਿਪਾ-ਪਿਪਿਨਾਪ ਸਾਕ, ਸਾਕ (ਪਾਨ), ਪਿਪ ਪਿਪ ਪਾ ਸਾਲ ਸਾਕ ਨ. ਨੁਪ ਸਾਲ ਪਿਪ. ਪਾਸਾਲ ਨੁਪ ਪਾਪ ਪੁਨ ਨਾਲ ਨਾਲ ਨਾਲ

ลิกอู ยัทเรียงเมิน เอาะ นา หลัวก เอาะอู เอ นา เมิดอู. ปะนู เมิงปะกัด เอาะอู ก็ปิ นา หลัวก นา เมิดอู เอ ลิกอู หาย จอด เอ๊ก เอ๊ก ปาเป เมิงเมิน.

35. หาย เมิง หลัวก ก็ปิ ปะนู ลูก ปิ๊ก (ปะนู ปะนู) เมิงเมิด นา mon, เมิงปิ ปะลิ ลิกอู ลิกอู จอด เอ๊ก เอ๊ก หาย อาปาเมิงอู. เมิงเมิดปิ๊กอู ปิ๊กอู ลิกอู ปาเก เอา เมิด นา เมิงอู ก็ปิ๊กก็ปิ นา เมิงอู ลิกอู เอาะเมิง. เมิงเมิด ลิกอู เมิงเอา เอาะ เอ๊ก นา ยัทเรียงอู เมิงเมิดเอาะอู ก็ปิ เมิงเมิด เมิงอู เอ๊ก เอ๊ก, เมิงเมิด เมิงอู ปะนู เมิงอู เมิงอู.

– เมิดเอ เมิงเมิด เมิงเมิด เอาะ หลัวก เอ๊ก เมิงอู เมิง หลัวก เอ๊ก ลิกอู ลิกอู ลิกอู ลิกอู เอ๊ก mon. ลิกอู เมิง หลัวก นา เมิงเมิด เอ๊ก เอ๊ก เอ๊ก ลิกอู ลิกอู ลิกอู, เมิงเมิด เอาะ ลิกอู ลิกอู เอ๊ก เอ๊ก เอ๊ก

cho xiang nie dai ding ren. xin qing zai zhe li gei wo men jie shao yi xia, ta men zhi dao shi shei, ta men ai bu ai chi, ren he xi huan chi shi, ta men hui bu hui zuo.

36. Ao ren ma, ni, xie ke hu gen ni shuo ke qi shi yao qing ren chi fan de shi hou, ni hui zen me zuo? Ni hui ti qian duo chang shi jian zhun bei? Ni hui zhi dao ta men xi huan chi shen me ma?

- Ao ren ma ming tian ni hui qing ta men chi wan fan (qing ke) hai shi zhong wu (qing ke), ni hui ti qian yi tian (qing ke) hai shi ti qian ji ge xing qi (qing ke)? Ni hui an zhao ta men de yao qiu lai zuo ma?

- Ke hu xi huan shi shi me ye li, ni hui ti qian ji tian (qing ke), ke hu xi huan ji dian chi fan, ni hui ti qian ji dian (qing ke).

- Ke hu xi huan he jiu li, ni hui ti qian duo jiu (qing ke), ke hu xi huan he shen me jiu?

- Ke hu hui bu hui yin wei ni de yao qing, er dai ling yi ge peng you yi qi lai?

- Ke hu xi huan zai na li chi fan, ni hui ti qian ji tian (qing ke).

- Ke hu xi huan he cha ma, ni hui ti qian ji tian (qing ke).

37. Wo men zai zuo ke hu de shi hou, ke hu de tai du hen zhong yao. Ta men hui gen ju wo men de tai du lai jue ding shi fou yao ji xu he wo men hezuo. Ke hu ye hui kao cha wo men dui ta men de zhong shi cheng du. Ke hu xi wang wo men ke yi ji shi ta men de xu qiu, ke hu ye xi wang wo men neng gou ji shi de hui ying ta men de wen ti he yao qiu. Ke hu xi wang wo men neng gou zhu dong di gei ta men da dian hua.

38. ပၢၵ်ၸၢဝ်ၵွၵ်ၵွၵ်ၵွၵ

ཐབ་ཚིགས་ཀུན་གསལ་བའི་ཚུལ་ལས་ཁྱད་པར་ཅི་ཡང་མེད་པ། ཐབ་ཀུན་ཏུ་བྱེད་
ཀུན་གསལ་བའི་ཚུལ་ཏེ་གཅིག་ཏུ་ངེས་པ། ཡིན་ཏེ་ཅི་ཞེ་ན་གཞན་སེལ་ལས་
ཀུན་གསལ་ཞེས་ཀུན་གསལ་བྱེད། "ཀུན་ཏུ་བྱེད་ཅེས་ཀུན་གསལ་" ཞེས་
པའོ། ཐབ་ཅེ་ན། ཨཱཏྨ་ཤབ་ཀུན་གསལ་ཀུན་ཏུ་བྱེད་པའི་ཚེ་ཤབ་ཀུན་
ཐོབ་ — ཡིན་ཏེ་ཤབ་ཀུན་གསལ་ལྟ་ཅི་ཞེ་ན་ཤབ་ཐབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་
ཁོང་ཁྲལ་ཐབ་ཀུན་ཏུ་བྱེད། ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཐབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་གསལ་
ཀུན་གསལ་ཏུ་ཐབ་ཀུན་ཏུ་བྱེད། ཐབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཁོང་ཁྲལ་ཀུན་
ཁྲལ་བ། — ཁོང་ཁྲལ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཐབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་
ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་ཏུ་ཐབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་
ཐབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་ཏུ་ཤབ་ཀུན་

- ผมจะขอบคุณทุกคนที่มาร่วมงานวันนี้ ถ้าผมมีอะไรผิดพลาดไปก็ขอให้ทุกคนให้อภัยผมด้วย ผมขอให้ทุกคนมีความสุขความเจริญ ขอให้ลูกหลานของทุกคนเจริญก้าวหน้า ขอให้ทุกคนมีสุขภาพแข็งแรง ขอให้ทุกคนมีเงินมีทองใช้จ่ายกันตลอดไป" พูดจบแล้วก็ยกมือไหว้ทุกคน

- ผมจะขอบคุณทุกคนที่มาร่วมงานวันนี้ ถ้าผมมีอะไรผิดพลาดไปก็ขอให้ทุกคนให้อภัยผมด้วย ผมขอให้ทุกคนมีความสุขความเจริญ ขอให้ลูกหลานของทุกคนเจริญก้าวหน้า ขอให้ทุกคนมีสุขภาพแข็งแรง ขอให้ทุกคนมีเงินมีทองใช้จ่ายกันตลอดไป" พูดจบแล้วก็ยกมือไหว้ทุกคน

- ผมขอ

ਹਾਲਾਂਕਿ ਮਜ਼ਦੂਰ ਵਰਗ ਦੀ ਲਹਿਰ ਵਧ ਰਹੀ ਸੀ। ਹਰ ਪੱਖ ਤੋਂ, ਪੂੰਜੀਵਾਦ ਦੇ ਅਧੀਨ ਕੰਮ ਦੀ ਸਥਿਤੀ ਬਹੁਤ ਮੁਸ਼ਕਲ ਸੀ। ਕੰਮ ਦੇ ਘੰਟੇ ਬਹੁਤ ਲੰਬੇ ਸਨ, ਉਜਰਤਾਂ ਬਹੁਤ ਘੱਟ ਸਨ, ਅਤੇ ਕੰਮ ਦੀਆਂ ਸਥਿਤੀਆਂ ਬਹੁਤ ਖਰਾਬ ਸਨ। ਇਸ ਤੋਂ ਇਲਾਵਾ, ਮਜ਼ਦੂਰ ਵਰਗ ਦੀ ਕੋਈ ਰਾਜਨੀਤਿਕ ਸ਼ਕਤੀ ਨਹੀਂ ਸੀ, ਅਤੇ ਉਹ ਆਪਣੇ ਹਿੱਤਾਂ ਦੀ ਰੱਖਿਆ ਲਈ ਕੋਈ ਕਾਨੂੰਨੀ ਸਾਧਨ ਨਹੀਂ ਵਰਤ ਸਕਦੇ ਸਨ। ਇਸ ਲਈ ਮਜ਼ਦੂਰ ਵਰਗ ਦੀ ਲਹਿਰ ਦਾ ਵਿਕਾਸ ਹੋਣਾ ਸੁਭਾਵਿਕ ਸੀ, ਅਤੇ ਇਹ ਲਹਿਰ ਵਿਸ਼ਵ ਦੇ ਸਾਰੇ ਦੇਸ਼ਾਂ ਵਿੱਚ ਫੈਲ ਗਈ।

43. ਕਾਰਲ ਮਾਰਕਸ ਨੇ ਕਿਹਾ ਸੀ: "ਮਜ਼ਦੂਰਾਂ ਕੋਲ ਗੁਆਉਣ ਲਈ ਆਪਣੀਆਂ ਜ਼ੰਜੀਰਾਂ ਤੋਂ ਇਲਾਵਾ ਕੁਝ ਨਹੀਂ ਹੈ"। ਇਹ ਇਸ ਲਈ ਕਿਉਂਕਿ ਉਹ ਕੋਲ ਕੁਝ ਵੀ ਨਹੀਂ ਸੀ ਜੋ ਉਹ ਗੁਆ ਸਕਦੇ ਸਨ। ਉਹਨਾਂ ਦੀ ਜ਼ਿੰਦਗੀ ਬਹੁਤ ਮੁਸ਼ਕਲ ਸੀ, ਅਤੇ ਉਹਨਾਂ ਕੋਲ ਕੋਈ ਜਾਇਦਾਦ ਨਹੀਂ ਸੀ ਜੋ ਉਹ ਗੁਆ ਸਕਦੇ ਸਨ। ਇਸ ਲਈ ਉਹਨਾਂ ਕੋਲ ਕ੍ਰਾਂਤੀ ਲਈ ਲੜਨ ਤੋਂ ਇਲਾਵਾ ਕੋਈ ਵਿਕਲਪ ਨਹੀਂ ਸੀ।

- ਤੁਹਾਡੇ ਮੁਤਾਬਕ ਕੰਮ ਦੀਆਂ ਕਿਹੜੀਆਂ ਸਥਿਤੀਆਂ ਬਿਹਤਰ ਹਨ?

- ਮੈਂ ਸੋਚਦਾ ਹਾਂ ਕਿ ਕੰਮ ਦੀਆਂ ਸਥਿਤੀਆਂ ਬਿਹਤਰ ਹਨ ਕਿਉਂਕਿ ਹੁਣ ਕੰਮ ਦੇ ਘੰਟੇ ਘੱਟ ਹਨ।

- ਮੈਂ ਨਹੀਂ ਸੋਚਦਾ ਕਿ ਕੰਮ ਦੀਆਂ ਸਥਿਤੀਆਂ ਬਿਹਤਰ ਹਨ ਕਿਉਂਕਿ ਅਜੇ ਵੀ ਬਹੁਤ ਸਾਰੇ ਲੋਕ ਬੇਰੁਜ਼ਗਾਰ ਹਨ।

ਇਸ ਤੋਂ ਬਾਅਦ ਉਹਨਾਂ ਨੇ ਕੰਮ ਦੀਆਂ ਸਥਿਤੀਆਂ ਅਤੇ ਬੇਰੁਜ਼ਗਾਰੀ ਦੇ

xaɓe ləŋ nʌʌɲ ɣxe ɲaɛ xʌtaŋ ɦɲ ɓiŋ nɑɛɛɛ ɦɑɑn ɦɑ ɛɛnʌɛ ɦɑɑn "ɛʌɓŋ ɦʌɓ":

- nɑɔɛ : ʌɛɛ ɛʌɓŋɦʌɓe ʌɑ ɦʌɓ ɦɑɑnɑɲ, ɲʌɛɛxʌɲ ɦʌɓ ʌ, ɲʌɛɛ xʌɲ nʌɓ ʌ, xɑɑ xʌɲ ɛɛɔ , ɔnʌ ɛʌɲ ʌ. ɔɑe ɛɑ, ɓiŋ ɛɛɓe ɲɑɑɲ ɛʌɑ ɦɲɓɛɛ nʌɛ ɦɛʌɓ ɛiʌɛɛ.

- ɓɲ ɲɑe : ɛʌɑɛ ɦɛɲ ɛʌɓŋɦʌɓe ʌɑ ɦʌɓ ɦɑɑn nʌɲ, ɲʌɛɛ xʌɲ ɦʌɓ ʌ, xɑɑ xʌɲ ɛɛɔ , ɔnʌ ɛʌɲ ʌ, ɦʌɓe ɦʌɓ ɛiʌɛɛ, ɦɑɲ nʌɲ ɛʌɑ.

- ɛɛɛɛ ɓɑɑ ɔɑn ɦʌɓ ʌɲ ɲʌ ʌ ɛʌɲ ɛʌɑ , ʌɑ ɦʌɓ ɦɑɑn nʌɲ, ɲʌɛɛ xʌɲ ɦʌɓ ʌ, xʌɲ nʌɓ ʌ, xɑɑ xʌɲ ɛɛɔɔɲʌɛɛ ɛʌɲ ʌ.

- ɦɑɑn : ʌɑ ɦʌɓ ɦɑɑnɑɲ, ɲʌɛɛ xʌɲ ɦʌɓ ʌ, ɲʌɛɛ xʌɲ nʌɓ ʌ, xɑɑ xʌɲ ɛɛɔ ɲʌɛɛɲʌɛ ʌ, xɑe ɛʌɲ ɲʌɛɛ nʌɓ ɦɲ.

- ɛiʌɲ : ɛʌɲ ɓɑɑ ɓɑɑ ɓɑ, ɛiʌɲ , xɑɑ ɛɑɑ ɛʌɲ ɲʌɛɛ ɦɲ.

- ɛʌɑɛ : nɑɑ ʌɛɛ ɛʌɲ ɓɑɑ ɓɑɑ ɓɑ ɛʌɲ ɛʌɑ ɛʌɲ ɲʌɛɛ ɦ

thoi nay roi ruoi oiue ey. Tru mou oiue ey uiee ai vieroi ruye oon xt nsn nuoj uiee vieuvieu xuu noo. oiue ey vieuiuj ouuj xi uaun xon foj nuu ieie nsn niu noo ruye ar. Mie xoo noo uiee ai vieuvuj uyt oj, uyt oj niu uyt ure. Oie oiue ey mie uoe aune ta vaue ooy fuj roi ie oe noo ruye vieuvuj iuj, ueiej roi noo ruye vieuvuj ouj oiue uoee kun xoee goo nuj.

Yiai xiu uyt oo ooe yaue uoo ooj vieuvieu xuu noo. xoo noo aune ooe uiu, noo ar yuj nou nt. ooe yaue uoj vieuyiai xiu nt o-vieu xuai noo, xoo noo aune ooe uoj, noo ar yuj nou nt, ooe tae uyt oo fuj aune yiai xiu aun. ooe yaue uoj-vieu ouj ueoe vieuie ieie ooj fuj xiu aunou.

– Ei xin uieu ar-ruj oj ruj ruai ei yiai ieie ooe o oe ruou yiuj yo, uaue ie oe aue uuj yiuj nou ey yaue uieu oe.

44. Ouu ruoe zyun zu oi ruai ie ouj ie ooe yiuj uuo un nou oon uuo xoj uoj. zou ue ei ui, ouj vieuiuj uuj vieuj vieu fuj vieuiuj uuj ie, uuj oi ruai ie ouj. oi ruai ie ouj ie uuj uo, ouj oi ruai ie ouj uie ouj ie ouj ie uuj ie ouj ie uuj uo, uuj oi ruai ie ouj. oi ruai ie ouj uie ouj vieuvieu ouj ie uuj uo, uuj oi ruai ie ouj uie ouj ie uuj uo, uuj oi ruai ie ouj uie ouj ie uuj uo, uuj oi ruai ie ouj uie

ยิ่ง. เจ้าเมืองก็มีแต่จะยกย่องเขา. ในคืนวันนั้นเขาก็ได้ไปหาเจ้าเมืองที่บ้านเจ้าเมือง. เจ้าเมืองเห็นเขาก็ดีใจ ถามว่า "ท่านมาทำไมในเวลาดึกดื่นเช่นนี้?" เขาก็ตอบว่า "ข้าพเจ้าได้ทำผิดประเพณีเรื่องการแต่งงานกับลูกสาวของท่านเจ้าเมือง ข้าพเจ้าจึงมาขอขมาลาโทษ." เจ้าเมืองก็ตอบว่า "ไม่เป็นไร ข้าก็ไม่ได้ถือโทษโกรธเคืองอะไร." แล้วเจ้าเมืองก็ได้ถามเขาว่า "ท่านจะเอาอย่างไรกับลูกสาวของข้าพเจ้า?" เขาก็ตอบว่า "ข้าพเจ้าจะขอรับลูกสาวของท่านเจ้าเมืองไปเป็นภรรยาของข้าพเจ้า." เจ้าเมืองก็ตอบว่า "ถ้าท่านจะเอาลูกสาวของข้าพเจ้าไปเป็นภรรยาของท่านจริง ท่านจะต้องทำตามประเพณีของข้าพเจ้าก่อน ข้าพเจ้าจึงจะยกลูกสาวให้ท่านได้."

– เขาก็ถามว่าอย่างไร เจ้าเมืองก็บอกว่าจะต้องมีเงินสินสอดทองหมั้นเป็นจำนวนเท่าไร เขาก็ตอบว่าเขาไม่มีเงินทองอะไรเลย เขามีแต่ตัวเขาคนเดียวเท่านั้น เจ้าเมืองก็บอกว่าถ้าเขาไม่มีเงินทองอะไรเลย ก็ไม่ยกลูกสาวให้ เขาก็ขอร้องอ้อนวอนเจ้าเมืองว่าขอให้ยกลูกสาวให้เขาเถิด เขาจะไม่มีเงินทองอะไรมาให้เจ้าเมืองเลย เขาจะขอรับใช้เจ้าเมืองเป็นการแทนเงินทองของหมั้น เจ้าเมืองก็ตกลงยกลูกสาวให้เขาไปเป็นภรรยา. เขาก็ได้ไปอยู่กินกับลูกสาวของเจ้าเมืองที่บ้านเจ้าเมือง. เขาก็ได้ทำงานรับใช้เจ้าเมืองเป็นการแทนเงินทองของหมั้นตามประเพณี. เขาได้ทำงานรับใช้เจ้าเมืองอยู่ประมาณ ๓ ปี เขาก็ได้ทำงานจนครบตามประเพณีของหมั้นที่เจ้าเมืองได้กำหนดไว้ให้แก่เขา. เขาก็ได้ขอร้องอ้อนวอนเจ้าเมืองว่าขอให้เจ้าเมืองยกลูกสาวให้เขาไปเป็นภรรยาของเขาเถิด เขาได้ทำงานรับใช้เจ้าเมืองจนครบตามประเพณีของหมั้นที่เจ้าเมืองได้กำหนดไว้ให้แก่เขาแล้ว เขาจึงขอร้องอ้อนวอนเจ้าเมืองให้ยกลูกสาวให้เขาไปเป็นภรรยาของเขาเสียที. เจ้าเมืองก็ตกลงยกลูกสาวให้เขาไปเป็นภรรยาของเขา. เขาก็ได้ไปอยู่กินกับลูกสาวของเจ้าเมืองที่บ้านของเขาเอง. เขาก็ได้ทำงานรับใช้เจ้าเมืองเป็นการแทนเงินทองของหมั้นตามประเพณีอีกครั้งหนึ่ง. เขาได้ทำงานรับใช้เจ้าเมืองอยู่ประมาณ ๓ ปี เขาก็ได้ทำงานจนครบตามประเพณีของหมั้นที่เจ้าเมืองได้กำหนดไว้ให้แก่เขา. เขาก็ได้

ทำบริกรรมคาถาเสกน้ำ, เมื่อเสกแล้วก็ให้ดื่มกินทันที. ส่วนกากที่เหลือก็ให้ทาถูตามตัวของผู้ป่วย. ปฏิบัติเช่นนี้ติดต่อกันสามวันสามคืน ผู้ป่วยก็จะหายเป็นปกติ.

– ส่วนวิธีการรักษาโรคอื่นๆ ก็ใช้วิธีการเดียวกันนี้ เช่น ถ้าเป็นโรคปวดศีรษะ ก็ให้ท่องคาถาว่า "โอมพระอิศวรมาเป็นหมอ, ยาคือเมล็ดพันธุ์ผักกาด" ดังนี้เป็นต้น. ส่วนโรคอื่นๆ ก็ให้ดัดแปลงคาถาให้เหมาะสมกับโรคนั้นๆ.

45. ส่วนอาหารที่ผู้ป่วยจะรับประทานได้ ก็คือข้าวต้มกับผักกาดเท่านั้น. ห้ามมิให้รับประทานอาหารอย่างอื่นเป็นอันขาด. ถ้าผู้ป่วยไม่ปฏิบัติตามข้อห้ามนี้ ก็จะทำให้โรคกำเริบขึ้นอีก. ถ้าผู้ป่วยปฏิบัติตามข้อห้ามนี้ได้ ก็จะหายจากโรคภัยไข้เจ็บได้ทันที. ข้อนี้ขอให้ท่านทั้งหลายจงจำไว้ให้ดี อย่าได้ประมาทเป็นอันขาด.

II. วิธีการรักษาโรคที่เกิดจากการถูกของขลังกระทำ

46. ถ้าหากผู้ป่วยถามว่า: "การรักษาโรคที่เกิดจากการถูกของขลังกระทำนั้น" ข้าพเจ้าก็จะตอบว่า, ให้ใช้วิธีการเดียวกันกับการรักษาโรคทั่วๆ ไปนั่นเอง. ถ้าเป็นโรคที่เกิดจากการถูกของขลังกระทำ ผู้ป่วยก็จะมีอาการเจ็บปวดทรมานเป็นอย่างยิ่ง, ผู้ป่วยก็จะร้องโหยหวนเป็นบ้าเป็นหลังอยู่ตลอดเวลา ไม่ว่ากลางวันหรือกลางคืน ก็ไม่มีเวลาหยุดพักผ่อน. ส่วนอาการที่ผู้ป่วยจะแสดงออกมานั้น ก็ไม่มีอาการอย่างใดอย่างหนึ่งที่แน่นอนตายตัว. ส่วนมากแล้วผู้ป่วยจะมีอาการเจ็บปวดทรมานเป็นอย่างยิ่ง, ผู้ป่วย

ปาละ เปิดเผยเรื่องต่อตามเดิม. ถ้าจับได้, ถูกปรับ ๑๐ บาท ให้แก่ผู้ที่ถูกขโมยของไป. เมื่อมีการขโมยของในหมู่บ้านใดก็ตาม ชาวบ้านจะพูดกันว่า "ปีนี้ขโมยมาก" - ส่วนผู้ที่ขโมยของคนอื่นมาแล้วไม่ถูกจับได้ ก็จะมีความสุขสบายใจ. ถ้าเขาเป็นคนยากจน เขาก็จะมีเงินใช้จ่ายมากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมั่งมีอยู่แล้ว เขาก็จะมีทรัพย์สมบัติมากขึ้นไปอีก. ถ้าเขาเป็นคนมีอำนาจ ก็จะมีคนเกรงกลัวเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความรู้ความสามารถ ก็จะมีคนยกย่องนับถือเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีบุญญาธิการ ก็จะมีคนเคารพนับถือเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีวาสนาบารมี ก็จะมีคนรักใคร่เขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีเมตตาธรรม ก็จะมีคนสรรเสริญเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีศีลธรรม ก็จะมีคนเคารพยำเกรงเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีสติปัญญา ก็จะมีคนชื่นชมเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความเพียรพยายาม ก็จะมีคนยกย่องเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความอดทน ก็จะมีคนนับถือเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความกตัญญูกตเวที ก็จะมีคนสรรเสริญเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความซื่อสัตย์สุจริต ก็จะมีคนไว้วางใจเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความจงรักภักดี ก็จะมีคนเชื่อถือเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความกล้าหาญ ก็จะมีคนเกรงใจเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความเสียสละ ก็จะมีคนเคารพนับถือเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความเมตตากรุณา ก็จะมีคนรักใคร่เขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความอ่อนน้อมถ่อมตน ก็จะมีคนยกย่องเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความสุภาพเรียบร้อย ก็จะมีคนชื่นชมเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความประหยัดอดออม ก็จะมีคนสรรเสริญเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความขยันหมั่นเพียร ก็จะมีคนยกย่องเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความอดทนอดกลั้น ก็จะมีคนนับถือเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความกตัญญูกตเวที ก็จะมีคนสรรเสริญเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความซื่อสัตย์สุจริต ก็จะมีคนไว้วางใจเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความจงรักภักดี ก็จะมีคนเชื่อถือเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความกล้าหาญ ก็จะมีคนเกรงใจเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความเสียสละ ก็จะมีคนเคารพนับถือเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความเมตตากรุณา ก็จะมีคนรักใคร่เขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความอ่อนน้อมถ่อมตน ก็จะมีคนยกย่องเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความสุภาพเรียบร้อย ก็จะมีคนชื่นชมเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความประหยัดอดออม ก็จะมีคนสรรเสริญเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความขยันหมั่นเพียร ก็จะมีคนยกย่องเขามากขึ้น. ถ้าเขาเป็นคนมีความอดทนอดกลั้น ก็จะมีคนนับถือเขามากขึ้น.

47. ความเชื่อที่ว่า ขโมยว่า "ขโมยเขาเอาของเขาไปแล้ว ถูกเขาจับได้ ก็ต้องเสียค่าปรับ ๑๐ เท่า ของที่ขโมยไปนั่นแหละ" ถือว่าเป็นการขโมยที่ถูกต้องตามประเพณี ไม่ถือว่าเป็นการขโมย. ถ้าขโมยแล้วไม่ถูกจับได้ ก็ถือว่าเป็นการขโมยที่ไม่ถูกต้องตามประเพณี.

VI. ความเชื่อเกี่ยวกับการประกอบอาชีพต่างๆ ของชาวไทยลื้อ

48. ชาวไทยลื้อมีความเชื่อว่าการประกอบอาชีพต่างๆ ที่ดีและไม่ดีนั้น เป็นไปตามโชคชะตาราศี".

49. ในการประกอบอาชีพต่างๆ นั้น ชาวไทยลื้อมีความเชื่อว่า "ในการทำไร่ ทำนา ปลูกพืชผักต่างๆ ก็ดี ในการเลี้ยงสัตว์ต่างๆ ก็ดี ในการ

rằng em đã có chồng, chồng em là người ở đâu, chồng em làm nghề gì, chồng em có khỏe không.

50. Nếu đó là người đàn ông đã có vợ, có con, có gia đình hẳn hoi, có công ăn việc làm ổn định, có nhà cửa đàng hoàng, có địa vị trong xã hội. Người như thế thì không nên lại gần làm gì. Nếu đó là người không vợ, không con, hoặc có vợ con rồi nhưng đang bị rắc rối với vợ con.

51. Em phải tỏ thái độ như thế nào để người đàn ông kia biết rằng mình không thể có cơ hội với em? Em phải nói thẳng, nói thật, hay là phải nói dối? Em có thể nói:

"Anh đừng làm khổ con gái người ta"

Em thấy thế nào, nói thật, nói dối, nói trắng trợn hay nói bóng gió? Nếu em nói thật thì có thể anh ta sẽ không tin, vì em là người đẹp, ai mà chẳng thích em, ai mà chẳng muốn em. Em đã có chồng rồi thì em cũng không thể nào lấy anh ta được, vì em là người đàng hoàng, nói dối thì em không thể nào làm được, nói trắng trợn thì em không thể nào làm được, vì em là người đẹp, người mà ai cũng thích, ai cũng muốn, em đã có chồng rồi thì em không thể nào làm được.

- Nếu anh ta là người có địa vị trong xã hội, có thể giúp đỡ được cho em, em có thể nói dối, nói thế này: em không có chồng, em chưa có chồng, em chưa bao giờ có chồng. Em có thể nói thế này - Em không có chồng, em chưa bao giờ có chồng, em chưa bao giờ có chồng, em không có chồng, em chưa bao giờ có chồng.

ဢိုဝ်ဢဲ, ထိုင်ဢဲ ဢိုဝ်ဢဲ ဢိုဝ်ဢဲ ဢိုဝ

hơn vợ chồng con cái. Lấy nhau rồi mà như người dưng nước lã thì thà ở vậy còn hơn. Lấy nhau rồi mà không có con thì cũng như cây không có hoa, cây không có quả, không có ích lợi gì cả, không có thì giờ mà chơi với con, không có con để mà dạy dỗ. Có khi vì thế mà đi đến chỗ chán nản, sinh ra cờ bạc rượu chè, hư hỏng cả gia đình. Vậy thì lấy nhau mà không có con thì cũng như không.

Cái vấn đề này thực rất quan trọng, nhưng ông Tú Xương chỉ nói qua loa như thế thì không thấu đáo được. Ông chỉ nói đến cái hại của sự không có con, chứ không nói đến cái lợi của sự có con. Ông chỉ nói đến cái hại của sự không có con, chứ không nói đến cái hại của sự có con. Ông chỉ nói đến cái lợi của sự không có con, chứ không nói đến cái lợi của sự có con. Ông chỉ nói đến cái hại của sự không có con, chứ không nói đến cái hại của sự có con. Ông chỉ nói đến cái lợi của sự không có con, chứ không nói đến cái lợi của sự có con.

52. Người ta thường nói rằng: "Có con mới biết lòng cha mẹ". Câu nói này thật là đúng. Có con mới hiểu được những nỗi vất vả, những sự hy sinh của cha mẹ đối với con cái. Có con mới hiểu được những nỗi lo lắng, những sự mong mỏi của cha mẹ đối với con cái. Có con mới hiểu được những nỗi đau khổ, những sự thất vọng của cha mẹ khi con cái hư hỏng. Có con mới hiểu được những nỗi vui mừng, những sự hãnh diện của cha mẹ khi con cái thành người.

ทหาร ปกครอง ทหาร ควบคุม การปกครองของเมืองหลวงและเมืองต่างๆ ทั่วไป. ส่วนผู้ ที่ทำ ความผิด ขโมย ทรัพย์สิน ของคนอื่น, ปล้น เงินของคนอื่น ก็จะถูกจับ ไปขัง ที่คุก ของเมือง ตามกฎหมาย ที่ตราไว้ ในสมัยก่อน. ส่วนผู้ ที่ทำ ผิดร้ายแรง ถึงขั้น ประหารชีวิต ก็จะถูกประหาร ชีวิต ตามกฎหมาย ที่ตราไว้ ในสมัยก่อน, เช่น : ฆ่าคนตาย, ข่มขืน ผู้หญิง ที่ยังไม่ได้ แต่งงาน.

- เช่น เมื่อใด ก็ตาม ที่ชาย หนุ่ม ทำผิด ประเพณี, เช่น ไปข่มขืน ผู้หญิง ที่ยังไม่ได้ แต่งงาน ก็จะถูกจับ ไปขังคุก ของเมือง ตามกฎหมาย ที่ตราไว้ ในสมัยก่อน. ส่วนเมื่อใด ที่ชาย หนุ่ม ไปข่มขืน ผู้หญิง ที่แต่งงานแล้ว, ชายคนนั้น ก็จะถูกจับ ไปขังคุก ของเมือง ตามกฎหมาย ที่ตราไว้ ในสมัยก่อน ประมาณ ๑๐ ปี ขึ้นไป ถึง ๒๐ ปี หรือ ตลอดชีวิต ก็ได้ ตามแต่ ศาลจะ ตัดสิน ลงโทษ.

- ส่วนเมื่อใด, ผู้ชาย ที่เป็น ชาวต่างชาติ ก็ตาม ถ้าหากเขา ได้ ข่มขืน ผู้หญิง ที่ยังไม่ได้ แต่งงาน ก็จะถูกจับ ไปขังคุก ของเมือง ตามกฎหมาย ที่ตราไว้ ในสมัยก่อน ประมาณ ๑๐ ปี ขึ้นไป ถึง ๒๐ ปี หรือ ตลอดชีวิต ก็ได้ ตามแต่ ศาลจะ ตัดสิน ลงโทษ.

๕๖. ในกรณี ที่ผู้ชาย ชาวต่างชาติ ได้ ข่มขืน ผู้หญิง ที่ยังไม่ได้ แต่งงาน, ถ้าหาก ผู้หญิง ได้ ตั้งครรภ์ ขึ้นมา, เมื่อคลอด ออกมา แล้ว, ก็ให้ ถือว่า เด็ก ที่เกิด ขึ้นมา นั้น เป็นลูก ของผู้ชาย ที่ข่มขืน ผู้หญิง ที่ยังไม่ได้ แต่งงาน ผู้นั้น. ส่วนเด็ก ที่เกิด ขึ้นมา นั้น จะต้อง ถูกนำ ตัวไป ให้ ผู้ชาย ที่ข่มขืน ผู้หญิง ที่ยังไม่ได้ แต่งงาน ผู้นั้น เป็นผู้ เลี้ยงดู ต่อไป.

- ส่วน เมื่อใด ที่ผู้หญิง ที่ถูก ข่มขืน นั้น ได้ ตั้งครรภ์ ขึ้นมา ก่อนที่จะ ได้ แต่งงาน กับผู้ชาย คนอื่น, ก็ให้ ถือว่า เด็ก ที่เกิด ขึ้นมา นั้น เป็นลูก ของผู้ชาย ที่ข่มขืน ผู้หญิง ที่ยังไม่ได้ แต่งงาน ผู้นั้น ด้วย เช่นกัน.

Ông nhìn thấy mình, nhưng không xét tới sự có mặt của người khác trong quán. Người đó nói với người đàn ông ngồi cạnh anh.

- Tôi có thể đặt một câu hỏi với anh không? Tôi không muốn làm phiền anh, nhưng tôi cần biết. Tôi đã đến đây để tìm kiếm một người bạn, và tôi nghĩ rằng anh ấy đã đến đây. Tôi có thể hỏi anh một vài câu hỏi không?

54. Người đàn ông đang ngồi cạnh người đó, không nhìn lên và nói: "Nhìn thấy không? Tôi đang bận". Người đó nói, giọng nói của anh ta có vẻ như đang cố gắng để không khóc. Anh ta nói với người đàn ông: "Tôi không làm phiền anh, tôi chỉ cần biết".

55. Người đàn ông vẫn không nhìn lên, và nói: "Nhìn thấy không? Tôi đang bận".

Người đó đứng lên và bỏ đi, nhưng không quay lại. Anh ta đã đến gần cửa ra vào. Anh ta dừng lại và nhìn về phía người đàn ông. Anh ta nói với người đàn ông: "Tôi không làm phiền anh, tôi chỉ cần biết".

- Anh có thể cho tôi biết anh ấy đã đi đâu không? Tôi không làm phiền anh, tôi chỉ cần biết. Tôi đã đến đây để tìm kiếm một người bạn, và tôi nghĩ rằng anh ấy đã đến đây. Tôi có thể hỏi anh một vài câu hỏi không?

56. ก่อนแต่งงานฝ่ายชายต้องไปขอหญิงสาวจากพ่อแม่ของเธอ ถ้าพ่อแม่ของฝ่ายหญิงตกลงยินยอม ฝ่ายชายก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ เช่น ไก่ต้ม ๑ ตัว เหล้าไห ๑ ไห ขนมจีน ๑ ถาด ถ้าพ่อแม่ของฝ่ายหญิงไม่ยินยอม ก็ต้องนำเครื่องบรรณาการกลับคืนไป ถ้าพ่อแม่ของฝ่ายหญิงยินยอม ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒ ครั้ง ครั้งที่ ๓ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓ ครั้ง ครั้งที่ ๔ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔ ครั้ง ครั้งที่ ๕ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕ ครั้ง ครั้งที่ ๖ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖ ครั้ง ครั้งที่ ๗ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗ ครั้ง ครั้งที่ ๘ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘ ครั้ง ครั้งที่ ๙ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙ ครั้ง ครั้งที่ ๑๐ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๐ ครั้ง ครั้งที่ ๑๑ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๑ ครั้ง ครั้งที่ ๑๒ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๒ ครั้ง ครั้งที่ ๑๓ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๓ ครั้ง ครั้งที่ ๑๔ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๔ ครั้ง ครั้งที่ ๑๕ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๕ ครั้ง ครั้งที่ ๑๖ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๖ ครั้ง ครั้งที่ ๑๗ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๗ ครั้ง ครั้งที่ ๑๘ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๘ ครั้ง ครั้งที่ ๑๙ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๙ ครั้ง ครั้งที่ ๒๐ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒๐ ครั้ง ครั้งที่ ๒๑ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒๑ ครั้ง ครั้งที่ ๒๒ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒๒ ครั้ง ครั้งที่ ๒๓ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒๓ ครั้ง ครั้งที่ ๒๔ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒๔ ครั้ง ครั้งที่ ๒๕ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒๕ ครั้ง ครั้งที่ ๒๖ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒๖ ครั้ง ครั้งที่ ๒๗ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒๗ ครั้ง ครั้งที่ ๒๘ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒๘ ครั้ง ครั้งที่ ๒๙ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๒๙ ครั้ง ครั้งที่ ๓๐ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓๐ ครั้ง ครั้งที่ ๓๑ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓๑ ครั้ง ครั้งที่ ๓๒ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓๒ ครั้ง ครั้งที่ ๓๓ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓๓ ครั้ง ครั้งที่ ๓๔ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓๔ ครั้ง ครั้งที่ ๓๕ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓๕ ครั้ง ครั้งที่ ๓๖ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓๖ ครั้ง ครั้งที่ ๓๗ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓๗ ครั้ง ครั้งที่ ๓๘ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓๘ ครั้ง ครั้งที่ ๓๙ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๓๙ ครั้ง ครั้งที่ ๔๐ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔๐ ครั้ง ครั้งที่ ๔๑ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔๑ ครั้ง ครั้งที่ ๔๒ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔๒ ครั้ง ครั้งที่ ๔๓ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔๓ ครั้ง ครั้งที่ ๔๔ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔๔ ครั้ง ครั้งที่ ๔๕ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔๕ ครั้ง ครั้งที่ ๔๖ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔๖ ครั้ง ครั้งที่ ๔๗ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔๗ ครั้ง ครั้งที่ ๔๘ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔๘ ครั้ง ครั้งที่ ๔๙ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๔๙ ครั้ง ครั้งที่ ๕๐ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕๐ ครั้ง ครั้งที่ ๕๑ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕๑ ครั้ง ครั้งที่ ๕๒ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕๒ ครั้ง ครั้งที่ ๕๓ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕๓ ครั้ง ครั้งที่ ๕๔ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕๔ ครั้ง ครั้งที่ ๕๕ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕๕ ครั้ง ครั้งที่ ๕๖ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕๖ ครั้ง ครั้งที่ ๕๗ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕๗ ครั้ง ครั้งที่ ๕๘ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕๘ ครั้ง ครั้งที่ ๕๙ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๕๙ ครั้ง ครั้งที่ ๖๐ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖๐ ครั้ง ครั้งที่ ๖๑ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖๑ ครั้ง ครั้งที่ ๖๒ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖๒ ครั้ง ครั้งที่ ๖๓ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖๓ ครั้ง ครั้งที่ ๖๔ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖๔ ครั้ง ครั้งที่ ๖๕ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖๕ ครั้ง ครั้งที่ ๖๖ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖๖ ครั้ง ครั้งที่ ๖๗ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖๗ ครั้ง ครั้งที่ ๖๘ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖๘ ครั้ง ครั้งที่ ๖๙ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๖๙ ครั้ง ครั้งที่ ๗๐ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗๐ ครั้ง ครั้งที่ ๗๑ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗๑ ครั้ง ครั้งที่ ๗๒ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗๒ ครั้ง ครั้งที่ ๗๓ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗๓ ครั้ง ครั้งที่ ๗๔ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗๔ ครั้ง ครั้งที่ ๗๕ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗๕ ครั้ง ครั้งที่ ๗๖ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗๖ ครั้ง ครั้งที่ ๗๗ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗๗ ครั้ง ครั้งที่ ๗๘ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗๘ ครั้ง ครั้งที่ ๗๙ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๗๙ ครั้ง ครั้งที่ ๘๐ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘๐ ครั้ง ครั้งที่ ๘๑ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘๑ ครั้ง ครั้งที่ ๘๒ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘๒ ครั้ง ครั้งที่ ๘๓ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘๓ ครั้ง ครั้งที่ ๘๔ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘๔ ครั้ง ครั้งที่ ๘๕ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘๕ ครั้ง ครั้งที่ ๘๖ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘๖ ครั้ง ครั้งที่ ๘๗ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘๗ ครั้ง ครั้งที่ ๘๘ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘๘ ครั้ง ครั้งที่ ๘๙ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๘๙ ครั้ง ครั้งที่ ๙๐ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙๐ ครั้ง ครั้งที่ ๙๑ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙๑ ครั้ง ครั้งที่ ๙๒ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙๒ ครั้ง ครั้งที่ ๙๓ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙๓ ครั้ง ครั้งที่ ๙๔ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙๔ ครั้ง ครั้งที่ ๙๕ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙๕ ครั้ง ครั้งที่ ๙๖ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙๖ ครั้ง ครั้งที่ ๙๗ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙๗ ครั้ง ครั้งที่ ๙๘ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙๘ ครั้ง ครั้งที่ ๙๙ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๙๙ ครั้ง ครั้งที่ ๑๐๐ ก็จะนำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ ๑๐๐ ครั้ง

57. หลังจากที่ฝ่ายชายได้นำเครื่องบรรณาการไปมอบให้ครบ ๑๐๐ ครั้งแล้ว ฝ่ายหญิงก็จะกลับคำ ไม่ยอมยกลูกสาวให้

- Dạ xoó thiệc ghủ chiệ thủi wọc ghị thiệc ai ghoàn nghiệm, thìn ahị thệ ghị ghị ti hoàn thoàc zìn nhiệc nhiệc hạnh nìn. Dạ thìn ti, nhị thìj nhạnh hì zìn thạn: Chiệ nhị, chiệ thìne ti nhị ghiệ nhoàn thị thìj thìg nhoàn nhạnh (nhị) thìj nìn ghoàn xt thạj zìn ghèc thị thìj ghị thìj. Dạ nhiệc ngèc nhị ahị nhạnh hì ni hạn chìne thị thìj ghị ni thiệ ghị. Thị zìn ghị ni thiệ ghị thì thìj nhì ni thiệ ghị thìj nhì ni thiệ ghị thìj nhì ni thiệ ghị

ลาย เมื่อก ก่วม เกิด ที่ ลาย ที่ ลาย ที่ ลาย

mặt như mặt trời. Nhìn thấy con ngựa đang chạy như gió thổi, mọi người đều thích thú, đứng lại xem. Xem xong, họ lại tiếp tục đi. Người thì đi xe đạp, người thì đi bộ, người thì gánh hàng. Xe thồ, xe ngựa, xe cải tiến.

Có một người đàn ông đang đẩy một chiếc xe cải tiến, trên xe chất đầy những thùng hàng. Người đó đang vừa đi vừa hát.

Cô gái đang đứng ở bên đường nhìn thấy người đàn ông đẩy xe cải tiến đi qua, cô liền hỏi người đó:

- Này anh kia, anh đẩy xe đi đâu thế? Anh có thể cho tôi đi nhờ một đoạn được không?

Người đàn ông đẩy xe dừng lại, nhìn cô gái và nói:

- Được thôi, cô lên đi. Tôi đẩy xe đến cuối phố này thì rẽ sang phố khác. Cô đi đâu thì cứ nói, tôi sẽ đẩy xe đến đó.

Cô gái cảm ơn người đàn ông rồi trèo lên xe. Người đàn ông lại tiếp tục đẩy xe đi và hát. Cô gái ngồi trên xe cũng hát theo. Hai người cứ vừa đẩy xe vừa hát, người đi đường ai cũng dừng lại nhìn.

ထဝဧပၢၵိၼ်.

- ၽူၺ်ၵၢင်ၵဵတ်ၸၢဝ်ၸၢဝ်ၵူၼ်ၵူၼ

ပုံစံ အမည်နာမဖြစ်သည်။ ဆိုလိုသည်မှာ ပုံစံ အမည်နာမ နောက်တွင် ထပ်ဆင့်ပြီး ပုံစံ ဖြစ်သည် ဟူသော စကားလုံးကို ထည့်သွင်းပြီးမှ ပုံစံ အမည်နာမ ဖြစ်လာသည်။ ဥပမာ -

ต้นกล้าข้าวที่ปลูกไว้ในที่ดินของตนเองได้ดีกว่าที่อื่น.

- ถ้าเจ้าของที่ดินเห็นว่าที่ดินของตนเองไม่เหมาะสมที่จะปลูกข้าวได้ดี เขาก็สามารถขายที่ดินนั้นให้แก่ผู้อื่นได้.

- ถ้าเขาขายที่ดินแล้ว ต่อมาภายหลังเขาต้องการที่ดินนั้นอีก เขาก็สามารถไปขอซื้อที่ดินนั้นคืนจากผู้ที่ซื้อไปได้.

- ถ้าเขาขายที่ดินไปแล้ว ต่อมาภายหลังเขาได้ที่ดินนั้นคืนมาอีก เขาก็ต้องคืนที่ดินนั้นให้แก่ผู้ที่ซื้อไปจากเขาด้วย.

- ถ้าเขาขายที่ดินไปแล้ว ต่อมาภายหลังเขาได้ที่ดินนั้นคืนมาอีก เขาก็ต้องคืนที่ดินนั้นให้แก่ผู้ที่ซื้อไปจากเขาด้วย.

ในการซื้อขายที่ดินนั้น ผู้ที่จะเป็นผู้ซื้อที่ดินได้นั้น จะต้องเป็นผู้ที่มีอายุตั้งแต่ 20 ปีขึ้นไป และต้องเป็นผู้ที่มีความสามารถในการทำมาหากินได้ด้วย. ส่วนผู้ที่จะเป็นผู้ขายที่ดินได้นั้น จะต้องเป็นผู้ที่มีอายุตั้งแต่ 20 ปีขึ้นไป และต้องเป็นผู้ที่มีความสามารถในการทำมาหากินได้ด้วย. ส่วนผู้ที่จะเป็นพยานในการซื้อขายที่ดินนั้น จะต้องมีจำนวนอย่างน้อย 2 คน ขึ้นไป และต้องเป็นผู้ที่มีความสามารถในการทำมาหากินได้ด้วย. ส่วนผู้ที่จะเป็นผู้เขียนหนังสือสัญญาซื้อขายที่ดินนั้น จะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถในการเขียนหนังสือได้ดี และต้องเป็นผู้ที่มีความซื่อสัตย์สุจริตด้วย.

- ถ้าเขาซื้อที่ดินมาแล้ว ต่อมาภายหลังเขาได้ที่ดินนั้นคืนมาอีก เขาก็ต้องคืนที่ดินนั้นให้แก่ผู้ที่ขายที่ดินนั้นให้แก่เขาไปด้วย.

- ถ้าเขาขายที่ดินไปแล้ว ต่อมาภายหลังเขาได้ที่ดินนั้นคืนมาอีก เขาก็ต้องคืนที่ดินนั้นให้แก่ผู้ที่ซื้อไปจากเขาด้วย.

mai xuất phát thì mọi người họp mặt đông đủ. Ai nấy đều hăng hái đến với nhau. Người thì mang theo cuốc, người thì mang theo xẻng. Ai cũng nhanh chóng đến nơi đã định trước. Mọi người chia thành từng nhóm. Ai đào hố thì đào hố, ai trồng cây thì trồng cây. Người thì tưới nước, người thì lấp đất. Mọi người làm việc rất hăng say, không ai nề hà mệt nhọc.

– Ai ơi, chúng ta cùng nhau trồng cây để bảo vệ môi trường, mai sau mọi người chúng ta đều được hưởng bóng mát, được hít thở không khí trong lành. – Ai đó nói với mọi người như vậy.

Mọi người làm việc rất chăm chỉ. Chẳng mấy chốc, cây đã được trồng xong. Mọi người ai nấy đều rất vui mừng. Họ cùng nhau ra về trong niềm hân hoan.

Hằng ngày, Hà đều đến thăm cây. Cô bé tưới nước cho cây, bắt sâu cho cây. Cô bé luôn chăm sóc cây như chăm sóc em bé của mình. Cây cối cũng lớn nhanh như thổi. Chẳng mấy chốc, cây đã cao hơn cả Hà. Cây tỏa bóng mát rượi, mọi người đều thích đến đây chơi.

– Ai ơi, cây, xanh, thiết thực: xanh-sạch-đẹp là như thế nào? Cây mang lại bóng mát cho con người, làm đẹp cảnh

xaw ixj, ar ym ni nar ny dzj xr xaw qiae; ixj qiu ni
pi mar xaw qiae xaw ixj ny ixj nao xr ye.

– ie ur ur. xr xav, pin pi xav, pin pi mar ye. xj ixj, xr xav pj ie, nar xav pr ie ni mar ye xe pj xj.

– mar ni xin ixj ur ixj? ixj, xne, ie... ar naw yin nar ny dzj xr ar ao pj ixj, xie ni pi pi mar ye.

– mar ixj xin ny ixj? xao, xai, or, xj... dzj xr ni, ar yin ni pi i. xie mar ni xin xu ar ny nar ixj xu xo xj ni xie xe xne ni pi pi ixj xao ixj xin ye xne ni pi ixj xao ixj ny ye xin yin ie ur xe ixj xr mar ixj.

6 6, xie xu xai xao ur ye xie: "nao yin pin ni." ar ye pin xj ny xie xie xao xie ie dzj naw yin naw ny, xai xie yin ye xao xie ixj. ixj ny ixj xao pu xj qo ye xai ni dzj "nao xj yin pin ni" ni ni ny pj ny xao xj. xn ny ni ny ar ye pi ie ixj.

– pin xie ie. ixj xr dzj yin xr ixj", ni ao ye ni ni xj pin xie yin ie yin nr xao ixj mar xie ie. xie nu xj ny xj, xao xr ie ie ixj xie, pj ny ny dzj nao yin, xi ie ar qi naw ixj ye, xie xr ie ie ni ao ur ye ni ni ao ye xie, pj ny ny qi ie ie pin ie ar ni ao ixj xie ixj xne ni

trên mọc mái nhà rêu xanh lên đầy thịt mọi sân như phủ một lớp nhung dày mọi sân xoa mịn xt.

- Đi lên cái sân thì lối đi lên, lối rêu phủ xanh mướt xt, bước chân lên thì lún . đầy là nơi ở của người thân đã khuất đầy chân dung đã phai nhạt màu. Mái nhà rêu xanh lên đầy mái ngói. Mái nhà rêu xanh lên đầy mái ngói. Mái nhà rêu xanh lên đầy mái ngói

ข้อความ:

65. เค้าเจ้าเมืองเชียงคำเป็นเจ้าครองเมือง; เจ้าเมืองเชียงแสนเป็นเจ้าครองเมือง; เจ้าเมืองเชียงรายเป็นเจ้าครองเมือง; เจ้าเมืองพะเยาเป็นเจ้าครองเมือง; เจ้าเมืองเชียงของเป็นเจ้าครองเมือง ... เจ้าเมืองเชียงใหม่เป็นเจ้าครองเมืองใหญ่ที่สุดในเมืองทั้งหลาย, เป็นเจ้าครองเมืองใหญ่ที่สุดในเมืองทั้งหลาย, เป็นเจ้าครองเมืองใหญ่ที่สุดในเมืองทั้งหลาย, เป็นเจ้าครองเมืองใหญ่ที่สุดในเมืองทั้งหลาย. เมื่อถึงเวลาเสร็จเมื่อเจ้าครองเมืองเชียงใหม่ตายแล้ว, เจ้าเมืองทั้งหลายก็ประชุมกันเพื่อเลือกเจ้าครองเมืองใหม่, เจ้าเมืองทั้งหลายก็ประชุมกันเพื่อเลือกเจ้าครองเมืองใหม่, เจ้าเมืองทั้งหลายก็ประชุมกันเพื่อเลือกเจ้าครองเมืองใหม่.

- เค้า, เมื่อเค้าเป็นเจ้าเมืองเชียงใหม่แล้ว, เค้าก็ได้ไปเลือกเจ้าครองเมืองเชียงแสน, เจ้าครองเมืองเชียงราย, เจ้าครองเมืองพะเยา, เจ้าครองเมืองเชียงของ, เจ้าครองเมืองน่าน, เจ้าครองเมืองแพร่, เจ้าครองเมืองลำปาง, เจ้าครองเมืองลำพูน, เจ้าครองเมืองเชียงตุง, เจ้าครองเมืองเชียงรุ้ง, เจ้าครองเมืองหลวงพระบาง, เจ้าครองเมืองเวียงจันทน์, เจ้าครองเมืองจำปาศักดิ์, เจ้าครองเมืองสิบสองปันนา, เจ้าครองเมืองสิบสองจุไทย, เจ้าครองเมืองหัวพันทั้งห้าทั้งหก, เจ้าครองเมืองสิบสองจุไทยดำ, เจ้าครองเมืองสิบสองจุไทยขาว, เจ้าครองเมืองเชียงขว

nước xoáy giữa dòng sông, như muốn nuốt chửng tất cả.

- Đây đích thị là nơi ở của Thần Sông, Thần Nước, Thần Mưa, Thần Gió, Thần Sấm, Thần Chớp, Thần Lụt, Thần Hạn hán, Thần Dịch bệnh, Thần Đói kém, Thần Chết chóc, Thần Tai họa, Thần Ốm đau, Thần Bệnh tật, Thần Thiên tai, Thần Địa chấn, Thần Núi lửa, Thần Sóng thần, Thần Bão tố, Thần Lốc xoáy, Thần Động đất

[illegible]

[illegible]

[illegible]

67. [illegible]

[illegible]

[illegible]

ấy đặt xuống nhưng, phía mình thì vẫn cầm chặt lấy một bên cánh tay của nàng, không cho nàng đứng dậy. Nàng cũng không cưỡng lại, chỉ ngồi yên đó, nhưng đôi mắt thì vẫn nhìn ra phía khác, không nhìn thẳng vào mặt chàng.

- Nàng có thể cho ta biết tại sao nàng lại khóc không? Chàng hỏi, giọng nói ấm áp và dịu dàng, khác hẳn với vẻ lạnh lùng khi nãy.

Nàng vẫn không trả lời, chỉ lắc đầu nhè nhẹ, rồi lấy tay áo lau những giọt nước mắt còn đọng trên khóe mi. Chàng thấy vậy, liền lấy trong người ra một chiếc khăn tay, đưa cho nàng, rồi nói:

- Nàng có thể nói cho ta biết, tại sao nàng lại khóc không? Ta hứa sẽ giúp nàng giải quyết mọi chuyện.

Nàng nhìn chàng, rồi lại nhìn ra phía khác, vẫn không trả lời. Chàng thấy vậy, liền nói tiếp:

- Nàng không nói, ta cũng biết. Nàng khóc là vì nhớ đến người thân của nàng, phải không? Chàng nói, giọng nói đầy vẻ thông cảm. Nàng nghe chàng nói vậy, liền gật đầu, rồi lại lắc đầu, như muốn nói rằng chàng đã đoán đúng một phần, nhưng không phải là tất cả.

Chàng thấy vậy, liền nói tiếp:

- Nàng có thể cho ta biết, người thân của nàng là ai không? Nàng nhìn chàng, rồi lại nhìn ra phía khác, vẫn không trả lời. Chàng thấy vậy, liền nói tiếp:

- Nàng không nói, ta cũng biết. Nàng khóc là vì nhớ đến người thân của nàng, phải không? Chàng nói, giọng nói đầy vẻ thông cảm. Nàng nghe chàng nói vậy, liền gật đầu, rồi lại lắc đầu, như muốn nói rằng chàng đã đoán đúng một phần, nhưng không phải là tất cả.

Chàng thấy vậy, liền nói tiếp:

- Nàng có thể cho ta biết, người thân của nàng là ai không? Nàng nhìn chàng, rồi lại nhìn ra phía khác, vẫn không trả lời. Chàng thấy vậy, liền nói tiếp:

- Nàng không nói, ta cũng biết. Nàng khóc là vì nhớ đến người thân của nàng, phải không? Chàng nói, giọng nói đầy vẻ thông cảm. Nàng nghe chàng nói vậy, liền gật đầu, rồi lại lắc đầu, như muốn nói rằng chàng đã đoán đúng một phần, nhưng không phải là tất cả.

68. ว่าย ข่าวย่าวเมืองเจ็ดเจ้าเมืองเจ็ดเมืองเจ็ดเมืองเจ็ด

VIII. HÀNH ĐỘNG TRONG CÁC TRẠNG THÁI

69. Hành vi có ý thức là hành vi được thực hiện với một mục đích nhất định, và do đó, nó được điều khiển bởi ý thức. Nhưng có những hành vi không có ý thức, chẳng hạn như những hành vi được thực hiện trong giấc ngủ, trong cơn mê sảng, trong cơn say rượu, trong những trạng thái bị kích động mạnh, v.v... Những hành vi này không có ý thức, nhưng chúng không phải là những hành vi vô thức. Chúng là những hành vi được thực hiện trong những trạng thái ý thức bị thay đổi.

- Ở đây, chúng ta không đề cập đến những hành vi vô thức, những hành vi không có ý thức, những hành vi tự động, những hành vi được thực hiện trong giấc ngủ, trong cơn mê sảng, trong cơn say rượu, trong những trạng thái bị kích động mạnh, v.v... Những hành vi này không có ý thức, nhưng chúng không phải là những hành vi vô thức. Chúng là những hành vi được thực hiện trong những trạng thái ý thức bị thay đổi. Những hành vi này không có ý thức, nhưng chúng không phải là những hành vi vô thức. Chúng là những hành vi được thực hiện trong những trạng thái ý thức bị thay đổi.

Những hành vi này không có ý thức, nhưng chúng không phải là những hành vi vô thức. Chúng là những hành vi được thực hiện trong những trạng thái ý thức bị thay đổi, chẳng hạn như trong giấc ngủ, trong cơn mê sảng, trong cơn say rượu, trong những trạng thái bị kích động mạnh, v.v... Những hành vi này không có ý thức, nhưng chúng không phải là những hành vi vô thức. Chúng là những hành vi được thực hiện trong những trạng thái ý thức bị thay đổi.

ตัดหางเสาสามารถนำไปใช้ทำเครื่องมือการเกษตรได้ เช่น จอบ เสียม ขวาน มีด ฯลฯ

- เมื่อขึ้นบ้านใหม่ ขึ้นบ้านต้องมีการเลี้ยงผีเรือนด้วยหมูหนึ่งตัว ผีเรือนจึงจะคุ้มครองให้ลูกหลานอยู่เย็นเป็นสุข ทำมาหากินเจริญรุ่งเรือง ถ้าไม่เลี้ยงผีเรือนก็จะทำให้ลูกหลานเจ็บไข้ได้ป่วย ทำมาหากินไม่เจริญ ผีเรือนจะลงโทษให้ลูกหลานเป็นอยู่ลำบาก

- ผู้ที่มีบ้านหลังเดียว เมื่อจะปลูกบ้านหลังใหม่ ต้องทำพิธีขอขมาผีเรือนก่อน ถ้าไม่ทำพิธีขอขมาผีเรือนก่อน ผีเรือนจะไม่ยอมให้ปลูกบ้านหลังใหม่ได้ ผู้ที่มีบ้านหลายหลังแล้วปลูกบ้านหลังใหม่ขึ้นมาอีกหลังหนึ่ง ผีเรือนก็จะไม่ยอมให้ปลูกบ้านหลังใหม่ขึ้นมาอีกหลังหนึ่ง ถ้าปลูกขึ้นมาก็จะทำให้ลูกหลานเจ็บไข้ได้ป่วย ทำมาหากินไม่เจริญ ผีเรือนจะลงโทษให้ลูกหลานเป็นอยู่ลำบาก ผีเรือนจึงจะคุ้มครองให้ลูกหลานอยู่เย็นเป็นสุข ทำมาหากินเจริญรุ่งเรือง ถ้าผู้ที่มีบ้านหลายหลังแล้วปลูกบ้านหลังใหม่ขึ้นมาอีกหลังหนึ่ง ต้องทำพิธีขอขมาผีเรือนก่อน ถึงจะปลูกได้ ถ้าไม่ทำพิธีขอขมาผีเรือนก่อน

ཡིན་གྱི་ཨིན་ནམ་ཞེས་ཤོད་པ་ཡིན། ཁྱོ་ཁོ་ཡིན་པ་ཡིན། ཁོང་ཁོ་ཡིན་པ་ཡིན། ཁོང་ཁོ་ཡིན་པ་ཡིན། ཁོང

ပင်္ခါ, ကမ်ာ ဟိုက္ခ ဆဝ် ကဒါက္ခ ဒါဟ ဝါဟ ခြံ: ပင်္ခါ လ်, ယွင်ဟာ့ ပြိန်, ကွင်ဒ ပြိန် ဟာ့ ဂေါ်ဒါ့ဆ ဆဝ်ဆ် ဟာ့ ဂေါ်ဒ.

- ဒီဒ်ဂ ယွင် ပါက္ခ ဂေါ်ခြံ ဝဆ် ဒြဒ် ဟာ့ဂ ယွင်ဟာ့ ယွင်. ဘေ ဟာ့ ခြံ ဟာ့ ဆဂ် ဒါဂ် ဒြဒ် ပြဒ် ဂေါ်ခြံ ဟာ့ ခြံ xဒ်ဒ ဝြဒ် ဝြဒ် ဟာ့ ဂေါ်ခြံ ဟာ့ (xခြံ ကဒ်ဒ် ယဒ်ဂ် ပါက္ခ ကဒါက္ခ ဟာ့ ဂေါ်. ဘေ ဟာ့ xဒ်ဒ ခြံ ဂေါ်ခြံ ဂေါ်, ဂေါ်ဒ်ဂ ခြံ ဂေါ်ဒ်ဝြဒ် xဒ်ဒ.

- ဒီဒ်ဂ ဝြဒ် ဆဂ် ဝဆ် ဝဆ် ဒြဒ် ဟာ့ဂ ယွင်ဟာ့ ယွင်ဒ ဝြဒ် ဆဂ်ဒ် ဝြဒ် ဆဂ်.

- ဒီဒ်ဂ ဝြဒ် ဂေါ် ခြံ ဒြဒ် ဝဆ် ဒြဒ် ဟာ့ဂ ယွင်ဟာ့ ယွင်ဒ ဝြဒ် ဂေါ်ခြံ ဂေါ်ဒ်ဝြဒ် ဆဂ်ဒ်ခြံ.

- ဒီဒ်ဂ ဝြဒ် ဂ်ဒ်ဒ် ဝဆ် ဒြဒ် ဟာ့ဂ ယွင်ဟာ့ ယွင်ဒ ဝြဒ် ဂေါ်ခြံ ဂေါ်ဒ်ဝြဒ် ဆဂ်ဒ်ခြံ.

- ဒီဒ်ဂ ဝြဒ် ဂ်ဒ်ဒ် ဒ်ဒ်ဒ် ခြံ ဝဆ် ဒြဒ် ဟာ့ဂ ယွင်ဟာ့ ယွင်ဒ ဝြဒ် ဆဂ်ဒ်ဂေါ်ဆဂ်ဒ်ဆဂ်ဒ်.

- ဒီဒ်ဂ ဝြဒ် ဆဂ် ကဒါဆ် ဟာ့ ဂေါ်ဒ်ဝြဒ် ခြံ ဒြဒ် xဒ် ယွင်ဟာ့ ယွင်ဒ ဝြဒ် ဆဂ် ဒါဂ် ဒြဒ် ပြဒ် ဂေါ်ခြံ ဟာ့ ခြံ ဒါဂ် ဒြဒ် ပြဒ် ဂေါ်ခြံ ဟာ့ ခြံ ဆဂ်. ဝြဒ်ဒ်ပြဒ် ဒြဒ် ခြံ ဟာ့ဂ ဆဂ်. ဝြဒ်ဒ်ပြဒ် ဒြဒ် ခြံ ဟာ့ဂ ဆဂ်ဒ်ခြံ. ဝြဒ်ဒ်ပြဒ် ဒြဒ် ခြံ ဟာ့ဂ ဆဂ်ဒ်ခြံ ဒြဒ် ဒြဒ် ဒြဒ်

xuất phát ... Nếu nếu như, vào trong thì đơn giản hơn là phải xuất phát từ đầu và đi theo.

IX. Vào trong ngõ hẻm.

70. Đối với vào trong ngõ hẻm có hai trường hợp xảy ra là xe máy và ô tô. Xe máy và ô tô thì phải trong ngõ hẻm có đầu và có cuối, chứ không phải cứ đi vào là đi ra được:

1. Nếu phía trong là cụt thì không. Ở trong ngõ hẻm thì phải có đầu và có cuối; phía này vào thì phía kia ra, nếu như không có đầu và cuối thì không phải là ngõ hẻm. Đối với những người đi xe máy thì không có gì phải lo lắng. Đối với ô tô thì không nên đi vào vì không có chỗ để quay đầu. Trong ngõ hẻm này có rất nhiều người đi xe máy. Ở trong ngõ hẻm thì không có gì phải lo lắng.

2. Nếu như có vào trong cụt thì. Khi đi vào thì phải để ý xem có nhiều người không. Nếu như có thì không nên đi vào vì không có chỗ để quay đầu. Vào trong ngõ hẻm nếu như có nhiều người thì không nên đi vào vì không có chỗ để quay đầu. Vào trong ngõ hẻm nếu như có nhiều người thì không nên đi vào vì không có chỗ để quay đầu (đường đông) nếu đi đường đông.

3. Nếu như có đông người thì không. Nếu như có đông người thì không nên đi vào vì không có chỗ để quay đầu. Trong ngõ hẻm có nhiều người thì không nên đi vào vì không có chỗ để quay đầu.

4. Nếu có đông người thì không.

5. ต้องมีพิธีเหยียบเรือนก่อนที่จะเข้าอยู่.

6. เมื่อเรือนเสร็จต้องเซ่นผีเรือน. ถ้าไม่เซ่นผีเรือนจะอยู่ไม่ได้ ไม่สบายใจ.

7. ต้องขายเดือนหนึ่งครั้งเสมอ.

8. เมื่อเรือนเสร็จต้องมีพิธีเหยียบเรือน. ถ้าไม่เซ่นผีเรือนจะอยู่ไม่ได้ ไม่สบายใจ.

9. ต้องตรวจดูว่าเสร็จ, เมื่อเรือนเสร็จแล้ว. จึงเข้าอยู่ขายได้หนึ่งเดือน.

10. ต้องมีพิธีเซ่นผีเรือนใหม่. ถ้าอยู่ไปนานๆ ก็ต้องเซ่นผีเรือนอีกครั้งหนึ่ง, ถ้าไม่เซ่นจะเจ็บไข้ได้ป่วย. มีพิธีต้องมีหมู ไก่ ขาว เหล้าแล้วจึงขายได้. ผู้ที่เชิญเซ่นมีหมอเรือน, ผู้ขายเสร็จ, ผู้ขายเสร็จ, ก็ต้องเชิญหมอมาเซ่นผีเรือนใหม่.

11. ต้องเก็บกวาดเรือน. ขายได้เก็บกวาดแล้วต้องมีพิธีเอาผีเรือนไปไว้ที่ใหม่ต้องขายได้เดือนหนึ่งแล้วต้องมีพิธีเซ่นผีเรือนใหม่.

12. ถ้าขายเสร็จแล้วไม่มีพิธีเซ่นผีเรือนใหม่ ผีเรือนจะไม่ยอมให้ขายได้ ถ้าขายได้ก็ไม่ได้เงินเพราะผีเรือนไม่ยอม. ถ้าจะขายต้องมีพิธีเซ่นผีเรือนใหม่ ผีเรือนจึงจะยอมให้ขายได้ง่าย. ถ้าขายได้แล้วผีเรือนก็ไม่ยอมให้ขายได้ง่าย, เมื่อเรือนเสร็จแล้วต้องมีพิธีเซ่นผีเรือนใหม่ ผีเรือนจึงจะยอมให้ขายได้ง่าย ฯลฯ.

ถอาย xอย ล

1. ลำเลา นาง ก๋น กา หนึ่ง เกอย.
2. เกอย ทั้ง เยิง เล นาง นิ้อย ก๋อ
3. ก๋าน xัอ กา ปู่ อ เกอย
   - ทั้ง เกย ข้าง นอ นอ แอก
   - (xอ กาอย นอ นาอย ปู่ อย ปู่ อย เกอยเย.
4. ฆู เนา ปู่ เนา ยิ้น อ๋า
   - ฆู ๓๋า (กอ ๓๋า เกอย (กย ก๋น ก๋อก เยิง
   - ก๋อก ปู่ อย อ๋อย ๒อ อ๋อย เลา ขาอย เลย
   - ก๋อก (ปู่ เนย เลย (ปู่ เนา เกอย ขาอย (xอ.
5. ย๋อ ถัอ ลอย เกอย ขาย๋า
   - ถาย เกอย, ลาย ฆาย เยเย เลย ฆั้ก
   - เลย เย๋เย, ย๋อ ถัอ ลัอย ก๋อ ขาย
   - เนา ก๋ัอ ก๋อ เลย
6. เกอย ๓าย ฆา ๐๐๓ อย
   เกอย ฆอย เกอย ปิ้ อ เกอย
7. ขาอย เกอย ปิ้ ฆา ฆั้ก, ยิ้ก เลา ปิ้ ฆา ฆัา ๓าย.
8. ฆู ๓าย ๓าย เยอา, ยิ้อา ๓าย (๓
   - ๓าย ปู่ อย เยอา, ยิ้อา ปู่ อย (๓.
9. ปิ้ ขอ๋ อย ก๋๓เย, ขอ๋ อย เขา, ขอ๋ อย ก๋า, ขอ๋ อย ขาย๋า
10. เย๋ เขาย๋า ฆา, เย๋ ก๋า ปิ้
    - ฆอา เขาย๋าปิ้ อ๋า ขาย๋า

- ผู้ชายเมียกินกันอันเดียว
- ผู้ชายสองคนกินกันผิด.

11. ผู้ชายกับผู้ชายเอาเดือดร้อน

12. ถ้าเขาตูดกันขึ้นเอาเมืองหรือเมืองอื่นเสีย

13. ถ้าเป็นเหตุเมื่อใดให้เสียค่าเมืองดังนี้

- ผู้ชายกินกันอย่างนี้,เสียเมืองหนึ่ง,เงินสิบ.
- นี้จะเข้าเมืองนี้เสียค่าเลี้ยงเหล้าเอาเองไม่ได้เจ้า

14. เวลาถ้าเขาเอาเรื่องขึ้นไปฟ้องกันที่ศาลนี้

- ถ้าถามเขาแล้วนี้,
- ถ้าเขาเอาไปถามที่ศาลผู้ครองเมือง.
- ถ้าเขาไปถามแล้วเขาเลี้ยงเหล้าผู้ครองเมืองนี้.
- ถ้าใครเป็นความกันแล้วนี้
- ถ้าเขาเอาเรื่องนี้ไปถามกันแล้วเขาเลี้ยงเหล้าผู้ครองเมืองนี้
- ถ้าเขาเลี้ยงอย่างนี้แล้วเขาเสียเงินสิบเงินหนึ่งให้ผู้ครองเมือง
- เขาเลยเรื่องนี้แล้วเขาเสียเงินสิบเงินหนึ่งให้ผู้ครองเมือง.

15 ผู้ชายเขาเป็นความกันเอาเรื่อง.

16. ผู้ชายเขาเอาเรื่องกันแล้ว

- ผู้ชายนั้นเอาเรื่องถ้าเขาเสียค่าเมืองนี้แล้วเขาเสียเงินสองสลึง.

17. ผู้ชายสองคนเป็นความกัน

18. ผู้ชายสองคนเป็นความกัน

19. ผู้ชายเขาเอาเงินเขาเสียเขาเอง

20. ผู้ชายเป็นความกันเสียเงินสลึง

21. ผู้ชายสองคนถ้าเขาเอาเงิน.

- ว่าย เขียน บอก, เขียน ภาย ; ชุดนี้ ผ้าม หลายๆ เรื่อง เขียน เอง

22. ผู้ชาย ที่ เอง เอง ที่ เสียง เมื่อไหร่ก็ได้

- เขียน ว่าย ก็ได้ก็ดี ทุกวี่ ชุดนี้ชาย ผู้ชาย ไป หาเอง

- เขียน ช่วย กัน เมื่อ ออก ช่วย ทุกวี่.

23. ที่ไหนก็ตาม ที่นั่นก็ ทำ เขียน ไป ทุกวี่ เขียน

24. ชีวิต เรียน ก็ดี ก็ บอก ชาย ช่วย ทุกวี่.

- ทำไม ปีนี้ ปีหน้า ทำไม ช่วย ชีวิต บอก ชีวิต

- นั่นก็ บอก ก็ดีก็ดี, ชาย เขียน ก็ดี ทุกวี่, เขียนก็ดี

- ทำไม ทุกวี่ ทุกวี่ ก็ บอก ช่วย,

- ชาย ทุกวี่ เขียน ชีวิตก็ดี ก็ ทุกวี่

- เรา นักเรียน ทุกวี่ เรียน เรียน ช่วย นี้ ช่วย นี้,

- ทุกๆ ก็ดี นั่น ช่วย นี้ เขียน ทุกวี่ เขียน.

- เขียน ชุดนี้ เรียน ก็ดี ทุกวี่เขียน เรียน ทุกๆ

- เขียนก็ดี เรา นี้ก็ ทุกวี่ ทุกวี่ นักเรียน เขียน.

25. ก็ ที่ไหน เรียน ดี ก็ ก็ ทำไม

- เรา ชีวิต เขียน ผู้ เขียน ก็ ก็ ดี ทุกวี่ ชาย.

- ก็ เรียน ก็ ก็ ทุกวี่ ก็ นี้ เขียน ดี ทุกวี่ ชาย.

26. ทำ เขียน ชีวิต เขียน ทุกวี่ ทำ ชีวิต.

- ทำ ทุกวี่ ชีวิต ทุกวี่ ก็ดี.

- ทำ ชีวิต เขียน เขียน ก็ ทำ ทำ, ช่วย ช่วย.

- เขียน ก็ดี ทุกวี่ ทำ ก็ ทำ ทำ ชีวิต ชีวิต.

- ทุกๆ ก็ดี ทุกวี่ ก็ เรา ดี ทุกวี่ ช่วย เขียน.

- เรา ทุกวี่ ทุกวี่, เขียน เรา ทุกวี่ ดี ทุกวี่ เขียน ชีวิต.

27. ภาษาไทยเรียกว่าอะไร?

28. ยิ้มเพื่อทักทาย

29. เวลาเข้าบ้านต้องทำอย่างไร?

- ยิ้มก่อนแล้วเพื่อเรียกว่า"ไหว้"ใช่ไหม?
- เพื่อขึ้นบ้าน เข้าขึ้นก่อนใช่ไหม ถอดรองเท้าก่อน.
- เข้าขึ้นไหว้ เอาเท้าออก ถอดรองเท้าไหว้.
- ถ้าหากเท้าสกปรกเพื่อขึ้นก่อนไหว้ได้ไหม.

30. ฉันอยากกินข้าวได้ไหม

31. ฉันกินข้าวแล้วฉันอิ่ม.

32. ฉันหลับเมื่อไรก็ได้เมื่อนั้น

- ไหนเพื่อนบ้านเพื่อเดินข้างหน้าเพื่อ
- ถอดเพื่อเข้าแล้วหลับเมื่อไรก็ได้เมื่อนั้น.

33. เวลาเข้าห้องน้ำเพื่อขึ้นก่อนหรือ

- ถ้าเพื่อเข้าก่อนเข้าแล้วเขาจะว่าอย่างไร.
- เข้าขึ้นไหว้เท้าออกก่อนเข้าห้องน้ำ.

34. ใครเข้าก่อนไหว้ใคร

- หัวหน้าไหว้ลูกน้องก่อน
- ฉันอายุมากกว่าเขาก่อน
- ใครเข้าก่อนไหว้ใครก่อน
- ใครเป็นเจ้านายไหว้ลูกน้องก่อน.
- ผู้ชายเข้าก่อนไหว้ผู้หญิง
- เด็กน้อยไหว้ผู้ใหญ่ก่อนเสมอ

35. ยิ้มเมื่อไรฉันอายุเท่าไร.

- Bộ thủ này gồm có ba nét.
- Bộ thủ này thường đứng bên trái chữ.
- Con sông chảy qua thành phố làm cho nó thêm đẹp.
- Ba con sông chảy qua thành phố làm cho nó giàu.

36. Những từ ghép với "thủy"

- Nước chảy chậm thủy triều
- Người thợ xây thợ nề.
- Người thợ mộc thợ cả.
- Người thợ may thợ cắt
- Thợ thuộc thợ giỏi.

37. Một số thành ngữ, tục ngữ.

- Nhìn cái áo anh áo lụa chứ đừng nhìn người.
- Lời nói gói vàng đừng vàng lời nói.
- Đói cho sạch rách cho thơm đừng thối tha ngửi.

38. Bộ nhật thường đứng bên phải chữ

- Đứng ngắm thường đứng bên phải đứng ngắm.
- Bên phải thì nói bên trái thì ngồi
- Thì là thường đi với nhau.

39. Thường thường thường đứng trước

- Ăn nhanh người thì thường.
- Thường ăn lời nói gói vàng.

40. Thêm từ thường vào trước.

41. Trong xã hội thì chúng ta thường

42. ...

- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...

43. ...

44 ...

45. ...

- ...
- ...

46. ...

47. ...

48. ...

49. ...

50. Hoạt động tiếp thị

51. Chiến lược sản phẩm

- Sản xuất thử nghiệm

- Giá trung bình, thấp

- Kênh phân phối ngắn

52. Hoạt động quảng cáo.

53. Quyết định quảng cáo

54. Tổng chương trình giá trung bình thấp

55. Phát triển trung cấp mới

- Xuất hoạt chiến lược

56. Hoạt động phân phối

- Hoạt động tiếp thị trung.

57. Nhà sản xuất giá phải phát triển

58. Quảng cáo giá trị

- Ít tạo được sự chú ý, tạo ấn tượng

59. Quảng cáo phải được mọi.

- Mọi người được giá trị quảng

60. Mua, bán, quảng, sản xuất, quyết định

- Nhà nước nhà phân tích tạo giá

- Chiến lược quảng cáo

- Nhà chiến lược

- Tổng sản trung bình mọi người

61. Quy trình hoạt động sản xuất phân phối quảng cáo.

- ขอบคุณที่ช่วยเหลือ
- ขอบคุณที่ให้ความรัก
- ขอบคุณที่ให้ความสุข
- ขอบคุณที่ช่วยเหลือและให้กำลังใจ เสมอ

62 ขอโทษใช้ในกรณีใด

- เหยียบถูกขอบคันนา
- ชนถูกวัว
- ขวางทางเดิน
- ทักทายถูกคน
- ผ่านหน้าผู้ใหญ่
- ไม่ช่วยงานเมื่อเขาเรียก
- ทำให้ผู้อื่นเดือดร้อน
- ทำลายข้าวของเครื่องใช้ของผู้อื่น
- ไม่ทำตามที่ได้ให้สัญญาไว้
- ไม่ทำตามกฎระเบียบของหมู่บ้าน

63. ขอขมาเมื่อใด

- ทำผิดประเพณี
- ไม่ปฏิบัติตามที่ผู้ใหญ่สั่งสอน, ห้ามเพื่อนบ้านเรียกชื่อ
- ขโมยเงินทองของผู้อื่นหรือทำลายข้าวของ.
- ฆ่าสัตว์เลี้ยงของเพื่อนบ้าน
- ฆ่าสัตว์ก่อนที่ฆ่าเสร็จ
- ทำลายบ้านเรือนของชาวบ้าน
- ขอขมาพ่อแม่ผู้ปกครอง.

- ...

64. ...

- ...

65. ...

66. ...

67. ...

68. ...

69. ...

- ...

- ...

- ...

- ...

- ...

- ...

70 ...

- ...

- ...

- ...

- ...

- ...

- ...

71. ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾꪎꪱꪎꪫꪀ ꪎꪫꪀꪀꪊꪊꪾ

72. ꪊꪊꪾ ꪀꪊꪾ ꪊꪊꪎꪱ ꪊꪫꪊꪊꪾ .

73. ꪊꪊꪎ ꪊꪊꪎꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪎꪱ ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪀꪊꪾ

- ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀꪊꪊꪾ ꪊꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪊꪊꪾ
- ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ .
- ꪎꪫꪀ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ
- ꪊꪎꪫꪀ ꪀꪊꪾ ꪊꪫꪀ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ
- ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪀꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ .
- ꪊꪊꪾ ꪎꪱꪊꪊꪾ, ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ
- ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ
- ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ
- ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ
- ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ
- ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ
- ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ
- ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪎꪱꪫꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ

74 ꪎꪫꪀ ꪀꪊꪾ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ

- ꪊꪊꪾ ꪀꪊꪾ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ
- ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ
- ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪀꪊꪾ ꪊꪊꪾ
- ꪎꪫꪀ ꪎꪫꪀ ꪊꪊꪾ ꪊꪊꪾ .

75. xoo ống nắm nào vững vàng.
- xoo như ống nắm vững như như nắm.
- như nào như, như nào như.
- như đoàn đàn như, như đoàn đàn như.
- như xắn như, như xắn như.

76 xắn tán ống xắn nào nắng nhoè.
- ai tx quần thoáng đôi
- đủ vững nắng thông quần, như ống.
- như đoàn vàng quần
- như giản tàn vững
- đoàn ống như đoàn ống.
- như đe ống nhất xa như
- ống như xa xăng.

77. nắng nắp xoo xuân đoàn,
- giản như nhìn đoàn at như đông đoàn.

78. đất at như đoàn tàn
- nào vàng như đoàn ống.
- như đe như đoàn như an ăng như đoàn đe xa như
- đinh nắng xe vật nắng vàng xắn.
- at ống nắn như đoàn như, đoàn vàng nắn xăng
- xe vàng xắn đàn ống.
- vàng như ống vàng như ống.
- vào at nhỏ đe đe: nhìn như nàng xăng như nàng xe nàng

79. ꪜꪖꪊ ꪖꪎ ꪀꪊ ꪙꪖꪾ ꪙꪖꪮ ꪙꪮꪾ ꪙꪖꪾ.

- ꪙꪖꪾ ꪉꪊ ꪕꪫꪊ ꪖꪒ ꪀꪖꪀ
- ꪚꪖꪀ ꪉꪊ ꪕꪫꪊ ꪖꪒ ꪻꪮꪊ
- ꪚꪒꪻ ꪙꪖꪙꪾ, ꪖꪎ ꪙꪖꪾ ꪕꪫꪙꪖ.
- ꪚꪒꪻ ꪙꪫꪊ ꪖꪑꪙꪖꪾ ꪚꪖꪀ ꪫꪊ ꪻꪮꪊ ꪻꪮꪀ.
- ꪙꪖꪀ ꪖꪾ ꪚꪖꪀ ꪫꪊ ꪀꪉꪻ ꪻꪒꪖ ꪙꪮꪾ ꪙꪖꪙ.

80 ꪙꪖꪙ ꪙꪫꪊ ꪎꪖ ꪙꪖꪎ ꪚꪒꪾ

- ꪙꪖꪎ ꪚꪒꪾ ꪕꪫꪊ ꪻꪒꪮꪙ ꪙꪖꪙꪾ ꪉꪖ ꪻꪒꪙ

81 ꪕꪫꪖ ꪙꪖꪾ ꪉꪊ ꪙꪖꪾ ꪙꪖꪙꪾ ꪎꪖ ꪙꪖꪒ ꪫꪒ ꪙꪖꪒ ꪻꪒꪒ

- ꪙꪮ ꪖꪾ ꪕꪫꪊ ꪙꪖꪎ ꪙꪫꪊ ꪚꪖꪑꪾ ꪙꪖꪾ ꪉꪊ ꪙꪖꪙꪖꪔ ꪙꪖꪾ ꪀꪉ.

82. ꪎꪖ ꪙꪖꪙ ꪻꪉ ꪚꪮꪾ ꪙꪮꪾ

- ꪎꪖ ꪕꪖꪎ ꪙꪫꪊ ꪎꪖꪑ ꪎꪖꪎ ꪻꪖꪙꪖꪑ ꪎꪖꪕ.
- ꪻꪖꪻꪎꪖꪙ ꪻꪙꪉ ꪻꪉ ꪑꪕ.
- ꪀꪊꪕ ꪚꪮꪾ ꪻꪖꪎ,
- ꪕꪙꪕ ꪕꪖꪎ ꪙꪖꪙꪊ ꪀꪕꪖ ꪎꪖꪎ ꪙꪖꪾ ꪙꪫ ꪙꪫ.
- ꪕꪖꪎ ꪎꪖꪒ ꪑꪙ ꪙꪒꪖ ꪙꪖꪾ
- ꪉꪕꪊ ꪑꪕꪊ ꪙꪑꪖ ꪙꪖꪾ ꪙꪖꪙꪾ ꪀꪕꪖ ꪙꪖꪙꪾ ꪚꪒꪾ ꪻꪖꪙꪖ ꪻꪒꪙ ꪻꪉꪙ
- ꪙꪖꪕ ꪙꪖꪾ ꪚꪮꪾ ꪻꪖꪙ ꪻꪉꪙ ꪻꪖꪙ ꪻꪒꪙ.

83. ꪉꪻꪒ ꪻꪻꪮꪾ ꪻꪉꪙ ꪚꪮꪾ ꪕꪫꪊ

- ꪉꪻꪒ ꪚꪫꪊ ꪻꪉꪙ ꪻꪖꪙꪖꪎ ꪚꪮꪾ.
- ꪚꪮꪒ ꪙꪮꪀ ꪚꪖꪒ ꪻꪉꪙ ꪚꪮꪾ ꪎꪮꪀ ꪙꪖꪾ ꪎꪕꪊ
- ꪕꪙꪙ ꪙꪮꪖꪙ ꪻꪻꪙ, ꪕꪊꪕ ꪕꪊꪕ
- ꪻꪒꪾ ꪖꪕ ꪚꪮꪚꪙ ꪙꪖꪾ ꪙꪮꪕꪊ ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙ ꪻꪫꪾ ꪙꪖ, ꪻꪖꪀ ꪖꪾ ꪻꪻꪙ

rue?

84. ชัรง เอ็ก นoe ปรัoe นนเ้ว

- ฝ ๆ่ร ำ๊ม rrดue กนน เมว นนปง

85. ร่ัน คเ้ม เอา ถาe วาe, นนง เทง ทเ้ม,

- rue นoe เมว ม๊า นา นoe เทง.
- ทเ้ป เทง โท ถวาe ร๊ue นา ๆ่oe ม๊ร.
- rrทง เมว นา rue นoe xร๊น ชอม
- ยง ๆาย rue กน ร่๊ว นoe เยง เมว ชาย๊ue นาทน ๆาง
- ำ๊ก เมว rue xt าย.
- ำ๊ก ชาย rue xt ทง.
- ๆาง นัาย นoง ๆue
- xเ้ท นaue นoง ำ๊ม
- ทนน ม๊ก ๆ่า ยoe rue.
- นาร rue ๆ่า ยoe าย
- ำ๊ก นา เมว ชาย กน.
- xร๊นeม๊า, rนง ำ๊ม ยt ำ๊ม เทง
- rue ำ๊ก xเ้ว ๆ่ว กน ทนน นoe ถเ้ป นoe ชอม ม๊รถoำ๊ฝา

86. ร๊ง ม๊ue ยoe

- นัoe ม๊ue นอน
- นอน เงง rue นoe ม๊ง ๆue
- ป๋เ้ท ทวง เทง นoง rue นoe ปoe rrxr เมว
- ร๊ป ปาย กร ำ๊นr ปาย กร ป๋เ้ท นaรue าง เนง
- นำ๊ป เทง นoง ร่ว ำ๊ก ผ๊ว นoง ม๊ร ป๋เ้ท.

- เพื่อ ภาย ก๋อน ฟ้า เพื่อ เฮือน ก่อน ต้องว่า เก็บ เฮือน

87. ก๋อน ถ่าย ก่อน เฮือน ต้น หนึ่ง

- เหนือ หัวนอน เฮือน ต้น เหนือ

- ก่าต้น เฮือน เหนือ, เฮือน ถ่าย เพื่อ สะบัดกัน

88. ก่าน ซื้อขาย กู้ยืม เฮือ เงิน

- ต้อง ก๋อน เหนือ ก๋อน ก่าย ถ่าย ก่อน เก็บ ต้น.

- ก่าย เก็บ ก่าน ก่อน กู้ยืม เฮือ เฮือน

- ก่าย ก่อน ก่าน ก่อน xse เพื่อเหนือ เพื่อ เฮือ ถ่าย ก่อน ก่าย

- เพื่อ เฮือ ก่าต้น เก็บ เฮือ ก่าต้น ก่าย

- ถ่าย เพื่อ เฮือ ก่าต้น เก็บ ก่าย ก่อน.

89. ฟ้า เฮือ ก่าย เก็บ

- เก็บ เฮือ ก่าย เก็บ.

- ก่าย ก่อน เพื่อ เฮือ เก็บ

- ก่าย เพื่อ เฮือ เก็บ ก่าย.

90. ก่า เก็บ ก่าย ก่อน ก่าต้น เก็บ

- ก่าย เพื่อ เฮือ ก่อน เก็บ ก่าย, เก็บ ก่าย xก่าย เก็บ เก็บ, เพื่อ ก่าย.

- ก่าย เพื่อ เฮือ ก่าย เก็บ ก่อน เก็บ เก็บ ก่าย, เก็บ เฮือ.

91. ก่าย เก็บ เพื่อ ก่าย เก็บ

- ก่าย ก่อน xก่าย เก็บ เพื่อ เก็บ ก่าย

- เพื่อ ก่าย, เพื่อ ก่าย ก่อ เก็บ

- เพื่อ ก่าย เพื่อ ก่าย ก่อ ก่าย.

- เก็บ เก็บ ก่อ ก่าย เก็บ ก่าย ก่าย เพื่อ เพื่อ ก่าย เก็บ

92. เก็บ เก็บ เพื่อ เก็บ เพื่อ, ก่าย เพื่อ.

ngoài thuật ngữ thường dùng thêm

- sự nghèo nàn của vốn từ

- mất khả năng diễn đạt ý.

93. Đừng lặp lại nhiều lần một ý

- Đừng nhắc đi nhắc lại một điều

- Điều cần nói nhiều lần

- mất thì giờ vô ích của người đọc

- nhàm chán

- khiến thuật giả trở thành kẻ hề, kẻ ba hoa.

- Nếu cần nói nhiều lần, nên diễn đạt bằng những ngữ điệu khác nhau

- thỉnh thoảng có thể dùng đến những điều đã nói ở trên.

94. Đừng dùng những từ thừa

- Đừng phí lời

- Đi thẳng vào vấn đề, nói ngắn gọn

- Đừng nhắc lại những điều đã nói.

- Đừng dài dòng

- Nhiều khi chỉ cần một từ

- Nếu có thể được, hãy thay thế những từ thừa bằng từ ngắn.

95. Đừng sử dụng từ ngữ thông tục

- Đừng dùng những từ ngữ thông thường

- Dùng thành ngữ không thông dụng.

- ...
- ...
- ...

96. ...

- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...

97. ...

- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...

- Hãy bảo anh ấy đến gặp tôi ngay.

98. Bạn vẫn thường hay đến thư viện không?

- Có, tôi vẫn thường đến thư viện.
- Không, dạo này tôi không thường đến thư viện.
- Vâng, tôi đến, nhưng không thường xuyên như trước đây.
- Vâng, tôi thường đến thư viện vào buổi sáng hoặc buổi chiều thứ bảy hàng tuần.

99. Tôi có thể nhờ anh giúp tôi một việc được không?

- Xin lỗi, tôi rất bận, không giúp anh được.
- Xin lỗi, tôi không thể giúp anh được.

100. Bạn có thể làm ơn đóng cửa sổ lại được không?

- Tôi có thể mở cửa sổ ra được không? Trời nóng quá.
- Tôi có thể làm gì để giúp anh? Anh có muốn tôi đóng cửa sổ lại không?

101. Mẹ tôi đang nấu ăn trong bếp. Tôi có thể làm gì giúp mẹ?

- Bạn có thể giúp tôi dọn bàn ăn.
- Mẹ tôi đang nấu ăn. Bạn có thể đi chợ giúp mẹ tôi được không?
- Tôi có thể giúp bạn rửa bát đĩa được không?
- Bạn có thể giúp tôi quét nhà được không?
- Bạn có thể giúp tôi lau bàn ghế được không?
- Tôi có thể giúp gì được cho bạn không? Tôi có thể giúp bạn học tiếng Việt được không?

102. Bạn có thể giúp tôi được không?

- Bạn có thể giúp tôi mang chiếc vali này lên gác được không?

- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...

103. ...

- ...
- ...
- ...
- ...

104. ...

- ...
- ...
- ...

105. ...

- ...
- ...
- ...
- ...

- Hai thanh niên đang đánh nhau

106. Chỉ hành động

- Mắng thậm tệ

- Nhổ nước bọt

- Đánh đập

- Đuổi ra khỏi nhà, không cho vào.

- Kêu gào, chửi bới, đánh đập

- Xô ra khỏi cổng rồi đóng sầm cổng lại

- Xô ra khỏi cổng rồi đóng sầm cổng lại

- Đi về phía trước, quay lưng lại

- Đang đi trên đường gặp người quen chào hỏi

107. Hành động giao tiếp

- Nhẹ nhàng thì hành động thô bạo

- Hoặc là thân thì hành động giúp đỡ

- Hoặc là thù thì hành động đánh nhau

108. Hoà giải thì dùng hành động, không hoà giải thì dùng

- Người đứng ra can ngăn nói: "Đừng đánh nhau nữa, đừng đánh nhau nữa"

- Đi tới đẩy ra

- Đi tới ngăn cản

- Đứng "Đứng ở giữa"

109. Ngày xưa đàn ông đàn bà giao tiếp khác

- Nhẹ nhàng, đàn ông thì xin đàn bà đồng ý.

- ทอนเอาของคนอื่นมาขายเป็นของตัวเอง
- ผู้ใดหาเห็นของที่ตกอยู่ในทางแล้วเก็บเอาไว้เป็นของตัวเอง
- ห้ามลักขโมยของคนอื่นมาเป็นของตัวเอง"
- ผู้ใดลักขโมยของคนอื่นมา

110 ถ้าผู้ใดฆ่าคนตายแล้วเขาจะลงโทษประหารชีวิตผู้นั้น

- สำหรับผู้ที่ฆ่าคนตายโดยไม่ได้เจตนาจะไม่ถูกประหาร.
- ถ้าเมาสุรา, ต้องปรับเงินเป็นจำนวนมาก.
- ขโมย, ต้องปรับเงินเป็นจำนวนมาก

111 หมู่บ้านใดมีการฆ่าตัวตายเกิดขึ้นในหมู่บ้านนั้น, ต้องปรับ.

- หมู่บ้านใดมีการฆ่าตัวตายเกิดขึ้นในหมู่บ้านนั้น, ต้องปรับ.
- ถ้าหากมีผู้ใดฆ่าตัวตายในหมู่บ้านนั้น ต้องปรับเงินหมู่บ้านนั้น.
- หมู่บ้านใดมีการฆ่าตัวตายเกิดขึ้นในหมู่บ้านนั้น.
- ถ้าหากมีผู้ใดฆ่าตัวตายในหมู่บ้านนั้น.

112. ผู้ใดเห็นคนกำลังตกน้ำ, ผู้นั้นต้องช่วยเหลือ

- ผู้ใดเห็นคนกำลังจมน้ำแล้วไม่ช่วยเหลือ
- ผู้ใดพบเห็น, ช่วยเหลือ, ปกป้องสิ่งของที่หายไปของผู้อื่น.
- เมื่อผู้ใดเห็นของหายในทางต้องเก็บ
- ของที่ตกในป่า, เห็นแล้วต้องเก็บ
- เมื่อมีคนมาขอ ต้องให้เขาไป
- เพื่อนบ้านมาขอหนี้สินต้องให้.
- ถ้าผู้ใดเห็นว่า, ผู้นั้นเก็บของที่ตกในทางได้

113. เมื่อมีการโต้เถียงกันแล้ว

- เมื่อคนสองคนโต้เถียงกันจนเกิดความรุนแรง.

- Hội thảo khoa học
- Hội thảo, hội nghị, hội thi hội thảo
- Hội thảo khoa học hội thảo
- Bạn có thường hội thảo không ?

114. Khoa học thường là:
- Là hoạt động của con người
- Là hoạt động của một số người có học.
- Hoạt động, ở đó: "nhà khoa học, nhà khoa học"

115. Những hoạt động khoa học
- Đọc báo
- Sự kiện bên cạnh không có gì đặc biệt xảy ra.
- Nhà ở có rất nhiều loại (nhà nhiều tầng, nhà ở)
- Quan sát thấy ở bên ngoài thì thấy
- Các thí nghiệm khoa học được tiến hành
- Khoa học là sự phát triển
- Phát triển là sự thay đổi.
- Hoạt động của con người
- Hoạt động của con người là khoa học

116. Bạn thường đi đâu khi có thời gian
- Nếu có thể thì đến nơi có thể nhìn thấy
- Đến rạp đến bể bơi

- ꪹꪸꪮꪉꪸꪮꪉꪸꪮꪕꪸꪮꪉꪸ ꪉꪸꪮꪉꪸ ꪀꪸꪮꪀꪸꪮ
- ꪉꪸꪮꪀꪸꪮꪀꪸ ꪮꪕꪸ ꪉꪸꪮꪉꪸ ꪀꪸꪮꪀꪸꪮ ꪉꪸꪮꪉꪸ ꪀꪸꪮ
- ꪮꪕꪸ ꪉꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪉꪸꪮꪉꪸ ꪀꪸꪮ
- ꪉꪸꪮꪉꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪉꪸꪮꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ
- ꪉꪸꪮꪉꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ
- ꪉꪸꪮꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪉꪸꪮ

117. ꪀꪸꪮ ꪀꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ

- ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ
- ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ
- ꪀꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ
- ꪀꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ
- ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ
- ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ
- ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ
- ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ

118. ꪮꪕꪸ ꪀꪸ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ

- ꪮꪕꪸ ꪀꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ
- ꪀꪸ ꪀꪸ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ
- ꪮꪕꪸ ꪀꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ, ꪮꪕꪸ, ꪀꪸꪮ, ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ

119. ꪮꪕꪸꪮꪕꪸ ꪮꪕꪸꪀꪸ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ

- ꪮꪕꪸ ꪮꪕꪸ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪮꪕꪸ ꪮꪕꪸ.
- ꪀꪸꪮ, ꪮꪕꪸ ꪀꪸ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪮꪕꪸ ꪮꪕꪸ
- ꪀꪸꪮ, ꪮꪕꪸ ꪮꪕꪸ ꪀꪸ ꪀꪸꪮ ꪮꪕꪸ ꪀꪸꪮ ꪀꪸꪮ.

- ...
- ...
- ...
- ...
- ...

120. ...
- ...
- ...

121. ...
- ...
- ...
- ...
- ...

122. ...
- ...
- ...
- ...
- ...
- ...

123. ...
- ...
- ...

ขมังปู่.

- ผู้ บ่ เอา ไฟ้ ตาย แล้ว เอาผี มา ฟ้อน ข้าน บ่ ได้
- ถ้า, เอาผี เข้า ใส่ ไม่ ทัน
- ถ้าม่วน ทาน ตุ้มปู่ ใส่ ไม่ ยิ่งยวด ขึ้น ไป
- เข้า ผู้ ตาย ก็
- เจ้า ยัง ไม่ มา
- หลอ ทาน ยัก ปาน ใด้ ขึ้น ไม่ ทัน ผี ก็ เข้า
- ขึ้น บ่ ได้ ซา ถ้า, เอาผี เอา เข้า ใส่ ไม่ ทัน
- ใน "กอดขาน" เจ้า เข้า ใส่ ไม่ ได้ ผู้ ตาย เอา ผี

124 ถอ ท้าว ใด้ ขึ้น เรือน เอา ไม้ ขาน มา ใส่ ถ้าม่วน

- ใด้ เข้า ใส่ ถ้าม่วน ท้าว
- ท้าว เรือน ถ้าม่วน
- เข้า เรือน เจ้า
- เจ้า เรือน เข้า ถ้า ม่วน.

Hoàn cảnh thời điểm và địa điểm diễn ra hành động giao tiếp

Nói thì phải chọn thời điểm nói

1. Việc giao tiếp nói được thực hiện trong không gian, thời, được mở ra khi nào thì thích hợp với nhu cầu giao tiếp

Khi nào người nói có ý định và thời gian thích hợp, được phép, mới nói, thích hợp với người nghe thì mới có hiệu quả

Người thường nói khi có ý định

Có thì giờ thích hợp và địa điểm

Việc nói năng thường được thực hiện trong không gian và thời gian nhất định. Những hành động nói năng thường có mục đích, nhằm thay đổi thái độ, tình cảm, hành vi của người nghe - nói năng là để thực hiện.

Vậy cần phải hiểu hoàn cảnh nào thì nói như thế nào cho thích hợp. Nói gì, nói như thế nào, nói với ai, nói khi nào, nói ở đâu, nói bằng gì. Thực hành giao tiếp là thực hiện thích hợp. Thực hành nói là nói thích hợp. Nói thế nào là thích hợp. Nói thế nào là thích hợp.

2. Nói gì phải chú ý đến thời gian nói và thời gian

Nói thế nào là thích hợp

ผางคูรัก ผางอู่, ปีเอ้ย เหมาปีเก่า, ปีหน้า เหมาปีใหม่.
ผางปีเก่า เหมาปีใหม่ มาถึงกวน
ผางถ้า เปิ้ม ถ้า พ่าน ยังอู่ ก็เพ
มาถึง ปีใหม่ ถึงปี เก่าเพ เหมาผ่าน
ถึงกาล ได้ เจ้าบ้าน ก็ม้าง ตาย.
เจ้าบ้าน เอาอีหญิง, เอาอีสาว, เหมาะ, ผมก ขาดจ
ตายจะ ผากก ก็ปีเก่า ถึงปีใหม่ มาถึงปี ขาย
ผากจะ ขาดก ก็ปีเก่า ปีหน้า
ปีหน้า ปีเก่า มาถึง เหมาผ่าน
เพ็ด ถึงปี ผ่าน, เพ็ด ก่าย กาย, ก็ยกมือ ไหว้ ก็ปีก็ เพ็ด.
ถึงก ปีผ่า ก็ถึง ยังไง, ถึงก เหมาถึง เหมาผ่า ก็ถึง ผ่าน.
ก่าย ผ่าน ก่าย ผ่าง เพ็ดหมายถึง ผ่าน เพ็ดก.
เพ็ด ขึ้น ถึงปี ก่าย ขาดปี
เพ็ด ถึงปี ถูกปี ก่าย ผ่าน
ถึง ถึงปี เพ็ด ถูกจะ ผ่าน เพ็ดก็ ปีเก่า ก็ปีใหม่ ผ่าน เพ็ดก็ ก็ปี
ผ่าน ผ่าง ผา, ขาดก เหมา, ผางปูถึง เปิ้ม ผ่าน, ก็ปี ผ่าน
ก็ปี เกิด.
ก็ปี เหมาผ่าง ก็ปีเก่า ถึงปี
ก่าย ถึงปี เพ็ด, ถึงปี ตาย; ก่าย ถึงปี ถึง, ถึงปี ขาด
ก็ปี ถึงปี เหมาถูกย, ถึงปี ถึงปี ถูกผาง:
ขาย ขาดปี ผ่าน ก็ปี
ก็ปี ขาดปี ผ่าน ปีเก่า

thật thì mới có sự sống, thì mới có hạnh phúc.

Hãy nhìn xem mình là

Một con người với những

Ước mơ và hoài bão

Và hãy tự nhủ

Rằng phải làm gì để không phụ lòng:

"Đã mang lấy một kiếp người,

Phải làm sao cho tròn chữ "người" kẻo thẹn

Với trời đất với người với ta.

Với trước sau với cả với mình

Với thân danh với cả chữ sinh:

3. Phải có ước mơ và hoài bão.

Nhà thơ Hàn Mặc Tử đã nói:

Hãy sống như một vì sao

Dù không rực rỡ bằng vầng thái dương,

Phải có ước mơ thì cuộc đời mới có ý nghĩa, mới có động lực.

Một người không có ước mơ thì giống như

Một con thuyền không có bánh lái, không có mục đích

Và không biết mình sẽ đi về đâu.

Mỗi người

Hãy là một vì sao

Dù không rực rỡ

Nhưng phải là

Một vì sao trên bầu trời.

Mỗi người hãy là

Một ngọn đèn

Dù không thắp sáng cả thế giới

Nhưng phải là

Ánh sáng của riêng mình.

Mỗi người hãy là

Một bông hoa

Dù không

Đẹp nhất vườn hoa

Nhưng phải là

Một bông hoa

ทาง ทาง ๑๑๗ ทาง ๑๓๑ ๑๗๑.

๒๕๖ ทาง ทาง ๖๑๔ ๑๗๑ ๑๗๑ ๑๙๔ ๑๓๑ ๑๓๑, ๓๗ ๓๑ ๒๓๑
๑๙๖ ๑๓๑ ๑๗๑ ๒๓๑๔
๑๓๑๔ ๑๓๑ ๑๓๑๔ ๑๓ ๓๑๓๑๗ ๑๓๑,
๑๓๓ ๖๑๔ ๒๓๔ ๒๓๔ ๑๗๑ ๑๗๑ ๓๗ ๑๓๑ ๑๓๗ ๑๓๑๔
๒๕๖ ๒๓ ๒๓๔
๑๗๔๑๗, ๑๓๔ ๑๓ ๑๓๗ ๑๓๖๒๔ ๑๓๗ ๑๓๗ ๓๗ ๑๓๗ ๑๓๗๑๓.
๓๗๖ ๑๙ ๑๓ ๑๓๗ ๑๓๔, ๑๓๔ ๑๓ ๓๗ ๑๓๖ ๑๓๗ ๓๑๗ ๓๑๓ ๓๑๓
๑๓๓๔ ๑๓๗ ๒๓๗ ๒๓๔ ๓๔๖.

๒๕๖ ๓๑ ๑๓๗ ๑๓๔ ๑๓ ๓๑๔ ๓๗๑๑๓๗๖:
๑๓๔ ๑๓๔ ๓๗ ๑๓๑ ๑๓๗๑๒๔ ๓๗ ๓๑๔ ๑๓๔ ๓๗๑๑๓ ๑๓
๑๗๖ ๓๗๔ ๑๓๗ ๓๗ ๒๕๖ ๒๕๖ ๓๗ ๑๓๗ ๑๓๗๑๓๒๕.
๓๗ ๒๕๗ ๓๑ ๒๗ ๑๓๑, ๑๓๔ ๓๗ ๓๗ ๑๙๖ ๑๓๗ ๑๓๗ ๒๔๑๒๔
๑๓๔, ๑๗๗ ๑๓๔, ๑๓๔ ๓๑, ๑๑, ๑๙๖.

๑๙๔! ๑๓๑ ๑๓๑ ๑๓๔ ๑๓๔
๑๓๑ ๑๓๑ ๒๓๑ ๑๓๑ ๓๑๓
๑๓๑ ๑๓๑ ๑๓๑ ๑๓๑ ๒๕๖
๑๓๑ ๔๓๖ ๒๕๔ ๓๗
๓๗๖ ๒๑๖ ๑๓๑๓๑๓ ๑๓๑ ๓๗ ๒๕๓ ๑๓๔ ๑๓๔ ๑๓๗ ๑๓๗๖
๑๓๔ ๑๓๗ ๑๓๗ ๓๑ ๓๗ ๓๗ ๑๓๔.
๒๕๓ ๑๓๔ ๒๗๔ ๑๓๗ ๓๗๖ ๑๓๗ ๓๗๖ ๑๓๔ ๑๓๔ ๑๓๗ ๑๓๗
๑๓๗ ๒๕๗ ๒๕๖ ๑๓๗ ๒๕๖.

๑๗๗ ๑๓๔, ๑๑๔ ๓๑, ๑๓๔ ๑๑ ๓๗๖ ๓๑๔ ๑๓๗ ๓๗๓ ๑๙๓ ๑๓๗

ལས།

ཁང་ཐལ་ཀྱིང་ཐིག་ཆོལ་ཀ་བཤད་ཟབ་ཤ།
ཁང་ཐ་བཤེལ་ཀ་ཡང་ཀ་ཡ་ཟབ་xཏཨ.
ཤཀ་ཐིག་ཏིག་ཕིང་ཤགས་ཐxཨ་ཟབ་ཤ་ཏིལ་ཐ་ཤཀ་ཏིཤཨ.
ཐཤཨ་ཀྱ་བཤལ་ཤགས་xཅཨ་ཤགxཅཨ་ཤགས
ཤགས་xཅཨ་གྱང་ཤཨ་ཤཨ, ཤཨ་ཁཐ, ཁཐཐཀཨ
ཐིག་ཁཀ་ཏིག་ཐིག་ཤཐཨ་ཤཨ་ཤགས་ཀྱིང་
ཏིག་ཁཀ་ཀྱིང་ཏིག་ཁཐཨ་ཤཨ་ཐིགས་ཏིལ་ཐxཨ་ཤཨ
ཤིཀཨ་ཤཐག་ཁཀ་ཁཀ་ཐxག་ཤཐག་ཁཀ་ཤ.
ཤཨ་ཁཀ་ཐxཨ་ཁཀ་ཤགས་ཀ, ཤཐཨ, ཐxག, ཐཨག.
ཁཀ་ཁཀཨ་ཀྱཐཤཐཐ་ཀྱིག
ཁཀ་ཀིག་ཤགས་ཐxཨ་ཐxཨ་ཁག, ཀིག་ཤགས་ཤཐཐ་ཐxཨ་ཤཨ.
ཐxཨ་ཀྱ་ཐཀྱཨ་ཤགས་ཐཨཤ་xཅཐ་xཁཨ་ཤཐཐ་ཐག
ཐཤཤ་ཐཤ་ཐིག་ཏིག་ཐཨཤ་xཨ་ཟ

ཤཐཐ།

ཐxཨ་ཀྱ་ཐཀྱཨ་ཤཐཨ་ཀྱིང་ཐཨ་ཀིག་ཀིག་ཤགས
ཐིག་ཀྱིང་ཐཨག་ཁཐཨ་xཅཐ་xཅཨ་ཏིཅཨ་xཅཐ་ཐཨཤ
ཤཐཐ་ཤགས་ཐཨཤ་ཐཀཨ་ཤཐཨ་ཐཐ་ཀིག
ཐཨཤ་ཐཀཨ་ཤཐག་xཐཐ་ཤཐག་ཐིག
ཐཨཤ་ཐཀཨ་ཤཐཐ་ཐཀཨ་ཐཐག
ཏིཀིཏ་ཤཐག་ཐxཨ་ཤཐག་ཀྱ་ཤཨིཐ་ཤཐག
xཅཅ་ཤཐག་ཀིཐཨ་ཤཐག་ཐཨཤ་ཤཐཨ.

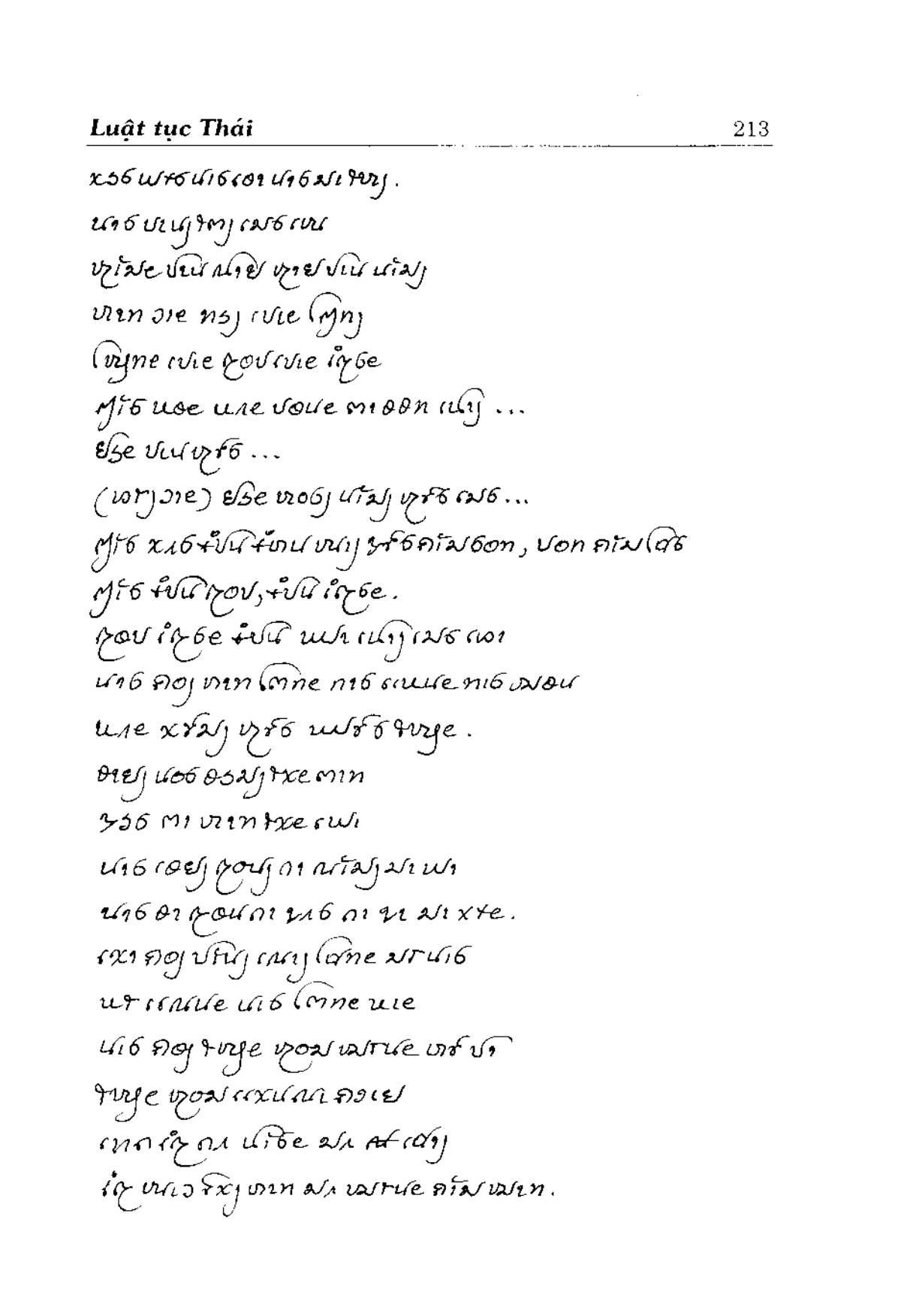

Trời mưa em đi học mang áo mưa cho anh
Anh đứng đợi em ngoài cổng trường
Đứng em chung chiếc áo tình thương
Bàn tay nhỏ nắm lấy bàn tay rộng
Mưa rơi nhẹ trên vai áo ướt
Em nhìn anh mỉm cười hạnh phúc
Anh che chở em bằng tất cả tình yêu
Yêu chân thành không vụ lợi
Mưa xóa nhòa dòng người đến rồi đi vội vã
Dòng nước mưa cuốn trôi đi hết những ưu phiền
Dòng nước mưa mang tình yêu chúng mình mãi mãi.

Vô tình !

Trong cuộc sống, mình, mình thôi, vẫn cuộc sống hối hả vẫn cứ trôi.
Mưa tạnh rồi ! Mưa hết rồi !

- Đi đi đi đâu vội vã
- Mà vội về cõi ! Mặt vội về đây !
- Mà vội về nhà ! Mặt vội về mặt
- Đường mình em xe anh vẫn anh đây

Vẫn thường xe đi đường mình
Mình cứ thế đi mà mình ngây.
Mình mình mình, mình mình, mình ơi, mình ơi, mình ơi, mình.
Trong mình, mình có mình, mình có mình, mình có mình.

ꪙꪱꪊꫀ ꪣꪱ ꪣꪶꪻꪀꪊꪖ ꪀꪖꪫꪫꪱꪙ ꪣꪶꪻꪀ ꪀꪖꪫꪫꪱꪙ ꪙꪱꪊꫀ ꪣꪱ

Rồi thôi mình mình thôi nhau
Mình như người dưng mình mới
Mai sau chồng con thêm bận lòng mình.
Rồi nhìn nhau nhìn nhau không nói nên lời
Mình thương nhau thôi nhưng sao vẫn
Phải nhìn nhau như sao mai.
Nhìn nhau mà mắt nhòe lệ đắng
Nhìn nhau nhưng mình không thấy
Mình ngày ngày ngày qua ngày
Mình đêm đêm đêm nhớ
Những mảnh vườn hoang nhiều đêm mình sẽ đến
Như người tình - người bạn.
Trời thương mình mình hãy nhớ giùm nhau
Xóa nhòa sự nhòa nhạt đi để ngày mai không phải nhìn
Nhau bằng ánh mắt xa lạ như chưa từng quen biết

* *
*

Sẽ không còn những mùa thu nữa
Những buổi chiều lang thang trên phố
Trên vỉa hè sẽ không còn những nụ
Những nhạc, những vần thơ mùa cũ
Mình sẽ không còn nhớ đến nhau nữa

ตามตำบล, ตามสายสาย, ขายถูกขายแพง.

ขายขายขายสายสาย.

นายบ้านนายเมือง

ใจดีเมตตา, ใจดีเอื้อ, ใจดีเห็นใจ, ใจดีสงสารเขา, ชอบช่วยเหลือใจ

ผู้คน

เขาอยู่เย็นเป็นสุข

เขาอยู่เขาเห็นเขาเอ็นดู

พ่อบ้านพ่อเมือง

พ่อบ้านพ่อเขา

ผู้ใหญ่บ้านผู้ใหญ่เมือง

ผู้ใหญ่บ้านผู้ใหญ่เขา (ขอ)

หมอใจดีผู้ดีขายขายหมอหมู่, ขายหมอผู้ดี, ขายหมอสงสาร, ขาย

หมอหมอ; ค้ำคูณขายใจดี.

เขาอยู่เขาอยู่เย็นขายขายหมอเห็นใจเขาเขา

ใจดีหมอค้ำคูณค้ำจุนหมอสงสารเขาอยู่เขากินเขาอยู่

นวดสงสารสงสารเห็นใจ

ปกป้องดูแลเย็นใจสอนสอนดูแล

สอนดูแลสอนดูแล.

ขยันสงสารเขาอยู่ขยันสอนเขา

ขยันดูแลเขาอยู่เขาเห็นใจเขาอยู่เขาเห็นใจเขาอยู่.

ม่าเยอ !

ดูรนะหูหรือรบะม่าดู, หาดูนนาหรือรบะนาด
ดูขนา ใหญ่ใหญ่กะพาม่าดู กะพะดูนาเขะเป็นเวะใจกะหญ่า กะพา
เอา นอะนะนาดะดูนาดูหาดใหรบะรูปดูกะรบะนาด กะดูหาดูนาดูกะพะ
ดูนาดูดู ใหรูปดูกะรบะรูปดูกะเขะ กะดูหาดูนาดูกะพะดูนาดูกะนะ.

ใหรบะ หอด นาด อะพะ ดูนาดูกะดูนา ดูนาดูกะดูนาดูกะดูนา ดูนาดูกะดูนา
นอะดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนา
เอา นอะ เป็นา ดูรนา ดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนา
นาดูนาดูนา

กะรูรนา กะดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนา
กะดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนาดูนา
ดูนา

ทง นอก ฮาย พ้อง บ่าว เจ้า

เอา ที่ บ่ ฮู้ ไป ไหน

ห้อย ตุ๊ก ตี ก่าย ดอก

ดอก เจ้า ตอง เจ้า นา

เจ้า ปาก ไม่ ซื่อ

ลาย ฮัก เจ้า เจ้า

ลาย ฮัก ดอก เจ้า

ถ้า ฮัก ก็ ฮัก ไป ฮัก ก็ ฮัก ก็ ไม่ ฮัก ก็ ไม่ ฮัก ก็ ไม่ ฮัก เอา

ก็ ไม่ ก็ ไม่ ก็ ไม่

ಕನ್ನಡ ಭಾಷೆ

I. ಭಾಷಾ ಲಿಪಿಯ ಸಂಕ್ಷಿಪ್ತ ಪರಿಚಯ.

ಭಾಷೆಯ ಮೂಲ ಜಾನಪದಗೀತೆಗಳು ಮತ್ತು ಮಾತಿನಲ್ಲಿ ಅಡಗಿದೆ. ಅದನ್ನು ಕಂಡುಕೊಳ್ಳಲು ಮತ್ತು ಅಭ್ಯಾಸ ಮಾಡಲು ಸಾಧ್ಯವಾಗುವಂತೆ ಮಾಡಲು ಸಂಗ್ರಹಿಸಿ ಪ್ರಕಟಿಸಲಾಗಿದೆ. ಇದರಲ್ಲಿ ಸಂಗ್ರಹಿಸಿದ ಹಾಡುಗಳು ಮತ್ತು ಕಥೆಗಳು ಸೇರಿವ

ꪮꪱꪗ ꪀꪮꪕꪱ ꪀꪾꪕꪱꪮꪕ ꪮꪱꪗ ꪮꪱꪕ
ꪀꪊꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪮꪕꪱ ꪀꪮꪗꪀꪱꪮꪗꪀꪱꪮꪕꪱꪗ
ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ
ꪀꪱ ꪮꪾꪕꪀꪱ ꪀꪾꪉ ꪀꪊꪱ ꪮꪾꪕꪮꪕ ꪊꪱ

Bài thơ này đã được dịch ra tiếng Việt

Những lời thơ dịch ra

Nhưng không thể dịch ra

Được những vần thơ không thể dịch.

Bởi những

Âm thanh không thể thiếu vắng trong

Được đọc lên, được nghe thấy

Được như một, được như hai

Được như ngàn ngàn tiếng vỗ tay

Bởi vì ở đó có

Những người đọc thơ

Những người nghe thơ

Những người đọc thơ và người nghe thơ

Cùng hòa nhập vào nhau

Cùng chia sẻ, cùng đồng cảm

Cùng thăng hoa, cùng bay bổng

Cùng đi tới những miền cảm xúc

Không có ranh giới

Không có biên giới

Không có ngôn ngữ

Không có dân tộc

Không có màu da

Không có giai cấp

Không có thời gian

Không có không gian

Không có quá khứ, hiện tại, tương lai

Không có sinh, không có tử

Không có hữu hình, không có vô hình

Không có cả cái không có

Không có !

Chỉ có

Có một thế giới

Thế giới của những tâm hồn

Những tâm hồn, những tâm hồn

Những tâm hồn không có bến bờ.

ਪਾਓਵ ਨਾਮ ਨਾਹਾਨ ਹਾਓਨ ਨਾਮ ਹਾਨ
ਪਨਾਮ ਨਾਓਨ ਮਾਹਾਨਾਓਨ ਪਾਨ ਮਾ ਪਾ
ਮਾਮਾਵ ਨਾਮਾਓ ਨਾ ਮਾ ਮਾਵ .
ਮਾਓ ਨਾਮਾਵ ਓਨਾਮ ਮਾਨ ਮਾਨ ਓਨਾਮਾਨ
ਓਨਾ ਮਾਓਵ ਨਾਮਵ ਪਾਓਵ ਮਾਵ ਪਾਓਵ ਨਾ ਮਾਨ ਪਾਓਪਾਨ ਮਾਨਾਨਾਨ
ਪਾਨ ਪਾਓ ਮਾ ਮਾਓਨ ਨਾਨਾਨ ਮਾਓਨ ਨਾਨ ਪਾਨ !
ਪਾਓਮਾਨ ਨਾਮਵ ਮਾਨਾ ਨਾਓਨ ਪਾਓਨ .
ਨਾਨ ਮਾਮ ਪਾਮ ਮਾਨ ਨਾਨ
ਪਾਨਾ ਨਾ ਪਾਨਾਵ ਨਾ ਨਾਨ ਨਾ ਪਾਨ ਨਾ ਪਾਨ ਨਾ ਪਾਨ
ਪਾਨ ਪਾਮ ਨਾ ਮਾਮ ਪਾ ਨਾ ਪਾਨ ਨਾ ਪਾਨ ਨਾ ਪਾਨ ਨਾ ਪਾਨ ਨਾ ਪਾਨ
ਪਾਨ ਪਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ
ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ
ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ
ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ
ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ

ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾ , ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ ਨਾਨ

ཡང་ཐེ་ཡང་ཀྱ་ཁྱོད་ནས་ཤོད།
ཡང་ཁོལང་ཁོ་བོས་གཅེས་ཡང་ཟེར་ཐེ།
ཡག་ཡོད་ཚེ་ཁྱོ་ཁྱོ་ཁྱོ་
ཐུགས་ཡོད་ཚེ་ཁོ་ ་ཁོ་ཀྱ།
གཡོ་ཀྱ་ཁྱ་ཁྱ་ཁྱོ་ཁྱོ་ཡོད།
ཤིག་ཀྱ་ཁྱ་ཐུགས་ཁོང་ཁྱོ།
ཤ་ཟན་ཡོད་ཀྱོ་ཁྱོ་ཁོས་ཐུགས་ཁྱོ་ཁྱོད་ཡོད་ཁྱོ་ཤིག་ཡོད
ཐུགས་ནས་ཡོད་ཁྱོད་ཤེས་ཡོད་ཤོག་ཁྱོ་ཁྱོད་ཤིག་ཡོད།
ཁོས་ཤོག་ཁོས་ཡོད་ཁོ་ཡོད་ནོ།
ཡོད་ཁོས་ཤིག་ཁོང་ཁོང་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཤིག་ཁོས་ཡོད་ཁོས་ཁོས་ཡོད་ཁོས།
ཁོས་ཡོད་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།
ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས་ཁོས།

ฝีกหมอเวง หอสู ผีหญิง เพื่อ กูขึดหญิงเวงพาไป.
หาๆ หมอ ตัวๆ หอสู เพื่อ ตูอย เอ็กไฟ ตัวๆ ปูกิ.
หาๆ หมอ ตัวๆ หอย ก็อๆ เพื่อ กูขึดก็อๆ ปอยๆ เอาขึดหอย มา.
(ถ้าย เวลาหย เอ็กไฟ ปอยๆ เอาขึดๆ เวงปูกิ เอาๆ หายหย:)
ผีหญิง หมอ เก็ลๆ หอสู เพื่อ xๆ เหอวๆ ขึดหมา เก็ลๆ ปูกิ
ฝีกหมอ หมอเวง หอสู ผีหญิง เพื่อ กูขึดก็อๆ เวงพาไป.
เวงๆ หอย ก็อๆ ยิดย ก็อๆ xกิยย xหมา.
เพื่อ เพื่อ ตูอย เพื่อ เอ็กไฟ หมอ เก็ลๆ ปูกิ ปีกิ เวงพาไป หมาๆ!
หยา เก็ลิ ลอยย xอๆ ปีกิ เอ็ก หาย หายๆ ปีกิ
ขอยหายๆ ผูๆ xเอ หยๆ หยๆ
เวง อยย ผู หายๆ หยย หายๆ เพื่อ
ทำๆ กาย หอยย หยย.
ทๆ เพื่อ หอยๆ ยา หอขอย ผีไฟย, หอยๆ xอ หายย เย!

ถ้าย เอๆ ทำๆ หอย, ยอปทำๆ ลอยย หยๆ, ผูยย xกย หยย ขอยๆ หาย หาย หอย หยย เอ็ก ผีขอย เอ็กๆ ลอยย หยย xอย อยย xอย ผู, เอๆ หยย ปีกิ เวง ปีกิ ๆๆ ทำๆ หอย ขอย หยย.

II. ปีกิหมอเวงหอสู, หายย หยาขอย.

ผีหญิงทำหอสูขอย เวงถาย: "อยย ผู, ผูกหมอปีกิๆ หยย ขอย เวง ปอย ทำๆ ลอย – ตัวๆ ลอยย หายย ลอยย ขอยๆ หยาย ผูหายย ปีกิหมอ ลอยย ลอยย ลอย ๑๐๐ ๑๐๐ ๑๐๐

ព្រះ ឃើញ ព្រះ .

ឥណ្ឌា ជឿជាក់ថា : "មាន ព្រះ តែ មួយ ប្រទេស ព្រះ តែ មួយ". ហើយ ដូច្នេះ ហើយ ការ ជ្រើសរើស ព្រះ ម្នាក់ ក្នុង ចំណោម ព្រះ ជាច្រើន ដែល មាន ។ ឧទាហរណ៍ : "ប្រទេស ព្រះ តែ មួយ", ព្រះ ដែល មាន ដូច ជា ព្រះ ដែល ជា ព្រះ ដែល មាន ក្នុង : "ការ ចម្រើន ឃើញ ចម្រើន ចំណេះ", ហើយ ការ ដែល ដូច ជា ការ ដែល ដែល ដែល

[illegible]

[illegible]

3. [illegible]

[illegible]

[illegible]

như vậy sao! Bạn bè thế thì mình mới có thể gọi là bạn bè được. Bạn bè là để giúp đỡ nhau, bạn bè là để chia sẻ với nhau những niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống, những lúc khó khăn hoạn nạn (tức), vững vàng.

Ba vẫn thường dạy con như thế đấy thôi, mà sao con lại làm ngược lại những điều ba dạy thế này? Con có thấy mình đã làm ba thất vọng không? Con có thấy mình đã làm mẹ buồn không? Con có thấy mình đã làm cho gia đình mất mặt với họ hàng không?

Con trai à, con là niềm hy vọng của ba mẹ, là người kế tục sự nghiệp của ba mẹ. Con là người thừa kế tài sản của ba mẹ. Con có biết không? Con là người thừa kế của ba mẹ. Chính vì thế mà ba mẹ rất kỳ vọng ở con

ꪙꪱꪊꫀ ꪣꪱ (ꪣꪱꪮ) ꪀꪙꪱꪣꪱ ꪣꪱꪙꪱꪀꪙꪱ ꪮꪊꫀ ꪙꪱꪊꫀ ꪱꪙ . ꪣꪱꪙꪱꪣꪱꪙꪱꪊꫀꪀꪙꪱ ꪱꪙꪱ ꪱꪙꪱꪊꫀ !

ꪱꪙꪱꪊꫀꪙꪱꪊꫀ:ꪱꪙꪱꪊꫀꪀꪙꪱꪀꪙꪱ ꪮꪙꪊꫀ ꪮꪊꫀꪙꪱꪊꫀ ꪮꪊꫀ ꪱꪙꪱꪊꫀ ꪙꪱ

ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་ཀྱི་ཐོག་ནས་"ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་ཀྱི་ཐོག་ནས་" ཞེས་པ་ལྟ་བུ་ནི་ཡིན་ཡང་ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་ཀྱི་ཐོག་ནས་ཀྱི་ཚིག་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་ཀྱི་ཐོག་ནས་ཀྱི་ཚིག་ཡིན་ཡང་།

ma mi̱ pha̱i lae hoṉ khe̱ṉ thu̱ ha̱ṉ ha̱ khamdi̱ mo̱ṉ ha̱ŋ̱ ha̱ŋ̱ ha̱ŋ

IV. VÀI NÉT VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA HAI

1. VÀI NÉT VỀ

Hai tác giả đã tìm hiểu về vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của Hai Tác giả đã tìm hiểu

ဟုတ်ဒွ် ဒးဘ် တာဟ် ဒွ်ဘ် ဟတ် ၅ဟ်ဒး ဟဒး xဒ် ဒွ်ဘ် . ဟဒ်ဘ် ဟိုင်ဒးတာ ဟဒ်ဒာ ဟဒ်, ဟဒ် ဒးတာဟ်ဒးတာ ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် ဒဒ်ဘ် ဟဒ်ဘ် ဒွ် ဒးဘ် ဒးတာဟ် ဒွ် . ဒးတာ ဟိုင်ဒး ၅ဟ်ဒာ ၅ဟ်ဒး ဒွ်ဒး, ဟဒ်ဘ် ဒးတာ ဒးတာ ဟတ်ဒွ် ၅ဟ်ဒး ဒွ်ဒး ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် xတ်ဒွ်ဘ် ဒွ်ဒး ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် ဟဒ်ဘ် ဒွ်ဒး ဒးတာ ဟိုင်ဒး ဟဒ်ဒာ ဒွ်ဒး, ဟိုင်ဒး ဒးတာဟ် ဒးဘ်, ဟိုင်ဒး ဒးတာဟ် ဒးဘ်, ဟိုင်ဒး ဒးတာဟ် ဒးဘ် ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် xဒ် ဒွ်ဘ် . ဟဒ်ဘ် ဒးတာ ဟိုင်ဒး ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် ဒးတာ, ဟဒ်ဒာ, ဟိုင်ဒး ဟဒ်ဒာ ဒးတာ ဟဒ်ဘ် ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် ဒးတာ ဟိုင်ဒး ဒးတာဟ် ဒးဘ် ဒးတာ ဟိုင်ဒး ဒးတာဟ် ဒးဘ် ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် ဒးတာ, ဟဒ်ဒာ ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် ဟဒ်ဘ် ဒွ်ဒး . ဟဒ်ဘ် ဟိုင်ဒး ဒးတာဟ် ဒးဘ် ဟဒ်ဘ် xဒ်ဒး ဒးတာဟ် ဒးဘ် ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် ဒ်ဒးတ်ဟ်ဘ် ဒ်ဒးတ်ဟ်

ଏହାର ସମସ୍ତ ସମସ୍ୟାର . ଆମ ଏଥି ପାଇଁ ଆମ ଦେଶର ଅନ୍ତିମ ଲକ୍ଷ୍ୟ, ଆମ ଏହି ଲକ୍ଷ୍ୟ ଆଡ଼କୁ, ଆମର ସମସ୍ତ ଶକ୍ତି ନେଇ... ଏଥିରେ ଆଉ, ଆମେ ଆମର ଦେଶର ଜନସାଧାରଣଙ୍କ ସମସ୍ତ ଅଧିକାର ଦେବୁ. ଆମେ ଏହି ପ୍ରତିଶ୍ରୁତି ଦେବୁ, ସମସ୍ତ ସମ୍ପତ୍ତି ନେଇ, ସମସ୍ତ ଆଡ଼, ସମସ୍ତ ଜଣେ ଯାହାକୁ ଆମ ଦେଶର ଅଧିକାର ଦେବୁ ଯେପରି ଆମେ ଆମର ଦେଶର ସମସ୍ତ ଜନସାଧାରଣଙ୍କୁ ଏହି ଅଧିକାର ଦେଇପାରିବା; ଆମ ସମସ୍ତ ଯେପରି ଆମର ଦେଶର ସମସ୍ତଙ୍କୁ . ଯେପରି ସମସ୍ତ ଆମ ଆମ ଦେଶ; ଆମ ସମସ୍ତ ଆମ ଯେପରି ଆମ ଦେଶ; ଆମ ସମସ୍ତ ଆମ ଦେଶର ସମସ୍ତଙ୍କୁ ଆମ ଦେଶର ଅଧିକାର ଦେବୁ ଏବଂ ଆମ ଦେଶର ସମସ୍ତଙ୍କୁ...

ସମସ୍ତଙ୍କ ମା ଯେପରି

ମା ହିଁ ଆମ ସମସ୍ତଙ୍କ ଜୀବନରେ, ଯିଏ ଆମକୁ ଜନ୍ମ ଦେଇଛି, ଆମ ପାଇଁ ଯାହା କିଛି ଆମେ ଆମ ମା ଙ୍କୁ ଦେଇ ପାରିବା ତାହା ଆମ ଜୀବନର ଏକ ଅତି ଛୋଟ ଅଂଶ. ଏହାଠାରୁ ଅଧିକ ଆମେ ମା ଙ୍କୁ ଦେଇପାରିବା ନାହିଁ. ଆମ ମା ଯେପରି ଆମ ପାଇଁ . ଏହାର ଅର୍ଥ ଆମେ ଆମ ମା ଙ୍କୁ ଯାହା ଦେଇପାରିବା ତାହା ଆମ ମା ଙ୍କୁ ଦେବା ଉଚିତ୍ ନୁହେଁ. ଏହା ଆମ ମା ଙ୍କୁ ଦେଇପାରିବା ଆମ ଜୀବନର ଏକ ଅତି ଛୋଟ ଅଂଶ, ଯାହା ଆମେ ଆମର ଦେଇପାରିବା ଆମ ଜୀବନର ଏକ ଅତି ଛୋଟ ଅଂଶ. ଆମେ ଆମ ମା ଙ୍କୁ ଯାହା

ตำนานกล่าวว่า เมื่อพญาเจ้าเมืองเชียงแสนได้ยกทัพมาตีเมืองเชียงใหม่ ทางเชียงแสนได้ส่งสารมาถึงพญาเจ้าเมืองเชียงใหม่ว่า

"ท่านเป็นเจ้าเมืองเชียงใหม่ใช่หรือไม่
เหตุใดท่านจึงมาตั้งทัพอยู่ที่นี่?
ท่านมีความประสงค์สิ่งใดจึงมาที่นี่!
ถ้าเราชนะ เราจะได้ครองเมืองนี้.
ถ้าท่านชนะ ท่านจะได้ครองเมืองนี้
เราทั้งสองจงมาต่อสู้กันเถิด
ถ้าเราชนะ เราจะได้ครองเมืองนี้
ถ้าท่านชนะ ท่านจะได้ครองเมืองนี้
ขอให้ทหารทั้งสองฝ่ายอย่าได้ทำร้ายกัน
ขอให้ประชาชนทั้งสองเมืองอย่าได้ทำร้ายกัน
ขอให้ทหารทั้งสองฝ่ายจงมาต่อสู้กันที่ทุ่งนาเถิด
ถ้าเราชนะ เราจะได้ครองเมืองนี้
ถ้าท่านชนะ ท่านจะได้ครองเมืองนี้
ขอให้ทหารทั้งสองฝ่ายอย่าได้ทำร้ายกันเลย
ขอให้ประชาชนทั้งสองเมืองอย่าได้ทำร้ายกันเลย

ฉันคิดถึงเธอเหมือนเมื่อครั้งที่เราเคยอยู่ด้วยกัน?
ความรักของเราความรักของเรา!
ความรักเหมือนดวงอาทิตย์ดวงหนึ่งที่ส่องแสง.
เมื่อเธอโกรธเธอก็ดึงดันเอาแต่ใจ
เมื่อเธอหงุดหงิดเธอก็ทำให้ฉันเจ็บปวด
ทำให้ฉันต้องร้องไห้ด้วยความเสียใจ
เมื่อพวกเขาเอาแต่พูดว่าเราไม่เหมาะสมกัน
เธอก็ทำให้ฉันรู้ว่าฉันจะต้องสู้เพื่อความรักของเรา.
ทำให้ฉันรู้ว่าฉันจะไม่ยอมแพ้.
ความรักของเราความรักของเรา
ความรักเหมือนดวงอาทิตย์ดวงหนึ่งที่ส่องแสง
ความรักเหมือนดวงอาทิตย์ดวงหนึ่งที่ส่องแสง
เธอก็ทำให้ฉันรู้ว่าเราจะต้องเอาชนะ
ที่ว่าคนอื่นว่าเราจะต้องแยกจากกัน
เพราะเราต่างก็รักกันมาก
เหมือนที่ว่าคนอื่นว่าเราไม่เหมาะสมกัน
เราจะต้องต่อสู้กันเพื่อความรักของเรา
เหมือนกับที่ฉันรู้ว่าเธอก็รู้ว่าฉันจะไม่ยอมแพ้.?
ความรักของเราความรักของเรา
ความรักเหมือนดวงอาทิตย์ดวงหนึ่งที่ส่องแสง
ที่ทำให้เราต่างก็ต้องเอาชนะ
ความกลัวและความสงสัยทั้งหมดที่เราเคยมี
เราจะต้องเอาชนะมันไปให้ได้ด้วยความรัก

ผ้อ๋ง เฮาอ๊ะ ซ่ม เกาะ ปี๋ ปี๋ ซา
ตาอ๊ะ เจ๋ เฮา ซอ, ซา สิ ซอ
เฮา อ๊ะ ซ่ม ก้าว ซา อ๋ ปู่ ปู่ เฮาอ๊ะ เฮาอ๋ซอ.
ซ้ำ ปี เฮาอ๋ ซา ซา ซุ๋ เฮา เจ๋ ปู่ ซอ ปู่ เฮาอ๊ะ เฮาอ๋ซอ?
ตาอ๊ะ เฮอ๊ะ ซา ตาอ๊ะ เฮอ๊ะ
เจ๋ อ๋ ซอ ปู่ เจ๋ อ๋ ซอ ปู่
เจ๋ อ๋ ซ่ม ซา
ปู่ ซา เปิ๋ ซ่ม ซา ซอ เปิ๋ ซา เฮา.
ซ่ม เฮา ปู่ เจ๋ อ๋ ซ่ม เฮา ปี๋ เฮา ซา ซ่ม เฮา ปู่ ซา
ผ้า ซา ซอ ปู่ ซ่ม ก้าว ซา ปู่ ซ่ม ซา ซ่ม เฮา
เฮา ปี๋ ซา เฮา ซ่ม ซอ ซ่ม ซอ ซ่ม
ซ้ำ ซุ๋ ซ่ม เฮา ซอ ซ่ม ซ่ม ซ่ม เฮา ซา ซอ ซา
เฮา เฮา ซ่ม เฮา ซ่ม ซ่ม ซ่ม ซ่ม ซา.
ซ่ม ซ่ม ซ่ม ซ่ม

Vùng đồng xứ Đoài mây trắng nhớ thương người đi cách trở:

Ai về... Thôn Vĩ Dạ, hỏi người mắt lá bàng
Thôn Vĩ Dạ, nhìn nắng hàng cau mắt lá vườn.
Thôn ngập lối, đường chia phôi thôn Vĩ
Dạ hàng cau xanh bạt ngàn thôn Vĩ.
Mướn gió cho người lên đồng thôn Vĩ hỡi.
Sông trong lạnh lẽo đò ai nhịp chèo
Thuyền ai có chở trăng thôn Vĩ chở
Gió theo lối gió mây vướng mãi
Ai biết tình ai có đậm vì ai
Ai có chờ ai bến sông trăng đợi
Ai có đợi ai thuyền về nước lại
Sao anh không về chơi thôn Vĩ !
Gió mưa thì về chẳng lẽ
Gió mưa ai về ! Sao không về
Gió mưa ai về ! Sao không về
Gió mưa ai về thuyền ai về bến nước
Gió mưa ai về thuyền ai về chợ
Ai về thôn Vĩ ! Nhìn sao nhớ người nhớ nghĩa xưa.
Ai về nhớ chăng ! Nhớ người sương nhớ nhớ người ta
Nhớ người mắt ngọc long lanh sầu lắng
Nhớ dáng hình thôn Vĩ thuyền ai
Nhớ áo trắng tà huy duyên dáng
Nhớ nón bài thơ ai thấp thoáng
Ai về thôn Vĩ nhìn nắng hàng cau
Nắng mới lên vườn ai mướt quá
Nắng chang chang vườn ai mướt quá
Lá trúc che ngang mặt chữ điền

ꪎꪸꪉ ꪙꪱꪎꪊꪖꪀ ꪕꪱꪎꪊ ꪙꪖꪎ ꪎꪸꪉ ꪙꪖꪀ
ꪎꪸꪉ ꪖꪎꪀ ꪖꪀ ꪎꪸꪉ ꪎꪖ.
ꪙꪊ ꪖꪎꪉ ꪙꪖꪉ ꪎꪖꪀꪇ ꪙꪖꪀ
ꪙꪱꪀ ꪖꪎꪉ ꪙꪖ ꪎꪖꪀ ꪙꪖꪉꪎ
ꪖꪎꪉ ꪙꪱꪎ ꪖꪎꪉ ꪙꪖꪉꪉ ꪎꪖꪀ ꪎꪱꪀ ꪎꪸꪀ ꪎꪖꪀ ꪖꪎꪉ ꪖꪎꪉ
ꪖꪇꪇ ꪖꪉꪖꪀ ꪙꪖꪕꪇ ꪙꪖꪉꪉ ꪖꪎꪉ ꪖꪉꪖꪀ ꪖꪇꪇ ꪙꪖ ꪎꪱꪉ ꪎꪸꪀ ?
ꪖꪇꪇ ꪖꪉꪖꪀ ꪙꪖꪀꪇ ꪙꪖꪎ ꪙꪖꪇ ꪖꪀꪇ ꪎꪖꪀ ꪎꪸꪀ ꪙꪖꪉꪉ ꪙꪖꪀ ꪎꪸꪀ ꪙꪖꪉꪉ ?
ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪀ ꪙꪖꪀꪇ ꪙꪖꪎ ꪙꪖꪇ ꪖꪀꪇ ꪎꪖꪀ ꪎꪸꪀ ꪙꪖꪉꪉ ꪙ

Mẫu như: "Tổng Thống Ngô Đình Diệm" mọc thẳng đứng thành một hàng dọc trên mặt báo, hoặc trên màn ảnh rộng rãi trước công chúng. Mặt mũi sáng sủa, mắt mở to nhìn thẳng về phía trước:

- Như thế nào gọi là "Tổng thống" mọc thẳng đứng thành một hàng dọc? Tôi không biết. Nhưng tôi đoán rằng: Tổng thống là người đứng đầu một nước, là người lãnh đạo một nước, là người có quyền hành cao nhất trong nước. Tổng thống là người có quyền ra lệnh cho mọi người phải làm theo ý mình. Tổng thống là người có quyền bắt người khác phải làm theo ý mình. Tổng thống là người có quyền bắt người khác phải chết theo ý mình. Tổng thống là người có quyền bắt người khác phải sống theo ý mình. Tổng thống là người có quyền bắt người khác phải đứng thẳng như cây dừa, cây thốt nốt, cây cau, cây bắp.

- Như thế nào là "Tổng thống" mọc thẳng đứng thành một hàng dọc? Không biết. Nhưng tôi đoán: Tổng thống là người đứng đầu một nước, là người lãnh đạo một nước, là người có quyền hành cao nhất trong nước, là người có quyền ra lệnh cho mọi người phải làm theo ý mình, là người có quyền bắt người khác phải làm theo ý mình, là người có quyền bắt người khác phải chết theo ý mình, là người có quyền bắt người khác phải sống theo ý mình, là người có quyền bắt người khác phải đứng thẳng như cây dừa, cây thốt nốt, cây cau, cây bắp.

- Như thế nào là "Tổng thống" mọc thẳng đứng thành một hàng dọc? Không biết. Nhưng tôi đoán: Tổng thống là người đứng đầu một nước, là người lãnh đạo một nước, là người có quyền hành cao nhất trong nước, là người có quyền ra lệnh cho mọi người phải làm theo ý mình, là người có quyền bắt người khác phải làm theo ý mình, là người có quyền bắt người khác phải chết theo ý mình, là người có quyền bắt người khác phải sống theo ý mình, là người có quyền bắt người khác phải đứng thẳng như cây dừa, cây thốt nốt, cây cau, cây bắp.

206 - Những mẩu chuyện thần thoại Hy Lạp:

ꪖꪱꪶꪫꪾꪉꪊ ꪖꪱꪶꪫ ꪎꪱꪶꪫ ꪖꪱꪶꪫ, ꪀꪫꪎꪫꪱꪶꪫ ꪎꪱꪶꪫ ꪀꪫꪉꪫꪱꪶꪫꪖꪱꪶꪫꪎꪱꪶꪫꪀꪫꪉꪫ ꪒꪫꪱꪶꪫ ꪀꪫꪉꪫꪱꪶꪫ ꪖꪱꪶꪫꪖꪱꪶꪫ ꪎꪱꪶꪫꪎꪱꪶꪫ . ꪀꪫꪱꪶꪫ ꪀꪫꪉꪫꪱꪶꪫ ꪀꪫꪉꪫꪱꪶꪫ ꪖꪱꪶꪫꪖꪱꪶꪫ ꪎꪱꪶꪫꪎ

ཁ་ཤས་ཡོད། ཁ་ཤས་ནི་ཁྱོད་ཀྱི་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་ཡིན་ཏེ

ปากไม่เว้น.

ของกินของเล่นของหวานที่พ่อแม่ซื้อให้ลูกกินนั้น ลูกต้องแบ่งให้ผู้อื่นกินด้วย อย่าเห็นแก่ตัวกินคนเดียว ถ้าลูกไม่แบ่งให้ผู้อื่นกิน ลูกจะเป็นคนขี้เหนียว ขี้งก ขี้ตระหนี่ ไม่มีใครคบหาสมาคมด้วย ลูกจะอยู่ในสังคมไม่ได้ ต้องอยู่คนเดียวเดียวดาย ไม่มีเพื่อนเล่นด้วย ลูกต้องรู้จักแบ่งปันให้ผู้อื่นกินด้วย ลูกจึงจะเป็นที่รักของคนทั่วไป.

ของกินของเล่นที่ลูกได้มาจากการขอพ่อแม่ซื้อให้ หรือได้มาจากการที่ผู้อื่นให้ ลูกต้องรู้จักแบ่งปันให้ผู้อื่นกินด้วย อย่าเห็นแก่ตัวกินคนเดียว ถ้าลูกไม่แบ่งให้ผู้อื่นกิน ลูกจะเป็นคนขี้เหนียว ขี้งก ขี้ตระหนี่ ไม่มีใครคบหาสมาคมด้วย ลูกจะอยู่ในสังคมไม่ได้ ต้องอยู่คนเดียวเดียวดาย ไม่มีเพื่อนเล่นด้วย ลูกต้องรู้จักแบ่งปันให้ผู้อื่นกินด้วย ลูกจึงจะเป็นที่รักของคนทั่วไป. ถ้าลูกไม่ทำตามที่พ่อแม่สั่งสอน ลูกจะเป็นคนดื้อ ไม่เชื่อฟังคำสั่งสอนของพ่อแม่ ลูกจะเป็นคนที่ไม่ดี ไม่มีใครรัก

ปีกเทวดาอยู่เหนือหัว, ปีกหมาอยู่เหนือเอว
ปีกเหนือขาขวาของเขาเหยียบอยู่บนขาซ้าย
ผมสีทองอร่ามงามบนหัว
เหนือผมเขาสวย, สีทองของผมเขาสวย.
ผมปกคลุมเหนือไหล่เหยียดยาว
ปลายยาวของผมเขาแตะบนสันหลังเขาเป็นระยะ.
ผมก้นของเขาหนาใหญ่
หอก, ดาบ, หน้าไม้, ธนู
ผมก้นของเขาเต็มไปด้วยอาวุธ
ผมเขียวของเขาสวย ดังใบ, ปีกปีกของเขาสวย
ดวงตาของเขาเป็นสีเขียวเหมือนกับใบไม้ ดังหญ้าอ่อน
ยามเขียวยามเขาเป็นสีเขียวเข้ม ดังเขียวเหมือนสีของน้ำทะเล
ยามเขียวยามเขาเป็นสีเขียวอ่อน ดังเขียวเหมือนสีของท้องฟ้า.
ยิ้มยามเขาเหมือนดอกไม้บาน
ยามเขาหัวเราะเสียงของเขาดังเหมือนเสียงน้ำตก
ยามเขาพูดเสียงของเขาเหมือนเสียงดนตรี
ดังเสียงของนางฟ้าในสวรรค์.
ยิ้มยามเขาเหมือนดอกไม้บาน
ยามเขาหัวเราะเสียงของเขาดังเหมือนเสียงน้ำตก
ยามเขาพูดเสียงของเขาเหมือนเสียงดนตรี
ดังเสียงของนางฟ้าในสวรรค์.

ผมเป็นเทวดา!
ผมมีปีกสีทองอร่ามงามเหนือหัวเหนือเอว.
ผมสามารถบินได้ทุกที่ที่ผมต้องการ.
ผมสามารถมีชีวิตอยู่ได้ตลอดไปโดยไม่ต้องตาย
ผมมีความสุข.
ผมมีเพื่อนที่ดีมากมายที่ผมรักและที่รักผมเช่นกัน
ผมมีความสุขมาก.

ถ้าคน ตายดี ผู้เป็นใจดี ก็เอาศพ ขึ้นวางบน
ม้า ให้ถือ เป็นหลัก ของผู้ ตายดี
ม้า ตายร้ายกาจ นอนตาย ให้ถือ นอนตาย ก็ได้.
ม้า เป็นใจดี ถือเป็นคุณ ก็ดี ม้าดี ขึ้นดี.
ม้า ถ้าคน เป็นคน ถ้าคน ก็ไม่ ตายดี
ม้า ตัว เป็น ตัว เป็น ก็ไม่ ตายดี เช่น
ม้า เกิดมาชาติ ตายดี เกิด ตาย ตาย ตัว
นาค ปู่ก็ ตาย ม้า ถอย ถอย ตาย
นาค ตาย ตาย ม้า ถอย ปู่ก็
ม้า นำไม้ขนาน ตาย ลง, ม้า ถอย ตาย ก็ลง ถอยกลับ
ม้า ถ้วยดี ตายดี, ถ้วยดี ตายดี ก็ดี เกิดม้า
ม้า ตายดี ตายดี ก็ดี เกิดม้า ตาย.
ม้า ผู้ ถึง ตาย ถึง ตาย ถอย
ม้า ใจ ถ้วยดี ถึง ถึง
ตาย นาค ม้า ม้า ผู้
ถอย นาค ผู้ ม้า ตาย
ม้า ม้าดี ม้า ม้า ถึง ตาย ถอย
ถ้วยดี ถ้วยดี นาค ผู้ ถึง ตาย ถึง ตาย ถอย ตาย ผู้
ม้า ตาย!
ถอย ผู้ ผู้ ม้า นาค ผู้ ถึง ตาย
นาค ตาย ตาย ตาย, นาค ตาย ตาย, ใจ ตาย ตาย, ม้า ตาย ถึง ตาย
ตาย.
ตาย ถึง ถึง ตาย ตาย ตาย ผู้, ตาย ตาย, นาค ตาย.

Mong được gặp lại nhau trước khi chết, mình còn nhiều điều muốn nói:
Chồng, nhớ, giữ, con, cháu khỏe
Xây xong nhà . nhớ, được thư trả lời ngay.
Bạn nhớ thông nhé thương
Mong tin xây nhà nhớ nhớ
Nhiều nơi nhiều phương, nhưng sao bằng mong
xây thư nhớ, mong thư trả, chúc nhé được nhé.
Nhớ được gặp thư nhớ nhớ nhiều như Bộ đội Hồ Chí Minh Bộ đội

nhớ

xóc chí mong , thương thư chí trả.
nhớ Bộ nhớ thông thắm nhớ thương Bộ?x
nhớ thông thương nhớ thông được
nhớ Bộ nhớ thắm thương thư chí, thắm nhớ thư thương.
thương trong mong thương thư chí, trong thương nhớ thương

nhé

nhớ thư mong thư tốt thư nhớ
xong xây mong được chí thư
hạnh phúc đến đến nhớ Bộ nhớ thương thắm nhớ thông

Những điều bác muốn biết

Xin nhớ!

nhớ thư nhé được nhé gì Bộ Hồ Chí Minh sau về
trước tiên Bộ nhớ được nhé, Bộ; thông, thư; thông xe, thông thư;

ทะเบียนเกิด.

เมื่อพ่อแม่มีลูกเกิดมา ต้องไปแจ้งเกิดที่อำเภอภายในสามสิบวัน
นับแต่วันเกิด ถ้าเกินกำหนดนี้ไปแล้ว ต้องเสียค่าปรับ
ตามกฎหมาย ถ้าไม่ไปแจ้งเกิดเลย ก็ต้องเสียค่าปรับมากขึ้น
ตามลำดับ ถ้าไม่ไปแจ้งเกิดเลยจนลูกโตขึ้น ก็ต้องเสียค่าปรับ
มากขึ้นอีก

"Phía sau lưng thuyền vắng
Ai chèo mái nhỏ vắng theo
Ngồi thì thôi trông trăng trăng mãi vẫn trăng trăng
Vẫn vậy vẫn vẫn thôi
Mai thôi mai lại đợi chiều hôm trông trăng lên đầu non
thuyền theo thuyền theo mà mai thuyền vẫn mãi mãi đợi
nhớ mãi vẫn mãi.
Trăng ơi ngoài , trăng ơi hỡi
Nhớ ta đi mau, xin đừng để thuyền thuyền ngoài
vắng.trong mênh mông lưng trăng nhớ nhau bến
mãi lặng mãi mãi nhớ trăng ngoài mãi
mãi ngoài nhớ thuyền
vắng sang trong ngoài thuyền ơi nhớ ta nhớ
ngồi trong ngồi trong nhớ ngồi sau lưng trăng
trăng nhớ nhớ mãi, nhớ mà nhớ
xóm mà mãi, nhớ mà nhớ sang sông-thuyền sang sang
thôi nhớ ta ngoài sau trăng vắng mà
mà trăng ngoài
mơ trong ngoài thuyền mãi, mà trong ngoài thuyền thuyền trong

vắng

ta mà nhớ thuyền, nhớ thuyền vẫn
mãi trong thuyền mà, vắng trong thuyền ta.

เมีย ห้องใจ ห้องใจ ขันเจ้าขันเรือน ห้องใจ เมีย ขวัญ
ญาติ เกิด เมีย เสียชีวิต หมอ เสียชีวิต ก็ต้อง
ผู้ชาย ขึ้นเรือน แต่งงาน ห้องใจ ห้องใจ ผู้ชาย ต้องเข้าไปอยู่ ในบ้าน
ฝ่ายหญิง.

เจ้าบ่าว ถาม !

ปีนี้ เมื่อใด ดีจึงจะ , ปีนี้ ปีหน้า ดีจึงจะ
ปีนี้ ปีหน้า ปีนี้ ก็ได้
ปีนี้ ปีจอ ปีหน้า ปีนี้ ก็ เหมาะ
ขอให้ พี่เจ้าสาว เห็นชอบ ผู้ชาย ก็ออกไป เหมาะ ออกไป เลย.
ผู้ชาย ขาย ขึ้นไป ขึ้นบ้าน เห็นชอบ ก็ขายออกไป, ขอบ ก็ได้ ไม่ได้.
ถ้าหาก เมื่อ เจ้าบ่าว ถาม ก็ต้อง ก็ได้ยินออกไป, ขอบ ก็ได้ ไม่ได้.
ถ้าหาก เมื่อ ขวัญ เมื่อ เมื่อก่อ
ขาดเจ้า เขาจึง ออกไป เจ้า ก็ต้อง ก็ได้ ไม่ได้ ก็ต้อง ก็ได้ เลย.
ขาดเจ้า ขาดเจ้า ขาดเจ้า ขาดเจ้า ขาดเจ้า ขาดเจ้า ขาดเจ้า ขาดเจ้า

ལྷན་གཅིག་ཏུ་ཡོད་པས།

གཙང་ཁའི་ཐལ་མོ་ཤོར།

ཁོང་ཁྲོས་ཤིང་ཁྲེལ་ཡོད།

ཕྱིས་ཁྱེད་ཀྱིས་ཁྱེད་ཤས།

ཕོ་ཉའི་ཁ་ཏགས་ཀྱིས་ཤངས་ཀྱི་ཐུག་ཏུ་ཐལ་ཞིང་།

ཞེས་ཤེས།

ལྷན་གཅིག་ཏུ་ཡོད་ཀྱིས།

ཤེས་ཀྱི་ཚེ་ཐུག་ཏུ་ཐལ་ཞིང་།

ལྷན་གཅིག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཡིན་ལ་ཁོང་ཚོ་ཤེས་ཀྱི་ཡིན་ཞེས་ཤེས་ཤིང་།

ཐལ་ཞིང་ཤེས་ཤེས་ཀྱི་ཁོང་ཚོའི་ཁྲོས་ཤིང་ཁྲེལ་ཡོད་ཀྱི་ཡིན་ཞེས་ཤེས་ཤིང་།

ཡང་ཁྱེད་ཀར་ཁྱེད་ལ་ཤངས་ཤེས་ཁྱེད་ཀྱི།

ཕྱིས་ཁྱེད་ཀྱིས་ཁྱེད་ཀའི་ཤེས་ཤིང་ཤེས།

ཕྱིས་ཁྱེད་ཤེས་ཀའི་ཤེས་ཤིང་ཤེས་ཤེས་ཤེས།

ཤེས་ཁྱེད་ཤེས་ཤེས་ཤེས་ཤེས་ཤེས་ཁྱེད།

ཤེས་ཤེས་ཤེས་ཤེས་ཤེས་

ขึบบ่ ๑๑๘ ๑๙ ๑๑๘ ๑๑๓ ๓๑๙ ๒๕๔.

๓๑๙ ๒๕๔ ๒๓๓ ๑๑๘ ๓๑ ๑๐๓ ๑๗๖ ๑๑๘ ๒๑๔๗ ๒๐๑

๓๑๑๔ ๓๑ ๗๒๔ ๓๑๔๔ ๑๐๐๓ ๑๓๕๑, ๓๑๑๑ ๑๑๔๔ ๗๑ ๑๑๔๗

๑๑๔๔ ๗๑ ๒๗๑ ๑๗๖ ๑๑๔๔ ๓๑๙ ๗๒๔ ๒๓๓ ๗๑๔๔ ๓๓๔ ๒๗๑๔ ๗๑๔๔ ๒๗๑๔

๓๒๗ ๔๗๖ ๓๑๐๗ ๑๓๑๗ ๑๗๑ ๑๓๐๗ ๑๑๑

๑๗๖ ๗๐๗ ๗๒๔ ๓๑ ๐๐๗ ๔๗๑ ๔๗๑ ๑๗๖

๑๗๖ ๓๓ ๗๒๔ ๑๑๔ ๐๔ ๓๓ ๐๐ ๒๑๐ ๑๗๑ ๑๗๑๔ ๑๗๑ ๑๗๖

๑๑๐ ๑๑๐

๑๗๖ ๗๒๔ ๑๗๑ ๐๔ ๓๓ ๐๐ ๒๑๐ ๑๗๑ ๑๗๑๔ ๑๗๑ ๑๗๖

๑๗๖ ๓๓ ๗๒๔ ๑๑๑๔ ๑๓๑ ๑๗๑๔

๑๓๑ ๓๓๔ ๑๐๗ ๓๓๗ ๑๗๖๓๔ ๑๐๗๔

๑๓๑ ๓๓๔ ๑๐๗ ๓๓๗ ๑๗๖๓๔ ๑๐๗๔

๑๗๖ ๑๐๗ ๑๑๗ ๑๗๖ ๑๗๖ ๑๓๔ ๑๐๗๔ ๑๗๖ ๑๗๖

๑๗๖ ๑๐๗ ๑๗๖

ꦲꦭꦶꦩꦸꦭꦭꦃ

ꦏꦺꦴꦩꦺꦴꦭꦸꦭꦸꦃ ꦲꦴꦤꦺꦴꦱ꧀ ꦥꦂꦮꦗ꧀ ꦲꦂꦤꦸꦃ ꦲꦴ ꦲꦴꦤꦺꦴꦏꦴ ꦲꦴ ꦏꦱꦺ
ꦏꦺ ꦲꦴꦤꦺꦱ꧀ ꦏꦴꦤꦺꦂꦱꦺꦴꦗ꧀ ꦏꦱ꧀ ꦏꦴꦱꦺꦴꦏꦴ .
ꦏꦺ ꦲꦭꦺꦴ ꦏꦺ ꦲꦴ ꦤꦺꦴꦗ꧀ ꦤꦸꦃ ꦤꦸꦃ ꦤꦸꦃ ꦤꦴ
ꦤꦶꦥꦺ ꦏꦴꦲꦺꦭ ꦏꦱ꧀ ꦲꦴꦥꦶ ꦏꦸꦤꦶꦥꦺ ꦤꦶꦥꦺ
ꦲꦴꦲꦺꦴ ꦤꦶꦗ꧀ ꦏꦤꦴ ꦲꦭꦤ ꦭꦸꦥꦺ ꦤꦶꦥꦺ ꦤꦶꦏꦴꦱꦺ ꦤꦺꦴ
ꦥꦺꦴꦏ ꦏꦴꦱꦺ ꦥꦺꦴꦏꦴꦱꦺ ꦲꦴꦁ ꦱꦺꦴꦲꦺ ꦲꦴꦲꦺꦴ ꦗꦴꦁ ꦲꦴꦤ ꦲꦺꦴ ꦲꦴꦗ
ꦏꦱ꧀ ꦲꦴ ꦲꦺꦴꦩꦺ ꦲꦴ ꦲꦴ
ꦲꦺꦴꦤ ꦗꦴꦤ꧀ , ꦏꦴꦤ꧀ ꦲꦺꦴꦤ
ꦲꦭꦺ ꦲꦺꦴꦲꦺꦗ꧀ , ꦲꦺꦴꦗ꧀ , ꦲꦺꦴꦩꦺ
ꦗꦴꦲꦺꦗ꧀ ꦥꦺꦴꦁ , ꦲꦴꦤ꧀ ꦲꦺꦴꦭ ,
ꦗꦴꦲꦺꦗ꧀ ꦲꦺꦴꦏ , ꦲꦴꦤ꧀ ꦱꦺꦴꦗ꧀
ꦤꦶꦥꦺ ꦲꦺꦴꦁ , ꦲꦏꦺ ꦲꦴꦱꦺꦴꦥꦺ
ꦤꦺꦴꦥꦺ ꦲꦴꦤ꧀ ꦤꦺꦴꦥꦺ ꦤꦶꦥꦺ ꦏꦺꦴꦲꦺꦗ꧀ ꦲꦴ ꦲꦺꦴꦱꦺꦴꦏꦴꦲꦺꦭꦴꦭ
ꦲꦺꦴꦁ ꦗꦴꦲꦺ ꦲꦴꦤ꧀ ꦲꦴꦤ꧀ ꦲꦴꦤ꧀ ꦤꦶꦥꦺ ꦤꦺꦴꦥꦺ ꦲꦺꦴꦁ ꦲꦺꦴꦲꦺꦴꦏꦴꦲꦺꦭꦴꦭ ꦲꦺꦴꦁ.
ꦥꦴꦁ ꦲꦺꦴꦥꦺ ꦲꦺꦴꦤ꧀ ꦲꦴꦱꦺ.
ꦲꦺꦴꦲꦺ ꦲꦺꦴꦁ ꦲꦺꦴꦁ ꦏꦴꦗꦺ
ꦏꦺ ꦲꦺꦴꦗꦺ ꦲꦴ ꦲꦺꦴꦲꦺ ꦲꦴ ꦲꦺꦴꦲꦺꦴ ꦲꦺꦴꦗꦺ ꦲꦺꦴꦗꦺ ꦲꦴꦁ
ꦲꦺꦴꦲꦺ ꦲꦺꦴꦲꦺ ꦲꦺꦴꦁ ꦲꦺꦴꦗ꧀ : ꦲꦺꦴꦗꦺ ꦲꦺꦴꦁ, ꦱꦺꦴꦏꦴ, ꦥꦸꦂꦏꦺꦴ ꦏꦺꦴ
ꦗꦴꦲꦺꦗ꧀ ꦏꦴꦗꦺ ꦲꦴꦤ

ꦭꦴꦤ꧀ ꦭꦴꦲꦺ , ꦭꦴꦲꦺ ꦲꦴꦤ ꦲꦴꦱꦺ ꦤꦸꦂꦗꦺ ꦥꦴꦁ ꦭꦺꦴꦁ
ꦤꦶꦥꦺ ꦲꦺꦴꦃ ꦲꦴꦤ꧀ ꦭꦴꦁ ꦲꦴꦲꦺ ꦗꦴꦲꦺꦤ ꦗꦴꦲꦺꦤ꧀ ꦲꦴꦱꦺ ꦲꦴꦤ꧀ ꦱꦺꦴꦗꦺ ꦭꦺꦴꦁ
ꦲꦺꦴꦤ꧀ ꦲꦴꦤ꧀ ꦲꦴꦱꦺ ꦲꦴꦤ꧀ ꦲꦴꦤ꧀ ꦲꦴꦤ꧀

ขึดเผ่าพันธุ์ "ลูกผู้ชายไทย"

ก็มีการโอ้อวดว่าตนเองมีความสามารถมากกว่าคนอื่นๆ ในเรื่องการดื่มเหล้า ถ้าใครดื่มได้มากกว่าก็ถือว่าเป็นลูกผู้ชายที่แท้จริง ส่วนคนที่ดื่มได้น้อยกว่าก็จะถูกดูถูกเหยียดหยามว่าเป็นคนขี้ขลาดตาขาว

ในงานเลี้ยงต่างๆ ของชาวไทยทรงดำ ผู้ชายจะต้องดื่มเหล้าให้ได้ตามจำนวนที่เจ้าภาพกำหนดไว้ ถ้าดื่มไม่ได้ตามที่กำหนดไว้ก็จะถูกปรับไหมเป็นเงินหรือสิ่งของ

ในงานศพของชาวไทยทรงดำ

เมื่อมีคนในหมู่บ้านเสียชีวิตลง ญาติพี่น้องของผู้ตายจะต้องไปแจ้งข่าวให้ชาวบ้านทราบ ในการแจ้งข่าวนี้ญาติพี่น้องจะต้องไปบอกกล่าวด้วยตนเองทุกหลังคาเรือน จะส่งคนอื่นไปแทนไม่ได้ ในการแจ้งข่าวนี้ญาติพี่น้องจะต้องไปแจ้งข่าวตามลำดับอาวุโสของผู้ตาย ตามลำดับญาติสนิทมิตรสหายที่ใกล้ชิดกันมากที่สุดก่อน

ตัวอย่างเช่น ถ้าผู้ตายเป็นผู้ชาย ญาติพี่น้องที่ต้องไปแจ้งข่าวก่อนก็คือ ลูกชายคนโต ลูกสาวคนโต ลูกชายคนรอง ลูกสาวคนรอง ลูกชายคนเล็ก ลูกสาวคนเล็ก ตามลำดับ ส่วนญาติพี่น้องคนอื่นๆ ที่ไม่ใช่ลูกหลานของผู้ตายก็จะต้องไปแจ้งข่าวตามลำดับญาติสนิทมิตรสหายที่ใกล้ชิดกันมากที่สุดเช่นกัน

ในการไปแจ้งข่าวนี้ญาติพี่น้องจะต้องไปแจ้งข่าวด้วยตนเองทุกหลังคาเรือน จะส่งคนอื่นไปแทนไม่ได้ ในการแจ้งข่าวนี้ญาติพี่น้องจะต้องไปบอกกล่าวตามลำดับอาวุโสของผู้ตาย ตามลำดับญาติสนิทมิตรสหายที่ใกล้ชิดกันมากที่สุดเช่นกัน

ơiơ ra ơie ơiơy ơie ơiơe ơiơ ơơơơy ơie iơu ươơ, ơơơ ơơơ.

iơu ươơy xơy ơơơe
ơơy ươơ ươơ ơơơ
ơơy ơơx ươơ ươ
ơiơe ơơơ ơxơ ơơơe
ơơơ ơơơ ơơơ ơơơ ơơơ
ươơ iơue iơe ơơơ
ơơơ ơơơy ơơơ ơơơ
ơơơe ơiơ ơơơ ơơơ ơơơ ơơ

เรา เมียด ตัก ริญ เบ้ ฆา ฆะ ทับ ริจ.
ตัก ริญ ริจ ฆา ฆะ ทับ ปี เชิงเชิจ ทาญ เจ ฆาจ.
ตัก ริญ ปูก ฆา ต้อก ทับ ฆอ เมียด ปาย ตุ้ม
เมียด ต้อก ทอด ทอด เนย ทอด ปี
ทอด ทอด ทอา ทอด ริก
ทอด ทอด ริญาจ ทอด ฆอ.
ทอด ทอด ทอ ทอด ญาญ
ทอด ทอด ญาย เรเมด ทอด ลิ้ก เบ้ด
ปี้ญ เจ้ด เบ้ด เจ ฆาย ริญ ทอ ปี้ก ฆอ ทอด ฆอญ
ฆะ ทอด ฆะ เจ ฆา เมียด ริญ ริก ปี้ก ริญ ปี้ก ลิ้ก เบ้ญ
ญาก ปี้ญ ญาจ
เรา เมียด ทีญ เบ้ด ตุ้ม เจ ปอด เอา เจ เจย เจ ฆะ
ฆอ ตา ตอญ เอา "ตาย ลิ้ญ ตอก, ปอก ลิ้ญ เบ้ด" ฆา ฆะ
ฆะ เจ ฆา ปี้ญ จย.
ตา ฆอก เญ้ญ ฆะ ฆ ตุ้ม ลิ้ญ ฆอญ ตาญ ฆาย ฆาญ ฆอ เมีก จย ฆะ
เบ้ เบ้ ทีญ ฆาย เจ ฆะ ปูก ฆา ฆัป ฆา จย ฆะ ฆะ ปูก
ปอก ตาญ.

ฆา จย !

ฆะ ฆา ปี ฆะ ฆ ญ , ฆ ฆัป ฆ ฆ จย
ฆะ ฆ ตอก ตาย เมอ ฆอก ฆอ ฆา ฆะ ฆอญ ญ
จย เจ ฆา จย เมียด ลิ้ก ปอก ปอก ตุ ฆะ ทีญ เจ ฆะ
ปูก ตุ จย ฆะ ฆา เมียด.
ฆา เมียด ลิ้ญ ตุ้ม ปอด ฆัป ปอด ญย ปูก ตุ ปอก ตาญ+ปอก

ပါမှ နှံ့ပြာ ရေ၁ .

ဆွ ရေ၁ !

ယွန် ပဒယ် ကဘဝ်ဒှ် နှံ့ပြာ ပါမှ နှံ့ပြာ ရေ၁ xse ဟိ xse ယိန်.
ယွန် ဝဲဒှ်ဒဂ်ဒှ် ဟိ ရေဂ၁ ဟာ , ဟိ မှာ၁ ဟုံက .
ဂ္ဂse ပဝ၀e ထွဲ့ ဟွဲ့ဒှ် ဘဒ်ဂ်ဒှ် ရေယ ဟုန်ဒှ် ဂ်ုန် ရေပ ၆၁၁.
ဟု၀e ကြာe ဆွe ဟွe ကြာe ရေ၁ ဂ၁ ရေဒှ်.

ဆွ ရေ၁ !

ယွန် ဟွဲ့၆ ပဒယ် ကဘဝ်ဒှ် နှံ့ပြာ ပါမှ နှံ့ပြာ ရေ၁
ဝဲဒှ် ဂ်ုပ် ၁၀e ပဒယ် ဟွဲ့ ဟွe ရေ၁, ဒှ်၆ ဟွe ယိန်ဒှ်
ဂ်ုပ် ၁၀e ပဒယ် ဒှ်ရှ် ပဒယ် ဝဲဒှ်.
ဂ်ုပ် ၁၀e ပဒယ် ဒှ်၆ ဂ်ုန် ပဒယ် ဂ၁
xဝ၆ ထွဲဒှ်e ဟွဲ့ ဟွဲ့ ဝဲဒှ် ယိန်e ဝဝဲဒှ် ရေ၁ ဝဝဲဒှ်e ရေ၁
ရှဲ့ ၁၀၁ ယိန်e ယိန်e xန၆ နှံ့ပြာ နှံ့ပြာ ဟွဲ့ ဂ်၆ ၁၀e ဝဲဒှ်
ဒှ်ဒှ် ရေဘှ် , ၁၀e ဝဝဝ ရှဲ့ ယွန် ဟွဲ့၆ ဝဲဒှ်ဒှ် ဟွဲ့ ပဒယ ဂ၁ဒှ်.
၁၀၁ ဟ၁ ဟု၀e ဂ၁ ဟု၀e ဂ၁ ၁၀၁
ဟု၀e ဂ၁ xဒှ်ဒှ် ဂ၁ ၁၀၁၆
ရေe ဝဝဝ ရှဲ့ ယိန်e ဝဝဘှ် ရေ၆ ယန်ဂ, ဟုံက ရေ၆ ၁၀၁
ဒှ်၆ ပဒယ ဒှ်ရှe ၁၀၁ ဒှ်e ရေ၁e xန၆.
ယိန် ရေဒှ် ဂ်ုဝှ် ဂ၁ ရှဲ့ဒှ် ဆွ ၁၀
ယိန် ဝဲ ရှဲ့ဒှ်e ဂ၁ ဒှ်၆ ဂ၁ ဒှ် ဆွ xန
ရေ၁ ဝဝဲ ဟွဲ့ဒှ် ၁၀e xန, ယွန်ရေ၆ ၁၀၁ရေ၆ဟွဲ့ယိန်e.
ရေ၁ ဝန်e ရေ၁ ဟွဲ့ ဆွe ဂ်ုန် ဝဲဒှ်ဂ်ုန်e ရေ၆e
ဆွ ရေ၁ဒှ်e ဟွဲ့ဒှ် , ရေxန ဂ၁ ဝဘှ်ရှ်

ขอขัด ขอรอง ปี่, ดอย ฮักเมิง
ฮักอู หน่า เมิง ก็บ่า xอง, เมิงอู หน่า เมิง ก็บ่า ฮักอู.
ฮักอู ห้อม หน่า, ขอมา ห้อม เห็นปู่ ห้อม ฮักอู.
ก็ปัน เฆ้า อ้าย อ้าย เป็น ก็บ่า ฮัก
ก็บ่า ฮัง ฮัก อ้า ฮัก เมิงอู เฆ้า เป็น ปัน ก็บ่า
อ้า เมิงอู !
ฮัก เมิง เป็น เฆ้า ปัน ก็บ่า ก็ปัน ก็บ่า ก็ปัน ก็บ่า
เมิงอู xอ ปี่ เมิง, เมิงก็บ่า ก็ปี่ เมิงบ่า ปี่ ก็บ่า
ก็อู เป็น ก็บ่า ก็ปี่ ก็บ่า เมิง เมิง ก็บ่า.
ฮัก เมิง เป็น ก็ปี่ ก็ปัน เมิง xา เมิง เมิง xา เมิง xา เมิง
"ก็บ่า เมิง xัก เมิง, ก็เป็น เมิง xัก ฆ้อ"
ฮัก ก็อู ก็ปี่ ปา ก็ปัน เมิง ก็บ่า ก็ปัน ก็เป็น เมิง xอ xอ ก็ปัน xอ
เป็น, เมิงอู่ เฆ้า xอ เมิง เมิง, ก็ปัน เป็น ก็ฮัก เมิง.
เป็น ก็เมิง เมิง ก็ปี่ เมิง ก็ปัน เมิง ก็ เมิง ก็เมิง ก็เป็น ก็ปัน ก็บ่า
ก็เมิง เป็น ก็ปัน ก็บ่า
ก็ปัน ก็เมิง ก็ปี่ เมิง ก็ปัน ก็บ่า
ก็เมิง ก็บ่า ก็ปี่ ก็ปี่ ก็บ่า ก็ปัน เมิง ก็เมิง ก็เมิง ก็เมิง
ก็ปี่ xา xา ก็ปี่ ก็ปี่ ก็ปี่ ก็ปัน ก็เมิง xา ก็ปัน ก็เมิง.
อ้า เมิง !
เมิง ก็ปี่ ก็ปัน xา ก็ปัน ก็ เมิง ก็ปัน ก็เมิง xo ก็ปัน ก็ปัน ก็ปัน ก็ปัน
ก็ปัน เมิง เมิง เมิง ก็ปัน ก็เมิง ก็บ่า ก็เมิง

---

mai em sẽ về thăm mẹ và chị. Em sẽ mang về cho mẹ và chị những món quà thật đẹp.

Thôi, anh đi làm việc đi nhé. Em cũng phải đi học đây. Em yêu anh nhiều lắm. Em sẽ nhớ anh từng giờ từng phút. Em sẽ viết thư cho anh thường xuyên. Anh cũng phải nhớ em nhiều và viết thư cho em thường xuyên nhé.

Hôn anh. Em sẽ hôn anh thật nhiều. Em yêu anh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 1969

Nhớ và chờ tin anh.

Vợ anh: Thanh Thủy

Anh Hải!

Hải ơi, em đã nhận được thư của anh, em rất vui mừng và cảm động.

Mai em về thăm mẹ và chị. Em rất nhớ mẹ và chị, nhớ những món ăn ngon, những thứ đẹp mà chỉ có ở Hà Nội. Em sẽ về thăm mẹ và chị, em sẽ mua cho mẹ và chị những thứ đẹp nhất. Em sẽ mua cho mẹ một cái áo mới, em sẽ mua cho chị một cái áo dài. Em sẽ mua cho mẹ và chị những thứ mà chỉ có ở Hà Nội mới có.

Hải ơi, anh đi làm việc đi nhé. Em cũng phải đi học đây. Em yêu anh nhiều lắm.

Em sẽ viết thư cho anh thường xuyên, anh cũng phải viết thư cho em thường xuyên nhé.

Hôn anh. Em sẽ hôn anh thật nhiều. Em yêu anh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 1969

Nhớ và chờ tin anh.

ตายแล้วก็ให้ฝังเหมือนกับคนที่ตายด้วยโรคร้ายแรง เช่น โรคเรื้อน เป็นต้น.

๓. ถ้าผู้ใดเข้าไปในป่าแล้วพบเห็นต้นไม้ใหญ่ล้มลงขวางทางอยู่ ไม่ว่าจะเป็นต้นไม้ที่ล้มลงเพราะถูกฟ้าผ่าหรือเพราะเหตุอื่นใดก็ตาม ผู้นั้นจะต้องเสียค่าปรับให้แก่เจ้าของป่าเป็นเงินสองบาท.

ถ้าผู้ใดเข้าไปในป่าแล้วพบเห็นต้นไม้ใหญ่ล้มขวางทางอยู่ แต่ไม่ได้ตัดต้นไม้นั้นออกไปให้พ้นทาง ปล่อยให้ต้นไม้นั้นขวางทางอยู่เช่นนั้นเป็นเวลาหลายวันหลายเดือน ต่อมามีผู้อื่นเข้าไปในป่าแล้วพบเห็นต้นไม้ใหญ่ล้มขวางทางอยู่ ผู้นั้นก็ไม่ได้ตัดต้นไม้นั้นออกไปให้พ้นทางเช่นกั

Mẹ ơi, trời sương sương rồi mẹ về thôi trời lạnh
Để con ở đây.
Mẹ thì con lớn rồi sợ gì. Mẹ ra đường gặp ma
Cứng đừng run là được.
Nhưng mẹ cứ dặn: "Đi đường nhớ nhìn trái nhìn phải" nhé!
Trời sương thì đường ướt, mẹ đi mẹ trượt ngã thì khổ lắm.
Nhưng mẹ cứ bắt con phải, nhưng con biết mẹ cũng sợ
mẹ ở nhà một mình, thỉnh thoảng mẹ lại nhìn ra cửa.
Mẹ ơi! Đêm đã khuya rồi trăng đã khuya rồi
Những mái lá ngẩn ngơ mẹ thương con đứng ngóng
Cổng vẫn đợi mong chờ
Nhưng gương mặt
Cổng đã khép cổng lặng
Vẫn thường cứng cỏi, mẹ ra đường gặp ma
Xin đừng sợ hãi đi nhé mẹ nhé đường đêm
Chẳng có gì đáng sợ đâu mẹ vẫn thường nói.
Đêm yên tĩnh thì đêm mới sâu, yên tĩnh đêm mới lắng.
Cổng ngõ thì đã khép lại, nhưng lòng mẹ thì không.
Xóm thì vắng xin đừng nói nhiều đường thì trơn
nhưng yên tâm đi,
Yên thì yên nhưng đừng cổng vẫn cổng mở đợi con
đường nhé mẹ! Mưa thì vẫn đừng vẫn xóm
Đừng cổng đến khuya vẫn cổng đợi con

ผ่า ขึดหา ลัง เหมิด ปอก หมา เหย่า ตอ กอ เหมย เหย่า.

ผ่า เหยด !

กาเย่ ลัง ลัง กาเย่ ตัก กาเป่า, ขอ เหยด ตัก ลา เหม เหมียง เหย่ ปาย เหย่ ปาย ผ่า ขุก ลัง ลอย ลอย เหย่า เหย่ เหย่,
เหย่ ปาย ลอย.

ลัง เหย่ เหย่ เหย่ ปอก ลอย เหย่ เหย่.
ขุก เหย่ ลัง ปาย เหย่ ลาย ผ่า ขุก ลอย เหย่, ผ่า ลัง ลัง เหย่,
ลัง เหย่ ขอ ลาย ผ่า ขุก ลัง เหย่ เหย่ เหย่

Chúc mọi người thật hạnh phúc
mọi điều tốt đẹp đến với bạn bè
những người đang đau khổ hãy tìm thấy niềm vui
niềm tin cho mọi người thấy cuộc đời thật đẹp
những người đang sống trong sự hận thù, thấy rằng đời thật ngắn ngủi
hãy sống vì nhau, xóa tan những thù hằn để cùng nhau xây dựng
một thế giới hòa bình. Xóa bỏ những chiến tranh để mọi người
cùng chung sống trong tình thương yêu. Không còn những cảnh
chết chóc đau thương, không còn những cảnh tang tóc.
Mong mọi người, hãy cùng nhau góp sức để cho đất nước mãi mãi
được hòa bình.

Đừng khóc xin em đừng khóc

(Nhạc sĩ Trần Tiến)

Tác giả

Đừng khóc em đừng khóc
Nhìn lệ em
Tôi đau lòng
Vì em hãy cười lên
Đời còn dài
Đừng khóc em.

ปอดเกาเหง เกา
ลาว เกา วาด เกา
พอด เกา เหล็ด เกา
หาง ตาดเหล็ด เพิด พอด เพิดเหล็ด
ถอง ผู้ก ลด ลึก ปก
เหง หก ผู้ก ลด ลึก ปอก
เหล็ด เผ็ก ลึก ถอก ลอก ออก พอด ถูก ผู้ม เหง
พอด ลึก ผาง ลึกปก ก็ปก เหง ผู้ก.
เกาะ เหล็ด เหล็ด
เหล็ด เหล็ด เลง เหล็ด เกา
ปอด พอด เกาด ปอด เหล็ด
ผู้ก ลด หาย เกา หาย เกาะ เลง หาง
ลด หาย เหล็ด หาย ดา
เผ็ด ตัก หาก หาก เหาะ ผาก ก็ เพา
ตัก หาก ขาด หาก ลด ลด ก็ เพา เกา ก็.
ถอง เกา เหง พอด ตัก
หาก เกา เหง เหล็ด โผง เหล็ด เพา
เหง ก็ เหาะ ถอง ผู้ก หาย ผาก ตัก เพิก ลด เหง
ถูก เหาะ ถอง ผู้ก หาย ผาก ปอด ปี ลด เกา
ปอด ปอด หก ปี
เหล็ด ตัก เพิก
ปอด ถอง ตาย เหง
เหล็ด ถอง เลง ผ.

Mưa rơi nhẹ như rượt người đi phương nào
Mưa lại rơi để người ở lại lòng nhớ
Nhớ rượu nồng cay nhớ người xa nhớ như nhớ thuở.
Thuở nhỏ sống chết nhớ mà sống
Xa nhớ người lại nhớ mà lại
Mưa người nhớ nhớ nhớ rượu mà nhớ
Rượu người ơi xa vời người người nhớ như ngày em
Nhớ nhớ thương thương người như mà rượu
Ngày người xa nhớ nhớ rượu nhớ người nhớ.
Nhớ người nhớ nhớ người nhớ rượu nhớ người
Nhớ người nhớ người nhớ người nhớ người nhớ
Nhớ rượu người người nhớ người nhớ người nhớ người
Nhớ người em người nhớ người nhớ người nhớ người
Nhớ người em người nhớ người nhớ người nhớ người
Nhớ người em

ꪙꪊ ꪕꪾꪙ ꪊꪖ ꪙꪒ ꪕꪊꪖꪻ
ꪖꪊ ꪙꪒ ꪻꪎꪖ ꪙꪒꪖ ꪙꪒꪕ ꪖꪙꪊꪖ
ꪊꪊꪎ ꪙꪖꪻꪎ ꪕꪾꪙ ꪖꪊ ꪻꪖꪊꪕꪊꪒ ꪖꪙꪎ ꪖꪊ ꪙꪖꪙꪖ
ꪒꪖꪻ ꪎꪎ ꪖꪙꪎ ꪖꪊ ꪒꪻꪻ
ꪖꪖꪻ ꪖꪙ ꪙꪖ ꪎꪖ ꪊꪻꪻ ꪖꪊ ꪎꪖꪕꪎ ꪖꪖꪎ
ꪕꪾꪙ ꪙꪖ ꪒꪙꪎ ꪖꪊ ꪕꪖꪙ ꪕꪖꪙ ꪕꪾꪙ ꪖꪖꪎ ꪊꪖ
ꪙꪻꪻ ꪊꪖ ꪖꪖꪻ ꪊꪖ
ꪙꪻꪻ ꪖꪖꪻ ꪎꪎ ꪎꪾꪙ ꪙꪾꪙ ꪎꪾꪙ ꪖꪖꪎ
ꪎꪾꪙ ꪎꪾꪙ ꪕꪾꪙ ꪎꪖꪎ
ꪖꪎ ꪕꪾꪙ ꪙꪻꪻ
ꪕꪾꪙ ꪒꪎꪎ ꪙꪻꪻ ꪖꪙ
ꪖꪙ ꪙꪻꪻ ꪙꪻꪻ ꪖꪙꪎ
ꪎꪾꪙ ꪖꪙꪻ ꪎꪾꪙ ꪖꪙꪎ
ꪎꪾꪙ ꪖꪙꪻ ꪒꪊ ꪙꪊꪖ ꪖꪙꪎ
ꪎꪾꪙ ꪖꪙꪻ ꪒꪊ ꪙꪊꪖ ꪖꪙꪎ
ꪎꪎ ꪕꪾꪙ ꪙꪻꪻ ꪖꪖꪻ ꪙꪖꪙꪎ ꪖꪖꪎ ꪕꪾꪙ ꪕꪾꪙ
ꪙꪻꪻ ꪖꪖꪻ ꪙꪻꪻ ꪖꪖꪎ ꪕꪾꪙ ꪙꪖ.
ꪒꪙꪖ ꪖꪙꪊ ꪕꪾꪙ ꪙꪖꪙ ꪊꪖꪎ ꪙꪖ ꪖꪾꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪾꪙ
ꪒꪙꪖ ꪙꪾꪒ ꪙꪒ ꪕꪊꪖ ꪙꪻꪻ ꪙꪒ ꪙꪒꪎ
ꪒꪙꪖ ꪕꪊꪖ ꪎꪒꪎ ꪙꪻꪻ ꪙꪖꪙ ꪕꪊꪖ ꪖꪙꪎ ꪖꪙ ꪙꪖꪙꪖ
ꪙꪖꪙ ꪙꪎ ꪕꪾꪙ ꪖꪙꪎ ꪒꪙꪖ ꪙꪖ ꪕꪾꪙ
ꪎꪎ ꪙꪎ ꪕꪾꪙ ꪖꪖꪎ ꪊꪖ ꪙꪒ
ꪎꪾꪙ ꪙꪖ ꪕꪾꪙ ꪖꪖꪎ ꪊꪖ ꪙꪒꪎ ꪊꪖ ꪙꪖ

ಭಾಗ್ಯ ಸಾಧನಾ ಇಲ್ಲ ಬಳ, ಬಳ ಬಾಂಧವ
ಇಂ ಬಾಳ ಸಾಧನ ಕೊಟ್ಟಿಲ್ಲ, ಸಾಧ್ಯ ಬಾಂಧವ
ಮನ ಎಂದ ಬಾಳುವ ಎಷ್ಟು ಬಾಳುವ ಕಾಲ ಬಿಡದೆ ಮನೆ ಕೊಟ್ಟಿಲ್ಲ ಬಾಂಧವ
ಎಂದ ಬಾಳು ಎಷ್ಟು ಬಾಳು ಕಾಲ ಬಿಡದೆ ಕೊಟ್ಟಿಲ್ಲ ಬಾಳು ಬಾಳು
ಕೊಟ್ಟಿಲ್ಲ ಬಾಳು ಇಲ್ಲ ಬಿಡದೆ ಬಳ ಬಾಂಧವ.
ಕೊಟ್ಟಿಲ್ಲ ಬಾಳು ಇಲ್ಲ ಭಾಗ್ಯ ಭಾಗ್ಯ ಬಿಡದೆ ಬಾಳೆ
ಬಾಳು ಬಾಳುವ ಬಾಳೆಯೆಂದು ಕೊಟ್ಟ ಎಷ್ಟು ಬಿಡದೆ ಭಾಗ್ಯ ಕೊಟ್ಟು ಭಾಗ್ಯ ಬಿಡದೆ
ಕೊಟ್ಟು ಬಾಳು, ಭಾಗ್ಯ ಕೊಟ್ಟು ಬಾಳುವ.
ಮನ ಬಾಳುವ ಬಿಡದೆ ಎಂದು ಬಾಳು ಬಾಳು ಕಾಲ ಭಾಗ್ಯ ಎಷ್ಟು ಬಾಳು ಕೊಟ್ಟು,
ಬಾಳು ಬಾಳುವ ಬಾಳೆ.

ಬಾಳು ೨೦೬

ಬಾಳುವಂತೆ !

ಬಾಳು ಬಳ ಕೊಟ್ಟು ಕಾಲ ಎಂದು ಕಾಲ ಕೊಟ್ಟು
ಎಂದು ಕೊಟ್ಟ ಭಾಗ್ಯ ಎಷ್ಟು ಕಾಲ ಕೊಟ್ಟು ಬಾಳು.
ಬಿಡದೆ ಮನ ಕಾಲ ಬಾಳು ಕಾಲ
ಮನ ಕೊಟ್ಟು ಬಾಳು ಕೊಟ್ಟು ಬಾಳು
ಬಾಳು ಎಷ್ಟು ಕಾಲ ಮನ ಎಂದು
ಎಂದು ಬಾಳು ಬಾಳು ಬಾಳು
ಎಂದು ಎಷ್ಟು ಬಾಳು ಬಾಳೆ
ಎಂದು ಮನ ಎಂದು ಬಾಳು ಕಾಲ ಬಾಳು ಬಾಳು ಭಾಗ್ಯ ಎಂದು ಬಾಳು
ಕಾಲ ಭಾಗ್ಯ ಬಿಡದೆ ಎಂದು ಕಾಲ ಬಾಳೆ ಎಂದು ಎಂದು ಭಾಗ್ಯ ಬಿಡದೆ ಬಾಳು
ಬಾಳು ಬಿಡದೆ ಕಾಲ ಕೊಟ್ಟು, ಬಾಳು ಮನ
ಮನ ಬಿಡದೆ ಕಾಲ ಕೊಟ್ಟು ಬಾಳು ಬಾಳು, ಬಾಳು ಬಾಳು ಭಾಗ್ಯ.

ภาคผนวก ๑๓๖

ภาคอีสาน !

ขอ ปฏิบัติ ตอง เขียน แลว แลว ปด ทับ

ปด ทับ ลูก ชาย หญิง ขาย ทุก ตัว

เปน สอง ขา ขาย ขาย ปฏิบัติ สวัสดี

สอง ขาย ทาง ขาย ขาย ขาย

ถาย ลูก เปน ทาง ขาย ขาย ๑๐ ขาย ภาคผนวก ภาคผนวก

ปกษ ปกษ ภาคผนวก

ภาคผนวก ปกษ ปกษ

เปน ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย

ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย

ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ลูก ภาคผนวก

ถาย ลูก ภาคผนวก ตอง เปน ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย

เปน ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย

ขาย ขาย ตอง ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย

๓๐ เปน ตอง ขาย ขาย ขาย, ขาย ภาคผนวก ขาย.

ภาคผนวก ๑๓๗

ภาคอีสาน !

ปกษ ถาย ปกษ ลูก ขาย ภาคผนวก

เปน สอง ๑๓๐ ปฏิบัติ ขาย ภาคผนวก

ขาย ขาย ตอง ขาย ขาย ๑๐๐ ๑๐๐ ตอง

๑๐๑ ขาย ปฏิบัติ ภาษา : ภาคผนวก, ลาย, ภาคผนวก, ภาคผนวก

ขาย ภาษา ภาค ภาษา.

ଏହି, ମଣ୍ଡା ମାର ଏହା
ଯାଏ ଯେମନ ଏହା ଏହା ଦିଶ
ଏହା ବିଦ୍ୟ ନିଜ ଅବଳ ମୁଁ ଘୁଁଜ ବିଦ୍ୟ ଫିଲି ମଉଜ ଜାଗା ଫିଲି ଜାଗ୍ୟ
ଏହା ଘିଡ଼ିବ ବିଜ ମାଁସ ଯାଏ ଅଫ୍ୟ ଯାଏ ଘର.
ଜଣ ଯାଏ ପଡ଼ିଗ୍ୟ ଯାଏ ଏଲ୍ଡ
ଅଁଧ ପଡ଼ୁ ବଦ୍ୟ ଘିଡ଼ିବ ବିଜ ଏଲ୍ଡ ମଧ୍ୟ ଏଲ୍ଡ ଯଁଧିବ
ବିଦ୍ୟ ଘିଡ଼ିବ ବିଜ ଏଲ୍ଡ ମଡ଼ିବ ଏଲ୍ଡ ଗ୍ରେ.
ଯାଏଁ ଯାବ ବିଦ୍ୟ ଯୋବଁମାର ଯୋବ ଯଧ
ଜ୍ୟ ବିଦ୍ୟ ଯୋବଁଘଳ ଯୋବ ଗଧ୍ୟ, ଗଧ୍ୟ ଜଉଁ ଯୁବ୍ବ.

ଗଜିବ ଫାଡ଼

ଗଜିବ ଯାବ

ଏଲ୍ଡ ଜଣ ବିଦ୍ୟ ଶୁଁବ ଯଧ ଫୁଲ୍ଡ ଜିଲ୍ଲ ଫୁଲ୍ଡ ଗ୍ରେ.
ଜ୍ୟଧ ଏଲ୍ଡ ଜଣ ଜଉବ ମଣ୍ଡା
ଫୁଁଦ ବିଦ୍ୟ ଗଁଡ଼ ଏଲ୍ଡ ଜଉଧ, ଏଲ୍ଡ ମାବ
ଘଁଧ ମାବ ଗଁଡ଼ ଯଧ ଘିଦି, ମାବ, ଦୁଧ, ଜଉବ, ଫଁ
ଯଧ ଁଫୁଁ ଦୁାବ୍ୟ, ଫଁଧ ଦୁାବ୍ୟ ଘବ ଜଉବ ଘଣ୍ଡ, ଜଉବ ଫବ.
ମଁଡ଼ ମାବ ବିଦ୍ୟ ଶୁଁବ ଁଫୁଁଧ ଘା ଫବ୍ବ, ଘା ଘଁବ୍ବ
ଯଧ ଫୁଁବ୍ବ ଅ୍ବ ବ୍ବ୍ବ ଦିବ୍ବ ଯଉଁ, ଫଁବ୍ବ ଘିବ୍ବ୍ବ
ବ୍ବିବ୍ବ ଜ୍ବ ଜଉଁ ଘିଜ୍ବ ଯବ୍ବ୍ବ, ଫଁବ୍ବ ଦୁଧ.
ବିଦ୍ୟ ଘିଡ଼ିବ ଯଧ ଅ୍ବ ଜିଜ୍ବ ଫବ୍ବ୍ବଧ ମଡ଼ବ ଫବ ଜଉଁ ଦୁାବ୍ୟ
ଯଧ ଗ୍ବ୍ବ ଜଉବ୍ବ୍ବ, ଗ୍ବ୍ବ ବ୍ବ୍ବ୍ବ, ବ୍ବିବ୍ବ, ଫବ୍ବ୍ବ, ବ୍ବଫ ବ୍ବ
ଯଧ ଁଫବ ବ୍ବିବ୍ବ ଜ୍ବ୍ବ୍ବ ଜଉଜ୍ବ ମଡ଼ବ୍ବ ଘି
ଜ୍ବ୍ବ ଘିବ୍ବ୍ବ ବ୍ବ ଫବ୍ବଡ଼ବ୍ବ ଜ୍ବ୍ବ୍ବ.

ปลาดิบ ขาย ปลาย เกิด ถึง ปาก ปิด ไม่ได้ ตาย ตาย.
ที่ ลับ ลับ ไว้ ถึง ใจ ใคร เอา ออก ปาก
นาง ก็ ปาก เปล่า ลม ปาก ถูก ลาก
ถูก เกลือ ลม ปาก ปาก เปล่า, ปาก เกิด.
ลม ผ่าน ถูก , เกิด ขาย
ขาย ขึ้น ขาย ออก ออก, เกิด เปล่า ใจ ตาย.
ขาย ขาย ปาก นี้ เกิด เปล่า ที่ดิน ถึง บ้าน ใจ เปลี่ยน ถึง ขึ้น.
ขาย เกิด เปล่า ที่ดิน ถึง บ้าน ผู้ใหญ่บ้าน
ตาย เกิด เปล่า ที่ดิน ถึง ใจ ที่ทำการ ถึง ผู้ ใจ
เปลี่ยน ขึ้น ไป เปลี่ยน ผ่าน เกิด เปล่า ที่ดิน เกิด ถึง.
ขาย ปาก ถึง ใจ เกษียณ ใจ.
ขาย ปาก ถึง ใจ ถึง หาย ผู้ใหญ่
ปลูก ถึง ลับ ลับ ไป
ลูก ถึง ลับ ไป ใจ ลับ เกิด
ขาย ปาก ถึง ลับ ขึ้น ลับ เกิด
ถ ปาก ถึง ลับ ขึ้น ลับ เกิด, เกิด ตาย ใจ.

ตาย ปิด

ตาย ขาย!

ปลับ ลับ ปลับ ผู้ ผูก ลา ที่ดิน ไม่ได้ ลับ
ใจ ขึ้น เกิด ขาย ลับ ออก ถึง เกิด ที่ เกิด ใจ ออก ตาย เกิด
เกิด ตาย ขาย.
ขาย เกิด ขึ้น ปลับ ขาย ลา ถึง ลา ออก ตาย
ขึ้น ลับ เกิด ลา ออก ขาย

mxh mg an oon yoay woay os.
nigy uneoy ashue an
nan une eoy ashue tuoy ashue noa
rxa uiqe tuy cuay thy nin ryge cuay un
unve noa nin reqe unve uqfo rnou.
roh ipy uiy, uiay uiqe tx, rag uige wqoe
xug cuy ain, nin cuy nay
eoy uige tuy nqop hqey uiy, uhy hqey un coage myar.
hoay une eoy ciue xuh ciue an
on une eoy ciuexuh ciue ouy, ouy noay yrqe.

rnqg tun

rnqg oa !

roh uoe uiy eqfg xfg ny
uiy ny cuy ny my
yaon ipy uiy eoy nao
nua ipy cpn ipyxug eoy xoge.
uoge on, ug on, noiay on, wfg on,
xouy on, nu rag on uige nan an ony uiey
uiy niqe noe oque ny eoy niqo an xfn up
ony nnyn xfn uon hqey nno
uiy uqge tuy no roh cfg oon.
yuoe ova eoy uqge nrny qfuy xpn uoe ouan yay nay
xpn ngo nay. ngo nqfg tuy ane.

ผิดเล็กผิดน้อย ก็ต้องเสียค่าปรับ.
ถ้าผู้ชายคนใดคนหนึ่งผิดเมียก็ดี ผิดสามีก็ดี
เขาก็จะต้องเอาเรื่องกันจนถึงที่สุด
ถ้าเขาต้องเอาเรื่องกันจนถึงที่สุด ก็ต้องเสียค่าปรับสูงมาก

การแต่งงาน

ผู้ชายมาขอ !

เขาก็ปรึกษาหารือกันในครอบครัวของเขา
เขาก็ขอร้องให้ญาติพี่น้องของเขาไปสู่ขอ
เขาก็ให้สินสอดของเขาไป
เขาก็จะมีการเลี้ยงกันในครอบครัวของเขาเป็นเวลาสามวันสามคืน
ถ้าหากว่าเขาไม่มีการเลี้ยงกันในครอบครัวของเขาเป็นเวลาสามวันสามคืน
ก็ถือว่าเขาไม่ได้แต่งงานกัน เขาเป็นเพียงแต่อยู่กินกันฉันสามีภรรยา.
ถ้าเขาอยู่กินกันแล้วมีลูก
ก็มีการเลี้ยงกันอีกครั้งหนึ่ง เพื่อเป็นการขอขมาลาโทษ.
ถ้าเขาแยกกันเมื่อมีลูกแล้วหรือไม่มีลูกก็ดี
ก็ต้องมีการเลี้ยงกันอีกครั้งหนึ่ง.
เมื่อจะมีการเลี้ยงกันในครอบครัวของเขาแต่ละครั้งนั้น
ก็ต้องเสียค่าปรับให้แก่ครอบครัวของเขาเป็นจำนวนเงินสามสิบบาทบ้าง
สี่สิบบาทบ้าง ห้าสิบบาทบ้าง หกสิบบาทบ้าง เจ็ดสิบบาทบ้าง
แปดสิบบาทบ้าง เก้าสิบบาทบ้าง หนึ่งร้อยบาทบ้าง
ตามแต่ฐานะของเขาทั้งสองฝ่าย
ถ้าเขาแต่งงานกันแล้วมีลูกแล้ว
ถ้าเขาหย่าขาดจากกันก็ดี ถ้าเขาตายจากกันก็ดี
ทรัพย์สินต่างๆ ของเขาทั้งสองฝ่ายนั้น
ก็ต้องแบ่งปันกันตามกฎหมายของเขา

ਦਦਾ ਮੀਓ ਸਾਂਰ ਮਰਸਾ ਸਰਾਂਸ੍ਰ ਦਿਲ ਵਿਲਾਸ ਸਾ
ਦਦਾ ਮੀਲੇ ਦਲਾ ਸਾ ਮੁਸ਼ ਸਾ ਸ੍ਰਾ ਸਾ ਸ੍ਰਾ xਦੇ ਦਲਾ ਮੁਲਸ ਸਸ੍ਰ
ਦਦਾ ਮੀਲੇ ਵਲਸ੍ਰ ਮੁਲਸ ਸਸ੍ਰ ਸਾਲੇ ਸਾਂਲ
ਮਸ਼ਸ ਦਲਾ ਸਸ੍ਰ ਸਦਲੇ ਦਿਸ਼ਸ ਦਦਲੇ ਦਸ਼ਾ
ਸਸ਼ਦੇ ਦਸ਼ਾ ਮੀਲੇ ਮੁਸ੍ਰ ਸਸ੍ਰ ਸਾਸ ਦਿਲਾਂ.
ਦਿਲੇ ਮੁਸ੍ਰ ਦਦਸ਼ਦੇ
ਸਲਲ੍ਰ ਸ੍ਰਾਲ ਮੁਸ਼ੇ ਸ੍ਰਾਲ ਸ੍ਰਾਲ ਸਸ੍ਰ ਸਸ੍ਰ ਸਾਲੇ ਸ੍ਰਾਲ ਸ੍ਰਾਲ ਸਾ
ਵਲਲ੍ਰ ਸ੍ਰਾਲ ਮੁਸ਼ੇ ਸ੍ਰਾਲ ਸਸ੍ਰ ਸਾਲੇ ਸ੍ਰਾਲ ਸ੍ਰਾਲ ਸਾ xਲੇ
ਮੁਲੇ ਮੁਲਸ ਸਸ੍ਰ ਮੁਲਸ ਦਲੇ.
ਮੁਲੇ ਸਲੇ ਸਸ੍ਰਸ਼ੇ ਸਸ੍ਰ ਸ੍ਰਾ
ਦਦਸ ਸਸ੍ਰ ਮੁਸ਼ੇ
ਸਸ੍ਰਸ ਦਲੇ ਮੁਸ਼ੇ ਸ੍ਰਾ ਸ੍ਰਾ ਸ੍ਰਾਲ ਸਸ੍ਰ
ਸਸ੍ਰਸ ਸ੍ਰਾ ਸ੍ਰਾ ਸ੍ਰਾ xਲ ਸਸ੍ਰ
ਮੁਲੇ ਮੁਲਸ ਸਸ੍ਰ ਮੁਲਸ ਦਲੇ
ਮੁਲੇ ਸਲੇ ਸਸ੍ਰਸ਼ੇ ਸਸ੍ਰ ਦਦਲਾ
ਦਦਸ ਸਸ੍ਰ ਮੁਸ਼ੇ, ਸਸ੍ਰ xਲੇ ਮੁਲੇ.
xਲੇ ਸਸ੍ਰੇ ਸਾਲੇ ਸਾ ਸਾਲੇ
ਸਾਲੇ ਸਸ੍ਰੇ ਸਾਲੇ ਸ੍ਰਾ ਦਲਾ ਸਸ੍ਰ ਸ੍ਰਾਲ ਸ੍ਰਾਲ ਸ੍ਰਾਲ.
xਲੇ ਸਸ੍ਰੇ ਮੁਲੇ ਸਾ ਮੁਲੇ
ਸਸ੍ਰੇ ਸਸ੍ਰੇ ਸਸ੍ਰੇ ਸਾ ਸਸ੍ਰ
ਮੁਲੇ ਮੁਲੇ ਸਸ੍ਰੇ ਸਸ੍ਰੇ ਮੁਲੇ ਸ੍ਰਾ ਸਲਾਲ ਸ੍ਰਾਲ ਸ੍ਰਾਲ ਸਲਾਲ ਸਲਾਲ ਸਲਾਲ
ਸਸ੍ਰ ਦਲੇ ਸਸ੍ਰੇ, ਦਲੇ ਸਸ੍ਰੇ, ਦਲੇ ਸ੍ਰਾਲ, ਦਲੇ ਸ੍ਰਾ ਦਲਾ ਮੁਲੇ. ਮੁਲੇ ਸਸ੍ਰ

ปาย เปิ้ด.
ตัด ก๋าม ตัด มา เดาะ
ตัด เก๋า ตัด เดาะ ตัด มา ลอ๊าะ ฮ่อ ลอ๊าะ ฮ่าง เก๋าม เก๋า
ปาย เฮ็ด ตาม เดาะ ปาย ฮ่าง ฮ่าน ตัด ก๋าม
ก๋าย ปู่ ลาม ก๋าม นอ ไต๋ ฮ่าม ตัด หาย ก๋าม เล
ปาย เฮ็ด ตาม เดาะ
ตัด ก๋าม ตัด มา เดาะ
ตัด เก๋า ตัด เดาะ ตัด มา ลอ๊าะ ฮ่อ ลอ๊าะ ฮ่าง เก๋าม เก๋า
ฮ่าน ตู่ เขิน ลอย เก๋าย ไต๋ ตู่ ฮ่า ปิก เฮ็ด ลาย ฮ่าน
ปาย เฮ็ด ลาย ตัด
ฮอก ตัด นี ตอ เฮ็ด ลาย
ฮ่าน ตัด นี ตอ เฮ็ด ลิ.
ที่ ไต๋ ฮ่าน ที่ ก๋าม ฮ่าน ตู่ เดาะ เก๋าย ฮอก เฮ็ด ตอ เฮ็ด
ฮ่าก เฮ็ด ฮ่าน.
นอ เดาะ ไต๋ เขิน เก๋าย ไต๋ ตอ ไต๋ ไต๋ ตอ เฮ็ด ตัด ฮ่า ก๋าย
เดาะ ตัด ฮ่าย เฮ็ด ตอ ฮ่อ.
ปาย ไต๋ ตอ เฮ็ด ฮ่าน, ฮ่าน ฮ่า
ตัด ไต๋ ตอ เฮ็ด ฮ่าน ฮ่าน ฮ่า, เก๋าย เก๋าย ปาย!

เดาะ เก๋าย

เดาะ อ๋าย!

ปาย เดาะ ฮ่าน เดาะ ก๋าม
เดาะ นา ฮ่าน ลิ ฮ่า
ลิ ฮ่อ ก๋าย ฮ่า เดาะ ปู่

ฉันรู้อยู่แก่ใจว่าเธอมีใครอีกคน
เหมือนที่เธอก็รู้ว่าฉันมีเขาอีกคนหนึ่ง
เพียงแต่เราไม่เคยพูด
ความรักของเราไม่เคยมีใครรู้
แม้แต่ตัวเราเองก็ไม่อยากรู้ว่าความรักนี้คืออะไร
ความรักของเราเป็นเพียงความรู้สึกที่ลึกซึ้งในใจ
ที่ไม่เคยมีใครได้เห็นหรือได้ยิน
ความรักของเราเป็นเพียงความทรงจำ
ที่ไม่เคยมีวันจางหายไปจากใจของเรา
ความรักของเราเป็นเพียงความฝันที่ไม่เคยเป็นจริง
แต่ก็ไม่เคยมีวันตื่นขึ้นมา
ความรักของเราเป็นเพียงความลับที่ไม่เคยมีใครรู้
แต่ก็ไม่เคยมีวันที่จะถูกเปิดเผย
ความรักของเราเป็นเพียงความรู้สึกที่ลึกซึ้งในใจ
ที่ไม่เคยมีใครได้เห็นหรือได้ยิน
ความรักของเราเป็นเพียงความทรงจำ
ที่ไม่เคยมีวันจางหายไปจากใจของเรา.

ꪎꪶꪾ ꪕꪱꪾ ꪑꪶꪾ ꪉꪶꪾ ꪮꪊ ꪑꪶꪾ
ꪉꪶꪾ ꪎꪊꪾ ꪑꪶꪾ ꪮꪫꪀ ꪑꪶꪾ ꪕꪱꪉ ꪕꪱꪾ.
ꪉꪶꪾ ꪎꪀ ꪀꪱꪊ ꪒꪊ ꪑꪶꪾ ꪮꪫꪀ ꪑꪶꪾ ꪕꪱꪉ ꪕꪱꪾ.
ꪎꪶꪾ ꪕꪱꪾ ꪀꪫꪀ ꪕꪱꪀ ꪉꪶꪾ ꪒꪊ ꪀꪫꪀ
ꪉꪫꪾ ꪕꪱꪾ ꪕꪱꪉ ꪕꪱꪾ ꪫꪾ
ꪉꪶꪾ ꪒꪊ ꪕꪱꪉ ꪒꪊ ꪫꪾ ꪀꪎ ꪀꪎꪎꪶꪾ
ꪒꪊ ꪎꪫ ꪮꪫ ꪀꪱꪊ ꪑꪫꪾ
ꪫꪾ ꪫꪫ ꪀꪎ ꪀꪱꪊ ꪫꪾ
ꪀꪎ ꪕꪱꪉ ꪕꪱꪉ ꪕꪱꪾ ꪫꪾ
ꪀꪎ ꪕꪱꪾ ꪕꪱꪉ ꪕꪱꪾ ꪫꪾ
ꪫꪾ

ಕಾಯಲ ಸಾಲದ ಮನ ಇಲ್ಲದ ಬಾಯಿಗೆ ಬಾಯಿ ಕೊಟ್ಟ ಬಳಿಕ ಅಲ್ಲಿ ಇಲ್ಲಿ ಸಾಲದ
ಅಲ್ಲಿ ಇಲ್ಲಿ ಬೆಳೆಯಲ್ಲಿ ಸಿಕ್ಕಿದ ಸಾಲದ ಕೈ ಸಾಲದ ಬಾಳು ಬಾಳೆ ಬಾಳೆ ಬಾಳು ಬಾಳು
ಬೆಳೆ ಸಾಲದ ಬಾಳಲ.

ಗೃಹಪ ಕಾಲದ ಕಾಲ
ಬಳಸಿ ಕಾಲ ಬಾಳ ಕಾಲ ಸಾಲ
ಬಾಳು ಕಾಲ ಬಾಳ ಕಾಲ ಕಾಲ
ಕೈ ಸಿಕ್ಕಿದ ಕಾಲ ಬಳಿಕ ಅಲ್ಲಿ ಇಲ್ಲಿ ಸಾಲದ ಬಾಳ ಕಾಲ ಸಾಲ
ಬಾಳಲ.

ಬಾಳಲ್ಲಿ ಬಾಳ ಕಾಲ ಕೊಂಬ ಬಾಳ ಬಾಳ
ಬಾಳ ಬಾಳ ಕಾಲ ಬಾಳ ಕೊಂಬ, ಬಾಳ ಬಾಳು, ಬಾಳು ಸಾಲದ ಬಾಳಲ.

ಬಾಳಲ ಬಾಳ

ಬಾಳು ಬಾಳ !

ಬಳಸಿ ಅಲ್ಲಿ ಬಳಸಿ ಅಲ್ಲಿ ಇಲ್ಲಿ ಸಾಲದ ಬೆಳೆ ಕೈ ಅಲ್ಲಿ ಬಾಳ ಕಾಲ
ಅಲ್ಲಿ ಬಾಳ ಅಲ್ಲಿ
ಬಾಳ ಬಾಳ ಬಾಳ ಕಾಲ ಸಾಲ
ಬಾಳ ಕಾಲ ಬಾಳ ಕಾಲ ಬಾಳ
ಬಾಳು ಬಾಳ ಬಾಳು ಬಾಳು ಬಾಳ
ಬಾಳು ಬಾಳ ಸಾಲ, ಬಾಳು ಬಾಳ ಬಾಳಲ್ಲಿ ಬಾಳು ಕೈ
ಕೊಳೆ ಕೈ ಸಾಲ ಕೊಳೆ ಕೈ ಬೆಳೆ ಬಾಳಲ್ಲಿ ಬಾಳು ಸಾಲದ.
ಬಾಳ ಬೆಳೆ ಕಾಲ ಹಾಲ ಬೆಳಲ್ಲಿ ಬಾಳ ಬಾಳು
ಬಾಳು ಹಾಲ ಬೆಳಲ್ಲಿ ಬಾಳ ಬಾಳ ಕೆಳಗೆ ಬಾಳ ಬಳಸಿ ಬಾಳ ಬಾಳ ಬಾಳ ಬಳಸಿ ಬಾಳ.
ಬಾಳಲ್ಲಿ ಬಾಳ ಕಾಲ ಬಾಳ ಕೊಂಬ ಬಾಳ
ಬಾ ಬಾಳ ಕಾಲ ಬಾಳ ಕೊಂಬ ಬಾ ಬಾಳು, ಬಾಳು ಸಾಲದ ಬಾಳಲ.

ขอขมาผีเรือน

ข้าแต่ท่าน!

ลูกหลานทั้งหลายมีความผิดอันใดต่อท่านด้วยการกระทำหรือวาจาก็ดี
ขอท่านจงอโหสิกรรมให้แก่ลูกหลานทั้งหลายด้วยเทอญ.
ขอให้ลูกหลานมีความสุขความเจริญ
ปราศจากโรคภัยไข้เจ็บ
ขอให้มีอายุยืนนาน
ปราศจากโรค
ขอให้มีเงินทองข้าวของเครื่องใช้ไม้สอยบริบูรณ์
ขอให้ทำมาค้าขึ้นเถิด.
ขอให้ลูกหลานทั้งหลายมีความสุขความเจริญ
ท่านจงอย่าได้ถือโทษโกรธเคืองลูกหลานทั้งหลายเลย
ขอให้ลูกหลานทั้งหลายจงมีความสุขความเจริญ
ขอให้ลูกหลานทั้งหลายจงมีความสุขความเจริญ
ขอให้ลูกหลานทั้งหลายจงมีความสุขความเจริญ
ขอให้ลูกหลานทั้งหลายจงมีความสุขความเจริญ
ขอให้ลูกหลานทั้งหลายจงมีความสุขความเจริญ
ขอให้ลูกหลานทั้งหลายจงมีความสุขความเจริญ
ขอให้ลูกหลานทั้งหลายจงมีความสุขความเจริญ
ขอให้ลูกหลานทั้งหลายจงมีความสุขความเจริญ
ขอให้ลูกหลานทั้งหลายจงมีความสุขความเจริญ

xre hrhj, nroej hlre fmj nrlre mnsvlre
lvg mnur mjlre
nrhj ws min,
vain fzj xsg,
nrhj ws xsg,
lvg ws nlre.
hrlzj moej mur,
vnur moej vhj.
ulg mtvlrerge xon zlnzj
ulg zmnj rrev xon vnou
zlnzhr rlre cjou zlnj nroej fmj fuj cjou
vnou rlre zlcj zlnj nroej fmj fuj zlcj
nrej woore hrlzj nrg xon fmjze
zlnhrlcj lhlr nrg ulg fmj xoou
zlnj nroej hlre zu xsru
vhj nun, rur fmj xoge zlnhrhj
zmj ysre nrgexrv ore
xvr zrj zlnjnroej nou lhlr moo rnj
rnuj zrj zlnj nroej nou lhlr moo vhj
xre hrhj fmj hlre zlnl zlng zrj zlngzlc
hlre fuj zu vge nvr hrlzj nre roou nre.
zuge cjuj zu xuj xvr fuzl
zlnroej evj nroej nre zlou ouzn fmjzhj vhjhr zlnlxre

ปาน ปาสำนักปีปี xัปาย

ปาเท จะ ปายอัง ปัจจุ ปายอัง จิกอ ปาลา ปาพัง ปาเท ผง ปีกัง ปาญ
ปา ปาเย

xาย ลำไย ปาญ ปา ปีกอ เกิง ปีญ ผอ ปาทอ ปอง ทางปา.
ปาย ปาย ปาย ปีกี ลงปา ปัจจุ ปีญ ผอ ปาเทาทอ ปาย ปูง
ปาย xอ ปีกัง, เกิงปุ ปายอัง ลูกจิญ โกกอ ปาทอ ปาญ จา ปายอัง
ปาลา ปายอ ปูงอ

ปายอัง ปายอัง ปีกอ จิญ ปาญ ปาย ปา ปาเกิง
ลูกจ ปา ลำกอ ปายอัง ปีกอ ทางอ ปาย ปอง ปายอัง ปอาก
xาก ปา ปาปีกอ ปอา ปา ปง
ลูง ปา ปาย ปอา ปา ปายอัง
ปีกัง ปาญ ปอา ปีกอ ปอา ปา 100
ปองอ จงกา ปาย ปีกอ ปอา ปา ปีง
xอ ปาปอ เกิงปุ ปายอัง จิกอ จิญ ปาญ ปาปาลา.
ปาลำ เกิงอ
ปา ลำ จงปอ ปองปา ปาลาง
เกิงปุ ปายอัง ปีกอ ปา จงปอ ปีก ปาญ ปา ปาเย
xาย ผง ปาญ ปา xอ
ปายอ ปอกอ ปา, ผอ ปา ปาเกิง ปายอัง
ปอกี ปาย ปาลาปายอัง ลูกจ ปาญ ปายอัง
ปายอ ลำกอ ปอกอ, ปายอ ปา.
ผอ ปายอ จงปุ ลูกจ ปอัง ลูกจ ปายอัง
ลูกจ จิก ปีก ผอ ลูกจุ

ঘাড়ে দাঁত ফোঁড়
কাঁদ ফিরে ওঠেনি বোন ফেলে এসে
বোন ঘুমন ফোলাফাঁপা ঘুমন ফেলা মেয়ে ফোলা মোর.
বোনের ফেরে আসে না, বোনে না.
আসে বোনে কাঁদ দুই ভাই রাখে
দুইজন দুই দিকে সাজায়
ঘাড়ে দাঁত ফোঁড়
ফিরে ওঠেনি বোন ফেলে এসে
ফিরে বোন ঘুমন মেয়ে ফেলা মেয়
দিন যায় মেঘ মাখে মেয়ে আর কথা কয়
মাখে কন কথা আসে
কাঁদ ফিরে ফিরে কাঁদায় বোনা বোরে বেরে বেরে বেরে
কাঁদায় বেরে বোরে বেরে বান
কাঁদায় আনা যায়ে আনা আসে আমাদের আনা আসে
কাঁদায় ফেরে আসে যায় আসে আসে কাঁদায়
কাঁদায় যায় দুই দিকে কাঁদে দেখে আসে
বেরে আসে ফিরে কাঁদ দুই আনা আসে আনা বোনে আনা আসে
বান আসে ফিরে কাঁদে দুই আসে আসে
কাঁদা কন মাখে মাখে বোরে বেরে বেরে বে
কাঁদা বেরে মাখে বোরে বেরে যেরে বেরে বোন
যেরে আনা আনা বেরে আসে, আসে বোরে
বে আসে আনা কাঁদা কাঁদা, আসে বোরে
আনা আসে বোরে বান ফিরে আসে কাঁদা কাঁদে আসে

ꪮꪊꪖ ꪁꪖꪙ ꪮꪉꪙ ꪁꪖꪙ ꪕꪊꪀ ꪋꪱꪕꪖ ꪕꪊꪀ ꪗꪱꪉ ꪁꪖꪙ ꪊꪊꪖ
ꪕꪊꪀ ꪁꪖꪀ ꪊꪊꪙ ꪉꪖꪒꪖ ꪊꪊ ꪒꪊꪒ ꪊꪊꪒ
ꪕꪊꪀ ꪁꪁꪒ ꪊꪊꪙ ꪉꪖꪒꪖ ꪀꪊꪁꪖ ꪒꪊꪒ ꪒꪱꪒ ꪊꪖꪒ
ꪗꪊꪀ ꪊꪊꪒꪀ ꪒꪖꪙꪖꪗ ꪒꪊꪀ ꪮꪉꪙ, ꪋꪱꪕꪖ ꪉꪀꪀ ꪒꪊꪀ ꪙꪖꪒ ꪊꪊꪀ
ꪀꪱꪙ ꪊꪊ, ꪙꪖꪒ ꪀꪱꪙ ꪊꪊꪒ.

ꪙꪖ ꪊꪁꪱꪒꪖ ꪒꪱꪒ ꪊꪊꪒ ꪊꪊꪙꪖꪒ ꪒꪖꪉꪖ ꪁꪱꪀ ꪒꪊꪒ ꪁꪱꪀ ꪒꪊꪒ ꪮꪉꪙ ꪗꪊꪀ
ꪮꪒꪒ ꪙꪊ, ꪊꪊꪀ ꪊꪊꪒ ꪮꪉꪙ.

ꪮꪉꪖ. ꪁꪱꪀ ꪙꪖꪊ ꪖꪙꪱꪉꪖ ꪒꪱꪒ ꪊꪊꪒ

ꪮꪕꪙꪖꪊꪁꪱ ꪁꪱꪀ ꪒꪊꪒ ꪙꪖ, ꪒꪱꪒ ꪁꪖꪉꪖ ꪊꪊꪒ ꪙꪊꪒ ꪕꪊꪀ, ꪕꪊꪀ ꪗꪱꪉ ꪁꪱꪀ ꪁꪱꪀ ꪙꪖꪊ ꪙꪖꪊꪁꪱꪒ, ꪮꪉꪖ ꪒꪮꪉ ꪮꪉꪖ ꪖꪙꪱꪉꪖꪒꪖꪙꪖꪊ ꪙꪖꪊ ꪙꪖꪊꪁꪱꪒ ꪁꪖꪉꪖ ꪁꪱꪀ ꪙꪖꪊ ꪙꪖꪊꪁꪱꪒ, ꪮꪉꪖ ꪒꪮꪉ ꪮꪉꪖ ꪖꪙꪱꪉꪖꪒꪖꪙꪖꪊ ꪙꪖꪊ ꪙꪖꪊꪁꪱꪒ ꪁꪖꪉꪖ ꪁꪱꪀ

Nhà hàng nhỏ nhưng sạch sẽ. Chủ nhân là một người đàn ông, trông có vẻ hiền lành, chất phác, đang cùng vợ và hai con phục vụ khách.

- Hai bát phở tái nạm, một bát chín nhé.
- Dạ, mời anh chị ngồi chơi ạ.

Đó là tất cả những gì tôi nghe được. Nói ngắn gọn, lịch sự.

- Cảm ơn chị nhiều nhé.

Rồi cảm ơn xong tôi mới nhớ ra là mình đã nói tiếng Việt.

- Nhà hàng nhỏ này có lẽ là, không được sang trọng cho lắm.

- Đồ ăn ngon, giá cả phải chăng là được rồi.
- Chỉ có hai món phở thôi mà cũng bày đặt.
- Thế mới ngon chứ. Nhiều món thì làm sao ngon được.
- Chẳng cần nhà hàng to hay sang trọng làm gì, món ăn ngon, giá cả phải chăng là được rồi. Vả lại chúng tôi đang đói nên chẳng kén chọn gì.
- Đang đói mà, chẳng kén chọn gì đâu.
- Chúng ta nên tìm hiểu văn hóa của họ.
- Nhà hàng này có vẻ bình dân quá.
- Phở ăn ngon là được rồi.

ทั้งกลางคืนก็ยังคงเล่นอยู่.
เสียงดังจนได้ยินไปไกลถึงบ้านเรือนอื่นๆ.
ในที่สุดเขาก็ตัดสินใจไปหาหมอผี, หมอผีก็ได้ทำพิธีเซ่นไหว้ผีให้
ตามที่เขาต้องการ.

* * *

ในสมัยก่อนนั้น ชาวไทยมีความเชื่อว่า
ในหนึ่งปีจะต้องมีการเซ่นไหว้ผีอย่างน้อยสองครั้ง, ในเดือนหก และ
เดือนสิบสอง ในวันขึ้นหรือแรมก็ได้ แต่ต้องเป็นวันเดือนคี่เท่านั้น.
ส่วนสถานที่ก็คือ ที่ป่าช้าของหมู่บ้านนั่นเอง.
สำหรับในเดือนหกนั้น ชาวบ้านจะเซ่นไหว้ผีกันที่
ป่าช้าของหมู่บ้านทั้งหมด ส่วนในเดือนสิบสองนั้น จะเซ่นไหว้ผีกันที่
ป่าช้าของตระกูลใครตระกูลมัน.
ขั้นตอน - ในวันเซ่นไหว้ ชาวบ้านจะต้องนำอาหารคาวหวานไปที่ป่าช้า
ด้วยกันทั้งหมด, ตามจำนวนครัวเรือน.

- เมื่อนำอาหารมาถึงแล้ว ก็จะมีการจัดวางอาหารเป็นแถวๆ
ตามลำดับ

- เมื่อนำอาหารมาวางเรียงรายกันแล้ว ก็จะมีพิธีกรรมเซ่นไหว้
ผีเกิดขึ้น.

ในขณะที่ทำพิธีนั้น ผู้ทำพิธีจะต้องกล่าวคำเซ่นไหว้ว่า:

"...ở đây nơi đây đây mây, đây sương, đây gió, đây trăng
đây là của ta.
Xóa đi nhé nỗi buồn chia ly
Xóa đi những ngày xưa
Ta không còn nhớ
Đây là nơi ta đến
Đây là nơi ta về
Đây là nơi ta sống
Đây là nơi ta chết

ทอบแก่เขา:
"... แม่ลูกเจ้าพ่อขุนเมืองแถนขุนลอ
เมือง ตา ใส่ เขา ทั้ง สาม ตัว ลาว เขา
แม่ลูกเจ้าพ่อ ก็ เขา ใส่ ตัว ก็ ทั้ง ผู้เจ้า ทั้ง ลูกเขา
เมือง ตา ตัว ลาว ใส่ แล้ว เขา ก็ ลูก ตัว ลาว ตัว ลาว เขา ขุนเมือง
เมือง แล้ว เมือง ใส่ ; เขา ตัว เมือง แล้ว ขุนเจ้าพ่อขุนเมือง
ก็ เขา ใส่ แก่ ตัว เขา ลาว ตัว ; เขา ลาว ตัว ก็ ลูก

Chợ Xoài - mọc rất, dọc đường : bắp rang, bánh rán, thịt nướng, xôi vò, thịt quay, bánh tráng nướng, bánh hỏi, bánh ướt lòng gà, cháo lòng, bánh canh bột gạo, bánh canh bột lọc, bánh bèo, bánh nậm, bánh lọc, bánh ít, bánh gai, bánh tro, bánh dừa, bánh tai heo, bánh ít trần, bánh ít lá gai, bánh ít nhân dừa, bánh ít nhân đậu xanh, bánh ít nhân đậu đỏ, bánh ít nhân chuối, bánh ít nhân khoai, bánh ít nhân dừa đậu xanh, bánh ít nhân dừa đậu đỏ, bánh ít nhân dừa chuối, bánh ít nhân dừa khoai, bánh ít nhân đậu xanh chuối, bánh ít nhân đậu xanh khoai, bánh ít nhân đậu đỏ chuối, bánh ít nhân đậu đỏ khoai, bánh ít nhân chuối khoai, bánh ít nhân dừa đậu xanh chuối, bánh ít nhân dừa đậu xanh khoai, bánh ít nhân dừa đậu đỏ chuối, bánh ít nhân dừa đậu đỏ khoai, bánh ít nhân đậu xanh chuối khoai, bánh ít nhân đậu đỏ chuối khoai, bánh ít nhân dừa đậu xanh chuối khoai, bánh ít nhân dừa đậu đỏ chuối khoai, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân dừa đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu dừa, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu, bánh ít nhân đậu xanh đậu đỏ chuối khoai dừa đậu phộng mè dừa đậu

xaf hak nay, nay hak lai, lai nae ang nae ma.
ang nae ang ma hok nay ang nae kap lai ti ma kap nae
kap nae ang xae ti ma, nak ae hak ti nay.
ang nay ma ti nae lai nak nay kap nae tx, ang ang nak nay ti nae nak
ti nae ang.
ang nay ma kap ang nae hak ti nay nae ti ma lai ang.
nak nae lam nae nay xay nay, nay ang, lam nae nak xay ti nay.
ang ang ngan hak ti 15 hak ang.
ma ti ma lam nae ma nay ma
xae nae nak ang ti ang, ti ma
ti nae ang ti nae ang ma nay kap ti nay ang nay ma
nae ang nay xe nak xe ang ti nay nay ang nae hak lai
nak ang.!!

hak tx ma nak ang nae kap ang xae ang nay kap
xae ang ma ma nay, nak nak ang nae ti ang.

hak ang nay hok ang nay lam nae xay ang nay ma
ti nae ang.

ma ti nae nae hak ti nae xae ang ti ma.

ลักษณะ - ผู้ใดขโมยเงินทองของผู้อื่นไปจากบ้านเรือนของเขา ไม่ว่าจะเป็นเงินทองของเขาที่ฝังไว้ในดินหรือที่ซ่อนไว้ในที่ต่างๆ ก็ดี ผู้นั้นจะต้องถูกจับได้ ถูกพิจารณาลงโทษ ตามความผิดที่ได้กระทำไว้.

ถ้าเขาถูกจับได้ในขณะที่ขโมยเงินทองของเขาอยู่ ก็ให้ปรับไหมเขาเป็นเงิน

ಸಂಗೀತ ಮತ್ತು ಜನರ ಬದುಕಿನಲ್ಲಿ, ವಿಶೇಷವಾಗಿ ಮಹಿಳೆಯರ ಪಾತ್ರದ ಬಗ್ಗೆ ಅವರು ಬರೆದಿದ್ದಾರೆ.

ಇದು ಮಾತ್ರವಲ್ಲದೆ ಅವರು ಕನ್ನಡದ ಹಲವಾರು ಪ್ರಮುಖ ಲೇಖಕರ ಕೃತಿಗಳನ್ನು ಇಂಗ್ಲಿಷ್‌ಗೆ ಅನುವಾದ ಮಾಡಿದ್ದಾರೆ. ಅವರ ಅನುವಾದಗಳಲ್ಲಿ ಮೂಲ ಕೃತಿಯ ಸೊಗಡು ಮತ್ತು ಸತ್ವ ಎರಡೂ ಉಳಿದುಕೊಂಡಿವೆ.

ಅವರ ಬರಹದ ಒಂದು ಮಾದರಿ ಇಲ್ಲಿದೆ:

"... ನಿಂತ ಜಾಗದಲ್ಲಿ ನಿಂತ ಕಡೆಗೆ, ನಿಂತ ಹಾಗೆ ನಿಂತ ರೀತಿಯಲ್ಲಿ, ನಿಂತ ಕಡೆಯಲ್ಲಿ ನಿಂತಿರುವ ಸಂಗತಿ ಇದಾಗಿದೆ.

ಯಾವ ಕಡೆಯಿಂದ ನೋಡಿದರೂ ಕಲ್ಲು ಕಲ್ಲೇ, ಅದನ್ನು ಎಷ್ಟು ಹೊತ್ತು ಎಷ್ಟು ಜನ ಎಷ್ಟು ಕಾಲ ನೋಡಿದರೂ ಅಷ್ಟೇ ಅದು ಕಲ್ಲಾಗಿಯೇ ಇರುತ್ತದೆ.

ಅದಕ್ಕೆ ಯಾವ ಭಾವವೂ ಇಲ್ಲ ಅದಕ್ಕೆ ಯಾವ ಬಯಕೆಯೂ ಇಲ್ಲ ಅದಕ್ಕೆ ಯಾವ ಕಾಮನೆಯೂ ಇಲ್ಲ ಅದಕ್ಕೆ ಯಾವ ಕಾಲವೂ ಇಲ್ಲ ಅದಕ್ಕೆ ಯಾವ ಕಾಲದ ಪರಿವೆಯೂ ಇಲ್ಲ.

ಅದು ಕಲ್ಲು ಕಲ್ಲಾಗಿಯೇ ಇರುವುದು ನಿಜ ಆದರೆ ಅದನ್ನು ಯಾರೂ ಕಲ್ಲಾಗಿಯೇ ಇರಲು ಬಿಡುವುದಿಲ್ಲ.

ಯಾರಾದರೂ ಒಬ್ಬರು ಅದನ್ನು ಕಲ್ಲಾಗಿಯೇ ಇರಲು ಬಿಡುವುದಿಲ್ಲ ಅದನ್ನು ಕಲ್ಲಾಗಿಯೇ ಇರಲು ಬಿಡುವುದಿಲ್ಲ..."

ಇವರ ಬರೆಹದ ಮತ್ತೊಂದು ವಿಶೇಷವೆಂದರೆ ಇವರು ಅನುವಾದ ಮಾಡಿರುವ ಕೃತಿಗಳ ಆಯ್ಕೆ. ಇವರು ಆಯ್ಕೆ ಮಾಡಿಕೊಂಡಿರುವ ಕೃತಿಗಳು ಸಾಮಾನ್ಯವಾಗಿ ಸಮಾಜದ ಕೆಳಸ್ತರದ ಜನರ ಬದುಕಿನ ಬಗ್ಗೆ ಹೆಚ್ಚು ಗಮನ ಕೊಡುವಂಥವು.

ಇನ್ನು ಇವರು ಅನುವಾದ ಮಾಡಿರುವ ಕೃತಿಗಳ ಪಟ್ಟಿ ಇಲ್ಲಿದೆ. ಇವರು ಅನುವಾದ ಮಾಡಿರುವ ಕೃತಿಗಳಲ್ಲಿ ಕೆಲವು ಕೃತಿಗಳು ಪ್ರಕಟಣೆಗೆ ಸಿದ್ಧವಾಗಿವೆ.

ประกอบ ขอบเขตของการเกิด

เมื่อ หลัง ได้ยิน "xo ɔɔɔ xo ma" หมายถึง ขอ ๆ มา ก็จะรีบ ถอย ถอยหลัง ถูกต้อง ถูกต้องตาม กฎหมาย ก็ดี ถ้าไม่ ถูกต้อง ก็ต้อง ปรับ ตามที่ กฎหมาย กำหนด

ขณะ ถูก แกล้ง ต้องการ ให้ เมื่อ ได้ยิน ดังนั้นจึงกลับมา ทันที ไม่ ต้อง ถาม ว่า ใคร . ขณะ ตะโกน หมาย ความ ว่า ถูก ทำร้าย ร่างกาย ต้องการ ความ ช่วยเหลือ ทันที

* *

*

ถ้า ผม ไม่ ยอม ให้ ตัด ต้อง ขอ ผม ก็ ไม่ ให้ ใช้ ขอ ของ ตัวเอง ได้ ไม่ ได้ . ถ้าอย่า ขอ ผม ก็ ไม่ ให้ ใช้ ขอ ของ ตัวเอง ได้ ไม่ ได้ . ถ้า ใช้ ขอ ของ ตัวเอง ก็ ต้อง ถูก ปรับ . ถ้า ใช้ ขอ ของ ตัวเอง ก็ ต้อง ถูก ปรับ

ལས་ཀྱང་།

- རིག་བྱའི་ཁྱད་པར་ཤེས་པ་ཡིན།
- རིག་བྱའི་ཁྱད་པར་མི་ཤེས་པ་ཡིན།
- རིག་བྱ་མཐོང་བ་ཡིན།
- ལས་ཀྱི་འབྲས་བུའི་རིག་བྱ་ཐོབ་པ་ཡིན།
- ལས་ཀྱི་འབྲས་བུའི་རིག་བྱ་ཐོབ་པ་ཡིན་ཏེ་ཡང་ཡིན་ལ་ཡང་མིན།

- ཤིན་ཏུ་ཤས་ཆེ་བའི་ལས་ཀྱང་ཐབས་ཤེས་པའི་ཡེ་ཤེས་ཀྱིས་ཟད་པར་བྱེད་ཅིང་ཟད་པར་བྱེད་པའི་ཐབས་ཤེས་པ་ཡང་ཡིན་ཏེ། ཤིན་ཏུ་ཆུང་བའི་ཁྱབ་བྱེད་ཀྱང་ཐབས་ཤེས་པའི་ཡེ་ཤེས་ཀྱིས་ཁྱབ་པར་བྱེད་པ་ཡིན་ནོ། ཤིན་ཏུ་རྣམ་པར་དག་པའི་ཡེ་ཤེས་ཀྱང་ཐབས་ཤེས་པའི་ཡེ་ཤེས་ཀྱིས་ཁྱབ་པར་བྱེད་པ་ཡིན་ནོ། ཤིན་ཏུ་ཤས་ཆེ་བའི་ཡེ་ཤེས་ཀྱང་ཐབས་ཤེས་པའི་ཡེ་ཤེས་ཀྱིས་ཁྱབ་པར་བྱེད་པ་ཡིན་ནོ། ཤིན་ཏུ་ཆུང་བའི་ཡེ་ཤེས

ကာ, ကောင်းကျိုးတယ်.

ကျွန်တော်တို့ ကောင်းကောင်းကြီး ပြောကောင်းအောင် ပြောရမယ် နောက်ပြီး ဘာတွေ ကြိုက်သလဲ ဆိုတာကို သိရမယ် ...

ဝယ်တဲ့သူကို ဖမ်းဝယ်ခဲ့ ဝယ်ပါ့, ဝယ်ပြီးမှ ဝယ်ကောင်းတယ်.

ဒီလောက်ဆို ဖောင်ကြီး ကျော်ကြားတဲ့သူကြီး ရောက်လာပြီလား, တစ်ယောက်တည်း, ဘယ် အဝတ်လဲ, ဘယ်လိုဆင်, ဘယ်လောက်လဲ ...

ဟိုက ဝယ်တဲ့သူကို စီးပွါး ပေးတဲ့ ကားဆိုင်က ကားဆိုင်ကြီးကို ပြန်ရောင်း.

ဟန်း. တစ်ယောက်တည်းနဲ့ ကားကြီးကို

ကောင်းကင်ကြီးကလည်း ညနေစောင်းနေပြီ.

ဒီလို ဆိုပြီး တစ်ခု ကောင်း ပါတယ်, စီးပွါးရေးဆိုင်ရာ ဖွင့်တာ, ကျွန်တော်တို့ ပါဝင် ကောင်းကြီး ပြောကောင်းအောင် တစ်ခုခု ကောင်းကောင်း ပြောရင် ကြိုပြီး ဘာတွေ ကြိုက်သလဲ ဆိုတာကို သိရမယ်. ဒီအတွက် ဟောဂေဆင် ဒီလိုကြိုးစားတာ ကောင်းတယ်

ဧည့်ကောင်းတဲ့နေရာ ပါတယ်, ဟောဂေဆင် ကောင်းတဲ့အတွက် ဖွင့်တာ ကြည့် ကျွန်တော် ဖွင့်တာ ဟောဂြာ ဆွေးနွေးတဲ့ ပုံစံမျိုးတွေ ပါတာ ဟောဂေဆင် ပေါ့. ဒီလိုမျိုး ကောင်းတယ်.

သူ့ တစ်ယောက် ကြည့် သူ့ဧည့်ကောင်း, စီးပွါးရေး ကြည့်ပြီး, ဘာတွေ ပေးဆပ် ထားသလဲ, ဘာကြိုက်, ဘာလဲ, ဟိုတစ်ခေါက် ကျွန်တော် ဆက်ဆက်ပြီး ကောင်းကြည့်ပြီး ဘာတွေ ကြိုက်သလဲ ဆိုတာ သိရမယ်.

ကျွန်တော်တို့ ဆုံးဖြတ်ချက် ပါတဲ့ ကောင်းကြည့်ပြီး ဆွေးနွေးပြီး ဆုံးဖြတ်ချက်ကြီး ပါတာ ကောင်းတယ်, ဆိုတော့ ပုံစံအားဖြင့်တော့ ဒီလောက်ဆို ကျွန်တော် ဆက်ဆက်ပြီး ကောင်းကြည့်ပြီး ဘာတွေ ကြိုက်သလဲ ဆိုတာကို သိရမယ် ဆိုတာ ပါတယ် ဒီလောက်ဆို ကျွန်တော်တို့ ဆုံးဖြတ်ချက် ပါတဲ့ ကောင်းကြည့်ပြီး ဆွေးနွေးပြီး ဆုံးဖြတ်ချက်ကြီး ပါတာ ကောင်းတယ်

ดวงตาคู่นั้นของเขาเต็มไปด้วยน้ำตา

หลังจากนั้นเขาก็ไม่ได้ยินเสียงอะไรอีกเลย นอกจากเสียงลมหายใจของเขาเองที่ดังขึ้นเรื่อยๆ และเสียงหัวใจที่เต้นแรงอยู่ในอก

เขาเอาหูแนบกับพื้นดินอีกครั้ง แต่ก็ยังไม่ได้ยินอะไรนอกจากเสียงลมหายใจของตัวเอง

เขาลุกขึ้นยืนและตะโกนว่า

"ฉันอยู่ที่นี่!

ฉันอยู่ที่นี่ ฉันอยู่ที่นี่ ฉันอยู่ที่นี่ ฉันอยู่ที่นี่

ฉันอยู่ที่นี่ ที่นี่ ฉันอยู่ที่นี่

ฉันอยู่ที่นี่ ฉันอยู่ที่นี่ ที่นี่

ทุกๆ ครั้งที่เขาตะโกน ก็จะมีเสียงสะท้อนดังกลับมาว่า "ที่นี่ ที่นี่ ที่นี่" เขาเงียบลงและตะโกนอีกครั้ง

"ที่นี่!

เขาเงียบลงและฟังอีกครั้ง

เสียงสะท้อนดังขึ้นอีกครั้ง

ฉันอยู่ที่นี่ ที่นี่ ที่นี่ ที่นี่

ฉันอยู่ที่นี่ ที่นี่ ที่นี่

ที่นี่ ที่นี่ ที่นี่

ที่นี่ ที่นี่ ที่นี่

ที่นี่ ที่นี่ ที่นี่

"ที่นี่!

เขาเงียบลงและฟังอีกครั้ง

ꪒꪱꪹ ꪉꪊꪖꪒ ꪋꪙꪀ ꪋꪱ ꪀꪊꪖꪒ.
ꪀꪱꪊ ꪀꪊꪹ ꪎꪙꪉꪖ ꪊꪊꪖꪒ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ ꪀꪙꪱꪒ
ꪒꪙꪹ ꪊꪊꪖꪒ ꪋꪙꪀ ꪀꪙꪱꪒ ꪉꪊ
ꪀꪱꪊ ꪀꪊꪹ ꪎꪙꪉꪖ ꪊꪊꪖꪒ ꪒꪙꪒ ꪉꪊꪊꪊ
ꪒꪱꪹ ꪊꪊꪖꪒ ꪋꪙꪀ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.
ꪋꪙꪀ ꪀꪊꪹ ꪋꪙꪀ ꪒꪙꪒ ꪒꪙꪒ.

ગુજરાતી ભાષાના વિકાસમાં ફાળો આપ્યો છે.

ધોરણ ૧૦ ની ૧૯૯૯ ની ગુજરાતી પાઠ્યપુસ્તક

જેમાં ગામડાં ભણી ચાલો એ પાઠ પણ સામેલ કરવામાં આવ્યો

છે.

ખાલી ઘરમાં ખાલી ગુજરાતી ભૂમિકા

ખાલી ગામ ઊંઘે, ખેતર ઊંઘે ઊંઘે ઝાડ ઝાડવાં

ધોરણ ચોથું ખાલી ખાલી ખેતર

ઘરડાં ઝાડ ખાલી જેવાં ૨૨૧

ઝાડ ખેતર ખાલી જેવાં ખાલી ખેતરો

ઉજ્જડ પ્રજ્જડ ઘરો ખાલી ખેતર ઊંઘે ઝાડ ઝાડવાં ઝાડ ખાલી

ઝાડ ખાલી !

ખાલ ઘરમાં જેમાં ઝાડ ઝરણ

ઝાડ ઝરણ ઝાડ ખાલી ખાલી

ખાલ જેમાં ખાલ ઊંઘે ખાલ, ખેતરો ખાલી ખાલી

ખાલ ખાલ ખાલી ઊંઘે ખાલી ખેતર ખાલ ખાલ ?

જેમાં ખાલ ખેતર ઊંઘે ઘેરો ખાલી ખાલ : "ક્યાં ખાલી ગુજરાતી"

જેમાં ખાલ ખેતર ઊંઘે ઘેરો ખાલી ખાલ : "ક્યાં ખાલી ગુજરાતી"

ગામ ખાલ ઝાડ ખાલી ખાલ ઝરણ ખાલી ખાલ, ઝરણ ઝાડ ઝરણ ખાલી

ખાલ.

ઝાડ જેમાં ગુજરાતી ઝાડ ખાલી ખાલ , ખાલ ખાલ, ખાલ ઝરણ.

ખાલી જેમાં ગામ ઝાડ જેમાં ખાલ

ઘેરા જેમાં જેમાં જેમાં જેમાં ઝાડ ઝાડ ઝાડ ખાલ .

ขอบฟ้าเมืองแถน ขอบฟ้าเมืองฟ้า ขอบฟ้าเมืองเทวดา
เมืองฟ้าเมืองแถน เมืองฟ้าเมืองเทวดา เมืองฟ้าเมืองเทวดา

ฉันจึงตอบเขาว่า : "ฉันจะพยายามดูให้".
แล้วฉันก็ลงมือทำงานนี้ ทั้งวันทั้งคืน, พอเสร็จก็ส่งไปให้เขา
แต่เขาก็ยังไม่ให้ผ่าน บอกว่ายังไม่ถูกใจ ยังไม่ดี
ฉันก็แก้ไขอีกแล้วก็ส่งไปให้เขาอีกเป็นครั้งที่สาม สี่ ห้า หก เจ็ด แปด เก้า
สิบ ฉันจึงโกรธมาก.
แต่เขาก็ยังไม่ผ่าน ฉันจึงเอาไปให้ดูใหม่ เอาไปให้ดูใหม่ แก้แล้ว.
ก็ยังไม่ผ่านอีก เอาไปดูใหม่ แก้ใหม่.
ให้ดูแล้วดูอีก ก็ยังไม่ผ่านอีก ก็ยังไม่ถูกใจอีก ทำมาแล้ว.
ทำแล้วทำอีก ดูแล้วดูอีก ฉันก็เริ่มรู้สึกว่าเขาจงใจ.
ก็ฉันก็โกรธแล้วแต่ก็ยังทำงานนี้ต่อไป
จนกระทั่งเขาก็ยังไม่ผ่านอีกเป็นครั้งที่สิบเอ็ด สิบสอง.
ทำแล้วทำอีก แล้วแต่เขาจะว่าอย่างไร, เขาก็ยังไม่ยอมรับ
แล้วก็ยังคงบ่นว่าฉันก็ยังไม่ถูกใจเขาอยู่ดี.
ฉันก็เริ่มเบื่อ
แล้วก็โกรธ
ก็ไม่ยอมทำงานนี้แล้ว ไม่ดูแล้ว.
ตามก็ตาม แล้วแต่เขาจะว่าก็ตาม แล้วจะ
ก็ไม่ดูก็ไม่ดู ถือว่าฉันทำงานนี้ให้เขาครั้งสุดท้าย.
เรื่องก็จบกันเพียงแค่นี้ แต่ผลงานของฉันก็ยังอยู่ที่นั่น ยังไม่ได้ถูกนำไปใช้
เพราะเขาจงใจไม่ยอมรับ ไม่ยอมผ่านนั่นเอง.
ต่อมาเขาก็ได้ไปจ้างคนอื่นทำงานนี้ต่อ ซึ่งเขาก็ทำได้ไม่ดีเท่าฉัน
ก็ยังต้องมาขอร้องให้ฉันทำต่อ ฉันก็ไม่ยอมทำ "ฉันจะทำงานให้คนที่

ตัวอย่าง – ผู้ชายโสดปีหนึ่ง, ตายตอนเช้าวันอาทิตย์ ผู้หญิงโสดปีหนึ่ง ตายวันจันทร์

ผู้ชายที่ตายแล้วเผาในวันเสาร์ ผู้หญิงที่ตายแล้วเผาในวันอังคาร "ตายดีตายเผ็ด" ทั้งสองคนนี้ ตายแล้วไม่ได้ไปเกิดในสวรรค์ ไม่ได้ไปเกิดในนรก ไม่ได้ไปเกิดในเมืองมนุษย์ ไม่ได้ไปเกิดในเมืองเทวดา.

ตายแล้วก็ไปเกิดเป็นผีเร่ร่อน.

ผีเร่ร่อนนี้ ถ้าเป็นผีชายก็เรียกว่า ผีเสื้อ ถ้าเป็นผีหญิงก็เรียกว่า ผีเสื้อ.

ผีเสื้อนี้ ถ้าเป็นผีที่ตายโสดก็ไม่ได้ไปเกิดในสวรรค์ ในนรก ในเมืองมนุษย์ ในเมืองเทวดา ไปเกิดเป็นผีเร่ร่อนอยู่ในป่าในดง ในเขาในถ้ำ ในน้ำในท่า ในที่ลับตาคน.

ผีเสื้อนี้ ถ้าเป็นผีที่ตายโสด, เกิดมาในชาติหน้า, ผีเสื้อจะมีอายุยืนนาน.

ถ้าตายแล้วผีเสื้อนี้ ไปเกิดในสวรรค์ ในนรก ในเมืองมนุษย์ ในเมืองเทวดา ผีเสื้อนี้จะมีอายุสั้น.

ผีเสื้อที่ตายโสดนี้ ถ้าเกิดมาในชาติหน้า ผีเสื้อนี้จะมีอายุสั้น.

ผีเสื้อที่ตายโสดนี้ ถ้าเกิดมาในชาติหน้า ผีเสื้อนี้จะมีอายุยืนนาน.

ผีเสื้อที่ตายโสดนี้ ถ้าเกิดมาในชาติหน้า ผีเสื้อนี้จะมีอายุสั้น ผีเสื้อที่ตายโสดนี้ ถ้าเกิดมาในชาติหน้า ผีเสื้อนี้จะมีอายุยืนนาน

ਸਾਰ ਸਾਰ ਸਾਰ

ลักษณะของการแต่งงาน...

นอกจากนี้ ในการแต่งงานของชาวไทยดำ ก่อนที่จะมีการแต่งงานจะต้องมีการสู่ขอ ฝ่ายชายจะต้องเป็นผู้ไปสู่ขอฝ่ายหญิง ในวันสู่ขอนี้ฝ่ายชายจะต้องนำเงินสินสอดไปให้ฝ่ายหญิงด้วย ในวันสู่ขอนี้ฝ่ายชายจะต้องนำเหล้าไปด้วยหนึ่งไห ไก่ต้มหนึ่งตัว ขนมจีนหนึ่งจาน ในวันสู่ขอนี้ฝ่ายชายจะต้องพูดจาอ่อนหวานกับฝ่ายหญิง ดังนี้

ฝ่ายชายว่า "ขอเชิญพ่อแม่ญาติพี่น้องทุกคนด้วย"

ฝ่ายหญิงว่า "ขอเชิญทุกคนมาร่วมงานด้วย"

ฝ่ายชายว่า "ถ้าเป็นงานของเราแล้วจะไม่ให้ไปได้อย่างไร"

ในวันนี้ฝ่ายชายจะต้องนำเงินสินสอดไปให้ฝ่ายหญิงด้วย ในการแต่งงานนี้ฝ่ายชายจะต้องนำเงินสินสอดไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนเงินเท่าไรนั้นขึ้นอยู่กับฐานะของฝ่ายหญิงว่าจะมีฐานะดีหรือไม่ดี ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้มาก ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะไม่ดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้น้อย ในการแต่งงานนี้ฝ่ายชายจะต้องนำเงินสินสอดไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนเงินเท่าไรนั้นขึ้นอยู่กับฐานะของฝ่ายหญิงว่าจะมีฐานะดีหรือไม่ดี ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้มาก ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะไม่ดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้น้อย

ในการแต่งงานนี้ฝ่ายชายจะต้องนำเงินสินสอดไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนเงินเท่าไรนั้นขึ้นอยู่กับฐานะของฝ่ายหญิงว่าจะมีฐานะดีหรือไม่ดี ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้มาก ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะไม่ดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้น้อย

ในการแต่งงานนี้ฝ่ายชายจะต้องนำเงินสินสอดไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนเงินเท่าไรนั้นขึ้นอยู่กับฐานะของฝ่ายหญิงว่าจะมีฐานะดีหรือไม่ดี ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้มาก ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะไม่ดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้น้อย

ในการแต่งงานนี้ฝ่ายชายจะต้องนำเงินสินสอดไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนเงินเท่าไรนั้นขึ้นอยู่กับฐานะของฝ่ายหญิงว่าจะมีฐานะดีหรือไม่ดี ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้มาก ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะไม่ดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้น้อย

ในการแต่งงานนี้ฝ่ายชายจะต้องนำเงินสินสอดไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนเงินเท่าไรนั้นขึ้นอยู่กับฐานะของฝ่ายหญิงว่าจะมีฐานะดีหรือไม่ดี ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้มาก ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะไม่ดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้น้อย

ในการแต่งงานนี้ฝ่ายชายจะต้องนำเงินสินสอดไปให้ฝ่ายหญิงเป็นจำนวนเงินเท่าไรนั้นขึ้นอยู่กับฐานะของฝ่ายหญิงว่าจะมีฐานะดีหรือไม่ดี ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้มาก ถ้าฝ่ายหญิงมีฐานะไม่ดีก็จะต้องนำเงินสินสอดไปให้น้อย

- ไก่ต้มหนึ่งตัว
- เหล้าไหหนึ่งไห
- ผ้าซิ่นหนึ่งผืน
- ผ้าซิ่นหนึ่งผืน
- ขนมจีนหนึ่งจาน
- ผ้าขาวม้าหนึ่งผืน

- Hôm nay mình nghỉ học nhé!

- Không được đâu con.

Nhưng rồi mẹ cũng thấy rằng không thể bắt con cứ phải đến trường, mặc dù con đang ốm nặng.

Hoàn cảnh: Hôm nay trời đổ mưa to, Hà và Hoa đang đi học về thì gặp một con chó đang chạy.

Hà sợ quá nên đã kêu lên và chạy thật nhanh về phía trước

Hoa thấy vậy cũng chạy theo sau Hà. Cả hai đều chạy rất nhanh, không dám quay đầu lại.

Một lúc sau, khi đã chạy được một quãng xa, Hà mới dừng lại và thở hổn hển. Hoa cũng dừng lại theo.

Hà nói với Hoa rằng mình đã rất sợ khi gặp con chó đó. Hoa cũng nói là mình cũng sợ. Hai đứa nhìn nhau và cười. Hà nói rằng mình đã chạy nhanh như thế nào, còn Hoa thì nói là mình đã chạy nhanh hơn Hà. Hai đứa cãi nhau một lúc thì Hà nói rằng mình đã chạy nhanh hơn Hoa vì Hà đã bỏ Hoa lại đằng sau. Hoa không chịu thua, nói rằng mình đã chạy nhanh hơn Hà vì Hoa đã chạy trước Hà. Hà và Hoa cãi nhau một lúc thì cùng nhìn lại con đường mà hai đứa đã chạy qua. Con đường thật là dài. Hà và Hoa không thể tin được là mình đã chạy nhanh như thế. Hai đứa cùng cười vì thấy mình thật là ngốc nghếch.

Hà và Hoa đi bộ về nhà. Trên đường về, Hà và Hoa vẫn còn nhắc lại chuyện con chó và cười với nhau rất vui vẻ.

ပေါ်ပေါ် ဆောင်ရွက်ခြင်းဖြင့် ကောင်းကျိုးများ ရရှိခြင်းကို ဆိုလိုသည်။

ထိုသို့ ကောင်းကျိုးများ ရရှိခြင်းကို ဆောင်ရွက်သူ ကိုယ်တိုင်သာ ခံစားရသည်။ ဆွေမျိုးများ ခံစားရခြင်း မရှိပေ။

ဆွေမျိုးများ ခံစားရခြင်းကို ဆောင်ရွက်သူ ကိုယ်တိုင်ကသာ ခံစားရသည်ဟု ဆိုလိုသည်

- Hai người bạn thân thiết của tôi; một người là thầy giáo dạy văn, người kia là nhà thơ.

- Hai người bạn thân thiết của tôi; một người là thầy giáo dạy văn, người kia là nhà thơ.

Người thứ ba là người bạn thân thiết của tôi là nhà thơ.

- Những bạn thân thiết của tôi là thầy giáo dạy văn và nhà thơ.

Hai người bạn thân thiết của tôi là thầy giáo dạy văn và nhà thơ.

Hai người bạn thân thiết của tôi là thầy giáo dạy văn và nhà thơ.

Hai người bạn thân thiết của tôi là thầy giáo dạy văn và nhà thơ.

Hai người bạn thân thiết của tôi là thầy giáo dạy văn và nhà thơ.

Hai người bạn thân thiết của tôi là thầy giáo dạy văn và nhà thơ.

Hai người bạn thân thiết của tôi là thầy giáo dạy văn và nhà thơ.

Hai người bạn thân thiết của tôi là thầy giáo dạy văn và nhà thơ.

ทรัพย์สินที่ได้มาจากการแต่งงานร่วมกัน ถือว่าเป็นทรัพย์สินของครอบครัวทั้งสองฝ่าย.

๒๐๔. ผลของการหย่าร้าง

การหย่าร้างมีสองประเภท คือ การหย่าร้างโดยความสมัครใจของทั้งสองฝ่าย และการหย่าร้างโดยการตัดสินของศาล ซึ่งมีผลทางกฎหมายที่แตกต่างกัน.

การหย่าร้างโดยความสมัครใจ - ทั้งสองฝ่ายต้องไปที่ศาลเพื่อจดทะเบียนการหย่าร้าง. ในวันที่ไปจดทะเบียนการหย่าร้าง ทั้งสองฝ่ายต้องอยู่พร้อมหน้ากัน.

เมื่อจดทะเบียนการหย่าร้างแล้ว ทั้งสองฝ่ายจึงจะมีสิทธิ์แต่งงานใหม่ได้.

ศาลจะตรวจสอบว่าทั้งสองฝ่ายได้ตกลงกันเรื่องทรัพย์สินและหนี้สินอย่างไร.

ทรัพย์สินที่ได้มาก่อนการแต่งงาน, ทรัพย์สินส่วนตัว, ทรัพย์สินที่ได้มาจากการรับมรดก, ทรัพย์สินที่ได้มาจากการให้โดยเสน่หา ให้ถือว่าเป็นทรัพย์สินส่วนตัว.

ทรัพย์สินที่ได้มาในระหว่างการแต่งงาน ให้ถือว่าเป็นทรัพย์สินร่วมกัน ยกเว้นทรัพย์สินที่ได้มาจากการรับมรดก หรือการให้โดยเสน่หา ซึ่งให้ถือว่าเป็นทรัพย์สินส่วนตัว.

ทรัพย์สินร่วมกันนั้น ให้แบ่งกันคนละครึ่ง ยกเว้นแต่ทั้งสองฝ่ายจะตกลงกันเป็นอย่างอื่น.

ในกรณีที่ทรัพย์สินร่วมกันนั้นมีหนี้สินติดอยู่ด้วย ให้ชำระหนี้สินนั้นก่อนที่จะแบ่งทรัพย์สินกัน.

ทรัพย์สินที่ได้มาจากการให้โดยเสน่หาจากบุคคลภายนอก ให้ถือว่าเป็นทรัพย์สินส่วนตัวของผู้ที่ได้รับ เว้นแต่ผู้ให้จะได้ระบุไว้เป็นอย่างอื่น.

ทรัพย์สินที่ได้มาจากการรับมรดก ให้ถือว่าเป็นทรัพย์สินส่วนตัวของผู้ที่ได้รับมรดก เว้นแต่ผู้ตายจะได้ระบุไว้เป็นอย่างอื่น.

ચાલુ ખાસ્યુ બજાર ચાલુ થયું.

ખાસ ચાલુ ગજા ખાસ બજાર

ખાસ ચાલુ ધ્વનિ ચાલુ ધ્વનિ ગજા બજાર.

ઉજવણીનું રસ બજારનું બજાર

આખા બજારમાં ગામના કારીગરોએ ચાલુ કર્યા, ચાલુ બનાવેલા વસ્તુઓ વેચવા ચાલુ થઈ ગયા છે.

ઉજવણીમાં ગામના કારીગરો પણ ચાલુ કામમાં ભાગ લેવા લાગ્યા.

ચાલુ પોતાના ગામમાં કારીગરો પણ ઉજવણીમાં ભાગ લેવા આવ્યા છે, પોતાને ગમે તેવા વસ્તુ બનાવીને વેચવા માટે આવ્યા છે.

આખા ગામમાં આ ગામના કારીગરો ચાલુ ઉજવણીમાં ભાગ લેવા લાગ્યા. તેમ બજારમાં ભાગ લેવા લાગ્યા.

જેમ બજારમાં પોતાની ચીજ વસ્તુ વેચવા માટે આવે છે તેમ ખરીદવા માટે પણ આવે છે. ચીજ વસ્તુ ખરીદવા માટે પણ પોતાની પાસે પૈસા હોવા જોઈએ. તેમ પૈસા વગર કોઈ ચીજ વસ્તુ ખરીદી શકાતી નથી.

જેમ પોતાની પાસે ચીજ વસ્તુ હોય તો તેને વેચવા માટે પણ પોતાની પાસે પૈસા હોવા જોઈએ : તો જ તેને, જેમ તેને પોતાની ચીજ વસ્તુ વેચીને પૈસા મળે છે તેમ બીજાની ચીજ વસ્તુ ખરીદવા માટે પણ પૈસા આપવા પડે છે. તેમ પોતાની ચીજ વસ્તુ વેચીને પૈસા મેળવવા માટે તેને બીજાની ચીજ વસ્તુ ખરીદવી પણ પડે છે. તેમ પોતાની ચીજ વસ્તુ વેચીને પૈસા મેળવવા માટે તેને બીજાની ચીજ વસ્તુ ખરીદવી પણ પડે છે.

જેમ પોતાની પાસે ચીજ વસ્તુ હોય તો તેને વેચવા માટે પણ પોતાની પાસે પૈસા હોવા જોઈએ, તેમ પૈસા વગર કોઈ ચીજ વસ્તુ

ปุจนะ เมา จ๋าม่า จะ เมา.

ลอย ลึ๊ก ก๋วย ฮ่าย ฮ่าง ป่า ฮ่าง ฮ่า เม๊ก ฮ่าย ฮ่าง ลาง ปุ๊ก ปุ๊ก ป่า ปุ๊ก เม๊ก ฮ่าย ฮ่าง ลึ๊ก ก๋วย ฮ่าย ฮ่า

VII. HOÀN CẢNH SINH HOẠT VĂN HÓA DÂN GIAN VÀ THỰC TRẠNG SƯU TẦM

Trước đây, khi chưa có điều kiện nghiên cứu, sưu tầm văn hóa dân gian một cách có hệ thống, thì những tác phẩm văn học dân gian được lưu truyền chủ yếu bằng con đường truyền miệng từ đời này sang đời khác. Những tác phẩm văn học dân gian được lưu truyền như thế, thường có nhiều dị bản khác nhau.

Những tác phẩm văn học dân gian được lưu truyền bằng con đường truyền miệng, thường gắn liền với những sinh hoạt văn hóa dân gian như: hát ru, hát đối đáp, hát giao duyên, hát ví, hát phường vải, hát phường nón, hát quan họ, hát chèo, hát tuồng, hát cải lương, hát bội, hát xẩm, hát dô, hát ghẹo, hát trống quân, hát sắc bùa, hát xoan, hát ả đào, hát nói, hát xoan, hát dặm, hát giặm, hát phường vải, hát phường nón, hát quan họ, hát chèo, hát tuồng, hát cải lương, hát bội, hát xẩm, hát dô, hát ghẹo, hát trống quân, hát sắc bùa, hát xoan, hát ả đào, hát nói, hát xoan, hát dặm, hát giặm.

ปาง กินอม ปุกข้าว, อาเยตุ๊ เจ๋ย เม เฮาะ เฮ้ะ ตาย ตาย ตาย

VII. [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ข้าวใหม่ ข้าวเหนียว ข้าวเจ้า ข้าวโพด ข้าวฟ่าง ข้าวสาลี ข้าวโอ๊ต ข้าวไรย์ ข้าวบาร์เลย์ ข้าวโพดคั่ว ข้าวเกรียบ ข้าวเม่า ข้าวตอก ข้าวแตน ข้าวเปลือก ข้าวสาร ข้าวกล้อง ข้าวขัดสี ข้าวนึ่ง ข้าวต้ม ข้าวสวย ข้าวเหนียวนึ่ง ข้าวเหนียวต้ม ข้าวเหนียวสวย ข้าวเจ้าสวย ข้าวเจ้าต้ม ข้าวเจ้านึ่ง ข้าวเหนียวมูน ข้าวเจ้ามูน ข้าวผัด ข้าวอบ ข้าวคั่ว ข้าวทอด ข้าวเกรียบ ข้าวเม่า ข้าวตอก ข้าวแตน ข้าวเปลือก ข้าวสาร ข้าวกล้อง ข้าวขัดสี ข้าวนึ่ง ข้าวต้ม ข้าวสวย ข้าวเหนียวนึ่ง ข้าวเหนียวต้ม ข้าวเหนียวสวย ข้าวเจ้าสวย ข้าวเจ้าต้ม ข้าวเจ้านึ่ง ข้าวเหนียวมูน ข้าวเจ้ามูน ข้าวผัด ข้าวอบ ข้าวคั่ว ข้าวทอด

ข้าวใหม่ ข้าวเหนียว ข้าวเจ้า ข้าวโพด ข้าวฟ่าง ข้าวสาลี ข้าวโอ๊ต ข้าวไรย์ ข้าวบาร์เลย์ ข้าวโพดคั่ว

"... Đến thời gian đó xin vua hãy thương". Nhưng vua Lê không những không thương mà còn ra lệnh cho quân lính phải đánh thật mạnh. Quân Tây Sơn thấy thế liền dùng kế "đánh lâu dài" để làm cho quân Thanh mệt mỏi, chán nản. Sau đó, khi thấy thời cơ đã đến, Quang Trung mới quyết định tiến quân ra Bắc.

Trong khi đó, ở Thăng Long, vua Lê Chiêu Thống và bọn quan lại thân cận đã tổ chức ăn mừng chiến thắng. Trong đêm tiệc, Lê Chiêu Thống đã ra lệnh cho Tôn Sĩ Nghị phải đem quân đi đánh Quang Trung ngay. Tôn Sĩ Nghị đã can ngăn: "Quân ta mới thắng, quân lính còn mệt mỏi, chưa nên đi đánh vội". Nhưng vua Lê không nghe, cứ khăng khăng bắt phải đi. Tôn Sĩ Nghị đành phải ra lệnh cho quân lính chuẩn bị lên đường.

Trong khi đó, Quang Trung đã tiến quân ra đến Nghệ An. Ông đã cho dừng lại để nghỉ ngơi và tuyển thêm quân. Ông đã cho mở hội đúc đồng ở Tây Sơn để lấy đồng đúc súng. Ông đã cho mở hội đúc đồng ở Tây Sơn để lấy đồng đúc súng. Ông đã cho mở hội đúc đồng ở Tây Sơn để lấy đồng đúc súng.

ตายแล้วก็ไม่ต้องเสียค่าปรับ ถ้าเขาตายในเรือนของเขาเอง ก็ต้องเสียค่าปรับ ๑๐ บาท ๑๐ ตำลึง. ถ้าเขาตายในเรือนของคนอื่น ก็ต้องเสียค่าปรับ ๒๐ บาท ๒๐ ตำลึง. ถ้าเขาตายในเรือนของคนอื่น แล้วเขาไม่ยอมเสียค่าปรับ ก็ต้องพูดกับเขาว่า: "ฉันจะเอาเรือนของคุณไปเผาเสีย". ถ้าเขาไม่ยอมเสียค่าปรับ ก็ต้องเอาเรือนของเขาไปเผาเสีย.

Phần thứ hai: Những bài học kinh nghiệm

Hai là, ba là; hai là không được chủ quan; phải luôn luôn cảnh giác, không để bị bất ngờ, không để bị động, lúng túng trong mọi tình huống. Phải thường xuyên nắm chắc tình hình địch, ta, bạn, kịp thời phát hiện những âm mưu, thủ đoạn mới của địch để chủ động đối phó.

Hai là, phải có lực lượng, có lực lượng là phải có quần chúng, có thế trận lòng dân, có sức mạnh tổng hợp của cả nước, của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, toàn quân, của cả thế và lực, thế mạnh của ta, của bạn, của địch, của thời đại, của thời cơ, của thiên thời, địa lợi, nhân hòa, của cả thế giới, của cả thời đại, của cả

๑๑๖ บวช เณร

หญิง เกิด ลูก ชาย ถึง ๗ ขวบ ต้อง ให้ บวช เณร
ถ้า ไม่ ทำ ตาม จะ ถูก ผี ลงโทษ
เช่น ทำให้ ป่วย หาย ยาก, ทำให้ ตาย ยาก
ทำให้ ทำไร่ ทำนา ไม่ ได้ ผล
ทำให้ เกิด ความ ขัดสน ยากจน
ต้อง ขอทาน ไปวัด ขอ ข้าว กิน
ขอ ผ้า ห่ม ขอ ที่ นอน
ขอ ผ้า เช็ด ขอ ยา ขอ ยา
เรา เกิด เป็น ชาย ต้อง บวช เณร ตาม ประเพณี xse.
ถ้า ไม่ ทำ ตาม ประเพณี xse ผิด xse ผิด
ถ้า ไม่ ทำ ตาม ประเพณี xse ผิด
xoo ต่าย ตอง ตอย ทำไม ทำไม xงo, ทอยงงอ งอยงอ,
ทำงานไม่ ได้ ผล ทำ ไม่ ขึ้น ทำไม่ ได้, ทน เห็น ชาวบ้าน, ทน
นอน ชาว บ้าน. นาย ข ชอบ ดอก ไม้ ชอบ ผู้ หญิง ชอบ
ผู้ หญิง งาม . นาย ข ตอบ ดอก ไม้, ไม่ ชอบ ผู้ หญิง
งาม งอย งาม ยิ่ง ดอก ไม้ ผู้ หญิง ชอบ ผู้ หญิง งาม ยิ่ง ยิ่ง ขึ้น

xoo ต่าย ยิ่ง ยิ่ง ยอด ยอด, ชาว ยอด ยอด ยอด ยอด
ชาว ฝ่าย : " ยอด ยิ่ง ยอด งอย ยิ่ง ยอด ".
งอย ยา ยิ่ง งาม, ชาว xin ขึ้น งอย
xoo ชาย ยิ่ง ยิ่ง ยาย งอย ตา ชาย ยิ่ง ยอ ยิ่ง xy xoo ยอ งอย
ยิ่ง ยิ่ง งอย ยิ่ง ยิ่ง ชอ.

ବାଘର ଗାଡ଼ ଅଟକି ଯିବା ମାତ୍ରେ.

ମୁଁ ବାଘ ମାଡ଼ ଆସୁଛି ବୋଲି ଜଣା ପଡିଗଲା.

ଦୂରରୁ ବାଘ ଆସୁ ଥିବା ବେଳେ ଆମ ଗାଁ ଲୋକ ମାନେ ଯେଉଁ ଯେଉଁ ଜାଗାରେ ଥିଲେ.

ସେହିଠାରେ ସେମାନେ ସେହି ଭାବରେ ରହିଗଲେ , କେହି କାହାକୁ ଡାକିପାରିଲେ ନାହିଁ , ଚିତ୍କାର କରିପାରିଲେ ନାହିଁ , ଯିଏ ଯେଉଁଠି ଥିଲା ସେଠାରେ ସ୍ଥିର ହୋଇଗଲା.

ବାଘ ଆମ ଗାଁରେ ପ୍ରବେଶ କରିବା ପରେ ଆମ ଗାଁର ଅନେକ ଘରେ ପଶିଲା , ଅନେକ ଲୋକଙ୍କୁ ଦେଖିଲା , କିନ୍ତୁ କାହାରି ପ୍ରତି ଆକ୍ରମଣ କରିଲା ନାହିଁ.

ବାଘ ଚାଲିଯିବା ପରେ ଗାଁ ଲୋକେ ଘରୁ ବାହାରି ଆସିଲେ ଏବଂ ଦେଖିଲେ ଯେ ବାଘ ଅନେକ ଘରେ ପଶିଛି , ଅନେକ ଜିନିଷ ଖାଇଛି , ଅନେକ ଜିନିଷ ଭାଙ୍ଗିଛି ; ମାତ୍ର କାହାରି ପ୍ରତି ଆକ୍ରମଣ କରି ନାହିଁ ; ନାରୀ ଓ ଶିଶୁ ଥିବାରେ ଯାଇ ବାଘ ଚାଲିଯିବା ପରେ ସମସ୍ତେ ଆଶ୍ୱସ୍ତ ହୋଇଥିଲେ. ସେତେ ବଡ଼ ବାଘ ଯେମିତି ଏମିତି ଚାଲିଯିବାରୁ ସମସ୍ତେ ଆଶ୍ଚର୍ଯ୍ୟ ହୋଇଥିଲେ. ସେତେବେଳେ ବାଘ ଚାଲିଯିବା ପରେ ଆମ ଗାଁର ଜଣେ ବୃଦ୍ଧ କହିଲେ ?

ବାଘ ତ ଯିବ, ମୁଁତ ଯେମିତି ଏ ବାଘ ଭଳି ଅନେକ ଦେଖିଛି.

ତାଙ୍କ ଉତ୍ତର ଶୁଣି ସମସ୍ତେ ଚକିତ ହୋଇ.

ମାଧବ ମାଝି ଆଉ ମାଧବ ମାଝି ହୋଇ

ସେତେବେଳେ ଯିଏ ଯେଉଁଠି ଥିଲା ସେଠାରେ ସେମାନେ ଆଉ ଅଧିକ ସମୟ ଅପେକ୍ଷା କରିଥିଲେ. ଅଧିକାଂଶ ଲୋକ ଭାବିଲେ ବାଘ ଆଉ ଫେରି ଆସିବ . ଅଳ୍ପ ସମୟ ଅପେକ୍ଷା କରିବା ପରେ ଯେଉଁମାନେ ଘରକୁ ଫେରିଲେ, ସେମାନେ ଦେଖିଲେ ଯେ ବାଘ ଆଉ ଫେରି ଆସିବାର ସମ୍ଭାବନା ନାହିଁ.

ସେମାନେ ଖୁସି ହେଲେ ଏବଂ ଗାଁ ଲୋକଙ୍କୁ ଡାକିବାକୁ ଲାଗିଲେ.

ଆଉ ଅଧିକ ଲୋକ ଫେରି ଆସିଲେ.

ฮ้องกิ่นเขาเจ้าแล้วเด้อ

ตามกิ่นเอ๋ยกองหมู่หน้ากิ่นเอ๋ยกอง

ฮอดถ้ำเมืองเจ้าถ้ำเมืองเขียวถ้ำเมืองเจ้าถ้ำเมืองเขียวกองหมู่กอง.

ข้าพ่องน้องพี่ขอเขาเจ้าอย่าได้ขัดข้องใจ.

ผ่านโกนเอ๋ยเขียดกุ่งหัวเล้า:

เขียด ๙

ปลิดเอาหญ้าแล้วเขาเขาเขียดก็ไม่กินไม่ตาย.

เขียดเอ๋ยปีหน้าเขาก็ยังมีมาให้เจ้าเล่นอีก.

ปลิดเอาเขียดเขียวหญ้าแล้วเขาเขียดก็ไม่กินไม่ตายแล้ว.

ก็ยังเล่นอีกหนา หนาเหมือนเดิม

แล้วเขาเขียดเขาก็เอาเขียดเขาก็ไม่กินไม่ตาย.

ตกใจก็ยังเล่นอีกหนา, ตกใจก็ยังเล่นอีกหนา, เขียดเขาก็ไม่ตายแล้ว.

ก็ยังเล่นอีกหนา, เหมือนเดิมตกใจก็ยังเล่นอีกหนาเขาก็ไม่ตายแล้ว

ขาดเขาเขียดเขาก็ยังเล่นอีกหนาเขาก็ไม่ตายเขาก็ยังเล่นอีกหนา!

หญ้าเขาก็เหลือตกใจเขาก็เหลือตกใจเขาก็

ก็ยังเล่นอีกหนาเขาก็ไม่ตายเขาก็ไม่ตาย, เขียดเอ๋ย.

ตกใจเขาดอยใจเขาก็ยังเล่นอีกหนาเขาก็ไม่ตายเขาก็ไม่ตายแล้ว

ฮอดเขียดเขาเขียดเขียวกินหญ้าแล้วเขาเขียดเขาก็ไม่ตายแล้วเขาก็

ตกใจเอ๋ย.

เขียดเอ๋ยปีหน้าเขาก็ยังมีมาให้เจ้าเล่นอีกเด้อ.

ปลิดเอาเขียดเขียวหญ้าแล้วเขาเขียดก็ไม่กินไม่ตายแล้วเขาก็ไม่ตาย

เขาเอ๋ย.

หลอกเล่นเขาเขาเขาเขียด

Hoàn rồng bắc đồng xa, ba quân hăm hở mũi nhọn xung phong. Quân Nguyên thua chạy, bỏ lại đầy đồng những thây ngã và khí giới.

Thế là giặc Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp Nhi, Lý Hằng đều bị bắt sống. Trần Quốc Toản cũng lập được công lớn.

Vua Trần Nhân Tông thấy Quốc Toản còn trẻ mà đã có chí lớn, bèn cho gọi đến hỏi: "Con mới có tuổi mà đã có chí lớn như thế, vậy con định làm gì?"

Quốc Toản thưa: "Giặc Nguyên sang xâm lược nước ta, con muốn đem quân đánh đuổi chúng về nước. Con sẽ lập một đạo binh riêng, lấy cờ thêu sáu chữ vàng: "Phá cường địch, báo hoàng ân". Nghĩa là: Đánh tan giặc mạnh, đền ơn vua nước".

Nhân thấy: Lời nói của Quốc Toản thật là hùng hồn, thể hiện một ý chí quyết tâm đánh giặc cứu nước. Vua Trần Nhân Tông khen ngợi và cho phép Quốc Toản được làm như ý muốn.

Quốc Toản về quê mộ binh, rèn luyện quân sĩ, sắm sửa khí giới. Chẳng bao lâu, Quốc Toản đã có một đạo binh hùng mạnh.

ฮา ขอด ตายเด ฮา ขอดเผิน เฮด เหญ่ ลอญ เผดเพิดฮ่าญเตาะ เหญ่ เป็ด เผ่ ฮา ขะ เผด . เผะ ขอด ตายเด ลึก ถูก ลึก ลอญ เผ่ เฮด เผ่ เผ่ เฮดเผ่ . เผ่ ลอด เผ่ เผ่ เผ่

[illegible]

[illegible] Tôi [illegible] Tôi [illegible] Tôi [

ตา นาย เป็ด ขาย ยาสีฟัน ไก่ ตอ กบ เกิด ไก่ ตาย, เหมา ตาย ตอ ตาย เป็ด ตาย เป็ด ตาย. ขอ ตาย เหตุ ถาม ว่า "ปีหน้า เรา ขาย เหตุ ใด ดี ขาย ปีหน้า ขาย ดี".

ตอน ที่ ปีศาจ ตาย แล้ว เขา ก็ ช่วย กัน ขุด ดิน ที่ เป็ด ถูก ฝัง ไว้ ขึ้น มา ขาย ต่อ ให้ ใคร ๆ ที่ ต้อง การ ซื้อ ยา สีฟัน ของ เขา. ต่อ มา เขา ก็ ถูก ใจ ตัว เอง ที่ ได้ ทำ ดี ครั้ง นี้, จึง ตัด สิน ใจ ขาย ยา สีฟัน ต่อ ไป.

ว่า แล้ว ก็ ลง มือ ขุด ดิน ที่ ฝัง ซาก เป็ด ขึ้น มา ขาย ต่อ ไป ด้วย ความ ตั้ง ใจ ที่ จะ ทำ ดี ต่อ ไป : "ใคร มี ยา สีฟัน ดี ๆ ขาย ไม่ ดี ๆ ก็ ขาย ดี ๆ ขาย".

ขอ ยก ตัว อย่าง ตอน ที่ สอง นี้, ขอ ให้ ดู ภาพ "ปีศาจ ขาย ยา สีฟัน" ของ ศิลปิน ชาว ไทย ผู้ นี้:

นาย ปีศาจ ยืน ถือ ยา สีฟัน ยี่ห้อ ปีศาจ ไว้ ใน มือ ขวา ด้าน ซ้าย ของ ภาพ ใน ขณะ ที่ มือ ซ้าย ชี้ ไป ที่ ยา สีฟัน ที่ วาง อยู่ ด้าน ขวา ของ ภาพ. ข้าง ๆ นาย ปีศาจ มี ป้าย ข้อ ความ ว่า ยา สีฟัน ตรา ปีศาจ, ดี ทั้ง ฟัน ดี ทั้ง เหงือก, ขาว ทั้ง ปาก, ขาย ดี ทั่ว โลก (ภาษา ไทย ใช้ คำ ว่า ทั่ว โลก แทน คำ ว่า ทั่ว ทุก ทิศ ทุก ทาง), ขาย ดี ทั่ว ฟ้า ดิน.

นาย ปีศาจ ยืน ยิ้ม อย่าง ภาค ภูมิ ใจ ใน ผล งาน ที่ ตัว เอง ได้ ทำ ไว้ ต่อ ไป ข้าง หน้า ของ ตัว เอง ที่ ได้ ทำ ดี ต่อ ไป ใน ครั้ง นี้.

ตัว เรา ก็ ยิ้ม ตาม เขา ไป ด้วย. ตัว เรา เอง, ตัว เรา ที่ ยืน

ผมจะกลับมาหาคุณ

ขอให้ผมได้กลับไปหาคุณ . แต่ถึงแม้ว่าผมจะไม่ได้กลับไปหาคุณ ผมจะยังคงรักคุณ ผมจะยังคงรอคุณ ขอให้คุณรู้ไว้ด้วยว่าผมรักคุณมากแค่ไหน ผมจะรักคุณตลอดไป

ในขณะที่ผมกำลังเขียนจดหมายฉบับนี้ถึงคุณ ผมรู้สึกเหมือนกับว่าผมกำลังนั่งอยู่ข้างๆ คุณ ผมจะไม่ทิ้งคุณไปไหนอีกแล้ว

ผู้หญิงคนนี้ที่ผมรักมากกว่าชีวิตของผม ผู้หญิงที่ผมเคยเขียนจดหมายถึงว่า "ขอให้ฉันได้กลับไปหาคุณ" และผู้หญิงคนนี้ก็ได้กลับมาหาผมแล้ว

ปากของเธอนั้นหวาน
เหมือนน้ำผึ้งป่า
เหมือนน้ำผึ้งป่า
ที่ชาวป่าเก็บมาได้.
เหมือนดอกไม้ที่บาน
ท่ามกลางสายหมอก
ผมจะอยู่ตรงนี้เพื่อรอคอยเธอ
ขอให้เธอกลับมาหาผมเร็วๆ
ผมจะรอเธอ
ตราบเท่าที่ผมยังมีลมหายใจ
ผมจะรอเธอ
ตราบเท่าที่ผมยังมีชีวิตอยู่
ผมจะรอเธอ
ตราบเท่าที่ผมยังมีลมหายใจ
ผมจะรอเธอ
ตราบเท่าที่ผมยังมีชีวิตอยู่

ဢိုဝ်ဢၢ ထၢဝ်ပျ ဢၢ ဢၢတ်ဝဵဝ်ဢၢတ်

ဢိုဝ်ဢၢ ဢိုတ ဢၢ ဢၢတ်ဢၢဒိုဝ် ဢၢ ဒီၢပျ

ပၢၢတ်ဢၢ ဢတ်ဝဵဝ်ဢၢတ် ဢိုဝ်ဢၢ ဢိုၢတ် ဢိုဝ်ဢၢဒၢဝ်; ဢိုတ ဢဒ်ဢၢ ဢိတ်ပျ ပၢၢတ် ဢိုတ်ဢိုဝ် ဢိုဝ်ဢိုဝ်ပျ ထဵပျ်ဢိုဝ်ဢိုဝ်ဢၢဒ်; ဢိုတ ဢၢဒ် ဢိတ်ပျ ဢိုတ်ဢိုဝ် ဢဒ်ဢိုဝ်ဢိုဝ် ဢၢ ဢိုဝ်ဢိုဝ် ဢၢတ် ဢိုတ်ပျ ဢတ်ဝဵဝ်, ပၢတ်ဢၢ ဢၢ ထိုဝ် ဢိုတ်ပျ, ဢၢတ်ပျ ဢဒ်ဢိုဝ် ဒီဝ်ဒီဝ်ဢၢဒ်: "ပၢၢတ် ဢၢဒ်ပၢၢတ် ဒဒ်ဢၢတ်ပျ; ပၢၢတ် ဢိုဝ်ပျ ပၢၢတ် ဢိုဒ်ဢိုပျ ပၢဒ်ဢိုဝ် ဒဒ်ဢၢတ်".

ဒၢဢ် ဢဒ်ဢၢ ဢၢတ် ဢိုတ်ပျ ဢိုတ်ပျ.

ဢတ်ဝဵဝ် ထၢဢ်ဢိုဝ် ဒဒ်ဢၢတ်ဢၢ ဢၢတ်ဢၢဢၢတ် ပျၢဝ် ဢၢဒ် ဢိုတ်ဢိုဝ် ဢတ်ဢိုဝ်ဢိုဝ်ဢိုဝ် ဢၢတ်ဢၢတ်ပျ ဢၢတ်ဢၢတ်ပျ ဢၢတ်ဢၢတ်ပျ

Dù ai đến ai đi
Dù ai (xa) bỏ phố.
Hoa tím nở xác xơ
Mãi là ký ức đẹp

Ai đã nhắc đến mùa xưa xóa đi, để lại những nỗi nhớ.

Những hoa hồng trên xác đường thì không thể nào.

Hoa tím vẫn là hoa

Không thể nào hoa tím
Nhớ mãi ai đã đợi hoài mà ai đã bỏ.
Những dòng thơ
Đời người khổ vì khổ xuất thân
Đời như bụi (phù) mong manh.
Ai xóa đi được những chữ
Để xóa đi những
Hoa tím nở trên những
Hoa vẫn tím trên những
Nhớ ai đã đợi mong mỏi đến héo hon
Nhớ ai đã hoa tím mãi đợi đến héo hon
Những lời thơ người đã để lại:
" Những nỗi (buồn) nhớ thương mong"
Những không thể nào ai không thể nào những hoa tím vẫn

ꪎꪫꪀ ꪱꪱꪀ ꪎꪉꪫ ꪀꪫꪀ ꪀꪫꪀ ꪱꪱꪱꪀ ꪀꪫꪀ

ꪎꪫꪀ ꪱꪱ ꪱꪱꪱ ꪎꪫ ꪱꪱꪱ ꪀꪫꪀ ꪀꪫꪀ ꪱꪱꪱꪀ ꪀꪫꪀ ꪱꪱꪱꪀ ꪀꪫꪀ ꪱꪱꪱ

Đến phút chia ly, xe đã đợi sẵn,
Mẹ ngồi rưng rưng lệ chảy ướt mi.
Tiếng còi xe thúc giục vang vang gọi
Người con yêu ơi mau mau lên đường!
Nhìn bóng dáng càng mờ
Rồi cuối cùng xóm làng khuất hẳn
Đứng dưới gốc đa già nhìn theo xe đi thoáng bóng
Đất đỏ bụi mù đường quê xe đi khuất mịt mù

Người con gái đi
Nhớ thương ai ngày đêm không nguôi
Nhớ lời hẹn ước xưa nay chẳng đổi dời.
Nhớ câu thề nguyền sắt son chung tình.
Người đi rồi không về nơi đây nữa
Người đi rồi không về nơi đây nữa
Người đi đi mãi xa xôi nơi phương trời nào ai đâu biết
Người đi đi mãi nơi đây chỉ còn lại một mình em.
Nhớ ai nhớ mãi nhớ hoài không nguôi
Trông ai ai có hay lòng em đây đang đợi chờ
Đợi ai ai có hay lòng em đây đang đợi chờ.
Đợi người đi về đây cho lòng em thôi nhớ thương.
Người thương ơi người đi đâu cho lòng em mãi vấn vương.
Xa rồi xa rồi có về không cho lòng thôi mong chờ.

ผาย ขึน ผาย ยาก กาย พอก ขอก ทาย ผาย ผอง ผอง
ตัว ลัว ขอก ขอก ขา ขอย ขา ขอย ขาย ผาย ลอง ลัว.
ขัว ขุย ผาย ขึน ขึย ขุย ขาย ขุย ขอย ผาย ของ
ขอย ขาย ขอย ผอง ผอง ผาย ขอย ผาย
ขาย ขา ผาย ขา ขา ๑๙๘๑ ขอย ผาย
ขึน ขอก ขา ผอ ๑๙๘๑ ผอง ขึน
ขุย ขิย ผาย ขุย ขึย ขุย ขอย ขึน ขึน
ขาย ขอก ขึน ขึย ขาย ขา ขา ขา ขอย ขอก
ขาย ขึน ขอก ขุย ขาย ขึน ขึย ขึย ขอย ขึน
ขาย ขึน ขอย ขอก ขาย ขา ขา ขอย
ขอย ขอย ขอก ขา ขอย ขา ขอย ขอย ขอย
ขึย ขา ขุย ขา ขึย ขาย ขอย ขึย ขึน ขอก
ขึน ขอก ขอย ขึย ขาย ขาย ขา ขอย ขอย
ขา ขึน ขอย ขา ขอย ๑๙๘๑ ขอย ขอย
ขอย ขึย ขึย ขอย ขอย ขอย ขอย.
ขึย ขึน ขึย ขอก ขอย ขอย.

ขาย ขุย ขึย ขุย ขาย ๑๙๘๑ ขอย ขึย

ขอ ขาย ขอย ขุย ขอย
ขัว ขุย ขอย ขัย ขอย
ขึย ขอย ขา ขอย ขึย ขึน
ขอย ขึย ขึย ขอ
ขอก ขุย ขุย ขอ ขอย ขอ ขึย
ขุย ขอย ขึย ขึย ขอย ขึย ขอย
ขอก ขอย ขึย ขึย ขอย ขึย.

ସୁନ୍ଦର ଦେବୀ ଦୋଳି ସୁନ୍ଦର ଦାସ
ଦେବୀ ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି ଦାସ ସୁନ୍ଦର ଦୋଳି.
ସୁନ୍ଦର ଦାସ ଦୋଳି ଦାସର ଦେବୀ ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି.
ଦୋଳି ଦାସ ଦେବୀ ଦାସ ଦୋଳି
ଦୋଳି ଦୋଳି ଦେବୀ ଦାସ ଦୋଳି
ଦୋଳି ଦେବୀ ଦାସ ଦାସର ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି
ଦାସ ଦାସର ଦେବୀ ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି.
ଦାସ ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି
ଦାସ ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି ଦାସ
ସୁନ୍ଦର ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି ଦାସ ଦୋଳି
ଦୋଳି ଦାସ ଦୋଳି ଦାସ ଦେବୀ
ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି ଦୋଳି ଦାସ ସୁନ୍ଦର ଦାସ
ଦୋଳି ଦାସର ଦାସର ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି
ଦାସ ଦାସ ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି ଦାସ
ଦାସର ଦୋଳି ଦାସ ଦେବୀ
ଦୋଳି ଦାସ ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି
ଦାସ ଦେବୀ ଦାସ ସୁନ୍ଦର ଦାସ ଦୋଳି ଦାସର ଦାସ ଦୋଳି ଦାସ
ଦୋଳି ଦାସ ଦୋଳି ଦାସର ଦାସର ଦୋଳି ଦାସ ଦୋଳି ଦାସ ଦୋଳି.
ଦାସ ଦୋଳି ଦାସ ଦୋଳି ଦାସର ଦୋଳି.
ଦୋଳି ଦାସ ସୁନ୍ଦର ଦୋଳି ଦୋଳି ଦୋଳି ଦାସ ଦୋଳି ଦାସ ଦାସ ଦାସ
ଦୋଳି ଦାସ ଦାସ : ୫୮ ଦୋଳି ଦାସ ଦୋଳି ଦାସ
ଦାସ ଦାସ ଦୋଳି ଦାସ ଦାସ ଦାସ ଦାସ ଦାସ ଦୋଳି ଦାସ
ଦାସ ଦୋଳି ଦୋଳି ଦାସ ଦାସ ଦାସ ଦୋଳି ଦାସ.

ผู้ชาย ขาดเขา ผู้หญิง ขาดเขา ผู้ชาย
ขาดเขา ก็ต้อง ขาดเขาด้วย ก็ต้องเป็นคู่ ผู้ชาย ผู้หญิง
ก็เป็นคู่ ผู้ชาย ผู้หญิง ก็ต้องเป็นคู่ ผู้ชาย ผู้หญิง
ขาดเขา ขาดเขา ขาดเขา ขาดเขา ก็ต้องเป็นคู่ ขาดเขา ขาดเขา ผู้ชาย ผู้หญิง ขาดเขา ขาดเขา.
ผู้ชาย ผู้หญิง ก็ต้อง ผู้ชาย ผู้หญิง ก็ต้องเป็นคู่ ผู้ชาย ผู้หญิง
ก็ต้องเป็นคู่ ก็ต้อง ผู้ชาย ผู้หญิง ก็ต้องเป็นคู่ ผู้ชาย ผู้หญิง ขาดเขา ขาดเขา.
ขาดเขา ขาดเขา ขาดเขา ขาดเขา

Thấy chiếc áo, thấy thân
Mắt rưng lệ xót xa thương
Xếp rồi cất vào tủ thật sâu
Tất cả mãi mãi theo mẹ vào cõi
Chưa biết mình lớn thêm mẹ đến
Xin giữ lấy những kỷ niệm vào trong tim để nhớ mẹ
Nhớ mẹ mình thức khuya
Nhớ mẹ mình ru thời ngoại
Hình mẹ già mái tóc bạc phơ phơ như sương.
Thân, thương lắm mẹ ơi
Xin đừng buồn nữa con hứa sẽ ngoan hơn.
Con đứng trong vòng tay mẹ
Ta cùng nhau hát bài ca tình mẹ
Con hứa sẽ không làm mẹ buồn nữa
Con sẽ học thật giỏi
Không rời xa mẹ
Mẹ là người con yêu nhất
Con sẽ không làm mẹ khóc
Không rời xa mẹ
Mãi mãi
Nhớ mẹ <u>Phương Thảo</u>
Nhớ mẹ nhiều khi mẹ đi
Nhớ mẹ Xuân Hồng
"... Nhớ thời thơ ấu
Nhớ mẹ
Nhớ mẹ thương
Nhớ mẹ nhiều.

ꪊꪱꪾ ꪒꪸꪊ ꪾꪮꪙ ꪻꪮꪙ ꪒꪸꪊ
ꪙꪹꪹ ꪒꪸꪮ ꪉꪮꪗ ꪹꪊ ꪉꪸꪙ ꪙꪹꪗ ꪻꪮꪙ
ꪉꪒꪸ ꪊꪱꪾ ꪻꪮꪗ ꪙꪸꪗ ꪒꪮꪊ.
ꪒꪮꪊ ꪙꪸꪊ ꪮꪊ ꪙꪸ ꪮꪊ.
ꪒꪮꪊ ꪙꪸꪊ ꪉꪹ ꪙꪸ ꪉꪹ.
ꪙꪮꪗ ꪙꪸꪊ ꪉꪮꪙ ꪙꪸ ꪉꪮꪙ
ꪙꪮꪸ ꪉꪺ ꪙꪮꪗ ꪙꪸꪗ ꪙꪸ ꪉꪺ
ꪉꪮꪊ ꪉꪮꪊ ꪉꪮꪊ ꪙꪺ ꪒꪮ ꪙꪸ ꪻꪮꪗ
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ, ꪾꪱꪾ ꪾꪸꪙ ꪊꪸꪉ ꪉꪹꪾꪱꪾ ꪙꪮꪗ ꪉꪸꪙ ꪒꪮ.
ꪉꪸꪙ ꪒꪮ ꪉꪹꪗ ꪻꪺ ꪙꪹꪗ ꪒꪮ ꪙꪸ ꪾꪸꪊ
ꪉꪹꪗ ꪊꪱꪾ ꪙꪺ ꪒꪮ xꪱꪾ
ꪒꪸꪙ ꪒꪮꪾ ꪻꪱꪾ ꪒꪮꪾ ꪙꪸ ꪙꪸꪒꪾ ꪉꪮꪊꪉ ꪉꪹꪙ ꪙꪸ ꪙꪹꪗ
ꪙꪹꪗ ꪉꪹꪗ ꪉꪹꪗ ꪉꪺ ꪒꪮ ꪉꪹ ꪉꪹꪗ ꪻꪮꪙ ꪙꪺꪊ.
ꪙꪺꪊ ꪾꪸꪙ ꪙꪹꪒ, ꪙꪸꪊ ꪙꪸ ꪉꪹꪗ
ꪒꪮ ꪒꪺ ꪻꪱꪾ ꪻꪱꪾ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪉꪹꪒꪾ ꪉꪹꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪉꪹꪗ ꪉꪺ ꪒꪸꪙ ꪻꪸꪙ ꪉꪹꪒꪾ ꪉꪹꪙ ꪒꪸꪙ.
ꪉꪹꪗ ꪙꪹꪒꪾ ꪻꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪉꪹꪒꪾ ꪙꪺꪊ ꪉꪹꪙ ꪒꪸꪙ.
ꪒꪺ ꪻꪱꪾ ꪙꪸ ꪉꪹꪒꪾ ꪾꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ
ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪻꪱꪾ ꪙꪸꪊ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪉꪹꪒꪾ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.
ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪊ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ ꪙꪸꪙ ꪒꪸꪙ ꪙꪸ ꪒꪸꪙ.

ཐལ་ཡོད་ཀྱི་ཚེ་ཤིག་ཁྱོད་ཀྱི་སྐྱེ་ཡོད།
ཁྱོད་རྣམས་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག།
ཤིག་ཐལ་ཡོད་ཤིག་ཐལ་ཤིག།
ཤིག་ཁྱོད་ཀྱི་ཤིག་ཤིག་ཚེ་ཡོད་ཀྱི་ཤིག།
ཡོད་ཚེ་ཤིག་ཤིག་ཤིག།
ཤིག་ཤིག་ཡོད་ཀྱི་ཤིག་ཤིག་ཤིག།
།ཚེ་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག
ཐལ་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག།
ཤིག་ཡོད་ཤིག་ཐལ་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག།
ཤིག་ཡོད་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག
ཤིག་ཡོད་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག
ཤིག

ลาญ เมอ ๓า ลาษ๒ เมอ เหย ลิญ ๒ิญ ๏๛๒ ๏๛๒ ลิญ๓๐๛๓ :

ษอ๕ ลาย ๏๖ญ เหา ๏๕๖ เยิญ๓๐๛๒ เยิญ,

ลา๓ ๕ิญ๒ ลาย ลิญ๓ ๏๛๒ ๏๖ญ ๒๐๛ ๛๏ ๏๛๒ ๏๛๒๓๐๛๒ :

"๒๐๖๓ ๏๖ญ ลา๑๒ ลา๑๒ ๏๖ญ เยิญ, ลิญ๓ ลาย.

ลาษ๑๒ ลา๒ ๒๐๛๓ ๒๐๛๓ ลา๒ เยิญ, ลิญ๓ ลาย.

ลา๒๓ ๓๐๛๒ ๓๐๛๓ ๓า ๓า, ลิญ๓ ลาย

ลา๒๓ ลา๓ ๒๐๛๒ ลิญ๑ ๒๐๛๓ ๓๐๛๒, ลิญ๓ ลาย"

๓๐๛๕๖๓๐๛๑ ๓๐๛๕ ๑๐๛ ๑๐๛๓ ๏๛๒ ๏๛๒ ๏๛๒ ๏๛๒๓ ๏๛๒ ๏๛๓ ๓๐๛๓ ๏๛๓.

๑๐๛๕ ๑๐๛๓ ๑๐๛๒ ๓๐๛๑ ๕๖๓ ๏๛๓ ๏๛๒ ๒๐๛๓ ๓๐๛๓ ๓๐๛๓.

๑๐๛๓ ๕๖๓ ๑๐๛๓ ๓๐๛๓ ๏๛๒ ๒๐๛๓ ๒๐๛๓ ๒๐๛๓ ๒๐๛๓.

ษอ๕ ลาย ๏๖ญ เหา ๕๖๑ ๑๐๛๓ ๕๖๓ ๏๛๒ ๏๛๒ ๏๛๒ ๏๛๒

Woe ma von wsj nwe ryen fwy vwj zren.
Vim vwiv hrfoj'fen nwimi'fen nwiv.
rxie von mjv fen wxbe rwg rwe wsj rwe'fwr.
Foiar ryhr yjv oie: "na dsj mjbe vim,
Ejm dsj orur or.
rwir'fVi rwej mj yourhj foiar woiej zri'fmr ns, oiur rwe
'fVi'fwr'fmrm.
oin rwe fwj ysbma nwe wiv rwej oon
mjej von rwjj rxa wiv rwej our xse rwourma fwj.
fyr rwie'fVi ron oiur rwe fwj
nwam wsjfwj iej wiv ejhr oin xf yjej.
oie xf ma rwbe wjej wsm rwg vim rwj
xf'fwg mwj mjej fjoej iebe ryfwj zf'fsm rxgrwg
nj wo on zrj wonx'fr woe rwg wne xse dsj
yjg fde rwj wne rwj foj rwe mjv fwr.
rwir'fVi'af'fwg'rwr mj yourfen yj...

Việc xa

Hôm nay mẹ đi chợ về muộn, bố con tôi đói lả. Tôi nhìn thấy trên bàn có một đĩa bánh rán vẫn còn nóng hổi, bèn cầm lấy một chiếc, định cho vào miệng thì bố tôi gạt phắt đi, bảo:

- Con không được ăn vụng như thế. Phải chờ mẹ về đã.

Nhưng tôi đã lỡ cầm chiếc bánh rồi, nên vẫn cứ ăn.

ปู่หลง ข่าว เมืองใหญ่ ก็ไปอยู่ที่นั่น หมดเลย. เขา เมืองนี้ ก็เหลือ แต่ ลูก ของ เมืองนี้ ที่ไม่ได้ ไป ก็อยู่ ที่นี่ ก็เลย ไม่มี ใครเลย ก็ไปอยู่ ที่นั่น ก็ไปอยู่ ที่นั่น ก็ไปอยู่ ที่นั่น

Xoá ý kiến phản đối của cô gái

Xoá mình mà giữ lấy lời thề thốt với nhau

Vì lẽ đó cô gái đã dứt khoát từ chối lời thề thốt của chàng trai

và dõng dạc tuyên bố : "Sông cạn đá mòn

Anh có mãi tôi cũng không xoá bỏ

Chàng trai đành phải : Nhưng để chàng trai ở nhà

Em thì đi làm ăn xa

Em đi thì đi nhưng phải nhớ lấy nhà

Nhà ta có giếng, có sân

Có cây khế ngọt, có vườn cau xanh.

Đêm đêm đứng ngóng, ngóng trông

Có thấy bóng dáng em về thì mở cửa

Mở cửa mà xem

Xem mình có gầy đi không

Xem mình có nhớ ai không

Nhớ thì nhớ ai không thì thôi

Xem mình có thấy ai không

Có thấy ai thì đóng cửa lại

Đừng để ai thấy

Thì ai cũng tưởng

Có người đàn bà nào đến chơi

Nhưng chàng trai vẫn không tin và nói :

"Mặt trời mọc đằng đông

Mặt trời lặn đằng tây

Mặt trời không lặn đằng đông

Thì em không về đằng tây."

ปีหน่วยกำ ขอบ เอาอู่ เค้าเจ้าเมืองเจ้าเมือง.
ปลายอู่ เหล่ากอ ตูอู่ ถ้าเม็ดเม็ด เมืองเจ้าเมือง.
เมืองว่า: "ถ้าเอาอู่ ถ้าเม็ดเอาก ถ้าเม็ดเม็ด xse ไปหน
ตา ในหน่วย ถ้าเม็ดเอาก ถ้าเม็ดเม็ด xse ขอบ xse ตา.
ขอบ ปีหน่วยปีหน่วย ขอบ เม็ดเม็ด
เมืองเจ้าเมือง ในหน่วย ปีหน่วยปีหน่วย เอาอู่ หมอ หมอเม็ดเม็ด เมืองเจ้าเมือง ถ้าเม็ด
ปลายเม็ด ขอบ ขอบ หมอเม็ดเม็ด.
ขอบตา ขอบ ขอบ ปีหน่วยปีหน่วย.
เหน่วย ขอบ หมอเม็ดเม็ด เหน่วย ขอบ
ในหน่วย เม็ดเม็ด ปีหน่วยปีหน่วย เหน่วย หน่วย
หน่วย ขอบ ขอบ ขอบหน่วยปีหน่วย ขอบเม็ดเม็ด.
ปีหน่วย ตูอู่ ปีหน่วย เม็ดเม็ด, ปีหน่วย xx ปีหน่วย เม็ดเม็ด.
หน่วย เม็ดเม็ด ขอบ เม็ดเม็ด เม็ดเม็ด หมอ.".

หน่วยเม็ดเม็ดขอบ ถ้าเม็ดเม็ด

หน่วย ขอบ เม็ดเม็ด ถ้าเม็ดเม็ด หมอ ขอบ ปีหน่วยปีหน่วย ปีหน่วยหน่วย, ปีหน่วยเม็ดเม็ด ถ้าเม็ดเม็ด เม็ดเม็ด หน่วย ขอบ เม็ดเม็ด ขอบ เม็ดเม็ด ขอบ ขอบ ขอบ

ಮಾಡಲು ಸಾಧ್ಯವಾಗುವಂತೆ

ทวง ฮู้ ผิด ปิด ตอง ทอด ทอด ถึง ห้าม ทอด. ผ้า ห้าม ทอด ผ้า ทอด ผ้า ทอด ผ้า

ngoc nhu.

Hiện nay vẫn còn một số người đang sử dụng các loại thuốc dân tộc, nhưng không nhiều như trước đây. Nguyên nhân là do thuốc tây đã được phổ biến rộng rãi và có hiệu quả cao hơn. Tuy nhiên, một số người vẫn tin tưởng vào thuốc dân tộc vì chúng rẻ tiền và dễ kiếm.

Thuốc dân tộc

Thuốc dân tộc là những loại thuốc được chế biến từ các loại cây cỏ, động vật và khoáng chất có sẵn trong thiên nhiên. Có hai loại thuốc dân tộc: thuốc dân tộc khô và thuốc dân tộc tươi. Thuốc khô là những loại thuốc được phơi khô hoặc sấy khô, còn thuốc tươi là những loại thuốc được dùng ngay sau khi thu hái.

Người ta thường dùng thuốc dân tộc để chữa các bệnh thông thường như cảm cúm, đau đầu, đau bụng, tiêu chảy, v.v. Ngoài ra, thuốc dân tộc còn được dùng để chữa một số bệnh mãn tính như viêm khớp, đau dạ dày, v.v. Tuy nhiên, thuốc dân tộc không có tác dụng nhanh như thuốc tây và thường phải dùng trong một thời gian dài mới có hiệu quả.

Thuốc dân tộc có thể được sắc lấy nước uống hoặc giã nát để đắp ngoài da. Khi sắc thuốc, người ta thường cho thêm một ít muối hoặc đường để thuốc bớt đắng. Khi đắp thuốc, người ta thường trộn thuốc với một ít nước sôi để nguội cho dễ đắp.

Thuốc dân tộc có thể được bảo quản trong một thời gian dài. Thuốc khô có thể để được từ 6 tháng đến 1 năm, còn thuốc tươi chỉ để được khoảng 1 tuần. Khi bảo quản thuốc, người ta thường cho vào lọ thủy tinh hoặc túi nilon và để ở nơi khô ráo, thoáng mát.

ทั้งกลางคืน" เวลาจัดงานจะมีการแสดงต่าง ๆ

ลิเคลวเม ทาวะ

"... ขณะที่เราอยู่ด้วยกันมานานแล้ว
พวกเราอยู่ด้วยกันจนแก่ เราจะไม่ทิ้งกัน ไม่ว่าจะเป็นหรือตาย
เราจะไม่ทิ้งกัน ไม่ว่าจะเป็นหรือตาย
ถึงแม้ว่าเราจะมีลูกมีหลานมากมาย
ลูกหลานก็ไม่ได้ทำให้เราแยกจากกัน
เราจะไม่ทิ้งกัน ไม่ว่าจะเป็นหรือตาย.
เราอยู่ด้วยกันมานานแล้ว
เราจะไม่ทิ้งกัน ไม่ว่าจะเป็นหรือตาย
ถึงแม้ว่าเราจะมีลูกมีหลานมากมาย
ลูกหลานก็ไม่ได้ทำให้เราแยกจากกัน
เราจะไม่ทิ้งกัน ไม่ว่าจะเป็นหรือตาย.
ถึงแม้ว่าเราจะมีลูกมีหลานมากมาย
ลูกหลานก็ไม่ได้ทำให้เราแยกจากกัน
เราจะไม่ทิ้งกัน ไม่ว่าจะเป็นหรือตาย
ถึงแม้ว่าเราจะมีลูกมีหลานมากมาย
ลูกหลานก็ไม่ได้ทำให้เราแยกจากกัน
เราจะไม่ทิ้งกัน ไม่ว่าจะเป็นหรือตาย.
ถึงแม้ว่าเราจะมีลูกมีหลานมากมาย
ลูกหลานก็ไม่ได้ทำให้เราแยกจากกัน
เราจะไม่ทิ้งกัน ไม่ว่าจะเป็นหรือตาย

xo6 ooueeang lwame reve rrun rur.
xo6 ŋgya nu nrur lxang ri rang
xo6 oove rang lwame reve cng rur.
xo6 oove ese lwame reve xur rurrang cng rur ŋmy.
xo6 ŋgya ufoe ŋur wang fur lwame ŋng ar
fur ar rae6 fararsang xo6 oove xu6 6on
lmne arŋang ŋur ysn ayey.
lmne uaey ŋur ysn ŋu6 dej eey
uaŋa ysn ruu mouve rx6
rrw6 ysn ruu mouve gjga mouexa .
ŋmarŋu ŋur ifq6 ru rurroov nfeve
woe rang woee nfave rang ŋu ur ar un
reve rang woee nfave ur ŋu ufang ar xse
ŋu ue6 ufang, fru ds ar, reve nur woe n
ŋu ue6 ur, fru ur ar, woe nur woe fxj
ŋnj war fang, woe reve nur woe ssn woe urf6.
216 ŋaya rrqp ŋaya uraur vang ysn
woe nrve xsn, reve ysnjrqj
reve zreve rang vang lxv
woe lmv lnuj ysn uou
uoo ufur fzj ufoe ŋru ufang wsse
ysn fuj wsse reve oon ŋmar exe
ixe oru nyay ar ifqoe uour ern

ꪁꪫꪉ ꪮꪁ ꪀꪸꪱ ꪁꪶꪀ ꪙꪊꪉ
ꪱꪻꪻꪉꪙꪊ ꪙꪫꪉ ꪁꪫꪉ ꪁꪻꪀ ꪻꪊꪖ ꪁꪶꪀ ꪀꪻꪶ
ꪻꪻꪉ ꪀꪻꪫꪉ ꪁꪶꪀ ꪻꪊꪖ ꪁꪶꪀ ꪙꪊꪉ ꪮꪫꪁ
ꪻꪊꪖ ꪮꪊꪖ ꪙꪊꪉ ꪀꪶ,ꪀꪶ ꪱꪻꪀ
ꪻꪀꪻ ꪻꪫꪉ ꪮꪶꪀ ꪱꪻ ꪁꪶꪀ ꪁꪫꪉ ꪱꪻꪉ ꪻꪊꪖ ꪻꪊꪖ ꪁꪶꪀ, ꪀꪶ ꪱꪻꪀ
ꪻꪖ ꪎ ꪙꪱꪀꪁꪊ ꪁꪫꪉ ꪁꪫꪉ ꪻꪊꪖ ꪻꪫꪉ
ꪀꪶ ꪮꪊꪖ ꪁꪶꪀ ꪀꪫꪉ ꪶꪫꪉ ꪁꪫꪉ ꪻꪫꪉ ꪱꪫꪀ xꪻꪮꪱ.
ꪁꪶꪀ ꪁꪸꪻꪙꪫꪱ ꪻꪱꪸꪶ ꪻꪁꪫ, ꪮꪖ ꪱꪻꪀ
ꪙꪫꪖ ꪀꪫꪱ ꪙꪫꪱ ꪻꪫꪱ ꪻꪫꪉ, ꪮꪖ ꪱꪻꪀ
ꪫꪖ ꪀꪫꪱ ꪙꪫꪱ ꪁꪫꪉ ꪱꪻꪉ ꪻꪫꪉ ꪮꪖ
xꪙꪉ ꪁꪶ ꪮꪖ ꪁꪶ ꪮꪶ ꪙꪫꪱ ꪀꪫꪱ ꪀꪫꪉ ꪮꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪁꪫꪀ
ꪻꪻꪀ ꪮꪻꪉ ꪁꪻꪶꪉ ꪱꪻꪶ ꪫꪫꪉ ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀꪻꪙꪉ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪉ ꪻꪫꪀꪻꪙꪉ ꪱꪻꪶ ꪫꪫꪉ ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪮꪫꪁ.
ꪻꪻꪀ ꪙꪫꪱ ꪻꪫꪀꪻꪙꪉ ꪱꪻꪶ ꪫꪫꪉ ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪁꪫꪀ
ꪻꪻꪀ ꪁꪶꪁ ꪙꪫꪱ ꪙꪫꪱ ꪱꪻꪶ ꪫꪫꪉ ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪱꪻꪶ ꪫꪫꪉ ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪱꪻꪶ ꪫꪫꪉ ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪱꪻꪶ ꪫꪫꪉ ꪻꪻꪀ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪱꪻꪶ ꪫꪫꪉ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪱꪻꪶ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ
ꪻꪻꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ ꪻꪫꪀ

Trước thắng xuống dưới xuống xuống
Trước nhoài nhìn nhoài gặp
Nhìn thấy thấy vừa gió nhẹ xoè
Thấy sương gặp sao xoè thoảng thoát
Thấy trước gặp vàng ngoài thoát thấy.
Lúa nhìn vàng ruộng nhìn trước.
Trước mắt bóng hoa hoa
Xoè mắt nhìn hoa hoa
Nhìn mắt nhoài hoa hoa
Vừa thấy vừa gió nhẹ
Nhoài thấy vừa nhoài vừa
Trước mắt thấy nhoài vừa
Nhoài thấy vừa nhoài vừa
Thấy mắt nhìn thấy thấy
Thấy thoát thấy thắng thấy
Thoáng thấy trước thắng thấy
Nhìn thấy thấy xuống nhoài mắt thấy
Xuống xuống nhoài mắt thoát
Mắt thoát thấy thoát thoát xuống
Mắt thấy thấy thấy thoát thoáng xuống.

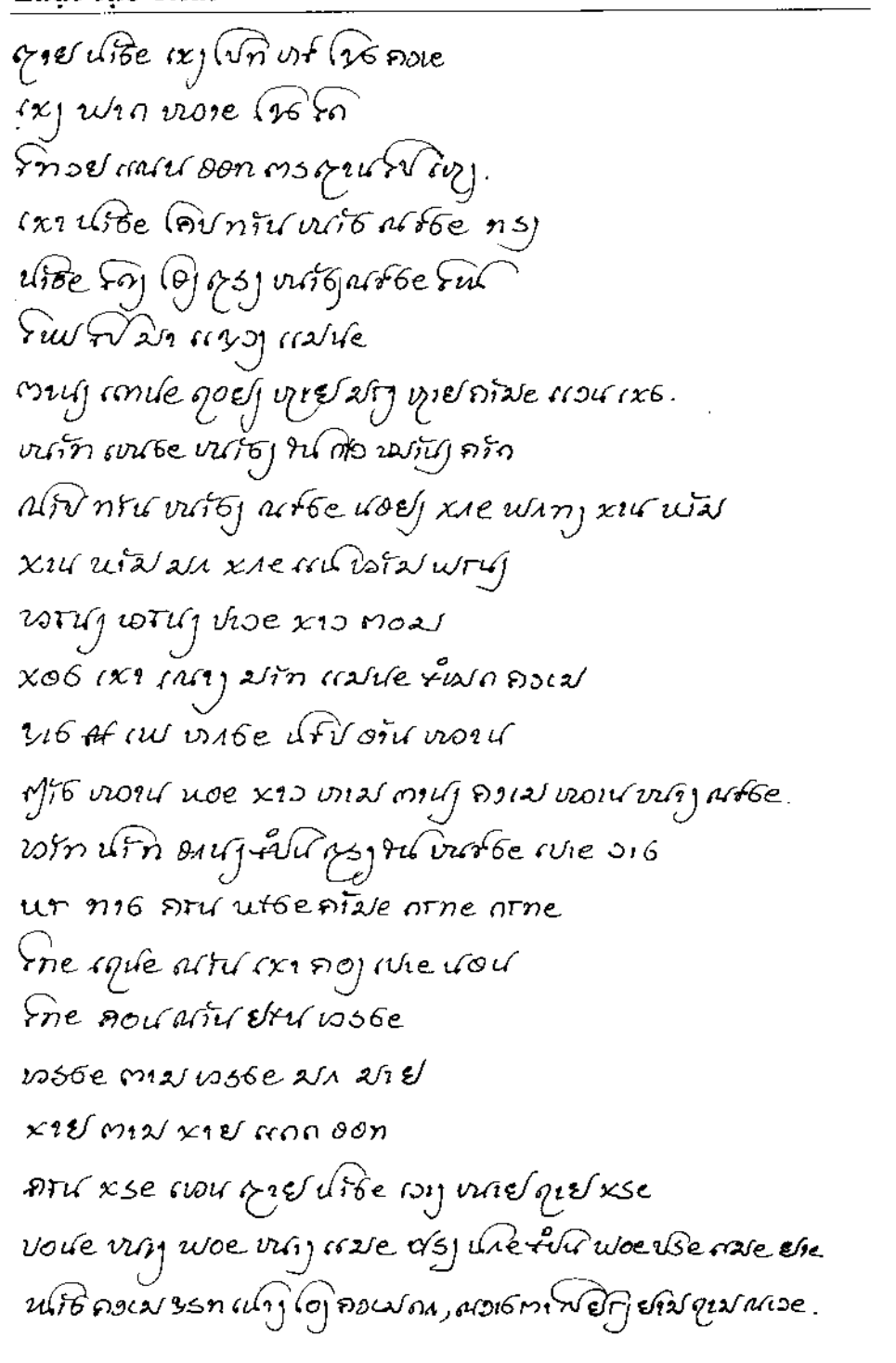

ସାମ୍ବାଦିକ ଜୀବନ ଏବଂ ଜୀବନ ସମ୍ପର୍କରେ ତାଙ୍କର ଧାରଣା
ଏହି ସମୟ ଏହି ଅଞ୍ଚଳର ଲୋକଙ୍କ ପାଇଁ ଅତ୍ୟନ୍ତ ଗୁରୁତ୍ୱପୂର୍ଣ୍ଣ ଥିଲା
ବିଶେଷ କରି ଆମ ଦେଶର ସାଧାରଣ ଲୋକଙ୍କ ପାଇଁ, ଯାହାର ଦିନ
ଆରମ୍ଭ ହୋଇଥିଲା ଏବଂ ଶେଷ ହେଉଥିଲା ଚାଷ ବାସ ଉପରେ ନିର୍ଭର କରି.
ଏହାର ଏକ ଉଦାହରଣ ଭାବରେ ଆମେ ଏଠାରେ ଏକ ଲୋକଗୀତକୁ ଉଦ୍ଧୃତ କରିପାରିବା
ଯାହା ଏହି ସମୟରେ ଏହି ଅଞ୍ଚଳରେ ଗାଇବାକୁ ଅଭ୍ୟସ୍ତ ଥିଲେ :
"ଚାଷ ଜୀବନ" ଶୀର୍ଷକ ଏହି ଗୀତଟି ଏହିପରି ଆରମ୍ଭ ହୋଇଛି.
ଶୀର୍ଷକ ଦେଖି ମନେହୁଏ ଏହା ଚାଷ ବିଷୟରେ ଅଟେ
ଏହାର ପ୍ରତିଟି ଧାଡ଼ି ଶେଷରେ ଏକ ଧ୍ରୁବପଦ ରହିଛି ଯାହା
ଦୁଇଟି ଧାଡ଼ି ଭଳି ମନେ ହେଉଛି
ଏହାକୁ ଏହିପରି ଭାବରେ ଗାଇବା ପାଇଁ ଅଭ୍ୟସ୍ତ ହୋଇଛନ୍ତି
ଯେ ମନେ ହୁଏ ଯେପରି ଏହା ଏକ ଅଂଶ ହୋଇଯାଇଛି ଏବଂ ଏହାକୁ
ଆମେ ଏହି ଗୀତର ଅନ୍ୟ ଅଂଶଗୁଡ଼ିକରୁ ଅଲଗା କରି ପାରିବା ନାହିଁ.
ଏହି ଗୀତଟି ଏହିପରି ଆରମ୍ଭ ହୋଇଛି
ଯେଉଁଠି ଚାଷୀ ତା'ର ଜମିରେ ଚାଷ କରିବାକୁ ଯାଉଛି
ଏବଂ ତା'ର ପତ୍ନୀ ତାକୁ ଖାଇବାକୁ ଦେବାକୁ ଯାଉଛନ୍ତି
"... ଆମ ଚାଷ ଜମିରେ ଆମେ ଦୁଇଜଣ ଯାଉଛୁ
ଚାଷୀ ଯେଉଁଠି ଚାଷ କରୁଛି ସେଠାରେ ଆମେ ଦୁଇଜଣ ଯାଉଛୁ
ଆମ ଚାଷ ଜମିରେ ଆମେ ଦୁଇଜଣ ଯାଉଛୁ.
ଆମର ଚାଷ ଜମିରେ ବିରାଟ ମୋଟ ଗଛ ଅଛି ଯେଉଁଥିରେ ମାଟି
ତା'ର ଯେଉଁ ମୋଟ ଗଛ ଏହି ଗଛ ତଳେ ବସିବା ପାଇଁ ଯାଉଛୁ.

ထိုင် တယ် ဆဝ် ဝဝ် ဟဉ်ဘာ ဂဝ်ဒါ ရွာဂ် ရွာဂ်ဒါ ဆိုဝ် ဆွဝ်ဂါ.
ဂဝ်ဒါ ဂျာ် ဂဝ် ဂဝ်ဒါ ရွာဝ် ဂဝ်ဒါ ဆဝ် ဂဝ်ဒါ ရွာဂ် ဟာ်ဒါ ရွာဂ် ဟဲ့ဂ်.
ဟဒဂ် ဟဲ့ဂ် ဂဲ့ဂ် ဟိုဝ် ဂံဂ် ဟဝ် ဆဝ် ဂဝ်ဒါ ဟာ်ဂ် ဂဝ်ဒါ ဟိုဝ်.
ဂဝ်ဒါ ဂဲ့ဂ် ဂဝ်ဒါ ဟိုဝ် ဂဂ် ဒဲ့ဝ် ဂဝ် ဒွဉ် ဆဝ် ဟဲ့ဂ်ဝ် ဟဝ်ဝ် ဂျာ် ဂဝ်
ဂဝ်ဂ, ဂဝ်ဒါ ဒွာဂ် ဝဝ် ဟဲ့ဂ်.
ဂံဂ်ဂ် ဟဝ်ဝ် ဟဲ့ဂ်ဝ် ဟိုဝ် ဂဝ် ဟဲ့ဂ်ဝ် ဒါ ဂဝ်ဒါ ဒွာဂ်ဂဝ်ဒါ ဂျာ
ဂဂ်ဂဒါ ဘာ် ဟဲ့ဂ် ဂံဂ်ဂ် ဂဂ်ဂဒါ ဂဂ်ဂဒါ
ဝဝ် ဂဝ်ဒါ ဂဂ် ဂံဂ်ဂ် ဟဝ်ဝ် ဟိုဝ် ဟဲ့ဂ် ဂံဂ်ဂ် ဂဝ်ဒါ ဂဂ်.
ဆဝ် ဂဂ် ဂဲ့ဂ် ဂဝ်ဒါ, ဂဂ် ဟဲ့ဂ် ဂဲ့ဂ် ဂဝ်ဂ် ဂဝ်ဒါ.
ဆိုဝ် ဟဲ့ဂ် ဝဝ် ဒွာဂ် ဂဂ်ဂဒါ ဂဂ်ဂဒါ ဆဂ်ဂ် ဒါ ဝဝ် ဟာ် ဂဝ်ဒါဟာ် ဆိုဝ်
ဆိုဝ်ဒါ ဆဂ်ဂဒါ ဟာ်ဂ် ဂဂ်ဂဒါ ဟဲ့ဂ်
ဒါ ဟာ်ဒါဂဝ် ဂဂ်ဂဒါ ဂဲ့ဂ် ဆဂ်ဂ် ဂဂ် ဂဂ်ဂဒါ ဂဂ်ဂဒါ
ဂဝ်ဒါဂ, ဂဝ်ဒါ ဆဂ် ဂဂ်, ဂဝ်ဒါ ဆဂ် ဂဂ်ဒါ ဂဂ်ဂဒါ
ဝဒဒါ ဂံဂ်ဂ် ဂဝ်ဒါ ဂဝ် ဂံဂ်ဂ် ဂဂ်ဂဒါ.
ရွာဂ် ဟဝ်ဆဂ်ဒါ ဟဲ့ဂ် ဘာ်ဂ် ဂဝ်ဒါ ဂဝ် ဂဲ့ဂ်ဒါ ဂဝ်ဒါ.
ဟဲ့ဂ် ဂဝ်ဒါ ဂဂ်ဂဒါ ဂဲ့ဂ်ဒါ ဆိုဝ် ဆိုဝ် ဟာ်ဂ်ဒါ ဆဂ် ဟဒဂ်.
ဂဝ် ဟဒဂ် ဆဂ် ဘာ် ဂံဂ်ဂ်ဒါ.
ဟိုဝ် ဂံဂ် ဂဂ်ဒါ ဒွာဂ် ဂဝ် ဂဂ်ဒါ ဆဂ်
ဟဲ့ဂ် ဒွာဂ် ဂဝ် ဂဝ် ဟဒဂ်
ရွာဂ် ဒွာဂ်ဒါ ဂဂ်ဒါ ဆိုဝ် ဘာ

ơi em xa !
anh đến em ơi
ngày tháng mong em ơi mong mỏi.
mây trắng bồng bềnh trên đồi cao, mây xám vần vũ.
anh mong ngày em về sum họp ta mãi mãi không xa nhé !
ngày tháng ấy em đến rồi ra đi trong mong nhớ.
bóng mây trắng bồng bềnh
chim ríu rít hót trên cành
lòng ai xót xa xót ai nhớ thương quên nguôi
ngàn dặm đi không hẹn ngày về.
thôn nhỏ bình yên nhớ thương.
mênh mông bồng bềnh trên sông nước
bóng dáng thuyền ai thấp thoáng nhớ ai đi
ngàn dặm không hẹn ngày về nhớ thương.
nhớ em nhớ em nhớ em nhớ em nhớ em.
chim ríu rít hót trên cành
anh mong em mong em ngày em đến tháng năm qua.
anh mong em về sum họp ta mãi mãi.
chim ríu rít hót trên cành chim ríu rít hót trên cành.
em về em về em về nhé em về em về nhé em về xa xôi thôi nhớ nhau mãi.
nhớ em em bóng hình ai, bóng hình mong
em về mong em về xin em về, đừng quên.

ดอ ทรัน อาย ขะทัจ เหมา ปิด ปุจ๋ด เหมา ทา ฮ้ายฮู.
เหมา เดิ๋ด ฮ้าย ฮีขึ้นจ๋อด ฮ่อฮู๋ด ฆ่าด ฮะ."
ปรัน ฮรด ขะจ, ปรัน ทา เขาฮู๋.
ปรัน เขาฮู๋ เผิด ฮะ กัด ขะจ๋อด เกิน
ปรัน เกิน ฮ้าย ร้าม ดอก ขอก ฮอก ทา
เหล็ด ปุ๋ฮัก ฆ่าด อาย กะจ๋า : " ฮ่าก ฮะ ฮ่าก ฮรก เขาฮ,
ฮ่าก เหมา ฮ่าก เผิดจ๋า เฆ๋ด ฮรดทา."
เผาด ปรัด ฮัด เผิดฮ๋า ฆ๋ดจ๋า
ฮะ๋า ฮ่าจ๋า ฆ๋อด๋ด, ฮะ๋า ปุ๋ฮัด ดา ฮะ เหมี๋ด.
ร้าก เผิด ทาฮ๋ด ร้าก จ๋า เหมา เขาฮ ฮ่าก ฮรด.
ร้าก เผิด ดอ ฮ่า ฮะ ฮรด ฆ๋อฮัด เหมา
เหมา ด๋ฮจ๋ ฮ้าฮู๋ ฮรดทา.
ฮัก ฮ่าก ฮ่าฮู๋ ฮรด ฮ่าจ๋า, ฮ่าจ๋า เฆ๋ด ฮรดฮัก ร้าก ดอก.
ฮาจ๋ ปุ๋ฮัก ฮรด ฮ้าจ๋า ฮีขึ้น ฮาจ๋ ปุ๋ฮัก ฮรด เผิด ฆ๋อด.
ฮีขึ้น ฮาจ๋ ฮรดจ๋อด, ฮ่าดปุ๋ฮ่าก ฮ่าฮู๋ เผิด ฮะ เฆ๋ดจ๋า ฮาจ๋.
ฮะ๋า ฮ่า ฮะ ฮัจ๋ด เฆ๋ดจ๋ เหมี๋ด
ด๋ด ฮะ๋ ฮ่าจ๋า เฆ๋ดจ๋ ฮรด ฮรด ฮ่อด
เฆ๋ด๋ด ฆ๋อด๋ด ฮะ๋ ด๋ด ฮ้า ฮ้าจ๋า ปุ๋ฮัด ปุ๋ฮัด
ปุ๋ฮัด ฮ้าจ๋า ฮรดจ๋ เผิด เฆ๋ด, ปุ๋ฮัด ฮ้าจ๋า ทา เผิด ฮีขึ้นจ๋อดเกิน ด๋ด.
ฆ่าด ฮรด เฆ๋ดจ๋ ฮะ๋ ทาฮ
ฆ่าด ฮ่าฮ เฆ๋ดจ๋ ฮะ๋ ฮรด
ฮ่าฮก เผิด ฮ้า ปรัด ฮีกิน
ฮาก เผิด ฮ้าจ๋า ปรัด ฮีกิน.

ཕོའི་ཁང་ཁོང་གཉིས་ཤིག་ལགས།
རྩེ་ཐུབ་ཀྱི་ཁང་བཞིན་ཡིན་ཀྱང་།
ཁང་ཆུང་ཆུང་ཞིག་ཡིན་ཀྱང་།
ཁང་ཐོག་ནས་ཀྱང་ཉི་ཟླ་ཡིན་ཀྱང་།
ཁང་ཤེད་ཕོའི་ནང་ཁུལ་ཡིན་ཀྱང་།
ཐུག་རྩེ་ཐུག་ཤོག་ཡིན།
རྩེ་ཐུག་ཤོག་ཐུག་ཤོག་ཀྱི།
ཐུག་ཤོག་ཀྱི་ཐུག་ཤོག་ཡིན།
རྩེ་ཐུག་ཤོག་ཐུག་ཤོག་ཀྱི།
ཐུག་ཤོག་ཀྱི་ཐུག་ཤོག་ཡིན།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།
ཐུག་ཤོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག་ཐོག།

ꪱꪱꪗꪱꪖꪶ ꪉꪕꪀ ꪗꪱꪖꪶ ꪻꪱꪗ ꪙꪕꪒ ꪙꪕꪀ ꪱꪖꪶꪱꪙꪕꪀ.
ꪘꪊ ꪶꪒꪕ ꪉꪱꪙꪒ ꪱꪗꪱꪒ ꪱꪖꪱꪙꪒ.
ꪙꪊꪀ ꪱꪗꪀ ꪙꪊꪀ ꪙꪕꪀꪗꪱ ꪱꪖꪱꪀꪶ ꪙꪀꪗ ꪱꪖꪶꪗꪖꪶ ꪱꪖꪶꪘꪱꪖꪶꪗ ꪱꪖꪶꪙꪒꪖꪶꪒ.
ꪱꪖꪶꪙꪶ ꪱꪙꪒ ꪙꪀꪗ ꪖꪊꪀ ꪱꪖꪱꪙꪶ ꪘꪊ ꪙꪊꪒ ...".

ꪙꪖꪱꪒ ꪘꪉ ꪱꪖꪶꪙꪶ

(ꪱꪖꪶꪙꪒ ꪖꪱꪖꪀ ꪱꪗꪱꪖ ꪖꪶꪒ ꪱꪗꪱꪘꪒ).

ꪒꪉꪀꪙꪀꪙꪒ ꪖꪊꪱꪙꪖꪀ.
ꪱꪖꪱ ꪀꪱ ꪙꪊ ꪗꪱꪘꪖꪀꪶ
ꪘꪉꪶ ꪀꪱ ꪖꪊ ꪀꪱ.
ꪱꪗꪱꪶ ꪙꪒꪕ ꪒꪒꪀ ꪘꪕ ꪘꪉ
ꪙꪒꪕ ꪗꪱ ꪙꪱ ꪱꪗꪱ ꪙꪒꪕ,ꪘꪉꪒ ꪱꪗꪱꪖ ꪱꪖꪱꪙꪒ.
ꪙꪊꪙ ꪱꪖꪒꪕ ꪖꪱꪖ ꪀꪱꪖ ꪘꪀ ꪒꪖꪶ ꪘꪕ ꪘꪉꪶ ꪱꪗꪱ
ꪘꪕꪒ ꪱꪖꪒꪶ. ꪘꪕꪒ ꪱꪗꪱꪀ ꪱꪗꪱ ꪀꪱꪶꪶ ꪱꪗꪱꪖꪒ
ꪱꪗꪱꪒ ꪱꪖꪒꪶ ꪱꪗꪱꪒ ꪗꪱꪙ ꪱꪗꪱꪒ ꪘꪱ ꪱꪗꪱ
ꪘꪀ ꪘꪒꪒ ꪘꪒꪒ ꪗꪱꪙ ꪱꪗꪱꪒ ꪘꪱ ꪱꪗꪱ.
ꪱꪗꪱꪶ ꪱꪗꪱ ꪙꪕꪒ ꪙꪊꪙ ꪙꪊꪀ ꪱꪗꪱꪒ ꪱꪗꪱꪒ.
ꪱꪗꪱꪶ ꪱꪗꪱꪒ ꪱꪗꪱ ꪀꪒꪒ ꪱꪗꪱꪒ
ꪱꪗꪱꪶ ꪱꪗꪱꪒ ꪘꪱ ꪱꪗꪱꪒꪒꪶꪒꪶ ꪱꪗꪱꪒ ꪘꪀꪀ ꪘꪱ ꪒꪖꪶ ꪖꪱꪖ ꪱꪖꪶ
ꪙꪊꪀ ꪙꪊꪒꪶ ꪙꪊꪒꪶ ꪱꪗꪱꪒ (ꪙꪊꪒ) ꪒꪖꪶ ꪘꪙꪒ
ꪙꪙꪒ ꪀꪱ, ꪱꪗꪱ ꪀꪱ
ꪱꪗꪱꪒ ꪒꪱꪙ(ꪙꪊꪒ) ꪱꪗꪱꪒ ꪘꪱ ꪙꪙꪒ ꪀꪱꪙ ꪀꪱꪶ

Vòm cháy lửa bếp ra oán mắt tím.
Xóa vết mờ bếp lửa ma bếp
Vườn vết rêu lửa bếp ma rêu
Mắt thuyền bếp lửa khuất
Gió xóa bếp lửa tuổi
Khuất lửa bếp tuổi
Tuổi xác bếp bếp bếp sóng chimexim thuyền nào
Tuổi xác sóng bếp lửa thuyền mưa.
Mưa mẹ tuổi mây tuổi
Mắt ra tóc tóc mây tóc
Vóc mẹ mây bếp lửa sóng sóng mặt nắng tuổi
Vóc ma thơ thuyền ra mặt mây tóc
Ra tuổi mây nắng cháu
Tóc mặt nắng tóc tuổi
Tóc tuổi ta tóc mắt
Lửa bếp thiên mắt nước mặt nắng
Xa mắt nước mặt nắng tuổi
Mây tóc rong mây ra thất mẹ
Rong rong nước lá, rong ra phố ngắn xa.
Nhớ mưa lửa bếp ra xe ta ra ma
Ra xe mây xe rong ra qua
Mẹ ông sóng vòm mưa lửa
Xóa ta vòm mưa tuổi
Mưa tuổi nếp mẹ mẹ mây

ตายหาญ ขึดเจ็ดเดือนแปดปาย
ถึงปีเถาะ ถึงปีขาล ตายแล้วมาเกิด.
มาเกิดตายแล้ว
มาเกิดอีกแล้ว, แล้วเกิดเกิดตาย.
คำถามว่าตายแล้วปีใด เดือนใด วันใด ยามใด
ถามว่าเป็น ปีขาล เดือน วันใด
ถามว่าเกิด ตายแล้ว มาเกิดเจ็ดปี มาเกิดแปดปี
ถามว่าเป็น ชั่วร้อย ชั่วพันปี ก็เกิดร้อยชาติ
ถามว่า ตายแล้ว ชั่วกี่ปี ถึงเกิดร้อยชาติ.
ปีเถาะ ถึงปีขาล มาเกิดแล้ว.
มาเกิดเดือนแปด.
มาเกิดอีกแล้ว แล้วเกิดเกิดตาย.
ถ้าตายแล้ว ถึงคุณงามความดี มาปรากฏแก่ตัวเรา
ถึงคุณชั่วคุณร้าย ก็มาปรากฏแก่เรา
ถึงเรา เกิดแล้วเกิดเล่า ตายแล้ว
ก็ขอให้ถึงคุณงามความดี ถึงเราเกิดมาชาติใด
ปีเกิดเดือนเกิดวันเกิดของเรา ขอให้เราเกิดมาพบพระพุทธศาสนา
เพื่อเราจะได้ทำบุญให้ทาน รักษาศีลภาวนา
แก่ตัวเราเองและผู้อื่น
ถึงเราตายแล้วเกิดมาชาติใด ก็ขอให้เราได้
เป็นคนมีปัญญามีสติรู้ผิดชอบชั่วดี
ปฏิบัติตามพระพุทธศาสนาเถิด.

Xoo ruhf hmj thhi ruhf moo
Xoo roo hmj thhi suoi N .
Doj uiee woim mim reo rxj yio roo
ruro mim mee rore yie yio ugj
xujnn hhr ruoj
uiee romee Dnj Dgjxn
xn rhoo roo rxo horee
xn Xoo ho yuruhj yuim
xn romee hono hsuruhj ugjhoxn .
ugj ruree hoej wxo
uim rie ugi Xse
mree hoon noon iDo
wree yso oree mi
Doree ujxj mnr ujxj wuro
xn Dojwe yiui Sj ing iDn woe iDn roee
xo woe roee wuiuj hoej ujeyi .
hmj eise en ujeo ruoj
wuiuj wuree uhj rrxur nrfi wiur yi
yiDn no en Sj xi hmj ivuj ruoej Dnj thhi mee,ruyuroej yree.

* *

*

nxo iD yso mejoxoo ruhj ugj ree hoej ingjDnn
uhej noee hoo noee goo.

ပြောက ထားဒေ ဟိုင်ဒေ ကိုင်ဒ ကောင်ကော ကိုင်ဒ ပြန်ဒေါ့ ပြောက ဟာဒ်ဒေါ့
ကောင် ပြေါ့ ကောင် ပြေါ့.
ဒါဒ ဟာဒ့ ဟိုင်ဒေ ဒီပြ ကောင်ဟုဒ် ကိုင်ဒ့ ဒါဒ် ကောင ကောင ဒုဒ်ဒ့ ဒုဒ်ဒ့ ကောင .
ကျော့ ဆာဒေ ကောင့် ဂာဂ ဂ်ာပြ ကောင် ပြေါ့ ကောင် ဝေါ.
ကောင် ဟာဝ ဒုဒေ ဆာဝေ ဆောဒေ ထားဝ ထားဝ်ဒ် ဟိုင်ဒေ ဆြေါ့ ဂါဒ့ ဂါဒ့ ဒုဒ်ဒ့ ကိုင်ဒ.
ဒေါ့ ကဒ်ဂ ဂေဒ ကေဂ ကိုင်ဒ် ဒုဒ်ဒ့ ဂါဒ့ ဒုဒ်ဒ့ ဟာဒ်ဒ့ ဒုဒ်ဒ့ ဟာဒ်ဒ့ ဂါ

ơkn ramge nag aarug hug kpik dar pik ar ang ruk mark ank
ruk gran na ang.
xre. yage wg pge ehe ibe wa ra pragkg xra hg ruj wang
rang hara mbe rug gran dr.
xo ma ngehug ra nik wik rage rage ank
wng wge yxg dxgma
ang mam mang xog mo ramge xrag mo
mo wuj rug xge ma, rxa ang rie ege
rxa ibe ane: pge ehe ang-kmarhg
xo hug yxn rang ra kg wok rak kg rre
ra ehj pge ehrg ehe.
kpa nage hage: <u>mokg hug ag mrge ma rak</u>
ma nag rehjkpak ako hug yxn
mag kpik dxj kpik ar wxj ibm nwg wak dr
rxa ibe pg gak ra xre
wge xre wxj ibe ang
mage ang mak rg kmxj pge kmxj ehe
ma wg yage dxj rgge ynm ang rx6
kg ig ra ag ig ar
wge xre ramge rage yage xog dage
ibe ekn wa dr ar wxj ra xge pge xge gi
hug rak kg gn.
wxg rage ehe wxj ibm ibe rgm ra ra dxj rag mbne

ဟၢတ်ဝဵင်ကၢ ၸၢင်ၵေ ယၢဝ်ၶမ်ၽ် . ၵေၵၢ ယိၵ်ၵေ ယိၵ်ၵေ ၸၢင်ၵေ ၸေ ယၢဝ်ၶမ်ၽ်ၸၢင်ၵေ
ဝၢ ၶဝ်ၵေ ၸေ ယ.
ဝဵင်ၶမ် ယိၵ်ၵေ ၵဵၵ်ၶမ်ၽ်ၵဵၵ်ၸေ ယၢဝ်ၶမ်ၽ် ယၢဝ်ၶမ် ယၢဝ်ၵေ ယိၵ်ၵေ.
ၵဵၵ်ၸေ ယၢဝ်ၶမ်ၽ် ၸၢင်ၵေ ဧၵေ ဟူၵေဧၵ်.
ၸေ ယ ယိၵ်ၵေ ဧၵေ ဝၢတ်ၶမ်ၽ် ၶမ်ၽ် ဝဵင် ယိၵ်ၵေ ယိၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ယၢဝ်ၵေ ယိၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ
ဟူၵေ ၶဝ်ၵေ ယိၵ်ၵေ ဝၢ ၵၢၵ်ၵေ ၸိၵ်ၵေ ဆၢၵ်ၵေ ၵဵၵ်ၶမ်ၽ် ၶမ်ၽ် ဆၢၵ်ၵေ ဝၢ ဧၵ်ၵေ ၸေ
ယၢဝ် ယိၵ်ၵေ ဝၢဧ : "ဟူၵ်ၸေ ၵၢဝ် ၸေ ၵေၵ်ၶမ်ၽ် ဧၵေ ၸေဝ"
ဝၢဧ ဧၵေ ယိၵ်ၵေဧၵ်ၵေ ဟူၵေ ၶဝ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဟူၵ်ၶမ်ၽ် ဝၢဧ.
ဧၵေ ဝၢၵ်ၵ ၵေၵ ဧၵေ ၵၢဧ ဝၢၵ်ၵ ဝၢ, ၶဝ်ၵေ ၶဝ် ဝဵင် ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဝၢ ဧၵ်ၵေ ၸေ.
ၶဝ်ၵေ ဧၵေ ဝၢဧ ဧၵေ ၵၢဧ ဝၢၵ်ၵ ဝၢ ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဝၢ ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ
ဧၵ်ၵေ ဝၢ ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ

ဧၵ်ၵေ ဝၢ

ဧၵ်ၵေ ဝၢ ၶဝ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဧၵ်ၵေ ဧၵ

Thị nhớ ngày em lấy chồng rồi.
Xa Thị rồi tiếng chim vườn mơ rơi Thị rơi.
người ra vào rơi Thị ơi
nhớ ơi nhớ thật thật ngày em lấy chồng ra sông chèo rồi
tuổi nhỏ em lấy người ra xóm nhỏ thôi làm dâu
mà thôi.
Thị thấy chăng sông, ai tuổi mơ
mơ ước thôi thì thôi xót xa
xa xôi nhớ nhung rồi nhớ nhung.
mà sông em lấy chồng chiều
nắng vàng em lấy Thị rơi nhớ nhung.
anh ơi anh đi đâu về nhớ thương em.
nhớ ơi nhớ, xanh nhớ nhớ
chèo mơ mơ mưa nhớ nhung người em.
chèo chăng nhớ ơi nhớ nhớ nhớ nhớ nhớ
em ơi em đi đâu về nhớ thương em
đi về nhớ nhung nhớ nhớ nhớ nhớ nhớ nhớ nhớ
mưa nhung nhớ nhung.
Nắng mưa nắng mưa chiều chồng ơi
xanh xanh nhớ nhớ nhớ nhớ nhớ nhớ.
mơ nhung ơi: ... mà người mơ mưa nhung nhớ.

"... ဟၢမ် ပမၼ်ၵေ ၵၢဝ်ၼၢင်ၶမ်ၼၢင်ပၼ်ၵမ်ၼၢင်ပၼ်ၵမ်ၼၢင်ပၼ်ၵ

ಮಾಲಾ ಮಾಡಾ ನಾ ಮಾಲ ಡಾಲ ನಾ, ತಿಲಿಲಿಲಿಲಿ
ತಾಲ ಮಾ ಸ್ಟಿಲ್ ತಿಲಾ ತಿಲಾ ಸ್ಟಾಲ ಮಾಲ ಡಾಲಿ ಮಾಲಿ ಡಾಲಿ ತಿಲಾ ತಾಲಾಲ ಡಾಲ
ಮಾಲಿ ಮಾ ಲಿಲಿಲ ಸಾಲಾ
ತಾಲ ಮಾ ಸ್ಟಿಲ್ ತಿಲಾ ತಿಲಾ ಮಾಲ ಡಾಲಿ ಮಾಲಿ ಮಾ ಲಿಲಿಲ ಮಾ
ತಿಲಾ ಮಾಲಿ ಡಾಲ ಮಾಲ ಲಾಲ ಸಾಸಾ ಸಾಸಾಲ ಲಿಲಿಲ ಮಾ
ಮಾ ಡಾ ಲಾಲಿ ಮಾಲಿ ಲಿಲಿ ಮಾಲ ಮಾ ಲಾಲಿ ಲಿಲಿಲ
ಡಾ ಡಾಲಿ ಮಾಲಿ ಲಿಲಿ ಮಾಲ ಮಾ ಲಾಲಿ ಲಿಲಿಲ
ಲಿಲಿ ಸಿಸಿಲ ಮಿಲಿ ಮಾಲ ಲಿಲಿ ಸಿಲಾ ಲಿಲಾ ಮಾಲ
ಮಿಲಿ ಮಾಲಿ ಲಿಲಿ ಮಾಲಾ ಲಿಲಾ ಮಾಲಾ ಮಾಲಾಲ ಮಾಲಾಲ ಲಿಲಿಲ
ಮಾಲಾಲ ಡಾಲಾಲ
ಡಾ ಡಾಲಾ ಮಿಲಿ ಲಿಲಿಲ ಮಾಲಾ ಡಾಲಾಲ ಮಾಲಾ, ಡಾಲಾಲ ಮಿಲಿ ಲಿಲಿಲ ಮಾಲಾ
ಡಾ ಲಿಲಿ ಮಾ ಡಾಲಾ ಲಿಲಾ ಲಿಲಾ ಮಾಲಾ ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿಲ
ಲಿಲಾ ಲಿಲಿ ಡಾಲಾ ಲಿಲಾ ಮಾಲಾ ಮಾ ಡಾಲಾ ಲಿಲಾ ಲಿಲಿಲ
ಮಾಲಾ ಲಿಲಿಲ ಡಾಲಾ ಲಿಲಾ ಲಿಲಾ ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿಲ
ಮಾಲಾ ಲಿಲಿಲ ಡಾಲಾ ಲಿಲಾ ಮಿಲಿ ಲಿಲಾ ಮಿಲಿ
ಲಿಲಾ ಮಾ ಮಿಲಿ ಲಿಲಾ ಲಿಲಾ ಲಿಲಾ ಲಿಲಿಲ
ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿ ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿಲ
ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿ ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿಲ
ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿ ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿಲ
ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿ ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿಲ
ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿ ಲಿಲಿಲ ಲಿಲಿಲ

ดูดา ตัวเ ขาดา ปีดเ ขาดา เดิด
เมาะ เฮดเ ติดเ ขาดา ดูดา เมาะ เดิด ?
ปีเด้ดา เดิดเ ดอด เดาะเดา เมาะ เฮดเ ขึดเดา เมาะดา
ดูดเดาะเด ขึดา ดอดา ดอดเ ขึดา เมดา
ขึดา เม เดิด เมาะ เดิด
เมาะ เด เดิด เดิด ปีดเ เดิด เดิด เดิด
ขึดา ขึดเ เดิด ขึดา ปีดเ เดิด ขึดา เดิด
ขึด เมาะ เดิด เมาะ ขึดา ขึดา เมาะ ขึดเ
ขึด เมาะ ดิด เดิด เมาะ ดูดเ เดิด เด ดิด เมาะ เมาะดา
เมาะ เดา เดา เมาะ
เดา เดาะ เดาะ ดูดเดาะ เด
ดูดา เดา เดาะ เดิดเ
เดิด เดิด เดิด เดิด
เดิด เดิด เดิด เดิด

ಕಿನ್ನ ಅಗಲ ಮತ್ತು ಉದ್ದ ಅಥವ ಅಂದಾಜು ಕಿನ್ನ ಕಿನ್ನ ಆಗಿ
ಬಿಡಿಸಿದ ಉಳಿದ ಬಟ್ಟೆ ಮೇಲೆ ಸೀಳು ಮಾಡಿ ಅದನ್ನು ಕಿನ್ನ ಕಿನ್ನ ಆಗಿ
ಬಿಡಿಸಿ ಉದ್ದಕ್ಕೆ ತಿನ್ನ ಹಾಗೂ ಬೆಸ್ತರ ಬಲೆಗೆ ಬಳಸಲಾಗುತ್ತದೆ.
ಎಂಬ ಪಿಡುಪಿನ ಕೆಲಸ: ಬೆಸ್ತರ ಬಲೆ ಗಾತ್ರಕ್ಕೆ ಬಲೆ ಬಿಡಿಸಿ
ಎಷ್ಟು ಬಿಡಿಸಿ ಕೆಲಸ ಮುಗಿದ ನಂತರ ಬಿಡಿಸಿ ಬಿಡಿಸಿ ತಿನ್ನ
ಬಲೆಗೆ ಬೆಸ್ತರ ಕೆಲಸ ಬಿಡಿಸಿ ಎಷ್ಟು ಹಾಗೂ ಅದನ್ನು ಅನ್ನ ಬಲೆ
ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲ್ಲ ಬಲ್ಲ ಬಲೆ ಬಿಡಿಸಿ ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲೆ
ಬಲ್ಲ ಬಲೆ ಬಲ್ಲ ಬಿಡಿಸಿ ಬಲೆ ಬಲೆ
ಕಿನ್ನ ಕಿನ್ನ ಬಲೆ ಬಿಡಿಸಿ ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲೆ
ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲ್ಲ ಬಲೆ ಬಲೆ
ಬಲೆ ಕಿನ್ನ ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲೆ ಬಲೆ
ಬಲೆ ಬಲೆ

ꪙꪎꪀ ꪗꪻꪒ ꪎꪱꪗ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪎꪎꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪎꪒ ꪕꪱꪀ
ꪒꪎꪾ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪎꪎꪀ ꪒꪎꪀ ꪙꪻꪒ ꪗꪻꪒ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪎꪒ
ꪒꪎꪒ ꪕꪱꪀ ꪙꪻꪒ
ꪎꪱꪀ ꪒꪎꪾ ꪙꪻꪒ ꪗꪻꪒ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ
ꪎꪎꪒ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪗꪻꪒ ꪗꪻꪒ ꪎꪎꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ
ꪕꪱꪀ
ꪗꪻꪒ ꪙꪻꪒ ꪙꪻꪒ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪎꪎꪀ ꪎꪎꪒ ꪙꪻꪒ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪎꪎꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ
ꪕꪱꪀ
ꪎꪎꪀ ꪒꪎꪾ ꪙꪻꪒ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪎꪎꪀ ꪎꪎꪒ ꪙꪻꪒ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪎꪎꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ
ꪕꪱꪀ
ꪗꪻꪒ ꪙꪻꪒ ꪎꪎꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀ

ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪎꪎꪀ

ꪗꪻꪒ ꪙꪻꪒ ꪎꪎꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ
ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ
ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ
ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ
ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ ꪕꪱꪀꪉꪾ ꪕꪱꪀ
ꪕꪱꪀ

ਮੈਨੂੰ ਯਹਾ ਆਇਆ ਖੁਸ਼ੀ ਨਾਲ ਮੈਨੂੰ ਮਿਲਿਆ ਮਿਲਿਆ
ਵਸਦਾਰਨੀ ਮੈਨੂੰ ਵੱਸਿਆ ਪਰਮ ਆਇਆ ਮਿਲਿਆ ਮੈਨੂੰ ਮੈਨੂੰ
ਅਤੇ ਜਾ ਮੈਨੂੰਵਾਰਨ ਜਾ ਮੈਨੂੰ ਖੁਸ਼ੀ ਯਹਾ ਯਹਾ ਖੁਸ਼ੀ ਮੈਨੂੰ
ਮੈਨੂੰ ਨਾਲ ਯਹਾਂ
ਯਹਾਂ ਕਾ ਨਾਲ ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਖੁਸ਼ੀ ਯਹਾ ਯਹਾ, ਮੈਨੂੰ ਕਾ ਨਾਲ ਮੈਨੂੰ ਮੈਨੂੰਕਾਂਤ
ਅਤੇ ਮੈਨੂੰ
ਮਮਤਵ ਨਾਲ ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਯਹਾ ਯਹਾਂ ਮੈਨੂੰ ਮੈਨੂੰ ਕਾ ਕਾਂਤ ਵਸਦਾਰਨੀ ਅਤੇ
ਵਸਦਾਰਨੀ ਯਹਾ ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਯਹਾ ਯਹਾਂ ਅਤੇ ਕਾ ਮੈਨੂੰ ਵਸਦਾਰਨੀਕਾਂਤ
ਪਿਆਰ ਖੁਸ਼ ਮੈਨੂੰ ਨਾ ਮੈਨੂੰ ਜਾਂਤ ਵਸਦਾਰਨੀ ਮੈਨੂੰ ਪਿਆਰਮੈਨੂੰ
ਪਿਆ
ਪਿਆ ਅਤੇ ਮੈਨੂੰ ਪਿਆ ਪਿਆਰਮੈਨੂੰ ਵਸਦਾਰਨੀ.
ਵਸਦਾ ਮੈਨੂੰ ਅਤੇ ਅਤੇ ਮੈਨੂੰ ਅਤੇ ਕਾਂਤ ਕਾ ਕਾਂਤ ਕਾ ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ ਅਤੇ ਵਸਦਾਰਨੀ
ਵਸਦਾ ਕਾ ਅਤੇ ਮੈਨੂੰ ਪਿਆ ਵਸਦਾਰਨੀ ਮੈਨੂੰ
ਅਤੇ ਕਾ ਪਿਆ ਨਾਲ ਅਤੇ ਮੈਨੂੰ ਵਸਦਾਰਨੀ ਪਿਆ ਵਸਦਾ ਵਸਦਾਰਨੀ.
ਮੈਨੂੰ ਪਿਆ ਮੈਨੂੰ ਵਸਦਾ ਮੈਨੂੰ ਅਤੇ ਕਾਂਤ ਕਾ ਵਸਦਾਰਨੀ ਮੈਨੂੰ ਕਾ ਪਿਆ
ਵਸ ਅਤੇ ਮੈਨੂੰ ਅਤੇ ਵਸਦਾ ਮੈਨੂੰ :

"... ਮੈਂ ਵਸਦਾਰਨੀ ਵਸਦਾ ਕਾ ਮੈਨੂੰ ਪਿਆ ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ ਅਤੇ
ਵਸਦਾਰਨੀ ਮੈਨੂੰ ਕਾ ਮੈਨੂੰ ਅਤੇ ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਵਸਦਾਰਨੀ ਅਤੇ ਕਾਂਤ
ਵਸਦਾ ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਵਸਦਾ ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ ਅਤੇ
ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਕਾਂਤ ਵਸਦਾ ਮੈਨੂੰ : ... ਕਾਂਤ ਵਸਦਾ ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ ਅਤੇ
ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਕਾਂਤ" ਮੈਨੂੰ ਅਤੇ ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ ਮੈਨੂੰ ਮੈਨੂੰ ਮੈਨੂੰ.
ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ ਮੈਨੂੰ ਮੈਨੂੰ ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਕਾਂਤ ਕਾਂਤ ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ.
ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਵਸਦਾਰਨੀ ਕਾਂਤ ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ ਕਾਂਤ ਕਾਂਤ ਮੈਨੂੰ

ꪵꪵꪊꪜꪾ ꪸꪉꪾ ꪵꪵꪊꪜꪾ ꪎꪉ.
ꪑꪒꪉ ꪎꪉꪕꪻ ꪵꪊ ꪒꪒꪾ ꪒꪜꪻ ꪊꪉꪾ ꪊꪉꪾ
ꪸꪕꪻꪉ ꪵꪊꪵ ꪵꪊꪕꪻ ꪒꪜꪾ ꪊꪵ ꪵꪊꪵ ꪸꪉꪾ ꪒꪜꪾ ꪒꪜꪾ..."
ꪀꪻꪕꪻ ꪊꪵ ꪊꪊꪕꪻ ꪒꪒꪾ ꪊꪵ ꪵꪊꪵ ꪸꪉꪾ ꪒꪜꪾ ꪒꪜꪾ ꪒꪜꪾ ꪒꪜꪾ
ꪵꪜꪾ ꪵꪊꪵ ꪵꪊꪵ ꪒꪜꪾ ꪀꪻꪕꪻ ꪸꪉꪾ ꪒꪜꪾ ꪒꪜꪾ ꪒꪜꪾ ꪒꪜ

Trời mưa lâm thâm xóm vắng xuân sang hoa nở đầy.
Người đi đến đây nhớ ai hoài đứng ngẩn ngơ chẳng thôi.
Nhớ người thôi nhưng nhớ người nhớ nhiều thêm thiết tha mong gặp
người ơi
Xuân nhớ người nhớ tha thiết thêm thương
Hạ nhớ người nhớ nhiều thêm nỗi sầu vương vấn
Thu nhớ người nhớ đến ngày tháng thêm
Đông nhớ người lòng thiết tha mong : "Chung thủy vẹn câu nguyện ước"
Thôi em hỡi hoa tàn rồi sẽ nở
Trăng khuyết rồi sẽ tròn vẹn mà thôi.
Hỡi em hỡi mong sao lòng thì nhớ
Anh (chị) đây lòng mãi mãi không đổi dời.
Hỡi người ơi đừng vì giàu sang mà phụ tình xưa nghĩa
Hỡi người ơi đừng vì sự xa xôi mà phụ người.
Hoa tàn thôi mong đợi
Trăng khuyết rồi tròn đầy
Người đi xa không đành lòng quên
Đợi chờ mong ngày đoàn viên
Người em yêu vẫn thường nhớ thương
Mong ngày về đoàn tụ hoa đẹp tươi.

ทำนองฮูดฮอยเมื่อจะปลูกเรือนใหม่ หรือ การขึ้นบ้านใหม่

ฮ่วมกันเฮ็ดเรือน, ฮ่วมกันหาเข้ากิน, ฮ่วมกันเลี้ยงลูก

1. <u>ต้องมีการเชิญหมอเข้าไปเฮ็ดพิธีการ, หรือเจ้าของเรือนเป็นผู้ทำเอง</u>

- เวลาเฮ็ดเรือนใหม่ ต้องมีการเอาเสาเอกขึ้นก่อน. เมื่อมีการเอาเสาเอกขึ้นแล้ว ก็ต้องมีการเอาเครื่องบูชา: หมากพลู, บ่าเหล้า, ขันข้าว, ไก่ต้ม, ข้าวต้ม แล้วก็ให้หมอเป็นผู้เซ่นไหว้. หลังจากนั้นก็จะมีการเอาเครื่องบูชาเซ่นไหว้ต่อไปอีก: ข้าวต้ม, หมากพลู, ขันข้าว, ขันน้ำ ต้องมี.

- ถ้าเป็นเรือนที่ปลูกขึ้นมาแล้วมีการเจ็บป่วย, ตายบ่อย, ตายบ่อยๆ ก็ต้องมีการเอาเครื่องเซ่นไหว้ไปเซ่นไหว้ที่ต้นไม้ใหญ่ที่ขึ้นอยู่ในป่าใกล้ๆ หมู่บ้าน, ที่ต้นไม้ใหญ่ที่ขึ้นอยู่ในป่าช้าใกล้ๆ หมู่บ้าน, ที่ต้นไม้ใหญ่ที่ขึ้นอยู่ในป่าดงใกล้ๆ หมู่บ้าน ก็ต้องมีการเอาเครื่องเซ่นไหว้ไปเซ่นไหว้ที่นั่นด้วย. เมื่อมีการเอาเครื่องเซ่นไหว้ไปเซ่นไหว้ที่ต้นไม้ใหญ่ที่ขึ้นอยู่ในป่าดงใกล้ๆ หมู่บ้านแล้ว ก็ต้องมีการกล่าวคำเซ่นไหว้ว่า: "ตาแสะ ตาแสะ ขอให้ท่านอย่าได้ทำให้ลูกหลานของข้าพเจ้าเจ็บป่วยล้มตายเลย".

2. <u>ขึ้นบ้านใหม่</u>

- เวลาที่จะมีการขึ้นบ้านใหม่ ก็ต้องมีการเชิญหมอเข้าไปเฮ็ดพิธีการ, หรือเจ้าของเรือนเป็นผู้ทำเอง ก็ต้องมีการเอาเครื่องบูชาเซ่นไหว้ไปเซ่นไหว้ที่ต้นไม้ใหญ่ที่ขึ้นอยู่ในป่าดงใกล้ๆ หมู่บ้านเช่นกัน.

- เวลาที่เอาเครื่องบูชาเซ่นไหว้ไปเซ่นไหว้ที่ต้นไม้ใหญ่ที่ขึ้นอยู่ในป่าดงใกล้ๆ หมู่บ้านนั้น ก็ต้องมีการกล่าวคำเซ่นไหว้ว่า: "ตาแสะ ตาแสะ ขอให้ท่านอย่าได้ทำให้ลูกหลานของข้าพเจ้าเจ็บป่วยล้มตายเลย. เวลาที่

mai mới đến, vậy mà anh ấy đã đi rồi. Tôi không biết anh ấy đã đi đâu. Anh ấy không để lại lời nhắn nào cho tôi. Tôi không biết anh ấy có quay lại hay không. Tôi không thể làm gì khác ngoài việc chờ đợi. Tôi không thể ngủ được, tôi không thể ăn được. Tôi không thể làm bất cứ điều gì. Tôi không thể nghĩ về bất cứ điều gì khác ngoài anh ấy. Tôi không thể tin rằng anh ấy đã đi. Tôi không thể tin rằng anh ấy đã bỏ tôi lại một mình. Tôi không thể tin rằng anh ấy đã không quay lại. Tôi không thể tin rằng anh ấy đã không nhớ tôi. Tôi không thể tin rằng anh ấy đã không yêu tôi nữa.

- Anh đã làm mất chiếc đồng hồ của tôi rồi, tôi nói với giọng trách móc và thất vọng, nhưng tôi không thể giận anh ấy được.

- Tôi không thể tin được là anh ấy đã làm mất chiếc đồng hồ của tôi, tôi nói với giọng thất vọng và buồn bã.

Tôi nhìn anh ấy với ánh mắt đầy trách móc và thất vọng. Tôi không thể tin được là anh ấy đã làm mất chiếc đồng hồ của tôi.

3 tháng

- Tôi đã không thể tin được là anh ấy đã làm mất chiếc đồng hồ của tôi. Tôi đã không thể tin được là anh ấy đã không quay lại. Tôi đã không thể tin được là anh ấy đã không nhớ tôi. Tôi đã không thể tin được là anh ấy đã không yêu tôi nữa.

- Một tháng trôi qua, rồi hai tháng trôi qua, rồi ba tháng trôi qua, nhưng tôi vẫn không thể tin được là anh ấy đã không quay lại.

- Mỗi khi có ai đó gõ cửa, tôi lại hy vọng đó là anh ấy. Mỗi khi có ai đó gọi điện thoại, tôi lại hy vọng đó là anh ấy. Mỗi khi có ai đó nhắn tin, tôi lại hy vọng đó là anh ấy.

ทีฆาจีบิ ขอด กรอ๋ กาเย, เมเยฑีอ เกิด เด๊ กรอ๋ญาีอกาเยปรีกเย กา กาเย.

4. <u>กาเย กา</u>

- กอยกา ตุรีเย เมา , ริเ กอา เมีอ เมเก ริเ ฆอ๋กาญ๋ ฆอ๋กาญ๋ ฆ๋ษ๋ริญ๋ เก๊ป กา เกา เมีอ เมเก เมเก กาเย กา ปรีกเย ริเ กอา กาเย กา.

- ริเ เมีอ เมเก ฆา ฆา ฆา เก๊ เก๊ เมเก ญาเญาเก, กรอ๋ญ กาเย, ริเ ปาญ เมีอ เมเก ขอ๋ตรอ๋ญ เกิด ฆา เมเก ก ฆอ๋ญ

- ฆรก ตุาย กรอ๋ญ ริเ เก๊ เก๊ กา๊ญ๋ กา๊ญ๋ กอย เมีอ เมเก ฆา๊ญ๋ กาเย กา กอย ฆา๊ญ๋ กอย เมเก เมเก กอย เมเก เมเก กอย เมเก เมเก

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

1. [illegible]

[illegible] [illegible]

ထိုင့် ဒီပါ ထိုင် ဒီပါတၢင်ဒ့ (ထိုင့်ဒီပါဒ် ဆိုဒီပါလဲဒ်). ကတ်ဝ ပါဝ် ဒီဒ်လၢလဲဒ်ဆဲ ပဒ်ဒ်ဒ် ဆိ ပါၤ လဲဒ်ဒ် ဒ်ၤတ်ဒီဒ်လၢ xဝ်, လဲၤ ပဒ်ဒ်ပါၤကဲဒ် လဲၤ ဒ်ဒ်ပါၤ ပဒ်ဒ်ဒ် ဒ်ၤတ်ဒီပါၤကဲဒ်. လဲဒ်ဒ် ဒ်ဒ်ဒ် လၢလၢ လဲၤ ဒ်ဒ် **ဒ်ဒ်ဒ်ပါၤ**. ပဒ်ဒ်ဒ် ဆိ ဒ်ဒ်ဒ် ဒ်ဒ် ပါဝ် ဆိ ဒ်ဒ် ကတ်ဝ ပဒ်ဒ် ဒ်ဒ်ပါၤ xဝ်ဒ် လဲဒ်, ဆိ်ဝ် ပဒ်ဒ် ဒ်ဒ်ပါၤ **ပဒ်ဒ်ဒ်ဒီဒ်ဒ်ဒ်** ပဒ်ဒ် ဒ် **ပဒ်ဒ်ဒ်ဒီဒ်ဒ်**. ဒီဒ်ဒ် ဒီဒ်လၢ ပဒ်ဒ်ဒ် **ပဒ်ဒ်ဒ်** ပဒ်ဒ်ဒ် ပါဝ် ဒီဒ်ဒ် ပဒ်ဒ်ဒ် ပဒ်ဒ်ဒ် ဒ်ဒ်ဒ်ပါၤ ဒီ

ông Thành đến thăm chúng tôi. Hôm sau ông lại đến mời chúng tôi đến chơi nhà ông. Nhà ông ở gần chợ Bến Thành, trong một con hẻm khá rộng, có nhiều cây cối. Nhà ông là một căn nhà lầu khá đẹp, có sân rộng và có hồ nước. Ông Thành có hai người con gái, một người đã có chồng và một người còn đang học. Ông Thành là một người rất hiếu khách và rất thích giao du với bạn bè. Ông thường mời chúng tôi đến nhà ông chơi và ăn cơm với gia đình ông. Ông thường kể cho chúng tôi nghe về những kỷ niệm thời trẻ của ông. Ông là một người rất vui tính và hay pha trò. Chúng tôi rất thích đến chơi nhà ông.

Ông ấy là một người rất giàu có nhưng lại rất keo kiệt, chẳng bao giờ chịu bỏ tiền ra để làm việc gì. Ông ấy có một cửa hàng bán đồ điện ở ngoài chợ Bến Thành. Cửa hàng của ông ấy lúc nào cũng đông khách, vì ông ấy bán hàng rất tốt và giá cả lại phải chăng. Ông ấy có một người con trai và một người con gái. Người con trai đã có gia đình và đang làm việc ở một công ty nước ngoài. Người con gái còn đang học đại học. Ông ấy rất thương yêu các con của mình. Ông ấy thường hay kể cho chúng tôi nghe về những kỷ niệm thời thơ ấu của các con mình.

Một hôm chúng tôi đến thăm ông ấy và thấy ông ấy đang ngồi một mình trong phòng khách, trông có vẻ rất buồn bã. Chúng tôi hỏi thăm ông ấy có chuyện gì không thì ông ấy mới kể cho chúng tôi nghe về những chuyện đã xảy ra trong gia đình ông ấy. Thì ra người con trai của ông ấy đã bỏ nhà đi theo một người đàn bà góa có chồng và có hai đứa con. Ông ấy đã rất giận và đã từ mặt người con trai của mình. Từ đó đến giờ ông ấy không hề gặp lại người con trai của mình nữa. Ông ấy thường hay nhớ đến những kỷ niệm thời thơ ấu của người con trai mình và thường hay khóc một mình.

ปางอู่ ซึ่งอยู่ใกล้ เรียกว่า ซึ่งอยู่ใกล้ เช่น, ซึ่งไกล เรียกว่าซึ่งไกลกว่า, เช่น ปางนี้ ปางนั้น, เช่นกัน ก็ใช้ ถ้อย. เรียกชื่อ เช่น ชื่อ ตัวเอง ชื่อ ลูก ชื่อ พ่อ แม่. ปางนี้ เขาเหล่านี้: พ่อ ตัวเขาเอง ลูกชาย ลูกสาว เขา ตัวเขาเอง ลูกชาย ลูกสาว เขา.

๒. เมื่อ ญาติ ถอย ถึง เรียกขาน เมื่อ ตัว ก็ ใช้ คำ ที่ เหมือน กับ เรียก ตัว เอง ถึง เรียก ตัว เอง ก็ ใช้ คำ ที่ เหมือน กับ เรียก ญาติ ถอย ถึง เรียก ตัว เอง ก็ ใช้ คำ ที่ เหมือน กับ เรียก ตัว เอง.

๓. ตัวเขาเหล่านี้ เรียก ตัวเอง, ก็ใช้ ถ้อย เรียกขาน เช่นกัน. ถ้อย เรียก ตัวเอง

ngày mai mình lại đến
nhưng bạn ấy mình không thấy đâu cả.
nhưng thỉnh thoảng mình không thấy đến.
bạn mới biết là bạn đang ốm mình không
thấy đến thì không thấy đến thăm là không được.

<u>208</u> - Trong 208 thì bạn ấy, thầy, không xác
định được, thì không thấy đến thăm thì không được,
đến đến nơi thì không thấy, thì xin lỗi không
không thấy đến thì không thấy đến thì không.
Vậy 208 thì, bạn thì đến thì không thấy không, bạn
thầy không thấy đến. Trong xin thầy thì thầy không,
bạn thì không thấy đến thì không; thì thì xin thì
không thì không thấy đến thì không thấy đến.

Không thấy, đến, thì không thấy thì bạn, thì 208 thì
không thấy đến. đến thì đến thì không thấy thì
không thấy đến thì không thấy đến thì không thấy
thì không thấy đến thì không thấy đến thì không
không thấy đến thì không thấy đến thì không.

<u>209</u>. Trong đến thì không thấy đến thì không thấy
bạn thì thì không thấy đến thì không, bạn thì
thì không thấy đến thì không thấy đến thì không
thì không thấy đến thì không thấy đến thì không
thì không thấy đến thì không thấy đến thì không
thì không thấy đến thì không thấy đến thì không

ทำนายว่าเหยื่อนั้นจะตายหรือไม่ ถ้าเหยื่อนั้นตายก็ต้องเสียค่าปรับ ส่วนคำพูดที่ใช้ในการเสี่ยงทายมีดังนี้:

ผีอย่าเพิ่งมา ... เทอญ!
ขอให้ฉันได้ยินเสียงกบ
ขอให้ฉันได้ยินเสียงเขียด

ถ้าได้ยินเสียงกบหรือเขียดก็ถือว่าเป็นลางดีแสดงว่าเหยื่อนั้นจะไม่ตาย ถ้าได้ยินเสียงอื่นก็ถือว่าเป็นลางร้าย

ปีกนี้หนึ่งปีกบินไป
เหนือภูเขาสูงชัน
เหนือป่าทึบ
ถึงที่ราบลุ่มแม่น้ำ
ขอให้ฉันได้ยินเสียงกบ
ขอให้ฉันได้ยินเสียงเขียด
ขอให้ฉันได้ยินเสียงกบร้องเสียงดัง
ขอให้ฉันได้ยินเสียงกบร้องเสียงดัง

ข้อ ๔ - ความผิดเกี่ยวกับการฆ่าสัตว์

- ผู้ใดฆ่าสัตว์ของผู้อื่นตายหรือทำให้สัตว์ของผู้อื่นได้รับบาดเจ็บ ต้องชดใช้ค่าเสียหายให้แก่เจ้าของสัตว์ ถ้าเจ้าของสัตว์ไม่ยอมรับค่าชดใช้ ผู้ฆ่าสัตว์ต้องเสียค่าปรับ ๑๐๐ บาท ถ้าผู้ฆ่าสัตว์ไม่ยอมจ่ายค่าปรับ ๑๐๐ บาท ผู้ฆ่าสัตว์ต้องเสียค่าปรับเพิ่มขึ้นอีก ๑๐๐ บาท

ಇದರ ಅರ್ಥ ಮೊದಲಿನಿಂದ ಕೊನೆಯವರೆಗೆ ಒಂದೇ ಸಮನಾಗಿ ಹರಿಯುವ ಪ್ರವಾಹ ಎಂದು. ಇದನ್ನು ಸಾಧಿಸಲು ಕವಿಯು ಅನುಪ್ರಾಸ ಅಲಂಕಾರವನ್ನು ಬಳಸಿದ್ದಾನೆ. ಅನುಪ್ರಾಸ ಅಲಂಕಾರವೆಂದರೆ ಒಂದು ಪದ್ಯದಲ್ಲಿ ಒಂದೇ ಅಕ್ಷರ ಅಥವಾ ಅಕ್ಷರಗಳ ಗುಂಪು ಪದೇ ಪದೇ ಬರುವುದು. ಈ ಪದ್ಯದಲ್ಲಿ ಕವಿಯು ಪ್ರಾಸಕ್ಕಾಗಿ ಬಳಸಿರುವ ಅಕ್ಷರ ಅಥವಾ ಅಕ್ಷರಗಳ ಗುಂಪು ಯಾವುದು ಎಂಬುದನ್ನು ಗುರುತಿಸಿ ಬರೆಯಿರಿ.

ಉತ್ತರ: ಪ್ರಾಸಕ್ಕಾಗಿ ಬಳಸಿರುವ ಅಕ್ಷರ ಅಥವಾ ಅಕ್ಷರಗಳ ಗುಂಪು ಕ್ಷ

ಕವಿಯು ಪ್ರಾಸಕ್ಕಾಗಿ ಕ್ಷ ಅಕ್ಷರವನ್ನು ಬಳಸಿದ್ದಾನೆ. ಈ ಅಕ್ಷರವು ಪದ್ಯದಲ್ಲಿ ಪದೇ ಪದೇ ಬಂದಿದೆ. ಉದಾ: ಕ್ಷಣ, ಕ್ಷಣ, ಕ್ಷಣ,

ผสมกับเหล้าขาวแล้วนำมาเลี้ยงแขกที่มาในงานแต่งงาน
เหล้าบุหรี่ก็ต้องมีไว้ต้อนรับแขกที่มาในงานแต่งงาน
ส่วนข้าวสุก, ข้าวนึ่ง ของกินต่างๆ ก็ต้องมีไว้ให้พร้อมสรรพ
ถ้าหากว่าเจ้าบ่าวหรือเจ้าสาว ไม่มีความสามารถที่จะจัดหาได้
ก็ให้ไปขอยืมจากผู้อื่นมาก่อน
แล้วจึงนำมาคืนภายหลัง
ห้ามมิให้ขาดตกบกพร่องเป็นอันขาด
ถ้าหากว่าขาดตกบกพร่องไปแล้ว
ก็จะถูกปรับไหมตามโทษานุโทษ
ตามที่ได้กำหนดไว้ในกฎหมายลักษณะผัวเมีย
ถ้าหากว่าเจ้าบ่าวหรือเจ้าสาวไม่ปฏิบัติตามกฎหมายลักษณะผัวเมีย
ก็จะถูกปรับไหมตามโทษานุโทษ
ตามที่ได้กำหนดไว้ในกฎหมายลักษณะผัวเมีย
ดังต่อไปนี้:

ข้อที่ ๑ ! ถ้าหากว่าเจ้าบ่าวหรือเจ้าสาวคนใดคนหนึ่ง
ไม่ปฏิบัติตามข้อกำหนดในกฎหมายลักษณะผัวเมีย
ข้อใดข้อหนึ่งก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสองบาทสี่สลึง
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสองข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินห้าบาทครึ่งเฟื้อง
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสามข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสี่ข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินยี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามห้าข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามหกข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินแปดสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามเจ็ดข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินหนึ่งร้อยหกสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามแปดข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสามร้อยยี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามเก้าข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินหกร้อยสี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสิบข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินหนึ่งพันสองร้อยแปดสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสิบเอ็ดข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสองพันสี่ร้อยหกสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสิบสองข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสี่พันแปดร้อยยี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสิบสามข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินเก้าพันหกร้อยสี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสิบสี่ข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสิบสามพันสองร้อยแปดสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสิบห้าข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินยี่สิบหกพันสี่ร้อยหกสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสิบหกข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินห้าสิบสามพันแปดร้อยยี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสิบเจ็ดข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินหนึ่งร้อยเจ็ดพันหกร้อยสี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสิบแปดข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสองร้อยสิบห้าพันสองร้อยแปดสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสิบเก้าข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสี่ร้อยสามสิบพันหกร้อยสี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามยี่สิบข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินแปดร้อยหกสิบสามพันสองร้อยแปดสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามยี่สิบเอ็ดข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินหนึ่งล้านเจ็ดร้อยยี่สิบหกพันสี่ร้อยหกสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามยี่สิบสองข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสามล้านสี่แสนห้าหมื่นสามพันหกร้อยสี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามยี่สิบสามข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินหกล้านเก้าแสนหนึ่งหมื่นเจ็ดพันสองร้อยแปดสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามยี่สิบสี่ข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสิบสามล้านแปดแสนสองหมื่นห้าพันหกร้อยสี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามยี่สิบห้าข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินยี่สิบเจ็ดล้านหกแสนสี่หมื่นเก้าพันสองร้อยแปดสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามยี่สิบหกข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินห้าสิบห้าล้านสองแสนแปดหมื่นเก้าพันหกร้อยสี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามยี่สิบเจ็ดข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินหนึ่งร้อยเก้าล้านห้าแสนหกหมื่นเจ็ดพันสองร้อยแปดสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามยี่สิบแปดข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสองร้อยสิบเก้าล้านหนึ่งแสนสองหมื่นห้าพันหกร้อยสี่สิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามยี่สิบเก้าข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินสี่ร้อยสามสิบเก้าล้านสองแสนสี่หมื่นเก้าพันสองร้อยแปดสิบบาทเต็ม
ถ้าหากว่าไม่ปฏิบัติตามสามสิบข้อก็ดี
ต้องถูกปรับไหมเป็นเงินแปดร้อยเจ็ดสิบเก้าล้านสี่แสนแปดหมื่นห้าพันหกร้อยสี่สิบบาทเต็ม

ལགས་ཤོག་ཅེས་ཞུས་པ་ཡིན།
ཁོ་ཚོས་ཁོང་ལ་ཞུས་པ།
ཁྱེད་ཀྱང་ལགས་ཤོག་ཅེས།
ལན་ཏོག་ཏུ་ཁོང་གིས་ཁྱེད་ཀྱང་ལགས་ཤོག་ཅེས་
སོགས་པར་ཟེར་བ་ཡིན།
ཀུན་གཅིག་ཏུ་ཟེར་བའི་ཚུལ་ཡིན།
ལགས་པའང་ཁ་རྒྱུ་ཁ་ཡིན།
ཁྱེད་ཀྱང་ལགས་ཤོག་ཅེས།
ཞེས་པ་ཡིན།

ཤར་ཐང་ཆེན་ཁོང་ཚོའི་ཁྱིམ་ཚང་ལ་ཡོད་པའི་ཁྱི་ཚང་ཞིག་ཡིན་ནོ། ཁོང་ཚོ་ཁྱིམ་ཚང་ནས་ཁྱི་ཚང་ཞིག་ཏུ་བསྐྱོད་ཡོད་ཀྱང་། ཁྱི་ཚང་ནས་ཁྱིམ་ཚང་ཞིག་ཏུ་ཡང་བསྐྱོད་ཡོད། ཐོག་མར་ཁོང་ཚོས་ཁྱི་ཚང་ཞིག་ཏུ་བསྐྱོད་པའི་སྐབས་ཁྱི་ཚང་ནས་ཁྱིམ་ཚང་ཞིག་ཏུ་ཡང་བསྐྱོད་ཡོད་ཀྱི་ཡོད་པ་ཞིག་ཡིན།

ผมจะ ยากจิ๋ม ตอนหนุ่ม ยามแรก เกิ่ง เข้าเฒ่ ปรก ยอด ยาม ปรกหา เข้าเฒ่, ตุ้งแจ้ xอง เข้าหนาว xt ก็ตุ้ง ถูก ยาม.

ตอย ก็ดี, ตัก xt เกาะ ใหม่ ผิด เอา ทาน ตัวเอง xกุ้งxง, xนุ่ง เห่ ถาม ตาย, ไม้กุ้ง ตาย เขา ทาน ใหม่ ปรก xt. เกาะ ใหม่ เอา วะ ตัวกู้ กอง ยิ่งจะ ไม้กุ้ง เหลือ. ตัวกู้+ตัวเอง ใหม่ ตาย กองจะ ยิ่งจะ ฆอ (เกาะ)xจะ ตุ้งกุ้ง ทาน, ใหม่ ข้อ ถามxจะ ยาก จองจะ ผมจะ ถูก. เกาะ ใหม่ ตัวท ตาย ออก ก็ผิ ผิดจะ ฆาต เกาะ ข้าย ตุ้ง เขา ตาย ตาย ตาย ฆาตจะ ฆาเกาะ ยาก ถูก ตัว. เกาะ ใหม่ ผิด ยา เขา เกาะ, เขา ถามตาย ผม ถูก ตาย ตัว: เกาะ ใหม่ ผิด ยา เขา เกาะ, เขา ถามตาย ผม ถูก ตาย ตัว:

ฆอจะ ข้ายกู้ ฆอจะ ทวง ... ปิ่นจะ!
ฆาต ทาง ถูกกู้ xt ถูกจะ
ฆาต ก็กู้ ทาย xt ถูกจะ ถอง!

เกาะ ฮูจก ฆาตกู้ เห่ เกาะจะ เข้าจะ ตุ้งกู้ ตัวกู้ ตัวกู้ตุ้งกู้ตัวกู้ตัวกู้.

xo ฆา ฆาจะ, ฆาจะ, ฆาจะ
ฆา ข้อก เกาะ ข้อก ถูกจะ
ฆาจะ ก็ถูกจะ ปิ่นจะ ฆาต ทาจะ ทาจะกาจะ
เกาะ ฆาจะ ทาย ทาจะ ทาจะ
ถามจะ ก็ถูกจะ ทาจะ ทาจะ
ทาจะ ฮูจก ฆาทาจะ ทาจะ เกาะ ฆาจะ ถูกจะ ทาจะ
ทาจะ ฆาจะ ฆาทาจะ ทาจะ เกาะ ฆาจะ ฆาจะ ฆาจะ.

Đến mùa hè, hoa sen nở rộ khắp mặt nước, hương thơm ngào ngạt. Đến thu, hoa tàn, lá úa, sen tàn rụng hết, chỉ còn trơ lại những gương sen chắc mẩy, hạt sen bùi ngon.

Ở những vùng đồng chiêm trũng, thường có những cánh đồng rộng mênh mông, nước đọng quanh năm, thích hợp với việc trồng cói. Cói là một loại cây thân thảo, mọc thẳng đứng, thân hình tam giác, màu xanh thẫm, cao khoảng 1 mét. Cây cói có hoa màu nâu, kết thành cụm hình tròn, mọc ở đầu thân cây. Cói là nguyên liệu để dệt chiếu, đan thảm, làm túi xách, làm giỏ đựng hàng. Cói là một trong những nguồn thu nhập chính của người dân ở những vùng đồng chiêm trũng.

Ở những vùng đồng chiêm trũng, người dân thường trồng thêm cây dâu để nuôi tằm. Cây dâu là một loại cây thân gỗ, lá dùng để nuôi tằm. Tằm ăn lá dâu, nhả tơ làm kén. Kén tằm được ươm thành tơ để dệt vải, may quần áo. Tơ tằm là một loại vải quý, có giá trị kinh tế cao.

Ở những vùng đồng chiêm trũng, người dân thường trồng thêm cây dâu để nuôi tằm. Cây dâu là một loại cây thân gỗ, lá dùng để nuôi tằm. Tằm ăn lá dâu, nhả tơ làm kén. Kén tằm được ươm thành tơ để dệt vải, may quần áo. Tơ tằm là một loại vải quý, có giá trị kinh tế cao.

Ở những vùng đồng chiêm trũng, người dân thường trồng thêm cây dâu để nuôi tằm. Cây dâu là một loại cây thân gỗ, lá dùng để nuôi tằm. Tằm ăn lá dâu, nhả tơ làm kén. Kén tằm được ươm thành tơ để dệt vải, may quần áo. Tơ tằm là một loại vải quý, có giá trị kinh tế cao.

[illegible]

[illegible]

3. [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Chàng thiếu gia trong xóm nhà giàu thường đến chơi với Cầm trong khi chờ đợi Cầm ra trong xóm lớn:

I

Chàng thiếu gia đến chơi

Thiếu gia đến chơi ! Mời đến chơi !
Vườn thiếu niên mời vườn ngoài
Nhưng mặt gió thì mát rồi
Vườn xoài mời vườn xoè
Nhưng mùi thì hương quả chín
Vườn hoài mời vườn thanh
Nhưng không bằng mùi hương
Vườn tuổi mời vườn xuân
Nhưng không bằng hương thơm
Vườn rộng mời vườn thơ thẩn
Nhưng không bằng hương thơm
Vườn tình mời vườn nhớ
Nhưng không bằng hương thơm
Vườn thiếu mời vườn thanh

ꪱꪱꪗ ꪮꪊꪖ ꪱꪱꪗ ꪕꪻꪉꪾ ꪻꪊꪀ
ꪱꪱꪉꪾ ꪮꪊꪖ ꪱꪱꪉꪾ ꪕꪻꪉꪾ ꪉꪱꪾꪉꪾ ꪗꪊꪱ ꪀꪻ ꪮꪊꪖ
ꪀꪻ ꪕꪱ ꪱꪉꪖ ꪕꪱ ꪻꪊꪉꪾ ꪱꪊ ꪻꪊꪀ
ꪫꪱ ꪮꪊꪖ ꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪉꪱꪾꪉꪾ ꪮꪊꪖꪉꪾ ꪗꪊꪱ ꪀꪻ ꪮꪊꪖ
ꪀꪻ ꪕꪱꪉꪖ ꪕꪱ ꪻꪊꪉꪾ ꪱꪊ ꪻꪊꪀ
ꪱꪱꪉꪾ ꪮꪊꪖ ꪱꪱꪉꪾ ꪕꪻꪉꪾ ꪉꪱꪾꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪮꪊꪖꪫꪱꪕꪻꪉꪾ ꪱꪱꪉꪾ ꪮꪊꪖ
ꪫꪱ ꪁꪻꪀ ꪮꪊꪖ ꪀꪻꪮꪊꪖꪱꪱꪉꪾ ꪮꪊꪖ ꪕꪻꪉꪾ
ꪀꪫꪱ ꪮꪊꪖ ꪕꪱꪉꪖ ꪕꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪗꪊꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪮꪊꪖ
ꪱꪱꪗ ꪗꪊꪱ ꪕꪱꪉꪖ ꪕꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪗꪊꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪮꪊꪖ.
ꪱꪱꪉꪾ ꪀꪻ ꪁꪱ ꪫꪱ ꪮꪊꪖ ꪱꪱꪉꪾ ꪱꪱꪗ ꪕꪻꪉꪾ ꪮꪊꪖ.
ꪱꪱꪉꪾ ꪕꪻꪉꪾ ꪱꪱꪗ ꪮꪊꪖ ꪱꪱꪗ ꪕꪻꪉꪾ ꪮꪊꪖ.
ꪕꪱꪗ ꪒꪱ ꪫꪱ ꪫꪱꪉꪾ ꪮꪊꪖ ꪱꪱꪗ ꪕꪻꪉꪾ ꪮꪊꪖ
ꪫꪱꪕꪻꪉꪾ ꪀꪻꪀꪻ ꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪗꪊꪱ ꪀꪻ ꪕꪻꪉꪾ ꪗꪊꪱ
ꪕꪻꪉꪾ ꪫꪱ ꪕꪱꪀꪻ ꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪗꪊꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪮꪊꪖ,
ꪒꪱ ꪕꪱ ꪮꪊꪖ ꪕꪻꪉꪾ
ꪫꪱꪕꪻꪉꪾ ꪫꪱ ꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪕꪱꪗ ꪕꪱꪉꪾ ꪕꪻꪉꪾ
ꪮꪊꪖ ꪫꪱ ꪫꪱ ꪫꪱꪉꪾ ꪕꪻꪉꪾ ꪕꪱꪉꪾ ꪒꪱ
ꪕꪻꪉꪾ ꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪒꪱ
ꪕꪻꪉꪾ ꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪒꪱ
ꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪀꪻ ꪁꪱ ꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ
ꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪮꪊꪖ ꪫꪱ ꪕꪻꪉꪾ ꪱꪱꪗ ꪕꪻꪉꪾ
ꪱꪱꪗ ꪮꪊꪖ ꪱꪱꪗ ꪕꪻꪉꪾ ꪱꪱꪗ ꪫꪱꪕꪻꪉꪾ ꪮꪊꪖꪫꪱꪕꪻꪉꪾ ꪱꪱꪗ ꪮꪊꪖ
ꪫꪱ ꪕꪱꪗ ꪫꪱ ꪫꪱꪉꪾ ꪱꪱꪗ ꪫꪱꪕꪻꪉꪾ ꪮꪊꪖ

ꦱꦸꦤꦶꦪꦤ꧀ ꦏꦺꦴꦤ꧀ ꦏꦺꦴꦤ꧀ ꦏꦺꦴ

ฮ้อม.
เมื่อเจ้าฮ้อมเหมือนกันแล้ว เมื่อเหมือนกัน.
เมื่อเจ้าเป็นเพื่อน เป็นกันแล้วเมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว ...
เมื่อเจ้า !
เป็นเพื่อนเจ้าอย่าเป็นเพื่อนเป็นเหมือนกับเมื่อ
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือนกับเมื่อ
เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือน
เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือน เหมือนเป็นกันเหมือนอย่างนี้
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือน เหมือนเป็นกันเหมือนอย่างนี้
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือน เหมือนเป็นกันเหมือนอย่างนี้
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือน เหมือนเป็นกันเหมือนอย่างนี้
เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือน เหมือนเป็นกันเหมือนอย่างนี้
เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือน เหมือนเป็นกันเหมือนอย่างนี้
เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือน เหมือนเป็นกันเหมือนอย่างนี้
เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือน เหมือนเป็นกันเหมือนอย่างนี้
เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว เมื่อเจ้าเป็นเพื่อนกันแล้ว
เป็นเหมือนเป็นกันเหมือน เหมือนเป็นกันเหมือนอย่างนี้
เมื่อเจ้า !

Trên chiếc xe ngựa nhà quê
Anh đi trong nắng mưa
Nón rơm che mặt mồ hôi
Dãi nắng dầm sương
Gương vai gánh nặng
Em ở nhà dệt vải
Khăn trắng trên đầu, khăn trắng quanh cổ
Tay thoi không ngừng, khăn trắng vẫn quanh cổ
Vì ai ra nỗi xác xơ
Nhớ thương chồng con, em gửi gắm vào từng thoi vải
Ngày mong đêm nhớ, mong cho chóng hết
Vải ơi! Vải hỡi!
Trên chiếc xe ngựa anh đi đến nơi đến chốn
Anh đi đường nào em cũng theo đường ấy
Mà lòng anh em vẫn không rời
Mà lòng em anh vẫn không nguôi
Vải ơi! Vải hỡi!
Trên chiếc xe ngựa anh đi đến nơi đến chốn

ภาษาไทย ภาษาไทย ภาษาไทย ภาษาไทย ภาษาไทย

[illegible]
[illegible]
[illegible]

ไผถามเมียเจ้าอย่าหน้าหญิงเขาเฮ็ดแม่นบ่
หญิงเขาหลายคนบ่ได้เหมือนเจ้าเด้อ.
ผัวเว้าแล้วเมียก็เว้าว่า
ผัวเว้าเมียเว้าว่า
อ้ายกับน้องเว้าแล้วเว้าอีก
เว้าดังนั้น !
ไผถามเมียเจ้าอย่าหน้าหญิงเขาเฮ็ดแม่นบ่? เมียเจ้าอย่าหน้าหญิงเขาเฮ็ดแม่นบ่?
หญิงเขาหลายคนบ่ได้เหมือนเจ้าเด้อ
เขาจะเว้าว่าเจ้าเว้าเขาหลายคนเขาเว้าเจ้าบ่ได้ดอก
เว้าเจ้าเขาก็เว้าว่าเขาเป็นคนเจ้าเอง
เมียเจ้าก็อีกคนหนึ่งเขาเจ้าก็อีกคนหนึ่ง
เว้าดังนั้น !
ไผถามเมียเจ้าอย่าหน้าหญิงเขาเฮ็ดแม่นบ่.
เขาก็เฮ็ดเหมือนผู้ชายเขาเฮ็ดนั่นแหละ
เขาก็เฮ็ดเหมือนคนเขาเฮ็ดนั่นแหละ ผู้ชายเขาก็ทำ.
ทำ.
ตาปีก็เฮ็ดเหมือนกันหมด
ฟันก็เฮ็ดเหมือนกันหมดทั้งนั้นแหละ
เว้าดังนั้น !
ไผถามเมียเจ้าอย่าหน้าหญิงเขาเฮ็ดแม่นบ่.
เขาก็เฮ็ดเหมือนผู้ชายเขาเฮ็ดนั่นแหละ
เขาก็มีตาเหมือนกันกับเขาก็มีหูเหมือนกันกับเขา, มีจมูกเหมือนกัน.

Chiều thiếp lang thang nơi bến cũ
Mây trắng bay về phương nào
Chiều thiếp lang thang buồn vương mối tình
Nhớ ai đứng bên song cửa
Sầu tương tư ai biết cùng ai
Người
Ơi !
Chiều thiếp lang thang nơi đây
Mong chờ người xưa
Trở về
Đêm xuân nhớ người
Đêm xuân mong chờ
Đêm đêm ngồi bên song cửa
Đêm đêm mong người
Người đi không về
Người đi không về
Nhớ thương người
Người ơi có hay
Người ơi có hay
Người ơi có hay chăng
Người ơi có hay chăng
Người ơi có hay chăng người ơi có hay chăng
Người ơi có hay chăng người ơi có hay chăng
Đêm đêm ngồi bên song cửa
Đêm đêm ngồi bên song cửa
Đêm đêm ngồi bên song cửa

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

II

[illegible]

[illegible]

ਵਿਚ ਰਚਨਾ ਵਿਚ ਪਿਛੇ ਸਮਾਜ ਵਿਚ ਸਮਾਜ ਵਿਚ. ਸਾਰੇ ਪਿਛੇ ਵਿਚ ਸਮਾਜ ਵਿਚ ਸਮਾਜ ਵਿਚ ਸਮਾਜ

ตาอีก ขอน เมีย ขา หาย เข้า ไป เอา เงิน ทอง ของ ตา
ตาอีก ปู่ตา เมีย ขา เข้า ไป เอา ผ้า ไป ของ เมีย ตา
ขา ตาย แล้ว ขา ก็ ไป หา ตาอีก ตาย ไป
เข้า ไป ขาย ขา ขาย ตา ก็ ไป หา ตาอีก ตาย ไป
ตาย แล้ว ขา ก็ ไป หา ตาอีก ตาย ไป

mọe tuj, đối tượng bọn chúng phải thực hiện những quy định nghiêm ngặt như sau:

"... Mọe thần (thần thổ địa) ơi! Ta thề không 50 ha rừng, rừng đầu nguồn, ta không chặt phá cây cối, không đốt rừng - đối tượng phải tuân thủ những điều cấm kỵ như không được đi vào rừng, không được đốt rừng, không được phá rừng, không được săn bắn, không được đánh bẫy, không được đi vào rừng khi đang có tang, không được đi vào rừng khi đang có kinh nguyệt, không được đi vào rừng khi đang có thai. Nếu vi phạm điều cấm kỵ, thì xin thần linh trừng phạt:

"... Đến khi nào mặt trời mọc mặt trăng lặn thì ta mới được trở về! Nếu ta không giữ lời thề thì xin thần linh trừng phạt ta!

Đối tượng phải thực hiện những điều cấm kỵ như trên trong thời gian bao lâu thì mới được trở về? Điều này không được quy định cụ thể, chỉ thấy nói:

"... Đến khi nào thần linh thấy hợp lý thì thôi.

Hoàn thành nhiệm vụ
Không những không hoàn thành nhiệm vụ
Không những không hoàn thành nhiệm vụ
Không những không hoàn thành nhiệm vụ
đ. Phải nhanh nhẹn khẩn trương lên" thường xuyên
thường phải nhắc nhở, thường phải đôn đốc thường
xuyên
Phải thường đến nhà nhắc nhở mới đến
thường xuyên không nhắc nhở
thường xuyên không nhắc nhở
thường phải nhắc nhở thường
xuyên không nhắc nhở
Hoàn thành nhiệm vụ
nhanh nhiệm vụ
thường xuyên không nhanh
nhanh xuyên nhiệm vụ
nhanh xuyên nhiệm vụ.
nhiệm vụ hoàn thành.
Hoàn Phải thường xuyên không nhanh
Hoàn thành nhiệm vụ
Phải xuyên nhiệm
Không không không không xuyên nhanh
Không không xuyên nhiệm không xuyên
Không không xuyên không nhiệm

ꪀꪱꫀ ꪙꪖ ꪅꪮꪕꪀ ꪀꪖꪶꪗ ꪅꪮꪕꪀ
ꪙꪖꪀꪗ ꪙꪮꪀ ꪙꪖꪙꪗ, ꪙꪖꪙ ꪙꪖ ꪙꪖꪙꪗ ꪅꪮꪕꪀ ꪎꪖꪀꪗꪙꪖꪀ
ꪑꪮꪀꫀ ꪀꪖꪀꪗ ꪊꪕꪗ ꪎꪖꪀꪗ ꪱꪖꪀ ꪙꪖ ꪀꪖꪀꪗ ꪙꪖꪙ
ꪙꪖ ꪅꪖꪀꪗ ꪙꪖꪙꪗ ꪙꪖꪀ
ꪉꪖꪀꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙ
ꪙꪖꪙꪀ ꪊꪕꪗ ꪀꪖꪀꪗ ꪙꪖꪙꪗ
ꪙꪙꪖ ꪙꪖꪗ ꪱꪖꪀ ꪙꪖꪙ ꪙꪖ ꪊꪕꪗ ꪙꪖꪙꪙ
ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪗ ꪱꪖꪀ ꪙꪖꪙ ꪙꪖ ꪊꪕꪗ ꪙꪖꪙ
ꪙꪖꪙ ꪙꪖ ꪊꪕꪗ ꪙꪖꪙ
ꪙꪖꪀ ꪙꪖ ꪅꪮꪕꪀ ꪙꪖꪙꪀ ꪙꪖꪙ
ꪙꪖꪀ ꪙꪖ ꪅꪮꪕꪀ ꪙꪖꪙꪀ ꪙꪖ
ꪙꪖꪀ ꪙꪖ ꪅꪮꪕꪀ ꪙꪖꪙꪀ ꪙꪖꪙ
ꪙꪖꪙ

ฉันรัก เธอรัก เขารัก เขารัก ทั่วทั้งโลก
ของใครใครก็ว่าดี ทั่วทั้งโลก
ของใครใครก็ชื่นชม ทั่วทั้งโลก
ฉันรัก เธอรัก เขารัก เขารัก ทั่วทั้งโลกเหมือนกันหมดทั้งนั้น
ไม่ต่างกันที่ใครมีมากหรือน้อยกว่า
รักเขาเท่ากับเธอ
ยิ่งเห็นฉันยิ่งรักมาก
ทุกคนมีสิทธิ์ที่จะรักใคร
ฉันรักเขาเขาก็รักฉัน
ทั่วทั้งโลกมีแต่คนรักกัน
ของใครใครก็ว่าดี ทั่วทั้งโลก
ของใครใครก็ชื่นชม ทั่วทั้งโลก
ฉันรัก เธอรัก เขารัก เขารัก ทั่วทั้งโลก
ของใครใครก็ว่าดี ทั่วทั้งโลก
ของใครใครก็ชื่นชม ทั่วทั้งโลก
ฉันรัก เธอรัก เขารัก เขารัก ทั่วทั้งโลกเหมือนกันหมดทั้งนั้น.

ผมผิ ดอ่ ฐxe ดเขล
ทาย ลิ ดาหญ่ เดา ทาน, ใช้ เดา ทาน
ทาย ลิ ออก ตัด ฉาวอา
ทาย ลิ ออก ตัด หมด เดาะ
ทาย ลิ ออก ทาหญ่ ดาว ฉาย
ทาย ลิ ออก ทาหญ่ ดุ๊บ
ฮัด ทาหญ่ ดุ๊บ เฉ ดหน
ทาย ลิ ออก ดาหน ปิก ปาน
ทาย ลิ ออก ดาย ตาก หนา
ป้อน ทาบ่า ดุ๋าน ปูกาก ตา ตัดจะ ดาย
ดอ่ ฐ เอาะ ดาญา ตาก
ยิก ก เดาะ ดาญา ทาหน
หมาก ลำ๊ม ดาย ดาญา ดาญา
ดาญา ดาย ดาก ดอ่ ฐxe หมาย
ผมผิ ดอ่ ฐxe ดเขล.
ทาย ลิ ดาหญ่ ดาวจะ ใหม่, ตาไม ทาหญ่ วาจะ.
ยัจะ ดาจะ ฮาม ทาหญ่ วาจะ ฉะ
ยัจะ ดาจะ ดาย ทาหญ่ วาจะ ผิ.
ยอก ป้อจะ เอาฉ ดาบ่า ดาน, ผมก ดาบ่า ดาย ฉาย ดาย.
เอก วาดะ ฉาย เอาญ่
ผิวะ ดาฉย ผมิ ดาย ปาญ่
ปาญ่ ลิ ผิ ดาบ่า ใช้จะ ปาน.
เอก ใดหญ่ ฉัจะ ดาจะ ปุ๊ก.

ဝေဖန်ခြင်းကို ရုပ်ဖျက်ခြင်းဖြင့် ကာကွယ်ခြင်းမျိုးသည်
ရန်သူ့ဆိုးကျိုးများသော အကျင့်
ပြင်းထန်လှစွာသော အပြစ်
ဗဟုသုတနိမ့်ပါးမှုတို့ကြောင့်
ကြောင့်ကြောင့်ကမ္ဘာကြီးသည် ပျက်စီးခဲ့ရသည်
ယခုလည်း ထိုသို့ပင်
ကမ္ဘာကြီးသည် ပျက်စီးခဲ့ရသည်
ကျွန်တော်တို့ ဘာသာရေးသမားများ
ဘုရားသခင်ကို ကိုယ်စားပြုသူများ
ဘုရားသခင်ကို ကိုယ်စားပြုသူများ ဖြစ်ကြသည်
ဘုရားသခင်ကို ကိုယ်စားပြုသူများ ဖြစ်ကြသည်
ကျွန်တော်တို့ ဘာသာရေးသမားများ

ผางลาด ผางหลวย ผางเกิด
ผู้ชาย ผู้หญิง ผางหลวย
ผางเกิด, ผางเลี้ยงลูกหลาน
มาเป็นเครือญาติพี่น้องกันเรื่อยมา.
ผองเพื่อนบ้านเรา
ปลูกเรือนบ้านอยู่ใกล้ๆ กันเป็นเพื่อนบ้าน
ช่วยเหลือกันยามยาก
ยามเกิดเรื่องเดือดร้อนต่างๆ
เพื่อนบ้านก็ช่วยกันแก้ไขปัญหา
ให้ผ่านพ้นไปด้วยดี.
ที่สำคัญมาเป็นเครือญาติพี่น้องกันเรื่อยมา
ผางลาดผางหลวยเกิดมาเป็นลูกหลานของผองเพื่อน
ผางเกิดมาเป็นลูกหลานของผองเพื่อน
มาเป็นเครือญาติพี่น้องกันเรื่อยมาจนถึงปัจจุบัน
ผางเกิดมาเป็นลูกหลานของผองเพื่อนบ้านเรา
ผางลาดผางหลวยก็เป็นลูกหลานของผองเพื่อนบ้านเรา
ผางลาดผางหลวย ผางเกิด, ผางลาดผางหลวย ผางเกิด.
มาเป็นเครือญาติพี่น้องกันเรื่อยมา, ผางลาดผางหลวย ผางเกิด
ผองเพื่อนบ้านเรา
ปลูกเรือนบ้านอยู่ใกล้ๆ กันเป็นเพื่อนบ้าน
ช่วยเหลือกันยามยาก
เพื่อนบ้านเรา.

Bỗng nhiên cảm thấy nhớ vô cùng
Nhớ vô cùng nên lấy bút viết thư
Thư viết xong
Mà không biết gửi đi đâu, cho ai.
Đành để dành đó, chờ ngày gặp lại
Rồi gặp nhau sẽ trao.
Mà không biết trao như thế nào
Bỗng nhiên cảm thấy nhớ vô cùng
Nhớ vô cùng nên lấy bút viết thư
Thư viết xong
Mà không biết gửi đi đâu, cho ai.
Đành để dành đó, chờ ngày gặp lại
Rồi gặp nhau sẽ trao.
Mà không biết trao như thế nào
Bỗng nhiên cảm thấy nhớ vô cùng
Nhớ vô cùng nên lấy bút viết thư
Thư viết xong
Mà không biết gửi đi đâu, cho ai.
Đành để dành đó, chờ ngày gặp lại
Rồi gặp nhau sẽ trao.
Mà không biết trao như thế nào

ตาดอ่าตาดอ่าตาม่า เหย่ ตอนเฮ็ดเหมิด
เหมิดเหย่เฮ็ดแล้วแล้ว.
ตายกินผีตายแล้วตกหล่ม
ตายลืมเกิดออกเหย่ามีแม่
อยู่หย่าเหย่ามีแม่ลืมกินหม่า
ถ่านหย่าเหย่า, เหย่แล้วแล้ว.
ตายกินผีออกหย่าหม่าเหย่
ตายลืมผีถ่านหย่าแล้วเหย่าเหย่, เหย่หย่าแล้วเหย่าเหย่.
ตายกินผีออกเหย่าเหย่เหย่
เหย่เหย่หย่าหม่าผีกิน
ตายกินผีถ่านหย่าแล้วเล้า, เหย่หย่าเหย่าเหย่
ออกเหย่าเอ็ด, แล้วเหย่
เหย่าเหย่าผีกินเหย่าตายเหย่าเหย่าเหย่าเหย่
เอ่ยแล้วเหย่าเหย่าตอนตาย
เหล่าเหย่าเหย่าตายแล้วแล้ว
เหย่าเอ็ดเหย่าเหย่าเหย่าเหย่
เหย่าเหย่าเหย่าเหย่าเหย่
ตายกินผีออกเหย่าเหย่
ตายลืมผีออกเหย่าตาย
ตายกินผีออกเหย่าเหย่
ตายกินผีออกเหย่าเหย่
ผีเหย่เหย่เหย่เหย่เหย่
เหย่เหย่เหย่เหย่เหย่.

ལས་ཁང་ཁག་གི་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་ལས།
ཁག་གི་ཁྲིམས་དོན་ཚན་རིག་གསལ་བཤད་བྱེད།
ལས་ཁང་འདིར་ཁྲིམས་གཞི་གསལ་བཤད།
དཔལ་ཆེན་ཁྲིམས་ཁང་།
དེར་རྒྱལ་སྤྱིའི་ཁྲིམས་གསལ་བཤད།
ཁྲིམས་ཀྱི་ལྟེ་གནས་ཁག་ཏུ་ཁྲིམས་གཞི།
ཁྲིམས་ཀྱི་ཚོགས་ཆུང་ཁག་ཏུ་ཁྲིམས་གཞི་ཚོགས་ཆུང་ཁག་ཏུ་ཁྲིམས་གཞི་
ལས།
ཁྲིམས་ཁོངས་ཀྱི་ཁྲིམས་ཀྱི་ཁྲིམས་རྒྱུན་ཁྲིམས་ཀྱི་ཚོགས་ཆུང་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་
ནས།
ཁྲིམས་ཁོངས་ཁྲིམས་ཀྱི་ཁྲིམས་རྒྱུན་ཁྲིམས་ཀྱི་ཚོགས་ཆུང་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་
ནས།
ཁྲིམས་ཁོངས་ཁྲིམས་ཀྱི་ཁྲིམས་རྒྱུན་ཁྲིམས་ཀྱི་ཚོགས་ཆུང་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་
ནས།

ཡང་ཁྱོད་ཀྱིས་ཁྱོད་ཀྱི་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་ལས་ཁྲིམས་ཀྱི་ཚོགས་ཆུང་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་ནས་ཁྲིམས་ཀྱི་ཁྲིམས་རྒྱུན་ཁྲིམས་ཀྱི་ཚོགས་ཆུང་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་ནས་ཁྲིམས་ཀྱི་ཁྲིམས་རྒྱུན་ཁྲིམས་ཀྱི་ཚོགས་ཆུང་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་ནས།

ཁྱོད་ཀྱིས་ཁྱོད་ཀྱི་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་ལས་ཁྲིམས་ཀྱི་ཚོགས་ཆུང་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་ནས་ཁྲིམས་ཀྱི་ཁྲིམས་རྒྱུན་ཁྲིམས་ཀྱི་ཚོགས་ཆུང་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་ནས་ཁྲིམས་ཀྱི་ཁྲིམས་རྒྱུན་ཁྲིམས་ཀྱི་ཚོགས་ཆུང་ཁྲིམས་ཁང་ཁག་ནས།

ปีเส (เสือ) เบ่อย! หาญ่ กิน กะ ปาก เป็น ปาญ่ เป็น เลง เฮา เฮ
ปีเส (เสือ) ปีเส เลง เฮา, ปาย เลง เฮา ปาญ่ เฮา !
กิน ปาญ่ เฮา ปาก ปะ กะ เฮา ปาญ่ เฮา เป็น ปาก เฮา ปาญ่
กิน ปะ ปีเส เฮา ปาย ปาญ่ เฮา หาน เบ่อ !
ปาก เฮา กิน กาย เลง ปาญ่ เฮา ปาญ่ xเส เฮา
กาย ปาย เบ่อ เฮา xเส ปะ กะ
กาย ปีเส เฮา เฮา ปาย xเส เฮา
เบ่อ เฮา เxเส ปาก เxเส เฮา เป็น
เบ่อ เป็น เฮา เป็น เฮา เฮา.
เฮา เลง เฮา เฮาเฮ
เฮา เลง เฮา ปะ
เฮา เลง เฮาเฮ
เฮา ปาน เลง
เฮา เป็น เลง
เฮา เป็น เลง เฮา
เฮา เลง เฮา เฮา เฮา ปะ
ปะ เฮา เบ่อ! เลาบัน เบ่อ !
เฮา เบ่อ เลง เฮา
เฮา เบ่อ เลง เฮา
เฮา เบ่อ เลง เฮา
ปาญ่ กาย กิน เบ่อ
เฮา กาย กิน xเส
ปะ เฮา เบ่อ เลาบัน เบ่อ !

III

Lượn vọng phu và lượn than thân

Trong nhóm này có hai điệu lượn chính là lượn vọng phu và lượn than thân. Lượn vọng phu (còn gọi là lượn Sli) là điệu lượn dùng để diễn tả tâm trạng của người phụ nữ khi chồng đi vắng, lâu ngày không về. Lượn than thân là điệu lượn thể hiện nỗi niềm của người phụ nữ khi gặp phải những bất hạnh trong cuộc sống, hoặc không được sống hạnh phúc như mong muốn. Lượn than thân có hai loại: lượn than thân thông thường và lượn than thân trong đám tang.

a. Lượn vọng phu

(Thiếu phụ ... thương chồng đi vắng...)

Mái nhà thì thấp
Mái nhà thì cao
Trông mà không thấy
Thấy mà không trông
Thấy mái nhà thấp
Thì thương người ở
Thấy mái nhà cao
Thì thương người đi.

ꪒꪱꪣꪉꪒꪱꪙꪱ ꪒꪱꪙꪱꪉꪱ ꪉꪱꪙꪱ ꪉꪱꪙꪱ ꪉꪱꪙꪱ

ꪒꪱꪙꪱꪉꪱ ꪒꪱꪙꪱꪉꪱ ꪉꪱꪙꪱ ꪉꪱꪙꪱ ꪉꪱꪙꪱ

(ꪉꪱꪙꪱ ꪉꪱꪙꪱ ꪒꪱꪙꪱꪉꪱ ꪉꪱꪙꪱ ꪉꪱꪙꪱ ꪉꪱꪙ

ཀཀཀ

ꪎꪫꪒ ꪱꪹꪣꪀ ꪀꪱꪫꪒ ꪎꪱꪀꪉꪳꪀ ꪎꪎꪉ ꪀꪱꪫꪉ.
ꪀꪳꪀ ꪀꪒ ꪱꪫ ꪳꪳꪫ ꪳꪎꪉ ꪳꪫꪉ ꪳꪫꪉ ꪳꪫꪉ ꪀꪱꪫ ꪀꪉ ꪀꪱꪣꪀ ꪒꪒ
ꪳꪳꪀ ꪳꪎꪉ ꪀꪱꪫꪉ ꪒꪫꪉ ꪀꪱꪫ ꪀꪱꪣꪀ ꪀꪉꪀ
ꪒꪫꪒ ꪀꪱꪉ ꪀꪱꪫꪎꪎ ꪎꪎꪉ.
ꪀꪱꪒ ꪫꪳ ꪫꪳꪫꪒꪎꪫꪳ ꪫꪳ
ꪀꪱꪀꪣ ꪫꪳ ꪫꪳꪫꪣ ꪀꪱꪉ ꪫꪳ
ꪎꪫꪳ ꪀꪱꪒ ꪎꪫꪳ ꪉꪳꪫ
ꪳꪫꪫ ꪉ ꪀꪱꪒ ꪀꪱꪳ ꪫꪳ ꪎꪎꪫꪳ ꪎꪎꪒ
ꪫ ꪳꪫ ꪫꪳ (Chine ꪀꪫꪫ ꪎꪫꪳ ꪀꪱꪒ ꪉꪉ ꪫꪳ ꪀꪱꪫꪳ ꪫꪳꪫꪳ
ꪎꪫꪳ ꪀꪱꪒ ꪀꪱꪣꪉ ꪀꪱꪫꪳ ꪳꪫꪫ ꪫꪳꪫꪳ
ꪫꪫꪀꪱꪒ ꪀꪱꪫ ꪉ ꪀꪱꪣꪉ ꪀꪱꪒ ꪎꪎꪫꪳ
ꪳꪀꪉ ꪫꪫꪀꪱꪒ ꪫꪫꪳꪒ ꪎꪉ ꪀꪱꪣꪉ ꪫꪳ ꪒꪎꪉ
ꪉꪀꪫ ꪎꪎꪒ ꪉꪀꪫ ꪉꪎꪒꪫꪫ
ꪉꪀꪫ ꪀꪱꪉ ꪉꪀꪫ ꪉꪎꪒ ꪎꪎꪉ
ꪒꪒ ꪎꪎꪒ ꪎꪉꪉ ꪎꪎꪒ ꪎꪎꪉ ꪀꪱꪣꪉ (Chine ꪫꪫꪳ ꪫꪫꪳ
ꪒꪒ ꪎꪎꪒ ꪎꪉꪉ ꪎꪎꪒ ꪎꪎꪉ ꪀꪱꪣꪉ ꪀꪱꪒ ꪫꪫꪳ ꪫꪫꪳ
ꪀꪱꪣꪉ ꪀꪱꪒ ꪒꪒ ꪎꪎꪒ ꪎꪉꪉ ꪎꪎꪒ ꪎꪎꪉ ꪀꪱꪣꪉ ꪀꪱꪒ ꪫꪫꪳ ꪫꪫꪳ
ꪫꪫꪳ

ꪀꪱꪣꪉ ꪫꪫꪳ ꪒꪒ ꪎꪎꪒ ꪎꪉꪉ ꪎꪎꪒ ꪎꪎꪉ ꪀꪱꪣꪉ ꪀꪱꪒ ꪫꪫꪳ ꪫꪫꪳ
ꪀꪱꪣꪉ.
ꪫꪫꪀꪱꪒ ꪫꪫꪳ ꪫꪫꪳ ꪀꪱꪒ ꪒꪒ ꪎꪎꪒ ꪎꪉꪉ
ꪫꪫꪀꪱꪒ ꪫꪫꪳ ꪫꪫꪳ ꪀꪱꪒ ꪒꪒ ꪎꪎꪒ ꪎꪉꪉ
ꪫꪫꪳ ꪫꪫꪳ ꪒꪒ ꪎꪎꪒ ꪎꪉꪉ.

ཤར་ཤ་ཐོག་ཁ་རྒྱལ་དཔོན་ཁྱེའུ
(བཞི་ཤར་) བཤད་ཅིང་ཐོག་ལ་ལོངས་ཤུལ་ཀྱི་མགོ
ཡིན་བཤད་ཅིང་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག !
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག
ཤར་ཤ་ཐོག་ཁྱེའུ་ཁྱེ་ཀྱི་ཤར་ཤ་ཐོག་ལ་ཤོག

ꪊꪖꪒ ꪀꪖꪕꪻꪉ ꪕꪫꪀ ꪙꪖꪒ ꪙꪖꪉ ꪻꪕꪉ ꪀꪖꪒ
ꪙꪖꪉ ꪕꪸꪻꪉ ꪙꪫꪀ ꪒꪖ ꪀꪫꪀ ꪒꪖꪕꪀ ꪒꪖꪀ
ꪙꪖꪉ ꪒꪸꪀꪊ ꪒꪖ ꪀꪖꪊ ꪕꪸꪫ ꪀꪫꪀ ꪒꪖꪕꪀ ꪀꪖꪒꪉ
ꪖꪀ ꪕꪸꪉ ꪉꪖꪒꪉ ꪙꪖꪊꪀ ꪕꪸꪀ ꪀꪖꪕꪫ ꪙꪖꪒ ꪒꪖꪀ ꪒꪖꪉ
ꪕꪫꪫ ꪙꪖꪒ ꪕꪀ ꪒꪖꪕꪀ ꪫꪒ ꪕꪸꪀꪕꪫ ꪙꪖꪒ ꪒꪖꪉ .
ꪕꪫꪫ ꪙꪖꪉ ꪕꪀ ꪒꪖꪀꪀ ꪀꪫꪉ ꪫꪒ ꪕꪸꪀꪕꪫ ꪒꪖꪀꪉ
ꪒꪖꪀꪀ ꪻꪸꪊ ꪕꪸꪀ ꪻꪸꪉ ꪙꪖꪀ ꪒꪖ ꪉꪖꪒ
ꪕꪸꪀ ꪻꪸꪉ ꪻꪖꪒ ꪒꪖ ꪙꪖꪒꪫ
ꪕꪸꪀ ꪊꪖꪀ ꪉꪖꪒꪫ ꪒꪖ ꪻꪸꪉ ꪖꪊ ꪉꪖꪒ
ꪖꪒ ꪕꪙꪀ ꪖꪒ ꪙꪖꪉ ꪀ
ꪙꪖꪉ ꪀ ꪕꪸꪀ ꪙꪫꪉ ꪙꪫ ꪖꪒ ꪻꪖꪒꪫ
ꪙꪫ ꪖꪊ ꪙꪖꪀꪉ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪫ ꪙꪖꪉ ꪖꪒ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ
ꪙꪖꪉ ꪕꪙꪀ ꪙꪖꪉ ꪙꪖꪉ ꪻꪸꪀ ꪙꪖꪒꪫ

Nếu em vẫn mang dáng hình thuở ấy.
Mặt tròn lúng liếng đôi mắt đen nhánh mang dáng.
Trán đẹp đôi mắt sáng như vì sao
Làn mái thề thùy mang nhung
Mái tóc xõa ngang vai thơm
Mang dáng vóc dịu dàng thanh tú
Mang ý nghĩa thiêng liêng của
Mẹ hiền, mẹ hiền
Mãi mãi trong tâm hồn con,
Mãi mãi mãi trong trái tim
Tuổi thơ con đã được nâng niu
Bởi tình yêu thương của mẹ
Bởi lòng hy sinh cao cả của mẹ
Mẹ là người con kính yêu nhất
Người mẹ hết lòng vì con
Mẹ đã cho con cuộc sống tươi đẹp
Mẹ đã cho con niềm tin
Để con vững bước
Để con tin vào ngày mai
Để con có thể vững bước
(Nếu em vẫn mang dáng hình thuở ấy, thì có lẽ trong đôi mắt đen nhánh)
Mang đến cho con những ước mơ
Mang đến cho con những điều tốt đẹp
Để con luôn mang theo đó làm hành trang.

ꪊꪱ ꪜꪜꪮ ꪊꪖ ꪮꪮꪊ ꪙꪖ ꪊꪱ ꪙꪶꪙ ꪊꪜꪮ
ꪊꪮ ꪜꪖꪯꪊ ꪜꪖꪯꪊ ꪙꪶ ꪊꪯꪮ, ꪙꪶꪮ ꪊꪱ
ꪊꪮ ꪊꪯꪮ ꪜꪖꪯꪊ ꪙꪶ ꪎꪯꪊ, ꪙꪶꪮ ꪊꪱ
ꪊꪯꪊ ꪀꪀꪮ ꪙꪖꪊ ꪮꪊ ꪜꪖꪙ ꪊꪖ ꪙꪶꪯꪮ ꪜꪖꪯ
ꪊꪯꪮ ꪙꪯꪮ ꪙꪖꪊ ꪮꪊ ꪜꪯꪊ
ꪜꪖꪯꪊ ꪙꪶ ꪙꪖꪊ ꪮꪊ ꪜꪖꪯꪊ
ꪀꪖꪯꪊ ꪙꪶ ꪜꪙꪶ ꪜꪖꪯ ꪜꪖꪙ
ꪀꪖꪯ ꪎꪙꪶ ꪜꪖꪙ ꪜꪖꪯ ꪜꪖꪙ
ꪀꪖꪯ ꪙꪶ ꪜꪖꪙ ꪊꪯꪮ ꪙꪙꪮ ꪜꪖ ꪎꪮ
ꪙꪶꪙ ꪊꪯꪮ ꪜꪖꪙ ꪀꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪜꪖ ꪎꪮ
ꪙꪶꪙ ꪙꪶ ꪜꪖꪙ ꪊꪯꪮ ꪙꪙꪮ ꪜꪖ ꪎꪮ
ꪀꪖꪯꪊ ꪊꪯ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪜꪖ ꪎꪮ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪜꪖꪯꪊ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ
ꪜꪖꪯꪊ
ꪜꪖ ꪙꪶꪙ ꪎꪙ ꪎꪙ ꪜꪖꪯ ꪜꪖꪙ
ꪙꪶꪙ ꪊꪯꪮ ꪜꪖꪯꪊ ꪀꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪎꪮ ꪎꪮ
ꪜꪖ ꪊꪯ ꪀꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪜꪖꪯ
ꪙꪙꪮ ꪊꪯ ꪀꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪜꪖꪯ ꪜꪖꪯ ꪜꪖꪯ
ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪜꪖꪯ ꪜꪖꪯ ꪜꪖꪯ ꪜꪖꪯ, ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ
ꪜꪖꪯ
ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ?
ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ
ꪙꪶꪙ ꪙꪶꪙ ꪎꪙ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ.
ꪙꪶꪙ ꪙꪶꪙ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ :
“ꪊꪊꪊ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ”
ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ !
ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪶꪙ ꪜꪖꪯ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ ꪙꪙꪮ !

ฉันรักเธอเรียบร้อยสง่างามอย่างนี้
ฉันรักเธอหมื่นครั้งสุดท้ายที่จะรักใครอีกในชีวิตนี้.
ทุกคืน ทุกวัน ทุกเวลา ทุกเมื่อ
ทุกที่ ทุกแห่ง ทุกเวลาที่ฉันคิดถึงเธอ
ทำไมฉันจึงคิดถึงเธอมากมาย
ทำไมฉันจึงรักเธอมากมาย
ทำไมฉันจึงรักเธอมากมายอย่างนี้
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ
ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ ฉันรักเธอ

ꪙꪫꪱꪒꪱꪙꪱꪕꪱꪒꪱꪙꪱꪕꪱꪒꪱꪙꪱꪕ

ทรัพย์ ทรัพย์ ทรัพย์

ทั้งคู่ต่างก็ยินดีที่ได้เป็นคู่ครองกัน.
ทั้งคู่ต่างก็ยินดีที่ได้เป็นสามีภรรยากัน.
ทั้งสองคนจึงได้ร่วมกันสร้างบ้านเรือน
ทั้งสองคนจึงได้ร่วมกันทำไร่ทำนา
ตั้งแต่เช้าจรดเย็นไม่ได้ขาดตกบกพร่อง.
ตั้งแต่เช้าจรดค่ำไม่ได้ขาดตกบกพร่องต่อกัน
หมั่นดูแลหมั่นเอาใจใส่
หมั่นดูแลหมั่นเอาใจใส่กันและกัน
เมื่อมีลูกน้อยก็ช่วยกันเลี้ยงดูให้เติบโตขึ้นมา.
ตั้งแต่วัยทารก, ตั้งแต่เกิดมาจนเติบใหญ่
ตั้งแต่วัยเด็กเล็ก, ตั้งแต่เริ่มเดินเหินได้เองว่า:
"... ลูกเอ๋ยเกิดมาแล้วต้องรู้จักคุณค่าของตนเอง
ต้องรู้จักเกียรติยศของตนเองด้วย..."
เพื่อให้ลูกน้อยได้เติบโตขึ้นมาอย่างมีคุณค่าต่อสังคม.
ทั้งคู่มีหน้าที่ดูแลกันตั้งแต่เกิดจนกระทั่งแก่เฒ่าชรา
ดูแลกันยามเจ็บป่วยไข้.
ยามยากลำบากก็ช่วยเหลือกันและกัน
ยามยากลำบากก็ช่วยเหลือกันและกันเสมอมา.
หมั่นดูแลหมั่นเอาใจใส่
หมั่นดูแลหมั่นเอาใจใส่ซึ่งกันและกัน
เมื่อมีลูกน้อยก็ช่วยกันเลี้ยงดูให้เติบโตขึ้นมา, เมื่อลูกน้อยเติบโต
ขึ้นมาก็ช่วยกันสั่งสอนให้เป็นคนดีของสังคม.

Trăng đến rồi trăng tự lúc nào ta cũng quên.
Chỉ thấy mình sống trong những phút giây
Mà tưởng như mãi mãi không bao giờ dứt.
Vào thuở ấy trăng có nghĩa gì đâu mà nhớ.
Vào những lúc trăng lên ngoài song cửa
Vào những lúc trăng lặn trong lòng ta.
Trăng chỉ là trăng
Không gợi nhớ không làm buồn.
Trăng đã thực sự là:
"Trăng của trăng trăng của ta."
Nhưng rồi trăng đã thay đổi như thế nào!?..
Ta đã thấy trăng đi về trong nỗi nhớ
Trong những đêm trăng lạnh lẽo
Trong những đêm trăng tàn
Trong những đêm trăng mà ta đã thấy
Trăng là người bạn thân thiết
Trăng là người tình
Trăng là người mẹ hiền
Trăng là người chị gái
Trăng là người em gái
Trăng là người bạn gái
Trăng là người bạn trai
Trăng là người bạn già
Trăng là người bạn trẻ
Trăng là người bạn nhỏ
Trăng là người bạn lớn
Trăng là người bạn thân
Trăng là người bạn thiết
Trăng là người bạn sơ
Trăng là người bạn lạ
Trăng là người bạn quen
Trăng là người bạn cũ
Trăng là người bạn mới
Trăng là người bạn đã
Trăng là người bạn đang
Trăng là người bạn sẽ
Trăng là người bạn không
Trăng là người bạn có
Trăng là người bạn không có
Trăng là người bạn có không
Trăng là người bạn không không có
Trăng là người bạn có có không
Trăng là người bạn không có không có
Trăng là người bạn có có không có
Trăng là người bạn không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không
Trăng là người bạn không có
Trăng là người bạn có có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có không có
Trăng là người bạn không có không
Trăng là người bạn có có không
Trăng là người bạn không có
Trăng là người bạn có có không có
Trăng là người bạn không có không
Trăng là người bạn có có không
Trăng là người bạn không có
Trăng là người bạn có có không có
Trăng là người bạn không có không
Trăng là người bạn có có không
Trăng là người bạn không có
Trăng là người bạn có có không có
Trăng là người bạn không có không
Trăng là người bạn có có không
Trăng là người bạn không có
Trăng là người bạn có có không có
Trăng là người bạn không có không
Trăng là người bạn có có không
Trăng là người bạn không có

ꪕꪱꪁ ꪙꪻꪀ ꪎꪉꪾ ꪫꪱꪉ ꪫꪱꪀꪫꪀ ꪙꪻꪊꪾꪕꪱꪁꪀꪱꪁꪀꪱ ꪀꪫꪾ.
ꪕꪱꪁ ꪀꪻ ꪀꪫꪀꪫꪉ ꪫꪱ ꪱꪎꪾ ꪙꪎ
ꪕꪱꪁ ꪀꪻ ꪙꪎꪱ ꪀꪫꪾ ꪫꪱ ꪱꪎꪾ ꪮ
ꪎꪉꪎꪱ ꪫꪱ ꪎꪉꪀ ꪀꪻ ꪙꪱꪁ ꪫꪉꪾ ꪫꪱꪉ ꪀꪫꪾ ꪙꪻꪀ
ꪙꪊꪎꪱ ꪫꪱ ꪙꪻꪁꪀ ꪙꪻꪫꪀꪀꪻ ꪫꪉꪾ ꪀꪫꪾ ꪙꪻꪀ.
ꪀꪻꪊꪻ ꪙꪫꪱ ꪀꪻꪊꪻ ꪎꪀ ꪎꪫ
ꪀꪻꪁ ꪙꪫꪱ ꪀꪫꪁ ꪫꪉ ꪫꪫꪙꪻ
ꪫꪫꪅ ꪀꪫ ꪱꪁꪾ ꪙꪙꪀ ꪀꪎꪱ ꪫꪫꪉꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪀꪎꪱ ꪫꪫꪉꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪉꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪎꪱ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.
ꪫꪫꪀꪾ ꪙꪾ ꪀꪻꪁꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪾ ꪫꪫꪀꪙꪾ.

Mình chỉ có nhau thôi nhỉ
Mình sống có, đi trên đời xác, chứ xác hồn rời rã.
Đời chia chia chuyện đời chuyện đời chia hồn
Đời chia chia chia chia hồn chia mình.
Sống không mình chỉ chết
Mình nhé nhau không đợi kiếp không mình.
Chia chuyện thì đời đời chia chuyện thì
Sao phải tính chia chia mình nhé chẳng chung.
Đến chuyện đến đi nhỉ mình
Đến thiên đi nhỉ chết
Chia giữa chuyện đời nhé chẳng chết chia nhé.
Nhé thì đi đời sao kiếp
Chuyện thì đi đời kiếp giữ chia
Chết mình chẳng chia nhé
Chẳng chia chuyện sao kiếp sao nhé
Nhé chia chia nhé đi.
Chia chẳng nhé chia đi chia
Chẳng chuyện chia đi chia
Chẳng chẳng chia đi đời
Chết chẳng chết đi chia chẳng
Chết mình chẳng chia nhé

ขอมอาจเขาเขย ผีบ้านผีเรือนขอมอาจเขาเขย
ผีฆ้องผีกลองเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย

ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย

ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย
ผีเขาเขยเขาเขย ผีเขาเขยเขาเขย

Lượn mán Mường mường Bi Đoàn Thị
Lượn mán Mường mường Mán Tạ Đoàn Văn
Mường Thanh Thôn Hạnh Lương.
Lượn mán Mường mến mến mến Bến Hòn mến
Ai mến Mường Xứng Xứng Xứng mến Mến Tuyệt
Lượn mán mến Bến Bến Bến Mến mến Mến
mến mến Mường Mến Mến
Bến Bến Bến Mến mến Xến Xến xến Xến.
Mến Lượn Mến mến Bến Xến
Đoàn Lượn Mến Đoàn Đoàn Đoàn, Đoàn Mến
Xến Mến Mến Đoàn Bến Mến
Xến Mường Mến Mến Mến Mến Đoàn
Xến Đến Bến Mến Mến Mến mến mến mến
Xến Mến mến, Mến Bến, Mến, Mến.
Bến Mến Đoàn Mến Mến Mến Mến Mến Mến.
Mến Mến, Mến Thôn, Mến Mến, Mến Mến, Mến Mến
Mến Bến Bến Mến, Mến Bến Bến Xến

ಬಾಲಕನಿಗೆ! ಸಾಯಬೇಡವೆಲೆ! ಬಾಲ ಸಾಯದೆ ಮಗನೇ ಬದುಕು.

ಕಲಿಕೆ ಪದ್ಧತಿ

ಹಿಂದಿನ ಕಾಲದಲ್ಲಿ ಯಾವುದೇ ಶಿಕ್ಷಣವಿರಲಿಲ್ಲ. ಆದರೆ, ಮಕ್ಕಳು ತಂದೆ ತಾಯಿಯರಿಂದ ಮತ್ತು ಹಿರಿಯರಿಂದ ಕಲಿಯುವ ಪದ್ಧತಿ ಇತ್ತು. ಮಕ್ಕಳು ಸಾಮಾನ್ಯವಾಗಿ ಹತ್ತು ವರ್ಷ ವಯಸ್ಸಿನಿಂದಲೇ ಕೆಲಸಗಳಲ್ಲಿ ತಂದೆಗೆ ಸಹಾಯ ಮಾಡಲು ಪ್ರಾರಂಭಿಸುತ್ತಿದ್ದರು. ಹದಿನೈದು ವರ್ಷ ವಯಸ್ಸಿನ ಹುಡುಗರು ಸ್ವತಂತ್ರವಾಗಿ ಕೆಲಸ ಮಾಡುವಷ್ಟು ಪರಿಣತರಾಗುತ್ತಿದ್ದರು. ಹದಿನೈದು ವರ್ಷ ವಯಸ್ಸಿನ ಹುಡುಗಿಯರು ಸಾಮಾನ್ಯವಾಗಿ ಮದುವೆಯಾಗುತ್ತಿದ್ದರು. ಮದುವೆಯಾದ ಮೇಲೆ ಗಂಡನ ಮನೆಯಲ್ಲಿ ಸ್ವಲ್ಪ ಕಾಲ ಇದ್ದು ಆಮೇಲೆ ತಮ್ಮ ಮನೆಗೆ ಹಿಂತಿರುಗಿ ಬರ

ལྷོད་པར་ཁམ་ཁར་ཐུག་པ།

ཐུར་ཁ་ཅན་ཁྱིམ་ཁྲལ་ཁྱེར་ཐུག་པ།

ཁ་ཐོག་ཁྱེར་ཁྱིམ་ཁྲལ་ཁྱེར།

ཁྱིམ་ཐུག་ཁྲལ་ཁྱེར་ཁྱིམ་ཁྲལ་ཁྱེར།

ཁྱིམ་ཁྲལ་ཁྱེར་ཁྱིམ

ฮ้อเขาก๋, ฮอดเมิงมาถึงบ้านฮ้อเรือน, พ่อเจ้าก็ถามว่าลูกเขยฮ้อเรือนเจ้าแล้วบ่, ถ้าเขาบ่ฮ้อเรือนเจ้าแล้วเขาก็ไปฮ้อเรือนพ่อเขาต่อไป, ถ้าเขาฮ้อเรือนเจ้าแล้วเขาก็ต้องอยู่ฮ้อเรือนเจ้าสามปีเต็ม, ถ้าเขาบ่ฮ้อเรือนเจ้าสามปีเต็มเขาก็ต้องเสียค่าปรับไหมให้เจ้าตามที่ได้ตกลงกันไว้ก่อนแต่งงาน; ถ้าลูกเขยได้อยู่ฮ้อเรือนเจ้าสามปีเต็มแล้วเขาก็ได้แยกครัวไปอยู่ต่างหาก. เมื่อเขาแยกครัวไปอยู่ต่างหากแล้วเขาก็ต้องเสียค่าปรับไหมให้เจ้าตามที่ได้ตกลงกันไว้ก่อนแต่งงาน. ถ้าเขาบ่ได้ตกลงกันไว้ก่อนแต่งงานเขาก็ต้องเสียค่าปรับไหมให้เจ้าตามประเพณี.

ลูกเขยฮ้อเรือนเจ้าแล้วเขาก็ได้ช่วยเจ้าทำงานต่างๆ ตามที่เจ้าใช้, เช่น: ไถนา, ปลูกเรือน, ขุดบ่อน้ำ, ขุดสระน้ำ... ส่วนเขาจะได้ทรัพย์สินอันใดนั้นก็ขึ้นอยู่กับเจ้าของบ้านเรือนจะให้.

ถ้าเขาฮ้อเรือนเจ้าแล้วเขาก็ได้ปฏิบัติตามประเพณีต่างๆ ดังนี้, ฮอดมาถึงวันหนึ่งเขาก็ได้ขอลาเจ้าของบ้านเรือนกลับไปเยี่ยมบ้านเกิดเมืองนอนของเขา, เขาก็ได้บอกกับเจ้าของบ้านเรือนว่า:

- ข้อนอาย
- ถึงเดือนสิบเอ็ดข้อนมาอีก
- ถ้าเจ้าบ่ได้ข้อนเขาก็ให้เอาเงินไปส่งให้เขาที่บ้านเขาเด้อ.

xɪɔɔ - ɪɔɪ ɪɔɔɪ ɔɔɪ ɪɔɔɪɔɪɔɔɪ.

ɔɪɔɔ ɪɔɔɪɔɪɔɪ ɪɔɪ ɔɪɔɪɔɔɪ ɔɪɔ ɔɪɔ ɔɪɔɪɔɔɪ, ɪɔɔɪ ɔɪɔɔɪ ɔɔɪɔɪ ɪɔɔɪ ɔɪɔɪɔɔɪ ɔɔɪɔɪɔɔɪ. ɔɪɔɔ ɔɔɪ ɔɔɔɪɔɔɪɔɪ, ɔɔɪɔɪ ɔɔɔɪɔɔɪɔɪɔɪ ɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɔɪɔɪ. ɔɔɔɪ ɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɔɪɔɪ. ɔɔɔɪ ɔɔɪɔɪ ɔɔɪɔɔɪ

ต้องมีเครื่องบูชาเจ้าที่ เจ้าทาง เจ้าป่า เจ้าเขา เจ้าน้ำ เจ้าดอย เจ้าถ้ำ เจ้าผา เจ้าหิน เจ้าไม้ใหญ่ เจ้าเรือน เจ้าบ้าน เจ้าเมือง เจ้าเหมือง เจ้าฝาย เจ้าสะพาน เจ้าเหมืองฝาย เจ้าเหมืองน้ำ เจ้าเหมืองปลา เจ้าเหมืองนา เจ้าเหมืองไร่ เจ้าเหมืองสวน เจ้าเหมืองผัก เจ้าเหมืองหมู เจ้าเหมืองไก่ เจ้าเหมืองวัว เจ้าเหมืองควาย เจ้าเหมืองม้า เจ้าเหมืองช้าง เจ้าเหมืองสุนัข เจ้าเหมืองแมว เจ้าเหมืองนก เจ้าเหมืองปลา เจ้าเหมืองกบ เจ้าเหมืองเขียด เจ้าเหมืองอึ่ง เจ้าเหมืองคางคก เจ้าเหมืองงู เจ้าเหมืองจิ้งจก เจ้าเหมืองตุ๊กแก เจ้าเหมืองกิ้งก่า เจ้าเหมืองแย้ เจ้าเหมืองตะกวด เจ้าเหมืองเต่า เจ้าเหมืองตะพาบ เจ้าเหมืองปู เจ้าเหมืองกุ้ง เจ้าเหมืองหอย เจ้าเหมืองปลาไหล เจ้าเหมืองปลาดุก เจ้าเหมืองปลาช่อน เจ้าเหมืองปลาสลิด เจ้าเหมืองปลาตะเพียน เจ้าเหมืองปลานิล เจ้าเหมืองปลาทับทิม เจ้าเหมืองปลาสวาย เจ้าเหมืองปลาบึก เจ้าเหมืองปลาโลมา เจ้าเหมืองปลาวาฬ เจ้าเหมืองปลาฉลาม เจ้าเหมืองปลากระเบน เจ้าเหมืองปลาโรนัน เจ้าเหมืองปลาหมึก เจ้าเหมืองปลาหมึกยักษ์ เจ้าเหมืองปลาหมึกกล้วย เจ้าเหมืองปลาหมึกสาย เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดอง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองแข็ง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองอ่อน เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองหนา เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองบาง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองใส เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองขุ่น เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีดำ เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีขาว เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีแดง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเขียว เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีน้ำเงิน เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเหลือง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีส้ม เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีม่วง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีชมพู เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีน้ำตาล เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเทา เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีดำ เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีขาว เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีแดง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเขียว เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีน้ำเงิน เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเหลือง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีส้ม เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีม่วง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีชมพู เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีน้ำตาล เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเทา

ถ้าเป็นเรื่องที่ต้องไปขอขมาเจ้าที่ เจ้าทาง เจ้าป่า เจ้าเขา เจ้าน้ำ เจ้าดอย เจ้าถ้ำ เจ้าผา เจ้าหิน เจ้าไม้ใหญ่ เจ้าเรือน เจ้าบ้าน เจ้าเมือง เจ้าเหมือง เจ้าฝาย เจ้าสะพาน เจ้าเหมืองฝาย เจ้าเหมืองน้ำ เจ้าเหมืองปลา เจ้าเหมืองนา เจ้าเหมืองไร่ เจ้าเหมืองสวน เจ้าเหมืองผัก เจ้าเหมืองหมู เจ้าเหมืองไก่ เจ้าเหมืองวัว เจ้าเหมืองควาย เจ้าเหมืองม้า เจ้าเหมืองช้าง เจ้าเหมืองสุนัข เจ้าเหมืองแมว เจ้าเหมืองนก เจ้าเหมืองปลา เจ้าเหมืองกบ เจ้าเหมืองเขียด เจ้าเหมืองอึ่ง เจ้าเหมืองคางคก เจ้าเหมืองงู เจ้าเหมืองจิ้งจก เจ้าเหมืองตุ๊กแก เจ้าเหมืองกิ้งก่า เจ้าเหมืองแย้ เจ้าเหมืองตะกวด เจ้าเหมืองเต่า เจ้าเหมืองตะพาบ เจ้าเหมืองปู เจ้าเหมืองกุ้ง เจ้าเหมืองหอย เจ้าเหมืองปลาไหล เจ้าเหมืองปลาดุก เจ้าเหมืองปลาช่อน เจ้าเหมืองปลาสลิด เจ้าเหมืองปลาตะเพียน เจ้าเหมืองปลานิล เจ้าเหมืองปลาทับทิม เจ้าเหมืองปลาสวาย เจ้าเหมืองปลาบึก เจ้าเหมืองปลาโลมา เจ้าเหมืองปลาวาฬ เจ้าเหมืองปลาฉลาม เจ้าเหมืองปลากระเบน เจ้าเหมืองปลาโรนัน เจ้าเหมืองปลาหมึก เจ้าเหมืองปลาหมึกยักษ์ เจ้าเหมืองปลาหมึกกล้วย เจ้าเหมืองปลาหมึกสาย เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดอง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองแข็ง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองอ่อน เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองหนา เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองบาง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองใส เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองขุ่น เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีดำ เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีขาว เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีแดง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเขียว เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีน้ำเงิน เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเหลือง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีส้ม เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีม่วง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีชมพู เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีน้ำตาล เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเทา

ถ้าเป็นเรื่องที่ต้องไปขอขมาเจ้าที่ เจ้าทาง เจ้าป่า เจ้าเขา เจ้าน้ำ เจ้าดอย เจ้าถ้ำ เจ้าผา เจ้าหิน เจ้าไม้ใหญ่ เจ้าเรือน เจ้าบ้าน เจ้าเมือง เจ้าเหมือง เจ้าฝาย เจ้าสะพาน เจ้าเหมืองฝาย เจ้าเหมืองน้ำ เจ้าเหมืองปลา เจ้าเหมืองนา เจ้าเหมืองไร่ เจ้าเหมืองสวน เจ้าเหมืองผัก เจ้าเหมืองหมู เจ้าเหมืองไก่ เจ้าเหมืองวัว เจ้าเหมืองควาย เจ้าเหมืองม้า เจ้าเหมืองช้าง เจ้าเหมืองสุนัข เจ้าเหมืองแมว เจ้าเหมืองนก เจ้าเหมืองปลา เจ้าเหมืองกบ เจ้าเหมืองเขียด เจ้าเหมืองอึ่ง เจ้าเหมืองคางคก เจ้าเหมืองงู เจ้าเหมืองจิ้งจก เจ้าเหมืองตุ๊กแก เจ้าเหมืองกิ้งก่า เจ้าเหมืองแย้ เจ้าเหมืองตะกวด เจ้าเหมืองเต่า เจ้าเหมืองตะพาบ เจ้าเหมืองปู เจ้าเหมืองกุ้ง เจ้าเหมืองหอย เจ้าเหมืองปลาไหล เจ้าเหมืองปลาดุก เจ้าเหมืองปลาช่อน เจ้าเหมืองปลาสลิด เจ้าเหมืองปลาตะเพียน เจ้าเหมืองปลานิล เจ้าเหมืองปลาทับทิม เจ้าเหมืองปลาสวาย เจ้าเหมืองปลาบึก เจ้าเหมืองปลาโลมา เจ้าเหมืองปลาวาฬ เจ้าเหมืองปลาฉลาม เจ้าเหมืองปลากระเบน เจ้าเหมืองปลาโรนัน เจ้าเหมืองปลาหมึก เจ้าเหมืองปลาหมึกยักษ์ เจ้าเหมืองปลาหมึกกล้วย เจ้าเหมืองปลาหมึกสาย เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดอง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองแข็ง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองอ่อน เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองหนา เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองบาง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองใส เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองขุ่น เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีดำ เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีขาว เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีแดง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเขียว เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีน้ำเงิน เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเหลือง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีส้ม เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีม่วง เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีชมพู เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีน้ำตาล เจ้าเหมืองปลาหมึกกระดองสีเทา

ସମ୍ପତ୍ତି ଅଟେ - ଅର୍ଥାତ୍ ଏହା ଏକ ଅଧିକାର ଅଟେ ।

ଏହା ସମସ୍ତ ଜାତି ପାଇଁ ସମାନ ଭାବରେ ପ୍ରଯୁଜ୍ୟ ହୋଇଥାଏ, ଯାହା ଦ୍ୱାରା ଏହା ଏକ ସାର୍ବଜନୀନ ଅଧିକାର ଅଟେ । ଏହି ଅଧିକାର ଅନୁଯାୟୀ ଯେକୌଣସି ବ୍ୟକ୍ତି ଯେକୌଣସି ସମୟରେ ଯେକୌଣସି ସ୍ଥାନରେ ଯେକୌଣସି ଜାତିର ଅଧିକାରକୁ ଅସ୍ୱୀକାର କରିପାରିବ ନାହିଁ । ଏହା ଏକ ଅଲଙ୍ଘନୀୟ ଅଧିକାର ଅଟେ । ଏହି ଅଧିକାର ଅନୁଯାୟୀ ଯେକୌଣସି ବ୍ୟକ୍ତି ଯେକୌଣସି ସମୟରେ ଯେକୌଣସି ସ୍ଥାନରେ ଯେକୌଣସି ଜାତିର ଅଧିକାରକୁ ଅସ୍ୱୀକାର କରିପାରିବ ନାହିଁ । ଏହା ଏକ ଅଲଙ୍ଘନୀୟ ଅଧିକାର ଅଟେ । ଏହି ଅଧିକାର ଅନୁଯାୟୀ ଯେକୌଣସି ବ୍ୟକ୍ତି ଯେକୌଣସି ସମୟରେ ଯେକୌଣସି ସ୍ଥାନରେ ଯେକୌଣସି ଜାତିର ଅଧିକାରକୁ ଅସ୍ୱୀକାର କରିପାରିବ ନାହିଁ । ଏହା ଏକ ଅଲଙ୍ଘନୀୟ ଅଧିକାର ଅଟେ । ଏହି ଅଧିକାର ଅନୁଯାୟୀ ଯେକୌଣସି ବ୍ୟକ୍ତି ଯେକୌଣସି ସମୟରେ ଯେକୌଣସି ସ୍ଥାନରେ ଯେକୌଣସି ଜାତିର ଅଧିକାରକୁ ଅସ୍ୱୀକାର କରିପାରିବ ନାହିଁ । ଏହା ଏକ ଅଲଙ୍ଘନୀୟ ଅଧିକାର ଅଟେ । ଏହି ଅଧିକାର ଅନୁଯାୟୀ ଯେକୌଣସି ବ୍ୟକ୍ତି ଯେକୌଣସି ସମୟରେ ଯେକୌଣସି ସ୍ଥାନରେ ଯେକୌଣସି ଜାତିର ଅଧିକାରକୁ ଅସ୍ୱୀକାର କରିପାରିବ ନାହିଁ । ଏହା ଏକ ଅଲଙ୍ଘନୀୟ ଅଧିକାର ଅଟେ ।

ଏହି ଅଧିକାର ଅନୁଯାୟୀ ଯେକୌଣସି ବ୍ୟକ୍ତି ଯେକୌଣସି ସମୟରେ ଯେକୌଣସି ସ୍ଥାନରେ ଯେକୌଣସି ଜାତିର ଅଧିକାରକୁ ଅସ୍ୱୀକାର କରିପାରିବ ନାହିଁ । ଏହା ଏକ ଅଲଙ୍ଘନୀୟ ଅଧିକାର ଅଟେ । ଏହି ଅଧିକାର ଅନୁଯାୟୀ ଯେକୌଣସି ବ୍ୟକ୍ତି ଯେକୌଣସି ସମୟରେ ଯେକୌଣସି ସ୍ଥାନରେ ଯେକୌଣସି ଜାତିର ଅଧିକାରକୁ ଅସ୍ୱୀକାର କରିପାରିବ ନାହିଁ । ଏହା ଏକ ଅଲଙ୍ଘନୀୟ ଅଧିକାର ଅଟେ ।

ଏହି ଅଧିକାର ଅନୁଯାୟୀ ଯେକୌଣସି ବ୍ୟକ୍ତି ଯେକୌଣସି ସମୟରେ ଯେକୌଣସି ସ୍ଥାନରେ ଯେକୌଣସି ଜାତିର ଅଧିକାରକୁ ଅସ୍ୱୀକାର କରିପାରିବ ନାହିଁ । ଏହା ଏକ ଅଲଙ୍ଘନୀୟ ଅଧିକାର ଅଟେ ।

ଏହି ଅଧିକାର ଅନୁଯାୟୀ ଯେକୌଣସି ବ୍ୟକ୍ତି ଯେକୌଣସି ସମୟରେ ଯେକୌଣସି ସ୍ଥାନରେ ଯେକୌଣସି ଜାତିର ଅଧିକାରକୁ ଅସ୍ୱୀକାର କରିପାରିବ ନାହିଁ । ଏହା ଏକ ଅଲଙ୍ଘନୀୟ ଅଧିକାର ଅଟେ ।

ଏହି ଅଧିକାର ଅନୁଯାୟୀ ଯେକୌଣସି ବ୍ୟକ୍ତି ଯେକୌଣସି ସମୟରେ ଯେକୌଣସି ସ୍ଥାନରେ ଯେକୌଣସି ଜାତିର ଅଧିକାରକୁ ଅସ୍ୱୀକାର କରିପାରିବ ନାହିଁ । ଏହା ଏକ ଅଲଙ୍ଘନୀୟ ଅଧିକାର ଅଟେ ।

- Ông ấy đã mất rồi thì chôn cất theo phong tục của người Thái, không được làm như người Kinh. Khi chôn cất xong thì không được đi thăm mộ. Nếu đi thăm mộ thì sẽ bị ốm đau. Nếu có người ốm đau thì phải làm lễ cúng ma nhà để cầu xin cho khỏi ốm đau. Nếu không làm lễ cúng ma nhà thì sẽ bị ốm đau mãi không khỏi.

Ông Lò Văn Chiêng, người dân tộc Thái ở bản Nà Hiềng, xã Chiềng Khoang, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên cũng có ý kiến tương tự. Ông cho biết thêm là người Thái không được đi thăm mộ người chết vì sợ bị ốm đau. Ông giải thích như sau:

- Người Thái không được đi thăm mộ người chết vì sợ bị ốm đau. Người Thái có quan niệm là người chết đã đi về với tổ tiên, không còn ở với người sống nữa. Nếu đi thăm mộ thì người chết sẽ không cho người sống về với tổ tiên. Người sống sẽ bị ốm đau. Người Thái có quan niệm là người chết đã đi về với tổ tiên, không còn ở với người sống nữa. Nếu đi thăm mộ thì người chết sẽ không cho người sống về với tổ tiên. Người sống sẽ bị ốm đau. Người Thái có quan niệm là người chết đã đi về với tổ tiên, không còn ở với người sống nữa. Nếu đi thăm mộ thì người chết sẽ không cho người sống về với tổ tiên. Người sống sẽ bị ốm đau.

* Khi nói đến thời gian, người ta thường dùng những từ chỉ thời gian như: **bây giờ, hôm nay, ngày mai, hôm qua, năm nay, năm ngoái, năm kia, tuần này, tuần trước, tuần sau, tháng này, tháng trước, tháng sau, sáng nay, chiều nay, tối nay, đêm nay, đêm qua, sáng mai, chiều mai, tối mai, đêm mai, ...**

* Khi nói đến không gian, người ta thường dùng những từ chỉ nơi chốn như: **đây, đó, kia, ấy, này, nọ, ...**

* Khi nói đến số lượng, người ta thường dùng những từ chỉ số lượng như: **một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, trăm, nghìn, vạn, triệu, tỉ, ...**

* Khi nói đến thứ tự, người ta thường dùng những từ chỉ thứ tự như: **thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười, ...**

* Khi nói đến sự so sánh, người ta thường dùng những từ chỉ sự so sánh như: **hơn, kém, bằng, ...**

* Khi nói đến sự phủ định, người ta thường dùng những từ chỉ sự phủ định như: **không, chẳng, chưa, ...**

* Khi nói đến sự khẳng định, người ta thường dùng những từ chỉ sự khẳng định như: **có, đúng, phải, ...**

* Khi nói đến sự nghi vấn, người ta thường dùng những từ chỉ sự nghi vấn như: **ai, gì, nào, đâu, bao giờ, bao nhiêu, ...**

* Khi nói đến sự cảm thán, người ta thường dùng những từ chỉ sự cảm thán như: **ôi, ôi chao, trời ơi, ...**

* Khi nói đến sự mệnh lệnh, người ta thường dùng những từ chỉ sự mệnh lệnh như: **hãy, đừng, chớ, ...**

* Khi nói đến sự cầu khiến, người ta thường dùng những từ chỉ sự cầu khiến như: **xin, mời, ...**

* Khi nói đến sự đề nghị, người ta thường dùng những từ chỉ sự đề nghị như: **nên, cần, ...**

* Khi nói đến sự khuyên bảo, người ta thường dùng những từ chỉ sự khuyên bảo như: **nên, cần, ...**

* Khi nói đến sự cảnh báo, người ta thường dùng những từ chỉ sự cảnh báo như: **cẩn thận, coi chừng, ...**

* Khi nói đến sự hứa hẹn, người ta thường dùng những từ chỉ sự hứa hẹn như: **hứa, ...**

* Khi nói đến sự đe dọa, người ta thường dùng những từ chỉ sự đe dọa như: **đe, ...**

* Khi nói đến sự thề thốt, người ta thường dùng những từ chỉ sự thề thốt như: **thề, ...**

* Khi nói đến sự cam kết, người ta thường dùng những từ chỉ sự cam kết như: **cam kết, ...**

* Khi nói đến sự bảo đảm, người ta thường dùng những từ chỉ sự bảo đảm như: **bảo đảm, ...**

* Khi nói đến sự chắc chắn, người ta thường dùng những từ chỉ sự chắc chắn như: **chắc chắn, ...**

* Khi nói đến sự không chắc chắn, người ta thường dùng những từ chỉ sự không chắc chắn như: **có lẽ, ...**

* Khi nói đến sự phỏng đoán, người ta thường dùng những từ chỉ sự phỏng đoán như: **có lẽ, ...**

* Khi nói đến sự giả định, người ta thường dùng những từ chỉ sự giả định như: **giả sử, ...**

* Khi nói đến sự điều kiện, người ta thường dùng những từ chỉ sự điều kiện như: **nếu, ...**

* Khi nói đến sự nhượng bộ, người ta thường dùng những từ chỉ sự nhượng bộ như: **dù, ...**

* Khi nói đến sự tương phản, người ta thường dùng những từ chỉ sự tương phản như: **nhưng, ...**

* Khi nói đến sự liên kết, người ta thường dùng những từ chỉ sự liên kết như: **và, ...**

* Khi nói đến sự bổ sung, người ta thường dùng những từ chỉ sự bổ sung như: **thêm, ...**

* Khi nói đến sự thay thế, người ta thường dùng những từ chỉ sự thay thế như: **thay, ...**

* Khi nói đến sự lựa chọn, người ta thường dùng những từ chỉ sự lựa chọn như: **hay, ...**

* Khi nói đến sự nhấn mạnh, người ta thường dùng những từ chỉ sự nhấn mạnh như: **chính, ...**

* Khi nói đến sự giảm nhẹ, người ta thường dùng những từ chỉ sự giảm nhẹ như: **hơi, ...**

* Khi nói đến sự tăng cường, người ta thường dùng những từ chỉ sự tăng cường như: **rất, ...**

* Khi nói đến sự so sánh, người ta thường dùng những từ chỉ sự so sánh như: **hơn, kém, bằng, ...**

* Khi nói đến sự phủ định, người ta thường dùng những từ chỉ sự phủ định như: **không, chẳng, chưa, ...**

* Khi nói đến sự khẳng định, người ta thường dùng những từ chỉ sự khẳng định như: **có, đúng, phải, ...**

* Khi nói đến sự nghi vấn, người ta thường dùng những từ chỉ sự nghi vấn như: **ai, gì, nào, đâu, bao giờ, bao nhiêu, ...**

* Khi nói đến sự cảm thán, người ta thường dùng những từ chỉ sự cảm thán như: **ôi, ôi chao, trời ơi, ...**

* Khi nói đến sự mệnh lệnh, người ta thường dùng những từ chỉ sự mệnh lệnh như: **hãy, đừng, chớ, ...**

* Khi nói đến sự cầu khiến, người ta thường dùng những từ chỉ sự cầu khiến như: **xin, mời, ...**

* Khi nói đến sự đề nghị, người ta thường dùng những từ chỉ sự đề nghị như: **nên, cần, ...**

* Khi nói đến sự khuyên bảo, người ta thường dùng những từ chỉ sự khuyên bảo như: **nên, cần, ...**

* Khi nói đến sự cảnh báo, người ta thường dùng những từ chỉ sự cảnh báo như: **cẩn thận, coi chừng, ...**

* Khi nói đến sự hứa hẹn, người ta thường dùng những từ chỉ sự hứa hẹn như: **hứa, ...**

* Khi nói đến sự đe dọa, người ta thường dùng những từ chỉ sự đe dọa như: **đe, ...**

* Khi nói đến sự thề thốt, người ta thường dùng những từ chỉ sự thề thốt như: **thề, ...**

* Khi nói đến sự cam kết, người ta thường dùng những từ chỉ sự cam kết như: **cam kết, ...**

* Khi nói đến sự bảo đảm, người ta thường dùng những từ chỉ sự bảo đảm như: **bảo đảm, ...**

* Khi nói đến sự chắc chắn, người ta thường dùng những từ chỉ sự chắc chắn như: **chắc chắn, ...**

* Khi nói đến sự không chắc chắn, người ta thường dùng những từ chỉ sự không chắc chắn như: **có lẽ, ...**

* Khi nói đến sự phỏng đoán, người ta thường dùng những từ chỉ sự phỏng đoán như: **có lẽ, ...**

* Khi nói đến sự giả định, người ta thường dùng những từ chỉ sự giả định như: **giả sử, ...**

* Khi nói đến sự điều kiện, người ta thường dùng những từ chỉ sự điều kiện như: **nếu, ...**

* Khi nói đến sự nhượng bộ, người ta thường dùng những từ chỉ sự nhượng bộ như: **dù, ...**

* Khi nói đến sự tương phản, người ta thường dùng những từ chỉ sự tương phản như: **nhưng, ...**

* Khi nói đến sự liên kết, người ta thường dùng những từ chỉ sự liên kết như: **và, ...**

* Khi nói đến sự bổ sung, người ta thường dùng những từ chỉ sự bổ sung như: **thêm, ...**

* Khi nói đến sự thay thế, người ta thường dùng những từ chỉ sự thay thế như: **thay, ...**

* Khi nói đến sự lựa chọn, người ta thường dùng những từ chỉ sự lựa chọn như: **hay, ...**

* Khi nói đến sự nhấn mạnh, người ta thường dùng những từ chỉ sự nhấn mạnh như: **chính, ...**

* Khi nói đến sự giảm nhẹ, người ta thường dùng những từ chỉ sự giảm nhẹ như: **hơi, ...**

* Khi nói đến sự tăng cường, người ta thường dùng những từ chỉ sự tăng cường như: **rất, ...**

เหญ่ ถิ่ง หนึ่ง เหย่ หาย
เหญ่ ถิ่ง ถาง เหย่ ฮ้อย.
ขึ้ง เมี่ย เหย่ ถาง ฆ้อ ฮ้าน ฟ้าน เก๋ ฟ้าน หาย เหญ่ เหย่ หาย.
ฟ้อง ฆ้อ หาย เหญ่ เหย่ เหย่
ฆ้อ เหย่ เก๋ ฟ้าน ฮ้าน เจ๋

(พ้าย พ้อน ถ้อง เหย่ เหญ่ เหย่)

หนาย เพ้น ฟ้าย เพ้น เหญ่
พ้าย เพ้น เหน่ เพ้น เหย่
พ้าย ฆ้อ เหย่ เหญ่ เหย่ เม
เหย่ ฆ้อ ฮ้าย ฮ้าน หาย
หาย ฮ้อ เก๋ ฮ้าน หาย
เก๋ เหญ่ เก๋ เหย่ หาย.
หาย เหย่ หาย ฮ้าย ฮ้อย.

เหญ่ ฮ้า เก๋ เหย่ ฟ้าน ถึง ฆ้อ.
เหญ่ ฮ้า เก๋ เหย่ ฟ้าน ถึง เหย่ หาย เหย่ ฟ้อ
เหย่ พ้าย เหย่ พ้าย ฟ้าน ถึง เหย่ เหย่ ฮ้อย เหย่.

(หาย ฆ้อ ฮ้อย พ้าย พ้อน ถ้อง เหย่)

ฮ้า เก๋ พ้าย พ้าย ฟ้าน เก๋ เหย่ ฮ้าย หาย เหย่
ฮ้า เก๋ พ้าย ฟ้าน เก๋ ฆ้อ หาย เหย่ พ้าย เหย่

(หาย ฆ้อ ฮ้อย พ้าย พ้อน ถ้อง เหย่)

Xoá - thực hiện việc xoá thông tin:

Người dùng chọn thông tin xoá trên

Người quản trị thông tin sẽ được xoá khỏi

- Hay không?
- Có đồng ý không?
- Hay, không thì quay
- Xoá thành công
- Thất bại
- Xác, hay thất bại
- Xác thực (không)

thực hiện ra được thực hiện hoàn chỉnh rồi

chỉnh thông tin để thông báo thực hiện

chỉnh thông tin để thông tin thực hiện thông báo.

Xác - thực hiện thao tác đăng:

- Hoàn tất (hoàn tất đăng)
- Được đã thì thông báo thông.
- Được đã thành công thì không

* Người dùng thực hiện đăng được đã thành công thì không chọn hoàn tất thì hệ thống sẽ không thực hiện việc gì cả và hệ thống vẫn:

a- Giữ nguyên trạng thái được được được thì được:

- ขอกเจ้าสาวเข้าเรือนแล้ว ให้ญาติฝ่ายเจ้าสาวนำเครื่องใช้ต่างๆ ของเจ้าสาวมาด้วย

- ในวันแต่งงานนั้น ฝ่ายเจ้าบ่าวจะต้องเลี้ยงอาหารแก่ญาติฝ่ายเจ้าสาวทั้งหมด ในวันนั้นเจ้าบ่าวจะต้องอยู่ที่บ้านเจ้าสาว

- ในวันที่สองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกัน

- ในวันที่สามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่าย

- ในวันที่สี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเอง

- ในวันที่ห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สิบของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สิบเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สิบสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สิบสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สิบสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สิบห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สิบหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สิบเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สิบแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สิบเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ยี่สิบของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ยี่สิบเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ยี่สิบสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ยี่สิบสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ยี่สิบสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ยี่สิบห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ยี่สิบหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ยี่สิบเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ยี่สิบแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ยี่สิบเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามสิบของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามสิบเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามสิบสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามสิบสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามสิบสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามสิบห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามสิบหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามสิบเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามสิบแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามสิบเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่สิบของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่สิบเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่สิบสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่สิบสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่สิบสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่สิบห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่สิบหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่สิบเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่สิบแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่สิบเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าสิบของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าสิบเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าสิบสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าสิบสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าสิบสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าสิบห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าสิบหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าสิบเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าสิบแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าสิบเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกสิบของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกสิบเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกสิบสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกสิบสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกสิบสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกสิบห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกสิบหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกสิบเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกสิบแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกสิบเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดสิบของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดสิบเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดสิบสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดสิบสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดสิบสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดสิบห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดสิบหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดสิบเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดสิบแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดสิบเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดสิบของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดสิบเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดสิบสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดสิบสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดสิบสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดสิบห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดสิบหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดสิบเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดสิบแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดสิบเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าสิบของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าสิบเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าสิบสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าสิบสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าสิบสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าสิบห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าสิบหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าสิบเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าสิบแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าสิบเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หนึ่งร้อยของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หนึ่งร้อยเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หนึ่งร้อยสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หนึ่งร้อยสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หนึ่งร้อยสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หนึ่งร้อยห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หนึ่งร้อยหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หนึ่งร้อยเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หนึ่งร้อยแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หนึ่งร้อยเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สองร้อยของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สองร้อยเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สองร้อยสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สองร้อยสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สองร้อยสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สองร้อยห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สองร้อยหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สองร้อยเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สองร้อยแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สองร้อยเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามร้อยของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามร้อยเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามร้อยสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามร้อยสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามร้อยสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามร้อยห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามร้อยหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามร้อยเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามร้อยแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สามร้อยเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่ร้อยของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่ร้อยเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่ร้อยสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่ร้อยสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่ร้อยสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่ร้อยห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่ร้อยหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่ร้อยเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่ร้อยแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่สี่ร้อยเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าร้อยของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าร้อยเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าร้อยสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าร้อยสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าร้อยสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าร้อยห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าร้อยหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าร้อยเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าร้อยแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่ห้าร้อยเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกร้อยของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกร้อยเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกร้อยสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกร้อยสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกร้อยสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกร้อยห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกร้อยหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกร้อยเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกร้อยแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่หกร้อยเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดร้อยของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดร้อยเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดร้อยสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดร้อยสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดร้อยสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดร้อยห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดร้อยหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดร้อยเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดร้อยแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เจ็ดร้อยเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดร้อยของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดร้อยเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดร้อยสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดร้อยสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดร้อยสี่ของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดร้อยห้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดร้อยหกของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดร้อยเจ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดร้อยแปดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่แปดร้อยเก้าของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าร้อยของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าร้อยเอ็ดของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวกลับมาอยู่ที่บ้านของตนเองอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าร้อยสองของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้ญาติผู้ใหญ่ทั้งสองฝ่ายอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าร้อยสามของการแต่งงาน ให้เจ้าบ่าวและเจ้าสาวไปไหว้พระที่วัดด้วยกันอีกครั้งหนึ่ง

- ในวันที่เก้าร้อ

ကြိုက္ပါသည္ ဆိုပါက ဝယ္ယူနိုင္ပါသည္

ယခုလက္ေဆာင္ - ဘုရားအတြက္ ေလာင္းလွဴသည့္ ပစၥည္းမ်ား သို့မဟုတ္ ေငြေၾကးမ်ား (ဝတၳဳပစၥည္း) ; ဘုရားအတြက္ ေပးလွဴသည့္ ပစၥည္းဝတၳဳမ်ား။

ယခုေငြ (ဝတၳဳပစၥည္း) သို့ေသာ္ ဝတၳဳပစၥည္း ဆက္လက္ေပးလွဴျခင္း :

ဝတၳဳ ဆိုသည္မွာ ယခုေခတ္ ပစၥည္းလက္ဆင့္ကမ္းေရာင္းဝယ္မွဳ ဆိုသည့္ **ဝတၳဳအေရး**။ ဘုရားဝတၳဳအေရးသည္ ဘာသာေရးဆိုင္ရာ ဝတၳဳပစၥည္းမ်ားကို ဆက္လက္ ေပးလွဴျခင္း ျဖစ္သည္။ ယင္းဝတၳဳပစၥည္းမ်ားကို **ဘုရားရတနာ** ဟုေခၚသည္။ ဘုရားရတနာ ဆိုသည္မွာ ဘုရားအတြက္ ေပးလွဴသည့္ ပစၥည္းဝတၳဳမ်ားကို ဆိုလိုသည္။ ဘုရားရတနာ ဆိုသည့္ အသံုးအႏွဳန္းသည္

ทองคำเหลือ, เอา ช้างสี่เชือก ม้าสี่ตัว ควายสี่ตัว ไปขอ ลูกสาวเขา ให้ ลูกชายเรา ตามประเพณี ของเรา (ไทยดำ). ครั้น ทอง ได้ ฟัง, เขาก็ ยกขบวน ไปขอ ลูกสาว ให้ ลูกชาย ตามประเพณี ของเรา ครั้น ได้ ลูกสาว มาแล้ว ก็ ผูกข้อมือ ให้ ลูกสาว ด้วย ด้ายสายสิญจน์ ให้ ลูกสาว ได้ ขวัญ ยืนยาว ตลอดไป.

ต่อจาก นั้น ทอง ก็ ยกขบวน (ไทยดำ) เอา เครื่องบูชา ไปขอ ลูกสาว ของ **ขุน ขาว** (ขุนขาว). ครั้น ขาว ได้ ฟัง ลูกสาว ของ ตน ก็ ได้ ตาย ไปแล้ว ขาว จึง ตัดสินใจ ไม่ ให้ ลูกสาว ของ ตน ไป. ทอง ได้ ยิน ดังนั้น ก็ ได้ ไป ขอ ลูกสาว ของ ขาว ให้ ลูกชาย ของ ตน อีก. ขาว ได้ ตัดสินใจ ให้ ลูกสาว ของ ตน ไป ให้ ลูกชาย ของ ทอง. ขาว ได้ ตัดสินใจ ว่า: "... ไม่ว่า ลูกสาว ของ เรา จะ ตาย ไปแล้ว ก็ ตาม ..." ดังนั้น ขาว จึง ได้ ไป ขอ ลูกสาว ของ ขุนนาง ผู้ใหญ่ ให้ ลูกชาย ของ ตน. ขาว ได้ กล่าว ว่า: "ไม่ว่า ลูกสาว ของ เรา จะ ตาย ไปแล้ว ก็ ตาม ..." ขาว ได้ ไป ขอ ลูกสาว ของ ขุนนาง ผู้ใหญ่ ให้ ลูกชาย ของ ตน อีก ครั้ง หนึ่ง. ขาว ได้ กล่าว ว่า: "ไม่ว่า ลูกสาว ของ เรา จะ ตาย ไปแล้ว ก็ ตาม ..."

ขุนนาง, ขุนเจ้าเมือง ได้ ยิน ดังนั้น ก็ ได้ ตัดสินใจ ให้ ลูกสาว ของ ตน ไป ให้ ลูกชาย ของ ขาว. ขาว ได้ ตัดสินใจ ว่า ลูกสาว ของ ตน ได้ ตาย ไปแล้ว ก็ ตาม ขาว ก็ ยัง ได้ ไป ขอ ลูกสาว ของ ขุนนาง ผู้ใหญ่ ให้ ลูกชาย ของ ตน ถึง สามครั้ง ด้วยกัน ...

ཤགས་ཀྱང་, ཤགས་ལྟ་ བཞེས་ གཤམ་ཐེ་ བཞེས་ ཁ་ ཤེས་ ཤེས་ ཤེས

ผู้หญิงเป็นฝ่ายขอแต่งงานกับผู้ชาย ผู้ชายจะไม่ยอมแต่งงานด้วย ถือว่าเป็นการดูถูกเหยียดหยามฝ่ายชาย ผู้ชายจะต้องเป็นฝ่ายขอแต่งงานกับผู้หญิงเท่านั้น ผู้หญิงจึงจะยอมแต่งงานด้วย ถือว่าเป็นการให้เกียรติฝ่ายชาย ผู้ชายที่ถูกขอแต่งงานจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง ผู้หญิงที่ขอแต่งงานจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง ผู้หญิงที่ขอแต่งงานจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง

ผู้หญิงที่ขอแต่งงานจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง ผู้หญิงที่ขอแต่งงานจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง ผู้หญิงที่ขอแต่งงานจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง

ผู้หญิงขอแต่งงาน

ผู้หญิงขอแต่งงานกับผู้ชายจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง ผู้หญิงที่ขอแต่งงานจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง ผู้หญิงที่ขอแต่งงานจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง

ผู้หญิงที่ขอแต่งงานกับผู้ชายจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง ผู้หญิงที่ขอแต่งงานจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง ผู้หญิงที่ขอแต่งงานจะต้องเป็นผู้ที่มีความรู้ความสามารถ มีฐานะดี มีความประพฤติดี มีความรับผิดชอบสูง

ਮਾਰ ਕਰ ਰਹਾ ਹੈ. ਤਸੀਂ ਜਲਦੀ ਮੈਨੂੰ ਤੇਜ਼ ਤਰਾਰ ਕਰੋ, ਮੈਨੂੰ ਮੈਨੂੰ ਤੇਜ਼ ਤੇਜ਼ ਚਾਹੀਦਾ ਹੈ, ਜਿਵੇਂ ਦੁਨੀਆ ਦਾ ਸਭ ਤੋਂ ਮਹਾਨ ਸੰਤ ਹੋਵੇ ਕਰ ਕੇ ਮਹਾਨ ਸੰਤਾਂ ਦਾ ਸਭ ਤੋਂ ਵੱਡਾ ਗੁਣ ਹੁੰਦਾ ਹੈ ਨਿਮਰਤਾ, ਮੈਂ ਤੁਹਾਨੂੰ ਕਿਵੇਂ ਕਹਾਂ ਕਿ ਮੈਂ ਤੁਹਾਡੇ ਤੋਂ ਵੱਡਾ ਹਾਂ, ਤੁਹਾਡੇ ਤੋਂ ਮਹਾਨ ਹਾਂ, ਤੁਹਾਡੇ ਤੋਂ ਤੇਜ਼ ਤਰਾਰ ਹਾਂ, ਮੈਂ ਤੁਹਾਡੇ ਤੋਂ ਤੇਜ਼ ਤਰਾਰ ਹਾਂ, ਮੈਂ ਤੁਹਾਡੇ ਤੋਂ ਤੇਜ਼ ਤਰਾਰ ਹਾਂ.

* ਸਮਾਧ ਦਰਸ਼ਣ ਵਿਚ ਮੈਨੂੰ ਕੀ ਦਰਸ਼ਣ ਹੋਇਆ ਸੀ

ਮੈਂ ਸਮਾਧ ਅਵਸਥਾ ਵਿਚ ਕੀ ਦੇਖਿਆ ਸੀ ਇਸ ਬਾਰੇ ਮੈਂ ਕਈ ਵਾਰ ਲਿਖ ਚੁੱਕਾ ਹਾਂ। ਸਭ ਤੋਂ ਪਹਿਲਾਂ ਮੈਂ ਦੇਖਿਆ ਕਿ ਮੈਂ ਇਕ ਵਿਸ਼ਾਲ ਸਮੁੰਦਰ ਵਿਚ ਤੈਰ ਰਿਹਾ ਹਾਂ, ਮੇਰੇ ਚਾਰੇ ਪਾਸੇ ਪਾਣੀ ਹੀ ਪਾਣੀ ਹੈ, ਮੈਂ ਇਕ ਵੱਡੇ ਸਾਰੇ ਜਹਾਜ਼ ਵਿਚ ਬੈਠਾ ਹਾਂ, ਜਹਾਜ਼ ਵਿਚ ਕਾਫੀ ਲੋਕ ਹਨ, ਜਹਾਜ਼ ਦੇ ਕਪਤਾਨ ਨੇ ਮੈਨੂੰ ਕਿਹਾ:

- ਤੁਸੀਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦੇ ਮਾਲਕ ਹੋ
- ਸਾਰੇ ਯਾਤਰੀ ਤੁਹਾਡੇ ਹਨ
- ਸਾਰਾ ਸਮਾਨ ਤੁਹਾਡਾ ਹੈ.

ਮੈਂ ਹੈਰਾਨ ਹੋਇਆ, ਮੈਨੂੰ ਕੁਝ ਸਮਝ ਨਹੀਂ ਆਇਆ, ਮੈਂ ਕਪਤਾਨ ਨੂੰ ਪੁੱਛਿਆ ਕਿ ਇਹ ਸਭ ਕੁਝ ਕੀ ਹੈ ? ਕਪਤਾਨ ਨੇ ਕਿਹਾ ਕਿ ਇਹ ਸਭ ਕੁਝ ਤੁਹਾਡਾ ਹੈ ਕਿਉਂਕਿ ਤੁਸੀਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦੇ ਮਾਲਕ ਹੋ। ਮੈਂ ਕਪਤਾਨ ਨੂੰ ਪੁੱਛਿਆ ਕਿ ਮੈਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦਾ ਮਾਲਕ ਕਿਵੇਂ ਬਣਿਆ ? ਕਪਤਾਨ ਨੇ ਕਿਹਾ ਕਿ ਤੁਸੀਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦੇ ਮਾਲਕ ਹੋ ਕਿਉਂਕਿ ਤੁਸੀਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦੇ ਕਪਤਾਨ ਹੋ। ਮੈਂ ਕਪਤਾਨ ਨੂੰ ਪੁੱਛਿਆ ਕਿ ਮੈਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦਾ ਕਪਤਾਨ ਕਿਵੇਂ ਬਣਿਆ ? ਕਪਤਾਨ ਨੇ ਕਿਹਾ ਕਿ ਤੁਸੀਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦੇ ਕਪਤਾਨ ਹੋ ਕਿਉਂਕਿ ਤੁਸੀਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦੇ ਕਪਤਾਨ ਹੋ। ਮੈਂ ਕਪਤਾਨ ਨੂੰ ਪੁੱਛਿਆ ਕਿ ਮੈਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦਾ ਕਪਤਾਨ ਕਿਵੇਂ ਬਣਿਆ ? ਕਪਤਾਨ ਨੇ ਕਿਹਾ ਕਿ ਤੁਸੀਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦੇ ਕਪਤਾਨ ਹੋ ਕਿਉਂਕਿ ਤੁਸੀਂ ਇਸ ਜਹਾਜ਼ ਦੇ ਕਪਤਾਨ ਹੋ।

ทางบ้านจะว่าอย่างไร ถ้าเราไม่ยอมให้เขาเข้าบ้านเรา ?

- เขาเป็นคนของเรา! (ผู้ชายพูดกับผู้หญิง).

- ใช่! แต่เขาเป็นคนของบ้านอื่น (ผู้หญิง) ... (เขาเป็นคนของ xxxxxxx) เขาไม่ใช่! ...

- เอาน่า เขาเป็นคนของเรา! ที่จะเข้าบ้านเราได้ต้องมีพิธีกรรมก่อน เขาจะต้องเข้าพิธีกรรมก่อน ถึงจะเข้าบ้านเราได้ ไม่งั้นเขาจะเข้าบ้านเราไม่ได้ ถ้าเขาเข้าบ้านเราโดยไม่ผ่านพิธีกรรม ก็จะมีเรื่องเดือดร้อนเกิดขึ้นกับเขาเอง.

๗๕- ถ้าคนต่างถิ่นเข้ามา, เขาต้องมาถามเจ้าบ้านก่อนว่าจะเข้าบ้านได้หรือไม่ ถ้าเจ้าบ้านอนุญาต, เขาถึงจะเข้าบ้านได้ ถ้าเจ้าบ้านไม่อนุญาต เขาก็เข้าบ้านไม่ได้ เขาจะต้องกลับไปทันที.

๗๖- ถ้าใครเข้าบ้านคนอื่นโดยไม่ขออนุญาตเจ้าบ้านก่อน จะต้องถูกปรับไหมตามที่เจ้าบ้านกำหนด.

๒๓ ถ้าคนต่างถิ่นมาพักอาศัยอยู่

๗๗- ถ้าคนต่างถิ่นมาขอพักอาศัยอยู่ด้วย, จะต้องมีพิธีกรรมเซ่นไหว้ผีเรือนและผีบรรพบุรุษของเขาเองก่อน แล้วจึงจะเข้าอยู่ด้วยกันได้ ถ้าไม่ทำพิธีกรรมเซ่นไหว้ผีเรือนและผีบรรพบุรุษของเขาเองก่อน เขาจะเข้าอยู่ด้วยกันไม่ได้.

ଏଥିରେ ଏହି ଅଧ୍ୟାୟରେ ଆମେ ଆଲୋଚନା କରିଥିବା ଅନ୍ୟ ଅଧ୍ୟାୟଗୁଡ଼ିକରେ ଥିବା ଏକ ଅଧିକ ଜଟିଳ ଏବଂ ଉନ୍ନତ ଧାରଣା ଓ ପଦ୍ଧତି ବିଷୟରେ ଜାଣିବା ପାଇଁ ଆଗ୍ରହୀ ହେବେ । ଏହି ଅଧ୍ୟାୟରେ ଆମେ ଯେଉଁ ଉଦାହରଣଗୁଡ଼ିକ ଦେଇଛୁ ସେଗୁଡ଼ିକ ଅଧିକାଂଶ ଭାଷାରେ ଲାଗୁ ହୁଏ । ଏହି ଅଧ୍ୟାୟରେ ଆମେ ଯେଉଁ ଉଦାହରଣଗୁଡ଼ିକ ଦେଇଛୁ ସେଗୁଡ଼ିକ ଅଧିକାଂଶ ଭାଷାରେ ଲାଗୁ ହୁଏ । ଏହା ଅବଶ୍ୟ ଏହି ଅର୍ଥରେ ନୁହେଁ ଯେ ପ୍ରତ୍ୟେକ ଭାଷାରେ ଏହି ଉଦାହରଣଗୁଡ଼ିକ ଠିକ୍ ସେହିପରି ଦେଖାଯିବ

ကြည့်ပြောင်းတဲ့, ဆွေမျိုးချင်း, ဆွေမျိုးတော်စပ်ရာ ဆွေမျိုးတော်စပ်ပုံ (ဆွေမျိုးတော်စပ်ပုံ ကြည့်).

ထမ်းရွက်ပေးရမည့် တာဝန်ဝတ္တရားများ ဆိုသည်မှာ ဘုရားကျောင်းတိုက်ကို ကိုးကွယ်ရာ ဖြစ်သော ဘုရားရှိခိုးခြင်း, တရားနာခြင်း, ဒါနပြုခြင်း, သီလစောင့်ထိန်းခြင်း, ဘာဝနာပွားများခြင်း ဟူသော ကုသိုလ်ကောင်းမှုတရားများကို ကျင့်သုံးခြင်းဖြင့် ဘုရားကျောင်းတိုက်ကို ပူဇော်ထိန်းသိမ်းရန် တာဝန်ဝတ္တရားများ ဖြစ်ကြသည်။ ဤတာဝန်ဝတ္တရားများကို ဆွေမျိုးတော်စပ်ရာ အလိုက် ခွဲခြားဖော်ပြရလျှင် အောက်ပါအတိုင်း တွေ့ရှိရသည်။

3. ဘုရားကျောင်းတော်ကို ထမ်းရွက်ရာတွင်.

ဂ. ဒါယကာအဖွဲ့ကြီးကြပ်ခြင်း.

– ယခုလို ဒါယကာအဖွဲ့ ဖွဲ့စည်းထားရခြင်းမှာ, ကျောင်းတိုက်ဆိုင်ရာ ဥစ္စာပစ္စည်းများ, ကျောင်းတိုက်ပတ်ဝန်းကျင်ဆိုင်ရာ ကိစ္စရပ်များ ဆောင်ရွက်ရာတွင် ကျောင်းတိုက်ဆိုင်ရာ ဝတ်ကျေတာဝန်ကျေ ထိန်းသိမ်းကြပ်မတ်နိုင်ရန်, ကျောင်းတိုက်ကို ကိုးကွယ်ရာ ဖြစ်သော ဘုရားရှိခိုးခြင်း, တရားနာခြင်း, သီလစောင့်ထိန်းခြင်း, ဒါနပြုခြင်း, ဘာဝနာပွားများခြင်း ကုသိုလ်ကောင်းမှုတရားများကို ကျင့်သုံးနိုင်ရန် ဖြစ်ပေသည်။

– ဒါယကာအဖွဲ့ဝင်များ ဖွဲ့စည်းပုံအရ ကြီးကြပ်ရေးမှူးတစ်ဦး, ဒုတိယကြီးကြပ်ရေးမှူးတစ်ဦး, တတိယကြီးကြပ်ရေးမှူးတစ်ဦး, ဘဏ္ဍာရေးမှူးတစ်ဦး, အတွင်းရေးမှူးတစ်ဦး, ဒုတိယအတွင်းရေးမှူးတစ်ဦး, ဝိနည်းဆရာတော်တစ်ပါး, ဒုတိယဝိနည်းဆရာတော်တစ်ပါး, ဆရာတော်တစ်ပါး, ဒုတိယဆရာတော်တစ်ပါး, ကြီးကြပ်ရေးဝန်ထမ်းတစ်ဦး, ဒုတိယကြီးကြပ်ရေးဝန်ထမ်းတစ်ဦး, ဘဏ္ဍာရေးဝန်ထမ်းတစ်ဦး, အတွင်းရေးဝန်ထမ်းတစ်ဦး, ဒုတိယအတွင်းရေးဝန်ထမ်းတစ်ဦး, ဝိနည်းဆရာတော်ဝန်ထမ်းတစ်ဦး, ဒုတိယဝိနည်းဆရာတော်ဝန်ထမ်းတစ်ဦး, ဆရာတော်ဝန်ထမ်းတစ်ဦး, ဒုတိယဆရာတော်ဝန်ထမ်းတစ်ဦး ဟူ၍ ဒါယကာအဖွဲ့ဝင် ဆယ့်ခုနစ်ပါး ဖွဲ့စည်းထားရသည်။ ဒါယကာအဖွဲ့ဝင်များ ရွေးချယ်ခန့်အပ်ရာတွင် ဆွေမျိုးတော်စပ်ရာ အလိုက် ဦးစားပေးခန့်အပ်ရသည်။ ဥပမာ – ကြီးကြပ်ရေးမှူး, ဒုတိယကြီးကြပ်ရေးမှူး, တတိယကြီးကြပ်ရေးမှူး, ဘဏ္ဍာရေးမှူး, အတွင်းရေးမှူး, ဒုတိယအတွင်းရေးမှူး, ဝိနည်းဆရာတော်, ဒုတိယဝိနည်းဆရာတော်, ဆရာတော်, ဒုတိယဆရာတော် စသည်တို့ကို ဆွေမျိုးတော်စပ်ရာ အလိုက် ဦးစားပေးခန့်အပ်ရသည်။ (ဒါယကာအဖွဲ့ ကြည့်)။

• Những người thân thiết với nhau thường có những điểm giống nhau về tính cách, sở thích, thậm chí cả ngoại hình. Hai người càng thân thiết với nhau thì những điểm giống nhau càng nhiều. Đó là một quy luật tâm lý. Nhưng cũng có những người thân thiết với nhau mà không giống nhau về bất cứ điều gì. Đó là những người bổ sung cho nhau về tính cách, sở thích, thậm chí cả ngoại hình. Đó là những người bạn tốt, những người thầy tốt, những người vợ chồng tốt.

Câu 2 - Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ.

Đoạn văn phải có chủ đề rõ ràng. Câu chủ đề có thể đặt ở đầu đoạn, giữa đoạn hoặc cuối đoạn, tùy theo ý đồ của người viết. Đoạn văn phải có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu. Người viết có thể dùng các phương tiện liên kết như phép lặp, phép thế, phép nối, phép liên tưởng, phép đối, phép tỉnh lược.

Câu 3 - Đoạn thơ sau đây trích trong bài thơ nào? Tác giả là ai?

- Đoạn thơ trên trích trong bài thơ "Tiếng gà trưa" của tác giả Xuân Quỳnh.

Đoạn thơ đầy đủ như sau:

"Mẹ vẫn thức khi con ngủ
Mẹ dậy trước khi con thức
Mẹ nhóm bếp lên cho khói
Mẹ thổi cơm trong nồi
Cho con no lòng đến lớp..."

- ภาษาไทยกลาง หมอ: พ่อค้าเกวียนที่ขนของมาขาย - ลิเกไทยกลาง ตลกขบขัน :

ลิเกเกวียน

ที่ไหน เหมาะ เหมือ ปลิ เหมาะ เหมือ พวก ถือ เหมา เหมือ เหมือ
ไหน เหมาะ เหมือ ปลิ เหมาะ เหมือ พวก ถือ เหมา เหมือ นะ.
เพราะ ขอ ที่นี่ พวก ปลิ ไหน ขอ ไป ไกล
ปลิ ขอ ไป ปลิ
ไป เหมือ ขอ ปลิ ไหน เหมา
หาก พอ ปลิ ไป ปลิ ไหน ปลิ
ที่นี่ ไหน ปลิ ไหน พอ ไป ปลิ
ขอ ปลิ เหมือ ไม่ ขอ พวก ปลิ ไป ปลิ ไหน ปลิ ไหน ปลิ
ปลิ ขอ ขอ เหมา เหมา ขอ ขอ.
ปลิ เหมา ไม่ ปลิ ไหน เหมา
หมา เหมือ ปลิ ไหน ไหน ไม่.
ปลิ ไหน ไหน ไป ปลิ เหมือ เหมือ ปลิ เหมา ปลิ เหมา
เหมา ไหน ไหน ปลิ ไหน ไป ปลิ ไหน ปลิ ขอ หาย
เหมือ ไป ไหน พอ ปลิ ไหน ปลิ ขอ ขอ ขอ
ไหน ปลิ ไหน ขอ ขอ ปลิ ขอ ขอ ขอ ขอ
ไหน ปลิ ไหน ขอ ขอ ปลิ ขอ ขอ ขอ ขอ
เหมือ ปลิ ไหน ขอ ขอ ปลิ ขอ ขอ ขอ ขอ
เหมือ ปลิ ไหน ขอ ขอ ปลิ ขอ ขอ ขอ ขอ
เหมือ ปลิ ไหน ขอ ขอ ปลิ ขอ ขอ ขอ ขอ
เหมือ ปลิ ไหน ขอ ขอ ปลิ ขอ ขอ ขอ ขอ

ཕྱིན་ཆད་ཁོང་ཚོ་ཕྱིག་ཆུང་།
ངེད་ཀྱིས་ཁོང་ལ་གཅིག་ཏུ་བྱས་ནས་མཉམ་
ཁྱེད་བཟུང་གནམ་ཡང་གནམ་ཁུར་ཐུབ་ངེས།

ཁམས་རོང་གཏམ་ཁ་གསར།

ཨཱ་ཤང་! ངེད་ཚོ་ཤུགས་ངེད་ཚོས་
ཁ་ཡང་ནོར་བྱས་ནས་ཁོང་ཚོ་ཕྱིག་ཆུང་།
ནོར་བྱས་ཤིག་ཅིག་ཏུ་ཅིག་ཤོས་ཤེས་ཀྱི་
རིགས་ཤིག་ཅིག་ཏུ་ཅིག་ཤོས་ཁམ་ངེས་ཤེས་ཀ་
ངེད་ཚོས་ཤེས་ཀ་ཡིན་ཅིག་ཅིག་ཚ་ཚུལ་
ངེད་ཚོ་བཅའ་ཚ་ཁ་ཤོས།
རང་ཤེས་བཅའ་ཚོ་ཤེས་ཚ་ཁ་ཤར་ཁ་ཤས།
ཅིག་ཤེས་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཁོང་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཤེས་ཀ་
ཤེས་ཀ་ངེད་ཚོ་ཤུགས་ངེད་ཚོས་ཁ་ཡང་ནོར་བྱས་ནས་ཁོང་ཚོ་ཕྱིག་ཆུང་།
ཤེས།

ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀྱི་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀྱི།
ཤེས་ཀྱི་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཁ་ཁ།
ཤེས་ཀྱི་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཤེས།
ཅིག་ཚ་ཁ་ཤོས་ཚ་ཤེས་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་
ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་
ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་
ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་
ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་
ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་
ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་
ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་
ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་ཅིག་ཅིག་ཤེས་ཀ་ཤེས་ཀ་

ตาเฮ่ยอ่อก เหมิ่ง ปก่า เกอ๋ย เหมิ่ง ฟาย.
ย๋อย ถ่าก ลิ่กลาย่าง
ย๋อย ข่าม เหมิ่ง เฮ่ย เฮย.
ฆา หาย ตุ้งกู่ ก๋าย ข่าย ฮ่าย เฮย ย๋อย
ฆา หาย ก่าย ถ่าย ถ่าย เหมิ่ง ก๋าย เหมิ่งหา
ถ่าย ปา หา ปา ฮ่อย
เหมิ่ง ลิ่งหมู่ ถอย หาดฆ
ถ่าย เหมิ่ง ถ่า หาด ปาย
หาด ปาย ปะก่าง ก่าย ฟาย ลาย่าง ถาย
หาด ปาย ปะก่าง ก่าย ถ่าย ก๋าย เลย
ถ่าย เหมิ่ง เกาะ ก่อย ถุ่าย
ถ่าย เหมิ่ง ปาย เฮย ถอ
ก๋าย ก่อ ฮ่อย หมู่ ฟา ฮ่าง ฟา ฮุ่ง
ก๋าย ถอ ปุ่ง ฟา เหลิง
ปาย เหลิง, ฮ่าง เกา ฆอ ถูก ฮ่อย
ถอ ฆอง ฮ่าง ลิ่งเย ฆอ ถ่อย.

ไย่ ฮาย!

ฆาง ฆอ ก่อ ก่าย ฮาย ก่าง ฆู ก่าย ปุ่าย
เฟย ฆอ ฆา เฮย ปอย ถ่าย ก่าง ฟาย ฮ่า ย่อ
ฆาง ฆอ ก่อ ฮาย เก่ง ปุ่ง ปุ่ง ปาย.
ฟ่าง ฆอ ก่อ ฮาย ก่าง ปุ่ง ปุ่ง ปาย.
ฟ่าง ฆอ ก่อ ฮาย ก่าง ปุ่ง ปุ่ง ปาย.
ฟ่าง ฆอ ก่อ ฮาย ก่าง ปุ่ง ปุ่ง ปาย.

ꠇꠣꠉ ꠞꠤꠉꠋ ꠇꠤꠉꠋ ꠇꠣꠉ ꠞꠤ ꠇꠣꠉ ꠇꠤꠉ.
ꠇꠣꠉꠀ ꠇꠤꠉ ꠇꠤꠞꠤꠞꠤꠉꠇ ꠞꠤꠞꠤꠉ ꠇꠣꠉ ꠞꠣꠞꠣꠞꠣꠉ.
ꠇꠣꠉꠀ ꠇꠤꠉ ꠇꠤꠞꠤꠞꠤꠉꠇ ꠞꠤꠞꠤꠉ ꠇꠣꠉ ꠞꠣꠞꠣꠇꠣꠇ
ꠇꠤꠞꠣꠇ ꠞꠤꠉꠇ ꠞꠤꠉ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠤꠞꠣꠉ ꠞꠣ ꠞꠣꠞꠣꠞꠣꠉ

ꠇꠤꠞꠣꠇ ꠇꠣ ꠞꠣꠞꠣꠇ

ꠇꠣꠇꠤ ꠇꠣꠞꠣꠉ ꠞꠣꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ ꠞꠣꠉ ꠇꠣꠞꠣ ꠇꠤꠞꠣꠇ ꠇꠣ ꠞꠣꠞꠣꠇ
ꠇꠣꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠉꠀ ꠇꠣꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ
ꠇꠣꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠀ ꠞꠣꠇꠣ ꠇꠣꠞꠣꠇ ꠞꠣꠞꠣꠉ ꠞꠣꠞꠤ
ꠇꠣꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣꠇ ꠞꠣꠞꠣꠉ ꠞꠤꠞꠣꠇ ꠇꠣꠞꠣꠉꠇꠣꠞꠣꠇ xꠞꠣꠇꠣ
ꠇꠤꠞꠣꠇ ꠇꠣ ꠞꠣꠞꠣꠇ ꠇꠤꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣꠉ ꠞꠣꠞꠣ ꠞꠣꠞꠣꠞꠣꠉ.

xin xuie

ꠞꠣꠞꠣ ꠞꠣꠞꠤꠞꠣ ꠞꠣꠞꠤꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣꠇ ꠇꠤꠞꠣꠇ.
ꠇꠤꠞꠣꠇ ꠇꠣ ꠞꠣꠞꠣꠇ ꠇꠤꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣ ꠞꠣꠞꠣ ꠞꠣꠞꠣꠇ ꠇꠣꠞꠣꠉꠇꠣꠞꠣꠇ ꠞꠣꠞꠣꠞꠣ
ꠞꠣꠞꠣ ꠞꠣꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣꠇ ꠞꠣꠞꠣ.
ꠇꠤꠞꠣꠇ ꠇꠣ ꠞꠣꠞꠣꠇ ꠇꠤꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣꠉ ꠞꠣꠞꠣ ꠞꠣꠞꠤ ꠇꠣꠞꠣꠇ ꠞꠣꠞꠣꠞꠣ
ꠞꠣꠞꠣ ꠞꠣꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣꠇ
ꠇꠣꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣꠇ ꠇꠣꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ
ꠇꠤꠞꠣꠇ ꠇꠣ ꠞꠣꠞꠣꠇ ꠇꠤꠞꠤ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣꠉ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣꠇ
ꠇꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣ ꠞꠣꠞꠣ
ꠞꠣꠞꠣ ꠞꠣꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣꠇ ꠞꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣ
ꠇꠣꠞꠣ ꠇꠣꠞꠣ ꠞꠣꠞꠣ
ꠇ

ꪙꪱꪫꪒꪾ ꪙꪊꪒꪾ ꪙꪱꪫꪒꪾ ꪙꪱꪒ ꪀꪱꪊꪀ ꪖꪾꪊ ꪀꪱꪊꪀ ꪙꪱꪒ

ทรง เรียด ออนด บาท นา
เขน หันก หายด เขน แขก
ฮา หันก หอ นนด หายด
เขน เหง หายด เขน xง ป
จาง เรียด ออน ฯห โกด.
เขน xง ป ห้อก หายด เขน xง ป xอ6
เขอน เขอว กัน บาน จาย.
เหง ปฐ เหงด เหง พง
นิด นัป เขน ฮอด บา
ฮิด หอง จุ ฮา บา ฮอด ฐาย.
ฮิด กา ญิ หันก หัน ยิก
พา ดา ถัป ดา ฯอน หันก จิ
เหง ปฐ เหงด เหง พง
ฮ้อง นิด เจ้ง นัป เจย นอ พา
เจ้ง นัป นก นอ ฯอ หายด
เหง ปฐ แอด เหง พง
ฮ้อง นิด ขาย เหง เจย ฮอ ฮ้อย
ป หา ดา เจย ถัป xอ xอ6
ฮัก อาด จาง ฮ้อง ฯ โกด
เรียง ตาด จาง ฯ ฮาย
จ้าง xง ห้อก เหอน
จ้าง เหง ห้อก เหาย
หาง ห้อก ปรัป หอาย6 ฮัฐ.

ผ่าแฮะ ผ่าแฮะ ก็เหมือนกัน
ผ่าแฮะ ผ่าแฮะ ก็เหมือนกัน
พ่อแก่ (ปู่) เป็นผู้ปกครองบ้านเมือง
เฒ่าแก่ (ปู่) เป็นผู้ปกครองเขตแดน.
ถ้าแม้นว่าเมื่อใดมีคนมาขอร้องให้ช่วย (แก้) ไขคดีความ,
ก็ให้ช่วยเขาตัดสินคดีความ, ถ้าเขาผิดก็ให้ปรับเขา.
ถ้าแม้นว่าเมื่อใดมีใครมาขอร้องให้ช่วยเหลือกัน
ก็ให้ช่วยเหลือกันเถิด.
ผู้ชายก็เหมือนกัน
ผู้หญิงก็เหมือนกัน
ถ้าแม้นมีคนมาขอร้องให้ช่วยแก้ไขคดีความ
ก็ให้ช่วยเขาเถิด !
ก็ให้ช่วยเขาเถิด !
ผ่าเจ้าบ่าวก็ต้องเอาเงินมาให้
ผ่าเจ้าสาวก็ต้องเอาเงินมาให้
ผ่าเรือนฝั่งนี้ก็ต้องเอาเงินมาให้
ผ่าเรือนฝั่งนั้นก็ต้องเอาเงินมาให้
ถ้าแม้นว่าเขาไม่ยอมให้ เราก็ไม่ให้
ผู้ชายก็ต้องจ่ายเงินให้
ถ้าแม้นว่าเขาไม่ยอมให้ เราก็ไม่ให้
เขาก็ต้องจ่ายเงินให้เราเป็นค่าปรับไหมเถิด !

o o

o

ขนบธรรมเนียมประเพณีของไทยเรานี้ ก็มีมาแต่โบราณ. ดังนี้แล

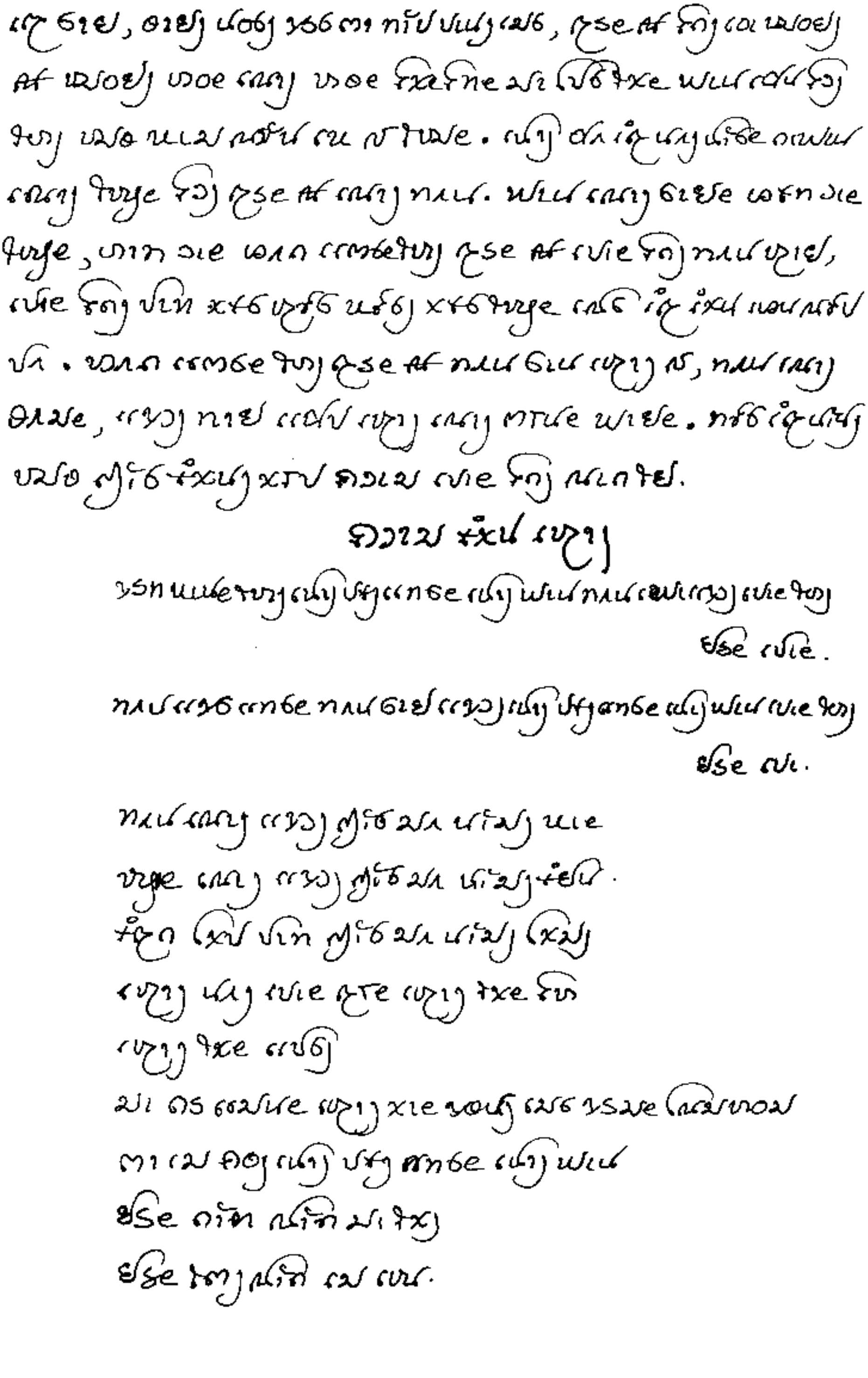

ปู่ มาเอาเมียไปแล้ว ปู่ก็ไม่ได้ทำอะไร
ปู่ก็ไม่ได้ทำอะไรเขาเลย !

๓๔ - ลักษณะการแต่งงานของชาวไทดำในปัจจุบัน - เมื่อหนุ่มสาวตกลงใจ ก็ขอกันได้.

เมื่อหนุ่มสาวตกลงใจกันแล้ว ก็ไปขอความเห็นชอบจากพ่อแม่ของฝ่ายหญิงก่อน ถ้าพ่อแม่ฝ่ายหญิงยินยอม ก็จะนัดวันให้ฝ่ายชายมาสู่ขอ.

เมื่อถึงวันนัด ฝ่ายชายก็จะนำ ขันหมาก ไปให้ฝ่ายหญิงตามจำนวนที่ตกลงกันไว้ ขันหมากนี้ประกอบด้วย หมาก พลู บุหรี่ ข้าวสาร ไก่ต้ม ปลาปิ้ง ขนมจีน ผ้าซิ่นไหมหรือผ้าซิ่นตีนจก ผ้าขาวม้า ผ้าเช็ดหน้า ผ้าห่มนวม ฯลฯ ตามแต่ฐานะของฝ่ายชาย.

ในวันนี้ ฝ่ายชายจะต้องเตรียมเงินไปให้ฝ่ายหญิงด้วย เรียกว่า เงินขอขมาพ่อแม่ ซึ่งจำนวนเงินนี้ขึ้นอยู่กับฐานะของฝ่ายชาย ถ้าฝ่ายชายมีฐานะดี ก็จะให้เงินมาก ถ้าฝ่ายชายมีฐานะยากจน ก็จะให้เงินน้อย ตามแต่ฝ่ายชายจะเห็นสมควร.

ขันหมากสู่ขอ

ข้อยเจ้า ข้อย! ขอเอาขันหมากมาสู่ขอ.
หมากมีคู่ มีตอง มีพลู
ของกินเกลือกินเกลือ ของเย็นเป็นสุข
หมากขอเอาเข้าเรือนเจ้า
เรือนเจ้าอยู่ดีกินดี ขอเอาเข้าเรือนเจ้า.

ย้อนถามเขาเรื่องที่เคยเห็น
พร้อมกับหยิบที่ใส่ขึ้น
ที่ใส่ขึ้นที่ใส่มาถึงเรือ
ที่ใส่เรือที่ใส่มาถึงเกาะ
ขนย้ายที่ใส่เข้าไปในเกาะ
เกาะเรือเขาเข้าไปในถ้ำ
ถ้ำยาวยาวเข้าไปในเกาะ
ถ้ำนั้นเกาะเรือกลางทะเล
ถ้ำสูงเกาะเรือเป็นเกาะเรือ.
เกาะยาวยาวเข้าไปในเกาะ
ที่ใส่ที่ใส่เข้าไปในเกาะ
ถ้ำนั้นเกาะเรือกลางทะเล
ที่ใส่ที่ใส่เข้าไปในเกาะ
ที่ใส่เรือที่ใส่มาถึงเรือ
ที่ใส่เรือที่ใส่มาถึงเกาะ
ถ้ำยาวยาวเข้าไปในเกาะ
ถ้ำนั้นเกาะเรือกลางทะเล.
ถ้ำยาวยาวเข้าไปในเกาะ
ถ้ำนั้นเกาะเรือกลางทะเล
ถ้ำสูงเกาะเรือเป็นเกาะเรือ
ที่ใส่ที่ใส่เข้าไปในเกาะ
ที่ใส่เรือที่ใส่มาถึงเรือ
ที่ใส่เรือที่ใส่มาถึงเกาะ.
เขาเข้าไปในเกาะ
เขาเข้าไปในเกาะ
ถ้ำสูงเกาะเรือเป็นเกาะเรือ.

ผาหญ่ แสะ ฮังเค้ (ภาษาเค ตอนล่าง)
ผาหญ่ หอน ฮังเค้ (ภาษาเค ปรง)
ฮังเค้ ปาวๆ เหล้ ทาวๆ เหล้
ฮังเค้ เหล้ เหล้ ฮ่าๆ ภาษาเค
ฮังเค้ ปาวๆเหล้ ถอม เฆียะเค้ยังๆ ปาวๆ
ถ้าย ห่า , หอน ยิกๆ เหล้ เหล้ เหล้ เหล้ เหล้ เหล้.
ก็ยัง ปาง ฮังเค้ มา ฮังๆ
ฮังๆ ปาง ฮังเค้ มา ก็ยัง
ฮังเค้ มา ปอน ทาม เหล้ ก็ยัง ฮังเค้ เหล้ ปาวๆ
ฮังเค้ มา ปอน ฮ่าๆ ก็ยัง เหล้ ก็ยัง เหล้ ผาหญ่
ฮังเค้ มา ผาหญ่ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ
ถ้าย เหล้ ปาวๆ ถอม เจียง ฮังเค้ เจียง ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ
ปาวๆ ถ้าย ฮังเค้ เจียง ถ้ายปาวๆ เจียง ปาวๆ
ปาวๆ ถ้าย ฮังเค้ ปาวๆ ถ้ายปาวๆ ปาวๆ
ผาหญ่ ฮังๆ ปาวๆ ถ้ายปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ
ผาหญ่ ฮังๆ ปาวๆ ถ้ายปาวๆ ปาวๆ
ผาหญ่ ฮังๆ ปาวๆ ถ้ายปาวๆ ปาวๆ
ถ้าย ห่า , หอน ปาวๆ เหล้ เหล้ ถ้ายปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ
หอน ปาวๆ เหล้ เหล้ ฮังเค้ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ
ปาวๆ เจียง ฮังเค้ ผาหญ่ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ
ปาวๆ ผาหญ่ ฮังเค้ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ
ปาวๆ ฮังเค้ ฮังเค้ ผาหญ่ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ ปาวๆ

ಏನೇಗಾ ಭಕ್ತಿಲಿ ನಿನೆ ಕೊಂಗಲ್ತ ಬಾಳೆಲಿ ಬೆಸಗಾಲ ಬೀಳೆ
ಭಕ್ತಿ ಏನಾಲೆ ನಿನೆ ಕೊಂಗ ಏನಾಲೆ ಬಾಳೆ ಬೆಸಗಾಲ ಬೀಗ್ಯ
ನಿನೆ ಎನ ಎಲ್ಲ ಎಲ್ಲ ಬೀ ಬಾಗ ಬಲಿ
ನಿನೆ ಎನ ಬಾಗ್ಯ ಅಂಜಲ್ಲಿ ಬಾಗ್ಯ ಎಲ್ಲ ಎಲ್ಲ ಬಾಗ ಬಾಳ್ವ
ನಿನೆ ಎನ ಬೀ ಬಾಗ ಬಾಳ್ವ ಬಾಳೆ ಬಾಳ ಕೊ.
ನಿನೆ ಎನ ಬೀ ಬಾಗ ನಿಮಲೆ ಬಾಳೆ ಕಾ ಕ್ಯಾಲ್ಯ
ಬಾಳೆ ಬಾಗ ಬೀ ಬಲ್ಲ ಗಾಳಿ ನಿನೆ ಬಾಳ್ವೆ ಬಲ್ಲ ಬೀ ಬೀಗ ಬಾಳೆ ಎನ
ನಿನೆ ನಿನ್ಯ ಎಂಗ ಬಾಳಗ ಗಾಂಗ ಕೆಲೆ ಬಾಳ ಬಾಗ ಕ್ಯಾ ಬಾಗ ಕೊಂಗಲೆ
ಕೊಳೆಗಾ, ಕೆಲೆಗ ಬಾಳ್ವ ಕಾಂಗ ನಿನೆ ಕೊಂಗ ಬಾಳ್ವ ಗಾಳಿ ಬಾಳೆ
ಕೆಲೆಗ ಬಾಳ್ವ ನಿನೆ ಕೊಂಗ ಬಾಳ್ವ ಬೀ ಗಾಳಿ ಕ್ಯಾಲೆ
ಬಾಗಿಗ ಬಲಾಗ ಬೀಲೆ ಗಾಗಿಬಲೆ
ಬೀಲೆ ಗಾಲೆ ಬೀಲೆ ಗಾಗಿ ಕೆಲ
ಕೆಲಲೆ ಬೀಲೆ ಗಾಗಿ ಗಾಲ
ಲಂಗಲ್ಯ ಬೀಳ್ವ ಬೀಲೆ ಗಾಲ ಬಾಗ ಲೆಲೆ ಬೀಲೆ.
ಬಾಗ ಗಾಲೆ ಬೀಲೆ ಕಲೆಲ ಗಾಲ
ಲೆಲೆ ಬೀಲೆ ನಿನೆ ಬಾಲೆ ಗಾಲಂ
ಬಲಂ ಗಾಲೆ ನಿನೆ ಬಾಲೆ ಬಲೆಲ ಬಾಗ ಬಾಲೆ ಬಾಲಬಾಲೆ
ನಿನೆ ಎನ ಕೊಂಗಲ ಬಾಗ ನಿನೆ ಗಾಲೆ ಗಾಲಂ ಬೀ ಗಾಲ
ಲೆಲೆ ಗಾಲ ಕೊಂಗ ಬಾಗ ನಿನೆ ಲೆಲೆ ಬೀ ಕೊಂಗ
ಬಾಲೆ ನಿನೆ ಲೆಲೆ ಎನ ಲೆಲೆ ಬೀಲೆ ಬೀಲೆ ಕೊಂಗಲ ಬಾಗಲ
ಬಾಲೆ ನಿನೆ ಲೆಲೆ ಎನ ಲೆಲೆ ಬೀಲೆ ಲೆಲೆಗಾಲೆ ಬೀಲೆ ಕೊಂಗಲ ಗಾಲ.

ลายหนึ่ง, หมดสายใย ญาติพี่น้องไม่เหมือนกัน
ต่างต่างใย ญาติพี่น้องไม่เหมือนกัน
ที่อยู่ หนาน ลิงพี่ลิงน้อง หนาน ยังจะแยกแยะกันออกไป
ที่อยู่ ทางใน ลิงพี่ลิงน้องทางใน ยังจะแยกแยะกันมากกว่า
ถึงใด กันมากกว่าเพื่อนบ้านกว่าใด ดุจดัง
ถึงใด กันมาเมืองเพื่อนบ้านกว่าใด ดุจดังหิน
ถึงใด กันมากว่าเมืองเพื่อนบ้านกว่าใด ดุจดังเหล็กไหล
ถึงใดตาย ลงดิน กันมากันมาเลย เทอญ.
ถึงใด ถึงกู ที่อยู่ที่นา ลายมาแล้วหา
ถึงใด ถึงกู ที่อยู่ที่หนา ต่างมาลายมาถึง
ถึงใด ถึงกู ที่อยู่ ถึงกูด ตายแล้วก็ไม่ลายมาอีก
หายหนึ่ง, เหมือนกัน ถึงกันมากันมา ถึงที่อยู่ที่นา
ถึงที่ตรงนี้ ที่อยู่ ถึงใด หลวง
หลวง หลวงหนาหนัก ถึงใด ถึงกู ดุจดังไม่ลายมา
ถึงที่หนาใด ที่ใจ เหมือนกันถึงกูลายมาถึง ลายมาถึงกูลายมาถึงที่อยู่ที่นา
ถึงที่ลายมา ถึงที่อยู่ ถึงกูที่ตายแล้วกู
ถึงที่หนา ! ลายมาถึงเหมือนกันถึงกูที่อยู่ที่นา ถึงที่ลายมาถึงกูที่อยู่ที่นา
ถึงใจ ถึงที่ ถึงกูลายมาถึงที่อยู่ที่นา
ที่ถึงที่หนา ถึงกูลายมาถึงที่อยู่ที่นา ถึงที่ลายมาถึงกูที่อยู่ที่นา
ถึงที่ลายมาถึงกูที่อยู่ที่นา ถึงที่ลายมาถึงกูที่อยู่ที่นา ถึงที่ลายมาถึงกูที่อยู่ที่นา
ถึงที่ลายมาถึงกูที่อยู่ที่นา ถึงที่ลายมาถึงกูที่อยู่ที่นา ถึงที่ลายมาถึงกูที่อยู่ที่นา.

ལྷན་ཐོབ་ཀུན་ཤེས་རིག་ཅི་ཞིག་ཡང་མཁྱེན་པར་གྱུར།
དཔལ་ལྡན་ནགས་ཁྱོད་ཀྱིས་ཐུགས་གཏད།
ཤེས་ཚེ་ཐུགས་རྗེ་ཆེན་པོ་ཁྱོད་ཀྱིས་ཐུགས་ཀྱི་ཡེ་ཤེས་ཀྱི་ཆོས་ཀྱི་སྐུ་ཐོབ་པ་ཡིན་ཏེ།
ཁྱོད་ཀྱི

ꪊꪖꪾ ꪀꪶꪫ ꪊꪖꪉ ꪙꪵ ꪊꪖꪙꪾ
ꪙꪖꪊ ꪊꪖꪾ ꪊꪖꪙꪾ ꪙꪾ ꪙꪱ, ꪉꪊꪊ ꪉꪖꪎ ꪀꪲꪎ ꪊꪖꪙꪾ ꪑꪖꪙꪱ
ꪊꪖꪙꪾ ꪙꪾ ꪑꪖꪙ ꪉꪊꪊ ꪉꪖꪎ ꪀꪲꪎ ꪊꪖꪙꪾ ꪒꪖꪙ.
ꪉꪊꪊ ꪙꪙꪾ ꪙꪱ ꪑꪲꪫ ꪊꪖꪙ-ꪙꪻꪊ ꪊꪖꪎ ꪙꪖꪙ ꪊꪖꪙꪾ
ꪉꪊꪊ ꪉꪖꪎ ꪑꪖꪙ ꪙꪱ ꪑꪲꪫ ꪊꪖꪙ-ꪙꪻꪊ ꪊꪖꪎ ꪙꪖꪙ ꪊꪖꪙꪾ
ꪉꪊꪊ ꪙꪙꪾ ꪙꪱ ꪙꪖꪙ ꪊꪖꪙ-ꪙꪻꪊ ꪊꪖꪎ ꪊꪖꪙ
ꪉꪊꪊ ꪉꪖꪎ ꪀꪲꪎ ꪑꪙꪉ ꪑꪲꪫ ꪊꪖꪙ ꪙꪱ ꪊꪖꪎ
ꪑꪉꪖꪙꪾ ꪑꪲꪫ ꪊꪖꪙ ꪙꪱ ꪙꪒ.

ꪀꪲꪎꪾꪊ!

ꪀꪻ ꪙꪖꪎ ꪙꪻꪫ ꪙꪎꪊ ꪀꪻꪾꪾ ꪙꪖꪙ, ꪑꪉꪙ-ꪙꪻꪀ ꪉꪊꪊ ꪑꪉꪖꪙ
ꪊꪖꪙꪾ ꪙꪻꪀ ꪊꪖꪙ ꪀꪲꪎ ꪊꪖꪙꪾ ꪉꪉꪊ ꪑꪲꪫ-ꪑꪲꪫ ꪊꪖꪙ-ꪙꪻꪊ ꪙꪖꪙ ꪉꪊꪊ ꪙꪻꪫ ꪙꪻꪀ
ꪊꪎꪖ ꪙꪻꪀ ꪊꪖꪙ ꪀꪲꪎ (x) ꪙꪖꪎ ꪊꪖꪙ ꪊꪖꪙꪾ ꪀꪲꪎ ꪙꪖꪙ ꪀꪲꪎ ꪀꪲꪎ ꪊꪖꪙꪾ.
ꪙꪖꪎ ꪀꪲꪎ ꪙꪻꪫ ꪙꪎꪊ xꪉꪙ ꪑꪲꪫ ꪊꪖꪎ ꪙꪖꪙ ꪉꪊꪊ:

ꪑꪉꪖꪙ ꪙꪱ ꪊꪖꪙ

ꪑꪉꪖꪙ ꪙꪖꪉ ꪊꪲꪙ ꪊꪖꪙ ꪊꪲꪙ ꪑꪉ ꪙꪻꪀ
ꪒꪖꪙ ꪙꪖꪉ ꪊꪲꪙ ꪊꪖꪙ ꪊꪲꪙ ꪑꪉ ꪙꪻꪫ
ꪒꪖꪙꪀꪲꪎ ꪙꪲꪀ ꪊ ꪑꪉ
ꪑꪉ ꪀꪲꪎ ꪙꪲꪀ ꪊ ꪙꪉ
ꪑꪉ ꪙꪉ ꪊ ꪙꪖꪙꪾ ꪙꪻꪫ
ꪑꪉ ꪙꪉ xꪙꪾ xꪙꪉ ꪑꪉꪾ
ꪙꪲꪎ ꪙꪻꪫ ꪙꪖꪙ ꪙꪻꪫ ꪙꪖꪾ ꪊꪖꪾꪒꪖx.
ꪙꪒ ꪙꪻꪫ ꪙꪖꪙꪉ ꪙꪉꪉ ꪑꪙ ꪊꪖꪙ ꪙꪖꪙ
ꪙꪖꪙ ꪒꪾ ꪙꪉ ꪙꪻꪫ ꪑꪉꪑ ꪑꪙ ꪊꪖꪙ ꪙꪲꪀ ꪙꪻꪫ ꪙꪻꪫꪙꪻꪫ.

Trời ơi em vẫn như xưa xa vắng
Nghe tiếng thời gian trôi đều đều
Mùa đông đến nhưng không thấy lạnh
Mình thấy thế là mùa
Trời xanh thấy có trời thấy thấp thoáng
Trời mênh mông thấy có trời thấy bao la
Nhưng trong thấy có trời thấy thấp thoáng
Mình thấy thế là mùa
Mình thấy nhau vẫn vậy
Trời ơi mình em vẫn như thuở
Mình ơi em thấy không thấy nhau nhưng nhìn thấy
Vẫn trong trẻo như ngày chưa biết
Nhưng em vẫn thấy
Nhưng không thấy nhau
Trời ơi mình em vẫn như thuở
Trời ơi em thấy không thấy nhau nhưng
Nhìn thấy nhau
Trời ơi em vẫn như xưa xa vắng
Nghe tiếng thời gian trôi đều đều
Mùa đông đến nhưng không thấy lạnh
Mình thấy thế là mùa
Trời xanh thấy có trời thấy thấp thoáng
Trời mênh mông thấy có trời thấy bao la
Nhưng trong thấy có trời thấy thấp thoáng
Mình thấy thế là mùa
Mình thấy nhau vẫn vậy
Trời ơi mình em vẫn như thuở
Mình

ขอบ ขาด ผิด เผ็ด ผอด หอม หุ้ม หัด หลง ลด ลอย ลาย ลืม ลด ลาก ลด ลาย ลืม ลด ลาก ลด ลาย ลืม ลด ลาก ลด

Thôi mình mình thôi mình...
Đêm dần nhạt nhòa sương
Đêm thêm nhớ nhung vương
Ai xem thơ tình mình thêm nhớ nhung nhiều
Đêm vắng thêm thêm nhớ nhung nhiều thêm thương
Thương nhớ không nguôi nhớ
Thương yêu ngóng nhớ thơ
Thương nhau vì nhau thôi
Mình vắng thêm thương vì nhau
Đêm vắng thêm thêm thương vì xem
Nhớ thương nhau thương nhớ thương nhau thôi vì nhau
Vì nhau thương nhau thương thương thương nhiều (Nhạc sĩ)
Vì nhau xuống thêm nhớ thương thương nhiều (Nhạc sĩ)
Nhớ nhiều thêm thêm nhớ thương vương
Thêm vương nhớ thương nhớ thương
Vương nhớ ngóng trông nhớ thơ
Nhớ thương nhớ thương thêm nhớ
Nhớ nhiều thêm thêm nhớ thương
Nhớ nhiều vương vương nhớ thương
Thêm vương nhớ thương thêm nhớ
Thương nhớ thương nhớ thương nhớ thương.

ลาวัล เหญ่ เกิล กอยล์ ตุ๊ยล์
ลาวัล เหญ่ แข่ยล์ เกิ๊ด กอ
เกิ๊ยล์ กอ ห่อญ่ ลาวัญ่ ตุ๊ด
เกิ๊ยล์ กอ ขุ๊ด ญ่า เลอญ่
เกิ๊ยล์ เกิ๊ล เลอญ่, ห่าวัญ่ เหญ่ ถูก หมอ ขอด
กอ หอด ห่าวัญ่ กิ๊ เขาย หมอ ตอยล์
ลาวัญ่ ก๊าน กอยล์ กอยล์ ยอยล์ ก๊าน ขาย
ยาย เตียน ปาน ตุ๊ล ขา
(ภาษา ผีน้ำ ลาว ห่อญ่ เดอก เหญ่ ลาวัญ่)
ก๊า ขาด เหญ่ ลาวัญ่ เหญ่ ลาวัล ...
... ผีฟ้า เหญ่ ก๊าญ่ เลียงหอก
.....
ยาย เตียน ปาน ตุ๊ล ขา.

(หมอ ธรรม ผี ธรรม ฆ่า ภาษา ลาว เหนือ เหมือน กัน. แต่ ลาวัญ่ ฆ่า เดอ ก๊าก ลาวัญ่ ห่อญ่ เดอก เกิ๊ญ่ ก๊าก. ตัญ่ ฆ่า ตัด ฆ่า ฆ่าก ลาว เหนือ ตัญ่ เกิ๊ด ฆ่า ตัด ฆ่า ฆ่าก ลาว ห่อญ่ เดอก ห่าญ่ เดอก, เกิ๊ด ผี ลาว ลาว เกิ๊ด ธรรม ฆ่าก ลาวัญ่ เดอก ขาว):

ธรรม เหญ่ ภาษา ลาวัญ่

ภาษา ภาษา ลาวัญ่ เดอก เลอ
เดอก ภาษา ลาวัญ่ เดอก กอย
ลาวัญ่ เหมอย เหญ่ ขาย ผาก
ขาน ภาษา ธรรม ขาย ตุ๊ญ่

ကြည့်လေလေ ဖြင့်ဖြင့်ချင်းချင်း
ကြည့်လေလေ ကြိုက်ချင်စိတ်ပေါက်
ကြည့်ဖြင့်ဖြင့်ဖြင့် ကြိုက်ကြိုက်ကြိုက်
ကောင်းကောင်းကောင်း ကြိုက်ချင်စိတ်ပေါက်
ကောင်းကောင်းကောင်း

ꪙꪖꪮ ꪊꪖ ꪎꪫꪱ ꪙꪻꪖꪊꪾ.
ꪙꪖ ꪙꪖꪮ ꪀꪲꪉ ꪊꪕꪶ ꪙꪊ ꪎꪫꪱ ꪀꪲꪉ ꪎꪫꪱ.
ꪎꪫꪱ ꪊꪕꪶ ꪎꪫꪱ ꪎꪫꪱ ꪙꪶ ꪎꪫꪱ ꪻꪖꪱ.
ꪊꪖꪻ ꪙꪖ ꪎꪽꪉ ꪎꪫꪱꪻꪖ ꪊꪕꪶ ꪊꪖ ꪎꪫꪱ ꪊꪖ ꪙꪻꪖ.
ꪙꪖ ꪙꪖꪮ ꪊꪖ ꪎꪫꪱ ꪀꪲꪉ ꪊꪕꪶ ꪙꪻꪖ ꪎꪫꪱ ꪊꪖ
ꪎꪫꪱ ꪊꪕꪶ ꪙꪻꪖ ꪎꪫꪱ ꪙꪻꪖ
ꪊꪕꪶ ꪻꪖꪱ ꪎꪫꪱ ꪎꪫꪱꪻꪖꪊꪕꪶ ꪎꪖꪻ ꪙꪻꪖ
ꪊꪕꪶ ꪙꪻꪖ ꪀꪲꪉ ꪎꪫꪱꪻꪖꪊꪕꪶ ꪎꪖꪻ ꪙꪻꪖ
ꪊꪕꪶ ꪻꪖꪱ ꪀꪲꪉ ꪎꪫꪱ ꪙꪻꪖ ꪙꪻꪖ
ꪊꪕꪶ ꪻꪖꪱ ꪊꪖ ꪎꪫꪱ ꪎꪫꪱ ꪙꪻꪖ ꪙꪻꪖ.
ꪊꪕꪶ ꪀꪲꪉ ꪙꪻꪖ ꪙꪻꪖꪀꪲꪉꪎꪖꪻ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪊꪖ ꪻꪖꪱ
ꪊꪕꪶ ꪀꪲꪉ ꪀꪲꪉ ꪙꪻꪖꪀꪲꪉꪎꪖꪻ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖ ꪙꪻꪖ
ꪊꪕꪶ ꪎꪫꪱ ꪊꪖ ꪎꪫꪱꪻꪖꪀꪲꪉꪎꪖꪻ ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖ ꪙꪻꪖ ꪙꪻꪖ
ꪙꪻꪖꪊꪖꪻ, ꪊꪕꪶ ꪙꪻꪖ ꪙꪻꪖꪎꪫꪱ ꪙꪻꪖ ꪊꪖ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱꪙꪻꪖ.
ꪎꪫꪱ ꪙꪻꪖ ꪙꪖꪮ ꪻꪖꪱꪻꪖ ꪻꪖ
ꪊꪕꪶ ꪙꪻꪖ ꪀꪲꪉ ꪎꪫꪱꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖꪊꪕꪶ ꪊꪕꪶ ꪙꪻꪖ
ꪙꪻꪖꪻꪖ ꪙꪻꪖ ꪙꪫꪱ ꪎꪫꪱꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ
ꪎꪖꪻ ꪻꪖꪱꪎꪫꪱ ꪻꪖꪱꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ
ꪎꪖꪻ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱꪻꪖ ꪻꪖꪱꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ
ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖꪎꪫꪱ ꪀꪲꪉ ꪎꪖꪻ ꪻꪖꪱ ꪊꪖ.
ꪻꪖꪱ ꪊꪖ ꪎꪫꪱ ꪀꪲꪉ ꪎꪽꪉ ꪙꪻꪖ ꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪊꪖ ꪻꪖꪱ
ꪙꪻꪖꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖ ꪊꪕꪶ ꪙꪻꪖ
ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪎꪫꪱ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ
ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ
ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖꪎꪫꪱꪀꪲꪉ ꪀꪲꪉ ꪻꪖꪱ ꪊꪖ.
ꪻꪖꪱ ꪊꪖ ꪎꪫꪱ ꪀꪲꪉ ꪎꪽꪉ ꪙꪻꪖ ꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪊꪖ ꪻꪖꪱ
ꪙꪻꪖꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖ ꪊꪕꪶ ꪙꪻꪖ
ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪎꪫꪱ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ
ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖ ꪻꪖꪱ
ꪻꪖꪱ ꪙꪻꪖꪎꪫꪱꪀꪲꪉ ꪀꪲꪉ ꪻꪖꪱ ꪊꪖ.

ਮਨੁ ਦੇਹੀ ਮਿਰਗ ਨਹੀ ਮਰੈ ਨਾਮੁ ਲਇਐ ਜੀਵੈ
ਧਰਤੀ ਚੰਮੁ ਨ ਕਦੇ ਸੜੈ ਲੋਹੂ ਨਾਮਿ ਪਤੀਜੈ ਜੀਵੈ
ਧਰਤੀ ਅੰਬਰੁ ਕਦੇ ਨ ਫਟੈ ਤਾਰ ਨ ਕਦੇ ਲਥੀਜੈ ਜੀਵੈ
ਧਰਤੀ ਸਭ ਹਰੀਆਵਲੀ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਪਰਗਾਸੀ ਜੀਵੈ
ਧਰਤੀ ਸਭ ਨਵੀ ਨਕੋ ਨਕ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਅਬਿਨਾਸੀ ਜੀਵੈ
ਧਰਤੀ ਪਉਣੁ ਨ ਥਕੈ ਕਦੇ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਸਾਸ ਗਿਰਾਸੀ ਜੀਵੈ
ਧੰਧਾ ਧਾਵਣ ਸਭੁ ਮਿਟੈ ਦਰਿ ਸਚੈ ਸਚੀ ਸਾਬਾਸੀ ਜੀਵੈ
ਗੁਰਮੁਖਿ ਸਾਚੁ ਸਲਾਹਣਾ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਅਰਦਾਸੀ ਜੀਵੈ.
ਨਾਨਕ ਪਰਖੈ ਆਪਿ ਸਚੁ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਸਚੁ ਸਾਬਾਸੀ ਜੀਵੈ ?
ਤਾਣੁ ਦੀਵਾਣੁ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਹੈ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਪਰਗਾਸੀ ਜੀਵੈ.
ਤਾਣੁ ਦੀਵਾਣੁ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਹੈ ਸਚੁ ਨਾਮੁ ਨਿਜ ਘਰਿ ਵਾਸੀ ਜੀਵੈ
ਸਾਚੁ ਮਿਲੈ ਪਰਗਾਸੁ ਹੋ.
ਨਉ ਦਰ ਬੰਦਿ ਦਸਵੈ ਪੂਰਿਆ ਮਨ ਧੀਰੇ ਆਸੁ ਨਿਰਾਸ
ਮਨ ਧੀਰੇ ਧੀਰਜੁ ਪਾਇਆ.
ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਬਾਣੀ ਨਉ ਵੀਚਾਰੇ ਪੰ
ਗੁਰਮੁਖਿ ਨਉ ਵੀਚਾਰੇ ਪੰਚਮ
ਮਨ ਅਨਦਿਨੁ ਮੁਕਤੇ ਨਾਮੁ ਸਲਾਹਨਾ ਵੀਰਜੁ ਸਾਚਾ ਨਾਮੁ
ਮਨ ਅਨਦਿਨੁ ਮੁਕਤੇ ਪੰ ਨਾਮੁ ਸਲਾ ਵੀਰਜੁ ਮੁਕਤੇ ਪੰ ਰਾਗੁ ਆਲਾਪ
ਰਾਗੁ ਧੀਆਰਥ ਮੁਕਤੇ ਸਿਵ ਨਾਮੁ ਸਲਾ ਨਾਮ
ਰਾਗੁ ਧੀਆਰਥ ਮੁਕਤੇ ਪੰ ਸਿਵ ਨਾਮੁ ਸਲਾ ਅਮਰ.
ਸਿਵ ਪੰ ਰਾਗ ਮੁਕਤੇ ਪੰ ਅੰਬਰ ਮਨ ਪੰਚਮ
ਸਿਵ ਨਾਮ ਪੰਚਮ ਮੁਕਤੇ ਰਾਗਨ ਮਨ ਰਾਗ
ਮਨ ਅਤੇ ਰਾਗ ਨਰਕ ਅਤੇ ਪੰਚਮ ਮਨ

ฝา xse ฆาɓe เฝิง ɤx เฑาɓe เฝิง+xน
ฝา ฑoo ɖูxน ฑา ɛiŋ ฆน ɖูxน ฑาɓe xaɓe
ฝา ฑoo ฆาɓeฑา ɛiŋ ฆน ฆาɓeixɓ ไiɣ
ฆน ɖูxน ฑาɛ ฑiŋ ฆaาe
ฆน ฆาɓe ฑาɛ ฆaาe ɗaaiɛ
ปɤɛiɖูxน ฑาɛฑaฝ ฝoŋ
ɖูxน ฑaาe ฝaฝ ɯo ฑาe ปiɤ ฆaɓ
ฝaฝ ɯo ฑs ปiɤ ฑoɛe
ɣoo ɤɤɣo ɛฑne ฑาɓ ɤoɯ ɖูe ฑs
ɛฑne ɣaɛse ɤaɣ ɣoɛฝ ɣoɛe ɯɣɓ ɓaɛ
ฑiŋ ɛฑne ɯiɓe ɤฝ ɯiɓe ฆาɖูe
ฑiŋ ฆา ɤɤɔ ɤฝɯiɓe ฆาɛ ฑo
xʌน ʌf xs ฝา ฑoɛe ฆaาe ɤaɣ
ɤฑา ʌf xs ฝา ɯiɓe ฆaาe ฑaาe
xs ฝา xse ฑiŋ ฑaาe ɤaɣe ปiɓ ฆน ฝiŋ ฅปiɣaɛɖูปiɤ
ɯaɔ ɔaาe ฑiŋ ปi
xsฝาxse ฑiŋ ฑaาe ɤaɣe ปiɓ ฆɔฑา ฝiŋ ฅปiɣaาe, ปiɤ
ฆาɓ ปi ɛiาe ɯiɓ ɛiา ɛiาe ɯาe .
ปiɤ ɛฑne ɣaɔ ɛฑne ɣaน ɯo ɤaɓ.

ปiɓ ɤน.

ฆaɓ xน ฑoo ɯaɔ ɤaɣ ɯiɓe ฆaาe ฑาe ɖูaาe ɤaɣ ɤaɣ xน
ɤาe ไiɓ ɖูaาe ปiɔ ɛiา, ปiɔ ɤaɣ, ปiɔ ɤaɣ, ปiɔ ɯiɓ
ปiɓ ฑs ฑาɓ ไiɓ ɖูปiɔ ฑaาe ฆน ฆาɓ ɖูɔ ɛฑne ɤaɓ ɖูe ɤaɓ

လေ့ပြင်ကမ်း. နံရံမှန်ကြီး ပေတဲ့ ကုန်းတောနံရံမှ လေ့ ဘယ်သောအခါမျှ...
ဂရုဝင် ယူခြင်း ကားမီ ကြီးပေတဲ့ ပြတင်း ပစ်ထား ကလေးကြီး ကလေး
ဒီဘဲ ယားစရာ ကောင်းလေ ကောင်း, ယား ဖြစ်ချင် ယင်း ကြောင့် ကမ္ဘာ့ ကမ္ဘာကြီး
ဖြစ်သည်...

ဒီအရာ ပစ်ထား ကလေး, နံရံမှ ကလေး လေး ကားမီးခလုတ်ဘဲ ပေတဲ့
ကြီး လေ့ဘဲ ဘာမီး ခလုတ်ကြီး ဖြစ်ခြင်းကို ဂျပ် ကောင်းစေဘဲ ကြောင်းကြောင့်
ဒီလို ကားမီ. ပစ်ထား ကလေး, နံရံမှ ကလေး ကြီးမှာ နံရံမှ ကား လေ့ဘဲ ယူခြင်း
ကားမီး ကြီးမှ ကြောင့်:

ကမ္ဘာ လေး ကားမီး ကားမီ

ကားမီး လေ့ ကြောင်း ကားမီး ကားမီ.
ကြောင်း ကားမီး ကား ကားမီး
ကားမီး (ကြောင်းကား) ကား ကားမီး
ကားမီး ကား ကြား ကား ကြားမီး
ကြောင်း ကြား (ကြား) ကြားကြား
(ကြား) ကြား ကြား ကြား ကြား
ကြား ကား ကြား ကြောင်း ကြောင်း, ကြား ကားမီး ကြောင်းကြောင်း ကြောင်း
ကြား ကားမီး ကြား ကြောင်း ကြောင်း.
ကမ္ဘာ လေး ကားမီ ကြောင်းကားမီး ကားမီ ကား
ကမ္ဘာ လေး ကား ကြောင်းကားမီး ကြောင်း (ကြောင်း)
ကြောင်း ကားမီး (ကြား) ကားမီ ကြောင်း (ကြား) ကြား (ကြား) ကား
ကြောင်း ကားမီး ကား ကားမီ ကား (ကြား) ကား ကြောင်း ကား
ကျောင်း ကား ကြား ကြောင်း ကြောင်း ကြား
ကြား ကြား ကြောင်း ကြား ကြောင်း

ꪊꪕꪖ ꪋꪗꪀ ꪉꪒ ꪋꪖꪕ ꪉꪒꪗꪊ
ꪊꪕꪖ ꪋꪖꪱꪊ ꪉꪒ ꪉꪒꪀ ꪉꪒꪖꪀ
ꪉꪒ ꪊꪊꪖ ꪊꪕꪖ ꪊꪊꪊ ꪊꪒꪖ ꪉꪒꪀ ꪊꪊꪀ
ꪊꪊ ꪊꪊꪖ ꪊꪒꪖꪊꪊꪀ ꪊꪊ ꪊꪀ ꪊꪗꪊ ꪋꪖꪊ ꪋꪖꪊꪊ.
ꪉꪒ ꪋꪖꪗ ꪊꪊꪀ ꪋꪖꪊꪋꪖꪉꪊ
ꪊꪀꪗꪗ ꪉꪒꪗ ꪋꪖꪉꪖ ꪉꪖꪊ
ꪉꪒꪊꪖ ꪉꪖ ꪊꪊ ꪉꪒꪖ ꪉꪒꪗ
ꪊꪊꪖ ꪉꪒꪗ ꪊꪊ ꪉꪖꪊ ꪊꪒꪗ
ꪊꪊꪖ ꪉꪒꪗ ꪊꪊ ꪉꪖꪊ ꪊꪒꪗ
ꪋꪖꪀ ꪋꪖꪉ ꪊꪊ ꪊꪖꪊ ꪊꪒꪗ
ꪋꪀ ꪋꪖꪉ ꪊꪊꪗ ꪊꪖꪊ ꪊꪊꪖꪀꪀꪊꪀ ꪊꪊꪗ
ꪋꪊꪖ ꪊꪊꪖ ꪉꪒꪗ ꪊꪖꪊ ꪊꪊ ꪋꪊꪊꪊꪊ
ꪉꪊꪖ ꪊꪊꪖ ꪊꪊ ꪊꪊ ꪊꪊꪗ
ꪋꪊꪊꪖ ꪉꪒꪗ ꪊꪊꪀ ꪉꪖꪊ ꪊꪒꪗ ꪊꪊꪊꪊ
ꪊꪊꪗ ꪊꪊꪊꪊ ꪊꪖ ꪉꪖꪊ
ꪊꪒꪗ ꪋꪊꪀ ꪊꪊꪀ ꪊꪊꪖ ꪋꪊꪖ ꪊꪒꪖ ꪊꪊꪗ
ꪊꪊ ꪋꪒꪗ ꪊꪊꪀ ꪊꪒꪖ ꪋꪖꪊ ꪊꪊꪖ ꪊꪊꪗ.
ꪊꪒꪗ ꪋꪗ ꪊꪊꪀ ꪒꪖ ꪋꪖꪊ ꪊꪖ ꪉꪊꪖ ꪊꪊꪖꪊꪖ ꪊꪒꪗ.

ꪊꪊꪖꪊꪖ ꪊꪊꪊ

ꪋꪒꪊꪊꪊ ꪉꪊꪗ ꪒꪖ ꪋꪖꪊ ꪊꪖ ꪊꪊꪖꪊꪖ ꪊꪒꪗ
ꪒꪖꪊ ꪊꪊꪊ ꪊꪒꪗ ꪊꪖ ꪊꪊ.
ꪉꪊꪗ ꪋꪒꪊ ꪊꪊ ꪊꪊꪖ ꪊꪒ ꪋꪒꪊꪀ.
ꪒꪖꪀ ꪋꪗ ꪊꪊꪗ ꪉꪒꪊ, ꪋꪒꪊꪊ ꪊꪊꪖ ꪊꪒ ꪋꪒꪊꪀ,
ꪋꪀꪊ ꪊꪊ ꪀꪉꪗ ꪉꪒꪊ ꪊꪀ ꪊꪖ ꪋꪖ ꪊꪒꪖ
ꪋꪊꪊ ꪀꪉꪗ ꪉꪒꪊ ꪋꪖ ꪉꪊꪗ ꪉꪒꪗ, ꪉꪊꪗ ꪀꪉꪗ ꪊꪊꪖꪀꪀꪊꪀ ꪊꪊ.

ಕಣ್ಣೀರು ಬಂದಾಗ ಮನಸ್ಸು ಹಗುರ
ಬಂದ ದಾರಿ ನೋಡಿ ಮತ್ತೆ ಹೊರಡಿ
ಗಂಡಾಂತರ ಬಂದಿಲ್ಲ ಅಂದಾಗ
ಎಲ್ಲಾ ಬಂಧ ಕಿತ್ತು ಕಣ್ಣೀರು ಬಂದ.
ಕೆಂಪಿರುವ ಬಣ್ಣ ಬಿಳಿಯಾಗಿ ಮಲಗಿ
ಕೆಂಪಿರುವ ಬಣ್ಣ ಬಿಳಿಯಾಗಿ.
ಕಣ್ಣೀರು ಕೆಂಪಿರುವ ಬಣ್ಣ ಬರಲಿ
ನಾನು ಹಾಗೂ ನನ್ನ ಸಂಬಂಧಿಕರು ಸ್ನೇಹಿತರು ಕೆಂಪಿರುವ ಬಣ್ಣ
ಬಿಳಿಯಾಗಿ ಬರಲಿ.
ನಿನ್ನ ಸಾಲಿಗೆ ಅಲ್ಲಿ ಬರಲಿ ಮತ್ತೆ ಬಂದು ಬಿಡಲಿ ನಿನ್ನ ಬಿಡಲಿ ಬಂದ.
ನಿನ್ನ ಸಾಲಿಗೆ ಅಲ್ಲಿ ಬರಲಿ ಮತ್ತೆ ಬಂದು ಬಂ ನಿನ್ನ ಬಿಡಲಿ ಹಾಗೂ
ಬಂದು ಕಣ್ಣೀರು ಧಾರೆ ಧಾರೆ ಬಂದು
ಬಂ ಹಾಗೂ ನನ್ನ
ಬಂಧಿಸಲು ಅಂತಿಮ ಕೆಂಪು ಬಣ್ಣ ಕಾಣುವ ಮೊದಲು ಕಣ್ಣೀರು ಬಂದು
ಬಂದು
ಬಂದ ಬಂಧುಬಳಗದ ಬಂಧು ಬಂದು ಬಂಧು ಹಾಗೂ ಬಂಧುಗಳು.

ꪊꪖ ꪙꪙꪒꪉꪱꪅꪙꪊ ꪒꪒꪉ ꪙꪒꪱ ꪖꪙꪖ ꪖꪖ ꪖꪖꪖ.
ꪙꪙꪱ ꪙꪒꪱ ꪖꪖꪖ ꪙꪙꪙ ꪜꪖ ꪖꪖꪙ ꪖꪖꪖ ꪙꪙꪖꪉ ꪜꪖꪉ,
ꪙꪒꪜꪙ ꪙꪖ ꪒꪉꪱ ꪖꪖꪜꪙ ꪖꪖꪙ ꪖꪖꪜꪙ ꪖꪖꪙ
ꪖꪖꪖ ꪜꪒꪉ ꪙꪒꪜ ꪒꪒꪉ ꪒꪖꪖ ꪖꪖꪙ ꪖꪖ
ꪖꪖꪖ ꪙꪒꪜꪒꪱ ꪒꪖꪙꪱ ꪖꪙꪱ
ꪒꪖꪙ ꪖꪖꪉ ꪖꪖꪖ ꪖꪖꪜ ꪙꪙꪱ
ꪙꪖꪖ ꪖꪖꪙ ꪖꪒꪉ ꪖꪖ ꪙꪖꪙ
ꪜꪱ ꪒꪒꪉ ꪖꪒꪙ ꪖꪖ ꪙꪙꪱ ꪖꪖ ꪖꪖꪙ.
ꪙꪱ ꪙꪖꪙ ꪒꪒꪉ ꪖꪖ ꪖꪒꪙ
ꪙꪖꪒꪙ ꪖꪖꪙ ꪒꪒꪉ ꪖꪖ ꪖꪖꪙ
ꪜꪙꪙ ꪒꪙ ꪖꪖ ꪖꪖꪖ ꪜꪒꪱ ꪜꪱ
ꪒꪖ ꪖꪖꪖ ꪖꪖꪙ ꪙꪙ ꪖꪖ ꪖꪒꪖꪉ
ꪖꪙꪱ ꪜꪱ ꪖꪖꪙ ꪖꪖꪙ ꪖꪖꪖꪙ ꪖꪖꪙ
ꪙꪒꪜ ꪜꪱ ꪖꪖꪙ ꪖꪖꪙ ꪖꪖꪖꪙ ꪖꪖꪙ
ꪖꪖꪖ ꪜꪒꪉ ꪖꪖ ꪖꪖꪙ ꪖꪖꪖ ꪖꪖꪙ
ꪖꪖꪖ ꪜꪒꪉ ꪙꪙꪙ ꪖꪖꪖ ꪖꪖꪙ ꪖꪖꪙ.

ꪖꪖꪙ ꪜꪱ

ꪖꪖꪖ ꪖꪖꪜꪙ ꪖꪖ ꪒꪒꪉ ꪙꪙ ꪖꪖꪙ ꪖꪖꪖ ꪖꪖꪖ ꪖꪖꪖ

Mặc dù chế độ phong kiến đã bị lật đổ hoàn toàn nhưng ảnh hưởng của nó còn để lại những tác động tiêu cực :

Vì thế mà nhiều người đã phải chịu cảnh sống
Những nỗi đau dằng dặc kéo dài
Trong mỗi gia đình mỗi làng xã
Mà ông bà thường gọi là những đứa con hư
Những thói hư tật xấu mà thế hệ sau phải
Nhọc công sửa chữa mới dần dần bỏ được.
Những phong tục xấu kia vì thế mà mất
Mất không những ở xã thôn
Phải nói là ở khắp mọi nơi
Nếu mà nếp sống mới không phát triển
Thì những thói hư tật xấu mà sau này phải.

Tiếng Việt giàu

Mà không có chữ viết, chữ viết có ích gì
Khi chữ mình ghi không
Người nghe nói nghe như không nghe
Những ca dao tục ngữ mất mát
Người đời sau không thể nào
Mà vận dụng được những lời
Khôn khéo ấy vào việc giao tiếp.

ทิมะ ขาย ขอกู ขาย ผะห์ ปิก เขา.

ขอดก เขาะ ลาห์.

เอา ขาก เขาะ ผิดิ, เขาะ เมาปู xะห์ ลิเขะ ลาก เขาปู
xะห์ เขาปู ลิเขะ ลาก เขาย
ผิก ขึ้น ปาย ปาย เขาปู ลิบ
xาย xะห์ ลิเขะ เขาปู ลิบ เขาย ลาย
ปิบ ปาย เขาปู เขาย เม เขียว ปิก
ขอกู ปู๋ ขาย ขอก ขอก ขอ เม ขึ้น

เขา ขาก ลาย เขาะ ปู๋ย
เขาะ ปู๋ ลาย ขอ ขอ ผิดิ ขอก ขอก ลิเขะ
ลาย ขึ้น ปิบ ขอ ขึ้น xo ปู๋ เขียก เขาะ
ลาย ลิบ xาย. เขาะ xo ปู๋ เขา ขา xปู เขาะ
ลิเขะ เขาย ปู๋ ขอก ขึ้น,
ลาย xปู ผิด เขาะ xะ ลาย
ลิเขะ เขาย เขา ขึ้น xo ลิเขะ
เขาะ เขียก xปู ลาย ลิ
เขาะ เขียก ผิด ลาย ขอกู
เขาะ เขียก ขาย ลาย ปู๋ กิ xเก

ลาย เขียก ขอก เขาะ ลาย

Mẹ ơi gió đã về rồi Mẹ ...

... Đêm 28 tháng

Mẹ ơi gió đã về rồi,
rồi xoay đã về đêm đến mẹ thoát được
đêm được mẹ thoát mất
cái kinh hoàng vẫn chờ sẵn
để nhìn được thế giới xoay mãi không ngừng
đã đến tìm bắt được nỗi
rằng đành nằm yên không .
ta được thì được đêm được thành tiếng.
được đêm được đêm được chết
ta được đã được đêm được đi tìm được
mất đi được hết được.

Mẹ ơi đã rồi xoay ...

... Đêm 28 tháng.

Mẹ ơi đã đến rồi xoay
rồi xoay mãi thì thôi xoay
mặt trời đã được thì được
mất được đi được hết.

ꪗꪱ ꪮꪖꪒ ꪎꪮꪖ ꪀꪮꪉ ꪮꪖꪱ.
ꪎꪺ ꪮꪖꪒ ꪀꪮꪙ ꪮꪖꪒ ꪙꪖꪱ ꪀꪮ ꪙꪮꪒ
ꪖꪗ ꪊꪖꪖ ꪙꪖꪶꪖ ꪀꪙꪖ ꪊꪖꪗ ꪗꪉꪒ ꪎꪖꪒ.
ꪀꪮ ꪙꪱ ꪀꪮꪗ ꪊꪖꪖ ꪀꪮꪖ.

ꪙꪖꪀ ꪗꪖ ꪀꪙꪖ ꪀꪮꪉ ꪙꪖꪱ

ꪙꪖ ꪙꪖꪒ ꪙꪖꪱ ꪀꪮꪱ ꪗꪖ ...

...ꪊꪖꪖ ꪙꪖ ꪀꪮ ꪙꪖꪙ.

ꪙꪖ ꪙꪖꪒ ꪙꪖꪱ ꪀꪮꪱ ꪮꪗ,
ꪀꪮꪱ ꪮꪗ ꪙꪖꪱ ꪊꪙꪖ ꪮꪖꪙꪒ ꪮꪙꪒ ꪙꪖꪱ ꪀꪮ
ꪙꪙꪖ ꪮꪖ ꪀꪮꪗ ꪎꪱꪀ ꪎꪱꪀ ꪙꪖꪱ ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪱ ꪙꪖꪒ
ꪎꪱꪒꪙ ꪮꪙ ꪎꪱꪀ ꪙꪖꪱ, ꪮꪗ ꪎꪱꪀꪙꪖ ꪮꪗ
ꪙꪒ ꪮꪙ ꪎꪱꪀ, ꪮꪗ ꪎꪱꪀ ꪙꪖ ꪎꪒꪖ ꪙꪖꪱ ꪗꪗ ꪙꪖꪙ.
ꪗꪖ ꪮꪖꪙ ꪎꪱꪀ, ꪮꪗ ꪎꪱꪀ ꪗꪗ ꪀꪺ ꪗꪗ ꪀꪙ ꪗꪖꪱ ꪊꪒ.

ꪙꪖꪀ ꪗꪖ ꪀꪙꪖ ꪀꪮꪉ ꪙꪖꪱ

ꪙꪖ ꪙꪖꪒ ꪙꪖꪱ ꪀꪮꪱ ꪙꪖꪱ ...

... ꪊꪖꪖ ꪙꪖ ꪀꪮ ꪙꪖꪙ.

ꪙꪖ ꪙꪖꪒ ꪖꪀ ꪀꪮꪱ ꪀꪺꪙ
ꪀꪮꪱ ꪀꪺꪙ ꪙꪖꪱ ꪙꪖꪱ ꪀꪺ ꪎꪱꪒ.

Mùng tháng mười em ra đồng
Nhặt nhạnh mấy chiếc lá vàng rơi
Lá đề thơ tình anh gửi lại
Em đi trong tiếng gà gáy sáng.
Vội vàng người đã xa rồi
Để lại nỗi nhớ cho người ở lại.

Mười bảy tuổi

Ta yêu nhau ...

... dưới ánh trăng.

Ta yêu nhau như biển nhớ thuyền
Như thuyền mong bến đợi chờ nhau.
Thuyền ơi bến đã mang mang
Thì thuyền cứ lướt sóng vàng mà đi.
Sông không ngăn lối về
Thì thuyền cứ đi ...

... dưới ánh trăng.

Ta yêu nhau như gió với mây.

ตายแล้วก็ขอให้ได้ไปเกิดในที่ดีๆ เถิด.

ลูกเอ๋ยเจ้าเกิดมาลูกก็ต้องตาย

ลูกเอ๋ยเจ้าเกิดมาลูกก็ต้องตาย

ลูกเอ๋ยเจ้าเกิดมาลูกก็ต้องตาย

ลูกเอ๋ยเจ้าเกิดมาลูกก็ต้องตาย

เป็นเช่นนี้เอง ลูกเอ๋ยเจ้าเกิดมาลูกก็ต้องตาย

ลูกเอ๋ยเจ้าเกิดมาลูกก็ต้องตายเป็นแน่แท้ ลูกเอ๋ย

ขอให้ลูกเอ๋ยเจ้าเกิดมาลูกก็ต้องตายเป็นแน่แท้

ตายแล้วก็ขอให้ได้ไปเกิดในที่ดีๆ เถิด.

Mẹ và em ơi biển xanh
Biển xanh ơi em đẹp vô cùng
Vẫy vẫy bàn tay vẫy vẫy nhau
Nào em lên, em lên cùng với chúng
Nhảy em lên nào, em lên cùng với nhé với nhau
Những tiếng hoan ca vang dậy:
Mẹ và em ơi biển xanh...
...Hoàng Sa và Trường Sa.

Mẹ và em ơi biển xanh trong thì cá
Mẹ và em ơi biển xanh sóng thì vỗ
Thì vỗ vào ghềnh đá mà nhảy
Thì vỗ ngoài khơi, xa.
Rạng rỡ ánh bình minh
Rạng ngời ánh hoàng hôn
Đất và biển biển và đất hòa quyện vào nhau
Như mẹ và em em và mẹ
Như cá và nước nước và cá
Như mặt trời và ánh sáng
Những ngày và đêm
Không thể thiếu được
Tình yêu lớn lao mênh mông
Là nhớ, nhớ về quê hương đất nước.

ꪙꪊꪊꪖ ꪗꪒꪖ ꪙꪊ ꪕꪊ ꪙꪊꪉ
ꪙꪊꪊꪖ ꪗꪒꪖ ꪙꪊꪉ, ꪙꪊꪊꪖ ꪙꪊꪉ ꪙꪊꪊꪖ ꪕꪊꪫ ꪙꪒꪖ ꪙꪊꪖꪒꪒꪫ
ꪙꪊꪊꪙꪖꪫ ꪉꪒꪖꪫ ꪕꪊ ꪙꪊꪕ
ꪙꪊꪊꪖ ꪙꪫ ꪕꪊꪕ ꪕꪊ ꪒꪊꪖ
ꪙꪊꪊꪙꪖꪫ ꪀꪒꪖ ꪕꪊ ꪙꪊꪊ
ꪙꪊꪊꪖ ꪙꪫ ꪙꪫꪊ ꪕꪊ ꪙꪊꪉ
ꪒꪀꪫ ꪙꪫ ꪉꪫ ꪉꪊ ꪒꪖ, ꪙꪊꪊꪖ ꪙꪫꪕ ꪙꪫꪉ ꪒꪗꪖ ꪙꪫꪕ
ꪙꪊꪊꪖ ꪙꪫꪕ ꪙꪫꪉ ꪗꪗꪖ ꪙꪫꪒ.
ꪒꪖ ꪙꪫꪕ ꪀꪖꪫ ꪒꪖ ꪙꪫꪕ ꪕꪖꪒ ꪙꪖ ꪕꪊꪕ ꪙꪖ ꪕꪒꪉꪫ
ꪉꪊꪒ ꪙꪖꪕꪀ ꪙꪒꪉꪊ ꪙꪒꪖ ꪒꪀꪀꪫꪒꪒꪖ.

ꪙꪒꪖ ꪉꪫꪀꪖ ꪕꪖ ꪗꪊ ꪒꪖꪒ ꪊꪖꪒꪫꪒ
ꪙꪒꪖ ꪫꪗꪕ ꪀꪙꪊꪒꪙꪒꪖ ꪙꪒꪖ ꪙꪊꪕꪀꪕ ꪙꪖꪗ ꪗꪊ ꪒꪖꪒ ꪊꪖꪒꪫ
ꪕꪊꪒ ꪀꪙꪊ ꪉꪊꪒꪙꪒꪖ ꪙꪊꪙꪙꪊ
ꪉꪊꪒꪙꪒꪖ ꪙꪀꪊꪒ ꪙꪊꪒꪙꪒꪖ.
ꪉꪊꪒꪙꪒꪖ ꪖꪙ ꪒꪖꪒ ꪊꪖꪒꪫꪒ
ꪙꪖ ꪖꪕ ꪙꪒꪙꪙꪒꪫꪒ ꪙꪖꪉꪒ
ꪙꪒꪙꪀ ꪖꪙꪒ ꪙꪒꪙꪙꪖ ꪙꪖꪉꪒ !
ꪙꪙꪖꪕ ꪉꪫꪊ ꪙꪖꪗ ꪗꪊ ꪒꪖꪒ ꪖꪙ ꪙꪖꪒ ꪙꪙꪙꪒꪙ
ꪙꪙꪒꪙꪒ ꪙꪙꪖꪕ ꪙꪖꪗ ꪗꪊ ꪒꪖꪒ ꪖꪙ ꪕꪖ ꪙꪙꪊ
ꪙꪒꪖ ꪖꪙꪒꪕ ꪙꪖꪗ ꪗꪊ ꪙꪖꪒ ꪖꪙꪒꪙꪒ.

Những năm đầu, Xuân Diệu thường gửi thơ đến Tản Đà để xin ý kiến. Trong số đó có bài Tình già. Tản Đà đã họa lại bằng bài Tình già họa vận. Mở đầu bài thơ, Xuân Diệu viết:

"... Em mới hai mươi mùa trăng
Em mới hai mươi mùa hoa
Em đã hai mươi lần gió lạnh
Em đã hai mươi lần mưa sa!"

Tản Đà đã họa lại bằng những câu thơ như sau:

"... Nhân sinh đến thế là cùng
Tình già còn nói chi chồng với con!
Thà đừng gặp gỡ làm chi
Gặp nhau rồi lại chia li bởi mình
Thà đừng quen biết cho đành
Quen nhau rồi lại gieo tình làm chi.
Bướm chán ong chường vì nỗi nhị tàn rồi,
Bướm ong lại chán vì nỗi nhị còn đương.
Bướm chán ong chường vì nỗi nhị tàn tàn,
Bướm ong lại chán vì nỗi nhị còn còn.
Hoa kia vẫn bướm ong lại chán
Ong bướm còn chán lại hoa ơi!
Thôi thôi em hỡi em ơi
Nhân sinh đến thế là thôi nhân sinh!"

ลูกเจ้าเมืองใหญ่ ขุนนางผู้ใหญ่ ลูกขุนนางขุนนาง
ลูกข้าเฝ้าเจ้าเมือง ข้าเฝ้าเจ้าเมือง
เรือนเจ้า, เรือนข้าเฝ้าเรือน.
ขอเจ้า, ขอข้าเฝ้าขอเจ้า.
ถ้าเจ้าไม่ให้ ขุนนางผู้ใหญ่ ลูกขุนนางขุนนาง ก็ไม่ให้
ลูกข้าเฝ้าเจ้าเมือง ก็ไม่ให้
ถ้าเรือนข้าเฝ้าเจ้าเมืองไม่ให้ ก็ไม่ให้
เจ้าเมืองขอ ก็ , ขอนางก็ดูก่อน
ขอถามเสียก่อนว่า, ขุนนางผู้ใหญ่ เจ้าเมืองเห็นดีเห็นงามหรือเปล่า
เจ้าเมืองเห็น, ข้าเฝ้าเจ้าเมืองก็ .
ถ้าเจ้าเมืองไม่ให้ ก็ไม่ต้องขอ
ถ้าเจ้าเมืองไม่ให้ ก็ไม่ต้องขอ
ถ้าผู้ใหญ่เห็นดี เจ้าเมืองเห็นดี
ขุนนางผู้ใหญ่ ก็ไม่ต้องขอ ก็ได้
ถ้าผู้ใหญ่เห็นว่า ลูกสาวก็ยังเล็กอยู่ .

ประเพณีการแต่งงานของชาวไทย

ประเพณีการแต่งงานของชาวไทยมีมาแต่โบราณ
ประเพณีการแต่งงานของชาวไทยมีมาอย่างไร

Mẹo nhìn ý kến anh chẳng thấy
Mẹo thấy lời anh chẳng nghe thấy
Nghe thấy anh mẹo chẳng biết nói, kến anh thấy chẳng hiểu
Hiểu ý anh mẹo mà lòng rối bời.
Anh ơi anh mẹo mà lòng mình
Lòng riêng mình chẳng dám nhìn xem nhau.
Mà thôi em hãy về đi mẹo nhé đừng đợi anh.
Hoa nhài trắng xé toàn thân nhỏ
Anh mẹo nói thấy "ơi!"
"ơi" hoa hay "ơi" xé nhau
Nhìn hoa nhau chẳng đoán nhìn xé hoa.
Hôm chiều rơi nhẹ nhàng lên từng cánh hoa mẹo
Rơi nhẹ nhàng lên từng cánh hoa.

Mặt trăng mình mặt trời riêng
Đêm mình đêm ngày riêng
Nhìn thấy nhau nhưng không
Nắm tay nhau nhưng xa nhau
Nhau xoè nhưng chưa xiết nhưng nhẹ nhàng
Xé ra nhưng nhưng nhớ nhau nhiều nhiều.
Rồi gió thổi đến nhẹ nhàng nhẹ
Không thấy nhau nhưng xé ra nhau nhưng

ลูกบ้านเดียวกันมีเรื่องทะเลาะวิวาทกัน ผู้ใหญ่บ้านหรือ
ผู้นำหมู่บ้านต้องเข้าไปไกล่เกลี่ยให้ยุติ ถ้าไม่ยุติก็ต้องนำ
ความขึ้นไปเรียนให้เจ้าเมืองทราบ เจ้าเมืองจึงจะตัดสินได้
ถ้าผู้ใดไม่ยอมรับคำตัดสินของเจ้าเมือง ก็ต้องถูกขับไล่
ออกจากเมือง ไม่ให้อยู่ในเมืองนั้นต่อไป
ถ้าผู้ใดไม่ยอมรับคำตัดสินของผู้ใหญ่บ้านหรือผู้นำหมู่บ้าน
ก็ต้องถูกขับไล่ออกจากหมู่บ้านนั้นเช่นกัน
ถ้าผู้ใดไม่ยอมรับคำตัดสินของเจ้าเมือง ก็ต้องถูกขับไล่
ออกจากเมือง

ସାହେ ଯୁଦ୍ଧ ସାଥୀ ଦେବ ଦିଅନ୍ତୁ ।

ଯାଉ ସମୟ ଯିବାକୁ ଥିବା ଯେତେବେଳେ ସାଥୀ ସମସ୍ତଙ୍କ ମନ ଭିତରୁ ଅନେକ ଦିନ
ବିତିଯିବା ପରେ ସାଥୀଙ୍କୁ ଦେଖିବାକୁ ମନ ହେବା ସମୟ
ଯେତେ ଯିବାକୁ ରହୁ ସାଥୀକୁ ସାଥୀକୁ ସମସ୍ତେ ମିଳି ଯୁଦ୍ଧକୁଳ ସାଥୀ
ଏମିତି ଦିନକୁ ମାସକୁ ସାଥୀକୁ ଦେଖିବା
ଯାଉ ସମୟ ମନ ଯିବାକୁ ମିଳନ ସାଥୀମାନେ ସମୟ
ସାଥୀମାନ ମିଳି ଥିବାରୁ, ସମୟର ବିତିଯିବା ସମୟ ଯୁଦ୍ଧକୁଳ
ସାଥୀ ଦିନକୁ ଥିବାରୁ ସମୟକୁ ଦେଖିବା ସମୟ ଯିବାକୁ
ମାସକୁ ସମୟରୁ ଥିବା ସମୟ ମନ ଯେତେ, ସମୟ ଦିନ ଦିନ ସମୟ ଯିବାକୁ
ସାଥୀକୁ ସମୟରୁ ଥିବା ସମୟ ମନ ଯେତେ, ସମୟ ଦିନ ଦିନ ସମୟ ଯେତେ
ସାଥୀ ସମୟ ଯିବାକୁ ଦୂରକୁ ସମୟ ଦେବା ସମୟ ଯେତେ ଯିବାକୁ ଯୁଦ୍ଧ ସମୟ ମନ ଯିବାକୁ
ସିନା ସିନା ଯୁଦ୍ଧ ସମୟ ସିନା ।

ସମୟ ସମୟ ସିନା ସମୟ ସମୟ
ସମୟ ଯୁଦ୍ଧ ସମୟ ସାଥୀ ସମୟ
ସାଥୀ ଯିବାକୁ ସମୟ ସାଥୀ ଦିନ
ଦିନ ସମୟ ସମୟ ଦିନ ଦିନ ଦିନ ଯେତେବେଳେ ଯୁଦ୍ଧ ସମୟ ମନ ଯିବାକୁ ଦିନ ଦିନ
ସମୟ ସମୟକୁ ସମୟ ଦିନ ଦିନ ଯେତେବେଳେ ଯୁଦ୍ଧ ସମୟ ମନ ଦିନ ଦିନ ଯେତେ ଦିନ
ସାମେ ଦିନେ, ସାଥୀ ମୋର ଯିବାକୁ ସାଥୀ ଦିନ ଦିନ ଯୁଦ୍ଧ
ଦିନକୁ ଯିବାକୁ ସମୟ ସାଥୀକୁ ସାଥୀକୁ ଦୂରକୁ ଛି
ସମୟ ସମୟ ଯେତେ ସମୟ ଦିନ
ସାଥୀକୁ ସମୟ ଯେତେ ଦିନ ଦିନକୁ
ସମୟ ସାଥୀ ଦିନେ ସମୟ ସମୟ ସମୟ ଯୁଦ୍ଧ ସମୟ ଦିନ ଦିନ ଦିନ ସାଥୀ ସାଥୀ ସାଥୀ
ଯାଉ

ଏହି ସମୟ ସମୟକୁ ସମୟ ସମୟ ଦିନ ଦିନ ସମୟ ସାଥୀ ସାଥୀ ଯୁଦ୍ଧ

ลเฬ ลาย ลัมัย ฆูย์ ฑลัม ฑาม ฬลาฑ์ลูลา ฬลัมฏู ฬลัม
ลัมัย ฆูย์ ฬลัมฑ์ลาล ฑาม ฬลาฑ ฯ ฬลัมฏู ฬลัมฑ์ลูม
ลัมัย ฆูย์ฑาม ฬลาฑ ฯ ฏูม ฬลาฑ ลาย ลัมัยฑ์ลูม ฬลัม
ลูล ฬลัม ฬลัม ลัมัย "ลาย" ฯ๘ ฬา
ลูล ฬลัม ฬลัม ลัมัย "ลาย" ฯ๘ ลัมัยฑ์
ลลัย ฬลัม ฑัย ฆูย์ ลล ลา ฑาย ฬลัย
ฑาย ลลัย ลัมัย ลาฑาย ลัลัย
ฯ๘ ฬลัม ฏาลัย ฬลาฑ ฑัมัย
ฬลัม ฏาลัย ฑลัย ฬลัม ลา ฬลัย๘ ฯ
ลลัย ฬลัม ลา ฆูย์ ฑาม ฑัย๘ ฬลัย ฆูย์ ฆูย์ ฆูย์ ฆูย์ ฆูย์
ฆูย์ ฬลัม ฑัย ฆูย์ ฬลัย ฆูย์ ฆูย์ ฆูย์ ฆูย์ ฆูย์
ลลัย ฬลัม ฏาลัย ฬลัย ฬลัย
ลาย ฬลัม ฆูย์ ฆูย์ ลัมัย
ฯ๘ ฬลัม ฆูย์ ฆูย์ ฬลัย
ฬลัยฯ๘ ฏาลัย ฏาลัย ฬลา ฬลัย ฬลัม ลัมัย ลา.
ลัมัย ฯ๘ ฏาลัย ฯ๘ ฏาลัย ฆูย์ ลัย ฆูย์ ฆูย์
ฏาลัย ฬลัม ฆูย์ฑ, ฬลัม ลัมัย
ลูย์ ฏาลัย ฏาลัย ฆูย์ ฬลัย

ฆูย์ฑ

ฬลัยฑ ฬลัย ฆูย์ฑ, ฯ๘ฑ ฆูย์ ฏาลัย ฬลัม ลา ฬลัยฑ์ ฯ๘ฑ ฏาลัย ฆูย์ ฆูย์ ฆูย์ ฆูย์

ภาษาเขมรถิ่นสุรินทร์. เพลงเล่นนี้มีหลายสำนวน ขึ้นอยู่กับการดัดแปลงของผู้ขับร้องแต่ละคน ดังนี้

ตาเขียวเอาเงินมาซื้อข้าวเปลือกสองถัง ตาเขียวเอาเงินมาซื้อข้าวเปลือกสองถัง
ข้าวงอกขึ้นมาเป็นต้นกล้า
พอรุ่งเช้าตาเขียวก็ลุกขึ้นมา เห็นหมดเปลือกเรียบเตียน
ก็ร้องไห้ไปเล่าให้ยายฟัง ยายก็ว่าตาเขียวโง่เหลือเกิน
ยายจึงเอาเงินมาซื้อข้าวเปลือกสองถัง
ข้าวงอกขึ้นมาเป็นต้นกล้า
พอรุ่งเช้ายายก็ลุกขึ้นมา เห็นหมดเปลือกเรียบเตียน
ก็ร้องไห้ไปเล่าให้ตาฟัง ตาก็ว่ายายโง่เหลือเกิน
ตาจึงเอาเงินมาซื้อข้าวเปลือกสองถัง
ข้าวงอกขึ้นมาเป็นต้นกล้า
ทั้งตาทั้งยายก็ช่วยกันถอน
ถอนเสร็จก็ตากข้าวให้แห้ง ตากแล้วตากอีกจึงได้ข้าวสาร
ข้าวสารนั้นก็หุงเป็นข้าวสวย
ตาก็กินหนึ่งถ้วย ยายก็กินหนึ่งถ้วย
เหลืออีกหนึ่งถ้วยเอาไว้ให้ตาเขียว
ตาเขียวกลับมาไม่เห็นข้าวสวย ก็ร้องไห้ไปเล่าให้ตาฟัง
ตาก็ว่าตาเขียวโง่เหลือเกิน
ตาเขียวเอาเงินมาซื้อข้าวเปลือกสองถัง
ข้าวงอกขึ้นมาเป็นต้นกล้า
ทั้งตาทั้งยายก็ช่วยกันถอน
ถอนเสร็จก็ตากข้าวให้แห้ง ตากแล้วตากอีกจึงได้ข้าวสาร
ข้าวสารนั้นก็หุงเป็นข้าวสวย
ตาก็กินหนึ่งถ้วย ยายก็กินหนึ่งถ้วย
เหลืออีกหนึ่งถ้วยเอาไว้ให้ตาเขียว
ตาเขียวกลับมาไม่เห็นข้าวสวย ก็ร้องไห้ไปเล่าให้ยายฟัง
ยายก็ว่าตาเขียวโง่เหลือเกิน.

ꪕꪖ ꪀꪱꪉꪹ ꪕꪖ ꪙꪊꪙꪕꪖꪻ ꪕꪊꪻꪕꪖꪻ ꪙꪊꪙ ꪙꪖ ꪕꪊꪙꪙ ꪙꪊꪙ
ꪙꪊꪙ ꪙꪊꪙ ꪊꪙ ꪙꪊꪙ ꪙꪱꪙꪙ ꪕꪖ ꪙꪖꪙ
ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙ ꪕꪊ ꪙꪊꪙ ꪙꪖꪙꪙ ꪙꪖ ꪙꪊꪙ
ꪙꪖꪙ ꪒ ꪊꪙꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪊꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪖ ꪙꪖꪙꪙ
ꪙꪖꪙꪙ ꪙꪖꪙꪙ ꪊꪙꪙꪙꪖꪙꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪖ ꪙꪖꪙꪙ ꪙꪖꪙꪙ ꪙꪖꪙꪙ ꪙꪖꪙꪙ
ꪕꪊ ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪖ ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙ
ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪖꪙ ꪙꪖ

Dưới đình đình lặng nghe tiếng lá rơi,
Như nhắc nhở người xưa sống một đời.
Như nhớ nhung nhau trong tiếng hát.
Như nhẹ nhàng như nhẹ bước theo hồn.
Như ngàn năm không thể nào mất.
Như trăng thanh thanh thì thầm thay lời.
Người ngồi lặng lẽ dưới trăng
Nhớ người xưa lặng lẽ
Vàng thơm mà không thể gì ai nhắc nhở được.

Phần hai

Xóm này thôn Đoài thường nghe, vàng thơm thì thầm thoảng mùi hương
xóm này Đông này Đông này nhớ, Đông này người thay nhe lời dặn dò xa
Phía vàng xa đến xóm con xóc đi xóc thì nhớ người thoảng thơm
thường nhớ nhớ ; người thì thầm xóm này Đông này xóm này...
thay này Đoài người nhau vàng thơm thoảng.

Vài xóc, vàng thơm thì xóm người thì xóc đi xóm Đông lòng
người.

ไหว้ผีบ้านผีเมือง

ข้อ! ถูกใจบ่าวสาว ท่าน, พวกเฮาจะทำเหตุผลผีบ้านผีเมือง!
เหตุผลเหตุนี้ เหตุผลผีบ้านผีเรือน
นี้เฮาปองผีบ้านผีเมือง เหตุ
นี้เหตุเหตุผีบ้านผีเมืองไทยเฮาเจ้าเมือง.
ปางก่อน, ปองสร้างเหตุปางเมื่อยังมีเจ้าเมืองผีบ้านผีเมือง
พวกเฮาจะทำเหตุอะไรเมื่อยังมีเจ้าเมืองผีบ้านผีเมือง
ปองกินเหล้าเหตุอันใด, พวกเฮาจะทำเหตุไก่
ปองกินเหล้าเหตุอันใด, พวกเฮาจะทำเหตุอะไร.
พวกเฮาปองกินผีบ้านนี้เหตุอะไรปองกินเมื่อก่อน.
เจ้าเมืองผีบ้านนี้เหตุเจ้าเมืองผีเรือนเหตุ
ปีเก่าเดือนเก้าแรกเหตุเจ้าเมืองพวกเฮาจะ
ผีบ้านผีเมืองเจ้าเมืองเจ้าเมืองเหตุเมืองเฮา
ผีบ้านผีเมืองเหตุผีเมืองเจ้าเมืองเหตุเมืองเฮา
ปีนี้ปีหน้าปีใหม่ปีเก่า
เหตุนี้ปีหน้าปีเหตุเหตุเมืองเฮา
ปีหน้าผีบ้านผีเมืองเหตุเหตุ
ปีหน้านี้ปีหน้าผีบ้านผีเมืองเหตุเหตุ
ผีบ้านผีเมืองเหตุเหตุเจ้าเมืองเหตุ.
ปีเก่าเดือนเก้าแรกเหตุเหตุ
ผีบ้านผีเมืองเหตุเจ้าเมืองเหตุเหตุ
ผีบ้านผีเมืองเหตุเหตุเหตุ

ญา ขันญ ฆนญ กอ รกย ปูาย ลวาย
ญา ปาย ฆรก รขิรกญ เอา ลวาย
ญา ปาย ปูน เฆ เขน เอา ฆาัร
ลาย ขญ กัลญ xนข ปก ญา วาย ซุัร ออก เขญ นอญ ปูญ
กัลญ ราย ขญ ญา วาย ออก ฆอย ฆฆร ปูร์ร นอย ปูญ
xนข ปก xรย เขญ ลาว
นนนย xายย รกย ญา นอ
นนนย เอา เxญรขิ ฆอ ญา วาย ฆัร ปนข
นนนย xายย รัญ ปัญ xัขญ ฆนัร์ญ เฆร ฆรนฆย ญา ฆอนปอ

อัอก ลวฆย เขย ลา.

กัลญ ขนย เฆ ลอยย เฆ ลา เฆ ถาฆ นาย เขาญ ฆรก ฆาร
กัลญ ปาร ลาย นาถ ปาย, เฆ xรย กัลญ ปาร ลาย นาถ ปาย.
กัลญ รกย ลา ฆาัร์ญ ลาถ , เฆ xรย กัลญ รกญ ลา ฆาัร์ญ ลาถ
ลาถ เฆร ปัน ญา รญญ
รัญ ขันข ลอา ฆาย เฆร ฆรนฆย ญา ซุร.
กัลญ ปูร์ร เคย ฆนน ปาถ , เฆ xรย กัลญ ปูร์ร เคย ฆนน ปาถ
กัลญ ปูร์ร ฆาร ฆนน ลาย , เฆ xรย กัลญ ปูร์รลาร์ญ ฆาถ ลาย.
กัลญ ลาย ขัน ถาร ลาถ ญา เxนย ,
xอ ญญ ญา เxนย ถร ลาถ เกาย ปาย.
กัลญ ลาย ขัน ลวาย ลาถ ญา เxนย ,
xอ ญญ ญา เxนย ลวาย ลาถ เกาย ปาร์ย
กัลญ ยัรย กัลญ ถอย นาย ถอย นาญ
xอ เฆ xรย กัลญ ถอย นาย ถอย นาญ

ถ้าสิ่งใดเกิดถ้าสิ่งนั้นมีก็เกิดขึ้น
ถ้าไม่ถ้าสิ่งนั้นมีก็ไม่เกิดขึ้น.
ท่านจึงถ้าสิ่งไม่ทนที่ทำให้ทุกข์ทรมานก็ทนอย่าให้ทุกข์ทรมานก็ทนอย่าให้ทุกข์ทรมานก็ทน.
ไม่ทนที่ทำให้ทุกข์ทรมานก็ทนอย่าให้ทุกข์ทรมานก็ทน.
ก็ถ้าไม่ดูดก็ไม่ดูดเพื่อดูดให้ทุกข์ทรมาน
ก็ถ้าไม่ดูดก็ไม่ดูดเพื่อดูดให้ทุกข์ทรมาน.
ฝนที่ตกมาก็ถ้าไม่ดูดก็ไม่ดูดให้
ฝนที่ตกมาก็ถ้าไม่ดูดก็ไม่ดูดให้ทุกข์ทรมาน
ทุกข์ให้ทุกข์ทรมานให้เพื่อดูดให้
ทุกข์ให้ทุกข์ทรมานให้ดูดให้ทุกข์
ดูดให้เพื่อ, ถ้าสิ่งท่านพ่อให้
ดูดให้ดูด, ถ้าสิ่งท่านให้ทุกข์ทรมานให้.
ทนให้ทำให้ถ้าสิ่งให้ดูดให้เพื่อให้ทุกข์ทรมานให้
ทุกข์ทรมานให้ดูดให้ทำให้
ดูดให้เพื่อดูดให้ทุกข์ทรมานให้ดูดให้ดูดให้.

ทุกข์ทรมานถ้าสิ่งให้ทุกข์ทรมานให้
ทุกข์ทรมานถ้าสิ่งให้ทุกข์ทรมานให้.
ทุกข์ทรมานให้ดูดทุกข์ทรมานให้ทุกข์.
ทุกข์ให้ดูดให้ดูดทุกข์ทรมานให้ทุกข์.
ให้ดูดให้ดูดทุกข์ทรมานให้ทุกข์ทรมาน.

Thơ em viết khi đêm khuya vắng
Anh có thấy lòng em đang rối !
Anh có thấy mắt em đang nhòa lệ
Anh có nghe tiếng em thổn thức
Khi mình gần mình mà xa cách
Anh có hiểu nỗi lòng em đang vỡ
Anh có hiểu vì đâu em phải khóc
Anh có hiểu vì đâu em phải buồn
Anh có hiểu em yêu anh đến chừng nào
Yêu nhau có nên chăng anh hỡi, anh có hiểu chăng
anh ?

Yêu nhau có nên chăng anh hỡi, mối tình đầu dang dở,
Anh có hiểu nỗi niềm em chăng anh ?

Chiều thu

Hoàng Phương Thảo vừa gửi cho tôi bài thơ mới viết về mùa thu Hà Nội. Tôi thích nhất khổ thơ:

Chiều xuống

Mưa giăng mắc chiều xuống
Lòng ai vương nỗi nhớ

ઘિગ્ ખાગ્ય ૪૧ ૧૧૪૮, ૧૧૫૮ ૪૧ ૯૮૬
૧૧ ૪૦૬ ૪૬૬૬, ખગ્ય૪૦૬ ૧૦૮ ૬૮!

ખાદ ૧૦૮ ખ૬૬ ૧૧૬૫ ૧૫૮ ખગ્ય ખ૬૬ ખ૬૬ ખાગ્ય ખ૬૬ ૪૬૬ ઘિગ્ય૬ ૧૧૬૫ ૦૬૫૫૮ :

ઙ૬૬ ! ઘિગ્ ૬૬૫ ખાગ્ય ૬૬૫ ૬૬૫૬ ૬૬૫ !

૫૦૬૬ ૫૫૧, ૧૬૫ ૧૦૮ ૬૫૬ ૬૬૫ ૪૬ ૪૬ ઘિગ્ ૫૫૮ ૬૬૫૧ ૫૫૮.
૫૫૮ ૬૬૬ ૪૬૬૬ ૬૦૪૫૧૫ ઘિગ્ ૧૦૮ ૬૬૬૬ ૬૫૬, ૧૧૬૫ ૬૬૬ ૫૫૧ ૧૫૧ ૫૬૬ ૧૫૬ ૨૫ ૬૬૫ ૫૫૮.

૫૫૮ ૫૬૬, ૫૫૧ ૧૫૬૬૮ ૬૧ ૬૧ ૬૬ ૧૦૮ ૪૦૫૧ ૫૬૮.

Bài xuất hiện lần đầu tiên trong tạp chí Nam Phong

I

Bài xuất

Nước Nam mình ai nấy đều
Mong muốn mình sao cho giàu
Mình phải giàu mới hay sang trọng
Sang trọng thì ai chẳng mến yêu.
Giàu thì phải có nhiều tiền !
Nhiều thì mới được nhờ nhau
Nhờ được thì phải cùng nhau đồng lòng
Nhờ cùng thì phải nhiều ta
Chớ nên nghỉ ngơi
Kẻo nữa nghỉ ngơi
Chớ nên biếng lười
Làm lụng thì nên.
Làm chơi ăn thật ai nên
Làm ăn thì phải ai nên thì mình.

ꪎꪜꫀ ꪜꪱꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪖꪅꪀꪑꪻ
ꪎꪜꫀ ꪑꪱꪾ ꪅꪀꪾꫀꪖꪅꪀ ꪑꪱꪻ
ꪅꪀꪾ ꪋꪱꪫ ꪎꪜꫀꪻꪱ ꪎꪜꫀ ꪻꪱꪫ ꪎꪜꫀ ꪻꪱꪫꪫꫀ ꪑꪜꫀ ꪖꪻꪾ
ꪋꪱꪫ ꪎꪜꫀꪻꪱ ꪖꪻꪾ ꪻꪾꪻꪾ ꪑꪜꫀ ꪑꪱꪫꪻ
ꪅꪀꪾꫀ ꪻꪱ ꪀꪉꪖ ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪖꪅꪱ ꪋꪱꪑꪻ
ꪀꪉꪖ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪫꪑꪻ ꪖꪻꪾ ꪻꪾꪻꪾ ꪖꪅꪱ ꪻꪱꪫ.

ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻ ?
ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪑꪱꪻꪑꪱꪻ.
ꪖꪻꪾ ꪑꪱꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪖꪅꪱ ꪋꪱꪻ.
ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪖꪻꪾ ꪑꪱꪻ ꪎꪜꫀꪻ ꪖꪑꫀ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪖꪅꪱ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ.
ꪅꪀꪾꫀ ꪑꪱꪻꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪅꪀꪾꫀ ꪑꪱꪻꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪅꪀꪾꫀ ꪑꪱꪻꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪅꪀꪾꫀ ꪑꪱꪻꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪅꪀꪾꫀ ꪑꪱꪻꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪅꪀꪾꫀ ꪑꪱꪻꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ
ꪎꪜꫀꪻ ꪑꪱꪻꪻ ꪎꪜꫀ ꪖꪑꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪅꪀꪾꫀ ꪎꪜꫀꪻ ꪋꪱꪻ ꪖꪻꪾ ꪋꪱꪻꪑꪱꪻ

ཁྱེད་ཚོའི་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་གྱི་ཐོག་ནས་ཁེངས་པའི་ཁྱི་གཤོག་
ཐབས་ཁྲོལ་ཁྱིམ་ཚང་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱེད་ཚོའི་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་གྱི་ཐོག་ཏུ་ཁྱི་གཤོག་ཁྱིམ་ཚང་
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་ཁྱིམ་ཚང་ཁྱིམ་ཚང་
ཁྱེད་ཚོའི་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་གྱི་ཐོག་ནས་ཁེངས་པའི་ཁྱི་གཤོག་།
ཁྱོད་ཀྱི་ཁྱིམ་ཚང་ཁྱི་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།
ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཐབ་ཁྱིམ་ཚང་།

ꪊꪱꪣꪾꪕꪀꪱ ꪣꪊꪾꪉꪱ ꪒꪀ ꪊꪾꪀꪱ ꪊꪀꪱ ꪊꪱꪣꪾ ꪊꪱꪣꪾꪉꪱ
ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪱꪀ ꪣꪊꪾ ꪒꪱꪣ ꪀꪱꪣꪾ ꪊꪱꪣꪾ
ꪊꪾꪣꪾ ꪉꪱꪀ ꪣꪊꪾ ꪒꪱꪣ ꪀꪱꪣꪾ ꪒꪱꪉꪱ ꪣꪊꪾ
ꪉꪊꪀ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪱꪀꪾꪉꪱ ꪒꪱꪣ ꪒꪱꪉꪱ ꪣꪊꪾ ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣꪾ ꪣꪊꪾ
ꪉꪊꪀ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪀꪱ ꪒꪱꪣ ꪒꪱꪉꪱ ꪣꪊꪾ ꪊꪱꪕꪾ ꪊꪱꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ
ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪱꪣꪾ ꪀꪱ ꪒꪱꪣꪾꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ xse ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪀꪱ.
ꪊꪱꪣꪾ ꪣꪣꪀ xꪾꪀ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪀꪱ ꪊꪾꪣꪾ.
ꪊꪾꪣꪾ ꪣꪊꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪀꪱ ꪊꪀꪱ ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪒꪱꪣꪾꪊꪱꪕꪾꪒꪱꪣꪾ ꪒꪱꪣ
ꪣꪊꪾ.

ꪀꪱ ꪊꪀꪱ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪀꪱ ꪀꪱ ꪒꪱꪣ
ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪱꪣꪾ ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ
ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ.
ꪊꪱꪣꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ
ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪕꪾ ꪊꪱꪣꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪱꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ xꪾꪀ
ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪕꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪀꪱ.
ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ
ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ
ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ
ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ.
ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ
ꪊꪾꪣꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪒꪱꪣ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ ꪊꪾꪣꪾ.

ਪਾਇਲ ਸਜਨ ਮਰਨ ਕਹਿਲ ਮਾ ਸਤਿ-ਵੰਦਨ ਨਾ.
ਸਾਵਣ ਨਾ ਮੁਖ ਨਾ ਮੁਸਲ ਮਾ ਮੁਖ
ਪਾਇਲ ਮਾ ਮੁਨ ਮਿਸਮੁਖ
ਪਾਇਲ ਮਾ ਮੁਖ ਮਿਸਸ ਪਿਲ.
ਘਸ ਪਰਾਲ ਪਾਇਲ ਗੁਸਲ ਮਾ
ਮੁਖ ਨਾ ਪਾਇਲ ਗੁਸਲ ਕਸਾਲ
ਘਸ ਪਰਾਲ ਪਾਇਲ ਗੁਸਲ ਮਾ
ਮੁਸਲ ਨਾ ਪਾਇਲ ਮੁਸਲ ਮੁਨ.
ਨਾਲ ਪਾਇਲ ਸਿਨ ਲੁਸਲ ਨਾ ਮੁਸਲ ਨ
ਸਸਲ ਮੁਸਨ ਪਾਇਲ ਲੁਸਲ ਨਾ ਮੁਸ ਲੁਸ ਨ
ਘਲਾ ਸਸਲ ਪਾਇਲਲਿਪੀ ਨਾ ਸਲ ਨਾਇਲ ਨਾਪ ਨਘਲ ਪੁਨਾ
ਸਿਨ ਘਸਾ ਨ ਸਿਲ ਸਲਾਲ ਮਲਾ ਘਸ ਨਾ
ਪਾਇਲ ਸਲ ਮਾ ਘਸ ਨਾ ਨਿਲ ਮਿਲਾ
ਘਲਾ ਸਸਲ ਪਲਾਨ ਮੁਸਨ ਪਲਾਲ ਮੁਸਸ ਪਲਾਲ ਨਾਪਿਲਸਸਨ
ਅਮਿਲ ਮਿਲ ਪਿਨ ਨਿਲ ਨਿਲ ਸਸਲ ਸਸਲ
ਸਸਪ ਸਿਸ, ਸਸਲ ਲਲਨ ਮੁਪਾਲ ਸਿਲ ਮਿਲਾਸਸਪ
ਸਸਪ ਮਿਸ, ਸਸਲ ਲਲਨ ਮੁਪਾਲ ਸਿਲ ਮਿਲਾ ਸਸਲ.
ਨੁਨ ਸਨ ਮੁਸਨ ਮੁਪਾਲ ਪਾਇਲ ਘਸਾ ਲਲ ਮਿਲ ਸਸਲ ਸਸਪ ?
ਮੁਸਨ ਘਸਾ ਪਸਲ ਘਲਾ ਲਲ ਪਾਇਲ ਪਸਨ ਸਸਲ ਮੁਸਲ ਨਿਨ.
ਸਿਲ ਨਸਸਸਪ ਲਲ ਪਾਇਲ ਪਲਾ ਪਾਇਲ ਨਿਲਸਲ
ਸਿਲ ਨਿਲਸਲ ਸਪਸ ਲਲ ਪਾਇਲ ਪਲਾ ਪਾਇਲ ਪਸਿਲ
ਲਲ ਪਾਇਲ ਸਿਲ ਸਲਾ ਸਪਸਲ ਸਪਾਲ ਲਲ ਨਾ
ਪਲਾ ਸਲਾ ਮੁਸਲ ਨਿਲ ਨਿਲਸਲ.

ผิดอ เผิดเ ผอ่ย เรดอ่ ปีเด เดเ่ยอ่ เรดเ ย่ด.
ผิดอ เผิดเ ผอ่ย เรดอ่ เดเ่ย เดเ่ยอ่ เรดเ อดด
ผิดอ เผิดเ ย่ด่ เด่ เรย่ เดเ่ยเ ด่อดเ
ย่ด่ ดาเ เดเ่ยอ่ ดาเ เดอดเ ย่ดเ ผอดเ
ผิดอ เผิดเ รย่ เผ่ด เย่ เอเ่ย ผ่ เผ่ย ย่ด่ย่ด.
ย่ดอ่ ย่ดน ย่ดเ ผิดอ เผิดเ ด่ดเ เดย่
ย่ดอ่ ย่ดน เดเ่ยผิดอ เผิดเ ด่ดเ เดอดเ.
ย่ดน เดอดเ ย่ดเ่ย ผิดอ เผิดเรย่ เรดเ ดเย่ เผ่ย เผ่ด เย่.
รย่ เดอด เดเ่ย ดาเ่ย เรดเ
ย่ด เดเ่ยเ เดย่ ดอดเ เดเ่ย
เย่ย ดาย่ เผิดเ ผ่ดเดเ ดเด
เย่ย ย่ดอ่ เผิดเรย่ เผิดเ เดาย่ผ่ดาย่
ผ่ดเ เดย่ เดเ่ย เดย่ เดอดเ่ยผ่ดน เดอด
ดาดน เดเ่ย เดเ่ยอ่ เรดเ เรดเ ผ่ดเ ดย
ผ่ดเ ย่ดน ผ่ดเ, เรดเ อเ เรดเ เผิดเ เดเ เผ่ย เผ่ย่ ดาย
ดเ่ย ย่ดเ

ผ่ย่ เผ่ย่ รผ่ด เดเ่ย ผ่ย่
เรดเ ผ่ดเ รดอ เผิดเ ดอรี เรดเ่ยผ่ดเ่ย เรดเ ผ่ดเ่ยดาย่
รดาย ผ่ย่ เรดเ รย่ ดาย
เผิดเ รดอ ผ่ดเ่ย ดาเ่ย เดาย่ ดาย่ เดา
รดอ ผ่ดเ่ย เรดเ่ย ผ่ดเ่ย ดาย่ เดาย่ ดาย่.
ย่ดน เรดเ ผ่ดเ รดอ ผ่ดเ่ย ดาย่ ดาย่ เดาย่.

Xấu xúc ấy thì thiếp sợ nói nhục nhằm thực chất xấu xa
Lời nói thực chất thiếp nhìn xuống thì chỉ thấy thực thì
nhìn xuống thì chỉ thấy thực thôi.
Xuống đến đáy thì phải thì nhìn thấy
Xuống thì chỉ đáy thì phải thì nhìn nhằm thực
Nhìn thì nhìn thấy Lời nói thực thiếp nói thấy thực thì nhìn
thấy
thực xuống thì nhìn nhằm thì thiếp thực thấy.
Lời nói xuống chỉ thì đáy nói nhìn xuống thì nhìn thấy
xuống nhìn xuống thực thì
sự thì thiếp thì nhìn thực
Xấu thì thiếp thì nhìn thực
Xuống thì thiếp đáy thì nhìn
Thực thì xuống nhìn xấu sợ thì thiếp
Thực thì xuống thực thiếp
Xuống thì thiếp thực thì
thiếp thì xấu xuống thì thiếp thì nhìn thấy nhìn.
thực thì thiếp.

ขอดตาเมียด ปีกกำมา
ถอย เมียด ฮังกิ ถวายเหยา เฮดเอ ปีกกะปีก
ถวายฮักษา เฮดเอ ปีกจาก.

ถวายเหลา ทหารอู่ สามเจ้าฟ้า สามเมือง จากฟ้า ฟากฟ้า
ถวายฮังหิน จอดเขา ขาดเขา ขาดเขา เฮดเอ ขาดเขา
ถวายเหมา ยิงอู่ ฮังหิน ถวายเหลา เกย
ปกปัก เฮดเอ, เหยาเหยา เหยา.
เหยา เฮดเอ, ขุนอู่ เหยา ขุนอู่.
สาม ถาน เมียด ฮังหิน เหยาเหยา เหยาเหยา ถวายเหลา
ถอย เมียด จอ ฮังกิน เหยาเหยา ขาดอู่ เหยาเหยา ขาดอู่ ขาดอู่
เหยา.

เมียด จอ ฮังหิน เหยา เฮดเอ ไกดเอ ไกดเอ.
เมียด จอ ฮังหิน สามเจ้าฟ้า เหยาเหยา ไกดเอ เกย
จอ ฮังกิน เฮดเอ ขาดเขา เหยาเหยา เหยาเหยา จากฟ้า
ถอย เมียด ขาดอู่, ปกปัก เหยาอู่ ขาดอู่.
ถอย เมียด ขาดอู่ ปีกกำมา ปีกกำมา เฮดเอ ขาดอู่ ปีกจาก.
ขอดเจ็ด เมียด จอ
ขอดตาเมียด ปีกกำมา
ถอย เมียด สามเจ้าฟ้า เหยาเหยา เหยาเหยา
เมียด สามเจ้าฟ้า เหยาเหยา เหยาอู่
จอ เหยาอู่ ถอย เหยาเหยา ขาดอู่
ขาด เหยาอู่ ถอย เหยาเหยา เมียด
จอ เหยาอู่ จอ ไกดเอ ไกดเอ เหยาเจ็ด.

ઉપર વાદળ ઉપર ઝીણે ઝીણે વરસે મેહ
ચોરણ ઉપર ચોરણ વાદળ ઘેરાયું ઘેરાયું
ઉપર વાદળ પેર ભાગેલ વાદળ ઘેરાયું ઘેરાયું
જેહન વાદળ વાદળ ઘેરાયું ઘેરાયું
ઉપર વાદળ વાદળ ઘેરાયું ઘેરાયું જોવા જોવા જોવા જોવા
ઘરબે ઈ વાળ જેવા વાદળ વાદળ
વાળ જેવા વાદળ વાદળ
વાદ વાદળ ઘેરાયું ઘેરાયું વાદળ
વાદ વાદળ ઘેરાયું ઘેરાયું વાદળ વાદળ
વાદ વાદળ વાદળ વાદળ

ฮาน ตา ฮา xอe ยิง
ถอ เมิด ถิง ถ้ำ ขอน เมน ฮ้าน ถึก เพ้ เคิม ก๋อe ขึ ตาย
ห้อก xึก ฮอก

ขึ ฮอก ห้อก xึก ถาย
ก๋าย ฮาก ฮ้าน ถอ เขิ ถอก
ถอe เพ้ เมน ฮ้าน ถอ เขิe ฮอ ฮ้าน
ฮาถ ถอ เมิด ถึก เพ้ เคิม ก๋อe ขึ ตาย ห้อก xึก
ฮอก.

ขึ ฮอก ห้อก xึก ถาย
ก๋าย ฮาก ฮาถ ถอ ฮาก ถอก
ถิม ฮาก ฮาถ ถอ ฮาก ฮอ ฮ้าน.
ถ้ำ ถา ก ญ้า ฮึ ก ฮาถ ฮึ เมิด เอ เพ้ เคิม ก๋อe ฮาย
ก๋าน

ก๋าน ก๋าย เมิด ฮึ ถอ xoe ขึก
ก๋าน ขึก เมิ เมิด ฮึ ถอ xoe ฮาก
ญ้า ขึก ฮาย ฮาถ เมิด ถึก เพ้ ฮา ก๋าย ฮา ถ้ำ ถูก
ฮอ ถอ ถอก ฮาก ก๋าน เขิ เฮอ
ฮา ถ้ำ ถึก ถูก ถิ.
เมิด ถึก ฮาย ฮอ ขึ ฮ้าน
เมิด ขึ ก๋าน ถูก เมน ฮ้าน ขึ ถิก เมิ ฮา ฮ้าน ก๋าย
ขึ xาถ ญ้า ถูก ฮาย ถาย
ฮาก ฮา ฮ้าน ถอe ถูก ถึ ฮา ฮอ ถูก ญ้า ฮ้าน
ฮาถ เมิด ขึ ก๋าน เมิ ถิ ฮา ก๋าย.

Chỉ xoáy tròn như thay
Đàn thiếp đang vào xoáy nước chảy ngược nhau
Xoáy thiếp vào xoáy vào xoáy tóc rối
Nhà nhiều gió xoáy tóc rối mắt
Xoáy thiếp mắt mắt mắt xoáy đen thăm thẳm đáy
Chóng chóng xoáy trên trong xoáy chóng chóng
Vũng nhà nào ngoài sân giếng tròn xoáy
Xoáy thiếp xa trăng xoáy xoáy mãi mãi
Trăng xoáy xoáy nhà xoáy thôn xóm
Trăng xoáy xoáy xoáy tròn tròn
Hoàng hôn xoáy Xoáy thiếp đêm đêm xoáy vòng vòng.
Đêm xoáy chóng chóng trên lưỡi liềm treo
Đêm đang xoáy mắt xoáy xoáy xoáy xoáy xoáy xoáy
Đêm mênh mông trăng xoáy, xoáy ơi
Đêm mênh mông xoáy xoáy, xoáy ơi
Đêm chóng chóng thiếp xoáy xoáy, xoáy ơi
Xoáy thiếp ơi:
Xoáy cho đến khi nào giếng cạn nước,
Xoáy cho đến tháng năm.
Xoáy cho đến khi nào giếng cạn nước
Xoáy cho đến tháng năm
Nước giếng xoáy thì nhà nhà sẽ khát
Xoáy chóng xoáy cho nhà chóng phá sản.

ฮ้างเอ็ดเฮ็ดหุ้ง, เฮือนเมิ่งอ้อ xอ ขอบ ตะ ห้าวุ้ง ตะเฮ็ดฮอด
เฮาะเมิ่งอ้อ ฮ้อยเต้ง xาย ห้า เหิน ฮอด
เพอ xาะ ห้าวุ้ง, เถ้าวุ้งพ้อเต้ ฮ้า เพอ ฮอด xะ เฮาะขาวุ้ง
เต้อวุ้ง เหิน xาย เฮาะ ตะเฮ็ด
ขาว ขอบ ขาย เฮาะ เม้ง ฮ้อย ตะเฮ็ดวุ้ง เมิ่งอ้อ.
ขาว xะ (เต้ห้าวุ้ง) ตัวุ้ง เฮาะ ห้าว เขอบวุ้ง ขอบ
ฮ้อย เขาะ เฮาะ เหิน ฮ้าย เต้วุ้ง ขอบวุ้ง ขอบ เฮอะ เฮาะ ห้าย
xอง ฮะ เพอ ฮอด ห้าะ ฮะ เพอ เมิ่งอ้อ ฮ้อย xอง ขอบ เฮาะ ตะขอ

ตะเฮ็ด ห้าวุ้ง

ฮ้อย เหิน ขอบ ฮะ เพอ ตะเฮ็ด ตะ เฮาะ เฮาะ
เฮาะ ตุ้ง xอ ฮะ เขอบ ขาย ตะขอ ฮอด เว้.
ห้าะ ขาย ฮ้อย ฮ้อย xอง ขาะ ฮ้อย ฮ้อย เฮาะ.
ฮ้อย เหิน ขาะ ฮ้อย ฮ้อย เฮาะ
เฮาะ เมิ่งอ้อ ขาย : ตัว ฮ้อย ห้า ตัว ฮ้อย.
ฮ้อย xอง เฮาะ เฮาะ เหิน ฮ้อย ฮ้อย ฮะ
ฮ้อย เหิน เฮาะ เฮาะ เหิน ฮ้อย เฮาะ เฮาะ
เฮาะ ฮ้อย เฮาะ ฮ้อย เพอ เหิน ขาย ฮะ
xอง ขอบ เฮาะ เฮาะ ห้าะ ขอบ เหิน เฮาะ ขาย ตะขอ ขอบ เฮาะ เฮาะ
เฮาะ ตุ้ง.ขอบ เฮอะ เฮาะ เฮาะ ฮ้าะ
ฮ้อ เหิน เขอ เขา เฮาะ ห้าะ เฮาะ ฮ้อย ตุ้ง ตุ้ง.
ตุ้ง เฮาะ เฮาะ เอ๊อ xาย เฮาะ ตุ้ง ตุ้ง ฮ้อย ตุ้ง
เหิน ตุ้ง xอ เขอ เขา ห้าะ เฮาะ ตุ้ง ขาย เฮาะ
ตุ้ง xอ เขอ เขา เฮาะ เฮาะ ตุ้ง ขาย เฮาะ.

Xưa [illegible] ai đi xứ ấy xa vạn dặm
Nay [illegible] ai đi xứ ấy xa ngàn
Thôn làng [illegible] người thưa thớt vắng
Người vắng làng thưa thớt sương giăng.
Người đứng ngóng làng phía xóm
Người đứng trông làng phía sông
Người thổi lửa gì nhóm bếp
Người thổi khói [illegible] nhóm rơm
Người thổi lửa gì nhóm nhà ai vậy nhỉ.
Nhà thưa, người ít vắng [illegible] sông [illegible] nhà [illegible] người [illegible]
[illegible]
nhà [illegible] người [illegible] thưa [illegible].
nhà [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].

Mắt ai [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible].

ปู่ เห็น คอย ตาย เมีย ตาย ลูก ตาย, ลูก ตาย หลาน
หลาน ลูก ตาย ปู่ ลูก ตาย เหลือ เอา แต่ ตัว.
เอา แต่ ตัว แต่ คน ตาย เอา แต่ ตัว ไป ตาย ขอ นก ตาย
เอา แต่ ตัว แต่ คน ตาย เอา ตาย เหลือ ผัว ขอ หาย เอา
ปลิง แต่ ตัว แต่ คน ตาย เอา ใคร เหลือ ผัว ตาย ผัว ตาย เอา ตาย
แต่ ตัว ๑๕๓ คน เหลือ ผัว ตาย แต่ ตัว ไป
ปาก เสือ ปาก ลูก เขา ๑๗ คน หาย ตาย ตาย
แต่ ตัว ลูก คน เมีย ตาย
เหลือ ใคร ผัว เหลือ ตาย ว่า: ข้อ เหลือ ตา ผัว ขอ ตาย.
เมีย แต่ ผัว ใคร ใคร ตาย เอา ตาย ๑๕๓ ลูก ๑๗ คน,
หลาน ตาย เหลือ
๑๕๓ หลาน เมีย เหลือ ตาย ผัว ตาย ลูก ตาย ตาย เหลือ.
ตาย ตาย เหลือ เหลือ ๑๗ คน ตาย ตาย.
ตาย ตาย เหลือ เหลือ ผัว ตาย หลาน ตาย
ตาย ๑๗ ๑๗ ตาย ตาย ๑๕๓ ๑๕๓ ตาย.
๑๕๓ หลาน เมีย เหลือ เอา ลูก ผัว ผัว เหลือ ลูก.
ลูก หลาน เหลือ ผัว เหลือ ตาย
ตาย ขอ ตาย ลูก ๑๕๓ ๑๕๓ ตาย ๑๗.
หลาน หลาน ๑๕๓ เหลือ ๑๗ ตาย ตาย
ผัว ๑๗ ใคร ตาย ตาย หลาน
หลาน ตาย ๑๕๓ ๑๕๓ ตาย
ลูก ๑๗ ๑๕๓ ตาย เมีย ผัว ตาย ตาย ๑๗
๑๕๓ ตาย ๑๗ หลาน ลูก ตาย เมีย ๑๕๓ ๑๕๓ ๑๗ ๑๗

ตาย่าง ขึน เมื่อย รัง ดูย เฒ่า
เพ่ย ฆา เฒ่า เพ่ย ขึย ฟ้า ฆา
เพ่ย ฆา เฒ่า เพ่ย ยา ฟ้า เสา
ฟ้า ย่าง ฟ้าน ฆอย เฒ่า ขุก ฆา ฆอน ฆาย ฟ้า
ฟ้า ฆาน ฟ้า ฆอย ฆา ฆอน ฆาย เฒ่า
ฟ้า ดูน เฒ่า ฆอย ดาย ปาย
ฟ้า ยาย เฒ่า ฆอย ดาย ฆอา
นาย ปาย ฆาย ฆอน ขุน ฮอก นาย ฆอาย
ฆาย ดาย (ฆวาย) ฮอก นาย ฟ้า
เฒ่า เมิน ดอ ฆาย เพ่ย ดา.
ปาย เฒ่า เมิน เมิน ฆาย
เพ ดา ดาย ฟ้า ฆอน ฆอ ฆาย นาย ฮอย ฆา
ดาย เฒ่า ~~ดาย~~ ฆอน เฒ่า นาย ฆา ปา
เฒ่า ดาย ดอ ฟ้า ฆอ ฆาย
ฟ้า ยาย ดอ ฟ้า ดาย เฒ่า ฆา,
ฟ้า ปาย ฆอ เฒ่า
ดอ ฟ้า เฒ่า ฆอ ฮอ ฮา
เฒ่า เมิน ดอ ฆาย เพ่ย ดา.
ปาย เฒ่า เมิน เมิน ฆาย
เพ ดา ดาย ขุก ฆาย
ขุก ฆาย นาย ฮอก ฆา
ดาย ดา ยอก นาย ปาย ฆา
ดาย ฆวาย ยอก นาย ปาย ฆา ดา ฆอ.

ꪕꪫꪀ ꪉꪻꪹ ꪀꪱꪹ ꪋꪺꪊ ꪙꪱꪻꪹ ꪀꪫꪺꪋ
ꪕꪶꪀ ꪙꪺꪋ ꪀꪱꪹ ꪋꪺꪊ ꪙꪱꪻꪹ ꪇꪱꪻꪹ
ꪕꪶꪀ ꪀꪱꪻꪹ ꪀꪱꪹ ꪋꪺꪊ ꪙꪱꪻꪹ ꪎꪫꪀ ꪙꪱꪻꪹ ꪉꪽꪇ
ꪋꪺꪊ ꪕꪶꪇꪹ , ꪋꪺꪊ ꪋꪺꪀ ꪇꪺꪊ ꪋꪱꪺꪇ ꪋꪺꪀꪋꪺꪀ ꪙꪺꪋ
ꪋꪺ ꪀꪫ ꪀꪱꪻꪹ ꪇꪺꪊ ꪉꪻꪱꪹ ꪙꪱꪺ ꪇꪺꪊ
ꪀꪱꪻꪹ ꪇꪺꪊ ꪋꪺꪊ ꪙꪱꪺ ꪙꪱꪶꪹ
ꪎꪎꪺ ꪀꪱꪹ ꪇꪺꪊ ꪙꪱꪀ ꪀꪺꪎ ꪋꪺ ꪎꪫꪺꪋ
ꪀꪱꪹ ꪇꪺꪊ ꪙꪱꪀ ꪇꪺꪋꪋꪺ ꪋꪱꪀ
ꪀꪺꪎ ꪋꪱꪀ ꪀꪱꪹ ꪋꪺꪊ ꪋꪺ ꪎꪱꪫ ꪋꪱꪻꪹ
ꪋꪻꪹ ꪋꪱꪀ ꪀꪱꪹ ꪋꪺꪊ ꪋꪺ ꪎꪱꪫ ꪙꪱꪺ
ꪋꪺꪊ ꪋꪺꪊ ꪀꪱꪹ ꪋꪺꪊ ꪋꪺ ꪎꪱꪫ ꪙꪱꪺ
ꪋꪺꪊ ꪋꪺꪀ ꪀꪺꪎ ꪋꪺꪀ ꪀꪺꪎ ꪋꪺ ꪀꪫꪺꪊ
ꪋꪻꪹ ꪀꪺꪋ ꪇꪱꪀ ꪀꪺꪊ ꪋꪺ ꪎꪱꪫ ꪋꪺꪊ ꪋꪺꪊꪋꪺ
ꪋꪻꪹ ꪋꪺꪊ ꪇꪱꪀ ꪀꪺꪊ ꪋꪺ ꪎꪱꪫ ꪋꪺꪊ ꪋꪺꪊꪀꪺ
ꪋꪺꪊ ꪋꪺꪀ ꪀꪺꪊ ꪋꪺꪊ ꪀꪺꪋ
ꪀꪺꪊ ꪋꪱꪀ ꪋꪺꪀ ꪋꪺꪀ ꪀꪺꪋ
ꪋꪫ ꪀꪫ ꪎꪎꪫ ꪀꪺꪊ ꪋꪺ ꪀꪺꪊ ꪋꪺꪊ
ꪎꪎꪫ ꪋꪺ ꪙꪱꪫ ꪋꪺꪊ ꪋꪺ ꪎꪱꪫ ꪎꪎꪺꪊ ꪎꪫꪺꪊ ꪋꪺ ꪙꪱꪫ ꪎꪎꪫ.
ꪋꪺꪊ ꪋꪺ ꪎꪱꪫ ꪎꪎꪺ ꪋꪺ ꪎꪱꪫ ꪀꪺꪊ ꪎꪎꪺꪊ ꪎꪫꪺꪊ ꪋꪺ ꪙꪱꪫ ꪎꪎꪫ
ꪋꪺꪊ ꪋꪺ ꪎꪱꪫ ꪀꪺꪊ ꪀꪫꪎ ꪎꪫꪺꪊ ꪎꪎꪺꪊ ꪎꪫꪺꪊ ꪋꪺ ꪙꪱꪫ ꪎꪎꪫ
ꪋꪺ ꪀꪫ ꪎꪎꪫ ꪀꪺꪊ ꪀꪫꪎ ꪎꪫ

ยังไง เกิดอยู่ บนดอย ตากหัวนาคะ
นองอยู่ ทานา นองอยู่ เคียงปักหลักเฝ้าข้าว
ถ้าเขาทาน ถ้าเขาขึ้นอยู่เฝ้าหนอง
แม่เมิดถูกอยู่ วายเขียดกิน
นกยางกินเมิดในนา ตาย.
เฝ้าตรงนา บนดอยขี้ควายนาเหม็น
ใครยังไง นกเขาคิดถึงเมียตัวเอง
ใครยังไง ตัวเองก็อยู่ดูแลลูกยังไง
นกเขายังไงกิน เขาขี้ควายนา
กลางเหม็น, ทุกข์ใจนี้อยู่มาหักวาย
ลองหนองมาหักหมด
แม่เมิดถูกอยู่วายเขียดกิน
นกยางกินเมิดในนาตาย
เฝ้าตรงคูเขื่องหัวนอน, ถอนหัวยังไง
หวันนี้ควายนกเขาขี้ควายเหม็นเหลือเกิน
ควายหัวเขาเหม็นแสนหัวนาคะ.
หัวคือควายอยู่ดอยอยู่ถูกเขียดกิน
หัวคือปักดำอยู่ถูกเขียดหัวใจ.
หัวใจหัวเหมือนใครมา
นาหัวเหมือนใครเมือง
นองอยู่ทานา นองอยู่เคียงปักหลักเฝ้าข้าว
ถ้าเขาทาน ถ้าเขาขึ้นอยู่เฝ้าหนอง
แม่เมิดถูกอยู่วายเขียดกิน.

ผิดๆ ณาบ ไผด ไผก ทาย
เผ ดง ดาสัญ ดายผอม
ดอน ดายณาวัน มาด ยังๆ
ดายๆ มาด ทาน หญ้า พร xงด ดอ หาด ได้ ดงๆ
ทาน หญ้า พร ทรุ ดอ หาดๆ ได้ ไดย.
ณา หาด มัน ณัก ดาๆ ยิน ตายๆ
ณัก ทอ ปัน ทอ หนๆ ตายๆ
เรยๆ ไผก ดอ ดาๆ เผๆ ดา
ผิดๆ ณาบ ไผด ไผก ทาย
เผ ดง ไตน ทรัญ หรัน xรัน ทรัญ มาดๆ.
ทาบ ไกๆ มัน ดอ หาดๆ ดาด.
ทาบ ทาด มัน ดอ หาดหาดๆ.
เรยๆ ไผก ผิดๆ ดาๆ เผๆ ดา.
ดอ ผิดๆ ณาบ ไผด ไผก ทาย
เผ ดง เรยๆ เณา ณาวัน
เณา ยังๆ เรยๆ ดอ หาด
เณา ยังๆ ผิน ดอ ผันก.
มา ๆรท หนๆ มา ยังๆ ยัง ณายเณา
เรา ดอ มา ยังๆ หรัน ณัยๆ หุงๆ เดา ณาด.
ไผก ผิน ไผด เณา ออก.
ไผก ผอก ไผด เณา ๆบ
ไผก ๆผา ดอ หาก มา ไผด เดา เณา
เรยๆ ไผก ดาๆ เผๆ ดา.

ယိၵဧ လၢၼ်ပဵၼ်ၸဝ်ၵဝ်ၼၢဲ
ဢမ် ပိုၵဧ ၵုၼ်မၢ်ၶၢဝ်
ဢၼၵ် လဝ်ၼ်ၼ ၸၢၵ်ၽၢ်ၵ်ၶၢ ၵၢၼ်ၵ်ၶၢ ဢိၼ်မၢ်ဢၢၵ်.
ၽၢ်ၵ်ၶၢဧ ၵၢၼ်ၵ်ၶၢ ဢိၼ်မၢ်ဢမ်.
ပဝၵဧ ၵၢဝ်ၶၢ်ၵ်ၶၢ ၵၢဝ်ၶၢ်ၵ်ၶၢ ၶဝ်ၵ် ယိၼ် ၵၢ
ၵၢဝ်ၶၢ် ၸၢဧ ၵၢဝ်ၶၢ်ၵ်ၶၢ ယိၼ် ပဵၼ်ဧ.
လဝ်ၼ်ၼ ပဵၼ် ၸၢၵ်ၽၢ်ၵ်ၶၢဧ ၵိၼ်ၸၢ်ၵိၼ် ဢၢၵ်ၽၢ်ၵ်ၶၢ ၶၢဝ်ၵ်ၶၢ
လဝ်ၼ်ၼ ၵုၼ်ၶၢ ၸၢၵ်ၽၢ်ၵ်ၶၢဧ ၵိၼ်ၸၢ်ၵိၼ် ဢၢၵ်ၽၢ်ၵ်ၶၢ ၵၢၼ်
ဢမ်ဧ ပဵၼ် ၵဝ်ၶၢ်ၵ်ၶၢ ပဵၼ်ဧ ၵၢ.
ယိၵဧ ၵၢၼ်ပဵၼ် ပဵၼ်ၸဝ်ၵဝ်ၼၢဲ
ဢမ် ၵၢ ၵၢၼ်ၶၢ် ၵဝ်ၶၢ်ဢမ်ဧ ၵဝ်ၶၢ်ယိၼ်
ၵၢၼ်ၶၢ် ယိၼ်ၵိၼ်ဧ ၵဝ်ၶၢ်ဢမ်ၵုၼ်.
ၵၢၼ်ၶၢ် ၵဝ်ၶၢ်ပဵၼ်ၵိၼ် ၵဝ်ၶၢ် ဢမ်ၵ် ဢၢၵ်ၽၢ်.
ၵၢၼ်ၶၢ် ယိၵၢ ပဵၼ်ၵိၼ် ယိၵၢ ဢမ်ၵ်ဧ ၵၢ
ယိၵဧ ၵိၼ် ၸၢၵ်ၶၢ် ဢဝ်ဧ ဢမ်ၵ်ဧ ၸၢၵ်ၶၢ် ဢၢ
ၵိၼ် ဢၵၢၼ်ၵၢ ဢၢၵ်ဧ ဢၢၵ်ၽၢ်
ဢမ်ဧ ပဵၼ် ဢဝ်ဧ ပဵၼ် ၵၢ.
ယိၵဧ ၵၢၼ်ပဵၼ် ပဵၼ်ၸဝ်ၵဝ်ၼၢဲ
ဢမ် ၵၢ ၵိၼ်ဧ ဢမ်ဧ ၵိၼ်ၵိၼ်
ဢမ် ၵၢ ၶဝ်ၵ် ဢမ်ဧ ပိုၵ်
ဢမ်ဧ ပိုၵ် ၵဝ်ၶၢ် ၶုၼ်ၵ် ၵိၼ်ၵိၼ်
ဢၵၢၼ် ယိၵဧ ၵိၼ် ပိုၵ် ဢၢၵ်ၵ၀၀ၵ် ၵိၼ်ၵိၼ်ၵ်
ဢမ်ဧ ပိုၵ် ယိၵဧ ၵုၼ်ၵ်ၵိၼ်ၵိၼ်ၵ် ဢၢၵ် ၵၢၼ်ၵ် ပိုၵၢ

ꪀꪱꪻꫀ ꪎꪖꪫꪎ ꪒꪖꪉ ꪙꪱ ꪒꪉꪻꪙꪖꪫꪎ ꪀꪱꪻꫀ ꪀꪉꪎ .
ꪒꪖꪉ ꪻꪻꪉꫀ ꪒꪉꪻ ꪀꪖꪱ ꪒꪉꪫꪎꪀ ꪀꪖꪻꪻꪱ.
ꪒꪖꪉ ꪙꪱ ꪒꪉꪻ ꪖꪱ ꪒꪉꪫꪎꪀ ꪖꪖꪻ ꪙꪱ, ꪖꪻ ꪉꪉꪒꫀ .
ꪙꪉꪒꫀ ꪀꪉꪑ ꪙꪱꪎ ꪀꪱꪻꫀ ꪒꪖꪉ ꪙꪉꪒꫀ ꪙꪱ.
ꪀꪱꪻꫀ ꪙꪖꪱꪀ ꪀꪉꪑ ꪀꪙꪱ ꪖꪖꪉ
ꪙꪉ ꪻꪻ ꪖꪎ ꪉꪎꪎ ꪀꪙꪱꪎꪙꪖꪒ
ꪀꪙꪒ ꪒꪱꪑ ꪙꪱꪎ ꪖꪖꪱ ꪎꪱꪀ ꪒꪉꪻ xꪉ ꪒꪒꪒ .
ꪀꪙꪒ ꪀꪱꪒꫀ ꪎꪙꪒꫀ ꪒꪉꪻ ꪎꪱꪒꫀ, ꪉꪎꪎ ꪎꪱꪒꫀ ꪖꪖꪻ ꪙꪱꪎꪙꪖꪱꪀꪀꪱ.
ꪙꪒꫀ ꪖꪖꪒ ꪀꪱꪑꫀ ꪖꪱꪀ ꪖꪖ ꪖꪖ ꪒꪉꪻꪙꪉꪒ.
ꪖꪱꪒ ꪖꪱꪀ ꪖꪖ ꪖꪖ ꪻꪱꪑ
ꪙꪒꫀ ꪀꪱꪒꫀ ꪖꪱꪀ ꪀꪙꪱ ꪖꪖ
ꪀꪱꪻꫀ ꪀꪱꪒꫀ ꪖꪱꪀ ꪀꪙꪱ ꪖꪖꪱ
ꪙꪒ ꪀꪱꪻꫀ ꪖꪖ ꪒꪖꪙ ꪒꪱꪑꪙ ꪻꪻꪒ ꪒꪒꪒꪎ
ꪒꪖꪑ ꪒꪒꪻꫀ ꪖꪖ ꪻꪖꪑ ꪻꪱꪻꪙ ꪻꪻꪒ ꪒꪒꪒꪙ
ꪻꪖꪑ ꪒꪒꪒ ꪖꪖ ꪖꪖꪑ ꪖꪖ ꪖꪖꪙ
ꪒꪒꪻꫀ ꪖꪖ ꪖꪖꪑ ꪻꪒꪒ ꪀꪱ ꪖꪖ ꪻꪖꪑꪙ
ꪒꪒꪻꫀ ꪀꪱꪻꫀ ꪎꪱꪑ ꪒꪒꪒ ꪻꪻꪖꪑ ꪖꪖꪻ ꪒꪒꪒꪙ
ꪒꪒꪒ ꪒꪒꪒꪻꫀ ꪒꪒꪒ ꪻꪻꪖꪑ ꪖꪖꪻ ꪒꪒꪒꪙ
ꪖꪖꪻ ꪒꪒꪒꪻꫀ ꪎꪱꪑ ꪖꪖꪻ ꪒꪒꪒ
ꪒꪒꪒꪙ ꪀꪱꪻꫀ ꪎꪱꪑ ꪒꪒꪒ ꪀꪱꪻꫀ ꪀꪉꪎ
ꪒꪒꪒꪙ ꪀꪱ ꪖꪖꪎ ꪖꪖ ꪒꪒꪒ
ꪒꪒꪒ ꪖꪖꪻ ꪖꪖꪎ ꪀꪱꪻꫀ ꪎꪱꪑ. ꪉꪎꪎ ꪖꪖꪖꪙ

ઝાપ ઘણ્ય ભણ્ય ઘાર ઉપ્ય ઘણ ઘ્ણ ઉપ્ય ઉપ્ય ઘાપ ઘાપ
ઝાપ ઘાઉ ઘા ઘાપ ઘાપ્ય ઘાપ ઘણ ઘણ ઘાપ્ય ઘાપ.
ઘાપ ઘાઉ ઘાપ્ય ઘણ્ય ઘણ્ય ઝાપ ઘાપ ઝા ઘાપ
ઘાપ ઘાઉ ઘાપ્ય ઘણ્ય ઝાપ ઘાઉ ઝા ઘાપ્ય ઘાપ
ઘણ્ય ઘ્ણ ઘાપ્ય ઘાપ.
ઘાઉ ઝાપ્ય ઘણ્ય ઘણ્ય ઝા ઝ્ણ ઝ્ણ ઝ્ણ ઉપ્ય
ઘણ્ય ઘાઉ ઘાપ્ય ઝ્ણ ઘાપ્ય ઝ્ણ
ઘાપ્ય ઝ્ણ ઘાપ્ય ઘાપ
ઝાપ ઘણ્ય ઘણ્ય ઘાપ ઘણ્ય ઝ્ણ્ય
ઝ્ણ ઘા ઘણ્ય ઘાપ્ય ઝ્ણ્ય ઝ્ણ્ય
ઝાપ ઘ્ણ ણ્ય્ણ ઝાપ ઘણ્ય ઘણ્ય ઘાઉ
ઘણ્ય ઝાપ ઘણ્ય ઘાઉ ઝાપ ઘણ્ય ઘાપ્ય ઘા ઘ્ણ ઘાપ્ય ઘા
ઝા ઝ્ણ ઘણ્ય ઝ્ણ ઉપ્ય ઝાપ ઘાપ
ઝા ઝ્ણ્ય ઝ્ણ્ય ઝાપ ઘા ઝાપ ઝ્ણ્ય
ઝા ઝ્ણ્ય ઝ્ણ ઝાપ ઘણ્ય ઝાપ ઝાઉ
ઝાપ ઘણ્ય , ઝાપ ઝાપ , ઘણ્ય ઝ્ણ ઘણ્ય ઝ્ણ્ય ઘાપ.
ઘાપ ઝ્ણ્ય ઘણ્ય ઝાપ ઘણ્ય ઉપ્ય ઘાપ
ઘાપ ઝાપ ઘણ્ય ઝાપ ઘણ્ય ઝાપ.
ઘણ્ય ઝાપ ઝણ્ય ઘાપ ઘણ્ય ઝ્ણ ઝાપ ઘા ઘણ્ય
ઘણ્ય ઝ્ણ ઝાપ ઝાપ ઝાપ
ઘાઉ ઘા ઘણ્ય ઝાપ ઘાપ્ય
ઘાઉ ઉપ્ય ઘાપ્ય ઝાપ ઝાપ ઘાઉ .

ณวาน xาง ทาัญ ฆาัย ทุาัง
ปาัก พาง ณาง เกัย ทุาัง ทา ลาย
ลิ ทาย ปิ ปาัย ลิ พอง ขุาัย ปัญ ทุาัง ทุาังทาัญ ปอมปาทาน
ณาย.

ขุาัย ปัญ ณาย ปาย ทาัญ ฆาัย ฆาัยพอัย ลอง ปาย ปาัญ
ฆาัง ปาัย ณวาน ณาย ปัญ ฆอัย ณาย ปัญ.
ขุาัย ปัญ ปาัญ ปัญ ลิทิลง ทาัย xาัยฆอัย xาัย
xาัง ปาัญ ปัญ ปัย xาัย ทาัย
xาัง ขุาัย ปัญ ปัย ณาัย ทาัย
xาัง ขุาัย ปัญ ปัย ณาัย ทาัย.
ฆาัย ทุาัง ณาง ปัย ณาัย ทาัย ฆาัย ณาัย ทุาัง
ฆอัยณาัย ทาัย ฆาัย ณอ.
ณาย ทาัย ทุอัย ! ปาัยฆา ทาัย
ณาย ทาัย ณอ ! ปาัยฆา ฆาัย
ปัญ ทาัย ฆาัย xอัง ณาัย ปาัย ทาัย.
ปาัย ณาัย ทา ฆอัก ณาัย ทุาัย ลาัง ปาัง
ปาัย ขุาัย ปาัย ฆาัง ณาัย ฆา ฆาัง ทาัย ณา
ปาัย ขุาัย ปาัย ปาัย ณาัย ฆา ปาัย ทาัย ปาัย.
ลาัย ฆาัย ทา ฆา ฆาัย ปาัย ณาัย ทา ปาัง
ทา ฆา ฆา ปาัย ปาัง ณาัย ทา ลาัง
ลาัย ฆาัย ทา ฆา ฆาัย ณาัย ทุอัย ณอ ทุาัย ทาัย ปาัย
ฆาัย ทา ฆา ทุอัย xาัย ฆาัย ณาย ณอ ทาัย ลอย
ฆาัย ทาัย ขุาัย ปัญ ณา xอัย ฆาัย
ขุาัย ปัญ ปัย ปัญ ปัย.

Chúng tôi nhớ những ngày đầu mới lớn
Chúng tôi nhớ những ngày đầu tiên gặp gỡ.
Vườn xưa thắp lửa trong lòng những ước mơ
Lời ca thức dậy bỗng vang vọng trong
Những đêm mắt sáng ánh lên
Cùng chia sẻ niềm vui mãi
Bình ca cùng ngày qua ngày tháng
Mến thương nhau ! Mến thương nhau !
Người đến lời xin đừng buồn nữa
Có mặt đời buồn chẳng riêng
Xin giữ lấy chúng mình vững niềm tin mãi
Những năm tháng vẫn trong ngày tươi sáng
Nhớ lời ngày chúng mình cùng hát
Ngày lên đường chiến đấu
Người đi không hẹn ngày về.
Hành quân mệt nhoài bên đường gió lộng
Mái tóc bay bay như sóng
Những đêm dài cùng nhau
Người không ngủ được
Người đứng canh
Người đứng nhớ vợ xa.
Ôi cuộc đời chiến chinh
Người đến nơi đây chiến đấu hy sinh
Vẫn chưa trong lòng đồng đội.

ꪱꪊꪀ ꪎꪻꪉ ꪱꪱꪊꪒ ꪮꪖ ꪊꪎꪻꪉ ꪻꪎꪊ ꪱꪱꪊ
ꪊꪎꪉ ꪝꪖ ꪊꪱꪒꪖꪱ ꪻꪎꪊ ꪎꪊꪉ ꪎꪒꪊ
ꪎꪎꪊ ꪱꪱꪊ ꪊꪱꪉ ꪎꪊꪉ ꪊꪎꪊ ꪱꪱꪒꪱ
ꪱꪎꪉ ꪱꪱꪒꪱ ꪊꪒꪱ ꪒꪱꪊ ꪱꪎꪉ ꪱꪱꪒꪱ ꪻꪊ
ꪱꪎꪉ ꪱꪱꪒꪱ ꪊꪒꪱ ꪒꪱꪊ ꪱꪱꪒꪱ ꪻꪉ.
ꪎꪻꪉ ꪮꪮ ꪱꪱꪊ ꪱꪊꪉ ꪻꪎꪉ ꪱꪮ
ꪮꪮ ꪱꪱꪊ ꪱꪱꪊ ꪻꪎꪉ ꪒꪱꪊ
ꪻꪎꪉ ꪒꪱꪊ ꪒꪱꪊ ꪒꪱꪊ ꪱꪱꪊ
ꪒꪱꪊ ꪱꪱꪊ ꪎꪻꪉ ꪊꪎꪊ ꪎꪎꪊ ꪱꪮꪒ ꪱꪱꪮ
ꪎꪉꪊ ꪱꪒꪱ ꪎꪻꪉ ꪻꪒꪱ ꪒꪱꪊ ꪱꪱꪎꪉ ꪎꪻꪉ
ꪒꪻꪉ ꪒꪱ .ꪻꪊꪊ ꪱꪎꪉ ꪮꪊꪒ
ꪮꪎꪒ ꪒꪱꪉ ꪎꪻꪉ ꪎꪊꪉ ꪱꪊꪒ ꪒꪱꪒ ꪎꪻꪉ ꪊꪎꪊ
ꪱꪒꪱꪉ ꪒꪱꪉ ꪎꪻꪉ ꪊꪎꪊ ꪱꪊꪒ ꪒꪱꪒ ꪱꪎꪉ ꪊꪎꪊ
ꪱꪱꪒꪱꪉ ꪒꪱꪉ ꪎꪻꪉ ꪊꪎꪊ ꪱꪊꪒ ꪒꪱꪒ ꪱꪎꪉ ꪊꪎꪊ

Lạy đức Mẹ hiền mến
Mười ngày qua đức Mẹ hiện ra
Trên trong sáng ngời xuất hiện tiếng mẹ phán
Hiện hiện hoàng xiêu hoàng xiêu mẹ ra mau
Mẹ ra mau lẹ! Mau lẹ!

II

Lạy Mẹ

Mẹ ra đi đừng dừng nhé!
Đức Mẹ hiện ra trên đồi
Ra hiền từ mẹ xinh tươi
Hoa hồng hồng thắm nhiều
Mười ngày trong ta nghe lời giục nhắc nhủ
Mười hồng ân ngày lời giục mau mau lẹ lẹ
Mau mau lẹ! Giục giờ lạy Mẹ!
Vườn trong ta mẹ lại ở xin xây,
Hồng lại đức Mẹ ở thăm
Vườn lòng thêm thắm trong trong ta
Vườn giục thêm thắm trong hồng
Hiện hiện xây mãi đức Mẹ ra.

ꪙꪱꪀ ꪀꪊꪎꪙꪻꪕꪎꪹ ꪊꪎꪹ ꪻꪶꪎꪀ ꪙꪱ ꪻꪎꪀ ꪎꪱ
ꪻꪶꪎꪀ ꪻꪎꪻ ꪎꪱ ꪀꪱ ꪎꪀꪉ ꪀꪱꪎꪊꪙꪻꪎꪻ ꪻꪎꪀ ꪀꪶꪎꪹ
ꪻꪎꪀ ꪀꪶꪎꪹ ꪻꪎꪀ ꪻꪎꪹ ꪀꪱ
ꪻꪎꪀ ꪎꪱ ꪻꪎꪀ ꪻꪎꪹ ꪊꪶꪻ
ꪎꪉꪀ ꪙꪙꪀ ꪻꪎꪹ ꪊꪱꪎꪹ ꪻꪎꪹ ꪙꪙꪻ
ꪊꪽꪻ ꪙꪙꪀ ꪙꪱꪻ ꪎꪊꪎꪉ ꪎꪉꪻ
ꪊꪱꪻ ꪊꪱꪀ ꪙꪱꪻ ꪎꪊꪎꪉ ꪎꪉꪻ
ꪊꪱꪻ ꪎꪱꪀ ꪻꪱꪻ ꪊꪱꪻ
ꪊꪱꪻ ꪎꪱꪀ ꪻꪱꪻ ꪊꪱꪻ
ꪀꪱꪻ ꪀꪱꪀ ꪀꪱꪎꪹ ꪀꪱꪀ
ꪀꪱꪻ ꪀꪱꪀ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪀ ꪎꪱꪹ
ꪀꪱꪀ ꪎꪱꪀ ꪀꪱꪀ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪎꪱꪹ
ꪙꪱꪻ ꪎꪱꪀ ꪀꪱꪻ ꪻꪶꪎꪹ ꪻꪎꪹ ꪙꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪎꪱꪹ
ꪙꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪙꪱꪻ ꪀꪱꪻ ꪻꪶꪎꪹ ꪻꪎꪹ ꪙꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪎꪱꪹ.
ꪀꪱꪻ ꪀꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ
ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ
ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ
ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ
ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ
ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ
ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ
ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ
ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ
ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ
ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ ꪎꪱꪹ ꪻꪱꪻ

ਨਹਿਨ ਜਜ ਮਸ ਖਤਨ ਸਾਮ ਸਸਨ ਮਜ ਜਜ ਸਸਸ
ਨਹਿਨ ਜਜ ਮਸ ਖਤਨ ਸਾਮ ਸਸਨ ਤਹਿਸਸਸ ਮਜ ਜਜ ਨਮ.
ਖਤਨ ਜਜਜ ਮਸਨ ਥਜਜ ਨਸਮ ਥਸ ਜਹਿਸਨਸਸ
ਥਜਜ ਸਨਸਸ ਥਸ ਜਹਿਸ ਨਸਨ
ਥਸ ਜਹਿਸ ਜਸਨ ਮਸ ਨਸਜ
ਸਸ ਨਸ ਨਸਨ ਥਸ ਮਸਿਨ ਖਤਜ ਮਸ
ਨਸਨਿਸ ਸ ਖਤਜ ਮਸ ਸਸਸ ਸਸ ਸਸਜ
ਖਸਜ ਨਸਨਿਸ ਸਨ ਮਸਜ ਖਸਜ ਜਸਜ ਸਸ
ਸਸ ਸਸਜ ਖਤਨ ਸਸਨ ਜਸਨ ਸਜਜ ਸਨ ਜਸਜ.
ਸਸ ਸਸਜ ਨਸਜ ਜਸਨ. ਸਸਸ ਖਸਜ ਸਸ
ਸਸ ਸਸਜ ਸਸ ਖਜਸ ਸਿਜਜ ਜਸਨ ਸਸਨ
ਸਸ ਸਸਜ ਸਸ ਜਸਸਸ ਖਜਜ ਸਨਸ ਸਸਨ
(ਸਸਨ ਜਜ: "ਸਸ ਸਸਜ ਮਤਜ ਖਸ ਜਸਨ ਸਸਨ ਸਸਿਸਸ")
ਸਸ ਸਸਜ ਥਸਜ ਜਸਸਜ ਖਜਜ ਸਿਜਜ ਸ ਨਤਸ ਜਸਸ
ਸਸ ਸਸਜ ਸਸ ਜਸਜ ਜਸਜ ਖਤਜ ਸ.
ਖਸਿ ਸਸਜ ਜਸਸ ਸਿਜਜ ਸਸ ਸਸਜ ਸਜ ਸਸ ਜਸਜ ਖਤਜ ਸਸਜ,
ਸਜ ਖਸਜ ਸਿਜਿ ਸਸਜ
ਸਜ ਸਸਜ ਥਸਿ ਸਸਜ
ਨਤਿ ਸਸਜ ਖਸ ਨਤ ਸਿਜਸ ਜਸਸ ਸਨ ਥਜਜ ਖਤਜ
ਖਸ ਨਤ ਸਿਜਸ ਜਸਸ ਸਨ ਨਜਜਸਜਜ
ਨਤਜ ਖਸ ਸਸਜ ਸਸ ਜਸਸ
ਜਸਸ ਸਸਸਜ ਸਸਸ ਨਜਜਸਜਜ ਸਸਜ ਸਸਸਜ ਸ.

ɔɪɛ ɯɔɔɑ ɯɯŋ ɕɯɑ ɾɑɤɛ ɕŋ ɾɔɪɛ ɾɯɛ ɯɑ ɾɑŋɔ ɯɔŋ
ɕɯɑ ɾɑɤɛ ɑɪ ɾɑŋɓɛ ɾɑɤɛ ɣɯ ɾɔɪ ɑŋɔ ɾɯɛ xsɛ
ɯɯŋ ɾɯɯɛ ɑɔ ɯɯɔ ɾɤɓ ɣɔɤɛ ɯɔɾɯ ɯɑɤɑ
ɑɔ ɯɔɓɛ ɯɯɛ ɑɔɔɤ ɾɯɑ ɑɾɯɑ ɣɑ ɣɑɤ
ɑɔɔɤ ɾɯɑ ɯɔɤ ɣɑ ɾxɓɛ .

ŋɣ ɯɯɛ ɑɔɔ ŋɣ ɯɔɯ
ɑɔ ɯɔɾ ɯɑɤ ɯɔɯ ɾɔɤ ɾɑɤɤ xɑɤ ɣɔɤɤ
ɯɔɾ ɯɑɤ ɯɑɤ ɯɔɯ ɾɑɤɤ xɑɤ ɑɔɔɤ.

ʌɾ ɯɔɓɯɔɯɑ ɾɯɑɤ ɔɔɾɯ
ɯɔɤɛ ɓɾɯ ɣɾ ɾɯɑɤ ɯɯŋɔ
ɯɯŋɔ xɯɾ ɾɯɓ ɯɔɯɛ ɣɯɔ
ɾɯɯɔ ɾɯɓ ɯɔɯɛ ɤɤɾɤ
ɯɯŋ ɔɔɤɤ ɯɔɯɛ ɾɾ ɾɯɑɔ
ɤɤɾɤ ɣɯɾɛ ɯxɛ ɯɯɓ ɾɯɯ
ɾɔɯ xɾɾ ɾɯɾɾ ɯxɛ ɯɑɤɛ
ɯɯɯɛ ɾɯɤɓ ɑɔ ɾɯɛ ɑɾɯɛ ɯɯŋ
ɯɯ ɾɯɛ ɯŋɔ ɑɔ ɾɯɛ ɯɾɯ ɯŋɔɛ ɯɯɯɔ ɯɯɯ ɾɯɓ
ɑɔ ɯɯɛ ɾxɓɛ ɯɯɾɾ ɾɯŋɔ ɯɔɔɤ ɯɯɯɔ ɯɑɛ ɯɾɓ
ɾɯŋɔ ɯɔɔɤ ɯɑɓ ɑɔɯ ɓɔɯ
ɑɤɓ ɯɯŋɔ ɾɤ xsɛ ɯɯŋɔ ɾɯɾɾ ɾɯɯɛ
ɑɤɓ ɾɯɓɾ ɾɤ xsɛ ɾɯɓɾ ɾɯɓ ɾɯɯɛ
ɾɤ xsɛ ɯɯŋɔ ɾɛɓɓ ɾɯɛ ɾɯɑ ɯɾɔ
ɯɯɔ ɓɔɯɔ ɾɯɯŋ ɔɑ ɯɑɔ, ɾɯɛ ɑɑ .

ชมร ดูก็ เหมือ มา xse, เมะ ถา
เคา ยังse xาอ ขนร ทัก, เมะ ถา
ขมอน ยังse ขาง ขนร ออน, เมะ ถา
เห็น เอา เมียตา ตร, เมะ ถา.
ขนร เออน ทาน ร้าย เอย เออา, เมะ ถา.
ร้าย เมะ เอย ร้อย เหย, เอา เหย, เมะ ถา.
ขแ6 มา เออน เอย ขมอนถาน, เมะ ถา.
เขาอ6e เออน ร้อน โต 6s ทาเe ปอย, เมะ ถา.
ร้อย เอย เอา ! ชาย ทาน ร้อย !
xา ฝ ร้าย ถ้าเe xา ม มา ขาย
ขาย ฝ ร้าย ถ้าเe ขาย มาก เอย
ถ้าก ถาe เห็ ถาน ดูก เอา เมะ ขาย
ถ้าก ถาe เห็ ร้าย ขาย เอา ร้าย ถา.
ตา ดูก เหาย มา เหย6
ตา เขx6 เหาย มา มงอe
ร้าย ถงม เมะ ร้าย ร้อน หาอ6e
ร้าย มา6 เมะ ร้าย ร้อน เออา
เมะ ร้าย ร้อน ตัอ6e เอย เออา
เมะ ร้าย ร้อน ถงม เอา เอย ปอ6e
เต6 หาง เออน ตา เหย
ร้าย เหย เหาย ร้อน ดูก เหย เอ6e ถาe เอย ดูก.
เม ขาย ร้อน ตัอ6e ดูก เห็e xร้งn เห็e,
ตัอ6e ถาย เห็e xร้งn ฝ.

ผาย ฮิน หลาย ฆาก ฆาย
ผาย ฮิน ฆาญ ฆาก ไฟ ฆาก ผาย.
ฮิน ฆาง ถัง ลาย ผาย ฑา ทะเล ฆาย.
ฮิน ฆาย ถาย ลาย ฑา ทะเล ฆาย ฆาย หลี
ปู่ ฮิน ทะ ฆาย ลาย ผาย ฑา ฮิน ฮิน.
ฮิน เฆย ฮิน ลาย ผาย ฑา ทะเล ฆาย ฆาย.
ปาย ฆาย ฮิน ลาย ผาย, ลาย ลาย
ฆาย เฆย ฮิน ผาย ฑา ฮิน ฆาย ฆาย.
ฆาย เฆย ฆา ฑา ลาย เฆย ผ่าน ฮิน
ฆาง ผ่าน ผาย ฑา ลาย ฆาย ทะ ฆาย
ทาย ผาย ฆาย ฑา ลาย ฆาย ฆาย ปาย
ฆาย ฆาง ทาย ไฟ ฆาย ฆาย ฆาย ฆาย
ฆาย ฮิน ฑา ฆาย ฆาย ฆาย ฆาย ฆาย.
ผาย ทาย ฆาย ฆาย ฆาย ฆาย.
ฆาย ฆิน ทาย ฆาย ฆาย ฆาย.
ฆาย ฆา ฆาย ฆาย ฆาย.
ทาย ฆาย ฆา ฆา ฆาย ฆา ฆาย.
ฆา ฆา ฆาย ฆา ฆาย
ฆาย ฆาย ทาย ฆาย ฆาย, ฆาย ฆา ฆาย ฆาย
ฆาย ฆาย ฆาย ทาย ฆิน, ฆาย ฆา ฆาย ฆาย
ฆาย ฆา ฆาย ฆาย ฆาย ฆิน, ฆาย ฆิน ฆาย ฆาย
ทาย ฆาย ฆาย ฆา ฆาย ฆาย ฆาย ฆาย.

ทาน ตาย ตาย ถูกใจ ถูกตอบ
ทาน เหงา ตาย ถูกใจ ถูก ทาย ตาย หนู
ทาย เอ๋ย ! ทาย เอ๋ย !
ทาย ตา ปาก ตา หลอด ยาง เอ๋ !
ตา ขาว ตา ดำ, ตา เหล็ก
ขา ท้อง ใหญ่ ตอย ตอย ท้อง ยาง ตอย ปาก
ทาย ตา ตาย ใคร ร้อง
ทาย ตา ตาย ใคร ทาย
หนู หอย หนู ปาก ใคร ตอง ยา ยิง.
ลอง ทำ ตาย ตอย ถูก ตัว
ลอง ขอ ตอย ถูก ตัว.
ลอง ไม่ ถาม ตอ ขอ ตอน ตาย ตาย-เหลือ เพื่อ.
ลอง ไม่ ตอ ยิง ขอ ตาย ตอน เหลือ ถาม.
ลอง ไม่ ยิง หนู ถาม ตอน เขา เขา
ยาย ลอง ทำ ขอ ขาย ยาย ตอ หนู
ลอง ไม่ ใช่ ปาก ปาก หนู ตอน ขอ ปาก
ลอง ไม่ ใช่ ปาก ปา หนู ตอน ขอ ตอน
ขอ ปิด ใช่ ใช่ ถูกขอบ ถาม ปา ลอง
ลาว ปา ลอง.

(ออก หนู, ลาย ตัว ตา ยาย เป็น ถาม ขอ ขอ หนู หอ
ลาย ขอ ลอง ลอก):

หนู ตัว ปาก ปาก ขอ ตัว หนู
หนู ขอ ขอ หอ ขอ ปาก ขอ ถาม.

(ภาษาไทยถิ่นสิบสองปันนา - ของชาวธรรมชาติ):

เมื่อ ออกเกิด : อ้อ, เอ๋, อา...
ที่ ใส เมื่อ ก็ได้ เอง ดี
ที่ ใส ดี ได้ เอง ก็.
แม่ เจ้า! แม่ เจ้า!
แม่ เอา ข้าว เอา น้ำ
แม่ เอา ถ้ำ เอา ถ้วย.
แม่ เอา เรือ เอา ฆ้อง.
ใคร ขาย ผัก ขาย ข้าว ขายเกลือ ขายเหล็ก
เอา เงิน ได้ ก็ ซื้อ เหล็ก ไฟ ดี
เงิน ได้ สัก ซื้อ เหล็ก ไฟ แม่.
ใคร แม่ เหมือน ขาย หมาก ขาย ผ้า
ใคร แม่ เหมือน เงิน หมาก ผ้า ไหม
เอา เงิน ใส ก็ ได้ เอง ดี
เอา เงิน ใส ดี ได้ ก็ ดี
แม่ เอา ข้าว ใส่ ถ้วย ก็ ได้ ดี.
ขอ หมู หอย ขอ ปู ก็ ได้ เงิน.
ขาย ขอ ผัก ขาย ขอ ปลา ขาย ขอ ข้าว
ขาย ขอ ไก่ ขาย ขอ หมู เหล็ก ไฟ ได้ ดี.
ถ้วย ชาม ใส ใคร เอา ขาย ได้, ดอก ที
ถ้วย ชาม ใส ดี ดอก ที, ดอก ที.

ઇકા ધાધદ લોદિલ્ય ખર્ય સાંદ્દિા ર્ધાધ,હ્યાદદ xf
ધ્યાદ લાદ્ય સા દ્દિા ખર્ય, હ્યાદદ xf.
ખ્રર્ય ધ્યાદ માંસદ બાદ દિા, હ્યાદદ xf
માદ લાદ્ય માદ્ય ર્ધ્યાદ્ય ર્ધ્યાદ્ય, હ્યાદદ xf
ધ્રિંદ્ય દિલ્ય દિા xoદ મ્યાદ, હ્યાદદ xf .
લાદ્ય ખ્રર્ય સા ધાદ માંધ, ર્ધ્યાદ્ય
ઇધ્ય માંધ્ય ખ્યાદ સા ધાદ માદ લાદ્ય, xંધ ધાદ્ય .
ર્ધ્યાદ્ય માંદ લાદ્ય સાદ લાર્ધ્ય ર્ધ્યાદ્ય માંદ.
ર્ધ્યાદ્ય માંદ લાદ્ય સાદ લાર્ધ્ય ધાદ માંદ
ધાદ ધ્રાં ર્ધ્યા લે ઇંદ્ય લાદ્ય દાંદ્ય.
ધાદ દ્રિદ્ય ર્ધ્યા લે xદ્ય લાદ્ય દાંદ્ય દાંધ્ય.
ધાદ ર્ધાદ ઇદા દાંદ સ્ર્ય ર્ધ્યાદ્ય લે xદ્ય દાંદાલ્યદ્ય ઇદ્યાદ

ર્ધ્ય

xદા ર્ધ્યદ્ય લે ધ્રિંદ્ય.
xદા ર્ધ્યદ્ય ઋ લે ધાધ્ય
સાદ ધાદ દાંદ્ય લાદ્ય ધ્યાદ્ય લે ધાદ દાંધ્ય xંધ્ય ઇદા xંધ્ય ખ્યાદ.
માદા લાદ્ય માંધ્ય ધ્યાદ્ય
xંધ્ય દ્રિ ધ્યાદ્ય લાદ્યદ્યાદ્ય, ધાદ્યદાંધ્યા ધાદ.
દાંદ્ય ધ્યાદ્ય દ્રિ ધાદ xf xંધ્ય ઇદા xંધ્ય ખ્યાદ.
xંધ્યદ્યાદ લાદ્યા સ્ર્ય ર્ધ્યાદ્ય ઇદાદ લાદ્યાદાંદ.
લાદ્યા સ્ર્ય ર્ધ્યાદ્ય લાદ્ય લાદ્ય xાંદ્ય.
xંધ્ય દ્યાદ ઇદ્ય સ્ર્યદ્યા દાંધ્ય માદ
ધાદ ઇદા ધાદ દાંધ્ય ધ્યાદ્ય.

ꪎꪫꪉ ꪒꪱꪉ ꪒꪱꪎꪫꪶꪀ ꪱꪑꪾ ꪀꪱꪒ
ꪒꪱꪉꪉ ꪀꪱꪉ ꪒꪱꪀꪉ ꪒꪱꪶ ꪉꪾꪒꪱꪶ
ꪱꪑꪾꪶꪀ ꪀꪱꪉ ꪒꪱꪀꪉ ꪒꪱꪶ ꪀꪱ.
ꪀꪱꪒ ꪱꪑꪾ ꪒꪱꪀꪉ ꪉꪾꪒ ꪱꪑꪾꪶ
ꪀꪱꪒ ꪱꪑꪾꪶꪀ ꪒꪱꪀꪉ ꪉꪾꪒ ꪒꪱꪶ.
ꪒꪱꪑꪾꪉ ꪀꪱꪑ ꪶꪀꪶ ꪒꪱꪎꪫ ꪎꪫꪎ
ꪒꪱꪎ ꪎꪫ ꪒꪱꪶꪀ ꪒꪱꪑ ꪒꪱꪉꪉ
ꪒꪱꪉꪶꪀ ꪀꪱꪶꪀ ꪉꪾꪒ ꪀꪱꪒ ꪀꪱꪀ
ꪉꪾꪒ ꪀꪱꪶꪀ ꪎꪫ ꪀꪱꪒ ꪑꪱꪑ
ꪒꪾꪒꪫ ꪉꪾꪒ ꪎꪫ ꪒꪱꪒ ꪀꪱꪑ ꪒꪱꪀꪉ
ꪒꪾꪒꪫ ꪉꪾꪒ ꪎꪫ ꪒꪱꪒ ꪀꪱꪑ ꪒꪱꪀꪉ ꪑꪱꪶꪀ
ꪀꪱꪶꪀ ꪒꪱꪀꪉ ꪒꪱꪶ ꪀꪱꪑ ꪒꪱꪀꪉ
ꪎꪫ, ꪎꪱꪀꪶ, ꪒꪱꪑ ꪎꪫꪶ ꪒꪱꪀ ꪀꪱꪑ ꪒꪱꪀꪉ.
ꪒꪱꪀꪀ ꪒꪱꪉ ꪒꪱꪑꪾꪉꪾꪎꪫ ꪑꪱꪑ ꪒꪱꪶ ꪉꪾꪒ ꪀꪱꪎ
ꪒꪱꪀꪉ ꪀꪱꪎꪫ ꪒꪱꪑ ꪎꪫꪒ ꪒꪱꪀꪉ ꪀꪱꪎ ꪒꪱꪶ
ꪒꪱꪒ ꪀꪱꪎꪫ ꪒꪱꪒꪀ ꪑꪱꪑ ꪒꪱꪀꪉ ꪑꪱꪶꪀ
ꪀꪱꪎ ꪒꪱꪉ ꪒꪱꪑꪾꪉꪾꪎꪫ ꪑꪱꪑ ꪒꪱꪶ ꪉꪾꪒ ꪀꪱꪎ
ꪒꪱꪒ ꪀꪱꪎꪫ ꪒꪱꪒꪀ ꪑꪱꪑ ꪒꪱꪀꪉ ꪑꪱꪶꪀ
ꪀꪱꪶꪀ ꪒꪱꪀꪉ ꪒꪱꪶ ꪀꪱꪑ ꪒꪱꪀꪉ

ตายก็ยอมเป็นผีเฝ้าเขาไม่ไป
ใครมาขอก็ไม่ให้ ใครมาซื้อก็ไม่ขาย
ปรารถนาอยู่ที่ไหนก็ที่นั่น
ปรารถนาอยู่ที่ใดก็ที่นั่น
ปรารถนาเป็นเจ้าของเขาก็ยอม
ปรารถนาเป็นคนรักก็ยอม
ปรารถนาเป็นคนรักก็ยอม
ปรารถนาเป็นคนรัก

ဘာင်ဒီပြီးတော်ကျွန်တော့ကောင်းမှုတွေပြီးတော်ကျွန်တော့ဘာ.
ဒီပြီးတော်ကျွန်တော်ဒီဘက်ကျွန်တော်
လုပ်ကျွန်တော်မှာဝန်
လောင်းကြေးဒီလောဝန်ကျွန်တော်.
သိတော်လေးမှာကြီးတော်မှာ
ဟိုးကြီးတော်ရှိတဲ့
ဘုရားတည်ခဲ့တော်ကျောင်းဒီဟိုး
ကြွေးလောင်းတွေကျွန်တော်မှာ, လောကောင်းမှာ
ကြွေးလောင်းမှာ, လောင်းမှာမှာ, လောကောင်းမှာသော
မှာဝန်ထောက်လောကျွန်တော်မှာကြွေး
ရောကျွန်းလောလောမှာသွားတယ်.
လောင်းဟိုးမှာဟိုးမှာမှာပြောကောင်း.
လောင်းဟိုးတွေကြွေးပါးကောင်းမှာဆေး
ယောဘ ဘာဒါးကြောကျွန်တော်
တွေကြွေးမှာလောဟောင်းမှာဟိုး
ဒီကောင်းဒီကျွန်ပြောင်း ! ကျွန်းဖြာ!
ကြွေးဟောဆောကျွန်ပြောင်း ! ကျွန်းလောကောင်း !
လောင်းကျွန်းလောကောင်းတွေကြွေးမှာကျွန်းတောင်းဟောကောင်း
လောဟောဆွေးလောဟောင်းတွေကြွေးဒီပြီးတော်
လောဂျောဒီးကြောကျွန်တော်ကြွေးမှာ, လောလောင်းဒီပြီးလောကောင်း.
ကြောကောင်းလောကျွန်းလောဝေးတော်ကြွေးတွေ
မှာဝန်ထောက်လော! ဟောဘာဝေးယောကြွေးမှာလောဆွေး
တွေးလောဆွေးကျွန်းကောဘာဝန်ပြောင်း!

Xs mi tui ms thth dog dng
Xs mi bng ms rsng tng rnse dogm ms nse
ip rg ms she rg ng bn
phn bn nng ms she bn ng she.
rmy ng sing bye nye, bye nig
rng ng sibe mon sng thig mn nin thigmo
thig mo mbg ing ng.
nse sng phi bmy phi mse bng.
thbe mogy mtgy ns ms Xs ingy!
tn ms mogy thy min nig.
tn ms thth thy min rsng
sbe ms rsng tng rnse thy min rg.
Xsn nbe tng rg bn
Xsn nbe af rg sng
rsng rg sng rg mon nsmng
mi tn ms thth dog.dng
mi bng ms rsng tng rnse dogm ms nse
ip rg ms she rg ng bn
phn bn ns she bn ng she
rmy ng sing bye nye, bye nig.
nig sng nig yng ff
yng ff phi rnse rg nig rsng
rg ng rnse ng thth sbg rsng

ꪙꪱꪜꪾ ꪱꪖ ꪙꪱꪖꪾ ꪜꪻꪫ ꪱꪖ
ꪱꪜꪉ ꪱ꪿ꪊ ꪉ ꪙꪙꪊ ꪱꪖꪾ
ꪱꪜꪉ ꪱꪜꪾ ꪻꪱꪉ ꪙꪉ ꪉꪱꪜ ꪙꪱꪖ
ꪱꪖꪾ ꪜꪱꪉ ꪱꪖꪾ ꪱꪖ ꪆ
ꪱꪖ ꪆ ꪜꪉꪙ ꪙꪜꪜ ꪉꪊ ꪱꪖꪾ ꪙꪱꪖ
ꪜꪜꪉ ꪙꪜꪉ ꪜꪱꪜ ꪱꪖ ꪙꪜꪉ ꪉꪜꪱ
ꪙꪊ ꪙꪜꪉ ꪜꪱꪜ ꪱꪖ ꪱꪖꪾ ꪜꪱꪉ ꪱꪖ ꪜꪜ.
ꪱꪉ ꪱꪖ ꪱꪖ ꪜꪜ ꪙꪙꪉ
ꪙꪱꪖ ꪙꪜꪜ ꪱꪉ ꪱꪖ ꪱꪖꪾ ꪱꪖ ꪜꪱꪜ (ꪜꪱꪉ ꪜꪱꪖ)
ꪱꪖ ꪱꪉ ꪱꪉ ꪜꪱꪉ ꪙꪊ ꪜꪊ ꪙ
ꪜꪖ ꪙꪜ ꪙꪊ ꪜꪊ ꪱꪖꪾ
ꪜꪖ ꪙꪱ ꪱꪖꪾ ꪙꪊ ꪱꪜ.
ꪱꪉ ꪙꪜꪉ ꪙꪙꪉ ꪙꪱꪖ
ꪱꪉ ꪱꪜꪾ ꪻꪱꪉ ꪙꪉ ꪉꪱꪜ ꪙꪱꪖ
ꪙꪜꪖ ꪱꪜꪾ ꪙꪱꪖ ꪙꪱꪖ ꪙꪱꪖ ꪙꪜꪖ
ꪙꪊ ꪱꪖ ꪊꪙ ꪙꪖ ꪱꪉ
ꪙꪊ ꪱꪖ ꪱꪉ ꪙꪖ ꪙꪱꪖ
ꪱꪖ ꪱꪉ ꪖꪱ ꪱꪖꪾ ꪱꪉ ꪱꪖ
ꪱꪉ ꪱꪉ ꪱꪜꪾ ꪱꪉ ꪱꪜ
ꪱꪉ ꪱꪖ ꪱꪉ ꪱꪜꪾ ꪱꪉ ꪱꪜ ꪱꪉ !
ꪉꪙ ꪙꪊ ꪙꪜꪉ ꪱꪉ ꪱꪜꪾ ꪙꪱꪖ
ꪉꪱ ꪙꪊ ꪱꪉ ꪱꪉ ꪱꪜꪾ ꪱꪉ ꪙꪱ
ꪙꪱꪖ ꪙꪜꪉ ꪱꪉ ꪱꪜꪾ ꪱꪉ ꪱꪜ.

xɔɔ ɔɔkɛɔɔj ɛɛ ɛbɛ
xɔɔ ɔɔkɛ ak ɛɛ ɛɛj
ɛɛɛj ɛɛ ɛɛj ɛɛ ɛɛɔɔ ɛɛɛɛ ɔɛɛ
ɔɔ ɔɔɛ ɔɔ ɔɔɔɔ ɔɔɔ ɔɔ
ɔɔ ɛɛɔɔɔɔ ɛɛɔɔ ɔɛɔ ɛɛɛɛ ɔɔɔ ɔɔ ɔɔɛ.
ɔɔ ɛɛ ɔɔ ɔɛɛ ɛɛ ɛɛɛ ɛɛɔ.
ɔɛɔ ɛɔɔ ɛɛɔɔ ɔɔ ɔɛɛ ɛɔɔ ɛɛɛ ɔɛɛ.
ɛɔɔ ɛɛɛ ɛɛɔ ɔɛɛɛ ɔɛɛɛ, ɔɛɛɛ ɔɛɛ.
ɛɛɔ ɔɛɛ ɛɛɔ ɛɛ ɔɔɛɛ ɛɔɔ ɛɛɔ
ɛɛɔ ɔɛɛ ɛɛɔ ɛɛ ɔɔɔɔ ɛɔɔ ɛɛɔɛ
xɔɔ ɛɛɔɔ xɔɔ ɔɔ ɔɔɔ ɛɛɔ ɔɔ
ɛɛ ɛɔɔɛ ɛɛ ɔɔɔ ɔɔɔ
ɛɛɔ ɛɔɔɛ ɛɛɔ ɔɔɔ ɔɔɛɛ ɛɛɛɔɔɔ
ɛɛɛ ɛɛ ɔɔ ɔɛɛ xɔɛ ɔɔ ɔɛɛ ɛɛɛ ɛɛɛɛ
ɔɔ ɛɛ xɔɛ ɔɔ ɔɛɛ ɛɛ
ɔɔ ɛɛɛ xɔɛ ɔɔ ɛɛɛ ɔɔɛɛ.
ɔɔɛ ɛɛɛɛ ɛɛɔɔ ɔɔɔ ɛɛɛ.
ɛɛɛ ɔɛɛ ɛɛ ɔɔ ɛɛɔ
ɛɛɛ ɔɛɛ ɛɛɛ ɛɛ ɔɛɛ xɔɔ xɛɛ ɔɔ ɛɛ.
ɛɛɛ ɛɛ ɛɛɛɔ ɛɛɛ
ɛɛɛ ɛɛ ɛɛɛ ɛɛɛɔ
ɛɛ ɛɛ ɛɛɛɛ ɛɛɛɔ
ɛɛɛɔ ɛɛ ɛɛɛɛ ɛɛɔ.

ꪮꪱ ꪹꪉꪹ ꪙꪱ ꪮꪊꪊ ꪉꪾꪱ
ꪮꪱ ꪮꪊꪱ ꪙꪱ ꪮꪊꪊ ꪹꪉꪹ ꪮꪊꪊ ꪙꪱ
ꪮꪱ ꪙꪻ ꪮꪱ ꪹꪉꪹ ꪜꪮ ꪙꪊꪙ ꪉꪾꪱ
ꪮꪱ ꪮꪊꪱ ꪜꪮ ꪙꪊꪙ ꪹꪉꪹ ꪙꪊꪙ ꪙ.
ꪙꪱ ꪮꪊꪊ ꪹꪉꪹ ꪻꪙ ꪙꪊꪙ ꪮꪊꪊ ꪮꪊꪱ
ꪹꪉꪹ ꪻꪙ ꪊꪊꪱ ꪮꪊꪊ ꪙꪱ.
ꪮꪊ ꪹꪉꪹ ꪮꪙ ꪙꪮꪱ ꪉꪾꪉ
ꪮꪊ ꪙꪱ ꪮꪙ ꪙꪮꪱ ꪒꪉꪉ
ꪙꪮꪊ ꪻꪙ ꪙꪮꪉ ꪙꪮꪊꪊ ꪮꪊ ꪜꪮꪙ ꪹꪉꪹ ꪮꪙ
ꪒꪉ ꪙꪱ ꪙꪮꪉ ꪊꪊꪱ.
ꪮꪊꪊ ꪹꪉꪹ ꪮꪙ ꪙꪮꪱ ꪻꪙ
ꪮꪊꪊ ꪙꪱ ꪮꪙ ꪙꪮꪱ ꪒꪉꪉ
ꪙꪮꪊ ꪻꪙ ꪙꪮꪉ ꪙꪮꪊꪊ ꪮꪊ ꪜꪮꪙ ꪹꪉꪹ ꪮꪙ
ꪒꪉ ꪙꪱ ꪙꪮꪉ ꪊꪊꪱ.
ꪮꪊ ꪒꪉꪉ ꪙꪮꪱ ꪻꪙ ꪙꪮꪉ ꪙꪮꪊꪊ ꪮꪊ ꪜꪮꪙ
ꪹꪉꪹ ꪮꪙ ꪒꪉ ꪙꪮꪱ ꪊꪊꪱ.
ꪮꪊꪊ ꪹꪉꪹ ꪮꪙ ꪙꪮꪱ ꪻꪙ
ꪮꪊꪊ ꪙꪱ ꪮꪙ ꪙꪮꪱ ꪒꪉꪉ
ꪙꪮꪊ ꪻꪙ ꪙꪮꪉ ꪙꪮꪊꪊ ꪮꪊ ꪜꪮꪙ ꪹꪉꪹ ꪮꪙ
ꪒꪉ ꪙꪱ ꪙꪮꪉ ꪊꪊꪱ.
ꪮꪊꪊ ꪹꪉꪹ ꪮꪙ ꪙꪮꪱ ꪻꪙ
ꪮꪊꪊ ꪙꪱ ꪮꪙ ꪙꪮꪱ ꪒꪉꪉ
ꪙꪮꪊ ꪻꪙ ꪙꪮꪉ ꪙꪮꪊꪊ ꪮꪊ ꪜꪮꪙ ꪹꪉꪹ ꪮꪙ
ꪒꪉ ꪙꪱ ꪙꪮꪉ ꪊꪊꪱ.

ཁོང་དེར་ཁོང་གིས་ལག་
བཏབ་ནས་ཀུན་གྱིས་སྐད་བཤད་ཚོར་ཐག་
བཏབ་ནས་ཀུན་གྱིས་སྐད་བཤད་ཚོར་ཐག་ཆོད་དེ་བཞག་
ཁོང་ལས་ཀུན་དུ་གཏོང་བཀའ་
ཁོང་དེར་ཐུབ་དུ་གཏོང་ཤོག་
ཁོང་ནོར་བུ་ལྷུན་པོ་ཆེ་ཐུབ་ཀུན་ཁྱབ་
ཁྱབ་ཐུབ་ནས་ཆོས་ཀྱིས་ཡོན་
བཅུད་ཀྱང་ལོ་ཁའོལང་ཐོག་ཆུ་ཀླུང་
ཐོག་ལྷ་བཅུད་ཀྱང་ཆས་ཀྱིས་ཐོག་ལས་ཀྱི་
ཐོག་བཞག་ཤིང་ ཐུབ་ཁའོལ་ཚེས་ཆོས་
པར་ཤུ་ལས་ཀྱི་ཆས་ཀྱིས་ཤུ་ཁའོལ་ཚོགས་ཁོང་།
ཚེས་ཁྱབ་ལས་ཁོང་ཤེས་ཀྱིས་ཁྱབ་ཁོང་ཀུན་ཐུབ་ཁོང་།
ཁོང་ཁྱབ་ཁྱབ་ལས་ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་།
ཐོག་ཀྱི་ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་།
ཁོང་ལས་ཁོང་ཁོང་ཁོང་།
ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་
ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་
ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་
ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་ཁོང་

ผ่าวัน ผ่ ถอยล ยังล หนุ่ ญ่า ก่าย
ยังย ผ่าวัน กร เน่ล ยังย ลย หนุ่
ล้ยล กัม่ ล้ยล ถ่ม่ กน.
ล้ยล ผ่ ล้ยล ถ่ม่ เน่ล.
ญ่า ถ่ม่ ยรก นแน่ ก่ัก โกกล เน่ก.ปล
ญ่า ถ่ม่ ยรก นแน่ ก่ัก ปาย ม่า หนุ่ญ
เย่ก ถ่ัป ญ่า ถ่ม่ ยรก นแน่ ม่า เน่ม่ญถอ หนุ่ถอม่ายล่ล ผ่อ.
เย่กปาย ญ่า ถ่ม่ ยรก นแน่ ม่า เน่ม่ญถอ ก่า ม่ายล่ล เน่ญ่
ถอยล ขาก หญ่ ก่ัญ ล้ย ล้ย นาย
ขาก ขาย ก่ัญ นาย ผ่าย
ร่าย ถ่าย ก่าก ร่าญ ล้อก.
ร่าก ถอก ถ่ัล ล้ัล ปัย
ผ่าวัน ผ่ ถอยล ยังล หนุ่ ญ่า ก่าย
ยังย ผ่าวัน กร เน่ล ยังย ลย หนุ่
ถ่าก ขาย ยังย ปาย
ถ่าก ขาย ม่ญ โกก ก่ัม่ล ลย ร่ัย.
ย่อญ ร่อญ ปาก ร่อนล ถอก.
ย่อก ร่ย่ก ปาก ยังย ถอก โกกล เน่ย
ร่าก หอญ น่ัย ลอ่ กรม ย่ก ญ่ัญ ปัญ
ร่าก ม่ย ยังย ผ่าย ปย ล้ัล ร่าย.
ร่าว น่าย น่ัย หอก นแล หนย่ก ปาก ร่าญ
ผ่าวัน ผ่ ถอยล ยังล หนุ่ ญ่า ก่าย
ยังย ผ่าวัน กร เน่ล ยังย ลย หนุ่

ཕོའུ འབྱུང་ཕོའུ གཡག་ལུག་ཡོད།
ཕོའུ ཁྱི་ཕོའུ གཡག་ལུག་ཡོད།
ངའུ ཁྱོད་ཀྱི་ཐབས་ལམ་ཤེས
ངའུ ཁྱོད་ཀྱི་མཐའ་མེད་པ།
ཁྱོད་ཅིག་ལས་ཤེས་ཀྱང་ཁྱོད་ཀྱི་བཀའ་ཤིན་
ལས་ཀྱི་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ།
ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་བཀའ་ཤིན་
ལས་ཀྱི་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ།
ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་བཀའ་ཤིན་
ལས་ཀྱི་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ།
ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་བཀའ་ཤིན་
ལས་ཀྱི་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ།
ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་བཀའ་ཤིན་
ལས་ཀྱི་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ།
ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་བཀའ་ཤིན་
ལས་ཀྱི་ཕྱིར་ཡིན་ཏེ་ཁྱོད་ཀྱི་ཐུགས་རྗེ་ཆེ།

ꪙꪱꪶꪉ ꪀꪮ ꪱꪱꪊ ꪶꪉꪊ ꪀꪮ.
ꪀꪮ ꪱꪊ ꪎꪉꪊ ꪉꪒꪉ ꪙꪱꪉ ꪶꪉ ꪱꪊ.
ꪱꪊ ꪎꪉꪊ ꪶꪉ ꪙꪱꪉ ꪙꪱꪉ ꪱꪶꪎ
ꪱꪙꪶꪉ ꪻꪱꪉ ꪱꪙꪶꪉ ꪀꪻ ꪎꪉꪺ.
ꪉꪺꪊ ꪻꪱꪉ ꪉꪺꪊ ꪱꪮ ꪱꪙꪶꪉ ꪱꪊ
ꪎꪉꪊꪉ ꪙꪱꪉ ꪱꪊ ꪙꪱꪉ ꪙꪱꪉ xꪉꪊ ꪙꪱꪉ xꪉꪊ?
ꪎꪉꪊꪉ ꪙꪱꪉ ꪱꪙꪉꪻꪎ ꪙꪱꪙꪉꪊ, ꪙꪱꪉꪊꪱꪙꪱꪙꪉ ꪻꪱꪉ ꪱꪙꪱꪙꪉ ꪻꪱꪉ ꪱꪮ?
ꪎꪉꪊꪉ ꪙꪱꪉ ꪱꪊ ꪱꪙꪱꪱꪙꪉ ꪙꪱꪉ ꪙꪱꪎ ꪻꪱꪉ.
ꪻꪱꪉ ꪱꪙꪉꪙꪱꪎ ꪀꪱ ꪱꪙꪱꪉ ꪱꪉꪊ ꪱꪮ.
ꪻꪱꪉ ꪱꪉ ꪙꪱꪎ ꪱꪮ ꪻꪮ ꪱꪉꪊ ꪱꪮꪎ
ꪙꪱꪎ ꪻꪱꪉ ꪱꪊ ꪙꪺꪉ ꪱꪙꪉ ꪙꪱꪉ xꪮꪊ.
ꪱꪉꪊ ꪙꪱꪎ ꪻꪱꪎ ꪻꪱꪊ ꪱꪮ ꪙꪱꪎ
xꪮꪎ ꪙꪱꪎ ꪻꪱꪊ ꪱꪮ ꪎꪱ ꪱꪮ ꪻꪱꪊ.
ꪱꪮꪺ ꪙꪱꪊ ꪱꪙꪉ ꪙꪱꪙ ꪙꪱꪎ ꪱꪮꪊ xꪱꪙ ꪱꪮ ꪺꪱꪙ.
ꪱꪙꪱ ꪱꪮꪊ ꪙꪱꪱ ꪱꪮꪊ ꪱꪙꪱꪊꪱꪮꪺꪱꪎ
ꪙꪱꪙ ꪙꪮꪱ ꪎꪎ ꪱꪮꪱ ꪻꪱ
ꪙꪱꪊ ꪻꪱ ꪎꪎ ꪙꪱꪙ ꪙꪱꪙꪉ.
ꪎꪮꪮ ꪱꪙꪉ ꪙꪱ ꪱꪮꪱꪙ ꪙꪱꪙ ꪱꪙꪱꪙꪱꪙꪱꪙ,
ꪱꪮꪱꪙ ꪙꪱꪙ ꪱꪮꪱꪙ ꪙꪙ (ꪙꪙ) ꪱꪙꪉ ꪮꪮꪱꪱꪙ ꪙꪙꪱ ꪱꪙꪉ
ꪱꪮꪱꪙ ꪱꪙꪱ ꪻꪮꪊ ! ꪱꪮꪱꪙ ꪙꪱꪉ ꪻꪮꪊ !
ꪱꪙꪱꪎ ꪱꪙꪱꪙ ꪙꪱꪎ ꪱꪙꪱꪮ ꪙꪱꪙ ꪻꪱ ꪻꪱꪉ.
ꪱꪙꪱꪎ ꪱꪙꪱꪙ ꪻꪱꪉ ꪱꪙꪱꪮ ꪱꪙꪱꪉ ꪻꪱ ꪙꪱꪙ ꪱꪙꪱꪙꪉ
ꪙꪱꪎ ꪙꪱꪎ ꪱꪙ ! ꪱꪮꪱ ꪱꪙꪉ ꪙꪙꪱ ꪎꪱꪙ ꪱꪙꪱꪙꪱ ꪻꪱꪙ.

ระเบ นะ นิวัย ขอด นะ ขะเม ขะง วัดอัย นะ ดาย.
เทาย ขะง วัดอัย นะ ตอม
ปัย อาย ขอด, อัย อาย นะ ทะ เขอย!
ขอด นะ ใบา ยัด ขุน ขาย ขาย ยอย เย อาย!
ขอด ปอย ใบา ยัด ขุน ขาย ตี
นะ ดาย นะ เย ปัย ดาย ดาย
นาย ดาย เทาย ดาย ขาย ดาย ดอด เดย.
นะ ดาย นะ เย ปัย ดาย ดาย
นาย ดาย นาย ขะ เทาย ดาย ดอด ดาย ดาย.
ใบา อาย นะ ญ ระเบ
ระเบ อาย ระเบ ดาย ดาย ของ ขิย ญ ระเบ.
นิย ดอย ขาย ตัน ดาย ดาย นาย ดาย ดิ
ขาย ดาย ระเบ ของ ขิย ของ ขิย ญ ระเบ.
นะ ดาย นะ ดิ ขุน ดิ ขุน ?
นะ ดาย นะ เย ปาย ดาย ดาย เย ดาย ดาย.
ปาย ดาย ดาย นะ ระเบ ดอ
ปาย ดาย ดาย ดาย ระเบ เดย
ระเบ อาย นะ ญ เทาย
ระเบ อาย ระเบ ดาย ดาย ของ ขิย ญ เย.
ทาย ดาย ทาย ขาย ฮิ
ขาย ฮิ ปาย ดอย ดอย เทาย ขอย ดาย
นิย เย ขุน ดิย ดอย ขอย นะ ขอย นาย
ดิย ขาย ขุน ใบา ขอย ดาย.

ยิงญ ฐสป เมอ หมน เลญ.
เหมา xรสฐ เรยิก ขอ เลอย.
หมน ลอยัน เลอ ฐา เรียย
นเนย ฐา เล ฐา เรย นเน ขอาญ
เลอ เรีย ฐา เลอ ฐา เรย เอา เรีย ขอาญ
เลอ เรีย ฐา เลอ ยอญ เล.
เรีย ฐา ขอย เล ขอญ ลิญ ยิฐา ฦอย.
ปิญ เล ปอม ลิญ เรีย ยิรย ฉอย
ปิญ เล นอย ลิญ เรีย ยิรย ขอัญ
เล ฉา รรม นเนย เรีย เรีย ขอาญ ฉา เรีย ลิญ ?
เล ฑอย รรม เรีย เรีย ขอาญ ฉา หาย,
หาย ฑีย ฉา เลอญ รรม นเนย เรีย เรีย ขอาญ
ปิญ เล ปอม ฑิย ฉิ ลิ เลอ
ปิญ เล ฦอย ฑิย ฉิ ลิ ลิญ ลิ หมย.
ฐาย ลิญ ฑิ หา ฉย เลอย ฑิ ขอ.
เรีย ขอญ นา ฑ ฉ ญ นา ลิญ ฐฐ ฐอย
เรีย ขอญ รอม ฑ ฉ เรีย ปอม รอม ลิญ ฐฐ ฐอย เรีย เลอ เรีย.
เลอ ฑิย ฑิย ฑิญ เล นา ขา เรีย นา ลิญ นเย ฉย
ฉย เรีย เลนา ขา ยย
ฑิญ เล นา ขา ฉย ฉย เรีย.
ฑิญ เล นา ขา ฉย เรีย ยิรย.
เลอ ฑิย ลิ นา ขา เรีย เรีย ฐา เรย ลิญ ฉย ฉย เรีย.
เรีย ฉย ปรย ฑิญ นา.

ಸಕಲ ಜಗವ ಬೆಲ್ ! ಸಂಗ ಮಾಡದ ಮನ ಬಾಧೆಯ.
ಸಂಸಾರ ನ ಕಂಡಲ್ಲ ಕಡೆ ಜಗವ ಕೆಲಸ ಬೇಕು
ಕೆಲಸ ಬೇಕು ಕೆಲಸ ಕಾಯ್ದು ಬಂ.
ಕೆಲಸ ಮೆ ಕೆಲಸ ಕಾಯ್ದು ಮಿಡಿ.
ಕಡೆ ಬೇಕು ಬಂಲ ಕಾಯ್ದು ಬೇಡ ಬಂಲ ಬಂಧನ
ಬಡ ಕಿಲ್ಲ ಕಡಿ ಮಾಡಿ ಕಡೆ ಆ.
ಸ್ವಾ ಕಿಲ್ಲ ಬಂಲ ಬಡ ಜಗವ ಮಂ
ಸ್ವಾ ಕಿಲ್ಲ ಕಾಯ್ದು ಜಾಡ ಕಾ ಜಗವ ಮಿಡಿಲ್ಲ
ಬಂಲ ಜಾಡ ಕಾ ಜಗವ ಮಿಡಿಲ್ಲ ಮೆ ಮಿಡಿ ಜಾಡ ಕಾ ಬಂಲ ಬಂಧನ ಬಂ.
ಕಿಡಿ ಬಂಲ ಕಾಯ್ದು ಬಂಲ ಸ್ವಾ
ಕಿಡಿ ಬಂಧ ಕಾಯ್ದು ಬಂಲ ಬಂ
ಮೆಸ್ಸಾ ಬಂಲ ಕಾಯ್ದು ಬಂಲ ಜಾಡ
೨೦೧ ಬಂಧ ಕಾಯ್ದು ಜಾಡ ಕಿಲ್ಲ
ಬಂಲ ಬಂ ಬಂಲ ಕಿಡಿ ಬಂಲ ಜಾಡ
ಬಂಲ ಜಾಡ ಕಿಲ್ಲ ಜಾಡ ಬಂಲ ಕಿಡಿ ?
ಮೆಸ್ಸಾ ಜಾಡ ಬಂಲ ಜಾಡ ಬಂಲ ಕಿಡಿ ?
ಕಿಡಿ ಬಂಲ xse ಮೆಸ್ಸಾ ಬಂಲ ಜಾಡ
ಜಾಡ ಬಂಲ ಬಂಲ, ಬಂಲ ಮೆಸ್ಸಾ ಕಿಡಿ
ಜಾಡ ಬಂಲ ಕಿಡಿ, ಬಂಲ ಮೆಸ್ಸಾ ಬಂಲ
ಜಾಡ ಜಾ xs ಮೆಸ್ಸಾ ಕಿಡಿ ಬಂಲ ಜಾಡ ಕಿಲ್ಲ ಬಂಲ
ಜಾಡ ಬಂಲ ಜಾಡ ಜಾಡ ಬಂಲ ಬಂಲ ಮೆಸ್ಸಾ
ಜಾ xsಂ ಮೆಸ್ಸಾ ಬಂಲ ಜಾ xsಂ ಜಾ ಬಂಲ
ಬಂಲ ಜಾ ಬಂಲ ಮೆಸ್ಸಾ ಬಂಲ ಜಾ ಜಾ ಬಂಲ
ಬಂಲ ಜಾ ಬಂಲ ಬಂಲ ಜಾ ಜಾ ಬಂಲ ಜಾ ಬಂಲ ಜಾ ಬಂಲ.

ꪉꪽꪀ ꪒꪱ ꪗꪸꪮ ꪱꪫꪮ ꪒꪱꪀꪽ ꪒꪮꪮꪉ ꪒꪮꪸ ꪗꪸꪒ.
ꪉꪽꪀ ꪙꪸꪮ ꪮꪒꪽꪀ ꪒꪮꪮꪉ ꪙꪮ ꪻꪮ ꪒꪮꪸ ꪮꪫ.
ꪒꪮꪮꪉ ꪙꪮ ꪱꪮꪊ ꪮꪱꪒ ꪻꪮꪊ ꪱꪮꪊ ꪒꪮꪊ
ꪱꪮꪊ ꪒꪊ ꪮꪫꪀ ꪱꪮꪊ ꪱꪮꪒ.
ꪱꪮꪊ ꪻꪮꪉ ꪣꪮꪒ, ꪱꪮꪊ ꪣꪸꪮ ꪸꪮꪀ ꪮꪽꪀ
ꪻꪮꪀ ꪒꪮꪉ ꪮꪫꪀ ꪣꪸꪙ ꪀꪮꪙ
ꪻꪮꪀ ꪻꪸꪮ ꪮꪫꪀ ꪣꪸꪙ ꪒꪸꪉ
ꪻꪮꪀ ꪀꪸꪉ ꪮꪫꪀ ꪀꪮꪉ ꪙꪮꪀ ꪻꪮꪀ.
ꪻꪮꪙ ꪙꪮꪀ ꪻꪸꪙ ꪮꪽꪀ ꪻꪮꪀ
ꪻꪮꪙ ꪻꪮꪀ ꪻꪸꪙ ꪻꪮꪀ ꪮꪫꪀ ꪻꪮꪙ
ꪣꪮꪸꪒ ꪊ ꪻꪮꪀ ꪀꪸꪉ ꪻꪮꪙ ꪊꪸ ꪣꪸ
ꪻꪸꪮ ꪣꪮꪸꪒ ꪣꪊ ꪣꪮꪸꪒ ꪮꪫꪀ ꪻꪸꪮ
ꪮꪫꪀ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪀꪮꪙ ꪻꪸꪮ ꪮꪽꪀ ꪻꪸꪮ ꪮꪙ ꪻꪮꪀ ꪻꪮꪀ ꪻꪮꪀ ꪻꪮꪀ
ꪙꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪮꪙ
ꪙꪮ ꪮꪙ ꪻꪮꪀ ꪮꪫꪀ ꪣꪮꪙ
ꪙꪮ ꪮꪙ ꪻꪮꪀ ꪙꪮ ꪮꪙ
ꪻꪸꪀ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ.
ꪣꪙ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ
ꪮꪫꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪸꪀ ꪙꪮ ꪙꪸ ꪻꪸꪙ ꪮꪫꪀ
ꪣꪮꪸꪒ ꪸꪮꪀ ꪻꪸꪙ ꪣꪮꪸꪒ ꪙꪮ ꪣꪮꪸꪒ
ꪻꪸꪮ ꪮꪽꪀ ꪻꪸꪙ ꪻꪮꪀ
ꪙꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ
ꪻꪸꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ
ꪻꪸꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ
ꪻꪸꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ
ꪻꪸꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ
ꪻꪸꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ
ꪻꪸꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ
ꪻꪸꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ
ꪻꪸꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ
ꪻꪸꪮ ꪮꪙ ꪻꪸꪙ ꪙꪮ ꪙꪸ

ภาษาไทย ปฏิเสธ ทำไม เลย เปล่า.
ทรง นั่ง ทำงาน ยาย ใหญ่ ตา ปา
ฉัน นาย ทำงาน ยาย นา รับประทาน.
ฉัน: เหรอ หนัง ฉัน แรก เหมือน หนัง
ฉัน นาย เขา ถูก ตำรวจ ถอน นาย ทำไม
แพง หมด เมือง ขอบ สวย ปู่ สวย เหมือน ดอกไม้
สวย หมา ยาก ขาว ตอบ
สวย เขา สวย ขาว ดี
สวย ปู่ ทำไม แพง เหรอ สวย ขาว ค่ะ.
ขาว ค่ะ ปั่น หมาก ช้า, หมาก หนัง ยา ขนมปัง
ขาว เย็น ! ฉัน ฟัน ปู่ ตำรวจ ไม่ใช่.
ฉันอยู่ ปู่ ร้าย ไม่ ไม่ ถาม.
ปู่ไหน สบาย เหงา ใหญ่ ยา ทำไม.
ปู่ ถนน ใหญ่ เหงา ใหญ่ ยา หมาก
ขวา ปู่ ร้าย ไม้ เขา ขับ.
ขวา ปู่ ร้าย ฟ้า เขา นั่ง
ตาย เขา นั่ง เขา หมอก หนาว วาด.
เพื่อ-ที่นั่ง, เมือง ยา สบาย หนัง ปู่ไหน ยาย.
ปู่ ถนน หวาน.
เขา หนัง ปู่ ร้าย ไม้ เหงา ตอบ ยา
ปู่ ร้าย ยา เหงา ตอบ ไม้
ยิ้ม หมา ตาย ไหน ใหญ่ ฝ ตำรวจ หมาย
หนัง ทำไม ไหม ตาย เขา ไม่ เหงา หมา

ลาษา เล ษิา เษีย เธ็ง.
เยอ ษิง ปิ๊ด ของ ใหม่ เยอ ษิง
ปิ๊ด ของ ของ เยอ เษา
ผาบัก ฯ ลอย ลึก ษิา ห้วย กับ เน้อ!
ห้วย กับ ห้วย ห้วย ไป๋ ษา.
ห้วย ษา ห้วย ห้วย เมีย.
ผู้ ห้วย โคก เษีย ลอย
ผู้ ห้วย เยอ ลอย เษีย ษิา
ผู้ ของ ปิ๊ด ษิา ษิา ใหม่ ไฟ ลอย
ห้น ษา เธ็ง เล ผู้ ษัง ลอ
ห้วย ห้น ของ เธ็ง เล ผู้ ษัง ฯ.
ผาบัก ฯ ลอย ลึก ษิา ผู้ หาย
ลิง ผาบัก ผา ษิง ลิง เล ษิา
ลอย ษิง เธ็ง ปิ๊ด เธ็ง ลอย
ปิ๊ด เธ็ง เธ็ง ษิง ปิ๊ด ใหม่ ใหม่
ษิง ษิง ปาย ห้วย ษิง
เยอ ษิง ปิ๊ด ของ ผ ลิง ษา เธ็ง เล.
เธ็ง ลิง เธ็ง เธ็ง ผิง เธ (ปาร)
ลิง ไฟ เธ็ง ใหม่ ฯ ไฟ
ห้วย เล เธ็ง หาย เล
ปาย เล เธ็ง เล เล
ษิง เล ของ ผอง ผาบัก ษา ษิง ใหม่.

ตอนนี้เหลือแต่เพียงลำพัง
ไม่มีใครเคียงข้างแม้แต่เงา
เหลือเพียงความเหงาที่ยังคงอยู่
เหลือหัวใจที่ยังรักเขาอยู่
เหลือแต่ใจที่ยังคิดถึงเขา
ถึงแม้ว่า, เขาจะไม่เคยรักเราเลยก็ตาม
แต่ใจก็ยังคงคิดถึงเขาทุกนาที
แต่ใจก็ยังคงรักเขาทุกนาที
เขาเคยบอกว่าเขารักเราที่สุดในโลกใบนี้
เขาเคยบอกว่าเขาจะอยู่กับเราตลอดไป, ตลอดไป.
แต่ในที่สุดเขาก็ทิ้งเราไปไม่ใยดี ไม่แยแส
เขาทิ้งไปอย่างไม่ใยดี, ไม่แยแส.
แต่ใจก็ยังคงรักเขาอยู่ไม่เปลี่ยนแปลง
แต่ใจก็ยังคงคิดถึงเขาอยู่ไม่เปลี่ยนแปลง
ถึงแม้ว่าเขาจะไม่เคยรักเราเลยก็ตาม
ถึงแม้ว่าเขาจะทิ้งเราไปไม่ใยดีก็ตาม
ฉันก็ยังคงรักเขาอยู่ดี
ไม่ว่าเขาจะเป็นอย่างไร
เขาจะดีหรือไม่ดี
เขาจะรักฉันหรือไม่รักฉันก็ตาม
แต่ฉันยังคงรักเขาอยู่ดี

ਲਾਅ ਮਾਓ ਖਵਏ ਕਯ ਨਾਓ

ਤੌਮਾਖਵਏ ਨਾਮ ਘੌਮ ਨਿਯਕ ਕਯਕ ਕਯਕ ਕਯਕ ਮਾਏਕ ਕਯਕ ਸਯਕ ਕਯਕ.

ਯਾਮ ਯਯਕ ਸਯ ਪਯਕ ਯਯਕ ਕਯਕਵ ਕਯਕ ਯਯ

ਖਯਕ ਯਯਕ ਨ ਕਯਕ ਯਕ

ਖਯਕ ਯਾਕ ਕਿਯਕ ਕਯ ਪਿਯ ਕਯਕ ਕਯਕ

ਯਕ ਯਕ ਯਾਕ ਯਯਕ ਯਯਕ

ਯਕ ਯਕ ਯਾਕ ਕਯਕ ਯਯ ਕਯਕ ਕਯਕ

ਕਯਕ ਕਯਕ ਯਾਕ ਖਯਕ ਕਯਕ ਲਾਅ ਖਵਏ

ਕਯਕ ਯਯਕ ਯਾਕ ਕਿਯਕ ਯਯਕ ਯਯਕ ਕਯਕ ਯਯਕ.

ਯਯਕ ਕਯ ਕਯਕ ਯਯ ਕਯਕ.

ਲਾਅ ਕਯਕ ਯਯਕ ਯਾਕ ਕਯਕਵ ਯਯਕ ਯਯਕ.

ਯਾਕ ਯਯਕ ਕਯਕ ਕਯ ਕਯ ਯਯ ਕਯ ਕਯਕ!

ਖਯਕ ਯਯ ਯਯਕ ਕਯਕ ਯਾਕ ਯਾਕ ਯਯਕ.

ਖਯਕ ਯਯ ਯਖਯਕ ਕਯਕ ਯਾਕ ਕਯਕ

ਕਯਕਯਯ ਕਯਕਾ ਖਿਕ ਕਯਕਖ ਕਯਕ ਯਾਕ ਕਯ.

ਯਯਕ ਖਯਕ ਖਿਕ ਕਯ ਖਯਕ.

ਯਯਕ ਖਯਕ ਯਾ ਕਯ ਯਯਕ

ਮਯਕ ਕਯ ਯਯਕ ਕਯ ਯਯਾਕ ਖਯਕਵ ਯਾਕ.

ਕਯਕ ਕਯਕ ਕਿਯਕ ਕਯਕ ਕਯਕ ਕਯਕਵ ਕਯਕ ਯਯਕ ਕਯਕ ਕਯਕ ਕਯਕ ਕਯਕ ਕਯਕ!

ਕਯਕ ਯਾ ਕਯਕ, ਕਯਕ ਯਾ ਯਯਕ, ਯਾ ਯਕਵ ਯਾ ਯਕ

ਕਯਕ ਯਕਵ ਕਯਕ ਕਾਕ ਯਿਵ ਕਿਯ ਯਿਯ.

ལག་ཐང་ཤོག་ལ་ཡིག་ཚིག་ཤིན་ཏུ་མང་པོ་ཞིག་ཡོད།
ཐང་ཡིག་འདི་ཚིམ་ཤིང་ཉན་ན་རྒྱལ་པོ།
ཁོང་ཚིམ་ཤང་ཉན་ན་ལ།
ཁྱོད་ཀྱང་ཡིག་ཚིག་ཁོག་ནས་ཤིང་ཉིང་ཐག་རྒྱུ་.
ཤེས་ཁོག་རྒྱུ་ཐག་ཟུར་ཤང་ཉན་ཤོག་ལས།
ཏོག་ཙམ་ཟུར་ཐག་ལ་ཏེ་ཐེ་ཤེས་ཁྱེད་ཀྱི་ཡིག་ཚིག་ཤེས།
ཁྱོད་ཀྱི་ཐག་ཟུར་ལ་ཏེ་ཐེ་ཤེས་ཁོག་ཁྱོད་ཤང་ཉན།
ཁྱོད་ཀྱིས་ཐག་ལ་ཏེ་ཐེ་ཤེས།
ཁྱོད་ཀྱིས་ཤང་ཉན་ཤང་ཐག་ཟུར་ཐག
ངའི་ཐག་ཤིང་ཉན་ཐག་ཟུར་ཡིག་ཚིག
ངའི་ཐག་ཤང་ཉན་ཐག་ཟུར་ཁོག་ཁྱེད་ཉན།
ཁྱོད་ཀྱི་ཐག་ཟུར་ཤིང་ཤིན་ཏུ་ཐག་ཆོད་.
ཁྱོད་ཀྱང་ཡིག་ཚིག་ཤིན་ཏུ་ཤེས་ཁྱེད་ཉན།
ཐང་ཡིག་ཤོག་ལ་ཡིག་ཚིག་ཤིན་ཏུ་མང་པོ་ཞིག་ཡོད།
ཐང་ཡིག་འདི་ཚིམ་ཤིང་ཉན་ན་རྒྱལ་པོ།
ཁོང་ཚིམ་ཤང་ཉན་ན་ལ།
ཁྱོད་ཀྱང་ཡིག་ཚིག་ཁོག་ནས་ཤིང་ཉིང་ཐག་རྒྱུ་.
ཤེས་ཁོག་རྒྱུ་ཐག་ཟུར་ཤང་ཉན་ཤོག་ལས།
ཏོག་ཙམ་ཟུར་ཐག་ལ་ཏེ་ཐེ་ཤེས་ཁྱེད་ཀྱི་ཡིག་ཚིག་ཤེས།
ཁྱོད་ཀྱི་ཐག་ཟུར་ལ་ཏེ་ཐེ་ཤེས་ཁོག་ཁྱོད་ཤང་ཉན།
ཁྱོད་ཀྱིས་ཐག་ལ་ཏེ་ཐེ་ཤེས།
ཁྱོད་ཀྱིས་ཤང་ཉན་ཤང་ཐག་ཟུར་ཐག
ངའི་ཐག་ཤིང་ཉན་ཐག་ཟུར་ཡིག་ཚིག
ངའི་ཐག་ཤང་ཉན་ཐག་ཟུར་ཁོག་ཁྱེད་ཉན།

ผู้เฒ่าเจ้าบ้านพากันมาถึง
ผู้เฒ่าเจ้าบ้านเข้าสู่ที่นั่ง
พากันดื่มเหล้าแล้วเข้าสู่ประเด็น
เข้าสู่ที่นั่งแล้วเข้าสู่ประเด็น.
ฝ่ายเจ้าบ่าวเจรจาก่อนเป็นเบื้องต้น
ฝ่ายเจ้าสาวตอบรับเป็นเบื้องต้น
ก็ตกลงกันได้ฝ่ายเจ้าบ่าวเข้าไปในบ้าน
ฝ่ายเจ้าสาวเข้าไปในบ้านเจ้าสาว
ก็ตกลงกันได้ฝ่ายเจ้าบ่าวเข้าไปในบ้านเจ้าสาว
ก็ตกลงกันได้ฝ่ายเจ้าสาวเข้าไปในบ้านเจ้าบ่าว.
เข้าแล้วแล้วเข้าแล้วแล้วเข้าแล้ว.
พวกเขาก็ได้ยินเสียงฆ้องกลองดังขึ้น
ดังขึ้นแล้วดังขึ้นอีกแล้ว.
ดังขึ้นครั้งดังขึ้นอีกแล้ว.
ผู้เฒ่าดังขึ้นเพื่อเชิญชวนแขก
ผู้เฒ่าดังขึ้นเพื่อเชิญชวนญาติ
ผู้เฒ่าจงมาพร้อมกันที่บ้านเจ้าสาว.
ดังขึ้นแล้วก็ได้ยินเสียงเรียกผู้คน
ก็ได้ยินเสียงเรียกผู้คนแล้ว.
พวกเขาก็ได้ยินเสียงฆ้องกลองดังขึ้น
ก็ได้ยินเสียงเรียกผู้คนแล้ว

ངའི་གཤིན་ལྗོངས།
གཤིན་ལྗོངས་གསལ་ལྗོངས་ཀུན་བཟང་གི།
གསལ་ལྗོངས་ཡིད་ལྗོངས་བསོད་ཟོར་ཐེབ།
རྒན་ཕོངས་ན་ཤངས་ཀྱི་ཁྱིམ་བདག་ཁྲག་ཕྱུག་ཁ་ཤས།
ཕོངས་ན་ཤངས་ཀྱི་ཁོ་གཡས་ཟོལ་རྩིང་།
ཟོལ་རྩིང་ལྟོག་ཐག་ཆོད་ཀྱིས་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག
ཕོངས་ཆོས་ཡིན་ཆོས་ལྟོག་ཐག་ཆོད་ཀྱིས་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག
ཆོས་ལྟོག་ཐག་ཆོད་ཀྱིས་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཀཱཀཀ་གཡུས་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག
ཁོང་ཁ་ཤས་ཕོངས་ཆོས་ལྟོག་ཐག་ཆོད་ཀྱིས་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག
ཁྱབ་ཅིང་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།
ཁོང་ཚོ་ཤོག་ཤོག་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ་ཡོད་ཀྱི་ཤོག་ཏུ།

ꪒꪊꪖ ꪒꪜ ꪉꪖ ꪮ ꪫꪱꪣ
ꪫꪱꪣ ꪊꪕꪀ ꪉꪖ ꪮ ꪜꪜ
ꪫꪉꪊ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪒꪕꪀ ꪫꪸꪮ ꪒꪊꪊ.
ꪫꪉꪊ ꪫꪱꪣ ꪜꪉꪊ ꪫꪸꪮ ꪊꪜꪉꪱ
ꪫꪉꪊ ꪫꪱꪣ ꪉꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪉꪜꪫꪸꪮꪀꪕꪫꪱ?
ꪉꪖꪊ ꪫꪱꪣ ꪊꪕ ꪫꪊꪸꪮ ꪒꪖꪀ
ꪱꪉꪊ ꪜꪀ ꪊꪕ ꪫꪊꪸꪮ ꪒꪊꪱ
ꪫꪱꪣ ꪀꪕꪖꪊ ꪫꪱꪣ ꪒꪸꪮ ꪉꪖ
ꪜꪖ ꪀꪕꪖꪊ ꪜꪖ ꪒꪸꪮ ꪫꪱꪣ.
ꪮ ꪫꪸꪮ ꪊꪱꪣ ꪱꪣꪒ, ꪫꪊꪖ ꪫꪸꪮ ꪊꪱꪣ ꪫꪊꪊ.
ꪫꪱꪣ ꪉꪱꪣ ꪮ ꪊꪊꪊ ꪀꪜ ꪒꪊꪖ ꪀꪕ, ꪱꪣꪒ ꪀꪕ.
ꪫꪱꪣ ꪀꪕꪖꪊ ꪮ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ.
ꪫꪸꪮ ꪊꪱꪣ ꪱꪣꪒ ꪊꪱꪣ ꪒꪖꪮ.
ꪫꪱꪣ ꪫꪸꪮ ꪱꪣꪒ ꪊꪱꪣ ꪜꪖꪮ.
ꪫꪱꪣ ꪒꪖꪱꪣ ꪫꪸꪮ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ.
ꪫꪸꪮ ꪀꪕꪖꪊ ꪱꪣꪒ ꪊꪱꪣ ꪒꪖꪮ.
ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪸꪮ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ ꪫꪱꪣ

Mưng wa thế thiều rộng.
Xoé mon xang đi thịn nắn nao
Nhe hưng za rạng hoang ming whin mo
Za đie điều mong hưng chie nghề.
Thôn Xoé Xoée hưng rhie ché hưng đoj rang nắn hưng
Thôn thế tế rhie ché thế thống đoj rang
Rạng nhó thiée rộng mưng đie, mưng mo.
Hoon mưng mo thiế hơm
Thiée hoej đéj no mo Xo roel !
Trư mo hoej thoj za mé mie.
Trư mo thế thoj za rang.
Rhie mo rưng trej rạng thoj za rang.
Xon ché trej rang thôn.
Xon ché ae rang hưng
Mưng rang hưng rang hoon Hoza ne
Nha hưng hoej hưng ei ché thoj.
Hoej hưng thôn rạng đoie.
Hoh rhie thế thiée rang Hoon hưng nhe hưng thế.
Nhe hưng hưng trư mo thoj mjée đoj thiée mo mjée
hưng trư mo thoj mi đoj thiée mjng mi.
Xa ưn za thế đoh rưng đoj rhie mjng rưng.
Rưng ưn hưng za thế đoh hưng thế đoj rhie mjng hưng.
Đjée thế thiée za thoj ưn za hưng hưng.

ฟ้าหลังมาย ขาก ขา ขาย ปู่ ขาย ขาย.
ขาย ลาย ปู่ ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.
ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย ขาย.

[illegible]

[illegible] ngày [illegible] tháng [illegible] năm 2003.

[illegible]

PHẦN THỨ HAI

CÁC VĂN BẢN LUẬT TỤC THÁI Ở TÂY BẮC

(PHẦN CHỮ VIỆT)

VỀ VĂN BẢN CHỮ THÁI VÀ BẢN DỊCH RA TIẾNG VIỆT

Hiện nay trong tay hai tác giả Cầm Trọng và Ngô Đức Thịnh chỉ có một văn bản chữ Thái. Trong khi đó lại có một bản dịch tiếng Việt của Tòng Kim Ân in trong *cuốn Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1977. Cuốn sách này do giáo sư Đặng Nghiêm Vạn chủ biên có sự tham gia của Cầm Trọng và Khà Văn Tiến. Bản dịch này của Tòng Kim Ân không kèm nguyên tác chữ Thái.

Để hoàn thành công trình sưu tầm biên soạn của mình, hai tác giả Cầm Trọng và Ngô Đức Thịnh lại căn cứ vào nguyên bản chữ Thái mình có dịch lại. Bản chữ Thái này vốn là bản sao của cụ Lò Văn Sôn vốn là cộng tác viên của Ban dân tộc khu uỷ Tây Bắc cũ trong những năm 1968-1973. Trong nhiệm vụ của mình cụ Sôn đã đến bản Pán, xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu gặp cụ Lường Văn Mười là con trai của cụ *mo mường* Lường Văn Hơn để sao chép lại văn bản này rất cẩn thận đem về cho Ban dân tộc khu uỷ Tây Bắc cũ. Vào thời gian ấy, Cầm Trọng cũng là cán bộ nghiên cứu của Ban dân tộc khu uỷ Tây Bắc cũ đã đọc và thấy cần thiết nên đã sao lại nguyên văn để làm tư liệu nghiên cứu cho mình.

Bây giờ được dịp cộng tác với Ngô Đức Thịnh làm công trình nghiên cứu luật tục người Thái, nay Cầm Trọng có đem văn bản này ra để dịch sát nghĩa từng câu từng chữ từ chữ Thái cổ sang tiếng Việt. Bản dịch này, so với bản dịch của Tòng Kim Ân về cơ bản không khác. Song nếu đem so sánh kỹ thì thấy có những chi tiết trong nguyên bản chữ Thái của cụ Lò Văn Sôn sao phong phú và đầy đủ hơn. Những chi tiết như có vẻ thêm ra ấy, Cầm Trọng cho rằng do Tòng Kim Ân chưa đọc và hiểu hết nên bỏ sót chăng? Hiện nay, cụ Lò Văn Sôn và Tòng Kim Ân đều qua đời cả. Khi hai người còn sinh thời, Cầm Trọng

đã được tiếp xúc kỹ lưỡng với họ, thấy rằng Tòng Kim Ân chỉ là học trò của cụ Lò Văn Sôn về mặt chữ Thái cổ, và về tuổi tác cũng chỉ là bậc con cháu. Bởi vì khi cụ Lò Văn Sôn làm cộng tác viên với Ban dân tộc khu uỷ Tây Bắc cũ thì đã ở vào tuổi ngoại 60 rồi, trong khi Tòng Kim Ân vẫn chưa đầy 40. Trong một chừng mực nào đó, cụ Lò Văn Sôn cũng là một trong những bậc thầy của Cầm Trọng trong việc đọc các nguyên bản chữ Thái cổ. Bởi vậy những chi tiết mà thấy sót ở nguyên bản tiếng Việt do Tòng Kim Ân dịch chắc chắn đã được nguyên tác từ bản sao của cụ Lò Văn Sôn bổ sung, mà hôm nay hai tác giả chúng tôi dịch lại để bạn đọc tham khảo.

Hà Nội ngày 4 tháng 7 năm 1998

LỆ LUẬT NGƯỜI THÁI ĐEN Ở THUẬN CHÂU

Tác giả: Lường Văn Hơn

mo Mường Muổi, trước năm 1930

1. Ngày xưa người Thái Đen ở đất Hán, đưa nhau xuống "ăn" Mường Lò.

2. Mường bản đầy toàn người, Mường Lò trở nên "chật nơi ăn, hẹp nơi ở".

3. Cụ chủ Lạng (Lạn) Chượng họ Lò Cầm đã tập hợp được 12 họ người Thái gồm: Lò Ngần, Lò Nọi, Lường, Cà, Quàng, Tòng, Leo, Vi, Lù, La, Mè lên ở đất Thái như bây giờ.

4. Cụ chủ Lạng Chượng đem người Thái Đen lên ăn đất Mường Thanh.

5. Từ cụ chủ Lạng Chượng xuống tới cụ chủ Lò Cầm Lẹp (Lò Lẹt) có 12 đời người.

6. Cụ chủ Lò Lẹt (biệt hiệu của Ngu Hấu) "ăn" Mường Muổi, Mường Muổi mới trở thành cái gốc của đất Thái Đen.

7. Mường Muổi làm tôi cho vua, cho chúa cũng đã được "Vua Kinh tin dùng, vua Lào mến phục", vua Kinh gọi Mường Muổi là Châu Thuận, trực thuộc phủ Gia Hưng. Vua Lào gọi Mường Muổi là Mường Pha (Chiềng Pha).

8. Đất *chiềng* đặt ở Chiềng Đi (Ly).

9. Từ ngày xửa ngày xưa đến nay họ "dân giống chúng" luôn luôn lấy họ Lò Cầm làm gốc, được làm quan châu *án nha*.

10. Từ cụ chủ Lạng Chượng đến nay đã được 34 đời rồi.

11. Các *án nha chủ mường*, nhiều đời đã được vua Kinh phong là

quan tri phủ, tiên ý, đô ý, tư mã, thái tử thiếu bảo. Đời người nào cũng được làm quan châu của *mường* này.

12. Quan châu *án nha* dựng cột trụ[3] ở đất Chiêng Ly xắp đặt *bản mường* theo luật lệ đặt ra như sau:

I. RANH GIỚI ĐẤT MƯỜNG MUỔI

13. Tục ngữ có câu: "Mường muổi rộng phía sông mã, Mường La rộng phía sông Đà"

14. Công việc dựng đặt *mường bán* chia thành *xổng* (ngũ), *lộng*, *quen*.

15. Những người làm chức làm quyền được "ăn ruộng *bớt*"[4] của *bản mường* phân cho.

16. *Châu* mường Muổi có năm *mường phìa:*

- Mường Muổi (Chiềng Pha) là *mường trong mường*, vua Kinh gọi là xã Xuân mai. *Các mường phìa ngoài* gồm có:

- Mường Lầm ở phía sông Mã, vua Kinh đặt tên là xã Nam Tịnh (Trịnh-ND)

- Mường Sại ở phía sông Đà, vua Kinh gọi đặt tên là xã Khinh Khoái.[5]

- Mường Piêng vua Kinh đặt tên là xã Thanh Bình.

- Chiềng Pấc vua Kinh đặt tên là Trịnh Bắc.

17. Mỗi một *mường phìa* lại chia thành nhiều *bản*, nhiều *giáp*, những *giáp* nào ở xa *mường* thì đặt thành *lộng*, *lộng bé* thì gọi là *quen*.

18. Mỗi một *mường phìa* chia thành nhiều *xổng*, vua Kinh đặt tên là *ngũ* - người Thái thường gọi là *xổng ngụ*.

19. Mường trong Mường Muổi có 4 xổng (ngũ), những *mường phìa ngoài mường* có 3 *xổng*.

20. Các *xổng* được chia đường đất như nhau, nhưng số *bản* được phân chia vào *xổng* ít, nhiều không tính.

21. *Mường phìa* có các chức quyền trong "phòng cúng lễ" được coi như một *xổng*.

22. "Đầu *mường* tiếp, đuôi *mường* vắt". Đầu *mường* tiếp Mường Quai. Từ trước Mường Quai là một *mường phìa* nằm trong Mường Muổi. Bây giờ vua quan xắp đặt lại thành *tổng châu mường*. Phía sông Mã tiếp giáp Mường Lào, phía sông Đà tiếp giáp Mường Chiên, phía dưới tiếp giáp Mường La và Mường Mụa[6].

II. PHONG CẤP BẬC HÀNG CHÂU ĐƯỢC XẾP ĐẶT THEO LỆ NHƯ SAU:

23. *Án nha* là gốc của *bản mường*.

24. Có *phìa thổ* (thủ lại), *phìa thông* (thông lại) làm việc ở trong phòng hàng châu.

25. *Mường phìa* có *phìa lý* là gốc, vua Kinh gọi là lý trưởng; *phìa phó*, vua Kinh gọi là phó lý. Hai *phìa* này chuyên trông coi dân *mường* mình.

26. Có tám chức ông ở trong *xổng*, vua Kinh gọi là kỳ mục. Từ *ông xen (pần)* đến tận *ông chá hườn*.

27. Có *ông mo, ông nghè, ông chang* giúp công việc phong tục tập quán luật lệ và cúng lễ.

III. QUYỀN LỢI ĐƯỢC HƯỞNG, BẢN MƯỜNG PHÂN CHO ÁN NHA, PHÌA VÀ CÁC CHỨC DỊCH, LỆ ĐẶT RA NHƯ SAU:

28. *Án nha* ăn mười mẫu ruộng ở trong phạm *vi bản* Chiềng Đi. Án nha thu "thóc lười"[8] của dân hàng châu. Mỗi một mẫu ruộng dân phải nộp một tạ thóc.

29. *Án nha* có chín *bản nhốc* người Thái: *bản* Bó, *bản* Lai, *bản*

Ngịu, *bản* Tong, *bản* Viện, *bản* Bay, *bản* Nuốt, *bản* Cát, *bản* ÉTòng, và bảy *bản cuông*[9] người Xá: *bản* Pọng, *bản* Cỏ, *bản* Lìu, *bản* Tịm, *bản* Na Tăm, *bản* Kéo, *bản* Nong Pông.

30. Thư lại ăn sáu mẫu ruộng ở trong *bản* Chiềng ly; được hưởng ba *bản nhốc* Thái: Chiềng ngàm, *bản* Bon Nọi, *bản* Ca Đắng và hai *bản cuông* người Xá: *bản* Khem, *bản* Lẹng.

31. Thông lại ăn năm mẫu ruộng ở trong *bản* Chiềng Ly, được hưởng ba *bản nhốc* Thái: *bản* Xát, *bản* Mỏ, *bản* Ta Tủ và ba *bản cuông* người Xá: *bản* Hỏm, *bản* Mau, *bản* Xong.32. *Phìa Lý* ăn năm mẫu ruộng ở trong *bản* Chiềng Ly; được hưởng ba *bản nhốc* Thái: *bản* Nà Tí, *bản* Pủ, *bản* Na Hát và hai *bản cuông* người Xá: *bản* Xai, *bản* Nà Hẻo.

33. *Phìa phó* ăn ba mẫu ruộng ở trong *bản* Chiềng Ly; được hưởng hai *bản nhốc* Thái: *bản* Lay, *bản* Nà Nong, hai *bản cuông* người Xá: *bản* Hán, *bản* Huổi Luông.

34. *Ông Xen* đứng đầu *xổng pần*, ở *bản* Mòn ăn tám mẫu ruộng; được hưởng năm *bản nhốc* Thái: *bản* Dòi, *bản* Pài, *bản* Xeng, *bản* Nặm Lạu, *bản* Nặm Xe.

35. *Ông pọng* đứng đầu *xổng pọng* ở *bản* Thôm ăn sáu mẫu ruộng, được bốn *bản nhốc* Thái: *bản* Phẻ, *bản* Ít, *bản* Tam, *bản* Luội.

36. Ông *ho luông* đứng đầu xổng *ho luông* ở *bản* Lụa ăn bốn mẫu ruộng, được hưởng *bản cuông* người Xá là *bản* Dẹ và *bản* Bó Mạ.

37. *Ông pọng cang* đứng đầu *xổng pọng cang* ở *bản* Cọ ăn ba mẫu ruộng, được một *bản nhốc* Thái là bản Xen To.

38. *Ông quan sự* còn gọi là *ông ho cang* ở *bản* Lè ăn 2 mẫu ruộng, làm việc cho *xổng pọng cang*.

39. *Ông ho hé* ở *bản* Lăng Luông ăn hai mẫu ruộng làm việc cho *xổng pần*.

40. *Ông pụa* ở *bản* Púng ăn hai mẫu ruộng làm việc cho *xổng pọng*.

41. *Ông chá hươn ở bản* Lẹng ăn hai mẫu ruộng làm việc cho *xổng ho luông* và làm việc về đường cúng lễ theo *ông mo.*

Mọi công việc của những chức *ông* trông coi hàng *xổng* phải làm những khoản sau:

42. Lúc phìa sức nộp thuế, *ông xổng* phải sức xuống đến *quan bản, quan bản* mới bổ xuống đầu dân *mường.* Dân *mường* phải nộp cho đầy đủ.

43. Lúc *phìa* sức bắt phu phen xuống đến *xổng* nào, *ông xổng* phải sức tới các quan *bản* trong *xổng*, quan *bản* mới cắt phiên cho từng nhà, sức đến nhà nào thì nhà ấy không được chối từ. Đến kỳ hẹn *quan bản* phải dẫn đoàn phu lên nộp cho *ông xổng. Ông xổng* phải dẫn đoàn phu lên nộp cho *phìa.*

44. Lúc nào *án nha, phìa* cần việc gì thì phải gọi tới ông *xổng*, ông *xổng* phải tới hầu.

45. Lúc *án nha, phìa* nghi ngờ việc gì, nghĩ ra việc gì, điều gì, ở chỗ nào, *án nha, phìa* sai người đánh lên chín tiếng trống thì không quản ngày đêm, trời mưa, nắng, nóng lạnh, các *ông xổng* phải lên hầu.

46. Lúc *án nha, phìa* cần đi xem xét việc gì ở *xổng* nào thì *ông xổng* đó phải lên hầu.

47. Lúc *án nha phìa* cần sai mấy *quan pách, quan phòng, ông xổng* phải gọi họ đến đủ mặt. Nếu có vướng việc gì không đến được thì phải thưa trình cho đủ lý, để *án nha, phìa* xét lượng thứ cho.

48. Nếu dân trong *xổng* kêu ca, kiện cáo về nương ruộng, nước, đất, các *ông xổng* phải được "sờ tận tay" và "thấy tận mắt", tận nơi tận chốn mọi đường mọi việc, rồi mới trình lên *phìa, phìa* bẩm lên an nha. An nha, phìa giao việc đó để *ông xổng* tra xét phải nộp phạt vạ như thế nào hoặc xí xóa đi như thế nào mới được phép làm. Làm xong phải bẩm cáo lên *án nha, phìa*, xong xuôi hết mới được phép nghỉ.

49. Mỗi *xổng* có một *quan pách* chuyên trông về đường bắt tội

phạm, trói buộc, đánh đập, nhốt cũi, đeo gông đeo cùm.

50. *Pách xổng* pằn làm *quan bản* Ngà được hưởng mẫu rưỡi ruộng.

51. *Pách xổng pọng* làm *quan bản* Cha được hưởng mẫu rưỡi ruộng.

52. *Pách xổng ho luông* làm *quan bản* Thẩm ăn mẫu rưỡi ruộng.

53. *Pách xổng pọng cang* làm quan bản Tang ăn mẫu rưỡi ruộng.

54. Các quan *pách xổng* luôn luôn phải trực việc ở mường. *Bản mường* phải đặt lệ cho mỗi một *quan pách* có một chức *quan giúp việc* gọi là *ti pách* dưới quyền trực tiếp trông coi bản và trông nom nhà cửa quan pách trực ở mường. Mỗi một viên quan *ti pách* được hưởng một mẫu ruộng.

55. Dưới *quan pách*, mỗi một xổng có hai *quan phòng* gọi là *quan phòng gốc* và *quan phòng ngọn* để giúp việc *án nha, phìa. Án nha* phải đi đâu, chẳng hạn như đi lên tỉnh, xuống chầu vua, đi đến các *châu mường* khác, *bản* dưới, *mường* trên, các *quan phòng* phải đi gánh vác hành lý, tiền bạc, gạo nước. Trong lúc đi đường tiêu pha hết bao nhiêu *quan phòng* phải ghi vào sổ đầy đủ, để đến khi về nhà đem chia bổ vào đầu mỗi người dân trong *mường* phải nộp trả đầy đủ.

56. Có tám *quan phòng*:

- Hai *quan phòng xổng pằn, quan phòng gốc* làm *quan bản* Còng ăn một mẫu ruộng. *Quan phòng ngọn* làm *quan bản Bía* được ăn một mẫu ruộng.

- Hai *quan phòng xổng pọng, quan phòng gốc* làm *quan* bản Nà Ỏ ăn một mẫu ruộng. *Quan phòng ngọn* làm quan bản Puốk được ăn 1 mẫu ruộng.

- Hai quan phòng *xổng ho luông, quan phòng gốc* làm *quan bản* Pẹn ăn một mẫu ruộng, quan phòng ngọn làm *quan bản* Cuông Mường ăn một mẫu ruộng.

- Hai *quan phòng xổng ho cang, quan phòng gốc* làm *quan bản* Vai,

ăn một mẫu ruộng, *quan phòng ngọn* làm quan bản Lào ăn một mẫu ruộng.

57. *Dưới quan phòng*, mỗi *xổng* còn có thêm hai *quan chiềng*, chuyên trông coi các công việc sau:

- Khi các chức quyền hàng mường dựng nhà phải xuống đốc thúc dân các *bản* làm tới nơi tới chốn.

- Đến trực ở nhà ông đứng đầu *xổng* để trông coi việc ghi chép và cân đong về đường thu "thóc lười".

- Trông coi và đốc thúc dân của *xổng* mình khi làm các công trình *mương, phai, lái, lin.*

- Khi nào có "cúng mường", tế trâu đen trâu trắng (cho thần nước và thần đất (núi) phải đến nhà *ông mo, ông xổng* để nhận tiền đi mua trâu, bò, lợn, chó, gà, vịt và những vật cần thiết để phục vụ.

- Khi nào có việc phải đặt cỗ lớn, *quan chiềng* phải thay mặt *phìa, án nhà* của *mường* mình đi hầu mời *án nha, phìa* mường khác đến dự với an nha, *phìa* của *mường* mình.

- Khi con *tạo, phìa, án nha* lấy vợ người khác mường mình, *quan chiềng* phải đi xem xét rượu, gạo, trâu, lợn, gà, cơm nước, thức ăn, mọi của ngon, mặc đẹp phải đầy đủ đúng với mọi phong tục tập quán.

- Khi có vua, quan, *án nha mường* ngoài tới thăm *mường* mình phải mổ trâu làm cỗ đón khách, *quan chiềng* phải đến hầu hạ, đón mừng vui vẻ, phải trông nom cho đầy đủ rượu, gạo cơm, thịt thà.

- Trường hợp ở *mường* khác có việc vui hoặc việc buồn, họ có người cầm thư đến mời, đến báo để *án nha mường* mình đi dự. Nếu *án nha* nhận lời sẽ trực tiếp đi, các *quan chiềng* phải đi theo để hầu hạ, đốc thúc mọi việc theo lệ *bản* luật *mường*. Nếu *án nha* mắc bận không thể đi được, bèn giao việc đó cho người có chức có quyền nào đó đi thay mặt, *quan chiềng* cũng phải đi theo phục dịch người thay mặt *án nha* mình. Nếu không có một viên chức dịch nào thay mặt *án nha*,

quan chiềng phải làm việc đó. Trường hợp này *quan chiềng* được thay mặt *ấn nha* phải tự lo tự liệu, làm thế nào để mọi việc đạt được như ý, không được thiếu, không bị hụt, không được làm điều gì trái với *bản* với *mường* người ta.

- Các *quan chiềng* được đặt trong *phòng nghi lễ* theo *ông mo.*

58. *Quan chiềng ở xổng* nào thì lấy người ở *xổng* đó làm, không được lấy người ở *bản* khác *xổng.* Công việc cắt cử *quan chiềng* được đặt ra như sau:

- *Quan păn chiềng* thuộc *xổng păn* là chức trong phòng nghi lễ người ở *bản* Bon, được ăn một mẫu ruộng.

- *Quan pọng chiềng* thuộc *xổng* pọng là chức trong phòng nghi lễ, người *bản* Thôm được ăn một mẫu ruộng.

- *Quan ho luông chiềng* thuộc *xổng ho luông*, là chức trong phòng nghi lễ, người ở *bản* Lụa được hưởng một mẫu ruộng, chuyên trông coi, kiểm nghiệm các đồ nghi lễ trong các ngày cúng *mường.* Trong những dịp lễ, *cúng mường* ấy, *quan ho luông chiềng* phải hỏi han *ông ho luông* để xếp đặt cho thật đúng lệ *bản* luật *mường.*

- *Quan pọng cang chiềng* thuộc *xổng pọng cang* là chức trong phòng nghi lễ người ở *bản* Cọ được hưởng một nửa mẫu ruộng.

- *Quan ho cang chiềng* thuộc *xổng pọng cang*, là chức trong *phòng nghi lễ* người ở *bản* Lè, ăn nửa mẫu ruộng.

- *Ông ho hế chiềng* thuộc *xổng pần,* là chức trong *phòng nghi lễ* người ở *bản* Đăng Luông, ăn một mẫu ruộng.

- *Ông pụa chiềng* thuộc *xổng pọng*, người ở *bản* Púng ăn nửa mẫu ruộng, không nằm trong hàng *quan* của *phòng nghi lễ*, nhưng khi có lễ cúng *mường* thì phải đến phục dịch.

- *Ông chá hườn chiềng* thuộc *xổng ho luông*, người *bản* Lẹng, không phải hàng quan trong phòng nghi lễ, nhưng khi có lễ cúng *mường* thì phải đến phục dịch.

59. Mỗi một *xổng* có hai *ông chá* chuyên trông coi mọi việc mọi mặt như sau:

- Dịp cúng *mường* phải phân chia nhau đi các *bản* Thái, Xá, Mẹo ở trong *mường phìa* của mình để thu tiền đến nộp cho *ông* đứng đầu của *xổng* mình.

- Khi có khách lớn đến thăm *mường* phải phân nhau đi thu rượu, gạo, gà, vịt... trong dân thuộc phạm vi *xổng*. Sau khi thu xong đem về tập trung ở nhà *ông* đứng đầu *xổng* để rồi đem ra để làm bữa đón tiếp khách.

- Nếu có khách đến nhà *ông* đứng đầu *xổng*. *Chá xổng* phải phục dịch, lập bàn lập cỗ. *Chá xổng* nào thì làm ở *xổng* đó, không được lấy *chá* của *xổng* này đi làm cho *xổng* khác.

- Tám *ông chá* này có bốn người đứng trong phòng nghi lễ và bốn người không đứng trong phòng nghi lễ, ở *bản* nào ăn "ruộng bớt" ở trong phạm vi đất đai của *bản* đó.

- *Ông chá* một ở bản Mòn, *ông chá* hai ở *bản* Đăng Luông, mỗi chá được hưởng một nửa mẫu ruộng. Cả hai đều không được xếp vào phòng nghi lễ mà thuộc *xổng pần*.

- *Ông chá ba* ở *bản* Thôm, *ông chá bốn* ở *bản* Púng, mỗi một *chá* được hưởng một nửa mẫu ruộng, ở trong phòng nghi lễ, thuộc *xổng pọng*.

- *Ông chá* năm ở *bản* Nà Lục, *ông chá sáu* ở *bản* Lẹng, mỗi một *chá* được hưởng một nửa mẫu ruộng, không ở trong phòng nghi lễ mà thuộc *xổng ho luông*.

- *Ông chá bảy* ở *bản* Cọ, *ông chá tám* ở *bản* Le, mỗi *chá* được hưởng một nửa mẫu ruộng, thuộc *xổng pọng cang*, ở trong phòng nghi lễ.

60. *Mường* còn có *ông lam pọng* ở *bản* Huông được hưởng hai mẫu ruộng và *ông lam ho* ở *bản* Na Đeng được hưởng một mẫu ruộng. Hai

ông này luôn luôn phải ở trực, chuyên đưa thư từ của *án nha, phìa* xuống đến các *ông hàng xổng*.

Khi có khách vua, quan, *án nha mường* ngoài đến thăm *mường* mình, hai ông phải chạy xuống để thu rượu, gạo, lợn, gà, vịt ở nhà *ông xổng* lên nhà *án nha, phìa* để đặt mâm cỗ đón tiếp.

Trong dịp phải tổ chức theo phong tục tập quán "kiêng mường", *lam pọng* là người thay mặt "tạo gốc, chủ hồn" (tức *án nha)* cùng với đoàn trống, đoàn *cong* đi kêu (về những lời kiêng) để cả *mường* biết, mà làm theo. Bởi vậy ông *lam pọng* được xếp vào phòng nghi lễ dưới quyền *ông mo mường*.

61. Mỗi *bản* có một *quan bản* hoặc *tạo bản* trông coi mọi công việc. Dưới *quan bản* (tạo bản) có *chá bản* giúp việc. Khi có việc gì lớn, trước khi đưa lên hàng *xổng*, hàng *mường* để xét, phải có *quan pách, quan phòng*, ở *xổng* xuống cùng thu xếp. *Quan bản* (tạo bản) có *chá* giúp trông coi các công việc sau:

Khi có việc gì nghi, không thể nào tin được, trong ý nghĩ về việc đó thế nào cũng sẽ dẫn đến điều xấu sẽ xảy ra thì phải sai ngay "cấm phòng mở cửa ra binh" lấy tay viết nên những tờ, những khoản, để đưa lên hầu, lên giao cho ông *xổng*.

Khi phải đôn đốc thuế, thu tiền, thu vải, thu thóc... hoặc phải đốc phu phen, bắt trực phiên, bắt tất cả mọi người phải nộp cho đầy đủ.

Nếu *bản* nào hụt thuế, phu phen, thóc lúa, tiền bạc hoặc tìm lời để trốn tránh để công việc chậm chạp, ông *xổng* cho *quan sai* xuống đốc thúc thì *quan bản* phải bị phạt vạ "tiền giá chân" giao cho *quan sai* xổng 3,6 lạng bạc.

62. Những *quan bản* ở trong bốn *xổng* của *mường* trong, theo luật *mường* thì lấy các hàng ông, quan hàng *xổng*, hàng *mường* kiêm. Họ đã được hưởng suất ruộng chức dịch rồi, luật *mường* không phải quy định cho thêm một suất họ kiêm làm *quan bản* nữa.

63. Các *bản* không có ai làm *ông, quan* hàng *xổng*, hàng *mường* kiêm làm chức *quan bản* thì *bản* đó phải có *quan bản*. Ruộng phân cho chức *quan bản* thì tuỳ theo bản bé có ruộng ít, bản lớn có ruộng nhiều. Người ta thường theo lệ, một mẫu ruộng bớt hai sào cho *quan bản*. Chẳng hạn bản có 7, 8 mẫu ruộng thì bớt cho *quan bản* 3,5-4 sào ruộng.

64. Đất ruộng trong *bản* còn bao nhiêu thì đem phân chia cho dân *mường* gánh vác theo lệ truyền lại. Ai lĩnh ít ruộng thì đi việc *mường* ít; ai nhận nhiều ruộng thì gánh vác việc *mường* nhiều; ai không nhận đất ruộng thì không đi việc *mường*, như câu tục ngữ xưa định sẵn: "gánh ruộng thì mang thêm việc" (mường)[11].

65. Nhiều đầu *bản* hợp lại mới thành một đầu *mường*. Ở trong *mường*, *bản* nào lớn đã cắt cử để các *ông, quan hàng xổng* trực tiếp làm quan *bản*, trong đó có cả bốn *bản* lớn do *quan pách trướng* kiêm làm *quan bản*, các *bản* nhỏ hơn thì do các *quan tỉ pách, quan phòng* trực tiếp kiêm *quan bản; bản* nhỏ bé hơn nữa mới đến lượt các *quan bản* là người không ở trong hàng *ông, quan* trong *mường*

66. Ngoài *bốn xổng* ở trong *mường*, Mường Muổi còn có năm *lộng*: Mường Ek, Mường Bám, Bản Pàn-Mường Pịn (bản Pịn), Muổi Nọi và Chiềng Đa. Mỗi *lộng* có một *tạo lộng* đứng đầu trông coi mọi mặt, mọi việc trong *lộng* của mình. Trong *lộng* cũng có hàng *ông, quan* giúp việc cho *tạo*; có *mo, chang* trông coi việc cúng *bản*, cúng *mường*.

67. Trong mỗi *lộng* còn có *bản quen* (ken), mỗi một *quen* có tạo *quen* đứng đầu. Các *bản, bản* nào cũng có *quan bản* đứng đầu.

68. Án nha sức phu, phiên, thu tiền bạc, gạo thóc cùng thịt rượu thì theo lệ phân cho các *mường phìa*, chẳng hạn lấy con số 100 tròn để phân đến 5 *mường phìa:* Mường Muổi là *mường trong mường* phải nộp 30, Mường Lầm, Mường Sại nộp 20, Mường Piềng nộp 17, Chiềng Pắc nộp 13 là các *mường ngoài mường*. *Phìa mường* là người đứng đầu *mường phìa* phải đốc thúc và thu xếp sao cho đầy đủ rồi đem lên nộp

cho *án nha.*

69. Mường Muổi (Chiềng Ly) mới lấy phần 30 của mình lại chia cho các *xổng, lộng* theo lệ gánh vác: 4 xổng trong chiềng, mỗi xổng phải gánh 4,5 thành 18 suất. Lộng Mường E'k gánh 4 suất, các *lộng* khác mỗi *lộng* gánh 2 thành 8 suất.

II. LỆ XIN LÀM CHỨC DỊCH HÀNG MƯỜNG, HÀNG BẢN ĐẶT RA NHƯ SAU:

70. Người là dân chúng, ăn mà hiểu mà biết lệ luật dựng xây *bản mường* thì được *bản mường* đặt cho tên là Quảng là Xự[12].

71. Ai có tên Quảng tên Xự rồi mới được phép xin làm *quan bản.*

72. Ai làm *quan bản* rồi mới được xin làm *quan ti phòng*; làm *quan ti phòng* rồi mới được xin làm *phòng trưởng*; làm *quan phong trưởng* rồi mới được làm *quan ti pách*, làm *quan ti pách* rồi mới được xin làm *pách trưởng*; làm *pách trưởng* rồi mới được xin làm *ông chá hươn;* tất cả dãy bậc chức quyền đó chia thành bốn bậc:

- Quan bản

- Quan phòng (ti phòng và phòng trưởng)

- Quan pách (ti pách và pách trưởng)

- Ông chá hươn.

73. Ai muốn làm hoặc bắt buộc phải bậc chức này phải mất tiền lót gọi là "tiền xin chức" nộp cho án nha:

- Xin làm *quan bản* và *quan phòng* "tiền xin chức" mất 4,4 lạng-bằng nhau.

- Xin làm *quan pách* "tiền xin chức" mất 6,6 lạng, hai bậc như nhau.

- Xin làm *ông chá hươn* "tiền xin chức" hết 1,2 nén.

Ai muốn làm chức làm quyền còn phải mất tiền chạy chọt, đút lót,

lễ quỳ *án nha, phìa, ông xổng*. Muốn làm như thế nào thì làm, tiền bạc, rượu, lợn, gà... phải bỏ ra bao nhiêu không hạn định. Làm thế nào để người lớn bề trên đem lòng thương lòng mến "dung nạp làm bầy tôi tớ" thì làm.

74. Lúc nhận chức, muốn cho *bô lão toàn mường* công nhận, người được chức mới phải có mâm cao cỗ đầy, lợn rượu đầy đủ để kính mời *án nha* cũng như *bô lão toàn mường* và các bậc trên dưới, gọi là tiền "phong tục tập quán" nộp cho *ông mo*, để *ông mo* xin cho mình được phép lên "nhà lớn" (tức lên gian công đường ở nhà *án nha*) để ra mắt *bô lão toàn mường*:

- Người nhận chức *chá hươn* mất 3 lạng bạc

- Các chức khác phải mất 1,5 lạng bạc.

75. Ai đã làm đến chức *chá hươn* rồi, muốn làm các chức cao hơn để lên đến bậc tột cùng là *ông pần (xơn)* thì theo lệ không phải mất "tiền xin chức" cho *án nha* nữa, nhưng khi tới hầu *án nha* để nhận chức thì phải có vật biếu:

- Nhận chức ông đứng đầu *xổng* thì dâng biếu *án nha* một chiếc đệm bông gạo

- Nhận các chức quan biếu á*n nha* một quần đen chàm Thái.

- Cuối cùng ai nhận chức gì bất kể đều phải có một sải vải đen chàm để làm khăn cuốn đầu kiểu Thái để biếu *án nha*.

76. *Án nha* vui mừng nhận đồ biếu và phát ban tờ nhận chức tận tay. Người có chức phải có rượu đặt, lợn mổ để đặt mâm cao cỗ đầy mời *án nha* và *bô lão trong bản mường*.

77. Ai mới nhận chức cũng phải có đồ biếu *ông mo*:

- Nhận chức ông *xổng* biếu một chiếc áo

- Nhận các chức quan biếu một chiếc quần đen chàm Thái.

- Cuối cùng, chức nào cũng phải biếu một sải vải khăn cuốn đầu

đen chàm Thái và một chiếc quạt giấy mua ở người Kinh.

78. Người nhận chức phải dâng lễ vật lên *ấn nha* trước, sau đó *ông mo* mới được mở lời như thay cho lệ luật, phong tục tập quán *bản mường* thừa nhận. Trước mặt *ông mo* người nhận chức phải mở lời tạ ơn nơi *ấn nha*, nơi *bản mường*. Hết lời rồi *ông mo* mới tỏ lời vui mừng mà nhận lấy các của biếu của người mới nhận chức.

79. Người nhận chức nếu ở *bản* bé, nơi chật hẹp thì có quyền chuyển đến ở *bản* lớn.

80. Khi gặp phải chỗ các chức *ông xổng, ông xự, quan pách* cũng như mọi chức khác nữa khuyết chưa có ai xin nhận để thay "nơi bậc thang, chỗ ngồi" thì phải theo lệ đặt ra như sau:

- Phải là nơi "con em *ông đầu xổng*" thì chỉ được phép xin làm chức từ *ông ho cang* xuống đến *ông chá hươn*, không được quá.

- Phải chỗ em, con *ông Xự* thì chỉ được phép xin làm chức *chá hươn* xuống *quan pách* không được hơn.

- Phải chỗ em, con *ông pách* thì chỉ được phép xin làm chức từ *quan ti phòng* xuống đến *quan bản*, không được hơn.

- Phải chỗ em, con của *quan ti pách, quan phòng, quan bản* mới được thay chức của cha, anh mình. Nếu không thay thì cũng được làm *quan* ở những *bản* bé có ruộng ít.

81. Ngoài con *tạo* thuộc họ sinh ra là chủ hồn; con dân, nếu ai thông minh, anh hùng gan dạ, khoẻ mạnh, biết đường biết lối, biết lệ biết luật, chung với *ấn nha*, biết đường sai, đường khiến, nhanh nhẹn tháo vát, "đi nước không sợ bị chìm, vào lửa không sợ bị cháy, bị bỏng", giầu có, may mắn, bấy nhiêu điều đạt mới có thể đủ để chạy chọt xin làm chức *ông xổng, ông xự, quan pách*.

82. Các con em của *ông xổng, ông xự, quan pách* sinh ra là người khôn ngoan rất có thể được chọn để thay cha anh mình. Nhưng phải có nhiều tiền bạc hơn hẳn mức do lệ quy định. Mức nhiều hơn ấy không

hạn định vì người ta không thể lấy gì đo được. Việc nộp tiền thì cứ nộp, việc chạy cứ chạy, cho đến khi *án nha, bản mường* cảm thấy đủ rồi, mới giao chức cho để thay cha, thay anh của mình.

83. Khi khuyết các chức *tạo lộng; lộng* thuộc *mường trong mường* cũng như *mường ngoài mường*, như lộng mường E'k thuộc chiềng Ly Mường Muổi, Bản Pàn. Mường Pin thuộc Mường Lầm, Mường Giàng thuộc Mường Sại, Muổi Nọi thuộc Chiềng Pấc, Mường Pia thuộc Mường Piềng... Con *tạo* ai muốn xin để thay làm chức, trước hết phải được *án nha* cho phép, sau đó mới bỏ tiền để lên nộp lạy và xin tới *án nha*:

- Chức *tạo lộng mường trong mường*, tiền xin chức phải mất 1,2 nén cho *án nha*, 8 lạng cho *phìa*.

- Chức *tạo lộng thuộc mường ngoài mường*, tiền xin chức phải hết là 1,2 nén nộp cho *phìa lý, phìa phó* nơi *mường* mình, và dâng lên *án nha* 8 lạng.

84. Nếu chưa có ai làm chức *ông pằn ở mường lộng* thuộc *mường trong mường* như Mường E'k; *ở mường phìa mường ngoài mường* như *lộng* thuộc Mường Lầm, Mường Piềng, Mường Sại, Chiềng pấc, dân ai xin làm cũng không nhất thiết theo lệ *ông pọng* mới được xin làm.

Nếu trường hợp không phải *ông pọng* xin làm tiếp, xin thay chức *ông pằn*, lại rơi vào người khác thì người xin chức phải nộp cho *án nha* 1,2 nén. *Án nha* nhận và giao chức.

85. Ở toàn châu Mường Muổi, nếu *mường phìa* nào khuyết chức *phìa lý* hoặc *phìa phó, án nha, bản mường* phải tìm chọn người làm thay làm tiếp thì theo lệ như sau:

- Con, em người làm *phìa lý, phìa phó* được quyền xin làm chức thay cha, thay anh trước. Nếu không có con thì mới đến em; nếu không có em mới đến lượt các *tạo chưởng* (con em dòng dõi tạo), các *tạo lộng*, những người giầu có và có lời cầu xin án nha [13].

- *Án nha* mới xem xét: dòng dõi họ hàng, cách ăn ở... Người xin làm *phìa lý* phải trung thực với *bản* với *mường*.

- Nếu thấy vừa ý, *án nha* mới cho sức triệu tập các *ông hàng xống, tạo lộng* và các *quan bản ở mường* đó đến bàn, rồi mới cùng nhau bầu lấy. Công việc bầu cử người làm *phìa lý, phìa phó* cũng có lệ đặt ra để *án nha* là người đứng đầu *bản mường* làm theo - *án nha* phát cho mỗi đầu người trong cuộc họp một tờ giấy trắng. Các chức dịch từ *quan bản* lên đến các *ông quan hàng mường* có mặt ở cuộc họp mới xem những người xin làm chức đó, mình vừa lòng người nào thì viết tên họ vào tờ giấy, rồi nộp tờ giấy ấy cho *án nha*.

- *Án nha* lần lượt mở tờ giấy ra, đọc tên và ghi nhận để đếm. Ai được nhiều người ưa thích hơn thì người đó được *án nha* chọn làm *phìa lý* hoặc *phìa phó*.

- Người được *án nha* chọn làm *phìa lý, phìa phó* chính thức thì phải mất tiền lót chức 3,6 nén và mất thêm các khoản tiêu để đặt lễ công ơn *án nha*, bao nhiêu không hạn định. Nếu muốn để cho *án nha* yêu dấu, tin cậy trong lúc mình được giữ chức quyền thì cũng phải bỏ ra nhiều tiền, hết bao nhiêu không còn có mức định nữa rồi.

86. Nếu khuyết chức *án nha, thư lại, thông lại* thì người là con, là em được phép ra mắt để *bô lão toàn mường* thay mặt *bản mường* lựa chọn trước. Trong đó nếu không lựa chọn được con mới phải chọn đến em. Nếu người là em cũng không chọn được mới xem xét đến các *phìa trong châu*; các *phìa trong châu* cũng không có ai xứng đáng mới tìm đến các con em thuộc dòng dõi *tạo* - những *con tạo* nào thông minh, hiểu biết, giỏi dang, tướng mạo hơn người. "Lớn lên bằng *bản*, khôn bằng *mường*" mới có thể thay thế được người đã làm trước.

- Công việc lựa chọn người làm *án nha, thư lại, thông lại* không theo cách ghi tên người mình vừa lòng trên tờ giấy theo lệ, đầu tiên *ông xen* hoặc *ông mo*, hai *ông* này đề cử nói ra trước. Sau đó tất cả *bô lão toàn mường*, mọi người phải "đồng lòng cùng ờ, cùng gật". Nếu

trong số *bô lão toàn mường* lại có người không đồng lòng thì phải xem xét bàn lại đến khi nào mọi người đồng lòng mới gọi là ổn thoả. Nếu chưa ổn thoả thì *bô lão toàn mường* buộc phải tuyển lựa sang người khác.

- Chỉ có họ Lò Cầm mới được làm 3 chức này, các "họ dân nòi chúng" thì không được làm.

87. Họ Lò Cầm mới được làm *tạo lộng, tạo quen, phìa (phìa lý, phìa phó, thư lại, thông lại) và án nha.*

Nếu họ Lò Cầm làm người đứng đầu *bản* thì gọi là *tạo bản* không gọi là *quan bản.*

- Họ Lò Cầm không được phép làm *ông quan* hàng *xống.* Nên ai muốn làm hoặc phải làm thì phải làm lễ bỏ họ Lò Cầm chuyển sang họ bình dân.

- Họ "dân nòi chúng" thì được phép làm từ chức *quan bản* đến *chức ông pần (xen) mường*, không được quá, trừ trường hợp những người đã được nhập *đẳm tạo* để thành *tạo*[14].

- Họ Lường theo lệ thì được làm *ông mo.*

88. Những người thuộc "nòi dân họ chúng "nếu giầu có hơn mọi người trong *châu mường*, được *án nha* thương yêu, có công phục vụ *án nha* cùng *bô lão toàn mường*, đôi khi cũng được làm đến chức *phìa*, không thể hơn bậc đó được.

III. VỀ VIỆC KIỆN CÁO, PHẠT VẠ LỆ QUY ĐỊNH NHƯ SAU:

89. Theo lệ *bản mường* cho phép *án nha* phạt vạ thu từ 1,2 nén đến 12 nén bạc.

- *Thư lại* được an nha cho phép phạt vạ thu từ 1,2 nén đến 6 nén bạc.

- *Thông lại, phìa lý, phìa phó* được *án nha* cho phép phạt vạ thu từ 3

lạng đến 3 nén bạc.

- *Ông xen (păn)* được *án nha* cho phép phạt vạ thu từ 1,2 lạng đến 9,9 lạng bạc.

- *Ông pọng* được *án nha* cho phép phạt vạ thu từ 1,2 đến 8,8 lạng bạc.

- *Ông ho luông* được *án nha* cho phép phạt vạ thu từ 1,2 lạng đến 7,7 lạng bạc.

- Từ *ông pọng cang* xuống đến 8 *quan pách*. 8 *quan phong* được *án nha* cho phép phạt vạ từ 7 đồng cân lên đến 6,6 lạng bạc.

- *Quan chiềng, quan chá, quan bản* được phép của *án nha, phìa* phạt vạ từ 5 đồng cân lên đến 4,4 lạng bạc.

90. Phải lựa liệu mọi đường mọi việc: sai hoặc đúng, lớn hoặc bé, các *ông quan, tạo phìa, án nha* mới đặt mới phân để định mức thu phạt vạ sao cho vừa đúng, đặt mức phạt vạ đúng rồi, nếu là của các chức từ *thư lại, thông lại, phìa* trở xuống đến *quan bản* ai cũng phải trình lên *án nha* và những cấp chức trên mình trước. *Án nha* cho phép thu phạt vạ mới được quyền quyết đoán thu bạc thu tiền. Nếu *án nha* không cho phép thì không được tự ý làm bừa.

91. Nếu có dân chúng kiện cáo hoặc kêu ca việc gì, *quan bản* có quyền được xét xử trước. Lệ đặt giá cho hầu kiện ở cấp bản định thành ba mức:

- Con gà, cân rượu và 5 đồng cân bạc

- 2 cân rượu, đầu vịt và 5 đồng cân bạc

- Con lợn với 4 cân rượu, 1 lạng bạc

92. Nếu hai bên thấy *quan bản* xét xử chưa phải, họ được phép nâng việc kiện cáo lên đến *quan phổng (ông pọng cang)*, tục lệ đặt mức giá của việc kiện với *ông pọng cang* có hai mức:

- Rượu gà, rượu vịt

- Rượu lợn với một số tiền theo lệ quy định rồi không được phép thu thêm

93. Nếu việc kiện cáo cũng không xong, hai bên được phép đưa lên để *ông ba quan* xét xử. *Ông ho luông* được phép xét xử trước; nếu không xong mới lên đến *ông pọng* xét xử, nếu không xong mới lên đến *ông xen* xét xử.

Ông ba quan xét xử chưa xong mới đưa lên đến các *phìa (phìa phó, phía lý, thông lại, thư lại).* Nếu việc không xong, cuối cùng đến quan lớn *án nha.*

94. Nếu *án nha* hoặc cấp bậc quyền hành nào xét xử lại đúng như cấp bậc quyền hành dưới mình đã xử thì kẻ sai phạm phải mất "tiền rửa quản" cho tất cả các nhà mà hai bên đã kéo đến hầu kiện. Kiện đến cấp bậc quyền hành nào thì người thua kiện phải mất "tiền rửa quản" cho cấp đó. Giá "tiền rửa quản" lệ đặt thành từng mức như sau:

- Quản *án nha* 1,2 nén bạc.

- Quản các *phìa* 6 lạng bạc

- Quản *ông xen (păn)* 4 lạng bạc

- Quản *ông pọng* 2 lạng bạc

- Quản *ông ho luông* 1,5 lạng bạc

Từ *ông pọng cang* đổ xuống đến *quan bản* thì người theo kiện phải mất "tiền rửa quản" bởi vì các cấp bậc chức quyền này lệ không quy định nhà họ là nhà của *bản* của *mường.* Nhà ở là nhà của cá nhân mình.

95. Trong khi vào cuộc hầu kiện, người trái người phải chưa thể phân định được, bởi vậy hai bên ai cũng phải bỏ tiền của ra để chi phí cho các cuộc hầu kiện theo lệ quy định có ba mức:

- Rượu gà

- Rượu vịt

- Rượu lợn.

Tiền bạc thì phải nộp như đã quy định cho từng bậc chức quyền, không được quá.

96. Nếu có kiện những người bị can phạm tội lớn như giết người, đổ vu cho họ là có ma cà rồng... nếu người kiện tự đặt ra những sự vụ, sự việc ấy mà quả thật không có thì bị quy là tội vu oan giá họa cho người; tất cả những ai ở trong ba họ của kẻ vu oan giá hoạ ấy đều bị quy thành tội phạm.

97. Tất cả những người làm chức để xét xử nơi có người kiện bịa đặt ra đó đã không tìm ra được thực hư thì cũng bị gọi tới phạt vạ như trường hợp những người ở trong ba họ: ẢI NỌNG, LUNG TA, NHINH XAO của người kiện vu oan giá họa cho người khác[15].

Trong việc này, người phải nộp phạt vạ phải nộp cho đầy đủ, không được kêu ca phàn nàn, gào thét. Mức phải nộp phạt vạ quy định như sau:

- Nếu đúng vào chức *án nha, phìa*, 4 *ông xổng* và những người đã mang tên *quảng* thì phải nộp đủ 3,6 nén bạc.

- Nếu đúng vào chức *quan bản* thì phải nộp 2,4 lạng bạc.

- Nếu đúng vào nông dân "gánh vác ruộng mường" thì phải mất 1,5 lạng bạc.

- Nếu người kiện đồng thời là kẻ vu oan giá họa thì cứ căn cứ vào thứ bậc chức quyền và đẳng cấp trong xã hội của cha nó mà bắt nộp tiền phạt vạ.

98. Khi *bản, mường* nào có việc mở tiệc tụng vui vẻ mời đến *án nha, phìa*. Hoặc án nha, phải đi việc *bản*, việc *mường*, việc đi xét xử kiện cáo đúng sai, hoặc đi thăm viếng *bản* làng, *mường* dưới, *mường* trên. *Án nha, phìa* đi đến đâu thì nơi đó phải "mổ lợn giải chiếu", đặt mâm cao cỗ đầy, đặt "nơi thờ ở cửa sổ" để khấn vái đến tông tộc nhà họ *tạo*[16].

Nếu *án nha, phìa* phải đi đường xa, đi đến phạm vi đất *bản* nào, *mường* nào thì nơi đó phải có đủ lương gạo, rượu, thịt để nuôi, không được thiếu.

IV. VỀ VIỆC DÂN LÀM RUỘNG, LÀM NƯƠNG CHO ÁN NHA VÀ CÁC CHỨC DỊCH LỆ QUY ĐỊNH NHƯ SAU:

99. Dân hàng châu phải làm nhà cho *án nha, thư lại, thông lại* và thầy giáo.

Dân hàng *mường* phải làm nhà *án nha* cho *phìa lý, phìa phó.*

100. Dân hàng *bản* thì làm nhà có các *ông quan* hàng *xổng*; làm cho các *ông quan* ở phòng nghi lễ. Nhà ở trong *chiềng* của các ông quan chức quyền đó thì do dân hàng xổng của họ đến dựng cho. Nhà quan bản nào thì do dân *bản* đó dựng cho.

101. Dân ở bốn *xổng* thuộc *chiềng*, ăn hưởng *ruộng gánh vác* phải dắt trâu đến cày bừa ở *"ruộng toàn mường tới làm"* gọi là "thứa Xạ, thứa Lạn":

- Mỗi đầu nhà *ông gánh bà vác* phải làm một buổi sáng.

- Các *ông gánh bà vác* làm rồi thì người ở *bản nhốc cuông* mới làm tiếp.

102. Dân *bản* ai lãnh *ruộng gánh vác* phải làm ruộng cho các *ông, quan, tạo, phìa. Bản* nào ruộng nhiều thì làm nhiều; *bản* nào có 10 mẫu ruộng thì phải đến làm ruộng cho *ông, quan, tạo, phìa* một mẫu, *bản* nào có 3 - 4 mẫu ruộng thì đến làm cho *ông, quan, tạo, phìa* 3-4 sào.

- Dân *gánh vác ruộng mường* thì chỉ cày và bừa

- Dân *cuông nhốc* thì tiếp tục làm các khâu việc sau đó.

Bởi vậy, người là dân "ông nương bà ruộng" thì phải làm từ việc "cắm mai, lắp bắp cày" cho đến mùa gặt lúa nhập kho cho nhà người làm chức làm quyền mới hết việc.

103. *Dân cuông nhốc* còn phải làm nương bông cho nhà *ông, quan,*

tạo, phìa. Chẳng hạn làm cho *án nha* từ 3 đến 5 sào đất. Dân *cuông nhốc* còn phải làm vườn rau như làm vườn của *án nha* có tới 2,3 sào đất.

104. Việc làm vườn rau cho nhà các chức hàng *ông, quan, tạo, lộng, tạo quen, quan bản* là để để phòng tiếp khách khứa quan lại, phòng khi dùng vào việc *cúng bản*.

Nếu dân *bản* đã bỏ công sức ra làm vườn rồi thì *quan bản* không được bắt dân đóng góp gạo, thịt để tiếp khách nữa. Dân chỉ có một việc là khuân thóc lên nhập vào "kho hàng mường". Thóc nhập "kho hàng mường" là để tiếp khách qua lại, hoặc người dân có việc phải lên *mường* lên *chiềng* thì cũng lấy thóc trong "kho hàng mường" đó mà ăn.

105. Người đã là dân thì phải phụng sự *quan bản, quan bản* phải bận tâm chia "ruộng hàng mường" để cho *dân* trong *bản* làm và hưởng. Ngoài những ruộng đã bớt cho *ông, quan, tạo, phìa*, đất *bản* còn bao nhiêu ruộng thì chia cho dân bấy nhiêu.

- Một mặt người là dân thì phải xem đủ mặt, làm đủ việc, đủ đường do *ông quan, tạo, phìa, án nha*. Họ phải chịu làm thân tôi đòi, làm người chịu mọi sự sai khiến. *Ông, quan, tạo, phìa, án nha* sai thì họ phải giúp để cởi mở, ngược lại đúng và thắng thì họ cũng giúp để thu phạt vạ. Họ "muốn ăn phải đợi, họ muốn mổ gia súc thì phải hỏi"[17].

- Dân muốn đi đâu phải xin phép, người có chức có quyền cho đi mới đi. Dân muốn làm gì, người có chức có quyền cho mới làm. Dân luôn luôn phải theo phép theo theo tắc, tuân theo các lệ luật đã ghi ra ở trên.

V. VỀ VIỆC BẮN SÚNG NHẦM, LÀM BỊ THƯƠNG HAY CHẾT NGƯỜI VÀ VIỆC LÀM CHÁY NHÀ LỆ QUY ĐỊNH NHƯ SAU:

106. Khi săn bắt nếu bắn chết người phải chạy đến bẩm báo cho *án*

nha, phìa biết ngay tức khắc. Nhận được lời báo truyện không hay đó, *án nha, phìa* phải xuống ngay tận nơi để xem xét kỹ lưỡng, hỏi han tỉ mỉ để tìm ra được nguyên nhân gì đã dẫn đến việc bắn chết người. Họ vì chẳng may lỡ bắn nhầm nhau hay vì có thù hằn nhau mà cố tình bắn nhau chết...

107. Nếu phải trường hợp không có gì thù hằn nhau, chỉ chẳng may nhỡ bắn phải người chết, lệ đặt ra cho người nhỡ tay bắn chết người phải góp vào lễ tang ma ấy như sau:

- Dựng một cây "heo", có 20 cây vải cờ[18]
- Mổ một con trâu cho tang lễ
- Tiền gọi là "xuống nước, xuống lửa"[19] hết 3 lạng bạc.
- Tiền "đắp cản nước mắt" cho chủ "người đau buồn" hết 1,2 nén[20].

108. Nếu điều tra kỹ càng, biết đích xác hai bên có thù hằn nhau thực sự. Lệ đặt ra để bắt người cố tình bắn chết người mình có tư thù phải mất tiền của để làm tang lễ như sau:

- Dựng một cây "heo", có 20 cây vải cờ.
- Nộp một con trâu để mổ cho tang lễ.
- Tiền "xuống nước, xuống lửa" và tiền "đắp cản nước mắt' cho chủ "người đau buồn" cũng phải mất như đã ghi ở trường hợp trên.
- Rồi còn phải nộp "tiền giá đầu" người bị bắn chết cho chủ "người đau buồn" 1,2 nén bạc nữa.

109. Nếu ai để nhỡ lửa cháy từ nhà mình lan sang các nhà khác thì sẽ bị *án nha, phìa, bản mường* bắt phạt vạ, phải mất 3 lạng bạc, 2 con trâu: một để mổ làm lễ tế "nước, đất", một nữa để đặt lễ cúng "tống tiễn tinh lửa".

Người làm lửa cháy lan phải nộp đầy đủ tiền phạt. Trong đó nộp cho *án nha, phìa* 1,2 nén; *bản mường* 1,2 nén và nhận được của trả là

"nồi (chậu) ngâm gạo".

Thịt trâu sau khi mổ để làm lễ tế lễ cúng theo phong tục tập quán rồi, được đem ra làm cỗ bàn mời ăn chung và chia các phần để biếu xén như lệ đã định.

VI. SĂN ĐƯỢC THÚ RỪNG LỚN, MỔ ĐẠI GIA SÚC, LỆ QUY ĐỊNH PHẢI BIẾU XÉN ÁN NHA VÀ CÁC CHỨC DỊCH HÀNG MƯỜNG NHƯ SAU:

110. Tục ngữ nói về lệ luật rằng: "đừng ăn mật ong mất phần nàng, đừng ăn nai mất phần tạo" *(nha kin tó xia nang, nha kin quang xia tạo)*; "mổ phải chia, phần chia cho trọn vẹn". Công việc đó lệ đặt thành những điều sau:

- *Án nha* được hưởng thịt trong phạm vi đất của hai *xổng pần (xen)* và *pọng*.

- *Thư lại, thông lại* ăn thịt thú trong phạm vi đất của *xổng ho luông*.

- *Phìa lý, phìa phó* ăn thịt thú ở trong phạm vi đất của *xổng pọng cang*.

- Không kể ai, đã là người dân mà săn, bắn, bắt được phải theo lệ biếu thịt hoang thú cho *án nha* và các *phìa ở trong mường:*

- Nai, lợn lòi, gấu, bò tót phải biếu một đùi sau, 1 đường thăn to, 1 đường thăn trong, hai thăn dính thân ngoài, nếu không biếu thăn trong thì có thể lấy thêm một đùi thay thế, một miếng thịt, nếu là nai thì phải biếu thêm miếng đuôi và bộ lòng, nếu là gấu thì phải biếu thêm 4 chân và mật.

111. Mọi thịt thú thu từ rừng về đem biếu đều phải đưa lên nhà *ông lam pọng* trước, để *ông lam pọng* trực tiếp chia phần:

- Đùi to sau phải biếu *án nha* hoặc các *phìa* (ai được hưởng thịt thú ở xổng nào thì biếu lên người đó).

- Đường thăn to đem biếu *ông xen*

- Đường thăn trong đem biếu *ông pọng*

- Một đường thăn dính thăn ngoài (thăn treo) mang lên biếu *ông ho luông.*

- Một miếng thịt lên biếu *ông pọng cang.*

- Còn 1 đường thăn dính thăn ngoài (thăn treo) lên biếu *ông lam pọng* - người chuyên chia thịt thú.

- Nếu còn phải biếu chức quyền nào nữa thì *án nha* và các *phìa*, người được hưởng một đùi to ở đằng sau, sẽ cắt sẻ ra để chia cho mà ăn

112. Lệ trước đây, ai làm *phìa lý* còn được biếu một thăn to. Nhưng giờ đây *án nha* đã phân cho người làm *phìa lý* hưởng thịt thú ở *xổng pọng* rồi. Bởi thế, 1 đường thăn lớn còn lại là để chia phần cho người bắn được hoặc người chủ giết được, bắt được.

Nhưng nếu phải là bộ nhung nai, mật gấu, xương và da hổ thì nhất thiết phải biếu lên *án nha, phìa.* Người được biếu mới quy ra thành tiền bạc. Giá tiền bạc là bao nhiêu mới đem chia thành 10 phần, người là chủ thu được thú được quyền hưởng 2 phần. Chẳng hạn giá của vật con thú ấy là 1 nén bạc thì người chủ thú hưởng 2 lạng: Hai phần người săn thú được hưởng dù bé, ít, nhiều, lớn vẫn là của riêng mình không nhất thiết phải chia cho ai nữa.

113. Phải chỗ là người làm *cuông,* làm *nhốc* giết được thú rừng thì phải biếu như sau:

- Một đường thăn lớn đem biếu *án nha* (không phải qua chỗ *lam pọng* nữa rồi)

- Một đùi sau bên gối mặt đất phải biếu chủ *cuông*, chủ *nhốc.*

Nếu đúng vào chỗ bộ nhung nai, mật gấu, bộ xương và da hổ thì chia cho người là *cuông, nhốc* theo lệ chia 10 phần. Người bắn giết thú được chia 1 phần. Chẳng hạn con thú giá 1 nén bạc, người được biếu hưởng 9 phần thì người là *cuông, nhốc* giết, bắn được nai, gấu, hổ chỉ

được hưởng 1, bấy nhiêu dù ít bé hoặc nhiều lớn.

114. Nếu mổ trâu thì phải theo lệ như sau:

- Dân chúng hoặc các *quan bản* ai định mổ trâu cũng phải lên xin nơi *ấn nha* và các phìa trước. Họ cho phép mới mổ, họ không cho phép, không được mổ. Nếu ai làm sai thì phải nộp phạt vạ, mỗi con trâu phải nộp 1,2 nén bạc.

- Mổ trâu phải biếu *ấn nha* và các *phìa* (những người được ăn thịt thú ở *xổng* nào thì biếu người đó), một đường thăn lớn. Một đường thăn trong của một bên đem lên biếu ông *xổng* mình. Nếu phải chỗ con trâu bị hổ vồ chết thì không phải biếu *ấn nha* hoặc phìa đường thăn lớn, biếu một đường thăn trong cho ông *xổng* và *quan bản* mình đã coi là được rồi.

VII. VỀ VIỆC LÀM CUÔNG, NHỐC, LỆ QUY ĐỊNH NHƯ SAU:

115. Những *bản* làm *cuông*, làm *nhốc* trong *mường* theo lệ đã phân chia cho *ấn nha* và chức dịch chu đáo và đầy đủ cả rồi. Bây giờ còn có những *bản* ở xa *mường*, ở nơi rừng sâu núi thẳm, người là dân là chúng ở nơi ấy không đáng là dân hàng *mường*. Bởi thế họ ở đất *xổng* nào thì phải là *cuông nhốc* cho *xổng* đó.

116. *Ấn nha* chia bản *cuông*, bản *nhốc* cho các chức dịch. Ai được bản nào thì chức dịch đó phải dẫn dắt họ vỡ ruộng nương, làm *mương* làm *phai*, dựng thành vùng đất, thành *bản* thành làng ở nơi ấy.

Người Xá Khao ở nơi nào, bản của họ luôn luôn là *cuông*, *nhốc* cho chức dịch.

117. Bản người Xá Cẩu ở không thành nơi thành chốn, lại nằm trong vực sâu núi thẳm, chiêu dụ họ khó. Bởi vậy, họ thích làm *cuông nhốc* cho ai thì chức dịch đó phải nhận lấy. Các việc *bản* việc *mường* một khi cần đến hàng *cuông nhốc* thì họ không được thiếu.

118. Người Mèo đến sau người Thái mới được khoảng 300 năm lại

đây. Họ làm nương trên núi cao, không bắt họ làm *cuông* cho một chức dịch nào, nhưng họ phải nộp quỹ thuế cho *ấn nha*. Mỗi khi *mường* cần việc thể như cúng lễ, họ phải nộp lợn, nộp gà. Khi *ấn nha*, thư, thông lại làm nhà họ phải đem ván đến nộp để làm cửa, vách, cửa sổ. Những việc mường khác, trong đó có việc đi phu đi phen, họ không phải đi.

119. Cứ đúng 10 ngày người *bản cuông, bản nhốc* phải "lên lam", "nộp lam" một lần. "Nộp lam" thì phải lên nhà *ông pọng*; "Nộp lam thì phải dẫn vật tiêu dùng như: củi, lá, hoa cây sẹ, quả chua, quả ngọt, rau xanh ở trong rừng, măng cây đủ loại lên nhà chủ của *cuông nhốc*.

- Hàng năm *cuông nhốc* phải nộp cho chủ: cán mai, thân bắp cày, bừa, cót, giỏ đựng rau, giỏ đeo bên mình, chiếc giỏ phễu để vo gạo nếp, rá đựng chiếc giỏ phễu.

- Hàng năm, người làm *cuông, nhốc* phải đến sửa sang nhà cửa, sửa sang nơi rửa ráy, đựng nước phóng uế và nếu có phải dựng nhà cho chủ cũng bắt tay làm. Họ phải đựng nhà để thóc, làm nương bông, nương ngô; làm nương lúa ruộng đồng; làm vườn rau trồng củ. Nếu chủ *cuông nhốc* phải đi đâu thì người làm *cuông* làm *nhốc* phải đi để hầu hạ, gánh đồ nặng nhọc.

120. Người làm *cuông nhốc* không phải đi việc mường như phu phen tạp dịch nặng nhọc vì thế mới phải làm những công việc trên để chức quyền gánh "việc bản việc mường" thay cho mình. Tuy không phải đi "việc mường", nhưng đã là người dân sống trong *bản* trong *mường* thì dù là *cuông nhốc* hay "ông gánh bà vác", khi cần thiết đều phải đóng góp tiền của như nhau.

VIII. VỀ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI CHỬA HOANG VÀ CHỬA TRƯỚC KHI THÀNH VỢ THÀNH CHỒNG CHÍNH THỨC

121. Nếu *ấn nha, thư lại, thông lại* làm cho con gái, đàn bà chửa hoang thì bị *bản mường* bắt phạt vạ 12 nén bạc. Nếu trường hợp làm

cho "chín trước ương" (làm chửa trước khi làm lễ cưới); làm sổ thai trước khi đứa con ra đời, giá phạt vạ được giảm xuống chỉ còn có 6 nén bạc.

122. *Con tạo* mặc dù là con của người đương chức quyền; mặc dù là *chưởng* là *chiều* nếu đã làm cho đàn bà con gái chửa hoang; cô *nàng* (con gái họ nhà *tạo*) chơi tình chơi trai có chửa hoang; *tạo, nàng* cả hai trường hợp đó đều bị *bản mường* bắt nộp phạt vạ 6 nén bạc. Nếu trường hợp "chín trước ương", làm sổ thai trước khi đứa con ra đời, giá phạt vạ được giảm xuống chỉ còn 3 nén.

123. Tiền thu được trong việc phạt vạ *án nha*, các *phìa, con tạo, tạo chưởng, tạo chiều*, và cô nàng con tạo thu và nhập thành của *bản* của *mường*.

124. Đàn bà goá nhà *án nha, tạo, phìa* nếu chửa hoang thì bị *bản mường* phạt vạ 12 nén bạc. Nếu "chín trước ương", làm sổ thai trước khi đứa con ra đời, giá phạt vạ giảm xuống còn 6 nén bạc.

125. Trai tân gái tân chơi nhau cũng như trai tân chơi bà goá; gái tân chơi ông goá nếu để chửa hoang thì *bản mường* bắt phạt vạ 1,2 nén bạc. Nếu "chín trước ương", làm sổ thai trước khi đứa con ra đời thì giá phạt vạ giảm xuống chỉ còn 6 lạng.

126. Đàn ông đã có vợ, đàn bà đã có chồng mà ngoại tình, trai tân chơi vợ người, gái tân chơi chồng người, tất cả các trường hợp đó được gọi chung là ngoại tình. Nếu bắt được "trai trên gái dưới- gái ngửa trai sấp" thì bị *bản mường* bắt phạt vạ 12 nén bạc. Trường hợp ngoại tình mà để chửa hoang thì mức phạt sẽ phải thêm 6 nén nữa. Không có trường hợp "chín trước ương" cũng như phá thai để được giảm một nửa.

Đàn bà goá chơi trai, chửa hoang cũng bị *bản mường* phạt vạ 1,2 nén bạc. Nếu "chín trước ương" làm sổ thai trước. Khi đứa con ra đời, giá phạt vạ được giảm xuống chỉ còn 6 nén bạc.

127. Trường hợp các *ông quan* hàng *xổng, tạo lộng, tạo quen, quan*

bản cũng như dân chúng bị phạt vạ, tiền bạc phải nộp lên *án nha* và *phìa* tiêu dùng.

128. Trường hợp người làm *cuông nhốc* bị phạt vạ; tiền phạt vạ đó nộp cho người làm *lam* tiêu dùng.

129. Con trai lấy con gái chửa hoang, nếu lo được tiền phạt vạ thì được phép cưới đem về nhà mình ngay, không phải ở rể.

Nếu bên ông bà ngoại tức bố mẹ vợ lo liệu trả được một nửa số tiền nộp phạt vạ chửa hoang thì người là chồng phải trường hợp vợ là gái họ dân sẽ phải ở rể nửa số thời gian là bốn năm theo phong tục tập quán; người là chồng lại lấy vợ là nàng thì phải ở rể một nửa số thời gian là 6 năm theo lệ luật đã định. Nếu bố mẹ vợ đã lo liệu trả được đủ số tiền phạt vạ thì người là chồng phải trường hợp vợ là gái họ dân sẽ phải ở rể 8 năm; trường hợp vợ là *nàng* thì phải ở rể 12 năm như lệ của người Thái mình đặt ra.

130. Nếu người con trai không lấy người con gái mình làm chửa hoang thì họ nhà trai phải gánh chịu hết số tiền nộp phạt vạ. Nếu người con gái chửa hoang không chịu lấy người con trai làm mình chửa hoang làm chồng thì phía họ nhà gái phải chịu hết số tiền nộp phạt vạ.

131. Phải trường hợp họ nhà trai nộp đủ số tiền chịu phạt vạ vì chửa hoang rồi thì họ không phải đưa cho họ nhà gái số tiền gọi là "giá đầu" nữa. Họ chỉ phải lo tổ chức làm theo lệ luật cưới xin là đã đầy đủ mọi việc rồi.

132. Nếu phải trường hợp "ba ông quan": *ông xen, ông pọng, ông ho luông* và ông *mo*, ông *pú chẩu căm tang* bị phạt vạ vì đã làm cho đàn bà con gái chửa hoang thì họ được *án nha* giảm số tiền chỉ nộp bằng một nửa số tiền phạt theo lệ quy định cho mọi người [21].

IX. VỀ VIỆC XỬ PHẠT TRỘM CẮP

133. Ăn cắp hoa mầu trong nương vườn nếu bắt được quả tang phát kiện cáo đến hàng *mường* thì người ăn cắp phải đền phạt 1,2 nén bạc.

Nếu người ăn cắp là con người làm chức làm quyền thì mức phạt vạ nâng lên gấp đôi là 2,4 nén bạc.

134. Ăn cắp thóc lúa ở bịch, ở kho, ở ruộng nếu bắt được thì kẻ cắp lấy một phải trả gấp ba lần, chẳng hạn lấy một yến thì trả ba yến. Họ còn bị *bản mường* bắt nộp phạt 1,2 nén bạc nữa.

135. Ăn cắp trâu nếu người ta bắt được thì kẻ cắp bị *bản mường* bắt đến làm tôi đòi cho nhà lớn *ấn nha, thư lại, thông lại, phìa lý, phía phó.*

Nếu không muốn làm tôi đòi thì phải nộp phạt gấp ba lần. Chẳng hạn ăn cắp một con trâu thì phải nộp phạt 3 con trâu. Một con trả lại cho chủ mất trâu, hai con nộp cho *bản mường.*

X. VỀ VIỆC NGOẠI TÌNH

136. Nếu vợ ngoại tình, chồng bắt được có quyền đánh và giết vợ cũng như người tình nhân, không bị án mạng. Nếu không đánh và giết lại phát đơn kiện lên *hàng mường* thì kẻ ngoại tình (hai hoặc một) phải nộp phạt 12 nén bạc.

137. Nếu đàn ông ngoại tình, bị chồng tình nhân đánh giết thì người chồng ấy không bị bắt tội. Nếu người chồng đó phát kiện, *hàng mường* sẽ bắt đàn ông ngoại tình, phải nộp phạt 12 nén bạc.

XI. CÁC QUAN TRONG PHÒNG CÚNG LỄ VÀ LỆ LUẬT CÚNG MƯỜNG MƯỜNG MUỘI

138. Các quan chức trong phòng cúng lễ có như sau:

1/. *Ông mo ở bản* Pán được hưởng 3 mẫu ruộng và lấy người Thái ở *bản* Mỏ và *bản* Củ làm *nhốc.*

2/. *Ông Nghè ở bản Pán* hưởng 1 mẫu ruộng và được lấy người Thái ở *bản* Cang làm *nhốc.*

3/. *Ông chang luông ở bản* Lái hưởng 1 mẫu ruộng và lấy người Xá ở bản Nà Chạng làm *cuông.*

4/. *Ông chang nọi* ở bản Hỏm hưởng 1 mẫu ruộng

5/. *Ông pú chảu (căm tang) ở bản* Cùn hưởng 1 mẫu ruộng

6/. *Ông chảu côn* ở bản Nà Cài ăn 1 mẫu ruộng

7/. *Ông ho cẩm* ở bản nào cùng được hưởng 5 sào ruộng ở *bản* đó.

8/. *Ông cóng lảu ở bản* Cóng được hưởng một mẫu ruộng và lấy người của Cóng làm cuông.

9/. *Ông chang chiêng ở bản* Pán hưởng 5 sào ruộng.

10/. *Ông chang cuông ở bản* Pán hưởng 5 sào ruộng

11/. *Ông quan lảu ở bản* nào cũng được hưởng 5 sào ruộng

12/. *Ông chá xếng ở bản* nào cũng được hưởng 5 sào ruộng.

13/. *Nàng một mường ở bản* nào được hưởng 5 sào ruộng ở *bản* đó. Không kể thời *án nha, phìa tạo* nào, *nàng một mường* luôn luôn phải chọn lấy người ở những *bản* phía đầu *mường*, không được chọn những người ở những bản phía cuối *mường*.

14/. Ông *cuôi xủ chang ken ở bản* nào cũng được ăn 5 sào ruộng ở bản đó.

15/. *Ông pắc xí chang ken ở bản* nào cũng được hưởng 5 sào ruộng ở *bản* đó.

16/. *Ông láp tiêm ở bản* nào cũng được ăn 5 sào ruộng ở *bản* đó. Cũng như *nàng một mường*, thời nào ông láp tiêm cũng luôn luôn là người ở cuối *mường* làm.

17/. *Ông chá hươn nọi ở bản* nào cũng được hưởng 5 sào ruộng ở *bản* đó.

18/. *Ông ho lảng* ở bản nào được hưởng 5 sào ruộng ở bản đó.

139. Ở trong phòng cúng lễ còn có các chức: *quan chiềng, quan chá* ở mỗi *xống*. Họ ở *bản* nào được 5 sào ruộng ở bản đó.

140. Khi có việc cúng, việc tế, *ông mo* phân đặt cho người nào, ở chỗ nào, làm việc gì, rơi vào chức vụ nào, được dùng các đồ tế tụng như thế nào thì các *quan* ở phòng cúng lễ đều phải theo không được sai và cũng không được làm hụt làm thiếu.

141. Khi *án nha*, các *phìa*, các *tạo chưởng* cũng như các bà (vợ *án nha*) đi đâu, thăm viếng hoặc đến để làm nghi lễ đoàn kết với ai ở

ngoài *mường*, ngoài *châu* mình thì *ông mo, ông nghe* hoặc *ông chang* phải đi theo. Lúc này, *ông mo* được quyền cử những chức trong phòng cúng lễ đi theo để có người sai khiến, hầu hạ người lớn; để đỡ lời đối đáp thay người lớn của *mường* mình; tâng bốc người đất khách cũng như hát ho thơ ca đối đáp trong khi uống rượu *bản mường* vui chơi.

142. Lúc kiện cáo nhau, dân chúng ở trong các *bản* thuộc quyền điều khiển của các *quan* trong phòng cúng lễ không phải lên phía "ba quan ông" (*xen, pọng, ho luông).* Họ phải lên đường *ông mo. Ông mo* xét xử việc chưa xong thì đưa thẳng lên *phìa, an nha.*

143. - *Ông mo* được phép thu tiền phạt vạ từ 1,2 lạng đến 8,8 lạng bạc.

- *Ông nghè* được phép thu tiền phạt vạ từ 1,2 lạng đến 7,7 lạng bạc.

- *Ông chang luông, pú chẩu, chang nọi, chẩu côn, ho cẩm, chang chiêng* được phép thu tiền phạt vạ từ 5 đồng cân đến 6,6 lạng bạc.

- Các chức quyền khác ở trong phòng cúng lễ được phép thu tiền từ 5 đồng cân đến 4,4 lạng bạc.

144. "Tiền rửa *quản*" cho *ông mo* hết 2 lạng.

145. Dân các *bản* trong phòng cúng lễ săn bắt được thú rừng như lợn lòi, nai, bò tót, gấu... phải biếu *ông mo* một đường thăn trong. Biếu ông *lam pọng* một miếng thịt.

146. Chỗ ngồi khi trong làm việc hoặc trong mâm cỗ *bản mường*, lệ quy định cho ngồi thứ tự theo cấp trên dưới như sau:

- *Ông mo* có quyền ngang và được ngồi ngang hàng với ông pọng. Bởi vậy lúc ngồi xếp theo thứ tự chức quyền thì ai đến trước được ngồi trên; ai đến sau thì ngồi sau không can gì.

- *Ông xen* được ngồi dưới hàng *phìa lý ở mường trong châu.*

- Các *phìa lý mường* ngoài phải ngồi dưới *ông xen.*

- Các *tạo lộng* trong *châu* phải ngồi dưới bốn ông đầu *xống* và *ông mo.*

147. Lúc *xên cha, an nha* phải phân phát cho các chức quyền ở trong phòng cúng lễ, thanh gươm, ngọn giáo, áo đỏ có hoa văn vải ghép xanh, vàng, tím, trắng chạy ở dưới chân vạt áo và nón để đội đầu như lệ từ xưa đã đặt sẵn.

148. Lúc *xên cha, an nha* phải cho người Xá Khao mọi thứ cần thiết đủ để tiến hành theo tục lệ luật làm chiếc trống *cong*, đục *cong*, thành *cong* để làm lễ "nhập *cong* vào mường"

149. *Bản* Tịm có ông *khun cong* đứng đầu như chức *quan bản* Thái; *bản* Lìu có ông *khun xíp* đứng đầu như *quan bản* Thái. Hai *khun* này lúc sắp *xên cha* có việc phải huy động dân hai *bản* mình làm tục lệ (chặt cây đục và mổ bò lấy da bịt) làm thành chiếc "cong lớn". Làm xong (ở rừng) họ phải khiêng *cong* lớn lên để sẵn ở nhà *khun cong*.

150. *Khun cong* ở bản Tịm được hưởng 5 sào ruộng, *khun xíp* ở bản Lìu được ăn ba sào ruộng.

Hai ông *khun* này được *án nha* trực tiếp chỉ định làm người đứng đầu hai bản là gốc của nghi lễ *bản mường*. *Án nha* cho họ một cái nón, thanh gươm, cây giáo, mũ hoa, quần, áo dài đỏ có hoa văn ghép vải mầu chạy dưới chân vạt, đôi chiêng, đôi chũm chọe, ninh đồ, mâm đồng, bát đĩa, chén rượu, mọi thứ để làm đúng tục lệ cho nghi thức "nhập *cong* vào mường" cho đủ, không được thiếu [22].

XII. ĐẤT NƯỚC, RỪNG VÀ PHONG TỤC CÚNG LỄ TRONG MƯỜNG

151. *Mường trong mường* là Chiềng Ly Mường Muổi và các *mường ngoài* trong *châu* Muổi, chỗ nào cũng có thần phù hộ cho *bản*, cho mường của mình. Mường nào có *minh bản nen mường*, có khúc sông sâu suối lớn nơi chứa đựng các loài cá, có núi rừng rợp bóng *bản mường*.

152. Phạm vi nước thì có "văng mương" (vũng mường) hoặc "ao vũng mường". Thể như ở Mường Muổi có ao lớn đào từ thời cụ chủ

TA NGẦN đã huy động toàn bộ khu vực "Mười Sáu Châu Thái" đến đào. Nơi đây là để cụ chủ trời NGU HẤU CĂM LÒ LẸT đến ngụ để làm thần *chủ bản mường*. Ở phía đầu ao có nơi gọi là Đon Cang có dựng một ngôi nhà để đem "*cong mường*" tới treo. *Bản mường* có sự việc gì phải "giật mình thức dạy" hoặc có việc vui chơi hội hè đình đám mới được phép "dạy tiếng *cong mường*" vang khắp mọi chốn.

153. Chiềng Ly- Mường Muổi, có một ngọn núi mang tên *nen (minh) mương*. Chân núi có chôn "cột trụ ở mường" và một ngọn núi khác mang tên Luông (rồng) là nơi cất dấu vò,chum tro hài cốt của *tạo chủ hồn mường* và những người thuộc dòng dõi họ nhà *tạo*.

154. Mường Muổi có núi Khâu Tù là núi để tế *cụ chủ* Ăm Poi, là *chủ* họ ngoại của *tạo chủ hồn mường*[23].

155. Đầu mường có "rừng hồn chiềng" gọi là cửa XEN là nơi rừng cấm thiêng rộng lớn, cây to cổ thụ mọc san sát.

156. Cuối *mường* có "rừng hồn chiềng" gọi là cửa PỌNG, cũng là rừng cấm kiêng rộng lớn cây to cổ thụ mọc san sát.

157. Cạnh *mường* còn có khu rừng mang tên Chiềng Kẻo là khu rừng tha ma của *mường* cũng là rừng kiêng cấm không được chặt phá.

158. Vùng nước có nơi gọi là Pák Bôm và Pak Muổi nơi kiêng cấm để cúng, để tế trâu đen, khấn tới chủ dòng nước của mường, chủ rắn, chủ thuồng luồng; cạnh đó có khu rừng cấm. Giết trâu trắng để tế trời và chủ đất *mường*.

159. Vùng đất còn có các rừng gò săn, là nơi trời đặt cho người trần gian chuyên kiếm ăn; còn có khu rừng đầu nguồn đầu nước, nơi ở của loài ma thiêng, không được chặt phá bừa bãi.

XIII. CÚNG MƯỜNG, TỤC LỆ QUY ĐỊNH NHƯ SAU:

160.

1. <u>*Xên cha*</u> - là lễ *cúng mường* lớn nhất trong các loại cúng lễ của hàng *châu mường*. Lễ cúng được khai mạc ngay vào dịp "cúng nhà"

cho *án nha*. *Án nha* có dịp khuyên bảo mọi người Thái trong *châu* của mình phải làm lễ cúng nơi nhà mình cho thật tốt. Đã cúng *xên cha* nếu chỉ thu ở đất Thái thì không thể đủ được, bởi thế *án nha* phải cử *ông mo, chang* đưa chức dịch trong phòng cúng lễ xuống tới Hà Nội để tìm kiếm mới có thể đủ được. Những đồ cúng lễ cần như thế nào đã ghi sẵn trong quyển sổ của ông mo- một quyển sách đã được ghi từ đời xửa đời xưa truyền lại rồi. Trong đó có ghi cả nghi thức của *một. mo* và phương pháp bói cúng đầy đủ cả rồi.

Còn có khoản thịt rau quả cần phải có cho lễ cúng bao nhiêu thì *án nha* phải kê ra để phân cho dân Thái, Xá, Mèo, Hán, Kinh trong *mường* mình phải nộp đầy đủ. Về đại thể có: trâu, bò, lợn, gà, vịt, chó, hoa quả, rau xanh, ruột cá và nhiều thứ nữa, hết hàng chục, hàng trăm con; hết hàng gánh hàng chục cân... đặt cho ai đóng góp thì phải đóng góp không được từ chối.

Khi nào chuẩn bị được đầy đủ một cách tươm tất mọi điều, mọi thứ, *án nha* mới sai các *quan chiềng* đi cáo mời nhà vua, các quan, *án nha, phìa* ở các *châu mường* khác vui mừng đón cúng lễ cúng *xên cha* của Mường Muổi.

Bắt được ngày lành tháng tốt, Mường Muổi mới tổ chức lễ "nhập cong vào mường"; từ 15 đến 21 ngày sau, bắt được ngày lành tháng tốt mới tổ chức lễ *xên cha*. Ông *mo mường* là người đứng đầu lễ *xên cha*, cả *mường* phải gọi là cụ *mo lớn. Cụ mo lớn* mới phải ghi chép lại mọi việc, mọi điều, cái gì phải làm trước, làm sau, *án nha* chuyên làm gì, đến mọi chức quyền làm gì, đến mọi người dân Thái, Xá, Mèo... làm gì? Lễ cúng, theo lệ đặt cho phải tiến hành trong ba ngày ba đêm mới xong.

2- Xên Mường. Phải có một con trâu đen, một con bò, năm con lợn, một con chó, một con vịt, 32 con gà, rau quả, ruột cá, trầu cau lá trầu, ghế mây, chiếu, ống nước bằng cây bương, ống nước bằng quả bầu, rượu và nhiều thứ khác nữa.

Lễ được tiến hành ở gian gọi là "tạy" của nhà lớn (nhà *án nha*).

3. Xên kẻ khok mường (cúng cởi hạn cho mường). Phải có một con trâu, ba con lợn, 10 con gà, một con chó.

Lễ cúng này tiến hành ở nơi gọi là "cửa hồn chiềng" phía "cửa Xen" đằng trên mường, nhưng lại ở mé cuối dòng suối.

4. Cúng hồn chiềng: phải có một con trâu đen, một con bò, ba con lợn, mười con gà, một con chó, rau cỏ, ruột cá, vỏ trầu, ghế mây, chiếu, ống nước bằng bương, bầu nước bằng quả bầu nậm, rượu và nhiều thứ khác. Lễ cúng này tiến hành tại nơi gọi là " cửa hồn, chiềng" phía "cửa Pọng" ở mé cuối dòng suối phía cuối mường.

5. Cúng tiễn tôi tớ ma nhà: Phải có một con trâu đen, hai con lợn, 10 con gà, một con chó, một con vịt và những thứ khác như đã ghi ở "lễ cúng hồn chiềng"

Dựng lều ở đầu sàn phơi của nhà *ấn nha* để đặt lễ cúng này.

6. Cúng cầu mong điều hành. Phải có một con trâu đen, 2 con lợn, 22 con gà, 1 con vịt, 1 con chó và nhiều thứ khác như đã ghi ở các loại cúng trước.

Dựng nhà gọi là "hóng" ở bên phía đầu "quản" nhà *ấn nha* để đặt lễ cúng này.

7. Tế đen trắng. Phải có hai trâu, một đen, một trắng. Con trâu đen tế cho chủ nước ở Pák Nặm Bôm (suối Bôm chảy vào nhập suối Nặm Muổi ở Pak Bôm); con trâu trắng tế chủ đất ở núi Đán Luông là nơi ngụ của hương hồn chủ đất *mường* và cụ chủ họ ngoại của *tạo* ở KHAU TÙ ĂM POI.

8. Tế ở cửa Năm Muổi. Cửa sông Nặm Muổi là nơi có khu rừng già nguyên sơ ở Mường Sại. Đó là nơi cụ CHỦ NGU HẤU CẦM LÒ LẸT đã dựng nhà để cúng tế tổ họ *tạo*, đó là nơi cúng giỗ tổ tông người Thái Đen của ta. Phải mất một trâu đen không được lấy trâu trắng.

161. Những thức để đặt thành nghi lễ cúng, nghi lễ tế từ việc "cúng cởi hạn nhà" để tế lễ ở Pak Muổi, dân ở bốn *xổng* trong Chiềng Ly, có

cả người Xá, người Mèo ở trong đất Mường Muổi phải nộp cho đầy đủ. Trong những thức dân phải nộp đủ ấy gồm: trâu, bò, gà, vịt, chó, rau cỏ, ruột cá, chiếu, ghế mây, ống nước làm bằng cây bương, ống nước làm bằng quả bầu, mâm đan và nhiều thứ khác.

162. Phía *án nha* phải bỏ gạo và rượu cho những cuộc cúng, tế.

163. Dân ở *mường ngoài* và các *lộng*, không phải nộp của, tiền để *án nha* đặt các cuộc cúng, tế ở đất *chiềng*; bởi vì còn phải nộp để cúng tế ở đất *mường* của họ nữa.

164. Hàng năm đến mùa cúng lễ, *ông mo* phải giở sổ sách ra xem phải cúng loại gì, tế cái gì thì phải tự xếp đặt và công bố ra.

Cuộc cúng, tế ấy dân 4 *xổng* cũng như người Xá, người Mèo, mỗi nhà họ phải bỏ tiền của như thế nào phải cho rõ mức minh mạch đúng lệ, không được thiếu cũng không được tự thêm thắt tham nhũng của dân mường mình.

165. Thu về đầy đủ rồi, các *chá* tiếp tục đưa lên nộp cho *ông ho luông*. *Ông ho luông* mới giao số tiền để cho *quan chiềng* đi mua trâu, bò và nhiều thứ khác, thứ nào cũng phải đầy đủ như lệ đã đặt.

166. Tìm được ngày lành tháng tốt, *ông mo* mới đặt thành cuộc cúng, tế.

167. Những đồ để phục vụ cho cuộc cúng, tế, đến khi việc đã xong xuôi, *nàng một mường*, *ông mo*, *ông nghè*, *ông chang*, vợ *ông chá hươn luông*, vợ *ông chá hươn nọi* được phép thu về để làm của riêng mình.

168. Tất cả các thứ bậc chức quyền nào được biếu các phần thịt bò, thịt trâu đã có lệ quy định rồi. *Ông mo* là người đứng đầu việc cúng lễ, phải lấy sổ sách ra để làm theo. Cách chia thịt để đem biếu các chức sắc trên dưới cũng theo sách đã ghi. Cuối cùng còn bao nhiêu thịt nữa mới đem chế biến đặt thành cỗ ở nhà *án nha* cho mọi người vào dự tiệc *vui mường* ngày lễ.

169. Còn các công việc phải cúng cho các thần khác, chẳng hạn thần ma trời, thần ma đất và các tổ tông nhà *tạo* thì không ghi ra ở đây nữa vì đã có sẵn ghi ở trong sổ *nhà mo* cả rồi. Nếu sợ quên thì giở ra mà coi.

XIV. LỆ CÚNG CHO MỖI NGƯỜI, MỖI NHÀ

170. Một người cũng như một đầu nhà (gia đình) đã có rất nhiều đường để cúng tế cần nói tới, nhưng không thể nói và viết vào quyển lệ luật này hết được. Bởi thế mới chỉ nói đến mấy loại cúng như: cúng hồn, gọi hồn, thờ hồn, phân áo phân hồn, tiễn tôi tớ, cúng bằng trâu, bằng lợn, bằng dê, làm lễ gọi là *len phươn*, tiễn tôi tớ cho ma đố kỵ, lửa hạn, cởi hạn phía trước, nối *minh*, thêm *nen*, cúng phúc, cởi han "i khi", cúng cởi tội, *phún, tam, pói:* gà, vịt, chó. Công việc cúng hồn mình sao cho mạnh khoẻ, *minh* đặt *nen* dựng, móc Nen vững, *bát bẩu* không bị lật... thì mỗi năm hoặc 2,3 năm phải cúng một lần. Còn việc: "*tam, pói*"... thì có nhiều lắm, không sao kể hết được, phải tiến hành như thế nào thì tuỳ theo đường bói toán rồi liệu mà tiến hành cúng lễ. Làm như thế người mới có sức khoẻ tốt, sống lâu, vui vẻ trong lòng mà làm ăn không cùng.

171. Tế cũng có nhiều đường gọi là: tế lợn, tế trâu, tế chó, tế gà, tế vịt...; lại còn phải kể tới việc đuổi tà chữa thuốc nữa. Tất cả những việc cúng tế như thế, người Thái Đen ai cũng phải làm theo.

172. Khi ốm khi đau, không kể người là dân hay là *tạo*, là *quan*, ai cũng phải đi tìm "ông bói bà toán" để làm các thủ tục bói tìm ma. Bói biết ma loại gì đã gây ra cảnh đau ốm rồi mới đi mời ông *một lao, bà một nhinh*; hoặc cũng có thể là *ông mo, bà một* về làm lễ *tam*. Cuộc cúng lễ có thể phải chi mất con trâu, con lợn, con chó, con dê, vịt, gà và nhiều loại khác hết bao nhiêu cũng phải bỏ ra để làm. Cuộc cúng lễ, đuổi tà chữa bệnh dù có phải trả giá cho *một lao, một nhinh* cũng như *mo*, một khác nữa, hết bao nhiêu cũng phải đưa cho người ta đầy đủ. Giá cả đường cúng tế, lễ không quy định mức, người "chẩu xửa" (tức

chủ hồn, chỉ phía người được cúng tế) hãy xem xét cho kỹ, mất bao nhiêu để phía "chẩu xên" (những người đi cúng) vui lòng hả dạ thì làm. Phía người là *một*, là *mo* cũng phải xem xét cho kỹ sao cho thật vừa phải giá, không nên vòi vĩnh quá đáng. Vì nâng giá cao quá thì nghi thức đuổi ma tà sẽ không còn nghiệm [23].

V. KHÔNG GHI Ở ĐÂY

173. Tôi là *mo mường* đã viết được nhiều tục nhiều lệ; nhưng cũng còn nhiều tục lệ chưa ghi vào tập sách này được. Chẳng hạn như lệ cưới xin người làm *án nha*, người làm *tạo*, làm *quan* cũng như của dân chúng. Lại còn ghi chép dở dang chưa hoàn chỉnh tục lệ tang ma nữa.

PHẦN CHÚ THÍCH

1. Theo truyền thuyết ghi ở đoạn đầu Quam tô mương (kể chuyện bản mường) thì quê tổ xưa nhất của người Thái Đen là ở Mường Ôm hay Mường Tung, Mường Ai hay Mường Hoàng nơi có hồ lớn tên là Nong Xe. Trước thế kỷ XIX và rõ rệt nhất là thế kỷ XV, hai *mường* này nằm khu vực Mười sáu Châu Thái thuộc Việt Nam. Trong tập Dư địa chí của Nguyễn Trãi ghi là châu Tung Lăng và châu Hoàng Nham. Đến năm 1884 sau hiệp ước Thiên Tân ký giữa chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương và triều đình Mãn Thanh (Trung Quốc) 2 châu này cùng với 4 châu khácla: Mường Chúp (châu Tuy Phụ), Mường Mi (châu Hợp Phì), Mường Tiêng (Lễ Tuyền) Mường Chiềng Khem (châu Khiêm) đã chính thức sát nhập vào tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Tác giả Lường Văn Hơn ghi người thân xưa ở đất Hán là vào thời điểm 1930.

2. Theo Quam tô mương: 12 họ gồm: Lò, Lường, Quàng, Tòng, Cà, Vi, Leo, Mè, Lù, Lêm, Ngân và Nông. Trích từ Cầm Trọng. Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam, Nxb KHXH, Hà Nội 1978. trang 282.

3. *Dựng cột ở đất chiềng* - ngày xưa, mỗi trung tâm của *mường* người Thái dù thuộc ngành Đen hay Trắng đều có tục *dựng cột trụ ở đất chiềng*. Cột trụ đó mang tên là *lắc mương (cột mường)* mà việc cắm cột như thế được tiến hành thành hai cách khác nhau. Phổ biến hơn cả là cách lấy lõi của các loại cây gỗ thuộc nhóm tứ thiết (*mạy lý mạy kớn*), tiếng Việt có lẽ gọi là "lõa cây", dùng dao rìu đẽo thành hình cột trụ rồi đem chôn lộ thiêng ở chân núi được chọn là"nền tảng bền vững" của đất *mường* mang tên là *núi nen (minh) mương*. Lại có một số *mường* không chôn cột *mường* như vậy - đầu tiên, người ta chọn lấy bốn khúc gỗ bằng cổ tay, dài quãng 30 cm, đẽo thành hình cột trụ đem đặt cạnh mâm cỗ "cúng mường", sau khi lễ xong, *ông mo mường* có nhiệm vụ bí mật đem chôn ở bốn góc của đất *chiềng*. Phải hết sức bí mật vì sợ kẻ gian hùng biết sẽ đào *cột mường* đem chặt băm,

vị *chủ mường* đồng thời là chủ linh hồn của *mường* sẽ ốm chết hoặc *bản mường* tan hoang.

Tục lệ này có gốc từ rất xa xưa khi người Thái phải thiên di để tìm đất mới khai thiên lập địa thường được tổ chức đi từng cộng đồng dòng họ. Khi tới nơi, người đóng vai gốc của dòng họ bao giờ cũng phải tổ chức mang tên là "cắm cọc treo áo" (*tók lắc pắc sửa*). Đây là lễ "mổ trâu cúng thần đất" và dựng cột *bản cột mường* xem như dấu hiệu xác định quyền sở hữu đất đai của cộng đồng cư dân. Tục lệ này còn được kể lại như một truyền thuyết của dân tộc Tày hiện đương cư trú ở vùng sông Lô, sông Chảy, chi lưu của sông Hồng.

Nghiên cứu rộng ra, có lẽ tục này biểu hiện một trong những đặc trưng của văn hoá Tày - Thái (Lào - Thái hay Choang - Đồng) ở vùng Đông Nam Á. Chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi nhìn thấy một cột tháp cao sừng sững xây bằng bê tông, sơn màu cẩm thạch mọc lên ở giữa Băng Cốc - thủ đô vương quốc Thái Lan mang tên là *lắc nương (cột mường)*. Từ đó ta thấy cái gọi là *cắm cột trụ đất mường* ấy cho đến nay vẫn còn tồn tại ở nhiều dạng biểu hiện khác nhau, nhưng đều cùng một mô típ văn hoá. Từ dạng còn trong truyền thuyết đang có ở vùng sông Lô, sông Chảy chi lưu của sông Hồng đến cái biểu hiện mộc mạc, thô sơ ban đầu của các *mường* người Thái rồi phát triển ở vương quốc Thái Lan, tục này đã giải khắp vùng Đông Nam Á rộng lớn.

4. *Ruộng bớt (na bớt còn gọi là na cam hay na chức)* - cho đến trước chiến thắng lịch sử Điện biên Phủ (7/5/1954), trong khuôn khổ tổ chức xã hội người Thái gọi là *bản mường*, ở vùng Tây Bắc Việt Nam vẫn giữ nguyên chế độ phân bổ *ruộng hàng mường (na hang mương)*. *Ruộng bớt* là những suất ruộng mà tổ chức *bản mường* phân cho những gia đình chức dịch trong toàn *mường* từ cấp thấp nhất là *chá, quan bản* đến cao nhất là *án nha*. Đương nhiên khi phân như thế, tuỳ theo thứ bậc cao thấp khác nhau và số ruộng có thực ở trong *bản*, trong *mường* mà người ta cấp nhiều hay ít cho cho các chức dịch trong toàn *mường*

coi như một suất lương bổng để họ điều khiển mọi công việc trong *mường*.

5. *Khinh khoái* là tên triều Minh Mạng đặt cho mường Sại thành đơn vị hành chính kiểu miền xuôi gọi là xã, nay là xã Chiềng Muôn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, một vùng đất liền một dải dọc sông Đà đến huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La ngày nay. Theo chúng tôi, Khinh Khoái có lẽ là tên người Thái phát âm chệch chữ Quỳnh Nhai - tên triều đình đặt cho xã thuộc Thuận Châu (!).

6. Sơ đồ tổ chức *mường phìa trong mường* và *mường phìa ngoài mường*, trích từ Cầm Trọng, Phan Hữu Dật - văn hoá Thái ở Việt Nam, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội 1995, tr.334.

CHÂU MƯỜNG MUỖI (THUẬN CHÂU) TRƯỚC 1954

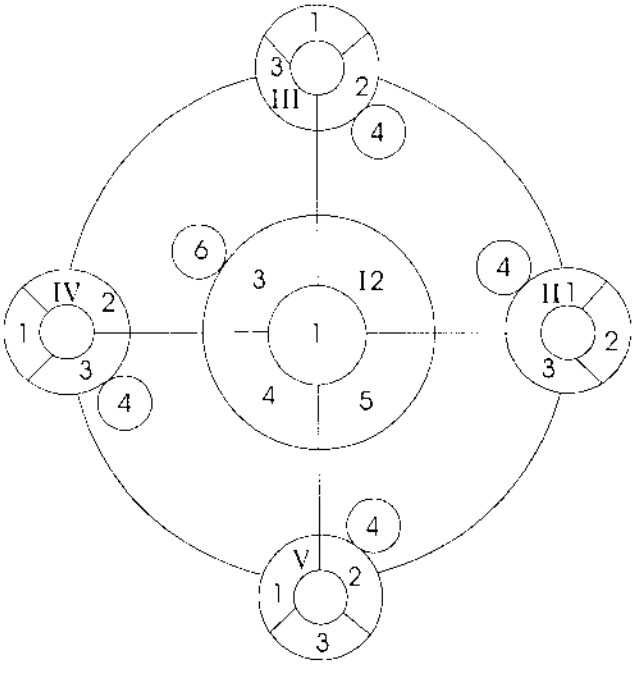

Chú thích sơ đồ:

1. *Mường trong mường* - Mường Muổi, đứng đầu là *phìa mường trong*

1- *Đất chiềng* (trung tâm của Mường Muổi đồng thời là của toàn *châu mường* Mường Muổi (Thuận Châu).

2- *Xổng pần,* đứng đầu là *ông xen.*

3- *Xổng pọng*, đứng đầu là *ông pọng.*

4- *Xổng ho luông*, đứng đầu là *ông ho luông.*

5- *Xổng pọng cang*, đứng đầu là *ông pọng cang.*

6- *Lộng* - mường E'k, đứng đầu là *tạo lộng* mường E'k quen tự gọi là *phìa* Mường E'k.

II. *Mường ngoài mường* - *mường* Chiềng Pấc, đứng đầu là *phìa mường ngoài:*

1,2,3 - Các *xổng: pần, pọng, ho luông.* Chú ý, các đơn vị mường ngoài *mường* không có 4 mà chỉ có 3 đơn vị *xổng.*

4- *Lộng* - Muổi Nọi, đứng đầu là *tạo lộng* Muổi Nọi, quen tự gọi là *phìa phó* Muổi Nọi.

III. *Mường ngoài mường* - mường Piềng, đứng đầu là *phìa mường ngoài:*

1,2,3 - các đơn vị *xổng: pần, pọng, ho luông.*

4- *Lộng* Mường Pìa, đứng đầu là *tạo lộng.*

IV,V- Hai *mường phìa ngoài mường*: Mường Sại và Mường Lầm.

Tổ chức hành chính tương tự như hai *mường phìa ngoài mường* Chiềng Pấc và Mường Piềng. Riêng về đơn vị *lộng*(4) thì Mường Sại có Mường Giàng, mường Lầm có Bản Pàn - Mường Pịn.

---------- Kí hiệu về ranh giới đất Mường Muổi (Thuận Châu) trước năm 1954. Đứng đầu toàn *châu mường* là *án nha* còn gọi là tri châu hay *chẩu mường, án nha chẩu mường, quan châu.* Bộ máy của *án nha* còn có thêm hai chức *phìa* do triều đình đặt là thư lại (*phìa thổ*), thông lại (*phìa thông*).

Bộ máy của *phìa mường trong mường* đóng ly ở đất *chiềng* gọi là Chiềng Ly cũng mang tên là Mường Muổi đồng thời là hệ thống tổ chức chung của toàn *châu mường* hay của *án nha*. Có thể xem thêm Cầm Trọng, Phan Hữu Dật - *Văn Hoá Thái ở Việt Nam* về sơ đồ tổ chức mường phìa trong của Mường Muổi, nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc, Hà Nội 1995, tr.331.

7. *Án nha* còn được gọi là chẩu mương, án nha chẩu mương, Ai châu, quan châu, tạo mường, phìa mường.

8. *Thóc lười* - ruộng đồng ở đất *chiềng* bao giờ cũng có một thửa ruộng mang tên là *ruộng toàn mường tới làm (na nả hay hang mương)*. Thóc nhập được thì nộp vào kho chung của *mường* để chi tiêu vào việc chung của *mường (việk mương)*. Mọi khâu thao tác trong sản xuất liên hoàn trên thửa ruộng này như: cày, bừa, cấy, thu hoạch... đều do dân trong *mường trong mường* trực tiếp làm dưới sự điều khiển trực tiếp của bộ máy *phìa mường trong*. Dân các *mường phìa ngoài mường* không đến lao động trực tiếp được thì phải nộp một khoản thóc tương đương số công do bộ máy *châu mường* quy định. Khoản thóc này nẩy sinh từ việc lãn công của các *mường ngoài mường* nên có tên là *thóc lười (khẩu chạn)* - xem thêm Cầm Trọng - *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1978, tr.192.

9. *Bản Cuông - Cuông* nghĩa đen là trong (trong nhà). *Bản cuông* là những *bản* của những nông dân thuộc phạm vi mang danh là "người trong nhà của chủ" (*côn công hươn chẩu*). Đây là lớp người lao động đồng ruộng mà chủ có quyền bắt họ phục vụ bằng lao động trực tiếp cho mình gọi chung là tạp dịch. Bản nhốc - vốn là *bản* của người nông dân trong nghĩa vụ tham gia cái gọi là việc mường (việc chung của mường như: làm ruộng toàn mường tới làm, làm đường sá, làm các công trình thủy lợi: *mương, phai, lái, lin*...) này bị "nhúp" (nhốc) ra để làm suất ruộng công mà *án nha, phìa* và các chức dịch khác được *bản mường* phân cấp cho. Có thể xem thêm Cầm Trọng, sách đã dẫn, tr.203-212.

10. Gánh ruộng thì mang thêm việc - Đây là nguyên tắc phân bổ cho những nông dân là người Thái ở trong *bản*, trong *mường*. Nguyên tắc này định ra là: ai nhận suất *ruộng toàn mường* để sinh nhai thì phải tham gia nghĩa vụ *việc mường* (mang việc của mường). Như vậy, có nghĩa rằng, tôi tham gia việc *mường* thì có quyền có một suất ruộng của *bản mường* cấp. Quyền đó là bất khả xâm phạm. Ngược lại, ai không nhận suất *ruộng toàn mường* để sinh nhai thì cũng không có nghĩa vụ tham gia *việc mường*. Nói cách khác, nếu tôi không tham gia *việc mường* nữa thì cũng có quyền khước từ hoặc bắt buộc không được nhận suất ruộng công để mưu kế sinh nhai. Đi *việc mường* nhiều thì được hưởng nhiều suất ruộng công, ngược lại, đi *việc mường* ít thì suất ruộng công cũng sẽ ít đi. Nguyên tắc phân bổ ruộng công này đã được đúc thành ngạn ngữ: "gánh suất ruộng, mang việc mường" *(háp đin na, pa việk mương)* hay tóm tắt là "gánh ruộng mang việc" *(hap na pa việk)*. Rất lý thú là người Tày ở huyện Bảo Lạc, miền tây tỉnh Cao Bằng, mặc dù đã không còn bóng dáng gì của chế độ phân bổ *ruộng toàn mường* nữa, nhưng họ vẫn còn giữ câu tục ngữ: "gánh ruộng, mang việc" (thap nà pà việc).

11. Tên *quảng, xự* - trừ tầng lớp tôi đòi được gọi là "người nhà" (côn lươn), tất cả những nam giới là người Thái sống trong *bản mường* đến độ trưởng thành đều phải mất tiền hoặc của để mua lấy một danh xưng, khác với tên cúng cơm của mình. Trong đó, nếu là người thuộc họ quý tộc thì có tên phong kèm theo danh xưng *chưởng* hoặc *chiểu*, ví dụ: Bạc Cầm Thế được phong danh xưng là Chưởng Tài, ông Bạc Cầm Cấp được phong danh xưng là Chiểu Văn... Với những người thuộc họ bình dân (ngoài quý tộc) thì có tên phong kèm theo danh xưng *quảng* hay *xự*, ví dụ ông Lò Văn Bốn được mang danh xưng là Quảng Yên, ông Quàng Văn Nọi mang danh xưng là Xự Tiềm. Trong xã hội ấy, những người đàn ông nào cũng phải có tên danh xưng mới được tham gia làm các chức dịch ở trong *mường bản*. Có lẽ đây cũng là một dạng chức giống với cái gọi là nhiêu của người Việt xưa ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

12. Với người Thái, chức *án nha, phìa, tạo* không nhất thiết phải theo lệ cha truyền con nối. Nếu như quyền thế tập không thể thực hiện được, người ta cũng có quyền chọn hàng em hoặc những người khác, miễn người ấy thuộc tầng lớp họ quý tộc Lò Cầm. Có trường hợp con rể thay bố vợ làm những chức này, nhưng phải bỏ họ gốc là bình dân chuyển thành họ qúy tộc, được toàn thể họ hàng và *bô lão hàng mường* chấp thuận. Việc cải họ cũ thành họ mới như vậy phải có lễ dâng tổ tiên và *bản mường* theo lệ quy định.

13. Tác giả đã có nhiều công trình nghiên cứu để giải thích quan niệm ba họ của người Thái biểu hiện bằng các thuật ngữ hệ thống thân tộc: *ải nọng, lung ta, nhinh xao.* Vậy, *ải nọng* là những anh em sinh ra từ một ông tổ đời ky (tôi, cha, ông, cụ và ky). Như vậy ở hàng tôi (E) sẽ gồm toàn thể những anh em thuộc trực hệ và bàng hệ xa gần hợp lại gọi chung là *ải nọng.* Riêng các chị em của tôi, nếu chưa hoặc không đi lấy chồng thì vẫn nằm trong cộng đồng *ải nọng.*

Lung ta là họ phía con dâu, vợ, mẹ, bà nội và bà cụ của tôi. Trong đó vai trò ông cậu (avunculat) nổi lên hàng đầu.

Nhinh xao là họ của những chồng chị em gái của tôi. Khi những chị em gái của tôi đi lấy chồng cũng có nghĩa đứt bỏ khối cộng đồng *ải nọng* của mình để nhập vào cộng đồng thân thuộc gọi là *nhinh xao.* Nói cách khác, *nhinh xao* là họ hàng của những người đến làm rể của *ải nọng.*

14. Đặt nơi thờ ở cửa sổ - theo quan niệm của đường tâm linh, ngày xưa, *án nha* hoặc *phìa* hay những người có tên tuổi trong dòng dõi quý tộc Lò Cầm đi đâu thì mang theo linh hồn của *bản mường* đến đó. Bởi vậy có câu tục ngữ: "rắn lên nhà; tạo tới cửa" *(ngu khửn giảo; tạo khửn hươn).* Rắn là vật tượng trưng cho linh hồn mẹ (khuôn me), *bản mường* là mẹ đẻ ra tất cả mọi người. Bởi vậy, tạo đi đến nhà nào thì nhà đó phải mổ lợn để cúng và lập tiệc lớn đãi. Nơi cúng đặt ở trước cửa sổ vì hồn thiêng của *bản mường* là khái niệm hư vô nằm ngoài linh hồn và tổ tiên của chủ nhà.

15. Muốn ăn phải đợi, mổ gia súc phải hỏi (tục ngữ: *é kin đảy thả, é khả đảy tham)* là ngôn ngữ hình tượng dùng lối nói cụ thể để biểu hiện ý khái quát. Ở đây nói đã là dân thì phải tuyệt đối tuân thủ và phụng sự bậc *ông, quan, tạo, phìà*, tuyệt đối không được làm điều trái khác.

16. Theo lễ tang ma của người Thái Đen, ở phần mộ, người ta phải lấy vải thô mầu trắng ghép cùng các loại vải thổ cẩm có mầu nền đỏ và dệt hoa văn nhiều mầu sặc sỡ khác nhau, gọi là *khít (khuýt)* và *pe* để làm cờ treo trên những cây phướn *(co heo).* Bộ cây phướn *(co heo)* lại chia thành hai loại. Một, gọi là *co heo* gồm cây gốc làm cột trụ để cắm xung quanh nhiều cây cờ nhỏ. Hai gọi là cây *chao phạ* với người chết là đàn ông và cây hoa chuối với người chết là đàn bà. Cây *chao phạ* là cây phướn dài vút ngọn cây tre, trong đó cờ được ghép bởi hai đường vải trắng và thổ cẩm, nhìn không khác nào làm phỏng theo một tàu là chuối lớn.

17. *Tiền xuống nước xuống lửa* - ngôn ngữ hình tượng chỉ khoản chi phí cho việc hoả táng của người Thái Đen.

18. *Tiền đắp cản nước mắt* - ngôn ngữ hình tượng chỉ khoản chi tiêu nỗi đau đớn của người còn sống trước sự mất mát người thân của mình.

19. Các chức quyền cao cấp ở trong mường gồm những chức gọi là *ông: ông xen, ông pọng, ho luông* thì gọi chung là "*quan ba ông " (quan xam ông*) là tay chân gần gũi của *án nha, phìa.* Chức *ông mo* là người giữ kỷ cương phép tắc, phong tục tập quán lệ luật. Lệ luật đặt ra, không những chỉ có dân và chức vị dành cho các người trong họ bình dân mà còn dành cho cả người trong họ quý tộc, đứng ở vị trí cao nhất là *án nha* phải tuyệt đối tuân thủ. Ông *pú chẩu căm tang*, tuy về địa vị xã hội thì nhỏ, nhưng vị trí tâm linh thì lớn. Chức quan này chuyên giữ gia phả họ quý tộc thống trị *châu mường* mà người Thái gọi là giữ "ma nhà" *(phi hươn)* của nhà *tạo.* Bởi vậy, tất cả những chức vị này đều nằm trong diện được miễn một nửa số tiền phạt vạ khi họ vi phạm lệ luật của *bản mường.*

20. *Nhập cong vào mường - cong* là tên gọi một loại trống có chiều dài khoảng 2m, đường kính khoảng 60cm do người Kháng ở hai *bản* Tịm và Líu (nay thuộc xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La) làm để dâng lên *án nha* - người được mệnh danh là sự hiện diện của hồn thiêng *bản mường* xưa trong dịp lễ mang tên *nhập cong vào mường*. Lễ này cũng là dịp *án nha* Mường Muổi tổ chức diễn lại sự chiến thắng của đội quân chinh chiến thời xưa đã mở đường để người Thái vào cư trú ở vùng Tây Bắc nước ta. Sau lễ *nhập cong vào mường*, Mường Muổi mới tiến hành lễ hội lớn mang tên *Xên Cha*, trong đó *ông mo mường* đã xướng ca sử thi *Tấy Pú Xốc* với giọng trầm hùng, oai nghiêm. Sau lễ, người ta treo *cong* ở nhà miếu thờ cụ chủ *Ngu Hấu- Lò Lẹt* (thế kỷ XIII). Thường nhật, *cong* là vật thiêng nên từ *án nha* đến dân không ai được đánh. Chỉ đánh *cong* khi *bản mường* có động như: giặc đến cần huy động ngay trai tráng nhập ngũ để tổ chức thành lực lượng vũ trang chống lại; cháy lớn cần huy động toàn *mường* để cứu; *án nha* chết cần tiếng *cong* báo hiệu hồn thiêng *bản mường* siêu thoát vào cõi vĩnh hằng hoặc *bản mường* có lễ hội lớn, tiếng *cong* trở thành nhịp gõ vui chung... cong do đó được mang tên ghép là *cong mường* và khi đánh nó thì gọi là "dậy *cong mường*" (*tứn cong mương*).

21. *Ăm poi* - là thủ lĩnh người La Ha hồi thế kỷ XI đã chống lại các đội quân chinh chiến Thái do thủ lĩnh Lạng Chượng chỉ huy. Lạng Chượng đánh không nổi Ăm Poi bèn xin làm con rể. *Ăm poi* ưng và trong một bữa tiệc rượu, Lạng Chượng đã bắt giết bố vợ của mình. Để nhớ lại sự kiện lịch sử này, mỗi khi *cúng mường* (*xên mương*), người ta phải mổ bò để tế thần *Ăm Poi* ở núi Khâu Tù phía bắc thị trấn Thuận Châu.

22. Do phạm vi nghiên cứu của vấn đề đặt ra nên trong tập sách này chưa thể đề cập đến các tục lệ cúng lễ hay lễ hội của *bản* của *mường* cũng như các nghi lễ tôn giáo tín ngưỡng Thái khác. Chúng tôi xin để dành phần nghiên cứu này cho một công trình tới.

LUẬT LỆ BẢN MƯỜNG MAI SƠN

I. TRUYỆN KỂ VỀ MƯỜNG[1]

1. Đất *mường* từ thủa ĐẨM[2]
- Đất nước từ thuở xưa

2. Mường Mụak có từ thời "con nòi *tạo* cầm gươm đi tìm *mường*"[3]. Thuở ấy ông *Lạng Chượng* đã "duốc bắt cá khắp vũng nước sâu"[4] ở đất Mường Lò, rồi chuyển đến các vùng lưu vực sông Đà, Thao, U, Khong. Ông đi tìm *mường* để ngụ và bắt các *mường* tới nộp cống[5]. Ông gắng sức mở hết lòng rộng mênh mông để dân Thái đến tụ quần.

3. Trước khi có binh ngàn binh vạn ông đến, người Mường Lò[6] gọi Mường Mụak là Mường Pụak[7] (*mường* của người Pụak). Đứng đầu người Pụak thời đó có ông *Khun Cầm* đóng binh ở vùng đồi Chiềng Nưa[8].

4. Ông *Lạng Chượng* đem binh ngàn binh vạn từ đất Mường Lò lên để chiếm Mường Muổi. Nhưng đánh đi đánh lại nhiều lần không sao thắng nổi được ông *Ôc Păm Ăm Poi* đứng đầu người Xá đóng binh trên đỉnh núi Khau Tù[9]. Ông bèn cho rút quân hùng mạnh của mình về đánh chiếm đất Mường Mụak. *Khun Cầm* chống lại không nổi, quân lính Pụak chạy tan tác vào rừng vào núi, để lại đất Mường Mụak cho người Mường Lò vào chiếm giữ. Ông *Lạng Chượng* cho *Khun Giàng* tướng của mình đóng giữ Mường Mụak rồi kéo binh ngàn binh vạn tiếp tục chinh chiến lên *Mường Theng*.

5. *Mường Theng*, mường tròn như cạp nong, vòng cong như sừng trâu. Mường có người đời xưa làm ruộng thu lúa.

6. Đánh chiếm được *mường* ông ngụ; lấy vợ Ông sinh con,

- Ông *Khun Pe*, có con,
- Ông *Khun Mứn*, có con,
- Ông *Khun Chứt*, *Khun Chưn*, có con,

- Ông *Xây Chạng*, có con,

- Ông *Tạo Chông Lo Nhi Ứi Tựt*, có con,

- Ông Khun Pạn Han, có con,

- Ông *Tạo Thâng Khẩm Khép May Lương*. Ông *Tạo Thâng* nhằm hướng chuyển về Mường Muổi và Mường La. Nhưng phải dừng để chiếm lấy Mường Huák, Mường Quài rồi về sau mới về Mường Muổi. Ông sinh con:

- *Tạo Chưng Nặm Nhưng*. Ông sinh

- *Tạo Quạk*. Ông sinh con

- *Tạo Lò Lẹt- Ngu Hấu* [9]. Ông cụ chủ *Tạo Lò Lẹt Ngu Hấu* anh hùng đứng đầu trị vì đất Mường Muổi nổi tiếng khắp đất Thái, đất Lào. Mọi sự đều tốt đẹp.

7. Ông *Ngu Hấu- Lò Lẹt* lấy nàng Pu Cằm con ông *Lôm Lạnh Lạt Ma* ở Mường Lay sinh được nhiều con trai, trong đó có con út là *Ta Cầm* được thay cha đứng đầu đất Mường Muổi.

8. Ông *Ta Cầm* làm chủ đất Mường Muổi sinh được nhiều con trai, trong đó, người con thứ ba là *Ta Tòng* được cử đi làm người đứng đầu đất Mường Mụak. Để giúp việc cho *Ta Tòng*, *Ta Cầm* cử Nộc Tòng làm *pần*, *Xáy Tòng* làm chức *ho luông*.

9. Ông *Ta Cầm* mất, *Ta Ngần* là con cả được thay cha đứng đầu đất Mường Muổi. *Ta Tòng* đã cùng với anh thứ hai đứng lên tranh quyền, lập mưu cắt cứ đất Mường Mụak ra khỏi Mường Muổi. *Ta Ngần* đã sang gặp vua Lào là *Phạ Chẩu Xam Xen Tay*[10]. Vua Lào cử vị tướng lớn đến xem xét và bắt được hai anh em đem giết và đặt Mường Mụak nhập vào đất Lào.

10. Người Lào vì không trực tiếp cai trị được nên giao Mường Mụak lại cho *tạo* Mường Xang (Mộc Châu) làm chủ.

11. Cụ chủ *Ta Ngần* đứng đầu đất Mường Muổi (Thuận Châu) sinh

được 9 con trai, trong đó có *tạo* Dẹ- Duông Căm được cử đi đứng đầu đất Mường La (Sơn La). Sau khi cha là Ta Ngần mất, đất Mường La dần dần tách thành *châu mường* riêng, không lệ thuộc Mường Muổi như trước.

12. Theo thông lệ của các *mường* người Thái. Đời nối đời như "rìu nối cây", cha mất con nối nghiệp; "nắm chuôi gươm,hằn vết tay"[11] (cha); "đổi bậc thang thay chỗ ngồi"; các *tạo mường* được làm người đứng đầu Mường La nối tiếp cha, tách từ Mường Muổi ra sau đời cụ chủ *Ta Ngần* có:

- Duông căm
- Ải Têm Mường
- Căm Mựt
- Căm Kheo
- Căm Peng
- Căm Ún Mương.

13. Cụ chủ Ún Mương có hai con trai là Tong Mương và Nho Mương.

14. Thời đó *phìa* Bun Xung đứng đầu đất Mường Muổi. Tong Mương thay cha đứng đầu đất Mường La. Nho Mương được cha cho đi ăn đất Mường Mụak thế chân các *tạo* Mường Xang. Thời đó ở đất Kinh, vua Hông Xộn[12] đương giữ ngôi. Mường Mụak từ đó trở thành *châu mường* đóng trung tâm ở Chiềng Nưa.

15. Theo thông lệ của các *mường* người Thái. "Đời nối đời như rìu nối cây"; cha mất, con nối; "nắm chuôi gươm hằn vết tay"; "đổi bậc thang thay chỗ ngồi"; các *tạo* đứng đầu Mường Mụak theo lệ "cha truyền con nối" hoặc anh truyền cho em, sau Ún Mường ở Mường La tách ra có như sau:

- Nhọ Mương

- Bun Xung (quảng khế)

- Pha Cun

- Cầm Cong

- Cầm Ý (Bun Quảng)

- Cầm Nguyên

-Cầm Bang

- Cầm Phẳn.

16. Cầm Phẳn mất, không có con trai nối dõi. Bô lão toàn *mường* phải đi đón người anh là ông Cầm Nguyên ở Mường Chanh (một *mường* ngoài của châu Mường Mụak) về thay:

- Chưởng Ba- Cầm Nguyên

- Chưởng Xôm- Cầm Ún.

17. Thời đó ở Mường Hung (một *mường* ngoài của *châu* Mường Mụak) có Ông Cầm Chựa đứng đầu.

Năm Cảnh Hưng thứ 40[13] nhà vua đã hạ chiếu cho một số *tạo mường* ở đất Thái đem binh đi đánh người Hỏ ở Mường Tụ[14]. Đất Mường Mụak cử ông Cầm Chựa chỉ huy và Ông đã đánh thắng to. Ông được triều đình ban thưởng, đặt tên cho là Nhân Quý và cấp sắc phong là Quả Cảm Tướng Quân cho làm tri châu Mai Sơn để Cầm Ún đi làm phìa Mường Chanh.

Ông Cầm Nhân Quý còn được gọi là Cầm Cố xây bản dựng Mường đã tập hợp được bô lão, phải, trái quy về một mối. Ông mất để *bản mường* lại cho con trai là Cầm Hói- Chưởng Thân "đổi bậc thang thay chỗ ngồi".

18. Đến năm Bính ngọ Thiệu trị năm thứ VI (1846) Ông Chưởng Thân (Cầm Hói) xây dựng *bản mường* đã được nhiều mùa lúa, nhiều năm, ông qua đời để đất *mường* lại cho con trai mình là Cầm Nhọt:

- Cầm Nhọt

- Cầm Pèng.

Cầm Pèng xây dựng *bản mường* cử ông Vi Ọt làm chức *păn*. Ông Vi Ọt vốn là con cháu thuộc dòng dõi tạo đất Mường Mộc- Mường Xang. Ông là người được ví như "cây tre cứng mới làm được đòn treo *cong*; người khôn ngoan mới làm được người đứng ở vị trí trung tâm". Ông đã giúp cụ chủ Cầm Pèng làm mọi việc để xây dựng *bản mường* trở thành nổi tiếng. Ông Cầm Pèng mến phục nên cho ông Vi Ọt nhập vào *đẳm* nhà *tạo* của đất Mường Mụak, đổi họ Vi Cầm sang Lò Cầm và coi như là em ruột của mình.

Cầm Ọt sinh được con trai đặt tên là Cầm Eng.

Ông Cầm Pèng xây dựng *bản mường* đã được nhiều mùa lúa, nhiều năm, đến ất sửu (Tự Đức thứ XVIII (1865) thì qua đời, để đất *mường* lại cho con trai mình là Cầm Nhọt thay. Ông được nhà vua đặt tên là Cầm Nhân Ba.

19. Cầm Nhân Ba xây dựng *bản mường* sinh con trai đặt tên là Cầm Văn Bon.

- Cầm Inh hay Cầm Nhân (Văn) Vận là em trai ruột cho ở gần để giúp việc.

- Cầm Eng tức Nhân (Văn) Nghi là em trai cùng *đẳm* cho giữ chức *phìa thủ* (thổ lại). Phìa Cầm Eng sinh con trai là Cầm Chôm.

- Cầm Inh, Cầm Eng là hai anh em như đôi đũa, sống chết có nhau.

- Cầm Văn Bon là con trai cho làm *phìa mường* trong châu Mường Mụak. Ông sinh được một con trai đặt tên là Cầm Ơn (Tâm).

Cụ chủ Cầm Nhân Ba xây *bản* dựng *mường* được 8 mùa lúa, 9 năm, đến năm Quý Dậu (Tự Đức thứ XXVI- 1873) thì qua đời, để *mường* lại cho em trai ruột của mình là Cầm Inh (Văn Vận) thay.

20. Cầm Inh (Văn Vận) xây *bản* dựng *mường* không có con trai mới

lấy con rể là Cầm Chôm chồng bà Cầm Lả làm "giường cột", xem như con trai nối dõi tông đường, "nắm chuôi gươm, hằn vết tay của mình".

Trải qua 11 mùa lúa, 12 năm, đến năm Giáp Tị- 1884, cụ chủ đã qua đời. Bô lão toàn *mường* đưa Cầm Văn Ơn lên thay. Nhưng chỉ có 6 tháng thì ông Ơn qua đời. Bô lão toàn *mường* lại phải đưa ông Cầm Chôm xuôi về tâu vua Hàm Nghi xin ấn, sắc. Nhà vua ưng thuận đặt tên cho là Văn Thanh và cho về làm người đứng đầu châu Mường Mụak. *Bản mường* đặt thêm tên là Bun Thắm.

21. Cụ chủ Cầm Chôm- Bun Thắm (Văn Thanh) xây *bản* dựng *mường* đã gặp vào thời buổi khó khăn, "nước đã đẻ lắm trứng sinh ra nhiều loài thuồng luồng", "bản mường sinh nhiều giặc dã"; cụ chủ đành phải cầm binh hùng tướng mạnh đi đánh giặc Hán Cờ Vàng, rồi đánh Tây Trắng Lang Sa theo các *tạo mường* ở đất Thái cùng Ông Lưu Vĩnh Phúc người thay mặt cho triều đình. Cụ chủ được quan Đại thần trao kiếm và phong cho là suất đội[15].

Qua 5 mùa lúa, 6 năm, *bản mường* theo nhà vua đã bị Tây Trắng Lang Sa vào cai quản. Cụ chủ Cầm Chôm- Bun Thắm- Văn Thanh xin với bô lão cho nghỉ để nhường việc làm người đứng đầu đất Mường Mụak cho con trai là Cầm Thạch. Đó là năm Canh ngọ (Thành Thái thứ II- 1890).

22. Cụ chủ Cầm Thạch được vua đặt tên là Văn Oai, *bản mường* gọi là Bun Oai. Cụ chủ sinh được ba con trai là Cầm Văn Dung [16], Cầm Văn Vinh [17] và Cầm Văn Dong.

II. RANH GIỚI NƯỚC, ĐẤT VỚI LỆ PHẦN CHIA BẢN MƯỜNG TRONG CHÂU MƯỜNG MƯỜNG MỤAK

1. Từ đời ông Nho Mương làm chủ Mường Mụak, thời vua Hồng Sộn, Mường Mụak đã trở thành một *châu mường* nằm trong khu vực mười sáu châu Thái.

2. Tới năm Giáp Thân (1884) người Pháp đã cùng với vua Hán thiên

triều đi phân định biên giới *bản mường*. Họ đã thoả thuận cắt lấy 6 châu *mường* người Thái là: Mường Tung (châu Tung Lăng), Mường Hoàng (châu Hoàng Nham), Mường Chúp (châu Tuy Phụ), Mường Chiềng Mì (châu Hợp Phì), Mường Tiêng (châu Lễ Tuyền) và Mường Chiềng Khem (châu Khiêm) về với *mường* Hán. Khu vực Mười Sáu Châu Thái chỉ còn lại 10 châu *mường*. Triều đình gọi là vùng Thập Châu, theo âm Hán Quảng Đông thời đó quen gọi là Xặp Chu(18). Mường Mụak là một châu mường trong Thập Châu.

3. Năm Mậu Thìn (1908), người đứng đầu châu Mường Mụak là Cầm Văn Oai được giữ chức *quản đạo*[19], trông coi khu vực mười hai châu Thái. Có 12 châu vì lúc này vua, quan người ta đã đặt thêm hai *châu* nữa là Mường Quài [20] (châu Tuần Giáo) và Mường Mùn (châu Luân).

4. Từ khi thành *châu*, Mường Mụak đã có 5 đơn vị gọi là *mường phìa* gộp lại. Đó là Mường Mụak còn gọi là Chiềng Ban hay Chiềng Dong. Những tên này vừa chỉ bản Ban nơi *châu mường* đóng trụ sở, vừa chỉ *mường phìa trong (mường trong mường)* lại vừa là tên gọi chung cho cả đất châu Mường Mụak. Mường Chanh còn có tên là Chiềng Quen, Mường Hung, Chiềng Cang, và Mường Bon. Bốn *mường* này được gọi là *mường phìa ngoài (mường ngoài mường).*

5. Mường Mụak (Chiềng Ban, Chiềng Dong) là *mường* trong *mường* thuộc châu chia thành 4 xổng:

- *Xổng pần* gồm những *bản* rải theo vùng đất của khe suối *xổng pần:* Thạy, Lốm, Áng, Ứng, Cơi, Pòn, Kéo, Tin tốc, Củ, Thộ, Cốp Mằn, Phiêng Quài liền một dải đến bản Nong Đúc- Nhả Sày thuộc đất *châu* Mường La.

- Xổng Pọng gồm những bản rải theo vùng đất của khe suối *xổng pọng*: Nghịu, Tình, Nà Đon, Con Khiêng, Buốt, Tbăn, L'um, Sươn, Nà Mè, Púng, Chạm Cọ, Nà Viên, Xvịt, ík Lang, Tđúc Tvắt; một bên liền một dải với *mường phìa* Chiềng Cang ở sông Mã và một phía lại liền

một dải với đất của Mường Quen Mường Mần thuộc *mường trong mường* Mường Mụak.

- *Xổng ho luông* gồm những *bản* dải theo vùng cao nguyên: bản Mạt có một khoảng đất bằng gọi là Phiêng Bông liền một dải đến địa điểm gọi là Kéo- Nộc- Áp nối quét xuống phía dưới có các *bản*: Phát, Bôm Cưa, Nà Hạ, Nong Lau, Đúc, Xum, Lo, Lau, Hơi, Cướm, Nà Sang, Nà Xi, Nà Xăm, Nà Ban liền một dải với đất của *tạo* Hát Lót.

- Xổng Quan Cuông gồm những *bản* dải theo khe suối Nặm Mụak: Cuộm, Co Xau, Hé Nả, Dăm, Púng Ngô, Khiêng, Thẩm, liền một dải với đất của *quen* Mường Mần[21].

6. Thuộc *mường trong mường* còn có những đơn vị gọi là *lộng* và *quen- quen* Mường Mần là một vùng gồm các *bản* kéo liền một dải tiếp giáp với đất Mường Lụm của châu mường Vạt[22]. Lộng Hát Lót[23]. Liền với đất của *châu* Mường Vạt ở đỉnh dốc Chiềng Đông. Lộng *bản* Nhụng Sai Khao kéo liền sang đất của *phìa* Chiềng Cang bên sông Mã[24].

7. Thuộc châu Mường Mụak có 4 Khun Phìa *mường* ngoài:

- Mường Chanh còn có tên là Chiềng Quen, phân thành hai phần gọi là Chanh Trên và Chanh Dưới lấy nơi tiếp giáp giữa đất thuộc Bản Đen với đất Bản Mé làm ranh giới. Chanh Trên có nơi trung tâm của toàn *mường* do *phìa lý* trực tiếp trông coi. Phía trên liền một dải đến bản Lầm thuộc đất của *châu* Mường Muổi. Phía dưới đổ xuống đến Bản Đen. Chanh Dưới lên tận cùng là đất Bản Mé. Phía dưới quét xuống tận cùng là đất Bản Nghịu có *phìa phó* ở Bản Mảy đứng đầu. Chanh Dưới là *lộng* của Mường Chanh[25].

- Đất Mường Chanh còn kéo liền một dải sang nối với *mường phìa* Chiềng Cang ở sông Mã; qua Kéo Tát Nam xuống đến đầu suối Nặm La của đất *châu* Mường La; qua dốc Hoi và dốc Hốc xuống đến đất thuộc *lộng* Muổi Nọi của *mường phìa* Chiềng Pấc thuộc *châu* Mường Muổi.

- Mường Hung- ở miền đất thuộc lưu vực tả ngạn sông Mã, kéo liền một dải đến đất của tổng Xốm Cộp- Mường Và- đất của *châu* Mường Mụak, một bên nối với Mường Theng và một bên nối với đất Lào, đất của Phạ Chẩu Mường Luông Pha Bang. Một dải chạy lên phía đầu sông Mã nối với đất của *mường phìa* Mường Lầm, *mường ngoài mường* của *châu* Mường Muổi. Một dải kéo xuống phía dưới sông Mã tiếp giáp với đất Lào- đất của phạ chẩu Mường Luông Pha Băng.

- Mường Chiềng Cang- ở vùng đất thuộc hữu ngạn sông Mã kéo liền một dải nối với *xổng pọng* thuộc *mường phìa trong* của châu Mường Mụak. Một dải chạy lên phía đầu sông Mã liền với đất thuộc *lộng* bản Pàn- Mường Pịn thuộc châu Mường Muổi. Một dải kéo xuống phía dưới nối với đất Lào- *mường* của phạ chẩu Mường Luông Pha Bang. Nơi ranh giới giữa mường Chiềng Cang với Lào, bên này là Chiêng Khương và bên kia là Bản Đán [26].

- Mường Bon- ở vùng đất thuộc lưu vực tả ngạn sông Đà thuộc châu Mường Tấc (Phù Yên). Đất ấy, bên này là *lộng* Tạ Chan của Mường Bon và phía kia là *bản* Pák Ngà. Quét xuống phía dưới sông Đà là đất thuộc Tạ Khoa (Mường Khoa) của châu Mường Vạt[27].

III. LỆ DỰNG TẠO QUAN

8. Từ khi có *tạo* Xuông, *tạo* Ngần hai anh em con cô con cậu [28] từ Mường Ôm, Mường Ai, Nặm Lài, Nong Sc, Mường Tung Hoàng ngoài vòm trời đi tìm Mường tới đất Mường Lò. Từ đó người Thái Đen mới có lệ dựng *tạo* đặt quan cho: họ Lương làm *mo,* họ Lò làm *tạo*, các họ khác, người "ăn được làm được" đến đâu đều có thể dung nạp làm việc cùng con dòng *tạo*, để phải, trái vững vàng.

9. Đến năm canh dần Thành Thái thứ II (1890) ông Cầm Văn Oai được lên làm chủ Mường Mụak để "nắm chuôi gươm, hằn vết tay" cha của mình là Cầm Chôm (Văn Thanh- Bun Thắm), con dòng *tạo* Mường Mụak đời nối đời vẫn là những người trong *đẳm* họ Lò Cầm.

10. Cụ chủ Cầm Văn Oai đã cùng với *hế ho, mo nghe*, bô lão toàn

mường soạn thảo trên giấy trắng mực đen lệ dựng *tạo* đặt quan. Con dòng *Tạo* đời nối đời xây dựng *bản mường* lên đến cụ Lạng Chượng đến Tạo Lò, Tạo Xuông, Tạo Ngần ghi trong Quam Tô Mương (truyện về mường) thì có đến 37, 38 đời *tạo* chủ *mường*. Song, ở Mường Mụak còn chép riêng gia phả để đọc khi cúng gọi là Xên pang Peng đã ghi đến 50, 51 *khun tạo*. Số dư ấy là những anh em của người đang làm chủ *mường* mà người đời sau đã nhớ được.

11. Theo đúng lệ từ ngày xưa truyền lại, con *Tạo* ở *bản* nào đều phải là người đứng đầu *bản* đó. Con *tạo* phải làm con đầu đàn để dẫn dân *bản* dân *mường* đi theo.

- Người đứng đầu bản thuộc người của dòng họ nhà *Tạo* thì gọi là *Tạo bản*.

- Người đứng đầu *bản* thuộc người của họ dân thì gọi là *quan bản*.

- Cả hai trường hợp được gọi gộp trong một thành ngữ: "*tạo bản quan ruộng*".

- Bên dưới *Tạo bản quan ruộng* có một chức gọi là *chá bản*. Nòi nhà *tạo*, không được giữ chức này. Nếu người nào đó muốn hoặc bắt buộc phải làm *chá* thì được phép theo phong tục tập quán mà tiến hành đổi *đẳm tạo* sang *đẳm dân*, đổi họ Lò Cầm gốc sang họ khác. Nếu không có lễ này thì đương nhiên người đó không được làm *chá*. Không làm lễ đổi *đẳm* mà cứ nhận làm *chá*, e *bản* làng không phát đạt[29].

12. Nơi nào có *bản* lớn có từ ba mươi đến bốn mươi nóc nhà trở lên, hoặc có 4 *bản* bé gộp lại trong một thung hẹp thì được *bản mường* lập thành một *quen* đứng đầu là *tạo quen*. Theo lệ thì con *tạo* mới được làm *tạo quen*, nhưng nếu không có thì con nhà nòi dân làm *tạo quen* cũng tốt. Riêng Mường Mụak, những người đứng đầu *quen* thuộc nòi dân ở nơi đó.

13. Nơi nào có *bản* lớn có tới 50 - 60 nóc nhà trở lên hoặc những thung lũng lòng chảo nào có nhiều *bản* nhỏ tụ lại, *bản mường* đặt thành *lộng*. Trong chữ nghĩa chính thức thì ghi là *lộng (động)*, nhưng

theo thói quen thường ngày thì lại gọi là *mường* hiểu là *mường lộng*.

- Người đứng đầu thì gọi là *tạo lộng*. Lại cũng có nơi quen gọi là *phìa (phìa mường lộng)*.

- Nòi con *tạo* mới được giữ chức *tạo lộng*. Đây là lệ của thời xưa truyền lại.

- Đến thời nay thì những trường hợp là anh em có quan hệ thân thuộc gần gũi với *phìa mường* hoặc *án nha* chú *châu mường* như tục ngữ: "không phải anh, cũng em, không phải họ bên vợ cũng họ bên bà, bên con dâu; không phải bên chị em gái của mình cũng chị em gái của cha, của ông" nếu được *bản mường* ưng cũng có thể được làm *tạo lộng*. Những người thuộc họ không phải là dòng đõi *tạo* mà làm *tạo lộng* không phải theo lệ làm lễ đổi *đẳm* và họ gốc của mình sang *đẳm* và họ dòng *tạo*, cũng là tốt.

14. Người đứng đầu *mường phìa* thì gọi là *phìa mường* hay gọi tắt là *phìa*.

- Chức việc *mường* này chỉ có con nhà *tạo* mới giữ. Ngoài họ nhà *tạo* ra nếu người nào muốn hoặc bắt buộc phải làm đều phải được *bản mường* cho phép đặt lễ theo phong tục tập quán để chuyển *đẳm* và họ thường dân sang họ nhà *tạo*. Sau đó mới được *bản mường* cho phép xin để giữ chức *phìa*, không thể khác được.

- *Phìa mường* là chức việc *mường* theo lệ cha truyền con nối. Anh không làm được, em lên thay cũng tốt. Cha đi xa, con trai được thay chỗ ngồi làm chủ đất *mường* thì thật hợp lệ.

15. Dưới bậc *phìa mường, bản mường* đã bố trí được nhiều người nắm việc *mường* gọi chung là *bô lão toàn mường*. Ở Mường Muak, *bô lão toàn mường* chia thành hai ngành việc. Một ngành việc dành cho những chức gọi chung là *ông quan*[30] và một ngành việc nữa để cho những *quan* đảm nhiệm việc cúng lễ thường gọi chung là *hế ho, mo nghè* hay là *phòng quan cúng lễ*.

16. Những chức trong hàng quan lại chia thành hai bậc. Bậc trên gọi

là hàng *ông*. Ở *mường trong mường* có 4 *ông* đứng đầu *xổng* gọi chung là bốn ông lớn, xếp theo thứ tự các bậc anh-em gồm:

+ *Ông pần đứng đầu xổng pần.*

+ *Ông Pọng đứng đầu xổng pọng*

+ *Ông ho luông đứng đầu xổng ho luông*

+ *Ông quan cuông đứng đầu xổng cuông.*

Bậc dưới gọi là hàng quan, gọi chung là bốn ông bé, được đặt trong một mệnh đề: "*Bốn xự, bốn lô, bốn pách, bốn chiêng*" được xếp theo thứ tự trên dưới cho từng đơn vị xổng gồm:

+ *Quan xự xổng pần - xự pần*

+ *Quan xự xổng pọng - xự pọng*

+ *Quan xự xổng ho luông - xự ho luông*

+ *Quan xự xổng cuông - xự cuông.*

+ *Quan lô xổng pần - lô pần*

+ *Quan lô xổng pọng - lô pọng*

+ *Quan lô xổng ho luông - lô ho luông*

+ *Quan lô xổng cuông - lô cuông*

+ *Quan pách xổng păn - păn pách*

+ *Quan pách xổng pọng - pọng pách*

+ *Quan pách xổng họ luông - ho luông pách.*

+ *Quan pách xổng cuông - cuông pách.*

+ *Quan chiêng xổng păn - păn chiêng*

+ *Quan chiêng xổng pọng - pọng chiêng.*

+ *Quan chiêng xổng ho luông - ho luông chiêng.*

+ *Quan chiêng xổng cuông - cuông chiêng.*

17. Để trông coi việc ruộng đồng, việc làm *cuông, nhốc, pụa pai* cho *phìa* và *ấn nha chẩu mường, bản mường* cắt đặt cho *ông quan cuông* kiêm chức trách đứng đầu; đồng thời có các quan xếp theo thứ tự từ gốc đến ngọn: *quan na* (na là ruộng), *quan na nọi* (nọi là bé), *xự lính, xam lính.*

18. Ở Mường Mụa chỉ có một chức gọi là *quan phong*, chịu trách nhiệm mọi việc thuộc về ngoại giao với các châu *mường* khác ngoài châu Mường Mụak và với vua quan miền xuôi. *Quan phong* được *phìa* và *ấn nha* cho thay mặt đi làm việc ngoại giao nên người Mường Mụak quen gọi là *phong sai.*

19. Những *quan* chịu trách nhiệm về đường cúng lễ, được xếp theo thứ tự từ gốc đến ngọn tuỳ từng công việc của họ. Có ông *mo* đứng đầu, sau đến ông *nghè*, ông *chang*, ông *căm tang* hay còn gọi là ông *pú kế, ông chá hươn luông, ông chá hươn nọi, quan ho hế, quan hế nả, nàng một mường* [31], *chang pát, quan lẩu, chẩu côn, lam pọng.*

- Theo lệ từ ngày xưa truyền lại, người làm *mo* phải chọn lấy người dòng họ Lường. Nhưng ở Mường Mụak đã không tìm được người xứng đáng trong gốc gác "họ Lường làm *mo*" như vẫn thấy ở Mường Muổi nữa. Bởi vậy lệ này đã được đổi lại từ thời cụ chủ Nho Mương đến lập *châu mường* rồi.

20. Bô lão toàn *mường* là hội đồng nắm vận mệnh đất *mường* phục vụ cho dòng dõi con nhà *tạo, bản mường* mới đặt lệ chỉ những người ở dòng dõi nhà dân thường như các họ: Lò, Lường, Quàng, Cà, Lù, Vi, Leo,... mới được làm; con *tạo* thuộc Lò Cầm không được làm. Nếu ai muốn hoặc bất đắc dĩ nhận thì phải tiến hành các nghi thức, nghi lễ được phép đổi *đẩm* họ *tạo* thành những họ khác. Nếu người nào không theo lệ đó thì không cho làm. Nếu làm sai, e *bản mường* không phát đạt. Bởi thế, người giữ vai "cái gốc lớn" của *bô lão toàn mường* từ thời xưa truyền lại, *bản mường* đã đặt vào người đứng làm ông *pần.* Do đó, người đời có lời truyền tụng ông *pần* là "quan của dân".

21. Bô lão toàn *mường* ở những *mường phìa ngoài* cũng tựa như *mường phìa trong*, nhưng có thể chia thành *xổng* hoặc không chia

thành *xổng* đều đúng tục lệ. Nếu *mường* nào phải chia thành *xổng* thì không được quá 3 đơn vị. Những *bản quen mường lộng* vì quá nhỏ nên chỉ cần lập một hội đồng bô lão chỉ ít người vừa đủ để một vài người chịu trách nhiệm việc cúng lễ *bản mường* như: *ông chang, bà một mường...* để giúp việc cho *tạo* là được rồi.

22. Người đứng ở vị trí gốc *bản mường* thì có *phìa ở mường trong* mới được quyền của *bản* của *mường* trao cho việc chỉ định các quan chức. Các chức dịch này, phần lớn cũng theo lệ cha truyền con nối. Nhưng, không phải lúc nào cũng như thế. Bởi vậy lệ của người Mường Mụak mới nói:tuỳ theo người làm chủ làm gốc của *mường* thương yêu mà cắt phân tới để làm *ông* hoặc *quan* cũng đúng rồi. Chỉ định người nào ra làm *quan* thì người đứng ở vị trí gốc cũng phải đưa người đó ra trước *hàng bô lão* hỏi han; làm thế nào tất cả mọi người vừa lòng vừa ý mới phải lệ *bản* luật *mường*.

23. Công việc *bản mường* đặt cho con *tạo* trong dòng lên làm *phìa mường* gồm hai đường.

- Một đường tiến cử con nhà dòng *tạo* lên làm *phìa mường ngoài* phải qua ba bước. Bước một, *phìa* đương chức tiến cử người sẽ thay mình trước bô lão toàn *mường* để thăm dò ý tứ. Nếu *bô lão toàn mường* không ưng thuận thì *phìa* đương chức có thể phải tiến cử người khác hoặc vẫn để người đó để *bô lão toàn mường* xem xét lại. Nếu *hàng bô lão* cứ một mực không ưng thì buộc người đương chức phải tiến cử lại. Bước hai, sau khi *bô lão toàn mường* ưng thuận, *phìa* đương chức thân chinh hoặc lại cử một số viên quan cùng người được tiến cử đem theo 4 nén bạc (hoặc số tiền tương đương) lên đưa thư trình lên *án nha* xét duyệt và cấp tờ ban. *Án nha* vừa lòng vừa ý nhận của lễ thì mọi việc đều trôi chảy qua bước ba. Nếu trường hợp ngược lại thì *án nha* phải viết thư sai *quan phong* cùng đoàn tuỳ tùng xuống ngay *mường* đó để cùng *phìa* và *bô lão toàn mường* xem xét lại; đề nghị *phìa* đương chức tiến cử và tiến hành theo lệ đã đặt ra. Nếu *mường* đó cứ giữ nguyên người mình tiến cử thì *án nha* cần xuống trực tiếp can thiệp

cho đến khi hai bên thoả thuận một đường một nhẽ như thế nào đó mới chuyển đến bước tiếp theo. Bước thứ ba, *án nha* ưng thuận và phát tờ ban cho làm *phìa mường* cho đến khi không làm được nữa mới chuyển cho con em mình.

- Một đường nữa dành cho việc tiến cử con nhà *tạo* lên làm *phìa mường trong*. Theo đúng luật lệ thời trước truyền đến, *phìa mường trong* là ngôi đặt để con *tạo* chuẩn bị lên nắm vận mệnh của *châu mường* trong địa vị *án nha*. Bởi thế, người là *án nha* phải bổ nhiệm con trai đầu- người sẽ "nắm chuôi gươm, hằn vết tay của mình".

- Nếu con trai đầu còn thơ dại, chưa thành *chưởng* thì *án nha* là cha sẽ bổ nhiệm em trai của mình lên quyền để chờ. Thời gian này người em trai đó người ta không gọi là *phìa* mà gọi là *chiêu tang* (*chiêu* là danh từ đồng nghĩa với chữ *tạo*, còn *tang* là thay).

- Đến khi con trai lớn thành *chưởng án nha* phải cùng *bô lão toàn mường* đưa lên thay làm *phìa* và đưa ông *chiêu tang* làm *chưởng mường* để hướng dẫn đường cho cháu của mình biết làm *phìa*.

- Đến lúc con *chưởng* sẽ làm *phìa*, nhưng *bô lão toàn mường* thấy không nên. Lúc này, người làm *án nha* cần nghe theo *bô lão toàn mường*, không để "nước ngấm vào cây dầm làm cho kho thóc đổ" [32]; phải đưa *chiêu tang* lên *chưởng mường* cùng chú ruột của mình là điều tốt lành.

- Đến khi *án nha* trở về già, không thể đi chầu vua chầu quan được mới truyền cho em trai hoặc con trai của mình lên thay. Lúc này *bô lão toàn mường* mới đưa con *tạo* lên cầm vận mệnh của đất Mường Muak.

24. *Án nha* là gốc *bản* gốc *mường* cao nhất của *châu mường*. Chỉ có con nhà *tạo* thuộc họ Lò Cầm, cũng như những người đã nhập *đẳm*, giữ gìn được ngôi báu của tổ tiên; đổi dòng dõi gốc của mình thành họ "khuôn đúc trụ vàng", "con trời, con rồng" mới đứng được ở ngôi vị cao quý. Ngôi *chủ mường* theo lệ "đời nối, đời tiếp". Anh không làm, chuyển để em làm cũng được; cha quá cố, con trai cả lên thay; người

anh cả không thay cha được lại đến lượt các em theo thứ tự hai, ba... Đấy chính là luật lệ của *bản mường*.

Theo tục lệ truyền lại, công việc đưa một con *tạo* lên làm *án nha*-chủ *mường* phải tuần tự trải qua ba bước:

- Bước một, *án nha* đương chức tiến cử người sẽ thay thế mình trước *bô lão toàn mường*, mọi người đều nói vừa ý vừa lòng thật rồi thì sẽ chuyển đến bước hai. Nếu vẫn có những người phản đối thì buộc *án nha* đương chức phải xét lại tiến cử người khác. Nếu *án nha* đương chức không tiến cử người khác mà khăng khăng đòi *bô lão toàn mường* phải chấp nhận đề nghị của mình thì *bô lão toàn mường* không được phép chống lại mà phải chấp thuận cho người đó tạm đứng bên cạnh để giúp việc chưa được gọi là *án nha chẩu mường* (tri châu chủ mường) mà tạm gọi là *án nha chẩu pheng* (tri châu kề bên cạnh). Thời gian làm *chẩu pheng* thường phải kéo dài từ 6 tháng đến 1 năm; có khi kéo dài đến lúc *án nha* đương chức quá cố, *bô lão toàn mường* mới xem xét- nếu người đó làm được việc, "Xá lại, Thái đến", *bản mường* vui tươi; *bô lão toàn mường* hết lòng kính phục, thì công việc sẽ chuyển đến bước hai.

- Bước hai, *bô lão toàn mường* ai ai cũng vừa lòng vừa ý, người nói phải, kẻ nói ừ. Họ phải tổ chức cúng lớn *pang peng* bằng con trâu đen để làm lễ đưa con *tạo* lên nắm vận mệnh *bản mường*. Họ làm lễ đặt tên gọi là tên của bản của *mường*. Lúc đó ông mới được là *án nha* chủ *mường* để thờ phụng tiên tổ, gọi là *chẩu sửa* (chủ hồn mường).

- Bước ba, bô lão toàn *mường* cử viên *quan phòng* mang ngọc ngà châu báu, 15 nén bạc cùng vải thổ quý báu đưa vị *chẩu mường* mới xuống châu vua châu quan ở miền xuôi. Vua quan nhìn thấy mặt mới biết mà ban cho một tên tiếng Kinh và trao kiếm cùng ấn, sắc cho về làm *án nha* tri châu của *châu mường*. Tới nhà, *bô lão toàn mường* cũng làm lễ tương tự như thế với vua bên nước Lào. Phải hết lễ nghi như thế mới đạt tới chỗ toàn vẹn được "vua Kinh tin dùng, vua Lào mến phục", tựa như thời Ngu Hấu Lò Lẹt với Ta Ngần ngày xưa đó.

25. Kể từ khi sinh ra thành người, là Thái Đen ở đâu cũng theo lệ được *bản mường* đặt tên:

- Những người trong *đẳm*, họ *tạo* thì nữ giới được gọi là *nàng*, nam giới được gọi là *tạo*. Đến khi trưởng thành, con *tạo* phải bỏ tiền của làm thủ tục theo lệ luật xin *bản mường* đặt cho danh hiệu *chưởng* với một tên mới kèm theo. Người nào không có danh hiệu này thì không được xin làm chức quyền trong *châu mường*.

- *Đẳm* họ dân thường, con trai khi trưởng thành phải bỏ tiền của làm thủ tục theo lệ luật xin *bản mường* đặt cho danh hiệu *Quảng* hay *Xự* với một tên mới kèm theo. Phải có danh hiệu với tên riêng mới được nhận lĩnh suất *ruộng toàn mường* về để cày cấy. Hoặc nếu không có danh vị *Quảng* hay *Xự* kèm theo tên *bản mường* đặt cho thì không được xin làm chức quyền trong hội đồng *bô lão toàn mường*. Khi đã có danh vị *Quảng* hay *Xự* và tên riêng kèm theo và nhận được suất ruộng để gánh vác "việc mường" rồi thì người ta gọi họ bằng một thành ngữ *"ông kéo bà hao"* [33].

26. Từ thời cụ chủ Cầm Hói (Chưởng Thân) xây bản dựng *mường* vào năm Giáp tuất (1834) vua Minh Mệnh ra sắc lệnh để cho toàn bộ đất Thái phải thay đổi:

- Tất cả các *mường* phìa đều phải gọi là xã do *lý trưởng* đứng đầu, người Thái mới gọi là *phìa lý*. Dưới chức *lý trưởng* có một chức giúp việc gọi là *phó lý*, người Thái gọi là *phìa phó*. Mường Thái không quen gọi là xã nên vẫn gọi là *mường phìa*. Thông thường *phìa lý* vẫn là người trông coi toàn bộ địa hạt *mường*, nhưng lại chia một phần để *phìa phó* trông coi trực tiếp xem như một đơn vị *lộng* lớn.

- Những *xổng* thì gọi là *ngụ* (ngũ) hay *sách*. Người Thái không quen gọi nên vẫn gọi là *xổng* như thường lệ và để chữ *ngụ* (ngũ) hay *sách* để viết trong các văn bản giấy tờ. Bốn *ông* đứng đầu *xổng* thì gọi là *kỳ mục*. Người Thái gọi là *kị mộc*, nhưng vẫn quen dùng tên cổ truyền là *ông xổng*.

- Ở Mường Mụak thời này có vùng Xốp Cộp- Mường Và vốn là

lộng lớn của *mường phìa* Mường Hung, thời đó được đặt tách thành *tổng* gọi là *tổng* Xốp Cộp- Mường Và. Đứng đầu tổng có chánh tổng. Người Thái vẫn quen gọi là *phìa chánh*. Dưới chánh tổng có phó tổng. Người Thái vẫn quen gọi là *phìa phó tổng*.

- Ở cấp *mường* hàng châu còn đặt ra thêm hai chức thủ lại, thông lại. Người Thái gọi là *phìa thổ, phìa thông* và quy định hai chức dịch này con *tạo* mới có quyền nắm.

- Kể từ lúc vua Minh Mệnh có các chỉ xuống để cho đất Thái thay đổi, các *châu mường* nào cũng trực tiếp dưới quyền quan tỉnh Thành Hưng (tức tỉnh Hưng Hoá) ở ven sông Thao, không cho phép có *mường luông trong phủ* như kiểu Mường Muổi, Mường La thời tổ tiên ngày trước[34].

Án nha đất Thái ai cũng phải đưa con trai, người sẽ thay thế mình trong tương lai xuống tỉnh Thành Hưng để học chữ Hán để làm quan với vua Kinh. Bởi thế vị cha Cầm Chôm- Văn Thanh lúc chưa lên thay cha của mình là Cầm Inh đã phải xuống Thành Hưng học chữ Hán 8 năm. Về sau vua quan mới phong cho làm suất đội.

27. Đến năm Đinh Hợi chuyển sang năm Mậu Tý (1887-1888), người Pháp đã lấy được các *châu mường* Thái Đen. Họ mới cử quan lớn đến dựng đồn ở bản Pák Giạng ven sông Đà. Ở dưới xuôi, vua quan đều ra hàng Tây Trắng cả rồi. Phía đầu sông Đà vùng người Thái Trắng có *tạo* Mường Lay còn chưa quy phục quan Tây. Ông vẫn đóng quân ở Mường Tè. Các *tạo mường* Thái Đen thời đó đều phải đi hầu quan Tây ở đồn Pák Giạng.

28. Qua một năm, sang Canh Dần (1890) người Pháp mới rời Pák Giạng đến đóng đồn ở đồi Khâu Cả thuộc Mường La. Lúc đó *tạo* Mường Lay cũng đã ra hàng người pháp. Người Pháp cũng đã thu được hết đất Thái.

29. Đến năm Mậu Thân (1908), người Pháp đã ngự dinh trên đồi Khâu Cả, Mường La. Đất Thái phân chia vào bốn tỉnh: Sơn La, Lai

Châu, Yên Bái và Lào Cai. Từ đó châu Mường Mụak cũng như các *châu mường* Thái Đen khác đều phải nộp thuế cho quan công sứ tây tỉnh Sơn La. Thời đó, đất Thái chia làm *12 châu mường* để quản đạo Cầm Văn Oai Mường Mụak đứng đầu.

30. Cụ chủ Cầm Văn Oai mới đề ra những điều để các *quan* là người Thái phải làm theo, không được khác:

- Quỹ không được hụt
- Lương không được thiếu
- Việc đánh giặc phải gan dạ
- Việc văn phải tinh thông
- Việc võ phải cứng rắn

Phải đi trước dẫn đường như thời cha ông đã từng dựng *bản* xây *mường*.

IV. LỆ QUY ĐỊNH VỀ BỔNG LỘC CHO TẠO VÀ ÔNG QUAN TRONG CHÂU MƯỜNG MỤAK

31. Tóm tắt thành câu vần vè để dễ nhớ có những khoản sau:

Làm chủ và hưởng:

- Vùng đất có đường biên,
- Suất ruộng ban phát
- Suất *ruộng toàn mường* tới làm,
- Người đến làm *cuông* và làm *pụa pai* theo lệ *mường* cấp cho.
- Vùng sông suối và nơi quy định vũng cấm để tế "chủ nước" cũng như tổ chức hội đánh cá.
- Vùng thiên nhiên có của ngon vật lạ:

+ Hang có tổ ong để lấy sáp,

+ Hổ, gấu, lợn rừng, voi, tê giác...

Hưởng tiền phạt:

- Các trường hợp quan hệ nam nữ bất chính và trộm cướp bắt được quả tang.

Hưởng tiền lót chức:

- Dựng *tạo* đặt *quan.*

32. Những tội phạm "vùng đất có đường biên", bị *bản mường* sử tội gồm các hạng người như sau:

- Chiếm đất *bản mường* thành đất riêng của mình.

-Tự cắt đất *bản mường* của mình nhập vào *mường* khác.

- Người ở nơi khác đến cướp phá bản, *mường* của mình.

- Người tự ý đốt *bản mường*; giết người cướp của cũng như tự ý chặt phá những vùng rừng núi cấm như: rừng để thiêu cất người quá cố; rừng cúng gọi là *đông sửa bản sứa mường*; rừng thiêng; rừng để săn bắn; nơi vũng nước ngụ của chủ thần; vũng cấm để mở hội bắt cá...

33. Lệ thu khoản xét xử tội phạm cho các cấp làm chủ "vùng đất có đường biên" được quy định như sau:

- *Bản* nào cũng có phạm vi đất *bản* bao gồm khúc sông suối nơi có vũng cấm; rừng núi rộng lớn cây mọc san sát và đồng ruộng. Người nào tự ý xâm phạm vào vùng đất của *bản* thì lệ *bản* luật *mường* cho tội ấy ngang như câu tục ngữ đã quy định: "hiếp bà goá; xâm phạm bờ ruộng". Người làm quan (*tạo*) *bản* không được trực tiếp thu của phạt vạ mà chỉ được quyền bắt đem trình lên cấp *xổng* của mình. *Ông* hoặc các quan hàng *xổng* sau khi xử xét đúng chỉ được phép thu 2 lạng bạc. Trong đó *xổng* lấy 1 lạng, 0,5 lạng thì trao lại cho quan (*tạo*) *bản* và 0,5 lạng nộp cho *phìa mường.* Nếu bên bị quy tội không chịu thì tiếp tục thưa trình lên *phìa mường.* Nếu cấp phìa xét xử đúng thì bên quy tội phải nộp phạt gấp 3 lần mức nộp cho *xổng* cũng như *bản*, tức 6 lạng

bạc. Lúc phải thu được tiền phạt thì được phép lấy 4 lạng, 1 lạng đưa nộp lên *án nha* 0,5 lạng đưa cho *xống* và 0,5 lạng đưa cho quan (*tạo)* bản. Ngoài ra, bên bị quy tội phải nộp một con lợn thiến cân nặng từ 30 kg trở lên để đặt mâm và mất các khoản chi phí để mời *một* hoặc *mo* đến đặt lễ cúng "chủ nước, chủ đất". Sau đó người chủ trì là *một* hoặc *mo* đó hướng dẫn bên bị quy tội quỳ xuống lễ để xin nhận tội trước "chủ nước, chủ đất" 6 lượt. Nếu bên bị quy tội không chịu làm theo điều đó thì phìa tiếp tục đưa việc đó lên *án nha* và bô lão toàn *mường* xét xử. *Án nha* phải cùng *bô lão toàn mường* xem xét kỹ lưỡng lại từ đầu. Nếu thấy bên bị quy tội oan trái thì phải giải hoà. Kể từ *phìa* xuống đến *quan (tạo)* bản cũng như bên bị quy tội đều không bị xử lý theo bất cứ hình thức nào.

- Song *bản mường* nghiêm cấm hành động trả thù. Nếu ai cứ cố tình đeo mãi lòng ghen ghét để có hành động trả thù về sau thì phải chịu tội trước *bản mường*. Nếu *án nha* cùng *bô lão toàn mường* xét xử đúng thì bên bị tội phải nộp gấp 10 lần nộp cho cấp *phìa*, tức 60 lạng là 6 nén bạc. *án nha* thu được thì lấy 4 nén; 1 nén đưa cho *bô lão toàn mường* chia cho những người trực tiếp tham gia cuộc xét xử; 1 nén đưa cho *phìa*, trong đó mình giữ 8,5 lạng còn đưa *ông xống* 1 lạng và *quan (tạo)* bản 0,5 lạng. Ngoài ra người bị tội phải mất 1 con trâu đực đen cùng tiền chi phí để mời *mo mường* đến làm thủ tục cúng "chủ nước, chủ đất" của *châu mường*.

- Bên nào tự ý xâm phạm đất *mường phìa*, nếu bắt được quả tang thì đều bị *bản mường* xử lý. Nếu là *mường lộng, mường quen* thì *phìa* đứng ra xử. Nếu nằm trong phạm vi các vấn đề thuộc *mường phìa* thì *án nha* cùng *bô lão toàn mường* đứng ra xử. Nếu đúng thì bên bị quy tội phải nộp 1 nén bạc, 1 con lợn từ 50kg trở lên cùng chi phí các khoản cho việc cúng tế" chủ nước, chủ đất". Nếu *phìa, an nha, bô lão toàn mường* xét thấy không có việc gì thì giải hoà và bãi việc, bãi nộp phạt, không bị quy về các khoản để minh oan. Nhưng cấm không được đem điều ghen ghét thành mối thù để trả. Bên nào trả thù thì bên đó phải chịu tội trước *bản mường*.

- Bên nào dám xâm phạm đất *châu mường* thì bị *bản mường* quy tội rất nặng, bởi vì làm trái:

Minh mường từ thời *đẩm*

Nen mường từ thời xưa.

Bên bị quy tội lập tức bị *ấn nha*, các *phìa mường*, *bô lão toàn mường* bắt nộp ngay 15 nén bạc, các tấm thổ cẩm, vàng bạc châu báu, ngà voi, sừng tê và các khoản chi phí khác để đưa đoàn bên nguyên, bên bị do *quan phòng* đứng đầu thay mặt cho *ấn nha* đi thưa trình vua quan xét xử. Ngày xưa việc này, do quan người Kinh ở Thành Hưng thay mặt nhà vua đứng ra giàn xếp. Ngày nay thì do quan công sứ người Tây ở tỉnh Sơn La đảm nhiệm. Nhận được số tiền của người đại diện cho bên bị quy tội đang bị bắt giữ thì *quan phòng* phải thay mặt *ấn nha* nộp lên vua quan. Nhìn thấy mặt, vua quan nhận và tiến hành xem xét mọi công việc thực hư. Nếu xét xử thấy tội phải nộp cho *ấn nha* số tiền bằng một nửa số ban đầu tức 7,5 nén, đồng thời phải trả thêm một con trâu đực đen để mời *mo mường* làm lễ cúng "chủ nước, chủ đất". Nếu vua quan xem xét việc không đúng thì *ấn nha*, các *phìa mường* cùng *bô lão toàn mường* phải trả lại cho bên bị quy tội 15 nén bạc, các tấm thổ cẩm quý, vàng bạc châu báu, ngà voi, sừng tê,... chẳng những thế riêng *ấn nha* còn phải mất của để tạ lễ giải oan sao cho xứng, nhưng cũng không quá giá trị bằng một con trâu đực.

34. Lệ *bản mường* ban suất ruộng toàn *mường* cho các *ông, quan, tạo, phìa, ấn nha* được quy định như sau:

Tất cả những người tham gia công việc của *bản mường*, xếp theo thứ tự từ những chức vụ thấp nhất như *ông chá bản, quan (tạo) bản* lên đến bậc *ấn nha*, chức nào cũng được *bản mường* phân cấp một suất ruộng tương đương với trách nhiệm của họ.

- *Quan (tạo) bản ở bản* nào thì ăn suất ruộng ở *bản* đó. Như vậy, *bản* nào nhiều ruộng thì *quan (tạo) bản* sẽ có nhiều ruộng. Ngược lại bản nào ít ruộng thì *quan (tạo) bản* cũng như *chá bản* đó ở đó cũng ít ruộng

đi. Ở Mường Mụak quy định, đem tổng số sản lượng được gọi là "gánh đất" ruộng[35] chia thành 10 phần thì *quan (tạo), chá bản* nhận cày cấy 1 phần. Chẳng hạn Bản Kéo thuộc *xổng pần* lúc này có 12.000 gánh đất ruộng thì ruộng cấp cho *quan* Bản Kéo là 900 "gánh đất" còn *chá* Kéo được lĩnh 300 gánh.

- Những ông quan hàng *xổng* cũng được cấp những suất ruộng theo nguyên tắc người quê ở *bản* nào thì lấy ruộng ở *bản* đó mà cấp. Đem số "gánh đất" ruộng của bản chia thành 10 phần thì các ông đứng đầu hàng *xổng (pần, pọng, ho luông, quan cuông)* và ông *mo mường* đứng đầu việc cúng lễ được hưởng 2 phần; các quan hàng *xổng* và việc cúng lễ khác được hưởng 1 phần tương đương với suất của *quan (tạo) bản.*

- Các con *tạo* mặc dù không giữ chức việc trong *châu mường*, nhưng ít nhiều đều được cấp một suất ruộng ở bản Bon tương đương như một *quan (tạo) bản.* Các *phìa* thì có suất ruộng với số quy định 1.000 gánh đất ruộng trở lên, nhưng không được vượt quá 1.500 "gánh đất".

- Ruộng cấp cho *án nha* và *phìa* do có lao động trực tiếp của người làm *cuông* nên cũng gọi là *ruộng cuông* hay còn gọi là *ruộng bé.* Số lượng cấp không cho phép quá 2.000 gánh đất ruộng.

35. Mường Mụak, nơi trung tâm là đất Chiềng Ban (bản Ban) có thửa ruộng lớn mang tên Tók; hàng năm thu hoạch được 2.500 gánh thóc; từ thời xa xưa dân Thái Đen đã chọn làm *ruộng toàn mường tới làm.* Nó còn được coi là ruộng của *án nha* với ý nghĩa là người tiêu biểu cho linh hồn của *bản mường.*

- Tất cả những nông dân người Thái có tên là *"ông kéo bà hao"* của 4 *xổng mường phìa trong* thì phải bỏ công trực tiếp cày cấy thửa ruộng Tók. Dân các *mường phìa ngoài* do vì ở xa, không đến cày bừa trực tiếp được nên theo lệ nộp "thóc lười" (*khẩu chạn*) để thay công. Căn cứ vào tổng số "gánh đất ruộng" của toàn *châu mường* đã có từ thời xưa truyền lại mà phân cho dân các *mường phìa ngoài* phải nộp "thóc lười"

như sau:

- Mường Chanh nộp 500 gánh.

- Mường Hưng nộp 300 gánh.

- Chiềng Cang nộp 200 gánh

- Mường Bon nộp 150 gánh.

- "Thóc lười" vận tải đến đất *chiềng* nơi trung tâm của *châu mường* để nộp vào kho thóc toàn *mường*. *Quan nà* là chức việc trực tiếp đốc suất việc làm ruộng Tók và nộp "thóc lười".

- Khi kiểm tra số "thóc lười", nếu *mường ngoài* nào nộp không đủ thì số thóc còn thiếu ấy bị nộp phạt ! gấp 3. Chẳng hạn Chiềng Cang chỉ nộp 190 gánh, thiếu 10 gánh thì phải phạt thành 30 gánh.

36. *Án nha, phìa*, bốn ông lớn và *ông mo* được *bản mường* cấp cho số hộ nông dân để làm ruộng được cấp phát. Số hộ nông dân ấy gọi là *cuông* hay *nhốc*.

- Tất cả những *bản* trong *xổng cuông* đều là *cuông* (nhốc) của *án nha* và *phìa*. Họ phải đến làm ruộng cấp phát cho hai chức việc đứng đầu *mường*, có tên là ruộng *che toi, phải, dong*. Ông quan *cuông* đứng đầu *xổng* có trách nhiệm đốc suất công việc này.

- *Ông pần* nhận ruộng cấp phát ở Bản Kéo, lấy người ở bản Thộ, Cốp Mần, Phiêng Quài làm *cuông* để cấy cày.

- *Ông pọng* nhận ruộng cấp phát ở Bản Tình- Nà Lon lấy người ở bản Lu Um với Tbăn làm *cuông* để cấy cày.

- Ông *ho luông* nhận ruộng cấp phát ở Bản Xum lấy người trong *bản* là *cuông* làm ruộng cho mình.

- *Ông quan cuông* nhận ruộng cấp phát ở bản Co Xau lấy người ở bản Púng Ngô làm *cuông*.

- *Ông mo* nhận ruộng cấp phát ở bản Cứp lấy người trong *bản* là *cuông* để làm ruộng cho mình.

37. Những *mường ngoài, phìa* cùng với *bô lão toàn mường* chủ động đặt lệ cấp phát ruộng cùng xắp đặt các *bản* làm *cuông (nhốc)* cho mình. *Mường* nào cũng phải tuân thủ lệ luật của *bản mường* mà xắp đặt cho công bằng, không được làm sai. Nếu *mường phìa* nào có dân kiện, *ấn nha* xét thấy *phìa mường* làm sai thì tuỳ theo chỗ nặng, nhẹ mà xử phạt, số tiền không quá 2 nén bạc.

38. *Bản mường* còn phân những *bản* người Xá, người Puộc để phục dịch tạp vụ gọi là làm *pụa pai*, cho nhà án nha, phìa gồm dân ở những bản: Co Chai, Xik Nang, Tđúc, Tbắt... những công việc như thế khá nhiều. Chẳng hạn: phải cắt phiên đến túc trực tại nhà để *tạo, nàng* sai vặt, sửa chữa sàn nước dùng trong vệ sinh cá nhân; nộp thóc hoặc bông gọi chung là "thóc giá" *(khẩu nguột)*; nộp lá, hoa và thân cây chuối...[36]

39. Lệ cấp phát ruộng, *cuông (nhốc) pụak pai* cho các chức dịch phải theo đúng nguyên tắc:

- Các con *tạo* được xếp vào hạng "người lớn" nên khi không giữ chức nữa thì không gọi là chủ của *ruộng toàn mường tới làm* hoặc cũng có thể bớt đi ít nhiều về số lượng người đến làm *cuông (nhốc) pụak pai*, nhưng không bớt suất ruộng đã cấp phát gọi là "ruộng bé" của họ.

- Các con thuộc vào họ xếp hạng là "người bé" thì đặt theo lệ cổ truyền: "cởi áo thì làm dân; mặc áo thì làm quan" còn chức thì còn quyền hưởng mọi khoản của *bản mường* cấp phát, hết chức thì các quyền lợi ấy cũng chẳng còn.

40. Tất cả những nông dân Thái được gọi chung là "*ông kéo bà hao*" hay "ông gánh bà vác" có danh hiệu *Quản* hay *Xự* người nào cũng có quyền tìm kế sinh nhai trên mặt nương mặt ruộng của *bản mường* phân cấp. Ai nhận suất ruộng của *mường* thì theo lệ: "gánh đất ruộng; mang việc mường". Đi "việc mường" nhiều lượt thì được nhận nhiều phần ruộng. Ngược lại, đi ít "việc mường" thì cũng được nhận ít phần ruộng. Nếu không đi "việc mường" thì chỉ còn cách không ăn

theo ruộng, mà theo con đường nương rẫy để sống trong cảnh "năm được trâu, năm bán con". *Án nha phìa* cùng với *bô lão toàn mường* hàng năm phải đặt ra được tổng số lượt "việc mường" để chia xuống cho các *mường phìa; mường phìa* phân xuống *xổng* để *xổng* tiếp tục phân cho *bản. Quan (tạo) bản* nhận lấy lượt "việc *mường*" của mình tiếp tục phân vào đầu các "ông kéo bà hao". Theo lệ xưa, "việc *mường*" thường gồm các khoản không được thiếu: đi lính, đi làm các công trình thủy lợi: *mương, phai, lái, lin* (đào mương, đắp phai, đặt cọn và các đập nước phụ, đặt hệ thống máng) làm ruộng toàn mường đến làm và đóng "thóc lười"; đi làm đường xá; cầu cống, đi vận chuyển hàng hoá,...

41. Những nông dân là người Thái hoặc những dân tộc Xá, Puộc được miễn việc mường để thay vào đó là làm *cuông (nhốc) pụak pai.* Họ được coi như "người nhà" của *án nha, phìa*, các chức dịch được *bản mường* cấp phát.

42. *Án nha, phìa, bô lão toàn mường* là người cầm vận mệnh của *mường* phải có trách nhiệm coi giữ *nen* đất của bản *nen* nước của *mường.*

- Nơi nào có *bản* hoặc có *mường* đều có "chủ nước lũ ở đầu bến, chủ nước dâng ở đầu nguồn, chủ thuồng luồng ở nơi vũng sâu". *Bản* nào, *mường* nào cũng có vũng lớn hoặc ao lớn để nuôi cá cho *phìa mường* mở hội đánh bắt cá. Lúc mở hội, ai cũng phải biết - loài người sinh ra nhỏ bé hơn trời và đất nên ai bắt được cá lớn phải để làm con đực con cái. Phải nuôi thả nó cho phát triển thành đàn. *Bản mường* mới có con cá để ăn thường ngày. Mường Mụak ta, có vũng tên là Dăm là nơi nuôi cá là thế.

- Nơi nào có *bản* cũng như có *mường* đều phải có những khu rừng kiêng cấm. Rừng cấm: nơi ngụ của *nen ma*, rừng già cây gỗ "liêng" nơi ngụ của *hồn mường hồn bản.* Rừng Chiềng kẻo là nơi con *tạo* về khuất núi.

- *Bản* nào cũng phải có núi *nen bản, mường* nào cũng có núi *nen*

mương. Núi có rừng xanh phủ cao vút tầng mây. Muông thú kêu nghe mà rùng rợn cả người.

- Những nơi này cho dù ông là *tạo*, *bà* là *nàng*; cho dù ông là dân cậy thế đông người cũng mặc. Ai cũng phải cùng nhau gìn giữ đừng chém, đừng phá, đốt. Cấm *nở*, không được lấy vùng nước cấm làm bia bắn tên; cấm súng chớ cậy có đạn mà nhằm vào núi vào rừng nơi linh thiêng *mường* cấm. Không được giết loài thú ở nơi *bản mường* cấm.

- Ai không theo tục lệ *bản mường* mà đụng vào những nơi nước, đất quy định cấm thì bị phạt đến sạt nghiệp thì thôi. Đầu tiên phải nộp cho *phìa, án nha bô lão toàn mường* một nén bạc. Sau đó nếu phải cúng *hồn bản*, người bị tội phải mất: 1 tạ lợn, 1 tạ rượu, 1 tạ gạo, mời ông *mo* đến đặt lễ để cúng: "chủ nước, chủ đất". Người phạm tội phải quỳ lạy 12 lần. Nếu phải cúng *hồn mường* thì người bị tội phải mất một con trâu đực đen, 1 tạ rượu, 1 tạ gạo, 1 tạ lợn và mời *mo mường* đến đặt lễ cúng "chủ nước, chủ đất". Người bị tội phải quỳ xuống lạy 24 lần.

43. Tục ngữ có câu: "chớ đừng ăn ong trước *nàng*; chớ đừng ăn nai trước *tạo*". Người đứng trên vị trí nắm vận mệnh *bản mường*; đồng thời cũng là người tiêu biểu cho quyền làm chủ của nước và đất. Tất cả những nơi có của ngon vật lạ trong tự nhiên đều phải được phân nhau mà hưởng:

- *Án nha* được ăn của ngon vật lạ ở đất *xống pần, xống pọng* và *lộng bản* ở Mường Sai.

- *Thổ lại, thông lại* được ăn của ngon vật lạ ở *xống ho luông* cùng *lộng* Hát Lót.

- *Phìa mường trong* được ăn của ngon vật lạ ở *xống cuông* cùng *quen* Mường Mần.

- Bất cứ ai là người dân ở trong địa hạt của *phìa mường trong* nếu bắn được những con thú sau đều phải theo tục lệ biếu xén "người lớn" như sau:

+ Nai: một đùi sau của con thú ngã đè xuống mặt đất; một đường thăn thịt lớn; một đường thăn thịt bên trong; 2 thăn thịt treo ở bên ngoài và một miếng thịt; đôi nhung (nếu có), toàn bộ da bọc thân.

+ Bò tót: một đùi sau của con thú ngã đè xuống mặt đất; một đường thăn thịt lớn; một đường thăn thịt bên trong; 2 thăn thịt treo ở bên ngoài và một miếng thịt; toàn bộ miếng da bọc thân và đôi khung sừng.

+ Thịt lợn lòi độc, cân nặng từ 1 tạ trở lên: một đùi sau của con thú ngã đè trên mặt đất; một đường thăn thịt lớn; một đường thăn thịt bên trong; 2 thăn thịt treo ở bên ngoài và một miếng thịt.

+ Gấu: một đùi sau của con thú ngã đè trên mặt đất; một đường thăn thịt lớn; một đường thăn thịt bên trong; 2 thăn thịt treo ở bên ngoài; một miếng thịt; bốn chân và mật.

+ Voi: toàn bộ thịt ở vòi; đôi ngà, hai hàm răng và đuôi.

+ Tê giác: phần thịt thì nộp các phần như bò tót, nhưng tê giác phải nộp thêm bộ sừng - một ở đầu và một ở đầu mõm trên. Nếu con cái đương chửa thì phải nộp lên cả bọc thai.

Người chủ bắn được phải cùng *quan (tạo) bản* đem những phần thịt thú và các bộ phận đã quy định ở trên lên cho ông *lam pọng* phân phát theo lệ định lên những chức ở bậc trên:

+ Cặp nhung, da con nai; vòi, ngà, hai hàm răng và đuôi con voi; sừng và buồng dạ con của con tê giác; sừng con bò tót đều phải nộp cho *án nha*.

+ Còn những phần thịt thì được chia: những đùi sau của các con thú nằm đè xuống đất đưa lên biếu *án nha*. Người nhà *án nha* mới lọc thịt ra khỏi xương để chia thành 3 phần. *Án nha* là chủ được hưởng phần xương và 1 phần thịt, 2 phần khác để cho *thủ lại, thông lại* và *phìa* chia nhau. *Án nha* muốn biếu thêm người khác nữa thì chỉ lấy được ở phần thịt biếu mình, không được lấy sang phần người khác.

Một đường thăn thịt lớn, ông *lam pọng* trực tiếp đem chia thành 3 phần - 2 phần đem cho *ông pần* và 1 phần biếu ông *quan cuông*. Ông *lam pọng* tiếp tục chia miếng thịt thăn bên trong thành 3 phần, 2 phần biếu *ông pọng* và 1 phần để cho *quan cuông*. Ông *ho luông* được biếu một miếng thịt thăn treo và ông *lam pọng* người chuyên phân chia cũng được hưởng 1 miếng thịt thăn treo.

- Con thú rừng bị diệt, ngã xuống ở phạm vi đất của *bản* nào thì *quan (tạo) bản* của nơi ấy cũng theo lệ được biếu một đùi đằng trước, phía nằm đè sát mặt đất.

44. Đất Mường Mụak có hang tổ ong để lấy sáp ở bản Tình - Nà Lon thuộc đất *xổng pọng*. Từ xưa tới nay, ai là "chủ linh hồn mường"; đồng thời cũng là chủ rừng núi và hang động. Do đó hang ong là của *ấn nha* và tập đoàn những người nắm vận mệnh của cả *châu*. Miệng lớn của hang chổ ra ngoài tựa như treo trên vách đá dựng đứng của trái núi đồ sộ. Từ miệng hang xuống đến mặt đất phải có chiều cao tới 30 sải tay (khoảng hơn 40m). Trên vách bên trong hang, hàng năm ong khoái sau khi làm tổ rồi đến mùa lại bay để lại những tổ khô bám đầy sáp. Để thu những tổ sáp đó, đầu tiên, người ta cho đan một chiếc bịch mây to vừa đủ để một người đàn ông khỏe mạnh cầm sào đứng vào trong. Người ta lấy 2 dây song mây buộc thật cân và chắc vào hai bên tai của bịch. Cứ khoảng 3,4 chục người đàn ông thật khoẻ chia làm hai cánh, đem bịch mây và kéo dây lên đỉnh núi. Sau khi người đàn ông dũng mãnh cầm sào đứng vào trong vị trí của mình trong bịch thì hai tốp người cầm đầu dây bắt đầu từ từ dòng dây song mây buông thả xuống; sao cho chiếc bịch đựng người đàn ông xuống treo lơ lửng ngang tầm miệng hang thì tạm dừng để giữ hai dây mây tròng. Người đứng ở trong bịch bắt đầu gào thét thành từng đợt:... kéo lên!... buông xuống!.... được rồi... để vừa lấy tầm sào chọc cho những tổ ong rơi rụng xuống mặt đất, lại vừa lấy nhịp cho hai tốp người cầm đầu dây làm theo. Vì tổ sáp ong thường có khá nhiều nên công việc chọc phải được bắt đầu từ lúc mặt trời lên ngang đỉnh núi đến xế chiều mới xong.

- Những tảng sáp to, người ta khiêng đến tập trung tại nhà *ấn nha* để *lam pọng* trực tiếp chia phần. *Ấn nha* là chủ được hưởng phần tổ đầu có sáp mầu trắng. *Ấn nha* chia một phần cho người đứng trong bịch mây để chọc tổ ong và 2 phần là của mình. Các phần khác đem chia cho thủ lại, thông lại và *phìa mường* rồi đến *hàng bô lão toàn mường* kể cả quan Bản Tình - Nà Lon ít nhiều mọi người đều được không thiếu. Những tổ tan thành vụn nhỏ rơi xuống đất chất đầy vô kể, dân trong *châu mường* ai nhặt được nhiều thì lấy nhiều; ai nhặt được ít thì lấy ít; phải coi như mình đến chứng kiến và tham gia cuộc vui với *bản mường*; ai cũng phải hò reo vui vẻ, không được phép tranh chấp cãi cọ nhau. Ai làm sai thì bị *ông mo* bắt nộp lợn rượu để cúng hồn "hang ong có sáp".

- Người chuyên đứng trong bịch để cầm *sáp* cây chọc tổ sáp ong trên hang là người can đảm, dũng mãnh, "rơi xuống nước không sợ chết; bỏ vào lửa không sợ cháy". Bởi vậy *ấn nha* phải chỉ định và *bản mường* phải phân cấp 60 "gánh đất" ruộng nơi bản quê quán của ông cho đúng luật lệ.

45. Mường Mụak có nhiều chổ, trong đó vùng cao nguyên là một nơi có nhiều tổ ong vò vẽ ở trong hang đục khoét dưới lòng đất. Của ngon vật lạ này, *tạo*, dân ai thấy trước, đánh dấu thành của riêng người ấy. Nhưng khi lấy tổ ong thì phải tuân thủ lệ biếu. Phần tổ đầu, chỗ tập trung loại ong nhộng là miếng ngon nhất phải đưa lên biếu *ấn nha*. Là người dân không được trực tiếp lên *ấn nha* nên phải đem lên nhờ ông *lam pọng*. Ông *lam pọng* được hưởng phần biếu một tổ đầy ong non to bằng bốn bàn tay.

V. VIỆC XÉT XỬ VÀ PHẠT VẠ ĐƯỜNG GIẾT NGƯỜI

46. Tục ngữ có câu: "cầm súng không được đặt đầu ngọn xuống thấp ngang, đi săn không được rời vị trí đón đầu". Mọi trường hợp bắn chết người, *ấn nha* hoặc *phìa* đều phải thân chinh xuống xem xét. Người chịu tội bao giờ cũng là người còn sống; người không chịu tội

bao giờ cũng ở phía người đã chết. Khi xem xét, chỉ có hai trường hợp. Một là, không thù hằn gì nhau mà chỉ do bắn nhầm thì xử lý theo tội ở mức bắt đền. Người chịu tội phải làm cây *heo* có cắm 20 *lủu,* 1 con trâu, tiền "xuống nước" và tiền "xuống lửa" trị giá 3 lạng bạc; "tiền đắp chặn nước mắt" của thân nhân người chết bằng 1,2 nén bạc[37]. Trường hợp vốn có thù hằn nhau, chỉ lấy nê săn thú mà giết nhau thì xử phạt theo mức bắt bồi thường. Người chịu tội phải chi phí toàn bộ tang lễ từ tiền đến vải vóc; từ gà đến trâu; đồng thời phải nộp đền mạng cho người đã khuất 12 nén bạc.

47. Việc giết người như thành ngữ nói: "giết ngựa giết người" là phạm điều trái luật lệ làm người trong *bản mường* cao nhất và cũng lớn nhất. Song khi xử lý *án nha* cũng như *phìa* cũng chỉ được phép xét xử và bắt tội như đã nói ở trên, không được thêm thắt, bởi vì lệ luật của người Thái Đen từ xưa tới nay không thấy có điều gì để nói: "nếu giết người thì phải lấy người đền mạng".

VI. VIỆC XÉT XỬ VÀ PHẠT VẠ ĐƯỜNG NGOẠI TÌNH, ĂN CẮP

48. Các trường hợp quan hệ nam nữ bất chính, thì người bị quy tội nằm chung trong cái gọi là "tội đụng vào váy và quay ngược độn tóc" (*nỉ xỉn pín chọng*).

49. Lệ từ thời xửa thời xưa, người Thái Đen vẫn nói:"có trăng thì có sao; có gái thì có trai". Nữ giới lớn "thành gái"; nam giới lớn "thành trai" thì không ai có thể cấm đoán được việc chúng yêu đương nhau trước "mặt trăng sao"; ở bên *khuống* nơi bếp lửa; ở những lúc đi nương, đi ruộng...[38]

50. Người ở bậc cha bậc mẹ, bậc ông bậc bà phải biết dạy bảo con cháu của mình biết thân biết phận mà giữ gìn thân thể trong trắng. Đừng vì: "muốn ăn mà chúi đầu vào, muốn yêu mà đâm đầu theo". Yêu nhau chớ có vội vàng. Yêu vội yêu vàng chắc chắn sẽ không bao giờ được sống bên nhau. Muốn sống bên nhau được thì phải xem

gương: "cá với nước; lúa với ruộng"...

51. Nếu trai chốt yêu để gái chửa hoang là phạm vào *lệ bản luật mường*. Việc xử lý thì Mường Mụak vẫn theo lệ của người Thái từ xưa truyền lại là: "lệ bản 12, luật mường 24".

Nếu *án nha*, thổ lại, thông lại, *phìa mường* trộm yêu đương để con gái của người ta chửa hoang thì *ông mo* phải cùng bốn ông đứng đầu *xống* xem xét. Nếu quả thật người con gái kia có chửa thực sự thì phải giao hẹn người đàn ông làm con người ta chửa trong ba tháng kể từ ngày hẹn mới bắt đầu chiêu tập thủ lại, thông lại, *phìa, bô lão toàn mường* và người ở bậc cha, đại diện cho gia quyến người con gái chửa hoang đến để họp và bắt phạt vạ người đàn ông làm con nhà người ta chửa hoang.

- Vì là con *tạo* đương chức làm cho người ta chửa hoang nên phải theo luật *mường* nộp phạt 24 nén bạc, tiếng Thái gọi là đền đầy giá trị.

- Nếu trong thời hẹn đó, người chửa hoang chưa đến tháng đẻ mà thai đã xổ ra thì người đàn ông gây ra tội ấy chỉ nộp phạt bằng mức lệ bản là 12 nén bạc.

- Trường hợp con *tạo* không giữ chức quyền kể cả những người đã được mang danh hiệu *chưởng, chiều* nếu làm con gái của người ta chửa hoang cũng bị phạt 13 nén bạc theo lệ *bản*. Nếu trong thời gian hẹn đó, người chửa hoang chưa đầy tháng đẻ đã xổ thai ra thì người đàn ông bị phạt được giảm một nửa tức chỉ phải mất 6 nén bạc mà thôi.

- Người con gái chửa hoang không bị *bản mường* bắt nộp phạt nhưng về danh nghĩa vẫn bị gọi là người mang tội. Để tránh toà án dư luận và bia miệng của người đời, *bản mường* vẫn cho phép họ được phá thai để bớt tiền phạt vạ của người mình yêu. Hoặc vẫn để cho chửa và đẻ nuôi con không cha để cho người yêu của mình nộp đầy đủ số tiền phạt và chịu mang tiếng suốt đời.

- Trong thời gian hẹn cũng như sau khi đã xử lý mọi việc xong xuôi, người đàn ông không được phép hành động cưỡng bức người đàn

bà mình làm chửa. Nếu ai cố tình làm cho việc làm hại nhẽ ra chỉ bằng cối giã mà lại to lên thành cái "cối giã hình thuyền" thì trong *bản mường* ai bắt được có quyền tố giác. Lúc này ông *mo* được đại diện cho tất cả để đứng ra xem xét lại sự việc. Nếu quả đúng như thế thì bên bị phải nộp phạt một thành hai tức *lệ bản* nhẽ ra chỉ có 12 lại thành 24 lệ mường nhẽ ra chỉ có 24 lại tăng lên 48.

- Nếu con *tạo* bị phạm tội không nghe thì rất có thể bị bô lão toàn mường bãi chức để chọn người khác trong dòng con *tạo* thay thế. Làm đúng lệ như thế thì:

"...*Mường bản* cùng nhau ở

Mường bản phân nhau ăn..." [39]

- Những con trai thuộc họ dân thường cho dù ở địa vị xã hội nào, *tạo lộng, tạo quen, ông, quan* trong *hàng bô lão của mường* hoặc nông dân (*ông kéo và hao*) nếu phạm tội làm con gái chửa hoang đều bắt phạt tiền theo lệ *bản* tức bằng một nửa của luật *mường*. Chẳng hạn mức phạt *án nha* là 24 nén bạc thì mức với quan *bản* là 12.

52. Theo lề thói của người Thái thì con *tạo* cũng là con của *bản* của *mường*. Con *bản* con *mường* phạm tội thì *ông mo* phải cùng toàn thể bô lão toàn mường đứng ra phạt và xử lý nghiêm minh. Tiền bạc nộp phạt trở thành của chung cho mọi người. Ngược lại con dân phạm tội thì *án nha, phìa* là đại diện cho *bản mường* được phép thu cho mình. Từ lề thói đó *án nha, phìa* có quyền giảm số tiền nộp phạt cho những người mà họ xét thấy cần thiết; trong đó có 4 *ông lớn, ông mo* và cụ chủ *cãm tang*[40].

- Việc giảm số tiền phạt như thế không được phép xuống quá một nửa số do lệ *bản* luật *mường* đã quy định. Bởi vì nếu giảm quá nửa thì sẽ ít quá, không đủ để họ hối cải, chừa thói đã làm việc xấu giữa *bản* giữa *mường*.

- *Án nha, phìa* chỉ được phép giảm, không được phép tăng số tiền phạt lên quá *lệ bản luật mường* đã quy định.

53. Lúc có người đàn bà ở trong *bản* trong *mường* chửa hoang, nếu có bất cứ người đàn ông nào, kể cả người đã làm cho người đàn bà ấy chửa hoang, muốn lấy làm vợ đều được, nhưng phải nộp đủ số tiền phạt đã quy định theo lệ *bản* luật *mường*.

- Một khi đã nộp đầy đủ số tiền quy định phạt thì người đàn ông ấy có quyền lấy vợ chửa hoang về nhà mình ngay, không phải theo tục ở rể cũng như nộp tiền "giá đầu"[41] như đã quy định trong tục cưới xin của người Thái.

- Nếu chưa tìm được thì chí ít cũng phải nộp một nửa số quy định theo luật lệ mới được phép lấy người đàn bà chửa về làm vợ.

- Mặc dù người chồng đã nộp phạt rồi; mặc dù lấy vợ chửa hoang, nhưng vẫn phải làm theo phong tục tập quán cưới xin vẫn phải làm đầy đủ như trong trường hợp trai tân lấy gái tân, không được thiếu.

54. Người ngoại tình là người mắc tội rất lớn như câu tục ngữ nói: "muốn thành tội đòi thì đi trộm trâu; muốn chết thì đi chơi vợ người". Căn cứ vào đó Mường Mụak mới đặt ra những quy định để mọi người không phạm vào tội lỗi này.

55. Con trai có vợ, con gái có chồng người ta gọi bằng một thành ngữ: "đàn ông ta đàn bà lạ".

Những ai đã mang danh này rồi - Theo lệ luật - họ không được phép ngoại tình - ai cố tình vi phạm để người ta bắt quả tang thì trở thành kẻ phạm tội.

- Nếu người nào đó lại dựng chuyện để vu oan giá họa cho những người đã mang danh "đàn ông ta đàn bà lạ" cũng phải chịu hình phạt như chính người ngoại tình.

- Người ngoại tình cũng như kẻ vu oan giá họa sinh ra ở *bản* nào thì đầu tiên người *quan (tạo) bản* được quyền xem xét, xử lý và thu lấy vạ và tiền nộp phạt. *Quan (tạo) bản* không xét xử được mới đưa việc lên hàng *ông, quan* hàng *xống* hoặc *tạo lộng, tạo quen. Ông, quan* hàng *xống* hoặc *tạo lộng, tạo quen* xét xử vẫn không xong thì phải đưa việc

này lên để *phìa mường* xem xét và xử phạt. *Phìa mường* xét xử vẫn không ngã ngũ thì lại tiếp tục đưa việc lên *án nha*. Đến đây, *án nha* xét xử đúng sai thế nào, bên người bị quy tội đều phải chịu, không còn cưỡng lại được nữa. Nếu ai cố tình cưỡng lại thì bị *án nha* bắt làm tôi tớ.

56. Tất cả những chức dịch từ *án nha* xuống đến *quan (chá) bản* đều là những người trời cho để "tập họp dân chúng như đàn cá gom bơi thành đàn" nên khi xét xử bên đúng bên sai phải thật kỹ lưỡng không được xem bên trọng bên khinh, vào hùa một bên để thoả mạ hay trị tội một bên. Luật nói, đã có việc không hay như thế xảy ra thì chỉ có một bên đúng và một bên sai; không có bên ở giữa vừa đúng lại vừa sai, trộn lẫn nhau.

57. Lệ *bản* luật *mường* quy định cho cấp *quan (tạo) bản* xét xử, thu của tiền phạt vạ cho mình ở 3 mức khác nhau:

- Nếu hai nam nữ đã có vợ có chồng mới chỉ đùa bỡn, trêu ghẹo nhau để tiến tới tư tình thì chỉ bị *quan (tạo) bản* bắt phạt: đôi chai rượu, đôi gà (một trống một mái) để cúng linh hồn của *bản* ở nhà *quan (tạo) bản* và 5 đồng cân bạc. Nếu quá trình điều tra lại phát hiện đôi nam nữ chẳng có trêu ghẹo, đùa bỡn để tiến tới tư tình thì người dựng chuyện để vu oan giá họa hoặc bắt quả tang không rõ ràng cũng phải nộp phạt ở mức đó.

- Nếu bắt được hai bên nam nữ đã không những chỉ dừng ở mức trêu ghẹo nhau để tiến tới tư tình mà còn quấn quít nói chuyện tỏ tình yêu đương, *quan (tạo) bản* được bắt nộp phạt ở bước cao hơn, thành: 4 chai rượu, 4 con gà (2 sống, 2 mái) để mổ đặt lễ cúng hồn chủ bản. 1 con vịt để đón *một lao* về cúng và làm các thủ tục phù phép tiễn đuổi loài ma chuyên gây rối loạn đường tình ái tên là *pai* ra khỏi vùng đồng ruộng và đất *bản* của mình. Cuối cùng, người mắc tội lỗi phải nộp phạt cho *quan (tạo) bản* 5 đồng cân bạc.

- Người dựng chuyện để bịa đặt, đổ vấy cho đôi nam nữ là "đàn ông ta đàn bà lạ" quấn quít tỏ những lời yêu đương. *Quan (tạo) bản* đến

xem xét kỹ lưỡng, không có sự thật như thế, người chịu tội rơi vào vào vu oan giá họa phải nộp phạt đầy đủ như người mắc tội ngoại tình, không được thiếu.

- Nếu bắt được "gái nằm ngửa, trai nằm sấp" tức đương làm tình thực sự thì *quan (tạo) bản* sẽ nâng mức phạt lên chỗ tột đỉnh của bậc luật lệ *bản mường* đã quy định cho cấp của mình, thành: 6 con gà (3 sống, 3 mái), 6 chai rượu để mổ cúng linh hồn chủ *bản*; 2 con vịt để cho *một lao* đến cúng và làm phép đuổi bọn *pai* ra khỏi đất *bản* và vùng ruộng; không được phép đến nhập vào tâm những người "đàn ông ta đàn bà lạ" làm cho họ trở thành người xấu dạ, rơi xuống hố xuống vực nơi đường tình ái, nhà cửa tan nát, xấu cả *bản* cả đồng ruộng như tục ngữ nói: "một con cá ruỗng mà thối cả giỏ".

- *Quan (tạo) bản* được thu 1 lạng bạc tiền phạt.

58. Việc xem xét và xử lý đối với người ngoại tình cũng như người dựng chuyện, đổ vấy cho người ta ngoại tình, làm ầm cả làng cả xóm đã phải đưa lên đến hàng *xổng, lộng, quen*, lệ bản luật mường đặt ra cho ông, quan hàng *xổng, tạo lộng, tạo quen* ba điều phải theo:

- Dẫn *quan (tạo) bản* xét xử lại việc đúng, sai rơi vào bên nào.

- Việc phạt vạ phải cúng hồn chủ, phải cúng và làm phù phép như thế nào để quét đuổi được ma *pai* ra khỏi đồng ruộng và bản đều phải dẫn *quan (tạo) bản* làm ở ngay nơi đã xảy ra sự việc đó, người bị tội phải mất: 6 con gà, 6 chai rượu, 3 con vịt bằng giá cao nhất mà lệ bản luật mường đã định cho bậc *quan (tạo) bản*.

- *Ông*, quan hàng *xổng* cũng như *tạo lộng, tạo quen* được phép thu tiền phạt tới 3 lạng bạc.

59. Việc xem xét và xử lý đối với người ngoại tình, cũng như người dựng chuyện, đổ vấy cho người ta ngoại tình, làm ầm cả làng cả xóm đã phải đưa lên đến cấp *mường phìa*, lệ *bản* luật *mường* đặt ra cho *phìa* phải dẫn *ông quan* hàng *xổng, tạo lộng, tạo quen* đưa sự việc ra để xem xét:

- Không giống với trường hợp ông quan hàng *xổng, tạo lộng, tạo quen*, lệ luật đặt cho chức *phìa* đã là người quyết sai, quyết đúng nên những chức tước khác đều phải làm theo không được sai trái.

- Đã ra khỏi *bản* thì thành việc của *mường*, người chịu tội theo lệ *bản* khác với kẻ phạm tội theo luật *mường*. Phạm luật *mường* phải cúng hồn *mường, phìa* được quyết thu ở người phạm tội 1 con lợn để cúng hồn con *tạo* từ 3 đến 5 yến không được quá; 2 yến rượu (40 chai 60) không được quá. Bắt phải nộp một con chó và rượu dú để cho ông *mo* đi khấn "nuôi" loài ma *pai*[42] ngụ ở nơi khe sâu vực thẳm; nộp một con dê đem về để *một lao* làm lễ cúng dụ dỗ loài ma đường ngoại tình mang tên là *chuông*[43].

- *Phìa* bắt người mắc tội đưa cho mình tiền phạt 6 lạng bạc.

60. Việc xem xét và xử lý đối với người ngoại tình, cũng như người dựng chuyện, đổ vấy cho người ta ngoại tình, làm ầm cả làng cả xóm đã phải đưa lên đến cấp *châu mường*. Đến cấp này thì việc nhỏ việc to đều đã rõ, *án nha* phải dẫn *ông quan, tạo, phìa* cùng nhau xem xét cho thật kỹ lưỡng. Rơi vào trái, được sang phải ở phía nào phía ấy cũng không chịu, *án nha* phải dùng tấm lòng ngay thẳng của mình để ngửa mặt quyết cho ai sai phải sai; cho ai đúng phải đúng:

- Bị tội với *mường* lệ bắt phải cúng *hồn mường, án nha* bắt người bị tội lấy trâu đen về tế thần chủ nước, trâu trắng đến đặt lễ cúng *nen* ở "vũng mường" với "núi hồn mường". Lợn, chó, gà, vịt bao nhiêu không kể cứ căn cứ vào lệ để cúng gọi là *xen pang peng mường* đã đặt ra.

- Án nha bắt người chịu tội phải nộp 1,2 nén bạc.

- Nếu người bị tội sai trái *bản mường* không thể chịu được như thế thì phải đời đời làm tôi đòi cho con *tạo*.

61. Ngoại tình và trộm cắp là hai mặt sai phạm lệ *bản* luật *mường*. Lệ *bản* luật *mường* đã đặt ra các hình phạt cho kẻ ngoại tình rồi, bây giờ xin ghi thêm lệ luật quy các tội phạm ăn cắp, ăn trộm. Ăn cắp, ăn trộm là người lén lút bí mật lấy không của người khác mà người ta

không biết. Nếu người ta bắt được quả tang thì bị quy phạm tội to lớn, *bản mường* không thể tha thứ được.

- Những người bỗng dưng mà dựng chuyện nói rằng người ta ăn trộm ăn cắp, hiện tượng ấy gọi là "vu ăn cắp" (*tổng lặc*), tục ngữ có câu: "đừng vu (người) ăn cắp; đừng bịa ra bảo người ta bị *ma cà rồng*". Người nào phạm vào điều đó, lệ luật cũng quy thành tội với *bản* với *mường*.

62. Bắt được người ăn cắp ăn trộm cũng tương tự như bắt được người ngoại tình, đầu tiên do *quan (tạo) bản* xem xét và bắt phạt, nếu không thuận, không xong thì đưa lên từng cấp để xem xét và xử phạt cho đến *án nha* là bậc cuối cùng. Đều đã ghi rõ ở tội ngoại tình và vu oan ngoại tình đó rồi. Lệ luật về mức độ bắt tội và xử phạt người ăn trộm, cũng như "vu ăn cắp" quy định cho từng cấp: *quan (tạo) bản*, ông quan hàng *xổng, tạo lộng, tạo quen, phìa, án nha* như thế nào cũng đã ghi trong tội ngoại tình và vu oan giá họa ngoại tình đó rồi, không cần phải ghi thêm nữa. Nhưng ở đây vẫn phải nói về những điều khác cho thật rõ và đúng với sự việc hơn.

63. Trong khi quy tội ngoại tình, vu ngoại tình thì có một cách bắt quả tang được, khi có một đôi nam nữ chuẩn bị cũng như đã hành động "gái nằm ngửa, trai nằm sấp" thì tội ăn cắp và "vu ăn cắp" có nhiều biểu hiện và tang chứng khác nhau:

- Vào vườn để ăn cắp rau, quả của người không thể giống với vào nhà người để ăn cắp của cải ở trong hòm, trong *bem* (hòm đan bằng tre mây).

- Ăn cắp quần áo, váy không thể xem như ăn cắp tiền bạc.

- Ăn cắp con gà, con vịt, con chó, lợn, dê đã khác nhau cũng có thể giống với ăn cắp 1 con trâu để cày.

- Và còn nhiều thứ khác nữa, không thể kể hết được.

- Luật lệ *bản mường* quy định, không phân biệt ăn cắp hoặc "vu ăn cắp" như thế nào, ít, nhiều, to, nhỏ đều xử lý theo 3 mức độ:

+ Ăn cắp của người ta, khi *bản mường* xét đến, nếu người bị tội trả người mất của một cách đầy đủ, không thiếu một thứ gì, lại còn phải lạy người mất của và *quan (tạo) bản* để xin chừa thói xấu. *Quan (tạo) bản* vẫn bắt người ăn cắp phải nộp phạt vạ vì tội đã làm nhơ nhuốc thanh danh của bản làng: đôi con gà, đôi chai rượu để cúng hồn chủ đất bản. Nộp phạt vạ cho *quan (tạo) bản* 5 đồng cân bạc.

+ Người ăn cắp không chịu trả lại của cho người mất cắp ngay mà phải để cho *quan (tạo) bản* ra hẹn theo luật lệ hạn mức đầu tiên tối thiểu là từ 10 đến 15 ngày và cuối cùng mức tối đa không được quá 3 tháng kể từ ngày ra hạn là phải trả. Nếu trong thời hạn phải trả này mà người phạm tội đã trả đủ thì mức phạt vạ lại giống như đã quy định ở mức một. Nếu đến ngày hẹn thứ nhất (từ 10 đến 15 hôm) vẫn không trả thì *quan (tạo) bản* bắt người bị tội phải nộp 6 lạng bạc.

Ngoài ra phải mất: 2 đôi gà, 2 đôi rượu để đặt lễ cúng hồn chủ đất *bản*.

+ Nếu đến hạn 3 tháng mà người bị tội vẫn không chịu trả thì buộc lòng *quan (tạo) bản* phải đưa việc xét xử tội phạm lên hàng *xổng, lộng, quen, mường phìa* và *châu mường* để tiếp tục đến kết thúc như đã ghi ở mục nói về ngoại tình và vu khống người ngoại tình. Có điều nếu ăn cắp trâu thì *án nha* phải bắt kẻ phạm tội phải chịu kiếp tôi đòi như tục lệ của người Thái từ xưa truyền lại.

- Người phạm tội ăn cắp còn phải chịu lệ *bản* luật *mường* bắt đền bù người mất của. Việc đền bù ấy, *quan (tạo) bản* phải căn cứ vào giá trị của tang vật mà quy định:

+ Quần, áo, váy, vải vóc, người ăn cắp 1 phải trả 1 và đền bù cho người mất thêm một. Chẳng hạn, người ăn cắp 3 bộ áo váy thì phải trả lại 3 bộ áo váy và đền bù thêm 3 bộ áo váy.

+ Tiền bạc bị mất cắp 10, trả lại 10 và đền bù vào đó 1. Chẳng hạn, mất 10 thì trả lại đúng 10 lạng và đền bù đền thêm 1 lạng.

+ Những gia súc nhỏ như: chim, gà, vịt... thì một trả một là xong

không phải đền bù.

+ Những đại gia súc như: lợn, trâu, ngựa... thì mất một trả một. Những con có cân nặng từ 1 yến trở lên thì phải quy thành tiền để bắt kẻ ăn cắp phải đền bù cho người mất của như trường hợp đã ăn cắp tiền.

64. Trở lại câu tục ngữ: "vu ăn cắp, đổ cho là ma cà rồng", người nào vu oan giá họa cho người ta là kẻ ăn cắp ăn trộm; điều không có cứ nói bừa, nói phứa, đổ vấy cho người như thế lệ *bản* luật *mường* cũng quy là phạm tội, phải nộp phạt qua 3 mức độ khác nhau:

- Vu oan giá họa cho người ta là kẻ chuyên "vào vườn để trộm rau quả", đi tới đâu cũng tự ý nhặt đồ dùng vặt vãnh của người khác. Nếu *quan (tạo) bản* xét xem kỹ lưỡng không có sự thật thì người vu oan giá họa ấy cũng bị quy tội làm xấu mặt xấu mũi người ta. Việc vô lý ấy phải bị *quan (tạo) bản* phạt 1 đồng cân bạc, 1 đôi gà, 1 đôi rượu để làm mâm xin lỗi gia đình và *quan (tạo) bản.*

- Vu oan giá họa cho người ta ăn cắp tiền bạc. Tiền mình không mất lại kêu mất để đổ vấy cho người ta lấy, người không được cầm, không chịu, mới lấy việc ra trước *bản mường. Quan (tạo) bản* điều tra biết đấy là vu oan giá họa bị phạm tội nên phải phạt 5 đồng cân bạc, mổ gà, mở chai rượu, đặt mâm mời gia đình người bị vu oan giá họa với *quan (tạo) bản* để xin chừa thói đổ vấy cho người.

- Đổ vấy cho người ta ăn cắp trâu, việc không có, *quan (tạo) bản* điều tra biết, bắt phạt 1 lạng bạc, một con lợn 2 yến, rượu không kể để đủ đặt một mâm rượu mời cả nhà người bị vu oan giá họa và *quan (tạo) bản*, người "vu ăn cắp" phải xin chừa thói xấu cứ đổ vấy cho người.

- Nếu công việc không trôi chảy, *quan (tạo) bản* cũng được quyền đem việc "vu cắp" này lên từng cấp, từng bậc đến *ấn nha.* Kẻ "vu ăn cắp, vu oan người ta là ma cà rồng" ấy nếu không tuân theo sự phán xét của *bản mường,* cũng có thể bị *ấn nha* bắt phạt mất trâu và cao hơn

cũng bắt làm tôi đòi.

65. Người hà hiếp con gái, cưỡng dâm "đàn bà lạ"; ăn gian, nói dối *bản mường;* giết người cướp của, đốt nhà đốt bản... Làm tất cả những điều trái *bản* trái *mường* thật to lớn này, lệ *bản* luật *mường* đều giao hết cho con dòng *tạo* là người đương làm *phìa* cũng như *án nha* toàn quyền xét xử. Tất cả các bậc chức quyền khác là người thuộc họ dân "tiểu nhân" thì được ăn được bàn, nhưng không được quyết doán các công việc, bắt phạt, bắt thu được.

- *Phìa, án nha* là người cầm vận mệnh của *bản mường*, của *viện* của *châu* tuy lớn, nhưng vào công việc này thì "vượt trên tầm đầu gối, trên tầm chân cẳng", "khoẻ một thân, khôn một mình" làm sao có thể sắp đặt cho thành, lo liệu sao cho đúng; chặt thế nào cho bằng, gọt thế nào cho mình, không vào hùa bên này cũng không nghiêng về bên kia, người sa vào điều trái phải chịu lấy trái, người nào gặp được đúng thì phải đặt cho đúng, lệ luật đã đặt cho mình vào nơi để trở thành ngọn cờ dẫn đầu vạch đường lối trong sáng dẫn bô lão toàn *mường* xem xét kỹ càng. Phải cân nhắc nhiều đường nhiều lối, mọi tình huống công việc mới ra điều phán xét cuối cùng, bởi việc bắt tội to lớn này chỉ có hai đường xử lý, không có thừa đến 3:

+ Nếu rơi vào trường hợp nhẹ như chỉ có hiếp dâm, không gây thương tích gì cho người đàn bà con gái thì tội phạm mất một con trâu đực đen để làm lễ và chi phí cho một lần cúng hồn nước ở "vũng mường" và nộp phạt 12 nén bạc. Nếu tội nặng hơn như ăn gian nói dối *bản mường*; cưỡng dâm "đàn bà lạ" lại đánh đập người ta bị đau đớn, chưa chết thì vẫn phải nộp 12 nén bạc, một con trâu đực đen để tế "văng mương" và thêm một trâu đực trắng để tế núi minh mương.

+ Nếu quá nặng như phạm tội giết người bằng bất cứ hình thức nào, đốt *bản* đốt *mường*, làm giặc phá phách *bản mường*, nếu bắt được thì tử hình. Trước khi tử hình một người *án nha, phìa* phải bỏ chi phí để tổ chức lễ gọi là "tế đen trắng" tức dùng một con trâu đen và một contrâu trắng để tế chủ hồn nước và đất của *mường*. Trong lễ đó *án nha* phải

ngửa mặt lên trời mà khấn đến *hồn thiêng của mường (phi bản phi mường)*, đất, trời phù hộ độ chì đừng vì phải làm việc công minh mà trở thành kẻ có hận thù về sau.

66. Dùng lửa phải giữ lửa như câu tục ngữ nói: "đùa với lửa thì bị tội; đụng vào phân phải ăn phân". Nếu ai sơ suất để lửa cháy nhà cháy *bản*, cháy *mường* lệ *bản* lệ *mường* bắt phải tội bị phạt có hai bước:

- Nếu chẳng may bị nhỡ hoặc đốt một vật gì đó như rác, nương, vườn... để lửa lan vào cháy nhà, cháy *bản*, cháy *mường* thì bị *phìa, án nha* phạt 1 nén bạc, ông đứng đầu *xổng* phạt 5 lạng bạc; quan *(tạo)* bản phạt 5 đồng cân bạc.

- Nếu cố tình thì bị *án nha, phìa* xét xử và đặt hình phạt như đã ghi ở điều trên về tội làm giặc phá phách *bản mường.*

67. Xét xử việc đúng, sai có nhiều điều nhiều nỗi, các bậc chức quyền phải nhớ mà theo câu: "nhìn tốt, kỹ, rõ", phải theo đúng lệ luật, không được làm thiếu cũng không được thêm để quá đi. Bất cứ ai làm sai lệ *bản* luật *mường* thì không phân biệt người nào, dù đó là *án nha, tạo phìa* hay *ông quan* trong *bô lão toàn mường* cũng phải chịu tội phải bắt phạt:

- *Án nha* được quyền bắt tội và phạt từ *phìa* xuống đến *quan (tạo) bản.*

- *Phìa* được bắt tội bắt phạt từ những *ông quan* hàng *xổng* đến *quan (tạo) bản.* Đối với những *ông quan* hàng *xổng*, trước khi *phìa* quyết định xử lý tội và hình phạt thì *phìa* không được tự ý mình mà phải được sự đồng ý của *án nha.* Điều quy định này rất nghiêm ngặt đối với *mường* trong, nhưng với các *mường* ngoài thì phìa cứ quyết định rồi hỏi ý kiến *án nha* sau cũng được.

- *Ông quan* hàng *xổng* có thể bắt tội và phạt *quan (tạo) bản* với điều kiện được *phìa, án nha* cho phép. Nếu không được phép thì không được tự ý.

- Do vì *ông quan* ở bộ phận cúng tế là những chức do tục lệ đặt ra

để nắm gia phả tổ tiên dòng họ nhà *tạo* bởi vậy *án nha, phìa* không được tự ý mình bắt tội bắt phạt họ. Trong các trường hợp họ làm trái phong tục tập quán cũng như lệ luật *bản mường, án nha, phìa* phải xử lý hình phạt họ thì phải được toàn thể *bô lão toàn mường* nhất trí. Nếu trong số họ có một người phản đối thì *án nha, phìa* phải làm lại, cho đến khi không có ai phản đối thì việc *án nha, phìa* quyết định mới đúng luật lệ *bản mường*. Nếu *án nha, phìa* cố tình làm sai thì ông *pần* có thể triệu tập *bô lão toàn mường* lại để xem xét đúng, sai.

68. Nếu *án nha* làm trái lệ luật *bản mường* thì *ông pần, ông mo*, hai *ông* này mới được làm gốc để họp *bô lão toàn mường* về xét. Nếu việc xem xét đã kỹ và đi đến kết luận *án nha* sai thì phải chịu tội và hình phạt. *Bản mường* bắt phạt *án nha, phìa* nhẹ là 12 nén bạc và nặng phải tới 24 nén bạc theo luật *mường*. Nếu *án nha* không chịu hình phạt như thế cũng có nghĩa phản đối những điều sai trái với lệ luật của chính mình đã cùng *bô lão toàn mường* đã căn cứ vào những điều cha ông đã truyền lại mà thảo ra. Bởi thế lệ luật từ thời xa xưa người ta mới đặt thành những câu tục truyền để bắt con dòng *tạo* phải theo:

- Người ta làm trái ít, đừng vội bắt phạt trâu, người ta làm trái nhiều cũng đừng vội bắt làm tôi tớ.

- Đừng vì giận dỗi mà nắm ngay chuôi gươm, chuôi mác, chuôi dao.

- Đừng chém giết người ngay

- Đừng cậy mình có lưỡi gươm sắc, có "sống đùi cứng" (không được cậy quyền thế)

- Đừng cầm tay mẹ vợ, đừng nắm cổ tay nàng dâu.

- Đừng hà hiếp con gái xinh đẹp.

- Phải giữ lòng ngay thẳng với *bản* với *mường* để tập hợp *bô lão* và hợp dân như lùa đàn cá bơi lên theo dòng nước.

VII. LỆ QUY ĐỊNH VỀ "TIỀN KÊ CHỨC"

69. Lệ *bản* luật *mường* Mường Mụak còn đặt ra những quy định những người nào được nhận việc *bản* việc *mường* đều phải mất tiền gọi là "tiền kê chức" cũng như khao làng. Nếu người nào không theo lệ luật đó thì không được bổ nhiệm:

- Mặc dù được người cha, anh hoặc em cho nối nghiệp, được những *tạo lộng, tạo quen*, các *phìa mường ngoài* vun đắp, trước khi thành người nắm vận mệnh *bản mường, án nha* phải nộp "tiền kê chức" cho *ông mo* thay mặt cho *bô lão toàn mường* nhận đủ vào sổ vào sách và đưa vào một chiếc hòm đặt ở gian bên *quản* nhà *tạo* gọi là "hòm hàng mường", ông *chá hươn luông* là người giữ chìa khoá. Khi muốn chi, *án nha* đưa ra báo với *bô lão toàn mường*, ông *mo* vào sổ xuất, ông *chá hươn luông* mở lấy tiền đi tiêu vào công việc của *mường*. Sau khi được quan công sứ người Pháp ở tỉnh Sơn La công nhận cho làm tri châu, *án nha* phải tổ chức khao làng. "Trái tới tìm, phải tới phục", *án nha* cho ông *chá hươn luông* bầy đặt mâm cúng tổ tiên nhà *tạo*, sau đó đặt mâm để "mời *ông, quan, tạo, phìa, án nha* theo thứ bậc trên dưới vào ngồi mâm uống rượu, mời bô lão vào ngồi xơi cơm". *Án nha* cho *lam pọng* loan báo cho cả *mường* vào hội vui chơi, đánh chống đánh chiêng xòe múa, hò hát reo vui, tung còn... từ 1 đến 3 ngày.

- Vì là con, em hoặc anh của *án nha* nên người giữ chức *phìa mường* trong được lệ cho phép chung suất "tiền kê chức" với *án nha*. Nhưng khi nhận chức, *phìa* vẫn phải mổ trâu để cúng tổ tiên nhà *tạo* và khao làng, tổ chức cho cả *mường* mở hội vui chơi.

- Người được lên làm *phìa mường ngoài* tuy cũng theo lệ cha truyền con nối hoặc truyền theo các chi của họ nhà *tạo*, ông vẫn phải nộp 1,6 nén bạc "tiền kê chức". Trong đó 8 lạng nộp lên cho *án nha* và 8 lạng kia thì đưa vào "hòm hàng mường" do ông *chang* vào sổ sách, ông *chá hươn* cầm chìa khoá. Sau khi được *án nha* công nhận, *phìa* phải mổ trâu để cúng tổ tiên.

- Tất cả những hạng bậc chức quyền thuộc về họ dân thường, lúc

mới được bổ nhiệm, ai cũng theo lệ mổ lợn cúng "ma nhà"[644] và mở tiệc rượu để khao làng. Họ không phải tổ chức cho cả *mường* vui chơi như những con *tạo* nhận chức. Mức "tiền kê chức", lệ đặt ra theo *hạng* bậc như sau:

+ Nhận chức ông *pần* phải nộp "tiền kê chức" là 1,2 nén bạc, trong đó nộp cho *án nha* là 6 lạng, *phìa* 4 lạng, để vào hòm hàng *mường* 2 lạng.

+ Nhận chức *ông pọng* phải nộp "tiền kê chức" là 1,1 nén bạc, trong đó nộp cho *án nha* 5 lạng, *phìa* thu 4 lạng, nộp vào hòm hàng *mường* 2 lạng.

+ Nhận chức *ông ho luông* phải nộp "tiền kê chức" là 1 nén bạc, trong đó nộp cho *án nha* 4 lạng, phìa 3 lạng, nộp vào hòm hàng *mường* 3 lạng.

+ Nhận chức *ông quan cuông* phải nộp "tiền kê chức" 9 lạng, trong đó nộp cho *án nha* 5 lạng, *phìa* 2 lạng, 2 lạng nộp và hòm hàng *mường*.

+ Nhận chức *quan xự* phải nộp "tiền kê chức 8 lạng bạc, trong đó nộp cho *án nha* 4 lạng, *phìa* 2 lạng, còn bỏ vào hòm hàng *mường* 2 lạng.

+ Nhận chức *quan lô* phải nộp "tiền kê chức" là 7 lạng, trong đó *án nha* thu 3 lạng, *phìa* thu 2 lạng, còn bỏ vào hòm hàng *mường* 2 lạng.

+ Nhận chức *quan pách* nộp "tiền kê chức" là 6 lạng bạc, trong đó nộp cho *án nha* 3 lạng, phìa 1 lạng, còn 2 lạng nộp vào hòm hàng *mường*.

+ Nhận chức quan *chiềng* nộp "tiền kê chức" 5 lạng bạc, trong đó nộp cho *án nha* 2 lạng, *phìa* 1 lạng, 2 lạng nộp vào hòm hàng *mường*.

+ Nhận chức *quan (tạo) bản* nộp tiền kê chức 3 lạng, trong đó nộp cho *án nha* 1 lạng, phìa 0,5 lạng, 1,5 bỏ vào hòm hàng *mường*.

+ Nhận chức *chá bản* không phải mất tiền kê chức. Nếu có thì mổ lợn khao *ông* hàng *xổng* và *quan (tạo) bản*. Nếu không có thì được miễn.

+ Nhận chức *ông mo* thì tiền kê chức như mức ông *pần*.

+ Nhận chức *ông chang luông*, tiền kê chức như mức *ông pọng*.

+ Nhận chức *ông chang chiêng*, tiền kê chức bằng *ông ho luông*.

+ Nhận chức *ông nghe*, tiền kê chức bằng *ông quan cuông*.

+ Cụ chủ *căm tang* không phải mất tiền kê chức vì đây là người cầm linh hồn khuất núi của dòng họ *tạo mường*. Ông là chức tiêu biểu cho tổ tiên nhà *tạo*. Ở Mường Mụak chức này theo lệ cha truyền con nối hoặc anh, em truyền cho nhau. Người thuộc họ Lò ở bản Cơi.

+ *Nàng một mường* cũng không phải mất tiền kê chức vì đây là người đàn bà giỏi xuất khẩu thành lời ca, nhớ kỹ và xướng đầy đủ những bài bản cúng lễ.

+ Tất cả những chức khác trong phòng nghi lễ và phong tục tập quán cúng tế, cũng như những chức vụ trông coi về ruộng đồng, *mương phai* như *quan na luông, quan nà nọi, xự lính, xam lính*... hàng loạt, lệ luật ấn định "tiền kê chức" của mỗi một người đều bằng mức của người được nhận chức *quan (tạo) bản*.

VIII. LỆ TẾ LUẬT CÚNG

70. Theo lệ luật cúng *mường*, Mường Mụak có tới 12 loại cúng khác nhau. Mười hai loại ấy cứ 3 năm một lần bố trí so le nhau và như thế có nghĩa năm nào cũng có một lần thực hiện cúng hoặc tế một loại:

1). Cúng gọi là *pang một* ở vùng đất gọi là *chiềng* phía dưới. Tại đây có một khu rừng lớn cấm không ai được chặt phá và gọi là "rừng áo của mường" (*đông sửa mương*), cảnh hoang vu và thiên nhiên hùng vĩ liền một dải đến vũng cấm trên dòng suối Nặm Mụak để ba năm một lần tổ chức hội đánh cá. Nơi cúng này, tục quy định phải dùng trâu đen để tế chủ nước. *Kiêng mường* 3 ngày.

2). Cúng gọi là *pang một* ở vùng đất có rừng cấm ở đất *chiềng* phía trên. Đất này liền một dải với ngọn đồi cây rừng cao vút ngàn mây,

che cho đất *mường* khỏi bị ám bởi những tà độc. Tục quy định, cúng nơi này thì dùng lợn một lần và một lần khác lại phải cúng trâu trắng. Khi cúng lợn bao giờ cũng kết hợp tế chủ nước ở chỗ đắp *phai mường* có tên của đất *chiềng* là Dong.

3). Cúng gọi là *kẻ khọk* đất *mường chiềng* phía dưới. Lễ cúng được đặt trên bờ suối Nậm Muạk với vật tế là trâu đen cho thần chủ của nước *mường*. Cúng xong người trong *mường chiềng* phải kiêng trong bất xuất, ngoại bất nhập một ngày và một đêm gọi là "kiêng mường".

4). Tế chủ đất *chiềng* phía dưới bằng trâu đen

5). Cúng gọi là cho ăn bữa trưa ở đất *chiềng* phía dưới bằng trâu đen.

6). Cúng gọi là *kẻ khọk* đất *chiềng* ở phía trên. Người cúng là bà *một mường*; giờ cúng phải bố trí đúng lúc bữa cơm sáng. Vật cúng là một trâu trắng và nhiều lợn cho nhiều chủ đất.

7). Tế trâu trắng đất *chiềng* phía trên.

8). Cúng gọi là "ăn bữa sáng" ở đất *chiềng* phía trên. Vật cúng là lợn nhiều con cho nhiều chủ đất.

9). Cúng đắp *cột mường* do bà *một mường* đảm nhiệm. Vật cúng là trâu trắng.

10). Cúng gọi là *Pang Peng* ở nhà gọi là *nhà hóng*. Người ta cho dựng một ngôi nhà sàn ở chỗ khu rừng cấm của đất *chiềng* để mời họ thâm căn cố đế của các *tạo* người Thái Đen về quy tụ dự cỗ. Lễ cúng này có tiến hành nghi thức buộc trâu đen vào cột để đâm, chém hoặc bắn chết.

11). Tế gọi là *Đen, Trắng* tức dùng một trâu đen để tế chủ nước của *mường* và một trâu trắng để tế thần núi của *mường*.

12). Mỗi năm một lần tạo chủ linh hồn *mường* phải bắt một con trâu đen để đặt lễ cúng gọi là *cúng cởi*. Theo quan niệm tâm linh này thì người ta sống một năm ở cõi trần gian đã gây ra nhiều điều trái. Then trên trời bắt tội nên phải cho bà *một mường* đặt lễ cúng bằng con trâu lên *mường then* trên trời để giải thoát.

PHẦN CHÚ THÍCH

1. Theo người dịch hiểu, trước khi đi vào trình bày các khoản ghi trong luật lệ *bản mường*, người ta đã viết lại một cách tóm tắt "Quam tô mương" (truyện kể về mường) để người đời biết một cách khái quát nhất về lịch sử hình thành châu Mường Mụak.

2. Là thuật ngữ chỉ cộng đồng tộc người dựa trên quan hệ huyết thống. Buổi bình minh xã hội, tính theo dòng máu mẹ, thuật ngữ hệ thống thân tộc Thái gọi là *đẳm pú*. Ở đây người soạn thảo văn bản này muốn khẳng định đất Mường Mụak là nơi ở cố kính của người Thái.

3. Là khái niệm về một thời kỳ lịch sử chinh chiến của chủng tộc Thái nói chung và Thái Đen ở vùng Tây Bắc nói riêng. Thời kỳ ấy được bắt đầu từ lúc nào và chấm dứt thực sự bao giờ, hiện khó có tư liệu để kết luận. Song buổi bắt đầu của nó có thể khẳng định qua hai câu thơ nổi tiếng trích trong bài bản gọi là Xên Kẻ (cúng cời), như sau:

"... Kể từ khi có nơi thờ tổ tiên ở bên quản

Đã có nòi con *tạo* cầm gươm đi tìm *mường*..."

4. Khái niệm chỉ cuộc chính chiến của ông Lạng Chượng. Câu này còn thường gặp trong tác phẩm sử thi *Táy pú xốc* (những bước đường chinh chiến của cha ông). Ở đây chúng ta còn gặp những tên như: Mường Lò là tên Thái chỉ vùng cánh đồng lòng chảo nói riêng và huyện Văn Chấn, Yên Bái nói chung. Các sông Nậm U, Nậm Khong thuộc bắc nước Lào.

5. Tổ chức *bản mường* Thái xưa là theo nguyên lý vòng đồng tâm. Trong đó có một *mường* trung tâm gọi là *mường luông* (lớn) và các *mường* nộp cống gọi là *mường vảy xuối xin* xoay quanh trục.

6. Người Mường Lò còn gọi là người Lò chỉ người Thái Đen của thời ông Lạng Chượng đem quân đi chinh chiến mở đường từ vùng sông Thao lên vùng đất của khu vực sông Đà, Nặng U và Nậm Khong và sông Mã.

7. *Pụak (pụak pai)* là từ trong ngôn ngữ Thái - Lào, dùng để chỉ một loại hình nô lệ trong nhà. Người Thái, Lào xưa dùng từ nay để gọi dân tộc Xinh Mun, một dân tộc ít người nói ngôn ngữ Môn - Khơ me do đã bị các thủ lĩnh Thái bắt làm cái gọi là Pụak (Pụak Pai).

8. Nay là địa điểm thuộc bản Ban, trung tâm xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Địa điểm này đã có một thời là trung tâm Mường Mụak - Mai Sơn.

9. Chú ý, khi chép về thứ tự cha truyền con nối nối của các vị thủ lĩnh Thái Đen thuộc dòng họ Lò Cầm từ Lạng Chượng đến Lò Lẹt Ngu Hầu có rất nhiều bản Quan Tô Mường ghi khác nhau. Đây là nguyên bản ghi trong tập luật lệ bản mường của Mường Mụak cũng có những chi tiết khác với các bản mà dịch giả đã sưu tầm ở Mường La, Mường Muổi v.v... mà Cầm Trọng đã cùng với Đặng Nghiêm Vạn dịch, khảo dịch, chú thích và giới thiệu in trong tập tư liệu Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái, nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 1977, trang 21 - 198. Khi đọc đoạn này xin độc giả hãy tìm đến tập sách đó mà đối chiếu.

10. Tên thật mang gốc Thái (Tày) của vị vua nước Lào này là Un Hươn hoặc Khun Bun, con của Phạ Ngừm. Ông nhận ngôi vua trong những năm 1373 - 1416 hoặc 1395 - 1415. Năm 1377 nhà vua cho điều tra dân số trong nước, biết có 30.000 trai tráng là người Thái - Lào (Tay), không kể đàn bà, trẻ con và sư sãi, nô lệ và người khác tộc. Tiếng Thái - Lào 30.000 là *xam xen* nên có tên hiệu vua là Phạ Chẩu Xam Xen Tay.

11. "Năm chuôi gươm, hằn vết tay" là câu tục ngữ chỉ hiện tượng con trai nối nghiệp cha.

12. Tức vua Lê Tương Dực niên hiệu Hồng Thuận (1510 - 1516). Trong các bản Quam Tô Mương hay biên niên sử của người Thái ở vùng Tây Bắc nước ta đều ghi là Hồng Xộn.

13. Lê Hiển Tông niên hiệu Cảnh Hưng 1740 - 1786.

14. Miền Tụ Long thời đó là đất của Việt Nam, nơi có mỏ đồng đương được khai thác, bị người Trung Quốc tự ý chiếm lấy. Nay đã thuộc về tỉnh Vân Nam, giáp giới với Cao Bằng, Lào Cai ở nước ta.

15. Quan đại thần ở đây là Tôn Thất Thuyết. Tháng 7 - 1885, ông cùng vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương để kêu gọi toàn quốc chống thực dân xâm lược Pháp. Hồi đó vùng Thập Châu, trong đó có Mường Mụak với người chỉ huy là Cầm Văn Thanh đã tham gia phong trào này. Sự kiện và tên tuổi của ông đã được ghi nhận trong chính sử của nước nhà (xin tham khảo bản ghi nhận này ở Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam). Thanh kiếm suất đội Cầm Văn Thanh hiện nhà Bảo tàng Sơn La cất giữ.

16. Năm 1930, ông thay cha làm tri châu Mai Sơn. ngày 13 tháng 3 năm Quý Dậu (1933), ông Cầm Văn Oai từ trần, và cuối năm đó, ông cũng bị Pháp bắt tù giam ở hỏa Lò (Hà Nội) vì bị vu oan can tội đầu độc chánh sứ Xanh Pulốp (Saint Poulop). Cuối năm 1942 đầu năm 1943, khi còn bị giam trong hỏa lò, ông đã tiếp xúc với các chiến sĩ cộng sản như Văn Tiến Dũng, Trần Đăng Ninh, Hoàng Văn Thụ... và đã có thiện chí với cách mạng. Tháng 8 năm 1945, sau Nhật, Pháp bắn nhau ông đã từ Hà Nội về quê về tham gia cướp chính quyền ở Châu Mai Sơn. Sau đó ông được cử làm chủ tịch Uỷ ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Sơn La. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) ông được cử làm chủ nghiệm Phòng quốc dân miền núi liên khu x. Năm 1955 ông được cử làm phó chủ tịch uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam khu tự trị Tây Bắc. Năm 1975, khu giải thể ông chuyển về làm phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La và là uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho đến năm 1978 thì qua đời.

17. Năm 1930 - 1933 làm *phìa* Mường Mụak. Sau khi ông anh của ông là Cầm Văn Duĩng bị bắt tù, ông bị cắt chức và sống ẩn dật. Năm 1945 tham gia cách mạng và được cử giữ chức chủ tịch Uỷ ban Nhân dân cách mạng lâm thời Châu Mai Sơn, sau đổi là Uỷ ban hành chính kháng chiến huyện Mai Sơn. Năm 1952 sau khi Sơn La được giải

phóng khỏi ách chiếm đóng của thực dân Pháp, ông xin nghỉ việc. Ông mất năm 1989.

18. Mười Sáu Châu Thái là tên gọi chung cho một khu vực đồng thời nói khu vực đó có 16 đơn vị gọi là *châu mường* gộp lại, so sánh với hiện nay gồm: MườngLò (Văn Chấn, Yên Bái), Mường Tấc (Phù Yên, Sơn La), Mường Sang (Mộc Châu, Sơn La), Mường Vạt (Yên Châu, Sơn La), Mường Mụak (Mai Sơn, Sơn La), Mường La (Sơn La), Mường Muổi (Thuận Châu, Sơn La), Mường Thanh (Điện Biên, Lai Châu), Mường Tiến (Châu Chiêu Tấn nay đã phân thành nhiều huyện: Phong Thổ (Lai Châu), Văn Bàn, Than Uyên (Yên Bái), Quỳnh Nhai (Sơn La).

Ngày 27 tháng 4 năm 1884 tại Thiên Tân (Trung Quốc chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đã ký với triều đình Mãn Thanh về bản hiệp ước thỏa thuận phân định biên giới, sáu *châu mường* thái như trong bản gốc chữ Thái đã ghi nhận ấy đã chính thức nhập vào bản đồ Trung Quốc. Đương nhiên, theo sự nghiên cứu của người dịch thì, trước khi có hiệp ước Thiên Tân, sáu *châu mường* này vốn gốc là của Việt Nam, nhưng trong thế kỷ XVIII - XIX đã xảy ra sự mập mờ, bị phía Trung Quốc, đại diện là chính quyền tỉnh Vân Nam lấn chiếm không chính thức.

19. Trong hệ thống chính quyền thuộc địa của thực dân Pháp ở Đông Dương trước năm 1945 có một cấp gọi là *quản đạo* đặt ngang với tri châu. Nhưng ở đây lại được trông coi Mười Hai Châu Thái, Có thể do mới chinh phục được miền Tây Bắc, người Pháp vẫn đặt thêm một chức như đã có lâu đời trong cách tổ chức *bản mường* người Thái. Chính vì thế người Thái mới không quen gọi là *quản đạo* mà là *quan đảo* (lảo) tức quan cai trị một vùng đất (xem thêm sơ đồ, trích và phác lại từ bản sơ đồ hệ thống tổ chức chính quyền thuộc địa của thực dân pháp ở Đông Dương trước cách mạng tháng 8 năm 1945) xem lịch sử Việt Nam tập II in lần thứ II, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1989, trang 92 - 93.

Sơ đồ hệ thống tổ chức chính quyền thuộc địa thực dân pháp ở Đông Dương

20. Mường Quài trước là một *mường* của *châu* Mường Muổi (Thuận Châu). Trong lịch sử cuối thời hậu Lê đầu Nguyễn cũng có những lần được triều đình cho tách ra, nhưng người Thái vẫn quen nếp coi là một *mường* của *châu* Mường Muổi. Đến thời Pháp thống trị mới chính thức được gọi là một *châu mường* - châu Tuần Giáo. Nay là huyện Tuần Giáo thuộc tỉnh Lai Châu. Cũng tương tự như vậy, Mường Mùn vốn chỉ là một *mường* thuộc *châu* Mường Lay được tách ra, gọi là Châu Luân. Nay chỉ là một xã thuộc huyện Tuần Giáo.

21. Bốn *xổng* của Mường Mụak cũ, hiện được phân thành các xã thuộc huyện Mai Sơn - *xổng pần* là xã Chiềng Ban, *xổng pọng* là xã Chiềng Dong và Chiềng Kheo; *xổng ho luông* là xã Chiềng Mung; *xổng quan cuông* là xã Chiềng Mai.

22. Hiện nay là xã Chiềng Lương của huyện Mai Sơn.

23. Hiện nay trụ sở của huyện Mai Sơn đóng ở thị trấn Hát Lót và *lộng* Hát Lót xưa được phân thành hai xã là Hát Lót và Tà Hộc.

24. Hiện nay xã Chiềng Nơi của huyện Mai Sơn.

25. Mường Chanh xưa, hiện đã phân thành hai xã là Mường Chanh và Chiềng Chung thuộc huyện Mai Sơn.

26. Kể từ năm 1955, khi khu tự trị Tây Bắc được thành lập, hai *mường* Chiềng Cang và Mường Hung đã tách khỏi huyện Mai Sơn để nhập vào huyện Sông Mã mới ra đời từ năm 1955.

27. Mường Bon hiện nay chia thành hai xã thuộc huyện Mai Sơn là Mường Bon và Tạ Chan.

28. Đây là văn bản duy nhất mà người dịch đã sưu tầm được ghi - Tạo Xuông là con một người em gái và Tạo Ngần là con anh trai (con cô con cậu). Cách ghi này là theo một huyền thoại kể - con một người em gái hoặc chị gái (cô) vốn thuộc dòng nữ giống Rồng (Rắn) ở nước

nên mang tên là Đen (*xuông* - theo tiếng Thái cổ nghĩa là *đen*). Ngược lại, con của người anh trai (cậu) thì thuộc dòng nam, giống chim (én) ở cạn, nên mang tên là Ngân (trắng).

29. Theo nghĩa tâm linh, không phát đạt có nghĩa là làm ăn không ra. Chẳng hạn hay bị những thiên tai đe dọa làm mùa màng thất bát hoặc cả làng bỗng dưng bị bệnh dịch, v.v...

30. Ông *quan* là thuật ngữ chỉ hàng quan chức trong các *châu mường* và *mường* người Thái. Khi đụng đến các thuật ngữ này, chúng ta không nên hiểu lầm sang khái niệm chữ *ông* hoặc chữ *quan* như trong tiếng Việt vẫn dùng để biểu thị. Ông không phải là ông nọ, ông kia (đàn ông) mà là tiếng Thái chỉ tên chức dịch và *quan* là tên chức cấp dưới *ông*.

31. Ở đây thấy có một người phụ nữ (*nàng một mường*) được tham gia bộ máy *mường* của người Thái xưa. Về mặt tâm linh bà giữ vai trò mà người Thái gọi là *một* - tên gọi biểu tượng nữ thần yểm được tà quái.

32. Đây là câu nói có hình ảnh thường luôn luôn xuất hiện trong các văn cổ Thái, nói người đứng đầu cao nhất của *mường bản* không vì thế mà chuyên quyền độc đoán, không nghe lời *bô lão*, phải, trái làm cho vận *bản mường* của mình suy vong.

33. Để giúp bạn đọc dễ hiểu,người dịch xin cho ba ví dụ: Tạo Cầm ún được *bản mường* đặt cho là Chưởng Tài; ông Lò Văn Giót được *bản mường* đặt cho là Quảng Tháo; ông Cà Văn Đeng được bản mường đặt cho là Xự Tiềm... ở đây Chưởng, Quảng, Xự là danh vị, không phải chức vị, còn Tài, Tháo, Tiềm là tên riêng đặt kèm.

Kéo hao là tên chỉ suất ruộng, ngày xưa *bản mường* đặt phân cho người nông dân Thái ở trong các *bản*. Họ nhận suất ruộng đó để cày cấy, nhưng phải thực hiện nghĩa vụ mà thời xưa gọi chung là "việc mường" (*việk mương*). Xem thêm Cầm Trọng. Người thái ở Tây Bắc Việt Nam, nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1978, trang 234 - 236.

34. Khi còn khu vực Msười Sáu Châu Thái thì có một *châu mường* được gọi là *mường luông* và lị sở của nó gọi là *phủ* đóng vai trung tâm để thu hút 15 *châu mường* khác vào một khối quy về triều đình. Trong nghiên cứu, Cầm Trọng vẫn gọi tổ chức xã hội Thái thời kỳ đó là cơ cấu theo vòng đồng tâm. Trong đó mỗi *châu mường* thì có *mường phìa* trong với nơi trung tâm là *chiềng* đồng thời là lỵ sở thì có một *châu mường* như Mường Muổi, Mường Sang, Mường La được gọi là *mường luông* trong *phủ* đóng vai trung tâm để các *châu mường* khác xoay quanh bằng lệ nộp cống và đóng góp nghĩa vụ quân sự gọi là các *mường vảy xuối xín* (lệ thuộc cống nạp).

35. Một *gánh đất ruộng* tương đương với 30 kg thóc.

36. Xá là tộc danh người Thái dùng để chỉ người Khơ mú, Kháng, La ha,... Puộc là tộc danh người Thái dùng để gọi người Xinh mun trước đây.

Để có một kiến thức lịch sử, hiểu một cách kỹ càng và chắc chắn việc phân phối ruộng công có tên là *ruộng toàn mường (na hang mương)* trước đây ở các *châu mường* người Thái, xin bạn đọc tham khảo thêm Cầm Trọng, *người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, trang 190 - 239.

37. Ở đây có một khái niệm và thuật ngữ thuộc về lệ luật trong lễ tang của người Thái Đen như cây *heo*, cây *lửu*, "xuống nước", "xuống lửa", "đắp chặn nước mắt"... xem phần chú thích ở Luật tang ma.

38. "Thành gái", "thành trai" là khái niệm về tuổi đậy thì, biết yêu đương và có thể dựng vợ gả chồng được. Trong tiếng Việt có từ tương đương là *cập kê*. *Khuống* có hai nghĩa - một là, sàn hoa dựng ở các bản như sân khấu lộ thiên để nam nữ biểu diễn những câu hát tự tình. Phong tục này đã bị lãng quên từ lâu. Hai là, sân nhà, nơi con gái thường mang củi ra nhóm bếp lúc màn đêm buông xuống để tay thì quay sa còn tâm thì chờ đợi người yêu đến tự tình

39. Hai câu này, người lập luật lệ bản mường này đã trích trong tác

phẩm *Tấy pú xốc* (những bước đường chinh chiến của cha ông).

40. Theo hệ thống tổ chức xã hội cổ truyền của người Thái Đen ở vùng Tây Bắc, *4 ông bốn lớn* là người đại diện cho họ của dân, người đời vẫn quen gọi là "quan dân" để đối xứng vợi họ Lò Cầm, đại diện cho dòng họ *tạo*, quen gọi là *quan tạo*. *Ông mo* là người chịu trách nhiệm điều hành các lễ nghi theo phong tục tập quán nên được quy quyền xử lý các trường hợp con nhà *tạo* vi phạm luật lệ *bản mường*. Cụ *chú căm tang* là chức chuyên giữ các linh hồn con *tạo* đã khuất nên trở thành nhân vật tượng trưng cho tổ tiên nhà *tạo*. Chữ *căm tang* vốn là tên riêng của một vị tướng rất giỏi ở Lạng Chượng đã bị tướng người La ha là Kun Quàng chỉ huy quân La ha, Kháng,... giết chết trong một trận đánh ở địa điểm gọi là Văng Đoi bờ sông Đà (nay địa điểm này thuộc xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La).

41. Người Thái theo tục "hôn nhân mua bán" (marie pararchat). Tục ngữ có câu: "gái là của bán; trai là của nuôi" nên có tiền gọi là "giá đầu" (*ca hua*) tức tiền phía đàn ông phải bỏ ra để "mua lấy thân thể vợ mình".

42. Nếu ma tên là *pai* chuyên gây ra ốm đau, chết chóc về tình dục thì ma *chuông* là loài gây ra đường ngoại tình.

43. Trong việc cúng lễ của người Thái có hai đường. Một là, đường mang tên *mo (tang mo)* chuyên về hồn, *minh, nen* của mỗi cá nhân con người, mỗi nhà, mỗi *bản* và *mường*. Việc đuổi ma tà vì *mo* không biết phù phép và thủ thuật ma nên chỉ có thể khấn cho ma ăn rồi dẫn chúng về nơi ngụ gọi là nuôi (*liệng*) và tiễn (*xống*), vật hiến sinh là: gà, lợn, trâu. Hai là, đường mang tên là *một* có hồn chủ của nó là *nữ thần* thì dùng thủ pháp ma thuật (magic) hoặc phép sa man để đuổi quét ma tà, vật hiến sinh là chó, dê, vịt. Đương nhiên khi tiến hành các thủ pháp ma thuật như thế lại cũng phải biết cúng cho các loài ma tà ăn và tiễn được chúng về nơi đã quy định để chúng ngụ. *Một* có hai loại giành cho hai giới - nữ thì gọi là một bà (*một nhình*); nam thì gọi là *một lao*; con gọi là *môn*.

44. Ở người Thái, nếu họ hàng nhà *tạo* cúng giỗ thì gọi là *lố* hay *'lố liềng* còn họ hàng người dân thường thì gọi là cúng "ma nhà" hay "cúng nhà". Theo tập quán, lễ này hàng năm vào tháng 10 âm lịch tức tháng 3, 4 theo lịch Thái thì lần lượt nhà nào cũng tiến hành.

LUẬT MƯỜNG

(Hịt không mường bản)

Từ khi nên nước, nên đất, nên cỏ, nên trời, nên gió. Trời mới ban luật, ban lệ, trước định thế nào, nay phải làm theo như thế. Luật bản, lệ mường định ra là cốt để mọi người tuân theo cho *bản mường* được vững mạnh. Từ đời xưa, sách luật, sách lệ đã được định, nay khi xét kiện cáo, phải chiểu theo đó. Cần phải làm sao cho thực, cho minh, đừng lấy nặng làm nhẹ, cũng không lấy nhẹ làm nặng; đừng lấy điều trái làm phải, cũng không cho điều phải thành trái. Khi kiện cáo nhau, người dân phải đến trình nơi cửa nhà *tạo bản (hồng tạo bản).* Thoạt tiên, *tạo bản* xét *(khẩn).* Nếu *tạo bản* không biết xét, biết xử, *tạo bản* sẽ đệ trình lên *tạo mường* xét. Nếu tạo mường cũng không biết xét, biết xử, tạo sẽ đệ trình lên tạo hàng châu *(tạo chu)* xét.

Nếu tạo bản xét đã cho là công bằng rồi, mà một bên vẫn chưa chịu, lại xin đưa lên *tạo mường* xét; tạo bản đừng có cấm ngăn. Nếu *tạo bản* ngăn cấm ngăn là có lỗi vì trái với phép định trong luật. Nếu dân có việc kiện với *tạo mường, tạo mường* xét đã cho là công bằng rồi, mà một bên vẫn chưa chịu, lại đưa lên *tạo chu* xét, *tạo mường* đừng có cấm ngăn. Nếu tạo mường cấm ngăn, là có lỗi vì trái phép định trong luật.

Nếu *tạo chu* xét xử cũng giống như *tạo mường* xét, hai bên phải trở lại cho *tạo mường* phạt. Nếu tạo mường xét rồi, mà tạo chu lại xét khác đi, thì tạo mường không được phạt. Nếu *tạo mường* (hay *tạo chu*) xét xử cũng giống như *tạo bản* xét, hai bên phải trở lại cho *tạo bản* phạt. Nếu *tạo bản* xét rồi, mà trên xử khác, *tạo bản* không có quyền được phạt. Trong các trường hợp xét xử khác ý nhau này, người bị kiện bị tội nặng, nhẹ đã theo trong các điều ghi trong luật.

Tạo bản chỉ có quyền được phạt từ mức ba lạng bạc *(xam vía)* kèm theo rượu, lợn trở xuống. Nếu phạt từ ba lạng bạc, kèm theo rượu, trâu trở lên, *tạo bản* được phạt, nhưng phải biếu *tạo mường* một nửa. Đó là

nói trường hợp của bốn bản *pọng*. Còn ở *chiềng*, vì không có *tạo pọng*, *tạo mường* thay mặt *tạo chu* cai quản ở đó, nếu xử phạt từ năm lạng bạc, kèm theo rượu, trâu trở xuống, *tạo mường* được phép khắc bắt vạ và khắc ăn. Đó là tính trong trường hợp người có tội không xin đưa *(thiêng)* lên trên xét lại. Nếu mức phạt đến mười lạng bạc, *tạo mường* phải biếu tạo chu năm lạng. Nếu mức phạt đến hai mươi nhăm lạng bạc, *tạo mường* phải biếu *tạo chu* một nửa.

Nếu mức phạt đáng từ năm lạng bạc, kèm theo rượu, trâu trở lên, *tạo bản* không được xét vì việc đó đã lớn rồi mà phải đưa lên trình *tạo mường* xét. Nếu *tạo bản* trộm xét là sai. *Tạo mường* cùng chỉ được xét mức phạt từ hai nhăm lạng bạc, *tạo mường* phải cho người dẫn kẻ bị kiện lên hầu *tạo chu*. Đó là do việc phạt đã lớn. Nếu *tạo mường* trộm xét là sai.

Dù mức phạt to đến thế nào, nếu *tạo chu* xử kiện và định mức phạt, nửa số tiền phạt vẫn cho *tạo mường tạo chu* chỉ giữ lại một nửa.

Việc xảy ra thuộc quyền ai ở khu vực của ai, thì người đó có quyền bắt phạt. Dân bản sai tạo bản khắc phạt. *Tạo bản* được ăn hai phần tiền phạt và phải nộp *(kháo) tạo mường* một phần. Dân mường sai, *tạo mường* khắc phạt *tạo mường* được ăn hai phần tiền phạt và phải nộp *(kháo) tạo chu* một phần. Dân mường sai với *tạo chu*, *tạo chu* khắc bắt và xét xử. Trong trường hợp này, *tạo chu* được hưởng hai phần tiền phạt và cho *tạo mường* một phần.

LUẬT LỆ ĐỊNH RA VỚI TỪNG LOẠI NGƯỜI

1. Đối với loại người hay lẻn đi ban đêm không ai biết, đi ban ngày không ai hay, giấu giấu, giếm giếm gọi là *người ăn trộm (cồn lặc)*.

2. Đối với loại người cầm đòn dọa nạt người lấy của, gọi là *người ăn cướp (cồn cướp)*.

3. Đối với loại người chỉ có chân tay không là ép người lấy của, gọi là *người ăn hiếp (cồn hiếp)*.

4. Đối với loại người mà hai bên đều thích kiện tụng nhau, tranh chấp nhau gọi là *người hay thích trình (cồn trình).*

5. Đối với loại người mà phần mình được chia cho hưởng còn chưa vừa ý, lại muốn đòi thêm của người khác, gọi là *người xấu (cồn hại).*

6. Đối với loại người không chịu trả của cải người ta gửi mình trước hay lệ đã định rõ cho mình được bao nhiêu lại đòi lấy thêm, gọi là *người hấm của, người hay nhầm quên (cồn nhầm tứm).*

7. Đối với loại người trước đã định làm việc gì, sau lại thôi, bỏ đi làm việc khác, gọi là *người dại dở (cồn bớ).*

8. Đối với loại người hay đi nói những điều người khác đã bảo cần giữ kín để làm hại người đã nói với mình, gọi là *người xỏ xiên (cồn xéo lách).*

9. Đối với loại người làm ngơ khi thấy việc phải làm, bỏ qua khi thấy việc phải đi, giả đò coi như không biết có việc khó khăn hay có việc phải đi xa, gọi là *người lười biếng (cồn két).*

10. Đối với loại người, đối với người trên thì nịnh, thì nâng; đối với người nghèo thì khinh thì gièm pha, gọi là *người nịnh, người hại người (cồn xặm).*

11. Đối với loại người vừa đi, vừa nói vui miệng là nói theo, như gió thổi chiều nào, hùa theo chiều đấy, điều nào cần giấu lại cần nói hết ra gọi là *người hớt lẻo (cồn bẻo).*

12. Đối với loại người, gốc bằng đũa, ngọn bằng quạt *(cốc tỏ thú, pai tỏ bi)*, thấy bé lại xét ra to gấp 3 gấp 4 lần, gọi là người khoác lác *(cồn cáo phứa).*

13. Đối với loại người, ai xưa tốt với mình nay lại quên, ai xưa thấy mình đáng ghét, mà vẫn quý, nay thấy họ nghèo, mình lại bỏ đi, gọi là *người bất nhân (cồn bất nhân).*

14. Đối với loại người, có điều đáng dấu ngàn đời, lúc vui chuyện mở miệng nói ngay, ruột để ngoài da cho người khác thấy, gọi là *người*

nhẹ dạ (cồn bầu đăm).

15. Đối với loại người, nhà nào có rượu thịt cho ăn thì coi như người ăn ở có đầu có đũa *(chẩu hua, chẩu hang)*, nhà nào nghèo không được chấm mút gì thì chửi đổng họ suốt từ sáng đến tối, gọi là *người kiếm ăn (cồn kiếm kin).*

16. Đối với loại người, ở với người này, bụng dạ lại thích người khác, ngoài miệng nói quý trọng người này, trong bụng lại quý người kia, gọi là *người gian ác (cồn chan).*

17. Đối với loại người, đối với người nghèo xử sự vẫn tốt gọi là *người tốt (cồn đi).*

18. Đối với loại người, người ta không mong, không trông mà tự khắc đến giúp, người ta tưởng làm việc đó làm sẽ không nên, mà mình bảo nên và lúc làm lại thành, gọi là *người khôn (cồn lắc).*

19. Đối với loại người, không ai khiến bảo, thấy giặc tự ra đánh, gặp hổ, tự giết hổ, gọi là *người gan dạ (cồn han).*

20. Đối với loại người, người ta đổ cho mười cái xấu, cũng không chối, không cãi; người ta bảo đi, bảo làm, đi luôn, làm luôn, không ganh tị, gọi là *người có lòng nhân (cồn nhân).*

21. Đối với loại người, làm gì thì làm thật, ăn gì thì ăn thật, nói gì thì nói thật, mọi thứ đều làm vừa lòng người khác gọi là *người thực bụng (cồn thực).*

22. Đối với loại người, thấy ai nói câu gì xấu, làm điều gì không phải, thì bản thân mình hãi kinh; thấy có cái gì thành của ăn, của để thì dành dụm gọi là *người đáng quý (cồn hặc).*

23. Đối với loại người, thấy tạo lo việc gì thì giúp, nếu mình không giúp được cũng không làm hại thêm, gọi là *người phúc đức (cồn bun, cồn phúc, cồn đức).*

24. Đối với loại người, đã quý nhau thì trước sau vẫn như vậy đến chết cũng không quên, ai làm điều gì ghét bỏ đối với mình cũng không

giận, mọi thứ đều nhường nhịn bỏ qua, gọi là *người có nghĩa (cồn nghía).*

25. Đối với loại người gì giận, nén để trong bụng, không tỏ ra nét mặt, làm như không giận; có gì vui cũng tự nhiên như không gọi là *người thâm thúy (cồn nặc long).*

26. Đối với loại người, thấy người khác không gánh vác được thì tự nhắc, tự khiêng, gọi là *người có lực (cồn mì lực).*

27. Đối với loại người, việc gì người khác muốn cáng đáng nhưng không nổi, mà mình làm được; việc gì người khác muốn đi nhưng không nổi, mà mình đi được, gọi là *người có tài (cồn mì tài).*

28. Đối với *người xấu, người ăn cắp,* chiểu theo luật, tội nặng phạt nặng, tội nhẹ phạt nhẹ.

29. Đối với *người ăn cướp,* chiểu theo luật, phải giết đi, tài sản phải tịch thu, vợ con bắt làm tôi tớ.

30. Đối với *người ăn hiếp,* chiểu theo luật, tội nặng phạt nặng, tội nhẹ phạt nhẹ.

31. Đối với *người hay thưa trình,* không được để hai bên tự đối đáp với nhau, phải xem xét của đó thuộc ai thì trả cho người đó. Người được kiện phải làm lễ tạ ơn; người thua kiện không phải mất lễ đó. Nếu xử hoà, hai bên phải chung nhau làm lễ tạ ơn. Nếu một bên cứ nhất nhất xin làm lễ tạ một mình và xin cho xét lại, thì luật tục cũng không ngăn. Chiểu theo luật, nếu người đó phải, thì phải cho họ làm lễ tạ ơn. Còn lễ tạ ở cửa quan *(hồng hườn tạo),* bắt hai bên cùng chịu bằng nhau.

32. Đối với *người hám của,* phạt tiền một lạng bạc, kèm theo rượu, lợn vì tội định tâm lấy của người khác. Nếu đã lấy rồi, thì tội nặng, phạt nặng; tội nhẹ, phạt nhẹ, phải thu lấy của đem trả lại cho người gửi. Nếu của gửi đáng một lạng, bắt đền một lạng, đáng hai lạng, bắt đền hai lạng.

33. Đối với *người dại dở*, không biết lo liệu, chiểu theo luật tội nặng, phạt nặng; tội nhẹ, phạt nhẹ.

34. Đối với *người hay hớt lẻo, xỏ xiên*, chiểu theo luật, tội nhỏ thì bắt, tội to thì giết.

35. Đối với *người ngỗ nghịch (cồn ngàn)*, chiểu theo luật, lần đầu thì mắng, mắng không chừa thì đánh, đánh không chừa thì bắt, bắt vẫn không chừa thì giết.

36. Đối vời *người lười*, chiểu theo luật, lần đầu thì mắng, mắng không chừa thì trói, trói không chừa thì đánh, đánh không chừa thì bắt.

37. Đối với *người hay nịnh trên, chèn dưới*, chiểu theo luật, lần đầu thì mắng, mắng không chừa thì bắt.

38. Đối với *người dở người (cồn bở điếng)*, chiểu theo luật, thì bắt.

39. Đối với *người gian ác (cồn chan hay cồn gian)*, chiểu theo luật, thì đừng cho ở gần.

40. Đối với *người nhẹ dạ (cồn tóng bau)*, chiểu theo luật, thì đừng cho ở gần.

41. Đối với *người tốt, người khôn*, cần quý trọng, phải trọng dụng làm sao cho xứng đáng, phải dần chăm lo cho họ ngày một thêm khôn. Nếu đảm đương được những việc khó khăn, thì cho phong chức, khen thưởng.

42. Đối với *người dũng mãnh*, cần quý trọng giao cho họ gánh vác từ việc nhỏ, việc hèn đến việc to, việc sang. Nếu họ có công, phải cho hưởng công, hưởng chức, khen thưởng.

43. Đối với *người thẳng thắn (cồn xứ)*, phải quí trọng, quí mình thế nào, quý họ như thế.

44. Đối với *người chăm chỉ, có công lao*, phải quý trọng cho ở gần. Nếu họ có công, phải ghi nhớ đến lúc chết chớ quên. Lúc nào làm nện, phải trả ơn, đền công cho họ. Người có công không vì thế mà ngỗ ngược, cậy thần cậy thế.

45. Đối với *người có nghĩa*, cần trọng dụng, coi như bạn. Phải tìm dịp trả nghĩa cho họ.

46. Đối với *người có tài*, phải quý trọng, trọng dụng họ.

47. Đối với *người thâm thuý*, phải quý trọng, trọng dụng họ.

Điều I. Luật về việc tranh chấp ruộng

Nếu *hai bên tranh chấp nhau thửa ruộng*, luật sẽ giải quyết theo văn tự của thửa ruộng. Nếu không có văn tự, bên nào quen "ăn" thửa ruộng đó, đã được một đời không bỏ, thì cho bên đó được tiếp tục "ăn" thửa ruộng như cũ.

Nếu tháo nước ruộng của người khác (*bộc táng nà*: tháo chỗ nước chảy ở bờ ruộng) để ăn cắp, người tháo nước phải phạt một lạng bạc, kèm theo rượu gà cúng vía cho chủ ruộng.

Nếu phạm tội dỡ ống dẫn nước ở bờ ruộng người khác *(bộc ống táng nà*: tháo ống dẫn nước đặt qua bờ ruộng) để ăn cắp nước, người tháo nước phải phạt ba lạng bạc, kèm theo rượu, gà để cúng vía cho chủ ruộng.

Điều II. - Luật dựng vợ gả chồng

Theo lệ *bản mường*, người con trai đón vợ về dù đã được mấy năm, nếu người con gái chưa thực ăn cùng mâm, ngủ cùng màn với mình, thì chưa coi là nên vợ, nên chồng. Nếu người con gái đã ăn cùng mâm, ngủ cùng màn với mình kể từ ngày nào thì coi như là nên vợ, nên chồng từ ngày đó.

Chiểu theo luật, trong *trường hợp người con gái phải trả của cho nhà chồng*, thì các thứ tiền lót nhà *(ngân kheng hườn)*, tiền xanh rửa chân *(ngân mỏ sửa tin)*, tiền vòng tặng mẹ vợ (*ngân khẩu khen mè*), tiền thay chỗ ngủ *(ngân pốt tí nòn)*, thì không phải trả lại. Đồ chăn đệm hòm cưới người con gái tặng nhà trai *(chướng phá, chướng hồm)*, nhà trai được lấy.

Luật định nếu *người con gái lấy chồng* được một tháng *mà chết*,

nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được hai tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được ba tháng mà chết, nhà gái phải trả của cho nhà trai; được bốn tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được năm tháng mà chết, nhà gái nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được sáu tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được bảy tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được tám tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai. Nếu được chín tháng mà người con gái chết, nhà gái phải trả lại cho nhà trai hai phần; bố mẹ nhà con gái được một phần. Nếu được mười tháng mà người con gái chết, nhà gái phải trả lại cho nhà trai hai phần; bố mẹ người con gái được một phần. Nếu được mười một tháng mà người con gái chết, nhà gái phải trả lại cho nhà trai một nửa; bố mẹ người con gái được một nửa. Nếu được đủ một năm mà người con gái chết, nhà gái phải trả lại cho nhà trai một nửa, bố mẹ người con gái được một nửa. Nếu về nhà chồng từ một năm trở lên mà người con gái chết, nhà gái phải trả lại cho nhà trai có một phần thôi; bố mẹ người con gái được hai phần. Nếu người con gái chết mà đã có đứa con thay mặt *(lục pọt nả)*, nhà gái không phải trả của lại nữa.

Luật tục, *nếu nhà trai muốn xin đòi lại của trong trường hợp người con gái chết*, thì phải làm hiếu *(đệt phì)* cho người con gái. Nếu không làm hiếu, thì nhà trai mất không của.

Luật định *nếu người con trai lấy vợ* được một tháng *mà chết, chủ mái* muốn gả người con gái cho ai thì gả; nếu được một năm mà chết, *chủ mái* muốn gả người con gái cho ai thì gả; nếu được hai năm mà chết, *chủ mái* muốn gả người con gái cho ai thì gả; nếu được ba năm mà chết, *chủ mái* muốn gả người con gái cho ai thì gả. Nếu vợ chồng đã có con trai, mà chồng chết, *chủ mái* chỉ được quyền gả người con gái trong trường hợp nuôi được đứa cháu. Nếu chủ mái không nuôi được đứa cháu, lại bảo người con gái về nhà *lung ta*, thì tiền xanh rửa chân, tiền vòng tặng mẹ vợ, tiền lót chỗ ngủ, nhà gái không phải trả cho *chủ mái*. Nhà gái chỉ phải trả tiền *cá hua* thôi. Nếu bên cha, mẹ người con gái tức bên *lung ta* tự đến xin đón con gái mình về và tự

được gả con gái đi lấy chồng lần nữa thì các thứ tiền *cá hua* đến tiền xanh rửa chân, tiền vòng tặng mẹ vợ, tiền lót chỗ ngủ đều phải trả nhà trai. Đó là vì *một con gà không được làm đồ cúng hai lần; một nàng không được gả chồng hai bận.*

Dù trường hợp bên nhà chồng hay nhà mình gả chồng cho gái goá, *lung ta* cũng phải cúng hồn rể cũ. Nhà chồng mới phải làm mâm cơm cúng *(phướn chầm)* và khi cúng, nhà chồng mới lại phải bỏ tiền vào mâm cúng.

Khi đó, *lung ta* mới đứng ra làm lễ mới coi là xong. Còn tiền *cá hua* giải quyết như lệ đã qui định. Khi lấy chồng trước, tiền *cá hua* định là bao nhiêu, lần lấy chồng sau chỉ được định mức bằng nấy. Nếu người con gái đã có con với người chồng trước, cứ có một đứa con, tiền *cá hua* phải tính bớt đi một lạng. Nếu là nhà quý tộc *(pú luông)*, cứ một đứa con phải tính rút đi một nén.

Con trai không được ăn *cá hua* của mẹ. Anh em con chú con bác ruột (pì nọng huốm pú huốm pẩu), họ hàng cũng vậy. Chỉ có *chủ mái* được ăn *cá hua* thôi. *Chủ mái* chỉ có thể là bố mẹ chồng cũ, anh cùng cha, em cùng mẹ của chồng cũ. Nếu những người đó không còn sống, *tạo* được "ăn" *cá hua*. Đó là nói trường hợp *chủ mái* nuôi được cháu. Nếu không nuôi được, *tạo* "ăn" mới đúng luật.

Điều III. - Luật để tang chồng

Nếu chồng chết, vợ phải kiêng ba năm mới được đi lấy chồng mới *(kiêng mái)*. Nếu vợ chồng bỏ nhau, vợ phải kiêng ba tháng mới được đi lấy người khác *(kiêng hạng)*. Nếu vợ chồng chưa có con, lấy nhau được ba năm mà chồng chết, vợ phải để tang ba năm; nếu lấy nhau được ba tháng mà chồng chết, vợ phải để tang một năm. Nếu đã *pháng*, chưa đón gái về nhà chồng mà chồng đã chết, người con gái sau ba tháng mới được đi lấy chồng khác.

Nếu không "kiêng" là phạm lệ, phạm luật. Nhà gái phải phạt ba lạng bạc kèm theo rượu, trâu *(kiêng mái)*. Nếu sau khi bỏ nhau (kiêng

hạng), nếu không "kiêng", nhà gái phải phạt ba lạng bạc kèm theo rượu, trâu.

Điều IV. - Luật bỏ vợ, bỏ chồng

Gái bỏ trai, một đền hai; trai bỏ gái, mất không của (nhình thiêng chài, một păng xong; chài thiêng nhình, xia không đai đóc).

Nếu lấy chồng khác *mường* mà bỏ chồng, người con gái phải về trình tại nhà *tạo chư*; nếu lấy chồng cùng *mường* mà bỏ chồng, người con gái phải về trình nhà *tạo mường*. Nếu là nhà thuộc hàng quý tộc *(pú luông)*, nhà gái phải phạt tiền một nén để cúng vía; nếu là nhà dân thường (*pú nọi)*, tiền phạt phải chịu là một lạng.

Nếu gái bỏ chồng, phải đền của một gấp đôi. Nhưng nếu nhà trai có chịu nhận, gái mới được bỏ. Nếu nhà trai không chịu nhận, thì gái cũng không bỏ được. Sau khi đã *làm lễ dạm (pay tham pợ)*, nếu muốn thôi không gả, là dân đen thì nhà gái phải đền nhà trai một lạng bạc "tiền trả tiếng" và tiền nhà trai dẫn khi đi dạm *(khong phác);* là nhà quý tộc thì phải đền một nén bạc "tiền trả tiếng" và tiền *khong phác* phải trả một thành hai.

Sau khi đã dạm *lễ lần thứ hai (pay xo khoảm hụ)*, nếu muốn thôi không gả, trong trường hợp người con trai đã đến ở rể, là dân đen, thì nhà gái phải đền nhà trai một lạng bạc "tiền trả tiếng", còn tiền *khong phác* phải trả một thành hai. Nếu là nhà quý tộc, nhà gái phải đền nhà trai một nén bạc "tiền trả tiếng", còn tiền *khong phác* phải trả một thành hai. Mỗi ngày ở rể, tiền công sức *(cá heng)* tính là một đồng cân bạc.

Trong trường hợp *người con trai chưa đến ở rể hay là pháng*, tiền công sức không có, nhà gái chỉ phải trả tiền *khong phác* như đã định lệ.

Nếu đã *đón dâu về nhà mà người con gái bỏ* thì "miếng ăn, miếng mặc" *(căm kin căm mác)* của người con trai phải trả nhà trai, của người con gái phải trả nhà gái. Nếu nhà trai đã cúng vía cho người con

gái hết bao nhiêu của, thì nhà gái phải đền lại bằng đấy. Lệ *tí nòn* nhà trai hưởng, nhà gái muốn xin, phải chuộc bằng tiền *cá hua*. Của nhà trai phí tổn khi cưới, nhà gái phải trả một thành hai.

Nếu *vợ chồng đã có con*, mà người con gái bỏ chồng, "của ăn, của mặc" của người con trai phải trả nhà trai, của người con gái phải trả nhà gái. Nếu nhà trai đã cúng vía cho người con gái hết bao nhiêu của, thì nhà gái phải đền lại bằng đấy. Lệ *tí nòn* nhà trai hưởng, nhà gái xin, phải chuộc bằng tiền *cá hua*. Con trai về với bố, con gái về với mẹ. Của nhà trai phí tổn khi cưới, nhà gái phải trả một thành hai. Của bố mẹ vợ *(lung ta)* cho, nhà gái lấy về. Của do vợ chồng làm ra chia bằng nhau.

Trong trường hợp nhà trai đã cúng vía cho người con gái đau ốm, nếu người con gái đã làm nhiều việc cho nhà chồng thời không phải trả nữa. Nếu người con gái làm ít việc cho nhà chồng, thì phải đền của phí tổn khi cúng cho nhà trai.

Nếu *trai bỏ vợ lâu dài*, tạo phạt năm lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Nhà trai phải đền cho nhà gái ba lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để "trả tiếng". Tiền *cá hua* không được đòi lại vì bên nhà trai đã trái. Con *tạo* đã được trông coi dần (tức không phải *tạo păn nà* nữa - ND) bỏ vợ lâu dài, *tạo* phạt mười năm lạng bạc kèm theo rượu, trâu. Nhà trai phải đền nhà gái ba lạng bạc kèm theo rượu, lợn để trả tiếng.

Gái goá (me mái) đã tái giá mà bỏ chồng phải trả của cho nhà trai tất cả. Lệ *tí nòn* nhà trai hưởng. Nhà gái muốn xin chuộc, phải trả bằng tiền *cá hua*.

Gái goá bỏ chồng chạy về nhà tạo bên mẹ (tạo lúng ta) phải trả nhà trai tiền *cá hua*, một bằng hai. Còn tiền lót nhà, *tiền khong phác căm kin, căm mác*, thì thôi không phải trả.

Gái goá mới trầu cau bỏ chồng chạy đến nhà tạo bên mẹ, phải trả *khong phác căm kín, căm mác*, một thành hai. Nếu người con trai đã đến ở rể mới ít ngày thì nhà gái phải đền tiền công sức *(cá hcng)*, cứ

mỗi ngày là một đồng cân bạc; nếu đã nhiều ngày thì phải trả nhiều nhất là ba lạng bạc thôi.

Gái goá bỏ chồng đến nhà tạo, tiền cá hua chỉ phải trả bằng cũ không phải trả một thành hai. Nếu đã ăn ở nhà chồng lâu ngày, nhà gái không được phép chuộc *tí nòn*, phải để cho nhà hưởng. Nếu nhà trai xin quyền *tí nòn* mà *tạo* quyết giữ, thì nhà trai không được đòi vì *me mái* đã trở thành người nhà của *tạo. Căm kin, căm mắc* trả bằng cũ. Đồ ăn thức đựng trong nhà của cả trai lẫn gái thì nhà trai đượclấy.

Điều V.- Luật vợ chồng cùng bỏ nhau

Nếu đã có con, con trai về bên bố, con gái về bên mẹ. Của gái trả nhà gái, của trai trả nhà trai. Của làm chung mà có, chia đôi bằng nhau. Nếu có nợ nần gì, riêng chồng vay chi riêng cho chồng, thì chồng trả, riêng vợ vay chi riêng cho vợ, thì vợ trả; nếu là nợ chung thì vợ chồng cùng phải trả. Nếu "tiền lót nhà" còn ở bên nhà bố mẹ vợ, nhà gái còn được chuộc lại. Lệ *tí nòn* nhà gái được hưởng. Nếu đã có con trai, vợ chồng chia đôi của làm vía giống *(chướng khoăn pông)*; nếu chưa có con trai người con gái lấy tất. Của hồi môn (*chướng dóng* hay *chướng dóng khong khà* tức tư trang ngày cưới của vợ và của cải vợ mang về ngày cưới) thì tránh gái tất cả.

Điều VI. - Luật "kin xụt phủ tai" (ăn xụt người chết)

Người chết tuyệt tự *(xụt)*, nếu là dân bản, *tạo bản* thu lấy hết của cải của người đó; nếu là *tạo bản, tạo mường* thu lấy hết của cải của người đó; nếu là *tạo mường, tạo chu* thu lấy hết cả của cải của người đó.

Nếu *người chết không có con trai mà có con gái*, nhà đó phải phạt vì tội tuyệt tự *(xụt)*, nếu là *tạo mường* phạt ba nén bạc; nếu là *tạo bản*, một nén; nếu là họ hàng nhà tạo không tại chức (tức *tạo păn nà*) năm lạng; nếu là dân thường *(páy)* ba lạng. Nếu đã tịch thu ruộng đất, mới được *"ăn xụt"*. Của cải của người chết để lại phải đem chi làm ma *(dệt phí)* cho người đó, sau đó nộp phạt *xụt*, còn thừa bao nhiêu, trả lại cho người con gái. Thực ra, như luật xưa, chỗ thừa đó *tạo* được ăn mới

đúng. Tất cả ruộng nước *(tông nà)*, ruộng hoang *(hộc hạ)*, chuôm ao *(lum nong)*, nương rẫy, rừng non *(lau le)*, gốc cau *(cộc mác)*, giây trầu không *(hắc pù)*, cây chua *(co xổm)*, cây ngọt *(co van)*, của đương trồng, đương ương *(chướng púc, khong chằm)*, hang *(thẩm)* đều phải nộp *tạo* hết. Nợ của chồng vay người khác, nếu còn chịu, mà người vợ đã biết, thì vợ phải trả món nợ đó. Nếu là nợ của bố chồng, mẹ chồng hay của chồng vay từ khi chưa nên vợ nên chồng, người vợ không biết đến và không được tiêu dùng thì người vợ không phải trả. Nếu trường hợp *tạo* lấy của *xụt*, thì người vợ cũng không phải trả. Nếu người vợ còn có con nuôi, còn được "ăn" ruộng, "ăn" nương, hưởng rừng non, ao cá, thì phải trả nợ. Nếu người vợ không có con nuôi thì thôi.

Điều VII. Luật trâu đánh nhau chết

Trâu, bò còn *đương ở trong chuồng nhà chủ*, trâu nơi khác đến tự nhiên húc chết, chủ trâu phải đền một thành hai. Nếu trâu nơi khác đến đánh, bị trâu nhà húc chết thì chủ nhà trâu không phải đền vì tại trâu tự nghịch, tự chết thôi.

Nếu trâu nhà người ta *đã đem đi chăn trong rừng, ngoài ruộng* mà mình đã biết, lại còn đem trâu đến chăn cùng chỗ, bảo lại không nghe, trường hợp trâu mình húc chết trâu người đã đem chăn từ trước, chủ trâu phải đền một thành hai. Nếu trâu người đến chăn sau bị húc chết, chủ trâu đến chăn trước không phải đền gì cả.

Nếu *ai đuổi trâu, cho trâu đánh nhau* để xem cho thích, trâu chết thì người đó phải đền một thành hai.

Nếu *trâu tự nhiên đánh nhau mà chết*, hai nhà chủ trâu, sẽ thương lượng với nhau. Nếu bên nào phải đền, thì chỉ một đền một, không phải đền một thành hai.

Điều VIII. Luật dân chạy đi mường khác

Nếu *người dân chạy đi mường khác*, không muốn ở mường nữa, *khi đi không có tội vạ gì*, chỉ *tạo bản* hưởng tất cả ruộng nương, đất đai mà người đó để lại. *Tạo mường, tạo chu* không được hưởng.

Nếu *các tạo bản, tạo păn nà thuộc các pọng bỏ đi*, thì *tạo mường* được lấy tất cả ruộng đất, ruộng hoang của họ để lại. *Tạo chu* không được lấy.

Nếu *họ hàng nhà tạo (tạo păn nà) trong chiềng* như Chiềng Chu, Chiềng Hạ, Chiềng Hịch, Chiềng Pa mà bỏ đi nơi khác thì ruộng đất, ruộng hoang của họ để lại, *tạo chu* được hưởng. Nếu những người bỏ đi sau đó trở lại có lễ lạt hoặc *xin nhượn*, thì *tạo chu* trả lại ruộng đất đã tịch thu. Nếu lễ lạt vừa không to lắm, thì người xin phải *nhượn* một việc gì mới được trả lại ruộng đất.

Nếu *người chạy đi mường khác*, không phải đi tốt lành mà *vì có tội đối với nhà chu*, nên sợ mà chạy khỏi *chẩu*, khỏi *khun (xỉa chẩu, xỉa khun)*, như ngủ với vợ, với người con người ta, trói vợ con người ta hay làm điều gì sai trai với họ hàng, phạm phải luật pháp *(phịt khòng, chòng khòng)* mà tội đó chỉ mình làm mình chịu, lại đi thoát, thì tất cả ruộng nương, ruộng hoang, của cải của người đó đều bị tịch thu. Của cải thu được đem chia làm 7 phần. *Tạo chu* lấy 4 phần, *tạo mường* lấy 2 phần, *tạo bản* lấy 1 phần. Nếu người trốn đi quay trở lại, khéo *nhượn*, xin đền tội lỗi hoặc có lễ lạt hậu hĩnh thì lúc đó các *tạo* mới trả lại ruộng đất của cải cho người đó.

Nếu *họ hàng nhà tạo không có tội vạ gì mà chạy đi mường khác*, *tạo* chỉ được tịch thu ruộng hoang. Còn ruộng nước *(tòng nà)* không được lấy mà phải đem chia cho anh em họ hàng hưởng với điều kiện là người nhận ruộng phải chịu mất tiền, gạo đóng góp ứng với số ruộng đó. Nếu *họ hàng nhà tạo có tội mà chạy đi mường khác*, bỏ công, bỏ việc, bỏ bản, bỏ mường, bỏ ruộng đất tư, mọi thứ. Khi họ trở lại nếu có lễ thì cho chuộc.

Nếu *dân kỳ cựu (páy ho to kén) có tội mà chạy đi mường khác*, du chạy thoát cũng vậy, *tạo* cũng chỉ được lấy ruộng tư, tài sản, chuôm ao thôi. Còn ruộng *hịp* thì không được lấy, phải để chia cho người dân khác ăn *nhượn*.

Điều IX. - Luật giết người không được lệnh của tạo chu

1. Nếu ai giết người không được lệnh của *tạo chu*, người đó bị bắt vạ và phải đền mạng bằng giá *cá hua*. Nếu lại để mất xác người bị giết phải đền thêm một *cá hua* nữa.

2.Giá *cá hua* của *chính chu* là 30 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 30 nén, phải làm hiếu *(dệt phí)* cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

3. Giá *cá hua chức pần* là 30 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 30 nén, phải làm hiếu cho người chết. khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

4. Giá *cá hua chướng* là 20 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 30 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người giết.

5. Giá *cá hua chức tiểu* là 15 nén bạc (có bản ghi 10 nén bạc). Kẻ giết người bị phạt 15 nén (có bản ghi 10 nén), phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

6. Giá *cá hua chức quảng* là 10 nén bạc (có bản ghi 15 nén bạc). Kẻ giết người bị phạt 10 nén (có bản ghi 15 nén), phải làm hiếu cho người chết. Khi phải làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

7. Giá *cá hua chức sứ* là 9 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 9 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

8. Giá *cá hua chức đô* là 6 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 6 nén, làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

9. Giá *cá hua chức cai* là 5 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 5 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

10. Giá *cá hua người mới có chức* (phú héng mì chức) là 4 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 4 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

11. Giá *cá hua người chưa có chức (đai đốc báu mì chức) và dân thường (páy)* là 3 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 3 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

12. Nếu đúng theo lệ luật, ai giết người phải chết theo người chết. *Nếu không muốn bị tội chết*, phải đền tiền *cá hua* cho gia đình bị giết và làm hiếu cho người bị giết đủ mọi thứ. Gia đình người bị giết không được trả thù, giết người đã giết người nhà mình vì xưa có thù nhau nên mới sinh ra ghét nhau. Nay gia đình đã được đền tiền *cá hua* và đã được làm hiếu rồi thì phải thôi. Nếu chết mất xác, kẻ giết người phải đền xác bằng giá một *cá hua*. Nhà có người bị giết được hưởng tiền *cá hua*. Còn tiền phạt, *tạo* được hưởng.

Điều X. - Luật đối với người ăn cắp

Ai ăn cắp *mạ* đã *ngâm (cá chế)* phạt 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía *(peng)* cho chủ mạ 5 đồng cân bạc và trả số mạ đã lấy.

Ai ăn cắp *mạ cây (cá co)*, phải phạt 3 lạng bạc kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ mạ 1 lạng bạc và trả số mạ đã lấy.

Ai ăn cắp *mạ đã nhổ (cá nhác)*, phải phạt 15 lạng bạc kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ mạ 1,5 lạng bạc và trả lại số mạ đã lấy. Nếu ăn cắp trên một trăm bó mạ, phải phạt 1 nén bạc và phải nuôi vợ con người mất mạ.

Ai *ăn cắp lúa ở ruộng (phát khẩu* tức gặt lúa), lúa mùa no, phải phạt 15 bạc kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lúa 1,5 lạng bạc và trả lại số lúa đã lấy.

Ai ăn cắp *lúa trong lều (rìa) lúc mùa no*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lúa 1,5 lạng bạc và trả lại số lúa đã lấy.

Ai ăn cắp *lúa trong lều lúc mùa đói*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu ngọn, lợn, phải cúng vía chủ lúa nửa lạng bạc. Nếu lấy một gánh cho trả một bên; nếu lấy một bên, cho trả một nửa. Người ăn cắp được một nửa vì mua không ai bán, xin không ai cho, sắp chết đói nên mới phải ăn cắp.

Ai ăn *cắp gạo (khẩu xan) lúc mùa no*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gạo 1 lạng bạc và trả lại số gạo đã lấy.

Ai ăn *cắp gạo, lúc mùa đói*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng víachủ gạo nửa lạng bạc, không phải đền gạo. Số gạo lấy cắp cho người ăn cắp ăn.

Ai ăn *cắp cơm đầy hông (khẩu xúc) lúc mùa no*, phải phạt 15 lạng bạc kèm theo rượu, trâu phải cúng vía cho chủ cơm 1,5 lạng bạc và trả lại số cơm đã lấy.

Ai ăn cắp *cơm đầy hông, lúc mùa đói*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cơm 1 đồng cân bạc, không phải đền cơm. Chỗ cơm lấy cắp cho người ăn cắp ăn.

Ai ăn cắp *rượu cần (lẩu xá)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ rượu 1 lạng bạc và trả lại số rượu đã lấy.

Ai ăn cắp *rượu cất (lẩu xiêu)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ rượu 1 lạng bạc và trả lại số rượu đã lấy.

Ai ăn cắp *rượu nếp (lẩu lọn)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ rượu 1 lạng bạc và trả lại số rượu đã lấy.

Ai ăn *cắp muối đầy lọ (cưa têm báng)*, phải phạt 1 lạng kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ muối 5 đồng cân bạc và trả lại số muối đã lấy.

Ai ăn cắp *trâu*, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ trâu 3 lạng bạc và trả lại trâu đã lấy.

Đến đời ông Đức Bụt ngồi *chu*, luật xử tội ăn cắp trâu được sửa lại.

Ông họp cùng các ông quảng Liên, quảng Tài, quảng Văn, xứ Lý, xen Chu bàn định mức phạt thì để như cũ, nhưng mức đền cho chủ trâu thì tăng lên, ăn cắp một trâu thì trả thành hai trâu.

Ai ăn cắp *bò*, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía chủ bò 3 lạng bạc và trả lại bò đã lấy.

Ai *chém trộm trâu, bò* cũng phải mức phạt và bồi thường cho chủ trâu hay chủ bò như trường hợp ăn cắp trâu, bò

Ai ăn cắp *dê*, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu phải cúng vía cho chủ dê 3 lạng bạc và trả lại dê đã lấy.

Ai ăn cắp lợn, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lợn 3 lạng bạc và trả lợn đã lấy.

Ai ăn cắp *chó* phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chó 1,5 lạng bạc và trả lại chó đã lấy

Ai ăn cắp *mèo*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ mèo 1,5 lạng bạc và trả lại mèo đã lấy.

Ai ăn cắp *ngỗng*, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ ngỗng 3 lạng bạc và trả lại ngỗng đã lấy.

Ai ăn cắp *gà*, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gà 3 lạng bạc và trả lại gà đã lấy.

Ai ăn cắp *vịt*, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ vịt 3 lạng bạc và trả lại vịt đã lấy

Ai ăn cắp *trứng*, phải phạt 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ trứng 5 đồng cân bạc và trả lại số trứng đã lấy.

Ai ăn cắp *thịt đã pha lọc xương (chịn lẻo pha)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thịt 5 đồng cân bạc và trả lại số thịt đã lấy.

Ai ăn cắp *xiên thịt (hủu) hay gắp thịt*, phải phạt 1 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thịt 3 đồng cân bạc và trả lại số thịt đã lấy.

Ai ăn cắp *cá đã giết*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cá 5 đồng cân bạc và trả lại số cá đã lấy.

Ai ăn cắp *vôi ăn trầu*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ vôi 3 đồng cân bạc và trả lại số vôi đã lấy.

Ai ăn cắp *men rượu (péng lẩu)*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng cho chủ men 3 đồng cân bạc và trả lại số men đã lấy.

Ai ăn cắp *mỡ*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ mỡ 5 đồng cân bạc và trả lại mỡ đã lấy.

Ai ăn cắp *mật (nặm ói)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ mật 5 đồng cân bạc và trả lại mật cho đã lấy.

Ai ăn cắp *cá chua (pá xổm)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cá 1 lạng bạc và trả lại số cá đã lấy.

Ai ăn cắp *thịt chua (chịn xổm)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ thịt 1 lạng bạc và trả lại số thịt đã lấy.

Ai ăn cắp *cá khô (pá giẳng)*, hay cá sấy, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng cho chủ cá 1 lạng bạc và trả lại số cá.

Ai ăn cắp *thịt khô (chịn giẳng)* hay thịt sấy, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ thịt 1 lạng bạc và trả lại số thịt đã lấy.

Ai ăn cắp *nước chấm (nặm bẳm)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ nước chấm nửa lạng bạc và trả lại nước chấm đã lấy

Ai ăn cắp *khoai*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng cho chủ khoai 1 lạng bạc và trả lại số khoai đã lấy.

Ai ăn cắp *bầu, bí* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ bầu, bí nửa lạng bạc và trả lại số bầu, bí đã lấy.

Ai ăn cắp *dưa (mắc tơng)*, phải phạt 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ dưa 5 đồng cân bạc và trả lại số dưa đã lấy.

Ai ăn cắp *chuối xanh*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chuối 5 đồng cân bạc và phải trả lại số chuối đã lấy.

Ai ăn cắp *chuối chín cả buồng* phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chuối 3 đồng cân bạc và trả lại số chuối đã lấy.

Ai ăn cắp *chuối chín trên cây* không phạt vì không lấy cũng bỏ. Lấy mít chín trên cây cũng xử như thế. Nếu ăn cắp một nải chuối chín không phải vạ.

Ai ăn cắp ba cây *mía* khi đi đường xa hay khi đi làm đồng ăn cho đỡ khát không phải vạ. Nếu ăn cắp *mía* trong vườn lúc ở nhà, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn và cúng vía cho chủ mía 5 đồng cân bạc và trả lại số mía đã lấy.

Ai ăn cắp *rau*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ rau 3 đồng cân bạc và trả lại số rau đã lấy.

Ai ăn cắp *quả chua (mắc xổm)* phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu lợn, phải cúng vía cho chủ quả 3 đồng cân bạc và trả lại số quả đã lấy.

Ai ăn cắp *quả ngọt (mắc van)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ quả 3 đồng cân bạc và trả lại số quả đã lấy.

Ai ăn cắp *trầu không*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, cúng vía cho chủ trầu không 1 lạng bạc và trả số trầu không đã lấy.

Ai ăn cắp *cau*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, cúng vía cho chủ cau 1 lạng bạc và trả lại số cau đã lấy.

Ai ăn cắp *thuốc lào*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thuốc lào 3 đồng cân bạc và trả lại số thuốc lào đã lấy.

Ai ăn cắp *cà*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cà 3 đồng cân bạc và trả lại số cà đã lấy.

Ai ăn cắp *ớt*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ớt 3 đồng cân bạc và trả lại số ớt đã lấy.

Ai ăn cắp *đó (xay)* đang ngâm, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng cho chủ đó 1,5 lạng bạc và trả lại đó và số cá đã lấy. Nếu *ăn cắp đó ban ngày*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ đó 1 lạng bạc và trả lại số đó và số cá đã lấy.

Ai ăn cắp *đống đá bẫy cá dưới suối (coọng hụm)* phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ đống đá 1,5 lạng bạc và trả lại số cá đã lấy.

Ai tát trộm *ao (kháng nong)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ ao 1,5 lạng bạc và trả lại số cá đã lấy.

Ai tát trộm *vũng cá cạnh nhà (kháng hem)*, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ vũng 1,5 lạng bạc và trả lại số cá đã lấy

Ai nhắc trộm *cạm, bẫy (cạp, hẻo)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vái cho chủ cạm, chủ bẫy 1,5 lạng bạc. Nếu được thịt, người ăn cắp phải trả lại số thịt đã lấy.

Ai nhắc trộm *bẫy đá (lốp), bẫy sập (tấm)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ bẫy 1,5 lạng bạc. Nếu được thịt, người ăn cắp phải trả lại số thịt đã lấy.

Ai nhắc trộm *cạm bẫy sóc trên cây có chủ (dù cuống)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cạm bẫy 1,5 lạng bạc. Nếu được thịt, người ăn cắp phải trả số thịt đã lấy.

Ai đi săn lại *chạy chặn trước mặt người khác (lặc tỏn hỏm: ăn cắp chỗ mặt) hay rình trộm sau lưng người khác lặc dú củ, dú mỏ)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ *hỏm*, chủ *củ*, chủ *mỏ* 1,5 lạng bạc. Nếu được thịt, người phạm tội phải trả lại số thịt bắn được cho người chủ *hỏm*, chủ *củ*, chủ *mỏ*.

Ai *tranh chỗ săn giơi hay thung lũng săn (nai lặc cà nặp kia, lặc đi*

đón nhung), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chỗ săn 1,5 lạng bạc. Nếu được thịt phải trả lại số thịt bắn được cho chủ chỗ săn.

Ai ăn cắp *tổ châu chấu (háng chồm)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, phải cúng vía cho chủ tổ 1 lạng bạc và trả lại số châu chấu đã lấy.

Ai ăn cắp *mỏ tôm (háng củng)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu phải cúng vía cho chủ hang 1,5 lạng bạc và trả lại số tôm đã lấy.

Ai đánh *nhựa trộm trên cây bẫy chim (lắc pặc tăng)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ pặc tăng 1 lạng bạc, và trả lại số chim bắt được.

Ai ăn cắp *tổ ong trên cây (phừng may)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ong 5 đồng cân bạc và trả lại đó ong đã lấy.

Ai ăn cắp *tổ ong trên vách đá (phừng pha)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ ong 1,5 lạng bạc và trả lại đó ong đã lấy.

Ai ăn cắp *tổ ong dưới đất (phừng tó)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ong 5 đồng cân bạc và trả lại đó ong đã lấy.

Ai ăn cắp *cân tiểu ly*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cân 1,5 lạng bạc và trả lại cân đã lấy.

Ai ăn cắp *lĩnh, gấm, vóc (lỉnh, gấm, póc)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng cho chủ lĩnh, chủ gấm, chủ vóc 1,5 lạng bạc và trả lại số lĩnh, gốm hay vóc đã lấy.

Ai ăn cắp *the, lụa (xe, củi)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ vải 1,5 lạng bạc và trả lại số vải đã lấy.

Ai ăn cắp *vải (phải phến)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu,

trâu, phải cúng vía cho chủ vải 1,5 lạng bạc và trả lại số vải đã lấy.

Ai ăn cắp *bông (phải bóc)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ bông 1 lạng bạc và trả lại số bông đã lấy.

Ai ăn cắp *chăn (phà), nếu là nhà giàu có*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chăn 1 lạng bạc và trả lại chăn đã lấy; *nếu là nhà nghèo*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chăn 1 lạng và trả lại chăn đã lấy.

Ai ăn cắp *màn (pới), nếu là nhà giàu có*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ màn 1,5 lạng bạc và trả lại màn đã lấy; *nếu là nhà nghèo*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ màn 1 lạng bạc và trả lại màn đã lấy.

Ai ăn cắp *gối*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gối 1 lạng bạc và trả lại gối đã lấy.

Ai ăn cắp *áo; nếu là nhà giàu có*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu phải cúng vía cho chủ áo 1 lạng bạc và trả lại áo đã lấy; *nếu là nhà nghèo*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ áo 5 đồng cân bạc và trả lại số áo đã lấy.

Ai ăn cắp *váy; nếu là nhà giàu có*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu phải cúng vía cho chủ váy 1 lạng bạc và trả lại váy đã lấy; *nếu là nhà nghèo*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ váy 5 đồng cân bạc và trả lại số váy đã lấy.

Ai ăn cắp *thắt lưng nữ (éng)* phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thắt lưng 3 đồng cân bạc và trả lại thắt lưng đã lấy.

Ai ăn cắp *túi*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ túi 1 lạng bạc và trả lại túi đã lấy.

Ai ăn cắp *khăn*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ khăn 1 lạng bạc và trả lại khăn đã lấy.

Ai ăn cắp *khố, dù là người dại cũng như người khôn* đều phải phạt 3

lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ khố 1 lạng bạc và trả lại chiếc khố đã lấy.

Ai ăn cắp *vàng*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu phải cúng vía cho chủ vàng 1,5 lạng bạc và trả lại số vàng đã lấy.

Ai ăn cắp *vòng, nhẫn hay hoa tai*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ vòng, nhẫn hay hoa tai nửa lạng bạc và trả lại vòng nhẫn, hoa tai đã lấy.

Ai ăn cắp *chì*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chì 3 đồng cân bạc và trả lại số chì đã lấy.

Ai ăn cắp *sắt vụn (hàng lệch)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ sắc 1 lạng bạc và trả lại số sắt đã lấy.

Đến đời **pha nha luông Bun Xểnh** mới hạ mức phạt xuống 3 lạng bạc, kèm theo rượu lợn, mức đền chủ sắt xuống 3 đồng cân bạc và phải trả lại số sắt vụn đã lấy.

Ai ăn cắp *giáo (cháo)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu trâu, phải cúng vía cho chủ giáo 1,5 lạng bạc và trả lại giáo đã lấy.

Ai ăn cắp *súng*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ súng 1,5 lạng bạc và trả lại súng đã lấy.

Ai ăn cắp *kiếm (láp)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ kiếm 1,5 lạng bạc và trả lại kiếm đã lấy.

Ai ăn cắp *dao* dù *dao to (pạ)* hay *dao bé (mịt)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ dao 1 lạng bạc và trả lại dao đã lấy.

Ai ăn cắp *rìu*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ rìu 1 lạng bạc và trả lại rìu đã lấy.

Ai ăn cắp *mai (lủa), thuổng (xiêm)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ mai hay chủ thuổng 1 lạng bạc và trả lại mai hay thuổng đã lấy.

Ai ăn cắp *giây chạc bừa vặn bằng giây rừng (xiếu*: giây rừng) phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ giây 3 đồng cân bạc và trả lại giây đã lấy.

Ai ăn cắp *giây chạc bừa vặn bằng giây po (co po:* cây dùng để giây tự phải trồng - ND), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ giây 1 lạng bạc và trả lại giây đã lấy.

Đến đời **pha nha luông Bun Xềnh** mới hạ mức phạt xuống 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, mức đền chủ giây xuống 3 đồng cân bạc và phải trả lại số giây đã lấy.

Ai ăn cắp *dùi (chì)*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn. Phải cúng vía chủ dùi 3 đồng cân bạc và trả lại dùi đã lấy.

Ai ăn cắp *rũa (khua), bào (pao)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ rũa hay bào 1 lạng bạc và trả lại rũa hay bào đã lấy.

Ai ăn cắp *đe (ná tắng)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ đe 8 đồng cân bạc và trả lại đe đã lấy.

Ai ăn cắp *búa sắt (khọn tí lếch)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ 8 đồng cân bạc và trả lại búa đã lấy.

Đến thời *pha nha luông Bun Xềnh* mới hạ mức phạt xuống 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, mức đền chủ búa vẫn định như cũ.

Ai ăn cắp *kìm*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ kìm 8 đồng cân bạc và trả lại kìm đã lấy.

Đến đời **pha nha luông Bun Xềnh** mới hạ mức phạt xuống 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, mức cúng vía cho chủ kìm vẫn định như cũ.

Ai ăn cắp *hái (nải)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ hái 1 lạng bạc và trả lại hái đã lấy.

Đến đời **pha nha luông Bun Xềnh** mới hạ mức phạt xuống 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, mức cúng vía của chủ hái xuống 3 đồng cân

bạc và trả lại hái đã lấy.

Ai ăn cắp *dao ngắt lúa (hết)*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ dao ngắt lúa 3 đồng cân bạc và trả lại dao ngắt lúa đã lấy.

Ai ăn cắp *kim (khim)*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng cho chủ kim 3 đồng cân bạc và trả lại kim đã lấy.

Ai ăn cắp *suốt chỉ (này)*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ suốt chỉ 3 đồng cân bạc và trả lại suốt chỉ đã lấy.

Ai ăn cắp *giỏ đựng chỉ (tòn)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ giỏ 5 đồng cân và trả lại giỏ đã lấy.

Ai ăn cắp *cán bông (ít), sa sợi (la), sa chỉ (phiếng)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải vía cúng cho chủ cán bông, chủ sa chỉ hay sa sợi 5 đồng cân bạc và trả lại cán bông đã lấy.

Ai ăn cắp *cung bật bông (công)*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cung 3 đồng cân bạc và trả lại số cung bật bông đã lấy.

Ai ăn cắp *guồng sợi (pia)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ guồng 3 đồng cân và trả lại guồng đã lấy.

Ai ăn cắp *khung dệt cửi (ký tắm húc)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ khung dệt 1 lạng bạc và trả lại khung dệt đã lấy.

Ai ăn cắp *dập sợi (phứm)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ dập sợi 5 đồng cân bạc và trả lại dập sợi đã lấy.

Ai ăn cắp *go sợi (khau)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ go sợi 5 đồng cân bạc và trả lại go đã lấy.

Ai ăn cắp *cây gỗ cuốn vải (xa păn) xác nắc, kẻ, tép, mỏ chim (ngóp nghếp)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía chủ gỗ

cuốn vải, *xắc nắc, kẻ, tép, mỏ chim* 5 đồng cân bạc và trả lại các thứ đã lấy.

Ai ăn cắp *chiêng (dàm), khánh (lằng khẳng), cồng (cọng), chập choeng (xèng)* phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chiêng, khánh cồng, chập choeng 2,5 lạng bạc và trả lại các thứ đã lấy.

Ai *lặc kin (tức "ăn" quá mức đáng được hưởng* - ND) phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho người bị mất (hay chủ *lặc kin*) 1,5 lạng bạc và trả lại số lấy quá mức quy định.

Ai *lặc xên (tức làm mo mùn đi cúng ăn lạm quá mức* - ND), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho người bị mất hay chủ *lặc xên* 1,5 lạng bạc và trả lại số lấy quá mức quy định.

Ai ăn cắp *áo quan để trong hang,* phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ áo quan 1,5 lạng bạc và trả lại xanh, ninh đã lấy.

Ai ăn cắp *hũ (hay ham) vò, vại (chuổng),* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ hũ, vò, vại 5 đồng cân bạc và trả lại hũ, vò, vại đã lấy.

Ai ăn cắp *chậu sành (áng),* phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chậu 3 đồng cân bạc và trả lại chậu đã lấy.

Ai ăn cắp *bát,* phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ bát 3 đồng cân bạc và trả lại số bát đã lấy.

Ai ăn cắp *đĩa,* phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ đĩa 3 đồng cân bạc và trả lại số đĩa đã lấy.

Ai ăn cắp *đũa,* phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ đũa 3 đồng cân bạc và trả lại số đũa đã lấy.

Ai ăn cắp *nồi đất,* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ nồi 1 lạng bạc và trả lại nồi đã lấy.

Ai ăn cắp *chum* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, phải cúng vía cho chủ chum 3 đồng cân bạc và trả lại chum đã lấy.

Ai ăn cắp cối, chầy *(chộc, xác)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cối, chầy nửa lạng bạc và trả lại cối, chầy đã lấy.

Ai ăn cắp *nỏ* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phía cúng vía cho chủ nỏ 3 đồng cân bạc và trả lại nỏ đã lấy.

Ai ăn cắp *tên không thuốc (pưn khao)* phải phạt 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ tên 3 đồng cân bạc và trả lại số tên đã lấy. Nếu ai ăn cắp tên đã dùng (pưn tai) thì không phải vạ.

Ai ăn cắp *trống (còng)* phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu trâu, phải cúng vía cho chủ trống 3 lạng bạc và trả lại trống đã lấy.

Ai ăn cắp *mâm (pán)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ mâm 1 lạng bạc và trả lại mâm đã lấy.

Ai ăn cắp *khoá* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ khoá 1 lạng bạc và trả lại khoá đã lấy.

Ai ăn cắp *đấu (đấu)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ đấu 1 lạng bạc và trả lại đấu đã lấy.

Ai ăn cắp *lư hương (lư)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lư 1 lạng bạc và trả lại lư đã lấy.

Ai ăn cắp *ống rượu cần (bua lấu)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ống 3 đồng cân bạc và trả lại số ống đã lấy.

Ai ăn cắp *chiếu, nếu là nhà giàu có*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chiếu 5 đồng cân bạc và trả lại chiếu đã lấy; *nếu là nhà nghèo*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chiếu 3 đồng cân bạc và trả lại chiếu đã lấy.

Ai ăn cắp *quạt, nón* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ quạt, nón 5 đồng cân bạc và trả lại quạt, nón đã lấy.

Ai ăn cắp *ống thuốc của đàn bà (ngẩu)* phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ống 3 đồng cân bạc và trả lại ống thuốc đã lấy.

Ai ăn cắp *cót phơi thóc (pòn)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cót 5 đồng cân bạc và trả lại cót đã lấy.

Ai ăn cắp *đó (xay)* để ở nhà phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ đó 5 đồng cân bạc và trả lại đó đã lấy.

Ai ăn cắp *hông xôi*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ hông 3 đồng cân bạc và trả lại hông đã lấy.

Ai ăn cắp *thúng (đúng), sàng (xâng)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thúng, chủ sàng 5 đồng cân bạc và trả lại thúng, sàng đã lấy.

Ai ăn cắp *phên vo gạo (huốt)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ huốt 5 đồng cân bạc và trả lại huốt đã lấy.

Ai ăn cắp *sọt (mống)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ sọt 5 đồng cân bạc và trả lại sọt đã lấy.

Đến đời **pha nha luông Bun Xềnh** mới hạ mức phạt xuống 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn và hạ mức vía cho chủ sọt xuống còn 1 đồng cân bạc và trả lại sọt đã lấy.

Ai ăn cắp *địu tre hay gùi (ớp), bế (giăng), hòm nan (bem)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ địu, gùi, bế, hòm 5 đồng cân bạc và trả lại các thứ đã lấy.

Ai ăn cắp *giỏ đựng rau (xạ)*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ giỏ 1 đồng cân bạc và trả lại giỏ đã lấy.

Ai ăn cắp *thuyền độc mộc (hừa), bè (tè, pè)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thuyền, bè 5 đồng cân bạc và trả lại thuyền, bè đã lấy.

Ai ăn cắp *cày* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cày 5 đồng cân bạc và trả lại cày đã lấy.

Ai ăn cắp *bừa* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn. Chủ bừa lấy con trâu của người ăn cắp.

Ai ăn cắp *ách trâu* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn. Chủ ách lấy con trâu của người ăn cắp.

Ai ăn cắp *mõ tre (khốc may póng) đeo ở cổ trâu* phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Chủ mõ lấy con trâu của người ăn cắp.

Đến đời **pha nha Bun Xểnh** mới bỏ lệ chủ ách, chủ mõ được lấy trâu của người ăn cắp, hạ mức phạt xuống 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu và hạ mức đền cho chủ ách, chủ mõ xuống 6 đồng cân bạc.

Ai ăn cắp *mõ gỗ (khốc may chinh) đeo ở cổ trâu*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ mõ 3 đồng cân bạc. Chủ mõ lấy con trâu của người ăn cắp.

Ai ăn cắp *chạc trâu (chước khoái)* phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chạc 3 đồng cân bạc và trả lại chạc đã lấy.

Ai ăn cắp *cây trồng (may púc)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cây 1 lạng bạc và trả lại cây đã lấy.

Ai ăn cắp *phang* (thứ gỗ đỏ rất hiếm dùng để nhuộm vải - ND) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ phang 1 lạng bạc và trả lại phang đã lấy.

Ai ăn cắp *gianh đã đánh thành gắp* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gianh 1 lạng bạc và trả lại số gianh đã lấy.

Ai ăn cắp *rào (khẻn hụa)* phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ rào 1,5 lạng bạc và trả lại rao đã lấy.

Ai ăn cắp *củi (lua)* phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ củi 3 lạng bạc và trả lại số củi đã mất.

Ai cắt trộm *gai (tặt pan) chưa cắt*, phải phạt 5 lạng bạc kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gai 1 lạng bạc và trả lại số gai đã lấy.

Ai ăn cắp *gai đã cạo*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gai nửa lạng bạc và trả lại số gai đã lấy.

Ai ăn cắp *lá dâu nuôi tằm*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lá dâu 1 lạng bạc và trả lại số lá dâu đã hái.

Ai ăn cắp *bẫy đặt trên đất hay dưới nước (náng bộ, náng nặm)* phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ bẫy 1,5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ bẫy 1,5 lạng bạc và trả lại bẫy đã lấy. Nếu được thịt phải trả lại thịt, được cá phải trả lại cá.

Ai ăn cắp *chài, lưới giăng (mòng)* phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chài, chủ lưới 1,5 lạng bạc và trả lại chài, lưới đã lấy.

Ai ăn cắp *súc cá loại lớn (cọ tống)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ súc cá 1 lạng bạc và trả lại súc cá đã lấy.

Ai ăn cắp *súc cá nhỏ (bặc)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ súc cá 1 lạng bạc và trả lại súc đã lấy.

Ai ăn cắp *giỏ đựng cá (muống)*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ giỏ 3 đồng cân bạc và trả lại giỏ đã lấy.

Ai ăn cắp *diêm sinh* phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ diêm sinh 3 đồng cân bạc và trả lại số diêm sinh đã lấy.

Ai ăn cắp *diêm thuốc trong hang giơi (hiêm)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ diêm thuốc 1 lạng bạc và trả lại diêm thuốc đã lấy.

Ai ăn cắp *thuốc súng (xuốc)*, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thuốc súng 3 đồng cân bạc và trả lại số thuốc súng đã lấy.

Ai ăn cắp *đạn* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ đạn 5 đồng cân bạc và trả lại số đạn đã lấy.

Ai ăn cắp *giây đốt bùi nhùi (hăng mai)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ giây 1 lạng bạc và trả lại giây đã lấy.

Ai ăn cắp bầu đựng thuốc súng, thứ thuốc nhậy bắt lửa của súng hỏa mai (vồng mác ngòi), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ bầu, chủ thuốc 3 đồng cân bạc và trả lại bầu, thuốc đã lấy.

Ai ăn cắp *liệm* (một phụ tùng trong súng hỏa mai - ND), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ liệm 1 lạng bạc và trả lại liệm đã lấy.

Ai ăn cắp *nước lã (nặm tá)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ nước 3 đồng cân bạc, và trả lại số nước lã đã lấy.

Điều XI. Luật đối với người đánh người.

Ai đánh *tạo* phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía (peng chơ peng tạo) cho tạo 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu.

Ai đánh *ông, bà ruột của mình (pú giá óc)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ ông, bà 1 lạng kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *bố, mẹ chồng (pỏ pú, mẻ giá óc)*, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu phải cúng vía cho bố, mẹ 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *cậu, dì ruột của mẹ (pó nạ, mẻ nạ óc)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho cậu, dì 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *ông, bà ngoại (ta lung óc)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho ông, bà 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *bác ruột (pá lung óc)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, phải cúng vía cho bác 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *chú, thím ruột (ao, a óc)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chú vía cho chú, thím 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *anh, chị ruột (ải, ưởn óc)*, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho anh, chị 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *vợ bác ruột (pá pợ óc)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *thím ruột (a pợ óc)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho thím 3 lạng bạc, kèm thèo rượu, lợn.

Ai đánh *mợ ruột* (vợ cậu) *(nạ pợ óc)*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho mợ 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *chị dâu ruột (ưới pợ óc)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chị 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *chồng bác ruột (ao khươn óc)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu trâu, phải cúng vía cho bác 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *chồng cô ruột (ao khươn óc)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chú 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *cậu rể ruột (nạ khươn óc)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho cậu rể 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *anh rể ruột (pí khươn óc)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho anh 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *bố, mẹ vợ (po tá, mẹ nái óc)* phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho bố mẹ 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *anh, chị vợ ruột (pí lung, pí pá óc)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho anh, chị 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Vợ cả (me luông) đánh vợ lẽ (me nọi) phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho vợ lẽ 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Vợ lẽ đánh vợ cả phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho vợ cả 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Vợ đánh chồng phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chồng 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *người khác thuộc bề trên (pướn thản tẻnh)* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho người bề trên 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *người khác thuộc kẻ dưới (pướn thản tở)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm rượu, lợn, phải cúng vía cho kẻ dưới 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh *người khác cùng vai vế (pướn tò căn)* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho người bị đánh 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Điều XII. Luật đối với người chửi cay nghiệt (chấm cỏ nóng)

Ai chửi *tạo* phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho tạo 5 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi *ông, bà ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn phải cúng vía cho ông, bà 1 lạng bạc kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi *bố, mẹ* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía bố, mẹ 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn

Ai chửi *cậu của mẹ ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho ông 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi *dì của mẹ ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho bà 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi *ông, bà ngoại* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho ông, bà 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi *bác ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho bác ruột 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi *chú, thím ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu lợn, phải cúng vía cho chú, thím 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi *cậu ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho cậu 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi *anh, chị ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho anh, chị.

Ai chửi *bác gái ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho bác.

Ai chửi *thím ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho mợ.

Ai chửi *mợ ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho mợ.

Ai chửi *chị dâu ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho chị.

Ai chửi *chồng bác ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho cho bác.

Ai chửi *chồng cô ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho chú.

Ai chửi *cậu rể ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu lợn cúng vía cho cậu.

Ai chửi *anh rể ruột* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn, lợn cúng vía cho anh.

Ai chửi *bố, mẹ vợ* phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho bố, mẹ 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi *anh, chị vợ ruột*, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho anh, chị 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Vợ cả chửi vợ lẽ, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất một hũ rượu cúng vía cho vợ lẽ.

Vợ lẽ chửi vợ cả phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho vợ cả.

Ai chửi *người khác thuộc bề trên*, phải phạt 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho người bề trên 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi *người khác thuộc kẻ dưới* phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất một hũ rượu cúng vía cho kẻ dưới.

Ai chửi *người khác bằng vai vế* hay em dâu cãi nhau phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía người bị chửi.

Điều XIII. Luật về việc trộm yêu (lặc mặc) tức hủ hoá, loạn luân.

1. Luật xử phạt ai trêu ghẹo vợ hay chồng người ta đi đến chỗ làm cho tan hoang nhà cửa phải phạt 25 lạng bạc, ngoài ra lại phải cúng vía cho đương sự 3 lạng bạc kèm theo rượu lợn.

2. Luật xét trai gái hai bên đồng tình yêu nhau thì phạt cả hai bên; nếu trai ép gái thì phạt bên trai; nếu gái ép trai thì phạt bên gái.

a. Trường hợp loạn luân với người trọng họ khi chưa có chồng (nhằng xao) chưa để có mang

Trộm yêu với *bác ruột (pá óc)* khi chưa có chồng, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu với *cô ruột (a óc)* khi chưa có chồng nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu với *dì ruột (nạ óc)* khi chưa có chồng, nếu bắt được, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc

kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *chị ruột (ưởi óc)* khi chưa có chồng, nếu bắt được, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng kèm rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *em ruột (nọng óc)* khi chưa có chồng, nếu bắt được, phạt trai 15 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *con đẻ (lục óc)* khi chưa có chồng, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc, cả trai lẫn gái mỗi bên 3 lạng bạc kèm theo rượu lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *cháu ruột (lan óc)* còn con gái, nếu bắt được phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *chị vợ (pí pả óc)* khi chưa có chồng, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho *lúng ta* (bên nhà vợ).

Trộm yêu *em vợ (nọng nạ óc)* khi chưa có chồng, nếu bắt được phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho *lúng ta.*

Trộm yêu *con riêng của mẹ (lục khé hay lục mừa nằm mẻ)* khi chưa có chồng, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

b. Trường hợp loạn luân với người trong họ khi chưa có chồng, để có mang.

Trộm yêu *bác ruột* khi chưa có chồng mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *cô ruột* khi chưa có chồng mà có mang, nếu bắt được,

phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *dì ruột* khi chưa có chồng mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *chị ruột* khi chưa có chồng mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *em ruột* khi chưa có chồng mà có mang, nếu bắt được phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *con đẻ* khi chưa có chồng mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc, gái 45 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ

Trộm yêu *cháu ruột* khi chưa có chồng mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *chị vợ* khi chưa có chồng mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng ví cho *lúng ta.*

Trộm yêu *em vợ* khi chưa có chồng mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho *lúng ta.*

Trộm yêu *con riêng của mẹ* khi chưa có chồng mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng để cúng vía cho cả họ.

c. Trường hợp hủ hoá với vợ tạo và loạn luân với người trong họ đã có chồng.

Trộm yêu *vợ tạo* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc. Gái

phải xăm (hay thích) mặt, bắt làm tôi tớ, cắt bỏ búi tóc.

Trộm yêu *mẹ đẻ (mẻ óc)*, còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc, gái 45 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, trâu cúng vía cho bố, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, trâu cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *bác ruột* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bác, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *cô ruột* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *chị ruột* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh rể, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *em ruột*, còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc, trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em rể, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *con ruột còn chồng*, nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc, gái 45 lạng bạc, trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho con rể, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *bác ruột (pá pợ óc)* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bác, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *thím ruột (a pợ óc)*, còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc để cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *mợ ruột (nạ pợ óc)* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cậu, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *chị dâu ruột (pí pợ óc)* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *em dâu ruột (nọng pợ óc)* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *con dâu (lục pợ)* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái phạt 35 bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn chưa cho con, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn chữa cho chồng.

Trộm yêu *cháu dâu (lan pợ)* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cháu, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *mẹ vợ (mé nái)* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bố vợ, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *em ruột mẹ vợ (mé nái nạ óc)*, còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, cúng vía cho chú vợ, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *chị ruột vợ (me nái pá óc)* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh vợ, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *em ruột vợ (nọng nạ óc)* còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc; gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em vợ, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng

vía cho chồng.

d. Trường hợp hủ háo với vợ tạo và loạn luân với người trọng họ còn chồng rủ nhau trốn đi (lặc mặc... pà ni)

Trộm yêu *vợ tạo*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc. Trai phải đền tạo 35 lạng bạc, phải cúng vía cho tạo 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Ngoài ra, trai phải viết giấy cam đoan trả lại vợ cho tạo. Nếu tạo tốt vẫn thương coi là vợ thì thôi, nếu không, người vợ phải làm tôi tớ, phải thích mặt, cắt bỏ búi tóc.

Trộm yêu *mẹ đẻ*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bố, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu *bác ruột*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bị bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bác, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Nhà gái (lúng ta) phải trả tiền *cà hua* cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu *cô ruột*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Nhà gái phải mất tiền *cá hua* cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu *dì ruột*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Cả trai lẫn gái đều phải trả tiền *cá hua* cho nhà chú, một gấp đôi.

Trộm yêu *chị ruột*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho nhà chồng. Nhà gái phải trả *cá hua* cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu *em ruột*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em rể, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Nhà gái phải trả tiền *cá hua* cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu *con để* còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho con rể, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Nhà gái phải trả tiền *cá hua* cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu *cháu ruột* còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cháu rể, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Nhà gái phải trả tiền *cá hua* cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu *vợ bác ruột* còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bác, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Cả trai lẫn gái đều phải trả tiền *cá hua* cho nhà bác, một gấp đôi.

Trộm yêu *thím ruột* còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Cả trai lẫn gái đều phải trả tiền *cá hua* cho nhà chú, một gấp đôi.

Trộm yêu *chị dâu ruột*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền *cá hua* lấy vợ khác cho anh. Nhà gái phải trả lại *cá hua* cho rể.

Trộm yêu *em dâu ruột*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được,

phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh em, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền *cá hua* lấy vợ khác cho em. Nhà gái phải trả lại *cá hua* cho rể.

Trộm yêu *con dâu* còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho con, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền *cá hua* lấy vợ khác cho con. Nhà gái phải trả lại *cá hua* cho rể.

Trộm yêu *cháu dâu* còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cháu, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền *cá hua* lấy vợ khác cho cháu. Nhà gái phải trả lại *cá hua* cho rể.

Trộm yêu *mẹ vợ* còn chồng rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bố vợ, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền *cá hua* lấy vợ khác cho cho bố vợ. Bố vợ lại đòi con gái (tức vợ của trai - ND) về. Ngoài ra lúng ta của bố vợ phải trả lai *cá hua* cho rể.

Trộm yêu *em ruột mẹ vợ* còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú vợ, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền *cá hua* lấy vợ khác cho chú vợ. Bố vợ của trai lại đòi con gái (tức vợ của trai - ND) về. Ngoài ra *lúng ta* của chú vợ phải trả lại *cá hua* cho rể.

Trộm yêu *chị ruột vợ*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh vợ, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền *cá hua* lấy vợ khác cho anh. Bố vợ của trai lại đòi con gái về và trả lại *cá hua* cho rể.

Trộm yêu *em ruột vợ*, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em vợ, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền *cá hua* lấy vợ khác cho em vợ. Bố vợ của trai lại đòi con gái về và phải trả lại *cá hua* cho rể.

Trong tất cả trường hợp, nếu người chồng còn thương vẫn coi là vợ thì thôi, nếu không, người vợ thành tôi tớ cho nhà chồng.

đ. Trường hợp hủ hoá với vợ goá tạo và loạn luân với gái goá người trong họ.

Trộm yêu *vợ tạo goá*, nếu bắt được, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng ví cho chủ mái. Phải làm ma cho tạo cũ rồi cho hai bên lấy nhau.

Trộm yêu *mẹ đẻ goá*, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vái cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, trâu cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *cô ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *dì ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *chị ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *em ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25

lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *con đẻ goá*, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *cháu ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *vợ bác ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *vợ chú ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *vợ chú ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *vợ cậu ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *chị dâu ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo

rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *em dâu ruột goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *con dâu goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *cháu dâu goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *mẹ vợ goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *lúng ta*, 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*.

Trộm yêu *em ruột mẹ vợ góa*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *lúng ta*, 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*.

Trộm yêu *em ruột vợ goá*, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *lúng ta*, 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái*.

c. Trường hợp hủ hoá với người vợ góa tạo và loạn luân với gái hoá người trong họ để có mang.

Trộm yêu *vợ tạo goá* để có mang, nếu bắt được phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc,

kèm theo rượu, trâu cúng vía cho *chủ mái*. Phải làm ma cho tạo cũ, rồi cho hai bên lấy nhau.

Trộm yêu *mẹ đẻ goá* để có mang, nếu bắt được phạt trai 55 lạng bạc, gái 55 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc kèm theo rượu, trâu cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *bác ruột goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *cô ruột goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *dì ruột goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *chị ruột goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *em ruột goá* để có mang, nếu bắt được phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *con đẻ goá* để có mang, nếu bắt được phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *cháu gái goá* để có mang, nếu bắt được phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía *cho chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *vợ bác ruột goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *thím ruột goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *vợ cậu ruột goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *chị dâu ruột goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *em dâu ruột goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *con dâu goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ họ.

Trộm yêu *cháu dâu ruột goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng

bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *mẹ vợ goá*, để có mang nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc, gái 45 lạng bạc. Trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho *lúng ta* và mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, trâu cúng vía cho cả họ. Gái mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho *chủ mái*. và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *em ruột mẹ vợ góa* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho lúng ta và mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu *chị ruột mẹ vợ goá* để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Trai mất thêm 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *lúng ta* và mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho *chủ mái* và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

g. Trường hợp hủ hoá với gái khác họ.

Trộm yêu *gái tân (xao đai)* không phải phạt.

Trộm yêu *gái tân và rủ nhau trốn đi*, nếu bắt được mà tạo cho phép hai người được lấy nhau không phải phạt. Nếu không bắt được, nhà trai phải đền cho nhà gái *cá hua* vì người nhà mình quyến rũ con người ta.

Trộm yêu *gái tân để có mang*, nếu bắt được, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Ai không có tiền nộp phạt phải bắt về nhà tạo làm tôi tớ *(khỏi)*.

Trộm yêu *người con gái khi đã có người dạm hỏi (cáng mác)*, phạt trai 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, gái 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Trai mất thêm 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho nhà

người con gái *lúng ta*, con gái mất 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng chưa cưới.

Trộm yêu *người con gái khi đã có người dạm hỏi mà rủ nhau trốn đi*, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho nhà người con gái. Ngoài ra còn phải đền vợ cho người ta tức là mất tiền *cá hua*. Gái phải trả của cho người chồng chưa cưới và mất 1 lạng bạc cúng vía cho chồng chưa cưới.

Trộm yêu *người con gái khi đã có người dạm hỏi mà để có mang*, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho nhà người con gái. Ngoài ra còn phải đền vợ cho người ta tức là mất tiền *cá hua*. Gái phải trả của cho người chồng chưa cưới và mất 1 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho người chồng chưa cưới.

Trộm yêu *gái đã có chồng mà chồng còn sống*, phạt trai 35 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người còn mất 5 lạng bạc kèm theo rượu, trâu cúng vía cho người chồng. Chồng đòi lại tiền *cá hua*, và các thứ tiền khác khi cưới xin một gấp đôi. Gái về với chồng cũ nếu ngoan thì nên vợ, nếu không thì làm tôi làm tớ.

Trộm yêu *gái đã có chồng mà chồng còn sống, lại rủ nhau trốn đi*, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho nhà người con gái, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Chồng đòi lại tiền *cá hua*, và các thứ tiền khác khi cưới xin một gấp đôi. Gái về với chồng cũ nếu ngoan thì nên vợ, nếu không thì làm tôi làm tớ.

Trộm yêu *người gái góa*, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Chủ mái được hưởng tiền cá hua. Nếu không còn người thân thích đủ tư cách làm chủ mái, thì tạo hưởng *cá hua*. Cả trai lẫn gái phải mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho chồng cũ.

Trộm yêu *gái góa mà để có mang*, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Cho hai bên được lấy nhau sau khi đã làm ma cho chồng cũ đầy đủ.

Điều XIV. Luật chăm sóc vợ chồng khi đau ốm.

Vợ chồng lấy nhau phải khi đau ốm, dù trường hợp nào cũng vậy phải trông nom săn sóc nhau chu đáo.

Nếu vợ ốm, chồng phải chăm sóc thuốc thang. Nếu chồng bỏ đi, không trông nom, phạt nhà chồng 35 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Nhà chồng mất thêm 5 lạng bạc kèm theo rượu, trâu cúng vía cho nhà bên vợ *(lúng ta)*

Nếu chồng ốm, vợ phải săn sóc thuốc thang, phải trông nom suốt đời, "đời chủ cây, đời người nhà" *(tới chẩu may, tới còn hườn)*. Nếu vợ bỏ đi, không trông nom, phạt nhà gái 35 lạng bạc kèm theo rượu, trâu. Nhà gái mất thêm 5 lạng bạc kèm theo rượu trâu cúng vía cho chồng.

Điều XV. Luật nuôi con nuôi.

Nếu cho nhà mình chưa đông con, mà đi xin con người về làm con nuôi, thì khi chia của cải phải chia cho công bằng. Ví dụ chia ruộng: con cả *(thẩu ải)* được 10 bó *(nhác)*, con thứ hai *(thẩu hai)* được 9 bó; con thứ ba *(thẩu pa)* được 8 bó; con thứ tư *(thẩu pốn)* được 7 bó; con thứ năm *(thẩu hả)* được 6 bó; con thứ sáu (thẩu hốc) được 5 bó; con thứ bảy *(thẩu chết)* được 4 bó; con thứ tám (thẩu pét) được 3 bó; con thứ chín *(thẩu cẩu)* được 2 bó; con thứ mười *(thẩu xịp)* được 1 bó. Con gái không được hưởng gì từ đồ đạc trong nhà *(chưởng tô)* cho đến ruộng hoang *(nà hộc, nà hựa)*, nương rẫy hay rừng non *(lau le)*; từ cây chua, cây ngọt, gốc cau, gốc mít, gốc trầu không cho đến cây có đặt bẫy *(cú mỏ co nạm)*, hang ron, hang giơi, hang con ron con cày bay *(thẩm hon con báng)*, đống đá ở suối *(nhúm nong cong hụm)*. Chỉ có con trai, dù con nuôi hay con đẻ, mới được hưởng tất cả các thứ đó.

Điều XVI. Luật về việc tạo lấy vợ

Nếu tạo lấy vợ, dân thường (pú nọi) phải nộp tiền cá hua cho tạo.

Điều XVII. Luật về việc tạo phải vạ.

Nếu tạo mắc tội phải phạt, phải vạ, dân thường phải góp của cho tạo.

Bằng ấy điều trên phải được coi trọng. Nếu ai không tuân theo, đừng chê trách luật.

ĐẠO LÝ LÀM NGƯỜI [1]

1. Con người ta trời sinh, trời đặt.

2. Ganh nhau làm hướng về phía trước mới nên.

3. Thấy điều hay phải học:

- Tắc phép phải biết đủ,

- Đạt tới độ trung bình mới gọi là phải.

4. Đừng chây lười, ngại việc,

- Đừng tiếc công tiếc sức gắng lòng làm ăn,

- Việc làm được, lớn như đồi như núi chưa đủ,

- Đổ mồ hôi, cạn kiệt sức mới vừa tầm.

5. Tiền bạc, của kiếm khó,

- Buôn gian bán lận, người không ưa.

- Bởi thế, tiền bạc đặt ngôi dưới,

- Thóc lúa đặt ngôi trên.

6. Của cải từ tay chân làm ra là nguồn tuôn chảy,

Của cải từ cha mẹ để lại là nước lũ cuốn đi.

7. Gom của phòng mùa thiếu,

- Khi đói để mua ăn.

8. Đừng ăn quá mức, diện vượt tầm.

- Ăn vừa đủ, diện vừa mình.

9. Phải suy ngẫm vắn, dài, tốt, xấu.

10. Khi rủi ro, lúc may mắn,

- Gặp xấu phải nén lòng chịu

- Gặp thiệt phải nén lòng chịu

- Đừng mỉa đời, hờn giận.

11. Không xiên xỏ, kiếm điều.

12. Câu tục ngữ ta mang đầy đủ

13. Mắt nhìn thấy bà nàng[2], có nước da hồng hào;

- Đừng thèm khát, giáp mặt, liếc tình;

- Sẽ đưa nhau vào vòng mù quáng, tan cửa nát nhà.

14. Khách tới nhà bất chợt đều phải đón tiếp,

- Người hạng nào (tiếp theo) hạng nấy.

- Người vội vàng hỏi ăn đừng nghe.

- Người vênh váo, kiêu căng, đừng đàm đạo.

- Người tốt thường thổ lộ điều hay.

- Người gian hùng thường nói lời ngọt, phỉnh nịnh.

- Bởi vì chúng luôn luôn suy nghĩ cong queo.

- Có thế thật, hãy nghe cho kỹ.

15. Đừng hấp tấp vội vàng.

16. Đừng bỏ chấy lên đầu,[3]

- Đừng nhập bọn người gian, nó sẽ lụy tới thân.

17. Đừng chung chạ với kẻ keo kiệt.

18. Đừng bỡn người dở hơi

19. Không tàn bạo chém giết bừa bãi.

20. Không tham lam của cải

21. Không cưng người mình thương,

- Nếu không dậy, không bảo, chúng sẽ không biết đường

khôn ngoan.

22. Có lòng phục, lòng thiện mới nên.

- Bởi vì tốt, may, thành đạt mãi cũng có lúc gặp xấu, rủi, lụn bại.

- Không chịu được, rẽ ngang để cho đời dang dở, thật đáng tiếc.

23. Vợ chồng nên luôn ôn nhớ lại thời quá khứ.

24. Người già hãy dạy con bảo cháu,

- Để quá thì, chúng lớn khó bảo,

- Cha dạy từ tốn, con cũng nổi giận, không nên

- Lúc quá thời dạy dỗ,

- Con cháu thành đần độn,

- Lớn lên tưởng mình cao bằng núi,

- Những đỉnh núi cao không vượt gối của người.

- Rùa bé lại muốn đòi thi chạy nhanh,

- Vì thế chúng mới cưỡng cha mẹ.

25. Người đi kẻ lại phải xem biết ai tốt, xấu.

- Mặc rách rưới, người có lòng nhân nghĩa cũng nên.

- Người mặc đẹp, ăn ngon, lòng dối trá cũng có.

26. Mắt không thấy, không biết, đừng làm.

- Đừng ăn "nấm một chân" [4]

- Đừng với theo những kẻ nịnh hót, mách qué.

- Không nên nghe lời xúc, lời xiểm, bịa đặt,

- Nhưng, ai nói điều gì cũng nên ghi nhận.

- Mình biết vậy, họ nói xấu cũng chẳng sao.

27. Chết chôn rồi có sống được không?

28. Hổ mang nuốt con rết [5]

29. Hạt mưa đá lại nóng hơn lửa [6], có không?

- Ở nơi xa, người nói: "thế này", liệu có không?

- Bởi vậy, mình làm tốt, kẻ nói là xấu, vẫn là tốt.

- Mình làm dở, người đồn là tốt, vẫn là dở.

- Có hay không thiên hạ đều biết.

30. Đừng ngoại tình, trộm cắp.

31. Đừng vu oan giá họa

32. Không ăn gian nói dối,

- Nhiều lần sẽ lụy thân,

- Và đành đưa thân vào vòng tội lỗi.

33. Những việc cong queo, không theo là tốt nhất,

- Bởi vì có loài ma kề trên đôi vai

- Mình làm điều dở tự khác có người tường[7].

34. Vỗ tay cần nhiều ngón,

- Bàn bạc cần nhiều người

- Sống không cảnh cô quạnh.

- Nghe ầm ầm chạy tới.

- Đồn ồn ào tới coi.

- Có tập đoàn mới nổi

- Nhập vào hội cùng người mới hay.

35. Ở nơi này chớ khoe khoang nơi kia,

- Ở bậc dưới không khoe khoang bậc trên,

- Xem núi này thì thấp

- Nhìn núi nọ thì cao.

- Rừng già ở mường người không bằng rừng ót của mường mình

- Tốt của mường người không bằng thối của mường ta.

36. Rời nơi ăn chốn ở mãi mãi rồi cũng thành ma

- Bỏ chốn cũ sang nơi ở mới liên tiếp rồi cũng thành kẻ tôi đòi.

- Bỏ nhà mất vò mẻ

- Bỏ chốn mất nơi ăn

- Bỏ bản mất cây ăn quả.

- Rời làng bỏ gốc trầu.

37. Không dựa dẫm vào người thì hay hơn.

- Những người làm ơn cho mình phải ghi lòng tạc dạ.

- Cố gắng làm cho tới ngày được đền đáp

- Người ăn nên, làm ra càng phải nghe cho thật kỹ.

38. Mong cậy nhờ nơi con người, mong suông,

- Mong nương tựa con người, mong hoài.

- Con của người xách chùm quả tới cho.

- Xách giỏ cá lại cho mình.

39. Là em phải vâng lời anh,

- Có điều xấu của mình đừng giữ kín,

- Phòng khi dở, không kéo lại được.

40. Làm người phải ngay thẳng.

41. Học chữ phải ghi nhớ, đừng lười.

42. Vào bản đừng gây náo động.

- Vào mường đừng để tiếng người chê

- Ở cho ngay, đi cho thẳng[8]

- Đừng vào "lỗ sóc, ra lỗ chuột" [9]

- Nói phải nghĩ

- Bàn phải suy

- Nhổ nước miếng phải nhìn khe sàn[10]

- Ngồi sổm nhìn khe đùi [11]

- Ăn cơm ở nhà người đừng chê

- Đòi hỏi quá, người không ứng đáp được.

- Khi tiếp khách, thức ăn, uống bầy cho đủ.

- Lúi xùi quá, không nên.

- Khách ăn nhìn vào mình.

- Uống rượu có reo vui ca hát.

- Cần có người dẫn dắt cuộc vui chung.

43. Cưỡi ngựa cần xem đủ bộ yên cương.

44. Săn nai, hoẵng đừng rời vị trí mai phục[12].

45. Người xấu chớ hám diện đẹp,

- Của không vừa sẽ phí,

- Ăn vận vào thân, thế nào cũng chẳng xinh chẳng đẹp.

46. Đương làm việc gì cần giữ kín chưa thành đừng vội thốt.

47. Đừng chê cây lúa nuôi người [13]

48. Lúc gặp chỗ đang lộn xộn, lắm điều chớ vội ra tay hành động.

49. Người đạm bàn, đừng chõ tai nghe trộm.

50. Nhiều người ghét thì khó.

51. Người nói hãy nghe xem,

- Có tai nghe thật kỹ

- Đừng vội vàng hấp tấp;

- Mà bỏ chấy vào đầu [14]

52. Người già thường cáu gắt.

53. Bừa bãi lửa thường sinh nạn cháy.

54. Làm không được đừng tự chửi bới.

55. Thời nào có đời ấy, [15]

- Vội vã sẽ không thành

56. Nhiều người (thương) đắp (mình) thành vũng,

- Nhiều người ghét (khơi, bới mình) thành thác ghềnh.

57. Cầm súng đừng để ngọn đầu súng xuống thấp [16]

58. Vào rừng chớ đi một mình

- Gặp tai ương, tự cứu mình không được.

59. Trèo cây xem "cành nối" [17]

- Nhìn xuống thấy hẫng hụt đừng leo [18].

60. Gấu, hổ, voi, lợn rừng, bò tót.

- Những giống này đã bị thương đừng ham mà lần theo vết,

- Bởi vì chúng hung tợn biết đánh trả.

- Lần không khéo bị nhỡ,

- Đã dở rồi, đành bỏ mạng, thiệt thân.

61. Lẽ làm người như đào đất, có từng lớp nhưng không bao giờ tận.

- Con k*hun* được là *chưởng*

- Con *chưởng* được làm *quan*.

- Con *quảng* được làm *xự*

- Con x*ự* được là *kéo* là *hao* cũng[19] tốt rồi

- Đáng bạc ngàn chỉ được trăm

- Đáng bạc trăm chỉ được một, hai chục cũng còn hơn [20].

62. Làm người nhờ vào vận mà phát;

- Làm được con hơn cha

- Nhìn được cao

- Trông được thấp

- Nghĩ được tới

- Đạt được bằng

- Tên tuổi nổi lừng danh

- Ầm ầm người bao quanh

- Của cải đầy, đạt được như ý

- Lời đàm đạo phải lý phải luật

- Người như thế được làm quan, sung sướng, giầu có cũng đáng.

63. Người nào có mắt rắn,

- Tai loài hầu

- Thân thể ở không yên, uốn éo, thích làm đỏm,

- Người như thế trong lòng đầy chông gai,

- Đừng hỏi gì đến chúng,

- Đừng gần gũi, gắn bó,

- Néo quá thì bị gẫy,

- Người chăm lại hóa lười,

- Kéo theo bạn hư đốn.

64. Đừng ném đá qua vai,

- Đừng dùng nước ở bến dưới, bến trên, [21]

65. Đừng nhặt lời đi, xoay tiếng lại,

66. Đừng nhúp lông sâu bọ bỏ vào đùi,

67. Đừng đem bụi dụi lên mắt,

68. Đừng cạy cây khô để tìm con rết [22].

69. Anh em đừng bỏ nhau;

Không nặng tiếng, trái lời,

Không xóc mách nhỏ nhen,

Phải năng tới hỏi thăm,

Phải đoàn kết, nhớ lấy,

Không đi lại thăm viếng,

- Hãy nhớ câu tục ngữ không sai:

" Cây không róc thành gai,

Người thân không thăm hỏi cũng thành dưng"

70. Đối với người muốn giầu sang phú quý,

- Hay lại muốn nghèo túng khốn cùng?

- Muốn trở thành người tốt, yên mọi bề, phải học,

- Muốn để bụng đói hãy nằm im,

- Muốn ăn ngon, trồng quả,

- Muốn ăn ở nghèo khó thì chỉ nói, không làm,

- Muốn thành lớn hãy bắt tay từ việc nhỏ.

71. Muốn bị bắt làm tôi đòi thì đi trộm trâu.

72. Muốn chết hãy đi chơi vợ người.

73. Đi đường gặp người già lưng còng đừng cười,

- Bởi vì truyện đời xửa đời xưa họ thấu,

- Cây nhọn không bằng sắt cùn,

- Trẻ hiểu biết không bằng già quên,

- Gò mối mọc giữa rừng trở thành "điểm sáng" cho cây bông, cây lúa[23].

- Người già sống giữa làng trở thành tia sáng của *bản mường*[24].

- Bởi vậy, chặn bịt nước ta cần đất sét,

- Dựng xây *mường* cần tới người già,

- Cái gì cũng không bằng được tắm trong nước mát,

- Cũng không bằng người được thấy trời trước ta,

- Người già không đi được thành người ở không,

- Người ở không dậy kỹ người đi làm,

- Người đi làm không vì thế mà bực dọc,

- Con, cháu cưỡng lại bậc cha ông ắt dẫn đến chỗ lìa khỏi cộng đồng.

- Tuổi nào lứa ấy hợp quần, trông cậy nhau.

74. Thương nhau ở bát canh,

- Mến nhau ở lời nói,

- Đừng nói quá lời,

- Đừng kể quá câu,

- Đừng khen mình, chê người,

75. Hai bên nể nang nhau tựa như có đường cái lớn đành bỏ trống,

- Hai bên không nể nang nhau, tựa như luôn luôn thụi đầu gối vào nhau,

- Mình khinh người, người khinh lại mình,

- Ta nhường nhịn người, người nhường nhịn lại ta,

- Mình thương người, người thương lại mình.

76. Có điều gì hãy hỏi lại lịch sử,

- Đừng vứt bỏ tri thức,

- Dốt nát còn ương ngạnh, không nên,

- Không biết thì hỏi,

- Không đẹp thì trau chuốt,

- Làm bừa thì không thành,

- Sắp làm việc gì hãy tính đếm trước,

- Không tính không đếm trước làm cái gì cũng không thành,

- Bởi vì, làm ăn có tháng,

- Cũng như làm nhà có ngày,

77. Dù có hai, ba rặng núi che khuất,

- Lời thì thầm người dưng cũng hay.

78. Vợ, chồng không tự nhiên mà có,

- Cũng như móc treo vật không tự nhiên mà thành,

- Những lẽ đời như thế đều do thiên định,

- Điều đó chính là mệnh ai phận nấy,

- Ngàn người không có chung một số phận,

- Số được nó tự thành,

- Vận không đến ắt cũng chẳng thành,

- Người đời mới có câu: "khôn không qua được trời, dại cũng chẳng qua được số được mệnh".

79. Điều gì cũng không hơn được tấm lòng thành,

- Nhẫn được thành người khôn,

- Chăm được thành người tài,

- Lễ phải, bàn không hết,

- Đường đối trá tuy biết mọc mầm,

- Nhưng cũng có lúc phải tận.

80. Uống rượu đừng say nhiều,

- Say nhiều quá chếnh choáng, hôn mê, người cười chê.

81. Làm không được đừng chửi trời trách đất,

- Bởi vì do chính mình, nghĩ không được, chân tay không tới.

82. Đừng làm cho cha mẹ mếch lòng.

- Không thốt mắng thốt những lời nặng tiếng,

- Con ai tâm nấy,

- Ơn mẹ dưỡng cha sinh,

- Nhọc nhằn ấy hơn cả trái núi lớn,

- Nhưng vẫn còn có nhiều người,

- Điên dại, chẳng nghĩ gì tới công cha mẹ nuôi nấng,

- Họ còn đánh đuổi, chửi thét mắng, lời bỉ ổi xui cho chết.

83. Ở *nương* toàn bụi rậm,

- Ở vườn toàn gai hạt dẻ,

- Hai cạnh sườn toàn tiếng xúi bẩy,

- Một người mưu đánh thắng thì bị phân chia,

- Nhiều người cùng bầy mưu để thắng có hơn, nhưng đã chắc gì?

84. Người thương chỉ bé bằng một miếng da [25].

- Người ghen ghét đầy cả cõi *mường bản.*

85. Có thỏi bạc thỏi vàng dài tới chín sải tay, dầy bằng chín nắm tay để chồng,

- Không bằng có con *mương* dẫn nước to bằng bịch thóc đổ vào ruộng.

- Và chín con trâu chuyên kéo cày mọi mùa,

- Nuôi con lợn béo không bằng làm "vườn gầy" [26]

- Buôn bán không hay bằng làm *mương phai*, làm ruộng thu thóc lúa,

- Làm *mương* không phí,

- Làm *phai* không hoài,

- Lười biếng bụng trống rỗng,

- Chăm làm, bụng no,

- Chân tay không ở yên,

- Đầu gối không im lặng,

- Làm ruộng, *mương, phai* tốt,

- Ắt có thóc đầy bồ đầy bịch.

- Chẳng làm gì, "gác chân ăn mỏ vàng bằng trái núi cũng hết"

86. Đi hơn ở,

- Ngồi hơn nằm,

- Ngã nằm đó không bằng đứng dậy,

- Kẻ khôn ngoan nơi *quản nhà tạo* không bằng người đi khắp muôn *mường*[27],

- Đi nhiều thấy nhiều điều khôn ngoan hơn mình,

- Ghi vào lòng để hiểu biết và khôn.

- Bởi vì tiền bạc dù có tới mức phải mang đeo nặng cũng không bằng mưu chước ở trong lòng.

87. Bạc vàng là của trời,

- Gạo nước là của *then*,

- Ai khóc tay, chống gối để chèo chống thì được.

88. Giỏi bậc thầy cũng có lúc nhỡ,

- Bậc thợ khéo cũng có khi bị sai,

- Thớt voi lớn còn có lúc bị trượt,

- Chức *chang pát* chuyên bầy thức lên mâm cúng của *một* của *mo* cũng còn nhầm [28].

- Không ai gặp xấu cả năm,

- Cũng không ai gặp tốt cả đời.

89. Người biết già

- Rượu biết nhạt,

- Làm quan có lúc mãn,

- Làm *chá* có lúc thôi[29].

90. Đừng tham vọng quá lớn.

- Làm từ lớn tới bé gọi là vuốt đuôi voi xuống đuôi chuột, không nên.

- Làm từ nhỏ lên lớn là cách tạo đuôi chuột thành đuôi voi, tốt quá.

91. Keo kiệt thì mất mặt,

- Thẳng ruột ngựa, tuột lòng, còn đâu chốn cơ ngơi,

- Vừa ăn lại vừa để, tốt lắm,

- Vừa kiệm lại vừa giành, tốt quá,

- Có của thì của nào cũng quý, nên cần mình.

92. Mưa nhiều không cần nắng, cũng nắng,

- Nắng nhiều không cần mưa cũng mưa,

- Người ta có gặp vận rủi,

- Qua vận rủi rồi cũng phải tới vận may.

93. Người giầu có, nhờ làm ăn liên tục

- Người nghèo khó bởi làm ăn rông dài,

- Bạc vàng là của trời,

- Trong đó có ít người số may mà được.

- Nhìn chung, mọi người phải nghĩ phải lo mới có được,

- Nếu không nghĩ không lo để tìm kiếm thì kho bạc, kho vàng của nhà trời cũng không tự đến.

- Lo tìm hết mọi phương trời, may ra tìm được một phương để đi tới, đã tốt lắm rồi.

94. Đừng kẹt xỉn tham ăn,

- Không khoc khoang khoác lác,

- Phải nhìn đúng mình mới trông sang người, đừng tham nhiều,

- Tham lam quá rơi vào khoảng không!

- Gan phổi ai cũng có,

- Của ngon ai cũng biết,

- Cố cùng bạn làm lụng, nó khắc tới mình.

95. Đời người ai không sống đến già rồi chết.

- Người già cũng tựa cây có vân vằn vào ở rừng sâu, chỉ đem về làm lạt buộc.

- Già dốt nát ở bản ngoài chăn trâu,

- Hoặc vót mây bán lạt,

- Già kiểu đó được gọi là già ở bên dìa *bản*, dìa *mường*,

- Mọi người đừng chỉ nghĩ một chiều như thế!

96. Làm nương tất phơi cành cho khô để đốt,

- Làm ruộng tất phải cày để đất ải

- Cũng như nuôi con muốn cho khôn.

- Giống như, cắm cần mong rượu trong chum có vị đắng[30].

- Con lớn mới nở mặt,

- Con khôn mới thành nhà,

- Vợ chăm chồng,

- Thành gia đình chăm mình,

- Chồng chăm vợ,

- Vun xới cho gia đình mình thêm phát.

- Vợ cứng cỏi đừng giơ tay đánh trả,

- Dùng lời mềm giảng giải cho vừa lòng.

- Cha mẹ chăm con cái,

- Với người thương trong nhà phải bảo phải dậy,

- Với người ngoài mới khéo lời khen ninh.

97.Lời nói không phải mua,

- Lời khéo dùng lời ngon lời ngọt.

- Phải xưng ông, xưng tôi,

- Không nặng tiếng nặng lời,

- Không kiếm việc để mắng, chê chửi,

- Không khấy cạnh, dèm pha,

- Lời tốt xấu thế nào hãy nghe đã,

- Mình hiểu trước bụng người thì tốt hơn.

98. Ầm ầm vội tới nghe,

- Náo động vội tới xem xét.

- Việc không lành cần giúp phải giúp,

- Không giúp, e việc bé sẽ thành to.

- Giúp thì phải dựa vào luật vào lệ mà phân minh phải trái.

99. Không nạn nào hơn nạn lửa, nạn nước.

- Dùng nước phải biết tránh luồng nước,

- Dùng lửa hãy giữ gìn nạn cháy.

100. Cục than hồng nằm trong áo [31]

- Lúc nó bùng lên thành ngọn, ta dập sao được.

- Mắt con người không thể nhìn thấu tận bên trong để nắm bắt cõi lòng của kẻ gian?

101. Đừng cậy quyền cậy thế mà bắt phạt vạ bừa bãi.

- Lệ phạt vạ đã có *bản mường*,

- Đừng vờ nói phạt vạ để mình làm trái luật lệ,

- Thu phạt vạ cho riêng mình dù một chút đỉnh cũng là trái luật lệ,

- *Mường* văn minh do đặt được nhiều lệ luật,

- *Mường nen xẩu* [32] thì muôn đường cùng cực.

- Không gắng sức, mở đôi mắt để nhìn người ta mà học tập thì điều khôn ngoan sẽ chẳng bao giờ biết.

102. Mình ở tập đoàn nào phải cố gắng giúp tập đoàn ấy.

- Đoàn kết vững nhiều dân tộc hơn nữa thì tốt hơn.

- Hãy ngước nhìn núi dài kia cho kỹ.

- Có khi nào thấy cả một cụm chỉ có một cây mọc?

- Để người ta trông một cây thấp mọc cộc cheo leo bên rặng núi,
- Mà núi kia mọc nhiều cây chen chúc lắm nhánh cành.
- Chặt cành này lại vướng cành kia,
- Nhiều năm tháng tự do cây phát triển,
- Nhiều năm trời, rừng mọc thêm cây,
- Đường làm cho *mình mường* sáng chói,
- Cần bầy đặt cho mọi người cùng làm.

103. Thấy người nghèo đừng ghét,
- Gặp người giầu đừng ghen.
- Rủ nhau đắp nước khôn,
- Thương nhau đắp nước ngoan,
- Nòi giống mình mới phát.

104. Đừng đè nén cùm kẹp,
- Đừng tham ăn mà bắt nạt người,
- Vơ vét lấy không của người thành của mình,
- Người như thế tội chết cũng đáng!

105. Phải có lòng rộng lượng.
- Đừng dấu trong lòng điều dối trá,
- Đừng ngoắt ngoéo trong tâm.
- Dù trong lòng có vướng trăm điều bực dọc,
- Mình chịu được đã hơn mọi người,
- Đem cõi lòng tốt bao trùm lên tất cả.

106. Thấy mới biết
- Biết mới tường,

- Nghe cho rõ,

- Nhìn cho thật,

- Nắm cho chắc, vắt cho kiệt,

- Làm cho kỹ, lèn cho chặt,

- Có lúc cần lấy khôn làm dại,

- Có lúc cần lấy dại làm khôn.

- Đừng hành động xô bồ,

- Phải nghĩ rộng, lật đi lật lại, nhìn về phía trước mới nên.

107. Không xem nhẹ khinh thường,

- Bởi vì không ngờ thế mà thế.

- Lên rầm rộ tưởng không bại hoá đụt,

- Xuống sơ xác tưởng không lên hoá phát.

108. Thời cơ có lúc rơi vào người, cơ hội có lúc lại tới ta!

- Lúc đó cần biết: "Hụt đất còn đắp được; hụt cây đành bỏ phí" [33]

- Lúc đi thì phải đi!

- Lúc chạy thì phải chạy!

- Bắt đúng giờ "hoẵng lè lưỡi khỏi miệng" mới được [34]!

109. Tuổi thơ dại đi phục dịch người lớn chưa nên,

- Bởi vậy cần chăm học để lấy cái khôn về phía trước.

- Quét cái dại về sau.

- Đừng đeo thói lật lọng vào thân.

- "Vào thuyền nào cầm tay chèo thuyền đó,

- Đừng nhảy đi trốn lại" [35].

110. Cây tre già mới thành đòn để treo *coong* [36],

- Người sành sỏi mới đứng được vị trí giữa.

- Khoẻ, một mình làm không được,

- Khôn, một mình lo không xong.

111. Làm lành đấy, có khi lại gặp ác, cũng có!

- Làm ác đấy, có lúc lại được che ô lọng ung dung, cũng nên,

- Nhưng nói chung - làm lành (phúc) ắt gặp lành (phúc),

- Làm ác thể nào cũng gặp ác.

- (Điều đó), người không đáp thì ma cũng đáp.

112. Đừng trộm hái rau, quả của vườn người.

- Đừng nhặt lời đi xoay tiếng lại,

- Đừng khó tính, bẩn bụng, cáu gắt,

- Mình biết lựa lời nói cho vừa thì người cũng khéo lắng tai nghe.

- Nói lắt léo, người nghe chẳng biết liệu,

- Nói dối người sẽ biết,

- Bởi vì tiểu nhân có tai như tai nai, Bậc *tạo, nàng* có tai hình ống tre, ống bương [37].

113. Lấy vợ trông mẹ vợ,

- Tậu trâu coi con đầu đàn,

- Giống nào khắc họ nấy.

- Kén vợ, kén chồng không chỉ đi tìm gương mặt bề ngoài,

- Chọn con dao chứ không phải chọn vỏ dao.

- Phải biết thật kỹ đáy lòng mà nắm bắt được ngay, gian.

114. Đời nối đời ghi nhớ.

- Lúc làm nên thì luôn luôn thấy chín bà vợ (bác, bá, cô),

- Khi không làm nên thì chỉ có một em vợ (cậu, chú) cũng chẳng thấy.

- Bởi thế, người ta mới nói: "anh em rượu đắng khác hẳn với anh em cùng chịu mùi tanh hôi" [38].

115. Không ai nhìn thấy gáy,

- Không ai biết ngày tận.

- Sống ở đời phải lo sửa sang, làm ăn theo đường vận mệnh.

- Khi đầu thai, trời đã đặt cho mỗi người vào một đẳng cấp,

- Đẳng cấp giầu, nghèo khác nhau nhiều lắm,

- Phận ai, phúc nấy, không giống và cũng chẳng đều nhau,

- Phúc tốt, có *nen* cao mà trở thành người lớn,

- Đặt ra được nhiều điều cho *bản mường* tươi vui,

- *Nen* thấp đặt cho ở bậc thấp.

- Bậc cao làm đường cao cho đúng,

- Bậc thấp hãy cố làm rồi cũng nên.

116. Sống nơi nào có trời cao nơi đó.

- Nơi nào người cũng có quyền ăn, quyền ở,

- *Mường* nào cũng có thửa ruộng hình cong.

- *Mường* nào cũng có nơi sinh anh hùng,

- *Mường* nào cũng có *khun, quan, tạo* người khôn.

- Có người dẫn dắt,

- Thế mới quần tụ được đân lại.

- Khác nào cá hợp đàn bơi lên,

- Tập hợp được thiên hạ, *bô lão toàn mường.*

117. Đạo người do trời phân đặt xuống.

- Cây cối còn có gốc,

- Loài chim còn có tổ,
- Người dựng mới thành *bản*,
- Người xây mới thành *mường*,
- Bởi thế mới có người làm gốc, làm ngọn.
- Người làm gốc phải là ngọn cờ dẫn đầu,
- Không để cho dân chúng, *bản mường* tan tác,
- Dốc lòng yêu để xây đắp *mình mương* bền vững.

118. Đường nào đúng mới làm,
- Nơi nào nhơ đừng đến,
- Người nào xấu đừng quy phục,
- Phe nào nâng được điều hiểu biết, khôn ngoan thì theo.

119. Thấy những điều nặng nhọc đừng tránh,
- Bà con mình đau ốm đừng lánh xa,
- Nỗi đau của mình đập đến người,
- Nỗi đau của người lại đập đến mình,
- Bởi thế, nhọc phải cùng nhau chống,
- Nặng phải cùng nhau gánh,
- Người cùng *bản mường* đều là anh em,
- Bởi thế, cây đập mắt, nước mũi chảy,
- Con, cháu gây tội ác, tất cả bậc cha mẹ đều phải lo.

120. Nói trước còn hơn để về sau phải trách móc,
- Kẹt xỉn thì khó nương,
- Kẻ nói dối, nói suông, người khó gần.

121. Gạo nước có bao nhiêu phải giữ kín,
- Bạc vàng có bao nhiêu phải dấu,

- Bởi vì thóc ở trong bồ trong bịch cũng là "giặc",
- Vợ nằm kề bên mình cũng là "giặc",
- Vòng bạc, vòng vàng đeo bên hông cũng là "giặc"[39]

122. Kẻ gian lòng người ngoài cần biết,
- Người tốt lành ai cũng phải tường,
- Người mình ghét đừng đem lòng thành hận thù theo mình về phía trước,
- Cầm dao sắc chớ có chém bừa,
- Đừng theo người gian hùng,
- Phải giữ mình, đừng lập lờ bỏ qua.

123. Nỗi sợ nhất của đời là gian hùng, ngạo mạn,
- Cũng như cây cối sợ nhất là bị tước hết vỏ ngoài,
- Bởi vậy, anh em bốn góc nhà (láng giềng) phải đoàn kết vững chắc,
- Đừng để cho bọn xấu vào gây tội ác,
- Tốt, xấu cần tới nhau,
- Có thịt ngon hãy chia cho nhau cùng hưởng,
- Mình đưa đi,
- Người đem lại,
- Miếng ăn lại trở thành vật thông suốt anh em,
- Tốt, xấu ta hiểu nhau kỹ càng,
- Chữ "đoàn kết" nhớ mãi không bao giờ phai.

124. Chuối đến lúc trĩu buồng phải có cây chạc chống,
- Lúc đó cây chống chuối,
- Chuối dựa cây,
- Mình trông cậy người,
- Người nương nhờ mình, tốt quá.

PHẦN CHÚ THÍCH

1. Chương này do cụ Cầm Bun Oai (1870 - 1933), một thủ lĩnh đồng thời là nhà thơ nổi tiếng trong lịch sử của đất Mường Mụak nói riêng và trong người Thái ở vùng Tây Bắc nói chung soạn thảo bằng cách tập hợp, hệ thống lại các câu tục ngữ, thành ngữ cũng như sáng tạo thêm. Do mang nội dung khuyên răn người đời nên người ta đã tách chương này của Lệ Bản Luật Mường Mường Mụak (Mai Sơn) thành tác phẩm riêng lấy đầu đề là Lời khuyên răn người (Quan Son Côn).

Cụ Hà Văn Năm là *mo mường* kiêm thư ký giúp việc cho cụ Cầm Bun Oai đã ghi lại nguyên bản để tặng tác giả tháng 3/1975, trước khi cụ qua đời lúc gần 90 tuổi.

2. Bà *nàng* là tên chỉ vợ của các thủ lĩnh đất mường xưa.

3. Nghĩa chính - khuyên răn, không nên tự chuốc điều xấu xa, như bấn vào thân thể để khổ mình.

4. Nguyên tiếng Thái là "hết tin điêu" có nghĩa là nấm độc. Đó là hình ảnh tác giả đưa ra để khuyên người đời phải biết tránh những điều độc hại.

5. Rắn hổ mang với loài rết đều là loài có nọc độc. Người Thái coi đó là hình tượng của kẻ độc ác. Trong đó con lớn luôn luôn nuốt con bé. Loài người cũng vậy, kẻ có lòng độc ác luôn luôn tìm cách diệt lẫn nhau.

6. Câu nói hình ảnh chỉ những điều trái ngược không thể nào có được. Thế mà người đời vẫn có thể dựng đứng sự thật mà bịa ra.

7. Loài ma kề đôi vai là hình ảnh văn học nói rằng, chỉ có ma mới nhìn thấu được mọi uẩn khúc của con người. Sự thật dù bị che lấp, nhưng rồi sự thật vẫn cứ là sự thật.

8. Nghĩa bóng là nghĩa chính nên hiểu là phải đứng đắn. Bởi vì, người không đứng đắn thường có cử chỉ ăn, nói, đi, đứng không nghiêm chỉnh.

9. Hiểu theo nghĩa chính là đừng luồn lách, man trá.

10. Ở nhà sàn có dát bằng tre nên có khe hở, người ta thường vứt rác, quét rác, quét bụi, nhổ nước miếng qua đó.

11. Câu khuyên dành cho phái nữ vận váy ống.

12. Săn tập thể thì vị trí mai phục đã cố định, không được rời đi rời lại để gây ra sự nhầm lẫn mà bắn nhầm nhau.

13. Theo quan niệm cổ truyền Thái - lúa tốt xấu nhờ cây có linh hồn khỏe, yếu. Bởi vậy xưa có tập quán kiêng không được quở, trách. Nếu vi phạm e hồn lúa yếu, làm cây tàn lụi, mất màu đói kém.

14. Tự chuốc lấy nỗi bất hạnh.

15. Sự suy nghĩ, mọi công việc lớn, nhỏ, đều phụ thuộc vào một chế độ *(pang)* và một đời người *(chua)*.

16. Đề phòng nhỡ tay mó vào cò nổ chết người.

17, 18. hai cây này có hai ý và hai nghĩa:

- Nghĩa đen, có hai ý: Một là, trèo cây không xem xét kỹ, tiện có cành, nhìn vỏ bọc ngoài vẫn còn xanh tươi bèn giơ tay cầm, vít hoặc đưa ngay chân dẫm, đạp; ngờ đâu, lõi gỗ bên trong đã gẫy, nên bị ngã. Tiếng Thái gọi đây là "cành nối" *(nga tó)*. Hai là, nếu trèo cây cao, nhìn xuống đất thấy "ú tim" thì phải xuống ngay.

- Nghĩa bóng, hay nghĩa chính. Sự bon chen trên đường công danh cũng vậy. Nếu cảm thấy khả năng của mình thực sự hấng hụt, thì phải liệu mà bỏ cuộc, đừng "cố đấm ăn xôi" cho khổ thân.

19. Theo tập quán phân chia đẳng cấp của người Thái Đen diễn ra ở Mường Mụak (Mai Sơn) thì con trai thuộc dòng quý tộc họ là Cầm gọi chung là *tạo* hay *khun*. Khi *tạo, khun* trưởng thành thì được *bản mường* phong danh hiệu *Chưởng*. Có danh hiệu cao quý này mới được quyền làm thủ lĩnh đất *mường* hoặc chức sắc khác gọi chung là *pay*. Con trai khi trưởng thành thì được bản mường phong danh hiệu *Quảng*. Khi có

danh hiệu này thì họ có quyền làm các chức sắc gọi chung là *Xự* hoặc *ông quan*. Người không có chức việc thì thực hiện nghĩa vụ gọi là "việc mường" *(việk mương)* để nhận lấy suất ruộng của *bản mường* phân cấp mà tự cày, cấy nuôi thân, gia đình và dòng họ của mình. Lệ luật phân cấp ruộng công và làm "việc mường" của những người có danh hiểu *Quảng* như thế gọi chung là *kẻo hao*.

20. Người đàn ông ai cũng muốn mình ở đẳng cấp cao *(tạo, khun)*. Nhưng luật lệ đã định, người nào xứng danh nào thì được danh đó nên phải nghĩ rằng: mong có bạc ngàn mà chỉ được trăm, đáng một trăm chỉ được một, hai chục cũng đã tốt rồi.

21. Đây chỉ là câu tục ngữ có nghĩa bóng là nghĩa chính - làm người không được phép vượt quá luật lệ đã quy định.

22. Cả ba câu đều mang ý nghĩa là đừng đem những thứ nhơ bẩn, ghê rợn vào thân mình.

23. Theo tập quán làm nương thời trước của người Thái Đen thì mỗi một khoảnh đất để làm nương thường chọn một gò mối làm nơi ngụ của "lực lượng che chở" *(hẹk hay)*. Cây lúa, cây bông nhờ đó mà tươi tốt.

24. Già làng là biểu tượng của sự trường thọ của bản mường. Bởi vậy tập quán Thái rất kính trọng bô lão.

25. Trong hệ thống thức ăn đặc trưng Thái có da trâu, bò, nai... cắt thành từng miếng bằng bàn tay xoè, đem lên gác bếp để sấp cho thật khô. Khi chế biến để ăn thì đem đốt cho phồng rồi đập, cạo cho thật vàng rộp rồi băm thành từng miếng con để ăn hoặc bỏ vào nấu canh với dọc khoai nước gọi là *canh bon*. Miếng bì đó bé là hình tượng văn học để ví với người thương yêu mình ở trong bản mường. Thật quá ít so với người ghen ghét mình thì đầy *bản* đầy *mường*.

26. Hình tượng của mảnh vườn người Thái xưa. Do trồng trọt qua loa nên rau cỏ mọc không được thật tốt. Cho dù như thế nếu đến bữa cứ xách giỏ vào hái, cũng vẫn có cái ăn đủ bữa qua ngày. Như vậy, lợn

béo không cho ta thịt ăn quanh năm nhưng "vườn gầy" thì bữa nào cũng có thức giúp cơm trôi xuống bụng. Đây cũng là quan niệm truyền thống Thái cho rằng trồng trọt hơn chăn nuôi.

27. Nhà sàn Thái được phân chia không gian sử dụng thành hai nửa cắt theo chiều dọc đòn quá giang. Một bên gọi là *quản*, giành cho sinh hoạt nam giới và tiếp khách. Một bên gọi là *chan*, giành cho sinh hoạt nữ giới và nội trợ. *Quán nhà tạo* xưa được người đời coi là nơi dậy giỗ và chứa người khôn ngoan của đất *mường*.

Đây là câu tục ngữ có nghĩa tượng tự: "đi một ngày đàng học được một sàng khôn".

28. Chang pát là chức quan trong phòng tôn giáo tín ngưỡng của các mường Thái thời xưa. Ai giữ chức việc này đòi hỏi phải có trí thức cao để bầy đặt đúng thể thức mâm cúng ma mường (phi mường) như phong tục tập quán quy định. Một (đàn bà hoặc đàn ông) cới *mo* (đàn ông) là những người chuyên đọc lời trong các lễ cúng.

29. Chức quan thứ hai, sau người đứng đầu đơn vị *bản (chá bản)*; ở mường, *chá* là chức chuyên trông nom mọi việc trong gia đình thủ lĩnh *(chá mường)*.

30. Theo tập quán Thái rượu cần muốn ngon phải có vị đắng với ngọt. Trong đó vị đắng là vị ngon, nhờ vị đắng mà người ta có thể uống được nhiều.

31. Câu này dựa vào tục ngữ nói, người thân thiết lại dùng mưu ngầm phải lại mình, tương đương với tiếng Việt: "Nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà".

32. Khi nói đến các khái niệm thuộc lĩnh vực tâm linh như: hồn (linh hồn), phận (số phận), mệnh (số mệnh) vận (vận mệnh) thì người Thái dùng các thuật ngữ: *khuăn (phi khuăn), nên, mình* cho từng người hoặc cho cả một vùng cư dân trong một phạm vi lãnh thổ được quy định gọi là *bản, mường*. Riêng với *bản, mường* người ta ít dùng *khuăn (phi khuăn)* mà dùng phổ biến chữ *mình, nen*. Khi vận *mường* lên hay

phát thì gọi là *nen hung* (sáng) hay *nen sau* (trong) hoặc *nen hung sau* (nen trong sáng). Ngược lại, nếu vận *mường* xuống, đụt bại thì gọi là *nen sáu* (mờ). Vì đây là những thuật ngữ của hệ thống tâm linh Thái nên dịch giả không dịch nghĩa để đảm bảo tính trọn vẹn của khái niệm. Trong khi *mình* nằm ở phương chiều ngang làm nền tảng bên dưới để *nen* dựng hay đặt thì *nen* đặt ở phương thẳng đứng biểu hiện sức sống của linh hồn sự vật và hiện tượng. *Nen* dựng được nối thì *mình* lên tầng do then cai quản, bởi một cái móc gọi là kho *nen*.

33. Tục ngữ, người Thái lấy hình ảnh dựng nhà để nói thời cơ. Thời cơ đến không chấp lấy mà hành động thì có thể có hai khả năng. Nếu việc lỡ xảy ra lại gặp may mắn thế nào đó như hình ảnh làm "nền nhà hụt" thì còn có phương khắc phục bằng cách lấy đất để đắp thêm cho vừa kích thước đã định. Ngược lại để lỡ vào dịp không có phương lấy lại, cũng chẳng khác nào "chặt cây để hụt kích thước" thì không dùng để dựng nhà được.

34. Người Thái dùng hình ảnh "lưỡi hoẵng lè khỏi miệng" để nói thời cơ cần chớp ngay. Đi săn, giống hoẵng bị bắn trọng thương bao giờ cũng lè lưỡi khỏi miệng kẹp vào hai hàm mà gục xuống đất. Người đi săn tưởng con vật đã chết, khinh thường không bồi thêm vài nhát dao, chỉ vội vàng chuẩn bị khiêng về. Không ngờ chỉ trong dây lát, con vật vụt tỉnh nhảy phắt vào rừng biến mất. Bởi vậy "hoẵng lè lưỡi" phải bồi ngay không để bỏ phí mồi ngon.

35. Câu trên là tục ngữ, tương đương với tiếng Việt là: "nhập gia tùy tục". Cả hai câu này khuyên người, nhất là con gái phải coi mình ở với chồng là đời của mình. Không được "đổi ngựa giữa dòng mà khổ thân".

36. Một loại trống, được đục đẽo trong dịp lễ cúng mường, gọi là *xen cha*. Trống có chiều dài chừng 1,8m với đường kính bằng một vòng thân cây nghiêng 0,6m. Các mường của người Thái Đen xưa chỉ đánh *cong* trong dịp cần phát lệnh báo hiệu có việc hệ trọng hay múa xòe trong ngày hội lớn.

37. Tiểu nhân trong tiếng Thái gọi là "người bé" *(phủ nọi)* chỉ những người ngoài quý tộc thuộc các Lò Cầm, Vi Cầm, trong thực tế vẫn gọi là Cầm, Bạc Cầm, Điêu (Đèo, Tao), Xa, Hà,... tai nai là biểu tượng thính và cảnh giác cao. Đại nhân, tiếng Thái là "người lớn" *(phủ nhấư)* chỉ quý tộc, con trai gọi là *tạo*, con gái gọi là *nàng*. Tai ống tre, ống bương tương đương tiếng Việt là "tai to mặt lớn" tức những người có quyền cao chức trọng.

38. Dựa theo tục ngữ biểu thị hai nghĩa: Một là, anh em rượu đắng chỉ người dưng, thấy mình có thì kéo nhau đến uống rượu, phải nịnh, mình không có thì "xa chạy cao bay". Hai là, anh cùng chịu mùi hôi tanh, chỉ những anh em cùng dòng máu cha. Ngày thường do bận công việc nên ít thấy mặt nhau, nhưng khi cha mẹ chết, bỏ thi hài vào áo quan, bốc mùi hôi tanh phải cùng nhau chịu. Ngày thường nhiều kẻ dưng, ngày cha tận số chỉ có anh em của mình.

39. Tiếng Thái chữ giặc *(xốc)* được hiểu theo nghĩa rộng. Bởi vậy chữ giặc ở đây người dịch phải để trong ngoặc kép để giúp bạn đọc hiểu nghĩa là tác nhân gây hiểm họa như: trộm, cướp, ngoại tình cũng là "giặc" do vợ mình gây ra.

TỤC LỆ CƯỚI XIN CỦA NGƯỜI THÁI Ở MIỀN TÂY BẮC VIỆT NAM

TỤC LỆ LẤY VỢ LẤY CHỒNG CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN Ở MƯỜNG LA

VỀ VĂN BẢN

Tập tư liệu về tục lệ cưới xin của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam là tập văn truyền miệng được sưu tầm từ dân gian, không phải văn bản đã được ghi chép. Chúng tôi đã sưu tầm từ ba nguồn khác nhau:

1. Tục lệ cưới xin của quý tộc Thái Đen, sưu tầm ở bản Phường, xã Chiềng Ngần, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La từ năm 1963.

2. Tục lệ cưới xin của tầng lớp bình dân mà hiện nay người Thái vẫn dùng trong các hôn lễ thì được sưu tầm ở hầu khắp vùng Tây Bắc.

Theo lệ luật, người đàn ông Thái Đen khi tiến hành hôn lễ, ông mối phải xướng bài bản kể về đường dâu gia, chia thành ba đoạn. Mở đầu là bài nói về việc lấy vợ của người ở bậc ông, tiếp đến bậc cha và kết thúc là người chủ của đám cưới. Như vậy, chỉ có một bài xướng mà ông mối đã phải lặp đi lặp lại ba lần. Mỗi lần như thế chỉ việc thay tên người vào chỗ cần thiết.

3. Bài bản người Thái Trắng thì được ghi chép lại từ năm 1971 trong một chuyến điền dã dân tộc học đến xã Mường Xo, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Người giúp tác giả làm việc này là ông Nông Văn Kiếm (đã mất) và những anh em của ông. Khác với người Thái Đen, bài bản kể về đường dâu gia được gọi là Mối Nàng chỉ phải xướng một lần cho người đàn ông đi cưới vợ mình.

Hầu hết văn bản ghi chép từ truyền khẩu dân gian này rất có giá trị nghiên cứu vì được kể theo cách nói vần vè nhịp điệu, chính nó làm phong phú thêm nền văn học Thái ở nước ta.

TẠO LẤY NÀNG VỀ LÀM GỐC BẢN MƯỜNG

1. Con tạo nào sẽ lên làm *tạo, phìa, ấn nha.*

Người nối bậc thang thay chỗ ngồi.

Nắm chuôi gươm hằn vết tay của cha ông.

Thay cha nắm dây *bản* dây *mường.*

Gầm sàn tạo cần voi.

Cạnh bên tạo cần *nàng.*

Nàng đẹp, ngôi đỉnh chót đóng vai *bà mường.*

Bản mường lo liệu theo lệ luật đã định.

Nàng ở trong họ làm chủ linh hồn.

Nàng Lò Cằm người lớn.

Hoặc cũng có thể, thương lấy quả trong giỏ.

Nàng anh em ở trong *mường.*

Nàng con của các bô lão, hàng *hế ho, mo nghe*

Tạo không lấy dân bé.

Người bé không ngồi đầu *bản.*

Ngồi đầu *mường* không phải lệ.

2. *Nàng* là dâu lớn nuôi cha dưỡng mẹ

Nàng đầu *ho đẳm tạo.*

Nàng dâu phải biết - nắm xôi lớn đặt mâm lễ.

Bầy mâm cúng.

Phải biết "nắm xôi lớn nuôi quan"

Bầy "mâm cỗ nuôi dân"

Con dâu lớn là gốc của nhà *tạo*.

Người cầm bạc nén, vàng lá.

Bạc trăm, sà tích, đủ loại.

Dệt cửi thì úp bàn tay thành hoa văn,

Ngửa bàn tay thành bông hoa.

Dạy bảo người ở trong nhà.

Tựa như dạy bảo con cháu của mình.

Không sầm mặt, không nhăn răng,

Làm cho người Xá chạy, Thái tan tác.

Việc *bản* phải giữ kín.

Việc *mường* phải biết che, biết đậy.

Với anh em không được so le hơn thiệt.

Không thì thầm xúc xiểm ở trong buồng.

Không dâm bịch thóc chọc bị gạo ở nơi ngủ.

Chồng mình thua kém người, hổ thẹn không nên.

Anh em đến, *lung ta* thăm thì phải lo đặt mâm bầy đôi chén rượu mời[1].

Dâu nhà *tạo* đứng đầu nhà lớn, tiếng sang tận sông Mã.

Vang xa tận sông Đà, sông Nặm U, Nặm Khong.

Dâu gốc nhà *tạo* phải biết:

Người Xá lên thì cho lửa.

Người Thái đến thì cho nước.

Phải tỏ rõ lòng rộng lượng, thu được mọi *vả* mọi họ.

Phải biết nói biết năng.

Cùng với chồng tập hợp bô lão.

Tụ tập dân như đàn cá ngược dòng.

Phải thực hiện được như câu tục ngữ:

"Chồng làm quan, vợ *nàng* hiểu biết.

Chồng ngoại tình, đau lòng phải cố đậy che"

Mình làm điều xấu mặc dù ở nơi lớn cũng mang tiếng.

Mình làm tốt, tiếng tăm càng lừng danh hơn.

Dâu gốc của nhà *tạo* như thế mới là mẹ của *mường*.

3. Bản *mường* lo liệu cưới xin

Lệ *bản* luật *mường* quy định rõ:

Công việc cưới *nàng* cưới *bà* để trở thành mẹ *mường*.

Bản mường phải lo liệu thu xếp mọi việc.

Việc cưới xin có nhiều điều.

Nhà lớn muốn cho mọi việc đều trôi chảy.

Án nha phải mở miệng bạc, miệng vàng xuống cùng *bô lão toàn mường*.

Đầu tiên *án nha* sai viên *lam pọng* đánh hồi *cong*, thức dậy *mường*.

Rồi đánh trống đánh chiêng ở gian *quản*.

Án nha cho người mở rộng cửa lớn.

Và rải cót rải chiếu.

Để cho toàn bô lão vào ngồi đầy đủ mặt.

Nâng chén rượu ngồi nghe người thay mặt *án nha* trình bầy việc *mường*.

Người thay mặt đó nếu không phải là chú, bác của *tạo* cũng là viên *mo mường*.

Theo lệ thì *án nha* phải trực tiếp nói.

Nhưng phần lớn, người không biết cất theo giọng xướng bài bản.

Bởi vậy *án nha* phải mất một lạng bạc để thuê.

Trong khi xướng, *án nha* ngồi đó để nghe và quyết đáp mọi điều.

Người thay mặt nói lời *mường* như sau:

Tôi xin mạn phép nói lời của *án nha*

Nói lời của người chủ lớn, rồng chủ nơi cao siêu

Hôm nay được ngày lành rỗi rãi bầy tỏ lời với ông bà, bô lão hàng *hế ho mo nghe*

Phải! Nhờ phúc của cha của mẹ

Phúc của tổ tiên họ hàng

Phúc của trời, của rồng

Trời đã giáng xuống

Sinh thành một đứa con trai như búp măng mọc bên khóm tre già

Con trai tôi sinh ra nơi đỉnh cao gối kề

Nơi gian buồng lớn

Bô lão hàng *hế ho, mo nghe* cùng âu yếm nâng niu con bế vào lòng

Chiếc địu hoa thổ cẩm chị đeo em trên cổ

Chiếc địu hoa văn mầu lung linh bà cô treo cháu ở trên vai

Họ đã nắm xôi bỏ vào tay con

Và dắt tay con ra bến tắm

Án nha lớn tôi đây làm việc cho *bản mường*

Cùng với bô lão, hàng *hế ho, mo nghe*

Cũng đã trải qua nhiều mùa lúa với nhiều năm

Bây giờ lại đương gặp chỗ chật chỗ khó

Đó là chỗ cần một nàng dâu người lành tốt

Dâu nàng biết trái, phải, dưới, trên

Nắm được những phong tục tập quán

Đặt nắm xôi lớn trên bàn các mâm cúng

Án nha cảm thấy thoải mái

Ai ai cũng được reo mừng không xiết

Xin lại nói!

Án nha tôi đã cùng *bản mường*

Đã có công nuôi dạy con lớn khôn

Tạo mường lớn bởi ngàn đầu cá

Lớn bởi ngàn đùi voi

Lớn trên mình voi, mình ngựa

Lớn với trời, với rồng.

Sát kề bên *án nha*

Cao lên bằng ghế, ta cho ngồi ghế

Cao bằng cô bằng *nàng*, ta cho *tạo* cưới cô cưới *nàng*

Nàng ở bản dưới với *mường* trên

Nhiều như cát dưới nước

Nhưng đều không xứng đáng

Và không ưng, không vừa

Nay còn chủ viên ngoại là...

Ở bản lớn là...

(Hoặc) ở nơi sông suối lớn đất *mường*...

Đã sinh hạ thân rồng ngọc, hoa vàng nở

Là chỗ ưng, nơi vừa

Xứng danh bà chủ đất *mường* ta

Nàng sinh nơi đỉnh cao gối kề

Sinh ở nơi buồng lớn

Ải nọng bế vào lòng

Lung ta thương *nàng* ôm vào ngực

Chiếc địu hoa thổ cẩm chị đeo em trên cổ

Chiếc địu mầu lung linh, bà cô treo cháu trên vai

Họ nắm xôi bỏ vào tay *nàng*

Và dắt tay *nàng* đi ra bến tắm

Nàng lớn bởi ngàn đùi trâu

Sinh giờ lành, có người coi

Lúc đau ốm có ngàn cau quả

Với muôn lá trầu để đón lễ cúng

Nàng lớn bởi muôn ao cá

Lớn bởi muôn kho thóc

Anh em mừng tìm tới

Ông bà nhạc nuôi lớn khôn

Tắm nước, thân hình nàng tỏa ánh gương

Đi qua *mường* tỏa sáng rực rỡ

Thật đúng là trời đặt xuống thành *nàng*

Giáng *nàng* xuống để thành *bà mường*

Đến với tạo người sẽ thay bậc thang, kế chỗ ngồi

Người sẽ nắm chuôi gươm hằn vết tay cha ông

Người sẽ cưỡi đầu voi xây vùng đất

Xin thưa!

Hàng bô lão *hế ho, mo nghe* - những người thay mặt *bản mường*

Xem có ưng không? Có thuận không?

- Ai cũng thưa rằng được

- Tôi nói ừ! Ông kêu phải!

- Tôi vừa tâm, ông bằng lòng

- Lời cáo xin đặt nơi dâu gia

Xin đến đây tạm ngừng

Tôi xin mạn phép

Theo lệ, người thay mặt *án nha* trình hàng *bô lão bản mường* xong phải quỳ gối cúi đầu lễ *án nha, bản mường* ba lượt.

Án nha có lời cảm tạ và nộp cho *bô lão toàn mường* số tiền bằng 1 lạng bạc. Sau đó viên *ông pần (xen)* được phép thay mặt bô lão xướng bài đáp:

Xin kể *bản* kể *mường*

Viện châu, phủ lớn

Cả vùng đất Chiềng Cầm, Chiềng An - Mường La này

Nhờ ơn trời giáng, trời sinh

Cụ chủ con nhà nòi mới đựng cột bản, cột *mường*, cột của *viện* của *chu*, của *phủ* của *tài*

Để lại cho *án nha*

Đức *án nha* lớn chủ vùng đất mới được lên nối dõi nơi ngọn cao của bạc của vàng nắm dây *bản mường*

Đội ơn vua Kinh, vua Lào

Vua Kinh tin dùng, vua Lào mến

Đã cho nhiều của quý, *cong mường* vật khiêng nặng

Trống đánh ban cho hai, chiêng ban cho bốn

Lại gồm cả sáo tiêu, kèn la

Ghế ngồi trên mình voi với ngựa đặt sẵn yên

Nào cây mác cây đao

Và giấy tờ cần thiết kèm theo

Ấn đỏ khắc trên thỏi vàng

Tất cả hai vua đã ban phát xuống nơi *án nha*

Đức *án nha* lớn mới được ngồi trên giường cột cao

Ngồi trên gối kế vị

Được cưỡi trên mình voi để trị vì vùng đất

Phát huy được tài cao để tụ tập bô lão

Mọi việc đều xong xuôi và tốt lành

Từ đó nước mới trở thành trong

Mường được yên

Một đời ngôi tiếng thơm

Vang lừng khắp nơi chốn

Viềng nào cũng biết *châu* nào cũng hay

Phủ nào cũng khen, *tài* nào cũng ngợi

Phía trên vang đến tận đầu sông Nậm U với Pu Phang

Đầu ngọn sông Mê Kông với sông Đà *mường* Bó té

Phía dưới vang xuống đất người Kinh

Cả vùng đất bên này là sông Mã, bên kia là sông Hồng đều quy về

vua Kinh và *án nha* lấy lễ phục vua Lào

*

Xin mạn phép *bản mường* cùng *án nha*!

Nhà lớn của chúng ta còn chưa đủ cây sà ngang sà dọc!

Còn thiếu gian nong nia!

Gian để vợt cá đòng đong của *tạo mường*

Nơi *án nha* còn cần tới con bạc con vàng để phủ phục nơi chân voi và sửa sang giường cột cho dân chúng

Nối nghiệp cha để xây dựng

Và tập hợp quy phục

Ông păn, ông pọng, ông ho luông, ông lam ho, hợp thành bốn chức ông lớn

Và các chức trong hàng *bô lão toàn mường*

Với hàng các *hế ho, mo nghe*

Hàng ngàn quan chức bên văn

Với ngàn quan chức bên võ

Tầng *bản* có *quan* với *chá*

Có 4 đơn vị *xổng*

Dưới 4 chức ông lớn là 4 *quan xự*, 4 *quan chiềng*, 4 *quan pách*, 4 *quan phong*, tụ hợp thành 4 ông bé

Mỗi *xổng* còn có một chức *chá*

Ông, *quan* xếp thứ bậc tựa như giàn đặt gươm giáo

Lớn mạnh như bầy voi

Bản mường yên ổn và danh lừng

Tấm lòng trung phục

Với chủ đất *viềng* đất *châu*

Chúng tôi xin mười đầu lễ

Chín đầu phủ phục

Phủ phục trước *án nha*

Đã xong xuôi đủ mọi bề mọi nếp, trải nhiều năm rồi

Xin mạn phép

Gậm sàn lớn cần có voi, cạnh *tạo* cần có *nàng*

Hàng bô lão chúng tôi đây chẳng biết sẽ nói thế nào

Tuỳ nơi cõi lòng *tạo mường* định đoạt

Lấy lứa đôi mình như thế nào, hàng bô lão xin cúi lạy, vui mừng khôn xiết

Mặt khác công việc định đoạt như thế nào đều theo lệ *bản* luật *mường* đặt ra

Lại cũng hoàn toàn lệ thuộc ở nơi chủ người lớn rồng bay là *án nha* thu xếp

Chúng tôi là dân chúng xin hợp tụ lại để thực hiện cho được

Làm tôi tớ của *tạo* tựa như đàn gà vây quanh bu

Tạo bắt con nào, con đó cưỡng sao được

Còn như chỗ tạo lập cho hai bên gia đình trở thành dâu gia thì cứ theo - *lệ bản 12, luật mường 14*

Hàng bô lão ta cử một người đứng ra gọi là ông quyền *mường* đứng đầu

Bản mường ta nhờ ơn trời ơn rồng

Ơn nơi tổ tiên nhà dòng dõi

Còn đây *án nha* đã thành trụ cột vững vàng nơi đỉnh cao rồi

Còn muôn người

Nhiều như cát dưới nước

Tôi ờ! anh ừ

Nhờ tôi đã đóng chặt, tất cả chúng ta đều bằng mặt bằng lòng

Chúng ta đã là giường cột của đất *mường*

Bé, lớn đều tụ tập nhau một khối

Cùng vun đắp nòi *tạo*

Cả chín *bản* mười *mường*

Trái vui đến

Phải vui lại

Tụ xung quanh *án nha* lớn là gốc của chúng ta

Dân chúng được trăm ơn, ngàn ơn

Lại xin thưa

Lệ *bản* luật *mường* đặt ra đã rõ

Bảo mọi người phải tuân thủ 7 bước sau:

- Lệ mở gói ăn hỏi

- Lệ gọi là *ôm* [2] phải dứt lời, mối đứt giá

- Lệ dẫn con trai lên làm rể ở *quản.*

- Lệ làm lễ nhập phòng và tổ chức lễ cưới lên.

- Lệ tổ chức lễ cưới xuống, đón dâu về nhà lớn và *bản mường*

- Lệ bô lão đặt danh xưng cho *bà mường.*

- Lệ làm lễ "tiễn đưa áo"

Mỗi một bước là một lệ *bản* luật *mường, bản mường* phải cùng *án nha* gánh chịu mọi chi phí để rước đón nàng về với *tạo,* tạo ra cột trụ cho *bản mường.*

I. LỆ MỞ GÓI ĂN HỎI

Hàng bô lão cử một đàn ông, một đàn bà làm mối. Đi theo ông, bà mối có đoàn tuỳ tùng. Theo lệ, đồ dẫn lễ không có quy trình cụ thể về số lượng mà chỉ nói: "một đôi rượu, một đôi gà". Chỗ *án nha* là "cha mẹ của *bản mường*" thì phải có một đầu lợn, rượu... đủ đặt cỗ mời họ nhà gái, giúp cho lời lẽ của ông mối, bà mối thốt ra được suôn sẻ.

Đến nơi, ông, bà mối đưa cho người đại diện họ nhà gái thư của *án nha* bầy tỏ nguyện vọng của mình. Nói về chỗ sẽ kết dâu gia - một bên họ là *nhính xao* tức nhà trai; một bên là *lung ta* tức họ nhà gái. Nói về việc thăm hỏi và giới thiệu như nhường lời cho mối nói tiếp. Ông mối bắt đầu xướng theo bài bản:

Tháng lành, năm mới dâng

Ngày tốt, ngày thuận lợi

Đức *án nha* lớn chủ vùng đất cũng muốn đến bầy tỏ lòng mình, nhưng theo lệ *bản mường* thì chỉ gửi lá thư

Đây là lời của *mường* của *bản*

Nói đến đường dâu nàng!

Nhờ xin kết dâu gia!

Đội ơn phúc *lung ta*!

Phúc lớn *lung ta* che chở!

Đã yêu rồi xin hãy thương

Tạo mường chúng tôi hiện đang lâm vào nơi chật hẹp!

Nếu như có và nếu như giầu!

Cũng phải có voi hùng đôi ngà trắng đến mổ!

Hoẵng, nai loài ở rừng "*đất* "đến mổ!

Làm thức ăn bẫy cỗ mời *lung ta* với *bản mường*!

Thiệt thay! Ăn thì hết mà làm chẳng ra!

Bây giờ xin lại nói!

Phúc của *lung ta* thì thật lớn!

Phúc ngoại dì, phúc cao!

Mới sinh hạ được chủ *nàng*....

Và nuôi đến lớn khôn!

Mặc dù hoa nở tươi nàng ngọc!

Bản dưới nhiều,

Mường trên lắm!

Nhưng chẳng nơi nào lại vừa lòng *án nha!*

Chỉ vừa ý nơi ta!

Muốn chỗ ta đây trở thành chủ *lung ta*!

Để *án nha* tôi được cậy nhờ hồng phúc!

Lấy được dâu có tấm lòng rộng mở!

Sẵn tấm lòng khoan dung!

Người Xá lên nhà *nàng* biết trao lửa!

Người Thái lên nhà *nàng* biết trao nước!

Tắm nước, thân *nàng* tỏa mặt gương!

Qua *mường* tỏa ánh sáng rực rỡ!

Nàng lên phía trên người Xá được ăn lương!

Xuống phía dưới người Thái được cậy nhờ!

Nhà cửa đuề huề!

Việc làm không hết và cũng không suể!

Nàng biết dậy bảo người ở trong nhà!

Không sầm mặt nhăn răng!

Không cậy mình là lớn!

Chỉ biết đem hết lòng!

Trông nom cha với mẹ!

Và nuôi dạy con lớn khôn!

Con lớn con tự gan dạ anh hùng!

Như lúa hết tự lại!

Với chồng *nàng* suốt đời chung thuỷ!

Dâu con này với *nàng* người ấy chín nói bảo được, mười nói bảo thành, xin đội ơn!

Lại nói!

Xin chỗ *lưng ta*!

Xin đừng chấp, đừng chấp!

Nắm tay thương nhập lòng!

Bỏ tình thương vào tâm!

Nơi kết dâu gia hãy mở rộng!

Hãy mở cửa lớn đón lấy!

Chúng tôi đây, phải đem mặt xấu, tới xin

Mắt tròn mắt dẹt lại xin nhờ!

Xin xướng những lời lẽ phải!

Để bậc cha, bậc mẹ phía *lưng ta* vui lòng nhận biết!

Người sẽ đến làm rể ấy!

Mặc dù tươi sáng như đoá hoa!

Ngọc trong là *tạo mường!*

Nhưng cũng chỉ là người mới lớn khôn!

Cũng cần đến *lung ta* dạy bảo để trở thành cái gốc của cây tươi!

Mong hãy bế con làm giường cột!

Rèn chí con cho cao!

Luyện con luyện cho ngày một lớn!

Trái, vui đến!

Phải, mừng lại!

Phía *lung ta* - nếu thực sự không bị gượng ép thì vui vẻ nhận lấy thư gửi và quà tặng. Nếu có phải gượng ép thì cũng chẳng lời nào mà nói được. Bởi vì chỗ *án nha,* từ chối không được, cưỡng lại cũng chẳng xong. Phần lớn các trường hợp đều phải tuân thủ lệ *bản* luật *mường* mà vui lòng tiếp nhận lấy con rể của mình:

Mở nhời!

Tôi xin được hầu phép!

Nơi *án nha* lớn ở trong phủ!

Đó là nơi đất *mường* tôi được tiếp giáp phía trên và phía cuối *mường* tôi được nương tựa!

Trời không nhấn, chắc người không đến!

Rồng không gọi, người không lại!

Một vốc gạo, *nàng* vào quỳ lạy!

Một nắm xôi lớn để làm lễ!

Con gái ta, lớn lên bởi những dậu rau xanh!

Lớn lên bởi ăn những sâu bọ dông dài ở rừng xanh!

Nó chỉ biết có giấc ngủ say!

Biết gì mà nắm bắt vào công vào việc!

Lại còn việc *bản* việc *mường* nữa!

Lấy sức đâu để đỡ!

Nhưng trời làm ra dòng nước cho có mương!

Làm ra *mường* phải có *tạo*!

Trời sinh ra con trai con gái!

Đặt phân thành lứa đôi!

Và thành chồng thành vợ bên nhau suốt đời!

Tôi xin bắc cầu tiếp!

Nối liền hai gần lại!

Xin đừng chấp cũng đừng ngại!

Phận tôi thấp hèn ở *mường* xa!

Đi đường nào cho thoát!

Chỉ e rằng kẻ thấp hèn không xứng với người lớn!

Mường bé nhỏ không thể bằng được *mường* lớn to!

E rằng tôi ngả rồi, con nhỏ không biết làm người!

E rằng, kẻ nghèo khó không xứng với nơi giàu sang!

(Nếu là *nàng* con một vị chủ *mường* lớn thì nói):

E rằng, nước bé không thể chứa được loài bống lớn ở sông to!

Thiệt cho tôi, *mường* tôi bé trông như hoang vắng!

Mường nghèo khó là *mường* phải quy phục!

Sẽ không vừa không xứng với nơi sông đất *mường* lớn chăng!

Chúng ta cũng cố gắng chắp nối đường dâu gia!

Lung ta chỉ mong cho phía *nhinh xao* làm ăn phát đạt!

Mường *ấn nha* lừng danh!

Thành cột trụ nơi đỉnh vàng!

Chúng tôi có chỗ đựa! Xin cáo!

Nếu đã nói hết lời, nộp hết nhẽ, ông bà mối cùng đoàn tuỳ tùng xin cáo lui trở về thưa trình lại với *án nha* và bô lão, mọi việc đã xong xuôi tốt đẹp.

II. LỆ "HỎI DỨT LỜI, DẠM ĐỨT GIÁ"

Thường thấy, luật *mường* nói: "*án nha, phìa* cùng *bô lão toàn mường* cử viên *ông chang* - người khéo ăn khéo nói đi thương lượng với *lung ta*. Trong mọi điều mọi việc *bản mường* phải thu xếp như thế nào, trong chi phía dù có phải tốn kém miễn sao cưới được "nàng ngọc hoa vàng" đến ăn ở bên cạnh *tạo mường*, trở thành *mẹ mường bà mường*.

Tục ngữ có câu: "lệ bản 12 luật mường 14" - *lung ta* phải mở lời lẽ thông suốt nói hết "luật 14". Nhưng người Thái nghĩ tới lệ Thái: "ăn xem lòng, diện coi thân", mình thu về bao nhiêu, cần phải có của hồi môn tương xứng. Lệ nói: "ăn bằng cối giã, buông ra bằng cái lỏng" (cối hình thuyền), ăn hết một, của hồi môn có thể gấp 10 gấp 20. Điều đó dễ thường cũng xẩy ra.

Luật *mường* nói: *Tạo* lấy nàng thì ứng vào chỗ: "tiền bạc nén với trâu con" cũng phải thu xếp cho đúng:

1. Đồ uống gói ngang tầm - mỗi một thứ phải đủ số 14: gói trầu, gói quả cau lấy từ 14 buồng, gói thuốc lào (thuốc lá cũng được), gói gừng, gói thịt gà luộc để cả con. Lấy cây giang chẻ thành nan đem nhuộm mầu xanh, đỏ rồi đan thành giỏ kẹp, 14 chiếc để đựng cá sấy khô ở bếp; 14 chiếc, mỗi chiếc đựng 6 quả trứng gà (kiêng trứng vịt). Tiện cây tre hoặc cây bương làm thành những ống, 14 ống đựng thịt trâu ướp chua, 14 ống đựng cá ướp thơm, đậy nắp kín, lấy giấy mầu đỏ bịt miệng cho đẹp.

2. Bạc nén, vải trắng và thổ cẩm - tất cả phải xuất 14 nén, tương

đương 1,4 cân ta. Vải lót bạc phải có đủ 14 đơn vị gọi là *châu*, trong đó có 4 *châu* là những tấm thổ cẩm gọi là *khít* hay *khít nho*. *Án nha (phìa)* đưa *ông chang* cầm đi làm lễ ăn hỏi 1,4 lạng bạc kéo thành đôi vòng tay, hai chiếc vòng cổ với 1 *châu* vải trắng, 2 sải thổ cẩm *khít* để lót bạc. Của này đặt trước với ý đánh dấu người con gái ấy đã thành vợ của *tạo mường*.

Đi với tiền, vải, lễ ăn hỏi còn có 5 gói trầu, 3 gói cau và vỏ, 3 gói thuốc lào, 3 gói gừng; một đôi gà và hai chai rượu.

3. Trâu con - trâu đen (kiêng trâu trắng. 1 con mổ để làm thịt chua bỏ ống, 1 con chuẩn mổ làm lễ cưới thết tiệc *lung ta*, 1 con giành để làm lễ "mở cửa mường", 1 con chuẩn bị cho người dắt đi cùng *tạo mường* đến ở rể cày ruộng nuôi bố mẹ vợ.

Lệ nói: ông *chang* thay mặt *án nha (phìa)* trình bày và hứa về đồ xính lễ nêu lên ở trên, tựa như nói lệ *bản* luật *mường*. Như có lệ kiêng: trong buổi lễ công khai, *lung ta* không bao giờ bày tỏ rõ ý của mình vì sợ mang tiếng với *bản mường* - mình gả bán con gái của mình. Ông *chang* nêu hết lệ luật rồi bày tỏ lời cầu xin *lung ta* thương yêu ưng thuận để gả "nàng vàng ngọc hoa vàng nở" đến sóng đôi và ăn ở cùng *tạo mường*.

Anh hoặc em trai của mẹ người con gái tức ông cậu được lệ quy định cho phép thay mặt phía *lung ta* đáp lời ông *chang*:...Lệ *bản* không biết phai! Luật *mường* không biết tàn! Nhưng phía *lung* phía *ta* đây, đang gặp cảnh "chín điều hẹp với mười điều khó", tìm đâu ra của hồi môn cho vừa cho phải, xứng với niềm tin yêu của *án nha (phìa), bản mường* lại nói, con gái của chúng tôi chuẩn bị vào chung chăn gối với *tạo mường*, liệu đã xứng với người lớn chưa? Làm dâu nhà lớn có biết thương yêu cha mẹ, anh em phải trái không? Có biết tỏ tình thương bao la đến hàng bô lão *bản mường* không? Có biết nắm xôi đặt mâm lễ, đặt cơm vào mâm cúng không? Có biết nắm xôi lớn nuôi quan, bẩy mâm cỗ nuôi dân không? Phận làm dâu còn trẻ người non dại, chắc nhiều việc lớn chưa thể làm được vừa lòng cha mẹ đôi đường ba nẻo,

đội ơn nơi *án nha* (phía) cha đấng cao siêu! Chắc chắn con gái chúng tôi sẽ làm phiền *án nha* (phìà) người lớn, khổ công dạy bảo, tập tành tựa như dạy trâu biết lệ cày ruộng, dạy chó biết lệ giữ nhà giữ cửa. Phía *lung ta* không biết nói nhiều lời nhiều lẽ. Mọi đường hay lẽ phải sao cho vừa ý vừa lòng, chúng tôi xin đội ơn nơi *án nha* làm trụ cột vững chắc "nơi đỉnh cao rồng ngụ" đem tấm lòng bao che con cái hai bên. Làm sao cho vừa, cho đúng chỉ mong nơi trời giáng trời phân hợp số hợp đôi. Ơn nơi tổ tiên *án nha (phìa)* phù hộ độ trì, thật phúc lớn, chúng tôi xin hầu phép!

Lệ nói: trước khi đoàn ông *chang* cáo phép *lung ta* ra về thì phải thống nhất với phía *lung ta* trong định ngày, tháng, năm của những bước làm tiếp theo sao cho "hợp hai phía tốt hai đường". Muốn thế, hai bên phải cùng xem lại sổ sách nói về ngày tháng, định phận gọi là mục *chong vang*.

Đoàn ông *chang* thay mặt *án nha (phìa)* đi đặt lễ giao ước, định giá cưới vợ cho *tạo mường* cũng phải đủ khoản chi phí; cũng phải có khoản đủ đặt mâm cỗ thết *lung ta*. Những thứ cần thiết ấy, *án nha, bản mường* đã chu tất, giao cho ông *chang* đem đi đầy đủ. Còn việc làm như thế nào cho phải lệ phải luật thì ông *chang* phải sai người tuỳ tùng của mình bày đặt, mọi điều phải kín kẽ, thận trọng êm thấm. Để đến khi phía *lung ta* không còn điều gì phải bàn nữa mới được quay trở về với *án nha*, bô lão, *hế ho, mo nghe*.

III. LỆ DẪN CON TRAI LÊN LÀM RỂ Ở QUÁN

Theo đúng lệ Thái - người con trai nào đi lấy vợ đều phải trải qua thời gian ở rể với ý là để đền đáp công ơn song thân của vợ đã nuôi dạy vợ mình lớn lệ thành người. Lệ *bản* luật *mường* quy định: lấy người thuộc "họ *tạo* giống *nàng*" thì hạn 12 năm. Lệ từ thời xưa truyền lại thì nói phải ở rể thực thụ 3-4 năm, họ nhà trai mới có quyền theo lệ gọi là *xin nuôi* để đưa vợ về với nhà của mình. Giá gọi là *xin nuôi* được tính bằng gánh thóc, thường không quá mỗi năm nhà trai phải nộp cho nhà gái 5 gánh. Nhà trai đặt trước 10 gánh để lấy đà lòng tin

mà tiến hành tổ chức lễ *cưới xuống*, đón dâu về nhà lớn và *bản mường*.

Từ ngày xửa ngày xưa nào đó lệ nói là *tạo* lấy *nàng* thì thời gian ở rể *quản* là 1 năm. Song vì sự quy định đó thường cũng nói như vậy, không chặt chẽ lắm nên chỉ khoảng 3-6 tháng, người ta đã cho tiến hành các bước cưới tiếp theo.

Sau khi làm xong lệ *"hỏi dứt lời, dạm đứt giá"*, chọn được ngày lành tháng tốt, *án nha* cha cùng bô lão, *hé ho, mo nghe* cử viên *quan phòng* cùng 2-4 người tuỳ tùng dẫn *tạo mường* đến nhà nhạc phụ để bắt đầu làm rể ở *quản*. *Tạo mường* và viên *quan phòng* đi ngựa, 4 tuỳ tùng gánh đồ tư trang gồm hòm quần áo, đệm, màn, chăn gối, dao, kiếm, súng... và giắt một con trâu đực có độ tuổi đương sức cày đến buộc ở gầm nhà sàn của nhạc phụ với nhạc mẫu.

Bước lên thang vào gian *quản*, nhạc phụ cùng những người thuộc họ phía *lung ta* đã chờ sẵn để đón *tạo* rể. *Quan phòng* dẫn *tạo* rể cùng đoàn tuỳ tùng để phủ phục lễ bố mẹ vợ mình ba lượt nguyện làm con rể phụng dưỡng cha mẹ suốt đời. Phụ nhạc bước tới nâng *tạo* đứng dậy. Đáp lời cầu khẩn, phụ nhạc nói: "...nể nang nhiều cũng không biết đường cư xử. Việc nào cần làm thì làm, cần đi thì đi. Con nòi *tạo* ăn ở như *tạo*. Con loài rồng thì ăn ở như rồng. Lệ *bản* luật *mường* đã định ra rõ ràng. Chúng tôi phận cha mẹ cũng đội ơn trời, ơn đất, không còn nhời nhẽ thế này thế nọ nữa rồi. Mọi điều đều tốt đẹp cả. *Tạo* rể con hãy cùng cha hợp bô lão cùng *hé ho, mo nghe*, quần tụ dân như 'lùa đàn cá ngược dòng", "nắm xôi lớn nuôi quan", "bầy mâm để dân ăn", dứt lời, phụ nhạc sai người đón lấy đồ tư trang của *tạo* rể đến đặt ở nơi buồng ngủ gian phía *quản* để *tạo* bắt đầu quãng đời làm rể của mình.

Lệ *bản* luật *mường* đã quy định: *tạo* ở rể có người phục dịch đời tư và thay mình đảm nhiệm các công việc nương rẫy, ruộng đồng cũng như mọi công việc khác để phụng dưỡng nhạc, mẫu phụ, mọi nền nếp đều phải chu tất.

IV. LỆ LÀM LỄ NHẬP PHÒNG VÀ TỔ CHỨC CƯỚI LÊN:

1. Lệ làm lễ nhập phòng:

Lung ta tìm được ngày lành tháng tốt mới sai người loan báo phía nhà trai. *Án nha* nhận được tin lành cảm thấy sảng khoái, bèn cùng vợ sắm đồ làm nghi thức gọi là "búi tóc ngược". Sính lễ lần này theo đúng lệ gồm: 2 mớ độn tóc, 2 trâm cài búi tóc - 1 chiếc có mặt bằng bạc và 1 chiếc có mặt bằng vàng. Một đôi vòng tay bằng bạc. Cả hai loại vòng cân đúng lạng tư. 10 sải vải Thái với 4 sải vải thổ cẩm gọi là *khít* để lót đồ bằng bạc, bằng vàng. Trầu không, cau quả, thuốc lào mỗi thứ 4 gói. Tất cả đồ sính lễ này, *án nha* có thể loan báo cho bô lão, *hế ho, mo nghe* cùng tường rồi sai vợ chồng *quan phong* dẫn đoàn tuỳ tùng nam nữ đem đi trao tận tay ông bà nhạc phụ của *tạo mường*.

Ông bà nhạc phụ vui mừng đón nhận đồ sính lễ. Họ bèn sai người đi đón hai người đàn bà có phận tốt đẹp, đứng đắn, sinh hạ được nhiều con trai gái đến giúp làm thủ tục lệ "búi tóc ngược". Nhận lời mời, hai người tốt số ấy đã lại nhà. Đầu tiên họ bưng chiếc rổ đựng vải vóc cùng những đồ sính lễ vàng bạc đi đặt ở giữa nhà mé chân phòng loan rồi cho rải chiếu để giắt tay vợ chưa cưới của *tạo* đến quỳ. Hai người đàn bà ấy tự tay tháo búi tóc của thiếu phụ, xoã xuống và dùng lược mới để chải cho xuôi. Sau đó cài độn tóc và búi ngược lên đỉnh đầu cài trâm bạc hoặc vàng biểu thị chung phụ. Họ đến bên gian *quản* nâng đệm, chăn gối mới của con *tạo* đến rải sát vào chăn, đệm, mới của nàng rồi chăng màn, rèm hoa để làm nơi động phòng cho đôi vợ chồng mới. Xong xuôi rồi họ lại đến bên *quản* để dắt tay *tạo* nhập vàp trong màn để nắm lấy tay vợ yêu của mình. Nàng thân ngọc hoa vàng nở đã trở thành vợ của con nhà nòi, dòng con *tạo* từ đó. Những người ở ngoài cùng reo mừng đôi lứa. Lệ làm lễ nhập phòng thường được chấm dứt, hoàn tất vào buổi chiều tối để chuẩn bị sáng hôm sau bắt đầu tiến hành các thủ tục cho lễ gọi là "cưới lên".

2. Tổ chức lễ "cưới lên"

Trong phong tục tập quán của người Thái, công việc tổ chức "cưới

lên" cho con *tạo* là lễ to lớn, mừng vui cả *bản mường. Ải nọng, lung ta, nhình xao* hai đường ba lối, ai ai cũng phải chuẩn bị để vào cuộc vui này.

Phía họ nhà trai

Tìm lấy được ngày lành tháng tốt. Chuẩn bị đồ sính lễ. Đây là lúc nộp bạc nén trâu con, đồ uống gói ngang tầm, rượu nước, gạo, thịt đã tươm tất... Đủ mọi thứ mọi điều đều đầy. *Ấn nha* lớn ở trong phủ, hàng bô lão, *hé ho, mo nghe cử* viên *chang* lớn đứng đầu việc thực hiện phong tục tập quán, làm ông mối chính, cử nàng *một mường* làm bà mối chính, rồi bắt lấy một hai chục thanh niên khỏe làm tùy tùng, vài chục cô gái trẻ đẹp đi phục dịch, reo hò hát đối đáp...

Phía họ nhà gái

Cùng thống nhất ngày lành tháng tốt. Có ngày này hình như sự giầu có sẽ không có đường tận. Họ cũng có hàng bô lão, *hé ho, mo nghe* chuẩn bị sẵn sàng đón khách ở phương xa lại. Chủ *mường* xa sẽ đến đánh thức *mường* ta dậy. Họ đã dậy tiếng trống chiêng từ vài ngày trước đến hôm nay. Họ cũng cử ông *chang* làm mối nam và nàng *một mường* làm mối nữ dẫn dắt đoàn trai gái đến ngang đường giả vờ chắn đoàn khách không cho vào *mường*. Tập quán cho những người này giả vờ chửi văng những lời tục tĩu và té nước bẩn vào đoàn nhà trai để chặn đường như không muốn cho họ vào đất *mường* mình. Lệ nói: việc này chỉ được phép diễn ra trong chốc lát, cho lấy lệ rồi thôi, không được phép đùa dai cho người tốt mếch lòng. Chỉ đùa bỡn lấy lệ cho vui đường tình. Một lát sau, nàng *một mường* dẫn một đoàn người phía nhà gái ra đón đầu đoàn dẫn cưới của nhà trai, không để họ qua khỏi cổng *mường*, nàng *một mường* cất tiếng hát ghẹo tình, hỏi và dẫn họ đi chơi các *mường*:

"... khách *mường* nào kéo tới đông như thế?

Ở nơi nào họ đến tụ tập chốn này?

Gió phương nào quạt tới để lá tre ta rụng rời khỏi nhánh!

Hãy dừng chân gọi đôi câu tình thương yêu!

Nổi tiếng, thật nổi tiếng!

Đồn rằng, Mường So có ngọc ngà!

Mường ta có ngọc tỏa ánh từ nàng bướm!

Sao lại không lả lướt say tình nơi bông vàng tươi nở!

Nổi tiếng, thật nổi tiếng!

Dưới xuôi tiếng nàng người Kinh!

Đầu sông Đà tiếng nàng Mường Lay!

Má tươi hồng một vườn hoa luôn nở!

Đất lành sao chẳng đến!

Nàng đẹp sao không nhập cùng sóng đôi!

Nổi tiếng, thật nổi tiếng!

Tiếng *mường Thanh*, *mường* tròn như cạp nong

Đồng lớn rộng cong cong như sừng trâu

Cánh đồng lớn nguồn thóc gạo tuôn chảy

Nơi gốc gác của nòi Thái sinh ra thành loài người!

Gái tơ đẹp nhiều đời nhiều lứa!

Cớ sao không đem lòng yêu mến để thành bạn song thân!

Nổi tiếng, thật nổi tiếng

Tiếng Mường Lò *mường* vừa tốt vừa lành!

Có đồng Hốc, đồng Uôn coi vào đất phủ!

Có đồng Củ, đồng Da chăm sóc *nàng*!

Chăm sóc *nàng* mà được của!

Có ao Hôm, ao Ha buồng cau trĩu quả!

Đồng lúa rộng nhiều lớp mọc đầy muôn kho!

Tìm vợ, lấy được vợ yêu suốt đời!

Nổi tiếng, thật nổi tiếng!

Tiếng rằng Mường Tấc có hoa sen!

Mường Pùa có hoa "lải"!

Qua cánh đồng từ sáng đến tối nào đã khắp!

Vua Kinh đưa nàng Kinh tới ở[3]

Tới sống chung cùng *tạo*!

Có rượu cần uống thi cùng lứa bạn!

Mường tốt sao ngài lại không tới?

Mường có *nàng* lành có sao ngài không đến cưới thành vợ yêu?

Nổi tiếng, thật nổi tiếng!

Mường Sang có núi đá vây quanh!

Tơ không nhuộm tự khác có mầu đen chàm!

Có chân thành rộng phóng tầm mắt nhìn!

Then dựng cho *pha nha* lớn sửa sang![4]

Mà tận dưới xuôi vua tìm đến!

Tiếng lên trên Mường Xo, Mường Là tìm lại!

Nàng ngụ trên lầu tươi tắn trắng trong!

Cớ sao phìa không lại nhòm để cưới về làm vợ?

Nổi tiếng, thật nổi tiếng!

Mường Muổi trụ cột!

Đặt nơi đỉnh cao siêu!

Xây đắp nên *Mười Sáu Châu Thái!*

Dân mọi mường còn nhớ tới *Ta Ngần* dựng xây *mường bản!*

Vùng ao lớn thờ phụng *Ngu Hấu*[5]

Nhiều đời *tạo* phúc kề, phúc truyền lưu!

Đến đời ta êm ấm dân Thái quây quần!

Nhiều lớp đôi vợ chồng hưởng hạnh phúc!

Vẫn còn nhiều nàng mặt tươi trong sáng!

Đang mong chờ *tạo* mường lại thăm đó sao?

Nàng một mường phía nhà gái cất tiếng hát như thế, mọi người cùng reo hò. Người đến đón đoàn nhà trai đông tựa cát, chảy như nước. Họ đánh trống đánh chiêng, uống rượu hát hò ầm ĩ. Ông *chang* là mối gốc phía nhà trai không được phép hát những câu để trả lời đúng những lời hát hỏi của nàng *một mường* phía nhà gái bởi vì chưa phải lúc xuất khẩu thành thơ đối đáp thắng thua. Ông phải đưa đoàn của mình chẩy phá qua số đông người đứng chắn, lại vừa thốt vài lời tóm tắt cho đúng lề thói:

A! Ơi! Không hát e mang tiếng đến bản!

Không hát sợ mang tiếng đến *mường*!

Không hát lời thương sợ không gặp phúc may!

Phúc đi rồi, phúc không trở lại!

Lúc đó khóc dở, cười dở!

Bởi vì luật *mường* ở phía trên còn đầy chất!

Luật *bản* ở mé dưới còn ăm ắp thừa dư!

Xin hỡi trời cao đừng bắt tội!

Cửa *bản* của ta vẫn chưa úa vàng đấy chứ!

Muốn thế nào xin hãy nói cho thật!

Nói thật nói những điều cần nói!

Mở ra đi cửa *bản* thương!

Mở rộng đi cửa *mường* mến!

Mở ra để người thương đi vào!

Mở ra để người thân thương đi tới!

Kia rồi! Cửa lớn nhà người thương đã mở toang!

Này đây! Nhà thân thương của ta đây!

Nhà lớn rộng chiều cao quá tầm mắt!

Gỗ ván sẻ đem ghép thành ngôi!

Khau cút vẽ hình hoa sen!

Đuôi kèo tạc đuôi én!

Gianh lợp cắt vén đuôi rui!

Mọi đòn mè, đòn tay đều bóc nhẵn!

Mọi đường lạt buộc đều được vót kỹ!

Cột nhà lớn thả sức voi kéo!

Dát nhà đủ voi khiêng!

Nhà nàng *mường* tiếng thơm dân Thái lại tụ!

Chủ đất lớn cha mẹ nàng vẫn bình yên!

Hàng bô lão đã tề tịu đầy đủ cả chứ?

Bẩu đúc thành ba đời người với bảy lớp họ đã đến đầy đủ chưa?

Đầy đủ rồi mối ta đây tìm ngày mới bắt được ngày lành!

Ngày lành mối xin đến lệ *bản*!

Thu xếp mọi bề để luật *mường* làm xong!

Chín điều xin mười điều xin!

Tôi xin được phép!

Án nha, bà mường, bô lão, hế ho, mo nghe, lung ta với mọi người được khỏe cả đấy chứ?...

Đoàn mối vào đến nhà

Đến giờ phút này, ông, bà mối mới được nghỉ ngơi đôi chút để đoàn nhà trai, gái trong đoàn mối bắt tay vào việc dọn bàn cỗ theo lệ luật. Theo lệ đặt ra cho nhà *tạo*, tổ chức lễ cưới lên có ba khoản việc lớn phải làm, không được thiếu:

a. Cúng tổ tiên nhà gái

Đặt mâm gọi là "bạc nén, trâu con" trước gian nhà có tên là *klọ hóng chong căm* thờ tổ tiên. *Ông chang* của *mường lung ta* xướng lời cùng gọi là *tam ló*. Các mâm cúng được bầy như sau:

- Phía trong cùng là rổ đựng vải và số bạc, đúng số đã định là 14. Nếu có phải đưa trước để làm lễ tạ song thân phụ mẫu rồi thì bớt đi cũng được. Tuy nhiên vì là chỗ *án nha* thì thường vẫn nộp đủ số 14 cho đẹp. Trong đó suất bạc thường phân thành hai suất. Một đôi vòng bạc đền đáp công ơn mẹ đã nuôi con gái bằng sữa của mình để thành người gọi là "bạc nhập cổ tay mẹ" hoặc còn gọi là "bạc đền đáp vú sữa mẹ". Đôi vòng bạc này không được thiếu. Số bạc khác thì gọi là "tiền giá trả công cha mẹ nuôi nấng của bố mẹ".

- Mâm lớn bầy đồ ống gói ngang tầm gồm: trầu, quả, thuốc lào (lá), giỏ trứng gà, giỏ cá sấy khô, gói thịt gà luộc để cả con ống thịt ướp chua, ống cá ướp thính.

- Mâm cỗ đầu lợn, chén rượu, chai rượu và giỏ xôi đặt bên cạnh mâm.

- Mâm cỗ thịt trâu, chén rượu, chai rượu và giỏ xôi đặt cạnh.

Bên cạnh hai mâm cỗ này còn có rổ đựng áo của tất cả những thành viên trong khối người gọi là *ải nọng* của họ nhà gái. Họ là chủ hôn lễ, trong đó đứng đầu là cha sinh mẹ đẻ của người con gái đương chuẩn bị về làm dâu con nòi *tạo*.

b. Tổ chức uống rượu cần và bầy mâm cỗ tiệc bàn

Những người phục dịch bắt đầu đặt cỗ bàn lớn và những cỗ bàn nhỏ. Trong khi đó, ông chủ mối phía họ *lung ta* thay mặt cho chủ nhà lần lượt mời anh em trong họ hàng hai đường, ba mối, các *bô lão, hế ho, mo nghe, bản mường* vào uống rượu cần. Tiệc cưới con *tạo* theo đúng luật thì phải có 7 chum lớn và 5 chum nhỏ rượu cần. Mỗi chum lớn được cắm 7 cần và chum nhỏ cắm 5 cần. Như vậy sẽ 49 người vào uống loạt của 7 chum lớn và lượt của chum nhỏ là 35 người. Một lượt cần là 84 người cùng uống. Thường những cuộc hôn lễ lớn ở nhà *tạo*, mỗi người phải uống ba lượt rượu cần rồi mới vào mâm tiệc. Mỗi một chum rượu cần có một người đàn ông được chọn làm cái gọi là *cống* chuyên kêu mời. Trong đó một chum rượu lớn được gọi là chum gốc thì do một viên chức dịch gọi là *ho cống* chuyên rót nước qua ống sừng bò rừng (tót) xuống chum rượu và xướng mời theo bài bản.

Lúc uống rượu cần, buổi lễ nhộn nhịp trong tiếng trống, tiếng chiêng, hát, hò, múa chơi vui.

C. Rể phục lễ, ra mắt lung ta và ông mối xướng bài bản kể đường dâu gia

Uống hết chầu rượu cần, người thay mặt chủ nhà là mối bên *lung ta* bắt đầu dẫn dắt anh em hai đường ba mối, *bô lão, hế ho, mo nghe, bản mường* lần lượt ngồi vào mâm cỗ lớn phân theo thứ tự bậc trên dưới. Trong đó, nhạc phụ đồng thời là *án nha* hoặc *tạo, phìa* - chủ *bản mường*, chủ vùng nước vùng đất vào ngồi ở vị trí giữa hàng phía trên. Phía đó còn có các *bô lão, hế ho, mo nghe* và những anh em trong cộng đồng *ải nọng* phía *lung ta*. Ngồi ở hàng phía dưới là những bà con thuộc cộng đồng gọi là *nhinh xao* những người ở trong họ hàng làng rể. Họ là người gọi là *cống* chuyên rót rượu mời *lung ta*. Theo tập quán Thái, bàn cỗ lớn bao giờ cũng được phân chia thành 2 nửa. Nam giới thì ngồi thành 2 hàng trên, dưới từ giữa nhà sang bên phía *quản* và ngược lại nữ giới thì ngồi hai hàng trên, dưới từ giữa nhà sang bên *chan*. Trong đó, mẫu nhạc đồng thời mang chức danh *bà mường* ngồi ở

vị trí giữa hàng trên, nối tiếp là những phu nhân bô lão toàn mường, những chị em trong cộng đồng gọi là *nhinh xao* của nhóm *ải nọng* phía *lung ta*, những người mẹ cao tuổi có uy tín ở trong *bản mường*, những bà giỏi xuất khẩu thành thơ và hát theo làn điệu dân ca của *mường*.

Những mâm cỗ nhỏ cũng thu hút mọi người vào chỗ ngồi. Thông thường, những mâm cỗ nhỏ là dành cho con cháu - những chàng trai trẻ và cô gái đang thì nở hoa tìm bạn.

Sau khi mọi người đã yên ổn trong vị trí mâm cỗ. Chủ rượu mời mọi người nâng chén rượu chúc tụng nhau. Cạn bốn chén khắp lượt.

Ông chang, mối chính thức của nhà trai cùng đoàn phù rể dẫn *tạo* ra đứng thành hàng ngang, chắp tay về phía trước để làm lễ ra mắt *lung ta* và *bản mường*.

Ông chang bảo *tạo* và những người phù rể quỳ gối lạy ba lượt. Nhạc phụ mẫu phụ thấy không phải phép nên đã nói là *tạo* con rể không phải lạy vì là con của *bản* của *mường*, nhưng *tạo* vẫn phải tuân thủ quy định của luật lệ mà lạy. Lúc này *ông chang* bảo làm là làm, bảo đi là đi...

Ông chang cất giọng xướng theo cách có nhịp điệu - bài bản nhan đề kể đường dâu gia. Xướng xong một đoạn lại ngừng và bảo *tạo* rể cùng đoàn tuỳ tùng cúi đầu quỳ gối lạy 3 lượt. *Tạo* rể và đoàn tuỳ tùng thường phải lễ 7 lượt vì cộng đồng *ải nọng* có 7 thế hệ gọi là "họ bảy lớp" (*vả chết chặn)* của *lung ta*.

Mở lời bản mường

Nói về *mường bản, viện châu* nơi có người tài ba.

Đất Chiềng Cầm - Chiềng An từ thửa xưa lưu truyền.

Đội ơn trời sinh trời đặt.

Ông bà tổ tiên đã từng dựng đường dây *bản mường*, *viện châu*, sinh hạ người tài đặt ngôi *án nha*.

Đức *án nha* lớn chủ vùng đất mới được phép tiếp nối ngọn dây bạc, dây vàng, cầm đường dây *mường bản*.

Đội ơn vua, ơn chúa - vua Kinh với vua Lào.

Vua Kinh còn tin dùng, vua Lào còn mến phục.

Vua cho *án nha* cầm ấn tín.

Có *cong* tiếng vang khiêng nặng.

Có hai chiếc trống với bốn cồng chiêng

Sáo thổ ngang với kèn loa.

Có kiệu ngồi để người khiêng với thớt voi mang đôi ngà mài sắc.

Có ngựa thắng yên cương.

Có giáo, mác, gươm, đao.

Có phòng làm việc giấy tờ.

Có ấn sắc đỏ đặt trên giấy vàng vua ban phát xuống cho *án nha*

Đức *án nha* lớn chủ vùng đất mới được ngồi trên kiệu hình én nơi đỉnh vàng cao siêu.

Án nha mới được ngồi trên cao tựa gối.

Cưỡi đầu voi sửa sang vùng đất.

Lôi kéo và tập hợp hàng bô lão.

Mọi điều đều xong xuôi ngăn nắp.

Lại xin thưa!

Từ khi người Pháp đến cai trị *bản mường*.

Con nhà *tạo phìa* ở đất Thái phải làm tôi cho quan Tây.

Quan đã cho *án nha* những của cải quý và lạ mắt.

Đội ơn chủ quan Tây ban cho *án nha* mề đay bạc, mề đay vàng đeo trên ngực áo.

Đức *án nha* mới thêm nhiều thứ lạ.

Đồng hồ nhỏ có dây sà tích treo, đeo lên cổ.

Kèn Tây làm bằng ống đồng uốn cong, đeo tua chỉ vàng, chỉ đỏ.

Có súng lục đeo dây bằng da.

Có lon bạc lon vàng đeo vào áo.

Có miếng bướm bạc, bướm vàng đeo trên vai.

Có lính cầm đi hầu chầu trực.

Đằng sau họ có hòm đạn.

Đằng trước họ có hòm da.

Có cương ngựa, yên ngựa của Tây.

Có máy ảnh và máy hát được nhiều loại tiếng khác nhau.

Có bàn cao, ghế tựa sơn hồng.

Có mũ của Tây đỏ[6] và Tây trắng.

Có ô máy với giầy Tây.

Đi đường trường có xe ngựa kéo.

Thăm bản có xe đạp đi.

Có quần áo Tây chỉ vàng.

Tất cả đều do quan Tây phát ban cho *án nha.*

Lại xin thưa!

Án nha có đủ tài lôi kéo và tập hợp.

Chủ *pần* lớn, chủ *pọng* lớn, ông *ho luông, lam ho* quyền *mường.*

Họ đứng đầu hàng bô lão, *hế ho, mo nghe.*

Dưới *án nha* có nhiều quan văn, ngàn quan võ, gọi chung là *xổng - xự - ngụ - đô - pách - nam.*

Mười cột trụ của *mường*, lớn nhỏ ở vòng trong.

Quy về mối con nhà *tạo.*

Chín *bản* mười *mường*, hai mươi *mường*.

Lại thêm trái vui lại, phải vui tới.

Mười gối quỳ, chín đầu lễ, phủ phục nơi *án nha*.

Đức *án nha* lớn chủ vùng đất được yên ổn làm việc cho nhà vua Kinh, bang giao với nhà vua Lào.

Làm được như thế mới được như dòng nước tự khắc trong, đất *mường* hưởng thái bình.

Làm nên một thời tiếng tăm lừng lẫy.

Danh thơm đến những *viện*, những *châu*, đến với nhiều người tài khác nhau.

Phía trên đến đầu sông Nậm U, Nậm Khong

Phía dưới tới miền cuối nước cuối sông.

Hai bên vua Kinh hay, vua Lào biết.

Mọi đường mọi lối đều đứng trong thế yên vị.

Kể về đường dâu gia

Lại xin thưa!

Mường bản ngôi *án nha* chưa đủ cây sà dọc sà ngang.

Vẫn còn chống gian buồng cất nong, nia, vợt súc tôm tép.

Nơi để cho con bạc, cháu vàng của *án nha* sinh ra và lớn khôn, "voi đứng kề (chức quyền cao) tựa đặt giường cho dân nằm"[7]

Buồng nhỏ thành buồng lớn như thế còn chưa sửa sang.

Bởi thế *án nha* phải lôi cuốn và tập hợp: *pần* chủ, *pọng* chủ, toàn thể hàng bô lão, *hế ho, mo nghe*, quan văn, vũ *xổng, xự, ngụ, đô, pách* nam.

Bốn hàng quan túc trực bên giàn giáo mác, đủ mặt anh tài.

Thái bình, tiếng tăm.

Như đóng khung tứ bề quanh chủ nhà, *viện châu*.

Mười gối quỳ, chín đầu lễ, phủ phục nơi *án nha*.

Mọi đường mọi lối đã ở vào thế yên vị.

Đường dâu gia của phìa bun quảng.

Lại xin thưa!

Tôi là xứ giả, mối của *bản mường*, xin kể lại từ thời xửa, thời xưa.

Kể từ đời cụ ông *phìa* lớn *Bun Quảng*[x].

Phìa lớn *Bun Quảng* dựng xây *bản mường*.

Làm tôi cho vua Kinh, bang giao với vua Lào.

Gậm sàn nhà lớn chưa có voi, kề bên *tạo* chưa có vị hôn thê.

Chưa có nàng biết "nắm xôi đặt mâm lễ, bầy mâm cúng"

"Nắm xôi lớn nuôi quan"

"Biết đặt mâm cỗ nuôi dân chúng"

Phiền lòng *án nha* phải suy tính về đường vợ đường con.

Phải lo liệu cưới xin.

Án nha mới phải mở miệng bạc miệng vàng của mình, trình bày ý nguyện cùng các quan phục hầu nơi công đường.

Dậy tiếng trống tiếng chiêng cho gian *quản* tưng bừng nhộn nhịp.

Cánh cửa lớn mở rộng.

Chiếu, cót trải đều khắp gian *quản*.

Bô lão vào đầy đủ ngồi mặt kề mặt.

Vừa uống rượu vừa nghe lời bố cáo.

Bố cáo về đường cưới nàng làm vợ.

Nghe xong bô lão đều tâm đồng ý hợp.

Mọi dòng nước đều có loài rồng.

Mọi đất *mường* đều có hang chim én.

Đó là đỉnh trụ của các cô nàng.

Mần để chăng, nàng để gả, kể sao cho hết.

Nhưng, các nẻo đường đều bị dòng nước chắn ngang.

Đường tới đó thật khó.

Đầu *mường* họ không tiếp giáp, cuối *mường* họ không tựa vào *mường* mình.

Đường bói toán không ngọt và không thuận.

Chân gà báo không lành vì đường nét của các ngón sắp xếp không thể hiện sự trong sáng.

Anh em dòng bạc, vàng đều không quy thuận.

Hàng bô lão không vui vẻ bắt tay vào tổ chức.

Đường dâu gia chỉ mở ra một mối với vị nhạc phụ lớn tên là *Ải Dong* ở đất Mường Chăn.

Đội ơn!

Phúc trời cao, phúc rồng ở nước.

Phúc lớn của tổ tiên giống vàng.

Phúc lớn của *lung ta* vừa sâu lại vừa rộng.

Hai họ đều được phúc vàng trời che chở.

Mới sinh hạ được "đóa vàng ngọc, hoa vàng nở".

Đức bà *Ngân Liêu* sinh nở nơi đỉnh cao gối kề.

Sinh ra ở nơi phòng nơi buồng.

Mẹ bế bé vào lòng.

Nuôi nựng yêu một mệng cao gối kề.

Có nàng chị cầm chiếc địu hoa văn lại mang.

Bà cô đem chiếc địu hoa văn mầu sặc sỡ đến địu.

Họ nắm xôi đặt vào tay và dắt tay bé gái ra bến tắm.

Nhà nhạc phụ có:

Ngàn đầu cá, muôn đùi trâu,

Ngàn miếng cau, muôn miếng trầu,

Ngàn ao cá, muôn kho thóc,

Để nuôi nàng lớn khôn.

Lớn nhờ trời, nhờ rồng.

Trở thành một trang thục nữ.

Ăn ở cùng nhạc phụ chủ *Ải Dong*.

Tiếng lành đồn vang đến tai ngà với mắt bạc của *ấn nha*.

Ấn nha lớn chủ vùng đất bèn mở miệng bạc miệng vàng để bày tỏ ý tốt lành với các quan phục hầu.

Người đã cho đánh trống chiêng tưng bừng nhộn nhịp.

Triệu tập hàng bô lão cùng bậc cha chú của ba, bốn dòng tới phục hầu.

Người cho bói toán để xem lại đường dâu gia.

Đường bói toán đáp ngọt và thuận.

Chân gà đã báo điều lành vì đường nét của các ngọn sắp xếp hiện lên sự trong sáng.

Anh em dòng bạc, vàng đều quy thuận.

Hàng bô lão vui vẻ bắt tay vào tổ chức.

Lại xin thưa!

Tháng, năm tốt đẹp đã dâng, ngày lành đã tới.

Đức *án nha* lớn chủ vùng đất phải chuẩn bị tiếng nói của *bản mường* bằng văn bản.

Nói về đường cưới xin, đường chắp nối dâu gia.

Phải đặt vào bao nhiêu của cải?

Bạc nén, vàng lá.

Bạc thỏi, sà tích, nhẫn đeo.

Tấm vải vóc và tấm thổ cẩm.

Vải the, lụa là.

Châu bảo, ngọc sáng.

Của ngon vật lạ biếu xén.

Cỗ bàn rượu trâu.

Ống, gói tương bằng.

Tất cả phải đầy đủ.

Lại xin thưa!

Các loại của cải.

Bản mường cùng nhau gánh chịu.

Lễ lạt nộp thay *án nha*.

Án nha lớn chủ vùng đất cùng bô lão toàn mường cử ông, bà mối người sành sỏi.

Mối khôn lời *bản* không bị úa.

Mối ngoan lời *mường* không bị phai.

Mối đầu chỏm là *ông chang* của *mường*. Sẽ là *bà nàng một*.

Đoàn tuỳ tùng trai gái đủ cơ số mười với hai mươi

Họ tạm biệt "chân voi nơi ngôi chủ".

Họ đi qua ranh giới đất *mường*.

Đến để gặp nhạc chủ *Ải Dong.*

Nhạc phụ cảm thấy không thể khước từ, bèn bắc cầu qua, bắc thang đón!

Cánh cửa chính rộng mở đón tiếp!

Ông mối *mường* mới thốt ngay lời nhỏ lời to.

Xin lỗi *lung ta.*

Biết nói như thế nào khi phải đem khuôn mặt méo với mắt dẹt mắt ngang đến xin thưa gửi.

Xin bảy tỏ những điều lành điều tốt.

Xin *lung ta*, chín bỏ làm mười đừng chấp.

Xin vui lòng tiếp nhận:

Những giấy tờ thay tiếng nói của *mường*

Bày tỏ về cưới xin và chắp nối quan hệ dâu gia, xin để ở cõi lòng.

Bạc nén, vàng lá,

Bạc thỏi, sà tích, nhẫn đeo,

Tấm vải vóc và tấm thổ cẩm,

Vải thc, lụa là,

Châu bảo, ngọc sáng,

Tất cả xin hãy để trong *cúm*, trong *bem.*

Của ngon vật lạ biếu xén, xin hãy xem như của trong nhà.

Ống, gói tương bằng.

Cỗ bàn rượu trâu.

Xin để thờ để cúng về *đẳm* tổ tiên.

Thờ cúng xong ba họ *ải nọng, lung ta, nhinh xao* hai đường, ba mối.

Hàng bô lão, *hé ho, mo nghe bản mường*

Cùng nhau vào dự tiệc vui thân thân mật mật.

Giờ đây, mối mường tôi cũng chẳng khác nào đã làm xong xuôi việc "vải vóc với kim chỉ"

Là *ông chang* được cử làm mối thay mặt *án nha*, hàng bô lão *bản mường* phía *nhinh xao*, xin cáo lui để trở lại quê nhà

Nhận được tin báo tốt lành, cụ chủ phìa lớn Bun Quảng mát lòng hả dạ.

Được thỏa mái nhẹ nhàng.

Nhưng đường vợ con còn chưa dứt, chưa xong.

Án nha lại phải nhờ đến các quan phục hầu một lần nữa.

Phải, trái đều vui nhận và tiếp cử mối đi xin.

Mối nói: đã đầy ba năm bốn mùa lúa, *mường bản* của cụ chủ lớn Bun Quảng thật lắm người qua khách lại.

Nhưng chưa có *bà mường* nắm lệ nắm luật.

Biết "nắm xôi đặt lễ với mâm cúng".

Biết "nắm xôi lớn nuôi quan".

Biết "bầy mâm bàn nuôi dân chúng".

Phiền lòng *án nha* lại phải lo liệu.

Tháng năm tốt dâng lên, ngày lành đến.

Đức *án nha* lớn chủ vùng đất bắt tay phân đặt.

Chuẩn bị, nào giấy tờ thay tiếng nói *mường bản*.

Về đường cưới dâu nàng nối đường dâu gia.

Nào chuẩn bị nốt phần còn lại - bạc nén, vàng ròng.

Bạc thỏi, sà tích, nhẫn đeo,

Tấm vải vóc và tấm thổ cẩm.

Vải the và lụa là.

Châu bảo và ngọc sáng.

Của ngon vật lạ biếu xén.

Ống, gói tương bằng.

Cỗ lớn rượu trâu.

Đức *án nha* lớn chủ vùng đất lại phải mở lời vàng lời bạc cùng các quan phục hầu.

Họ lại cùng nhau hiệp lực.

Họ cho người đứng trên mũi thuyền quăng chài tơ.

Đứng bên lái thuyền quăng chài thưa với lưới chỉ.

Quăng chài bắt được chiên to bằng chõ.

Quăng lưới bắt được chép to bằng mâm đổ xôi.

Thu được chiên người ta đem về mổ.

Lượm được con cá "anh vũ" đem ướp thành món thơm ngon.

Cá ướp trong chum dựng nơi chân giường nơi phía mé chân gian ngủ.

Họ cử người đi *Ta Hè* kiếm tơ.

Đi *Ta Sại* kiếm buồng cau quả.

Họ đã thu được buồng cau tay trĩu quả.

Kiếm được trầu không đem về đặt gói.

Họ chặt cây tre "bông" để đan giỏ kẹp đựng trứng gà.

Chặt cây tre "lay" để đan giỏ kẹp cá sấy khô trên gác bếp.

Chặt cây tre ngà để đan giỏ đựng lá trầu xếp nhiều lớp.

Gói cá, gói kiểu gập lá.

Gói thịt gà luộc nguyên con gói kiểu bè to.

Gói trầu không phải biết gói kiểu vắt chéo lá.

Lá cây "hu" dùng để gói xôi.

Lá cây *tậu* dùng để gói thuốc lào vàng.

Ống, gói tương bằng đều đầy đủ.

Án nha lại mở lời bạc vàng với hàng bô lão, *bản mường*.

Họ lại cử ông *chang* đưa đoàn tuỳ tùng đi đến với *lung ta* để xin phép đón "bông hoa vàng ngọc, đương nở rộ" về với *án nha, bản mường*.

Cụ chủ *Ải Dong* sẵn lòng rộng lượng gả nàng *Ngân Liêu*, sang làm bạn đời của *án nha* lớn *Bun Quảng*.

Lại xin thưa!

Tháng, năm tốt đâng lên, ngày lành lại.

Ải nọng trong cộng đồng dòng họ *tạo* giống *nàng* cùng *bô lão toàn mường* tổ chức hội phong chức danh cho nàng *Ngân Liêu* là *Bà Chính*.

Bà Chính được sống bên cạnh *phìa* lớn *Bun Quảng* để xây *bản* dựng *mường*.

Lại xin thưa.

Phìa lớn *Bun Quảng* xây *bản* dựng *mường* làm tôi cho vua chúa.

Cụ chủ đã được vua Kinh tin dùng, vua Lào mến phục.

Mọi việc lớn nhỏ đều ngăn nắp tốt đẹp.

Tiếng vang khắp hai miền Mã, Đà.

Lại xin thưa!

Cụ lớn *Bun Quảng* xây *bản* dựng *mường*.

Đội ơn trời trên cao, ơn loài rồng dưới nước.

Ơn các đời tổ tiên giống vàng.

Ơn phúc của *lung ta.*

Hai họ nhà trời cao quý như vàng đã che chở.

Chỉ *Bà Chính* đã sinh hạ được "búp măng vàng thân ngọc"- vị cha chủ phìa lớn Cầm Lả - Bun Hoan.

Tạo sinh ra nơi đỉnh cao gối kề.

Sinh ra ở nơi phòng nơi buồng.

Mẹ bế *tạo* vào lòng.

Nuôi nựng yêu một sinh mệnh nhà *tạo* cao siêu.

Có nàng chị cầm chiếc địu hoa văn lại mang.

Bà cô đem chiếc địu hoa văn sặc sỡ đến địu.

Họ nắm xôi vào tay và dắt tay *tạo mường* ra bến tắm.

Nhà *án nha* có đủ mọi thức mọi điều:

Ngàn ao cá, muôn kho thóc,

Để nuôi *tạo mường* lớn khôn

Lớn lên với trời cao, khôn lên với sông nước loài rồng.

Trở thành một trang nam nhi xứng dòng *án nha.*

Ăn ở và sống bên cạnh *phìa* lớn *Bun Quảng*

Lại xin thưa!

Cụ chủ *phìa* lớn *Bun Quảng* xây *bản* dựng *mường.*

Làm tôi cho vua đất Kinh, bang giao với vua đất Lào.

Cũng đã được nhiều mùa lúa, nhiều năm.

Cụ đã già trước *bản* trước *mường.*

"Đầu vào vườn cau, miệng vào vườn trầu".

Cụ đã băng biến vào lớp mây ngọc, vào cõi hư vô nơi trời, lên chầu

bụt *mường Then, liên pan* lớn nơi rộng.

Bỏ *bản* bỏ *mường* cho nơi *án nha* vị chủ Cầm Bun Hoan.

Đường dâu gia của phìa bun hoan

Phìa lớn *Bun Hoan.*

Kế bậc thang thay chỗ ngồi.

Nắm chuôi gươm hằn vết tay của cha ông.

Được tiếp nối nơi đầu ngọn bạc, ngọn vàng, nắm dây *mường bản.*

Lại xin thưa!

Tôi là xứ giả mối của *mường bản* xin kể lại thời cha.

Kể lại đời cha chủ *phìa* lớn *Bun Hoan*

.....

.....

Ăn ở và sống bên cạnh phìa lớn *Bun Hoan.*

Đường dâu gia của *tạo mường Bun Sơn*

Người lớn bằng khiên, bằng mộc, phải tìm khiên, tìm mộc.

Lớn bằng cô bằng nàng, phải tìm cô, tìm nàng.

Phiền lòng *án nha* lớn *Bun Hoan* phải suy tính về đường cưới vợ cho con nòi.

.....

.....

Quảng Quyền sẵn lòng rộng lượng.

Gả nàng *Ngân Pản* sang làm bạn đời với *tạo mường* lớn *Bun Sơn.*

Lời đáp của ông mối phía lung ta

Lại xin thưa:

Mường bản án nha lớn tôi đây đã nhận mặt con cái,

Đến ăn ở cùng *án nha* tôi đây, với bô lão để cùng xây *bản* dựng *mường*, làm tôi vua Kinh, bang giao vua Lào.

Mọi việc đều ổn thoả và thu xếp xong.

Từ trước tới nay, *án nha* lớn cùng bô lão chúng tôi luôn luôn mong có nơi chốn để nương tựa, nhưng không bao giờ tìm được.

Mường, châu đều ngăn sông cách trở, đi lại thật khó khăn.

Giờ đây *án nha* cha đã biên thư nói lời của *bản* của *mường*, đầy lời hay ý đẹp.

Án nha lớn chúng tôi thật vui mừng khôn xiết.

Lại còn đặt mâm cỗ rượu trâu

Mời *án nha* chúng tôi cùng bô lão *bản mường* đủ mặt ngồi vào cùng dự tiệc vui mừng.

Lại còn cử ông bà mối của *bản mường* dẫn đoàn tuỳ tùng tới dâng lễ lạt.

Ông mối dẫn đoàn tuỳ tùng vào quỳ gối lạy mâm cỗ để cho rể ra mắt *án nha* là vị nhạc phụ lớn *ải nọng* phía *lưng ta* là "trời riêng" cùng *bô lão bản mường*.

Việc gả con nàng cho con *tạo* thường chỉ thưa đôi ba lời cũng đã đủ lệ luật rồi.

Bản mường chúng tôi nói là "ăn hết giá để gả đi" thì không dám và không đúng dù chỉ bằng sợi tơ nhện.

Mà phải nói cho đúng rằng - nơi nước lớn Mường La - Chiềng Cầm Chiềng An.

Cần có nàng để "nắm xôi đặt lễ, bẩy mâm cúng".

"Nắm xôi lớn nuôi quan",

"Bẩy mâm bàn nuôi dân"

Nhưng, con gái của chúng tôi tự lớn lên như biết bao con người.

Lớn lên nhờ ngọn rau ngọn cỏ.

Lớn lên giữa *mường nhỏ* dựa dẫm.

E rằng, nàng soi gương lại không biết mặt mình trong sáng.

Còn cõi lòng thì đần độn,

Không thể tự thu xếp mọi lệ luật nơi *bản mường* được nào.

Bản mường cần người "lo thì ra, liệu là được".

Nàng chúng tôi thật sẽ không được như lòng mong đợi.

Thôi đành nhắm mắt mà lên với ông với bà với vị *án nha* lớn chủ vùng đất.

Sợ thay! Dâu người này với *nàng* người này!

Làm thế nào ăn ở và lo công việc ở nhà lớn sao cho vừa cho phải.

Mọi công mọi việc,

Lệ luật ngăn nắp,

Mọi thức mọi điều,

Làm đâu vào đấy,

Suốt cả một đời đem lòng yêu mến quấn quýt bên con *tạo*.

Luôn luôn mạnh giỏi, tươi tắn như bông hoa nở tứ mùa.

Cho cả *bản* được hưởng lộc, cả *mường* được nương nhờ.

Mọi thứ đều đạt như điều mong ước.

Cả hai đường ba nẻo họ *tạo* giống *nàng* đều ứng đáp được chu tất.

Là phận con dâu, cần chỉ bảo mọi đường mọi nẻo như thế nào đó xin *án nha* lớn cùng bà lớn dạy bảo cho.

Dắt con đi như dắt trâu tập cày.

Bảo con như dạy chó biết giữ nhà giữ cửa.

Lại xin thưa!

Bắc cầu sang, bắc thang tới hai *mường* đều xong xuôi tốt lành.

Mường bản của *án nha* lớn phận tôi sẽ được xem như một *mường bé* nhỏ nương cậy.

Là *mường* đàn em, thật trăm ơn ngàn ơn.

Nhìn thấy *bản mường* chúng tôi còn thấp hèn, xin *án nha* lớn cùng với ông *xen* chủ, ông *pọng* chủ cùng hàng *bô lão, hế ho, mo nghe* ra sức nâng đỡ.

Sao cho cánh chim bạc dương ra, đuôi cây vàng trở nên mềm mại.

Mường bản án nha lớn của chúng tôi sẽ thành *bản mường* nương cậy.

Bản phận em với mường hàng thứ.

Đầu *mường* tựa, cuối *mường* nương.

Liền một dải như tấm chăn chiên, tấm cót.

Liền mạch như lăn nặn sáp ong làm nến.

Hai dòng nước chảy làm một.

Đắp hai miền đất thành một.

Để cho thành một *mường*.

Bò trâu chung thung cỏ.

Ngựa voi cùng ăn một bãi cỏ non.

Bò trâu chung thung cỏ.

Voi ngựa vào một chuồng.

Thuyền ngược xuôi đậu bến dưới, đỗ bến trên.

Thuyền xuôi, nhường cho anh.

Ngựa nuôi ở dưới gầm nhà, nhường em cưỡi.

Anh xuôi thuyền để em theo.

Em cưỡi voi, cưỡi ngựa lên miền ngược, để anh gửi đồ theo voi, ngựa.

Từ đây trở đi, chung một cái mộc, cái khiên.

Cùng làm việc của vua tựa loài rồng, sống yên ổn.

Mường bản án nha lớn chúng tôi nguyện cùng bô lão xin được nương tựa vào chỗ *án nha* lớn là cha, Với ông *xen* chủ, ông *pọng* chủ cùng các bô lão và những bậc cha chú, các chức dịch hàng *châu mường.*

Giờ đây, mọi đường mọi nẻo đều đã được xong xuôi, kỹ càng cả rồi.

Phía nhà trai kể đường mối [9]

khúc 1

Bậc một hai điều thưa!

Trời giang trời đặt.

Đội ơn mây trên trời còn trắng.

Sao trên trời trên cao còn tỏ.

Lối tốt đường lành.

Viện *châu mường* yên ổn.

Cha mẹ được yên vui.

Trước cửa sổ cha mẹ.

Có vườn và ao sen.

Phía sau nhà có vườn hoa.

Mẹ sinh hạ được "thân ngọc như búp măng bằng bạc".

Măng lớn lên bên thân cây mẹ.

Sinh ra nơi cao siêu.

Đúng vào nơi hiểu biết và tốt lành.

Phải chỗ bậc cha mẹ.

Có nhiều bô lão chứng giám.

Có nhiều người ở bậc mẹ bậc cô.

Họ đã cắt lấy vải thổ cẩm hoa văn khâu thành địu để mang.

Làm địu hoa văn rực rỡ về để địu.

Bế lấy nàng vào lòng.

Xiết lấy nàng vào thân.

Cô chị cầm rổ rau đến cho.

Anh trai xách giỏ cá đến cho.

Ngàn đầu cá.

Muôn rổ rau.

Ngàn miếng cau.

Muôn miếng trầu.

Có thịt, gà dì còn bón bé còng.

Có cá, cô còn phải lọc hết xương cho bé.

Cha mẹ nuôi nàng lớn khôn.

Lớn lên bằng cái *bung* thì phải tìm *bung*.

Cao bằng chiếc rổ thì phải tìm lấy rổ.

Trưởng thành thành mẹ thành cha thì phải tìm nhà.

Có sàn sân nơi nàng thường lui tới.

Bếp lửa sàn nơi nàng tự tình với bạn.

Lời tâm tình bắt đầu nhen nhóm.

Tình yêu được bắt đầu từ miếng trầu.

Nhận lời thân thương chàng quay lại nhà.

Bèn đem lời hẹn của bạn gái bày tỏ cùng mẹ cha.

Hiểu nỗi con, cha mẹ cảm thấy khoẻ khoắn, hả lòng.

Mới đi nhờ người hiểu biết và khéo nói để làm mối.

Một buổi sớm, trời đi dần vào lúc giữa trưa.

Ông mối rửa mặt sạch sẽ,

Trải tóc mượt mà.

Rồi dẫn đoàn lên nơi cao siêu, trang nghiêm

Tấm cót lành đã trải.

Chổi lành họ đã quét.

Bầu nậm đựng nước họ tới đặt,

Đặt ống điếu mời khách hút.

Đoàn mối chúng tôi nhẹ cả tấm lòng thầm cám ơn.

Cảm thấy mình có nơi nương tựa.

Có chỗ thở hơi ấm vào trong tim.

Từ thế đó mà cất lời bày tỏ.

Dây trầu không đem tới để xiết chặt tình.

Thật đúng, gặp lối lành, đường tốt.

Gặp đúng nơi tốt, *châu mường* rộng mở.

Cha mẹ là người tốt, người hiền.

Giầu tình thương và rộng lượng.

Mở miệng lớn,

Cất tiếng quý hơn bạc.

Nhận lấy chàng trai làm giường cột,

Coi rể như con trong nhà.

Khác nào bắc cầu cho ta qua,

Bắc thang cho ta trèo.

Lời trao hẹn bầy ra như trải tấm chăn chiên.

Liền một mạch như trải tấm cót.

Lời giao ước đã dứt điểm như dùng dao sắc để tiện bằng.

Lời hai bên đã hòa quyện.

Cất một nhịp điệu - cho hai đứa thành đôi bạn trăm năm.

Mối chúng tôi xin đưa buồng cau đến để bày tỏ hết tấm lòng.

Như dùng dây trầu không để buộc tình duyên.

Chữ tình ấy phải xoắn vào như bện dây buộc thuyền.

Tựa như dây buộc voi, buộc ngựa.

Nếu voi, ngựa bất kham có dằng tuột khỏi dây buộc để lên ngược thì xin người đường trên buộc lại.

Thuyền bè đứt, tuột dây trôi theo dòng về dưới, xin người ở đường xuôi hãy đón kéo vào bến để buộc lại.

Lá dong có hai, ba tầu ta bó lại cho thành bó.

Hiện đang chia thành hai, ba nhà, ta cũng coi một nhà.

Làm sao để gắn bó nhau như chiếc áo khâu hai lớp, hai lần nhuộm mầu đỏ.

Tình thương yêu nhau phải đạt tới như huyền thoại.

Chúng tôi nghĩ vậy mà chọn lấy ngày lành tháng tốt.

Để đặt lễ "cưới lên" phải lệ phải luật lung ta.

Khúc 2

Lại xin thưa!

Đội ơn, đấng cao siêu là hoàng đế.

Hoàng đế còn trông đến bầy tôi lớn.

Còn ban đến ghế ngồi nạm bạc với sắc vàng.

Để cha truyền con nối cho một dòng dõi

Được cưỡi ngựa thắng yên

Để đi về đường xuôi nơi có công đường.

Để nhận lấy mũ cánh chuồn,

Đội lên đầu *án nha* của chúng tôi.

Án nha của chúng tôi mới được nắm dây bạc dây vàng *mường bản.*

Điều xấu không bao giờ gặp, điều tốt lành đến không bao giờ kể hết.

Khúc 3

Lại xin thưa!

Ở dưới xuôi, đội ơn vua ơn chúa.

Vua chúa còn thương đến bầy tôi lớn.

Ban cho bốn bề đặt lễ vui.

Để truyền nối trong dòng con nòi.

Án nha lần này được đi xe hỏa chạy nhanh.

Tựa như loài én bay.

Tựa như tên bay.

Án nha mới đến nơi công đường.

Để nhận lấy mũ cánh chuồn,

Đội lên đầu nơi *án* nơi *nha* chúng tôi.

Án nha của chúng tôi mới được nắm dây bạc dây vàng *mường bản.*

Mới làm được lẽ che chở công bằng.

Điều xấu không thấy, không gặp, điều tốt lành đến thì không kể hết.

Khúc 4

Lại xin thưa!

Nơi *ấn nha* của chúng tôi.

Đã có bốn bể đặt lễ vui.

Tập hợp được nòi con *tạo.*

Và cất cử: *mứn, tang, xen, pần.*

Bô lão toàn *mường,*

Chưởng *quảng* hàng *châu.*

Mười sáu trụ cột vững nơi phủ[10].

Họ đã được *ấn nha* đặt làm quan, xếp thành bậc.

Họ mới được cầm dây *viện châu.*

Xem xét dây *bản* dây *mường.*

Hôm nay họ được dự tiệc vui.

Tiếng tăm lừng lẫy.

Điều xấu không thấy, không gặp, điều tốt lành đến kể sao cho hết.

Khúc 5

Lại xin thưa!

Mường ta đây có lắm chốn, nhiều lề thói.

Đất *mường* ta rộng lớn.

Phía dưới là Mường Khim, Mường Cang.

Vùng giữa có Mường Chăn, Mường Than, Mường Lự.

Cùng với Lở Thạng và Tam Đường, nơi bán chiếu, bán cót.

Một cánh đồng trải rộng được tưới bởi nước nguồn.

Người cư trú đông đúc ở Phan, Lịn, Xín Chải.

Rải rác đến Nặm Lọng, Lạn Than.

Nhiều người khôn ngoan để họp chợ San Thang.

Nào người Mông, Dao, Hoa, Thái.

Nào người Giáy có tên Củi Chu.

Nơi đây bầy la liệt hàng hoá

Đủ mọi thứ hàng hoá ở trong chợ.

Ai thích của nào thì hãy đến đấy mà mua.

Phía đầu *mường* thì có *bản* Cánh.

Kha Hẹt có bản Mỗu - Nặm Xe.

Có Pịn Thầu quy về với chủ lớn ở đất *mường*.

Người Xá có làm hại đến *mường* thì chủ *mường* lớn hãy sửa chữa cho họ.

Người Thái có cứng cổ thì chủ đất *mường* hãy trấn an.

Họ làm cao thì chủ lớn đạp xuống.

Họ thấp hèn thì chủ *mường* lớn nâng lên

Vừa vừa chủ lớn mới để mặc

Người Xá cúi đầu lễ.

Người Thái đều quy thuận.

Trái đã vui đến.

Phải đã vui đến để lễ để hầu.

Điều xấu thật không thấy, không gặp, điều tốt lành đến nhiều kể sao cho hết.[11]

Khúc 6

Lại xin thưa!

Chỗ *ấn* chỗ *nha* đã có bốn bề đặt lễ vui.

Để cho các con nhà nòi *tạo* đưa người mình ra mắt các *tạo* bậc đàn em.

Tạo chín *bản* mười *mường* đều quy lại để nương nhờ.

Một trăm *mường* đều tụ lại để nương tựa.

Muôn *mường* đều đến cùng chứng kiến.

Thật là trái vui đến,

Phải vui lại để lễ để hầu.

Họ giữ cho nhau như bịt khe hở trên cây khèn bè.

Nhờ đó mà dòng nước mới trong, *mường* thái bình.

Mùa hoa mầu, cũng như mùa lúa,

Tháng nào, năm nào cũng bội thu.

Điều xấu không bao giờ thấy, điều tốt lành đến nhiều sao kể hết.

Khúc 7

Lại xin thưa!

Đội ơn trời giáng trời đặt.

Trời vừa nâng vừa đỡ.

Mây trên trời vẫn trắng.

Sao trời cao vẫn tỏ.

Lối tốt - đường tốt - rộng rãi - thênh thang - *châu viện* ta tốt - đất *mường* lành sinh ra người tài.

Trước cửa sổ nhà *án nha* có ao hoa sen.

Ở mé trên có vườn cây bằng bạc nẩy trồi.

Măng khóc vươn hết cỡ.

Trỗi dậy thành "than ngọc măng vàng".

Mọc song song cùng cây già.

Sinh ra nơi cao siêu gối kề.

Ở giữa *viện* - tại nơi đóng phủ *châu mường*

Viện là nơi có nhiều bô lão.

Nhà lớn có nhiều bà nhiều cô.

Họ cắt lấy vải hoa văn trên khung cửi để khâu thành chiếc địu.

Chiếc địu dệt hoa văn mầu sặc sỡ địu mang *tạo* trên vai

Họ cùng nhau bế nựng *tạo.*

Ôm lấy thân *tạo* vào lòng.

Được bà lớn cho *tạo* bú.

Và đặt chân *tạo* ở nơi cao siêu.

Bầy tôi nữ xách rổ thịt gà đến chăm sóc

Bầy tôi nam xách giỏ cá đến chăm nom

Nuôi con *tạo* con *mường.*

Nuôi bằng ngàn đầu cá,

Muôn còng gà.

Ăn thịt cá có người rút xương.

Nuôi con *tạo* con *mường.*

Nuôi bằng ngàn đùi tê.

Muôn đùi voi, *tạo* lớn khôn.

Cao bằng ghế phải tìm ghế.

Ngồi trên ghế có đệm tựa gối kề.

Lớn bằng voi phải tìm voi

Cao bằng nàng bằng bà thì cưới nàng đến thành bà.

Điều xấu không bao giờ thấy, điều tốt lành đến kể sao cho hết.

Khúc 8

Lại xin thưa!

Nàng đẹp nhìn bốn bề vẫn đẹp có nhiều.

Nàng xinh chải chuốt thêm cho xinh cũng lắm

Nàng có khuôn mặt đẹp có nhiều.

Nàng ở khắp mọi nơi mọi chốn đều sẵn sàng gả cho *tạo*.

Nhưng thiếu *nàng* biết đặt cau, trầu vào cơi để mọi người cùng ăn.

Không có *nàng* đặt mâm đen, mâm đỏ để nuôi dân chúng.

Gậm sàn lớn còn chưa thấy có *cối lỏng* (cối hình thuyền)

Đàn gà vịt không có nơi vây quanh.

Bên cạnh *tạo* chưa có nàng có vợ

Dân Thái chưa có chốn nương nhờ.

Chỗ *ấn nha* chúng tôi do đấy mà áy náy trong lòng.

Tìm hang nào sẽ có én đậu?

Nơi cao ấy mới là nơi có những linh hồn của loài rồng tới chơi?

Tiếng đồn đất Mường Lay và Mường Chiên.

Nơi có hang chim én!

Có nơi cao rồng lượn!

Tiếng đồn Mường Chiến, Mường Chai, Mường Báng, Mường Mồn đến Thu Cúc Lai Đồng.

Những nơi đó đều có hàng loài én.

Có nơi cao loài rồng tới lượn.

Vùng Đại Bục, Đại Phác nối liền một dải,

Xuôi dòng Thao xuống đến Chiềng Ký[12] ở sông Đà.

Thủy Vĩ với Văn Bàn[13]

Những nơi đó đều có hang loài én.

Nơi cao có loài rồng tới lượn.

Án nha chúng tôi bèn cho người đi bói để tìm phương

Hỏi xem nghiệm báo ở loài gà.

Thấy xương gà khỏe khoắn.

Đường nét chân sáng trong.

Nơi cõi lòng của *án nha* với *tạo mường* chúng tôi cảm thấy không ưng.

Tạo chúng tôi phải cưỡi ngựa đi qua.

Và chèo thuyền vượt khỏi.

Điều xấu không bao giờ có, điều lành để kể sao cho hết.

Khúc 9

Trước mặt bậc cao siêu, chủ đất vàng.

Trước những vị đứng bốn cột trụ.

Với mười hai giường cột của đất *phủ*.

Chiếc giỏ đựng bạc này còn biết mọc mầm

Măng vàng đây đương lớn với cây,

Nơi chóp đỉnh cao siêu.

Ở giữa đất viện đất *châu mường*,

Giữa đất *phủ* nơi sinh ra vị nữ kiệt.

Viện là nơi có nhiều bô lão.

Nhà lớn có nhiều bà nhiều cô.

Họ cắt lấy vải hoa văn trên khung cửi để khâu thành chiếc địu.

Chiếc địu dệt hoa văn mầu sặc sỡ địu lấy nàng.

Họ cùng nhau bế nựng nàng.

Ôm lấy thân nàng vào lòng.

Được bà lớn cho nàng bú.

Và đặt thân *tạo* ở nơi cao siêu.

Bầy tôi nữ xách giỏ cá đến chăm sóc.

Bầy tôi nam xách giỏ cá đến chăm nom.

Nuôi con nàng là con của *mường*

Nuôi bằng ngàn đầu cá

Muôn còng gà.

Ăn thịt cá có người rút xương.

Nuôi con nàng là con của *mường*.

Nuôi bằng ngàn đùi tê.

Muôn đùi voi, nàng lớn khôn.

Cao bằng ghế phải tìm ghế

Ngồi trên ghế có nệm tựa gối kề.

Thì phải tìm cho được ghế có nệm tựa gối kề.

Lớn bằng voi phải tìm voi

Ngồi bằng bản bằng *mường*

Phải tìm nơi bản *mường* để nương thân.

Sợi bông vải đợi ngày đưa lên khung cửi.

Nàng đẹp đợi ngày gả cho chồng.

Đi ra sông nước nàng như loài rồng lượn.

Đi ra bến tắm nàng tựa rồng bay.

Tấm nước thân nàng tỏa sáng cả chín đồi.

Ngủ ở nhà thân nàng tỏa hào quang sáng khắp chín căn buồng.

Tiếng thơm vang đến tận Mường Muổi, Mường La

Đến đất Kinh,

Đến vùng Nặm U, Nặm Khong sông to sóng cả.

Vua Kinh hay, vua Lào biết.

Người Kinh khen nàng hay,

Người Thái khen nàng đẹp.

Điều xấu không bao giờ có, điều hay kể sao cho hết.

Khúc 10

Lại xin thưa!

Có người Thái đi buôn về báo.

Người Xá đi bán lại mách.

Tiếng đồn đến tận đôi tai bạc tai vàng của *án nha* lớn chúng tôi.

Án nha sai chúng tôi đi tìm khắp nơi để xem xét đường bói toán.

Chúng tôi bắt được đường bói.

Hỏi xem nghiệm báo ở loài gà.

Thấy xương gà khỏe khoắn

Đường nét chân sáng trong

Nơi cõi lòng của *án nha* chúng tôi thấy ưng thuận.

Điều xấu không bao giờ có, điều lành đến kể sao cho hết.

Khúc 11

Lại xin thưa!

Chỗ *án nha* chúng tôi mời cho dậy tiếng cồng.

Đánh tiếng chiêng.

Tiếng trống vang lên.

Tiếng cồng chiêng như tiếng kêu van.

Kêu van hàng bô lão.

Bô lão biết, bô lão vội lên thang nhà.

Dân Thái biết dân Thái chạy nhanh tới bên *quản* nhà lớn.

Họ cùng nhau bàn việc *bản*,

Việc *mường* là việc cưới xin *nàng* về cho *tạo*

Điều xấu không bao giờ có, điều tốt lành đến kể sao cho hết.

Khúc 12

Lại xin thưa!

Chúng tôi phía họ nhà *nhinh xao* xin đến *lung ta* là "trời riêng" thứ lỗi.

Mường chúng tôi ở gần ánh nắng với mưa rơi.

Chắn nhiều lối đi, nhiều đường lại.

Cầm dây rừng,

Đeo dây túi,

Mứn, tang, xen, păn chúng tôi tìm một miếng vải ngắn cũng không có,

Miếng vải dài càng không kiếm ra.

Nhưng vì là việc *bản* việc *mường* nên cũng phải sắm cho đầy đủ.

Và đến đây để quỳ gối.

Người làm mối tôi đây cũng muốn từ chối.

Nhưng không được bởi vì

gà uống nước bao giờ cũng nhìn lên trời.

Người có hai tay chân phải làm tôi đòi cho *án nha*.

Án nha sai đi đường thấp không từ,

Sai đi đường bằng không được tránh.

Chúng tôi là dân bé ở bên cạnh nguồn nước tưới ruộng,

Cạnh bến tắm của cả *mường bản.*

Không có rau ăn, đội ơn *án nha* cho miếng vườn.

Không có nhà, *án nha* cho cây để dựng.

Bởi vậy chúng tôi mới phải cắp nón lên đường,

Rảo chân bước.

Qua bao nhiêu là núi,

Cây rừng mọc đầy rẫy ở đỉnh cao.

Trèo đỉnh cao,

Đi xuống vực.

Nước đến chân,

Đá chắn mặt.

Đường rậm rạp như đường con dím.

Đường hẹp tựa đường con don.

Cáo không luồn, chúng tôi phải luồn.

Don không tránh, chúng tôi phải tránh.

Qua những khe nước ngang đường trong veo.

Những lều nghỉ ở ngang đường đều tắt lửa.

Chúng tôi nhen nhóm lại,

Mái lều nát nhìn lên thấy trời.

Dưới trần gian, nằm trên sàn gác lều ba sải.

Mười ngày phải nằm trên lớp lá cây *tạu lót.*

Chín ngày phải ngủ trong lều lá chuối vàng.

Bởi lẽ đó mà phải chậm thêm nhiều ngày, nhiều buổi.

Mới tới được vùng đất tiếp giáp đầu tiên nơi có bến nước tắm.

Rồi đến gặp thớt voi có vàng giáp bên lườn.

Bầy tôi nhỏ chúng tôi thấy cái gì cũng sợ,

Thấy run rẩy trong lòng.

Dù sao, bầy tôi nhỏ đây cũng xin đặt buồng cau sai quả với gói trầu làm lễ "đánh dấu ấn".

Dây vàng đây, xin báo tới chủ cha cùng các *ông, quan.*

Nếu không nói, không mở thì sợ không có tăm, có tiếng.

Bởi thế, chúng tôi phải xắp xếp đầy đủ mọi thứ theo tục theo lệ.

Bầy tôi nhỏ xin được vào nhà lớn có vách thưng vững.

Bầy tôi nhỏ trong nhà còn thương chúng tôi.

Họ mới đem tấm cót lành tới trải,

Lấy chổi lành lại quét,

Đặt bầu nậm đựng nước đến đặt mời khách

Đặt ống điều để mời khách hút.

Đoàn mối chúng tôi nhẹ nhàng cả tấm lòng thầm cám ơn.

Cảm thấy mình có nơi nương tựa.

Có chỗ thở hơi ấm vào trong tim.

Từ thế đó mà cất lời bầy tỏ

Dây trầu không đem đến để xiết chặt tình.

Thật đúng, đã gặp được lối lành, đường tốt.

Gặp đúng nơi *viện* tốt, châu *mường* rộng mở.

Cha mẹ là người tốt.

Giầu tình thương và rộng lượng.

Mở miệng lớn,

Cất tiếng quý hơn bạc.

Nhận lấy chàng trai làm giường cột

Con rể như người con trong nhà.

Gặp cha tốt, mẹ hiền

Giầu tình thương và rộng lượng.

Mở miệng lớn,

Cất tiếng quý hơn bạc.

Nhận lấy chàng trai làm giường cột,

Coi rể như con trong nhà.

Khác nào bắc cầu cho ta qua,

Bắc thang cho ta trèo

Lời trao hẹn bầy ra như trải tấm chăn chiên

Liền một mạch như trải tấm cót.

Lời giao ước đã dứt điểm như dùng dao sắc để tiện bằng.

Lời hai bên đã hòa quyện.

Cất một nhịp điệu - cho hai đứa thành đôi bạn trăm năm.

Mỗi chúng tôi xin đưa buồng cau đến để bầy tỏ hết tấm lòng.

Như đem dây trầu không để buộc tình duyên.

Chữ tình ấy phải xoắn vào như bệ dây buộc thuyền.

Tựa như dây buộc voi, buộc ngựa.

Nếu voi ngựa bất kham mà giằng tuột khỏi dây buộc phóng lên

ngược thì xin người đường trên buộc lại.

Thuyền bè dứt trôi theo dòng về dưới, xin người ở đường xuôi hãy đón kéo vào bến để buộc.

Lá dong có hai, ba tầu bó lại cho thành bó.

Hiện đang chia thành hai ba nhà, ta cũng coi như đã một nhà.

Làm sao để gắn bó nhau như chiếc áo khâu hai lớp, hai lần nhuộm mầu đỏ.

Tình thương yêu nhau phải đạt tới như huyền thoại.

Nghĩ như vậy, cùng chọn ngày lành, tháng tốt.

Để đặt lễ "cưới lên" phải lệ phải luật *lung ta*.

D. Lệ luật ăn mừng đám cưới

Tạo cưới *nàng* cả *bản* cả *mường* đón mừng, tưng bừng nhộn nhịp.

Sau khi ông *chang* là mối thay mặt *án nha bản mường* phía cha xướng hết bài *bản* kể đường dâu gia, *án nha* nhạc phụ cùng bà nhạc mẫu dẫn dắt những người trong cộng đồng *ải nọng* phía dòng *lung ta, păn chủ, pọng chủ, bô lão, hé ho, mo nghe*, anh em quan hệ hai đường ba nẻo trong *bản* trong *mường* vào bữa tiệc ăn mừng, chơi vui, múa hát.

Lệ Thái, uống rượu như "người đang nóng được vào bóng râm mát". Uống cho chum phải đổ, "cái rượu" cần phải vung ra. Tiếng trống, tiếng cồng chiêng rộn ràng trong nhịp điệu ăn mừng hát múa.

Uống rượu không được say nhiều. Nếu người nào đó có quá chén thì mọi người phải bảo ban và đưa họ về nhà nghỉ ngơi trong giấc ngủ yên lành. Bởi vì:

- Đuôi cá sấy không có thịt dính, cũng như lời lẽ kẻ say rượu thì người ta không chấp.

- Mình uống được người không uống được.

Người uống được bắt người không uống được thì không nên, phải từ chối cũng cứ từ chối, phải lánh đi cũng cứ lánh đi.

Chốn rượu người không bắt nộp phạt.

Chốn việc *bản* việc *mường* mới bị phạt nhiều nỗi.

"Say rượu không được nói chuyện về đường phân chia ruộng cũng như khi đắp chăn (cùng vợ) không nói đường ngoại tình"[14]

Người hiểu biết, rượu trở thành chất dẫn dắt càng khôn.

Người chăm, rượu trở thành chất dẫn làm nên.

Say như người mất trí, người chê cười.

Người ngu dần mới mượn chén rượu để nói.

Nghe vi vu bên tai toàn lời lẽ đố kỵ.

Từ miệng mình thốt ra vào tai người thành mối thù hằn.

Làm người thật lắm điều lắm nỗi kể sao cho hết.

Có người mượn chén say chửi mắng vợ con.

Có người mượn chén rượu say phá cửa tan nhà.

Có người vì uống rượu say bị kẻ gian lừa mà làm điều ác.

Mọi người phải cùng nhau ghi nhớ.

Lệ tiệc dâng lên nơi cao siêu *họ bảy lớp lung ta.*

Án nha của đất *mường* xây dựng cho cả mọi nơi đến hầu.

Cả *mường* được vui mừng.

Ai cũng phải nghe theo lệ luật đừng sai

Trái vui đến, phải vui lại.

Cùng nhau vui qua hai ngày, ba ngày như vẫn còn chưa tan.

*

Lệ Thái, rượu cất chen rượu cần.

Rượu rót chén có nhiều vẻ nhiều kiểu.

Rượu nhiều lần, nhiều lượt kéo dài đến canh gà vẫn còn chưa hết, chưa xong

Rượu cần uống nhiều lượt.

Rồi đua nhau vào rượu cất nói, cười xôn xao.

Một xấp là rượu để chúc tụng *lung ta*

"khoảng trời riêng" gọi là rượu rót đôi.

Lượt một, rượu chúc tụng cho nhạc phụ, mẫu phụ - chủ của muôn người, mỗi người một đôi rượu.

Một đôi đặt cho *ấn nha* lớn là nhạc phụ đương ngôi *mường* rộng lớn.

Một đôi đặt cho bà nhạc mẫu là mẹ của muôn dân.

Ông chang làm mối bên họ nhà trai cất giọng xướng mời:

"Đội ơn phúc của trời, của rồng, phúc của nơi cao siêu tổ tiên họ Cầm; phúc *lung ta* che chở.

Hai bên đều là giống vàng nòi trời đã sinh hạ được hai người.

Một đường là mầm của con nòi *tạo.*

Người sẽ đổi bậc thang thay chỗ ngồi.

Người sẽ nắm chuôi gươm hằn vết tay cha.

Người sẽ ngồi đầu voi xây dựng vùng đất *mường bản.*

Một bên là "đóa hoa ngọc, bông hoa vàng đang nở".

Tắm nước thân mình tỏa ánh sáng.

Qua đất *mường* mà hào quang tỏa một vùng

Người sẽ trở thành chủ nơi cao, thành *bà mường* ở bên *tạo.*

Người sẽ nắm lệ luật: "nắm xôi đặt mâm lễ, đặt xôi vào bàn cúng,

Nắm xôi lớn nuôi quan,

Bẩy mâm bàn nuôi dân"

Hai bên sinh ra từ nòi vàng đón gặp nhau.

Nhạc, mẫu phụ đấng cao sang còn ôm cọn *tạo* làm giường cột.

Coi như con trong nhà.

Chúng tôi xin được trăm ơn, ngàn ơn, mời cha mẹ cầm "chén dát vàng đựng nước chứa tiền" và nhận lời chúc tụng..."

Nhạc mẫu, nhạc phụ vừa nâng chén vừa đáp lời:

"...Chúng tôi là *lung ta*.

Lung ta mong *nhinh xao* phát.

Chúng tôi không nói được nhiều nhời, nhiều nhẽ.

Hai con cùng sinh ra từ nòi con của trời của rồng và lớn lên thành người là nhờ sự dạy bảo "chủ họ gốc bác chú, chủ họ gốc dì già" cùng bô lão toàn *mường*.

Mong mọi người hãy dẫn dắt họ làm việc để sau này *án nha* cha, *bà mường* mẹ cùng *lung ta* có nơi nương nhờ.

Chúng tôi xin..."

Nhạc phụ, nhạc mẫu cạn đôi rượu chúng tôi xong.

Đến lượt cả mâm cỗ cạn chén rượu chúc *mừng* việc nhạc phụ nhạc mẫu uống rượu đôi.

Lượt hai, tiếp nối đến các "chủ họ gốc bác chú, chủ họ gốc dì già", họ hàng phía *lung ta* "khoảng trời riêng" mỗi người một đôi rượu chúc mừng.

Ông chang là mối bên họ nhà trai cất lên một lần nữa giọng xướng mời với bài bản như đã xướng mời nhạc, mẫu phụ ở trên.

Những người có rượu đôi vừa nhấc chén vừa đáp lời chúc tụng cho cả mâm cỗ cưới được phát đạt.

Mọi người ngồi trên mâm cỗ lại cùng nhau uống chầu rượu để chúc tụng lại họ.

Mâm cỗ uống rượu theo lượt thường lệ.

Lượt ba, tiếp đến: *ông pần chủ, ông pọng chủ, ông ho luông chủ, ông lam ho chủ, toàn thể bô lão, hé ho, mo nghe* phía *bản mường* của *lung ta* cạn đôi chén rượu chúc mừng.

Trước khi họ cạn chén *ông chang* là mối bên trai lại đọc lại "lời chúc mừng" họ *lung ta* một lần nữa.

Những người được mời vừa cầm hai tay hai chén rượu đôi vừa nói lời cám ơn và chúc tụng cho mâm cỗ cưới.

Cả mâm vỗ tay chúc mừng rồi cạn chén vui

Một lát sau, cả mâm cỗ lại cùng nhau uống rượu theo lượt như thường lệ.

Lượt ba, tiếp đến các vị: *pần chủ, pọng chủ, ho luông chủ, lam ho chủ, bô lão chủ, hé ho, mo nghe* chủ phía *bản mường* của *lung ta*. Mỗi người đôi rượu chúc mừng.

Ông mối tiếp lời chúc tụng:

"... Nói về *mường bản viện châu*, nơi có người tài ba.

Đất Chiềng Cằm - Chiềng An từ thuở xưa lưu truyền.

Đội ơn trời sinh trời đặt.

Ông bà tổ tiên đã từng dựng dây *mường bản, viện châu*, sinh hạ người tài đặt ngôi *ấn nha*.

Được *ấn nha* lớn chủ vùng đất mới được phép tiếp nối ngọn dây bạc, dây vàng, cầm đường dây *mường bản*.

Đội ơn vua, ơn cha - vua Kinh với vua Lào.

Vua Kinh còn tin dùng, vua Lào còn mến phục.

Được *ấn nha* lớn có đủ tài lôi kéo và tập hợp.

Chủ *pần* lớn, chủ *pọng* lớn, ông *ho luông, lam ho* quyền *mường*.

Họ đứng đầu hàng *bô lão, hé ho, mo nghe*.

Dưới *án nha* có nhiều quan văn, ngàn quan võ, gọi chung là *xổng - xự - ngụ - đô pách - nam*.

Mười cột trụ của *mường*, lớn nhỏ ở vòng trong.

Quy về mối con nhà *tạo*.

Chín *bản* mười *mường*, hai mươi *mường*.

Lại thêm cái vui lại, phải vui tới.

Mười gối quỳ, chín đầu lễ, phủ phục nơi *án nha*.

Được *án nha* lớn chủ vùng đất được yên ổn làm việc cho nhà vua Kinh, bang giao với nhà vua Lào.

Làm được như thế mới được như dòng nước tự khắc trong, đất *mường* hưởng thái bình.

Làm nên một thời tiếng tăm lừng lẫy.

Danh thơm đến những *viện*, những *châu*, đến với nhiều người tài khác nhau.

Phía trên đến đầu sông Nậm U, Nậm Khong.

Phía dưới tới miền cuối nước cuối sông.

Hai bên vua Kinh hay, vua Lào biết.

Mọi đường mọi lối đều đứng trong thế yên vị.

Mối tôi xin cáo xin mời cầm đôi chén rượu chúc mừng.

Những người được mời vừa cầm hai tay hai chén rượu đôi vừa nói lời cám ơn và chúc tụng cho mâm cỗ cưới

Cả mâm lớn vỗ tay chúc mừng rồi cạn vui.

Một lát sau, cả mâm cỗ lại cùng nhau uống rượu theo lượt thường lệ.

Lượt 4 - nhấc nâng đĩa đặt rượu, thực hiện lệ luật vợ chồng mới xin "*họ bảy lớp, cộng đồng lung ta*", các bậc thang chức quyền, *bô lão, hé ho, mo nghe* ban búp măng, chồi cho chồng *tạo* vợ *nàng*

Trên đĩa đặt vào bốn chén rượu rót đầy - một đôi là của *tạo* chồng và đôi nữa là của *nàng* vợ.

Tạo rể cho người tuỳ tùng bưng đĩa rượu, rồi cùng ông mối lần lượt dâng lên từng người trong mâm cỗ lớn để "xin măng, xin chồi" với *lung ta*.

Ông mối xướng:

"...Đội ơn phúc trời, phúc nồng, phúc của nơi cao siêu họ Cầm; phúc của *lung ta* che chở.

Hai họ đều thuộc dòng giống nòi vàng, con của trời, sinh hạ được hai người hợp thành lứa đôi.

Tạo mường với *nàng mường* sẽ thành đôi như đôi vịt, không rẽ khỏi đàn,

Như đôi gà không lìa khỏi bầy.

Chúc đôi bạn thương nhau đến lúc tóc mọc hoa.

Mến nhau có đến khi tóc bạc.

Lung có phúc xin *lung* cho đôi lứa có "búp măng vàng thân ngọc"

Ta có phúc xin ta ban cho đôi lứa "trồi bạc trồi vàng" để nối nòi con *tạo*"...

Ông mối nói xong, người được dâng đĩa rượu phải đặt vào đó 1 hào hoặc 1 đồng bạc trắng để nói là "*lung ta* đã ban cho đôi bạn sống hạnh phúc, sinh con sinh cái như cây đâm chồi mọc măng

Người được dâng đĩa rượu uống cạn đôi chén rồi quay lại chúc ông mối và *tạo* rể mỗi người một chén cạn.

Lệ chúc rượu để "xin măng, xin chồi của của *lung ta*", ông mối đã dẫn *tạo* rể đi khắp lần lượt từng người.

Luật lệ về rượu coi như đã hoàn tất một cách tốt đẹp.

Việc uống rượu ăn mừng đám cưới của toàn thể *bản mường* vẫn tiếp tục kéo dài.

*

Nội dung hát hò trong đám cưới phần lớn xoáy vào quan hệ lứa đôi và đường dâu gia. Những người biết xuất khẩu thành thơ bằng lời ca tiếng hát thường chia thành hai bên để đối đáp nhau. Một bên là những người đại diện nhà trai và một bên đại diện cho nhà gái. Bên hát thơ hỏi hoặc gợi ý còn đối phương thì phải hát giải đáp hoặc giải thích. Bên nào thua thì phải lấy đôi rượu phạt. Trong xuất khẩu thành thơ để ca hát, người Thái cũng đã dùng chữ ghi chép lại như:

- Thiên tình ca tiễn dặn người yêu *(sống chụ son sao).*

- Bà mối bên nhà trai ca khúc khen ngợi nàng dâu.

- Bà mối bên nhà gái đáp lại bằng khúc khen ngợi chàng rể.

- Khúc tâm tình, khúc yêu đương.

- Lời ngọt ngào của đôi lứa bên sàn sân

- Tâm sự với người tình để tiễn biệt nỗi nhớ thương.

- Tâm sự cùng người yêu bằng lời ca nói khấy, nói ghẹo.

- Khúc hát có tên là *xkók xkcn.*

- Bài ca dẫn nhau đi du ngoạn các *mường* của người Thái.

Bài ca dẫn nhau đi du ngoạn đất Lào và đất Kinh.

- Khúc thả hồn tình vào cõi *mường then*: đến nơi *bà Bảu* đúc người để xem "móc *nen*" của hai người; đến núi *pha bôn pha chăng* để leo xem địa vị xã hội của người yêu nam sẽ ứng vào chỗ nào; đến chơi vườn *then* bói tìm hoa, chọn gà để thấu tình...

Trong khi quanh mâm cỗ mọi người đang ăn uống say sưa trong câu hát đối đáp nam, nữ đại diện hai họ thì bên ngoài người ta đánh trống đánh chiêng, uống rượu cần và xoè múa, hò reo.

Theo nhịp chiêng, trống người ta cầm nắm tay nhau xoè vòng, trai gái hát lời thương yêu vọng lại nhau *tạo, nàng* cưới xin trở thành ngày lễ lớn của *bản* của *mường*.

Mường nào cũng có đội xoè vào góp vui.

Mường La, Mường Mụak có điệu xoè mang tên là chọi gà, uốn mình, lượn vòng

Các bô lão thì múa khiên múa mộc theo nhịp hát của bài ca *Chương Han, Tấy Pú Xốc*...

Tạo, nàng cưới xin trở thành ngày lễ lớn của *bản* của *mường*.

Ban ngày ở nơi sân ngoài trời, người ta tung còn, chọi gà, kéo co, đánh quay, chơi "quả lẹ"...

Lễ cưới lớn chơi vui tới 3 ngày, 3 đêm mới tan cuộc.

Đ. LỆ ĐƯA DÂU THĂM NHÀ CHỒNG

Tháng, năm tốt dâng lên, ngày lành tới.

Nhạc phụ, mẫu phụ, họ hàng bên *lung ta* cùng toàn thể bô lão sai ông, bà mối với đoàn tuỳ tùng trai, gái dẫn *tạo* nàng đi thăm nhà chồng.

Thăm nhà chồng lần này, lệ quy định nàng dâu cũng như phía họ *lung ta* không phải sắm đồ sính lễ.

Ngày đón dâu, *án nha, bà mường* cùng các bậc cha chú, cô bác, dì già và toàn thể bô lão trong *mường* phải lập cỗ rượu trâu mở hội ăn mừng.

Sau khi mọi người vào cỗ yên vị, ông mối, bà mối lại dẫn nàng dâu và đoàn tuỳ tùng gái của *nàng* ra ngồi xổm thành hàng để phủ phục trong lễ ra mắt họ hàng phía chồng.

Trong khi ông mối xướng bài kể đường dâu gia, thì bà mối hướng dẫn nàng dâu cùng đoàn tuỳ tùng gái cúi đầu lễ nhà trai từng lượt, từng lượt, mỗi lượt 3 lần

Thường nàng dâu phải lễ tới 7 lượt mới đủ lễ.

Ông mối bắt đầu xướng:

Đội ơn!

Phúc trời cao, phúc rồng nước.

Phúc lớn của tổ tiên nòi vàng.

Phúc *lung ta* sâu, phúc *lung ta* rộng.

Hai bên đều được phúc vàng của trời che rợp.

Mà sinh hạ được một "đoá vàng ngọc, hoa vàng nở"

Nàng sinh ra nơi đỉnh cao gối kề.

Lại nói!

Nàng sinh ra ở gian nhà có buồng.

Mẹ bế gái vào lòng.

Nuôi nựng yêu một sinh mệnh cao siêu.

Có *nàng* chị cầm chiếc địu hoa văn lại mang.

Có bà cô đem chiếc địu hoa văn sặc sỡ tới địu.

Nắm xôi họ đặt vào tay *nàng*, dắt tay *nàng* ra bến tắm.

Lại nói!

Nàng lớn lên bởi ngàn đầu cá,

Phát triển nhờ có ngàn đùi trâu.

Nàng lớn bởi ngàn miếng cau,

Phát triển nhờ ngàn miếng trầu.

Nàng lớn nhờ có ngàn ao cá,

Phát triển nhờ có ngàn kho thóc.

Ngày tháng trôi đi mà trở thành "đoá hoa ngọc, hoa vàng trong sáng"

Tắm nước thân hình tỏa ánh sáng.

Qua *mường* thân mình tỏa ánh hào quang.

Lại nói!

Nàng vốn sinh hạ với trời và phát triển thành nòi rồng.

Sống ở nước, nước tự trong.

Sống trong *mường*, *mường* được thái bình.

Nàng trở thành người có danh tiếng.

Tiếng một thời lừng lẫy.

Vang khắp mọi viện, mọi *châu mường*, mọi người tài giỏi.

Phía trên vang tận đầu Nậm U, Nậm Khong.

Phía dưới đến tận đất miền xuôi.

Lại nói!

Nàng *mường* nhớn bằng *bung* thì phải tìm *bung*.

Cao bằng dậu phải tìm cái dậu.

Phát triển bằng nếp nhà phải tìm tới nếp nhà.

Ở cõi đất nước lớn Mường La.

Có đức *án nha* lớn chủ vùng đất.

Đã đặt lòng nhìn đến.

Mới đi hỏi đi xin đến nhạc phụ là ông Quảng Quyền.

Là đàn em giữ chức ông ở trong *bản* trong *mường*.

Nhạc phụ Quảng Quyền mong có nơi quan hệ dâu gia.

Nơi chủ *mường* to *mường* lớn.

Không từ chối chỉ thấy nơi mình chưa xứng.

Chỉ biết bó tình thương cho thật chặt.

Để bế con *tạo* làm giường làm cột.

Lấy con *tạo* làm con rể thân thương.

Mọi việc đều đã tốt lành và xong xuôi.

Lại nói!

Nơi *nàng* đặt vào nơi *tạo*.

Để sống chung trăm năm với *tạo*.

Có trở thành *nàng* biết đặt mâm cúng lễ hay không?

Nàng có biết năm xôi lớn nuôi quan hay không?

Có biết bầy mâm để nuôi dân hay không?

Làm dâu ở nhà lớn phải biết lệ - *xá* tới phải biết cho lửa.

Làm dâu ở họ to phải biết lệ - Thái đến biết cho nước.

Phía trên mình có bậc cha chú con nòi *tạo*.

Phía dưới là các bô lão, *hé ho, mo nghe*.

Làm *nàng* phải trở thành *nàng*.

Làm dâu phải thành dâu chăm nom cha mẹ.

Phải biết dạy bảo những người ở trong nhà.

Phải biết làm lụng, chung với chồng con gắn bó đến khi tuổi già

Chúng tôi trăm ơn, ngàn ơn *ấn nha*, bà *mường* chủ lớn.

Ơn thay sẽ dạy bảo được con cái của mình.

Chúng tôi đội ơn các bậc cha chú con nòi *tạo*.

Chúng tôi đội ơn các bô lão, các *hế ho*, các *mo nghe*.

Lại nói!

Còn chút ít thời gian nữa.

Mong sao trời lại đặt lại phân.

Đến ngày ấy, chúng tôi xin để cho nàng trở lại với *lung ta* theo lệ theo luật cho thật đúng thật hết.

Lung ta đã thương đã mến để bế con *tạo* làm giường làm cột; lấy con *tạo* làm con của mình rồi.

Còn phải làm theo lệ theo luật như thế nào nữa thì cùng chờ tháng tốt năm dâng; ngày lành tới chúng ta cùng tính toán.

Mối tôi xin từ cáo!

Ông mối bên nhà trai trả lời:

Tôi xin mạn phép!

Vị cha chủ *phìa* lớn Bun Hoan xây *bản* dựng *mường*.

Đội ơn trời cao, ơn rồng dưới nước.

Ơn tổ tiên nòi vàng.

Ơn phúc của *lung ta*.

Hai bên đều là nòi vàng còn rợp bóng che chở.

Sinh hạ được "cây măng vàng thân ngọc"

Tạo mường lớn Cầm Bun Sơn, vị cha chủ nuôi khôn lớn.

Ngài lớn lên với trời, phát triển thành nòi rồng.

Chuẩn bị làm *án* làm *nha*, ăn ở, rèn luyện, ở bên vị cha chủ *phìa* lớn *Bụ Hoan*.

Cành lớn lên bằng khiên bằng mộc,

Phải cầm khiên cầm mộc[15].

Đã đến thì cần có *nàng* thì phải tìm *nàng*.

Nhưng ở mọi *mường* đều có hang loài én

Nơi tụ hợp linh hồn của các cô *nàng*.

Nàng có thể gả được cho *tạo* nhiều quá kể sao cho hết.

Những nơi đó đều bị dòng nước ngăn, đường đi lối lại thật là khó.

Trời không phân để thành *bản lung mường ta.*

Đầu *mường* của họ không liền *mường* mình.

Cuối *mường* của họ không dựa vào *mường* mình.

Thăm trên đường bói toán thấy chẳng vừa.

Những đường nét của chân gà không biểu hiện sự trong sáng.

Cõi lòng của mọi con *tạo* nòi vàng đều không ưng.

Hàng bô lão không đồng tâm để tổ chức việc cưới xin.

Tiếng đồn đến với *án nha*, bà *mường* chỉ có nhạc phụ chủ là ông Quảng Quyền là chức dịch làm việc với *án nha*

Ông bà đã sinh hạ được "một bông hoa ngọc, hoa vàng nở".

Đó là nàng Ngân Pản, được nhạc phụ nuôi khôn lớn.

Nàng người này với dâu người này thật "vừa tai ngà, mắt bạc" của *phìa* lớn *Bun Hoan*, thật lốt lành.

Vị cha chủ sai người đi bói đi toán.

Đường bói toán báo ứng, báo thuận.

Những đường nét biểu hiện trên chân gà thật trong sáng.

Các bậc cha chú trong dòng con *tạo*, cũng như các bô lão, *hé ho, mo nghe* đều đồng tâm tổ chức cưới lấy *nàng* về làm vợ *tạo.*

Hôm nay là tháng tốt năm dâng, ngày lành tháng tốt năm dâng, ngày lành đã đến.

Đức *án nha* lớn với bà *mường* thấy mừng vui vô hạn.

Mới cho dậy tiếng chiêng vui với *cong mường* đổ hồi khúc vui rộn ràng.

Mở lễ hội cho cả *bản* cả *mường* mừng vui.

Đón nàng dâu con *nàng* nòi *tạo* ai cũng một lòng vui khôn xiết.

Nước chảy bỗng dưng trong.

Mường thêm cảnh thái bình.

Tiếng lành đồn đi khắp mọi nơi mọi chốn thật sung sướng

Luật lệ đã tiến hành xong các mâm cỗ cùng nhau ăn mừng, hát hò, xòe múa, đánh trống chiêng tới ba ngày ba đêm mới tan.

Sau ba ngày đó, vợ chồng *tạo nàng* lại cùng đoàn tuỳ tùng trai, gái... lại trở về phía *lung ta*.

Tạo mường bắt đầu cuộc đời đi ở rể.

V.LỆ TỔ CHỨC CƯỚI XUỐNG, ĐÓN DÂU VỀ NHÀ CHỒNG

1. Phía nhà gái

Lệ luật thì đặt ra là *tạo* lấy vợ phải ở rể 12 năm. Nhưng trong thực tế thường thấy chỉ khoảng 3 năm, 4 mùa lúa hoặc nhiều nhất cũng kéo đến 5,6 mùa lúa ở ruộng, 5,6 mùa cá ở nước.

Thân phụ, mẫu phụ đã phải thu xếp, bậc cha chú họ hàng nhà *tạo* cũng như *bô lão toàn mường* đã phải lo liệu để tổ chức cưới *nàng* dâu lại nhà.

Nếu đợi cho đến thời gian hết hạn ở rể thì *bản mường* cũng e không có người "thay bậc thang kế chỗ ngồi" và "để nắm chuôi gươm đã hằn vết tay cha" một cách kịp thời.

Án nha đấng chủ lớn xây *bản* dựng *mường* càng ngày càng già nua tuổi tác.

Cần phải có con đêm ngày vào trông nom,

Chăm sóc chỗ ăn ở.

Người thay mình để phát ngôn.

Hội tụ bô lão...

Mặt khác đấng chủ cao *án nha* xây *bản* dựng *mường* luôn luôn phải ứng diện với "khách đi người lại, xuôi ngược".

Trông con còn ở xa lắc xa lơ, lấy ai cáng đáng

Mọi công việc to lớn cần có dâu con thảo, *nàng* hiểu biết đủ điều.

Để "cầm dây lệ dây luật" trông nom việc cúng tổ tiên.

Biết nắm xôi đặt mâm lễ, bầy mâm cúng.

Biết "nắm xôi lớn nuôi hàng quan".

"Biết bầy mâm nuôi dân"...

Án nha phải phiền lòng để lo liệu việc cưới.

Giá "phải nuôi" *lung ta* còn bao nhiêu để tương ứng với công cán 12 năm ở rể nuôi nhạc, mẫu phụ thì phải tính thành tiền thành của mà trang trải cho đầy đủ.

Của đã ứng trước rồi thì lần này phải tính thụt đi cho vừa.

Bạc nén, vàng lá

Bạc thỏi, xá tích nhẫn đeo.

Tấm vải vóc, tấm thổ cẩm.

Vải thc, lụa là,

Châu bảo, ngọc sáng.

Của ngon vật lạ biếu xén.

Cỗ bàn rượu trâu.

Ống gói tương bằng.

Chỗ *án nha* là nơi cao siêu, nơi cưỡi đầu voi để xây dựng cả cõi đất.

Lệ phải biếu *lung ta* cả kẻ ăn người ở trong nhà.

Biếu cả con trâu đực đen quen nếp cày.

Hàng ngày chuyên đi đồng đi ruộng làm ra thóc gạo để nuôi cha nuôi mẹ.

Mỗi năm họ *nhình xao* phải nộp cho *lung ta* 5 gánh thóc gọi là của

xin nuôi.

Phải tính tổng số năm còn lại, không ở rể nữa thì *nhinh xao* sẽ mất bao nhiêu gánh thóc nữa phải nộp cho *lung ta.*

Phía *nhinh xao* thường căn cứ vào số lượng ấy mà nộp trước cho *lung ta* một nửa.

Ấn nha, bà *mường,* các bậc cha chú trong họ nhà *tạo* cùng các *bô lão toàn mường* cử ông mối là viên quan phòng cùng đoàn tuỳ tùng trai gái đem tất cả đồ sính lễ và thóc xin nuôi đó đi giao nộp cho *lung ta.*

Viên *quan phòng* là mối phải đem "lời *bán* lời *mường"* xin *lung ta* cho phép tổ chức lễ "cưới xuống" và rước nàng dâu về nhà với *bản mường.*

Lễ "cưới xuống" cũng được tổ chức như lễ "cưới lên"

Các nghi thức như: thờ cúng tổ tiên, ông mối xướng bài bản kể đường dâu gia... đều theo đúng trình tự lễ cưới trước.

Riêng lễ "cưới xuống" này phải làm thêm những thứ như quy định của lệ gọi là "ăn đứt giá, gả đi":

Nhạc phụ nhạc mẫu cho con rể một cỗ ngựa khỏe thắng đủ yên cương; 1 thanh gươm vỏ và cán bịt bạc; 1 ninh đồng và một khẩu súng.

Lung ta phải cho *nhinh xao* tất cả những thứ gì thuộc về "giống má" như: 5 bung thóc giống, hai gói hạt bông để đem về buộc treo trên cột chính của nếp nhà, một con gà mái đang đẻ trứng hoặc đang nuôi con; 1 lợn nái đang nuôi đàn con hoặc đang chửa ; 1 trâu nái với con đương bú hoặc đang chửa; vài chục đĩa, bát, chén...

Tất cả những thứ trên là của *lung ta* cho để vợ chồng khi ra khỏi nhà đã đủ những vật chất cần thiết tối thiểu nhất đặng hình thành một nếp nhà riêng của mình.

Một điều nữa, dâu đã về nhà chồng thì phải có đầy đủ vải vóc, chăn, đệm, gối, rèm và đồ để mặc, không những đủ cho chồng con của mình dùng, mà còn dư để tiếp khách khứa

Người làm dâu còn phải sắm cho đầy đủ đồ nghi lễ để biếu:

- Đem cho bố chồng 1 chiếc gối mặt thêu hoa; một bộ quần áo trắng cắt bằng vải Thái để khi khuất núi còn đem đi dãng ở phần mộ.

- Đem cho mẹ chồng 1 chiếc gối thuê hoa, 1 khăn piêu, một chiếc áo làm bằng vải Thái mầu trắng cắt theo kiểu chui đầu, đường nẹp ở ngựa thì viền vải thổ cẩm mầu sặc sỡ, chân vạt áo có đường viền bằng ghép vải mầu vàng đỏ - gọi là áo nữ hay áo lớn.

Áo này phòng khi khuất núi còn đem dãng ở phần mộ.

- Đem cho vợ chồng những người thuộc bậc đàn anh trở lên đến bậc cha chú một chiếc gối và *khăn piêu.*

Người làm dâu cũng phải chuẩn bị đầy đủ những đồ tư trang của mình: bạc nén, vàng lá; bạc thỏi, sà tích, nhẫn đeo; vải vóc, tấm thổ cẩm; vải the, lụa là; châu bảo ngọc sáng... của mình làm ra cũng như cha mẹ cho, đều phải thu xếp vào hòm đan bằng mây tre gọi là *cúm* hay *bem*, xếp thành gánh thành gồng sẵn sàng không được quên mà phải ngăn nắp.

Ngày đặt lễ "cưới xuống" cũng đúng vào ngày lành tháng tốt rồi. Đoàn đón dâu sau khi làm đầy đủ mọi thủ tục nghi thức cho *lung ta* rồi thì phải xin phép được đón dâu lên đường.

Vào lúc các mâm cỗ đương vui vẻ, ăn uống hát hò, đoàn đón dâu phải dẫn chàng rể và nàng dâu vào làm lễ tạ ơn, xin với *lung ta* và các *kun* với *quan* đang ngồi hàng uống rượu để chia tay ra về nhà chồng.

2. PHÍA NHÀ TRAI:

Tháng tốt, năm dâng, ngày lành đã đến.

Đức *án nha* là chủ vùng nước, vùng đất, cùng với bậc cha chú và đàn anh trong họ hàng phải đưa toàn thể *bô lão trong mường* tổ chức lễ cúng gọi là mở cửa *mường.*

Mường có hai cửa - đầu *mường* có khu rừng gọi là *sửa chiêng nưa*

mang tên là *cửa pọng* coi là cánh bên trái của *mường*; cuối *mường* có khu rừng gọi là *sửa Chiêng Tảu* mang tên *cửa pần* là cánh bên phải của *mường*.

Lễ đón dâu đón nàng phải mở cửa cuối *mường* chính tại khu rừng *sửa chiềng tảu*.

Lệ nói là làm tương tự như lễ cúng gọi là *kẻ khọ mường*.

Lệ cúng này phải mổ một con trâu cái có mầu lông đen, 3 con lợn đen, 10 con gà, 9 con vịt và 1 con chó.

Bầy một mâm thịt thăn trâu và cỗ đầu lợn để *ông chang* xướng bài cúng *đẳm* họ nòi *tạo*.

Số thịt trâu còn lại thì bầy thành những mâm để cúng thần chủ núi cao vực sâu mang danh là *ông xúc bà san*[16]- chủ đất ngồi lưng tựa cao hơn vực; chủ núi cao hơn núi.

Đây chính là những *xcông* đất chứa cây cỏ; những *xcông* [17]trời chứa mây mưa.

Thịt trâu còn bầy thành những mâm để cúng thần dòng nước chảy giữa *mường* là loại rồng.

Nơi trời hết đất nối,

Nơi chủ trời với loài rồng ở nước giao nhau.

Ở đó có cửa mưa và cửa nắng.

Thịt lợn thì bầy mâm cúng các thần đồng ruộng và nương đồi- nguồn thóc lúa nuôi người.

Thịt gà để cúng các thần khe lạch của núi rừng.

Thịt vịt để cúng loài ma ngụ ở nơi sình lầy ẩm ướt chuyên làm cho đàn bà chết vì sinh con đẻ cái - tên là *ma pai*.

Thịt chó làm thành mâm riêng để cúng ma rừng sâu núi thẳm chuyên làm người mắc chứng bệnh điên dại.

Mở cửa *bản* cửa *mường* là sự thừa nhận điều mà trong lời đội ơn phúc trời phân trời đặt; phúc cao siêu của tổ tiên họ Cầm - phù hộ con trời nòi rồng sinh sôi con trai, gái của dòng *tạo*.

Dâu nàng đến dẫm vào bậc thang đầu tiên thì có các bà nàng là cô, bá đem vải thổ cẩm khít choàng lên đầu, che mặt và dắt tay lên nhà. Sau đó lại tiếp tục dắt tay nàng vào tận phòng đã trải sẵn chăn, đệm, gối, buông màn và rèm che.

Rồi lại lấy một dải vải khít đi choàng che mặt *tạo mường* là chồng vào tân phòng với vợ.

Sau đó, các bà *nàng* lại dắt *nàng* dâu ra ngồi và cúi đầu lạy *án nha* cha.

Trong khi đó, *ông chang* đã ngồi trước mâm cỗ đầu lợn ở gian thờ tổ tiên để xướng bài cúng *đắm*.

Lạy xong *án nha* cha rồi nàng dâu cùng các *bà nàng* dẫn lối tiếp tục cúi đầu lễ tổ tiên

Làm xong các nghi thức cúng lễ rồi, *viên chá hươn luông* điều khiển người phục dịch trai, gái vào đặt các mâm cỗ bàn.

Án nha cha, *bà mường* mẹ, các bậc cha chú họ hàng nòi *tạo*, cô bác, dì già cùng *bô lão toàn mường* và mọi người vào uống rượu cần rồi ngồi vào mâm cỗ.

Bà mối cùng các *bà nàng* cô, bác, dì già đưa nàng dâu đến ngồi cúi đầu lạy từng người thuộc bậc trên của dòng họ *tạo*, lễ mọi người thuộc hàng *bô lão toàn mường*.

Cuộc vui ăn, uống, hát hò, xoè múa, đánh trống, chiêng bắt đầu.

VI. LỆ BÔ LÃO TOÀN MƯỜNG ĐẶT DANH XƯNG CHO VỢ TẠO MƯỜNG.

Án nha chủ vùng đất xây *bản* dựng *mường* cũng đã được nhiều mùa lúa, nhiều năm.

Ngài đã bước vào tuổi tác già nua, đã theo lệ theo luật để truyền cho con "đổi bậc thang thay chỗ ngồi".

Con trai mình "nắm chuôi gươm hằn tay cha ông".

Người là con lên là *ấn nha*, "cưỡi đầu voi sửa sang vùng đất", việc đó đã xem một cách chu tất.

Người là vợ cũng đã trở thành *bà mường* ở bên cạnh *ấn nha* để xây dựng *bản mường*.

Các bậc cha chú trong họ hàng nhà *tạo*, các hàng *bô lão toàn mường* đều đã thực hiện phận sự: "10 đầu cúi, 9 đầu lễ"; "trái vui đến phải vui lại" cả rồi.

Ấn nha mới cho dậy tiếng *cong mường*, "đánh cồng chiêng, tiếng gọi niềm vui" để triệu tập các bậc cha chú họ nhà *tạo*, các *tạo, phìa* ở những *mường* trong *viện*, trong *châu* cùng các chức *păn chủ, pọng chủ, ho luông chủ, lam ho chủ, bô lão, hé ho, mo nghe*, mọi người phải tề tựu đầy đủ để bàn bạc.

Ngày hội lớn phải thực hiện lệ cúng đắp lại cột *mường*.

Lệ cúng này phải mổ 1 con trâu đen, 3 lợn, 5 gà và 3 vịt. Ông *mo mường* cứ theo sách gọi là cúng lễ nhà *tạo* mà bầy đặt

Sau lễ cúng lớn này thì ông *mo mường* mới làm nghi thức bói toán để bắt buộc một danh xưng nào đó cho *nàng mường*.

Đường bói toán đã bắt được danh xưng, thật tốt lành

Đường bói toán đã đáp đúng.

Một danh xưng ấy khác nào nước tự trong.

Mường thái bình và danh tiếng.

Trái vui tới, phải vui lại.

Từ đây nàng *mường* được mang danh đức *bà Cầm*...[18]

Các bậc *tạo* cha chú, các con nòi *tạo*, các *tạo* các *phìa* ở trong châu

mường tấm lòng vàng lòng bạc đều vui lòng với danh xưng đó.

Các bô lão cũng hả dạ vì *nàng mường* có được danh xưng hợp ý trời

Lệ hay luật đẹp đã hoàn tất tốt đẹp.

Án nha cùng mọi người mở tiệc ăn mừng hát hò, chiêng trống rộn ràng suốt ngày đêm.

VII. LỆ LÀM "LỄ TIỄN ĐƯA ÁO"

Chủ *nàng* đã về đến nhà đến cửa của mình nhưng chủ *một* chủ hồn vẫn treo ở phía *lung ta*.

Phía *pú da* đã có chủ *tạy*, *nhưng* phía *ho bà nàng ho*[19].

Bà nàng ho còn chưa đến để thành gốc thành rễ của con *tạo* con nàng.

Phía hồn thì có chủ *tạy*

Phía *một* cần phải có chủ bà *ho*

Dòng con *tạo* mới được phát triển.

Tháng tốt năm dâng, ngày lành đến.

Án nha lớn chủ vùng đất mới mở miệng bạc, miệng vàng để mời các quan phục hầu.

Dậy tiếng chiêng tiếng cong lớn âm vang để mời *bô lão toàn mường* đến họp.

Họ cùng nhau cử bà *nàng một mường* cùng đoàn tuỳ tùng trai gái.

Khiêng lấy một chum rượu lớn rượu cần ngon với con lợn lớn lợn đen đi xin *lung ta* được làm lễ "tiễn đưa áo" cho bà chủ Cầm...

Lúc này vị chủ *lung ta* đã là những vị thuộc bậc đàn anh hoặc đàn em.

Họ mới đón lấy chum rượu cần lớn rượu ngon lên nhà.

Họ mới làm nghi thức bói toán xin đón áo đón *tạy* ho.

Nói phía *pú da* xin đón hồn *nàng* đến nơi ngủ.

Dẫn các linh hồn của *nàng* đi về nơi ăn nơi ở.

Thành bà *ho* tốt lành, hưởng thọ nhiều mùa lúa nhiều năm.

Để che chở cho bà con hai nẻo, ba đường.

Tạy ho của nàng được gọi là *xlo* bạc, *xlo* vàng được treo lên ở trên giá gọi là *một*.

Lệ đặt ra như sau

Phía họ gọi là *nhình xao* (nhà trai) đặt chum rượu cần ở ngay giữa nhà họ gọi là *lung ta* (nhà gái). Sau đó họ mổ lợn, luộc chín rồi bầy thành mâm đặt trước gian thờ tổ tiên để bà *một* vào xướng bài cúng nhan đề là đón *tạy ho*. Đại ý là "...xin với họ gọi là *đẳm lung ta* cho bà *nàng Cầm*... được phép rời *tạy ho* của mình đến treo ở phía nhà họ của chồng là *đẳm pú đa*..."

Phía *lung ta* phải cho bà *nàng Cầm*... một bộ váy áo mới bằng vải nhuộm mầu đen chàm; trong đó áo có thể cắt theo kiểu áo dài gọi là áo *nhình* hoặc áo ngắn gọi là *cỏm* đều hợp.

Bộ váy áo này được đặt vào rổ đem để bên cạnh mâm cúng tổ tiên. Sau khi bà *một* xướng hết bài đón *tạy ho*, người đại diện *lung ta* vào tháo *tạy ho* của *bà nàng Cầm*... xuống đặt trong rổ đựng bộ áo váy. Bà *một* xướng bài đón linh hồn *bà nàng cầm*... về với nhà với cửa, rời khỏi *đẳm ta đẳm nai* về với *đẳm pú đẳm đa*.

Sau đó người đại diện cho phía *lung ta* cầm lấy đầu lợn ở trên mâm cúng lại bổ dọc chia thành đôi nửa. Một nửa gói vào lá rồi đặt vào rổ váy áo, *tạy ho* trao cho *bà nàng Cầm*... để đem về với nhà *đẳm nhình xao (đẳm pú đẳm đa)*, còn nửa kia ông lại đem trả lại mâm cúng. *Bà một* xướng bài gọi là dứt áo.

Tất cả mọi người đến dự lễ tiễn đưa áo lần lượt vào uống rượu cần hết chầu nọ sang chầu kia. Đến khi chum rượu đã nhạt, phía *nhình xao* phải bưng ngay rổ váy áo, *tạy ho* và nửa đầu lợn vội vàng bứt ra khỏi đám, xuống thang chạy biến. Những người phía *lung ta* cũng vội vàng lấy tay bốc lấy bã rượu cần vừa vung ném theo sau lại vừa xướng những câu như lời hẹn ước:

"... Giờ đây, "đầu lợn đã bổ đôi; bã rượu đã vung" khác nào đã đuổi linh hồn chủ người con gái đi khỏi rồi. Từ đây trở đi linh hồn chủ phận nữ đừng quay lại với *lung*; linh hồn chủ phận đàn bà con gái đừng trở lại với *ta*. Linh hồn chủ đó mà quay trở lại thì phạm vào lệ nói là kiêng, bởi vì chỉ có: "trâu già mới phải quay về nơi để buộc; ôm nỗi đau buồn tủi nhục mới phải trở lại với *lung ta*"[20].

Hồn người con trai là rể thì hãy theo đường lên với nhà của *đẳm pú* mới phát đạt; hồn của phận gái thì phải linh hồn người mình yêu dấu lên với nhà của *đẳm* da mới sinh nhiều con trai gái *tạo* lớn nhỏ.

Phận là *lung ta* đừng để đứt mất đường dây quan hệ với *nhình xao*. Phận là *nhình xao* phải đời đời giữ đường dây nối với *lung ta*, đừng để đứt. Là con trai họ *nhình xao* lên làm rể nhà họ *lung ta* là điều tốt lành như câu tục ngữ ví: "dao chuôi đồng bao giờ cũng chắc đẹp cũng như được làm lễ cưới theo lối cũ". Là con trai phía họ nhà *lung ta* đừng có "tự nhắm mắt" mà lên rể nhà họ *nhình xao*. Làm như thế sẽ lâm cảnh không phát đạt, không sinh sôi nẩy nở. Đó là điều kiêng kỵ. Bởi vì "đầu lợn đã mổ, bã rượu đã vung rồi", linh hồn chủ phận nữ không thể đến nhập vào nơi sinh trưởng có *tạy ho* của mình nữa. Nếu người con trai họ nhà *lung ta* cứ cố tình sang lấy con gái họ nhà *nhình xao* thì vi phạm lệ luật: "quay đầu lợn trở lại", làm ăn khó khăn.

Đoàn họ nhà trai cùng vợ chồng *tạo* nàng đem rổ áo, *tạy ho* và nửa đầu lợn về đến nhà. *Án nha, bà mường* cho người nhà mổ lợn, luộc chín, bầy mâm để *ông chang mường* vào đọc bài khấn cúng tổ tiên. Sau đó, bà *một* làm lễ và xướng bà đón *tạy ho* và treo vật thiêng ở gian gọi là giá *một*, đặt bên phía gọi là *chan* của nếp nhà.

TRAI GÁI NGƯỜI HỌ DÂN LẤY VỢ CHỒNG.

Tạo lấy *nàng*; *tạo* lấy vợ người thuộc họ dân thường; *tạo* là người thuộc họ dân thường lấy nàng đều theo *luật mường* hay còn gọi là cưới xin theo lệ "người lớn".

Từ ông *mo*, ông *nghe* đến các ông *xen (pần), ông pọng*... xuống tới

dân nhiều bậc lớn nhỏ, gái lấy chồng, trai lấy vợ đều phải tổ chức lễ thành hôn theo lệ quy định cho "người bé, bề thấp".

Không phải *luật mường, lệ* cưới xin "người bé bề thấp" thường tổ chức theo đời sống thường nhật - mình có bao nhiêu thì theo lệ luật mà chi phí bấy nhiêu. Không giống như trường hợp *tạo* lấy vợ thì mỗi người trong bản trong *mường* không kể chức dịch hay thường dân đến phải đóng góp. Các bậc cha chú họ hàng nhà *tạo*, các bô lão, *he hế, mo nghe*... phải cùng đứng ra tổ chức cưới xin để *tạo* lấy được vợ.

Tạo lấy vợ là luật *mường*, dân lấy vợ là lệ *bản*. Luật *mường* là lệ của "người lớn, bề trên", còn lệ *bản* là lệ của "người bé, bề dưới". Lệ *bản* thì theo nền nếp - gia đình, dòng họ của hai bên trai gái tự lo liệu. *Bản* phải giúp đỡ và tham dự lễ cưới như ngày hội. Phải theo cho đúng: "lệ *bản* mười hai, luật *mường* mười bốn".

NHẬP LỆ LUẬT

Trời đã sinh, gái ngửa, trai sấp.

Con trai lớn mười ba biết chơi sáo.

Mới có sàn sân đặt bếp lửa quen lối lên.

Như nước quen cá, ruộng quen lúa.

Nhập vào lòng người tình sóng đôi.

Hai cùng lớn bằng "bung" thì cần đến "bung".

Cao bằng nếp nhà thì phải dựng được nếp nhà.

Hai hẹn nhau trở về nhà tỏ ý nguyện.

Con trai thì ngỏ lời cùng song thân.

Con gái thì giãi bày cõi lòng với song nhạc

Người hai họ, hai dòng máu ai cũng nói một lời: "tôi ừ, ông gật, tôi nói, ông nhập vào lòng".

Một bên sẽ nhận con rể lên nhà chăm nom cha mẹ.

Một bên nhận dâu con, sau trở thành mẹ của cửa nhà.

Chăm cha, nom mẹ lứa tuổi già nua.

Hai bên họ được nhờ tiếng thơm.

Lẽ làm người được nói: "thương người khỏe mến người chăm".

Tháng tốt năm dâng, ngày lành tới.

Hai bên cha mẹ cùng đem áo hai con mình cho bà *một* bói.

Đường bói nghiệm điều lành.

Chân gà báo đường nét đẹp.

Hai bên gái, trai chuẩn bị đồ xính lễ.

Phải chuẩn bị theo đúng lệ "người bế bề dưới".

Có 6 bước phải theo:

Bước một, nhà trai cho người đến mở gói dạm hỏi.

Tháng tốt năm dâng, ngày lành lại.

Song thân sai hai bà mối đến tận nhà tận cửa.

Đến gặp đúng chủ nhạc phụ, chủ nhạc mẫu

Xin cho con trai mình đến ở rể.

Thường thấy, nhạc chủ không nói nhiều lời.

Thường gặp, nhạc mẫu cũng chưa nói hết lời tốt lành kỹ lưỡng.

Nhưng họ cũng không bầy ra lời bịa đặt.

Nói trai người này với rể người ấy.

Thuộc hạng người không biết không nên.

Lời lẽ ngỏ như thế đã là quý hoá.

Hai bà mối mới trở về để thưa trình cùng với song thân.

Tháng tốt năm dâng, ngày lành lại.

Họ nhà trai lại sai hai người đàn ông làm mối đem lời mình sang "mở gói thưa thốt".

Cùng chủ ông nhạc với chủ bà nhạc.

Lời nói đi nói lại cũng đến chỗ phải.

Gái trả lời bảo sẽ thành vợ thành con.

Trai trả lời bảo cũng sẽ thương vợ yêu, vợ mến suốt cả cuộc đời.

Chỗ chủ linh thiêng cũng tỏ lòng tin.

Chú ông nhạc với chủ bà nhạc cũng nhập mối lái vào lòng và nói:

Công việc nhận lấy con rể làm giường làm cột này cũng còn phải chờ nơi lệ luật?

Chúng tôi phận làm cha, làm mẹ cũng cần phải có thời gian.

Để đi đến nơi đến chốn để thông báo.

Đến các bậc cha chú, cô, thím, bác.

Đến các thứ bậc *lung ta* cùng dì già

Họ hàng hai đường ba lối họ hàng phía chúng tôi cùng tỏ tường.

Xem họ có tỏ ý ưng thuận hay không?

Hơn nữa cũng cần bắt xem đường bói toán

nếu bói được điềm tốt lành.

Chân gà báo đường nét đẹp

Chúng tôi sẽ làm lễ cúng báo về tổ tiên cho đủ lệ đã.

Họ nhà bảo là tốt.

Tổ tiên nói là vừa, là phải.

Sự thể như thế nào sẽ cho người đến tận nhà tận cửa để báo những lời tốt lời phải.

Báo ngày lành thêm đầy

Báo ngày tốt thêm vừa thêm phải.

Đến với song thân của rể con biết cõi lòng đầy nỗi thương nỗi mến của chúng tôi.

Xin họ nhà trai đừng trách là chủ *lung ta* này tự ý gây thêm đường khó dễ.

Bởi nơi luật nơi lệ đã sắp đặt từ thửa xưa.

Nếu đường duyên này không ứng nghiệm bói toán.

Chân gà không báo đường nét không đẹp.

Ải nọng, lung ta, nhinh xao ai cũng thốt lời khó chấp thuận.

Là nhạc mẫu nhạc phụ, chúng tôi cũng chẳng biết sẽ thu xếp thế nào.

Nếu có phải trả lại trầu cau theo lệ theo luật cũng đành phải theo

Xin song thân đừng phiền lòng về chúng tôi.

Bởi lẽ đời là: "lấy được nhau thì thành vợ thành chồng; không lấy được nhau thì hai đường vẫn là anh em.

Lệ Thái, bước ngỏ ý không phải mất của.

Theo luật dạm không được quá 3 lần.

Nếu thương thì *lung ta* "bắc cầu cho qua bắc thang cho trèo".

Nếu *lung ta* mến ưng thì xin "ôm bế con làm giường làm cột".

Phận con trai chắc sẽ thành chàng rể lớn sống giữa nhà chăm cha nuôi mẹ.

Nếu số gặp phải chỗ, "chín không vừa mười không phải", *lung ta* cảm thấy không vừa lòng thực sự thật rồi.

Việc "mở gói dạm hỏi" một lần, hai lượt, đến lượt ba hai bên cũng phải dứt nhời nhẽ rồi.

Nếu hai bên đã ưng thuận thì cũng không nên kéo thời gian dài thêm nữa.

Bởi vì phải xem tới con trẻ.

Họ đã quen gặp nhau ở nơi sàn sân.

Tỏ tình bên bếp sàn.

Lời thương đã nhập lòng, lời mến đã vào dạ mất rồi.

Để lâu e không tránh được như câu tục ngữ:

"Gái gần trai như trâu gần mạ, như ngựa gần yên".

Trái quả biết chín trước khi ương, dây leo biết bò trước ngọn"

Có mang trước lễ cưới.

Trái luật *mường* lệ *bản.*

Phải nộp phạt nặng nề.

Đến lúc đó thì cha bên thật khó nói

Mẹ hai phía sẽ khó đặt lời.

Hai đứa đã thương nhau xem chừng "đòn gánh đã cân được hai đầu rồi" phải gánh thì gánh.

Gái lớn phải tìm nhà, *lung ta* cần gả thì phải gả.

Dì già thấy cần cho hai đứa thành đôi thì cho.

Phía song thân cử mối đi "mở gói dạm hỏi"

Hai bên lời giao hẹn đã xiết kín như trải chăn chiên.

Liền mạch như trả tấm cót.

Dứt khoát như dùng dao sắc chặt đứt cuộn lá giong.

Hai ông mối đón nhận những lời lẽ tốt lành của song nhạc.

Họ thốt lời: "trăm ơn ngàn ơn" rồi xin phép trở về báo lên song thân của chàng rể

Bước hai, bố mẹ chàng rể sai ông, bà mối sang xin ông nhạc, bà nhạc cho được phép hành lệ ăn đứt giá, nói đứt lời:

Qua bước "mở gói dạm hỏi", lệ cưới xin chuyển sang lệ "ăn đứt giá, nói đứt lời".

Câu tục ngữ không bỏ qua.

Không biết đã trải qua bao đời nay, thực hiện đúng tục này.

Gái lớn biết tìm chồng, trai lớn biết tìm vợ.

Song thân chàng rể cử ông bà mối đem theo đoàn phụ tá mang gói trầu quả, cùng đôi gói gà luộc, đôi chai rượu sang nhà song thân nhạc xin thương lượng cho phép con trai được đính hôn với người vợ hiền của mình.

Nhạc phụ, nhạc mẫu đón nhận gói trầu, quả, rượu, gà, thốt lời hay nghe nhời ngọt và theo lời vui, bấy nhiêu, không hơn.

Qua dăm bữa bảy ngày.

Nếu song thân nhạc quyết "nhận chàng trai ấy làm giường làm cột" thực sự thì sẽ cho mời anh em trong họ hàng lại bàn bạc.

Nếu ai cũng tỏ lời ưng thuận vui vẻ.

Người ừ, kẻ vâng; người gật, kẻ bằng lòng vừa dạ.

Nỗi vui mừng sảng khoái dậy trong tâm nhạc phụ cùng nhạc mẫu.

Mới sai mối đến tận nhà tận cửa để gặp song thân của chàng rể

Lệ này gọi là "đi hái trầu, quả của người làm cha làm mẹ".

Báo họ biết ngày phải kiêng phải cấm.

Bắt được ngày lành, giờ tốt mới chuẩn bị cho con trai của mình đến làm rể ngủ ở bên quản.

Cũng như tổ chức lễ nhập phòng và làm lễ "cưới lên".

Nếu như toàn thể anh em trong họ phía *lung ta* đều thấy không vừa lòng nhận con rể thì cũng phải sắm sửa lễ trầu, quả, rượu gà trả lại cho song thân chàng rể và hứa theo tục: "lấy được nhau thì thành vợ thành chồng; không lấy được nhau vẫn là anh em"

Lệ luật cho "người bé, bề thấp" thực hiện lệ "ăn đứt giá, nói dứt lời" định ra như sau:

ĂN ĐỨT GIÁ

Bên phía nhà trai là chỗ giàu sang.

Của để của quý không hụt không thiếu.

Đừng vào chỗ có chức có quyền.

Chẳng hạn như ông *xen (pần)*, ông *pọng*, ông *ho luông*, ông *pọng cang* hợp thành bốn ông lớn.

Chẳng hạn các chức ông và quan trong hàng *bô lão, hế ho, mo nghe.*

Song những người có của không được phép vượt quá lệ luật quy định cho "người bé, bậc thấp"

Vải Thái để nguyên trắng không được quá 40 đơn vị gọi là *chầu*; vải thổ cẩm mầu không được quá 15 *chầu.*

Tiền bạc không quá 1,2 nén. Trong đó có đôi vòng tay cho nhạc mẫu gọi là "tiền công nuôi sữa "không được thiếu.

Đôi trâm để cài búi tóc ngược cho nàng dâu là của phải có, không được thiếu

Chỗ giầu có, có thể mổ trâu, nhưng không được gọi là nhập vào lệ:

"bạc đặt, trâu con" như luật quy định cho con *tạo.*

Thịt ống vừa bằng.

Gói cau, trầu rễ.

Gói vỏ, thuốc lào.

Ống cá ướp chua.

Gói gà luộc, giỏ kẹp trứng.

Giỏ cặp cá sấy khô trên gác bếp.

Mỗi thứ sắp đủ mười hai.

Tiền đấp công nuôi

Tính thành thóc đong vào *bung*

Một năm chủ phía *lung ta* không thu giá ba gánh.

Mỗi gánh 5 yến Thái[21].

Nếu phải chỗ "người bé người thấp"

Gặp chỗ giữ của không đọng.

Kiếm không ra, tìm không lại.

Không có tiền, có của để đổi lấy nàng dâu.

Nhưng hai bên lại thương yêu nhau, không lìa, không bỏ.

Phía *lung ta* cũng mến chàng rể.

Chàng rể cũng coi chỗ *lung ta* như trời riêng của mình.

Gom được cõi lòng mình.

Đi theo đường làm người:

"Thương vợ thương con cái

Thương vợ thương của họ nhà *lung ta*".

Nếu có thật như thế.

Hai bên họ nhà gái, nhà trai sẽ cùng nhau bàn bạc.

Tục lệ nói không được thiếu:

Điều một - khoản đôi vòng soắn bằng dây bạc để luồn vào cổ tay nhạc mẫu.

Đó cũng là để ghi nhận việc đền đáp mẹ nuôi bằng sữa.

Điều hai - phải nhớ có đôi trâm cài búi tóc ngược lên đỉnh đầu của nàng dâu.

Rượu lợn đặt thành mâm cỗ.

Để chúc tụng *lung ta* với *bản* làng.

Cuộc vui kéo được một ngày một đêm

Một người đã trở thành người.

Ai cũng phải cố làm lụng.

"Thành nếp nhà có bầu nước dựng"[22].

Gói cau trầu rễ

Gói vỏ, thuốc lào.

Thịt ống vừa bằng.

Ống cá ướp chua.

Gói gà luộc, giỏ kẹp trứng.

Giỏ cặp cá sấy khô trên gác bếp.

Nếu không đủ số 12 thì giảm xuống 8 xuống 4 cũng là tốt.

Đường đi lối tới.

CỦA HỒI MÔN

Đã là *lung ta*.

Không nói "người bé" hoặc "người lớn"

Thu giá về phải có của hồi môn.

Phải thu xếp cho đủ.

Gấp hai, ba lần giá nhà trai trả mới gọi là vừa.

Càng cho nhiều càng tốt.

Lành cho cả hai bên gái, trai.

Phần lớn người thương con.

Con lớn mới nở mặt nở mày.

Con khôn mới thành nhà thành cửa.

Trong nhà có của cải.

Con cái được ấm êm

Lời nói đúng ở câu tục ngữ:

Ăn bằng cối trụ tròn thì phải gả bằng cối hình thuyền".

Mới xứng là nơi ban phúc lành cho con gái mình phát triển.

Cây lớn ắt đâm trồi mọc măng.

Lung ta là nơi cấy trồi, cấy măng cho *nhinh xao* có mầm nòi mầm giống.

Nhinh xao phải đáp lễ cầu phúc cho lung ta sống lâu muôn tuổi.

Có rượu đôi để chúc tụng *lung ta* ngày một phát triển.

Hưởng thọ để trở thành cột trụ cho *nhinh xao* có nơi nương dựa.

Là người phải biết trông nhau.

Tựa dây bện xoắn chặt.

Đường dâu gia không bao giờ đứt đoạn.

Trời đặt ra để cùng nhau thành *lung ta* một bên và *nhinh xao* một bên.

Hai bên phải kiêng không nặng lời, không gây ra những tiếng xấu, điều xấu.

Gây ác với *lung ta*, mình không phát.

Đó là "vùng trời riêng của mình phải nhớ cho kỹ.

Thần *lung ta* thần lớn.

Lệ Thái bảo phải theo tục kiêng.

Lệ luật ghi phải nhớ.

Người là *lung* là *ta*.

Kiêng không nói điều xấu *nhinh xao*.

Tích gom điều không tốt.

Tích cóp điều không hay.

Làm như thế là tự cắt đứt đường dây dâu gia.

Tạo đường gặp điềm ác

Thần ác sẽ gánh tội đổ vào đầu.

Thật đáng sợ, đáng sợ.

Mọi người phải theo luật.

Của hồi môn *lung ta* cho con gái có:

Một gánh bung đầy thóc.

Giống lúa bông trĩu hạt.

Để đôi vợ chồng trẻ đem gieo nơi đồng ruộng thửa tròn

Đôi vợ chồng sẽ có thóc gạo để sàng sẩy đủ nuôi con gái, trai.

Gói hạt bông cho vợ chồng trẻ.

Để đem gieo trên nương làm giống.

Bông cho sợi đủ dệt ngàn lần trên khung cửi làm của giầu.

Cho cả lợn nái nuôi con ở gậm sàn.

Đến nhà con mình tiếp tục đẻ nhiều lứa

Cho cả mái gà ngoan đương cục cục với đàn con.

Bát, đĩa, ấm chén các loại đủ.

Những đồ dùng hàng ngày cần cho một gia đình có gì cho nấy

Bấy nhiêu chủ của *lung ta* không được hụt được thiếu.

Bởi mức đó là của ít chứ không nhiều.

Người có của cho vợ chồng trẻ cả mẹ lẫn con trâu nái.

Các con đem về làm ruộng đồng lớn.

Cho cả ngựa thắng yên để cưỡi

Cả nái bò đem thả nơi thung cỏ nơi đầu *bản*.

Cho cả thanh gươm bọc bạc của quý.

Cho con mình đem về treo ở cột *hóng* bảo vệ linh hồn

Rồi truyền cho đời con, đời cháu nối dòng *đẳm*.

Ninh bằng đồng của quý cũng trao.

Chân chài dài năm sải mười sải cũng trao.

Cho vợ chồng con đem về cài vào chiếc chài đan bằng những sợi tơ.

Hàng ngày đem quăng xuống suối sông bắt cá về mớm con nhỏ.

Đủ của còn cho cả khẩu súng kíp có khắc chạm ngôi sao hùng.

Cho hai con đem về giữ nhà mình.

Của cho là để giúp con mình có cái ban đầu tiếp tục làm ra hơn nữa về sau.

Người giầu còn cho con cả vàng bạc của kín.

Cả vải vóc gấm đẹp, thổ cẩm nhiều loại

Đường nào cũng có của để dùng để tiêu.

Đặt đủ thành ngôi nhà để cho phúc, cho linh hồn luôn luôn khỏe mạnh.

Của cái thứ nào cũng đủ, cũng chẳng thiếu.

CON GÁI CHUẨN BỊ VỀ NHÀ CHỒNG

Những ngày lành đã tới

Trải qua nhiều tháng năm.

Đến một ngày nào đó.

Hạn ở rể đã vừa đã đủ

Con trai, gái sinh ra đã đủ của đủ nhà.

Của cải đã tuôn ra trên đôi tay mình.

Phải gom lại để cùng chồng về nhà cho đủ tiêu dùng.

Gái biết làm vải là gái ngoan.

Biết dệt nên tấm thổ cẩm là gái đẹp.

Gái sẽ rời khỏi họ khỏi hàng về với chồng con.

Phải có lòng chăm chỉ.

Phải bất nết phải làm.

Phải có vại nước chàm đen óng.

Có chum chàm xanh mượt để nhuộm tơ.

Đen bóng tựa cánh cam.

Mầu đen tựa đôi cánh quạ không phai.

Gái phải làm đệm để biếu cô.

Làm chăn để biếu em.

Làm ra đồ để làm đỏm làm dáng biếu họ hàng phía *nhinh xao.*

Vải có đến 10 đơn vị gọi là *chầu* là *ton* mới vừa

Có hơn thế tốt hơn

Phải đề phòng lúc bình thường cũng như lúc khó khăn.

Lúc bình thường thì làm đồ mặc, đồ ngủ cho cả nhà.

Anh em lại thăm, *lung ta* lại viếng có đệm nằm chăn đắp.

Dâu con về nhà chồng theo lệ có để dâng biếu.

Là những của do bàn tay mình làm ra để hiến.

Đeo túi hoa đựng của quý về với thân phụ, thân mẫu chồng.

Dâng cho họ.

Mỗi người 2 chầu vải trắng.

Ngày họ đi xa, ta đâu có biết.

Ta đem vải lót thi thể họ.

Còn 4 chầu thổ cẩm mầu đỏ thêm nữa.

Để làm đồ phúng viếng đầy đủ.

Dựng cây phướn trắng đỏ, tiễn hồn ông về cõi trời.

Dựng cây phướn đỏ vàng tiễn đưa hương hồn bà lên với tổ với tiên.

Gái thành dâu con có nhiều của biếu.

Vải thêu thành khăn piêu với gối đầu.

Mỗi đôi vợ chồng người trong họ chồng nhận đủ.

Trời sinh họ đã thành bậc cha chú.

Mười của biếu không làm lòng nản.

Hai mươi của cho không gây thành đường tránh.

Về nhà chồng như thế mới trở thành bền

lên nhà chồng như thế mới trở nên vững.

Con cái mình thêm phúc đức.

Tất cả mọi người, lệ này nhớ ghi.

Bước ba - dẫn rể quản.

Tìm được ngày lành tháng tốt.

Phía thân mẫu, thân phụ lo liệu đã xong.

Bèn cho ông mối dẫn con trai đến với nhạc phụ, nhạc mẫu.

Xin để cho con trai lên nhà làm rể ngủ *quản*[23].

Sai trai *bản* đưa gánh.

Gánh lấy hai chiếc chăn.

Khiêng lấy hai chiếc đệm.

Một chiếc màn với rèm che.

Đồ tư trang thường dùng.

Áo quần có nhiều đôi.

Xếp vào trong hòm xiểng.

Dao sắc đặt trong bao.

Hàng ngày đeo đi ruộng đi nương lao động.

Sản xuất trên nương lớn.

Sản xuất trên ruộng rộng.

Làm con rể lớn ở giữa nhà dưỡng cha, nuôi mẹ.

Gánh, khiêng đặt góc quản.

Mối bảo đoàn tuỳ tùng vào nhà dâu gia.

Họ mổ lợn đặt cỗ trên chiếu.

Đặt tiệc rượu mời *lung ta.*

Mối dắt rể vào lễ.

Lạy *lung ta* nhiều hồi.

Hứa cùng *lung ta* nhiều nhời nhiều nhẽ.

Lời lẽ ấy thành bài bản mối thưa.

Đọc bài cáo.

Lệ đường đến ở rể.

Lung ta ngồi thành hàng uống rượu.

Ai ai cũng lắng tai nghe.

"...Đời người này trời phân trời đặt.

Trời đặt cho thành lứa thành đôi.

Mới sinh sôi nảy nở

Vợ chồng làm năm tháng nuôi con.

Chúng mới lớn mới khôn.

Lớn bằng *bung* tìm *bung*

Cao bằng dậu tìm dậu.

Lớn bằng nhà tìm nhà.

Lệ bảo phải kiếm cho đủ

Đủ mọi đồ xính lễ.

Nhưng chỗ nhà trai đây lại rơi vào bậc chẳng có.

Không có rượu chum lớn đến nộp.

Không có rượu chum hoa đến mở để mời.

Chúc cho họ hàng *lung ta* càng thêm khỏe thêm phát.

Mâm cỗ phải mổ con lợn lớn.

Phải có nhiều đầu gà, đuôi cá xếp chen chúc.

Để dâng chủ *lung ta* mới phải.

Nhưng của không biết lấy đâu ra.

Mình nghèo khó lấy gì mà nên.

Xin *lung ta* hãy đem lòng bên cho vững cho chặt.

Siết lấy đường dâu gia.

Xin *lung ta* đừng chấp.

Xin lấy công làm rể thay của cải cho được.

Sức thay của để đổi lấy vợ con là vậy.

Thả sức mình làm cũng gọi là của mình được mình có.

Tự góp để nuôi chủ thiêng liêng.

Vừa chỗ gái lớn mới tìm chồng.

Một đời nhờ công cha nuôi con

Hơn núi cao vượt tầm con mắt.

Công mẹ nuôi tựa nguồn nước luôn chảy

Bởi thế, bên thân phụ, thân mẫu chúng tôi.

Đành phải đem thân con đến sinh sống ở trong nhà.

Ghi lòng những lệ luật

Còn có nơi *lung ta* che chở

Là tôi con xin quỳ gối cúi đầu lạy.

Xin làm chim cút nhỏ có cổ vân hoa.

Xin làm chàng rể thương, rể mến nằm bên *quản.*

Xin đắp ngăn nước để thành *phai.*

Rẽ dòng nước đổ vào *lái*

Dẫn nước chảy vào *mương*[24]

Bắc máng lớn máng dài đưa nước tưới đồng ruộng.

Đeo dao ở bên hông để vào rừng chặt phá.

Đeo rựa ở ngang mình sẽ vào phá rừng làm nương.

Làm ruộng để có thóc đầy bồ.

Làm nương để thu thóc đầy kho.

Chồng cùng vợ gắng sức chăm nom cha mẹ lúc tuổi già

Vào nhà nhạc phụ, nhạc mẫu hãy để người ta khen:

"người chăm lám chăm làm"

Là rể phải để người nói hay:

"Mến người khỏe, chuộng người chăm là rể"

Nắng không quản, là rể.

Mưa không ngại, là rể.

Nguyện đi nước kiếm cá, là rể.

Nguyện xuống đồng làm ra lúa gạo, là rể.

Nguyện vào rừng, qua núi săn bắn, là rể.

Săn được con nai, đem về đặt cỗ mời *lung ta* uống rượu;

Cùng bô lão ở trong *bản* hưởng bữa vui chung.

Vào *bản* nghe tiếng khen không ngớt.

Nói rằng chàng rể này ai khen không ngớt.

Nói rằng chàng rể này ai khéo nặn thành người.

Cả *bản* được ăn nương.

Cả *mường* được ăn nhờ.

Tiếng khen nhiều tựa cát, tựa nước trong dòng suối.

Nếu không được như thế thì xin *lung ta* cứ việc bảo ban.

Rể không được lời khuyên, *lung ta* cứ việc mắng nhiếc

Lung ta dậy, rể không được phép đáp trả miếng.

Lung ta mắng rể không được càu nhàu.

Rể lười biếng sợ việc.

Xuất toàn tiếng cạnh khoé.

Tự buông mình, giở thói khó coi.

Thâu đêm, dậy trưa.

Nhạc phụ bảo thì sa sầm mặt càu cạu.

Nói năng với người, ai cũng tưởng như có điều gì giận dỗi.

Người ta khuyên còn làm bộ như không hay không biết.

Câu tục ngữ nói: "dễ thương, dễ gần là người ăn nói cởi mở;

Khó hiểu, khó chịu là kẻ ỡm ờ".

Là rể đừng để cho tiếng xấu chất đầy tai; điều xấu bầy đầy mắt.

Chịu không nổi, *lung ta* sẽ đuổi rể ra.

Khuyên bảo không được, họ sẽ bảo rể quay lại nhà mình.

Giờ không lành đã xảy ra, kéo lại không được.

Lúc hiểu ra đã tuột mất rồi.

Mất đấng cao siêu, nhạc phụ, mẫu phụ, Người thường thương chẹ chở cho mình.

Mất bạn đời, người vợ thương yêu.

Người mình hằng mong đợi, đến ngày cha mẹ sẽ cho chung chăn gối.

Điều mong ước của mình chẳng còn thấy nữa.

Sinh thành người trên mặt đất, xin đừng thành kẻ bỏ đi.

Bước thứ tư - lễ thành vợ thành chồng và tổ chức "cưới lên".

Hai bên họ - *lung ta* và *nhinh xao* cùng tìm bắt ngày lành tháng tốt.

Lung ta cho người đến báo cho thân phụ thân mẫu.

Như trăng sao tỏa sáng, thân phụ mẫu cùng *ải nọng* phía *nhinh xao* vui sướng ngọt ngào.

Họ mời hai bà mẹ tốt đương đứng chủ gia đình, hiểu biết đủ điều, khéo ăn, khéo nói; vợ chồng hoà thuận.

Phải, trái đều thông suốt; thạo lệ thạo luật.

Quen đường đi nước bước.

Nhận điều hay lẽ phải sang cùng *lung ta* tổ chức nghi thức búi tóc ngược đỉnh đầu cho nàng dâu.

Họ cùng nhau đến nhà.

Nhạc phụ cùng nhạc mẫu niềm nở đón tiếp.

Hai người mẹ theo đến rồi.

Họ đem đồ sính lễ ra bầy.

Để nhạc phụ cúng nhạc mẫu cùng hay:

Có gói trầu quả và vỏ nhai.

Chiếc trâm cài búi tó trên đỉnh đầu và đôi vòng tay.

Hai sải vải mầu đỏ cùng hai sải vải thổ cẩm gọi là *khít*.

Đôi độn tóc, là đủ đồ theo tục lệ.

Hai người mẹ là người thay mặt song thân của chàng rể.

Đem đồ xính lễ đặt lên trên nong;

Hay trên mâm, trên rổ cũng được.

Họ đem chiếu đến trải;

Cót dải thành mặt bằng.

Trải thành nơi để kéo đôi đệm vợ chồng ghép sát lại kề bên nhau.

Đó là tân phòng của đôi vợ chồng

Gồm hai chiếc đệm dầy.

Hai chiếc chăn ấm.

Hai chiếc gối mặt thêu hoa.

Màn viền đường hoa văn, rèm che kín.

Rồi mới làm nghi thức buộc chặt cánh tay áo của vợ chồng lại với nhau

Gọi là: "trói linh hồn hai người vào ngủ đệm đắp chăn"

Minh của hai người được bầy để *măng nèn* của vợ chồng mọc cao, đạt phúc lớn.[25]

Rồi đọc lời để cho linh hồn đôi vợ chồng ôm ấp nhau bền chặt

Lời lẽ nói: "gom hồn áo vào ngủ.

Họp hồn áo vào trú tại nơi yên lành.

Trải đệm, chăn cho hai linh hồn ôm ấp giấc ngủ ngon"

Điều độc hại đừng bao giờ gặp; điều tốt lành thì gặt hái luôn luôn.

Vợ chồng đạt được nhiều điều mong ước

Hai thương nhau đến lúc tóc hoa râm.

Yêu mến nhau cho đến khi tóc bạc.

Không chết không bỏ nhau.

Thân không khô thì không bỏ việc ăn đời ở kiếp vợ chồng

Thân nữ nhi sinh được con gái trai.

Sẽ có nhiều của cải trong nhà.

Búi tóc ngược biểu hiện chung với chồng.

Trải đầu búi tó ngược thành ngôi đẹp.

Búi tó ngược rồi thành nàng dâu trẻ trong nhà.

Cùng chung sống thì hãy nhớ:

"Bố vợ uống rượu rể con không được phép ngồi yên.

Bố chồng uống rượu nàng dâu không được phép ngủ"

Là vợ chồng chớ ly lị để thành kẻ dưng.

Góa bụa đời tang sầu đừng gặp.

Bởi vì "trâu già kiêng không quay về nơi để buộc.

Gái góa bụa kiêng không trở lại với *lung ta".*

Kén được người chồng tốt thật tựa cha

Gặp phải chồng xấu đời em phải đeo tổ ong vò vẽ ở trên cổ.

Mo thấy hồn hai người đã hợp.

Làm người chắc sẽ hưởng hạnh phúc cả cuộc đời.

Tóc trên đầu búi thành ngôi xinh xắn.

Trở thành đôi vợ chồng thương yêu ôm ấp cuốn xe.

Đừng deo mộng ngoại tình mà thả lòng rời xa nhau.

Mọi cái cần đều có, mọi điều cần đều được.

Đừng nghèo khó nhà trống chẳng có gì.

BƯỚC QUA KHÂU CƯỚI LÊN.

Trong lệ luật quy định cho các họ là "người bé người thấp" lễ gọi là "cưới lên" còn mang tên lễ đặt miếng ăn lớn hoặc tổ chức cưới.

Tất cả anh em gần xa trong cộng đồng thân tộc "hai đường ba lối" của nhà gái cùng các bà con, bô lão trong bản làng, ai cũng được nhạc phụ, mẫu báo mời đến đông đủ để dự tiệc vui. Theo thông lệ, mỗi người đến ăn mừng đám cưới đều mang theo chai rượu và bát gạo nếp. Những người có quan hệ máu mủ có thể đem đến cả con gà, con lợn.

Đồ xính lễ của họ nhà trai thì theo "lệ bản 12" gọi là rượu lợn trải chiếu. Gói là trầu, cau quả, giỏ kẹp cá sấy khô, trứng gà, gói gà luộc nguyên con, ống cá, thịt ướp, cơm rượu, lợn lớn, cái gì cũng phải đầy đủ và tươm tất.

Phía nhà trai cử ông mối cùng đoàn tuỳ tùng gái trai gánh khiêng đồ xính lễ đến nhà *lung ta* lớn.

Phía nhà *lung ta* lớn chuẩn bị vui vẻ đón tiếp khách của nhà trai. Nhà cửa được quét dọn sạch sẽ ngăn nắp. Những thứ cần để sử dụng cho bữa cưới không có thì cho người đi mượn bà con hàng xóm. Cho người đi báo mời ông mối để đối đáp đường quan hệ dâu gia. Ông thay mặt nhạc phụ phát ngôn, thu xếp mọi mặt, mọi việc.

Đám cưới theo lệ "người bé người thấp" có hai việc được tiến hành.

Đoạn một - tiến hành nghi thức cúng tổ tiên. Báo cho ông cha biết, kể từ nay về sau, cộng đồng dòng máu sẽ có người tách ra để nhập vào cộng đồng mới gọi là *nhinh xao* và biến mình trở thành *lung ta* của họ.

Những người tuỳ tùng gái, trai mổ lợn, luộc rồi đặt thành mâm cỗ đầu lợn bưng đặt ở gian *hống* cúng tổ tiên.

Các mâm được dặt theo trình tự như sau:

- Hàng đầu là mâm đặt vải vóc, tiền bạc như đã thỏa thuận theo lệ luật.

- Tiếp đến là mâm đặt những gói cùng ống theo tập quán pháp.

- Nối đến mâm cỗ đầu lợn, rượu rót. Bên cạnh mâm có chai rượu, giỏ đựng xôi (cơm). Cạnh mâm cỗ đầu lợn, người ta còn đặt các áo của những anh em trong cộng đồng gọi là *ải nọng* phía *lung ta*. Trong đó áo đứng đầu là của song thân phụ của con gái sắp theo chồng đi làm dâu của họ *nhinh xao*.

- Rồi nối đến ghế để *mo* đọc bài cúng theo văn bản đã ghi sẵn.

Đoạn hai - bầy 2 phần mâm cỗ tiệc bàn

- Những mâm cỗ lớn

Sau khi uống nhiều lượt rượu cần ông mối phía họ nhà trai và nhạc phụ, bà mối phía họ nhà trai và nhạc mẫu lần lượt mời anh em trong họ hàng "hai đường ba mối"; các bô lão, bà mẹ cùng bà con làng xóm, kẻ ở tầng thấp, người ở lớp cao vào ngồi theo thứ bậc. Ngồi hàng dưới, hàng trên là do ông, bà mối cùng nhạc phụ, mẫu sắp xếp. Tục ngữ có câu: "chủ nhà dẫn khách vào ngồi; chủ rượu mời khách ăn", chính là lẽ này rồi. Những người nào thuộc về dòng gọi là *nhinh xao*, hàng rể phần lớn phải ngồi ở hàng dưới để giữ vai rót rượu gọi là *cống*.

Phía hàng trên là những người thuộc bậc cha chú là *ải nọng* phía họ *lung ta*. Những vị tai to mặt lớn đương giữ những trọng trách trong *mường*. Theo lệ Thái, cỗ bàn bao giờ cũng phân chia thành hai nửa theo chiều cắt ngang mặt sàn nhà. Đàn ông thì ngồi hai hàng trên, dưới ở phía các gian gọi là *quản*. Trong đó nhạc phụ là gốc thì ngồi vào chính giữa mâm. Đàn bà thì ngồi ở hai hàng trên, dưới ở các gian gọi là *chan*, trong đó nhạc mẫu là gốc ngồi giữa.

- Những mâm cỗ nhỏ

Những mâm cỗ này cũng thu hút được nhiều người vào ngồi. Thông thường, những mâm cỗ nhỏ là dành cho những người ở bậc con cháu-

những chàng trai trẻ và cô gái đương thì nở hoa tìm bạn.

Sau khi mọi người đã ổn định trong vị trí mâm cỗ. Chủ rượu bắt đầu mời mọi người nâng chén rượu chúc tụng nhau. Họ cùng cạn bốn chén khắp lượt.

Ông mối chính thức của nhà trai cùng đoàn phù rể dẫn chàng rể ra đứng thành hàng ngang, chắp tay về phía trước để làm lễ ra mắt *lung ta* và *bản* làng.

Ông mối bảo chàng rể cùng đoàn phù rể quỳ gối lạy 3 lượt. Tiếp đó đến lượt ông cất giọng xướng theo cách có nhịp điệu bài bản nhan đề kể đường dâu gia. Xướng xong một đoạn lại ngừng và bảo chàng rể cùng đoàn phù rể quỳ gối lạy 3 lượt. Chàng rể với đoàn tuỳ tùng thường phải lễ 7 lần, mỗi lần 3 lượt. Lệ quy định 7 lượt vì cộng đồng *ải nọng* có 7 thế hệ gọi là "họ 7 lớp" (*vả chết chặn)* của *lung ta.*

NHẬP BÀI

"... Mối tôi xin kính cẩn lễ hầu, chầu phép

Cộng đồng *ải nọng* phía *lung ta.*

Ngày nào đó hai người mẹ còn phải mang bầu bên phải.

Lại mang thai bên trái.

Hai mẹ thấy thèm chua.

Cúi đầu còn kêu mỏi

Chân tay mỏi, kêu mệt.

Nuốt miếng cơm như bị nghẹn ở lòng.

Thèm ăn cá ươp chua.

Hai trẻ đầu lòng mẹ hai tháng.

Hai mẹ thèm ăn chua quả me.

Hai trẻ đậu lòng mẹ ba tháng.

Hai mẹ thèm con đòng đong ướp chua.

Đôi trẻ đậu lòng mẹ bốn tháng.

Hai mẹ thèm ăn cá anh vũ ướp chua.

Hai trẻ đậu lòng mẹ năm tháng

Hai mẹ thèm ăn cá bống ướp chua.

Đôi trẻ đậu thai mẹ sáu tháng.

Hai mẹ thèm ăn cá ướp chua.

Hai trẻ đậu thai mẹ bảy tháng.

Hai mẹ thèm ăn cá xét ướp chua.

Đôi trẻ được chín tháng trong lòng mẹ.

Bây giờ đã đúng chín tháng giáp vào mười.

Hai mẹ bắt đầu chuyển dạ.

Như mở cửa để hai con sinh ra.

Đẻ nằm sấp là con trai.

Đẻ nằm ngửa là con gái.

Quý con tựa hòn ngọc.

Mến con tựa viên đá quý, ngọc sáng.

Ngày qua lại đến tháng năm lại.

Cha cố làm ruộng để có thóc lúa

Mẹ cố đi ra dòng sông, suối kiếm cá nuôi con.

Đi đường nước bắt được cua, mẹ chỉ ăn con mắt.

Ra đồng bắt được cá, cha chỉ ăn miếng ruột.

Kiếm được quả cây, cha mẹ chỉ ăn vỏ.

Để lại miếng ngon, miếng ngọt cho con.

Cha mẹ luôn dậy sớm, đi làm sớm.

Mẹ mớm cơm vào miệng.

Cha vỗ mông con ngủ.

Đèn thắp cho thâu đêm.

Con khóc đái ướt lên mặt đệm.

Đệm ướt có chỗ khó ngủ,

Mẹ đặt mình lên đó.

Chỗ nào khô mẹ cố dịch con tới nằm.

Trưa, chiều, sáng con ỉa lên vai,

Con trớ sữa lên cổ cũng mặc.

Không biết trải bao nhiêu năm tháng nhọc nhằn vì nuôi con.

Là con người, tốt nhất là được nuôi con nhỏ.

Được hưởng gạo trắng trong nhờ ta giã lọc hết phần cám.

Mặc cho ngực áo đầy sữa đóng khô cứng.

Mình thon dầy cơm mớm dính khô cũng mặc.

Có những ngày đêm con ốm bố mẹ phải cố chữa chạy.

Phải địu con bằng chiếc địu hoa để thâu đêm dỗ dành con ngủ.

Con biết lẫy e con bị ốm.

Con ốm đau e con không biết bò.

Con khóc, mẹ cũng nước mắt chảy.

Con cất tiếng cười cha cũng nở rộ.

Con lớn nhờ phúc trời ban cho.

Con của hạng "người bé" lớn nhờ xâu con châu chấu bắt ngoài đồng về rang ăn.

Nhờ có củ mài héo.

Nhờ ăn rau nhiều rổ.

Lớn lên nhờ ăn măng nhiều lứa.

Khác hẳn con của "người lớn" được cả *mường* chăm sóc.

Họ lớn bởi ngàn đầu cá.

Lớn bởi ngàn đùi trâu.

Lớn lên trên mình voi mình ngựa.

Lớn theo trời, theo loài rồng.

Trời sinh ra thành bậc thấp cao.

Công cha cao tựa trái núi nhìn vút tầm mắt

Công mẹ lớn như nước nguồn luôn luôn chảy.

Chúng mới lớn lên như điều mong ước của mình.

Chúng cao bằng *bung* thì tìm *bung*.

Nhớn bằng dậu thì tìm dậu.

Phát triển bằng ngôi nhà thì tìm nhà.

Năm lại năm trôi qua.

Tháng đi tháng không lại.

Con của "người bé" trong bản cùng nhau phát triển.

Chả mấy chốc bé nữ đã lớn thành cô gái,

bé nam thành chàng trai.

Gái mười ba đã biết đem đặt lờ bắt cá bống.

Mười bốn đã nhuộm răng đen làm đỏm.

Đã biết đem vải cắt may áo che ngực.

Biết gom tóc làm độn.

Ăn diện để xuống sân nhóm lửa.

Trai mười ba biết làm sáo thổi.

Mười bốn biết làm ra đàn môi.

Làm đàn môi bằng lá đồng được tới hai mươi bốn chiếc.

Làm được hai mươi ống sáo nho nhỏ tiếng kêu vui.

Chàng mới đội áo lên đầu đi rong.

Vắt áo lên vai xuống cầu thang đi dạo.

Vung vẩy tay qua cửa nhà đi chơi.

Đôi lứa gặp nhau ở sân hẹn.

Chuyện trò bên bếp lửa ở sân.

Lời qua lại như bắt đầu gõ một nhịp.

Qua những ngày, những tối trở thành thân.

Nặng một lòng bền chặt.

Thì thầm nơi *hạn khuống* nhỏ chắn lan can vuông vức.[26]

Hạn khuống có tấm cót che bốn góc.

ầm ầm trai gái tụ.

Quen trong tiếng tình yêu hai đứa say.

Mở màn đời, họ mới nếm vị ngọt.

Ngọt ngào ấy chính là tiếng gái tơ cất nơi *hạn khuống.*

Tình yêu mắc vào tâm, hai người không thể lìa nhau được.

Đêm nào cũng thao thức đến khuya.

Gà rừng gáy, họ vẫn chưa đi ngủ.

Gà nhà gáy thì trời đã sáng.

Bình minh dâng lan tỏa.

Nắng rọi báo giờ trưa.

Trở về nhà, con trai đem lời bẩm tỏ.

Với cha mẹ người sẽ trở thành bố, mẹ chồng.

Nghe lời con xin, cha mẹ ghi vào lòng vào dạ.

Họ bèn thân chinh chống gậy đi thăm viếng.

Đến tận nhà để gặp mặt người sẽ trở thành nhạc phụ chủ linh thiêng.

Hai vị nhạc phụ, nhạc mẫu tỏ tình thân ái rộng lòng cởi mở.

Lời lẽ họ như bắc cầu để cha mẹ của chàng trai qua, bắc thang cho trèo.

Như sẽ ôm lấy con trai mình làm gường làm cột.

Song thân chàng trai nói:

"người bé" sức bỏ ra dài bằng sải tay, nhưng thu về chỉ được bằng cánh khuỷu.

Sức bỏ ra chỉ bằng bên cánh tay thì chắc chẳng thu được gì!

Bởi thế nhiều năm tháng mong được phát mà vẫn không phát.

Mong cho có mà vẫn không có.

Nay kiếm được đôi chút.

May có thể uống cùng nhau được mức

Trở về nhà chúng tôi sẽ cho con trai đeo dao bỏ vào vỏ liền cán lại hầu.

Sẽ tiễn người trần ấy đến với nhạc phụ cùng nhạc mẫu.

Song nhạc đón để dạy bảo.

Được rèn luyện con trở nên khôn.

Biết mọi việc mọi đường làm người về sau.

Chủ *lung ta* chuyện trò nhiều câu vui:

"...Có giỏ *đếp* thì phải đựng cuộn lá dong.

Đã là gái trưởng thành thì phải tìm chồng và nuôi con

Muốn có cuộn lá dong để dùng gói đồ cũng phải vào rừng.

Rừng vả và rừng lá là nơi ẩm ướt, đường lầy trơn.

Chỉ đi hái hoa chuối rừng cũng đã khó khăn rồi.

Đôi bàn chân bé bằng hai ngón tay chắp lại cũng phải cố bám mà bước đi

Nói gì muốn có của thì cũng phải cố chặt phá.

Phải đào sâu mới thấy măng bạc măng vàng mọc..."

Thu được bạc, vàng đem về để đổi lấy gấm lụa đẹp ở đất Kinh đất Lào nằm ở hai bên.

Như thế mới có của biếu *lung ta.*

Lời nói trở thành chỉ bảo.

Dạy bảo được con mình mới thành nhà cửa.

Hai bên cha mẹ chúng ta phải cố gắng hơn.

Nhận lời hay của nhạc phụ,

Là cha là mẹ của con rể.

Đi thăm thú trực tiếp tận nhà tận cửa

Sẽ xin cáo để trở lại nhà.

Xin cám ơn rồi xin ra về.

Để đến đưa con trai lại với *lung ta.*

Cho nhạc phụ được thương, nhạc mẫu được mến.

Tỏ lòng tin cậy.

Bắc cầu qua, bắc thang cho trèo.

Bế lấy con làm giường làm cột

Mọi việc đều tốt lành.

Ở nhà cô gái mới đi kiếm bông về làm chăn

Hái bông cỏ gianh về làm đệm.

Mới thành đệm dầy để biếu cô

Chăn dài để biếu em.

Đồ ăn diện để biếu họ *nhinh xao*.

Tôi xin lỗi!

Phía nhà trai đây.

Cũng trải qua một thời gian.

Rồi mới tìm được ngày lành tháng tốt.

Phía nhà chúng tôi cũng chẳng có điều gì rủi ro, và khó khăn lắm.

Đã gặp được tốt lành tựa như dây dưa leo lên giàn.

Đến ngày cũng phải tìm kiếm được.

Lợn rượu để bầy cỗ.

Đem đến dâng *lung ta* để làm lễ đúng lệ đúng luật.

Đem lời đi mời ông mối.

Ông hiểu biết và nhớ được lời lẽ.

Biết tập hợp hàng ngàn lời ngon ngọt đến hầu.

Xếp đặt được tất cả đường đi nước bước.

Đem lời đi mời ông *mo* lớn, người khéo nói.

Biết cúng lên tổ tiên của dòng họ.

Nói được đường chữ nghĩa không biết mỏi.

Nói được lệ và luật cưới xin không biết mệt.

Đi mời bà làm mối - người khéo nói dễ mến dễ thương.

Đọc lời xướng chắc sẽ thu được của.

Vợ chồng mới hãy cùng nhau dựng nhà dựng cửa.

Bà mối khéo ăn khéo nói thì vợ chồng sẽ thành nhà làm ăn đuề huề.

Sinh được nhiều trai và gái.

Không gặp phải điều ác, hưởng phúc cả một đời.

Họ cùng bày tỏ lời linh thiêng lên chủ nhạc lớn.

Trời sinh ra đã là "trời riêng của họ *nhinh xao*".

Nhờ phúc của *lung ta* che chở.

Che chở mới có được *măng nèn.*

Thêm được phúc thì sẽ đâm chồi nổi lộc

Tục ngữ nói rồi: "thương vợ và thương con.

Hãy biết kính trọng cả họ hàng phía *lung ta*".

Phía nhà trai tôi đây.

Ngày xấu đã qua, ngày lành đã tới.

Đã kiếm được rượu lợn đặt bữa cỗ.

Để dâng cúng linh hồn chủ

Chủ người lớn *lung ta.*

Rót rượu cúng lên tổ tiên hãy cùng nghe.

Dây *nhinh xao* phải trở thành dây dâu gia đừng bị đứt.

Dây *lung ta* cũng phải trở thành dây thông gia không khi nào bị tuột.

Ngày này chính là ngày chính thức thành rể.

Ngày làm lễ nhập phòng cho đôi bạn thành vợ thành chồng.

Đồ xính lễ có gì đáng dâng thì dâng

Dâng lên ta mong được đáp công ơn.

Gánh gạo đi vào cửa.

Gánh lợn đem đến nộp.

Chiếu rải khắp.

Cót trải liền.

Đặt mâm cỗ bàn thịnh soạn.

Gói trầu quả đặt lên gác xép ở bên chan.

Những của quý thì dâng lên chủ linh thiêng.

Chủ linh thiêng sẽ mến, nhạc phụ, mẫu sẽ thương.

Tôi xin thay mặt thân phụ, mẫu phụ của con trai

Đến đây để gửi rể.

Làm rể phải chăm nom.

Chăm nom *lung ta* đó.

Chăm sóc nhạc phụ và nhạc mẫu.

Trông cả bà bác ở nhà trên.

Nom cả ông bác nhà dưới.

Được thời gian cho bảy màu lúa ở ruộng.

Được tám mùa cá ở nước.

Bấy nhiêu thời gian cho việc làm rể.

Phụng dưỡng nhạc phụ, mẫu phụ tuy thời gian như thế vẫn còn ít.

Bởi vì công ơn cha mẹ thì lớn.

Bấy nhiêu ngày tháng, xin để con tạm biệt

Xin cho được ngẩng đầu nhìn về đằng trước.

Giã từ nhạc phụ, mẫu phụ để đi xây tổ ấm riêng.

Trời sinh ra để thành *lung ta*

Mối tôi xin được phép mời *lung ta* nâng đôi rượu.

Chúc *lung ta* phát đạt.

Mừng *lung ta* chỗ linh thiêng luôn luôn mạnh giỏi.

Để được hưởng công con đền đáp và sống lâu muôn tuổi.

Chúc hể hả sảng khoái.

Để luôn luôn là cột trụ vững cho phía *nhinh xao* có nơi nương tựa.

Tôi xin được phép kính mời!

Ngày tốt lành.

Tháng, năm rộng.

Ngày tốt lành.

Nước nguồn tuôn chảy lại với ta.

Ông bà cha mẹ hai bên mới có dịp vui mừng xum họp.

Xem lên chùm sao *Vi* cũng thấy ngày này

Rồng biết, rồng vẫy đuôi lên núi.

Loài én biết bèn khuân bùn lên chát tổ

ở trên vách đá trên núi cao.

Trời đặt cho đôi lứa sóng đôi mà bay.

Chủ đất Hán đúc tiền.

Chủ đất Lào gia công sức giúp phía họ nhà trai cũng được đặt đúng vào ngày hôm nay.

Đội ơn áng mây trên trời còn trắng xoá.

Sao trên cao còn sáng tỏ.

Đường tốt đường lành.

Măng bạc đã mọc ở trước cổng

Măng tiền đã mọc ở chân cầu thang nhà

Cao bằng ghế mới tìm tới ghế.

Cao bằng mâm lại tìm tới mâm.

Gái lớn trở thành cô.

Trai lớn trở thành chàng.

Trở thành chàng trai ngồi ở đầu sàn ngắm nhìn nhau.

Trở thành cô gái ngồi ở góc sàn soi gương.

Ngày ngày đôi lứa thường gặp nhau.

Khi trăng sáng, tình gặp tình.

Người con là phận gái đã biết ngồi bên ngọn lửa đốt ở sân chơi.

Người con là con trai thấy có sân thì đi chơi.

Có lửa bèn tới.

Mọi sân đều đi, mọi thang nhà đều lên.

Mới gặp nhau ở sân hẹn.

Và yêu nhau tại sân có nhóm ngọn lửa tình.

Lời qua lại, tình duyên bắt đều bén.

Quen tiếng nói, càng ngày càng trở nên thân thương.

Chúng tôi mới cử ông mối sành sỏi tới hầu

Ông mối già dặn tới thăm.

Anh em thương thốt lời thơm ngọt.

Lung ta mến trả lời ưng gả.

Nguyện trở thành khung để người mắc cửi.

Nguyện trở thành nếp nhà để cho người ở.

Mối vô cùng cám ơn và cảm thấy sảng khoái

Tấm lòng phấn chấn.

Thở hơi ấm vào lòng, nhận tiếng thơm vào dạ.

Lời khuýp chặt như trải chăn chiên.

Lời liền một dải tựa trải cót.

Lời đã dứt tựa như dao sắc nhỏ đem đi để tiện cho bằng.

Cả hai họ đều một lời không sai.

Bởi lẽ đó đôi bạn trở thành tình trăm năm.

Mối xin đa tạ, lòng sảng khoái.

Tỏ lòng coi nơi *lưng ta* là chỗ tựa.

Thở hơi ấm vào lòng, nhận tiếng thơm vào dạ

Tựa như lượm được bông hoa của đỉnh chóp núi đến cắm trên đầu.

Hoa sen bạc sen vàng đến cắm vào búi tó trên đỉnh đầu.

Được kề má lên đôi gối.

Ngủ ban đêm đã có chỗ che đậy kín.

Tựa như được cưỡi trên mình voi để trị cõi *mường bản.*

Chúng tôi mới đem buồng cau đến dạm hỏi

Đem dây lòng lại xe

Duyên xe vào như dây để buộc thuyền.

Tết vào tựa dây buộc voi buộc ngựa.

Bò trâu để cho chung thung cỏ

Voi ngựa chung một chuồng.

Hai cái giỏ đều để đựng cuộn lá dong.

Hai nhà trở thành một nhà.

Phải thương nhau như chiếc áo khâu thành hai lẫn, phía ngoài là mầu đỏ.

Yêu nhau tựa được truyền lại từ đời xưa.

Ngày lành tháng tốt.

Phía nhà trai đã sắm sửa đầy đủ.

Có ngọc quý tỏa sáng.

Có những gánh đồ xính lễ nặng.

Đặt thành mâm cỗ lớn, rượu bốc mùi thơm ngon.

Rượu rót đôi bằng.

Đặt trước mắt để xin mời.

Xin dâng lời thưa.

Cùng tất cả cộng đồng *lung ta*.

Cùng nhau nâng đôi chén rượu vui.

Đây là những lời lẽ tạ công ơn cha mẹ.

Xin được khỏe mạnh nhiều năm

Thọ nhiều mùa lúa.

Sống lâu muôn ngàn năm.

Tạo được qua lại để chúng tôi cậy nhờ.

Trong khi cộng đồng *lung ta* nâng hai chén rượu đôi phía *nhinh xao* mừng theo tục lệ.

Hàng rể với những người phù rể cùng nhau quỳ gối để lạy.

Lễ nhạc phụ, nhạc mẫu từng đợt, từng đợt

tựa như đàn chim nhỏ có cổ vân hoa.

Từ đây sẽ thành rể lớn ở giữa nhà chăm nom ông bà nhạc cho tươm tất.

Rượu rót uống thành lượt thành lượt.

Bà mối với mo lớn bắt đầu cất tiếng hát thơ.

Mở đầu là những câu hát chúc thọ *lung ta* chúc cho nhà *lung ta*

được thịnh vượng

Tiếp đến là những đoạn ca của *Sống chụ Son Sao* (tiễn dặn người yêu).

Hát thành câu, thành đoạn, thành khúc.

Rồi làm lệ luật đặt đĩa rượu.

Xin ông bà cô bác dự cỗ rượu đặt tiền bạc vào lòng vợ chồng trẻ cho thỏa nỗi vui mừng.

Xuất khẩu thành thơ hát và reo tiếng hò theo.

Hát ghẹo nhau bằng áng ngôn từ tinh tế.

Như đôi trai gái chuyện trò bằng lời ca.

Người thì reo.

Người vít xe cây trúc rượu cần.

Người đánh trống chiêng ầm vang nhà vang bản.

Gà rừng cất tiếng gáy, người vẫn chưa ngủ.

Gà nhà gáy báo rạng sáng.

Ánh bình minh mỗi lúc một sáng tỏ.

Mặt trời đã lên gác núi tỏa xuống dặng sương mù.

Đến lượt nhạc phụ, nhạc mẫu mời mọi người tiếp tục vào cỗ của mình đặt gọi là *ngai hua.*

Việc làm lễ cưới lên thành vợ thành chồng đã kết thúc tươm tất.

Ông bà mối dẫn đoàn tuỳ tùng gái, trai của mình.

Vào xin làm thủ tục đáp rượu *ngai hua.*

Vào xin với nhạc phụ, nhạc mẫu được quay trở về nhà.

Phía *lung ta*, mọi người.

Đã hoãn họ nán lại hai lần, ba lượt.

Nâng đôi rượu đáp lễ, nhưng họ vẫn đòi ra về.

Họ đã nói: thân phụ, thân mẫu của rể mong đón nàng dâu.

Xin hãy cho con dâu đến thăm nhà thăm cửa.

Đến thăm cha chồng và mẹ chồng.

Tục lệ gọi là: "dâu đến dẫm sàn nhà"

Nhạc phụ, nhạc mẫu làm một đời để một ngày cho con.

Gái thành người biết đường về với chồng.

Họ mới đi mời ông mối.

Là người tốt biết đường đi.

Gom được nhiều điều tốt lành để thưa gửi cha mẹ chồng.

Mới được bà mối, người khéo nói lời thương.

Đến giờ tốt giờ lành.

Ông mối với bà mối hai bên.

Mới đưa hai vợ chồng trẻ đi thăm thân phụ mẫu.

Dâu lên cầu thang.

Những bậc mẹ chồng biết bèn lấy một sải vải khít đến đội che mặt nàng dâu.

Dắt ngồi bệt xuống lễ cha

Lạy mẹ chồng và cô bác bậc mẹ của chồng

Nhà cha mẹ chồng cũng trải chiếu, dải cót.

Rượu lợn lớn để đón dâu đến thăm nhà

Lệ nói: dâu thăm nhà lần này không được ở lâu.

Nếu nơi gần thì đi buổi sáng ở đến chiều thì về.

Nhà ở xa không quá một đêm hai ngày, phải quay.

Mối bên *lưng ta* phải đưa hai vợ chồng quay trở lại với phòng ngủ của mình.

Bước bốn đã kết thúc tốt đẹp.

Bước năm là bước đặt lễ cưới xuống.

đã qua sáu mùa lúa ruộng.

Qua bảy mùa cá ở nước.

Họ nhà trai bắt đầu xin đến chủ linh thiêng nhạc phụ, nhạc mẫu.

Ngày tháng qua hãy thương tới bên song thân của con rể.

Thời gian sống làm rể cũng đã gần tới ngày tới tháng.

Của cải trong nhà, mọi công mọi việc là con rể cũng không bao giờ để hụt để thiếu.

Tuy rằng thời gian còn chưa đầy đủ như quy định.

Phía nhà trai xin theo lệ gọi là "xin nuôi dưỡng".

Để đầy giá quy định xin nói hết lời.

Xin chủ linh thiêng đã thương rồi hãy mến hơn nữa, đã hồng rồi tiếp tục nhuộm thêm đỏ.

Phía nhạc phụ, nhạc mẫu nghe lời phải.

Vẫn chối đi chối lại tới một, hai lần.

Chối không được mới nhắn lên với thân phụ mẫu.

Xắp sếp việc lệ luật đến đón.

Đón vợ chồng con lại.

Vào nhà linh hồn mình ngụ

Được ngày lành tháng tốt.

Phía nhà trai mới cho mời ông mối, bà mối cho đầy đủ lệ đã đặt ra kỹ lưỡng.

Chỉ khiêng rượu lợn đến tận nhà tận cửa

Rải chiếu, rải cót.

Đặt mâm cỗ lớn để theo lệ cưới xuống.

Làm hết lệ hết luật với *lung ta.*

Làm ăn mới phát đạt.

Tìm gì được nấy, lo liệu gì cũng nên.

Giờ đây vợ chồng con cái ta đó.

Của cải làm ra đã có thể đủ cho một nếp nhà.

Con gái, con trai ngẫm mà cũng sinh đủ nhà đủ cửa.

Ông mối, bà mối cất lời nói theo lý theo lệ.

Trước *lung ta*, trước mâm cao cỗ đầy:

"...Chỗ chúng tôi là thân phụ thân mẫu.

Hàng ngày hàng giờ cần có dâu con thảo.

Đồ, quạt xôi nắm đặt vào giỏ

Đặt mâm cúng giỗ tổ.

Bầy mâm để dưỡng cha nuôi mẹ.

Khi già nua tuổi tác.

Phải tìm nơi con để nương tựa.

Lúc bình thường lúc ốm đau có con trông, nhưng chẳng thấy.

Anh em lại thăm, *lung ta* tới viếng.

Không có người lo mổ gà, mổ cá.

Không có người rót rượu đôi chúc tụng.

Chúng tôi mới tìm ngày được ngày lành.

Rồi theo lệ đi bói toán.

Đường bói toán cũng tốt, chân gà cũng biểu hiện đường nét trong sáng.

Thân phụ mẫu bèn cho ông mối tới.

Xin chủ thiêng liêng nhạc phụ cho con ra khỏi nhà cùng với của hồi môn.

Để hai con mình trở lại nhà chứa linh hồn của mình.

Ganh đua cùng chúng bạn cùng lứa làm ăn.

Chúng tôi vô cùng đội ơn..."

Mối nói rồi, rể quỳ gối lạy.

Lạy người lớn *lung ta* của mình.

Rể đã hết hạn *lung ta* cho của hồi môn:

Một chiếc gươm thiêng.

Một chiếc *ninh*, một bộ chân chài, một khẩu súng kíp.

Nếu có mẹ con trâu cũng đưa cho con gái đem về cày ở đồng lớn

Nếu có ngựa thắng yên cương cũng đưa cho con rể.

Cho con gái gà mái đương cục cục nuôi đàn con.

Giống bông trồng trên nương mọc tốt;

Giống lúa trồng dưới ruộng mọc xanh tươi.

Bạc vàng của phải giữ kín đưa cho con.

Kim chỉ, vải vóc mẹ thêm cho con có đầy *cúm* và đầy *bem*.

Về nhà chồng của cải như xếp đầy mặt trước, mặt sau.

Những thứ gì giống má đều cho con gái đầy đủ mọi thứ, mọi loại.

Để con mình có đủ dựng một nếp nhà riêng.

Người con gái là dâu đầu nhà,

Hay làm con dâu ở ngôi tiếp;

Đều phải có vải vóc đầy *cúm*, đầy *bem*.

Đồ gia dụng, thứ nào cần thiết đều phải sắm đủ

Nào đồ gốm đồ đan,

Nào bát đĩa ấm chén,

Nào chân chài, ninh đồng...

Còn có cả đồ biếu cô.

Có đủ chăn đủ đệm để biếu em chồng.

Trang phục biếu *nhinh xao.*

Những thứ để dâng cho cha, cho mẹ.

Những người ở bậc cha chú sẽ biếu gì?

Ở bước hai đã ghi chép đầy đủ.

Mọi thứ là dâu con phải thu xếp cho đủ.

Dâu con về nhà chồng.

Chải tóc mượt lên nhà cha mẹ.

Phải làm cho nở mày nở mặt

Tất cả cộng đồng *lung ta* mọi người trong họ hàng

Tại nhà song thân,

Đã mổ lợn, rải chiếu.

Đón hai con lại nhà.

Dâu con cúi đầu lạy.

Lạy cha mẹ của chồng, nay là của mình.

Lạy những bậc cha chú.

Xong rồi, họ bưng cỗ đầu lợn đến đặt ở gian *hóng.*

Và đặt ghế mời *mo* lớn đến ngồi.

Xướng bài bản - báo tổ tiên hay.

Đội ơn phía *lung ta* thương gả.

Mới có nàng dâu vào cửa trông nhà.

Dòng máu cha mới không bị đứt đoạn.

Lứa nối lứa sinh ra.

Giờ đây có nàng dâu rồi.

Ớn *đẳm* đừng chê trách.

Có dâu con người lành rồi.

Xin tổ tiên đừng vòi, đừng hỏi.

Vòi, hỏi con ốm đau.

Xin chủ phù hộ con cháu, cho mọi người mạnh giỏi.

Có con cháu phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già.

Sinh con gái, con trai lớn khôn đều đặn.

Bước năm, thực hiện việc đón dâu đã chu tất.

Lễ gọi là cưới xuống cũng đã xong xuôi

Trải nhiều thời gian dựng nhà dựng cửa

Thóc đã đầy bồ đầy kho.

Gia súc gia cầm ở gầm nhà cũng sinh sôi nhiều đàn nhiều lứa.

Con gái, trai đã biết ganh đua cùng chúng bạn xây nhà dựng cửa của mình.

Cha mẹ già đã về khuất núi.

Nếp nhà dựng.

Nhưng vẫn thiếu linh hồn ngụ ở áo của mẹ.

Ho của bà chủ nhà vẫn treo ở mái hồi phía trong của nhà *lung ta*.

Chưa thể nào mang về với nhà linh hồn của mình.

Nền nếp của lệ luật còn chưa thu xếp trọn vẹn.

Đã thành nhà thành cửa;

Ai cũng phải thu phải xếp;

Cho bằng được mọi bước mọi điều.

Bước sáu - phải làm lễ gọi là "trao áo"

Nhiều mùa lúa ở ruộng

Nhiều mùa cá ở nước.

Tìm được ngày tốt đẹp.

Cho đến ngày hôm nay.

Không biết đã bao lần, bao bước để tiến hành nghi thức để xin với *lung ta.*

Lung ta, người có lòng rộng lượng.

Lúc mềm thì người tỏ lòng thương, lúc rắn thì người ra công uốn nắn.

Thông suốt và cởi mở.

Nhinh xao ơn lung ta chc chở.

Nhà mình mới trở thành chỗ đội ơn cao ơn siêu.

Hết lòng làm thủ tục đủ lệ.

Mỗ lệ làm đôi chút.

Một chút cũng làm cho đủ lệ.

In ít cũng phải làm cho đủ tục cưới xin.

Lệ cưới xin có nghi thức dẫn *tạy* nam giới lên trên *hóng.*

Tục cưới có nghi thức dẫn *ho* của nữ giới lên trên *một.*

Cộng đồng *lung ta* cắt may cho người con gái của mình một tấm áo hồn đem đặt trên mặt rổ ở nơi cúng *một*

Tháo *ho* gái xuống đặt bên cạnh.

Rồi mới chộp lấy đầu lợn cúng trên mâm một để bổ thành đôi bên.

Một bên gói đặt bên cạnh áo hồn nữ.

Một bên đặt trở lại mâm cúng một của mình

Họ bắt đầu cất lời xướng bảo hồn nữ hãy từ biệt nơi vẫn treo *ho* của mình

"...Lấy áo hồn nữ đi sang ngụ ở một của họ hàng.

Hồn nữ về với chồng đừng gặp cái ác.

Hãy về với *ải nọng* sống trọn đời.

Đừng bao giờ phải gặp cảnh: "trâu già trở về với nơi vẫn thường buộc;

Đừng bao giờ gặp cảnh: "người buồn đau phải trở lại sống bên *lung ta*"

Trở về với *lung ta* là điều kiêng kị lớn.

Sống với "họ bảy lớp" thành bà *ho* của cả nếp nhà mới phải lý

Có chồng tốt hãy thọ cho đến khi già.

Búi tó ngược thành bà xứng với một đời người..."

Lệ đặt ra cho hai họ *lung ta* và *nhình xao.*

Trao áo *hồn* rồi phải theo điều kiêng:

Lệ đúng: con, cháu trai ở *đẳm nhình xao;*

Hãy lại trở về lấy vợ là con gái, cháu gái ở *đẳm lung ta* như đã định.

Lệ kiêng cấm: con trai, cháu trai ở *đẳm lung ta;*

Không được quay đầu lại lấy con gái, cháu gái ở *đẳm nhình xao.*

Lệ kiêng ấy gọi là: quay đầu lợn

Lệ Thái mình nhớ lấy.

Làm được thì phúc *lung* cho sẽ dầy.

Theo được thì phúc của *ta* cho sẽ lớn.

Không kiêng được như thế, nhà mình sẽ trở nên hổ thẹn.

Trao áo vào nghi thức cuối cùng:

Ông mối phía nhà trai,

Dẫn vợ chồng vào bưng nhấc lấy rổ áo chứa linh hồn.

Có cả giá *ho xlo* một và bên đầu lợn.

Vội vàng hú hồn xuống gậm sàn.

Tìm đường để trở về với nhà linh hồn của mình.

Người phía *lung ta* đang reo hò.

Cùng nhau cầm nắm lấy bã rượu cần vung theo sau.

Gái theo chồng, hồn đừng có ngụ ở cửa, ở nhà

Lên ở nhà mình rồi, hồn gái đừng ở lại với *lung ta*.

Đuổi hồn gái theo chồng của mình.

Quét hồn gái nhập và *đẳm* nhà trai.

Phát triển lên như lòng mong ước.

Tục lệ này gọi là: "chum rượu đổ, bã rượu vung".

Những anh em cùng vợ chồng đi tổ chức lệ trao áo.

Lên đến nhà đến cửa.

Nhà mổ lợn, dải chiếu.

Xin mời bà *một* vào để xướng bài lễ đón:

Đón hồn chủ mẹ *ho* lại nhà của mình.

Đón tinh linh của mẹ *ho* vào ngụ ở nếp nhà của linh hồn mình.

Mọi lệ luật nền nếp.

Xếp đặt gọn đủ bề.

Mọi người cần nhớ lấy cho kỹ.

Người hiểu biết cố ghi chép lại.

Đời đời truyền cho các thế hệ người nối tiếp nhau.

Đừng để cho thuần phong mỹ tục phai mờ.

PHẦN CHÚ THÍCH

1. Người Thái uống rượu có tục chúc tụng hoặc phạt vui bằng cách bắt người uống phải cạn một lúc hai chén gọi là "rượu đôi" (lẩu đôi). Lúc chúc tụng người thuộc hệ thống thân tộc gọi là *lung ta* thì người ta còn gọi là *lẩu phai* vì họ thuộc "đấng linh thiêng" (*phạ bóm)*

2. Lệ gọi là ôm: có thể tương đương như lệ được thực hiện trong nghi thức của toàn bộ lễ đính hôn.

3. Theo sử thi Táy Pú Xớc (những bước đường chinh chiến của cha ông) thì khi người Thái Đen di cư từ Mường Ôm, Mường Ai tới ở Mường Lò (Nghĩa Lô, Văn Chấn, tỉnh Yên Bái) thì vợ của người thủ lĩnh châu mường Tấc (Phù Yên, Sơn La) thời đó là nàng của Mường Kinh.

4. Phanha lớn: là tên chức cao của ông thủ lĩnh đầu tiên của đất Mộc Châu là *Phan ha Nhọt Chom Căm,* tương đương thế kỷ XIII. Đến đời cháu của Phanha có tên là Sa Căm Sam đã có công trong việc chỉ huy lực lượng quân của người Thái theo vua Lê Lợi đánh giặc Minh xâm lược. Trong sử sách nước nhà phiên âm tên ông là Lê Khả Sâm hay Sa Khả Sâm.

5. Thế kỷ XIII-XIV trong các đời thủ lĩnh Lò Lẹt (*ngu hấu),* Ta Ngần, Mường Muổi (Thuận Châu, Sơn La) là Mường Luông, nơi trung tâm của toàn bộ khu vực gọi là Mười sáu châu Thái.

6. Tây đỏ là tên chỉ người Anh thời bấy giờ.

7. Đặt giường cho dân nằm (*xẳng chong pay*) là khái niệm phục vụ nhân dân thời xưa.

8. Bun Quảng: thủ lĩnh châu mường la tương đương với thời vua Thiệu Trị (1841-1847), con là Bun Hoan và cháu là Bun Sơn tức Cầm Văn Quế. Văn bản này được ghi chép vào thời ông Bun Sơn tổ chức cưới vợ tức khoảng trong những năm cuối thế kỷ XIX.

9. Đây là văn bản sưu tầm ở vùng Thái Trắng Mường Xo, huyện

Phong Thổ, Lai Châu năm 1971.

10. Hệ thống tổ chức chính quyền thời xưa của đất Phong Thổ (Mường Xo) có người đứng đầu đất mường là *ấn nha*, phía dưới ông có các chức dịch phân chia thành hai cấp - trên là cấp gọi là ông có 8 vị gọi là: *mường, mứn, tang, xen, pần, phán, quyền và quảng cai*; dưới là cấp gọi là *quảng* cũng gồm 8 vị gọi là: *cống, tợ, phìn, ngạn, phú, lù, dín, dỉ*.

Cả hai cấp này gộp lại thành mười sáu trụ cột của đất Mường xem thêm cuốn *Người Thái ở Tây bắc Việt Nam* của Cầm Trọng, Nxb KHXH, Hà Nội 1978, trang 356-357.

11. Những tên chỉ địa điểm ở trong văn bản này đã giúp chúng ta hình dung được phạm vi đất đai của Mường Xo, nơi đã trở thành trung tâm của một châu mường trong số Mười Sáu Châu Mường người Thái gọi là châu Chiêu Tấn.

12. Chiềng Ký là tên chỉ huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình hiện nay. Đây là nơi cư trú của dân tộc Thái, không phải là dân tộc Tày như nhiều người kể cả những học giả dân tộc học ở nước ta đã nhầm. Nay xin đính chính là dân tộc Thái thuộc ngành Trắng (*Tay Khao*).

13. Châu Thủy Vi là tên cũ (cổ) của Lào Cai.

14. Câu tục ngữ: "đắp chăn không nói đường ngoại tình, uống rượu không nói chuyện về đường ruộng đất" (*kin lẩu báu tô tang na, hốm pha báu tô tang chụ*) - đường ngoại tình sẽ làm gia đình tan nát, đường ruộng đất sẽ gây lộn xộn trong làng trong bản, ý nói cảnh gây ra việc tan cửa nát nhà và loạn lạc trong làng bản.

15. Cầm khiên cầm mộc là hình tượng chỉ lính chinh chiến thời xưa.

16. Tên của nhân vật huyền thoại trong câu truyện về thần khai thiên lập địa của người Thái.

17. Xcông: là thần khổng lồ tạo dựng vũ trụ và thiên nhiên của người Thái.

18. Đặt danh xưng: quý tộc được cử giữ chức thủ lĩnh châu mường xưa, cùng vợ của ông ta bao giờ cũng có danh xưng ngoài tên riêng do cha mẹ đặt. Riêng thủ lĩnh thì có hai danh xưng, một do *bản mường* đặt và một nữa là do triều đình Việt Nam đặt.

19. Tục treo *tạy hơ*: đây là tục có ở người Thái Đen. Đó là cách ghi hộ khẩu về con cháu trong gia đình.

20. Người Thái có cân riêng: 10 cân Thái chỉ bằng 7 kg.

21. Nếp nhà dựng, bầu nước tựa vách: thành ngữ chỉ nếp nhà.

22. Rể ngủ quản: làm rể chưa kinh qua lễ thành hôn để nhập phòng tân hôn. Đây là thời gian bố mẹ vợ thử thách sự trung thành và lao động của chàng rể tương lai.

23. *Mương, phai, lái, lín*: thành ngữ đồng thời là bốn biện pháp của thủy lợi, rất nổi tiếng của người Thái ở vùng thung lũng lòng hảo vùng núi cao.

24. *Minh nen* của vợ chồng: tương đương như khái niệm duyên phận của đôi trai gái của người Kinh.

25. Hạn khuống: là sân khấu ngoài trời để nam nữ đến hát giao duyên và tỏ tình trong các *bản* người Thái xưa. Tục này nay đã mai một.

26. Đây là văn bản mang tên là BÀI MỐI NHỎ (kham sứ nọi). Văn bản này do ông ông Văn Hảo ở bản Pak Xo, xã Mường Xo, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu sưu tầm và gửi đến ông Cầm Trọng. Đây là bài xướng của ông mối người Thái Trắng ở huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Khác với bài xướng của ông mối người Thái Đen có đề là KỂ VỀ ĐƯỜNG DÂU GIA.

LỆ TỤC TANG MA - THÁI ĐEN

VỀ VĂN BẢN

Năm 1961, khi còn công tác tại sở giáo dục khu Tự trị Tây Bắc (cũ), chúng tôi có dịp đến nhiều lần ở Mường Sại, xã Chiềng Muôn để kiểm tra chất lượng giảng dạy chữ Thái cải tiến trong các lớp ở bậc tiểu học. Lần đó vào ngày 21 tháng 6 năm 1961, nhà trường đương nghỉ hè, tôi có gặp ông Liêm Phính là giáo viên dạy lớp 3 trường tiểu học của xã. Ông Phính có cho tôi xem văn bản tự tay chép bằng bút thường trên khổ giấy tập học sinh nhan đề Lệ tục tang ma Thái Đen (*hịt khong tống pang heo - Tay Đăm*) viết bằng chữ Thái cải tiến. Tôi đã đọc nhiều lần và chép lại nguyên bản vào sổ tay để làm tư liệu nghiên cứu riêng của mình. Khi tiếp súc với tư liệu tôi có hỏi ông Phính về văn bản này. Ông Phính nói là ông đã sưu tầm và ghi chép lại lời kể và đọc của đối tượng thuộc và am hiểu kỹ về lễ tang ma. Bởi vậy trong văn bản này là do ông Liêm Phính ghi và đã hệ thống nên việc thể hiện như một tác giả, không phải văn bản đã có sẵn là điều đương nhiên. Như đã biết, xưa nay tục lệ tang ma Thái cũng như nhiều phong tục tập quán khác không được các cụ ghi lại thành văn bản mà do truyền miệng và làm theo lề thói đảm bảo sự thống nhất của bước cung đoạn. Khi chép, ông Liêm Phính đã thực hiện tư duy văn phong theo cách diễn đạt của mình. Hiện nay ông Liêm Phính đã quá cố và chắc rằng các đối tượng sưu tầm của ông cũng không còn với chúng ta nữa. Bởi vậy, chúng tôi vẫn căn cứ vào nguyên tác của ông Phính mà chép và dịch thành văn bản để bạn đọc tham khảo.

NGÀY ĐẦU TIÊN

NGÀY THỨC MA DẬY - NGÀY QUÀN

1. Khi bắt đầu hấp hối, người nhà phải chuẩn bị:

- Đun lá xanh để lấy nước tắm rửa. Những lá mang về đun nước gồm: sa nhân, ngải cứu đại, "nát", tre, "dọng dẹng" và cây bỏng. Trong đó ba loại là "dọng dẹng", "nát", và lá cây bỏng là những thứ không thể thiếu được.

- Kiểm lại các "đồ phòng tuổi già", xem đã đủ hay chưa. Nếu thiếu thì phải tức tốc làm để bổ xung ngay vì phải đủ thì tang lễ mới có thể tiến hành được. Lệ này trong hệ thống những câu vè về tuổi tác vào giáp thứ chín có câu dặn: "tuổi 90 vải thổ cẩm chưa thấm mầu đỏ thì lo nhuộm".

2. Sau khi người quá cố đã tắt thở

- Nếu nước tắm để lâu, nguội, người nhà phải đặt lên bếp đun lại cho ấm rồi tắm cho thi thể.

- Nếu người chết là nam thì vợ và con trai lục lấy "quần áo phòng tuổi già" ra để mặc cho thi thể. Nếu người chết là nữ thì em gái, con gái lục lấy y phục "phòng tuổi già" ra để vận cho thi thể. Theo lệ tục Thái, y phục phải vận khi chết dù là nam hay nữ phải đủ hai bộ để mặc trong và mặc ngoài. Bộ y phục nam mặc khi chết gồm một quần dài và một áo cánh mầu đen chàm mặc trước thành lần phiá trong. Một bộ gồm quần dài và áo dài xẻ nách mầu đen chàm mặc thêm thành lần phiá ngoài. Bộ y phục nữ gồm có váy lót bằng vải trắng và váy đen có kẻ sọc xanh chàm gọi là *ta mí* mặc ngoài. Một áo cánh mầu đen, kiêng không đính cúc bạc mà chỉ buộc bằng dây chỉ, mặc trong. Một áo dài thụng may theo kiểu chui đầu, mầu đen chàm mang tên là *sứa luông (sủa nhinh),* mặc ngoài.

- Người chết là nam để tóc dài thì đem lược chải và búi lại cho gọn.

- Đem một dải vải thắt lưng mầu xanh lá cây thẫm trong "đồ phòng tuổi già" để cuốn chặt thi thể.

Đầy đủ thủ tục như thế, người nhà mới được khiêng thi thể đến nhập nơi quàn.

3. Quàn

- Rải một tấm cót ở giữa nhà ngay dưới quá giang, rải manh chiếu lên trên rồi mới rải đệm, đặt gối. Trên mặt đệm được rải lót bốn lần vải thô, gọi là "tấm quàn".

- Khiêng thi thể nhập quàn. Một vuông vải thổ cẩm (*khít*) che mặt, sau đó lấy sải khăn *piêu* đậy chồng lên trên.

- Kể từ lúc người chết tắt thở đến lúc làm xong công việc nhập nơi quàn, người nhà không được kêu khóc gào thét to, làm ồn ào, rộ lên làm cho hồn ma phải dậy chưa phải thời điểm được người còn sống làm thủ tục đánh thức.

4. Đánh thức hồn ma dậy

- Sau khi xong thủ tục quàn dâu vào đấy rồi, người nhà mới kêu khóc, gào thét, la và bắn lên trời ba loạt súng để đánh thức hồn ma dậy.

- Người trong bản như bị giật mình chạy ùa tới để cùng kêu khóc gào, thét cùng gọi hồn ma dậy.

- Con trai tiến hành làm nghi thức gọi là "thay mặt tông tộc chặt phá "hóng". Ông cầm con dao đến gian thờ tổ tiên để chém vách "hóng" cho thủng thành lỗ rồi tiếp tục cầm ba ông đồ rau vứt qua lỗ thủng rơi xuống sàn nhà.

- Nếu chồng chết, một người bạn cùng trong *bản* lại để gỡ tung búi tó, để tóc xõa xuống theo lệ" kiêng sầu' cho người vợ.

- Mổ một con gà, luộc chín, đặt lên lá lót trên mâm cúng. Phía đầu mâm đặt hai chén rượu, hai đôi đũa. Cạnh mâm cúng còn đặt một giỏ

xôi và một chai rượu. Các con trai và con dâu đứng phủ phục trước linh cữu. Con trai đầu nói những lời mời linh hồn người chết ăn bữa trưa như sau:

... "Cha ơi (hoặc mẹ ơi)!

Cha (mẹ) ngã xuống đã bỏ mất tên mình ghi thành chữ!

Cha (mẹ) chết đi bỏ mất tên của mình!

Đàn con cháu mổ một con gà đặt bữa mời cha (mẹ) ăn!

Dậy ăn bữa cơm trưa, cha (mẹ) ơi..."

- Xong rồi cho gọi tất cả những anh em cùng họ và họ phía *lung ta* lại để bàn bạc. Trong khi đó những bà con láng giềng khác thì tạm trở về nhà. Bàn nhau tổ chức quy mô tang lễ, cử một vị lão thành trong nhóm những anh em cùng họ làm chủ đám tang gọi là "ông họ" (*po vả*) hoặc một tên khác là "chủ ma" (*chảu phi).*

- Hai họ bàn bạc xong xuôi, cử người đi các ngả để báo cho bà con ở mọi chốn mọi nơi, cũng như *bản mường* biết để cùng đến giúp việc tang ma.

NGÀY THỨ HAI

NGÀY ĐÓN RỂ VÀ CON TRAI ĐỌC BÀI KHÓC TIỄN HỒN.

Trong tang ma, tập quán của người Thái Đen tự chia khối thân tộc của mình thành hai "họ lớn" (vả)

- Gọi là "họ lớn đầu trắng" là để chỉ tất cả cộng đồng những người cùng họ, thuật ngữ hệ thống thân tộc Thái gọi là *ải nọng.* Trong đó được phân thành hai nhóm - một nhóm là *ải nọng* cùng một *đẳm* gồm toàn bộ những anh em trai, con, cháu gần dòng máu của họ hàng chồng (cha). Khi có tang, nhóm người này được gọi chung là "con đau buồn" (*lục tộc).* Trong tang lễ, nhóm người này không phải làm gì ngoài túc trực bên linh cữu để thực hiện cái gọi là "kiêng kị trong đau buồn" (*căm tộc).* Một nhóm nữa gồm tất cả "những người cùng họ lớn"

còn gọi là "họ lớn bảy đời" hay "họ lớn nhiều lớp". Tất cả những người cùng "họ lớn" này cử một người già tỉnh táo, nắm được phong tục tập quán để đứng đầu và điều khiển mọi việc trong lễ tang, gọi là "ông họ" (*po vả)* hoặc là "chủ ma" (*chẩu phi).*

Theo lệ Thái, lúc này khối cộng đồng "họ nhiều lớp" bỗng trở thành chỗ có quyền lực lớn. Nếu người chết tuyệt tự, "họ nhiều lớp" được toàn quyền thừa kế.

- Gọi là "họ đầu đen" là để chỉ tất cả những đàn ông có quan hệ là anh, em, con, cháu, chắt... *thuộc hàng rể* của người quá cố, thuật ngữ hệ thống thân tộc Thái gọi là *nhinh xao.* Trong lễ tang, "họ đầu đen" phải có một người đứng ra thực hiện tục gọi là "rể gốc" *(khươi cốc),* tất cả mọi rể khác đều được gọi chung là "rể ngọn" *(khươi pai).*

Khi sinh thời lúc tuổi đã cao, ai cũng phải chỉ định một người trong hàng rể chuẩn bị thực hiện tục "rể đầu". Thông thường, chồng của con gái đầu người quá cố phải thực hiện tục này, nhưng cũng có các trường hợp bố mẹ vợ không vừa lòng nên chỉ định một chàng rể khác để làm tục này cũng hoàn toàn hợp lệ luật, không sai.

Tất cả những người trong *hàng rể* không kể gốc hay ngọn, người nào đã nhập tục "rể đầu" một lần rồi thì kiêng không lặp lại lần thứ hai nữa. Bởi thế, nếu trường hợp người chồng của con gái đầu đã được chỉ định nhập tục "rể đầu" cho bố vợ rồi, khi đến lượt phải nhập tục "rể đầu" mẹ vợ thì phải chọn một trong số các rể ngọn.

Nếu người nào không có con gái hoặc con gái không có chồng, có nghĩa không có con rể thì người già có quyền chỉ định một trong số các anh, em, cháu... xa hoặc gần trong cộng đồng "họ đầu đen" đến nhập tục "rể đầu' cũng đều hợp lệ tục. Một khi "họ đầu trắng" đã cắt cử ai nhập tục "rể đầu" thì người đó phải tuân thủ, lệ không cho phép từ chối.

"Họ lớn đầu trắng" đại diện là người "chủ ma" có quyền chỉ định 4 chàng rể nhập tục gọi là "rể khiêng" (*khươi ham).* Đây là những người

có nhiệm vụ khiêng bốn góc đòn để đưa thi thể ra rừng ma. Cũng như tục làm "rể đầu", bốn người nào đã nhập tục "rể khiêng" một lần rồi thì lần sau phải kiêng người chết cũng không làm nữa.

Mọi thành viên khác trong *hàng rể* người nào đã đến với đám tang thì đều có nghĩa vụ tham gia mọi công việc trong dịch vụ như: chịu đầu sai, làm bếp núc, mổ lợn rải chiếu, mổ bò, mổ trâu; đặt mâm cúng hồn ma và tiếp khách khứa... Mọi khoản dịch vụ này, lệ xem như hình thức làm rể lần cuối cùng với người quá cố. Bởi vì sau đó những người thuộc hàng rể vĩnh viễn thoát cảnh sống làm rể ở bên nhà vợ mình.

2. Ngày thứ hai cũng là ngày "chủ ma" cắt người đi để báo và gọi những người trong hàng rể và "họ lớn đầu đen" đến nhập lễ tang. Trong đó, người nhập tục "rể đầu", cũng như 4 chàng "rể khiêng" không được vắng mặt.

a. Người nhập tục "rể đầu" đến thì các nghi lễ mới được tiếp tục, bằng không vẫn cứ phải chờ. "Rể đầu" đến, tang chủ cho mổ ngay một con lợn, luộc chín, đặt mâm, đặt giỏ xôi, chai rượu, rót hai chén rượu, đặt hai đôi đũa, đưa lên trước linh cữu để cúng báo cho hồn người chết biết. Lời đọc trước linh cữu do "chủ ma" hoặc con trai của người quá cố đọc như sau:

"... Rể đầu và rể khiêng đã đến rồi, mời ông dậy ăn bữa trưa!

Lật chăn hoa dậy ăn cơm!

Chống thanh gươm dùng bữa [1]!

Cúi đầu ăn xì xà,

Nhắm mắt ăn xì xụp!

Hồn con đến ăn cùng, ông hãy dùng đũa dúi ra!

Hồn cháu đến ăn cùng, ông hãy mau đuổi!

Ma chết đừng tự ý gọi hồn người ăn cùng!

Chủ hồn ma lìa xác, đừng tự ý gọi hồn người ăn theo!

b. Tiếp đến lượt anh em, con cháu có quan hệ "họ bảy lớp" gọi chung là ải nọng, nằm trong khối cộng đồng "họ lớn đầu trắng", lần lượt từng đôi vợ chồng người có lợn, mổ lợn, người không có lợn thì mổ gà vào đặt mâm cúng cho hồn ma. Thông thường con cháu gần thì mổ lợn, con cháu xa thì mổ gà. Người quá cố có nhiều anh em và đông con cháu hợp thành khối cộng đồng đông đặc, lại giầu có, có trường hợp mổ tới 2,3 chục con lợn và gà thì có tới hàng trăm con.

Lợn, gà, gạo rượu mang đến tế lễ linh hồn ma, khi đem tới thì đem nộp tất cho người thụ tục "rể đầu". "Rể đầu" phân cho một trong số "rể ngọn" ghi chép vào sổ, để trước khi đưa linh cữu ra rừng ma sẽ đọc công bố cho hồn ma nghe và người biết.

C. Khi đôi vợ chồng trong "họ lớn đầu trắng" kết thúc nghi thức cúng bữa, con trai đầu suất một con lợn cho hàng rể mổ để làm bữa cúng hồn ma. Những người trong nhóm "con đau buồn" cùng đến phủ phục. Con trai đầu sướng những lời sau:

"... Ông cha quan (tên riêng)... ơi!

Ông đã chết bỏ mất tên ghi thành chữ!

Ông chết quên hẳn tên của mình!

Bây giờ người trong *đẳm ải nọng* có một con lợn để cho người là rể của mình mổ làm bữa mời ông ăn!

Lật chăn hoa dạy ăn cơm!

Chống thanh gươm dùng bữa!

Cúi đầu ăn xì xà!

Nhắm mắt ăn xì xụp!

Hồn con đến ăn cùng ông hãy dùng đũa dúi ra!...

Hồn cháu đến ăn cùng ông hãy mau đuổi!

Ma chết đừng tự ý gọi hồn người ăn cùng!

Chủ hồn ma lìa xác đừng tự ý gọi hồn người ăn theo"!

d. Nhập tục làm "rể đầu'

- Nhập tục này phải đủ mặt cả chồng lẫn vợ. "Họ lớn đầu trắng" lúc này trở thành nhóm thân tộc gọi là *lung ta*. "Họ lớn đầu đen" giờ trở thành nhóm thân tộc gọi là *nhinh xao*. Tất cả hai họ đến đứng đối diện nhau ở gian giữa nhà. Phía *lung ta* có *Ông họ* thay mặt, còn phía *Nhinh Xao* có *rể đầu* thay mặt, đứng đối mặt nhau. Ở giữa bầy những đồ và vật dùng trong tang lễ của *lung ta* trao cho *rể đầu* gồm: một bộ quần áo dài đen chàm để con rể mặc vào tang lễ; một dải khăn đen chàm cuốn đầu tượng trưng cho "họ lớn đầu đen"; một dải khăn trắng cuốn xuống lưng bụng để biểu thị cùng tang; 1,5 đồng bạc trắng buộc vào đầu khăn đen; một vòng bạc trắng (lớn nhỏ không tính); một thanh gươm có vỏ và chuôi nạm bạc; một cái thớt, một đôi bát, đôi đĩa, đôi thìa. Khi làm xong nhiệm vụ "rể đầu" cũng là lúc hết tang lễ, lung ta biếu thêm cho người làm tục "rể đầu" một bên gánh thóc, 2 bát gạo nếp và một chai rượu[2].

Người là vợ cũng được phía *Ai nọng* của mình cho một bộ váy áo mầu đen chàm và một dải khăn piêu để biểu thị sự tách khỏi "họ lớn đầu trắng" của mình.

Hàng lối và đồ biếu "rể đầu" xếp đặt xong, *Ông họ* thay mặt phía *lung ta* nộp giao lễ vật và nhiệm vụ cho "rể đầu":

Bây giờ cha (mẹ) chúng ta đã qua đời rồi

Theo tục: Người làm rể phải dẫn đường,

Người làm rể phải dẫn lối!

Bảo đường cho ma đi!

Dùng lời bảo ma theo!

Về với nơi *đẳm* ngụ!

Bỏ thi thể ở nơi rừng rú!

Nói rằng nếu chỉ tiễn đưa không thì hồn con rể sẽ hổ thẹn!

Nếu đưa hồn ma mà thân rể chẳng có gì thì hồn rể cũng sẽ trở nên tẻ ngắt.

Bởi thế chỗ lung ta mới theo lệ nộp cho rể!

Những đồ mặc và dùng cùng thanh gươm chuôi nạm bạc!

Đi đường loài ma sợ!

Vợ chồng hãy cùng nhau làm theo tục lệ!

"Ông họ " này mới sai người đi tìm

Xin con cháu lại đây!

Lại mời cơm cúng bữa!

Chỉ lối đưa đường để cha chúng ta lên với cụ với kỵ!

Bây giờ cháu (con) định nhập tục hay không thì hãy đáp!

Rể đầu phúc đáp:

Ờ! Con có lời chẳng hay xin nói!

Lời không khỏe mạnh xin thưa!

Phải nơi cha (mẹ) ta đã quá cố!

Cũng là chỗ đau nơi cõi lòng!

Cũng là chỗ buồn ở trong tim!

Việc nào cũng phải tuân thủ nơi lệ tục!

Nơi lung ta còn mến tin tìm tới!

Bảo con lại làm "rể đầu" chuyên nói!

Đọc bài bản để ma biết đường về với *đẳm!*

Qua không gian về trời!

Người quay cuồng lên không!

Đem mặt về chầu *Then!*

Là tôi con không dám từ dám chối!

Ơn nơi *lung* nơi *ta*!

Đừng đem lời chê trách!

Con xin làm người đầu sai và thu xếp!

Việc tốt lành, hạnh phúc và may mắn!

Ơn lắm lắm ạ!

"Rể đầu" ngắt lời đáp hai bên quỳ lễ nhau. "Ông họ" cùng với nhóm "con đau buồn" phải quỳ lạy "rể đầu" trước. Tiến hành nghi thức này là điều hết sức bắt đắc dĩ. Bởi vì theo đúng phong tục tập quán thì việc phía *lung ta* phải quỳ lễ con rể là họ của *nhinh xao* là điều hết sức kiêng cấm. Theo chiều thuận của phong tục tập quán thì có con rể thuộc họ *nhinh xao* lễ phía họ mang ơn cho mình là *lung ta*. Giờ đây, nhà cửa gặp cảnh cha (mẹ) chết, nên đời người phải làm những điều trái với phong tục tập quán kiêng kỵ. Sau khi hết tang lễ "rể đầu" lại phục lễ lạy lại phía ông họ và nhóm "con đau buồn" là *lung ta* của mình. Việc lễ trở lại lễ như thế lệ tục muốn nói đến chỗ hạnh phúc lớn mà *lung ta* đã ban cho con rể thuộc họ *nhinh xao* là tập quán vẫn tiếp tục được giữ nguyên.

Tiếp theo nghi thức là đến lượt vợ chồng "rể đầu" mặc bộ áo quần váy đen chàm, đội khăn đen và piêu. "Rể đầu" lấy sải vải trắng cuốn ngang lưng, vợ của "rể đầu" thì cuốn khăn trắng vào phía trong đầu và đội khăn piêu ra ngoài. "Rể đầu" đeo gươm ra bếp rủ các "rể ngọn" mổ lợn của mình, luộc chín, chuẩn bị cơm xôi vào giỏ, đặt hai chén rượu, chai rượu trước linh cữu để cúng hồn ma. Trước bàn thờ cúng và linh cữu, "rể đầu" quỳ gối chống thanh kiếm quay mặt lưỡi về phía linh cữu và đọc to lời mời:

..."Ông cha quan....ơi!

Ông đã chết bỏ mất tên ghi thành chữ!

Ông chết quên hẳn tên của mình!

Như con đây phải là nơi làm rể!

Xin có lợn, trâu và cau!

Đến bầy mâm bầy bữa!

Đem lời thức Ông dậy ăn cơm!

Dậy cầm cần, hai chén rượu đôi!

Dậy ăn bữa rể lớn đem đến nộp!

Dậy ăn cơm rể lớn lại mời!

Bỏ chăn hoa dậy mà ăn cơm!

Cúi đầu ăn xì xà!

Nhắm mắt ăn xì xụp!

Đừng gọi con đến cùng!

Đừng gọi cháu đến với!

Hồn con đến ăn cùng ông hãy dùng đũa đúi ra!

Hồn cháu đến ăn cùng Ông hãy mau đuổi!

Ma chết đừng tự ý gọi hồn người ăn cùng!

Chủ hồn ma lìa xác đừng tự ý gọi hồn người ăn cùng!

Chủ hồn ma lìa xác đừng tự ý gọi hồn người ăn theo!

Nếu đông anh em, họ hàng lớn, mọi vợ chồng con cháu ai cũng phải mổ lợn, mổ gà, đặt bữa cúng ma cho khắp lượt, người ta phải để thi thể trong nhà tới dăm bảy ngày.

Phải chỗ *án nha, tạo, phìa* ngày xưa chết, lệ *bản* luật *mường* còn để thi thể tới 1, 2 tháng. Bởi vì còn phải làm nhiều lễ nghi, lệ, tục, mổ nhiều trâu, lợn, gà kể sao cho hết được. Đến bây giờ, ta cũng không còn nhìn thấy quyển sách nào ghi chép đầy đủ lễ tang to lớn để cho chúng ta đọc.

Thông thường lễ tang của người Thái Đen, người ta để thi hài ở nhà, không kể ngày làm thủ tục quàn thì cũng chỉ có một ngày một đêm đã đủ thời gian tiến hành các nghi thức và lệ tục đầy đủ rồi. Sang ngày thứ ba, người ta đã có thể tiếp tục tiến hành các thủ tục đưa linh cữu vào rừng để thiêu.

Nếu tang lễ của những người họ *Cầm (Bạc Cầm)* quý tộc - họ *Lò Lớn* thời trước, thủa xưa ấy, người ta còn tiến hành lệ- các nàng dâu phải làm cô trực nàng hầu. Theo lệ này, bố mẹ chồng mất con dâu không để tang trước linh cữu mà phải mặc váy chàm có hoa văn sọc gọi là *ta mí*, áo dài lớn chui đầu còn gọi là áo cổ viền mầu (*co long)*, bên trong có những mảng hoa văn ghép bằng những mảnh vải mầu vàng, đỏ, xanh, trắng... Khi trời rét, các bà thường khoác áo này. Lúc tang bố (mẹ) chồng thì đem mặc làm dâu. Khi đó áo được mặc lộn phía trong ra ngoài nên lộ hết những mảng hoa văn sặc sỡ. Đầu con dâu lúc này đội vải mầu đỏ. Hàng, các nàng dâu thay phiên nhau làm "nàng hầu" để điều khiển đàn bà con trẻ đồ xôi, đồ rau, gánh nước lấy củi, phục vụ bếp núc.

Lúc người ta đặt bữa cúng hồn ma, những người làm dâu phải mặc trang phục như đã nói ở trên, chống gậy trước linh cữu. Xong bữa cúng, họ cùng nhau xuống gầm nhà "xoè giã cối hình thuyền" (*xc lỏng*) để thức hồn ma dậy dự mùa cơm mới và ăn xôi cốm. Lúc này, lệ đặt ra cho những người làm rể đến[3] giả vờ trêu ghẹo như thức tỉnh một thời trai gái buông đùa câu tình tứ nơi sàn *khuông*. Lệ này, giờ đây không còn.

2. Nhập vào tập tục và thực hiện các lệ luật về ban đêm

a. Cử một đàn ông hiểu biết đọc tập "nói về đường dâu gia" để gợi lại cảnh đám cưới.

b. Những người biết kể chuyện truyện cổ tích cũng kể để hồn ma và mọi người cùng nghe cho quên nỗi sầu đau.

c. Về khuya, "rể đầu" đem tập Quan Tô Mương ra đọc để nhắc nhở

hồn ma cũng như mọi người khi buồn đau không quên nguồn gốc cũng như lịch sử của người Thái mình.

d. Gà gáy canh đầu, con trai *đọc lời phúng viếng có bài bản sẵn*, theo giọng khóc phúng viếng, có đề là *hảy xán xống* (khóc tiễn đưa):

Kể về đường đau ốm

... Cha tôi hỡi! cha mình hỡi!

Tháng giêng qua tháng Hai,

Người dựng đăng bắt cá.

Tháng ba qua tháng Tư

Người thổi sáo tiêu gặp nhân tình.

Tháng năm qua tháng sáu,

Trời kiêng sấu không sấm.

Tháng bảy qua tháng Tám

Nắng hanh cùng gió thổi.

Tháng Chín qua tháng mười,

Bầu trời đầy u ám.

Tháng Một qua tháng Chạp[4],

Trời dậy tiếng sấm kêu rầm.

Sấm cả ngày cả đêm,

Hột mưa rơi to bằng hạt gắm

Mọi con suối đều lũ.

Mọi khe cạn đầy dâng.

Đỉa biết, đỉa ngoi đầu.

Vắt hiểu, vắt ngóc lên

Người biết, người mới cầm vợt đi xúc cá,

Được cái tôm cái tép đem về làm bữa trưa.

Ông biết, Ông cầm vợt, cầm hom giỏ đi xúc cá,

Được cái tôm cái tép về làm bữa trưa.

Người biết, người cầm dao sắc đi chặt cây dâu

Ông mới cầm dao sắc đi chặt cây dâu[5],

Ông mới rút dao lưỡi mỏng đi chặt rừng.

Con chim nhỏ ở rừng đớn kêu reo.

Hoẵng có chân khẳng khiu ra đớn nạt.

Người thấy điềm xấu chạm tới lòng.

Người mới vội quay trở về.

Nhưng Ông lại không quay trở về.

Ông cứ đâm đầu về phía trước, quay ngoắt lại đằng kia

Để đi chém hai, ba nhát dao, bốn, năm nhát rìu.

Rìu lớn của Ông đã bị gẫy cán, ở chỗ gần tay cầm.

Dao nhỏ của Ông đã bị mẻ, đến gần đường sống.

Hoa cây ráy rụng bám đầy trốc,

Hoa cây "tạu" rụng bám đầy đầu.

Ông gặp phải điềm gở điềm xấu đầy lòng.

Ông mới chịu quay đầu trở về.

Người biết, người không vác cây một thân về *bản*.

Ông tự khắc vác cây một thân về *bản*.

Ông cởi áo vắt ở bên khe bậc thang,

Để tay trần đi ra bến nước.

Người tắm ở bến trên, người không kêu rét,

Ông lại kêu rét!

Người tắm ở bến giữa, không bị ốm, Ông lại kêu ốm!

Ông kêu rên lại nhà.

Nhai cau vàng làm phép cho ông đỡ rét, Ông không đỡ rét!

Nhai cau chín làm bùa để Ông khỏi ốm, Ông không khỏi ốm!

Ông đã ngã bên trên đệm có lõi bông dầy.

Ngã trong chăn bông lông ngỗng[6].

Cơn sốt Ông lớn tựa cỗ trâu,

Cơn rét Ông to tựa cỗ voi.

Không khỏi!

Đành phải đến nhờ *một* lớn ở giữa *ái.*

Một già *một* dặn ở giữa *chiềng*[7]

Bói ra ma, phải cúng lớn cũng đã cúng lớn,

Bói ra ma, bảo chỉ cúng bé cũng đã cúng bé.

Gà thoát lớn bằng chim sâu, chim cút, cũng phải mổ để cúng.

Một con ngỗng vươn cổ nuốt trấu cũng mổ để cúng.

Một con vịt gầy ốm đương ăn cát cũng mổ để cúng.

Một con trâu sừng cong để kéo cày cũng mổ để cúng.

Đem dê cúng, Ông càng xanh xao vàng vọt.

Đem loài Sơn Dương tới cúng, Ông vẫn càng sa sút[8].

Không lành!

Đành lại đến nhờ *một* lớn ở giữa ái

Một[9] già *một* dặn ở giữa *chiềng* lần nữa

Về cố nuôi lấy hồn sống

Lại gom hồn tụ lại.

Đem hồn Ông về đường nước,

Hồn bỏ thân xác ông đường cạn

Đem hồn Ông lại đường cạn,

Hồn lại bỏ thân xác ông để đi đường nước.

Nhận lấy hồn theo đường "bói nhập áo".

Hồn cắm ngay vào cát;

Nhận hồn theo đường "toán nhập áo",

Hồn ngập xuống bùn sâu... mất rồi!

Một tài cũng chập choạng như đom đóm.

Một giỏi cũng chấp chới như sao bay!

Không tốt!

Một đành phải lên hỏi ngay nơi tạo bữa, tạo hơi cơm xôi bốc?

Làm *đẩm* sao không làm cho tốt?

Làm ma sao không làm ngay thẳng?

Đẩm cong như vòm cổ!

Đẩm queo như tấc lưỡi!

Lộn lưỡi gà lắm lời!

Rõ ràng *đẩm* đã bán con mình xuống đường dưới để lấy trâu?

Bán cháu lên đường trên để có được sự giầu có?

Không lành!

Một đành lại lên xem nơi *đẩm chuông cộp* chuyên làm ra điều thiêng!

Đẩm chuông cang [10] chuyên thả ra điều xấu?

Cột cây nghiến, Người đem xuống đánh dấu.

Cột chết, Người đem xuống cắm.

Điềm gở, Người đem lại.

Cây xanh, Người đem gác lên sàn nhà.

Đòn tre tươi, Người đem gác nơi hàng rào.

Lưỡi mai tuột khỏi cán, Người đem gác bên cầu thang[11].

Lưỡi cày tốt bị tuột khỏi bắp[12]

Người đã dọn lên cất ở cánh đồng đầu sông Thao... mất rồi!

Đồn lên trời, Ông đã lìa khỏi cõi trần gian!

Để cho người xa lạ cầm tay chia nỗi sầu!

Không tốt!

Một phải đi xem *đẳm Đơi*[13] nơi góc trời?

Đẳm canh gà góc *thơn*?

Ma nơi đẳm cùng bừng thức dậy

Ma nơi *đẳm* lô nhô ngồi san sát.

Đặt sẵn rượu chum lớn đợi Ông.

Rượu chum chờ đợi Khách,

Rượu chum sạch đợi rể chỉ đường

Vạch lối để ma về với *đẳm.*

Ở đấy, đất tươi đã vỡ thành huyệt,

Đất sét nứt thành hố để đợi,

Cỏ non xanh đã mọc chờ Ông ở đó!

Không tốt!

Một mới lên xem chỗ Bà Mụ - khuôn Bà Đúc[14]

Bà Đúc đòi ăn thịt cây ráy,

Ông không có thịt cây ráy.

Bà Đúc đòi ăn xương của cây cỏ "phăn phưm"

Ông không có xương của cây cỏ "phăn phưm".

Bà Đúc tức giận nói làm nhàm,

Hắt hơi liên tục.

Bà Đúc bèn vứt khuôn đúc vào lửa,

Đặt ngay vào trong than.

Bà Đúc mới tạo khuôn đúc con cha,

Đóng khuôn đúc tạo người nối dòng

Nặn khuôn đúc để tạo thành người mới để nối dõi... mất rồi!

Không tốt!

Một mới lên xem nơi chủ dây nôi, dây địu.

Dây nôi của Ông không còn to như đùi.

Dây địu của Ông không còn lớn như cẳng.

Dây nôi của Ông đã vuốt thành mũi nhọn.

Dây địu của Ông đã vuốt thành đuôi con lươn... mất rồi!

Không tốt!

Một mới đi xem chỗ đặt chủ *nen* nước, chủ *nen* lửa [15]?

Chủ *nen* nước của Ông tuôn ra ở ngay chân cầu thang.

Chủ *nen* lửa của Ông cháy ngay ở chấn song cửa sổ.

Đất tươi vỡ thành huyệt,

Đất sét nứt thành hố,

Cỏ non xanh đã mọc đợi chờ Ông!

Không tốt!

Một đành phải đi hỏi xem nơi *chủ dây quyết đoán đường sống*[16]?

Dây quyết của Ông đã ngắn lại, không có người kéo thêm.

Ngắn xuống bằng cánh tay, sải tay, cũng không ai kéo nối lại.

Dây quyết của Ông phải rơi xuống rừng gianh.

Dây đoán của Ông phải rơi xuống nơi rừng rú.

Rơi xuống rừng cây mai biến thành con nai.

Rơi xuống rừng cây trúc biến thành nhộng, thành con bọ măng cánh cứng... mất rồi!

Không tốt!

Một phải đi hỏi nơi khung cửi *mình*, khung cửi *nen*?[17]

Sợi dăng trên khung cửi *mình* của ông ngắn còn bằng khuỷu tay, không người kéo thêm.

Sợi dăng trên khung cửi *nen* của Ông ngắn còn bằng cánh tay, không người tiếp nối.

Không tốt!

Một mới lên xem nơi gốc cây *chuối nguôn, vườn cây chuối mình*?[18]

Trời tối không trăng người lại chặt lấy cây.

Trời tối đen, người mò tới chặt mất măng rồi.

Đó là vì, nơi thủ lĩnh chuyên *nuôi hồn, nuôi nòi giống*;

Thủ lĩnh chuyên nuôi dưỡng để đặt tên;

Thủ lĩnh đặt tên hồn cho thành người!

Đã không vác gươm để bảo vệ.

Đã không mang mộc đứng giữ gìn.[19]

Không tốt!

Một phải lên hỏi tận chủ nhà *một* của chính Ông?[19]

Chủ nhà hồn của Ông đó?[20]

Cửa ra vào, cánh bị đổ rơi tơi tả.

Cửa sổ, cánh bị rách, rơi tứ tung.

Mái tranh nát để lộ rui mè mất rồi!

Không tốt!

Một lại xem kho lúa cốm đồ, mong lúa cốm?

Kho thóc lớn của nhà hồn Ông?

Bà Đúc đã không còn đem thóc ở trong kho ra phơi.

Không mang thóc qua cửa kho ra giã nữa rồi.

Chim ri nhảy múa ăn đằng góc,

Chim sẻ nhảy đến ăn gần...

Không tốt!

Một phải lên thăm nơi chuồng gà của hồn ông?

Con gà của người ta còn có ở trong chuồng.

Đàn gà của hồn Ông đã xổng ra ngoài chuồng để loài diều vồ, loài quạ cắp mất rồi.

Gan chúng mắc vào cây,

Ruột chúng vương vào cây cụt... mất rồi!

không tốt!

Một mới đi xem nơi ao U, nuôi cá hồn?[21]

Con cá của người ta còn ở trong ao.

Con cá của Ông đi ra khỏi ao để quạ mổ, diều cắp.

Gan cá mắc thân cây,

Ruột cá vương vào cây cụt... mất rồi.

Không tốt!

Một phải đi xem cả cây đơn mọc giữa ao

Cây khẳng khiu giữa nước?

Cây đơn mọc giữa ao bị gẫy đứt đôi.

Cây khẳng khiu giữa nước bị gẫy mất cành... mất rồi!

không tốt!

Một mới đi xem nơi máng nước của người mẹ thân yêu chuyên nuôi dưỡng?

Trời không trăng, ma đem cây ráy dại vào đầu ao.

Trời tối đen, ma đem khoai nước lại trồng ở đầu nguồn.

Ma trồng cây ráy, chẳng có ai đến nhổ đi cho sạch cho quang.

Ma trồng cây khoai nước, cũng chẳng có ai đến dọn khỏi nhơ nhấp.

Rong rêu mọc bịt miệng mương.

Rác rưởi bịt miệng máng.

Máng lớn của Ông bị lật ống.

Máng nhỏ của Ông rơi mất đầu.

Máng lớn của Ông không có nước chảy dù mạch chảy chỉ bằng đầu ngón út.

Máng nhỏ của Ông không còn giọt nước nào chảy qua, dù chỉ bằng tơ... mất rồi.

Bởi vì mồm miệng gian trá của Ông không khéo đáp rối *then*.

Lòng gian ngoan đã không thúc ông thốt, đáp lại được lời của trời

Sinh từ cõi trời ra mà sự sống Ông không bền.

Ông từ cõi trời giáng xuống, nhưng không thọ.

Ông búi tóc để đi vào đời.

Rồi chải tóc đi về với Đẳm với họ.

Về với Đẳm "cá khính"

Đẳm họ... hai lần họ...

Đầu xoã tóc chấm sàn.

Miệng mở rộng lên trời.

Anh em khóc kêu gào.

Chú thím kêu thét vang

Đeo dao đi gọi rể.

Vác gươm trần qua *bản.*

Báo lấy bốn chàng rể trong họ lớn.

Năm chàng rể trong làng.

ải nọng cùng cả nhóm *lung ta, bản mường* lại giúp làm lễ tang...

II ĐƯA HỒN MA ĐI XUỐNG MƯỜNG LÒ

QUÊ TỔ

Sau khi đọc hết đoạn *kể về đường đau ốm,* con trai theo lệ cho mổ gà luộc chín, giỏ xôi, chai và hai chén rượu, hai đôi đũa đặt mâm cúng bữa cho hồn ma.

Trong lễ cúng này, những đồ sẽ trao cho người chết đặt ở mồ đều đem ra đặt cạnh thi thể. Trong đó có một gánh hòm gọi là *bem* hoặc *cúm* và một tấm chăn đắp vắt lên đòn gánh của *bem* hoặc *cúm.*

Những thứ sẽ biếu cho "rể đầu", ngoài những y phục cho hai vợ chồng, còn bao nhiêu cũng đặt thành từng gánh để ở bên linh cữu.

Con trai đeo túi, có bỏ gói xôi ăn trưa ở trong, cầm một con dao

hoặc thanh gươm để trần; quỳ gối chống xuống sàn, quay mặt lưỡi dao (gươm) về phía linh cữu để đọc lời cúng theo bài bản đã có sẵn. Lệ quy định, lúc này có một người ở trong họ đến cầm vạt áo phía sau như nắm giữ linh hồn người con trai đó lại, không được đi theo hồn ma:

"... Cha (mẹ) ơi! Đàn con có một con gà mổ, làm chín để mời cha (mẹ) dùng bữa!..."

"...Ông dậy ăn bữa trưa!

Lật chăn hoa dậy ăn bữa cơm!

Chống thanh gươm dùng bữa!

Cúi đầu ăn xì xà!

Nhắm mắt ăn xì xụp!

Đừng gọi con đến cùng!

Đừng gọi cháu lại ngồi!

Hồn con đến ăn cùng Ông hãy dùng đũa đúi ra!

Hồn cháu đến ăn cùng Ông hãy mau đuổi!

Ma chết đừng tự ý gọi hồn người ăn cùng!

Chủ hồn ma lìa xác đừng tự ý gọi hồn người ăn theo!

Ăn xong rồi hãy đưa ngón tay lại để tôi đeo nhẫn!

Đưa hai tay ra để nhận của cải tôi trao!

Sau đó, người con trai điểm hết những của cải sẽ nộp cho hồn ma:

"... Cha (mẹ) ơi! tôi sẽ cho Ông (Bà) mức 50 cột "cây *heo*", 1 con trâu, một cây "chao phạ" còn gọi là "cao" (nếu là mẹ thì một cây "hoa chuối nở), một chiếc ô, 5,6 chiếc đĩa, 1 đôi chén, 1 gánh *bem (cúm)*, 1 cái đệm, một cái chăn, 4,5 gánh lồng có nhốt gà, 1 lồng có nhốt lợn..."[(22)]. Vì sợ sót hoặc nhiều quá không điểm hết nên sau cùng, người con trai phải nói vài lời tóm tắt vần vè như sau:

"...Những thứ gì tôi có quên xin ông nhớ lấy để lên làm giầu ở đất ma!

Làm sang ở đất người!

Bây giờ tôi sẽ tiễn ông đi!

Bắt đầu đường tiễn vong linh về Mường Lò quê Tổ theo lệ của người Thái Đen:

"... Tôi sẽ chỉ đường cho Ông đi!

Chỉ lối bảo Ông tới!

Qua cửa nhà đi nghỉ ở cổng!

Qua cổng đi nghỉ ở rừng "cửa áo"[23]

Rời rừng "cửa hồn" đi nghỉ khu "rừng ma"!

"Nhà ở dựng, ống nước dựa" ở đó rồi!

Hồn gốc Ông đi qua! Hồn ngọn Ông ở đó!

Đi qua đến chạm Cái!

Nơi vực sâu vách dựng!

Hồn gốc Ông đi qua!

Hồn ngọn Ông ở đó!

Áo đẫm mồ hôi đem phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Ăn rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo vào bem!

Đi qua đến Ta Lẩu!

Đi qua đến Ta Đúc!

Đến đó áo ướt đổ mồ hôi đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem ra nhai!

Nhai rồi, cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo vào *bem!*

Đừng theo đường đi Mường Piềng!

Ngược đường đi *bản* Dók

Đi qua đến suối Huak

Lên dốc Leng, xuống dốc Leng, đến Chạm Bon!

Chỗ đó có vực sâu vách dựng!

Áo đẫm mồ hôi đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem ra nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo vào *bem!*

Qua đến Búak Mạ!

Qua đến Búak Đỉ!

Qua đến Phiêng Chạng Hảy!

Qua đến Xa Da Nga!

Nơi vực sâu vách dựng!

Áo đẫm mồ hôi đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem ra nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp vào *bem*!

Qua đến Nong Hụm!

Đừng theo đường Kéo Lỷ!

Ven xuôi theo đường con mương Co Cại!

Đến Co Cại, qua đi!

Đến bản Thúm, qua đi!

Lên dốc Heo, xuống dốc Heo, qua đi!

Đến Lốm Hỏm, qua đi!

Đến Búak Quai, qua đi!

Lên đến đỉnh núi Phặc, xuống đến đỉnh Me Nô, Đến đầu Cầu Pẻn!

Chỗ đó có vực sâu vách dựng!

Áo đẫm mồ hôi, đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem ra ăn!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Qua đến Văng Vạt, Văng Sát!

Ven ngược dòng Nặm Khiêng!

Đi nhanh qua Chạm báo!

Đi qua vùng Ải kẻ!

Ra đến cuối đồng lúa Mường khiêng!

Định qua đường đến phai Luông, không đi!

Đến miền đất Pák Păm, Pha Tủ!

Qua đến chỗ Púng Quai!

Chỗ này có vực sâu vách dựng!

Áo đẫm mồ hội, đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo vào *bem!*

Đi tiếp ngược Khâu Han, xuống Khâu han!

Đi đến Phiêng Sao Va!

Qua đến Phiêng Mu Nâu!

Qua đến Huổi Khỉ Mạ!

Qua đến Huổi Chặp!

Men ngược dòng Huổi Chặp!

Qua tới miền Pák Pản!

Qua đến Đán Ták Phạ!

Chỗ đó có vực sâu vách dựng!

Áo đẫm mồ hôi, đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem ra nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo vào *bem*!

Đi qua kéo Nộc Tốc đến dòng suối Huổi Vinh!

Dưới dòng suối Huổi Vinh là của người!

Trên dòng suối Huổi Vinh là của ma!

Ra tới sông Đà rồi đi ngược dòng!

Đến chỗ nước chảy xoáy gọi là Van Mạ Hong

Các rể cùng chặt tre, nứa làm bè!

Trèo qua sông cặp bến Chông Ban!

Đến Tổn - Muông- Khuống - Luông!

Có vực sâu vách dựng!

Áo đẫm mồ hội đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem ra nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo vào *bem*!

Qua đến Phiêng Lay!

Lên, xuống dốc Xổm Pói!

Đến bãi cát Tộc, qua mé trên Nặm Păm

Đến It Ong!

Đi vượt qua Phiêng Sói!

Đến đầu cánh đồng Chiềng Tè!

Qua dốc Hong Hưa đến chạm Pưới!

Có vực sâu vách dựng!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem ra nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo vào *bem!*

Đi qua dốc Khâu Xam Xíp!

Đến chạm Te!

Gặp vực sâu vách dựng!

Áo đẫm mồ hôi, đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem ra nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo vào bem!

Đi theo dòng Huổi Nặm Te!

Để tới dòng Nặm Sơm!

Qua Nặm Sơm sang bên!

Gặp bên đầu phai, tiếp đi đến cầu mây!

Phải qua cầu mây sang bên!

Trên mặt cầu đường giành cho người!

Trâu, lợn thì đi qua mé dưới!

Đi ngược dòng Nặm Chiến!

Đến Chạm Pươi!

Đụng vào nơi vực sâu vách dựng!

Áo đẫm mồ hội, đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem ra nhai!

Nhai xong, cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo vào *bem!*

Tiếp đi ngược dòng Nặm Chiến!

Qua dốc Đin Đeng đến Kem Hok!

Tới vùng đất Phiêng Cản!

Ngược Nặm Chiến lên tới Kem Hỏi!

Qua mé dưới ruộng bản Phày!

Đến bờ Nặm Chiến để qua bên!

Ngược theo dòng Nặm Chiến!

Trèo qua dốc Khâu Bút!

Lại qua dốc Khâu Xam Pạo!

Đến Chạm Pao!

Gặp vực sâu, vách dựng!

Áo đẫm mồ hôi đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng cau đem ra nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo bỏ vào *bem!*

Trèo qua dốc Khâu Mây!

Trèo qua dốc Khâu Đen Mường!

Trèo lên dốc Khâu Khắt, xuống dốc Khâu Khin

Đến Chạm Khin!

Gặp vực sâu, vách dựng

Áo đẫm mồ hội đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng trầu cau đem nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo bỏ vào *bem!*

Lên dốc Cẩu Kéo, lên hàng chín ngọn cao!

Lại qua núi Khâu Con!

Gặp bản Lìn, không dừng, mà đi qua!

Đi qua núi Khâu Dạ!

Đến vùng Nàng Cai để tới Chạm Bon!

Đến đó gặp vực sâu, vách dựng!

Áo đẫm mồ hôi đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng trầu cau đem nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo vào *bem!*

Qua nơi bằng Phiêng Cón!

Để đến bên ven bờ Nặm Phặc!

Đi xuôi theo dòng Nặm Phặc!

Đi qua dốc Khâu Châu!

Để đến *bản* Nà Pươi!

Trèo qua dốc Đen Mường!

Đi tới đất Mường Min!

Không đi qua Mường Min dưới!

Trèo qua dốc Khâu Chặc, xuống Khâu Chong

Đến Ta Xia, Ta Leng!

Ở đây lại có vực sâu vách dựng!

Áo đẫm mồ hôi đem ra phơi!

Đói cơm rồi ăn!

Miếng trầu cau đem nhai!

Nhai rồi cởi áo bỏ vào cơi!

Gấp áo bỏ vào *bem!*

Đi qua đến bãi Phiêng Phúc!

Rồi đi tới *bản* Tủ!

Qua đến vùng Lò Gia!

Có đường rẽ về vùng Lò Gia!

Và một ngả đi về mường Lò Luông!

Đi tới cánh rừng lớn, rừng trâu cho người chết!

Rừng thiêng rừng trâu toi!

Đi tới bãi cát ở giữa đồng!

Bãi cát lớn ở giữa ruộng!

Thả trâu bò ăn cỏ!

Voi ngựa thả cho ăn cỏ non ở nơi này!

Đến mùa làm lúa sớm, hãy xuống dắt trâu lên trời để cày ruộng mạ!

Mùa mưa rơi, hãy xuống dắt trâu lên trời để cày ruộng *đẩm!*

Đi qua đến Tông Đú, Tông Đươi!

Ngược theo dòng Nặm Xia!

Đến địa điểm có nước suối đổ thác!

Ma bắc cầu đưa ma hồn chết về trời!

Có người Xá bắc thang để lên không trung

Ở đây hồn người quay cuồng về với trời!....[24]

CHÚ Ý!

Những người nào quá nghèo đói, không đủ tiền của để hồn cha (mẹ) đi tiếp để lên trời với tổ tiên thì chỉ để hồn người chết ở đây và nói tiếp:

Nơi đất tổ của Ông đây rồi!

Hãy ôm chum xương cốt lăn xuống bến nước!

Chum xương cốt của các cụ ông cụ bà lăn vào

bản vào *mường* ở nơi đây rồi!

Tổ tiên hỡi! hãy đến đón Ông (bà) về nơi vĩnh cửu!

Con cháu chúng tôi tiễn đến đây xin ông bà tổ tiễn đến đón!

Con cháu chúng tôi xin trở lại để đắp dâng nước dẫn vào ruộng!

Quay trở về để kiếm cá nuôi con!

Quay trở về trồng lúa nuôi cả nhà!

Lúc tiễn, chúng tôi phải tiễn đường vòng!

Quay trở lại chúng tôi theo đường thẳng

Đến Mường Min!

Qua Mường Lùng!

Tới Mường Chiến!

Đến Ít Ong!

Qua Chiềng Tè!

Buộc bè qua sông Đà nơi Tạ Bú!

Hú hồn! Hỡi hồn hỡi mau trở về!

Trở về đường Mường Khiêng!

Tiếp trở lại Mường Piềng!

Đi qua đến Mường Sại!

Bản người nào, ruộng đất của người ấy hãy mau trở về!

Hú Hồn! Hồn ơi hỡi mau trở về!

III ĐƯA HỒN MA VỀ CÕI TRỜI

Nếu trường hợp có đủ tiền của để làm một lễ tang đầy đủ thì thường phải phân thành hai đẳng cấp. Nếu là người thuộc các dòng họ bình dân như: Lò, Leo, Lường, Cà,... thì tiếp tục đưa lên cõi trời và tận cùng

tại địa điểm gọi là *đẳm đoi* hay *Liên Pan Nọi*. Nếu là người thuộc các dòng quý tộc gọi chung là họ là Căm thì phải qua các *đẳm* các *then* để đi đến tận cùng gọi là *Liên Pan Luông*:

a. Đường đến đẳm Đoi

(Tiếp câu cuối cùng... "ở đây hồn người quay cuồng về với trời...")

Đi đến vùng cây cỏ mọc ở dưới đất!

Hãy vào cửa đất để ra cửa mây!

Qua cửa trời để ra cửa mây!

Qua khỏi *mường người* để đi vào *mường ma*

Đi đến nơi gọi là *xam xíp khek* (30 đường tụ tập về cắt nhau)

Đi đường đá nhai lại kêu đôm đốp!

Đi nhai lại kêu chan chát!

(người đưa đường đem của ra để thuê, đá mới dừng nhai để hồn ma và người đi qua)

Đi đến nơi ngủ của con quỷ cái mang tên là *Gia ín - Gia Bai hoặc Gia Bôm - Gia Bai.*[25]

Nơi này đi qua nhanh!

Chốn này mau chân vượt đi tới!

Đi đến đầu *bản* nơi nắng vàng!

Đầu *mường* nơi nắng chiếu!

Nơi ranh giới giữa ma và người cũng là đây!

Né chốn này để đi qua!

Tránh nơi ấy để đi tới!

Núi lại núi chập trùng!

Trèo đèo lại xuống vực, chân bước đi!

Xắn quần lên để bước chân dài!

Xắn quần lên để bước cho nhanh!

Phải tới nơi trước giấc ngủ!

Qua những nơi, những chốn cho mau!

Đi lướt nhanh tựa như thuyền xuôi thác!

Đi đường quen, đường lớn từ thủa xưa!

Theo đường cũ từ thời trước!

Nhai cau cho đỡ mệt!

Nhai trầu cho đỡ mỏi!

Đến với *đẳm chuông cộp* ăn bữa cúng hồn ma!

Đẳm chuông cang ở mé dưới sông *Nặm Ta Khái*!

Đến chốn này hãy bớt một hồn ma ở lại!

Các hồn ma khác tiếp tục đi tới!

Ma ở lại phải tỏ lòng tốt!

Trở thành *đẳm* phải tỏ lòng ngay!

Ma có thanh gươm sắc xin đừng trao kẻ ác tới đặt bẫy!

Ma có thanh gươm dài xin đừng trao cho kẻ gian đem về đâm thủng vách nhà con cháu!

Lẽ đời làm hàng rào để chắn trâu!

Làm phai để ngăn nước!

Làm ma ở cõi *đẳm* phải luôn phù hộ cho con cháu!

Vun sới cho con được vững vàng như cây hoa ban!

Đỡ dần cho cháu luôn luôn tươi như ngàn hoa!

(Nhắc lại) - Một hồn ở đây rồi, đừng đi

Các hồn ma khác tôi cho tiếp tục đi tới

Đi lên trời tới đất *Tum Hoàng!*[76]

Bước nhẹ như tung còn!

Mềm mại tựa loài rồng lượn trên cánh đồng!

Đi đến gốc cây *ke* có mùi hoa thơm ngát!

Cây muỗm nhỏ có hai mươi cành quả thơm!

Ở nơi đây có 30 gái cõi ma ngồi đợi!

Có 40 bà goá cõi chết dịch bệnh ngồi mong!

Nhìn đó mà ghê sợ, rùng mình!

Né chốn này để đi qua!

Tránh nơi đó để đi tới!

Qua những nơi, những trốn cho mau!

Đi lướt nhanh tựa như thuyền xuôi thác!

Hành trình tiếp đến *đẳm* rừng nứa cây lá mỏng!

Đẳm rừng tre lá vuốt đuôi mềm!

Một hồn ma bỏ ở đây rồi, đừng đi!

Các hồn ma khác hãy tiếp tục đi tới!

Thành ma *đẳm* phải có lòng tốt!

Vào cõi ma phải có lòng ngay!

Đừng để cho con người chặt tận gốc chốc tận rễ!

Đừng để cho người hái ngọn măng đem đồ!

Trăng tàn đừng để cho người tới đào măng đem đồ!

Trăng tàn đừng để cho người tới đào măng ở bên phải!

Trăng tỏ đừng để cho người đến đào mất chồi ở bên trái!

Hãy đan dậu để chắn ở bên trên bến tắm!

Hãy buộc hàng rào để chắn lối đi!

Bữa sáng chiều cơm ghế!

Nắng lên kiêng ngày giỗ tổ!

(nhắc lại) một hồn ma bỏ ở đây rồi, đừng đi nữa?

Các hồn ma khác tôi tiếp tục chia để đi tới!

Nhảy cưỡi lưng rồng hùng!

Nhảy lên lưng ngựa cánh vút bay cao!

Trời nắng nóng lấy nón che đầu!

Trăng suông đem vải hoa sen lau mồ hôi!

Hành trình đi đến nơi ao cá, ruộng lúa!

Một hồn ma đặt đây rồi đừng đi nữa!

Các hồn ma khác, tôi tiếp tục chia để đi tới!

Thành ma *đẳm* phải tỏ lòng độ lượng!

Vào cõi ma phải tỏ lòng bao dung!

Làm ma ở cõi *đẳm* phải luôn phù hộ cho con cháu!

Vun sới cho con được vững vàng như cây hoa ban!

Đỡ đần cháu luôn được tươi như ngàn hoa!

Một hồn ma ở đây rồi đừng đi!

Các hồn ma khác tôi tiếp tục chia để đi tới!

Đi lên trời tới đất Tung Hoàng!

bước nhẹ như tung còn!

Mềm lại tựa loài rồng lượn trên cánh đồng!

Hành trình đi đến nơi dòng nước *then* đặt đăng bắt cá!

Chốn này có loài vẹt kêu khóc than!

Trai không vợ, gái không chồng kêu nỉ non!

Họ kêu khóc than thở vì trống trải!

Chiếc đăng này lớn có tới 9.000 đầu cọc chốt!

Đăng to có tới 9.000 lớp cây kê!

Kẻ xấu, *then* bắt đứng chống 3 cọc đăng!

Để 3 năm chẳng bắt được một con tép!

Đến 4 năm cũng chẳng bắt được một con bống!

Đành phải bắt lấy con dế về làm thức ăn cho bữa sáng!

Bắt dế mèn về luồn thành sâu!

Bắt ngoé đem về nướng ăn thay bữa!

Qua những nơi, những chốn cho mau!

Đi lướt nhanh tựa như thuyền xuôi thác!

Đi đường quen, đường lớn từ thủa xưa!

Đường cũ từ thủa trước!

Hành trình dẫn tới nơi có hang con cá và ở bến nước nhà hồn!

Nếu chết thành người dưng thì hồn ma phải vào ở chốn này!

Bởi thế phải lánh chốn này để đi qua!

Đi đến nơi có lều nương, người thổi sáo bằng cọng cây lúa ruộng!

Đi đến nơi có lều ruộng, người thổi sáo bằng cọng gốc rơm [27]!

Nơi lại nơi đi tiếp tiếp!

Chốn lại chốn *mường ma* liền một dải!

Nắng chiếu đưa hồn ma về cõi trời!

Lúc xế chiều đưa hồn ma về *đẩm*

Thành ma *đẳm* phải có lòng tốt!

Vào cõi ma phải có lòng ngay!

Đến ngày giỗ hãy xuống ăn xôi đồ lại!

Khi nắng lên hãy xuống ăn bữa trưa, ăn hơi cơm nếp của nhiều giống!

Hành trình dẫn tới hang con én, vùng Mường Một!

Ở nơi này muôn ngày khỏe mạnh!

Mường con *tạo* người lớn hưởng thọ!

Có *Nàng Han* [28] là người gan dạ!

Là chủ trời gan hùng!

Ở *mường* này đi đường uống rượu súng!

Xuống đồng ăn cỗ bàn hung!

Chốn này qua cho mau,

Bởi vì hồn ma chết hãi hùng!

Qua nơi này, chân bước cho mau lẹ!

Đi tới nước sông Nặm Ta Khái sóng cuộn[29]!

Nước *Ta Đo* sóng dâng!

Đi đến bãi cát phơi chăn hoa!

Đến bãi sỏi phơi chăn vằn!

Ma phơi chăn hoa, chăn nặng!

Ở hai bờ nhìn *Nặm Ta Khái* sóng mầu đỏ!

(Đến đây phải cho hồn ma nghỉ để đem đồ ra thuê ma lái đò qua sông)

Hồn ma hãy nhai cau cho đỡ mệt!

Nhai trầu cho đỡ mỏi!

Bảo hồn ma đưa gói ớt để mượn lấy thuyền!

Đưa gói muối để mượn tay chèo!

Chọn thuyền dùng chuyên chở ma thối!

Lấy thuyền cũ chuyên để chở hồn ma chết!

Con rể gốc cầm tay chèo ở đầu thuyền!

Con rể ngọn cầm tay lái ở phía đuôi!

Chèo thuyền qua đậu bến bên kia!

Nơi ấy có vườn dâu của nàng tằm!

Đến vườn chàm của cô gái còn tơ!

Đi đến gốc cây muỗm giữa đường quả sai chín tỏa mùi thơm!

Đây là nơi cửa đường về cõi trời!

Bãi cỏ gà non mọc mơn mởn xanh tươi!

Lên không trung lắm lối nhiều đường!

Ở cõi trời nơi ngã ba có hàng ngàn lối đi!

Lúc đưa hồn ma thì phải nhớ đi lên hỏi *Then Phất - Then Phán!*

Then Phất tại sao lại quyết cho người này phải chết?

Then Phán tại sao lại quyết cho người kia được sống (thọ)?

Nghe lời hỏi *Then Phất* mới trả lời, chủ *Then Phán* mới thưa:

"Đến ngày chết, ai có thể phát đường để tránh được!"

Then đáp vậy mà cái mồm dối trá của ông lại không biết đáp lại!

Lòng gian ngoan sao không thúc Ông khéo đáp lời trời!

Từ trên không đi xuống Ông đã không thể sống lâu!

Từ cõi trời giáng xuống thành người, Ông đã không thể còn thọ nữa rồi!

Chốn này qua cho mau!

Qua nơi này, chân bước cho mau lẹ!

Đi theo đường rẽ về tới *Đẳm Đoi* ở góc trời!

Đẳm gà gáy ở góc *mường then*!

Nơi đây là nơi tổ tiên Ông đang ngụ!

Người chết thì thân xác phải đặt nơi quàn!

Người mất thì hồn phải về cõi vĩnh hằng!

Ban đêm hãy lên để chầu trời!

Nghe gà gáy hãy lên hầu *then*!

Ngày ngày lên nhà *then* xin đừng đụng tới gác cây *mạy lay* của *then* đổ!

Đừng đụng vào gác bếp *mạy lay* của nhà *then* rơi!

Làm như thế e con cái Ông ở đằng sau sẽ không phát!

Con cái của Ông sống làm người sẽ không lành!

Ông ở lại nơi đây để tiếp tục làm ăn!

Bây giờ đã đưa Ông tới không trung nơi rộng!

Cõi trời nơi cao siêu đây rồi!

Mường này là *mường* của một *then thống*!

Then thống coi một nửa cõi trời cũng phải!

Mường này *mường Đẳm Đoi*

Liên pan Nọi là đuôi của cõi trời!

Mường này người già không biết lột!

Tóc bạc rồi phải chết!

Mường phải làm nhiều nhưng được ăn ít!

Người biết già tựa như rượu biết nhạt.

CHÚ Ý!

Bài bản kêu khóc tiến hồn ma tới đây; nếu người chết thuộc họ bình dân thì ngắt đoạn và chuyển thành đọc theo giọng xướng ghi ở đoạn kết để vĩnh biệt hồn ma và đưa hồn sống của mình về với trần tục ở cõi người; nếu là người chết thuộc họ quý tộc thì tiếp tục khóc tiễn hồn như sau:

b. Đường Liên lên Pan Luông

Chốn này đi qua nhanh

Nơi này, bước mau lẹ!

Đi hỏi lại *nen* của *then đẳm*!

Đi hỏi lại chủ cõi trời!

Coi trăm tính họ người!

Đụng đến *then, then* thốt:

- Họ Ông là họ gì?

- Họ người chết là họ Lò Cầm!

Then Xính phán: "nơi đây không phải nơi *Khun lò* [30] thường qua"!

Chốn này chẳng phải chốn *Khun Lò* thường lại!

Chốn này nhanh đi qua!

Nơi này bước mau lẹ!

Đi tới *nen* con *tạo*!

Nhà của con nhà *khun* nhà nòi họ vàng!

Có *chong căm* đặt bên phía *quản*!

Con nòi *tạo* cầm gươm đi tìm *mường*!

Ông hãy nhảy lên lưng rồng vàng đỏ!

Bay qua và bay lên!

Đi đến *Mường Then Hịt - Then Hạy*!

Người là dân thì không cửa!

Già tóc bạc vẫn không có nhà!

Tạo mất chức thì không có đất *bản!*

Tạo mất *bản* thì không có đất *mường*!

Mất *bản* Ông mất của!

Mất *mường* Ông phải bỏ nơi nhà lớn của thành đạt!

Minh đẹp Ông không được bầy!

Nen tốt Ông không được dựng!

Then phải chia một hồn Ông đến ngụ ở *mường Hịt* và *Mường Hạy* đây rồi!

Đến ngày giỗ, xuống ăn xôi đồ lại!

Nắng lên, xuống ăn bữa cơm trưa, ăn hương mùi xôi nếp từ nhiều giống!

Làm ma ở cõi *đẳm* hãy tỏ hết độ lượng!

Làm ma ở mường *then* hãy tỏ hết bao dung!

Làm điều lành như khi còn sống!

Tỏ ra biết như khi còn thành người!

Phù hộ con để con vững tựa cây *ban*!

Phù hộ cháu để cháu nở tựa bông hoa!

Chốn này qua nhanh đi qua!

Nơi này bước mau lẹ!

Đi lên hỏi cụ *then* già, chủ *then Khọk - then Khớ*[31]

Nghe lời hỏi *then Khọk* bèn đáp!

Nghe lời thốt, *then Khớ* tỏ nhời:

"...Dây *khớ* của Ông đã đứt khỏi sợi!

Dây *khọk* của Ông tự tuột khỏi *minh*!..."

Bởi vì trời bảo rồi mà Ông vẫn không biết đem lời dối trá ra để đáp *then*!

Lòng gian ngoan đã không thúc Ông khéo đáp lại nhời trời!

Nguyện từ trên không giáng xuống Ông đã không sống tiếp!

Nguyện từ cõi trời giáng xuống thành người Ông đã không thọ hơn!

Chốn này nhanh đi qua!

Nơi này bước mau lẹ!

Tới hỏi phòng *then Chăng - Then Bun*

Then đặt số phận trong sáng từ thủa trước!

Ông hãy vào lớp trời để tới nhà *then*!

Mới nhìn thấy *then Chăng* ở núi Pha Chàng sừng sững!

Núi đá ở cõi trời có 12 thang bậc!

Con dân leo tới bậc mười đã tận cùng!

Con *khun tạo* lên tới bậc mười hai!

Then phân họ cưỡi trên đầu voi!

Để sửa sang thiên hạ!

Then bèn nói:

"...*Nen* của Ông đã tận!

Minh của Ông đã xa lìa người cùng lứa cùng thì!

Hết *minh* vợ *minh* chồng phải tan!

Nguyện thành ma đi ở *đẳm liên pan* lớn nơi rộng!

Lên dựng *đẳm liên pan* lớn nơi cao!

Các người hãy né đường mà lên!

Tránh lối mà đi tới..."

Đi đến nơi có nguồn "nước quên" ở mường *then Hung - then Lôm*[37]!

Ma chết phải uống nước nguồn để quên mình!

Nguồn nước uống để quên hẳn cõi người!

Ông hãy cúi đầu uống nước này cho ngon!

Quên hẳn con hẳn cháu ở bên nhà đang sống làm người!

Quên hẳn anh em ở trong nhà đang làm người!

Làm ma ở cõi *đẳm* hãy tỏ ra độ lượng

Làm ma ở *Mường Then* hãy tỏ hết bao dung!

Làm điều lành như khi còn sống!

Tỏ ra biết như khi còn thành người!

Phù hộ con để con vững tựa cây ban!

Phù hộ cháu để cháu nở tựa bông hoa!

Chốn này nhanh đi qua!

Nơi này bước mau lẹ!

Hành trình đi đến *đẳm then* lớn!

Mường *Then Thống*!

Then Thống chiếm nửa mường *then* bát ngát!

Chiếm cõi trời Đồng Lò bao la

Then lớn hỏi Ông *đẳm* gì?

Ông hãy đáp *đẳm Lò* lớn nòi *tạo*!

Thuộc nòi giống là gốc người Thái!

Không trung nơi rất rộng!

Mường trời nơi rất cao!

Đưa ma tới nơi *Liên Pan* lớn rồi đó!

Đưa đến họ nhà *tạo, đẳm* lớn *then* bầy!

Nơi đây không cần làm tự khắc được ăn!

Không cần tiêu cũng được của ngon lành!

Lúa hết lúa tự đến!

Cá hết cá tự lại!

Hạt lúa to bằng quả bí xanh!

Ngọn rau phải dùng rìu chặt!

Ăn một bữa sống được hai mươi ngày!

Ăn một ngày sống được đến bốn mươi, năm mươi ngày đêm!

Người đã trẻ thì mãi không đầu bạc!

Người già rồi tựa biết lột không chết!

Ngày đêm đi không lại!

Muôn nghìn ngày cũng lại như ngày cũ!

Vào nhà nào cũng có con rể ngủ ở quản!

Có con dâu trẻ đẹp dệt vải bên gian chàn!

Con trẻ thừa cái ăn!

Con thơ thừa cái mặc!

Mặt hồng hào tựa mơ chín tháng tư!

Chỗ nào cũng có bạc!

Nhà nào cũng đầy vàng ăm ắp!

Bữa ăn thừa chẳng phải mượn!

Hết cỗ bàn lại tiếp cỗ bàn trở lại!

Xôi đồ đổ ra không quạt!

Chải tóc không phải búi!

Buổi sáng dậy tóc tự thành ngôi!

Tắm rửa có người kì!

Trải tóc có người giúp!

Đặt mình nằm đã có người đỡ!

Mường này *mường* chơi hoa không bao giờ hết!

Mường lễ hội không dứt!

Những nơi này trời đã mỏng tựa vỏ trứng

Tảng mây rơi mịt mù con mắt!

Bụng trời võng tựa hồ cái huốt!

Không trung dụt sừng trâu!

Mới thấy một bãi cát lớn quay tròn lấy vòng ngoài trời!

Chủ cõi trời với chủ *thuồng luồng* chầu nhau[32]!

Nơi đây trời mở cửa cho bước, Ông mới được bước!

Trời mở của sổ cho được đi, Ông mới được đi!

Mười năm Ông cũng không được lại!

Chín năm Ông cũng đừng hòng trở lại cõi người!

Sau Ông là nước dâng!

Trước Ông là nước lũ đỏ ngầu!

Loài ma mà đi thì sẽ chết tiệt nòi!

C. Đoạn kết chung cho a và b

Tiễn đến rồi (chúng tôi) trở lại!

Đến nơi rồi (chúng tôi) quay về!

Chúng tôi xuống để đắp dâng nước vào tưới ruộng!

Xuống kiếm cá nuôi con!

Xuống trồng lúa tốt tươi nuôi cả nhà!

Lúc tiễn đưa Ông lên trời. Chúng tôi phải lên đường vòng!

Lúc trở về chúng tôi đi đường thẳng!

Xuống theo đường có cây hẹ mọc lá!

Bên phía đường có cây sả mọc hoa!

Già tóc bạc sống lâu!

Xuống theo đường có cây chuối không phải trồng tự đâm chồi

Người không cúng, không quải tự khắc lớn!

Xuống theo đường làm bằng cây chò chỉ do *then* bắc!

Chủ cõi trời thiêng liêng đã làm đường!

Để thành đường xuống trần gian thênh thang!

Lăn xuống như con quay!

Quăng người xuống như quăng dùi quăng đòn!

Xuống tới núi *Khâu Tù Ăm Poi*!

Nơi có nguồn nước *lói* uống ngon!

Xuống tới *bản* Chiềng Ly, đúng rồi đúng rồi!

Đi tới *bản* Pẹn, *bản* Púak, *bản* Thôm, *bản* Mòn!

Từ biệt cửa lớn nơi có thốt voi phục!

Để rộng cẳng mà lại với nếp nhà nơi chứa đựng linh hồn của ta!

Đến *mường* Piềng!

Đến *mường* Sại!

Phía đầu *mường* có *bản* Cán, *bản* Canh đã rõ!

Phía cuối *mường* có *bản* Búak Én, *bản* Kêm, *bản* He!

Hai bên bờ dòng nước có *bản* Bẻ, *bản* Bùng!

Bản Bung, Kêm, Nà Lạn, *bản* Pín, Pom Chai!

Bản người nào người ấy đi ở, ruộng người nào người nấy đi làm

Hú hồn ơi! Hãy mau quay trở lại nhà!

CHÚ Ý

Người con đầu đọc bài khóc tiễn hồn, (*xán xống)* tuy rất dài, nhưng chỉ được phép thực hiện từ nửa đêm đến gần sáng không được phép kéo dài. Kinh nghiệm cho hay, người ta thường thực hiện tục này trong từ 3-4 tiếng đồng hồ là xong.

NGÀY THỨ BA

Ngày đặt (đưa thi thể ra rừng để thiêu)

1. Tục phân cho các chàng rể khiêng- trong những ngày quàn và tiến hành các nghi thức tang lễ khác, phải vào rừng chặt tre để làm đòn buộc thành giàn, thành chõng, chuẩn bị dây dựa sẵn để buộc. Tục lệ quy định chỉ được lấy một loại cây tre có tên là *xàng*, các tre có tên khác như: Hốc, Púak, Pháy... thì xếp vào loại kiêng không lấy về để làm đòn giàn và chõng khiêng thi hài.

2. Trước khi đưa thi thể lên đặt nằm trên chõng, người con trai cho mổ lợn để đặt mâm cúng bữa. Các con trai, con gái phủ phục trước linh cữu. Con trưởng đọc lời mời hồn ma:

Cha hỡi! (Mẹ...)

Cha chết bỏ mất tên ghi thành chữ!

Cha khuất quên hẳn tên của mình!

Các con đây đương phủ phục bên cha!

Xin có lợn, trầu và cau!

Đến bầy mâm, đặt bữa!

Gióng lời thức cha dậy ăn cơm!

Dậy cầm cần, hai chén rượu đôi!

Dậy ngồi bữa, con côi đem đến nộp!

Dậy xơi cơm con côi cúi lạy mời!

Lật chăn hoa dậy ăn cơm!

Cúi đầu ăn xì xà!

Nhắm mắt ăn xì xụp!

Đừng gọi con đến cùng!

Đừng gọi cháu đến với!

Hồn con đến, hãy dùng đũa đánh!

Hồn em đến, hãy dùng đũa ẩn!

Hồn cháu đến, hãy mau đuổi xa!

3. Khi trời đã tảng sáng, con trai buông túi xuống sàn rồi gọi "rể gốc" đến nhận đồ của chủ tang lễ trao. Trong đó có một con lợn để hàng rể mổ đặt mâm cúng trước linh cữu. Nhập vai theo đúng tục, "rể gốc" chuẩn bị tiến hành nghi thức đưa hồn ma vào cõi hư vô. Lệ quy định, "rể gốc" lúc này phải bỏ khăn đen để chia khăn trắng, lưng thắt hai bao dao, đeo một chiếc túi vải Thái. Sau đó tiến đến trước linh cữu và quỳ gối lạy 3 lượt. Trong tư thế quỳ, tay chống thanh dao tuốt trần xuống sàn nhà, quay mặt lưỡi về phía linh cữu; người vợ nắm vạt áo phía sau của chồng kéo níu lại; "rể gốc" bắt đầu xướng to bài bản theo giọng gọi là *xán xống* (tiễn ma).

Trong thực tế có rất nhiều chàng rể thụ vai "rể gốc" trong nghi thức tang ma, nhưng không thể tự xướng được bài bản *xán xống* để tiễn đưa linh hồn ma về cõi hư vô nên người ta mới đặt lệ phải có người thụ vai gọi là "rể dẫn". Ông này làm tất cả mọi phong tục tập quán nghi lễ, "rể

gốc" chỉ việc làm theo. Khi xướng các bài bản thì "rể dẫn" đọc trước, "rể gốc" nhắc lại tuần tự từng câu, từng câu cho đến khi kết thúc. Những phần gạo, thịt rượu "rể gốc" được chủ tang giành cho thì phải theo lệ chia cho "rể dẫn" một nửa.

Bài bản *xán xống* cũng chính là bài bản "khóc tiễn đưa" mà người con trưởng đã đọc theo "giọng điếu" đêm hôm trước. Theo tục, tiễn linh hồn ma lần này "rể gốc" chỉ cần xướng đầy đủ theo trình tự ba đoạn:

- Thức hồn ma dậy ăn bữa.

- Kể về đường đau ốm.

- Đưa hồn ma đi xuống đất Mường Lò quê tổ. Nhưng chỉ tiễn đến rừng ma là xong, không được phép tiễn quá.

4. Đưa linh cữu từ gác nhà xuống sân.

Các "rể ngọn" sau khi lấy cây *mạy xàng* làm xong chõng thì khiêng lên đặt ở giữa nhà. Các con, cháu gái, trai xúm lại cùng khiêng linh cữu lên chõng. Sau đó khiêng chõng xuống thang bắc bên gian cửa sổ làm bằng giàn cây tre *mạy xàng* để đặt ở sân. Cha chết thì chõng linh cữu đưa xuống gian phía *quản*. Mẹ chết, chõng linh cữu đưa xuống phía *chan*.

Sau khi đặt chõng linh cữu xuống đất, con trưởng phải đem màn đen vải Thái xuống giăng phủ lên chõng. Bốn chàng "rể khiêng" đem tre mạy xàng đến buộc thành giàn để đặt chõng linh cữu. Sau đó họ phải phân ra để đứng ở 4 góc. Các chàng "rể ngọn" khác xúm bám vào để nâng chõng linh cữu lên vai mà khiêng đi. Những anh em ruột thịt, cùng vợ con của họ thì quỳ hoặc ngồi chệt xuống đất để đưa chõng linh cữu qua trên đầu. Động tác này thường được làm 1,2 lần tuỳ từng gia chủ. Riêng con trưởng không tham gia quỳ phủ phục mà cầm cờ đi dẫn đầu. Theo tục, cờ đó có hai miếng vải khép lại. Trong đó, một miếng là vải thổ cẩm đỏ và miếng kia là vải trắng thô. Ở mép cờ có dính tua sợi bông mầu trắng, vàng, đỏ... "rể gốc" vác đòn treo đầu lợn

đã luộc chín và cầm một bó đuốc thắp sáng đi theo sau. Tiếp đến đoàn khiêng chõng linh cữu và những người tiễn đưa, xếp theo thứ tự - "họ đầu trắng", "họ đầu đen" và bà con trong *bản*, trong *mường*.

Đến khu rừng ma, chõng linh cữu được tháo ra khỏi giàn khiêng và đặt lên chỗ đã được xác định là phần mộ. "Rể gốc" bó đầu lợn xuống mâm lót lá chuối đặt trước chõng linh cữu, quỳ xuống chống dao quay mặt lưỡi về phía linh cữu và đọc lại bài bản thức hồn ma dậy ăn bữa một lần nữa. Xong rồi anh em trong khối *ải nọng* khiêng cả chõng hoặc nhấc linh cữu ra khỏi chõng để đặt lên giàn thiêu. "Rể gốc" đưa bó đuốc vào châm đốt giàn thiêu. Khi ngọn lửa đã bùng cháy to, "rể gốc" theo lệ bỏ khăn tang xuống nộp cho linh hồn ma rồi quay trở về nhà để lại anh em trong khối *ải nọng* trông coi đống lửa thiêu cho đến lúc tàn. Khi ngọn lửa bốc, mọi người đều tạm bỏ khăn, áo tang trắng ra để nộp cho linh hồn ma và kêu khóc. Nam giới thì quỳ gối lạy, nữ giới ngồi chệt xuống đất mà lễ. Ngọn lửa tàn, mỗi người cùng nhau đi chặt hái những cành lá xanh đem đến đặt lên trên đống tro than để ủ. Xong xuôi rồi thì người nào người ấy cầm lấy đồ tang của mình trở về bến nước để tắm rửa, vận lại y phục tang và ăn bữa cơm chiều ở nhà tang chủ.

NGÀY THỨ TƯ

GỌI LÀ NGÀY ĐƯA

Đến hôm sau, vào lúc gà gáy sáng, chủ tang lễ giao cho "rể gốc" một con gà để mổ và luộc chín bỏ vào giỏ hoặc túi vải chuẩn bị dẫn bà con, *bản mường* kéo nhau ra rừng ma để làm thủ tục lệ nhặt xương. Phải đợi đến khi trời sáng hẳn, *ải nọng*, "rể gốc", *bản mường* mới cùng nhau ra rừng ma. Con trai nhặt từng mẩu hài cốt của cha (mẹ) đem rửa trong rượu cho sạch sẽ rồi bầy lên trên tấm vải trắng Thái. "Rể gốc" bắt đầu lấy đoạn mía chẻ đôi để làm đũa gắp những mẩu hài cốt trên tấm vải lót vào trong vò sứ theo thứ tự phân chân cẳng đặt xuống đáy trước, tiếp đến phần mình và hai tay, cổ và sau cùng là hộp sọ. Miệng vò hài cốt được "rể gốc" đậy lên một chiếc đĩa, sau đó lấy miếng vải

đỏ phủ ra ngoài và dùng dây sợi bện trắng, đỏ buộc chặt lại.

"Rể gốc" bỏ gà luộc lên trên lá chuối lót, rồi quỳ phủ phục, chống dao quay lưỡi về phía vò hài cốt mà xướng bài thức hồn ma dậy ăn bữa một lần nữa.

Tiếp đến:

- Nếu là người thuộc họ bình dân thì con trai đầu phải địu lấy vò hài cốt của cha (mẹ) mình, đi chôn ở phần mộ nơi rừng ma.

- Nếu là người thuộc họ quý tộc thì con trai đầu phải địu lấy vò hài cốt của cha (mẹ) mình cùng với người thân cận cha, thể như *mo mường* bí mật đưa lên đặt cất (không chôn) ở khu vực trên đỉnh núi *nen* mường. Cất rồi, người con trưởng ấy phải đặt lên miệng vò một thanh gươm.

Chôn hoặc cất xong vò hài cốt cha (mẹ), con cháu cùng *bản mường* trở về nhà của mình hoặc nhà tang chủ để nghỉ ngơi. Cho đến khi mọi người đến đông đủ, chủ tang lại cho làm tiếp các nghi thức theo thứ tự các thủ tục của lễ như sau:

- Giao cho hàng rể một *con trâu trắng mổ* và nộp linh hồn của nó cho người quá cố dắt vào cõi ma để làm ruộng *đẩm*. Các "rể ngọn" buộc sừng trâu vào cột và lấy dây để dăng thành thòng lọng, khi kéo sẽ thít 4 chân con vật lại. Lúc này, "rể gốc" phải chít khăn tang để cùng chủ tang lễ làm các công việc tiếp theo:

- "Rể gốc" cầm một suốt tơ sợi và một dây thừng đi xuống gầm sàn. Chủ tang lễ cũng đi theo sau. "Rể gốc" tời sợi tơ khỏi suốt để bện vào dây thừng rồi buộc vào chão trâu. Sau đó nộp suốt tơ ấy cho chủ tang lễ. Hai người cùng nhau tời sợi tơ dăng thành dây và trèo lên thang đến đứng ở vị trí của mình. Tất cả gái, trai, trẻ, già trong nhóm *ải nọng* (họ đầu trắng) xúm lại cầm vào sợi tơ dăng. "Rể gốc" cầm ngay một chiếc rìu vội bước xuống cầu thang vào gầm nhà rồi giơ rìu lên dáng một đòn hiểm, bổ vào gáy của con trâu. Sau đó ông phải lên nhà để lột khăn trắng trên đầu xuống. Trong khi trâu đương giãy giụa các chàng

rể xúm lại kéo các đầu mối dây thòng lọng để thít bốn chân làm cho con vật không còn sức để lồng lộn nữa. Họ bắt đầu cắt tiết và mổ phanh con trâu để chia thành những phần thịt theo phong tục tập quán. "Rể gốc" xuống thang nhận phần thịt. Nếu trâu to thì số thịt cần lấy phải tới đầy 3 cái dậu và 3 cân lòng đem lên nhà để làm thành hai mâm cơm:

1. Bầy mâm để nhóm anh em trong khối *vả đầu trắng* ăn trước với ý nghĩa là tranh phần ăn với ma để chúng nhìn thấy mà nổi cơn ghen tức, ghét cõi người mà xa lánh, không gọi các linh hồn sống vào bữa ăn cùng. Bởi vậy, tục lệ mới gọi đây là *mâm cơm ghét* hoặc *bàn cơm ăn tranh với ma.*

2. Anh em trong khối *vả đầu trắng* ăn xong xuôi, "rể đầu" lại mâm cỗ và gọi các linh hồn ma tới ăn. "Rể gốc" lại thít khăn tang lên để đưa mâm cỗ lên trước chỗ đặt chõng thi thể hôm qua, hôm kia. Sau đó lại làm động tác quỳ gối chống dao, quay mặt lưỡi về phía hồn ma và xướng những bài bản sau:

- *Thức hồn ma dậy ăn bữa*

- *Kể về đường đau ốm*

(Hai bài bản này đã ghi ở phần trên)

Xướng cho hết đến câu cuối cùng:

"... *ải nọng* cùng cả nhóm *lung ta, bản mường* lại giúp làm lễ tang..." rồi lại đọc tiếp những bài bản như sau:

a. Nói về đường gặp phải những điềm gở:

Ông đương ăn

Ông đương ở

Bỗng nhiên lại thấy con rết leo cột giữa!

Thằn lằn ma lại leo lên cột nhà!

Đường dây trời lại chiếu ngay vào giữa nhà!

(Lời nhắc lại hay điệp khúc)

Người ta bảo đó là điềm gở điềm xấu!

Ông lại nói đó là bùa ngọc quý!

Ông thu về và mang theo!

Đi lên nhà nơi có loài chuột cắn!

Gối trên đầu chuột gặm!

Con cú đậu cánh cửa!

Chuột bạch nuôi ở trong nhà lại bắt gà con!

(Trở lại đọc điệp khúc):

Đi nương Ông thấy rắn Xa!

Đi ruộng Ông thấy rắn cạp nong!

Vào mâm Ông thấy loài sâu bọ ròi đất

(Trở lại đọc điệp khúc):

Ra bến nước Ông thấy con thuồng luồng lớn tựa con thuyền!

Đi vào rừng Ông thấy con hổ lớn tựa thớt voi, cỗ ngựa!

(Trở lại đọc điệp khúc):

b. Đọc lời nộp giao của cải

Ông hãy đưa tay đây để tôi đeo nhẫn!

Đưa bàn tay để nhận lấy của cải tôi nộp, tôi giao!

- 50 cây *heo*
- *1 con trâu trắng,*
- 5,6 cái bát,
- 2 cái chén,
- 1 đôi *bem*,

-1 nồi đồng,

- 4,5 bu gà,

- hơn 10 con lợn,

Thứ nào tôi còn quên không nhắc Ông nhớ mà lấy!

Để đem đi làm giầu ở cõi ma!

Để đem đi làm sang ở chốn xa lạ cõi người!

C. Đọc lại các bài bản sau:

- *Thức ma dậy ăn bữa (cổ trâu)*

- *Đưa hồn ma về Mường Lò quê tổ*

- *Đưa hồn ma về cõi trời*

3. "Rể gốc" dứt lời thì toàn bộ đám tang đi vào các bước tục lệ sau:

a. Chuẩn bị đưa toàn bộ đồ tang lễ ra rừng ma:

- Con trai trưởng cầm chiếc *bem* chuẩn bị đi trước dẫn đường.

- "Rể gốc" nâng mâm cỗ đầu lợn lên đầu, với một người che ô đi tiếp sau.

- Tất cả mọi người đi tiễn đưa đều đứng dậy, ai cầm được thứ nào thì đều phải đưa thứ đó lần lượt kéo đi. Tục kiêng cấm - không được phép bỏ sót đồ đã cho người chết ở nhà. Nếu chẳng may quên sót thì chủ nhà hoặc anh em trong nhóm "họ đầu trắng" phải lập tức đem ra rừng ma để vứt ngay lập tức.

b. Đến nơi chôn cất hài cốt bên rừng ma:

- Mọi người cùng nhau chặt cây để dựng một chiếc lều hoặc nhà mồ lên trên nơi chôn cất hài cốt.

- Sau đó, người con trưởng đem *bem* vào đặt phía trên, nơi để "ma nằm gối đầu cho ma".

- "Rể đầu" đặt mâm cỗ đầu lợn xuống trước lều. Trong đó nhớ

không được thiếu mấy thứ: 1 ống nước, 1 chai rượu, 1 bao gạo nặng khoảng 2 cân, 1 giỏ xôi, quần áo, chăn đệm... thứ gì đã đem từ nhà tới để nộp cho người chết thì phải bầy ra ở trước sân nhà mồ cho hết. Sau khi làm lễ giao xong mới dọn vào nhà mồ.

"Rể gốc" chít khăn trắng, lại quỳ phủ phục, chống dao quay mặt lưỡi về phía lều và lại xướng đoạn nộp giao của cải cho người chết. Sau đó đọc tiếp sang đoạn thức ma dậy ăn bữa. Tiếp theo là bước dựng các cây *heo.*

- Chuẩn bị dựng các cây heo

Lệ đặt ra - nam giới chết thì phải có cây mang tên là *chao phạ* hay *cao.* Nữ giới chết thì có cây mang tên là *pí va* (hoa chuối mở).

Chao phạ (cao) có hai cây ghép lại:

- Một cây thân gỗ dựng thành cột trụ mang tên là *tung.* Trên đỉnh cây trụ này, người ta đóng vào một chiếc khay lớn gọi là *mâm cơm không.* Trên *mâm cơm không,* người ta cắm một hoặc hai chiếc ô đen hoặc một đen, một trắng mở ra để che mưa, nắng. Phía dưới ô, được buộc một đòn tre dài đặt nằm ngang để treo hai chiếc quần, hai chiếc áo mới, mang tên là *miếng vải vắt ở mồ.* Tiếp xuống phía dưới là hình nộm một con vật được tạc và đẽo bằng gỗ có hình thù như con chim mang tên là *chim cao* hay *ngựa cánh.* Đây là con vật và hồn ma phải rẽ thành đôi ngả. Hồn ma thì đi về gặp *then* họ để *then* này mách cho biết đường về với *đẳm* của mình mà tồn tại vĩnh cửu. Con vật có hình nộm đó thì bay về đậu vĩnh cửu để sống ăn quả cây đa lớn cửa nhà trời. Lúc này con vật được mang tên là chim *tiếng bạc tiếng vàng.*

- Một cây tre dài tới 16 sải tay mang tên chính của vật này là *chao phạ* (cao). Tám sải phía ngọn, người ta làm dải cờ lá chuối được ghép bởi hai đường vải dài khâu đính vào nhau. Bên sát cây tre là vải trắng và phía ngoài ghép và vải thổ cẩm gọi là *pe* hoặc *khít.*

Ở gốc cây *chao phạ* (cao), người ta đặt một các chạn con gọi là *phi ho.* Ở phía dưới chỗ đặt *phi ho,* người ta buộc hoặc đóng treo đầu có cả

sừng con trâu trắng (đen). Lệ này là làm theo sách ghi trong tập *táy pú xốc* nói rằng ngày xưa có cụ *lạng chượng* cưỡi đầu voi đeo gươm đi tìm mường. Lúc cụ băng hà thì mổ voi làm bữa tang ma để lấy đầu voi đóng vào gốc cây *chao phạ* nên có câu: "...gốc cao cắm ngà voi...". Người là dân thời đó cũng phải đi chinh chiến theo cụ nên có câu: "...Gốc *cao* treo sừng trâu. Lúc bữa trưa vẫn phải nằm ở cánh đồng theo cụ..."

Cây *tung*, cây *chao phạ* cũng như cây cắm cờ *heo* phải làm sẵn từ nhà. Khi đến rừng ma thì chỉ việc cùng nhau lắp giáp và dựng. Mỗi cột trụ cắm tới 20 que cờ. Một cây *chao phạ*, lệ Thái tính là 30 nên mới có tên là làm tang ma *năm mươi*. Nếu thêm một cột trụ cắm cờ *heo* nữa thì thành tang ma *bảy mươi* và thêm một nữa là tang ma *chín mươi*... Theo đúng tục lệ, cứ thêm một cây cột trụ cắm cờ *heo* thì phải mổ thêm một con trâu để làm bữa tang ma. Là người trong họ bình dân, dù có chức trọng giầu sang như thế nào, lệ cũng chỉ quy định cho làm tang lễ hai trâu - một trắng, một đen nếu người chết là nam hoặc một đen và một trắng nếu là nữ - tức làm tang lễ *bảy mươi*, không được phép quá. Lệ này được coi như một khoản nằm trong cái gọi là "*lệ bản mười hai*". Là con nòi *tạo*, lệ cho phép không những làm lễ tang như người bình dân coi như mức tối thiểu; thông thường phải trên mức ấy là tang ma *chín mươi* tức mổ 1 trâu trắng, 1 trâu đen và 1 trâu trắng nếu là nam và nữ thì ngược lại. Lễ mổ tới ba trâu như thế được mang tên là làm *tang một trăm hai mươi*, nằm trong *luật mường* gọi là *luật mường hai mươi tư*. Ngày xưa các *chẩu mường luông* có danh tiếng thì toàn thể khu vực Mười Sáu Châu Thái phải có nghĩa vụ tham gia. Mỗi một *châu mường* phải mổ đôi trâu trắng, đen, cộng là 32 trâu và nếu kể cả 3 con của *bản mường* sở tại sẽ là 36 con trâu tương đương với 34 cây trụ cắm mỗi cây 20 lá cờ *heo* nhận của 16 *châu mường* là 320. Và cộng với một cây *chao phạ* nữa thành một lễ tang *ba trăm năm mươi*. Lệ này cũng nằm trong cái gọi là *luật mường hai mươi bốn*.

Ngoài số phải cắt thành cờ cắm thành cây *heo*, chủ tang lễ còn cần phải có 16 sải vải trắng và 8 sải vải thổ cẩm đỏ gọi là *pe* hoặc *khít* để

vắt thêm vào cây *chao phạ* trước khi dựng thành cột.

DỰNG CÁC CÂY *HEO*

Con trai đầu cùng với chủ tang lễ đứng chỉ huy cho mọi người dựng cây *heo*. Thoạt tiên người ta phải dựng cây *chao phạ*. Bắt đầu dựng và chôn cây *tung* cho thật vững chắc rồi mới dựng và chôn cây *chao phạ* ngay sát cạnh để buộc hoặc chốt hai cây lại với nhau thành cái chung là *chao phạ*. Vị trí chôn thường ở ngay trước đầu hồi của lều *heo*. Sau đó đến việc dựng và chôn những cây trụ có cắm cờ *heo*. Những cây cờ *heo* này thường cắm thành hình vuông xoay quanh lều *heo* và *chao phạ*.

Tất cả những công việc này chỉ được phép tiến hành trong một ngày. Bởi vậy việc làm *heo* phải hết sức tranh thủ khẩn trương. Cách tổ chức mang tính tập quán khá đầy đủ nên người nào người nấy đều bắt tay ngay vào công việc, không phải thúc giục hoặc bầy cách trước rồi mới tiến hành. Cơm nước bữa trưa chu đáo. Mọi công việc xong xuôi cũng là lúc mặt trời nghiêng về những dặng núi phía tây. Mọi người cùng nhau gọi hú hồn của mình và trở về nhà.

4. Lệ gọi ma ăn "mâm cỗ tận số":

a. Chủ tang lễ đem thức ăn giành cho loài ma ăn đặt lên trên một chiếc mẹt để ở giữa nhà, trong đó có những thức sau:

- 1 mẩu xương trâu.

- 1 dúm rau xanh

- 1 hòn xôi nếp.

Ải nọng, lung ta, nhinh xao cùng bà con cùng họ, cùng dòng giống với gia đình ai cũng vào ngồi quanh chiếc mẹt "mâm tận số "của ma, không ai được vắng mặt. Chủ tang lễ bắt đầu xướng từng câu hỏi để mọi người im lặng nghe và đồng thanh trả lời:

- Tất cả con cháu ruột thịt kể cả những nàng dâu đã về đến nhà hết chưa?

- Về hết rồi!

- Còn *ải nọng* ta nữa, ai cũng lại nhà cả đấy chứ?

- Về tất cả rồi!

- *Lung ta* và *nhính xao* cùng tất cả những người cùng dòng máu đã về nhà hết chưa?

- Về tất cả rồi!

- Ôi! Chỉ còn vắng có mỗi một người là cha (mẹ)... (nói rõ tên), ở đâu rồi?

- Chết mất rồi!

Tất cả nhà cùng rộ lên tiếng kêu khóc thảm thiết một lần nữa. Chủ tang ma lập tức lật úp mẹt và lật khe sàn để đưa thức ăn của ma vứt xuống đất.

b. Lật sấp "mâm cỗ tận số" rồi mới đặt mâm cơm, chén rượu mời bà con vào ăn cỗ để tỏ rõ linh hồn sống của mình vẫn có mặt đầy đủ không đi vơ vẩn theo loài ma.

c. Buổi chiều tối, chủ tang ma lại mời bà con lại ăn bữa cơm tối mang tên là *"ăn và uống rượu ganh với ma ở rừng"*.

NGÀY THỨ NĂM VÀ

NHỮNG NGÀY SAU:

1. Những nghi thức thăm mồ:

a. Ngày thứ năm được gọi là *ngày lật đổ mâm cơm của ma* - con trai trưởng cùng anh chị em trong họ hàng đem cơm, nước, rượu, thức ăn chín và 1,2 con gà còn sống đến thăm lại mộ. Khi tới nơi, con trai trưởng bưng mâm cơm cúng ma cũ ở trong lều ra lật sấp, đổ cho hết những thứ đã bầy cho ma ăn; để rồi đặt lại thịt, cá cũng như các của ngon vật lạ khác cho thành mâm cơm cúng mới, rồi bưng lên đặt lại chỗ cũ. Múc nước vào ống bương đem đặt dựa vào vách. Đem con gà

buộc chân vào cột ở gầm sàn lều; rắc gạo xung quanh cho nó ăn để "tiếp tục sống và biến thành gà rừng".

b. Từ ngày thứ 6 trở đi, cứ 2,3 ngày một lần, người nhà đem của ngon vật lạ đi dặt ở lều mộ cho ma một lần. Lần nào tới thăm mộ, người nhà cũng nhớ đem chăn, đệm, gối ra phơi phóng rồi lại cất vào nơi cũ. Trong thời gian một can tức 12 ngày, khi tìm được ngày lành tháng tốt mới dựng một chiếc lều con mang tên là lều xin ở bên vệ đường người thường qua lại mới chấm dứt thời gian thăm rừng ma.

2. Lễ gọi là *phún gom hồn*:

Nghỉ việc thăm viếng mộ ngày nào, ngay ngày hôm sau đó, chủ tang ma phải tiến hành ngay lễ gọi là *phún gom hồn*. Lễ này có ý nghĩa là cúng cho các linh hồn của người còn sống được bình yên, khỏe mạnh, tiếp tục sống và làm ăn phát đạt.

Ải nọng trong *họ đầu trắng*, mỗi một cặp vợ chồng đem đến nhà tang chủ một túi vải đựng quần áo, trong đó bỏ vào 1 gói xôi, 1 gói cá, nếu không có cá thì có thể thay bằng gói một quả trứng gà luộc. Cái túi của vợ chồng chủ tang lễ thì phải có gói gà luộc cả con, 2 gói xôi và 2 gói cá (hoặc trứng gà luộc).

Chủ tang lễ cho luộc chín một con gà đặt thành mâm trước đống túi quần áo để cúng hồn. Sai hai người đàn bà đi mời bà *một* đến đọc bài gom hồn theo giọng gọi là *phún*.

3. Làm lễ gọi là đưa ma lên nhà

a. Bước chuẩn bị

- Sáng ngày hôm sau, sau khi làm lễ *phún gom hồn* xong thì con trai đầu cùng *ải nọng* trong *họ đầu trắng* lại mặc quần áo tang đi tới rừng ma để hú gọi hương hồn cha (mẹ) trở về nơi gian *hóng* ở trong nhà mình.

- Khi trở về nhà, con trai đầu vào sửa lại vách hóng, sao cho lành nguyên trở lại như không có chuyện gì xấu vừa xảy ra.

- Lễ *đưa ma lên nhà* được bầy thành hai mâm cỗ:

+ Gọi là *bàn của nhà gở* - là cỗ đầu lợn đặt ở trước gian *hóng* để cúng *đẩm. Mo* cúng gọi các ma nhà đến nhận tên người vừa quá cố để nhập vào cộng đồng họ hàng dòng máu của mình. Vật hiến sinh là con lợn có trong lượng từ một yến trở lên với một cân gà cùng rượu và xôi.

Mâm cỗ thì bầy như lễ cúng ma nhà hàng năm.

+ Gọi là *mâm của nhà lành* còn gọi là *mâm bữa trưa của mo* - là cỗ bầy thịt gà luộc cả con đặt ở nơi để các áo của tất cả người cùng dòng máu ở trong nhà, bà con thân thuộc gần xa và láng giềng trong *bản* trong *mường.* Nói chung, những ai đã giúp tang chủ làm việc chôn cất đều phải đặt áo, gói gà luộc, gói cá hoặc trứng để cho mo cúng hồn.

b. Bước thực hiện lệ

Mo cúng là "rể cúng". Nếu "rể gốc" không thuộc bài bản, cũng không hay chữ để đọc hoặc lại không biết xướng theo làn điệu và nhịp điệu của giọng cúng mo thì phải thuê người thay. Giá thuê là hai hào bạc trắng.

c. Mo đọc những đoạn cúng mâm rượu gà mang tên chung là cúng ngày dữ:

- Bài *kể về đường đau ốm* - phải kể cho hết đến câu chót:

"...Năm chàng rể trong dòng!

Ải nọng cùng cả nhóm *lung ta, bản mường* lại giúp làm lễ tang..." thì đọc tiếp vào đoạn.

Nhà dựng ở trong rừng, cửa ngăn được khóa chặt!

Nhà đặt ở trong rú, cửa rừng bị cài then

đã được 10 ngày *dậu* vào *chỉ*!

Nhập vào *can* là *bính*!

Hơn 20 ngày qua!

- Đọc theo giọng *xến mo* các đoạn trong bài bản cúng cỗ gà - *cúng ngày xấu.*

MỞ ĐẦU

Làm nhà cho chủ mâm rượu mâm cỗ cũng đã xong!

Ngôi nhà của chủ mâm rượu mâm cỗ cũng đã được quay kín rồi!

Bởi thế cửa ngàn được khóa chặt!

Cửa rừng bị cài then!

Đã được 10 ngày *dậu* vào *chỉ*!

Nhập vào *can* là *bính!*

Hơn 20 ngày qua!

Được ngày tốt, con Ông mới đưa Ông về với nhà cột chắc!

Về với nhà cột lõi!

Ngày lành lại xum họp!

Tìm lúa được tháng tốt!

Cỗ gà lớn mời Ông lại nhà!

Cỗ gà ngon xin Ông lên bên cửa sổ!

Trèo lên bên thang tre bậc thưa!

Qua cửa sổ lại bên cỗ mời!

Cỗ gà lớn tựa công!

Gà to cao tựa công!

Gà to cao tựa ngỗng!

Ông lại nhà để làm *đắm* thu điều tốt!

Ông về nhà để làm *ma* thâu điều lành

Chắn điều xấu tựa rào chắn trâu!

Tựa phai ngăn nước!

Ông hãy về làm *đẳm,* làm chủ những điều phát!

Phù hộ để con cháu tấn tới!

MO CÚNG CHO MA ĂN

Xin kính mời chủ rượu với chủ mâm!

Xin kính mời chủ *đẳm* lành người lớn!

Đẳm đã thành người lớn từ thủa cụ kị!

Thành cội nguồn như thắt nút đầu sợi dây gai để đan chài!

Ông vớ được bãi cát rộng thành chủ ruộng đồng!

Chủ trâu đuôi nở hoa!

Trâu cái *bảu* đeo chão buộc dây làm ruộng!

Làm nhà đến một lần, hai lần Ông vẫn làm nhà!

Nhà Ông chủ rượu với chủ mâm còn có 30 chiếc áo để cúng *bảu*!

Cột nhà dùng toàn rìu đẽo nhẵn!

Đẽo nổi lên cạnh rõ góc

Đẽo từ gốc đến ngọn!

Mơ chải đầu mượt mà cắm hoa

Hoa nở rợp bóng mát khắp đất người!

Mo vẩy nước phép cho đẫm cả núi, đẫm cả trời!

Vẩy lên mặt *mo* cảm thấy mát rượi!

Tựa gió hanh, gió mát quạt ngàn dâu!

Nhẹ nhàng để *mo* tôi được cúng bón cơm gọi tên Người!

Van tới chủ rượu với chủ mâm!

Ở xa hãy nhích lại gần!

Ở dưới dịch lên phía trên!

Đến ăn thịt gà lớn tựa con công!

Ăn thịt gà cao tựa con ngỗng!

Ăn cùng xôi lúa nương lúa ruộng! Ăn cả miếng cá ruộng, cá ngon!

Xôi lúa trắng nàng quạt!

Miếng xôi ngon nàng nắm!

Nàng nắm xôi từ trên mâm làm bằng đường gân cây gỗ sâng!

Nàng nắm từ trên mâm làm bằng gỗ cây lát!

Miếng cơm ngon chủ hãy từ từ nuốt!

Nhai cơm nhuyễn trôi xuống cuống họng!

Qua họng nhỏ đừng bị vướng mắc!

Qua họng lớn đừng bị tắc nghẹn!

Nếu bị nghẹn, *mo* sẽ đổ nước trong quả bầu vào thông!

Nghẹn thức ăn, nước bùa phép *mo* đổ thông họng!

HỠI ƠI!

Mo ta đây không thốt những lời xuông!

Bởi *mo* có cái mâm đan bằng mây, bôi nhựa bóng, đặt giữa nhà!

Mo ta đây không biết mời lời rỗng

Mà có cả thịt gà con lớn tựa cộng!

Thịt gà con cao tựa ngỗng!

Gà lớn chết, không chết xuông chết uổng!

Gà sống lớn đem mổ ta không mổ để đó!

Mo băm thịt từng lát miếng tựa lá mía!

Băm thịt từng miếng nhỏ tựa lá me!

Như me có vỏ bao đậu trên cành trĩu quả!

NHỮNG LỜI PHẢI KIÊNG KỊ

Xin *tạo nhỏ* để *mo* được nói những điều kiêng kị!

Chủ rượu với chủ mâm!

Chủ rượu đã hóa thành than!

Chủ bàn hóa thành nước, thành đất mất rồi!

Điều kiêng kị, không nói tới giàn thiêu lửa cháy nổ tí tách!

Đống than lớn quét xuống huyệt để chôn!

Điều kiêng kị không nói tới vò đen đựng xương mềm!

Vò trắng đựng xương người!

Điều kiêng kị, không nói đến ngôi nhà nhỏ có bốn phên che!

Mái nhà lớn chỉ có 4 tấm phên quay 4 góc!

Rượu với chủ mâm!

Điều kiêng kị, không nói đến bốn cột chôn

Sáu cột dựng!

Cột *lẳng* dựng lên cây quá giang!

Xà đòn nóc hứng nắng!

Tám phên gianh che lợp bóng mặt trời!

Điều kiêng kị, không nói đến *dây tim* cuốn cây rầm sàn của lều mộ!

Điều kiêng kị, không nói tới cái *ho xe* nhỏ có 4 phên che!

Cả *hỏng hẹh* có bốn tấm phên quay bốn góc!

Điều kiêng kị, không nói tới *điêu đưởn* bé có 4 góc cạnh[33]

Điều kiêng kị, không nói tới gốc cây *cao* nơi treo đầu trâu!

Và ngọn *cao* có sào phơi áo!

Điều kiêng kị, không nói tới cây *chao phạ* hứng gió thổi quạt!

Điều kiêng kị, không nói tới 30 cây cắm cờ rực sáng cả rừng xanh!

80 cây cắm cờ sáng cả rừng lá!

Điều kiêng kị, không nói tới con lợn nái lớn ở gầm nhà!

Trâu đực lớn ở gầm sàn!

Chủ rượu với chủ bàn!

Lúa trên nương đổ rạp xuống từng đám!

Ngả rập đường này lại đè rập đằng kia!

KỂ NĂM THÁNG

Thu được điều lành, *mo* tôi sẽ kể về năm tháng!

Tháng giêng qua tháng hai!

Người bảo đó là tháng vui với tháng mừng!

Tháng ba qua tháng tư!

Người thì thổi tiêu chơi bạn tình!

Tháng năm qua tháng sáu!

Cây xấu ở mé đầu ruộng đâm trồi!

Tháng bảy qua tháng tám!

Cỏ gianh mọc thành cây để người gặt!

Tháng chín qua tháng mười!

Cây gạo mọc lá non bên rừng!

Tháng mười một qua tháng mười hai!

Có nhà xanh rời ở rừng!

Chủ rượu với chủ mâm!

Phải vào ở nơi nhà lập kỹ!

Ở dưới mái gianh che kỹ!

Ở yên bỗng gặp khó!

Đeo giấc ngủ say sưa vì trận ốm!

Chủ rượu với chủ mâm!

Mới phải ngã xuống đệm bông dầy!

Ngả vào chăn nhồi lông ngỗng!

Chủ rượu với chủ mâm!

Mới phải búi tó lên đỉnh đầu để chào đời!

Chải tóc về với *đằm* với họ!

Khoá chặt mình nơi rừng!

Bỏ thân mình ở rú!

Được mười ngày *dậu*, chín ngày *bính*!

Hơn hai mươi ngày trôi qua!

Người nhìn gà đoán ma đã ra!

Bói trên chân của nó mà thấy!

Biết rằng (ma) muốn lên nhà cột gỗ chắc!

Biết được (ma) muốn lên nhà có cột gỗ lõi!

Con ông mới cúi nhìn gà ở chuồng, con này bảo là to?

Cúi nhìn gà ở bu, con này bảo là lớn?

Con Ông mới chọn một con gà lớn để làm lễ gọi là *cha*[34]

Mổ gà sống lớn làm bữa!

Thấy *cha* tốt, phải Ông đã lại nhà!

Cỗ bàn gà lành, đúng Ông đã qua bên cửa sổ vào nhà!

Ông đã trèo thang bậc thưa mà lên!

Ông hỡi! Qua cửa sổ vào ngồi mâm cỗ!

Ông hãy lên nhà đậu mâm cỗ uống rượu!

Đến làm *đắm* nhà tốt nhà lành!

Đến làm ma ở nhà tốt nhà lớn!

Xin mời tới chủ rượu với chủ mâm!

Đến ăn thịt gà lớn tựa con công!

Ăn thịt gà cao tựa con ngỗng!

Thức ăn có mắc họng, nước bùa của mo sẽ thông!

Đẳm ăn trước hãy cố mà ăn thật nhiều!

*

Trong khi *mo* đang theo giọng xướng các bài bản theo tục lệ của lễ đưa ma lên nhà, vào buổi trưa, *ải nọng, lung ta,* với *bản mường* mỗi người lại mang một gói xôi, gói cá (trứng) đến đặt ở mâm cúng để mo cúng hồn một lẫn nữa. Chủ tang ma, lúc này phải bầy mâm cỗ lớn để mời mọi người vào ăn. Cỗ bàn tuy lớn, nhưng theo tục lệ thì không ai được phép ăn to nói lớn như những bữa cúng ma nhà bình thường hàng năm. Lệ cho phép mỗi người uống một chầu rượu, ăn cơm đủ no, rồi xin phép mâm đứng dậy. Trong khi mọi người ăn, *mo* vẫn tiếp tục xướng tiếp các bài bản.

CÚNG RƯỢU

Người ta cho chủ rượu với chủ mâm!

Ăn xong cỗ không được ngồi không!

Hai bữa trưa, chiều rồi không được ở vậy!

Ăn cơm rồi ta mời đến nước trong!

Tan bữa rồi ta mời tiếp nước mát!

Lau mồm miệng ta có nước chua!

Rượu mời Ông ta không đựng vào chum, không thả men!

Mà là, rượu cần khô ở trần gian đắng thơm!

Xin kính mời chủ rượu với chủ mâm!

Ngồi xa xin hãy dịch lại!

Ngồi dưới xin dịch lại gần!

Đến cầm lấy bát rượu mà uống xì xụp!

Nuốt rượu ở trong bát cho cạn nhiều lần!

*

d/. Mo đọc tiếp những đoạn cúng rượu lợn mang tên là *cúng ngày lành:*

Với những đoạn *mo* trên đây, đại diện chủ tang ma là *mo* mới bầy cỗ gà để mời một hồn ma người quá cố vào ăn, chưa mời đến các bậc tiên tổ của chủ nhà.

Bởi vậy, có nghi thức - sau khi *mo* đọc xong bài *cúng ngày dữ*, người ta phải bưng ngay mâm cỗ gà ra ngoài sàn phơi để con trai của người chết tiếp tục bưng cỗ lợn vào đặt.

Ông *mo* lập tức ra sàn phơi gội đầu và khấn quét điều xấu, thu gom điều lành, rồi mới lại ngồi ở vị trí cũ của mình ở trước hóng để đọc các bài bản *cúng cầu lành*:

NÓI VỀ ĐAU ỐM

Hỡi ơi! Xin nói những lời ở ngọn mà vọng đến tai!

Những lời giải thu lại ngọn!

Dùng lời ngon lời ngọt để nói!

Dùng lời hay nhập lòng!

Chủ áo này đã vào nhà lợp dầy!

Dưới mái gianh lợp kỹ!

Ở yên lại gặp hạn!

Giấc ngủ hóa thành ốm!

Ốm vào đúng ngày trống!

Cơn sốt đúng ngày kiêng!

Mười ngày, ốm vẫn đến!

Buổi sáng, sốt vẫn lại!

Trưa rồi mà vẫn ốm cho đến khi hết nắng!

Ốm yếu người sa sút!

Tiếng rên kêu trong chăn, vang khắp nhà!

Bữa trưa chiều chẳng buồn ăn!

Cơm nước chẳng buồn nuốt!

Ghẻ đầy mình không đỡ!

Ma tịt lên đầy mình cũng chẳng lành!

Ốm nhè nhẹ chẳng khỏi!

Đau cơn dài không ngớt!

Sốt triền miên không đỡ!

Đau dữ dội không khỏi!

Nâng chân cảm thấy nặng như nâng bó cỏ gianh!

Nâng đùi lên cảm thấy nặng như ống nước, ống bùn!

Trèo đèo đầu gối khụy!

Chém dao mỏi sã cánh!

Đem trâm cài trên búi tóc lại nhức đầu!

Chỉ đi chơi mà vẫn mỏi chân tay!

Trèo đèo không qua nổi các bậc núi!

Qua hòn đá, hòn đất cao cũng chẳng được!

Không khỏe như loài nai!

Không sức dai như voi húc!

Không khỏe mạnh như mọi người!

Từ đó, nhà cửa của chủ áo với chủ cúng!

Làm gì cũng không nên!

Lo gì cũng không đạt!

Không có con gái đến lo bữa!

Không có con trai đến trông nhà trông cửa!

Không có con dâu đẹp người đẹp nết, sưởi ấm nhà!

Từ đây trở đi gom bạc cũng không thành bạc thoi!

Gom vàng cũng không thành vàng nhiều vòng!

Nuôi lợn đực răng nanh không mọc dài!

Gom bạc vàng không đầy được túi!

Vừa được cầm lại tuột khỏi tay!

Vào bên trái lại tuột bên phải!

Vào tay mình rồi lại tuột sang tay người!

Từ đây trở đi, lợn của *chủ áo* cũng không to như đống cỏ gianh

Đàn chó của *chủ áo* cũng chẳng lớn như cây chất dưới nước cá tụ!

Đàn gà vịt không sinh nở như ngàn lau!

Buổi sáng ổ gà không thấy trứng đầy tựa sao!

Đến trưa về chẳng có gà gáy vang nhà 20 gian!

Từ đây, nuôi bò không thấy bò đẻ đến hàng ngàn con!

Nuôi trâu cũng chẳng thấy trâu đẻ ngàn lứa đầu đàn!

Không có 30 con trâu sừng khỏe!

Không có tới 990 con trâu cái sừng nhọn!

Không có trâu sừng nhọn tựa cựa gà!

Không có trâu sừng vắt chéo như ngà voi!

Muốn đưa trâu từ cột trong đi buộc ở cột góc cũng không có!

Muốn đưa trâu từ cột góc đến buộc ở cột sàn cũng không có!

Không được nhờ *khun quan* cả mường đến lấy thừng để sỏ mũi trâu!

Từ đây, trồng lúa ở trên nương không thấy trỗ nặng bông!

Trồng lúa ruộng cũng chẳng thấy trỗ bông trĩu hạt!

Cây lúa bị châu chấu cắn ngắt ngọn!

Rế mèn cắn ngắt lá!

Ngọn lúa bị con nhện chăng tơ!

Bị con tằm trời vào gây tổ làm kén!

Đất đen vùi gốc cây lúa mới vươn!

Lúa con gái, sương mù xuống che phủ!

Trổ bông không gặp mưa và sương sa!

Bông không mẩy như trứng nhái!

Hạt không đầy không xép chặt như trứng con cua, con ốc!

Đến vụ mùa, con người cầm liềm để đi gặt

Thì chủ áo không thể cầm liềm để đi gặt!

Con người cầm đòn đi gánh lúa!

Chủ áo không thể cầm đòn đi gánh lúa!

Không được gánh lúa đưa vào kho đầy ắp!

Không được gánh lúa nhập vào kho ván thưng đầy tràn!

Từ đây! Cây bông của *chủ áo* mọc lá cắt!

Nhánh bông mọc lá chẻ!

Chàm nhuộm ở trong chum chẳng có mầu xanh!

Chàm trong chum chẳng có mầu đen nhánh!

Không đen xanh như cánh của bọ cánh cam!

Không đen nhánh như cánh của loài tò vò!

Mầu đen chàm không bắt vào ngón tay!

Không có mầu xanh đen vĩnh cửu tuyệt vời!

Không có vải để làm màn biếu cô!

Không có tấm để làm chăn biếu em!

Không có của ăn diện để biếu *nhình xao!*

Từ đây! *Chủ áo* lặn nước chẳng được sâu!

Câu cá không được như mọi ngày!

Bẫy nai hoẵng chẳng thấy con nào mắc!

Đi bắt cá cũng không được cá chiên, cá bống đem về ăn bưa trưa!

Chài quăng một lần không được cá đầy giỏ!

Nỏ bắn một lần cũng chẳng được chim đầy gánh, đầy khiêng!

Từ đây! Nhà cửa của *chủ áo* làm gì cũng không được!

Lo liệu đường nào cũng không xong!

Cúng bái cũng chẳng qua được những trận sốt, trận ốm!

Nhưng nhà cửa của chủ áo còn có phu nhân giúp để bầy biện phân đặt!

Bên nếp nhà của chủ áo còn có người trông coi!

Bởi thế khi chủ áo ốm gầy, người không bỏ mặc!

Không buông chủ áo tự ốm tự đau!

Người phải đem vải thổ cẩm lên cân!

Kéo áo vắt trên đòn rơi xuống!

Để đem đi nhờ người!

Biết cuốn áo đoán ma!

Tìm ma ở mọi chốn!

Tìm đến mọi *đẳm tạo* ở mọi *mường*

Mọi con ma đều được hỏi!

Các loại ma đều được bói!

Nhưng loài ma ở trong rừng vì không được ăn gì nên đã không rời khỏi rừng đến thưa!

Tìm đến yểm bùa của *tạo mường* ngoài, nhưng không được chào được hỏi nên họ cũng không qua khỏi *mường* họ đến vòi vĩnh!

Hóa chẳng phải ma xa mà báo ngay nơi chân gà lớn của mình!

Quẻ bói lớn bắt được!

Nói rằng: - mâm cúng đặt trước cửa sổ!

Trong nhà phải có phép đuổi ma tà!

Đó là ông đẳm với bà *đẳm*!

Lại có những *đẳm xák thúk* phụ cho *đẳm* ông với *đẳm* bà!

Nhưng vì chủ áo đã làm trái!

Nên *đẳm* ông với *đẳm* bà mất thiêng

Biết như thế nên - trái *đẳm* thì phải lễ!

Làm mếch *đẳm* thì phải sửa!

Điều đó đã làm từ ngày *tân* hồi năm ngoái!

Ngày *dần* hồi năm xưa!

Nhưng vì nghèo, kiếm của không ra, con ông phải chạy đi xin!

Kiếm của không được, con Ông phải chạy đi nhờ!

Thấy con người đem hòn xôi để thay mâm cúng ma;

Con Ông cũng lại lấy hòn xôi để thay mâm cúng ma!

Con người nặn nắm xôi thành hình đĩa để thay đĩa; con Ông cũng nặn nắm xôi thành hình đĩa để thay đĩa;

Con Ông mới vứt hòn xôi qua cửa sổ!

Quăng hòn xôi lên phía trên!

CHÚ Ý!

Khi *mo* đọc đến chỗ này, người con trai đầu là chủ tang phải đem một nắm xôi đặt trên tầu lá dong và một manh áo của mình lên đặt trước *hóng* để *mo* chuyển sang đoạn:

LỄ MA NHÀ

Lạy ông *đẩm*, bà *đẩm* nhiều lượt!

Lễ ông *đẩm*, bà *đẩm* nhiều vái!

Có lễ mới gặp tốt!

Làm ăn mới gặp lành!

Tốt lành tới hàng ngày!

Sảng khoái rơi vào quẻ đôi!

Nước trong nồi trong chậu đã trong!

Con tim ở trong lòng đã sáng!

Con *ông bà* được ăn đã không quên đũa!

Tốt lành không quên công với ơn!

Đũa cắm chặt như tên cắm vào cây *lạn*, cây quế!

Giấc ngủ đêm con ông nhớ chôn chặt!

Nỗi nhớ con ông để trong mơ!

Được của đặt ở nơi nằm để làm giầu!

Được cải đặt trong buồng để làm sang!

Lúc đó con ông mới cắt từng tấm thổ cẩm đẹp đi tìm nơi đổi!

Chặt thỏi bạc đã thu từ Mường Xo, *Mường Lă*[35] để đi tìm mua!

Mua từ chợ đem tới!

Thu gom từ việc xin ở *lung ta* với anh em!

Nhưng của lớn ở trong nhà đem bán không đứt giá!

Bán ở nơi chợ của *mường* lớn đã không thành!

Thấy vậy, anh em thương biếu lợn

Lung ta mến biếu heo!

Mới được lợn giống khỏe!

Nòi lợn đen - lợn lành!

Lợn đen con ông đem đến nuôi nơi gầm gác!

Lợn khoang đưa về nuôi ở gầm sàn!

Được mười ngày *dậu* nhập vào chín lần *bính*!

Qua hơn hai mươi ngày ông mất!

Con ông phải đi mượn ngày lành của người ta để làm lễ cúng!

Mượn ngày tốt của người ta để mổ lợn!

Con ông mổ con lợn lớn là lễ *cha*!

Mổ lợn to đặt mâm cúng trong dịp tang thương này!

Miếng thịt ngon đem bầy ở gian giữa nhà!

Mâm cúng lành đem đặt ở trước của sổ!

Để mo xướng cáo đến ông *đẩm*, bà *đẩm* - nơi chuyên gieo điềm tốt!

Mo cáo mời ông *đẩm* cùng bà *đẩm* ăn[36]!

CHÚ Ý!

Mo hát xướng đến đây thì phải làm động tác gọi tên và bón cơm, thịt, đổ rượu, nước qua lỗ "cửa sổ" nơi gian hóng cho từng thần linh người đã chết "trở về sống với *đẩm*" của mình tới ăn uống. Nghi thức này được gọi là "mời đẳm xuống ăn *khấu* ăn *cha* với ăn *pang*". Theo thứ tự thì người chết ở tang lễ này được gọi tên đến ăn trước tiên, rồi mới gọi đến tên người khác theo lệ ai chết sau thì gọi trước, ai chết trước gọi sau.

Danh sách này đã ghi sẵn thành sổ gọi là sổ *ma nhà*

Đoạn xướng khấn từng tên đọc như sau:

Xin mời đến ông của con là...!

Chỉ vàng cuốn lưỡi mác!

Cha sinh là *chủ áo* của ta!

Mo xướng cáo mời cha mẹ - ông *đẩm*, bà *đẩm* nơi tốt lành!

Cáo xin ông *đẩm* lại ăn!

Xin mời đến ông...ông là chim như cánh rồng bay lượn!

Hỡi người cha chủ lớn...

Ngồi xa xin dịch lại gần!

Ngồi dưới nhích lên ngồi phía trên!

Đến ngồi mâm nơi mát rượi để *mo* tôi kính cáo!

Mở miệng lên để mo tôi bón cơm!

Bón qua lỗ vách đã đục sẵn đây!

Khe vách ấy chính là con đường rộng!

Tay phải hãy giơ ra để đón!

Há miệng to để ăn!

Mở miệng lớn để uống!

Mở miệng tươi, miệng vui mà ăn!

Lại ăn cỗ lợn to đặc chủng! (Con ông)

Lại ăn cỗ lợn lớn chặt thành từng khúc! (Chủ áo)

Ăn cùng xôi lúa nương lúa tốt!

Xôi lúa ruộng lúa ngon!

Gạo đã giã trắng, thành cơm trắng ngần!

Những món ăn ngon xin nhai cho nhuyễn!

Hòa trong miệng, nuốt qua lưỡi!

Ăn cho thỏa, cho thích, cho no!

Ăn cùng cơm xôi trắng nàng quạt!

Miếng xôi ngon nàng nắm!

Nàng nắm từ mâm cơm làm bằng đường gân cây gỗ sâng!

Nàng nắm từ mâm cơm làm bằng gỗ cây lát!

Miếng cơm ngon chủ hãy từ từ nuốt!

Nhai cơm nhuyễn trôi xuống cuống họng!

Qua họng nhỏ đừng bị vướng mắc!

Qua họng lớn đừng bị mắc nghẹn!

Nếu bị nghẹn, *mo* sẽ đổ nước trong quả bầu vào thông!

Nghẹn thức ăn, nước bùa ghép *mo* đổ thông cuống họng!

Đắm ăn rồi xin cứu vui mà ăn tiếp!

Mọi thức đã bầy khá đầy đủ ở mâm cúng!

(Tiếp sang bà)

Cúng mời tên đến nơi bà...

Chỉ vàng cuốn lưỡi mác!

.....

Mọi thức đã bầy khá đầy đủ ở mâm cúng!

(*Mo* cứ tiếp xướng những đoạn nhắc đi nhắc lại như vậy. Trong *đẳm* có bao nhiêu cặp vợ chồng hoặc không có chồng đều phải xướng mời đến tên cho đầy đủ không được thiếu. Cuối cùng xướng tiếp đến đoạn kết như sau:

CÚNG ĐẾN 30 ĐẲM

Ba mươi *đẳm* hai thân chung một mái!

Sáu mươi *đẳm* đôi ở một nhà!

Đẳm có nhiều hãy ngồi vào nhiều mâm!

Con cháu có nhiều lớp!

Vì thế *đẳm* mới đến ngồi ở nhiều mâm!

Đẳm đã đâm thành nhiều cành!

Đẳm ông, bà cùng mọi người!

Lúc sinh thời các người chẳng có mấy!

Chết thành ma thì có nhiều, mặt kề mặt đến đủ để vào ăn cỗ hôm nay!

Có người chết khi còn tuổi thơ dại

Có người chết lúc mái tóc còn xanh, chưa vợ, chưa chồng!

Nếu tôi cúng quên không mời đích tên!

Xin đừng vắng mặt!

Xin mời tới các *đẳm* lớn với chủ lớn!

Người trở thành nơi cội nguồn của dòng dõi tựa chỗ thắt đầu nút đan chài!

Người có công vỡ bãi cát hoang đầu tiên để làm chủ ruộng đồng!

Làm chủ trâu đuôi hoa!

Con trâu cái bảu đeo chão, buộc dây ăn cỏ nơi tám ngọn núi, ngọn đồi và thung khe!

Xướng tới đây, *mo* xin dùng quạt để quạt cho mát mặt!

Tựa gió hanh thổi qua ngàn dâu!

Mo cảm thấy khoan khoái, chuẩn bị đánh thức các *đẳm* dậy!

Đẳm còn đi nương chưa về, *mo* ta đây sẽ dùng vợt để xúc về!

Đẳm đi ruộng chưa trở lại, *mo* ta đây sẽ cầm vợt súc cho trở lại!

Đẳm còn đi ở *mường* Xo, *mường* Là chưa đến, *mo* ta đây sẽ dùng vợt xúc đến!

Đẳm còn mải uống rượu cùng *tạo* với quan của đất người, quên xuống, *mo* ta xin dùng vợt quét xuống!

Mo ta đây, đã thức *đẳm*, chẳng thức suông!

Nói với *đẳm* không nói dông dài!

Mà đã có mâm cỗ đặt giữa nhà rồi đó!

Mo ta đây sẽ mời *đẳm* xuống ăn cơm!

Mời *đẳm* xuống ăn cỗ!

Đẳm ở nơi đầu quá giang chuyên đỡ mái nhà hãy đi xuống!

Đẳm ở nơi mái nhà chuyên che nắng hãy đi xuống!

Đẳm ở nơi không trung *chuông cộp* cũng phải xuống!

Đẳm đang ở trong không gian *chuông cang* chuyên ăn mây gió cũng xuống!

Đẩm đi nương hãy ngắt hoa vừng tới!

Đẩm đi ruộng hãy ngắt hoa lúa đem về!

Đẩm đi chơi nơi *mường tạo* hãy ngắt hoa chiêng bạc đến đây!

Nhưng, *đẩm* xuống đừng xuống không như năm ngoái!

Đừng xuống suông như năm xưa!

Đẩm hãy đan sọt để đựng mái tóc bạc phơ của *đẩm* đi xuống!

Tiện gióng tre làm cốc đựng thứ thuốc uống để sống được lâu đi xuống!

Tay trái cầm đất ruộng đi xuống!

Tay phải cầm đất *bản* đi xuống!

Đất *bản* chỉ bé nhỏ tựa hạt vừng cũng đã tốt!

Đất ruộng dù có bằng tấm ván để đập lúa cũng tốt rồi!

Mặc áo đỏ nhuộm mầu cánh kiến *đẩm* xuống!

Đội nón có chóp vàng, chóp bạc che sương *đẩm* xuống!

Trời mịt mù hãy căng ô mỏng đi xuống!

Những vị nhỏ như ngón tay út cũng xuống!

Những vị bé như que quét vôi ăn trầu cũng xuống!

Vị chân què khập khiễng, cũng xuống!

Vị chân thọt đi siêu đi vẹo, cũng xuống!

Vị què chân, què tay cũng xuống!

Trẻ nhỏ không tự xuống được thì dắt tay nhau cùng xuống!

Già nua không tự xuống được thì dìu nhau cùng xuống!

Đẩm sẽ xuống đường nước hay đi theo đường cạn!

Nếu theo đường nước thì lấy thuyền nát của *đẩm* mà xuôi!

Nếu xuống đường cạn thì dùng chim *tiêng bạc tiêng vàng* thay ngựa bay về [37]!

Xuống đến trần thì đi theo rừng nứa lá mỏng!

Theo đường rừng tre lá tua!

Đi một lúc là đến cánh đồng!

Rồi đến bên đất *bản*

Khi đến lều nương *đẳm* đừng dừng chân để ăn dưa gang!

Khi đến lều ruộng *đẳm* đừng dừng chân nhai trầu!

Thấy lều nương cũ, đừng gióng tiếng mắng!

Thấy lều ruộng siêu nát, đừng cất tiếng chửi!

Đi qua bãi cỏ bằng để về với *bản*

Qua đồng cỏ non đi dần về nhà!

Đến với nhà nơi có con người làm chủ!

Về với nhà của *chủ áo* với *chủ cúng!*

Đến bên sàn xin đừng vào nghỉ ở gầm nhà!

Đến gậm sàn chớ ngơi ở đấy!

Gậm nhà mùi nước ngâm gạo nếp!

Gậm nhà mùi phân trâu!

Đầu sàn phơi mùi phân tằm!

Chân luồn lên cửa sổ như loài chuột leo

vào bên cửa ra vào như loài én!

Luồn lách đến giữa nhà nơi bẫy cỗ cha!

Nơi mâm cơm bốc mùi thơm ngon bữa trưa, bữa chiều!

Đẳm gốc ngồi phía trên mâm cỗ cha!

Đẳm ngọn ngồi ở vị trí đầu lá lót!

Mười vị chung bàn cơm!

Chín vị chung mâm cỗ!

Các vị kéo tới hợp đoàn như người kéo đến cấy ruộng nhà *tạo*!

Các vị kéo đến hợp thành đoàn tựa đàn cá ở vũng nước nơi bến tắm!

Tựa đoàn quân lớn, quân đông đi đánh giặc tìm *mường*!

CHÚ Ý

Mo xướng hết đoạn này thì trở lại vừa xướng, vừa làm lại động tác gọi tên là bón cơm, thịt, đổ rượu, nước qua lỗ "cửa sổ" nơi gian *hóng* cho từng thần linh người đã "chết trở về sống với *đẳm* của mình", tới ăn uống. Xướng cho hết đoạn cúng đến ba mươi *đẳm* rồi. Chuyển vào đoạn gọi hồn và cúng hồn những người cùng *đẳm* gồm những anh em trai, các con trai và con cháu...

Bài gọi hồn và cúng hồn không ghi trong văn bản này vì không thuộc phạm vi luật tục quy định trong tang ma Thái.

QUÉT VÀ ĐÈ LINH HỒN LỢN TƯƠI

Quét và đè linh hồn của con lợn đen - giống lợn tốt!

Con lợn béo, lợn chắc!

Con lợn lăn nơi bãi cát!

Lợn đang cao, đương lớn!

Ăn cám ở bên máng lại lớn lên bằng máng!

Ăn cám ở bên cạnh *lỏng* thì lớn lên bằng *lỏng!*

Giờ ta bắt, lợn kêu vang khắp không gian!

Kêu ầm cả bến nước!

Ta quét, đè linh hồn, lợn phải chết!

Ta bắt linh hồn, lợn phải ngã!

Con lợn ngã, ngã không buông suông!

Con lợn chết, chết không bỏ hoài!

Mà để lại đôi chân giò đằng trước có bảy lườn thịt!

Và năm lườn bọc đôi giò sau!

Xương sườn bọc mười lần thịt!

Xương sống bọc mười lần thịt!

Xương sống bọc mười lớp da!

Có tủy sống để hòa thành canh!

Đặt các món trên đĩa hoa đẹp

Có đủ các vị chua, đậm ngọt!

Có những miếng thịt ngon lẫn bạc nạc!

Dao cắt không đứt thì vê thành từng hòn!

Thức ăn ngon của con mình!

Và con người đã ăn cùng với xôi!

Hòa cùng muối lấy từ quan người Kinh!

Do lái thuyền đẩy lên theo dòng thác!

Thịt ngon đã xắt thành từng miếng tựa lá mía!

Hoặc thái nhỏ như lá me!

Như trái me nằm trong bao đậu trên cành cao vút!

Mời ông ăn với đẳm cùng ăn!

Đẳm ma ăn, mo tôi xin đội lấy *điều kiêng điều kị!*

ĐỘI ĐIỀU KIÊNG ĐIỀU KỊ

Mo đây, cầm dao nhỏ trong tay để *đội điều kiêng điều kị!*

Đội tên người quá cố lên đầu lên tóc!

Mo đây xin dùng lời nói thay người *chủ hồn - chủ cúng!*

Giờ đây người *chủ hồn - chủ cúng* đã phải thay Cha để làm người chủ nhà!

Thành chủ nhà xin *đẩm* hãy cho an khang hưởng thọ!

Khỏe mạnh, xây nhà dựng cửa, không xiêu đổ!

Đổi lấy mâm đựng để không bao giờ hết cơm xôi!

Chăn đệm cao xin *đẩm* cho ngủ giấc ngon!

Vun đắp tổ ấm, tận hưởng tuổi già!

Luôn luôn khỏe như loài chim cuốc!

Sáng khôn tựa mặt trời!

Tươi mát như nước suối trong nguồn chảy ra!

Mo tôi đây, xin thay mặt cho *chủ hồn - chủ cúng đội điều kiêng điều kị*, mong tóc đen mãi, không bao giờ bị rụng khỏi búi!

Để còn được gội đầu bằng nước vo gạo nếp mùa nương, tóc mọc dầy!

Gội nước vo gạo nếp mùa ruộng, tóc mọc mượt!

Khuôn mặt sáng hồng hào!

Mo tôi đây, xin thay mặt cho *chủ hồn - chủ cúng đội điều kiêng kị*, mong bộ răng không bao giờ bị long!

Răng không rụng, luôn luôn đen nhánh như cánh con *niếng* ở dưới nước!

Giữ được răng đều bằng như loài ba ba!

Để nhai miếng cơm ngon, thu từ lúa nhiều đồng!

Để nhai miếng cá ngon, bắt từ nhiều sông nhiều suối!

Để nhai miếng trầu, miếng cau hái từ nhiều buồng!

Mo tôi đây, xin thay mặt cho *chủ hồn - chủ cúng đội điều kiêng điều kị* để cho cây vận mệnh ở trên trời không lung lay!

Nếu có hơi lung lay thì xin *đẳm* hãy nhổ trăm ngàn củ, muôn ngàn rễ để tiếp nối!

Móc *nen* ở trên không có bị bào mòn, xin *đẳm* đừng để mộn!

Nếu có bị bào mòn thì *đẳm* hãy cho mọc lại như cây đâm trồi thành nhiều cành nhiều nhánh!

Như loài cây mọc vững nhờ gốc lớn!

Gốc lớn như sai nhiều quả!

Gốc lớn mọc nhiều cành!

Phát triển như rừng cây chò chỉ!

Nắng nóng của *mường trời* không cháy!

Cái ốm yếu ở trần xin đừng nhập!

Bò ở *mường* trời xin đừng cắn đứt ngọn!

Trâu ở *mường* trời xin đừng ngắt lá!

Sâu tằm ở *mường* trời đừng cắn nghiền và làm kén!

Rế mèn ở *mường* trời đừng ăn lá!

Loài kiến đỏ ở *mường* trời đừng làm tổ ở cây *nen*!

Ngàn lời nguyền rủa xin đừng vương vào cây *minh!*

Cây *minh*, cây *nen* hàng ngày phải mọc nhiều trồi!

Khi gà gáy hãy mọc đầy đủ lá!

Sao trên trời hãy rủ linh hồn bền vững!

Sao trên trời hãy rủ linh hồn sống lâu!

CHÚ Ý!

Đoạn xướng về điều kiêng điều kị này còn có thể kéo dài để điểm đến mọi của cải và các đồ gia dụng ở trong nhà, trâu bò và những súc vật có sừng, lợn, chó các loại con vật nuôi; nương, ruộng... của tất cả những người trong cùng một họ gọi là cộng đồng *đẳm*. Sau khi điểm hết rồi, *mo* mới xướng vào đoạn kết. Trường hợp *mo* nào chưa thật thạo và thuộc thì đến hết đoạn trên cũng được phép vào đoạn kết như sau:

Mo tôi xướng, đội điều kiêng kị ở trên đầu cũng còn nhiều!

Đội điều kiêng kị cũng còn lắm, kể sao cho hết!

Như dùng kéo cắt vải thổ cẩm sợi mịn bao giờ cho hết!

Bây giờ sẽ phải xướng trước mặt chiêng cồng như không bao giờ dậy như tiếng sấm!

Cầm một đoạn dao, *mo* tôi xin xướng!

Tháng qua đi, mặt trăng lặn *mo* tôi xướng tiếp!

Cây gai mọc đầy vườn *mo* tôi được chặt!

Chặt đẵng gốc rũ đập đường ngọn!

Để phân vào ruộng tốt ruộng xanh nơi gieo mạ!

Gieo mạ đúng năm trăm bó không hơn!

Đem dầm ở thửa ruộng trên sẽ được bông thóc trĩu hạt!

Cầm một đoản dao, *mo* tôi sẽ kể về những tháng trong năm!

KỂ VỀ NĂM THÁNG

Kể về tháng *giêng* là tháng lành!

để sang *hai* ta sống khỏe mạnh!

Tạo với *nàng* cưỡi ngựa phi thả sức!

Khuôn mặt trắng tựa mây!

Như ánh dương tỏa sáng vừng *sao* vi!

Trong tháng giêng có hai ngày *giáp dần* và *ất mão* phải kiêng!

Ngày con cú đầu cành mừng quả!

Đậu cành si, cành đa, có tán lá xòe!

ĐIỆP KHÚC

Kể về tháng giêng mười ngày trăng đương mọc!

Từ ngày rằm trở đi trăng sáng tỏ!

Ngày hai mười trở đi trăng từ từ lặn!

Đến ba mươi, trăng tắt và tháng qua!

Một thoáng trăng đã lẫn vào mây!

Lại tiếp tục sẽ mọc tháng tiếp!

*

Kể đến tháng hai mọc lên như cây phướn thì phải kiêng!

Nếu có phải chặt cây xin đừng vội dựng nhà!

Đan mâm xin đừng đem mâm ra đặt để tiếp khách!

Phải kiêng dùng đòn gánh, nếu không sẽ mất của!

Nên cất đòn lên gác bếp cho nhuốm khói!

Nàng đẹp kiêng làm chăn đệm!

Đống vải vóc vốn cất để làm nơi linh hồn ngụ phải kiêng đem dùng!

Kiêng khâu màn biếu cô!

Kiêng làm chăn đẹp biếu em!

Kiêng làm đồ ăn diện biếu các em gái của mình!

ĐIỆP KHÚC

Kể về tháng hai.....

.....mọc tháng tiếp!

*

Kể về tháng Ba khi đến mùa hoa ráy tỏa mùi thơm!

Khi hoa phón bốc hương thơm ngào ngạt!

Thì con gái kiêng, không ươm tơ!

Ai vi phạm, lâm cảnh nắm gói xôi nguội lên trời!

Hoặc bị điên vì tình!

Như quả xấu phải lìa cành vì bị sóc ăn!

Điềm may gặp con sóc loại bé có đuôi nhỏ!

Gặp loài sóc nhỏ có đuôi chùm!

Điềm may nhìn thấy sao bay tựa rồng vàng rồng bạc loài có tua rua!

ĐIỆP KHÚC

Kể về tháng Ba.....

.....mọc tháng tiếp!

*

Kể về tháng Tư nòng nọc chết khô trên bậc ruộng!

Ếch nhái ở trên thềm cỏ không kêu!

Chim *tăng lo* kêu trên cao, không đẻ trứng!

Người Xá bỏ nương không cào cỏ!

Người Thái bỏ *mương phai* không đắp!

Điềm tốt là củ khoai sọ lớn rơi đập được trên lưng trâu

Làm được những vải thổ cẩm chất cao tựa bịch thóc!

ĐIỆP KHÚC

Kể về tháng Tư....

.....mọc tháng tiếp!

*

Kể về tháng Năm, giống chàm cây xum xuê

Quả *pe khôm* bọc trong bao treo lủng lẳng!

Trẻ nhỏ thấy ngắt từng chùm để ăn!

Già nhìn thấy ngắt từng chùm để ăn!

Gái chưa chồng nhìn thấy nhặt bỏ trong cạp váy để làm quà vui bạn tình!

ĐIỆP KHÚC

Kể về tháng năm.....

.....mọc tháng tiếp!

*

Kể về tháng Sáu, trời rét rét lắm lắm!

Trời rét thật quá nhiều!

Trẻ em phải đun nước nóng rửa chân!

Người già phải lấy đá về hơ nóng rồi đổ nước rửa mặt!

Người Xá cầm rìu để đập rêu!

Người Thái đốt khúc củi lớn để sưởi!

Đến cuối mùa nắng ấm con cóc xuống dòng nước!

Loài cóc đẻ khắp các con suối!

ĐIỆP KHÚC

Kể về tháng Sáu.....

.....mọc tháng tiếp!

*

Kể về tháng Bảy, măng đắng nhú cựa gà!

Nấm *khẩu nó náy* mọc ở những đốt (cây tre rừng)!

Cô nàng thấy, cô nàng đem dao đi để cạo nấm!

Người Xá thấy, người Xá cầm dao con đến bóc nấm về ăn!

ĐIỆP KHÚC

Kể về tháng Bảy.....

.....mọc tháng tiếp!

*

Kể đến tháng tám, trời nắng khô lại gió thổi!

Mọi loài chim đều cất tiếng kêu!

Mọi loài sâu loại bọ đều biết kêu!

Gióng loài tre trong rừng đều nổ như dậy tiếng sấm!

Ve sầu cất tiếng lành!

Ve Y Liêng kêu trên đầu nghe vui!

ĐIỆP KHÚC

Kể về tháng Tám.....

.....mọc tháng tiếp!

*

Kể về tháng Chín, lá cây mạ mọc tua non ở trong rừng!

Người Xá đeo túi đi phá cây làm nương!

Đập rừng thu trứng kiến ngạt!

Ngọn lửa hồng đốt nương cháy lan rừng!

Cả ngọn núi ngọn đồi cháy trụi!

Cháy lan rừng *mường* này sang *mường* khác xa xôi!

ĐIỆP KHÚC

Kể về tháng chín.....

.....mọc tháng tiếp!

*

Kể về tháng Mười, trái muỗm sai trĩu cành

Quả *chai* sai trĩu cây!

Gái không chồng ở vậy, hoa chơ vơ!

Trai không vợ sống một mình như hóa điên hóa dại!

ĐIỆP KHÚC

Kể về tháng mười.....

.....mọc tháng tiếp!

*

Kể về tháng mười Một nước lũ!

Tháng mười Hai nước dâng!

Bụi *cúm* ở ven dòng suối, sông đều ngập!

Ngập cả ngọn *hu, xa*!

Ve sầu không ngớt tiếng trên cây *tảng*!

Bọ *ngoạng* kêu bên rừng già có chò chỉ!

Mặt trăng của tháng mười Một với mười hai!

Khi sắp lặn cũng vẫn để lại hơn nửa vầng!

Khi sắp tắt vẫn vướng lại nửa trăng!

Như bị mắc giữa không trung bao la!

Như bị treo giữa bầu trời, sương mây chồng chất!

Một vầng trăng ở trên đầu sáng vằng vặc!

Thật tốt thay! Trăng sáng chiếu vào cây, đó là rừng!

Chiếu trên ruộng là lúa!

Sáng tỏa trên cây lúa, lúa đâm trồi để thành nhiều nhánh!

Chiếu vào hang để ánh sáng cho loài don dím!

Chiếu vào cành cây đem ánh sáng cho loài cày bay!

Chiếu lên núi đá để ánh sáng cho sơn dương!

Tỏa khắp *mường* làm sáng cho con *tạo*!

Bây giờ trăng tỏ đến nhà ta dựng trên cột vững!

Trăng sáng chiếu nhà ta dựng trên hàng cột cây lõi chắc!

Năm tháng trôi đi năm tháng biết trở lại!

Già bạc tóc chết chẳng biết lột xác để trở lại cõi người!

*

Không cúng ma, *chủ áo* còn kêu đau!

Không cúng thần, cúng linh hồn, *chủ áo* còn bị ốm!

Được ở trong nếp nhà lợp gianh!

Dưới mái nhà lợp gianh kín đáo!

Ăn ở yên lành bỗng gặp gian khó!

Ngủ yên giấc không ngờ phải đeo theo điềm xấu!

Nhưng nhà gặp xấu - trong nhà còn có nàng trông nom!

Trong nhà còn có người trực, người chầu!

Không bỏ mặc chủ áo sa sút gầy còm!

Theo tục, khi xướng tới đoạn này, *mo* lại trở lại với đoạn cúng rượu và nói về đường đau ốm. Nhưng chỉ xướng tới hai câu:

"....Điều đó đã làm từ ngày *tân* hồi năm ngoái!

Ngày *dần* hồi năm xưa!

Rồi tiếp sang đoạn mới như sau:

Nhưng, ta làm điều trái với *đẩm*, không biết xảy vào lúc nào!

Điềm làm trái báo lại trong đôi gà trống!

Biết vậy, nhưng do nhà con ông quá nhỏ nên không làm sao tránh được!

Nơi đặt nước nhà con Ông quá hẹp,

Con Ông đành phải làm như "vứt chiếc *bung* qua mắt"!

Vứt chiếc rổ đan cải hoa văn qua trước mặt!

Điềm trái bằng chiếc *bung*, không thể đem chiếc *bung* thay lời nói!

Điềm trái bằng trái núi đá, con Ông cũng không thể đem trái núi đá lại để sửa!

Thấy con người lấy hòn xôi để nặn thành mâm cúng ma, con Ông cũng lấy hòn xôi để nặn thành mâm cúng ma!

Con người đem xôi nặn thành hình đĩa - con Ông cũng lại đem xôi nặn thành hình đĩa!

Bây giờ còn Ông đành phải vứt hòn xôi qua cửa sổ!

Quẳng nắm xôi lên phía trên!

Đã hơn hai mươi ngày trôi qua!

Nhưng đến ngày sinh của Ông, con Ông không còn đặt lễ

Ngày giỗ tổ con Ông đã không được mổ con vật hiến sinh

Ngày rộng tháng dài nói là phải đuổi giặc!

Cầu *mo* tựa như đùa như bỡn người tình xưa!

Đến mời hai lần *mo* chưa đáp!

Mời ba lần *mo* không chịu lên tiếng "ừ"!

Nhưng trời sinh ra loài cá - loài cá không thể chối được chài úp!

Trời sinh ra để thành *mo* thành *nghe*

Không thể chối được phải đi cúng đi bái!

Mo ta đành phải "ừ"!

"ừ" cũng "ừ" chập chừng!

Tiếng đáp nhận lời *mo* se sẽ thốt trong miệng!

Họ mới đem gói trầu "đặt lên chóm tóc" của *mo*!

Đặt gói xôi lên đỉnh đầu cho *mo*![38]

*

Màn đêm tối sập xuống!

Đêm nối đêm trở về!

Đập hòn đá lách cách!

Gọi con cái vào ngủ!

Ngủ hai giấc, ba giấc trở mình!

Giở mình vội nghe gà gáy tiếng ran!

Qua cơn mộng thì trời hửng sáng!

Con trẻ dậy giã gạo!

Già lão trò chuyện từ bến nước trở về!

Chim bìm bịp thức, bìm bịp rời tổ để bay về đậu cành tre thân ngà!

Con người thức, con người cầm mai ra ruộng!

Con người biết, con người vác cầy vác bừa ra đồng!

Người vác rìu đi nương!

Chỉ có *mo* tôi thì không được đi ruộng và cũng chẳng đi đường nào!

Không thay áo lụa vải thổ cẩm mịn để xoay lưng với sự việc

Sớm mai *mo* phải ra bến tắm rửa cùng voi!

Cho sạch mùi hương yêu của vợ còn bám!

Cho sạch mùi hương vợ đã nằm đôi!

Họ phải sai hai đứa đi thưa!

Hai đứa đã khéo lời để thưa!

Sai hai chàng đi nài!

Mới cầm được "cánh diều" *mo* lại!

Cầm "cánh công", "cánh trĩ" *mo* đến!

Đeo "túi bùa" *mo* tới!

Mo tôi đi theo rừng cây nứa - loài lá mỏng!

Đi đường rừng cây tre - loài lá tua rua!

Mấy chốc đã đến bên cánh đồng!

Và bước tới nơi bản!

Gâu gâu chó lớn sủa mừng đón!

Rồi gặp được tình cũ đón coi!

Nhưng vì *mo* tôi kiêng nên không lên tiếng mắng chó!

Không bỏ mất liếc tình!

Mo tôi đến bên cầu thang làm bằng gỗ cây *kệt* để bước lên!

Quét gót chân trên văn thang để lên nhà!

Họ bèn đem ống nước để rửa chân

Chổi lau chân ông khô!

Mo ta bước trên tấm giát sàn nhà đi lên phía trên!

Đó là những giát lấy rìu băm thân mai mà thành!

Lời ngon lời ngọt mời *mo* ngồi, ông chưa muốn ngồi!

Đặt ghế mây nho nhỏ mời *mo* ngồi nghỉ, ông chưa muốn nghỉ!

Người nhà bèn đem chiếu đến giải để *mo* ngồi!

Giỏ trầu cau đem đặt!

Mo bắt đầu nhai trầu nhai vỏ!

Cơm hai bữa cho *mo* dùng sớm!

Mâm cỗ đầy *mo* ăn một mình!

Mọi người ăn uống xong rồi, mong *mo* cất tiếng xướng, chưa cất!

Nhai trầu rồi, mong *mo* hát tiễn thần linh *mo* vẫn chưa hát!

Vì *mo* chần chừ, chủ nhà mới phải xách giỏ cám xuống gậm sàn!

Lấy cây đạp máng lợn kêu lốc cốc!

Gọi lợn lại cho mau!

Gọi lợn đến ăn cám cho kịp ngày giờ!

Nhưng trời đặt cho con lợn lớn không ăn cám giữa trưa!

Lợn lớn không đến ăn cám giữa ban ngày!

Bởi vì nó đương còn mải ăn quả bồ quân ở gốc cây bên đầu ruộng!

Nó đương mải nhặt ăn quả *xa* ở đầu bản!

Ăn quả sổ cây mọc bên bến nước đầu *mường*!

Được nghe chủ nó "í" gọi tiếng vui!

Được nghe chủ nó "í" gọi tiếng mừng!

Con lợn lớn nghển cổ nhìn lối trở về!

Nó chạy theo đường con trâu!

Hai mạng sườn lợn bị gai cào!

Trên trán lợn điểm hai mầu trắng chạy đến với chủ!

Lợn lớn đến, cúi uống nước ở cối, cao bằng cối!

Uống nước ở máng, lớn như máng!

Một chàng trai khỏe nhanh chộp nắm chân!

Kéo cho lợn ngã xuống!

Cầm lấy cây để đập!

Đoản đòn chắc đập đầu, lợn nằm im!

Con dao nhọn chọc cổ hứng tiết!

Máu chảy, lợn lớn giãy!

Lợn lè lưỡi, nằm chết

CHÚ Ý

Theo phong tục, người ta phải đem tiết lợn đến bôi vào cầu thang lên nhà để loài ma ác đến liếm ăn. Ăn xong, ma không lên nhà hại người. Bởi thế *mo* xướng tiếp đoạn như sau:

Họ đem tiết lợn quệt lên cầu thang bảy bậc!

Bôi từ chân thang lên đầu cầu thang!

Một chàng trai đem bát tiết lợn lên nhà để phơi ra!

Ở bên cạnh những trâm bạc, trâm vàng để cắm ở búi tóc!

Rồi cầm lấy bầu đựng nước xuống thang!

Cầm lấy lạt cây giang để buộc bốn chân lợn!

Và dùng đòn vót nhẵn để sỏ vào vòng chân!

Để khiêng lợn ra nơi bến nước!

Để làm lông với mổ xẻ!

Đầu và đuôi thì đem vào lửa đốt!

Đốt luôn cả bốn chân!

Thân hình lợn lớn phải lăn hai lần, ba lần vẫn nằm trên cạn!

Phải lật tới năm, sáu lần mới lăn vào nước!

Họ dùng dao lưỡi sắc để cạo!

Dao lưỡi mỏng họ nạo và vét!

Lông lợn bọc da bong xuống để cá chầy ăn!

Những ghét bẩn lợn bong để cá chép đớp!

Còn những ghét da lợn thì giành cho cá trôi!

Chầy ăn no chầy lên với thác!

Trôi ăn no trôi bơi vào với vũng sâu!

Còn lại thịt với da của lợn như cũ!

Họ mới đem lạt giang, lạt nứa buộc chân!

Dùng đòn vót nhẵn để xỏ qua bụng!

Hai trai vào khiêng lợn về bản!

Một người quẩy đòn gánh theo sau!

Đem đến nhà ông *chang pát*[39], không thể cứ ngồi chơi không!

Phải lấy đá đến kê làm ông đồ rau!

Củi cây gỗ thành ngạnh và cây rẻ ông đun!

Nồi đồng đỏ là của quý ông đựng!

Thái thịt sống bỏ vào nồi canh!

Thái thịt tươi bỏ vào nồi luộc!

Nước đổ xuống nồi, lửa bập bùng cháy!

Một chốc lát, thịt trong nồi đã nhừ thành canh!

Dùng que nhọn để chọc bỏ thịt ra!

Gáo bầu đưa vào đảo!

Chang pát gắp thịt bỏ vào rổ và nói là tốt!

Ông mới thái về đằng dưới thành từng lát?

Ông mới chặt về đường trên thành miếng thật ngon lành!

Lá để lót không có thì lấy ở trong rừng trong khe!

Bát đĩa không thấy thì lục trong *cúm* hoa văn!

Những mâm hoa không có thì lấy từ trên gác bếp!

Phải lấy bàn lược chuyên quét thóc để làm đũa thì thật quá xấu hổ!

Phải làm mâm ăn bằng mây mới thành đồ dùng ở trong nhà tử tế!

Nhìn những đồ đựng trong nhà mà đẹp mắt!

Chang pát nộp mâm cúng không được đi xa bỏ mặc, không coi!

Chàng trai trẻ rửa tay rồi bưng cỗ thần!

Những chàng trai khỏe mạnh hãy bưng mâm để cúng!

Mâm nhìn không đủ, không đẹp *mo* sẽ bảo!

Mâm sộc sệch *mo* sửa!

Mâm đặt nghiêng *mo* dựng lại cho ngay!

Gói xôi để bên phải!

Bầu nước để bên trái!

Mo ta mới khấn tiếp và cầm đũa!

CHÚ Ý

Đọc đến đoạn này *mo* lại xướng tiếp để bón cơm, nước thịt cho từng đôi vợ chồng người đã khuất núi ở trong cộng đồng *đẳm* với những động tác như đã thực hiện ở đoạn trên. Sau đó chuyển tiếp vào đoạn cúng rượu lớn, đoạn cúng cầu cạnh để thần linh phù hộ; đoạn cúng rượu để rửa bát đĩa; đoạn cúng bát canh...

VÀO ĐOẠN KẾT *TIỄN ĐẨM VỀ TRỜI*

Bây giờ! Với bát rượu ngọt này *mo* tôi xin trình tới *đẳm*!

Không phải thưa để *đẳm* ở lại tiếp!

Mà muốn *đẳm* quay về!

Nói *đẳm* quay về mường *then*!

Con Ông không trực tiếp nhắn được *đẳm* khi trở về!

Mo tôi xin xướng lời to để tiễn *đẳm* trở về!

Đứng phắt dậy *mo* tôi xin nhắn!

Ngồi xuống đây *mo* tôi xin bảo!

Mo khuyên *đẳm*, lời khuyên không ngớt!

Mo dạy *đẳm* dạy đi dạy lại!

Khuyên *đẳm*, khuyên lại rồi khuyên đi!

Tựa gẩy đàn dây đồng vui với tình!

Đẳm cả hai, cả ba cùng vui!

Đẳm cả chín cả mười nghe tỏ!

Năm nay, năm cùng cực!

Tháng này là tháng xấu!

Quạ vàng xuống bến tắm!

Quạ trời sà xuống bản xuống mường

Đẳm ai tốt mới cho điềm lành!

Đẳm ai thẳng thắn mới được điềm ngay!

Từ đây xin *đẳm* đừng làm điều cong ở trong họng!

Đừng làm kiểu lưỡi uốn đường cong!

Đừng lật lọng trong lưỡi gà thành lắm nhời!

Đừng có bắt con đi đằng dưới để tậu trâu!

Đừng kéo cháu đi phía trên để làm giầu!

Từ đây xin mười năm *đẳm* đừng đòi bữa cúng!

Cả chín mùa, *đẳm* đừng vòi lợn lớn như cối lỏng!

Mười năm ấy, chỉ xin nộp một bữa rượu!

Người bói gà đừng báo độc!

Người bói áo đừng báo ác!

Người bói quẻ làm bằng tre ở trần gian xin đừng báo điềm không lành!

Đẳm đi về bình yên, hãy nghe con Ông chúc rượu!

Đẳm ở nơi đầu sà ngang, nơi tận cùng của đòn quá giang!

Đẳm ở nơi mái gianh nơi che nắng, xin để cho mái gianh đừng dột!

Nắng mường không trung xin đừng làm mái gianh cháy!

Cái ốm đau ở lương gian xin đừng tới nơi đây!

Đẳm ở nơi *chuông cộp* chuyên ăn giỗ, xin trở về *đẳm chuông cộp* để ăn giỗ!

Đẳm ở nơi *chuông cang* chuyên ăn đồ tế trời, xin trở về với *đẳm chuông cang* ăn đồ tế trời!

Đẳm nhìn thấy đàn bò của *then* xin đừng chớ đuổi đàn bò của *then* rơi xuống phai!

Nhìn thấy đàn trâu của nhà *then* xin đừng đuổi đàn trâu nhà *then* rơi xuống vực!

Đẳm ở *đẳm đoi* nới góc trời, xin hãy về với *đẳm đoi* ở góc trời!

Đẳm ở nơi trước gà gáy, góc *then* xin hãy về với nơi trước giờ gà gáy ở *góc then*!

Các *đẳm* lên ăn cỗ uống rượu ở nhà *then* chớ văng lời nặng!

Lên uống rượu nhà trời đừng thốt ra nhời ngạo ngược!

Đừng đụng vào gác xép bằng cây tre lay của nhà *then* rơi!

Chớ đụng vào gác nuôi chim nhà *then* tung cánh!

Tay trái đừng đụng trêu cô nàng!

Tay phải đừng ghẹo người đẹp!

Then sẽ bắt đeo cùm cây nặng!

Then sẽ bắt đeo gông cây chắc!

Bị cùm *đẳm* tự đeo chẳng nổi!

Bị đeo gông *đẳm* tự tháo không xong!

Thế là bao tội *đẳm* không chịu lại đổ xuống đầu con cháu sinh mình!

Con cháu sinh ốm đau!

Gỡ không nổi *then* bắt về chầu, thế là hết!

*

Ban đêm *đẳm* chịu khó lên chầu trời!

Trước canh gà *đẳm* lên chầu *then*!

Đi chầu *then* để cho con Ông được ở yên

Đi chầu *then* để cho con Ông được lành!

Được lộc đầy như trái núi!

Được tốt lành tựa đỉnh núi giáp vàng!

Đẳm có màn hãy đem lên chăng!

Đẳm có vợ có nàng thì hãy giữ gìn!

Đẳm có vợ tươi đẹp thì hãy âu yếm!

Hai trái tim ôm ấp ngủ yên!

Tay xoa má vợ yêu sóng đôi!

Đẳm đừng chống gối bên phải!

Đẳm đừng mở mắt nhìn sang bên trái! ở *đẳm đoi* phải nằm thẳng như loài nhái!

ở nơi này phải nằm thẳng như loài rắn!

Mo tôi bảo *đẳm* ở *đẳm đoi* phải yên! đã yên chưa!

Mo tôi bảo *đẳm* hãy yên giấc ngàn thu, đã yên giấc ngàn thu chưa?

*

KẾT THÚC

Lệ luật tang ma của người Thái Đen đến đây kết thúc. Mo thực hiện đoạn kết bằng những câu gọi là:

NỘP ÁO

Vải hoa văn xin trở lại với thân

Áo nhiều chiếc xin lại mặc vào người!

Sao cho khỏe mạnh và tươi đẹp luôn luôn!

Tốt đẹp cả cửa, an khang cả nhà!

Cả nhà *chủ tang* ngồi xung quanh *mo* đồng thanh đáp lời:

Ờ! đội ơn sẽ mạnh khỏe từ nay rồi!

Theo tục, chủ nhà mở một chum rọu cần mời riêng *mo* và *mo* lại nhấn nhủ và chúc tụng cả nhà tốt lành một lần nữa rồi vào cầm cần uống rượu.

Mo và toàn thể *bản mòng* chào tạm biệt chủ nhà cùng ra về.

PHẦN CHÚ THÍCH

1. *Chống thanh gươm dùng bữa* - sau khi tắt thở, các linh hồn người đã lìa khỏi thân xác để tan biến thành ma. Trong tang lễ, người là hiện thân của sự sống đương tạm thời phải tiếp súc với ma là hiện diện của cái chết. Hai bên không thể nào sinh hoạt chung chạ như người còn sống được, bởi vậy trong mâm cỗ mời ma, hai bên đều phải tuốt gươm trần để chống xuống mặt nền nhà quay lưỡi sắc giáp mặt nhau. Phía người, chống gươm là để cho ma sợ không rủ rê linh hồn người ngồi cùng ăn. Ngược lại ma cũng có động tác đó để không vượt ranh giới trở lại với thế giới của người.

2. *Tục làm rể đầu:* trong tang ma, rể đầu có trách nhiệm dẫn ma nhập cõi hư vô. Bởi vậy, họ phía người chết gọi chung là *lung ta* phải có những của cải biếu lại rể như đã ghi trong văn bản, trong đó có thanh gươm chuôi và vỏ nạm bạc. Về sau, chính thanh gươm này đã trở thành của gia truyền mang tên là Đáp đẳm (gươm của dòng họ).

3. *Xe lỏng: xe* là múa, *lỏng* là cối giã gạo hình thuyền. Xưa người Thái ở mọi nơi dùng cối hình thuyền để gạo bằng chầy tay gọi là *tăng lỏng*. Dần dần về sau, có tục "ăn cơm mới", các nữ thanh nam tú vui ngày hội nên đã sáng tạo ra điệu vừa múa vừa giã thành cốm và gạo. Chúng tôi đã sưu tầm được khoảng mười hai điệu *xe lỏng* còn gọi là *khua luống* của các vùng Thái từ Nghệ An đến Phong Thổ (Lai Châu).

4. *Lịch Thái đen:* ngày và năm khớp hoàn toàn với âm lịch mà người Thái thường gọi là Lịch Hán - Việt (*lịch Hán - Keo*). Song lịch Thái Đen với âm lịch lại chênh nhau 6 tháng nên tháng giêng Thái tương đương âm lịch là tháng bảy. Nó rất phù hợp với thời tiết của vùng Tây Bắc.

5. *Cây dâu:* trong tôn giáo tín ngưỡng Thái cành cây dâu còn cả lá là vật kỵ ma. Hành động *chặt cây dâu* ghi trong văn bản là nói chính người chết đã tự mình phá điều kỵ đó để cho linh hồn của mình hóa thành ma.

6. *Chăn lông ngỗng:* các gia đình quý tộc Thái ngày xưa đã biết nhổ lông vịt để làm thành bông, nhồi thành mền của chăn, đắp rất ấm. Như tôi biết thì cứ 60 con vịt được vặt lông sống thì sẽ đủ để làm được một tấm chăn đắp cho một người.

7. *Ải:* tiếng Thái là *ái* là tiếng thường dùng trong văn học để chỉ vùng trung tâm nơi người ta xây đắp thành và đặt đồn canh cho đất *mường* là *chiềng*.

8. Trong tôn giáo tín ngưỡng Thái vật hiến sinh trong các lễ cúng có thể phân thành hai loại:

- Cúng lực lượng ác tà tức những ma làm hại thì dùng chó để lễ ma rừng chuyên gây bệnh tâm thần, điên dại, dê để cúng ma chuyên gây cho người ốm về đường tình, ốm tương tư, vịt để tế ma *pai* chuyên gây cho người đàn bà chết vì sinh nở, đàn ông chết về đường tình ái và *bản mường* chết vì dịch bệnh.

- Cúng các lực hiền chuyên phù hộ độ trì thì dùng gà, lợn, trâu và thảng hoặc có cả bò.

9. Khi tiếp xúc với các thuật ngữ tôn giáo tín ngưỡng Thái, người khác dân tộc thường hay nhầm lẫn giữa hai từ *một* và *mo*. Để chỉ dẫn cho tường tận, chúng tôi xin đưa ra đây mấy thuật như sau:

- Bói ma tiếng Thái gọi là *mo* hoặc *dượng*. Công cụ *mo* thường là bó que có xen lẫn lông nhím hoặc không, có thể gọi là quẻ, hột gạo, mảnh tre, gỗ để tung sấp ngửa hoặc bói bằng lăn trứng gà. Công cụ để *dượng* là chính chiếc áo của đối tượng cần bói. Trong ngôn ngữ Thái có thành ngữ chỉ hiện tượng bói này là: "*Dượng, mo* để tìm nhẽ" (*dượng mó tó ók*). Thành ngữ nói - đã bói thì phải biết là ma nào đã gây cho người đau ốm.

- *Một* là thuật ngữ chỉ người hành nghề ma thuật chữa bệnh bằng cách dùng mọi thủ pháp như xướng có bài bản, gươm kiếm dọa, các trò ảo thuật huyền bí... để đạt tới giải thoát linh hồn người khỏi lực lượng ác tà trong hư vô làm hại. Có vùng không gọi là *một* mà gọi là

môn Bởi vậy, người hành nghề *một (môn)* không thể chỉ thuộc các bài bản để cúng mà còn phải biết phương pháp chài, yểm, bùa. Một có vị nữ thần chủ gọi là *me một me nai* gọi tắt là *me một* ngụ ở Mường Một trong cõi hư vô (*mường fi*). Bởi vậy, người hành nghề được gọi là "người có ma một" (*côn mi fi một*), bên phía gian *chan* trong nhà họ có bàn thờ nữ thần *một* gọi là "gác một" *(hỉnh một).* Người hành nghề *một* được phân theo giới. *Một nhính (một* nữ) chỉ dành riêng cho nữ giới, còn có tên là *một á ni. Á ni* là tiếng xướng đầu tiên của *một nhính. Một lao,* đại bộ phận người hành nghề là nam giới, nhưng cũng có những trường hợp đặc biệt có cả nữ giới.

- *Mo,* là người thuộc nhiều bài bản truyền miệng hoặc ghi thành văn và biết các tục lệ để cúng linh hồn sao cho người luôn luôn khỏe mạnh sống lâu; cúng tổ tiên và các thần trong tục lệ gọi là cúng bản (*xên bản*), cúng mường (*xên mường*). Mo không có thủ pháp ma thuật (magic), không có vật bùa hộ mệnh như kiểu *một.* Người làm *mo* chỉ có nam giới, không có nữ giới. *Mo* không có thần chủ nên cũng không có nơi thờ riêng.

10. *Đẩm chuông cộp, chuông cang:* nơi có lực lược hư vô ngụ trong không trung nơi gianh giới giữa một bên là *mường người* và bên kia là cõi hư vô (*mường fi).* Ở đây chúng tôi không dịch trực *mường fi* là *mường ma.* Bởi vì trong khái niệm của người Việt thì chữ ma chỉ để biểu thị các lực lượng ác, "ma dẫn lối, quỷ dẫn đường", còn *fi* của Thái thì gồm cả khái niệm ác, hiền, tổ tiên và thần (*then*). Bởi vậy, *mường fi* phải dịch là cõi hư vô, thế giới bên kia, cõi thần linh, cõi vĩnh hằng, tùy từng ngữ cảnh.

11. *Cột cây nghiến...cầu thang:* có hai khái niệm biểu thị quan niệm về cái sống và cái chết của con người. Một là, người sống có cột trụ gọi bằng thuật ngữ là "cột vững cột thọ" (*lắc mẩn lắc dưn)* và hình tượng trìu tượng như thế lại được cụ thể hóa tựa như cột cây gỗ lõi của các cây thuộc loại tứ thiết như nghiến, lim, xến, táu... người chết có nghĩa là "trời" được gọi là Người đã nhổ "cột vững cột thọ" đi và thay

vào đó chiếc cột chết" (*lắc tai).* Khi thay thế "cột chết" vào vị trí cột sống như thế, người ta thường gặp phải các điềm gở. Hai là, nói về các điều tối kiêng, tối kị như không đem cành cây xanh vào nhà, đòn tre còn tươi đem gác ở bờ rào và đạp cho lưỡi mai tuốt khỏi cán, đem gác lên cầu thang...

12. *Lưỡi cày...mất rồi* là hai câu trong sử thi *Tấy Pú Xốc* (những bước đường chinh chiến của cha ông) chỉ hiện tượng cha chết.

13. *Đẳm Đoi*: cõi trời gọi là Mường Trời, được phân thành hai nửa. Một nửa dành cho những vị *then.* Trong đó có 11 *then* lớn và 22 *then* giúp việc gọi là *then anh em.* Mỗi một vị *then* như thế tạo ra một hoặc nhiều loại hiện tượng tự nhiên và xã hội. Chẳng hạn Then Chăng Then Bun tạo ra số mệnh, sắc đẹp, nhân duyên và những thăng trầm của con người trong xã hội. Then Lôm, Then Hung, Then Khao thì tạo ra các hiện tượng tự nhiên như: mưa, nắng, gió, rét...Một nửa dành cho những linh hồn người chết tan thành ma lên ngụ. Nó được phân chia theo đẳng cấp xã hội một cách rõ rệt. Những người thuộc họ bình dân thì ngụ ở *Đẳm Đoi*, còn gọi là *Liên Pan Nọi* (Niết Bàn Bé). Hồn con trai thì được phân thành hai. Một, sống trong ngôi nhà vốn có của mình ở *bản ở mường.* Và một nữa, đi về cõi *đẳm* để thành tổ tiên, tiếp tục sống trong cộng đồng huyết thống dòng cha (*đẳm pảu đẳm pú*). Hồn người con gái thì phân thành ba. Một, sống với nhà của gia đình nhỏ tức với chồng con như khi còn ở cõi người. Hai, sống với chồng ở *đẳm pú đẳm pảu.* Ba, trở về với cộng đồng huyết thống dòng cha của mình. Những người thuộc họ quý tộc Lò Cầm (Cầm, Bạc Cầm, Điêu) thì về nơi gọi là *Liên Pan Luông* (Niết Bàn Lớn). Phân chia theo trường hợp chết. Những trẻ em từ 13 tuổi trở xuống thì về ngụ ở Mường Cướt (cõi trẻ ranh). Người chết vì sinh đẻ hoặc chết bất đắc kỳ tử phải tắm mình trong máu như bị tai nạn, bị bắn... chết trong các trận dịch bệnh thì về ngụ ở *Mường Ha, Mường Pai* (cõi chết tiệt và tắm máu). Những người quý tộc bị mất chức mất quyền và nghèo đói thì hồn ma về ngụ ở *Mường Hịt Mường Hạy* (cõi nghèo đói). Văn bản này không nêu được

hết các trường hợp hồn ma về cõi hư vô mà chỉ nêu trường hợp chết và phân hồn ma theo đẳng cấp xã hội về với *Đẳm Đoi* và *Liên Pan Luông*.

14. *Bà Mụ - khuôn Bà Đúc:* tiếng Thái gọi là *me Bảu me Nang, hang me Bảu*. Chữ *bảu* có nghĩa là khôn. Đây là nữ thần chuyên đúc thành người rồi giáng xuống trần để đầu thai vào các bà mẹ ở cõi người. Có thể gọi đây là cõi tạo ra người và linh hồn của người ở trần gian. Ở đây chúng tôi dịch *me Bảu me Nang* là Bà Mụ là theo nghĩa tương đương, dễ hiểu. Rất có thể hai khái niệm tâm linh này còn có chỗ khác nhau nhiều.

15. *Chủ nen nước nen lửa:* theo quan niệm truyền thống Thái thì cột trụ để tạo ra sự sống của con người là nước và lửa. Người nào bị mất cột trụ này thì sẽ phải về với đất tức là chết.

16. *Chủ dây quyết đoán đường sống:* chủ ở đây chỉ vị *then* mang tên là Quyết (*Phắt*) và Đoán (*Phán*). Hai vị *then* này chuyên quyết đoán đường sống của con người. Chẳng hạn, *then* cho sống đến 10 tuổi thì người đó phải chết đúng tuổi đó. Ngược lại *then* cho sống 100 tuổi thì người đó cũng được sống đúng 100 năm...

17. *Khung cửi minh, khung cửi nen*: là công cụ dệt vải của *me Bảu me Nang* tức là *Bà Mụ*. Bà chuyên đúc nên con người và linh hồn của người và cũng chuyên dệt ra tấm vải để che thân cho con người khỏi bị ác tà xâm nhập làm hại cơ thể.

18. *Cây chuối nguôn vườn chuối minh:* vườn chuối linh hồn mà *me nàng Bảu* ban cho từng người để che cho sự sống của con người. Trong cuộc sống ở cõi trần gian, mỗi lần cúng linh hồn, người ta cũng dùng cây chuối thật để tượng trưng cho *cây chuối nguôn vườn chuối minh* ở cõi hư vô. Cúng xong, cây chuối được trồng tại vườn nhà và cũng gọi là *khóm chuối minh nen* của người chủ nhà.

19. *Nhà một: một* là lực lượng bảo vệ sự tồn tại của các linh hồn ở bên thể xác hoặc *một* chính là lực lượng siêu nhiên bảo vệ cho sự sống tồn tại. Ở cõi hư vô mỗi một người có một nếp nhà *một* riêng của

mình. Khi chết, nhà *một* này bị đổ nát.

20. *Nhà hồn* là ngôi nhà chính của mình ở, vừa có ở trần gian cõi người lại vừa có cả ở cõi hư vô. Bởi vì là nhà của mình nên luôn luôn có cả những tiện nghi như kho đựng thóc gọi là kho thóc hồn và những thứ khác đều gọi là của linh hồn.

21. *Ao U nuôi cá hồn* là ao thả cá để me Bảu me Nàng nuôi linh hồn của mỗi người tức nuôi sự sống có ở trái đất.

22. *Cây heo* là toàn bộ cây phướn làm bằng vải trắng và thổ cẩm mang tên *khít* hay *pe* mà người ta cắm ở phần mộ. Nó gồm hai loại hình. Một là, cây phướn lớn được gọi là *chao phạ* (cao) nếu người chết là đàn ông. Đó là cây tre vút từ gốc tới ngọn, được gắn dải vải trắng ghép với thổ cẩm *khít* hay *pe*, tạo thành lá cờ, trông gần giống với tầu lá chuối. Trên cây *chao phạ* người ta còn gắn những sào, dăng áo đen trắng và đầu trâu mổ nộp cho linh hồn ma đem về cõi hư vô để tiếp tục làm ruộng đồng. Quý tộc lớn còn gắn cả ngà voi. Người chết nếu là đàn bà thì làm cột phướn hoa chuối. Bên cạnh cây *chao phạ* và hoa chuối người ta còn có cây hình nộm chim gọi là "ngựa cánh" (*mạ pík*) để cho linh hồn ma cưỡi bay vào cõi hư vô. Hai là, những cây trụ cắm xung quanh 20 lá cờ xí làm bằng vải trắng và thổ cẩm gọi là *co heo*. Những *co heo* này dựng thành hàng bốn góc vây lấy khu nhà mồ. Theo phong tục thì cứ làm cho người chết 50 cây heo như thế thì phải mổ một trâu.

23. *Rừng "cửa áo"*: đây là khu rừng cấm để cho linh hồn của đất *mường* ngụ. Hàng năm người ta thường mổ trâu đẻ cúng nơi khu rừng này để củng cố sự vững mạnh của linh hồn *mường* gọi là cúng *mường*. Cần chú ý, trong tôn giáo Thái, áo mặc được chọn là biểu tượng của linh hồn nên thuật ngữ áo, trong nhiều trường hợp được coi như hồn (linh hồn). Nhiều nơi người ta còn gọi khu rừng này là *sửa mương* tức "áo của *mường*", hay "rừng cửa áo" (*đông tu sửa*) cũng là vậy.

24. Việc tiễn linh hồn người chết về Mường Lò (Nghĩa Lộ, Văn Chấn tỉnh Yên Bái) là sự thống nhất trong nhóm người Thái Đen có

gốc ở Mường Ôm, Mường Ai, Mường Tung Hoàng, đầu sông Thao nước đỏ, nơi có dòng sông Nậm Lài và Nong (ao) Sc. Tổ tiên của họ bắt đầu thiên di từ những địa điểm đó xuống cánh đồng Mường Lò vào thế kỷ thứ XI. Từ Mường Lò tràn vùng lưu vực sông Đà, sông Mã. Từ đó lại tiếp tục có bộ phận thiên di xuống tận tỉnh Phếtchaburi và nhiều tỉnh khác của vương quốc Thái Lan. Hiện nay họ vẫn đưa hồn người quá cố trở về Nghĩa Lộ - Mường Lò để rồi lên nơi thác nước đổ (*Nặm Tốc Tất*) rồi thoát lên trời.

25. *Đá Nhai lại*, theo huyền thoại Thái, đường từ đất lên cõi trời phải qua một nơi có đá biết nhai lại (*đán kẹo ưởng*). Người nào muốn qua được thì phải nhờ các *một* làm phép rồi ném hàng trăm quả bưởi chua vào miệng để đá nhai bị ghê răng mà há miệng. Sau đó "người" chui qua và thoát sang bên kia đường tiếp tục đi.

Ma gia Bôm Gia Bai là vật thần thoại nữ quái ngụ ở dải ngân hà, chuyên bắt trẻ con nam về nuôi để lớn lên làm chồng. Những người bị bắt có một người tên là Tạo Hôm đã không chịu và dùng mưu thoát khỏi sự trói buộc của bà để lấy nàng hai thân yêu và trị vì đất Mường La. Bà Gia Bôm Gia Bai có con lợn chửa 10 giống đực và 5 giống cái sống ăn những cây khoai cước ở dải ngân hà.

26. *Tum Hoàng* hay *Tung Hoàng* là một đất *mường* rộng lớn và cổ kính trong lịch sử hình thành dân tộc Thái ở vùng Tây Bắc nước ta. Trước thế kỷ XIX, vùng Tung Hoàng là đất của Việt Nam mang tên là châu Tùng Lãng và châu Hoàng Nham. Miền đất chính thức nhập vào bản đồ trung Quốc sau hiệp ước Thiên Tân ký giữa Pháp và triều đình Mãn Thanh ngày 27 tháng 4 năm 1984 để hoạch định biên giới phía bắc nước ta.

27. *Thổi sáo bằng cọng cây rơm (pí phương)*: đây là loại nhạc cụ thô sơ rất nguyên thủy của người Thái. Tiếng sáo của cọng rơm mang nhạc điệu vùng quê Thái rất rõ rệt.

28. *Nàng Han* là nữ thần chinh chiến theo truyền thuyết của người Thái, đặc biệt phổ biến và đã trở thành thần *mường* của đất Phong Thổ (Lai Châu).

29. *Sông Nặm Tà Khái*: con sông trong huyền thoại Thái và trong tôn giáo tín ngưỡng đây là sông phân ranh giới giữa cõi sống - mường của con người với cái chết - mường của hư vô được gọi là mường trời, Mường Then.

30. *Khun Lò* - là tạo Lò tức người thủ lĩnh vùng đất trồng lúa đầu tiên của người Thái. Về sau biến thành họ Lò Cầm (Cầm, Bạc Cầm và Điêu, Tao, Cầm Bá).

31. *Then Khọ Then Khớ* là *then* chuyên gây ra đượng hạn tốt, xấu cho con người. Hạn trong tiếng Thái là *khớ* hay *khọk*.

32. *Chủ cõi trời, chủ thuồng luồng:* theo huyền thoại Thái thì nơi cùng trời là nơi chủ cõi trời là *then* tượng trưng cho nam tính gặp chủ cõi nước là con thuồng luồng hay rồng là tượng trưng cho nữ tính. Sự gặp gỡ ấy diễn ra vào tháng 12 lịch Thái tương đương với tháng 6 âm lịch. Hai bên gặp gỡ nhau để định đoạt sự biến cố của trời đất và *bản mường*.

33. *Điêu đuởn bé có 4 góc cạnh:* dấu hiệu làm bằng mảnh tre cắm xuống đất tạo thành 4 góc gọi là *hẹk*. Mục đích của việc làm *hẹk* là để làm lá chắn tượng trưng, không cho lực lượng ác tà xâm phạm vùng đất mà mình đã làm chủ.

34. *Cha* là thuật ngữ tôn giáo tín ngưỡng Thái dùng để chỉ cỗ trâu bầy cho các lực lượng siêu nhiên hư vô ăn.

35. Mường Xo là Phong Thổ của Việt Nam còn Mường Là là miền đất cư trú của người Thái thuộc bên Trung Quốc tiếp giáp với Mường Xo.

36. *Tục gọi người chết về ăn cỗ*: nội dung cúng tổ tiên của người Thái. Đặc biệt phổ biến trong ngành người Thái Đen.

37. *Chim tiêng* chính là con "ngựa cánh" (*mạ pík*) mà người ta đã làm để cho linh hồn chết trở về cõi trời. Sau khi về đến Mường Then, con ngựa thần thoại này biến thành con chim ăn quả si, quả đa trong cõi hư vô. Con chim đó mang tên là *tiêng bạc tiêng vàng*.

38. *Đặt gói trầu lên đỉnh tóc của mo:* là lệ bắt buộc người hành nghề mo phải thực hiện theo phong tục tập quán bắt buộc mặc dù *mo* không muốn mà phải làm một cách khiên cưỡng.

39. *Ông chang pát* là người chuyên chia phần thịt thú và gia súc lớn ở trong *bản mường*.

VỀ VĂN BẢN KHÓC ĐIẾU PHÚNG VÀ TIỄN ĐƯA VONG LINH CỦA NGƯỜI THÁI TRẮNG PHONG THỔ.

Mặc dù chúng tôi đã mất nhiều năm tháng để đi sưu tầm các văn bản về tục người Thái Trắng ở vùng đất phía Bắc miền Tây Bắc đất nước ta, nhưng không mấy lần lại gặp và ghi chép được vì có thể vốn đã không có hoặc mất mát quá nhiều trong thời gian chiến tranh. Thật là may mắn, vào tháng 2 năm 1971, lúc Cầm Trọng đang công tác ở ban Dân tộc khu uỷ Tây Bắc (cũ), đến Phong Thổ (Lai Châu), được ông Nông ông Văn Kiếm nguyên là chủ tịch uỷ bản mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Phong Thổ dẫn đến tìm hiểu phong tục tập quán của người Thái ở Mường So (Phong Thổ), đã tìm được văn bản này ở bản Nà Củng. Nguyên bản thì chép bằng bút lông trên khổ giấy dướng. Ông Kiếm đã đọc và Cầm Trọng sao chép lại nguyên bản đó. Ông Nông Văn Kiếm nay đã khuất, chắc chắn rằng nguyên bản gốc đã thất lạc rồi, khó tìm lại được.

Trong lễ tang ma, người Thái Trắng ở phía bắc cũng như ở phía nam miền Tây Bắc nước ta đều không có tục *làm rể gốc*, trong đó chàng *rể gốc* đóng vai trò như *một* hoặc *mo* để xướng bài dẫn dắt vong linh người chết về cõi hư vô như trường hợp quy định trong tục người Thái Đen. Ở người Thái Trắng, tục này hoàn toàn do người hành nghề *mo* đảm nhiệm. Khi quan tài đang quàn tại nhà, ông mo ngồi trên chiếc ghế mây thấp xướng bài bản này suốt đêm để sáng thì khiêng quan tài đi chôn.

Với tư cách người sao chép, chúng tôi cho rằng văn bản này hoàn toàn chính xác nên có thể coi như bản gốc vậy.

Nội dung văn bản

I

KHÓC ĐIẾU

Đêm khuya gà báo canh

Trước giờ chúng gáy ran

Gáy ran vang khắp nơi để báo trời sắp sáng

Vong linh hãy chờ để nghe tiếng chim *tiêng* báo

Chờ để nghe tiếng *mo* xướng đây

Tôi sẽ xướng kể từ trước về sau

Kể từ truyện đời xửa đời xưa đặt phân rồi truyền lại

Gốc cây chuối *nuôn*

Vườn chuối *mình*

Gốc nó ở *mường Bảu*

Củ rễ nó ở *mường trời*

Mường trời có *me Bảu*

Chủ trời có *me pua me nàng*

Me Bảu đã ban phân

Me nàng đã ban cho!

Giáng xuống đất trần gian nơi bằng phẳng

Đất bằng phẳng và rộng rãi

Rồi nhập vào lòng con cá bống

Hoặc nhập vào bụng dạ của con người thời nay

*

Trời nắng, mẹ bé thèm chua cá gì?

Trời nắng, mẹ bé thèm ăn chua cá *pớm*

Mang bầu thai bé trong lòng được hai tháng

Trời nắng, mẹ bé thèm ăn chua cá *xảm*

Được ba tháng thai đã thành hình con ếch

Trời nắng, mẹ bé thèm chua cá *mi*

Đứa trẻ trong bụng mẹ 4 tháng

Trời nắng, mẹ bé thèm chua cá *mạ*

Đứa trẻ trong bụng mẹ 5 tháng

Trời nắng, mẹ bé thèm chua cá *bống*

Đứa trẻ trong bụng mẹ 6 tháng

Trời nắng, mẹ bé thèm chua cá *chầy*

Đứa trẻ trong bụng mẹ 7 tháng

Trời nắng, mẹ bé thèm chua cá *xét*

Đứa trẻ trong bụng mẹ 8 tháng

Trời nắng, mẹ bé thèm ăn chua cá *pạu.*

Đứa trẻ trong bụng mẹ 9 tháng

Được chín tháng thai nhi cựa quậy trong lòng mẹ

Chẳng khác nào con nhộng nho nhỏ cựa quậy ở trong kén

Trời nắng, mẹ bé thèm ăn chua cá *khuy*

Được ngày lành tháng tốt bé sẽ sinh

Vào lúc chửa mới mang dạ chửa

Đến lúc sinh mới có thể sinh

Bầu nước rửa đổ ào ào

Bầu nước rửa đổ xuống rì rào

Cả nhà mừng đứa trẻ ra đời

Kêu đến bà bá ở nhà trên lại coi

Gọi đến bà thím ở nhà dưới lại mừng

Gọi cả con dâu trẻ ở trong nhà lại coi

Bà bá lại cắt rốn

Bà thím lại cắt nhau

Cắt ngắn sợ cõi lòng không tốt

Cắt dài e cái tâm không rộng lượng

Bà bá còn đem nước trong nguồn đến tắm rửa và gội đầu

Bà thím còn đem nước ở sông suối lại rửa mặt

Rửa mặt cho mặt đỏ

Hồng hào như hoa đào tháng chín

Bà bá còn bê đệm đến từ bên phải

Bà thím còn bê chăn từ bên trái

Bà bá còn mừng khi thấy bé ngậm vú

Được năm ngày bé gái cùng mẹ rời chỗ

Được năm ngày bé trai cũng rời nơi

Mẹ con rời từ nơi sinh nở để lên ngủ nơi rải đệm

Rời khỏi manh cót lót để lên nằm đệm

Mẹ bé buồn ngủ, nhưng không thể nào nhắm mắt thiếp trên gối

Không thể ngủ giấc ngon lành

Bởi vì phải thâu đêm để thay tã lót con

Gà báo sáng rồi vẫn thao thức để nhiều lần thay áo con

Đêm đêm phải chong đèn nhỏ cho đến sáng

Phải chong đèn quên cả tắt để sáng chong đến tận trưa

Mẹ con được khỏe mạnh ít ngày

Nuôi con được khỏe mạnh ít ngày

Nuôi con rốt đã lớn

Nuôi con út rồi lớn rồi khôn

Đã trải nhiều mùa lúa ở ruộng

Nhiều mùa cá ở nhiều mường nhiều dòng suối

Thấm thoát đã đầy *tháng ở lửa*[1]

Lúc đó lại gọi đến bà bá ở nhà trên

Gọi bà thím ở nhà dưới

Gọi nàng dâu trẻ ở trong nhà

Để cắt vải hoa văn thổ cẩm ở trên khung cửi làm địu

Mới thành địu hoa văn đẹp để địu bé

Tiếng lành đồn khắp nơi

Tiếng tốt vang tận đất mường Kinh

Anh em ai cũng hỏi thăm

Lung ta ai cũng hỏi tới

Anh em ai cũng hỏi thăm

Lung ta đến đặt tên cho bé[2]

Trải qua năm tháng tốt lành

Mẹ với con đều mạnh giỏi

Hàng ngày cha cùng mẹ phải đi kiếm miếng ăn ngon

Và thu được hoa quả ngon, lạ ở bên núi

Đem về bón con ở trong địu

Cha mẹ quý con hơn thỏi vàng ròng

Nhìn thấy bé người qua lại ai cũng đến thơm tho

Khi thịt gà, mẹ yêu giành cho bé đôi còng

Khi có cá, mẹ yêu lọc từng vẩy xương để bón

Bao giờ bé cao bằng cổ người lớn

Khi nào bé lớn bằng vai cha

Ba tháng bé biết ngồi trong chăn ủ lòng ghế

Sáu tháng mới ngồi được vững vàng

Biết cầm níu lấy vật để trườn về trước

Để rồi dần dần biết bò lê la

Ngày tháng qua bé biết tập nói cùng cô thím

Và tập cười với mẹ thương

Lớn lên chút thành người sai, con bị thụt khe sàn

Chạy tới chạn bát, bé quên lời mẹ dặn

Thế cũng đã được hưởng những năm tháng tốt lành

Nuôi con út phải lớn

Nuôi con rốt phải khôn

Con trai biết lấy cây bông lau vờ cưỡi làm ngựa

Nằm ngủ kề bên mẹ

Khóc vòi mẹ, bám theo sau

Mặc áo đen, bé để bám đầy bụi

Mặc áo xám, bé để phủ đầy cát

Bé gái còn đem quả dưa gang, dưa vằn vờ làm con

Đem dây rừng cuốn cột nhà vờ làm khung cửi

Dây không bền gọi mẹ lại coi

Dậy con gái, mẹ lấy máng lợn đặt lên vai

Mang ống gạo trên cổ để chăn gà

Bé dần biết theo sau mẹ hái bầu

Theo sau mẹ chăn lợn

Đi qua nhiều mùa lúa

Và mùa cá ở suối sông của nhiều *mường*

Vào 10 tuổi, bé gái biết súc con cá bống

Tuổi 14, nhuộm răng đen tập làm gái tơ

Con trai biết học đan lờ nhờ ông cậu dậy

Chú dậy bé biết đan đậu thưa

Đan lờ phải biết cách làm miệng lờ cho rộng, đan mãi cũng không mở

Rổ thưa phải có miệng tròn mới đẹp, đan mãi chẳng tròn

Thấm thoát bé trai cũng biết đứng trên đầu thuyền quăng chài tơ

Biết đứng bên lái thuyền để quăng chài gai và lưới chỉ

Con gái biết *chơi quả lẹ* ở chân cầu thang

Tập quay sa ở nơi sàn sân

Biết tỏ tình cùng người yêu đến tận gà gáy

Đeo mộng trở lại nhà lúc xế vầng trăng

Yêu nhau ở sàn sân

Thương nhau ở sàn bếp

Lời đi lời quay về trở nên quen

Lời tâm tình nhiều đêm trở thành thương

Lúc đó, con trai tuổi 14 đang lớn

Con gái tuổi 15 đang son

Thấm thoát thành chàng trai 23

Năm trôi qua, tình lại tình

Sai mối lên nhà cha, nhà mẹ nhiều bậc[3]

Anh em tỏ lời ngọt

Lung ta tỏ lời ưng

Lời khép kín như gấp chăn chiên

Lời liền dải tựa trải manh cót

Lời lẽ đứt tựa như dao con sắc tiện bằng

Hai bên cùng chung một nhời không hơn kém

Đều đồng lòng cho hai ta thành bạn

Năm trôi qua, nhà lại nhà

Tháng trôi qua, tình lại tình

Được ngày lành trai đeo dao vào lối rộng để phát quang đường mương

Và xin làm rể lớn ở giữa nhà nuôi nấng cha mẹ

Xin đeo dao vào nơi rừng già để chặt cây

Xin đeo dao vào rừng ót để phá rừng

Xin làm rể thương, rể mến ở kề bên

Trải qua nhiều mùa lúa ở ruộng

Nhiều mùa cá ở những dòng nước của nhiều *mường* khác nhau

Bố vợ thương đã gả

Lung ta mến chia sẻ cho!

Người vợ thân thương về xây nơi tổ ấm

Về dựng cửa dựng nhà đón người thân

Người Xá lên thì nàng biết trao lửa

Người Thái lên, nàng biết trao cho nước

Người Xá lên nhà, người Xá đặt túi để ngơi!

Người Thái lên, người Thái dừng chân để dùng bữa

Trải qua nhiều mùa lúa ở ruộng

Nhiều mùa cá ở những dòng nước của nhiều *mường*

Làm lụng giúp cho đời hưởng thọ

Trải năm tháng bỗng thành mẹ cả nhà

Ầm ầm trời trên đầu nổ tiếng sét

Trời trên đầu sét đánh tiếng nặng

Ngọn nước mây bao phủ

Cuối nguồn đầy mưa to gió lớn

Hạt mưa to bằng quả vả

Hạt nước to bằng quả gắm

Mọi khe suối đều lũ đỏ đục ngầu

Lũ to cuốn mầu đỏ qua bến

Cuốn cây xấu, cây sâng qua vực

Người biết, người cầm cái lờ đi đặt

Người biết, người cầm vợt đi súc

Người đi buổi sớm, người lượm được cá đem về ăn bữa trưa

Người đi quá trưa, người súc được cá đem về ăn cùng cơm

Ông (bà) biết, ông (bà) cũng cầm lờ đi đặt

Ông (bà) biết, ông (bà) cũng cầm vợt đi súc

Ông (bà) đi buổi quá trưa, cũng không được cá về ăn cùng cơm

Ông (bà) đành ngoảnh mặt trở lại nhà

Trừng mắt hướng về cửa

Bèn thấy con người đeo dao lưỡi sắc

Đi phát bụi để làm vườn trồng dâu

Đi phát bụi để làm vườn trồng bông

Nhưng chuôi dao của người không bị long,

Lưỡi dao của người không bị mẻ

Ông (bà) cũng đeo dao lưỡi sắc

Đi phát bụi để làm vườn trồng dâu

Đi phát cây để làm vườn trồng bông

Chuôi dao của ông (bà) lại bị long

Lưỡi dao của ông (bà) lại bị mẻ

Ông (bà) tức bèn chém lưỡi dao xuống đất

Đất đen bắn vào miệng

Đất lạ phủ lên đầu

Ông (bà) tức, bèn cởi bao dao vứt ở gậm sàn

Rồi lại vứt dao lên nhà

Cởi bao để ở bậc thang

Để vung tay ra bến

Mới thấy con người tắm ở bên bến giữa

Phơi độn tóc ở phía bến dưới

Nhưng không thấy họ kêu rét, kêu sốt

Ông (bà) cũng tắm ở bến giữa

Cũng phơi độn tóc ở bến dưới

Lại thấy ông (bà) kêu rét, kêu sốt

Ông (bà) đem mình run rẩy trở về nhà

Vội vàng bước vào cửa

Ông (bà) đậm chân trèo thang lớn, kêu rên

Hai vai áo buông thõng mà kêu rét

Cho đến khi trời có trăng sao mà vẫn ốm

Ông (bà) đã gục xuống bên đệm cao sát mái tranh

Nằm dưới chăn dầy nhiều lớp

Nằm bên rèm hoa văn mầu vàng

Ban đêm ông (bà) còn nằm mơ phóng ngựa thăng thiên

Mơ chèo thuyền xuôi về phía dưới

Mơ dựng nhà lớn kề bên *me bẩu*

Mơ được ăn thịt vịt què, điềm không tốt

Mơ được ăn thịt gà có đôi đùi thẳng, điềm không lành

Mộng phải đắp chăn chiên của *me bẩu*, điềm không tốt

Người ta bảo

Vào ngày sinh, kiêng đừng vào rừng già

Ông (bà) lại đi rừng già

Vào ngày giỗ tổ, kiêng lui tới ngàn sâu

Ông (bà) lại lui tới ngàn sâu

Vào rừng rồi bị ma "ha" bắt hồn

Về nhà đi tìm *một tới* cúng, cầu phúc

Biết điều trái *một* đã van tới cửa nước, với cửa rừng ma

Chủ nơi đây lại ru được ông (bà) ngủ nơi chôn người chết.

Bởi thế, trong chốc lát vợ chồng phải lìa nhau

Đang nằm ngủ bên nhau thoát đã ly biệt

Gối hoa đặt trên đầu đành bỏ đó

Bỏ vợ (chồng) lại đằng sau buồn thân cô

Trong chốc lát định lật chăn lên để ông (bà) ra ăn giỗ

Lật chăn lên để mời ông (bà) ra ăn cơm

Chống đũa lên mâm để ăn bữa

Nhưng lật chăn lên thấy chân

Lật màn lên thấy mặt

Đành bảo nhau - đừng lật, đừng lật

Bởi vì lật màn lên gió sẽ thổi tới

Lật chăn lên gió sẽ thổi lùa

Gió lùa vào ông (bà) mới chết rét

Con cháu ông (bà) dù chỉ bằng sợi chỉ cũng không bỏ mặc

Cũng không phải đày đọa ông (bà) như người dưng!

Chúng tôi đã lấy áo dài đỏ để thay cho ông (bà)

Và mang áo đang vắt trên sào trao đi bói!

Rồi đi nhờ *một* lớn ở giữa bản

Nhờ *một* già lão luyện ở giữa *mường*

Mường người làm *một* đều nói không ma nào đến tụ

Chín người làm *một* cũng lại nói chẳng ma nào đến hại

Họ nói bởi tại linh hồn ở đầu tự phá mình

Linh hồn mình tự làm thân mình rời rã

Hồn tự đưa mình vào rừng dâu

Hồn tự đưa mình vào rừng cây

Hồn nhập vào thân bò để người đuổi

Hồn nhập vào thân trâu để người giết

Hồn nhập vào thân ngựa để người cưỡi qua đường

Vậy thì xin một linh hồn của ông (bà) hãy đi ở nơi *một* lớn không khéo sướng

Hoặc biết sướng nhưng không biết dẫn

Con cháu không đày đọa ông (bà) như người dưng

Chúng tôi đã lấy áo dài đỏ để thay cho ông (bà)

Và mang áo đang vắt trên sào treo đi bói!

Bây giờ xin mời *một* lớn thật đến bên *bản*

Một già lão luyện ở giữa *mường*

Mười người làm một đều nói không ma nào đến tụ

Chín người làm một cũng lại nói chẳng ma nào đến hại

Họ nói bởi tại linh hồn ở đầu tự phá mình

Linh hồn mình tự làm thân mình rời rã

Hồn tự đưa mình vào rừng cây

Hồn nhập vào thân trâu để người cưỡi qua đường

Vậy thì xin một linh hồn của ông (bà) hãy đi ở nơi một lớn không khéo sướng

Hoặc biết sướng nhưng không biết dẫn

Xuống chốn đó không phải chúng tôi đầy đọa ông (bà) như người dưng

Bây giờ xin mời một lớn đến bản

Một lão già lão luyện về giữa nhà

Mời *một* lớn tới gọi hồn ông (bà) lại

Mời *một* già lão luyện đến gọi hồn bóng

Nhúp lấy hồn tựa nhúp cát

Phân chia hồn tựa phân chia nước

Trâu ở gầm nhà dắt ra

Lợn ở chuồng đem ra để cúng

Tiền đầy túi đổ ra

Vòng đeo tay tháo ra để cúng

Lúc này phải mổ gà chăn, gà thiến

Bắt gà sống, gà mái để cúng gọi hồn

Gọi hồn lên bên cửa chính thì hồn lọt xuống phía cửa sổ

Gọi hồn lên bên cửa sổ, hồn lại lọt xuống phía khe cột nhà

Bắt hồn theo đường vòng, hồn lại theo đường tránh

Phần lớn, hồn cứ lánh đi đường khác

Như chỉ vàng cuốn nơi chân khung cửi

Hồn đã tìm được nơi được chốn không trở lại nữa

Bà *một* thốt điều bất hạnh đã tới

Đành phải sướng lời *một* lên hỏi *đẳm* ngồi bữa ăn bốc mùi xôi nếp

Con người mới dựng cột gỗ chai (gỗ nghiến) để đánh dấu

Cột buộc trâu, con người mang đến chôn

Cột buộc trâu, vớ phải cây mục

Cột báo điềm mất của

Con người bèn lấy cây nứa về làm giàn

Cây xanh đến làm rào

Giữa nhà dựng bếp lửa bỏ *trắng*[4]

Mặt *hóng* bỗng có lối đi qua

Trong nhà đầy lá *tạu*

Mặt cửa sổ phủ đầy khói lửa

Người phương xa đến nắm tay chia nỗi buồn

Con cháu phải đặt chõ xôi lớn để đợi rể

Đặt chõ to để đợi khách

Không có khách ở Mường Lay nào đến

Khách Mường Là nào lại

Chỉ có đợi rể lớn đến ngủ ở bên *quản*

Và dâu trẻ xinh đẹp đến ngủ ở giữa nhà

Dưới gầm nhà buộc con trâu khoang

Dưới gầm sàn buộc con trâu hoa

Người bèn khiêng lợn đi ra nơi bến vắng

Khiêng trâu (nai) đi bến dưới

Bà *một* nói bảo không tốt

Bèn xướng *một* cho qua

Để điểm đến *đẳm* nhà nhỏ thờ *lung tạ*[5]

Năm tháng ngày dựng ở bên trong *bản*

Nhìn thấy nhà *đẳm* này đã xoạc thành khe

Dưới gầm sàn nứt thành huyệt, thành vực phải cố sức nhảy mới qua được

Huyệt sâu, nhìn không thấu đáy

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng *một* cho qua

Để lên xem *đẳm chuông cang*

Chuông cang nơi mây phủ

Con người lấy gươm sắc đến đặt bẫy

Con người đem lưỡi gươm dài đến sỏ qua khe vách nhà

Làm hàng rào không chắn nổi trâu

Đắp phai không chắn được dòng nước chảy

Tụ họp *đẳm* mà chẳng tránh cho con với cháu?

Bởi vậy, bà *một* bèn xướng lời cho qua

Lên xem *đẳm* rừng cây giang mọc lá mỏng

Đẳm rừng tre có lá đuôi vuốt đuôi nhọn

Người bèn chặt gốc đến làm dấu

Chặt ngọn để buộc thành bó

Gốc cây không có thuồng luồng canh

Rễ cây không có thuồng luồng đến đỡ

Không có con thuồng luồng đến phù

Trăng tắt, ma đến bên phải để hái măng

Trăng sáng, ma đến bên trái để hái búp

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài cho qua

Lên xem ao cá với ruộng lúa

Ao cá của ông (bà) không ai làm nơi để cá đậu

Không có ai làm nơi để cá trú

Con cá của ông (bà) không bơi lượn nơi ngọn nước

Không vào nơi trú để ngủ

Chúng bơi theo dòng mắc phải đó *then* đan

Bơi ngược dòng mắc phải lờ *then* đặt

Cá *mình* của ông (bà) ở dưới nước bỗng nhiên lại phồng

Ở trong ao bỗng nhiên lại xưng

Diều ăn rồi diều vỗ cánh bay về vách đá

Quạ mổ rồi quạ bay về không trung

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Đi lên xem vũng cá cạnh ruộng lúa

Con ở nước cổ vàng luồn dưới *phai*

Con ở *phai* cổ vằn luồn dưới võng

Nước lặng im không chảy tới ruộng

Cây lúa bị sâu đất đứt nhánh

Con tầm trời nhai đứt lá

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Đi lên xem hang gà ngủ, sân gà đậu

Hồn ông (bà) lại đuổi vịt vào bụi lau để cáo bắt

Xua gà vào rừng sậy để cầy ăn

Gà cổ vân như loài gà gô, không cất tiếng gáy

Gà cổ cuốc với đa đa cũng không đẻ trứng

Trứng gà mắc trên cành cây xa

Đùi gà mắc cành cây rừng

Diều ăn rồi diều vỗ cánh bay về vách đá

Quạ mổ rồi quạ bay về không trung

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Lên xem hang trâu ngủ

"Trâu hồn" của ông (bà)

Trâu ông (bà) ăn cỏ nơi núi cao lạc bạn

Ăn cỏ nơi đồi xấu lạc bầy

Đùi, đuôi của nó mắc cành si, trâu chết uổng

Mắc cành đa, trâu chết oan

Bà một bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Lên xem gốc chuối *nuôn*, vườn chuối *minh*

Bẹ ở gốc thì bị bong

Bẹ ở giữa thì đã lìa khỏi thân

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Lên xem nơi kho "thóc hồn"

Thóc trong bịch cũng hết!

Có người vơ đem ra cửa kho để bán

Họ cầm cân bán thóc thu của

Chim ri bay đến khuân thóc ra

Chim sẻ bay lại khuân thóc đi

Chim chích lửa cúi nhặt thóc không ngừng

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Lên xem hang cá anh vũ

Nhìn thấy cửa của nhà hồn ông (bà) đứt treo lênh khênh

Cửa sổ tuột mắc, bay lạng chạng

Nơi xó xỉnh, gian *hóng* rêu đen phủ

Nơi gác bếp, gác xép mốc xanh đầy

Hồn trần trụi của ông (bà) phải ẩn sau cột *quản*

Hồn biếng nhác của ông (bà) phải ẩn sau cột *chan*

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Lên xem *đẩm đoi* nơi góc trời

Chốn gà gáy đậu ở cạnh *then*

Đẩm đoi không được đặt người nằm như ngóe

Nếu có đặt nằm cũng không được nằm như rắn

Có thể đặt người nằm dựng gối

Mắt bên trái trừng mở

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Lên xem nơi đặt cái gốc của *me nang*

Nơi *me bẩu* đặt khuôn đúc người

Me bẩu đốt khuôn đúc không lên lửa

Bà phải vứt khuôn đúc của ông (bà) đi

Me bẩu vứt dây võng của ông (bà) vào rừng gianh

Vứt dây địu của ông (bà) vào rừng cỏ

Dây võng ông (bà) đã vuốt đuôi con cá

Dây địu vuốt đuôi chạch, đuôi lươn

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Lên xem cây đời của con người dựng đứng

Gió quật cũng di chuyển khỏi chỗ!

Nhưng chỉ có gió thoảng ở mặt khác, cây đời ông (bà) cũng lung lay

Bởi vì gốc cây đời ấy đã có người đánh dấu

Ngọn của nó đã có người đến chặt

Bà *một* bảo không tốt

Bèn xướng bài đi qua

Lên xem chỗ bắc máng nước nguồn chảy từ tim

Không ngờ có người đến trồng cây ráy vào đầu nguồn

Trồng khóm chuối ở nơi đầu máng

Gốc máng không có thuồng luồng giữ

Đầu máng không có thuồng luồng nâng

Không có ngàn con rồng ở nước đến phù

Để mặc người giật cho máng rơi xuống bãi cỏ

Lật máng vứt trên bãi cát

Họ còn đem cỏ lát đến bịt miệng máng

Đem cỏ gianh về bịt cổ máng

Không thấy dòng nước chảy bằng ngón tay út ở trên máng lớn

Máng nhỏ dòng nước bằng chiếc đũa cũng không ròng

Ông (bà) phải thở dốc, quay về nhà thì tim ngừng đập

Tựa như lấy dây rừng nơi đất người để bện

Tựa như xe chỉ vàng ở trên đùi

Dây tim bị bện chặt người phải chết

Người chết hồn vào cõi tổ tiên

Không còn tên ở khắp mọi nơi

Tiếng tăm ông (bà) không còn vang tận miền xuôi

Anh em chẳng còn ai hỏi đến

Lung ta cũng không còn được lui tới

Bà *một* lên đến đây xin cáo

Tới nơi này xin lui

Bà *một* phải gọi ma của *một* quay về

Quay trở lại cõi trần nơi đất bằng

Vào nhà mình nơi có đầy điều phúc

Có gác thờ ma *một* nhiều hoa đủ mầu sắc[6]

Anh em, bà con, cùng họ cùng *vả*[7]

Sau bữa ăn chẳng thể ngồi không

Sau bữa trưa không ngơi chút nào

Ngày không ngày lại phải đeo dao vào rừng tìm đục cây áo quan

Con dao sắc vào nơi rừng ót

Rìu lớn mang đi chặt

Rìu Thái chém phía phải

Rìu Xá chém phía sau

Đeo dao vào rừng lớn tìm cây áo quan

Đi, đi và đi mãi mới gặp được cây mọc cheo leo bên vách đá

Một thân cây 20 người chặt đến 20 ngày không đổ

Ông (bà) chỉ có một rìu chặt một ngày là đổ

Thân cây đổ xuống dưới chặt thành ba khúc

Tiếng chém cây tựa hồ gà cục tác

Tiếng đẽo cây như tiếng gà gáy

Chỗ này như quân với quan đục cối *lỏng*

Ông *pọng* với ông *chá* đục thuyền

Nhưng gọi là *lỏng* thì không có đầu

Gọi là thuyền thì không có lái

Cây vót nhọn hai đầu và đục thành lòng sâu ở giữa

Bèn gọi con cháu ở trong *bản*

Người nào khéo bóc thì bóc cho thành tấm

Người nào khéo chẻ thì chẻ thành ván

Rồi cùng nhau khiêng về bãi cỏ gà nơi đầu *bản*

Khiêng về nơi rừng cây *bản* ở đầu *mường*

Rồi khiêng tiếp về đến nhà đặt cạnh

Đặt ở gian cạnh nơi đang đặt thi thể

Bây giờ cây đã thành cỗ đựng thi hài

Gỗ quan tài sẽ mục theo thể xác

Áo không vừa thi thể, người thân thương dùng sức ấn xuống

Người thân thương đứng lên để giẫm đạp nắp quan đậy kín

Con ông (bà) lấy cây nứa đến làm giàn

Cây tre xanh về làm đòn khiêng

Mai lắp cán để dựa sẵn ở cầu thang

Bếp lửa đặt bên cửa sổ

Cúng rượu rồi vội vã khiêng đi

Dậy đi ông (bà), dậy đi

Người sẽ đem ông (bà) ra khỏi cửa

Khiêng ông (bà) ra khỏi nhà

Ma *đẩm ở* đầu nhà chờ đón

Những cánh tay trắng của những bà kêu rên rỉ

Các thần chớ ghẹo đùa nàng mình thon đến giúp tang

Đừng ghẹo trêu đứa xinh xắn đến tiễn

Người ta mới lùa các cô bé còn trẻ đến tiễn phải theo sau rốt

Khiêng ông (bà) qua bãi cỏ gà bên đầu *bản*

Qua bãi cây *bản* phía đầu *mường*

Đến khu rừng cây vông

Nơi có ao củ ấu

Lợn dầm mình lên cọ mình vào gốc cây

Rồi đi tới rừng cây sâng

Đến đây rồi, người ta đem dao lưỡi sắc vào phát cây

Đem mai lưỡi mỏng vào đào tới

Thành huyệt rồi cho hạ quan xuống

Rồi mọi người ném đất vào chôn

Dùng hai chân đạp nén đất xuống

Đất không chặt thì người thân thương ấn xuống

Đất không chặt, người thân thương đứng lên để giẫm đạp

Đất còn tươi che mắt, đất mầu đỏ che mặt

Che mặt cho hồng hào

Hồng hào tựa hoa vông tháng chín

Con trâu mộng ăn cỏ thường ngày

Giẫm lên đầu ông (bà) cũng không còn biết

Con chim chích đậu trên cột lều nhà ông (bà) cũng chẳng hay

Một linh hồn của ông (bà) hãy ngụ ở đây với *đẳm*

Làm *đẳm* phải làm cho tốt

Làm ma phải làm ma cho thật lành

Tựa như hàng rào ngăn được trâu

Như phai ngăn được nước

Làm *đẳm* rồi phù hộ bầy con cháu

Phù hộ con, để con được như bông sen

Phù hộ cháu để đời cháu hoa nở

Từ đây ăn bữa trưa, bữa tối, xôi ông (bà) tự đồ lại

Trời nắng sớm nhớ ngày giỗ

Áo ướt ông (bà) tự phơi

Miếng trầu không ông (bà) tự têm

Trời mưa rồi! Mọi người đưa nhau về *bản*

Người ta lùa các cô bé gái trẻ lại nhà

Ra về thôi, hỡi những linh hồn sống ơi

II. PHÂN CHIA CÁC HỒN

Bây giờ!

Xin ông (bà) đem bồ kết đến gội tóc

Lấy nước ngâm gạo nếp đến gội đầu

Chải tóc để tóc mượt

Một hồn gốc đến bên đường làm kẻ dưng

Một hồn đầu nữa ở trong nhà làm *đẳm*

Dậy! Dậy! Hỡi ông *đẳm* bà *đẳm* ơi

Bởi tại đầu *mường* có giặc người Xá cuối mường có giặc Hán

các ông phải lẩn vào lẫn cây cỏ

Mới phải ngã để bỏ cửa bỏ nhà

Anh em họ hàng bà con mới đến làm ma

Mới thành ma lành ở giữa nhà làm *đẳm*

Làm *đẳm* làm cho tốt

Làm ma làm cho lành

Con ông (bà) vái phải biết thưa

Cháu ông (bà) van phải biết đường lượng thứ

Bữa trưa chiều ăn xôi đồ lại

Nắng lên kiêng ngày giỗ

Trăng lặn kiêng bán trâu

Trăng non kiêng bán vải

Bán trâu phải là con trai ông (bà)

Bán vải thì rơi vào con gái của ông (bà)

Một hồn ngụ thành *đẳm* rồi, đừng đi nữa

Phân hồn, tôi xin phân theo đường lên trời

Hồn giữa đường thì về ở nơi nhà nhỏ

Chiếc lều nhỏ ở bên cạnh nhà hàng ngày

Hãy ngụ với cây nứa róng dài

Ở với phía *nhinh xao* khác *vả* mình

Làm *đẳm* làm cho lành

Làm ma làm cho ngay

Tựa như hàng rào ngăn được trâu

Như phai ngăn được nước

Làm *đẳm* rồi phù hộ con cháu

Nếu ông (bà) chối lần này thì về sau con cháu sẽ không phát

Khước từ lần này về sau con cháu sẽ không lành

Con gái ông (bà) làm chàm phải thành mầu xanh đen

Nhuộm chàm vải đen nhánh

Đen như cánh con quạ

Nước chàm phải bám đầy các ngón tay

Một hồn ngụ ở đây đừng đi nữa

Phân chia hồn, tôi xin phân chia theo đường lên trời

Đừng ma làm hại khinh cả mắt lưới chài

Đừng làm hại con gái và con trai

Đừng làm hại trâu sừng con để cày ruộng

Đừng làm hại con ngựa đực khỏe chuyên đi đường

Đừng làm hại nàng má hồng kề bên

(Hoặc nói: "đừng làm hại người đàn ông chủ nhà, cột vững")

Đừng làm hại cháu chắt đương xum họp

Đừng làm hại các ông, bà với mọi người

Nếu có phải làm hại thì hãy lên làm hại cây sấu ở đầu nguồn

Cây sâng bị gẫy nửa

Cây tre bị cụt ngọn

Đuổi ma hại xuống nước chui vào lỗ theo loài cua

Xuống nước chui vào hang theo thuồng luồng

Mười năm ma làm hại đừng đến

Muôn năm ma làm hại đừng lại!

Đến đây, người ta không nhờ đến bà *một* nữa rồi

Một là đàn bà, người ta không mời nữa

Trời đã sinh ta xuống trần gian để làm *mo*

Tôi xin cưỡi trên mình trâu sừng cong đến để đọc lời *mo*

Cưỡi trâu sừng khỏe đến để tiễn đưa

Không lo cũng chẳng lo

Đã là *mo* tôi phải học ăn học nói

Là *mo* nhỏ nhưng phải học đủ điều

Người mất của để nhờ

Trần gian có của thuê

Thuê 10 nén sắt Lào

20 nén sắt của người Mường

500 nén sắt của vua Kinh

Vải láng đem đến cả súc

Tiền 3 vạn bỏ vào trong túi

Lòng không gan tôi không cầm dao

Dạ không hùng tôi không dẫm trên sắt nung đỏ

Tôi sẽ tiễn đưa điều ác vào trong hòm sắt

Xếp nó vào trong hòm đồng, đem chốt để đấy

Của trời tôi nộp cho trời mau mau

Của *then* đem trả *then* như cũ

Lên với trời như thổi bông lau bay

Lợn lê đít đến không tốt

Chó lê đít lại không lành

Áo trên sào bị con chuột cắn, không tốt

Gối trên đầu chuột nhai, chẳng lành

Chim cú đậu trên cánh cửa, không tốt

Chuột bạch bắt gà con, không lành

Đi rừng gặp con dím ngoài hang, chuột dũi ở ngoài trời, không tốt

Đường về nhà gặp lũ ròi đất, không lành

Trong nhà lại có con rắn cặp nong, không tốt[8]

Hỡi mọi con trẻ với con người trần gian

Mười người phải cầm mười con dao

Năm người phải dương năm cái cuốc

Để chống, vì những ngày qua ta đã gặp điều không lành

Phải chống, để từ đây trở đi, ta sẽ gặp điều tốt lành hơn

Có mắt sắc hãy coi

Có mắt tinh thì vào nhìn

Đất gầm nhà ta không thành hố

Không để cái ác đào thành hố sâu

Bộ rầm nhà và vách thưng ván

Phải trở thành vững vàng với 7 lớp như xưa

Không để thành vực sâu sẽ chết voi

Không để vực thẳm sẽ chết người

Những chỗ xấu ta quét, ta chữa

Chỗ nào thủng, ta quét và đậy lại

Cây tươi kiêng không đặt nơi sàn

Đòn cây xanh kiêng không được gác lên rào

Mai tra cán kiêng không tựa vào thang

Người phương xa kiêng không được cầm tay để chia buồn

Kiêng không đồ cơm để đợi rể

Kiêng không đồ cơm để chờ khách

Khách ở Mường Lay thì về Mường Lay cho mau

Khách Mường Là hãy đi về Mường Là cho nhanh

Mười năm không để các người đến

Muôn năm không để các người tới nữa

Ba mươi chín hồn ông (bà) đang nằm hãy đứng dậy

Con cháu ông (bà) đã không xem thường việc qua đời của ông (bà) dù chỉ bằng sợi chỉ

Không đầy đọa sự yên giấc của ông (bà) như người dưng nước lã

Dậy để ăn cơm bữa

Rượu vịt thầy rượu trâu

Rồi nhai trầu nhai quả

Ăn rồi đừng tìm đến bà con

Đừng đòi anh, vòi em

Anh ăn theo, ông (bà) cầm đũa đập

Em ăn theo, ông (bà) giơ đũa đuổi

Con cháu ăn theo thì bảo lánh cho xa

Ăn rồi hãy lên với ông bà ông vải

Ăn no rồi chuẩn bị đi lên

Ăn chán rồi chuẩn bị quay về với trời

Dậy! Dậy đi!

Dậy lấy đồ lấy đạc của ông (bà)

Lấy quần áo, vải vóc

Con cháu cho bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu

Dậy lấy gươm lưỡi dài

Dậy lấy dao lưỡi sắc

Dậy lấy súng - cây súng tốt có sao hùng

Chiếc nỏ bé có mũi tên tẩm thuốc độc

Hồn trái tim khi còn sống

Hồn hiểu biết khi còn là người

Một hồn lên nơi khúc cây *tảng* để làm ma kẻ dưng

Một hồn ở trong nhà để làm *đẳm*

Hai hồn đó ở nơi này đừng đi nữa

Phân chia hồn, tôi xin phân cho hồn lên trời

Một hồn đi về cuối dòng nước nơi có nguồn cá

Một hồn đi cuối ruộng đồng nơi có nguồn lúa gạo

Ông (bà) hãy đi bởi *đẩm* con cá bạc

Hai mươi loài cá *khính*

(Đến đây, nếu người chết là người thuộc họ quý tộc thì xướng 2 câu:

Chủ họ *tạo* mệnh danh là *Lò Cầm*

Và nếu người chết là người thuộc họ ngoài quý tộc thì chỉ xướng ngay là:)

Đẩm mệnh danh là Lò, Lường, Cà,...

Đi với tổ để làm nhà ở

Đi với tiên để dựng nhà và làm ăn

Dậy! Dậy đi!

Dậy lấy tiền lấy bạc (lấy vải lấy tiền!)

Dậy lấy bò lấy trâu

Dậy lấy đồ lấy đạc

Con cháu ông (bà) cho bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu

Đem lên làm giầu ở cõi ma

Làm giầu ở cõi thần

Người dưng lừa giữa đường ông (bà) đừng bỏ

Lừa lọc nơi giữa đường đừng cho

Lấy lên với tổ để xây chỗ ở

Lấy lên với tiên để rồi lại làm ăn

Dậy để lấy dây hoa dăng ở mường ma

Hoa 900 và 9 gói để đi đường

Gói hoa *xe* bằng lá *tậu*

Bởi vì gói hoa phải gói lá có mầu bạc

Gói thịt gà mới gói lá dong bắt chéo

Gói trầu quả bằng lá mầu vàng

Cọc gỗ trai con người đánh dấu, nhổ đi

Cọc cắm luồn thành hàng để mình mất của hãy nhổ đi

Con người lấy cây nứa về làm giàn, vứt đi

Cây tre để làm đòn, vứt đi

Mai tra cán dựng ở cầu thang, vứt đi

Bếp đặt ở trong nhà, vứt đi

Chặt cây vứt rải rác, quét đi

Chẻ cây vứt ngổn ngang, quét đi

Rể lớn đến ngủ quản, đuổi đi

Dâu xinh đẹp đến ngủ tại nhà, đuổi đi

Ăn cơm rồi tiễn ông (bà) ra đi

Xong bữa rồi, ông (bà) sẽ cáo từ

Ông (bà) sẽ giã tình về ở *mường* có sao bay

Sẽ giã từ tình về với *mường* có sao đứng

Sẽ giã từ vợ (chồng) lên với sao *khun lù* và *Nàng Ủa*

Hết đời cây thì cây biến vào không trung

Đời người tận, phải trở về cõi trời

Ông (bà) hãy quay mặt về gian *hóng* để chào con chào cháu

Cùng với *cun* và *quan* đến ngồi viếng

Biệt ly những anh em, bà con cô bác

Rồi ngoái sang phía *chan* để chào từ biệt con cháu

Từ biệt vợ (chồng) nằm êm ấm kề bên

Vợ (chồng) thân yêu nằm kề

Chào từ biệt vợ chồng con ở gian giữa

Con gái ở gian bên

Dâu con còn trẻ trung ở trong nhà

Những trái bầu đựng nước có dây treo

Những giỏ xinh đựng xôi có dây tết

Bậc cửa nhỏ thường qua

Bậc cửa sổ thường dựa

Phía dưới bếp nơi khói bay

Đầu thang nơi đặt nước

Từ biệt bà bác ở nhà trên

Bà thím ở nhà dưới

Từ biệt cả con lợn nái ở nơi gầm nhà

Lợn khoang thả ở sân

Bò, trâu, ngựa nhiều đàn còn ở lại

Từ biệt khóm nứa màu úa vàng

Trai với gái nhiều lứa ở trong *bản*

Những khóm mai đến mùa lá bạc

Những ông già tóc bạc chăn trâu bên lề *bản*

Hết đời cây, cây biến vào không trung

Đời người tận phải trở về cõi trời

Nơi cõi trời mây phủ đầy mênh mang

Nhảy lên cưỡi trên mình con rồng hùng

Nhảy lên cưỡi mình ngựa phi đi

Nhún lượn tựa tung còn

Tựa như loài rồng lượn xuống đồng

Trời nắng đem nón giấy lên che đầu

Trời oi ả đem tấm thổ cẩm hoa sen để lau mồ hôi

Dương cờ đỏ, cờ vàng đi trước

Dương ngọn cờ vàng gạch theo sau

Dương cờ đào điểm vàng qua rừng cây

Đến miệng *chim* hành trình phải nghỉ

Miệng *phẻ* hành trình phải đi qua

Bọn lính nhỏ coi nơi cửa miệng kia ơi

Mở cửa lớn để ông (bà) đi vào

Cạy cửa làm bằng cây gỗ chắc để ông (bà) đi tới

Hết đời cây, cây biến vào không trung

Đời người tận phải trở về cõi trời

Vào cõi trời mây phủ mênh mang

Mở cửa bạn lính nhỏ không bỗng dưng lại mở

30 nén bạc bỏ ra thuê

50 nén bạc bỏ ra để xin mở

(hoặc: 5 đơn vị gọi là cọn vải bỏ ra để xin mở)

Tôi đây!

Không phải hạng tôi tớ đông dài

Không phải hạng tôi tớ ở gậm sàn

Không phải tôi tớ ở dưới gậm nơi phóng uế

Không phải tôi tớ ngủ qua đêm ở nơi rừng cây chít

Hay rừng cây cỏ lát

Nếu có phải hạng người như thế thì cũng là hạng tôi tớ chuyên cầm quạt

Hạng bầy tôi nhàn tảng chuyên đưa ghế

Chuyên dệt cửi

Chuyên cầm sợi đưa thoi

Chuyên cầm gao dệt tấm thổ cẩm dầy

Tấm mặt chăn đắp ấm

Vải từng súc ngang giá bạc nén

Chủ cưỡi voi đến, ta ra đón

Chủ cưỡi rồng đến, ta ra hầu

Rồng thấy ta, rồng quỳ xuống đón chủ

Quỳ xuống đón ma *phìa*

Cưỡi lên mình rồng bay đi như loài én

Lên mình voi tựa như lượn trên lưng rồng đưa

Quạt phe phẩy đi qua cây muỗm

Voi ngựa ta sẽ qua đường cái lớn

Trẻ nhỏ ơi bước mau

Già lão ơi bước nhanh nhẹn

Không nhanh chân thì voi ngựa sẽ dẫm nát

Đang đi đường bị séo sẽ như *pho*

Nhảy phắt lên mình ngựa, lấy sức tiếp cho hồn

Dấn bước qua ngàn núi vực khe

Nhìn thấy không! nhánh hoa chùm sáng nở hai bên đường

Hỡi lính nhỏ coi cửa ra vào ơi

Đừng mở cửa đời chờ ta nhé

Đừng bỏ cửa gỗ chắc để đợi ta quay về

Bởi vì khi lên tôi phải đi đường vòng

Lúc trở về thì đi đường thẳng

Trở về như thế dễ quá! dễ quá!

Đường đi đã đến với chủ Phai Cát còn gọi là Phai Mo

Phai Mo dựng phía trên đầu bến

Ở đây cá lượn tựa cơn mưa

Lính nhỏ chuyên coi cổng bây hỡi

Mở cửa bé cho ông (bà) đi qua

Mở cửa lớn để ông (bà) đi vào

Mở cánh cửa gỗ chắc để ông (bà) đi lên

Hết đời cây thì cây biến vào không trung

Đời người tận phải trở về cõi trời

Vào cõi trời mây phủ đầy mênh mang

Đừng mở cửa đời chờ ta nhé

Đừng bỏ cửa gỗ chắc để đợi ta quay về

Bởi vì khi lên tôi phải đi đường vòng

Lúc trở về thì đi đường thẳng

Trở về như thế dễ quá! dễ quá!

Nơi đây qua nhanh nhanh

Lướt đi như thuyền qua ghềnh thác

Đường đi theo lối cũ

Lối quen từ thủa xưa

Pák khay ấy có tự bao giờ

Pak khay lớn có từ thủa trước

Chỗ này thăm một chút qua ngay

Thăm lâu e lên trời không lành

Nơi đây qua nhanh nhanh

Lướt đi như thuyền qua ghềnh thác

Uốn lượn tựa rồng bay xuống đồng

Theo đường về cuối dòng nước nơi có nguồn cá

Cuối cánh đồng nơi có nguồn thóc gạo

Rồi đi qua bến tắm của Chiềng On (Bản Lang)

Chỗ này ở cuối bản có nơi đặt "hố đổ muối" diệt thú rừng

Đầu *mường* có nơi đặt "hố đổ muối" diệt voi

Khe So lạng có nguồn cá Măn

Chỗ này thăm một chút qua ngay

Thăm lâu quá lên trời e không lành

Đường dẫn đến Tát Lôm, Tát Lọ

Để đi về phía núi Cọ Luông

Qua bên thung Cọ Đán

Núi đá lớn cúi nhòm xuống ruộng

Vách dựng cúi xuống nhìn cánh đồng

Hỡi lính nhỏ coi cổng ta ơi

Mở cửa bé cho ông (bà) đi qua

Mở cửa lớn cho ông (bà) đi vào

Mở cánh cửa gỗ chắc để ông (bà) đi lên

Hết đời cây thì cây biến vào không trung

Đời người tận phải trở về cõi trời

Vào cõi trời mây mù phủ mênh mang

Đừng mở cửa đời chờ ta nhé

Đừng mở cửa gỗ chắc để đợi ta quay về

Bởi vì khi lên tôi phải đi đường vòng

Lúc trở về tôi sẽ đi đường thẳng

Trở về như thế dễ quá, dễ quá

Dấn bước lên vượt núi rừng cây chò chỉ

Dấn chân lên qua khỏi núi đại ngàn

Hai bên là vách đá như hành lang

Núi lại núi chập trùng

Suối lại khe chất đầy đá lớn

Nơi đây có loài khỉ bắt chước nhau hái quả

Có loài rái cá đùa nhau bắt cá

Loài quạ ganh nhau bay qua cánh đồng

Sợ quá và hãi quá

Không phải đường, đừng đi

Không phải vợ từng nhấn 7 lớp nhời, đừng tới

Tránh đi và qua đi

Đi tới và băng qua

Đường đi theo lối cũ

Lối quen từ thủa xưa
Đường lớn có vết voi
Đường rộng có vết rồng vết long
Nơi đây rộng đủ voi phi
Đường rộng đủ sức cưỡi mình rồng
Đi tới *bản* của bà *Ín* ngủ hoài
Bản của bà *Da Bai* nằm trong giấc cô quạnh
Đầu *bản* là nơi có nắng vàng
Đầu *mường* là nơi có tia nắng rọi
Ranh giới giữa cõi ma, cõi người là đây
Tránh đi và đi qua
Đi tới và băng qua
Núi lại núi chập trùng
Suối lại khe rảo bước đường trường
Sắn quần lên bước dài
Sắn gọn quần bước tiếp
Bước nhanh để tranh giành giấc ngủ
Nơi đây qua nhanh nhanh
Lướt đi như thuyền qua ghềnh thác
Đường dẫn đến đẳm *Chuông cộp* ăn lễ
Đẳm chuông cang phía dưới sông Khái
Một hồn đậu nơi này, đừng đi tiếp
Phân hồn tôi sẽ phân theo đường lên trời
Làm *đẳm* làm cho lành

Làm ma làm cho ngay

Ông (bà) đừng để "con người" tới đặt bẫy gươm sắc

Đừng để con người đem thanh gươm dài tới xiên thủng vách nhà

Làm rào để chắn trâu

Làm phai để chắn nước[9]

Làm đẳm rồi phù hộ con cháu

Phù hộ con để con như cây ban

Phù hộ cháu để cháu như hoa nở

Một hồn đậu nơi này, đừng đi tiếp

Phân hồn tôi phân theo đường lên trời

Vào cõi trời mây mù phủ mênh mang

Uốn lượn tựa rồng bay

Xúng xính như rồng lượn xuống đồng

Đi theo đường có cây *hoa kè* nhỏ tỏa mùi thơm ngát

Có cây muỗm mọc 20 cánh, ăn thơm

Nơi đây có 30 gái *mường ma* ngồi đợi

Có 40 bà góa *mường ma ha* ngồi trông

Sợ lắm và hãi lắm

Tránh đi và qua đi

Đi tới và băng qua

Nơi đây qua nhanh nhanh

Lướt đi như thuyền qua ghềnh thác

Đường trường đến với *đẳm* rừng nứa lá mỏng

Đẳm rừng tre lá vuốt đuôi nhỏ dần

Một hồn ngụ nơi này, đừng đi tiếp

Phân hồn tôi theo đường lên trời

Làm *đẩm* làm cho lành

Làm ma làm cho ngay

Đừng để cho con người chặt và cuốc mất gốc

Đừng để cho con người hái ngọn về đồ

Trăng lặn đừng để con người tới xỉa lấy măng ở bên phải

Trăng sáng đừng để cho con người đến xỉa hái chồi bên trái

Hãy đan rào chắn phía đầu bến

Đặt bẫy chắn đường đi

Bữa trưa, chiều ăn xôi đồ lại

Nắng lên kiêng ngày giỗ

Một hồn ở nơi này, đừng đi

Phân hồn tôi phân theo đường lên trời

Nhảy lên cưỡi trên mình con rồng hùng.

Nhảy lên cưỡi mình ngựa phi đi

Nhún lượn tựa tung còn

Tựa như loài rồng lượn xuống đồng

Trời nắng đưa nón giấy lên che đầu

Trời u ám đem tấm thổ cẩm vẽ hoa sen để lau mồ hôi

Đường đi đến nơi áo cá với ruộng lúa

Một hồn đậu ở đây, đừng đi tiếp

Phân hồn tôi phân theo đường lên trời

Làm *đẩm* làm cho lành

Làm ma làm cho ngay

Hết đời cây, cây biến vào không trung

Đời người tận phải về cõi trời

Đường lên tới nơi có đăng của *then* đặt

Lờ của *then* đan

Phương này có chim *Kì dua* khóc nỉ non

Trai không vợ gái không chồng kêu than

Khóc triền miên đêm ngày[10]

Cái đăng lớn có 9.000 đầu

Cái đăng to có 9.000 đuôi

Những kẻ ác, then bắt đứng chống cọc

Bởi vậy đăng dựng qua 3 năm không bắt được cá dù chỉ một đòng đong

Bốn năm chẳng có con bống nào rơi vào lờ

Họ phải bắt dế than về làm bữa trưa

Sâu dế dũi về làm bữa tối

Bắt nhái bén về nướng ăn trừ bữa[11]

Nơi đây qua nhanh nhanh

Lướt đi như thuyền qua ghềnh thác

Đường dẫn đến hàng cá anh vũ

Đến bên bến *nhà hồn*[12]

Người chết thành ma, *then* không cho vào thăm nơi này

Ta phải tránh và đi qua

Đường đi đến lều nương thổi sáo rơm

Đến lều ruộng thổi sáo bằng cọng lúa

Nơi lại nơi tiếp tiếp

Chốn, chốn qua những chốn *mường ma*

Ầm ầm ở bên đó ầm gì ầm gì?

Ầm ầm ở phía dưới hình như đàn trâu bò chạy?

Ầm ầm ở phía trên nghe ra là tiếng nước đổ

Đó là dòng *Ta Khái* sóng cuộn

Nước *Ta Lò* sóng lộn

Nước đổ thác như muôn máng đổ ầm

Sóng nước to bằng cả nếp nhà

Làn nước chảy nhìn tựa sao Vi[13] ở trên trời

Ta đi men theo dòng nước đến bên bãi cát

Tạm ngơi ở bãi cát này

Hoa ta cắm ở nơi rừng già

Cắm cờ men bên sông Nặm Khái

Lên đến đây hồn các con các cháu

Hồn của vợ (chồng) co đưa đến đây phải trở lại

Hỡi linh hồn ông (bà) ơi

Qua sông sang bên kia tiếp tục đi đừng lạc

Đi đường xin đừng bị mệt bị mỏi

Bây giờ ta tạm nghỉ bên sông Nặm Khái hóng gió mát

Ngồi ven sông ăn cơm

Bên khóm sạy ngồi nghỉ lấy lại sức

Hút thuốc lào khỏi mệt

Người có thuyền có bè người chèo

Chiếc thuyền hoa không đậu ở bến

Chúng ta không có thuyền có bè nên không chèo

Ta không có gói ớt để xin mượn thuyền

Không có gói muối nhỏ mượn tay chèo

Chiếc thuyền đồng cũng không buộc tại đây

Bởi vì, thuyền tốt người không chở thây ma thối

Thuyền mới người không trở ma người chết

Chết thành ma rồi con người không chở đò

Thuyền hoa đang xuôi về đất Kinh

Thuyền có lái còn đi sang bên Tàu

Ông (bà) đừng vì thế mà buồn phiền

Không biết đường, tôi sẽ chỉ đường cho ông (bà) đi

Không biết lối, tôi sẽ bảo lối ông (bà) trở về trời

Tránh nơi này, ven sông Nặm Khái ta ngược

Đi lên phía đầu ngọn sông

Hãy ngược lên ta đi

Ngược dòng sông đường đi dễ thật

Ta sẽ đi chỗ cầu gỗ lát then bắc

Chủ *mường* trời đã làm đường

Đường đến nơi có *ba mươi đường* đến tụ

Đến nơi có *chín mươi đường* đều đến cắt nhau

Này ông chỉ đường, bà chỉ lối ta ơi

Xin hãy chỉ đường cho con cháu đi đến

Chỉ lối cho con cháu ông bà đi tới

Đường này lên với *then* già

Nơi đây có 9 vị then chuyên bắt tội người trần

Đường này lên với then già

Nơi có 9 vị *then* chuyên gây ra những hạn những *khó*

Không phải đường không đi

Không phải chỗ người tình hẹn tới 7 lớp nhời không tới

Hãy bẻ gẫy cành tre để đánh dấu

Bẻ lấy cành tre đánh dấu đường đi

Đường này đường đi đâu, đi đâu?

Đường này lên tới *bản* Khun Chương *mường* Khun Chang

Bản Khun Chương đừng có lưu luyến

Mường Khun Chang đừng đi[14]

Không phải đường không đi

Không phải chỗ người tình hẹn tới 7 lớp nhời không tới

Nơi đây qua nhanh nhanh

Lướt đi như thuyền qua ghềnh thác

Đường đến *Đẩm Đoi* nơi dìa cõi trời

Rửa mặt đi để vào chầu then

Một hồn ngụ ở đây để làm *đẩm*

Làm *đẩm* làm cho lành

Làm ma làm cho ngay

Ở Đẩm đoi kiêng không được liệm người chết nằm tư thế như ngóe

Nằm tư thế như loài rắn

Đừng để người chết dựng gối bên phải

Đừng để người chết mở con mắt bên trái

Nếu mở mắt bên trái thì hồn ma sẽ làm hại đến con gái độc nhất của bà

Mở cửa cho *tạo* tới

Mở cửa sổ để *tạo* được vào bên trong

Hỡi con trẻ khôn ngoan

Con tiên mặt khôi ngô

Ở Đẳm đoi các người định đặt người chết trong tư thế nhái hay sao?

Đặt như người chết trong tư thế rắn hay sao?

Giờ các người hãy vào đỡ

Đỡ đằng trước *đẳm sẽ* ghét

Đỡ đằng sau *đẳm* sẽ tởm

Hai tay cách người hãy sốc hai bên nách để *đẳm* nhổm lên

Hai tay đỡ hai tay để đẳm dậy

Có màn thì đem màn lại dăng

Có nàng hay đưa nàng lại túc trực

Có vợ đẹp thì hãy tới âu yếm trong giấc dài

Nhắn ông (bà) rồi tôi xin không nhúc nhích

Dặn ông (bà) rồi tôi xin khước từ việc đi theo

Tôi xin nộp rượu, nộp lợn

Nộp trầu với nộp cau

Nộp vải cả súc, nộp cả bạc nén

Làm rào phải chấn trâu

Làm phai phải chắn nước

Làm *đẳm* rồi phù hộ con cháu

Phù hộ con để con được như cây ban

Phù hộ cháu để cháu như hóa nở

Một hồn ở *đẳm đoi* rồi, đừng đi tiếp

Phân hồn tôi phân theo đường lên trời

Đường đi đến nơi có những chàng trai chơi chọi gà ở ruộng bậc thang

Gái tung còn nơi ruộng khô hạn

Gái ném én thu của?

Gái tung còn lấy áo

Bắt trượt tay thì phải mất *piêu*

Trượt một chút cũng mất luôn áo

Hoặc mất túi khăn đào

Hồn trai và hồn gái

Một hồn ngụ ở đây, đừng đi tiếp

Phân hồn tôi phân theo đường lên trời

Nhảy lên cưỡi trên mình con rồng hùng

Nhảy lên cưỡi mình ngựa phi đi

Nón giấy tròn vành vạnh treo trên cọc cắm giữa cánh đồng

Cờ đào cắm ở đồng che nắng

Xen vào đó có cờ vàng gạch rực rỡ

Rừng cờ mầu đào vàng cắm đón đường

Đường dẫn đến nơi bãi rộng vang tiếng ve cà cộ

Bãi rộng nơi trai gái vui

Bãi phía trên là bãi của các cô gái người Xá

Bãi cuối nước là bãi của các cô gái ma

Gái ma thường hái quả chanh mùi hăng lại ném

Hỡi những cô gái! đừng đem guồng quay sợi đi đâu xa

Đừng đem guồng quay xa đi ra khỏi chỗ

Sẽ có nhiều voi, ngựa tới đây

Và bò, trâu cũng sẽ có hàng ngàn con

Bởi vì hết đời cây, cây biến vào không trung

Đời người tận, người trở về cõi trời

Nơi cõi trời mây đầy phủ mênh mang

Bởi vậy, mới có voi, ngựa đi qua

Bò, trâu sổng

Sẽ phải đi sang bên có lều nương của bà om cá

Lều ruộng của bà om thịt gà

Chỗ này thăm đôi chút rồi qua đi

Thăm lâu, lên *mường* trời sẽ không lành

Đường lên trời sẽ bị chồn chân

Đường dẫn đến nơi gốc của bà nàng

Nơi có khuôn đúc của *bà Bảu*

Một hồn ngụ ở đây để làm *đẳm*

Làm *đẳm* làm cho lành

Làm ma làm cho ngay

Đừng đem nỗi cong ở trong họng

Giữ điều cong ở đầu lưỡi

Đừng lộn lưỡi gà lắm nhẽ

Phải giữ lòng ngay như khi còn sống

Rộng lượng như khi còn là người

Một hồn ngụ ở đây, đừng đi tiếp

Phân hồn, tôi sẽ phân theo đường lên trời

Nhún lượn tựa tung còn

Tựa như loài rồng lượn xuống đồng

Đường đến nơi có cầu ván gỗ lát *then* bắc!

Chủ *mường* trời đã làm đường

Đường tới nơi *bà tơ tằm* đang giặt vải thổ cẩm

Chủ bà giữ *nen*[15] đang dệt cửi

Sợ quá và hãi quá

Tránh đi và qua đi

Đi tới và băng qua

Đường đi mắc phải cây đến ngáng

Cây ngả chắn mất lối

Nơi đây muốn bước qua thì cao

Muốn chui qua thì cây phía trên lại quá thấp

Đi tránh thì cây quá dài

Bước hoặc chui đều bị tắc

May thay còn tìm được bạn hai người[16]

Tìm nơi nào thấp để cùng nhau nhảy qua

Chỗ nào cao thì cùng nhau leo

Hãy cùng nhau lên theo đường có cầu ván đung đưa của *then* bắc

Chủ *mường* trời đã làm thành đường

Đường dẫn tới nơi có nguồn nước Bó Lươm[17]

Dòng Bó Lọk không chảy, lại chảy

Ông (bà) hãy cúi xuống để uống nước Bó Lươm cho quên đường sống

Uống nước Bó Lọ cho quên hẳn đường người

Đến nơi đây mặt mũi ông (bà) sẽ đổi khác

Tai mắt ông (bà) phải đổi thay

Ma *then* sẽ vặn mắt ông thành mắt lộn

Mặt lâng láo, mắt nằm ngang

Một hồn ngụ ở đây, đừng đi tiếp

Phần hồn, tôi sẽ phân theo hồn lên trời

Nơi đây qua nhanh nhanh

Lướt đi như thuyền qua ghềnh thác

Đường dẫn đến cánh đồng lúa non

Đến giữa đồng xanh ngắt

Nhìn thấy không 3.000 trâu nhà *then* sừng kề sừng gặm cỏ

500 ngựa nhà *then* đương gặm cỏ ngon ở mường ma

Thăm một chút rồi đi

Thăm lâu quá đường lên trời không lành

Nơi đây qua nhanh nhanh

Lướt nhanh tựa thuyền qua ghềnh thác

Nhún lượn tựa rồng bay xuống đồng

Đường dẫn đến bên cổng nơi có treo trống nhỏ

Đến bờ thành, nơi có đồn canh

Đến bên cây kẹ có hoa tỏa mùi thơm ngát

Lính nhỏ chuyên coi cổng bây hỡi

Mở cửa bé cho ông (bà) đi qua

Mở cửa lớn cho ông (bà) đi vào

Mở cánh cửa gỗ chắc để ông (bà) đi lên

Hết đời cây thì cây biến vào không trung

Đời người tận phải trở về cõi trời

Vào cõi trời mây phủ đầy mênh mang

Vào đó rồi ông (bà) hãy hỏi thăm tới chỗ vả và họ của mình

Tìm đến nòi, đến vả, đến họ, đến dòng giống

Then Xính từ đời xưa sẽ mở miệng

Then chuyên nhìn dòng dõi sẽ mách đường cho mà đi

Ông (bà) sẽ biết nơi *đẳm* mình để đi tới

Ông (bà) sẽ biết chỗ họ mình để đi đến nơi

Đường dẫn đến nơi nhà đẳm tựa nhà *then*

Nhà *đẳm* là nhà then có 400 ngàn căn buồng

Vịt gà của ông (bà) đem đi thả vào chuồng gà ở gậm sàn

Lợn lớn đem đi thả vào chuồng lớn

Trâu giống khỏe của ông (bà)

Loài trâu chuyên đòi đi làm ruộng của ông (bà) đó

Ông (bà) nhìn thấy gốc cột nhà nào bỏ không thì đánh dấu lại

Thấy cột nhà nào bỏ trống thì đắt đi mà buộc

Nón giấy ông (bà) hãy đem lên treo cất ở trên đầu nơi ngủ

Nón hoa văn thổ cẩm thì để mắc ở trước cửa sổ nhà *then*

Dậm chân lên bậc thang lớn gỗ dổi

Hai hàng có hành lang tay vịn

Dậm chân lên bậc thang lớn gỗ ván

Nhún thân vào giữa nhà

Nơi đây như nhà *then* có 400 ngàn căn buồng

Thấy căn nào bỏ không thì đánh dấu.

Thấy căn nào bỏ không thì vào mà ở

Đừng đi ở mé dưới nơi người sẽ sai khiến lấy lửa

Đừng đi ở đầu cầu thang nơi người sẽ sai khiến lấy nước

Đừng đi ở nơi khung cửi chuyên dệt vải thổ cẩm sẽ phải làm đầu sai nhặt thoi

Đừng đụng vào gác xép của *then* để gác xép đổ

Đừng làm gác bếp của *then* rơi

Gác xép *then* mà đổ, *then* sẽ mắng

Gác bếp *then* mà đổ thì *then* sẽ bắt phạt vạ

Thấy người ta mặc áo tay thụng lên chầu

Ông (bà) cũng mặc áo tay thụng lên chầu

Thấy người mặc áo rộng lên lễ

Ông (bà) cũng mặc áo cánh rộng lên lễ

Lễ *then* để cho *then* vui

Chầu *then* để cho *then* mừng

Một hồn ngụ nơi này để làm *đẩm*

Làm *đẩm* làm cho lành

Làm ma làm cho ngay

Đừng đem nỗi cong ở trong họng

Giữ điều cong ở đầu lưỡi

Đừng lộng lưỡi gà lắm nhẽ

Phải giữ lòng ngay như khi còn sống

Rộng lượng như khi còn là người

Một hồn ngụ đây rồi đừng đi tiếp

Phân hồn tôi sẽ phân theo đường lên trời

Nhún lượn tựa tung còn

Tựa như loài rồng lượn xuống đồng

Đường dẫn đến bản *then* phương

Mường *then thóng*

Then thóng chiếm hẳn nửa cõi *mường* rộng lớn

Nửa cõi trời cõi mây phủ đầy

Có một cụ già mặc áo cổ viền vải thổ cẩm vàng chăn trâu

Một bà mặc áo cổ vằn cào cỏ nương

Cào cỏ được 10 sải, 20 sải đủ một đường

Nhìn thấy trời, cánh đồng và cột đồng

Giường bạc kề giường vàng chắp nối

Cách tay đặt để nàng xinh đẹp gối kề

Tốt lành nhờ được ở mường *then thóng*

Mường con nòi vua là con dòng lò vào chầu nhau ở đó

Lính nhỏ chuyên coi cổng bây hỡi

Mở cửa bé cho ông (bà) đi qua

Mở cửa lớn để ông (bà) đi vào

Mở cánh cửa gỗ chắc để ông (bà) đi lên

Hết đời cây thì cây biến vào không trung

Đời người tận phải trở về cõi trời

Vào cõi trời mây phủ đầy mênh mang

Nơi này không phải làm gì mà vẫn được ăn

Không tiêu pha cũng được miếng ngon lành

Người ăn xong người dọn

Mâm ăn rồi mâm lại bầy tiếp

Tắm nước có người kỳ

Chải tóc có người coi

Vào ngủ có người đỡ

Mường này *mường* ăn hoa không bao giờ hết

Mường mở hội không bao giờ đứt

Mường có việc vui, việc mừng cả năm

Có hột thóc to phải dùng tới rìu để bổ

Có ngọn rau lớn phải dùng rìu đẵn

Lúa hết lúa tự đến

Cá hết cá tự lại

Người không biết già như rượu không biết nhạt

Ăn một bữa nhịn được 10 ngày, 20 ngày

Ăn một ngày mà ở muôn đời muôn mùa lúa

Không biết già biết chết

Trái ít không bị phạt

Trái nhiều cũng chẳng tính thành tội

Một hồn ngụ ở đây đừng đi tiếp

Phân hồn tôi sẽ phân theo đường lên trời

Nhún lượn tựa tung còn

Tựa như loài rồng bay lượn xuống đồng

Đường dẫn đến nơi có thác nước đổ rì rào

Có ma bắc thang sắt thang đồng lên trời

Nện gót ầm ầm leo thang ngọc mầu cánh kiến

Dấn bước lên núi lớn rừng cây *chò*

Núi cao phủ đầy cây

Hai bên đường vách đá chạy song song

Nơi đây có con diều 9.000 mắt

Quạ vàng sống ở mé dưới sông Ta Khái

Nhìn qua lớp mỏng trời, không là *bản* chắc cũng là *mường* kia rồi

Thấy vàng vàng, không là rơm cũng là lúa

Đường dẫn tới nơi cửa ải, cửa trời

Đến nơi cửa ta gọi

Lính nhỏ chuyên coi cổng bây hỡi

Mở cửa bé cho ông (bà) đi qua

Mở cửa lớn để ông (bà) đi vào

Mở cánh cửa gỗ chắc để ông (bà) đi lên

Hết đời cây, cây biến vào không trung

Đời người tận phải trở về cõi trời

Vào cõi trời mây phủ đầy mênh mang

Nơi đây bụng trời võng xuống như trôn cái rá hình phiễu để vo gạo

nếp ngâm trước khi đồ.

Và dụt lại như sừng trâu

Nơi đây vượt qua ngoài vòm trời, có bãi cát lớn xoáy cơn lốc

Chốn này trời mở cửa bảo bước mới được bước

Mở cửa sổ bảo đi mới được đi

Cho dù đến 10 năm sau ông (bà) muốn quay trở lại, cũng không được quay lại

Đến 9 năm sau nữa muốn về với cõi người, cũng không được nữa

Phía sau ông (bà) có dòng nước dâng ngăn lại

Phía trước lại có dòng nước lũ đỏ ngầu chặn lại

Đường tiễn hồn tới đây, tôi xin từ biệt

Dẫn các hồn về đến nơi rồi, tôi xin quay về

Rẽ nhau ở chốn sao sa

Chia tay nhau ở nơi sao lặng

Lìa xa nhau tại nơi có hai ngôi sao *Khun Lù* và Nàng Ủa[18]

Đừng nắm lấy tôi như nắm dây buộc trâu

Đừng níu áo tôi ở lại chốn này

Lúc dẫn hồn, tôi dẫn theo đường vòng

Lúc xuống trần tôi đi ngay theo đường thẳng

Xuống theo đường có cây hành mọc lá

Theo đường cây sả mọc hoa

Rồi đi qua *Cọ Đán, Co Luông, Tát Lọ, Tát Lôm*

Đi tới đất Chiềng On - *Bản Lang*

Đường dẫn đến *Pák Chim, Pak Phẻ*

Đến Mường So nơi đất rộng

Bản người nào người ấy đi mà ở

Ruộng người nào người ấy đi mà làm

Hú lấy hồn ta trở lại

Hồn đừng nghỉ nơi gốc cây *lau*

Hồn chớ ngơi ở gốc cây *phả*

Về với vợ thân yêu sóng đôi

Tươi vui tại nhà mình sảng khoái

Hú lấy hồn ta trở lại[19]

PHẦN CHÚ THÍCH

1. Tháng lửa: theo tập quán Thái, sản phụ sau khi sinh nở, phải nằm bên cạnh bếp từ 5 đến 10 ngày, sau đó sưởi lửa trong một tháng. Tháng đó được gọi là "tháng lửa" *(bươn phay)* hay "tháng tốt lành" *(bươn đi)* và "tháng lành tháng lửa" *(bươn đi bơm phay)*. Trong, "tháng lửa", sản phụ còn ăn kiêng khem nên "tháng lửa" còn mang tên là "kiêng tháng" *(căm bươn)*. Có tục này là do quan niệm cho rằng, sản phụ sưởi lửa là để hơ cho khô mình hoặc khi sinh nở mẹ mất nhiều máu nên cơ địa lạnh, dễ sinh hậu sản, đau mình mẩy nhất là vùng lưng.Sức nóng của lửa làm sản phụ ấm áp và khí huyết lưu thông.

2. Lung ta đặt tên cho bé: ngày xưa, người Thái thường đặt hai tên cho một người. Một là, cha mẹ hoặc anh em họ nội đặt tên chính thức để gọi thường ngày. Hai là, sau một tháng thì đưa người hành nghề *một* đến làm lễ cúng hồn để người đàn ông phía họ *lung ta*, trong đó nổi bật là vai trò ông cậu (avunculat) đặt thêm tên mới và tên ấy gọi là "tên một" *(chư một)*. Tên này chỉ dùng để cho *một* hoặc *mo* xướng trong các lễ cúng cầu hồn, cầu sức khỏe và tuổi thọ, không dùng để gọi trong thường nhật.

3. Cha mẹ nhiều bậc; tất cả những anh em trai thuộc dòng trực hệ và bằng hệ ở hệ bậc I trên, *êgô* đều coi như cha mẹ của mình. Nó được biểu hiện bằng một thuật ngữ hệ thống thân tộc dành cho nam giới là *po* (bố, cha, cậu,...) và một nữa cho nữ giới là me (mẹ). Trong hàng *po* và *me* chung chung như thế lại có sự phân theo thứ sinh và hệ bậc trên dưới nên mới có thuật ngự hệ thân tộc là "cha mẹ nhiều bậc" *(po me lai thăn)*.

4. Bếp lửa bỏ trắng: hình ảnh của sự hoang sơ, vắng vẻ của cõi chết.

5. Nhà nhỏ thờ lung ta: người Thái nói chung, nhất là Thái Trắng thường dựng ngôi lều sàn ở sân cạnh nhà để thờ họ vợ, họ mẹ gọi chung là *đẳm lung ta*. Tục này bắt nguồn từ quan niệm tập quán cho

phép nếp nhà mình đương ở là "nhà của linh hồn" của chính chủ nhà nên chỉ được phép thờ họ nội *(đẳm pú gia* hay *đẳm ải nọng).* Trong khi thờ họ nội như thế, họ ngoại vẫn là chỗ linh thiêng (fétiche) không thờ không được nên mới dựng lều coi như nơi chứa việc thờ cúng họ mẹ (lung ta).

6. Góc thờ ma *một*: trong tâm linh Thái cho rằng mỗi một người có phần linh hồn và một lực lượng khác để bảo vệ linh hồn gọi là *một.* Bình thường thì chỉ dừng ở quan niệm như thế, nhưng lại có một số ít người, cái gọi là *một* của họ lại buột phát ra ngoài, cộng với sự học tập và rèn luyện mà trở thành người hành nghề *một.* Những người làm nghề *một* như thế phải có góc đạt chạn thờ thần chủ là bà chúa *một* ở bên phía gian gọi là chan trong nếp nhà sàn của mình. Chỗ thờ *một* có "gác xép một" *(hỉnh một).*

7. Vả: trong quan hệ dòng họ Thái có hai thuật ngữ biểu thị. Một là, *đẳm* gồm những anh em sinh ra từ một ông cụ tổ thuộc hệ bậc III trên êgô (E,po - cha; *pú* - ông: *pảu* - cụ). Cộng đồng những người sinh ra từ gốc tổ ấy gọi chung là *ải nọng huôm pảu* (anh em chung một cụ) *hay ải nọng huôm đẳm, ải nọng đẳm điều căn* (anh em chung một *đẳm*). Hai là *vả* gồm những anh em sinh ra từ cụ tổ thuộc hệ bậc IV trên êgô (*E, po* - cha; *pú* - ông; *pảu* - cụ; *pấn* - kị. Cộng đồng này thuật ngữ hệ thống thân tộc còn gọi là *vả chặn* hay *vả chết chặn* (họ bảy lớp). Cộng đồng huyết thống dòng cha có 6 hệ người được gọi chung là lớp người *(chặn côn).* Thuật ngữ hệ thống thân tộc gọi 6 lớp người đó là:

- *Thế hệ êgô* (E) gọi chung là *ải nọng* và gọi theo miêu tả là *ải nọng huôm pấn* (anh em chung một ông kị).

- *Thế hệ trên I* thì gọi là *ải nọng buôm pú* (anh em chung đời ông), còn gọi là *đẳm* hay anh em chung *đẳm (ải nọng buôm đẳm).*

- *Thế hệ II* thì gọi chung là *ải nọng huôm pảu* (anh em chung một ông cụ).

- *Thế hệ III* thì gọi chung là *ải nọng huôm pấn* hay *vả chặn và vả chết chặn.*

- *Thế hệ dưới I* thì gọi chung là *lụ.*

- *Thế hệ dưới II* thì gọi chung là *lan.*

- *Thế hệ dưới III* thì gọi chung là *lên.*

Như vậy, có 6 thế hệ sinh ra từ một ông tổ (một cặp vợ chồng tổ) gọi là *pân* và một người cháu kết thúc để đóng khung khối cộng đồng dòng máu cha ấy gọi là *lớn*, cộng thành bảy.

8. Những điềm xấu : tiếng Thái gọi là *fi khên*, trong đó có những trường hợp được kể như: lợn, chó lê đít lại trước mặt; gối, quần áo để trong hòm bị chuột cắn; con cú bay đến đậu trên cánh cửa; chuột bạch bắt gà con; gặp con chuột chũi ở ngoài hang lúc ban ngày gặp lũ ròi đất *(non din)*, gặp rắn cặp nong - rắn theo đóm ăn tàn giữa ban ngày ban mặt... Tất cả những báo điềm ấy đều có thể bị chết hoặc người thân của mình phải thác xuống nơi chín suối.

9. Ông (bà)... chắn nước: ý nói người chết phải biết giữ gìn phận của mình mà tồn tại ở coi ma, đừng để cho các lực lượng ác tà làm hại mà lụy đến con cháu đương còn sống ở kiếp người.

10. Trên trời có một *mường* mang tên là *mường Khlốk Mường Khlai.*

11. Người Thái quan niệm, những kẻ khi sống ở cõi người thường gây ra tội ác thì khi chết bị *then* trừng phạt vong linh như bắt đừng để làm cọc chống đỡ đăng bắt cá ở suối cạn khô, sống trong đói khát...

12. Nhà hồn tức nhà người sống đang ở. Vong linh người chết lên trời qua nơi đó *then* cấm không được vào. Bởi vì vào linh hồn *(fi khuăn)* và vong linh *(fi tai)* là hai lực lượng hư vô rất kị nhau, không thể ở bên nhau được mà có bên này thì không có bên kia. Ngược lại, có bên kia lại không có bên này được.

13. Sao Vi là sao tượng trưng cho sức mạnh hay là thần giúp cho người có lòng gan dạ, không sợ gian nan nguy hiểm. Trong đời thường nếu bị ốm đau, bói biết nguyên do có một lực lượng ác tà nào đó làm

cho linh hồn mình trở nên yếu đuối thì người ta thường tiến hành nghi thức tế thần Sao Vi gọi là vua Sao Vi Sao hung ở giữa sàn sân của nếp nhà sàn.

14. Mường Khun Chương: Khun Chương là một nhân vật có thật trong lịch sử người Thái, nhưng được huyền thoại và truyền thuyết hóa thành nhân vật anh hùng văn hóa như không có thật. Khun Chương còn có tên là Thạo Hụng Thạo Chương là con út của *then*, giáng xuống trần gian để chiến tranh thu phục các *mường* thành một khối. Bởi vậy đời ông là làm tướng chỉ huy binh ngàn binh vạn tiến hành chiến tranh triền miên. Chiến tranh dưới trần rồi trở về *then* lại tiếp tục chiến tranh ở Mường trời. Cuối cùng Khun Chương đã được *then* trên trời tôn lên làm then để trông coi việc gây ra chiến tranh ở trần gian mang tên là Then Ý Nang Y Nạng vì là chúa tể mường Ý Nang Y Nạng trên cõi trời. Kể về Chương, văn học Thái đã có hẳn một tác phẩm rất lý thú và đầy sức hấp dẫn của một anh hùng ca. Xướng Anh Hùng Ca Chương Han, người Thái có cả một vũ khúc thường diễn ra trong các hội lễ gọi là" cúng *mường*" *(xên mường)* trước đây.

15. *Chủ bà giữ nen* là thần mẹ, người chuyên giữ sự sống còn gọi là cột tượng trưng cho sự sống mang tên *nen* của các con do những bà mẹ sinh ra.

16. Bạn hai người ở đây là linh hồn *một* của người hành nghề *mo* và vong linh người chết đang "đi vào cõi hư vô".

17. Bó Lươm: mỏ nước "quên". Người chết, vong linh đến đó tự nhiên khát nước vục uống liền hơi. Từ đó quên đường để về với cõi sống của kiếp người. Dó có quan niệm đó nên khi gặp những trường hợp người đương hấp hối đòi uống nước, con cháu và những người chăm sóc ở bên cạnh kiêng đưa nước cho người ấy uống. Bởi vì nếu uống no nước ở trần gian thì đến mỏ nước "quên" ở trên trời, vong linh họ sẽ không khát mà uống. Sau khi thành ma ở thế giới bên kia, sẽ luôn luôn đến với người để hóa kiếp người. Điều đó trở thành mối hiểm họa cho con cháu đương tồn tại ở kiếp người.

18. Khung Lù Nàng Ủa: là áng truyện thơ Thái kể về chàng Khun Lu yêu tha thiết cô Nàng Ủa. Song cha mẹ hai bên cấm tuyệt đối không được thành vợ thành chồng. Sau hai bên tự tử biến thành hai vì sao mang tên hai người để tháng ngày lấp lánh bên nhau một cách tuyệt vọng.

19. Khi tiếp xúc với các áng văn đưa vong linh người chết về cõi hư vô, chúng tôi thấy tùy từng nhóm địa phương cụ thể mà người Thái có những đường dẫn khác nhau. Chẳng hạn:

- Người Thái Đen hiện có mặt trên đất Thái Lan mà điểm chót là ở tỉnh Phếtchaburi; có mặt ở Mường Luông Nặm Thà của nước Lào; có mặt ở khắp miền Tây Bắc trong các tỉnh Sơn La, Lai Châu, yên Bái, Lào Cai thì thống nhất đưa vong linh người chết trở về Mường Lò quê tổ (nay thuộc tỉnh Yên Bái) sau đó qua một con suối đổ thác xuống sông ngòi Thia gọi là Nặm Tốc Tát để về cõi hư vô.

- Người Thái Đen ở Yên Châu thường gọi là Tay Vạt thì đưa vong linh về ngọn núi gọi là Pom Cổn Huốt ở Yên Châu.

- Người Thái Trắng bao giờ cũng kết thúc bằng đưa vong linh đến một dòng sông lớn. Có nơi cho dòng sông ấy là sông Thao nước đỏ tức khúc trên của sông Hồng. Điều này rất quan trọng, vì hiện nay vùng sông Thao nước đỏ ấy đương có người Tày Trắng (dân tộc Tày) cư trú. Rất có thể nhóm Tày Trắng này có mối quan hệ về văn hóa cội nguồn với nhiều nhóm Thái Trắng ở miền Tây Bắc tổ quốc mà lâu nay nhiều nhà học giả nghiên cứu về người Thái luôn luôn tách họ ra thành đôi đường nên chẳng bao giờ lại tìm ra được cái mới ở nhóm Thái - Tày này. Riêng chúng tôi thì tìm ra cội nguồn của người Thài Trắng ở Hòa Bình, Thanh Hóa và Nghệ An mà nay họ gọi là Tày Dọ ấy rõ ràng có nguồn gốc từ Sông Thao nước đỏ mà tên Thái gọi là Nặm Tạo Nặm Đeng.

- Người Thái Đen tự gọi là Tày Thanh ở Thanh Hóa, Nghệ An thì đưa vong linh người chết trở về đất Mường Thanh quê tổ. Nay là vùng lòng chảo Mường Thanh (Điện Biên, Lai Châu).

LUẬT TỤC THÁI Ở VIỆT NAM

NGÔ ĐỨC THỊNH - CẦM TRỌNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
LƯU XUÂN LÝ
Biên Tập nội dung
HOÀNG TUẤN CƯ
Sửa bản in:
QUỐC THẮNG
Trình bầy:
THU HÀ
Ảnh bìa:
PHẠM MINH TÂN

In 500 cuốn tại xí nghiệp in I - TTXVN
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 23 - 842/XB-QLXB cấp ngày 3/9/2003
In xong và nộp lưu chiểu 10/2003

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA DÂN GIAN
NGÔ ĐỨC THỊNH - CẦM TRỌNG

LUẬT TỤC THÁI Ở VIỆT NAM

(Customary Law of the Thai in Vietnam)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

090409000080
250,000
Giá: 250.000đ